C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
2

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

https://thuviensach.vn

TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN XUẤT BẢN

THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH

TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

https://thuviensach.vn

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Uỷ viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS.Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiên	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên

https://thuviensach.vn

GS. Trần Nhâm Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, uỷ viên

GS. Trần Xuân Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên Trường

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP

TẬP 2

(THÁNG CHÍN 1844 - THÁNG HAI 1846)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1995

https://thuviensach.vn

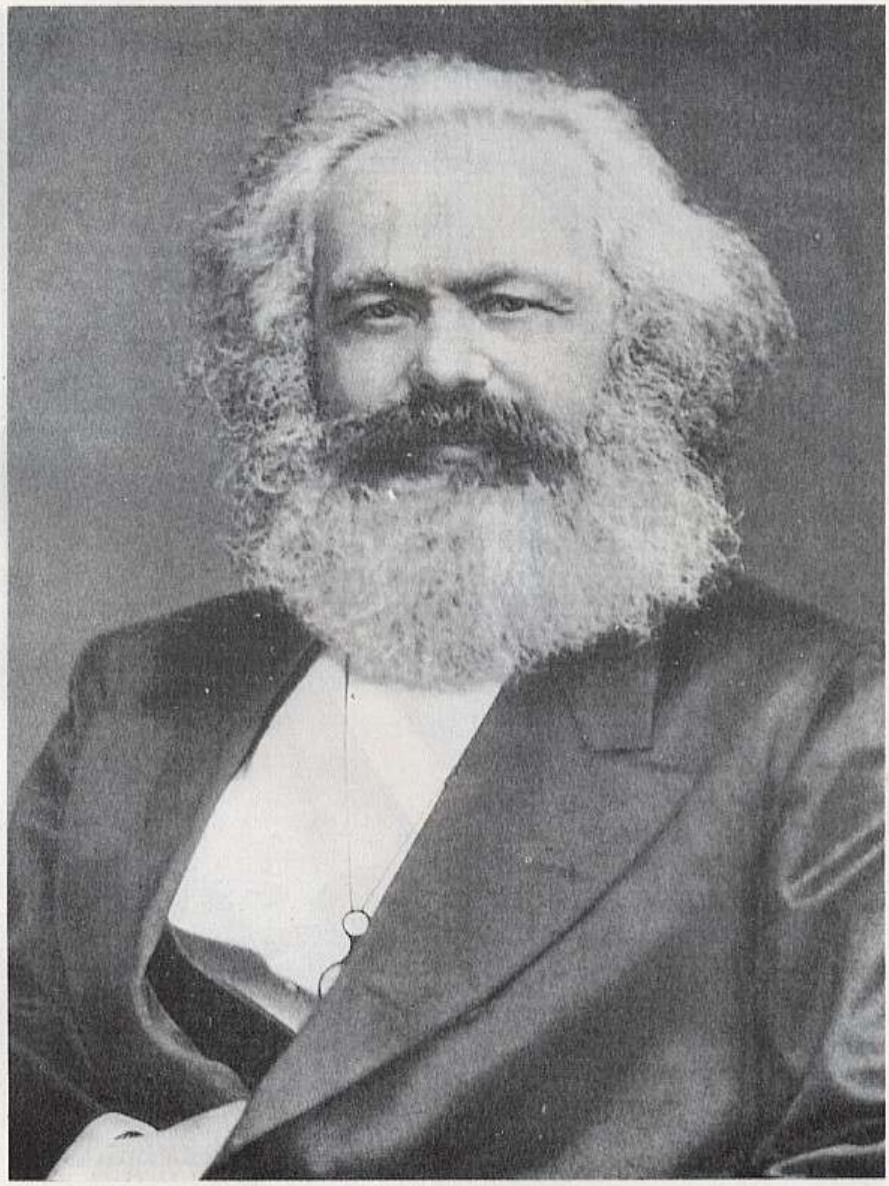

Karl Marx

https://thuviensach.vn

F. Engels

https://thuviensach.vn

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 2 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen bao gồm những tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Chín 1844 đến tháng Hai 1846.

Đây là thời kỳ hình thành thêm một bước thế giới quan duy vật cách mạng của hai ông. Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, hai ông đã đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật chiến đấu, phê phán kịch liệt những quan điểm chủ quan của phái Hê-ghen trẻ, cũng như triết học duy tâm của Hê-ghen. Hai ông đánh giá đúng mức cái hợp lý trong phép biện chứng của Hê-ghen, song đã phê phán mạnh mẽ khía cạnh thần bí của phép biện chứng này.

Hai ông đã đi tới một loạt nguyên lý hết sức quan trọng của chủ nghĩa duy vật lịch sử như: vai trò quyết định của phương thức sản xuất trong sự phát triển của xã hội, quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là xoá bỏ chủ nghĩa tư bản và sáng tạo ra xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, hai nhà kinh điển cũng đã đề ra một số nguyên lý của khoa kinh tế chính trị mác-xít.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tập 2, do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1955. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 4-1995

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

https://thuviensach.vn

C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

GIA ĐÌNH THẦN THÁNH HAY LÀ PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN

Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn[1]

Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Chín - tháng Mười một 1844

In thành sách riêng vào năm 1845 tại Phran-phuốc trên sông Mai-nơ

Ký tên: P h r i - đrí c h

Ă n g - g h e n v à C á c M á c

In theo bản in xuất bản năm 1845

Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

Die heilige Familie,

oder

Kritik

der

kritischen Kritik.

Gegen Bruno Bauer & Consorten.

Von

Friedrich Engels und Karl Marx.

Frankfurt a. M.
Literarische Anstalt.
(J. Rütten.)
1845.

Bìa trong của cuốn "Gia đình thần thánh", in lần thứ nhất

https://thuviensach.vn

LỜI TỰA

Ở Đức, *chủ nghĩa nhân đạo hiện thực* không có kẻ thù nào nguy hiểm hơn *chủ nghĩa duy linh* tức *chủ nghĩa duy tâm tư biện*, là chủ nghĩa đem thay thế *con người cá thể hiện thực* bằng *"tự ý thức"* hoặc *"tinh thần"* và cùng với nhà truyền đạo, nó giảng dạy rằng: "Tinh thần đem lại sinh khí còn thể xác thì yếu đuối bất lực". Rõ ràng là cái tinh thần không có thể xác đó chỉ có lực lượng tinh thần, lực lượng trí tuệ trong óc tưởng tượng của nó thôi. Cái mà chúng tôi đấu tranh chống lại trong sự phê phán của *Bau-ơ* chính là *tư biện* tự tái sinh dưới *hình thức biếm hoạ*. Theo chúng tôi, nó là biểu hiện hoàn chỉnh nhất của nguyên tắc *Cơ Đốc giáo Đức* định giãy giụa lần cuối cùng bằng cách biến bản thân *"sự phê phán"* thành một lực lượng siêu nghiệm để tự khẳng định mình.

Bản trình bày của chúng tôi chủ yếu là nhằm vào "Allgemeine Literatur-Zeitung"[2] của *Bru-nô Bau-ơ* mà chúng tôi đã có tám số đầu, vì trong đó có sự phê phán của Bru-nô Bau-ơ và do đó mọi sự bịa đặt ngu xuẩn của *tư biện Đức nói chung* đã đạt tới đỉnh cao nhất của nó. Sự phê phán có tính phê phán (sự phê phán của "Literatur-Zeitung") càng dùng triết học để xuyên tạc hiện thực đến tức cười như một vở đại hài kịch thì nó lại càng bổ ích cho chúng ta. *Phau-sơ* và *Sê-li-ga* là một ví dụ: "Literatur-Zeitung" cung cấp cho chúng tôi những tài liệu có thể dùng để giúp đông đảo bạn đọc quan niệm được rõ rệt những ảo tưởng của triết học tư biện. Đấy cũng là mục đích của tác phẩm của chúng tôi.

Lẽ tất nhiên là phương pháp chúng tôi trình bày đối tượng phải

https://thuviensach.vn

phụ thuộc vào *tính chất của bản thân đối tượng*. Về mọi mặt, sự phê phán có tính phê phán đều *thấp hơn* trình độ phát triển của lý luận ở Đức. Vì vậy, tính chất của đối tượng nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tại sao *ở đây*, chúng tôi không bàn nhiều thêm về sự phát triển đó.

Hơn nữa: sự phê phán có tính phê phán buộc chúng tôi phải dùng *bản thân* những thành quả hiện đã đạt được để đối chiếu giản đơn với nó.

Vì vậy, theo chúng tôi, tác phẩm luận chiến này chỉ là lời mở đầu cho những tác phẩm riêng trong đó chúng tôi sẽ trình bày - dĩ nhiên là mỗi người sẽ trình bày riêng - quan điểm khẳng định của chúng tôi và do đó lập trường khẳng định của chúng tôi đối với các học thuyết triết học và xã hội hiện đại.

Pa-ri, tháng Chín 1844 **Ăng-ghen - Mác**

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG I

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN VỚI TƯ THẾ MỘT ANH THỢ ĐÓNG SÁCH, HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở ÔNG RAI-SƠ-HÁT

Sự phê phán có tính phê phán, tuy cho rằng mình vượt lên trên quần chúng rất nhiều, nhưng vẫn vô cùng thương hại quần chúng đó. Sự phê phán thương yêu quần chúng đến mức đã sai con một của mình xuống trần gian để cho tất cả những ai tin nó sẽ không chết đi mà được sống cuộc đời phê phán. Bản thân sự phê phán đã trở thành quần chúng và sống giữa chúng ta nên chúng ta thấy được cái vĩ đại của nó, giống như cái vĩ đại của người con một của Đức chúa cha. Nói cách khác, sự phê phán đã trở thành xã hội chủ nghĩa và bàn đến những "luận văn về bần cùng hoá"[3]. Nó không hề xét xem việc tự so sánh với thượng đế có chỗ nào phạm thượng không: nó tự tha hoá và mang hình dạng của một anh thợ đóng sách và tự hạ mình xuống trình độ ăn nói bậy bạ, hơn nữa ăn nói bậy bạ một cách phê phán bằng tiếng nước ngoài. Nó trong trắng như trời xanh, như gái đồng trinh, hễ nhìn thầy quần chúng mắc bệnh hủi và đầy tội lỗi là rùng mình kinh tởm, nhưng nó đã tự kiềm chế được nên đã nghiên cứu tác phẩm của *"Bô-dơ"*[1*] và *"tất cả* những tài liệu gốc về sự bần cùng hoá"

https://thuviensach.vn

và "theo dõi từng bước trong nhiều năm bệnh của thời đại". Nó không thèm viết cho các chuyên gia học rộng, nó viết cho công chúng rộng rãi, nó gạt bỏ hết những từ ngữ kỳ quặc, mọi "từ la-tinh khó hiểu và tiếng lóng nhà nghề". Nó phải quét sạch những cái đó trong các tác phẩm của *người khác*, vì nếu hy vọng bản thân nó phải phục tùng "quy định hành chính ấy" thì đó là một yêu cầu quá đáng. Nhưng ngay cả về điểm này, nó vẫn còn làm một phần. Nó vứt bỏ một cách dễ dàng kỳ lạ nếu không phải là bản thân những chữ ấy thì cũng là nội dung của những chữ ấy. Như vậy, ai dám trách nó dùng "hàng đống chữ nước ngoài khó hiểu" khi mà bản thân nó xác nhận, bằng biểu hiện nhất quán của tính độc đáo của nó, cái kết luận cho rằng những chữ đó cũng khó hiểu đối với chính nó nữa?

Đây là mấy ví dụ về những biểu hiện nhất quán đó:

"Do đó những *thể chế của sự khốn cùng"* "là đối tượng sợ hãi đối với chúng".

"Một học thuyết về tinh thần trách nhiệm trong đó mỗi sự vận động của *tư tưởng loài người đều trở thành hình tượng của bà Lốt"*.

"Đá xây cuốn trên khung cửa tò vò của *công trình nghệ thuật* thực sự *giàu lòng tin đó"*.

"Đây là nội dung chủ yếu của bản di chúc chính trị của Stai-nơ mà từ lâu trước khi từ chức, nhân vật vĩ đại ấy của nhà nước, đã giao cho chính phủ và *mọi tác phẩm của nó"*.

"Bấy giờ dân tộc đó *còn* chưa có sự *đo lường nào* cho tự do rộng rãi như thế".

"Cuối bài chính luận, ông ta *luận đàm* khá vững vàng rằng chỉ thiếu có sự tín nhiệm thôi".

"Trí tuệ quốc gia tối cao, xứng đáng với đấng nam nhi chân chính; trí tụe vượt lên trên nề nếp có sẵn và sự sợ hãi hèn nhát, trí tuệ được giáo dục trong lịch sử và bồi dưỡng bằng trực quan sinh động của sinh hoạt chính trị của công chúng nước ngoài".

"Sự giáo dục về phúc lợi toàn dân".

"Dưới sự giám sát của các nhà cầm quyền, tự do ngủ triền miên *trong lòng sứ mệnh Phổ của các dân tộc"*.

"Văn chính luận *hữu cơ nhân dân"*.

"Nhân dân mà thậm chí ngài Bruy-gơ-man cấp *giấy chứng nhận là đã chịu lễ rửa tội vào tuổi thanh niên"*.

"Mâu thuẫn khá gay gắt với *những tính quy định* khác trình bày trong tác phẩm chuyên nghiên cứu về sứ mệnh riêng biệt của nhân dân".

"Lòng tham xấu xa làm tiêu tan nhanh chóng mọi *ảo tưởng của ý chí dân tộc"*.

"Lòng khao khát làm giàu nhanh, v.v., đó là tinh thần quán triệt suốt thời kỳ Phục tích và cũng là tinh thần *liên minh* với thời đại mới bằng một sự *bàng quan khá lớn"*.

"Quan niệm mơ hồ về ý nghĩa chính trị vốn có *ở dân tộc nông nghiệp Phổ* là *dựa trên hồi ức về lịch sử vĩ đai"*.

" Ác cảm biến đi và chuyển thành trạng thái hưng phấn hoàn toàn".

"Trong sự chuyển biến lạ lùng đó, mỗi người đều vẫn *đưa ra*, theo phương thức của mình, một *nguyện vọng riêng trong viễn cảnh* của mình".

"Một giáo lý trình bày theo ngôn ngữ uyển chuyển của Xa-lô-mông mà tiếng nói như chim bồ câu - gu gù! gu gù! - đang êm ái bay lên đến lĩnh vực có sức truyền cảm và *bề ngoài rền vang như sấm"*.

https://thuviensach.vn

"Cả một *sự ham mê nghệ thuật, chễnh mảng ba mươi nhăm năm".*

"Nếu quan niệm của Ben-đa về luật lệ thành phố năm 1808 không mắc khuyết điểm là *lồng tư tưởng Hồi giáo vào những khái niệm* về bản chất và sự thực hiện luật lệ thành phố, thì với tinh thần điềm đạm vốn có ở đại biểu của chúng ta, chúng ta còn có thể tiếp thu được *lời trách mắng quá điếc tai* mà một kẻ thống trị thành phố trước kia đổ lên đầu công dân thành phố".

Ở ngài Rai-xác-tơ, đâu đâu sự táo bạo của tiến trình suy nghĩ cũng phù hợp với sự táo bạo về văn phong. Ông ta chuyển tiếp như thế này:

"Ngài Bruy-gơ-man... vào năm 1843... học thuyết về nhà nước... mỗi người chính trực... đức khiêm tốn vĩ đại của các nhà xã hội chủ nghĩa chúng ta... những phép mầu tự nhiên... những yêu sách cần đưa ra với nước Đức... những phép mầu tự siêu tự nhiên... A-bra-ham... Phi-la-den-phi-a... nước cam lộ... thợ bánh mì... và *bởi vì* chúng ta nói đến *những phép mầu cho nên Na-pô-lê-ông* đem vào"...v.v..

Xem xong những thí dụ đó, chúng ta chẳng còn ngạc nhiên

thấy tại sao sự phê phán có tính phê phán lại còn "giải thích" cách nói mà bản thân nó cho là "phương pháp biểu hiện phổ thông". Vì nó "vũ trang cho đôi mắt của nó bằng một lực lượng hữu cơ có thể nhìn xuyên suốt cả mớ hỗn loạn". Và ở đây cần nói rằng đã như vậy thì ngay cả đến "phương pháp biểu hiện phổ thông" cũng không còn có thể khó hiểu đối với sự phê phán có tính phê phán nữa. Nó hiểu rằng con đường văn học tất nhiên phải khúc khuỷu nếu người bước vào con đường đó không đủ sức nắn thẳng lại; cho nên nó cũng gán một cách rất tự nhiên những "phép tính" cho nhà văn.

Không cần nói ai cũng biết - và lịch sử chứng thực tất cả cái gì không cần nói cũng đã rõ, cũng chứng thực điều này - sự phê phán biến thành quần chúng không phải cốt để thành quần chúng, mà là để tránh cho quần chúng khỏi tính quần chúng có tính quần chúng của mình, nghĩa là để nâng phương pháp biểu hiện phổ thông của quần chúng lên thành ngôn ngữ phê phán của sự phê phán có tính phê phán. Khi sự phê phán nắm được ngôn ngữ thông thường của quần chúng và cải tạo thứ tiếng nói thô tục đó thành những câu cao siêu thần bí vốn có trong phép biện chứng của sự phê phán có tính phê phán thì đó chính là sự phê phán đã tự hạ mình xuống cùng cực rồi.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG II

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN VỚI TƯ THẾ "MÜHLEIGNER"[4], HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở ÔNG I-U-LI- ÚT PHAU SƠ

Sau khi sự phê phán sa xuống chỗ nói nhăng nhít bằng tiếng nước ngoài đã phục vụ đắc lực cho tự ý thức và đồng thời bằng hành động đó đã giải phóng thế giới khỏi cảnh bần cùng thì trong *thực tiễn* và *lịch sử,* sự phê phán cũng quyết tâm sa xuống chỗ *nói nhăng nhít*. Nó thông hiểu "*những vấn đề bức thiết trong sinh hoạt nước Anh"* và cung cấp cho chúng ta một bức *phác hoạ* thực sự phê phán về *lịch sử công nghiệp Anh"*[5].

Sự phê phán tự mãn tự túc, hoàn thiện hoàn mỹ trong bản thân nó, dĩ nhiên không thể thừa nhận lịch sử đúng như lịch sử đã phát triển trong thực tế, vì như vậy có khác gì thừa nhận quần chúng hèn kém trong tính quần chúng có tính toàn bộ quần chúng mà thực ra vấn đề ở đây chính là làm cho quần chúng mất tính quần chúng ấy đi. Như vậy lịch sử được giải thoát khỏi tính quần chúng của nó và sự phê phán được *tự do* xử lý đối tượng của mình, thét bảo lịch sử rằng: *"mi nên biết rằng mi phải diễn ra như thế, như thế!"*. Mọi luật pháp của sự phê phán đều có lực lượng *đảo ngược*: *trước khi* có những phán quyết của sự phê phán, lịch sử đã diễn ra hoàn toàn khác với *phán quyết của sự phê phán*. Cho nên lịch sử của quần chúng, tức cái gọi là lịch sử *hiện thực*,
khác xa với lịch sử của sự phê phán trình bày trong "Literatur- Zeitung" số VII, kể từ trang 4.

Trong lịch sử của quần chúng, chưa có công xưởng thì chưa có *bất cứ thành phần công xưởng nào*; nhưng trong lịch sử phê phán, trong đó con sinh ra cha như trong *triết học Hê-ghen* trước kia thì *Man-se-xtơ, Bôn-tơn* và *Pre-xtơn* đã là những thành phố công xưởng phồn vinh khi chưa ai nghĩ đến công xưởng cả. Trong lịch sử hiện thực, *sự phát triển của công nghiệp dệt bông* bắt đầu chủ yếu từ khi máy kéo sợi gien-ny của *Hác-gri-vơ* và *máy kéo sợi* (chạy bằng sức nước) của *Ác-crai-tơ* được dùng vào sản xuất, và *máy mun* của *Crôm-tơn* thì chỉ là máy kéo sợi gien-ny được cải tiến thêm dựa vào nguyên lý mới của Ác-crai-tơ mà thôi. Nhưng lịch sử phê phán lại khéo phân biệt: nó khinh miệt tính phiến diện của máy kéo sợi gien-ny và máy kéo sợi chạy bằng sức nước và đề cao máy mun lên thành sự đồng nhất tư biện của hai cực ấy. Thực ra với sự phát minh ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước và máy

https://thuviensach.vn

mun đã mở ngay ra khả năng *ứng dụng sức nước* vào những máy móc đó; nhưng sự phê phán có tính phê phán lại tách rời những nguyên tắc đã được bàn tay thô lỗ của lịch sử trộn lẫn với nhau và quy sự ứng dụng đó vào thời đại muộn hơn coi như một cái gì hoàn toàn đặc thù. Trên thực tế, sự phát minh ra máy hơi nước đã có *trước* tất cả những phát minh vừa kể trên; nhưng ở sự phê phán, máy hơi nước là đỉnh cao nhất của toàn bộ lâu đài, do đó xét về thời gian, là một phát minh *muộn về sau.*

Trên thực tế, *quan hệ buôn bán*, theo ý nghĩa hiện đại, giữa Li-vớc-pun và Man-se-xtơ là kết quả của việc xuất khẩu hàng hoá của nước Anh, nhưng trong sự phê phán, những quan hệ buôn bán đó đều là *nguyên nhân* của xuất khẩu, và cả hai, quan hệ buôn bán và xuất khẩu, đều là kết quả của vị trí gần nhau của hai thành phố ấy. Trong thực tế, hầu hết mọi hàng hoá mà Man-se-xtơ gửi sang đại lục đều qua *Hun*, nhưng trong sự phê phán lại qua *Li-vớc-pun.*

Trên thực tế, trong các công xưởng Anh có *thang lương* từ 1 si-linh 1/2 đến 40 si-linh hoặc hơn nữa; nhưng trong sự phê phán thì chỉ có *một* mức lương là 11 si-linh thôi. Trên thực tế, *máy móc* thay thế *lao động thủ công*, nhưng trong sự phê phán máy móc lại thay thế *tư duy.* Trên thực tế, công nhân *ở Anh* được phép *liên hợp* lại để đòi tăng lương, nhưng trong sự phê phán thì họ lại bị cấm làm việc đó vì quần chúng muốn làm việc gì cũng phải xin phép sự phê phán trước đã. Trên thực tế, *lao động công xưởng* là hết sức *mệt nhọc* và gây ra những bệnh đặc biệt (đã có những bộ sách y học chuyên nghiên cứu những bệnh đó); nhưng trong sự phê phán "sự khẩn trương quá mức không thể làm trở ngại lao động vì sức lực bỏ ra là của máy móc". Trên thực tế, máy móc là máy móc; nhưng trong sự phê phán máy móc lại có *ý chí*: máy móc không nghỉ ngơi nên công nhân cũng không được nghỉ ngơi; như vậy là công nhân bị một ý chí ngoại lai chi phối.

Nhưng tất cả cái đó đều chưa đáng kể. Sự phê phán không *thoả mãn* với những *chính đảng của quần chúng ở* Anh; nó còn sáng tạo ra những chính đảng mới; nó sáng lập ra *"đảng công xưởng"*, bởi vậy lịch sử phải cảm ơn nó. Song nó lại nhập cục chủ xưởng với công nhân công xưởng thành *một* khối quần chúng - những chuyện lặt vặt đó có gì đáng phải bận tâm! - và quả quyết rằng công nhân công xưởng không quyên tiền vào quỹ của Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc[6], không phải như bọn chủ xưởng ngu ngốc tưởng, là do ác ý hoặc do ủng hộ chủ nghĩa hiến chương mà chỉ là vì nghèo khổ. Sau đó nó còn quả quyết rằng nếu người ta huỷ bỏ đạo luật ngũ cốc của nước Anh thì công nhân nông nghiệp làm công nhật phải chịu hạ tiền lương xuống, nhưng chúng tôi mạo muội chỉ ra rằng giai cấp nghèo xác nghèo xơ đó không còn có thể chịu để mất một xu nào nữa, nếu không họ sẽ chết đói. Nó quả quyết rằng trong các công xưởng Anh, người ta làm việc mỗi ngày *16* giờ, mặc dầu luật pháp nước Anh rất ngu xuẩn và không có tinh thần phê phán đã quan tâm sao cho ngày làm không

vượt quá 12 giờ. Nó quả quyết rằng nước Anh vẫn phải là một công xưởng lớn của toàn thế giới, mặc dầu đông đảo người Mỹ, người Đức và người Bỉ không có tinh thần phê phán đã cướp đoạt dần dần, bằng cạnh tranh, hết thị trường này đến thị trường khác của người Anh. Sau hết, nó khẳng định rằng *sự tập trung tài sản* và hậu quả của sự tập trung đó đối với các

https://thuviensach.vn

giai cấp cần lao thì ở Anh, vô luận là người vô sản hay người hữu sản, đều không nhìn thấy, song phái Hiến chương ngu xuẩn lại cho rằng họ đã hiểu hết sức rõ ràng hiện tượng tập trung tài sản, và *những người xã hội chủ nghĩa* thì nghĩ rằng từ lâu lắm rồi họ đã trình bày cặn kẽ tất cả những hậu quả đó. Không phải chỉ có thế: ngay cả phái bảo thủ và phái tự do như *Các-lai-lơ, A-li-xơ* và *Ga-xken* cũng đã chứng minh, bằng tác phẩm của mình, rằng họ đã hiểu biết hiện tượng ấy.

Sự phê phán quả quyết rằng *luật mười giờ* của huân tước *Ê-sli*[7] là một biện pháp trung dung hời hợt và bản thân huân tước Ê-sli "là sự phản ánh trung thành của hoạt động lập hiến", trong khi đó thì hiện nay bọn chủ xưởng, phái Hiến chương, bọn chiếm hữu ruộng đất, tóm lại cả cái nước Anh quần chúng vẫn coi biện pháp đó là biểu hiện - đành rằng rất yếu ớt - của một nguyên tắc triệt để cấp tiến vì nó phá vỡ nền móng của ngoại thương và do đó phá vỡ nền móng của chế độ công xưởng, hay nói đúng hơn không những phá vỡ mà còn đào tận gốc nền móng đó. Điểm này, sự phê phán có tính phê phán biết rõ hơn ai hết. Nó biết rằng vấn đề ngày làm việc 10 giờ đã được thảo luận trong một "tiểu ban" nào đó của Hạ nghị viện, trong khi những báo không phê phán tìm cách làm cho chúng ta tin rằng "tiểu ban" ấy *là bản thân Hạ nghị viện*, nghĩa là *"uỷ ban toàn viện"*; nhưng dĩ nhiên là sự phê phán không thể xoá bỏ cái tính kỳ quặc đó của hiến pháp Anh.

Sự phê phán có tính phê phán tự mình tạo ra *cái đối lập* với mình tức *sự ngu xuẩn của quần chúng*, đồng thời cũng tạo ra sự
ngu xuẩn của ông Giêm-xơ Grê-hêm: bằng cách giải thích tiếng Anh một cách phê phán, nó đã gắn cho ông bộ trưởng không phê phán của Bộ nội vụ những điều mà ông ta chưa hề nói bao giờ, và nó làm như thế chỉ cốt cho sự ngu xuẩn của Grê-hêm làm nổi bật hơn sự thông minh của bản thân sự phê phán. Nếu nghe theo sự phê phán thì Grê-hêm khẳng định rằng máy móc ở công xưởng có thể dùng trong khoảng 12 năm bất kể là mỗi ngày máy móc đó làm việc 10 hoặc 12 giờ, thành thử luật 10 giờ làm cho nhà tư bản không thể tái sản xuất ra được số tư bản đã bỏ vào những máy đó trong 12 năm làm việc của máy. Sự phê phán chứng tỏ rằng kết luận mà nó gán cho ông Giêm-xơ Grê-hêm, là kết luận sai, vì một chiếc máy làm việc mỗi ngày kém đi 1/6 thời gian thì dĩ nhiên có thể sử dụng được lâu hơn.

Dù nhận định đó của sự phê phán có tính phê phán đối với kết luận sai lầm của bản thân nó có chính xác thế nào đi nữa, chúng ta cũng vẫn phải công bằng đối với ông Giêm-xơ Grê-hêm; thực ra ông tuyên bố rằng: thực hiện luật ngày làm 10 giờ thì máy móc phải tăng tốc độ của nó một cách tỷ lệ với sự rút ngắn thời gian công tác của nó (đó là điều mà bản thân sự phê phán dẫn ra trong trang 32, số VIII) và trong điều kiện này, thời gian hao mòn của máy móc vẫn như cũ, nghĩa là 12 năm. Không thể không thừa nhận điều đó, nhất là thừa nhận như vậy chỉ là tán dương và ca tụng "sự phê phán" vì không phải ai khác mà chính sự phê phán không những đã đưa ra kết luận sai lầm ấy, kết luận mà sau này chính nó lại bác bỏ. Sự phê phán cũng tỏ ra hết sức rộng lượng đối với huân tước *Giôn Rớt-xen*, người mà nó gán cho là có ý định sửa đổi hình thức của chế độ nhà nước và chế độ bầu cử; do đó chúng ta phải

https://thuviensach.vn

rút ra kết luận rằng hoặc là sự phê phán vốn đặc biệt ưa bịa ra những điều ngu xuẩn, hoặc là tuần lễ vừa qua, bản thân huân tước Rớt-xen đã biến thành một nhà phê phán có tính phê phán.

Nhưng sự phê phán chỉ trở thành thực sự tuyệt diệu trong việc thêu dệt ra những điều ngu xuẩn khi nó phát hiện rằng công nhân
Anh - những công nhân này, trong tháng Tư và tháng Năm, đã tổ chức hết cuộc mít-tinh này đến cuộc mít-tinh khác, đã viết hết đơn yêu cầu này đến đơn yêu cầu khác để đòi thực hiện luật 10 giờ, những công nhân này đã biểu thị một sự phẫn nộ chưa từng có trong suốt cả hai năm qua, và điều đó xảy ra khắp nơi trong các khu công xưởng - chỉ "quan tâm *một phần*" đến vấn đề đó tuy rằng xem ra thì "sự hạn chế bằng pháp luật thời gian lao động cũng làm họ chú ý". Sự phê phán thực sự tuyệt diệu khi mà nó đã có những phát hiện lớn lao, tuyệt diệu, chưa từng có là "thoạt nhìn sự xoá bỏ đạo luật ngũ cốc hứa hẹn một sự giúp đỡ trực tiếp hơn, cho nên công nhân đang và sẽ gửi gấm phần lớn hy vọng của họ vào đấy cho tới khi sự thoả mãn những nguyện vọng ấy - sự thoả mãn mà người ta không nghi ngờ mảy may nào cả - thực tế chứng minh cho họ thấy tất cả sự vô ích của việc xoá bỏ đạo luật đó". Và sự phê phán ấy nói về những công nhân đã kiên quyết đuổi khỏi diễn đàn của các cuộc mít-tinh kẻ nào phát biểu ủng hộ việc huỷ bỏ đạo luật ngũ cốc; về những công nhân đã làm cho Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc không dám tổ chức mít-tinh ở bất cứ thành phố công xưởng nào ở Anh; về những người công nhân đã coi Đồng minh ấy là kẻ thù duy nhất của mình và đã được sự ủng hộ của phái bảo thủ trong cuộc thảo luận về đạo luật 10 giờ cũng như trong hầu hết các cuộc thảo luận trước kia về những vấn đề tương tự. Sự phê phán cũng rất là tuyệt diệu khi nó phát hiện ra rằng "công nhân vẫn còn bị mê hoặc bởi những lời hứa hẹn rộng rãi của *phong trào Hiến chương"*, một phong trào thực ra chỉ là biểu hiện chính trị của dư luận rộng rãi của công nhân. Trong thâm tâm của tinh thần tuyệt đối của mình, sự phê phán nhìn thấy rằng "hai tập đoàn - tập đoàn chính trị và tập đoàn chủ ruộng đất và chủ công xưởng - *đã không* trùng hợp với nhau và không hoà lẫn vào nhau", song hiện nay, chúng tôi chưa thấy ai nói rằng tập đoàn chủ ruộng đất và chủ công xưởng, tuy số người của hai giai cấp những người tư hữu này không đông và có quyền lợi chính trị hoàn toàn giống nhau (trừ một thiểu số quý tộc) nhưng lại có tính chất rộng như vậy, và chúng tôi chưa thấy
ai nói rằng tập đoàn này - trên thực tế là biểu hiện triệt để nhất và đỉnh cao của các chính đảng - lại tuyệt đối đồng nhất với các tập đoàn chính đảng. Sự phê phán còn thật sự tuyệt diệu hết chỗ nói khi nó gán cho tất cả những ai chống lại đạo luật ngũ cốc là chẳng hiểu gì về một sự thực là trong tình hình các điều kiện khác không thay đổi thì sự hạ giá ngũ cốc tất nhiên sẽ đưa tới sự hạ thấp tiền lương và do đó đâu lại vào đấy cả, song thực ra các ngài đó lại trông chờ sự hạ thấp tiền lương một cách rõ rệt và do đó sự giảm bớt chi phí sản xuất gắn liền với sự hạ thấp tiền lương sẽ đưa tới sự mở rộng thị trường một cách tương ứng và đưa tới sự giảm bớt cạnh tranh giữa công nhân với nhau, kết quả là tiền lương so với giá ngũ cốc sẽ được duy trì hơi cao hơn hiện nay.

https://thuviensach.vn

Say sưa theo kiểu nhà nghệ thuật, sự phê phán tự mình sáng tạo ra cái đối lập với mình là lời nói nhăng nhít, - cũng sự phê phán đó, trước đây hai năm, đã kêu lên rằng: "sự phê phán nói tiếng Đức, thần học nói tiếng la-tinh"[8], bây giờ nó lại đã học *tiếng Anh*, và gọi người chiếm hữu ruộng đất là "Landeigner" (landowners), gọi chữ công xưởng là "Mühleigner (mill-owners; tiếng Anh, chữ "mill" dùng để chỉ những công xưởng máy móc đều chạy bằng hơi nước hoặc sức nước), gọi công nhân là *"tay"* (hands), dùng "giao thoa" (interference) thay cho "can thiệp", và dựa vào lòng thương hại vô hạn đối với tiếng Anh thấm đầy tính quần chúng tội lỗi, nó thậm chí đã hạ mình xuống cải tiến tiếng Anh và xoá bỏ quy tắc rởm của người Anh, quy tắc theo đó người Anh bao giờ cũng đặt tiếng xưng hô "Xơ" trước *tên* chứ không phải trước họ của các huân tước và nam tước. Quần chúng nói "Xơ Giêm-xơ Grê-hêm", còn sự phê phán nói: "Xơ Grê-hêm".

Sự phê phán bắt tay cải tạo lịch sử *nước Anh* và *tiếng Anh* xuất phát từ *nguyên tắc* chứ không phải vì *nhẹ dạ*. Đó là điều mà giờ đây bạn đọc sẽ thấy trong *tính triệt để* của sự phê phán khi nó *giải thích lịch sử của ngài Nau-véc.*

CHƯƠNG III
TÍNH TRIỆT ĐỂ CỦA SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN, HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở ÔNG I-U. (I-UNG-NÍT-XƠ?)[9]

Sự phê phán không thể không chú ý đến cuộc tranh luận vô cùng quan trọng giữa ngài *Nau-véc* và hệ triết học đại học Béc-lin. Nó vốn đã kinh qua tình cảnh tương tự và tất nhiên phải lấy số phận ngài Nau-véc làm bối cảnh để làm cho người ta chú ý đến việc bản thân nó *bị cách chức ở Bon*[10]. Vì sự phê phán đã quen coi giai đoạn lịch sử ở Bon là một sự kiện nổi bật của thời đại chúng ta, thậm chí đã viết "triết học về vụ cách chức sự phê phán", nên có thể dự tính rằng nó sẽ dùng phương thức giống như thế để biến "sự xung đột" ở Béc-lin thành một hệ thống triết học được vạch ra một cách chi tiết. Nó chứng minh a priori[21*] rằng mọi việc phải xảy ra như thế này chứ không thể khác được. Nghĩa là nó chỉ ra:

1) Tại sao hệ triết học nhất định phải "xung đột" với nhà triết học của nhà nước chứ không phải với nhà lô-gíc học hoặc nhà siêu hình học;

2) Tại sao cuộc xung đột này không thể gay gắt và triệt để như cuộc xung đột ở Bon giữa sự phê phán và thần học;

https://thuviensach.vn

3) Tại sao cuộc xung đột đó nói đúng ra chỉ là một sự ngu xuẩn sau khi trong vụ xung đột của mình ở Bon, sự phê phán đã tận dụng tất cả những nguyên tắc và nội dung có thể có, và từ
đó trở đi lịch sử thế giới chỉ còn là kẻ sao chép lại sự phê phán mà thôi?

4) Tại sao hệ triết học cho rằng việc công kích những tác phẩm của ngài Nau-véc chính là chĩa vào nó;

5) Tại sao ngài N không có cách nào khác hơn là tự động rời bỏ chức vụ;

6) Tại sao hệ triết học phải bênh vực ngài N, nếu nó không muốn từ bỏ bản thân nó;

7) Tại sao "sự tranh chấp bên trong hệ triết học tất nhiên phải biểu hiện dưới hình thức" là hệ triết học, đồng thời cho rằng cả ngài N. lẫn chính phủ đều vừa đúng vừa sai;

8) Tại sao hệ triết học không thể tìm thấy trong các tác phẩm của ngài N. căn cứ đầy đủ của việc cách chức ông ta;

9) Cái gì khiến cho toàn bộ sự phán đoán thiếu rõ ràng;

10) Tại sao hệ triết học, "với tính cách là cơ quan khoa học (!), cho rằng mình (!) có quyền (!) xem xét nguồn gốc của sự việc", và sau hết;

11) Tại sao hệ triết học, dẫu sao, vẫn không muốn viết như ngài N.

Sự phê phán đã phân tích, trong bốn trang sách, những vấn đề quan trọng đó một cách triệt để hiếm có, đồng thời dùng lô-gích của Hê-ghen để chứng minh tại sao tất cả những việc ấy đã xảy ra như vậy và tại sao không có vị thần nào có thể phản đối điều đó. Sự phê phán nói ở một chỗ khác rằng chưa có một thời kỳ lịch sử nào đã được nhận thức cả; tính khiêm tốn ngăn cản nó nói rằng ít ra nó cũng đã nhận thức được đầy đủ vụ xung đột của nó và vụ xung đột của Nau-véc, là những vụ xung đột tuy không phải là những thời đại, nhưng theo quan niệm của nó, vẫn *làm ra* thời đại.

Sự phê phán có tính phê phán, đã "tước bỏ" của bản thân mình "nhân tố" tính triệt để, lại biến thành *"sự yên tĩnh của nhận thức"*.

CHƯƠNG IV

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN VỚI TÍNH CÁCH LÀ SỰ YÊN TĨNH CỦA NHẬN THỨC

https://thuviensach.vn

HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở ÔNG ÉT-GA

1) "HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN" CỦA PHLÔ-RA TƠ-RI-XTĂNG[11]

Những nhà xã hội chủ nghĩa Pháp khẳng định rằng công nhân làm ra hết thảy, sản xuất ra hết thảy nhưng họ không có quyền cũng không có tài sản, - nói tóm lại họ chẳng có gì hết. Về điểm này, qua miệng của ông *Ét-ga*, người thể hiện *sự yên tĩnh của nhận thức*, sự phê phán đã trả lời như sau:

"Muốn sáng tạo ra hết thảy thì cần có một ý thức mạnh hơn ý thức của công nhân. Luận điểm trên chỉ đúng nếu đem lộn ngược lại như sau: công nhân chẳng tạo ra cái gì hết, nên họ cũng chẳng có gì hết; họ chẳng tạo ra cái gì hết, vì công việc của họ bao giờ cũng vẫn là một cái đơn nhất nào đó nhằm thoả mãn nhu cầu của chính họ, và là công việc thường ngày".

Ở đây, sự phê phán đã đạt tới sự trừu tượng cao đến mức theo nó thì chỉ có những sáng tạo tư tưởng của nó và tính phổ biến mâu thuẫn với mọi hiện thực mới là "một cái nào đó" hay - hơn nữa - là *"tất cả"*. Công nhân sở dĩ không tạo ra cái gì cả, vì họ chỉ tạo ra "cái đơn nhất", tức là những đối tượng có thể cảm thấy được, có thể sờ mó được, phi tinh thần và phi phê phán, những đối tượng mà bất cứ một loại nào của chúng cũng đã làm cho sự phê phán thuần tuý phải kinh khủng. Tất cả cái gì hiện thực, tất cả
cái gì sống đều là phi phê phán, đều là có tính quần chúng, vì vậy là "hư không", chỉ có những sáng tạo lý tưởng và hư ảo của sự phê phán có tính phê phán mới là *"tất cả"*.

Công nhân không sáng tạo cái gì cả, vì công việc của họ là một cái đơn nhất nào dó, chỉ nhằm thoả mãn nhu cầu cá nhân của họ, nghĩa là vì trong trật tự thế giới hiện đại, các ngành lao động riêng lẻ có liên hệ bên trong với nhau đều tách rời nhau thậm chí đối lập với nhau, tóm lại, vì lao động không được *tổ chức*. Nếu giải thích theo ý nghĩa hợp lý duy nhất có thể có thì luận điểm mà bản thân sự phê phán nêu lên, là yêu cầu về lao động có tổ chức. Phlô-ra Tơ-ri-xtăng - nếu phân tích tác phẩm của bà thì thấy nổi bật lên luận điểm vĩ đại đó - cũng yêu cầu điều đó, và vì bà đã dám đi trước sự phê phán có tính phê phán nên đã bị nó đối xử en canaille[31*]. "Công nhân không tạo ra cái gì hết". Hơn nữa, luận điểm đó là sự mê sảng điên rồ, nếu không kể rằng người công nhân *cá biệt* không sản xuất ra cái gì *toàn bộ* cả, mà điều này lại là một lối nói trùng lặp. Sự phê phán có tính phê phán chẳng sáng tạo ra cái gì cả, công nhân mới sáng tạo ra tất cả, sáng tạo ra tất cả đến mức ngay cả với những sáng tạo tinh thần của họ, họ cũng làm cho toàn bộ sự phê phán phải hổ thẹn. Công nhân Anh và Pháp đã chứng minh rõ ràng điều đó. Công nhân sáng tạo ra cả *con người*, còn nhà phê phán thì vĩnh viễn vẫn là con quái vật, nhưng ngược lại dĩ nhiên là nhà phê phán có sự thoả mãn nội tâm rằng mình là nhà phê phán có tính phê phán.

"Plô-ra Tơ-ri-xtăng cho chúng ta một ví dụ về chủ nghĩa giáo điều của phụ nữ, thứ chủ nghĩa giáo điều không thể không cần đến những công thức và đặt ra cho mình những công thức từ những phạm trù về cái đang tồn tại".

https://thuviensach.vn

Điều mà sự phê phán làm, chỉ là "đặt ra những công thức từ những phạm trù về cái đang tồn tại", - nghĩa là đặt ra những

công thức từ triết học *Hê-ghen* hiện đang tồn tại và từ những nguyện vọng xã hội hiện đang tồn tại. Những công thức không phải là gì khác hơn là những công thức. Và mặc dầu sự phê phán ra sức đả kích chủ nghĩa giáo điều, nhưng bản thân nó vẫn tự tuyên bố nó là chủ nghĩa giáo điều, và còn là thứ chủ nghĩa giáo điều *của phụ nữ*. Nó là và sẽ còn là một bà già, nó là triết học *Hê-ghen* già nua và goá bụa đang tô son trát phấn trang điểm cho tấm thân trừu tượng héo hon gớm ghiếc của mình và thèm khát kiếm lấy tấm chồng trên khắp xó xỉnh của nước Đức.

2) BÊ-RÔ BÀN VỀ GÁI ĐIẾM

Đã có một dạo, ông Ét-ga hạ mình xuống tận những vấn đề xã hội, ông cho rằng mình cũng có trách nhiệm can thiệp vào *"những quan hệ dâm loạn"* (số V, tr. 26).

Ông phê bình một cuốn sách của Bê-rô, một viên cảnh sát ở Pa-ri, viết về chế độ bán dâm, vì *"quan điểm"* của "Bê-rô khi khảo sát quan hệ của gái điếm đối với xã hội" làm cho ông không yên tâm. "Sự yên tĩnh của nhận thức" ngạc nhiên thấy rằng cảnh sát lại đứng trên chính quan điểm cảnh sát và nó muốn làm cho quần chúng biết rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Nhưng nó lại không nói rõ quan điểm của nó ra. Thật là rõ ràng! Khi sự phê phán quan tâm đến gái điếm thì không thể yêu cầu nó làm việc đó trước công chúng được.

3) TÌNH YÊU

Muốn đạt tới "sự yên tĩnh của nhận thức" hoàn mỹ thì trước hết sự phê phán có tính phê phán phải ra sức thoát khỏi *tình yêu*. Tình yêu là một thứ tình dục, mà đối với sự yên tĩnh của nhận thức thì chẳng có gì nguy hiểm hơn là tình dục. Cho nên ông Ét-ga đã nhờ vào những cuốn tiểu thuyết của bà Phôn Pa-li-xốp mà ông ta cam đoan *"đã nghiên cứu* đến nơi đến chốn", để khắc

phục *"cái hành động ấu trĩ mà người ta gọi là tình yêu"*. Tình yêu là nỗi kinh khủng và quái vật. Nó gây ra sự giận dữ, sự phẫn nộ, thậm chí sự điên cuồng của sự phê phán có tính phê phán.

"Tình yêu... là một hung thần; giống như tất cả các vị thần khác, nó muốn chi phối toàn bộ con người và chỉ thoả mãn khi nào người ta không những trao cho nó linh hồn mà còn trao cho nó cả "cái tôi" thể xác của mình nữa. Sự sùng bái tình yêu là sự đau khổ, đỉnh cao nhất của sự sùng bái đó là sự hy sinh, là sự tự sát".

Muốn biến tình yêu thành "Mô-lốc", thành hiện thân của ma quỷ, ông Ét-ga trước hết biến nó thành thần. Sau khi được biến thành thần, nghĩa là đối tượng của thần học thì dĩ nhiên là tình yêu sẽ phải chịu *sự phê phán của thần học;* mà như người ta đều biết, thần và ma quỷ

https://thuviensach.vn

cũng chẳng khác nhau mấy tí. Ông Ét-ga biến tình yêu thành "thần", hơn nữa thành "hung thần", bằng cách biến *người đi yêu*, biến tình yêu của *con người*, thành con người của *tình yêu*, - bằng cách tách *"tình yêu"*, coi là một bản chất đặt biệt, khỏi con người và đem lại cho tình yêu với tính cách là tình yêu một sự tồn tại độc lập. Thông qua quá trình giản đơn như vậy, thông qua sự biến đổi tân từ thành chủ từ như vậy thì có thể cải tạo một cách phê phán mọi quy định và biểu hiện vốn có của con người thành những *quái vật cá biệt* và *sự tự tha hoá của bản chất* con người. Chẳng hạn, sự phê phán có tính phê phán biến sự phê phán, coi là tân từ và hoạt động của con người, thành chủ từ đặc biệt, thành sự phê phán chĩa vào chính bản thân mình, do đó thành *sự phê phán có tính phê phán*, tức là thành "Mô-lốc" - mà sự sùng bái Mô-lốc là sự tự hy sinh, ở sự tự sát của con người, nhất là của *năng lực tư duy* của con người.

"Đối tượng" - sự yên tĩnh của nhận thức kêu lên như vậy - "đối tượng là một từ thích đáng bởi chưng đối với người đi yêu thì người được yêu" (không có giống cái) "chỉ quan trọng với tính cách là *cái khách thể bên ngoài mà anh ta say mê với tính cách là khách thể*, trong đó anh ta muốn tìm thấy sự thoả mãn cho dục vọng ích kỷ của mình".

Đối tượng! Đáng sợ thay! Không có gì đáng ghét hơn, thô tục

hơn và có tính quần chúng hơn là *đối tượng*, - đả đảo đối tượng! Làm thế nào mà tính chủ quan tuyệt đối, actus purus[41]*, sự phê phán *"thuần tuý"* có thể không coi tình yêu là bête noire[52]*, là hiện thân của quỷ Xa-tăng, cái tình yêu nó lần đầu tiên thực sự dạy người ta tin vào thế giới đối tượng ở bên ngoài bản thân, nó không những biến con người thành đối tượng mà còn biến đối tượng thành con người!

Sự yên tĩnh của nhận thức phát khùng lên nói tiếp: tình yêu không yên tâm ngay cả về chỗ đã biến một con người thành *phạm trù "khách thể"* đối với người khác; nó còn biến anh ta thành một khách thể *hiện thực, nhất định*, thành *cái* khách thể *bên ngoài* có tính chất cá nhân xấu *này* (xem "Hiện tượng học" của Hê-ghen[12] nói về hai phạm trù "Cái này" và "Cái kia", một cuốn sách trong đó cũng đã tranh luận chống lại *"Cái này"* xấu) cái khách thể tồn tại không những chỉ bên trong, ẩn giấu trong đầu óc mà còn có thể sờ mó được.

"Tình yêu

Không phải *chỉ* bị giam hãm *trong đầu óc"*

Không, người được yêu là *đối tượng cảm tính*. Mà sự phê phán có tính phê phán, nếu buộc phải hạ mình xuống thừa nhận một đối tượng nào đó, thì ít ra cũng sẽ yêu cầu đối tượng phải là một đối tượng *phi cảm tính*. Thế nhưng tình yêu lại là *nhà duy vật phi phê phán và phi Cơ Đốc giáo.*

Sau hết, tình yêu tìm cách thậm chí biến một con người thành *"cái khách thể bên ngoài ấy của sự say đắm"* của một người khác, thành khách thể thoả mãn *dục vọng ích kỷ* của một người khác,

ích kỷ vì nó *muốn tìm thấy bản chất của chính mình* ở người khác, mà điều đó thì không nên. Sự phê phán có tính phê phán *không mảy may có tính ích kỷ* đến mức có thể *tìm thấy* đầy đủ

https://thuviensach.vn

nội dung toàn bộ của bản chất con người ở *"cái tôi" của chính nó.*

Dĩ nhiên ông Ét-ga không cho chúng ta biết có cái gì khác nhau giữa người được yêu và tất cả "những khách thể bên ngoài" khác "làm người ta say mê, dùng để thoả mãn dục vọng ích kỷ của người ta". Đối với sự yên tĩnh của nhận thức, cái đối tượng tình yêu quyến rũ con người, đa tình và phong phú về nội dung, chẳng qua chỉ là một mô hình trừu tượng: "cái khác thể bên ngoài làm người ta say mê", - cũng y như đối với nhà triết học tự nhiên tư biện, sao chổi chẳng qua chỉ là phạm trù "âm" mà thôi. Trong khi biến một người khác thành khách thể bên ngoài mà mình say mê, con người quả thực - như sự phê phán có tính phê phán thừa nhận - là đã gán cho nó "tính chất trọng yếu", nhưng đó là cái gọi là *tính chất trọng yếu của đối tượng*, thế nhưng tính chất trọng yếu mà sự phê phán gán cho đối tượng lại chẳng phải là cái gì khác mà là tính chất trọng yếu mà sự phê phán tự gán cho bản thân mình. Do đó "tính chất trọng yếu" có tính phê phán đó tự biểu hiện ra không phải trong *"tồn tại xấu bên ngoài"* mà là trong *"hư không"* của đối tượng trọng yếu của sự phê phán.

Nếu như sự yên tĩnh của nhận thức không có được *đối tượng* là con người hiện thực thì trái lại nó có được *sự nghiệp* là *loài người*. Điều mà tình yêu có tính phê phán *"đề phòng nhất* là vì cá nhân mà quên mất *sự nghiệp*, sự nghiệp này không phải là cái gì khác mà là sự nghiệp của loài người". Còn tình yêu không có tính phê phán thì lại không tách rời loài người với con người cá biệt, với cá nhân.

"Với tính cách là một thứ tình dục *trừu tượng*, không biết từ đâu đến cũng không biết đi đâu, bản thân tình yêu không có hứng thú đối với sự phát triển *bên trong*".

Vì theo cách nói *tư biện*, tức là cách gọi cái cụ thể là trừu tượng và gọi cái trừu tượng là cái cụ thể, nên dưới con mắt của sự yên tĩnh của nhận thức, tình yêu là tình dục trừu tượng.

"Cô gái không sinh ra nơi lũng nhỏ,

Cô từ đâu đến, ai nào hay biết.

Nhưng giờ đây, nàng ra đi, ly biệt,

Và bóng dáng của nàng cũng biến mất theo"[13].

Dưới con mắt của sự trừu tượng, tình yêu là "Cô gái từ nơi khác đến", không có hộ chiếu biện chứng nên bị cảnh sát có tính phê phán trục xuất.

Tình dục của tình yêu không cảm thấy thích thú đối với sự phát triển *bên trong* vì nó không thể được cấu tạo ra a priori, vì sự phát triển của nó là sự phát triển hiện thực xảy ra trong thế giới cảm tính và giữa những cá nhân hiện thực. Còn sự thích thú chủ yếu của kết cấu tư biện là "từ đâu đến" và "đi đâu". "Từ đâu đến" chính là *"tính tất nhiên* của khái niệm, là sự chứng minh và sự diễn dịch của nó" (Hê-ghen). "Đi đâu" là một quy định "nhờ nó mà mỗi khâu riêng biệt trong cái xích tư biện, coi như nội dung đầy sinh khí của phương pháp, lại đồng thời là khởi điểm của một khâu mới" (Hê-ghen). Như vậy là chỉ khi nào có thể cấu tạo ra a priori cái "từ đâu đến" và "đi đâu" của tình yêu thì tình yêu mới đáng được sự phê phán tư biện "quan tâm".

https://thuviensach.vn

Ở đây, sự phê phán có tính phê phán không những chỉ đấu tranh chống tình yêu mà còn đấu tranh chống tất cả những cái có sự sống, tất cả những cái trực tiếp, mọi kinh nghiệm cảm tính, mọi kinh nghiệm *thực tế* nói chung, tức là những kinh nghiệm mà chúng ta không bao giờ *biết* trước được chúng "từ đâu đến" và "đi đâu".

Thông qua sự khắc phục tình yêu, ông Ét-ga hoàn toàn *khẳng định* bản thân mình là "sự yên tĩnh của nhận thức". Tiếp đó, ông ta lại lập tức thông qua *Pru-đông* để tỏ rõ kỳ tài to lớn của mình về nhận thức - đối với nhận thức này *"đối tượng"* không còn là *"cái khách thể bên ngoài này"* nữa - và nhân tiện cũng tỏ rõ *sự không ưa thích* nhiều hơn của mình đối với tiếng Pháp.

4) PRU-ĐÔNG

Theo lời của sự phê phán có tính phê phán, tác phẩm "Tài sản là gì"[14] không phải do bản thân *Pru-đông* mà là do *"quan điểm* của Pru-đông" viết ra:

"Tôi bắt đầu sự trình bày của tôi về quan điểm của Pru-đông từ những nhận định về tác phẩm của nó" (quan điểm): ""Tài sản là gì?""

Vì chỉ có bản thân tác phẩm của quan điểm phê phán mới có đặc trưng, nên sự nhận định có tính phê phán tất nhiên bắt đầu từ chỗ gán cho tác phẩm của Pru-đông một đặc trưng. Cái cách mà Ét-ga dùng để gán đặc trưng cho tác phẩm ấy là *dịch* nó. Dĩ nhiên là ông ta gán cho nó đặc trưng *xấu* vì ông ta biến nó thành *đối tượng* của "sự phê phán".

Như vậy, tác phẩm của Pru-đông bị ông Ét-ga công kích theo hai cách: công kích *ngầm* bằng cách dịch nó ra một cách đặc trưng và công kích *công khai* bằng cách bình luận nó một cách phê phán. Chúng ta sẽ thấy rằng khi dịch, ông Ét-ga tỏ ra hiểm độc hơn khi bình luận.

DỊCH MỘT CÁCH ĐẶC TRƯNG SỐ 1

"Tôi không mong muốn" (Pru-đông bị dịch một cách phê phán nói) "đưa ra bất cứ một hệ thống nào đó của cái mới, tôi không mong muốn gì hết ngoài việc xoá bỏ đặc quyền, tiêu diệt sự nô dịch... Sự công bằng, không có gì khác ngoài sự công bằng, đấy là chủ trương của tôi".

Pru-đông bị đặc trưng chỉ hạn chế ở sự mong muốn và chủ trương, vì "sự mong muốn lương thiện" và "chủ trương" phi khoa học là đặc tính của quần chúng phi phê phán. Pru-đông bị đặc trưng có đặc điểm là tính tình nhún nhường thích hợp với quần chúng và ông ta làm cho cái mà ông mong muốn phải phục tùng cái mà ông *không* mong muốn. Ông không dám mong muốn đưa ra một hệ thống nào đó của cái mới, ông có một mong muốn nhỏ mọn, thậm chí *chẳng* mong muốn *gì hết* ngoài việc xoá bỏ đặc quyền, v.v.. Ngoài việc làm cho sự mong muốn đã có của mình phải phụ thuộc một cách phê phán vào sự mong muốn mà mình không có, lời nói đầu tiên của ông ta để lộ ngay lập tức một khuyết điểm đặc trưng về lô-gích. Một tác giả mới thoạt đầu đã thanh minh trong cuốn sách của

https://thuviensach.vn

mình rằng mình không muốn đưa ra một hệ thống nào đó của của cái mới thì dĩ nhiên phải nói với chúng ta là mình định đưa ra cái gì: cái cũ có hệ thống hay là cái mới không có hệ thống. Nhưng Pru-đông bị đặc trưng đã không mong muốn *đưa ra* hệ thống nào đó của cái mới, vậy thì ông ta có muốn đưa ra việc xoá bỏ đặc quyền không? Không, ông ta chỉ *mong muốn* sự xoá bỏ ấy.

Pru-đông *thật* nói: "Je ne fais pas de système; je demande la fin du privilège" etc. ("Tôi không sáng lập ra hệ thống nào cả; tôi đòi hỏi chấm dứt đặc quyền", v.v.). Nghĩa là Pru-đông thật tuyên bố rằng ông ta không theo đuổi mục đích khoa học trừu tượng nào cả, mà chỉ đưa ra trước xã hội những yêu cầu thực tiễn trực tiếp. Vả chăng yêu cầu mà ông đưa ra hoàn toàn không phải là tuỳ tiện. Căn cứ và lý do của yêu cầu đó là trong toàn bộ sự phát triển của luận đề mà ông đã đưa ra. Nó là sự tóm tắt sự phát triển đó. Vì "sự công bằng và chỉ riêng sự công bằng là sự tóm tắt *lập luận* của tôi". Với luận điểm của mình: "sự công bằng, không có gì khác ngoài sự công bằng, đấy là chủ trương của tôi", Pru-đông bị đặc trưng đã rơi vào tình trạng càng lúng túng hơn vì ông ta còn "chủ trương" nhiều việc khác, và theo lời ông Ét-ga thì *"chủ trương"* chẳng hạn rằng triết học trước kia chưa được thực tế, *"chủ trương"* đánh đổ Sác-lơ Công-tơ, v.v..

Pru-đông phê phán tự hỏi mình rằng: "Chẳng lẽ *con người* có nghĩa vụ phải chịu bất hạnh mãi mãi sao?. Nói cách khác, ông
ta hỏi: sự bất hạnh phải chăng là bổn phận đạo đức của con người? Còn Pru-đông thật, một người Pháp nhẹ dạ lại đặt vấn đề thế này: sự bất hạnh phải chăng là một tính tất yếu vật chất, phải chăng là một cái gì *không thể tránh khỏi?* ("Phải chăng con người vĩnh viễn *không thể tránh khỏi* sự bất hạnh?")

Pru-đông quần chúng nói:

"Et, sans m' arrêter aux explications à toute fin des entrepreneurs de réformes, accsant de la détresse générale, ceux-ci la lâcheté et l'impéritie du pouvoir, ceux-là les conspirateurs et les émeutes, d'autres, d'autres l'ignorance et la corruption générale", etc.[6]1*

Vì "à toute fin" là thành ngữ của quần chúng hạ lưu, không tìm thấy trong từ điển tiếng Đức có tính quần chúng, nên dĩ nhiên là Pru-đông phê phán vứt bỏ cái thành ngữ ấy, nó quy định từ "giải thích" một cách chính xác hơn. Thuật ngữ này vốn mượn trong luật học có tính quần chúng của nước Pháp trong đó "explications à toute fin" có nghĩa là "những lời giải thích không có thể bác bẻ được". Pru-đông phê phán đả kích *"những nhà cải lương"* tức một chính đảng xã hội chủ nghĩa Pháp[15], còn Pru-đông quần chúng lại đả kích "những người chế tạo ra những biện pháp cải lương". Pru-đông quần chúng phân biệt các loại "người chế tạo ra những biện pháp cải lương": số người này (ceux-ci) nói gì, số người kia (ceux-là) nói gì, số khác (d'autres) nói gì. Pru-đông phê phán lại bắt *cùng một số nhà cải lương"* khi thì chỉ trích cái này, khi thì chỉ trích cái kia, khi thì chỉ trích cái khác", điều đó vô luận thế nào cũng chứng tỏ sự thất thường của họ. Pru-đông thật dựa vào thực tiễn có tính quần chúng ở Pháp

https://thuviensach.vn

mà bàn đến "les conspitateurs et les émeutes", nghĩa là trước hết nói đến các kẻ âm mưu rồi sau mới nói đến những hành động của họ - những
cuộc phiến loạn. Trái lại, Pru-đông phê phán, kẻ đem các loại người cải lương nhập lại thành một cục, thì lại phân những kẻ phiến loạn thành từng loại, do đó ông ta nói "những kẻ âm mưu và *những kẻ phiến loạn"*. Pru-đông quần chúng nói *sự dốt nát* và *"sự hủ hoá phổ biến"*. Pru-đông phê phán lại biến dốt nát thành ngu xuẩn, biến "hủ hoá" thành "sự truỵ lạc", cuối cùng, lấy tư cách là nhà phê phán có tính phê phán, biến sự ngu xuẩn thành *phổ biến*. Như thế là ở đây bản thân ông ta đã nêu một tấm gương ngu xuẩn là dùng từ "générale" không phải theo số nhiều mà theo số ít. Ông ta viết: "l'ignorance et la corruption générale", mà lại muốn nói "sự ngu xuẩn phổ biến và sự truỵ lạc phổ biến". Theo ngữ pháp không phê phán của tiếng Pháp thì câu đó ở đây phải viết như thế này: "l'ignorance et la corruption générales".

Pru-đông bị đặc trưng nói và suy nghĩ khác với Pru-đông quần chúng nên dĩ nhiên là cũng phải trải qua *con đường phát triển tinh thần* hoàn toàn khác. Ông ta "đã hỏi các bậc thầy của khoa học, đã đọc xong hàng trăm pho sách triết học và luật học, v.v., và *cuối cùng* tin chắc rằng chúng ta chưa bao giờ hiểu được đúng đắn ý nghĩa của mấy chữ "công bằng, chính nghĩa, tự do". Còn Pru-đông thật lại cho rằng mình *thoạt đầu* tưởng đã hiểu được (je crus d'abord reconnaêtre) cái mà Pru-đông phê phán chỉ đến *"cuối cùng"* mới lĩnh hội được. Việc biến đổi một cách phê phán d'abord[7]1* thành enfin[8]2* là cần thiết vì quần chúng không dám nghĩ rằng họ "thoạt đầu" đã hiểu được một cái gì đó. Pru-đông quần chúng trình bày bằng một thứ ngôn ngữ sáng sủa nhất rằng mình đã ngạc nhiên như thế nào trước thành quả bất ngờ đó của công tác nghiên cứu của mình và không tin như thế nào vào thành quả đó. Vì vậy ông quyết định *"thí nghiệm để kiểm tra lại"*, ông tự hỏi: "Phải
chăng toàn thể loài người có thể bị lừa dối lâu dài như vậy về phương diện những nguyên tắc vận dụng đạo đức? Loài người bị lừa dối như thế nào và tại sao lại bị lừa dối?" v.v.. Ông cho rằng sự quan sát của mình chính xác hay không là do việc giải quyết những vấn đề đó quyết định. Ông đi tới kết luận rằng về mặt đạo đức cũng như trong mọi lĩnh vực tri thức khác, những sự sai lầm *"cấu thành những bậc thang của khoa học"*. Trái lại, Pru-đông phê phán tin ngay ở ấn tượng đầu tiên mà sự nghiên cứu của ông ta về các mặt kinh tế chính trị học, luật học, vân vân, đã đem lại cho ông ta. Ấn tượng đó cũng dễ hiểu thôi: quần chúng không dám hành động *thực sự*, họ nhất định tôn những thành quả sơ bộ của sự nghiên cứu của họ lên thành những chân lý không thể bác bẻ được. Họ "thoạt đầu đã có sẵn những định kiến trước khi họ so đọ với mặt đối lập của họ"; do đó về sau "phát hiện ra rằng khi họ tưởng mình đã đạt tới điểm cuối cùng thì chính ra họ còn chưa đi được tới khởi điểm".

Vì thế, Pru-đông phê phán tiếp tục nghị luận một cách không có căn cứ và không có mạch lạc:

"Tri thức của chúng ta về những quy tắc đạo đức không phải là đầy đủ ngay từ đầu, *vì thế* trong một thời gian nhất định nó có thể đủ dùng cho tiến bộ xã hội; nhưng về sau ắt nó sẽ đưa chúng ta đi lạc đường".

https://thuviensach.vn

Pru-đông phê phán không giải thích tại sao tri thức không đầy đủ về những quy tắc đạo đức có thể đủ dùng cho sự tiến bộ xã hội, dù chỉ là trong một ngày thôi. Còn Pru-đông thật thì lúc đầu lại tự đặt vấn đề như sau: phải chăng toàn thể loài người nói chung có thể và tại sao toàn thể loài người lại có thể lầm lạc lâu dài như vậy? Ông cho rằng vấn đề ấy được giải đáp như sau: mọi sự sai lầm đều tạo thành những bậc thang của khoa học, thậm chí những phán đoán không hoàn thiện nhất của chúng ta cũng chứa đựng một số chân lý hoàn toàn đủ dùng cho một số suy lý quy nạp và cho một lĩnh vực nhất định nào đó của đời sống thực tiễn, nhưng vượt ra ngoài số đó và lĩnh vực đó thì những chân lý

trên sẽ dẫn tới sự phi lý về lý luận và sẽ dẫn tới sự thất bại trong thực tiễn. Sau khi giải thích như vậy, Pru-đông có thể nói rằng ngay cả những trí thức không hoàn bị về những quy tắc đạo đức cũng có thể đủ dùng cho sự tiến bộ xã hội trong một thời gian nào đó.

Pru-đông phê phán nói:

"Nhưng một khi xuất hiện sự cần thiết phải có tri thức mới thì lập tức nổ ra cuộc đấu tranh tàn khốc giữa thiên kiến cũ và tư tưởng mới".

Song làm sao mà có thể đấu tranh với kẻ thù *còn chưa* tồn tại? Cần biết rằng tuy Pru-đông phê phán cũng bảo với chúng ta rằng sự cần thiết phải có tư tưởng mới đã xuất hiện, nhưng ông ta còn chưa nói rằng bản thân tư tưởng mới đó đã *ra đời rồi*.

Còn Pru-đông quần chúng thì nói:

"Một khi xuất hiện sự cần thiết phải có tri thức cao hơn thì tri thức đó *quyết không tự buộc mình phải chờ đợi"*. Vậy thì nó đã tồn tại. *"Lúc đó*, cuộc đấu tranh bắt đầu".

Pru-đông phê phán quả quyết rằng "sứ mệnh của con người là tiến hành tự giáo dục mình từng bước một", làm như thế là con người hoàn toàn không có một sứ mệnh nào khác, tức sứ mệnh làm người, làm như thể là sự tự giáo dục "từng bước một" tất nhiên phải thúc đẩy chúng ta tiến lên. Tôi có thể đi hết bước này đến bước nọ mà vẫn quay trở về điểm xuất phát của tôi. Song điều mà Pru-đông phi phê phán bàn đến không phải là "sứ mệnh" của con người, mà là *điều kiện* (condition) cần thiết cho con người tiến hành sự giáo dục không phải là *từng bước một* (pas à pas) mà là *từng giai đoạn một* (par degrés). Pru-đông phê phán tự nhủ rằng:

"Trong những nguyên tắc dùng làm cơ sở cho xã hội, có một nguyên tắc mà xã hội không hiểu được, mà xã hội bóp méo đi vì dốt nát, và cũng là nguyên nhân của mọi tai hoạ. Tuy vậy, người ta vẫn tôn trọng nguyên tắc ấy, cầu mong nó, nếu không thì nó chẳng có ảnh hưởng gì cả. *Về thực chất*, nguyên tắc ấy là chân thực, nhưng

theo quan niệm của chúng ta về nó thì nó là sai lầm, nguyên tắc đó... rút cục là gì?".

Trong câu thứ nhất, Pru-đông phê phán nói rằng nguyên tắc bị xã hội bóp méo và không hiểu; do đó bản thân nguyên tắc ấy là đúng. Trong câu thứ hai, ông ta lại thừa nhận một lần nữa rằng về thực chất thì nguyên tắc ấy là chân thực, tuy vậy ông ta vẫn trách xã hội là đã tôn trọng và cầu mong "nguyên tắc ấy". Trái lại, Pru-đông quần chúng trách xã hội không phải ở chỗ xã hội tôn trọng nguyên tắc ấy như nó vốn có, mà là ở chỗ xã hội tôn trọng cái nguyên

https://thuviensach.vn

tắc do sự dốt nát của chúng ta bịa đặt ra ấy ("ce principe... tel que notre ignorance l'a fait, est honoré"). Pru-đông phê phán cho rằng *thực chất* của nguyên tắc được coi là không chân thực là *chân thực*. Còn Pru-đông quần chúng thì cho rằng thực chất của nguyên tắc giả tạo là kết quả của quan niệm sai lầm của chúng ta, còn *đối tượng* (objet) của nó lại là chân thực, hệt như thực chất của thuật luyện đan và thuật chiêm tinh chẳng hạn là kết quả của sự tưởng tượng của chúng ta, còn đối tượng của chúng, - tức sự vận động của thiên thể và thuộc tính hoá học của vật thể - lại là chân thực.

Pru-đông phê phán tiếp tục bản độc thoại của mình:

"Đối tượng của sự nghiên cứu của chúng ta là luật, tức sự quy định nguyên tắc xã hội. Những nhà chính trị, cũng tức là những nhà khoa học xã hội, bị những quan niệm rất không rõ ràng chi phối; nhưng vì trong mỗi sai lầm đều có một cái gì hiện thực làm cơ sở, nên chúng ta cũng có thể tìm thấy, trong sách của họ, chân lý mà họ sáng tạo ra cho người đời song bản thân họ lại không nhận ra."

Pru-đông phê phán lập luận thật là kỳ quặc. Sau khi đã nhận thấy sự dốt nát và sự không rõ ràng trong quan niệm của các nhà chính trị, ông ta lại trở giọng khẳng định võ đoán rằng trong mỗi sai lầm đều có một cái gì hiện thực làm cơ sở; về điểm này, chẳng có gì làm cho chúng ta phải hoài nghi cả, vì trong những sai lầm của bản thân con người, đều có một cái gì hiện thực làm cơ sở cho mỗi sai lầm. Tiếp đó, từ sự thực là trong mỗi sai lầm đều có một cái gì hiện thực làm cơ sở, ông ta rút ra kết luận là có thể tìm thấy chân lý *trong sách* của các nhà chính trị. Sau hết, ông ta thậm chí bắt các nhà chính trị sáng tạo ra chân lý đó cho *thế gian*. Giả thử họ đã sáng tạo chân lý cho *thế gian* thì chúng ta chẳng cần gì tìm kiếm chân lý trong *sách* của họ nữa.

Pru-đông quần chúng nói:

"Các nhà chính trị không hiểu nhau (ne s'entendent pas); vì vậy sai lầm của họ là chủ quan, nó nằm ngay trong bản thân họ (donc c'est en eux qu'est I'erreur)". Sự không hiểu lẫn nhau của họ chứng tỏ tính phiến diện của họ. Họ nhập cục "ý kiến cá nhân của mình với lý trí lành mạnh", và "vì" - căn cứ vào suy luận trên kia - "mỗi sai lầm đều có một cái gì thực sự hiện thực làm *đối tượng*, nên trong sách của các nhà chính trị nhất định là tìm thấy chân lý mà họ đưa vào đấy" (nghĩa là vào sách của họ), - "đưa vào một cách không tự giác" chứ không phải sáng tạo ra cho thế gian (dans leurs livres doit se trouver la vérité, qu'à leur insu ils y auront mise).

Pru-đông phê phán tự hỏi: "Công bằng là gì? thực chất của nó, tính chất của nó, ý nghĩa của nó như thế nào?", làm như thể là công bằng còn có một ý nghĩa gì riêng biệt khác với thực chất và tính chất của nó. Pru-đông phi phê phán đặt câu hỏi: "Nguyên tắc của nó, tính chất của nó và công thức (formule) của nó ra sao?" Công thức biểu thị cái nguyên tắc được coi là nguyên tắc đã kinh qua sự chứng minh của khoa học. Trong tiếng Pháp của quần chúng, từ "formule" và từ "signification"[91*] là căn bản khác nhau. Trong tiếng Pháp của sự phê phán, hai từ đó có nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Kết thúc những nghị luận hoàn toàn không có giá trị gì của mình, Pru-đông phê phán lên gân và thét lớn:

https://thuviensach.vn

"Chúng ta hãy thử đến gần đối tượng của chúng ta một chút".

Trong khi đó, Pru-đông phi phê phán đã tiến sát đến đối tượng của mình từ lâu và đang thử đi tới một cái gì chính xác hơn và
tích cực hơn về đối tượng của mình "d'arriver à quelque chose de plus précis et de plus positif).

Đối với Pru-đông phê phán, "luật là *sự quy định* điều công bằng", đối với Pru-đông phi phê phán, luật là "sự tuyên bố" (décleration) điều công bằng. Pru-đông phi phê phán bác bỏ ý kiến cho rằng luật sáng tạo ra quyền. Còn cách nói: "quy định của luật" vừa có thể nói lên rằng luật là do cái gì khác quy định vừa có thể nói lên rằng bản thân luật quy định cái gì khác; trên kia, bản thân Pru-đông phê phán đã bàn về sự quy định của nguyên tắc xã hội theo ý nghĩa thứ hai này. Song đối với Pru-đông quần chúng, việc tách bạch ra như vậy là không thích đáng.

Vì giữa Pru-đông bị đặc trưng một cách phê phán và Pru-đông thật đã có một số bất đồng ý kiến như vậy, cho nên nếu điều mà Pru-đông số 1 tìm cách *chứng minh* hoàn toàn khác với điều mà Pru-đông số 2 tìm cách chứng minh thì cũng chẳng có gì là lạ cả.

Pru-đông phê phán

"*tìm cách* dùng *kinh nghiệm lịch sử chứng minh*" rằng "nếu như quan niệm của chúng ta về điều công bằng và điều hợp pháp là sai lầm thì *hiển nhiên* (tuy hiển nhiên như thế mà ông ta vẫn cho rằng cần phải chứng minh) là mọi sự vận dụng quan niệm đó vào luật đều nhất định không tốt và mọi thiết chế của chúng ta cũng đều nhất định thiếu sót".

Pru-đông quần chúng không hề muốn chứng minh cái hiển nhiên. Trái lại, ông nói:

"Nếu giả định rằng quan niệm của chúng ta về điều công bằng và điều hợp pháp không được quy định rõ ràng, không hoàn toàn, thậm chí sai lầm thì *hiển nhiên* là mọi sự vận dụng quan niệm đó vào việc lập pháp của chúng ta cũng sẽ không tốt", v.v..

Vậy thì Pru-đông phi phê phán rút cục muốn chứng minh gì?

"Giả thử - ông nói tiếp - những ý kiến của người ta về khái niệm công bằng và về việc vận dụng khái niệm đó không phải bao giờ cũng y như cũ, giả thử những ý kiến đó có sự biến đổi khác nhau ở những thời đại khác nhau, tóm lại, giả thử trong tư tưởng có sự tiến bộ thì cái giả thuyết cho rằng sự công bằng đã bị bóp
méo trong quan niệm của chúng ta, do đó cả trong hành động của chúng ta, sẽ được chứng minh bằng sự thực".

Mà vấn đề cũng là ở chỗ chính tính không cố định đó, tính biến đổi đó, sự tiến bộ đó "đã được *lịch sử* chứng thực một cách tuyệt diệu". Pru-đông phi phê phán cũng đã dẫn ra những chứng cớ lịch sử tuyệt diệu ấy. Người giống hệt ông nhưng có tính phê phán, trước kia, đã dựa vào kinh nghiệm lịch sử để chứng minh một nguyên lý khác hẳn, bây giờ lại miêu tả bản thân kinh nghiệm ấy một cách khác hẳn.

Ở Pru-đông thật, sự suy vong của đế quốc La Mã đã được những "bậc hiền (les sages)" dự kiến trước, còn ở Pru-đông phê phán thì lại được những "nhà triết học" dự kiến trước. Đương nhiên, Pru-đông phê phán cho rằng chỉ có các nhà triết học là những bậc hiền. Theo Pru-đông

https://thuviensach.vn

thật thì "luật pháp" La mã "được xác nhận bởi thực tiễn luật pháp hoặc hoạt động tư pháp trong hàng chục thế kỷ" (ces droits consacrés par une justice dix fois séculaire); theo Pru-đông phê phán thì ở La Mã tồn tại "luật pháp được xác nhận bởi *sự công bằng* hàng ngàn năm".

Căn cứ vào sự phán đoán của Pru-đông số 1 thì ở La mã, người ta nghị luận như thế này:

"La Mã... chiến thắng là nhờ nền chính trị của mình và các vị thần của mình; bất cứ cải cách nào về tín ngưỡng tôn giáo và về tinh thần dân chúng đều là việc ngu xuẩn và là hành động xúc phạm" (ở Pru-đông phê phán, từ "sacrilège" không có nghĩa là xúc phạm vật thiêng liêng hoặc xúc phạm thần thánh như trong tiếng Pháp của quần chúng, mà chỉ có nghĩa là hành động xúc phạm bình thường); nếu như La Mã quyết tâm giải phóng các dân tộc thì do đó nó sẽ phản bội luật pháp của mình". "Như vậy" - Pru-đông số 1 nói thêm - "về phía mình, La Mã vừa có thực tế vừa có luật pháp".

Theo Pru-đông phi phê phán thì ở La mã, người ta nghị luận một cách triệt để hơn. Ở đây, người ta đã xác định *sự kiện* một cách rõ ràng:

"Nô lệ là nguồn của cải lớn nhất của La Mã; vì vậy, sự giải phóng các dân tộc có nghĩa là *sự phá sản của nền tài chính La Mã".*

Khi bàn đến pháp luật, Pru-đông quần chúng còn nói như sau: "Dã tâm của La Mã được hợp pháp hoá trong luật toàn dân (droit des gens)". Phương thức chứng minh pháp luật nô dịch này hoàn toàn phù hợp với quan điểm pháp luật của người La Mã. Trong bộ luật La Mã có tính quần chúng, đã ghi rõ: "*jure gentium servitus invasit"* (Fr.4.D.I.I)[10]1*

Theo Pru-đông phê phán thì "sự sùng bái thần tượng, chế độ nô lệ và tính bạc nhược đã cấu thành cơ sở của mọi chế độ ở La Mã" - không có chế độ nào ngoại lệ cả. Còn Pru-đông thật lại nói rằng: "Cơ sở của mọi chế độ ở La Mã trong lĩnh vực tôn giáo là sự sùng bái thần tượng, trong lĩnh vực sinh hoạt nhà nước là chế độ nô lệ, trong lĩnh vực sinh hoạt tư nhân là chủ nghĩa hưởng lạc" (theo tiếng Pháp thông thường, nghĩa của từ "épicuerisme" không giống với nghĩa của từ "mollesse" tức là tính bạc nhược). Trong tình hình ấy của La Mã, Pru-đông thần bí nói rằng "đã xuất hiện" "thánh chỉ của thượng đế", còn Pru-đông thật theo thuyết duy lý thì nói rằng đã xuất hiện "vĩ nhân *tự xưng* là thánh chỉ của thượng đế". Ở Pru-đông thật, vĩ nhân ấy gọi thầy tu là "rắn độc" (vipères) còn ở Pru-đông phê phán, vĩ nhân ấy nói ôn hoà hơn và gọi thầy tu là "rắn". Ở Pru-đông thứ nhất, vĩ nhân ấy nói về "luật sư" ["Advokaten"] theo [lối La Mã, ở Pru-đông thứ hai, vĩ nhân ấy nói về "nhà luật học" "Rechtsgelehrte"] theo lối Đức.

Pru-đông phê phán gọi tinh thần của cách mạng Pháp là tinh thần của mâu thuẫn, rồi thêm rằng:

"Điều đó đủ khiến người ta tin rằng cái mới, cái đã thay thế cái cũ, chẳng có gì là có phương pháp và được suy nghĩ chín chắn cả".

Ông ta không thể bỏ qua không nhắc lại một cách máy móc hai phạm trù quen thuộc của sự phê phán có tính phê phán là "mới" và "cũ". Ông ta không thể bỏ qua được cái yêu cầu vô nghĩa lý là "cái mới" phải có *trên* bản thân [an sich] một cái gì có phương pháp và được suy

https://thuviensach.vn

nghĩ chín chắn, chẳng khác gì yêu cầu người ta phải có trên bản thân [an sich] - cứ cho là - mấy vết nhơ. Còn Pru-đông thật thì nói:

"Điều đó đủ để chứng minh rằng *trong* bản thân [in sich] nó cái trật tự sự vật ấy, - cái trật tự sự vật thay thế cho trật tự sự vật cũ, - cái trật tự đã mất phương pháp và sự phản từ".

Say sưa hồi tưởng về cách mạng Pháp, Pru-đông phê phán đã *cách mạng hoá* tiếng Pháp đến nỗi đi dịch "un fait physique"[11]1* thành "sự thực của vật lý học", dịch "un faitintellectuel"[12]2* thành "sự thực của trí tuệ". Do cách mạng hoá tiếng Pháp như vậy, Pru-đông phê phán đã làm cho vật lý học nắm được tất thảy những sự kiện xảy ra trong giới tự nhiên. Như vậy nếu một mặt ông ta đề cao khoa học tự nhiên lên tận chín tầng mây thì mặt khác, do phủ nhận trí tuệ trong khoa học tự nhiên, do phân biệt sự thật của trí tuệ với sự thật của vật lý học, ông ta cũng dìm khoa học tự nhiên xuống chín tầng đất đen. Đồng thời, do trực tiếp nâng sự thật của đời sống tinh thần lên thành sự thật của trí tuệ, ông ta cũng làm cho mọi sự tìm tòi thêm nữa về tâm lý học và lô-gích học trở thành vô ích theo một mức độ như vậy.

Vì Pru-đông phê phán, tức Pru-đông số 1, thậm chí không chịu đoán xem Pru-đông thật, tức Pru-đông số 2, định dùng phương pháp diễn dịch lịch sử của mình để chứng minh cái gì, nên đối với ông ta, dĩ nhiên là không có bản thân nội dung của sự diễn dịch đó, tức là không có việc chứng minh sự biến đổi của quan
niệm về pháp luật và sự *thực hiện* không ngừng sự công bằng cách *phủ định* pháp luật thực tại trong lịch sử.

"Xã hội", - Pru-đông thật viết, - "được cứu vãn bằng cách *phủ định* nguyên tắc của mình... và bằng cách *phá hoại pháp luật* thiêng liêng nhất".

Như vậy Pru-đông thật chứng minh rằng việc phủ định pháp luật La Mã dẫn tới việc mở rộng khái niệm pháp luật trong *quan niệm* của đạo Cơ Đốc về luật pháp, rằng việc phủ định pháp luật của bọn đi chinh phục dẫn tới việc xác lập pháp luật của đoàn thể tự trị, còn việc cách mạng Pháp phủ định toàn bộ pháp chế phong kiến thì đưa tới việc kiến lập một trật tự pháp luật hiện đại rộng rãi hơn.

Sự phê phán có tính phê phán quyết không thể thừa nhận rằng vinh dự phát hiện ra quy luật: nguyên tắc được thực hiện thông qua sự tự phủ định, là thuộc về Pru-đông. Trong khi đó, tư tưởng mang hình thức tự giác như vậy là một điều khải thị thực sự đối với người Pháp.

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN SỐ 1

Cũng giống như sự phê phán đầu tiên đối với bất cứ khoa học nào tất nhiên phải chịu sự chi phối của những tiền đề của bản thân khoa học mà sự phê phán đó phản đối, tác phẩm "Tài sản là gì?" của Pru-đông là sự phê phán theo quan điểm kinh tế chính trị đối với *khoa kinh tế chính trị*. - Phần nói về pháp luật trong cuốn sách phê phán pháp luật theo quan điểm pháp luật thì ở đây chúng ta không cần nghiên cứu kỹ, vì mục đích của nó là phê phán khoa học

https://thuviensach.vn

kinh tế chính trị. - Do đó, bằng cách phê phán *khoa kinh tế chính trị*, kể cả khoa kinh tế chính trị theo như Pru-đông hiểu, tác phẩm của Pru-đông sẽ bị vượt qua một cách khoa học. Công việc đó chỉ có thể làm được khi dựa vào tất cả những cái mà bản thân Pru-đông đã làm, giống hệt như sự phê phán mà Pru-đông tiến hành, đã lấy sự phê phán của phái trọng nông đối

với học thuyết trọng thương, đã lấy sự phê phán của A-đam Xmít đối với phái trọng nông, đã lấy sự phê phán của Ri-các-đô đối với A-đam Xmít, cũng như đã lấy tác phẩm của Phu-ri-ê và Xanh - Xi-mông làm tiền đề.

Mọi nghị luận của khoa kinh tế chính trị đều lấy *chế độ tư hữu* làm tiền đề. Tiền đề cơ bản này được khoa kinh tế chính trị coi là sự kiện bất di bất dịch và không được nghiên cứu thêm tí nào nữa, thậm chí như *Xay* đã thừa nhận một cách ngây thơ, còn được coi là sự kiện mà khoa kinh tế chính trị chỉ "ngẫu nhiên" mới đề cập tới. Về cơ sở của khoa kinh tế chính trị, tức là *chế độ tư hữu*, Pru-đông đã nghiên cứu một cách có phê phán và hơn nữa lần đầu tiên nghiên cứu một cách có tính chất quyết định, nghiêm khắc và khoa học. Đây là một tiến bộ khoa học lớn mà Pru-đông đã thực hiện, - một tiến bộ đã cách mạng hoá khoa kinh tế chính trị và lần đầu tiên làm cho nó có thể trở thành một khoa học thực sự. Ý nghĩa của tác phẩm "Tài sản là gì?" của Pru-đông đối với khoa kinh tế chính trị hiện đại cũng giống như ý nghĩa của tác phẩm "Đẳng cấp thứ ba là gì?" của *Xi-ây-ét* đối với khoa chính trị hiện đại.

Nếu như bản thân Pru-đông còn chưa coi những hình thức phát triển hơn của chế độ tư hữu như tiền công, thương nghiệp, giá trị, giá cả, tiền tệ, v.v., là những hình thức của chế độ tư hữu như trong "Deutsch - Französische Jahrbücher"[16] chẳng hạn (xem "Đại cương phê phán khoa kinh tế chính trị" của Ph.¨ngghen) - nếu như ông không làm như thế mà lại dùng những tiền đề kinh tế chính trị ấy để bác bỏ các nhà kinh tế học thì điều đó cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm đã nói trên kia của ông, một quan điểm xét về mặt lịch sử là có thể tha thứ được.

Cái khoa kinh tế chính trị coi quan hệ tư hữu là quan hệ hợp với tính người và hợp lý, thì không ngừng rơi vào chỗ mâu thuẫn với tiền đề cơ bản của mình, tức là chế độ tư hữu, đó là một mâu

thuẫn giống như mâu thuẫn nhà thần học vấp phải khi thường xuyên dùng phương thức của con người để giải thích quan niệm tôn giáo, do đó luôn luôn đi ngược lại tiền đề cơ bản của mình, tức là tính siêu nhân của tôn giáo. Ví dụ trong khoa kinh tế chính trị thì lúc đầu tiền công là phần sản phẩm tương xứng trả cho lao động. Tiền công và lợi nhuận của tư bản cùng ở trong một mối quan hệ hữu hảo nhất với nhau, ưu đãi nhau nhất, dường như hợp tính người nhất. Về sau mới phát hiện ra rằng quan hệ giữa chúng là thù địch nhất, rằng tiền công ở trong quan hệ *ngược* với lợi nhuận của tư bản. Ban đầu, giá trị xem chừng như được xác định rất hợp lý: nó do chi phí sản xuất của vật phẩm và công dụng xã hội của vật phẩm xác định. Về sau mới phát hiện ra rằng giá trị được xác định một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, nó chẳng có quan hệ gì với chi phí sản xuất cũng như với công dụng xã hội cả. Số lượng tiền công lúc đầu được xác định như là kết quả của sự thoả thuận *tự do* giữa công nhân tự do và nhà tư bản

https://thuviensach.vn

tự do. Về sau mới phát hiện ra rằng công nhân buộc phải đồng ý tiền công mà nhà tư bản quy định, còn nhà tư bản buộc phải duy trì tiền công ở mức thấp nhất có thể được. *Cưỡng bức* đã thay thế cho *tự do* của hai bên ký giao kèo. Tình hình cũng như vậy trong thương nghiệp và trong tất cả các quan hệ kinh tế khác. Có khi bản thân các nhà kinh tế học cũng cảm thấy những mâu thuẫn đó, và việc vạch ra những mâu thuẫn đó trở thành nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh giữa họ với nhau. Nhưng trong trường hợp những mâu thuẫn ấy được các nhà kinh tế học nhận thức được bằng cách này hay cách khác thì *bản thân họ* cũng công kích *chế độ tư hữu* biểu hiện dưới một hình thức *riêng biệt* nào đó và công kích những hình thức riêng biệt đó của chế độ tư hữu là đã nguỵ tạo tiền công vốn và hợp lý (hợp lý theo quan niệm của họ), giá trị vốn là hợp lý, thương nghiệp vốn là hợp lý. Chẳng hạn, có khi A-đam Xmít công kích các nhà tư bản, Đe-xtút đơ Tơ-ra-xi công kích các chủ ngân hàng, Xi-môn-đơ đơ Xi-xmôn-đi công kích
chế độ công xưởng, Ri-các-đô công kích chế độ sở hữu ruộng đất, hầu hết các nhà kinh tế học cận đại đều công kích các nhà tư bản *phi công nghiệp*, mà thông qua những nhà tư bản này, tư hữu chỉ thể hiện với tư cách là *người tiêu dùng.*

Cho nên các nhà kinh tế học có khi bảo vệ một cách ngoại lệ cái bề ngoài hợp tính người của những quan hệ kinh tế - nhất là khi họ công kích một sự lạm dụng riêng biệt nào đó - nhưng thường thường họ nắm lấy những quan hệ ấy chính là từ mặt *khác nhau* rõ rệt của chúng với tính người, từ ý nghĩa kinh tế chặt chẽ của chúng. Không tự giác về mâu thuẫn đó và ngả nghiêng hết bên này đến bên kia, họ không thoát khỏi mâu thuẫn đó.

Pru-đông vĩnh viễn chấm dứt tình trạng không tự giác đó. Ông đối xử một cách nghiêm chỉnh với cái *bề ngoài hợp tính người* của những quan hệ kinh tế và đem đối lập nó một cách dứt khoát với *hiện thực phản nhân tính* của những quan hệ kinh tế. Ông buộc những quan hệ ấy phải, trong hiện thực, phù hợp với quan niệm của chúng về bản thân mình, hay nói cho đúng hơn, ông buộc những quan hệ ấy phải từ bỏ cái quan niệm đó về bản thân chúng và thừa nhận rằng chúng thực sự trái với tính người. Vì vậy, Pru-đông mô tả một cách hết sức thấu triệt không phải một hình thức cá biệt nào đó của chế độ tư hữu như các nhà kinh tế học khác đã làm, mà mô tả toàn bộ chế độ tư hữu thành nhân tố nguỵ tạo mối quan hệ kinh tế. Ông đã làm tất cả những điều mà việc phê phán khoa kinh tế chính trị có thể làm được mà vẫn đứng trên quan điểm kinh tế chính trị.

Dĩ nhiên là ông Ét-ga, người muốn *nói lên đặc trưng của quan điểm* của tác phẩm "Tài sản là gì?" không mảy may bàn đến khoa kinh tế chính trị, cũng không mảy may bàn đến đặc điểm vốn có của tác phẩm của Pru-đông, cái đặc điểm biểu hiện ra chính là ở chỗ vấn đề *thực chất của chế độ tư hữu* được đặt ra ở đấy như một vấn đề cơ bản của khoa kinh tế chính trị và luật học. Sự phê
phán có tính phê phán coi tất cả những điều đó đều là hiển nhiên rồi. Bằng cách phủ định chế độ tư hữu - sự phê phán nói - Pru-đông chẳng phát hiện được cái gì mới cả. Ông chỉ tiết lộ cái bí mật mà sự phê phán có tính phê phán lờ tịt đi mà thôi.

https://thuviensach.vn

"Như vậy" - ông Ét-ga tiếp tục nói ngay sau khi dịch những đặc trưng - "Pru-đông đã phát hiện ra một cái tuyệt đối trong lịch sử, một cơ sở vĩnh viễn, một vị thần dìu dắt loài người. Vị thần đó là sự công bằng".

Tác phẩm của Pru-đông viết năm 1840, bằng tiếng Pháp, không đứng trên quan điểm của sự phát triển của nước Đức năm 1844 . Đó chính là quan điểm của Pru-đông mà nhiều tác giả Pháp đối lập hẳn với ông cũng đồng tình, nó là một phương tiện giúp cho sự phê phán có tính phê phán có thể dùng một nét bút mà nói lên đặc trưng của những quan điểm trái hẳn nhau. Ngoài ra, chỉ cần triệt để tuân theo quy luật mà bản thân Pru-đông nêu lên tức quy luật về sự công bằng được thực hiện thông qua sự phủ định bản thân nó, là đủ để thoát khỏi cái tuyệt đối ấy trong lịch sử. Nếu như Pru-đông không rút ra được kết luận triệt để ấy thì đó là do cái tình hình đáng buồn là ông ta sinh ra là người Pháp chứ không phải là người Đức.

Đối với ông Ét-ga thì Pru-đông với cái tuyệt đối của ông trong lịch sử, với lòng tin của ông vào sự công bằng, đã trở thành đối tượng *thần học*, và hiện nay sự phê phán có tính phê phán, vốn là sự phê phán thần học ex professo[13]1*, có thể bàn về Pru-đông để nhân đó mà có khả năng trổ tài tấn công những "quan niệm tôn giáo".

"Đặc điểm của mỗi quan niệm tôn giáo là ở chỗ nó nêu lên thành tín điều, cái tình hình trong đó giữa hai mặt đối lập thì cuối cùng bao giờ cũng có một mặt trở thành mặt chiến thắng và chân lý duy nhất".

Chúng ta sẽ thấy rằng sự phê phán có tính phê phán, có tính tôn giáo, nêu lên thành tín điều, cái tình hình trong đó giữa hai mặt đối lập thì cuối cùng sẽ có một mặt, tức "sự phê phán" coi là chân lý duy nhất, sẽ chiến thắng mặt đối lập kia, - tức "quần chúng". Song Pru-đông lại coi sự công bằng có tính quần chúng là cái tuyệt đối, là vị thần của lịch sử, nên đã mắc một điều không công bằng hơn là sự phê phán công bằng, kẻ đã giữ lấy cho mình *một cách hết sức rõ ràng* vai trò của cái tuyệt đối ấy, của vị thần của lịch sử ấy.

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN SỐ 2

"Sự thực về sự khốn cùng, về sự nghèo khổ làm cho Pru-đông rút ra một số luận điểm phiến diện: ông thấy sự thực ấy là một cái gì *mâu thuẫn* với bình đẳng và công bằng; ông thấy sự thực ấy là vũ khí của mình. Như vậy, đối với ông, sự thực ấy trở thành tuyệt đối và hợp lý, còn như sự thực về sự tồn tại của chế độ tư hữu thì trở thành không hợp lý".

Sự yên tĩnh của nhận thức bảo chúng ta rằng Pru-đông thấy sự thực về sự nghèo khổ là một cái gì mâu thuẫn với công bằng, do đó, ông cho rằng sự thực ấy là không hợp lý, nhưng ở đây sự yên tĩnh của nhận thức chưa kịp nghỉ đã vội vàng tuyên bố rằng đối với Pru-đông, sự thực ấy trở thành tuyệt đối và hợp lý.

Khoa kinh tế chính trị từ trước đến nay xuất phát từ *sự giàu có* mà dường như sự vận động của chế độ tư hữu đã đem lại cho *nhân dân*, đã đi đến chỗ biện hộ cho chế độ tư hữu. Pru-đông xuất phát từ sự thực trái ngược bị che giấu một cách nguỵ biện trong khoa kinh tế chính trị, xuất phát từ sự thực về sự nghèo khổ do sự vận động của chế độ tư hữu gây ra, đã đi tới

https://thuviensach.vn

những kết luận phủ định chế độ tư hữu. Sự phê phán đầu tiên đối với chế độ tư hữu thì dĩ nhiên là xuất phát từ sự thực là bản chất của chế độ tư hữu đầy rẫy mâu thuẫn biểu hiện ra dưới hình thức rõ ràng nhất, nổi bật nhất và trực tiếp khiến người ta căm phẫn nhất, tức là xuất phát từ sự thực về sự bần cùng, nghèo khổ.

"Trái lại, sự phê phán đem gộp hai sự thực là sự nghèo nàn và tài sản làm một; nó phát hiện mối liên hệ nội tại giữa chúng với nhau, biến chúng thành một chỉnh thể và hỏi bản thân cái chỉnh thể đó rằng tiền đề tồn tại của nó là gì".

Sự phê phán cho tới nay vẫn chưa hiểu một tí gì về các sự thực về tài sản và bần cùng, "trái lại" đem đối lập sự việc mà nó chỉ có thể làm được trong tưởng tượng của bản thân nó với sự việc thực tế của Pru-đông. Nó đem gộp *hai sự* thực làm một, và biến *hai cái* thành một sự thực *duy nhất* rồi phát hiện ra là có sự liên hệ nội tại giữa *hai cái*. Sự phê phán không thể phủ nhận rằng ngay Pru-đông cũng thừa nhận có mối liên hệ nội tại giữa hai sự thực là sự nghèo nàn và tài sản tư hữu, và chính do có mối liên hệ nội tại đó mà ông yêu cầu xóa bỏ tài sản để tiêu diệt sự nghèo nàn. Pru-đông thậm chí còn làm nhiều hơn nữa. Ông chỉ rõ tường tận sự vận động của tư bản đã gây ra sự khốn cùng *như thế nào*. Trái lại, sự phê phán có tính phê phán không thèm quan tâm đến điều nhỏ nhặt đó. Nó đã phát hiện ra rằng sự nghèo nàn và tài sản tư hữu là *hai cái đối lập nhau*, - đấy quả là một sự phát hiện khá phổ biến. Nó *biến* sự nghèo nàn và sự giàu có *thành một chỉnh thể* và "hỏi *bản thân* chỉnh thể ấy rằng tiền đề tồn tại của nó là gì", một câu hỏi thừa vì bản thân sự phê phán vừa mới *sáng tạo* ra "*bản thân chỉnh thể" ấy, và do đó,* bản thân *sự sáng tạo* đó của sự phê phán cũng là tiền đề của sự tồn tại của chỉnh thể ấy.

Hỏi "bản thân chỉnh thể" về tiền đề tồn tại của nó, như vậy là sự phê phán có tính phê phán đã dùng phương thức thực sự thần học để tìm những tiền đề ấy *ở bên ngoài* "chỉnh thể" ấy. Tư biện phê phán vận động bên ngoài đối tượng mà nó dường như đang nghiên cứu. Trong khi *toàn bộ sự đối lập* ấy giữa giàu và nghèo không phải là gì khác hơn là *sự vận động của hai mặt của nó*, trong khi tiền đề tồn tại của chỉnh thể nằm trong bản tính của hai mặt ấy thì bản thân sự phê phán có tính phê phán lại lẩn tránh không nghiên cứu sự vận động hiện thực hình thành chỉnh thể ấy, để tạo cơ hội cho mình nói rằng với tư cách là sự yên
tĩnh của nhận thức, mình cao hơn cả hai mặt đối lập ấy, rằng chỉ có hoạt động của mình đã sáng tạo ra "bản thân chỉnh thể", mới tiêu diệt được sự trừu tượng mà mình sáng tạo ra.

Giai cấp vô sản và sự giàu có là hai mặt đối lập. Với tính cách như vậy, chúng hợp thành một chỉnh thể thống nhất nào đó. Cả hai đều là sản phẩm của thế giới chế độ tư hữu. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ mỗi yếu tố trong hai yếu tố đó chiếm một địa vị xác định như thế nào trong sự đối lập. Chỉ tuyên bố rằng chúng là hai mặt của một chỉnh thể thống nhất thì chưa đủ.

Là chế độ tư hữu, là sự giàu có, chế độ tư hữu không thể không duy trì *sự tồn tại của bản thân nó*, do đó cũng không thể không duy trì sự tồn tại của mặt đối lập của nó là giai cấp vô sản. Đấy là mặt *khẳng định* của sự đối lập, là chế độ tư hữu được thoả mãn trong bản thân mình.

https://thuviensach.vn

Trái lại, với tư cách là giai cấp vô sản, giai cấp vô sản buộc phải thủ tiêu bản thân mình, do đó tiêu diệt cả cái mặt đối lập của nó - tức là chế độ tư hữu - đang chi phối nó và làm cho nó thành giai cấp vô sản. Đấy là mặt *phủ định* của sự đối lập, là sự không yên ổn bên trong bản thân sự đối lập, là chế độ tư hữu bị tiêu diệt và đang tự tiêu diệt.

Giai cấp hữu sản và giai cấp vô sản đều là sự tự tha hoá của con người. Nhưng giai cấp thứ nhất cảm thấy mình được thoả mãn và vững vàng trong sự tự tha hoá đó, thấy sự tha hoá là sự chứng minh cho sự hùng mạnh *của bản thân mình* và có được trong đó cái *bề ngoài* của sự tồn tại có tính người của mình. Còn giai cấp thứ hai thì cảm thấy mình bị huỷ diệt trong sự tha hoá đó, thấy trong sự tha hoá đó, sự bất lực và hiện thực về sự sinh tồn không có tính người của mình. Theo cách nói của Hê-ghen thì giai cấp này là *sự căm phẫn* trong tình trạng bị đày đoạ đối với tình trạng đó, một sự căm phẫn tất nhiên phải nảy sinh ra trong giai cấp này từ mâu thuẫn giữa bản tính người của nó với tình
hình sinh hoạt của nó, cái tình hình sinh hoạt phủ định một cách công nhiên, quyết liệt và toàn diện chính bản tính ấy.

Như vậy, trong phạm vi toàn bộ sự đối lập, người tư hữu là mặt *bảo thủ*, người vô sản là mặt *phá hoại*. Từ người thứ nhất nảy sinh ra hành động nhằm duy trì sự đối lập, từ người thứ hai, nảy sinh ra hành động nhằm xoá bỏ sự đối lập.

Đành rằng trong sự vận động kinh tế của mình, chế độ tư hữu tự đẩy mình đến chỗ tiêu diệt bản thân mình, nhưng nó chỉ làm điều đó nhờ sự phát triển không lệ thuộc vào nó, không tự giác, trái với ý chí của nó và do bản tính của bản thân khách thể chi phối; chỉ làm điều đó nhờ sự ra đời của giai cấp vô sản *với tư cách là* giai cấp vô sản, nghĩa là sự khốn cùng đã nhận thức được sự khốn cùng tinh thần và thể xác của mình, là tình trạng phi nhân tính đã nhận thức được tình trạng phi nhân tính của mình, do đó mà tự tiêu diệt mình. Giai cấp vô sản đang thi hành bản án mà chế độ tư hữu, trong khi đẻ ra giai cấp vô sản, đã làm ra cho mình, cũng giống như nó đang thi hành bản án mà lao động làm thuê, trong khi sản xuất ra sự giàu có cho kẻ khác và sự khốn cùng cho bản thân, đã làm ra cho mình. Sau khi thắng lợi, giai cấp vô sản dù sao cũng không thể nào trở thành mặt tuyệt đối của xã hội, vì rằng chỉ có sự tiêu diệt và tiêu diệt mặt đối lập của mình thì nó mới giành được thắng lợi. Với thắng lợi của giai cấp vô sản, bản thân giai cấp vô sản và mặt đối lập chi phối nó là chế độ tư hữu, đều tiêu vong.

Nếu như các tác giả xã hội chủ nghĩa quy vai trò có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới đó cho giai cấp vô sản thì tuyệt nhiên không phải vì họ coi người vô sản là *thần thánh* như sự phê phán có tính phê phán đã làm cho chúng ta tin như thế. Trái hẳn lại. Vì trong giai cấp vô sản đã hình thành thì việc gạt bỏ mọi cái hợp tính người, ngay cả đến việc gạt bỏ cái *bề ngoài* hợp tính người đã được thực hiện trên thực tế; vì trong điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản thì mọi điều kiện sinh hoạt của xã hội hiện đại
đã đạt tới điểm cao nhất của tình trạng phi nhân tính; vì trong giai cấp vô sản thì con người mất đi chính bản thân mình đồng thời con người không những có ý thức, trên mặt lý luận, về

https://thuviensach.vn

sự mất mát đó mà còn do sự bức bách của *sự bần cùng* không tránh khỏi, không che giấu nổi và tuyệt đối không gì chống lại được - của biểu hiện thực tế đó của *tính tất yếu* - mà trực tiếp buộc phải căm phẫn đối với tình trạng phi nhân tính ấy; vì tất cả những cái đó nên giai cấp vô sản có thể và phải tự mình giải phóng mình. Song nếu không tiêu diệt những điều kiện sinh hoạt của bản thân thì giai cấp vô sản không thể tự giải phóng được. Nếu không tiêu diệt *mọi* điều kiện sinh hoạt phi nhân tính của xã hội hiện đại biểu hiện tập trung ở tình cảnh của chính nó thì nó không thể tiêu diệt được điều kiện sinh hoạt của bản thân nó. Nó đã không uổng công trải qua trường học nghiêm khắc nhưng có tác dụng rèn luyện của *lao động*. Vấn đề không phải ở chỗ hiện nay người vô sản nào đó, thậm chí toàn bộ giai cấp vô sản, *coi* cái gì là mục đích của mình. Vấn đề là *ở chỗ giai cấp vô sản thực ra là gì*, và phù hợp với *sự tồn tại* ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử. Mục đích của nó và nhiệm vụ lịch sử của nó được tình hình sinh hoạt của bản thân nó cũng như toàn bộ tổ chức của xã hội tư sản hiện đại, chỉ ra từ trước một cách rõ rệt nhất và không thể chối cãi được. Một bộ phận lớn trong giai cấp vô sản Anh và Pháp đã có *ý thức* về nhiệm vụ lịch sử của mình và không ngừng cố gắng làm cho ý thức đó đạt tới mức hoàn toàn rõ rệt, điều đó bất tất phải nói đến nhiều.

"Sự phê phán có tính phê phán" cho rằng mình không cần phải thừa nhận điều ấy, vì nó đã tuyên bố rằng nó là nhân tố sáng tạo duy nhất của lịch sử. Những sự đối lập trong lịch sử đều do nó sinh ra, hành động nhằm tiêu diệt những sự đối lập cũng do nó sinh ra. Vì thế, qua miệng của Ét-ga, hiện thân của nó, nó đọc *lời tuyên bố* như sau:

"Có giáo dục và không có giáo dục, có tài sản và không có tài sản, *những mặt đối lập đó* - nếu không phải là nhằm mục đích *xúc phạm* chúng - đều phải được trao *hoàn toàn và đầy đủ* cho sự phê phán".

Có tài sản và không có tài sản được tôn sùng một cách siêu hình với tư cách là những mặt đối lập có tính phê phán tư biện. Vì vậy chỉ có bàn tay của sự phê phán có tính phê phán mới có thể đụng đến chúng mà không mắc tội xúc phạm vật thiêng liêng. Nhà tư bản và công nhân không nên can dự vào những mối quan hệ giữa họ với nhau.

Không thừa nhận ngay cả đến một ý nghĩ xa xôi là người ta có thể đả kích quan điểm có tính phê phán của ông về các mặt đối lập, có thể tước mất tính chất thiêng liêng của vật thiêng liêng ấy nên ông Ét-ga đã đem ý kiến phản đối mà chỉ ông ta mới có thể đưa ra cho chính mình, nhét vào mồm đối thủ của mình.

"Ngoài những khái niệm đã có như tự do, bình đẳng", v.v. - kẻ đối thủ tưởng tượng của sự phê phán có tính phê phán hỏi - "chẳng lẽ còn có thể vận dụng những khái niệm nào khác nữa ư? Tôi trả lời là" (hãy chú ý câu trả lời của ông Ét-ga) "một khi những tư tưởng mà tiếng Hy Lạp và tiếng la-tinh diễn đạt đều tận cùng thì hai ngôn ngữ ấy lập tức tiêu vong".

Bây giờ thì thấy rõ tại sao sự phê phán có tính phê phán không dùng tiếng *Đức* để đưa ra cho chúng ta một tư tưởng thống nhất nào. Ngôn ngữ diễn đạt tư tưởng của nó còn chưa ra đời, mặc dầu ông Rai-sơ-hát vận dụng một cách phê phán một số chữ ngoại quốc, ông Phau-

https://thuviensach.vn

sơ vận dụng một cách phê phán tiếng Anh và ông Ét-ga vận dụng một cách phê phán tiếng Pháp đã tiến hành nhiều công tác để chuẩn bị cho một thứ ngôn ngữ *phê phán mới*.

DỊCH MỘT CÁCH ĐẶC TRƯNG SỐ 2

Pru-đông phê phán nói:

"Những người canh tác ruộng đất phân chia ruộng đất giữa họ với nhau. Bình đẳng chỉ thần thánh hoá sự chiếm hữu: nhân đó, nó cũng thần thánh hoá tài sản".

Ở Pru-đông phê phán, sở hữu ruộng đất xuất hiện đúng vào
lúc thực hiện việc phân chia ruộng đất. Ở ông ta, sự quá độ từ chiếm hữu sang tài sản đã được thực hiện nhờ câu "nhân đó".

Pru-đông thật nói:

"Việc canh tác ruộng đất là cơ sở cho *sự chiếm hữu ruộng đất*... Chỉ bảo đảm cho người lao động thu lấy thành quả lao động của mình mà không đồng thời bảo đảm cho anh ta có công cụ sản xuất thì chưa đủ. Để bảo vệ người yếu hơn khỏi bị kẻ mạnh hơn xâm phạm... người ta cho rằng cần vạch ranh giới cố định giữa những người chiếm hữu".

Do đó, "nhân đó", bình đẳng trước hết đã thần thánh hoá *sự chiếm hữu*.

"Cùng với sự tăng lên của nhân khẩu, lòng tham lam và dục vọng của đám di dân cứ mỗi năm một mãnh liệt thêm. Xem ra thì phải tạo ra những chướng ngại mới không thể vượt qua được để hạn chế tham vọng của họ. Do đó, vì cần có bình đẳng mà ruộng đất đã thành ra tài sản... Không nghi ngờ gì cả, sự phân chia ruộng đất chưa bao giờ đồng đều về mặt địa lý... tuy vậy nguyên tắc vẫn cứ như thế. Bình đẳng trước kia thần thánh hoá sự chiếm hữu thì bây giờ lại thần thánh hoá tài sản".

Ở Pru-đông phê phán,

"những người sáng lập ra tài sản cổ đại, vì quá ư quan tâm đến việc thoả mãn nhu cầu của mình nên đã không nhìn thấy tình hình là quyền chuyển nhượng, bán, tặng, được và mất, là tương đương với quyền sở hữu, điều đó đã xoá bỏ sự bình đẳng mà từ đó họ đã xuất phát".

Ở Pru-đông thật thì người sáng lập ra tài sản không phải vì quan tâm đến việc thoả mãn nhu cầu của mình nên không nhìn thấy tiến trình phát triển đó của tài sản. Có điều là họ không dự kiến được điều đó. Nhưng dù cho họ có dự kiến được đi nữa thì trong trường hợp ấy, nhu cầu trước mắt cũng vẫn chiếm ưu thế. Sau nữa, Pru-đông thật quá ư quần chúng hoá nên đã không đối lập quyền chuyển nhượng, bán, v.v., với "quyền sở hữu", nghĩa là không đối lập chủng với loại. Ông đem đối lập "quyền *bảo tồn* di sản" với "quyền *chuyển nhượng*, v.v., di sản", đấy mới là sự đối lập chân chính và một bước tiến bộ chân chính.

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN SỐ 3

"Pru-đông căn cứ vào cái gì để chứng minh rằng tài sản là không thể có được? Dù có khó tin đến mấy đi nữa thì cũng là hoàn toàn căn cứ trên cái nguyên tắc bình đẳng ấy!"

https://thuviensach.vn

Muốn tin điều đó, ông Ét-ga chỉ cần suy nghĩ một chút là đủ. Ông Ét-ga nên biết rằng ông Bru-nô Bau-ơ đã coi "tự ý thức *vô hạn"* là cơ sở của mọi luận điểm của mình, thậm chí coi nguyên tắc đó là nguyên tắc sáng tạo của ngay cả phúc âm và phúc âm thì dường như do tính vô ý thức vô hạn của nó mà trực tiếp mâu thuẫn với tự ý thức vô hạn. Cũng vậy, Bru-đông coi bình đẳng như là nguyên tắc sáng tạo của chế độ tư hữu trực tiếp mâu thuẫn với nó. Nếu ông Ét-ga so sánh một chút *bình đẳng* của Pháp với "tự ý thức" của Đức thì sẽ phát hiện ra rằng nguyên tắc sau đã diễn đạt *theo lối Đức*, tức là bằng hình thức tư duy trừu tượng, cái mà nguyên tắc thứ nhất diễn đạt *theo lối Pháp*, tức là bằng ngôn ngữ của chính trị và bằng ngôn ngữ của trực quan tư duy. Tự ý thức là sự bình đẳng của con người với chính mình trong lĩnh vực tư duy thuần tuý. Bình đẳng là ý thức của con người đối với chính mình trong lĩnh vực thực tiễn, nghĩa là con người có ý thức rằng người khác là người bình đẳng với mình, con người đối xử với người khác như đối xử với người bình đẳng với mình. Bình đẳng là danh từ của nước Pháp dùng để nói lên sự thống nhất của bản chất con người, để nói lên ý thức loài và hành vi loài của con người, sự đồng nhất thực tế giữa người với nhau, nghĩa là để nói lên quan hệ xã hội hoặc quan hệ người giữa người ta với nhau. Vì vậy, sự phê phán có tính phá hoại ở Đức, - mà *Phoi-ơ-bắc* là đại biểu - trước khi tiến hành nghiên cứu *con người hiện thực*, đã ra sức dùng nguyên tắc *tự ý thức* để loại trừ tất cả cái gì xác định và đang tồn tại, còn sự phê phán có tính phá hoại ở Pháp thì đã ra sức dùng nguyên tắc *bình đẳng* để đạt tới cùng mục đích ấy.

"Pru-đông rất căm phẫn triết học, bản thân việc đó không thể là lỗi tại ông. Nhưng tại sao ông căm phẫn? Theo ông nghĩ, triết học cho tới nay vẫn chưa đủ thực tế, nó được nâng lên tận trên chín tầng mây *tư biện* thành thử trước mặt nó, *con người* tỏ ra quá ư bé nhỏ. Nhưng tôi nghĩ rằng triết học là siêu thực tế, nghĩa là cho tới nay nó không phải là cái gì khác mà là biểu hiện trừu tượng của hiện trạng của sự vật: nó bao giờ cũng bị chi phối bởi tiền đề của hiện trạng của sự vật và coi những tiền đề ấy là những cái tuyệt đối".

Xét về nguồn gốc thì đề ra quan điểm cho rằng triết học là biểu hiện trừu tượng của hiện trạng của sự vật không phải do ông Ét-ga mà là *Phoi-ơ-bắc*, người đầu tiên đã trình bày triết học là kinh nghiệm tư biện và thần bí và đã chứng minh điều đó. Song ông Ét-ga đã biết đem lại cho quan điểm ấy một hình thức biểu hiện độc đáo và có tính phê phán. Nghĩa là trong khi Phoi-ơ-bắc rút ra kết luận rằng triết học phải từ trên thiên quốc tư biện tụt xuống cái vực sâu sự bần cùng của loài người thì ông Ét-ga trái lại dạy chúng ta rằng triết học là siêu thực tế. Thực ra, nói cho đúng thì thế này: chính vì trước kia nó là chỉ là biểu hiện siêu nghiệm và trừu tượng của hiện trạng của sự vật, chính do tính siêu nghiệm và tính trừu tượng ấy của nó, do *tính độc lập có tính chất tưởng tượng* của nó với thế giới, nên triết học phải tưởng tượng rằng nó bỏ rơi rất xa dưới nó hiện trạng của sự vật và con người hiện thực. Mặt khác, vì triết học không độc lập *thực sự* với thế giới, nên nó không thể ra một *phán quyết thực sự* nào đối với thế giới, không thể áp dụng một sức phân biệt thực sự nào đối với thế giới, nghĩa là không thể *thực tế* can thiệp vào tiến trình của sự vật, mà nhiều lắm thì cũng chỉ buộc phải bằng lòng với thực tiễn in abstracto[14]1* mà thôi. Triết học chỉ là siêu thực tế theo ý nghĩa là nó

https://thuviensach.vn

bay lượn cao trên thực tiễn. Sự phê phán có tính phê phán gộp chung toàn nhân loại thành một đám quần chúng không có tinh thần sáng tạo, đã chứng minh hết sức rõ ràng rằng tư duy tư biện coi con người hiện thực là vô cùng bé nhỏ. Triết học tư biện cũ hoàn toàn nhất trí với sự phê phán ở điểm này. Chẳng hạn xin xem đoạn sau đây trong "Triết học pháp quyền" của Hê-ghen:

"Theo quan điểm nhu cầu thì đối tượng cụ thể của quần quan niệm chính là cái mà chúng ta gọi là *con người*; vì vậy ở đây, - và *nói cho đúng ra* cũng chỉ ở đây, - vấn đề là con người xét theo ý nghĩa đó"[17].

Trong tất cả mọi trường hợp khác, khi nói đến con người, các nhà triết học tư biện không chỉ *cái cụ thể*, mà chỉ *cái trừu tượng* tức *ý niệm, tinh thần*, v.v.. Còn về những ví dụ nổi bật nói rõ triết học biểu hiện hiện trạng của sự vật như thế nào thì ông Phau-sơ đã cung cấp cho chúng ta khi ông mô tả hiện trạng của sự vật ở Anh và ông Ét-ga đã cung cấp cho chúng ta khi ông mô tả hiện trạng của tiếng Pháp.

"Như vậy Pru-đông cũng rất thực tế: sau khi phát hiện ra rằng khái niệm bình đẳng là căn cứ để chứng minh tài sản, ông liền xuất phát từ khái niệm ấy để phản đối tài sản".

Ở đây, Pru-đông làm giống như các nhà phê phán nước Đức, là những người xuất phát từ quan niệm người, - họ phát hiện rằng quan niệm này dùng làm căn cứ để chứng minh sự tồn tại của thần, - chính là để bác bỏ sự tồn tại của thần.

"Nếu kết quả của nguyên tắc bình đẳng mạnh hơn bản thân sự bình đẳng thì làm thế nào mà Pru-đông lại muốn giúp đỡ nguyên tắc ấy đạt được sức mạnh bất ngờ như thế?"

Theo ý kiến của ông Bru-nô Bau-ơ, tự ý thức là cơ sở của mọi quan niệm tôn giáo. Theo ý kiến ông ta, nó cũng cấu thành nguyên tắc sáng tạo của Phúc âm. Vậy thì tại sao trong thực tế, ở đây, kết quả của nguyên tắc tự ý thức lại mạnh hơn bản thân tự ý thức? Trả lời theo tinh thần Đức thuần tuý thì đó là vì tự ý thức tuy là nguyên tắc sáng tạo của những quan niệm tôn giáo, nhưng nó chỉ là như thế khi nó lấy tư cách là tự ý thức đã thoát khỏi bản thân, tự mâu thuẫn với mình, tách khỏi mình và tha hoá. Vì

vậy, tự ý thức đã đạt tới bản thân, đã hiểu được bản thân, đã nhận thức được bản chất của mình thì chi phối được những sản vật của sự tự tha hoá của mình, Pru-đông cũng hoàn toàn ở trong tình trạng như vậy, - đương nhiên có chỗ khác là ông nói tiếng Pháp, chúng ta nói tiếng Đức, do đó ông diễn đạt theo lối Pháp cái mà chúng ta diễn đạt theo lối Đức.

Pru-đông tự đặt ra vấn đề: với tư cách là nguyên tắc sáng tạo của lý tính, bình đẳng là cơ sở cấu thành tài sản; và với tư cách là căn cứ lý tính cuối cùng, bình đẳng là cơ sở của mọi luận cứ chứng minh cho tài sản, vậy thì tại sao nó vẫn không tồn tại mà trái lại, sự phủ định của nó, tức tài sản tư hữu, lại tồn tại? Cho nên Pru-đông tiến hành nghiên cứu bản thân sự kiện tài sản. Ông chứng minh rằng "trên thực tế, tài sản coi như chế độ và nguyên tắc, là *không thể có được"* (tr.34) nghĩa là *bản thân nó tự mâu thuẫn với nó* và đang tự tiêu diệt ở tất cả các mặt; rằng nói theo lối Đức, nó là sự tồn tại hiện có của bình đẳng tự tách khỏi bản

https://thuviensach.vn

thân, tự mâu thuẫn với bản thân và tự tha hoá. Cũng như sự nhận thức đối với sự tha hoá đó, hiện trạng của sự vật ở nước Pháp có đầy đủ lý do chỉ rõ cho Pru-đông thấy tính tất nhiên của sự xoá bỏ thực sự sự tha hoá.

Trong khi phủ định tài sản tư hữu, Pru-đông đồng thời cũng cảm thấy cần biện hộ *về mặt lịch sử* cho sự tồn tại của tài sản tư hữu. Giống như mọi cuộc thí nghiệm ban đầu thuộc loại này, luận điểm của ông cũng mang tính chất thực dụng, nghĩa là ông giả định rằng các thế hệ trước kia đều ra sức thể hiện một cách hoàn toàn tự giác và có suy nghĩ chín chắn tư tưởng bình đẳng mà ông coi là sự thể hiện chân thực của bản chất loài người thành các chế độ của họ.

"Chúng ta đã nhắc đi nhắc lại rằng... Pru-đông sáng tác vì lợi ích của người vô sản".

Đúng thế, không phải lợi ích của sự phê phán tự mãn tự túc,
không phải lợi ích trừu tượng và giả tạo mà là lợi ích hiện thực, có tính chất lịch sử, của quần chúng, một thứ lợi ích đi xa hơn *sự phê phán* giản đơn, một thứ lợi ích đưa tới *khủng hoảng*, đã thúc đẩy Pru-đông sáng tác. Pru-đông không những viết vì lợi ích của người vô sản: bản thân ông cũng là người vô sản, là ouvrier[15]1*. Tác phẩm của ông là bản tuyên ngôn khoa học của giai cấp vô sản Pháp và do đó có ý nghĩa lịch sử hoàn toàn khác hẳn với những tác phẩm vụng về của bất cứ nhà phê phán có tính phê phán nào.

"Pru-đông viết vì lợi ích của những người tay trắng. Đối với ông có và không có là những phạm trù tuyệt đối. Đối với ông, có là cái quan trọng nhất, vì đồng thời đối với con mắt của ông, không có cũng là đối tượng suy nghĩ quan trọng nhất. Pru-đông nghĩ rằng mỗi người đều nên có, nhưng chỉ nên có nhiều bằng người khác. Tôi cần nói rằng trong tất cả những cái mà tôi có, cái mà tôi cảm thấy thích thú là cái chỉ tôi mới có, là cái tôi có nhiều hơn người khác. Trong điều kiện bình đẳng thì đối với tôi, sự thực về sự có cũng như bản thân sự bình đẳng cũng đều không quan hệ gì cả".

Nếu tin theo ông Ét-ga thì đối với Pru-đông, *có* và *không có* là *hai phạm trù* tuyệt đối. Bất cứ ở đâu, sự phê phán có tính phê phán cũng chỉ nhìn thấy mấy phạm trù. Chẳng hạn, đối với ông Ét-ga, có và không có, tiền lương, tiền thưởng, túng thiếu và nhu cầu, lao động để thoả mãn nhu cầu, tất cả những cái đó chẳng phải là những cái gì khác mà là những phạm trù.

Nếu xã hội chỉ cần được giải thoát khỏi hai *phạm trù có* và không có thì vì xã hội mà "khắc phục" và "tước bỏ" hai phạm trù đó sẽ là một công việc nhẹ nhàng đến thế nào đối với bất cứ nhà biện chứng nào thậm chí kém hơn cả ông Ét-ga. Ông Ét-ga coi sự "khắc phục" đó là việc nhỏ mọn không đáng kể, thậm chí không coi việc *giải thích* trái với Pru-đông về hai phạm trù có và không
có thực ra là cái gì, là việc đáng làm nữa. Nhưng vì không có không những chỉ là một phạm trù mà còn là hiện thực bi thảm nhất; vì ở thời đại chúng ta, người không có gì cũng là số không; vì anh ta vừa bị tước đoạt tư liệu tất yếu cho sự sinh tồn nói chung, vừa bị tước đoạt trên một mức độ lớn hơn những tư liệu sinh tồn của con người; vì trạng thái không có là trạng thái con người hoàn toàn tách rời tính vật thể của anh ta, cho nên Pru-đông hoàn toàn đúng khi ông coi không có là đối tượng suy nghĩ quan trọng nhất, và điều đó càng đúng hơn

https://thuviensach.vn

vì trước Pru-đông và tất cả các tác giả xã hội chủ nghĩa nói chung, người ta ít suy nghĩ đến đối tượng ấy. Không có là *thuyết duy linh* tuyệt vọng nhất, là tính không hiện thực hoàn toàn nhất của con người, là tính hiện thực hoàn toàn nhất của tình trạng phi nhân tính của con người, là sự có cực kỳ thực tế, nghĩa là có đói rét, bệnh tật, tội ác, tủi nhục, đần độn và mọi tình trạng phi nhân tính và trái tự nhiên. Và mỗi sự vật, do con người có ý thức đầy đủ về tính quan trọng của nó mà lần đầu tiên trở thành đối tượng suy nghĩ thì đối với nhà nghiên cứu, sẽ là *đối tượng đáng suy nghĩ nhất.*

Nguyện vọng của Pru-đông muốn tiêu diệt sự không có và hình thức cũ của sự có là hoàn toàn đồng nhất với nguyện vọng của ông muốn tiêu diệt quan hệ tha hoá thực tế của con người đối với *bản chất vật thể* của mình, muốn tiêu diệt biểu hiện *kinh tế chính trị* của sự tự tha hoá của con người. Nhưng vì sự phê phán của ông đối với khoa kinh tế chính trị còn bị chi phối bởi tiền đề của khoa kinh tế chính trị cho nên ở Pru-đông, sự giành lại thế giới vật thể vẫn biểu hiện bằng hình thức *chiếm hữu* kinh tế chính trị.

Sự phê phán có tính phê phán buộc Pru-đông phải đối lập không có với có; trái lại Pru-đông lại đối lập hình thức cũ của nó là *chế độ tư hữu* với *chiếm hữu*. Ông tuyên bố rằng chiếm hữu là "chức năng xã hội". Trong chức năng này, "lợi ích" không nhằm "gạt bỏ"

https://thuviensach.vn

người khác, mà nhằm sử dụng và phát huy lực lượng của mình, lực lượng bản chất của mình.

Pru-đông chưa thể diễn đạt tư tưởng ấy của mình một cách thích đáng. "Chiếm hữu *bình đẳng"* là quan niệm kinh tế chính trị, do đó vẫn còn là biểu hiện tha hoá của một sự thực là: vật thể, với tư cách là *sự tồn tại vì con người*, với tư cách là *sự tồn tại vật thể của con người* thì đồng thời cũng là *sự tồn tại hiện có của con người vì người khác*, là *quan hệ người* của anh ta *đối với người khác*, là *quan hệ xã hội của người đối với người*. *Trong khuôn khổ* của sự tha hoá kinh tế chính trị, Pru-đông khắc phục sự tha hoá kinh tế chính trị.

DỊCH MỘT CÁCH ĐẶC TRƯNG SỐ 3

Pru-đông phê phán đã tìm được cho mình *một người sở hữu có tính phê phán.*

"Anh ta tự *mình* thừa nhận rằng, cái mà người làm việc cho anh ta mất đi là cái mà anh ta chiếm lấy cho mình".

Pru-đông quần chúng nói với người sở hữu có tính quần chúng:

"Anh đã làm việc! Chẳng lẽ xưa nay anh không hề cưỡng bức những người khác làm việc cho anh hay sao? Vì làm việc cho anh, họ đã mất đi cái mà anh đã khéo chiếm làm của mình vì anh không làm việc cho họ, tình hình đó đã xảy ra bằng cách nào nhỉ?"

Pru-đông phê phán buộc Xay phải hiểu *"vật chiếm hữu* tự nhiên" là *"của cải* tự nhiên" mặc dù để tránh mọi sự hiểu nhầm. Xay đã tuyên bố hết sức rõ ràng trong "Tóm tắt" kèm theo cuốn "Khái luận về kinh tế chính trị" của ông rằng ông hiểu của cải không phải là tài sản, cũng không phải là vật chiếm hữu mà là "tổng số giá trị". Dĩ nhiên là Pru-đông phê phán đã cải tạo Xay như ông Ét-ga đã cải tạo chính bản thân Pru-đông phê phán. Theo Pru-đông phê phán, Xay đi từ sự thực là ruộng đất dễ chiếm hữu hơn không khí và nước, để "rút ra ngay lập tức quyền biến đồng ruộng thành tài

https://thuviensach.vn

sản". Song Xay căn bản không đi từ sự thực là ruộng đất dễ chiếm hữu hơn, để rút ra *quyền* sở hữu ruộng đất, trái lại ông nói không chút mập mờ rằng: *Những quyền* của những người sở hữu ruộng đất bắt nguồn từ sự *tước đoạt"*. ("Khái luận về kinh tế chính trị", bản in lần thứ ba, quyển I, tr. 136, chú thích[18].) Cho nên, theo Xay, để xác lập *quyền* sở hữu ruộng đất thì cần có "sự giúp sức của lập pháp" và của "luật thực tại". Pru-đông thật không buộc Xay phải đi từ sự thực là ruộng đất dễ chiếm hữu hơn, để *rút ra* "ngay lập tức" quyền sở hữu ruộng đất. Ông chỉ chê trách Xay là Xay đem tính khả năng *thay thế* cho quyền và *nhập cục* vấn đề tính khả năng với vấn đề quyền:

"Xay coi tính khả năng *là* quyền. Người ta không hỏi tại sao ruộng đất dễ chiếm hữu hơn biển và không khí; người ta muốn biết: con người dựa vào *quyền* nào để chiếm lấy của cải ấy làm của mình".

Pru-đông phê phán nói tiếp:

"Về điểm này, *chỉ* còn phải bổ sung thêm một điểm: đi đôi với việc chiếm hữu một mảnh ruộng đất, người ta còn chiếm những yếu tố khác - không khí, nước, lửa: terra, aqua, aëere et igne interdicti sumus[16]1*"".

Pru-đông thật căn bản không *"chỉ"* bổ sung thêm điểm ấy, trái lại ông nói rằng nhân tiện (en passant) "lưu ý" bạn đọc về sự chiếm hữu không khí và nước. Ở Pru-đông phê phán, công thức của lệnh trục xuất của La Mã bị nhét một cách không tài nào hiểu được vào lập luận của ông ta. Ông ta quên không nói rõ *"chúng ta"* trong lệnh cấm này là ai. Còn Pru-đông thật thì nói với những người không sở hữu rằng:

"Hỡi những người vô sản!... Tài sản *loại chúng ta ra khỏi xã hội:* terra etc. interdicti sumus".

Pru-đông phê phán tranh luận với Sác-lơ Công-tơ như sau:

https://thuviensach.vn

"Sác-lơ Công-tơ cho rằng người ta muốn sống thì phải có không khí, thức ăn và quần áo. Trong số đó, có những loại như không khí và nước, nghe nói là vô cùng vô tận nên bao giờ cũng vẫn là tài sản công hữu, còn những thứ khác vì số lượng có hạn nên trở thành tài sản tư hữu: Như vậy là Sác-lơ Công-tơ đi từ khái niệm hữu hạn và vô hạn đến chứng minh. Có thể là nếu ông coi khái niệm không cần thiết và cần thiết là phạm trù chủ yếu thì ông có thể đi đến những kết luận khác".

Ngây thơ thay sự biện bác đó của Pru-đông phê phán! Ông ta đề nghị Sác-lơ Công-tơ vứt bỏ những phạm trù mà Sác-lơ Công-tơ dùng làm điểm xuất phát trong những chứng minh của mình để đột nhiên nhảy sang những phạm trù khác, không phải nhằm đi tới kết luận của mình mà nhằm "có thể" đi tới kết luận của Pru-đông phê phán.

Pru-đông thật không đề nghị với Sác-lơ Công-tơ như vậy. Ông không tìm cách dựa vừa chữ "có thể" nào đó để thanh toán với Sác-lơ Công-tơ: ông đập lại Sác-lơ Công-tơ bằng những phạm trù của chính Sác-lơ Công-tơ.

Sác-lơ Công-tơ - Pru-đông nói - xuất phất từ sự cần thiết của không khí, thức ăn và trong điều kiện khí hậu nhất định của quần áo, không phải là để sống mà là để không chấm dứt cuộc sống. Để duy trì sự sinh tồn của mình, người ta do đó (theo Sác-lơ Công-tơ) cần thường xuyên chiếm hữu các loại vật phẩm. Số lượng những vật phẩm này không ngang nhau.

"Ánh sáng của thiên thể, không khí và nước có một số lượng lớn đến nỗi người ta không thể tăng hoặc giảm chúng một cách rõ rệt, nên mỗi người cần bao nhiêu để thoả mãn nhu cầu của mình thì có thể lấy bấy nhiêu mà *tuyệt nhiên không gây thiệt hại gì cho những người khác trong việc sử dụng những vật phẩm ấy*"[9].

Pru-đông lấy những quy định của chính Sác-lơ Công-tơ làm điểm xuất phát. Trước hết, ông chứng minh cho Sác-lơ Công-tơ thấy rằng ruộng đất cũng chính là cái cần thiết bậc nhất, cho nên phải để cho mỗi người đều có thể sử dụng nó nhưng phải trong những giới hạn mà Công-tơ đã vạch ra: *"tuyệt nhiên không gây thiệt hại cho những người khác trong việc sử dụng nó"*. Đã như
vậy thì sao ruộng đất lại trở thành tài sản tư hữu? Sác-lơ Công-tơ trả lời: vì số lượng ruộng đất *không phải vô hạn*. Song ông ta dường như phải rút ra kết luận ngược lại: vì số lượng ruộng đất *có hạn* nên nó không thể bị chiếm hữu. Chiếm hữu không khí và nước không gây thiệt hại cho ai cả vì những thứ đó bao giờ cũng thừa thãi, vì số lượng chúng là vô hạn. Trái lại, việc chiếm hữu ruộng đất một cách tuỳ ý gây thiệt hại cho người khác trong việc sử dụng ruộng đất chính vì số lượng ruộng đất có *hạn*. Cho nên việc sử dụng ruộng đất cần được điều chỉnh theo lợi ích của *mọi người*. Phương thức chứng minh của Sác-lơ Công-tơ chính đã chứng minh cái trái ngược với luận điểm của ông

"Sác-lơ Công-tơ - Pru-đông (tức Pru-đông phê phán) kết luận - xuất phát từ quan điểm cho rằng dân tộc có thể là người sở hữu ruộng đất; song nếu bản thân tài sản kéo theo nó quyền sử dụng và lạm dụng - jus utendi et abutendi re sua[17]1* - thì cũng không thể thừa nhận là dân tộc có quyền sử dụng và lạm dụng ruộng đất".

Pru-đông thật không nói rằng quyền sở hữu *"kéo theo nó"* jus utendi et abutendi. Ông quá ư quần chúng hoá, nên không nói đến thứ quyền sở hữu sinh ra quyền sở hữu. Jus utendi et abutendi re sua chính là bản thân quyền sở hữu. Vì thế, Pru-đông phủ nhận thẳng thừng

https://thuviensach.vn

quyền sở hữu của nhân dân đối với lãnh thổ của mình. Đối với những ai cho rằng đấy là nói phóng đại, ông bác lại rằng trong mọi thời đại, từ quyền sở hữu dân tộc tưởng tượng ấy, người ta đã rút ra những cái như quyền bá chủ, thuế khoá, độc quyền vua chúa, tạp dịch, v.v..

Pru-đông thật phát triển ý kiến sau đây để phản đối Sác-lơ Công-tơ: Công-tơ muốn chứng minh tài sản ra đời như thế nào, nhưng ông bắt đầu từ chỗ đưa ngay dân tộc với tư cách là người sở hữu, ra làm tiền đề, nghĩa là ông rơi vào cái petitio principii[18]2*.
Ông bắt nhà nước nhà nước bán ruộng đất, ông bắt chủ xí nghiệp mua ruộng đất ấy, nghĩa là ông đã lấy sẵn từ trước bản thân những quan hệ *tài sản* mà ông muốn chúng mình làm tiền đề.

Pru-đông phê phán đã lật đổ *hệ thập phân* của nước Pháp. Ông ta giữ lại đồng *phrăng*, nhưng lại thay đồng *xăng-tim* bằng đồng *"kẽm"*.

"Khi tôi nhượng - Pru-đông (Pru-đông phê phán) nói thêm - một miếng đất thì không những tôi mất đi thu hoạch năm nay mà còn tước đoạt phúc lợi vĩnh viễn của con cháu tôi. Ruộng đất có giá trị không phải chỉ hiện nay, nó còn có giá trị tiềm tàng và tương lai".

Pru-đông thật không nói rằng ruộng đất có giá trị không những ngày nay mà cả ngày mai; ông so sánh giá trị trọn vẹn hiện có với giá trị tiềm tàng sau này, tức là giá trị tuỳ thuộc vào tài lợi dụng mảnh đất của mình. Ông nói:

"Các anh đem phá huỷ hoặc đem bán mảnh đất của anh thì cũng vậy thôi. Các anh không những sẽ mất một, hai hoặc nhiều vụ thu hoạch mà còn sẽ mất đi tất cả những sản phẩm mà các anh - các anh và con cháu các anh - có thể thu được từ mảnh đất ấy".

Đối với Pru-đông, điều quan trọng không phải là so sánh một vụ thu hoạch với phúc lợi vĩnh viễn (số tiền thu được nhờ một mảnh đất cũng có thể trở thành "phúc lợi vĩnh viễn" như tư bản) mà là so sánh giá trị hiện có với giá trị có thể thu được nhờ tiếp tục canh tác ruộng đất ấy.

"Giá trị mới - Sác-lơ Công-tơ nói - mà tôi đem lại cho vật phẩm bằng lao động của tôi là tài sản của tôi. Pru-đông" (Pru-đông phê phán) "định lật đổ luận điểm ấy như sau: *Trong trường hợp đó,* một khi ngừng lao động, người ta cũng không còn là người sở hữu nữa. Quyền sở hữu về sản phẩm dù sao cũng không thể kéo theo nó quyền sở hữu về những vật liệu tạo thành cơ sở của sản phẩm".

Pru-đông thật nói:

"Hãy cứ cho rằng người lao động có thể chiếm hữu sản phẩm lao động của mình; nhưng tôi không hiểu tại sao quyền sở hữu về sản phẩm phải kéo theo nó quyền sở hữu về vật chất. Phải chăng người đánh cá đánh được nhiều hơn so với những người

đánh cá khác trên cùng một ven bờ sẽ nhờ đó mà trở thành người sở hữu giải đất anh ta đánh cá? Phải chăng người đi săn đã vì tài săn bắn mà đạt được quyền sở hữu về thú rừng của từng vùng? Tình hình cũng thế đối với nhà nông. Muốn biến *chiếm hữu* thành tài sản thì ngoài lao động đã tiêu phí, *còn* cần phải *có một điều kiện khác*; nếu không, một khi người ta không còn là người lao động nữa thì người ta cũng lập tức không còn là người sở hữu nữa".

https://thuviensach.vn

Cessante causa, cessat effectus[19]1*. Nếu người sở hữu chỉ với tư cách người lao động mới là người sở hữu thì một khi anh ta không còn là người lao động nữa, anh ta cũng lập tức không còn là người sở hữu nữa.

"Vì vậy, theo *pháp luật*, tài sản là do *thời hạn hiệu lực* tạo ra*; lao động* chỉ là dấu hiệu rõ rệt, hành vi vật chất mà sự chiếm hữu dựa vào để *biểu hiện ra*.

"Chế độ chiếm hữu vật phẩm thông qua lao động - Pru-đông nói tiếp - là *trái ngược với pháp luật*. Nếu những người bênh vực chế độ ấy khẳng định rằng họ dùng chế độ ấy để giải thích pháp luật thì họ *tự mâu thuẫn với chính họ"*.

Sau nữa, theo cách nhìn đó, nếu nói, chẳng hạn, việc khai khẩn ruộng đất "sáng tạo ra quyền sở hữu đầy đủ về ruộng đất ấy" thì lập luận này cũng chẳng phải là cái gì khác mà là petitio principii. Kỳ thực, việc ấy chỉ sáng tạo ra năng lực sản xuất mới của vật chất mà thôi. Còn như nói do đó mà cũng sáng tạo ra quyền sở hữu về bản thân vật chất thì đó là điều cần phải chứng minh. Người ta không sáng tạo ra bản thân vật chất. Ngay cả đến năng lực sản xuất ấy hay năng lực sản xuất nào đó ra vật chất cũng chỉ được con người sáng tạo ra với điều kiện có sự tồn tại từ trước của bản thân vật chất.

Pru-đông phê phán biến *Grắc-cút Ba-bớp* thành chiến sĩ đấu tranh cho *tự do,* còn ở Pru-đông quần chúng thì Ba-bớp xuất hiện với tư cách là chiến sĩ đấu tranh cho bình đẳng (partisan de l'égalité).

Pru-đông phê phán tự đảm nhiệm lấy việc quy định nhuận bút phải trả cho *Hô-me* về tập thơ "I-li-át", nói rằng:

"Nhuận bút mà tôi trả cho Hô-me, phải ngang với cái mà ông ta *cho tôi*. Nhưng làm thế nào mà xác định giá trị của cái mà Hô-me cho chúng ta?".

Pru-đông phê phán quả thật quá ư coi thường những điều nhỏ nhặt trong khoa kinh tế chính trị nên không biết rằng *giá trị* của vật phẩm và cái mà vật phẩm *ấy đem lại* cho người khác là hai sự vật hoàn toàn khác nhau. Pru-đông thật nói:

"Nhuận bút của nhà thơ phải ngang với sản phẩm của anh ta, nhưng giá trị của sản phẩm đó như thế nào?"

Pru-đông thật nhận định rằng "I-li-át" có giá cả (hoặc giá trị trao đổi, prix) lớn vô hạn; còn Pru-đông phê phán thì quả quyết rằng nó có *giá trị* lớn vô hạn. Pru-đông thật so sánh giá trị của "I-li-át", tức *giá trị* theo ý nghĩa *kinh tế chính trị của nó* (valeur intrinsèque), với giá trị trao đổi của nó (valeur échangeable); còn Pru-đông phê phán lại so sánh "giá trị nội tại" của "I-li-át" tức giá trị của nó coi là anh hùng ca, với "giá trị để trao đổi" của nó.

Pru-đông thật nói:

"Không có một thước đo chung cho khen thưởng vật chất và tài năng. Về mặt này, tình cảnh của mọi người sản xuất đều như nhau. Do đó không thể có bất cứ sự so sánh nào giữa họ với nhau và bất cứ sự phân biệt nào về tài sản" ("Entre une récompense matérielle et le talent, it n'existe pas de commune mesure; sous ce rapport la condition de tous les producteurs est égale; conséquemment toute comparaison entre eux et toute distinction e fortunes est impossible").

Còn Pru-đông phê phán lại nói:

https://thuviensach.vn

"Tình cảnh *tương đối* của những người sản xuất là giống nhau. Tài năng không thể đo bằng vật chất... Bất cứ sự so sánh nào giữa những người sản xuất với nhau và bất cứ *sự phân chia bên ngoài* nào về những người sản xuất đều không thể được".

Ở Pru-đông phê phán,

"nhà công tác khoa học phải *cảm thấy* rằng trong xã hội, mình là *bình đẳng* với tất cả mọi người khác, vì tài năng của anh ta và sự minh mẫn của anh ta đều *chỉ là* sản phẩm của sự minh mẫn của xã hội".

Không có chỗ nào Pru-đông thật nói đến cảm giác của người có tài năng. Ông nói rằng người có tài năng phải hạ xuống trình
độ của xã hội. Ông tuyệt nhiên không quả quyết rằng người có tài năng *chỉ là* sản phẩm của xã hội. Trái lại, ông nói:

"Người có tài thúc đẩy bản thân mình được rèn luyện thành một công cụ hữu ích... Trong bản thân anh ta ẩn giấu người lao động tự do và tư bản xã hội đã được tích luỹ".

Pru-đông phê phán nói tiếp:

"Ngoài ra, anh ta phải cảm ơn xã hội là đã giải thoát anh ta khỏi mọi công việc khác và làm cho anh ta có thể dốc sức vào khoa học".

Không có chỗ nào Pru-đông thật cần đến sự cảm tạ của người có tài. Ông nói:

"Nhà nghệ thuật, nhà khoa học, nhà thơ đã nhận được thù lao công bằng là chính ngay việc xã hội cho phép họ chuyên tâm vào khoa học và nghệ thuật".

Cuối cùng, Pru-đông phê phán sáng tạo ra một phép mầu thực sự: ông ta buộc xã hội duy trì một vị *"nguyên soái"* trong 150 người lao động, do đó mà duy trì cả một *quân đội*. Ở Pru-đông thật, chính vị "nguyên soái" đó cũng chẳng to hơn anh *"thợ rèn"* (meréchal).

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN SỐ 4

"Nếu ông ta (Pru-đông) muốn giữ khái niệm tiền lương, nếu ông ta muốn coi xã hội là một tổ chức cho chúng ta việc làm và trả thù lao cho chúng ta về việc làm đó thì ông ta càng không có lý do để coi thời gian là thước đo thù lao, vì trước đây không lâu, ông ta đã theo *Huy-gô Grô-ti-út* đưa ra tư tưởng cho rằng: về mặt *tầm quan trọng* của sự vật thì thời gian không quan hệ gì".

Ở đây chúng ta thấy một điểm duy nhất là sự phê phán có tính phê phán tìm cách giải quyết nhiệm vụ của mình và chứng minh với Pru-đông rằng ông xuất phát từ quan điểm kinh tế chính trị để phản đối một cách không đúng khoa kinh tế chính trị. Nhưng cũng chính ở đây, sự phê phán đã thực sự *làm nhục mình* một cách có tính chất phê phán

Cùng với Huy-gô Grô-ti-út, Pru-đông đã phát triển tư tưởng cho
rằng *thời hạn hiệu lực* không thể coi là căn cứ để biến *chiếm hữu* thành *tài sản*, biến một *"nguyên tắc pháp luật"* này thành một *"nguyên tắc pháp luật"* khác, cũng giống như thời gian

https://thuviensach.vn

không thể biến cái chân lý: tổng của ba góc trong của một tam giác bằng hai góc vuông, thành một chân lý khác: tổng của ba góc trong của một tam giác bằng ba góc vuông.

"Các anh không bao giờ có thể - Pru-đông thét lên - để cho thời gian, - là cái bản thân chẳng sáng tạo gì hết, chẳng cải biến gì hết, chẳng đổi mới gì hết - *biến* con người *sử dụng* một vật phẩm nào đó thành *người sở hữu* vật phẩm ấy".

Ông Ét-ga liền suy luận rằng vì Pru-đông nói thời gian không thể *biến* một nguyên tắc pháp luật này thành một nguyên tắc pháp luật khác, hơn nữa nó căn bản không thể tự nó cải biến hoặc đổi mới bất cứ cái gì, nên ông ta đã tỏ ra thuỷ chung bất nhất khi coi *thời gian lao động* là thước đo *giá trị* của sản phẩm lao động về mặt kinh tế chính trị học. Ông Ét-ga sở dĩ có thể nghĩ ra được ý kiến phê phán có tính phê phán đó là vì ông ta đã dịch từ "valeur"[20]1* thành "Geltung"[21]2* do đó có thể dùng từ đó theo cùng một nghĩa, khi mà chỗ này thì nói về ý nghĩa của nguyên tắc pháp luật, chỗ kia lại nói về giá trị thương nghiệp của sản phẩm lao động. Ông ta sở dĩ làm được điều đó là vì ông coi sự kéo dài trống rỗng của thời gian với thời gian lao động có nội dung đầy đủ là như nhau. Giả thử Pru-đông nói rằng thời gian không thể biến nhặng thành voi thì sự phê phán có tính phê phán cũng có thể suy luận rằng như vậy Pru-đông chẳng có lý do gì để coi thời gian lao động là thước đo tiền lương.

Thời gian lao động cần *hao phí* để sản xuất ra một vật phẩm nào đó thuộc về *chi phí sản xuất* ra vật phẩm ấy, *chi phí sản*

xuất ra một vật phẩm nào đó cũng có nghĩa là nó *giá* bao nhiêu, tức nó có thể *bán* được bao nhiêu nếu không tính đến ảnh hưởng của *cạnh tranh* - đó là điều mà ngay cả sự phê phán có tính phê phán cũng không thể không hiểu. Ngoài thời gian lao động và tư liệu lao động, các nhà kinh tế học còn tính cả địa tô của người sở hữu ruộng đất và lợi tức cùng lợi nhuận của nhà tư bản vào chi phí sản xuất. Ở Pru-đông, địa tô, lợi tức và lợi nhuận đều mất đi vì ở ông, tài sản tư hữu đã mất đi. Do đó chỉ còn lại thời gian lao động và chi phí ứng trước. Coi thời gian lao động, tức sự tồn tại hiện có trực tiếp của hoạt động của con người với tính cách hoạt động của con người, là thước đo để đo tiền lương và quy định giá trị sản phẩm, Pru-đông làm cho con người trở thành nhân tố quyết định; còn như trong khoa kinh tế chính trị cũ, nhân tố quyết định là lực lượng vật chất của tư bản và của sở hữu ruộng đất, nghĩa là Pru-đông đã khôi phục quyền của con người, có điều là vẫn còn khôi phục dưới hình thức kinh tế chính trị, do đó dưới hình thức mâu thuẫn. Cách ông xuất phát từ quan điểm kinh tế chính trị là đúng đến mức nào, điều đó có thể thấy ở chỗ người sáng lập ra khoa kinh tế mới, là *A-đam Xmít*, đã phát triển, ngay trong mấy trang đầu của tác phẩm của mình nhan đề "Nghiên cứu về bản chất và nguyên nhân của sự giàu có của các dân tộc"[20], một tư tưởng cho rằng *trước khi* chế độ tư hữu được xác lập, nghĩa là trong điều kiện *không có tài sản tư hữu, thời gian lao động* đã là thước đo của *tiền lương* và của *giá trị sản phẩm lao động* còn chưa tách biệt với tiền lương.

Tuy nhiên, hãy cứ cho rằng sự phê phán có tính phê phán tạm thời giả định rằng Pru-đông không xuất phát từ tiền đề lương. Chẳng lẽ nó cho rằng *có lúc nào đó, thời gian* cần thiết để

https://thuviensach.vn

sản xuất ra một vật phẩm nào đó sẽ không thành nhân tố bản chất của *"tính quan trọng"* của vật phẩm ấy hay sao? Chẳng lẽ nó cho rằng thời gian đang mất *giá trị* của mình đi hay sao?

Trong lĩnh vực sản xuất vật chất trực tiếp thì về bản chất, việc giải quyết vấn đề có nên sản xuất một vật phẩm nào đó hay không, tức việc giải quyết vấn đề *giá trị* của vật phẩm, là tuỳ thuộc vào thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra vật phẩm ấy. Vì xã hội có thời gian hay không để phát triển thực sự con người là tuỳ thuộc vào thời gian ấy.

Ngay cả lĩnh vực sản xuất *tinh thần* thì cũng thế, vì nếu muốn hành động hợp lý, há chẳng phải là khi xác định quy mô, tính chất và kế hoạch của tác phẩm tinh thần đó, không cần chú ý đến thời gian cần thiết để sản xuất ra nó hay sao? nếu không, ít ra tôi cũng sa vào nguy cơ là sự vật tồn tại trong tư tưởng của tôi không bao giờ trở thành sự vật hiện thực, do đó nó chỉ có thể có giá trị của sự vật tưởng tượng, nghĩa là chỉ có *giá trị tưởng tượng* mà thôi.

Sự phê phán đối với khoa kinh tế chính trị tiến hành theo quan điểm kinh tế chính trị thừa nhận tất cả mọi quy định bản chất của hoạt động của con người, nhưng chỉ trong hình thức tha hoá và tách ra ngoài. Chẳng hạn, ở đây nó biến ý nghĩa của thời gian đối với *lao động của con người* thành ý nghĩa của thời gian đối với *tiền lương*, đối với lao động làm thuê.

Ông Ét-ga nói tiếp:

"Muốn buộc người có tài năng tiếp nhận thước đo nói trên, Pru-đông đã *lạm dụng* khái niệm *giao dịch tự do* và quả quyết rằng xã hội và những thành viên cá biệt của nó vốn có quyền vứt bỏ tác phẩm của người có tài năng".

Ở những người theo học thuyết Phu-ri-ê và Xanh Xi-mông, người có tài năng tiếp tục đứng hai chân trên miếng đất của khoa kinh tế chính trị đã đưa ra *yêu cầu* quá cao về *nhuận bút* và lấy cái ảo tưởng của mình cho rằng mình là của báu vô giá, làm thước đo để xác định *giá trị trao đổi* của tác phẩm của mình. Đối với những âm mưu đó của người có tài, Pru-đông đã trả lời giống như khoa kinh tế chính trị đã trả lời bất cứ tham vọng nào hòng nâng giá
cả vượt xa cái gọi là giá cả tự nhiên, tức chi phí sản xuất ra vật phẩm: Pru-đông trả lời bằng cách chỉ ra giao dịch tự do. Đồng thời, ông không hề *lạm dụng* quan hệ ấy theo nghĩa kinh tế chính trị học, trái lại ông coi cái mà các nhà kinh tế học coi chỉ là hữu danh vô thực và hão huyền tức tự do của hai bên ký giao kèo, là một cái gì hiện thực

DỊCH MỘT CÁCH ĐẶC TRƯNG SỐ 4

Pru-đông phê phán đã cải tạo những người vô sản Pháp cũng như giai cấp tư sản Pháp do đó cuối cùng đã cải tạo *xã hội Pháp*.

Ông ta không nhận rằng những người vô sản Pháp là có "lực lượng", còn Pru-đông thật thì trách họ thiếu *đạo đức* (vertu). Ông ta biến *sự thành thạo* của họ trong công tác thành sự thành thạo chưa chắc chắn - "các anh *có thể* là nhanh nhẹn trong công tác" - còn Pru-đông thật thì thừa nhận vô điều kiện sự nhanh nhẹn của họ trong công tác (*"prompts au travail vous êtes"* etc.). Ông ta biến người tư sản Pháp thành anh thị dân ngu xuẩn, trong khi đó Pru-

https://thuviensach.vn

đông thật đối chiếu nhà tư sản ti tiện (bourgeois ignobles) với nhà tư sản "cao quý" bị bôi nhọ (nobles flétris). Ông ta biến người tư sản từ chỗ là kẻ thị dân "giữ đạo trung dung" (bourgeois juste-milieu) thành ra những người "thị dân *lương thiện* của chúng ta", điều mà giai cấp tư sản Pháp có thể cảm ơn ông ta. Ở đâu mà Pru-đông thật nói đến "ác ý" của người ta sản Pháp ("la malveillance de nos bourgeois") ngày một phát triển thì ở đấy Pru-đông phê phán lại nói một cách hoàn toàn nhất quán đến *"sự vô tâm* của những thị dân của chúng ta" ngày một tăng lên. Nhà tư sản của Pru-đông thật không phải là không lo lắng, họ tự nói "Đừng sợ! Đừng sợ!". Chỉ có kẻ nào muốn dựa vào lời hò hét để xua đuổi nỗi sợ và nỗi lo mới nói thư thế.

Thông qua việc dịch tác phẩm của Pru-đông thật để sáng tạo ra một Pru-đông phê phán, sự phê phán có tính phê phán đã chỉ
cho quần chúng thấy bản dịch được hoàn thành một cách phê phán là như thế nào. Nó chỉ cho chúng ta thấy rằng thế nào "dịch đúng như phải có". Vì thế nó có đủ quyền công kích những bản dịch tồi của quần chúng:

"Công chúng Đức muốn mua xuất bản phẩm với giá rẻ mạt, vì vậy nhà xuất bản muốn có bản dịch giá rẻ, người dịch không muốn chết đói trong công việc của mình, thậm chí anh ta không thể tiến hành công việc của mình với thái độ suy nghĩ chín chắn" (với tất cả sự yên tĩnh của nhận thức), "vì người xuất bản phải xuất bản tác phẩm dịch nhanh hơn để vượt kẻ cạnh tranh với mình. Hơn nữa, ngay cả người dịch cũng sợ sự cạnh tranh: anh ta lo rằng có người dịch khác nhận hoàn thành công việc nhanh hơn và với giá rẻ hơn. Thế là anh ta vội vàng đọc bản thảo của mình cho một người chép thuê nghèo nào đó, mà đọc hết sức nhanh cốt sao cho người ấy lĩnh lương theo giờ không vớ bở. Nếu như hôm sau, anh ta có thể đưa bản thảo cho người công nhân sắp chữ luôn luôn thúc giục anh ta, thì may mắn lắm rồi. Huống hồ các tác phẩm dịch tràn ngập trên thị trường sách của chúng ta chỉ là một biểu hiện của *sự sút kém* hiện nay trên văn đàn nước Đức" v.v.. ("Allgemeine Literatur - Zeitung", số VIII, tr. 54).

BÌNH LUẬN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN SỐ 5

"Trong sự chứng minh về tính chất không thể có được của tài sản - sự chứng minh mà Pru-đông rút ra từ chỗ loài người đặc biệt thiệt hại vì chế độ lợi tức và lợi nhuận và vì sự không cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng - thiếu mất mặt trái bổ sung cho nó, tức là sự chứng minh rằng tài sản tư hữu là có thể có trong lịch sử".

Bản năng may mắn khiến cho sự phê phán có tính phê phán quyết định không nghiên cứu sâu những luận đoán của Pru-đông về chế dộ lợi tức và lợi nhuận, v.v., nghĩa là một số luận đoán quan trọng nhất của Pru-đông. Vấn đề là ở chỗ: không có những tri thức hết sức thực tế về vấn đề vận động của chế độ tư hữu mà lại muốn phê phán Pru-đông về điểm này thì hoàn toàn không thể được, dù chỉ là muốn làm ra vẻ phê phán thôi. Sự phê phán có tính phê phán tìm cách bù lại sự bất lực của mình bằng một nhận xét cho rằng Pru-đông không đưa ra một sự chứng minh về
tính khả năng lịch sử của tài sản tư hữu. Song tại sao sự phê phán, là kẻ chẳng đưa ra được cái gì ngoài những lời nói suông, lại cứ đòi người khác cung cấp cho mình *hết thảy?*

https://thuviensach.vn

"Pru-đông chứng minh tính chất không thể có của tài sản bằng căn cứ lý luận sau: công nhân không thể dùng tiền thu được bằng lao động của mình để mua trở lại sản phẩm của mình. Khi chứng minh luận điểm ấy. Pru-đông đã viện đến thực chất của tư bản, nhưng không đưa ra những luận cứ thấu triệt, tường tận. Công nhân không thể mua trở lại sản phẩm của mình vì sản phẩm bao giờ cũng là sản phẩm xã hội, còn bản thân công nhân chẳng phải là gì khác hơn là một cá nhân được trả công".

Để thấu triệt cặn kẽ hơn, - ông Ét-ga đi ngược lại suy luận của Pru-đông, - có lẽ nên nói rằng công nhân không *thể* mua trở lại sản phẩm của mình vì anh ta luôn luôn buộc phải *mua nó trở lại*. Trong định nghĩa của mua đã chứa đựng tư tưởng cho rằng công nhân coi sản phẩm của mình là đối tượng đã tách rời bản thân anh ta, đã tha hoá rồi. Tiện đây cũng nói rằng luận cứ thấu triệt cặn kẽ của ông Ét-ga không giải thích thấu triệt cặn kẽ tại sao, về phần mình, nhà tư bản -mà bản thân cũng *không phải là gì khác* hơn là người *cá biệt*, và còn là người *được trả* lợi nhuận và lợi tức - không những có thể mua được sản phẩm lao động mà còn mua được nhiều hơn sản phẩm lao động nữa. Muốn giải thích điều đó, ông Ét-ga sẽ phải giải thích quan hệ qua lại của lao động với tư bản, nghĩa là phải viện đến thực chất của tư bản.

Những đoạn trích từ sự phê phán nói lên rõ rệt hơn hết sự phê phán có tính phê phán đã lợi dụng như thế nào cái mà nó vừa học được của một tác giả nào đó để sau khi cải biến thành cách nói có tính phê phán, liền coi ngay cái ấy là phát minh thiên tài của bản thân mình chống lại chính tác giả đó. Cần biết rằng sự phê phán có tính phê phán chính đã lấy của Pru-đông luận cứ

mà dường như Pru-đông chưa dùng và ông Ét-ga hiện đang sử dụng. Pru-đông nói:

"Divide et impera...[22]1* Anh tách rời những người công nhân với nhau thì rất có thể là tiền lương ngày trả cho mỗi người cá biệt sẽ vượt giá trị của sản phẩm của cá nhân; nhưng vấn đề không phải là ở đấy... Trả thù lao cho tất cả lực lượng cá nhân, như thế anh vẫn là chưa trả thù lao cho lực lượng tập thể".

Pru-đông *trước hết* chú ý rằng tổng số tiền lương của những công nhân cá biệt ngay trong trường hợp lao động của mỗi cá nhân được trả thù lao đầy đủ cũng chưa đủ để trả cho lực lượng tập thể vật hoá vào sản phẩm của họ; rằng do đó công nhân lĩnh thù lao không phải với tư cách *một bộ phận của sức lao động tập thể*. Ông Ét-ga xuyên tạc tư tưởng ấy, khẳng định rằng công nhân chẳng phải là gì khác hơn là người cá biệt được trả thù lao. Như vậy, sự phê phán có tính phê phán đã lợi dụng tư tưởng *chung* của Pru-đông để chống lại sự phát triển *cụ thể* hơn nữa của cũng một tư tưởng ấy ở chính Pru-đông ấy. Nó nắm tư tưởng ấy theo phương thức phê phán và bộc lộ cái bí mật của *chủ nghĩa xã hội có tính phê phán* trong mấy câu như sau:

"Công nhân hiện nay chỉ *suy nghĩ* về bản thân, nghĩa là anh ta cho rằng mình chỉ được trả thù lao với tư cách cá nhân. Không phải ai khác mà chính là *bản thân công nhân* không tính đến lực lượng vĩ đại và không gì so sánh được sinh ra từ trong sự hợp tác của anh ta với những lực lượng khác".

https://thuviensach.vn

Theo ý kiến của sự phê phán có tính phê phán thì mọi tai hoạ đều chỉ ở trong *"tư duy"* của công nhân. Đúng vậy, công nhân Anh và Pháp đã tổ chức ra các đoàn thể trong đó vấn đề được đem ra trao đổi giữa công nhân với nhau không chỉ là nhu cầu trực tiếp của họ về mặt là *công nhân* mà còn là nhu cầu trực tiếp của họ về mặt là *con người*. Tổ chức ra những đoàn thể ấy, công nhân đã chứng tỏ rằng họ đã hiểu hết sức sâu sắc và rộng rãi cái lực

lượng "vĩ đại" và "không gì so sánh được" sinh ra từ trong sự hợp tác của họ. Nhưng những công nhân cộng sản chủ nghĩa có *tính quần chúng ấy*, ví dụ những người làm công ở các công xưởng Man-se-xtơ và Ly-ông, không hề nghĩ rằng dùng *"tư duy thuần tuý"*, nghĩa là chỉ dựa vào những nghị luận của họ, là có thể thoát khỏi bọn chủ của họ và khỏi địa vị nhục nhã thực tế của bản thân họ. Họ rất đau khổ cảm thấy *sự khác nhau* giữa *tồn tại* và *tư duy*, giữa *ý thức* và *đời sống*. Họ biết rằng tài sản, tư bản, tiền bạc, lao động làm thuê và những cái như thế đều hoàn toàn không phải là ảo ảnh trong tưởng tượng, mà là sản phẩm hết sức thực tế, hết sức cụ thể của sự tự tha hoá của công nhân, rằng vì vậy họ cũng phải dùng phương thức thực tế và cụ thể để tiêu diệt chúng để cho con người có thể trở thành con người không những trong *tư duy*, trong *ý thức* mà cả trong *sự tồn tại* có tính quần chúng, trong đời sống nữa. Còn sự phê phán có tính phê phán thì trái lại, dạy công nhân rằng miễn là họ xoá bỏ trong tư tưởng cái ý nghĩ lao động làm thuê, miễn là trong tư tưởng họ không còn coi mình là công nhân làm thuê nữa, và dựa vào sự tưởng tượng ngông cuồng ấy không còn để cho người ta trả thù lao cho mình coi là người cá biệt nữa, là họ thực sự không còn là công nhân làm thuê nữa. Sau đó, với tư cách là nhà duy tâm tuyệt đối với tính cách sinh vật ê-te; dĩ nhiên là họ có thể sống bằng ê-te của tư duy thuần tuý. Sự phê phán có tính phê phán dạy công nhân rằng khi nào họ xoá bỏ được, trong *tư tưởng*, cái phạm trù tư bản thì họ cũng trừ bỏ được tư bản hiện thực, khi nào họ cải biến được trong ý thức của mình, cái *"tôi trừu tượng"* của mình, gạt bỏ một cách khinh bỉ mọi hành động *thực sự* cải biến sự sinh tồn hiện thực của mình, cải biến điều kiện hiện thực của sự sinh tồn của mình, tức là cải biến cái *"tôi" hiện thực* của mình coi như những hành động không có tính phê phán thì họ *sẽ thực sự* biến đổi và chuyển hoá thành con người hiện thực. Cái *"tinh thần"* coi hiện thực thực tại chỉ là phạm trù đương nhiên sẽ quy mọi hoạt động và thực tiễn của con người thành quá trình tư duy biện
chứng của sự phê phán có tính phê phán. Sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội của nó với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản *của quần chúng* cũng chính là ở đấy.

Sau lập luận hùng vĩ của mình, ông Ét-ga dĩ nhiên phải "từ chối" không cho sự phê phán của Pru-đông là có "ý thức".

"Nhưng Pru-đông cũng muốn thành *người thực tế"*. "Ông nghĩ rằng ông đã nhận thức được". "Tuy thế" - sự yên tĩnh của nhận thức đắc ý kêu lên - "hiện nay, chúng ta cũng còn phải từ chối không cho ông ta có sự *yên tĩnh của nhận thức"*. "Chúng ta trích dẫn mấy chỗ trong tác phẩm của ông ta để chỉ rõ rằng ông ta rất ít suy nghĩ biết bao đến thái độ của mình đối với xã hội".

Sau này, chúng ta còn phải trích dẫn mấy đoạn trong tác phẩm của sự phê phán có tính phê phán (xem "Ngân hàng của người nghèo" và "Nông trang kiểu mẫu") để chỉ rõ rằng ngay cả

https://thuviensach.vn

về những quan hệ kinh tế cơ bản nhất, nó cũng chưa nhận thức được, còn nói gì đến suy nghĩ về những quan hệ đó, vì vậy với sự khôn khéo có tính phê phán vốn có, nó cũng cảm thấy nó có trách nhiệm phân tích Pru-đông một cách phê phán.

Sau khi sự phê phán có tính phê phán, với tư cách là sự yên tĩnh của nhận thức, *"đã khuất phục"* được *tất cả mọi "mặt đối lập" có tính quần chúng,* sau khi nắm lấy toàn bộ hiện thực dưới hình thức phạm trù và hoà toan mọi hoạt động của con người vào trong phép biện chứng tư biện, - sau tất cả những việc làm đó, nó lại sáng tạo lại thế giới từ phép biện chứng tư biện như chúng ta sẽ thấy sau này. Chẳng nói cũng rõ, muốn cho khỏi bị "xúc phạm" thì chỉ có thể thông báo cái phép mầu sáng tạo thế giới một cách tư biện - phê phán cho quần chúng ngoại đạo, dưới hình thức *thánh-kịch thần bí*. Do đó sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở Vi-snu - Sê-li-ga đã xuất hiện với tư cách là *anh lái buôn những bí mật"*[21]".

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG V

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN
DƯỚI BỘ MẶT ANH LÁI BUÔN NHỮNG BÍ MẬT,
HAY LÀ
SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN
THỂ HIỆN Ở ÔNG SÊ-LI-GA

"Sự phê phán có tính phê phán" thể hiện ở Vi-snu - Sê-li-ga đã hết lời ca tụng "Những bí mật của thành Pa-ri". Ơ-gien Xuy được tôn lên làm "nhà phê phán có tính phê phán". Chỉ cần ông ta biết việc này, ông ta sẽ ngạc nhiên kêu lên như anh "Trưởng giả học làm sang" của Mô-li-e:

"Trời ơi! tôi làm văn xuôi hơn 40 năm trời nay mà tôi không hề biết và tôi đội ơn Ngài vô cùng về chỗ hôm nay Ngài đã mách bảo tôi điều đó"[22].

Trước khi phê phán, ông Sê-li-ga đã đưa ra một lời tiểu dẫn *mỹ học*.

"Lời tiểu dẫn mỹ học" giải thích như sau về ý nghĩa phổ biến của anh hùng ca "có tính phê phán" và đặc biệt là ý nghĩa phổ biến của "Những bí mật của thành Pa-ri":

"Anh hùng ca sáng tạo ra một tư tưởng cho rằng bản thân hiện tại chẳng là gì hết, thậm chí không những chỉ là" (*chẳng là gì hết,* thậm chí không những chỉ là!) *"ranh giới* vĩnh viễn giữa *quá khứ* và *tương lai*, mà còn là" (chẳng là gì hết, thậm chí không những chỉ là mà còn là!) *"vết rạn cần phải* thường xuyên *bồi đắp* nó ngăn cách *cái bất diệt* với *cái nhất thời... Đấy là ý nghĩa phổ biến* của "Những bí mật của thành Pa-ri".

Tiếp đó, "lời tiểu dẫn mỹ học" quả quyết rằng *"nhà phê phán* nếu muốn thì cũng có thể trở thành *nhà thơ"*.

Toàn bộ sự phê phán của ông Sê-li-ga sẽ chứng minh tính chính xác của luận đoán ấy. Tất cả các bộ phận cấu thành của sự phê phán đều là *"thơ ca"* cả.

"Sự phê phán đó đồng thời cũng là sản phẩm của "nghệ thuật tự do" theo ý nghĩa đã xác định trong "lời tiểu dẫn mỹ học", nghĩa là "nó đã phát minh ra *một cái gì hoàn toàn mới và tuyệt đối chưa hề có"*.

Cuối cùng, nó thậm chí còn là một *bản anh hùng ca có tính phê phán* vì rằng bao giờ cũng là "một vết rạn cần phải thường xuyên bồi đắp nó ngăn cách cái bất diệt" - sự phê phán có tính phê phán của ông Sê-li-ga - với "cái nhất thời" - cuốn tiểu thuyết của ông Ơ-gien Xuy.

https://thuviensach.vn

1. "BÍ MẬT CỦA SỰ DÃ MAN TRONG VĂN MINH" VÀ "BÍ MẬT CỦA TÌNH TRẠNG KHÔNG CÓ PHÁP LUẬT TRONG NHÀ NƯỚC"

Ai nấy đều rõ *Phoi-ơ-bắc* đã coi quan niệm của đạo Cơ Đốc về đầu thai xuống trần, về tam vị nhất thể, về bất tử, v.v., là bí mật về đầu thai xuống trần, về tam vị nhất thể và về bất tử. Ông Sê-li-ga lại coi tất cả những quan hệ hiện nay trên trần đều là những bí mật cả. Nếu *Phoi-ơ-bắc* đã bóc trần những *bí mật hiện thực* thì ông *Sê-li-ga* lại đem biến tất cả những *cái bình thường* hiện thực thành *những bí mật*. Bản lĩnh của ông ta không phải là ở chỗ bóc trần những cái bị che giấu mà là che giấu những cái đã bị bóc trần.

Chẳng hạn, ông ta gọi sự dã man (sự tồn tại của tội phạm) trong văn minh cũng như tình trạng không có pháp luật và bất bình đẳng trong nhà nước đều là những *bí mật* cả. Như vậy, ắt phải là một trong hai điều sau đây: hoặc là sách báo xã hội chủ nghĩa đã bóc trần những bí mật ấy, vẫn còn là bí mật đối với ông

https://thuviensach.vn

Sê-li-ga; hoặc là ông ta muốn biến những kết luận nổi tiếng nhất của sách báo ấy thành bí mật riêng của sự phê phán có tính phê phán.

Vì vậy chúng ta không cần bàn chi tiết đến những luận đoán của ông Sê-li-ga về những bí mật đó mà chỉ đưa ra mấy điểm xuất sắc nhất.

"Mọi người dù giàu nghèo sang hèn đều bình đẳng trước pháp luật và quan toà. Nguyên lý này đứng hàng đầu trong tín điều của *nhà nước*".

Của nhà nước ư? Trái hẳn lại tín điều của đa số các nhà nước đều quy định ngay từ đầu rằng: giàu nghèo sang hèn đều *bất bình đẳng* trước *pháp luật.*

"Với sự đúng mực ngây thơ của mình, anh thợ đẽo đá Mo-ren nói rất rõ bản chất của bí mật đó" (tức là bí mật về sự đối lập giữa người giàu và người nghèo). "Anh ta nói: Phải chi người giàu cũng biết điều đó ! Phải chi người giàu cũng biết điều đó ! Song không may thay, họ không biết sự nghèo nàn là gì cả !".

Ông Sê-li-ga không biết rằng Ơ-gien Xuy vì lễ phép với giai cấp tư sản Pháp nên đã *lầm lẫn thời đại* khi ông ta đem lời nói thông thường của người tư sản dưới triều Lu-i XIV: "À ! Phải chi Đức vua cũng biết điều đó !" sửa thành "À ! Phải chi người giàu cũng biết điều đó !" và đặt vào miệng anh công nhân Mo-ren ở thời đại "Hiến chương chân lý" [23]. Ít ra là ở Anh và ở Pháp, cũng không còn tồn tại quan hệ *chất phác* đó giữa người giàu và người nghèo. Những đại biểu học giả của bọn giàu có, tức các nhà kinh tế học, đã truyền bá ở đây những kiến giải rất tỉ mỉ về sự nghèo nàn thể xác cũng như sự nghèo nàn tinh thần của sự khốn cùng. Với một giọng an ủi, họ chứng minh rằng vì phải bảo tồn hiện trạng của sự vật, nên hình như cũng phải bảo tồn sự bần cùng đó. Nhưng vẫn chưa hết. Họ thậm chí còn tính toán cẩn thận rằng vì phúc lợi của người giàu và của bản thân họ, người nghèo nên chết đi theo một *tỷ lệ* như thế nào đó để giảm bớt số người của mình đi.

Khi Ơ-gien Xuy mô tả những quán rượu, những sào huyệt và tiếng nói của *bọn tội phạm* thì ông Sê-li-ga khám phá ra một điều

"bí mật" là "tác giả" không dự định mô tả tiếng nói đó và những sào huyệt đó mà dự định.

"nghiên cứu bí mật của những động cơ đẩy đến tội ác", v.v., "vì chính ở những nơi đi lại tấp nập nhất... bọn tội phạm lại cảm thấy như *ở nhà"*.

Nếu có người chứng minh với nhà khoa học tự nhiên rằng tổ ong gây hứng thú cho nhà khoa học tự nhiên không phải với tính cách là tổ ong, rằng tổ ong đó không phải là điều bí mật đối với kẻ nào không nghiên cứu nó, vì chính ở trong không khí trong lành và trên những bông hoa con ong "cảm thấy mình hoàn toàn như ở nhà" thì nhà khoa học tự nhiên sẽ nói thế nào? Chính sào huyệt và tiếng nói của bọn tội phạm phản ánh tính cách của tội phạm; đó là những bộ phận cấu thành không thể tách rời được của đời sống hàng ngày của bọn tội phạm, cho nên mô tả tội phạm tất nhiên phải mô tả những mặt đó cũng như môt tả femme galante[23]1* tất nhiên phải mô tả petite maison[24]2*.

https://thuviensach.vn

Sào huyệt của bọn tội phạm là điều "bí mật" không những đối với dân Pa-ri thông thường mà cả đối với cảnh sát Pa-ri, cho nên hiện nay người ta còn phải mở ra ở trung tâm thành phố những con đường rộng rãi và sáng sủa để cho cảnh sát đến được tận những ngóc ngách ấy.

Sau hết, bản thân Ơ-gien Xuy tuyên bố rằng khi ông mô tả tất cả những điều nói trên kia, ông trông mong vào "tâm lý hiếu kỳ sợ sệt" của bạn đọc. Chỉ cần nhắc đến những cuốn "A-ta Gun", "Con hoả xà", "Plích và Plốc" là đủ để chứng minh điều đó.

2. BÍ MẬT CỦA KẾT CẤU TƯ BIỆN

Bí mật của bản trần thuật có tính phê phán "Những bí mật của thành Pa-ri" chính là bí mật của *kết cấu tư biện, kiểu Hê-ghen.*
Sau khi đã gọi "sự dã man trong văn minh" và "tình trạng không có pháp luật trong nhà nước" là bí mật, nghĩa là sau khi đã hoà tan những cái đó vào phạm trù *"bí mật"*, ông Sê-li-ga buộc "bí mật" phải bắt đầu *lịch trình tư biện của cuộc sống* của nó. Chỉ vài chữ thôi cũng đủ để nói lên đặc điểm chung của kết cấu tư biện. Trong khi bàn về "Những bí mật của thành Pa-ri", ông Sê-li-ga vạch cho ta thấy *những chi tiết* của sự vận dụng kết cấu đó.

Khi từ những quả táo, quả lê, quả dâu, quả hạnh hiện thực, tôi rút ra một quan niệm chung về *"quả"*; khi đi sâu hơn nữa, tôi *tưởng tượng* rằng quan niệm trừu tượng của tôi về "quả" ["*die Frucht"*] rút từ những hiệu quả hiện thực mà ra, là một bản chất tồn tại ngoài bản thân tôi và hơn nữa còn là bản chất *thực sự* của quả lê, quả táo, v.v., thì tôi nói - theo *ngôn ngữ tư biện* - rằng "quả" là "thực thể" của quả lê, quả táo, quả hạnh, v.v.. Cho nên tôi nói rằng đối với quả lê thì cái việc nó là quả lê là phi bản chất, đối với quả táo, thì việc nó là quả táo là phi bản chất. Cái bản chất của những quả đó, tôi nói, không phải là tồn tại thực tế có thể cảm thấy được những quả đó, mà là bản chất mà tôi đã rút ra từ những quả đó và đã gán cho những quả đó, là bản chất trong quan niệm của tôi, "q u ả". Như thế là tôi nói: quả lê, quả táo, quả hạnh, v.v., là những hình thức tồn tại giản đơn, là *dạng thức* của "q u ả". Đành rằng lý trí hữu hạn của tôi, được các giác quan giúp đỡ, *phân biệt được* một quả táo với một quả lê, một quả lê với một quả hạnh, nhưng lý tính tư biện của tôi lại tuyên bố rằng sự khác nhau có thể cảm giác được ấy là phi bản chất và không quan trọng. Lý tính tư biện thấy quả táo và quả lê *có cái giống nhau*, trong quả lê và quả hạnh có cái giống nhau, đó là "q u ả". Những quả hiện thực khác nhau do những đặc điểm của chúng, chỉ là những quả hư ảo mà thôi, và bản chất thực sự của những quả đó là "thực thể", là "quả".

Phương pháp đó không đưa tới sự *phong phú* đặc biệt của *những quy định*. Nhà khoáng vật học, mà toàn bộ khoa học của
ông ta chỉ bó hẹp ở chỗ xác minh cái chân lý là tất cả mọi khoáng vật thật ra chỉ là "khoáng vật nói chung" mà thôi, thì sẽ chỉ là nhà khoáng vật học trong *trí tưởng tượng của mình*. Trước mỗi khoáng vật, nhà khoáng vật tư biện nói: đây là "k h o á n g v ậ t", và trên thế giới

https://thuviensach.vn

có bao nhiêu khoáng vật thực sự thì khoa học của người đó chỉ biết nhắc lại danh từ đó bấy nhiêu lần thôi.

Do đó sau khi đã từ các quả hiện thực khác nhau mà rút ra *một* "quả" trừu tượng - "quả nói chung" - thì tư duy tư biện, muốn đạt đến cái bề ngoài của một nội dung thực hiện nào đó, không thể không tìm cách này hay cách khác để đi ngược từ "q u ả", từ thực thể trở lại những quả hiện thực thông thường *muôn hình muôn vẻ,* lê, táo, hạnh, v.v.. Nhưng xuất phát những từ quả hiện thực mà có được ý niệm trừu tượng là "q ủ a" dễ bao nhiêu, thì xuất phát từ ý niệm trừu tượng là "q u ả" mà có được những quả hiện thực lại khó bấy nhiêu. Hơn nữa nếu không *từ bỏ* sự trừu tượng đi thì cũng tuyệt đối không thể chuyển từ trừu tượng sang *cái trực tiếp đối lập* với sự trừu tượng được.

Do đó nhà triết học tư biện từ bỏ sự trừu tượng về "quả", nhưng từ bỏ một cách đặc biệt, *tư biện, thần bí,* nghĩa là vẫn giữ cái bề ngoài tựa hồ như anh ta không từ bỏ sự trừu tượng. Cho nên thực ra, chỉ có vẻ bề ngoài, nhà triết học đó mới vượt qua giới hạn sự trừu tượng thôi. Nhà triết học đó đã nghị luận đại khái như sau:

Nếu quả táo, lê, hạnh, dâu, trên thực tế, chỉ là "thực thể nói chung", là "quả nói chung" thì người ta sẽ tự hỏi rằng cớ sao mà "quả nói chung", biểu hiện ra lúc thì là táo, lúc thì là lê, lúc thì lại là hạnh được; từ đâu mà có *cái bề ngoài muôn vẻ đó,* cái bề ngoài hết sức rõ ràng là mâu thuẫn với quan niệm tư biện của tôi về *thể thống nhất,* về "thực thể nói chung", về "quả nói chung".

Nhà triết học tư biện trả lời rằng: đó là do chỗ "quả nói chung" không phải là một bản chất chết, không có những sự khác nhau, nằm im, mà là một bản chất sinh động, tự phân biệt với mình, có vận động. Cái muôn vẻ của những quả thông thường không
những có ý nghĩa đối với lý trí cảm tính *của tôi,* mà còn đối với bản thân "quả nói chung" nữa, đối với lý tính tư biện nữa. Các quả thông thường khác nhau đều là những biểu hiện khác nhau của đời sống của *"quả thống nhất"*; đó là những sự kết tinh do bản thân "quả nói chung" tạo ra. Bởi vậy, chẳng hạn như trong quả táo thì "quả nói chung" đem lại cho nó một tồn tại hiện có dưới cái dáng quả táo, trong quả lê, nó đem lại cho nó một tồn tại hiện có dưới cái dáng quả lê. Vậy ở đây đã không còn có thể nhắc lại cái quan điểm xuất phát từ quan niệm về thực thể mà nói rằng: quả lê là "q u ả"; quả táo là "q u ả"; quả hạnh là "q u ả" tự xác định thành quả táo; "q u ả" tự xác định thành quả hạnh. Những sự khác nhau phân biệt những quả táo, quả lê, quả hạnh, đó là những sự tự phân biệt của "q u ả", những sự khác nhau ấy làm cho những quả riêng biệt thành những vòng khâu trong quá trình sống của "quả nói chung". Như vậy, "q u ả" không còn là thể thống nhất không có nội dung, không có sự khác nhau, mà là thể thống nhất với tính cách là sự *tổng hợp,* với tính cách *"tổng thể"* của các thứ quả họp thành một *"chuỗi bị phân chia một cách hữu cơ gồm những vòng khâu"*. Trong mỗi khâu của chuỗi đó, "q u ả" đem lại cho mình một tồn tại hiện thực phát triển hơn, rõ rệt hơn, cho đến cuối cùng với tính cách là "sự khái quát" tất cả các quả đó đồng thời trở thành *thể*

https://thuviensach.vn

thống nhất sống. Thể thống nhất này hoà tan quả cá biệt trong bản thân nó rồi lại tự nó sinh ra các thứ quả, đúng như các bộ phận của thân thể không ngừng biến thành máu rồi lại không ngừng nảy sinh trở lại từ máu vậy.

Các bạn thấy đấy: đạo Cơ Đốc cho rằng chỉ có hiện thân của *độc một mình* đấng thượng đế thôi, còn triết học tư biện lại cho rằng có bao nhiêu sự vật thì có bấy nhiêu hiện thân, chẳng hạn, theo triết học tư biện thì trong ví dụ trên, đối với nó mỗi quả cá biệt đều là hiện thân riêng biệt của thực thể, tức quả tuyệt đối. Cho nên điều mà các nhà triết học tư biện thích thú nhất là chế
tạo ra *sự tồn tại* của quả hiện thực, quả thông thường, rồi mới nói một cách bí hiểm rằng: táo, lê, hạnh, nho đang tồn tại. Nhưng táo, lê, hạnh, nho, mà chúng ta có được trong thế giới tư biện cùng lắm cũng chỉ là táo, lê, hạnh và nho *hư ảo* mà thôi vì chúng là những khâu của sự sống của "quả nói chung", là những khâu của sự sống của *bản chất* trừu tượng *do lý trí sáng tạo ra*, do đó bản thân chúng ta là *sản phẩm trừu tượng của lý trí*. Cái mà chúng ta cảm thấy thích thú trong hoạt động tư biện là ở chỗ chúng ta lại thu được mọi thứ quả hiện thực, nhưng những quả này đã là những quả có ý nghĩa thần bí cao hơn, chúng không phải sinh trưởng từ miếng đất vật chất mà là sinh trưởng từ ê te của bộ óc chúng ta, chúng là hiện thân của "quả nói chung", là hiện thân của *chủ thể tuyệt đối*. Như vậy, khi chúng ta từ trừu tượng, từ cái bản chất lý trí *siêu tự nhiên đó*, tức là từ "quả nói chung" mà trở về với quả *thiên nhiên* hiện thực, thì đồng thời chúng ta lại làm cho quả thiên nhiên đó có một ý nghĩa siêu tự nhiên, biến chúng thành trừu tượng thuần tuý. Cho nên, điều chủ yếu mà hiện nay chúng ta cần chú ý nghĩa siêu tự nhiên, biến chúng thành trừu tượng thuần tuý. Cho nên, điều chủ yếu mà hiện nay chúng ta cần chú ý chính là chứng minh *tính thống nhất* của "quả nói chung" trong mọi biểu hiện sinh hoạt của nó - tức trong táo, lê, hạnh, v.v., do đó chứng minh *mối liên hệ qua lại thần bí* của những quả đó, chỉ rõ "quả nói chung" tự thực hiện theo thứ bậc như thế nào trong mỗi thứ quả đó và chuyển *một cách tất nhiên* như thế nào từ một hình thức tồn tại này của mình, sang một hình thức khác, chẳng hạn từ nho sang hạnh. Vì vậy, ý nghĩa của quả thông thường hiện nay *đã không còn ở* thuộc tính *thiên nhiên* của chúng nữa mà là ở thuộc tính *tư biện* khiến chúng có một địa vị nhất định trong quá trình sinh mệnh của "q u ả t u y ệ t đ ố i".

Khi nói rằng có những quả táo và quả lê thì con người bình thường không cho rằng mình nói ra một điều gì đặc biệt. Nhưng khi nhà triết học biểu thị những vật tồn tại đó bằng những thuật ngữ tư biện thì ông ta đã nói ra một điều gì *không bình thường*
rồi. Ông ta đã làm được một việc *kỳ diệu*: từ *cái bản chất lý tính* phi hiện thực, tức là "quả nói chung", ông ta đã tạo ra những vật hiện thực *tự nhiên*, tức là táo, lê, v.v., nghĩa là từ *cái lý trí trừu tượng của riêng mình* mà ông ta coi là một chủ thể tuyệt đối nằm ngoài bản thân mình, ở đây tức là từ "quả nói chung", ông ta *đã sáng tạo ra* những quả ấy. Và mỗi khi nhà triết học tư biện tuyên bố về sự tồn tại của những vật nào đó, là ông ta đã làm một việc sáng tạo rồi đó.

https://thuviensach.vn

Đương nhiên là nhà triết học tư biện, sở dĩ có thể hoàn thành sự sáng tạo không dứt đoạn đó, chỉ là vì ông ta đã đem những thuộc tính của quả táo, của quả lê, v.v., mà ai cũng biết, cũng thấy rõ trong thực tế, làm thành những quy định do mình *phát hiện* ra bằng cách gắn những *tên gọi* của sự vật hiện thực cho cái mà chỉ có lý trí trừu tượng mới có thể sáng tạo ra, nghĩa là cho những công thức trừu tượng của lý trí và cuối cùng bằng cách tuyên bố rằng hoạt động của *chính mình,* - hoạt động biểu hiện ở chỗ bản thân *ông ta chuyển* từ quan niệm táo sang quan niệm lê, - là *sự tự hoạt động* của chủ thể tuyệt đối, tức là của "quả nói chung".

Nói theo ngôn ngữ tư biện thì cái cách đó là: hiểu *thực thể* là *chủ thể,* là *quá trình bên trong,* là *nhân cách tuyệt đối.* Cách hiểu đó là đặc trưng chủ yếu của phương pháp Hê-ghen.

Cần phải có những nhận xét đầu tiên như thế mới làm cho người ta có thể hiểu được ông Sê-li-ga. Nếu cho đến nay, ông Sê-li-ga vẫn xây dựng những quan hệ hiện thực, chẳng hạn như văn minh và pháp lý, thành phạm trù bí mật, và như thế là ông đã biến "b í m ậ t" thành thực thể thì bây giờ, lần đầu tiên, ông mới vươn tới được cái đỉnh tư biện thật sự, đến cái đỉnh *Hê-ghen,* và biến "b í m ậ t" thành một chủ thể độc lập, *thể hiện* ra trong những quan hệ và những người hiện thực, do đó những bá tước phu nhân, những hầu tước phu nhân, những cô gái lãng mạn, những người gác cổng, những viên quản lý văn khế, những thầy lang vườn, những tình sử, những cuộc khiêu vũ, những cửa gỗ v.v., là những

biểu hiện sống của chủ thể đó. Lúc đầu xuất phát từ thế giới hiện thực mà tạo ra phạm trù "b í m ậ t", giờ đây ông ta xuất phát từ phạm trù ấy mà tạo ra thế giới hiện thực.

Trong sự trình bày của ông Sê-li-ga, những bí mật của *kết cấu tư biện* biểu lộ một cách *hết sức hiển nhiên* không sao chối cãi được, khiến ông có *hai* ưu điểm mà *Hê-ghen* không có. Một là, đứng trước quá trình nhờ đó nhà triết học chuyển từ vật thể này qua vật thể khác bằng cách lợi dụng trực qua cảm tính và biểu tượng thì Hê-ghen, với một lối nguỵ biện khéo léo, đã trình bày quá trình đó thành một quá trình do bản thân bản chất lý trí tưởng tượng, do chủ thể tuyệt đối hoàn thành. Hai là, thường thường trong sự trình bày *tư biện* của ông, Hê-ghen lại có một sự trình bày *hiện thực* nắm được bản thân *sự vật*. Sự phát triển hiện thực đó *trong lòng* sự phát triển tư biện của khái niệm làm cho người đọc coi sự phát triển tư biện là sự phát triển hiện thực, và sự phát triển hiện thực là sự phát triển tư biện.

Ở ông Sê-li-ga thì không có cả hai khó khăn đó. Phép biện chứng của ông hoàn toàn không có sự giả đối và giả tạo. Ông biểu diễn kỹ xảo của ông một cách thành thực đáng khen và một cách thẳng thắn ngây thơ nhất. Và *không ở đâu*, ông phát triển *nội dung hiện thực* cả, đến nỗi kết cấu tư biện của ông hoàn toàn không có những điều thêm thắt gây trở ngại, nó hiện ra trước mắt chúng tá không có bất cứ bề ngoài lập lờ nước đôi nào cả, trong toàn bộ vẻ đẹp trần truồng của nó. Ngoài ra bằng ví dụ của mình, ông Sê-li-ga chứng minh một cách hết sức xuất sắc rằng phép tư biện một mặt hình như tự do sáng tạo a priori ra đối tượng của mình từ bản thân mình như thế nào, và mặt khác muốn dùng nguỵ biện để thoát khỏi sự phụ thuộc hợp lý và tự nhiên vào *đối tượng,* phép tư biện lại rơi như thế nào vào tình trạng *tuỳ*

https://thuviensach.vn

thuộc một cách nô lệ không tự nhiên và không hợp lý nhất vào những đối tượng mà nó buộc phải diễn đạt những quy định ngẫu nhiên nhất

và riêng biệt nhất của chúng thành những quy định tuyệt đối tất nhiên và phổ biến.

3. "BÍ MẬT CỦA XÃ HỘI CÓ GIÁO DỤC"

Sau khi đã chỉ cho chúng ta thấy những tầng lớp thấp nhất của xã hội và đưa chúng ta đi thăm những quán rượu của bọn tội phạm, v.v., Ơ-gien Xuy lại dẫn chúng ta vào xã hội thượng lưu và đến một phòng khiêu vũ ở khu phố Xanh Giéc-manh.

Ông Sê-li-ga giới thiệu *sự di chuyển* đó như sau:

"Cái bí mật bao giờ cũng tìm cách dùng một sự chuyển biến mới để trốn tránh sự khảo sát. Cho tới nay, với tư cách là một cái gì tuyệt đối không hiểu được, không sao nắm được, có tính chất phủ định nó vẫn đối lập với cái có thực, hiện thực và khẳng định. Hiện nay nó lại xâm nhập vào cái có thực, hiện thực, khẳng định ấy như là *nội dung không thể thấy được* của cái ấy. Nhưng do đó mà nó cũng loại trừ tính tuyệt đối không có nhận thức được".

Cái "bí mật" từ trước tới nay vẫn đối lập với "cái có thực", "hiện thực" và "khẳng định", nghĩa là với pháp luật và giáo dục "bây giờ lại thâm nhập vào cái ấy", nghĩa là vào lĩnh vực giáo dục thì đây là một điều bí mật, nếu *không phải* là điều bí mật *của Pa-ri* thì cũng là điều bí mật *đối với Pa-ri*. Ông Sê-li-ga không chuyển từ những bí mật của thế giới tội phạm sang những bí mật của xã hội quý tộc; mà trái lại làm cho cái "bí mật nói chung" trở thành "nội dung không thể thấy được", thành *bản chất thực sự* của xã hội có giáo dục. Đây *không phải* là một *"sự chuyển biến mới"* của ông Sê-li-ga để mở đường cho những sự khảo sát sâu thêm; đó là "sự chuyển biến mới" của bản thân cái *bí mật* để cho *nó* có thể lẩn tránh sự điều tra.

Trước khi thực sự đi theo Ơ-gien Xuy đến nơi mà trái tim ông ta hướng tới, nghĩa là đến cuộc khiêu vũ quý tộc, ông Sê-li-ga còn sử dụng những sự chuyển biến *giả tạo* của tư biện đang cấu thành a priori.

"Rõ ràng là người ta có thể *dự kiến* rằng cái bí mật bao giờ cũng *cố tìm cách ẩn náu* trong một cái vỏ rất vững chắc. *Và trên thực tế dường như* trước mắt chúng ta là *tính không thể thâm nhập khó lòng vượt qua... do đó,* có thể *dự tính, về đại thể* có thể nói... *Tuy nhiên, ở* đây một cuộc thí nghiệm mới để truy cứu đến nơi đến chốn là *không tránh khỏi".*

Thế là đủ rồi. Trong việc này ông Sê-li-ga đã đạt được nhiều thành tựu đến nỗi

"chủ thể *siêu hình* của b í m ậ t giờ đây hiện ra thanh thoát, nhẹ nhàng, thoải mái và lẳng lơ".

Muốn biến xã hội quý tộc thành điều "bí mật", ông Sê-li-ga tìm cách nhớ vào một số lần suy nghĩ để giải thích ý nghĩa của *giáo dục.* Ông gán trước cho xã hội quý tộc cả một loạt tính chất mà không ai thấy nó có, để sau đó phát hiện một cái "bí mật" là xã hội quý tộc không có những tính chất đó. Tiếp đó, ông ta coi sự phát hiện đó là cái "bí mật" của xã hội có giáo dục. Ông Sê-li-ga đặt ra cho mình những câu hỏi như: "Lý tính *phổ biến"* (có lẽ là lô-gích tư biện?) Phải chăng là đầu đề của *"những câu chuyện xã giao"* trong xã hội có giáo dục? "Phải chăng *duy trì có nhịp điệu* và *cung bực* của tình yêu đối với con người mới làm

https://thuviensach.vn

cho" xã hội đó "trở thành một chỉnh thể nhịp nhàng?" "Cái mà chúng ta gọi là *giáo dục chung,* phải chăng chính là hình thức của *cái phổ biến,* của *cái vĩnh cửu* và của *cái lý tưởng*", nói cách khác, phải chăng cái chúng ta gọi là giáo dục là kết quả của sự tưởng tượng siêu hình? Để trả lời những câu hỏi đó, ông Sê-li-ga cũng dễ dàng tiên tri a priori rằng:

"*Nhưng* có thể *dự tính rằng*... câu trả lời đối với những vấn đề ấy sẽ là phủ định".

Trong tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy, quá trình chuyển từ xã hội bình dân lên xã hội quý tộc được hoàn thành bằng thủ pháp chung của các cuốn tiểu thuyết. *Sự hoá trang* của Rô-đôn-phơ, ông hoàng Giê-rôn-stanh, giúp ông đi sâu vào những tầng lớp dưới của xã hội cũng như danh hiệu của ông giúp ông gần gũi tầng lớp trên của xã hội. Điều mà ông suy nghĩ trên đường đi dự cuộc khiêu

vũ quý tộc không phải là những cảnh trái ngược của sinh hoạt xung quanh: ông chỉ cảm thấy những cảnh trái ngược của những kiểu hoá trang của *mình* là *thú vị*. Ông mách bảo những bạn đường ngoan ngoãn nhất của mình rằng ông cảm thấy thích thú khác thường như thế nào trong những cảnh ngộ khác nhau.

"Tôi cảm thấy - ông nói - những cảnh trái ngược đó khá thú vị: hôm qua tôi là một họa sĩ ngồi vẽ quạt trong một ngôi nhà nhỏ ở phố Phe-vơ; sáng nay, tôi là anh hầu bàn dâng cho bà Pi-plê một cốc rượu thơm nấu bằng hắc-phúc-bôn và chiều nay... tôi lại là một trong những người có đặc quyền nhờ ơn thần thánh mà cai quản thế gian này".

Được mời dự cuộc khiêu vũ, sự phê phán có tính phê phán cất tiếng hát:

"Với sự có mặt của các vị thần trên trái đất

Tôi cơ hồ sắp mất cả tinh thần và lý trí"[24]

Và sự phê phán có tính phê phán đã thổ lộ nỗi lòng trong *những bài hát ca tụng* sau:

"Ở đây, phép mầu của ảo thuật đã toả ánh sáng mặt trời giữa ban đêm, đã khoác cho mùa đông màu xanh tươi của mùa xuân và vẻ rực rỡ của mùa hè. Lập tức chúng ta bị xâm chiếm bởi tâm trạng là chúng ta sẵn sàng tin vào điều kỳ diệu là có đấng thần linh tồn tại trong lòng người, nhất là khi mà cái đẹp và cái duyên dáng khiến chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng chúng ta đang ở ngay bên cạnh lý tưởng". (!!!)

Hỡi *vị mục sư - phê phán ở nông thôn,* thiếu kinh nghiệm và cả tin! Chỉ có tính giản dị phê phán của ngài mới có thể vừa bước khỏi phòng khiêu vũ lộng lẫy ở Pa-ri ra đã chuyển ngay vào tâm trạng mê tín đến nỗi tin vào "điều kỳ diệu là có đấng thần linh tồn tại trong lòng người" và thấy những cô gái mê hồn ở Pa-ri là "lý tưởng ở ngay bên cạnh", là những thiên thần hoá thân.

Trong cái ngây thơ *rất đáng yêu* của mình, vị mục sư - phê phán của chúng ta định nghe trộm câu chuyện giữa "hai bậc giai nhân tuyệt sắc" là Clê-măng Đác-vin và bá tước phu nhân Xa-ra Mác Grê-go. Bạn đọc hãy đoán xem ông ta định "nghe trộm" cái gì? Ông ta muốn nghe:

"Chúng ta làm thế nào để có thể *cầu phúc* cho những đứa con đáng yêu, làm thế nào để ông chồng được hưởng hạnh phúc *đầy đủ*"... "Chúng tôi nghe... chúng tôi lấy làm ngạc nhiên... Chúng tôi không dám tin ở tai mình".

https://thuviensach.vn

Trong thâm tâm, chúng tôi cảm thấy một niềm vui ác độc khi thấy vị mục sư đi nghe trộm chuyện riêng bị thất vọng. Mấy vị phu nhân đó chẳng bàn đến "cầu phúc" cũng chẳng bàn đến "hạnh phúc đầy đủ", cũng chẳng bàn đến "lý tính phổ biến", mà trái hẳn lại "vấn đề là dụ dỗ cho bà Đác-vin bạc tình với chồng bà".

Về một trong hai vị phu nhân đó là bá tước phu nhân Mác Grê-go, người ta có được một tài liệu mộc mạc sau:

Bà ta *"khá khôn ngoan* để không trở thành *mẹ, sau một* cuộc hôn nhân bí mật".

Khó chịu vì sự khôn ngoan đó của bá tước phu nhân, ông Sê-li-ga đã nghiêm khắc răn bảo rằng:

"Theo quan điểm của chúng tôi, hết thảy mọi nguyện vọng của bá tước phu nhân chỉ nhằm có được cái lợi ích kỷ của cá nhân mình".

Nếu bà ta toại nguyện và kết hôn với ông hoàng Giê-rôn-stanh thì theo ông Sê-li-ga, điều đó chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cả.

"Chúng ta *tuyệt nhiên* không hy vọng rằng việc bà xuất giá sẽ đem lại *hạnh phúc* cho *bầy tôi* của ông hoàng Giê-rôn-stanh".

Khi kết thúc lời răn bảo, vị tín đồ thanh giáo của chúng ta chỉ ra một cách "hết sức trịnh trọng" rằng:

"Xa-ra" (vị phu nhân *khôn ngoan) "tuy là một nhân vật xuất chúng* trong thời gian hào hoa, *nhưng vị tất* đã là một ngoại lệ trong giới đó".

Tuy ! Nhưng vị tất ! Ơ kia! "nhân vật xuất chúng" trong giới đó - há chẳng phải là một ngoại lệ hay sao?

Về tính cách của hai "nhân vật lý tưởng" khác là hầu tước phu nhân Đác-vin và công tước phu nhân Lu-xe-nay, chúng ta được biết như sau:

Họ "không được thoả mãn trong lòng. Họ không tìm thấy đối tượng yêu trong hôn nhân, cho nên họ đi tìm bên ngoài hôn nhân. Đối với họ, tình yêu trong hôn nhân vẫn là một *bí mật* và sự xúc động mãnh liệt của trái tim thúc đẩy họ tìm cách bóc trần bí mật ấy. *Như vậy là* hai bà đều chìm đắm trong *tình yêu bí mật.* Những vật hy sinh đó của hôn nhân không tình yêu đã vô tình hạ thấp tình yêu thành một cái gì thuần tuý bên ngoài, thành cái gọi là quan hệ trai gái và sẵn sàng coi nhân tố lãng mạn, tức cái bí mật, là một cái bên trong, một cái đem lại một cái có sinh khí, một cái bản chất trong tình yêu".

Luận cứ biện chứng này càng được ứng dụng vào mọi trường hợp của đời sống thì chúng ta càng phải đánh giá cao công lao của nó.

Chẳng hạn, ai không dám uống rượu *ở* nhà mình nhưng cảm thấy cần uống rượu thì sẽ tìm *ở "bên ngoài"* nhà mình, "đối tượng" uống rượu và "như vậy là" lao mình vào cuộc *say sưa bí mật.* Như thế vẫn chưa hết. Anh ta thậm chí bị một lực lượng không sao khắc phục được đẩy tới chỗ coi cái bí mật là yếu tố bản chất của "sự uống rượu" tuy rằng anh ta không thể hạ thấp "sự uống rượu" thành "một cái gì thuần tuý bên ngoài", có cũng được không có cũng

https://thuviensach.vn

chẳng sao, giống như mấy vị phu nhân nói trên sẽ không hạ thấp tình yêu xuống mức đó. Vì theo sự giải thích của chính ông Sê-li-ga, họ không hạ thấp bản thân tình yêu mà hạ thấp hôn nhân không có tình yêu xuống tận bộ mặt vốn có của nó, - hạ thấp xuống thành cái gì ở bên ngoài, thành cái gọi là quan hệ trai gái.

Ông Sê-li-ga hỏi tiếp:

"Bí mật của tình yêu là gì ?"

Chúng ta vừa được biết lập luận biến "bí mật" thành *"bản chất"* của thứ tình yêu đó. Vậy bây giờ chúng ta làm thế nào mà tìm được cái bí mật của bí mật, bản chất của bản chất ? Vị mục sư ngâm nga rằng:

"Không phải là những con đường nhỏ rậm mất giữa những lùm cây, không phải là cái mông lung tự nhiên của một đêm trăng, không phải là cái mông lung nhân tạo của những màn cửa và rèm cửa quý giá, không phải là tiếng nhạc du dương và mê ly của những chiếc thụ cầm và phong cầm, không phải là sức cám dỗ của quả cấm...".

Màn cửa và rèm cửa ! Tiếng nhạc vừa du dương *lại* vừa mê ly! Còn có thêm *phong cầm nữa* ! Ngài mục sư ạ, vậy ngài hãy quên *nhà thờ* đi. Ai sẽ mang phong cầm tới nơi hẹn hò?

"Tất cả những cái đó (màn cửa, rèm cửa, và phong cầm) chẳng qua chỉ là một cái gì *bí mật"*.

Thế thì há chẳng phải *bí mật* này là "bí mật" của tình yêu bí mật hay sao ? Tuyệt nhiên không phải.

"Bí mật trong tình yêu là cái làm cho kích động, say sưa, làm mê ly, là *uy lực của tình dục"*.

Với tiếng nhạc "du dương và *mê ly"*, vị mục sư đã có được cái làm cho mê ly. Và nếu như ông ta không mang rèm cửa và phong cầm mà mang ba ba và rượu sâm banh ra nơi hẹn hò với người yêu thì ông ta sẽ không thiếu cái "làm cho *khích động* và *say sưa"*.

Vị thánh của chúng ta dạy rằng:

"Đành rằng chúng ta không muốn thừa nhận uy lực của tình dục: Nhưng sở dĩ nó có một uy lực lớn như vậy đối với chúng ta chỉ là vì chúng ta loại trừ nó ra khỏi bản thân chúng ta, vì chúng ta không thừa nhận nó là bản tính của bản thân chúng ta, cái bản tính mà trong trường hợp thừa nhận nó chúng ta có thể khắc phục được một khi nó tìm cách biểu hiện ra bằng cách hy sinh lý tính, tình yêu chân chính và sức mạnh của ý chí".

Theo tinh thần của thần học tự nhiên, vị mục sư khuyên chúng ta *thừa nhận* tình dục là bản tính *của chúng ta* để sau đó có thể *khắc phục* nó, nghĩa là rút lui sự thừa nhận này. Đành rằng ông ta chỉ sẵn sàng khắc phục tình dục, nếu nó định biểu hiện ra bằng cách hy sinh l ý t í n h (sức mạnh của ý chí, và tình yêu, đối lập với tình dục, là thuộc lĩnh vực của l ý t í n h) Nhưng ngay cả tín đồ Cơ Đốc không tư biện cũng thừa nhận *tình dục* trong chừng mực nó không tìm cách biểu hiện ra bằng cách hy sinh lý tính chân chính, tức tín ngưỡng, không hy sinh tình yêu chân chính tức tình yêu thượng đế, không hy sinh sức mạnh chân chính của ý chí, tức ý chí của Crít.

Vị mục sư tiết lộ ngay ý kiến thực sự của mình về vấn đề đó khi ngài nói tiếp:

https://thuviensach.vn

"Vì vậy, nếu tình yêu không còn là bản chất của hôn nhân, bản chất của luân lý nói chung thì *tình dục* sẽ trở thành bí mật của tình yêu, của đạo đức, của xã hội có giáo dục, tình dục ở đây không những cần hiểu theo *nghĩa hẹp tức sự rung động của thần kinh, luồng máu nóng* chạy trong mạch máu, mà còn phải hiểu theo nghĩa rộng hơn khi nó được nâng lên thành *cái bề ngoài* của uy lực tinh thần, thành lòng ham muốn quyền thế, háo danh và tham vọng... Hầu tước phu nhân Mác Grê-go tiêu biểu cho tình dục theo nghĩa thứ hai, tình dục với tính cách là bí mật của xã hội có giáo dục".

Vị mục sư đã nắm trúng vấn đề: muốn khắc phục được *tình dục* thì trước hết phải chế ngự được *những dòng thần kinh* và *sự tuần hoàn* nhanh của *máu*. - Khi nói đến tình dục theo nghĩa hẹp, ông Sê-li-ga đưa ra ý kiến cho rằng nhiệt độ cao hơn của cơ thể là do máu sôi lên trong mạch máu. Ông ta biết rằng *động vật máu nóng* sở dĩ mang tên đó là vì nhiệt độ máu của nó nếu không chú ý đến những biến động không đáng kể thì vẫn thường xuyên giữ một độ cao nhất định. - Một khi thần kinh ngừng hoạt động và máu ngừng sôi trong mạch máu thì *thể xác tội lỗi*, nơi trú ngụ của tình dục, sẽ biến thành *thây ma* và các linh hồn tha hồ mà bàn bạc với nhau về "lý tính phổ biến", về "tình yêu chân chính" và "đạo đức thuần tuý". Vị mục sư của chúng ta hạ thấp tình dục đến mức thủ tiêu cả những yếu tố kích thích tình yêu tức sự tuần hoàn nhanh của máu (nó chứng minh rằng người yêu không phải có trạng thái trơ trơ không có tình dục) và những dòng thần kinh nó nối liền cơ quan chủ yếu của tình dục với đại não. Ông ta quy tình yêu chân chính thành secretio seminis *máy móc* và nói lí nhí với một nhà thần học nổi tiếng xấu ở Đức rằng:

"Đây không phải vì tình yêu nhục dục, cũng không phải vì nhục dục mà vì Chúa đã phán bảo: các người hãy sinh sôi nảy nở, hãy phát triển đông đảo lên".

Bây giờ, chúng ta hãy so sánh kết cấu tư biện với tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy. Ở đây, không phải là tình dục mà là những điều
thần bí, những cuộc mạo hiểm, những trở lực, những niềm lo lắng, những sự nguy hiểm và nhất là sự cám dỗ của quả cấm đã được coi là bí mật của tình yêu.

Ở đây nói: "Tại sao nhiều phụ nữ cứ kiếm những người đàn ông không xứng đáng làm chồng mình làm người yêu của mình? Vì *ma lực lớn nhất của tình yêu* là ở chỗ nó có sức cám dỗ của *quả cấm*... Bạn sẽ đồng ý rằng gạt bỏ những nỗi lo âu, những niềm đau khổ, những khó khăn, những bí mật, những nguy hiểm thì tình yêu chẳng còn gì nữa hoặc hầu như chẳng còn gì nữa, nghĩa là chỉ còn lại cái xác thịt của người yêu... Tóm lại, nó ít nhiều giống như câu chuyện của một anh chàng được người ta hỏi rằng tại sao anh không kết hôn với mụ goá, tình nhân của anh? - Chao ôi ! - anh chàng trả lời, - dĩ nhiên là tôi đã nghĩ tới điều đó, nhưng có điều là cưới nhau rồi thì tôi không biết sẽ đi ngủ đêm ở đâu ?".

Nếu ông Sê-li-ga nhấn mạnh rằng bí mật của tình yêu không phải *ở xúc cảm đó của quả cấm* thì ông Ơ-gien Xuy lại nhấn mạnh rằng quả cấm là "ma lực lớn nhất của tình yêu" và là căn cứ của những cuộc mạo hiểm săn tình yêu ở bên ngoài nhà ở.

"Trong tình yêu cũng như trong buôn bán, sự cấm đoán và sự lén lút bao giờ cũng đi đôi với nhau như hình với bóng"[25].

Cũng vậy, trái với người giải thích mình một cách tư biện. Ơ-gien Xuy khẳng định rằng

https://thuviensach.vn

"khuynh hướng giả vờ và mánh lới cũng như khuynh hướng thích những cái bí mật và éo le là đặc điểm bản chất, là xu hướng bẩm sinh và bản năng chủ yếu của phụ nữ".

Điều làm cho Ơ-gien Xuy phiền lòng là thiên hướng đó và ý thích đó chống lại *hôn nhân*. Ông muốn đem lại cho bản năng ấy của phụ nữ một ứng dụng ít tác hại hơn và bổ ích hơn.

Trong khi ông Sê-li-ga biến bá tước phu nhân Mác Grê-go thành người tiêu biểu cho thứ *tình dục* "được nâng lên thành cái bề ngoài của uy lực tinh thần" thì Ơ-gien Xuy lại mô tả bà ta thành con người của *lý trí trừu tượng*. "Đầu óc háo danh" và "tính kiêu ngạo" của bà hoàn toàn không thể thành những hình thức của tình dục
mà là sản vật của lý trí trừu tượng không dính líu gì đến tình dục. Chính vì thế mà ông Ơ-gien Xuy nhấn mạnh:

"Những sự xúc động nóng bỏng của tình yêu chưa hề làm cho trái tim *giá lạnh tựa băng* của bà rung động: *không một sự* rung động *tơ lòng nào* biến đổi được những tính toán khắt khe của người đàn bà mánh lới, tự tư và háo danh này".

Đặc trưng căn bản của người phụ nữ này là tính ích kỷ của *lý trí* trừu tượng, không có tình cảm và lạnh nhạt khắt khe. Cho nên trong cuốn tiểu thuyết, tâm hồn bà được mô tả là một tâm hồn "khô khan và khắc nghiệt", đầu óc bà là một đầu óc "khôn ngoan và độc địa", tính cách bà là một tính cách "xảo quyệt và tuyệt đối" (cái thứ tuyệt đối đặc trưng cho con người của lý trí trừu tượng), thói làm điệu làm bộ của bà thì được mô tả là "sâu sắc". Nhân tiện cũng nói thêm rằng: trong tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy, đường đời của bá tước phu nhân, cũng như của phần lớn nhân vật khác, đều được mô tả một cách ngu xuẩn. Một người vú già đã làm cho bà bá tước phu nhân tin rằng về sau mình sẽ đội "mũ miện". Ám ảnh bởi lòng tin đó nên bà ta đi du hành định kiếm chiếc mũ miện bằng một cuộc hôn nhân. Rút cục, bà ta tỏ ra là không triệt để đến nỗi nhầm một "công tước" nhỏ bé của nước Đức là một "nhân vật đội mũ miện".

Sau khi thoá mạ tình dục, vị thánh đồ phê phán của chúng ta cho rằng còn phải giải thích tại sao Ơ-gien Xuy đã mô tả một cuộc khiêu vũ để đưa chúng ta vào xã hội thượng lưu - một thủ pháp ưa dùng của hầu hết các nhà viết tiểu thuyết Pháp - còn như các nhà viết tiểu thuyết Anh lại thường dùng một cuộc đi săn hoặc một biệt thự ở nông thôn để giới thiệu cho chúng ta xã hội thượng lưu.

"Đối với cách lý giải vấn đề như thế" (nghĩa là đối với quan điểm của ông Sê-li-ga) "thì việc Ơ-gien Xuy mô tả một buổi khiêu vũ để đưa chúng ta vào xã hội thượng lưu không phải là điều không quan hệ gì và về phương diện đó" (về phương diện kết cấu của ông Sê-li-ga) "thì việc đó cũng không phải là hoàn toàn ngẫu nhiên".

Thế là nhà phê phán của chúng ta thả lỏng dây cương cho con ngựa cái phi bừa qua cả một chuỗi những sự chứng minh tính tất nhiên đó theo tinh thần của lão già Vôn-phơ đã chầu trời.

"Khiêu vũ là biểu hiện phổ biến nhất của *tình dục, về mặt là cái bí mật*. Trong khiêu vũ, được phép trực tiếp *đụng chạm*, ôm ấp nhau giữa nam nữ (?) "do việc xếp thành đôi mà có, vì khiêu vũ nhìn bên ngoài thì có cảm giác thích thú và trên thực tế" (trên thực tế"?, ngài mục sư !) "cũng vậy, song rút cục vẫn không bị coi là sự đụng chạm và ôm ấp có *tính chất tình dục"* (chắc hẳn là sự đụng chạm và ôm ấp có tính chất lý tính phổ biến ?).

https://thuviensach.vn

Và cuối cùng là một kết luận mà ta có thể nói là nó chồm lên đúng hơn là nói nó khiêu vũ:

"Vì nếu người ta *thực sự* coi *khiêu vũ* là sự đụng chạm và sự ôm ấp mang tính chất tình dục *thì người ta sẽ không hiểu được tại sao* xã hội lại chỉ rộng lượng đối với khiêu vũ trong khi ngược lại nó lên án gay gắt tất cả *những hiện tượng tương tự nếu những hiện tượng này* biểu hiện ra bừa bãi như thế *ở một nơi khác*, và trừng phạt những tội phạm đó coi là những sự vi phạm không thể tha thứ được đến đạo đức và phong hoá, bằng cách chỉ trích và bài xích một cách không thương xót".

Ngài mục sư không nói về điều nhảy *can-can* và điệu nhảy *pôn-ca*: ông nói về k h i ê u v ũ nói chung, về *phạm trù* khiêu vũ là một phạm trù chỉ được nhảy múa dưới cái xương sọ phê phán của ngài mục sư thôi. Nếu ông ta có dịp đi xem khiêu vũ tại tiệm "Sô-mi-e-rơ" ở Pa-ri thì tâm hồn Đức Cơ Đốc của ông ta sẽ bị kích động mạnh bởi sự xấc xược, sự lộ liễu, sự phóng đãng, bởi cái điệu nhạc gợi tình. Cái "cảm giác êm dịu có thể thu được trên thực tế" của chính ông sẽ đem lại cho ông khả năng "cảm thấy" rằng "quả thật, không thể hiểu tại sao bản thân những người khiêu vũ, trong khi trái lại" họ gây cho khán giả cái ấn tượng sảng khoái khêu gợi tình dục lộ liễu của con người ("điều này nếu biểu hiện ra cũng theo phương thức đó ở một nơi khác" tức ở Đức, "sẽ kéo theo nó, như một sự phá hoại không thể tha thứ được", v.v. và v.v.) - tại sao bản thân những người khiêu vũ không nên và không dám - ít ra là có thể nói như vậy - tự coi là những người có tình
dục lộ liễu, khi họ không những có thể mà tất nhiên phải là những người như vậy !!

Vì kính yêu *bản chất của khiêu vũ*, nhà phê phán của chúng ta đưa chúng ta vào *cuộc khiêu vũ*. Nhưng ông ta vấp phải một khó khăn lớn. Trong cuộc khiêu vũ này, tuy người ta có nhảy múa, nhưng người ta chỉ nhảy múa trong tưởng tượng thôi. Vấn đề là ở chỗ Ơ-gien Xuy chẳng miêu tả gì về khiêu vũ cả. Ông ta không lẫn lộn vào trong đám người khiêu vũ. Cuộc khiêu vũ chỉ là một dịp để ông ta tập hợp những nhân vật thuộc giới quý tộc lớp trên. Trong cảnh tuyệt vọng, "sự phê phán" vội vã *bổ sung* cho nhà văn và "trí tưởng tượng" của bản thân nó miêu tả cuộc khiêu vũ một cách dễ dàng, v.v.. Nếu như tuân theo quy định của sự phê phán Ơ-gien Xuy mô tả sào huyệt và ngôn ngữ của bọn tội phạm mà không mảy may có hứng thú trực tiếp đối với sào huyệt và ngôn ngữ của bọn ấy thì trái lại cuộc khiêu vũ mà *bản thân ông* không mô tả và do nhà phê phán "dồi dào đầu óc tưởng tượng" của ông mô tả, tất nhiên làm cho ông vô cùng hứng thú.

Hãy nghe tiếp !

"Thực ra, bí mật của âm điệu và tiết tấu xã giao, bí mật của sự việc hết sức trái tự nhiên đó, là lòng khao khát trở về với tự nhiên. Vì thế mà tình hình ấy, giống như Xê-xi-li, đã gây ra trong xã hội có giáo dục một ấn tượng giống như điện giật và đưa tới những thành tựu không bình thường. Đối với nàng, một nữ tỳ lớn lên giữa đám nô lệ không được sự giáo dục và hoàn toàn chỉ chịu sự chi phối của bản tính thì bản tính đó là nguồn sống duy nhất. Đột nhiên được tiến cử vào nơi cung điện, phải khép mình theo phong tục tập quán nơi này, nàng thâm nhập nhanh chóng vào bí mật của phong tục tập quán này. Trong hoàn cảnh ấy, hoàn cảnh mà nàng hoàn toàn đủ sức chi phối được, vì lực lượng của mình, lực lượng của bản tính của mình ảnh hưởng đến những người xung quanh như một ma lực khó hiểu, Xê-xi-li không tránh khỏi rơi vào con đường lầm lạc và đâm ra bừa bãi, thế mà trước đây khi nàng còn là nô tỳ, cũng chính cái bản tính đó đã dạy cho nàng cự tuyệt mọi đòi

https://thuviensach.vn

hỏi xấu xa của tên chủ của nàng và trước sau trung thành với tình yêu của mình, Xê-xi-li là *cái bí mật đã bị bóc trần của xã hội có giáo dục*. Tình cảm bị ức chế cuối cùng đã tức nước vỡ bờ và tự do hoành hành không gì chế ngự nổi", v.v..

Dĩ nhiên bạn đọc nào đọc Sê-li-ga mà chưa xem cuốn tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy thì tưởng rằng Xê-xi-li là cô gái đẹp mê người trong buổi khiêu vũ này. Nhưng trong cuốn tiểu thuyết, khi người ta đang khiêu vũ ở Pa-ri, nàng lại ngồi trong nhà tù ở Đức.

Là một nữ nô lệ, Xê-xi-li trước sau vẫn trung thành với y sĩ da đen Đa-vít, vì nàng yêu anh "say sưa" và vì chủ nàng, ngài Vi-lít, đang theo đuổi nàng một cách *"thô bạo"*. Trong cuốn tiểu thuyết, nguyên nhân khiến nàng sa vào cuộc đời truỵ lạc được nêu ra một cách hết sức giản đơn. Được đưa vào "thế giới những người Âu", nàng "hổ thẹn phải lấy một anh chàng da đen". Vừa đặt chân đến nước Đức, một người hủ bại nào đó đã làm cho nàng sa ngã *"ngay"*. Đấy là tác dụng của "dòng máu in-đi-an" chảy trong mạch máu nàng. Để cho hợp với cái "đạo đức đáng yêu" và sự "giao dịch đáng yêu", Ơ-gien Xuy giả nhân giả nghĩa không thể không gọi hành vi đó là "sự truỵ lạc bẩm sinh".

Cái bí mật của Xê-xi-li là ở chỗ nàng là *cô gái lai*. Cái bí mật của tình dục của nàng là *cái nóng của vùng nhiệt đới*. Trong những bài thơ đẹp đẽ của mình gửi Ê-lê-ô-no, Pác-ni đã ca tụng cô gái lai. Và trong hàng trăm bài du ký, chúng ta có thể thấy rằng cô gái lai là nguy hiểm biết chừng nào cho các chàng thuỷ thủ Pháp.

Chúng ta đọc trong tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy:

"Xê-xi-li là hiện thân của cái tình dục mãnh liệt chỉ bùng cháy dưới cái nóng của vùng nhiệt đới... Ai nấy đều nghe nói về những cô gái da màu có thể nói là nguy hiểm chết người đối với người Âu, những con quỷ hút máu mê người đó đã làm cho những vật hy sinh của chúng say sưa trước sự quyến rũ kinh khủng... và, giống như câu tục ngữ kiên quyết của địa phương, chúng chỉ để cho họ uống nước mắt họ khi khát và gặm trái tim họ khi đói".

Nhưng Xê-xi-li không hề có cái ma lực đó đối với những người no nê được hưởng giáo dục quý tộc...

Ơ-gien Xuy viết:

"Hạng đàn bà như Xê-xi-li thường gây ra một ảnh hưởng bất ngờ, một ma lực không sao cưỡng được đối với những đại biểu của *tình dục thô bạo* như *Giắc-cơ Phe-răng"*.

Loại người như Giắc-cơ Phe-răng đại diện cho xã hội thượng lưu từ bao giờ nhỉ? Song sự phê phán có tính phê phán cần xây dựng *Xê-xi-li* thành một vòng khâu trong quá trình sống của cái bí mật tuyệt đối.

4. "BÍ MẬT CỦA SỰ NGAY THẲNG VÀ SỰ THÀNH KÍNH"

"Bí mật, với tính cách là bí mật của xã hội có giáo dục, *cố nhiên là* lẩn trốn từ lĩnh vực *đối lập* vào lĩnh vực *bên trong*. *Tuy nhiên* xã hội thượng lưu *lại còn* có những tập đoàn đặc biệt mà nó giao cho giữ gìn điện thánh của mình. Xã hội thượng lưu *dường như* là từ đường nhỏ cho cái chí thánh đó. *Nhưng* đối với những người còn ở ngưỡng cửa thì bản thân từ đường nhỏ là cái bí mật. *Như vậy*, trong địa vị đặc biệt của nó, đối với nhân dân, sự giáo dục là như thế nào... thì đối với những người có giáo dục, sự thô bạo cũng như thế ấy".

https://thuviensach.vn

"Cố nhiên... tuy nhiên... lại còn... dường như... nhưng... như vậy", đấy chính là những cái móc ảo thuật gắn liền các khâu của cái *chuỗi tư biện những luận đoán.* Trên kia, chúng ta đã thấy ông Sê-li-ga buộc cái b í m ậ t rời bỏ thế giới tội phạm và lẩn trốn vào trong xã hội thượng lưu như thế nào. Bây giờ ông ta cần cấu tạo ra cái bí mật khác, tức là xã hội thượng lưu có những tập đoàn *đặc biệt* của mình và những bí mật của những tập đoàn đó là những bí mật đối với nhân dân. Để cấu tạo được như vậy thì ngoài những chiếc móc ảo thuật nói trên, còn phải biến *tập đoàn* thành *từ đường nhỏ* và biến thế giới không quý phái thành *ngưỡng cửa* của từ đường nhỏ đó. Và cái bí mật *đối với* Pa-ri là ở chỗ tất cả các lĩnh vực của xã hội tư sản chỉ hình thành nên cái ngưỡng cửa của từ đường nhỏ của xã hội thượng lưu.

Ông Sê-li-ga theo đuổi hai mục đích: một là cần phải biến cái
b í m ậ t thể hiện trong tập đoàn đặc biệt của xã hội thượng lưu thành *"tài sản chung của toàn thế giới"*, hai là *việc quản lý văn khế Giắc-cơ Phe-răng* phải được cấu tạo thành một khâu sống của cái b í m ậ t. Nhà phê phán nghị luận như sau:

"Sự giáo dục còn chưa thể và không muốn lôi kéo tất cả các đẳng cấp và tất cả những sự khác biệt vào trong lĩnh vực của mình. Chỉ có *đạo Cơ Đốc* và *đạo đức* mới có thể xây dựng, trên thế giới này, những vương quốc phổ biến".

Đối với ông Sê-li-ga, sự giáo dục, văn minh là đồng nghĩa với sự giáo dục *quý tộc.* Vì thế ông ta không thể thấy rằng *công nghiệp* và *thương nghiệp* đang xây dựng những vương quốc phổ biến khác hẳn với vương quốc của đạo Cơ Đốc và đạo đức, với hạnh phúc gia đình và phúc lợi tiểu thị dân. Nhưng chúng ta đi tới *viên quản lý văn khế Giắc-cơ Phe-răng* như thế nào? Rất đơn giản thôi.

Ông Sê-li-ga biến *đạo Cơ Đốc* thành một đức tính *cá nhân,* thành *"sự thành kính"* và biến *đạo đức* thành một đức tính *cá nhân* khác, thành *"sự ngay thẳng"*. Ông ta hợp nhất hai đức tính đó trong *một* cá nhân và đặt tên cá nhân đó là *Giắc-cơ Phe-răng,* vì Giắc-cơ Phe-răng không có hai đức tính ấy mà chỉ giả vờ có thôi. Như vậy Giắc-cơ Phe-răng đã thành "cái bí mật của sự thành kính và sự ngay thẳng". Trái lại, "di chúc" của Giắc-cơ Phe-răng là "cái bí mật của sự thành kính và sự ngay thẳng *bề ngoài"*, nghĩa là không còn là cái bí mật của bản thân sự thành kính và sự ngay thẳng nữa. Muốn xây dựng di chúc đó thành cái bí mật, sự phê phán có tính phê phán buộc phải tuyên bố rằng sự thành kính và sự ngay thẳng bề ngoài là cái bí mật của di chúc đó, chứ không phải ngược lại, di chúc đó là cái bí mật của sự ngay thẳng và sự thành kính bề ngoài.

Trong khi phòng công chứng ở Pa-ri coi Giắc-cơ Phe-răng là sự châm biếm độc ác đối với nó và thông qua việc kiểm duyệt các vở kịch mà gạt nhân vật đó khỏi "Những bí mật của thành Pa-ri" đã được đưa lên sân khấu thì cũng chính vào lúc đó, sự phê phán
có tính phê phán vừa *"tranh luận với vương quốc không trung của khái niệm"* lại vừa coi viện công chứng ở Pa-ri là tôn giáo và đạo đức, là sự thành kính và sự ngay thẳng chứ không phải là viện công chứng ở Pa-ri. Cuộc xét xử viên công chứng Lê-ông phải là một sự khai sáng đối với sự phê phán có tính phê phán. Địa vị của *viên công chứng* trong tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy là gắn liền với chức vụ của y.

https://thuviensach.vn

"Vai trò của viên công chứng đối với việc đời cũng giống như vai trò của thầy tu đối với việc đạo, họ đều là kẻ *giữ gìn bí mật của chúng ta"* (Mông-tơ, "Lịch sử các đẳng cấp ở Pháp", ch.IV, tr.37)[26].

Viên công chứng là linh mục trần tục. Theo nghề nghiệp, ông ta là *tín đồ thanh giáo*. Nhưng Sếch-xpia nói rằng "sự thành thực không phải là kẻ theo thanh giáo"[27]. Ông ta đồng thời là kẻ trung gian cho bất cứ mục đích gì và là kẻ chủ mưu gây ra những mưu mô, mánh khoé thị dân.

Với viện công chứng Phe-răng, mà toàn bộ bí mật là sự giả nhân giả nghĩa và chức công chứng của anh ta, chúng ta hình như chẳng hiểu thêm gì cả. Nhưng chớ nóng vội !

"Nếu như sự giả nhân giả nghĩa ở viên công chứng là hoàn toàn có ý thức còn ở bà Rô-lăng *là một cái gì giống như* bản năng thì giữa họ, là đông đảo những người không thể thâm nhập vào bí mật nhưng vẫn vô tình tìm cách đạt tới chỗ đó. Và không phải sự mê tín đưa giới thượng lưu và đám hạ lưu của thế giới này vào trong ngôi nhà âm u của tên lang vườn Bra-đa-man-li (linh mục Pô-li-đô-ri). Không, việc tìm kiếm cái bí mật để chứng minh với thế giới rằng mình vô tội đưa họ vào đó".

"Giới thượng lưu" và "đám hạ lưu" đổ xô đến nhà Pô-li - đô-ri không phải là để có được một bí mật có thể chứng minh trước toàn thế giới rằng họ vô tội. Không, "giới thượng lưu" và "đám hạ lưu" tìm kiếm ở Pô-li-đô-ri "cái bí mật nói chung", cái b í m ậ t coi là chủ thể tuyệt đối *để* chứng minh trước thế giới rằng mình vô tội. Điều đó giống như chúng ta không tìm chiếc rìu mà tìm

"công cụ nói chung", công cụ in abstracto[25]1* để bổ củi bằng sự trừu tượng ấy.

Tất cả những bí mật của Pô-li-đô-ri quy lại là một phương pháp ra thai và một liều thuốc độc giết người. Trong trạng thái hưng phấn cao độ có tính chất tư biện, ông Sê-li-ga để cho *"kẻ giết người"* nhớ đến liều thuốc độc của Pô-li-đô-ri "vì hắn muốn không phải là kẻ giết người, mà muốn được quý mến, thương yêu và kính trọng". Dường như trong một vụ giết người, vấn đề là tại sự quý mến, tình thương yêu và sự kính trọng chứ không phải là tại *cái đầu !* Những kẻ giết người *có tính phê phán* không lo cho cái đầu mình mà lại bận rộn vì "cái bí mật với tính cách là cái bí mật". - Nhưng vì không phải mọi người đều giết người, cũng không phải mọi người đều thụ thai trái với luật lệ của cảnh sát, cho nên anh chàng Pô-li-đô-ri nọ làm thế nào cho *mỗi người* đều có thể có cái bí mật mong muốn? Có lẽ ông Sê-li-ga lẫn lộn anh lang vườn Pô-li-đô-ri với nhà học giả *Pô-li-đô-rô Véc-gi-li-ô* sống vào thế kỷ XVI, mặc dù nhà học giả này chẳng khám phá ra bí mật nào cả, nhưng đã ra sức làm cho lịch sử của những nhà khám phá bí mật tức *nhà phát minh* trở thành "tài sản chung của toàn thế giới" (xem Pô-li-đô-rô, "Sách nói về những nhà phát minh". Ly-ông, 1706[28].

Như vậy, cái bí mật với tính cách là cái bí mật, tức cái bí mật tuyệt đối cuối cùng biến thành "tài sản chung của toàn thế giới", chính là cái bí mật của việc làm truỵ thai và đầu độc. Cái bí mật với tính cách là bí mật vị tất đã có thể trở thành "tài sản chung của toàn thế giới" một cách khéo léo hơn là biến thành những bí mật không còn là bí mật đối với ai nữa.

5. "CÁI BÍ MẬT - GIỄU CỢT"

https://thuviensach.vn

Bây giờ, "cái b í m ậ t đã trở thành tài sản chung, trở thành cái bí mật của toàn thế giới và của mỗi người riêng biệt. Hoặc đó là nghệ thuật của tôi hay bản năng của tôi, hoặc tôi có thể mua nó trên thị trường như một thứ hàng hoá nào đó".

Cái bí mật *nào* hiện nay trở thành tài sản chung của toàn thế giới? Cái bí mật của tình trạng không có pháp luật trong nhà nước ư? cái bí mật của xã hội có giáo dục ư? cái bí mật của việc làm hàng giả ư? cái bí mật của việc chế tạo nước hoa ư? hay là cái bí mật của "sự phê phán có tính phê phán"? Không phải ! đây là cái bí mật nói chung, cái bí mật in abstracto, là phạm trù bí mật!

Ông Sê-li-ga định mô tả *anh đầy tớ* và *anh gác cổng Pi-plê và vợ y* thành hiện thân của cái bí mật tuyệt đối. Ông ta định dựng lên *người đầy tớ* và *người gác cổng* của cái "b í m ậ t" ! Nhưng ông ta làm cách nào mà nhảy từ đỉnh cao của *phạm trù thuần tuý* xuống đến chân *"người đầy tớ đang rình mò trước chiếc cửa đóng",* làm cách nào mà nhảy từ đỉnh cao của *cái bí mật coi như chủ thể tuyệt đối* đang ngự cao trên *đỉnh* mây mù của trừu tượng xuống đến tận cái hầm trú ngụ của người gác cổng?

Trước hết, ông ta buộc phạm trù bí mật phải hoàn thành cả một quá trình tư biện. Sau khi trở thành tài sản chung của thế giới nhờ vào thủ đoạn làm truỵ thai và đầu độc thì cái bí mật

"do đó cũng tuyệt đối không còn là cái bị che giấu và *không thể hiểu được,* mà là *cái gì tự che giấu mình,* hoặc nói đúng hơn" (thật là ngày càng đúng !) "là cái gì mà tôi che giấu, *cái gì mà tôi làm cho không sao hiểu được".*

Với sự chuyển hoá như vậy của cái bí mật tuyệt đối từ *bản chất* sang *khái niệm,* từ giai đoạn *khách thể* trong đó nó là cái bị che giấu sang giai đoạn *chủ thể* trong đó nó tự che giấu mình, hay nói đúng hơn trong đó *"tôi"* che giấu *"nó",* chúng ta chưa tiến thêm được bước nào. Trái lại, khó khăn hình như tăng lên, vì cái bí mật trong đầu óc và trong lòng người còn khó hiểu và kín mít hơn là cái bí mật của đáy biển. Chính vì vậy mà Sê-li-ga *lập tức* đưa ra một luận đoán *kinh nghiệm* để cứu vãn luận đoán tư biện của mình.

"Từ nay" (từ nay !) "sau những *cái cửa đóng"* (xin chú ý ! xin chú ý !) "sẽ thai nghén, dấy lên và hình thành cái b í m ậ t".

"Từ nay", ông Sê-li-ga biến cái "tôi" tư biện của cái bí mật thành một hiện thực hoàn toàn kinh nghiệm thuần tuý *bằng gỗ* - tức là thành cái *cửa.*

"Nhưng do đó" (nghĩa là cùng với sự tồn tại của cái cửa đóng chứ không phải cùng với sự chuyển hoá từ một bản chất đóng kín sang khái niệm thuần tuý)" *cũng cho khả năng nghe* trộm, rình xem, dò xét cái bí mật".

Không phải *ông Sê-li-ga* đã phát hiện được "cái bí mật" mà người ta có thể nghe trộm sau những chiếc cửa đóng. Tục ngữ dân gian cũng có câu "tai vách mạch rừng". Trái lại, cái bí mật tư biện hoàn toàn có tính phê phán đó là: chỉ *"từ nay"* tức là sau khi du lịch dưới âm phủ trong sào huyệt của bọn tội phạm, sau khi đi lên thiên đường của xã hội thượng lưu, sau tất cả những phép mầu của Pô-li-đô-ri thì những bí mật mới có thể được thai nghén *sau* những cửa đóng, mới có thể bị người ta tựa *vào* những cửa đóng mà nghe trộm. Một điều bí mật phê phán cũng lớn lao như thế là những chiếc cửa đóng không những *tuyệt đối cần thiết* cho việc

https://thuviensach.vn

thai nghén, dấy lên và hình thành những bí mật (và biết bao nhiêu cái bí mật đang được thai nghén, dấy lên và hình thành sau những bụi cây !) mà cả cho việc dò xét những bí mật đó.

Sau chiến công biện chứng rực rỡ đó, tự nhiên là ông Sê-li-ga chuyển từ bản thân *sự dò xét* sang *nguyên nhân của sự dò xét*. Ở đây, ông khám phá ra một bí mật: nguyên nhân của sự dò xét là *sự vui thích có ác ý*. Và từ sự vui thích có ác ý, ông lại tiến thêm một bước đi tới *nguyên nhân của sự vui thích có ác ý*. Ông nói:

"Mỗi người đều muốn tốt hơn người khác, vì anh ta không những giữ kín động cơ làm việc thiện của mình mà còn tìm cách che giấu việc ác của mình bằng một màn sương mù hoàn toàn không nhìn qua được".

Phải đảo ngược câu đó, mới đúng: Mỗi người đều không những giữ kín động cơ làm việc thiện của mình mà còn tìm cách che
giấu việc ác của mình bằng một màn sương mù hoàn toàn không nhìn qua được vì anh ta muốn tốt hơn người khác.

Như vậy là chúng ta đã đi từ *cái bí mật tự che giấu* mình đến cái *"tôi"* che giấu cái bí mật đó, từ cái *"tôi"* đó đến *chiếc cửa đóng*, từ *chiếc cửa đóng* đến *sự dò xét*, từ *sự dò xét*, đến *nguyên nhân của sự dò xét*, đến sự vui thích có ác ý, từ *sự vui thích có ác ý* đến *nguyên nhân của sự vui thích có ác ý, đến ý muốn tốt hơn người khác*. Chẳng mấy chốc chúng ta sẽ được hưởng cái thú vui thấy *người đày tớ* đứng trước chiếc cửa đóng. Nguyện vọng phổ biến muốn được tốt hơn người khác đưa chúng ta trực tiếp tới nhận định là "mỗi người đều có sẵn xu hướng thâm nhập vào bí mật của những người khác". Ở đây, nhà phê phán thêm vào một cách thoải mái một nhận xét hóm hỉnh:

"Về mặt này, *những người đầy tớ* chiếm một vị trí *có lợi nhất"*.

Nếu như ông Sê-li-ga đã đọc những hồ sơ trong kho lưu trữ của sở cảnh sát Pa-ri, những hồ sơ của Vi-đốc, "Sách đen" của nước Pháp, v.v., ông sẽ biết rằng về mặt này, *cảnh sát* còn chiếm "vị trí có lợi hơn" là những người đầy tớ ở trong "một vị trí có lợi nhất", rằng những người đầy tớ chỉ được cảnh sát sử dụng vào những việc giản đơn nhất, còn cảnh sát thì không dừng lại trước cửa, và không chỉ có mặt khi chủ nhân đang cởi quần áo, mà thậm chí còn chui vào tận trong chăn bên cạnh thân thể trần truồng của chủ nhân theo kiểu femme galante hoặc thậm chí với tư cách là vợ của chủ nhân nữa. Và trong truyện của Ơ-gien Xuy, tên mật thám "Tay đỏ" là một trong những người thể hiện chủ yếu của toàn bộ tình tiết đang phát triển.

Điều mà *"từ nay"*, ông Sê-li-ga lấy làm phiền lòng về bọn đầy tớ là ở chỗ họ thiếu *"vô tư, không vụ lợi". Sự hoài nghi phê phán* đó mở đường cho nhà phê phán *đến với anh gác cổng Pi-plê và vợ y.*

"Trái lại, hoàn cảnh của người gác cổng đảm bảo cho anh ta một sự độc lập tương
đối khiến anh ta có thể biến bí mật ở trong nhà thành đối tượng của sự chế giễu tự do không vụ lợi tuy khắc nghiệt và chua cay".

https://thuviensach.vn

Cái kết cấu tư biện về người gác cổng vấp phải một khó khăn lớn thứ nhất là trong phần lớn các nhà ở Pa-ri, ít ra là đối với một bộ phận người thuê nhà thì người gác cổng và người đầy tớ chỉ là một thôi.

Về ảo tưởng của sự phê phán đối với vị trí tương đối độc lập và không vụ lợi của người gác cổng, chúng ta có thể nhận xét qua những việc dưới đây. Người gác cổng ở Pa-ri là đại biểu và mật thám của chủ nhà. Trong đa số trường hợp, không phải chủ nhà mà là người thuê nhà trả công cho y. Vì thu nhập bấp bênh nên ngoài chức vụ chính thức, y còn kiếm nghề làm ngoài. Trong thời kỳ thống trị của chế độ khủng bố, thời kỳ Đế chế và thời kỳ Phục tích, người gác cổng là tay sai chính của mật thám. Chẳng hạn, tướng Phoa bị người gác cổng của mình bí mật giám sát, y chuyển thư từ gửi cho vị tướng này cho một tên cảnh sát bố trí ở gần đấy đọc trước (xem Phrô-măng, "Cảnh sát bị lộ mặt"[29]. Vì vậy những từ "portier"[26]1* và "épicier"[27]2* trở thành những lời chửi rủa, bản thân "portier" cũng muốn người khác gọi mình là "concierge"[28]3*.

Ơ-gien Xuy căn bản không mô tả mụ Pi-plê là một người "không vụ lợi" và tốt bụng nên ông mô tả là ngay từ đầu mụ đã lừa dối Rô-đôn-phơ khi đổi tiền; mụ giới thiệu cho Rô-đôn-phơ một con mẹ cho vay nặng lãi gian giảo cùng ở một nhà với mụ ta, mụ đảm bảo với Rô-đôn-phơ rằng nếu làm quen được với Ri-gô-lét thì nhất định có nhiều điều thú vị; mụ chế giễu vị thiếu tá trả ít tiền và mặc cả với mụ (trong cơn tức giận, mụ gọi ông ta là "thiếu tá keo kiệt" và nói: "Điều đó sẽ dạy cho mày cách chỉ bỏ ra có 12 phrăng mỗi tháng cho việc chi tiêu trong gia đình"), mụ chế giễu ông ta "nhỏ nhen" đến nỗi để ý cả đến củi nước, v.v.. Mụ ta cho biết sở dĩ bản thân mụ có thái độ "độc lập" vì mỗi tháng vị thiếu tá chỉ trả có 12 phrăng.

Ở Sê-li-ga, "A-na-xta-xi Pi-plê đã dùng *một cách nào đó* để mở đầu cuộc chiến tranh du kích chống cái b í m ậ t".

Ở Ơ-gien Xuy, A-na-xta-xi Pi-plê là điển hình của *phụ nữ gác cổng ở Pa-ri*. Ơ-gien Xuy muốn "kịch hoá người đàn bà gác cổng mà Hăng-ri Mô-ni-ê mô tả rất tài tình". Nhưng Sê-li-ga cho rằng cần biến cái đặc điểm *"miệng lưỡi hiểm độc"* của mụ Pi-plê thành một thứ bản chất riêng biệt rồi biến mụ thành người tiêu biểu cho bản chất đó. Ông ta viết tiếp:

"Chồng mụ, anh chàng gác cổng An-phrét Pi-plê, cùng làm một nghề với mụ nhưng không gặp may bằng".

Để an ủi sự thất bại đó của anh ta, ông Sê-li-ga cũng biến anh ta thành một *tỉ dụ ám chỉ*. Anh ta đại biểu cho mặt "khách quan" của cái bí mật, đại biểu cho *"cái bí mật với tính cách là sự chế giễu"*.

"Cái bí mật làm cho anh ta thất bại là sự chế giễu, sự chế nhạo của người khác đối với anh ta".

Ngoài ra, với lòng trắc ẩn vô hạn, phép biện chứng thiêng liêng biến "ông già lẩn thẩn và không may" thành một *"người khoẻ mạnh"* theo *một nghĩa siêu hình* của danh từ bằng cách cho rằng ông đóng vai vòng khâu rất đáng kính trọng, rất may mắn và rất có tác dụng quyết định trong quá trình sinh tồn của cái bí mật tuyệt đối. Chiến thắng Pi-plê tức là

https://thuviensach.vn

"sự thất bại có tính chất quyết định nhất của cái bí mật". "Một người khôn ngoan và dũng cảm hơn không mắc lừa *sự chế giễu"*.

6. BỒ CÂU CÁI (RI-GÔ-LÉT)

"Còn một việc nữa phải làm. Qua ví dụ về Pi-plê và Ca-bri-ông, chúng ta thấy rằng theo *sự phát triển tuần tự của nó,* cái bí mật tất nhiên buộc phải hạ thấp xuống thành một trò hề thuần tuý. Bây giờ, *chỉ cần* làm cho cá nhân không diễn vở hài kịch ngu xuẩn đó nữa. *Bồ câu cái* đã làm việc này một cách ngây thơ hết chỗ nói".

Bất cứ ai cũng có thể, trong vòng vài phút, khám phá ngay được bí mật của trò hề tư biện đó và có thể học được cách ứng dụng nó một cách độc lập. Về điểm đó, chúng tôi xin chỉ ra vắn tắt như sau:

Đầu đề: Hãy xây dựng một kết cấu chứng minh người ta trở thành chúa tể của muôn vật như thế nào.

Lời giải đáp tư biện: Giả thử ta có sáu loại động vật như sư tử, rắn, cá mập, bò, ngựa và chó xồm. Chúng ta trừu tượng từ sáu loại động vật đó ra phạm trù "động vật nói chung". Chúng ta tưởng tượng rằng "động vật nói chung" này là một vật tồn tại độc lập. Chúng ta coi sư tử, cá mập, v.v., là những sự hoá trang hoặc những hiện thân của "động vật nói chung". Cũng như chúng ta đã biến cái mà chúng ta tưởng tượng ra, tức "đ ộ n g v ậ t" của sự trừu tượng của chúng ta, thành vật tồn tại hiện thực, giờ đây chúng ta sẽ biến những động v ật hiện thực thành những động vật trừu tượng, tức những vật sáng tạo của trí tưởng tượng của chúng ta. Chúng ta thấy rằng "động vật nói chung" thể hiện thành *sư tử* sẽ xé người ta ra từng mảnh, thể hiện thành *cá mập* sẽ nuốt người ta, thể hiện thành *rắn* sẽ phun nọc độc vào người ta, thể hiện thành *bò* sẽ húc người ta, thể hiện thành *ngựa* sẽ đá người ta, rằng cũng "động vật nói chung ấy" nếu thể hiện thành *chó xồm* thì chỉ biết sủa người và biến cuộc đấu tranh với người thành một cuộc *chiến đấu vờ vĩnh*. Như chúng ta thấy trong ví dụ về *chó xồm*, "động vật nói chung", trong *sự phát triển tuần tự của mình*, tất nhiên buộc phải hạ xuống chỗ đóng *trò hề thuần tuý*. Nếu như trẻ con hoặc người lớn có tính khí trẻ con trông thấy chó là chạy thì giờ đây, chỉ còn phải tìm cách đạt được một điều là làm sao
cho cá nhân không còn muốn diễn vở hài kịch ngu xuẩn đó nữa. Anh X nào đó làm việc ấy một cách ngây thơ nhất trần đời bằng cách khua chiếc gậy tre trước con chó xồm. Từ chỗ này, ta có thể thấy "con người nói chung" thể hiện ở cá nhân X và thông qua con chó xồm mà trở thành chúa tể của "động vật nói chung" và do đó trở thành chúa tể của những động vật hiện thực như thế nào và con người ấy đã chế ngự *động vật thể hiện thành con chó xồm*, do đó mà đã chế ngự *sư tử với tính cách là động vật* như thế nào.

Cũng vậy, "Bồ câu cái" của ông Sê-li-ga thông qua An-phrét Pi-plê và Ca-bri-ông mà chiến thắng được những bí mật của trật tự thế giới đang tồn tại. Hơn thế nữa! Bản thân nàng chẳng qua chỉ là sự thực hiện cái phạm trù "b í m ậ t" mà thôi.

https://thuviensach.vn

"Bản thân nàng còn chưa có ý thức về giá trị luân lý cao cả của mình, vì thế nàng hãy còn là cái bí mật đối với chính nàng".

Qua miệng của Muyếc-phơ, Ơ-gien Xuy vạch cho chúng ta thấy cái bí mật của Ri-gô-lét *không* tư biện. Nàng là *"một cô gái lẳng lơ rất đẹp"*. Ở nhân vật này Ơ-gien Xuy đã miêu tả tính cách dễ mến, có nhân tính của một người con gái lãng mạn ở Pa-ri. Nhưng lại do sùng bái giai cấp tư sản và do tính chuộng khoa trương đặc biệt của ông, nên đã phải lý tưởng hoá người con gái lãng mạn *về mặt đạo đức*. Ông đã phải gọt tròn những góc cạnh của đời sống và tính tình của Ri-gô-lét: khinh thường hình thức chính thức của hôn nhân, giao thiệp ngây thơ với người sinh viên hay người công nhân. Chính trong khuôn khổ của những quan hệ đó mà nàng hình thành một sự trái ngược thật sự có tính người với mụ vợ giả dối, lạnh nhạt và ích kỷ của anh tư sản, và với tất cả các giới tư sản, nghĩa là với tất cả xã hội quan phương.

7. "TRẬT TỰ THẾ GIỚI CỦA "NHỮNG BÍ MẬT CỦA THÀNH PA-RI"

Thế giới những bí mật đó *cũng chính là* trật tự thế giới phổ biến trong đó diễn ra những hoạt động cá nhân của "Những bí mật của thành Pa-ri".

"Nhưng" trước khi "... chuyển sang bàn về *sự tái hiện về mặt triết học* của sự kiện có tính chất anh hùng ca", ông Sê-li-ga còn phải "tập hợp những nét vẽ riêng biệt phác họa trên kia thành một bức tranh hoàn chỉnh".

Khi ông Sê-li-ga nói rằng ông muốn chuyển sang "sự tái hiện về mặt triết học" của sự kiện có tính chất anh hùng ca thì chúng ta phải coi đó là sự thú nhận thực sự, là sự bóc trần cái bí mật có tính phê phán của ông. Cho tới đây, ông đã "tái hiện" trật tự thế giới "về mặt triết học".

Ông Sê-li-ga tiếp tục thú nhận:

"Từ sự trình bày của chúng tôi, có thể rút ra kết luận rằng những bí mật riêng lẻ nghiên cứu trên kia nếu tách riêng từng cái một thì không có giá trị và những bí mật đó cũng không phải là những câu chuyện dông dài hay tuyệt. Giá trị của chúng chính là ở chỗ bản thân chúng hình thành *tính nhất quán hữu cơ của những khâu* mà *gộp cả lại* thành ra cái bí mật".

Do tính khí thẳng thắn, ông Sê-li-ga còn đi xa hơn nữa. Ông ta có ý thức rằng *"tính nhất quán tư biện"* không phải là tính nhất quán *thực sự* của "Những bí mật của thành Pa-ri".

"Đúng là trong bản anh hùng ca của chúng ta, nhưng cái bí mật không biểu hiện *ở tính nhất quán tự hiểu mình ấy"* (theo giá thành ư?). *"Nhưng* vấn đề ta gặp phải ở đây *không phải* là *cơ thể lô-gích, tự do* và cơ sở trước mắt mọi người của *sự phê phán* mà là *một tồn tại thực vật thần bí"*.

Chúng ta không nghiên cứu bức tranh hoàn chỉnh của ông Sê-li-ga mà trực tiếp đi vào cái điểm hình thành sự "chuyển tiếp". Qua ví dụ về Pi-plê, chúng ta đã quen biết "sự tự châm biếm của cái bí mật".

https://thuviensach.vn

"Bản thân cái bí mật xét xử mình bằng sự tự châm biếm. Tự tiêu diệt khi kết thúc sự phát triển của mình, cái bí mật, *do đó*, thúc đẩy mọi người kiên cường tiến hành kiểm tra độc lập".

Rô-đôn-phơ, ông hoàng Giê-rôn-stanh, *vĩ nhân* của *"sự phê phán thuần túy"*, mang sứ mệnh tiến hành việc kiểm tra ấy và *"bóc trần những bí mật"*.

https://thuviensach.vn

Nếu như chúng tôi chỉ bàn đến Rô-đôn-phơ cùng với những chiến công của ông ta sau khi chúng tôi tạm thời bỏ mặc ông Sê-li-ga thì cũng có thể phòng đoán rằng - mà bạn đọc thì có thể dự đoán trong một chừng mực nào đó, - hoặc nói đúng hơn là dự đoán rằng chúng tôi sẽ chuyển ông Rô-đôn-phơ từ "tồn tại thực vật thần bí" mà ông ta đã trải qua trong tờ "Literatur - Zeitung" có tính phê phán thành "một khâu *lô - gích, tự do* và sờ sờ trước mắt mọi người" trong *"cơ thể của sự phê phán có tính phê phán"*.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG VI

PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI,

HAY LÀ

SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN

Ở ÔNG BRU-NÔ

1) CUỘC CHINH PHẠT THỨ NHẤT CỦA SỰ PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI

a- "Tinh thần" và "quần chúng"

Từ trước tới nay, sự phê phán có tính phê phán, hoặc nhiều hoặc ít, đã nghiên cứu một cách phê phán các loại sự vật *có tính quần chúng*. Bây giờ, ta lại thấy nó nghiên cứu đối tượng có tính phê phán tuyệt đối, tức là nghiên cứu *bản thân nó*. Từ trước tới nay, sự phê phán có tính phê phán có được vinh dự tương đối của nó trong việc làm nhục, bác bỏ và biến đổi một cách phê phán một số sự vật và nhân vật *nhất định nào đó*. Bây giờ, nó có được vinh dự *tuyệt đối* của nó trong việc làm nhục, bác bỏ và biến đổi một cách phê phán toàn thể quần chúng. Trên con đường phê phán tương đối, đã được dựng lên những giới hạn tương đối. Trên con đường phê phán tuyệt đối thì được dựng lên những giới hạn tuyệt đối, giới hạn dưới hình thức quần chúng, quần chúng với tính cách là giới hạn. Đối lập với những giới hạn nhất định thì bản thân sự phê phán tương đối tất nhiên phải là một cá thể *có hạn*. Đối lập với giới hạn *phổ biến*, đối lập với giới hạn coi là giới hạn, thì sự phê phán tuyệt đối tất nhiên phải là cá thể *tuyệt đối*. Cũng y như đủ các loại sự vật và nhân vật quần chúng cùng hòa

https://thuviensach.vn

làm một trong cái món hổ lốn *không thuần tuý là "quần chúng"*, sự phê phán trước đây còn có tính chất sự vật và tính chất nhân vật thì nay đã biến thành *"sự phê phán thuần tuý"*. Từ trước đến nay, sự phê phán, hoặc ít hoặc nhiều, chỉ là *đặc tính* của những cá nhân phê phán riêng biệt như Rai-sơ-hát, Ét-ga, Phau-sơ, v.v.. Bây giờ thì sự phê phán lại là chủ thể, còn ông Bru-nô lại là hiện thân của nó.

Từ trước tới nay, *tính quần chúng* hoặc ít hoặc nhiều là đặc tính của những sự vật và nhân vật bị phê phán; bây giờ, các sự vật và nhân vật lại trở thành *"quần chúng"*, còn *"quần chúng"* lại trở thành sự vật và nhân vật. Tất cả những quan hệ phê phán trước kia bây giờ đều hoà tan trong mối quan hệ của sự sáng suốt tuyệt đối của sự phê phán với sự ngu muội tuyệt đối của quần chúng. *Mối quan hệ cơ bản* này là *ý đồ, xu hướng, đáp án* của những hành động phê phán và của những trận chiến đấu phê phán trước kia.

Thích ứng với tính chất tuyệt đối của nó, sự phê phán "thuần tuý", ngay từ lúc bước lên đài lần đầu tiên, đã hô to *"lời nói quyết định"* đặc biệt của nó; nhưng mặc dù vậy, với tư cách là tinh thần tuyệt đối, nó sẽ phải trải qua một quá trình biện chứng nào đó. Chỉ ở cuối cuộc vận hành thiên thể của nó thì khái niệm ban đầu của nó mới thật sự thể hiện thành hiện thực (xem Hê-ghen, "Bách khoa toàn thư"[30]).

"Sự phê phán tuyệt đối tuyên bố rằng "mới trước đây mấy tháng, quần chúng đã tự cho rằng mình là mạnh mẽ vô cùng và nhất định sẽ có ngày thống trị thế giới, và từ bấy giờ, đã bấm đốt ngón tay đón chờ ngày ấy"[31].

Thử hỏi ai là kẻ đã bấm đốt ngón tay tính cái ngày thống trị thế giới, ai, nếu không phải chính bản thân Bru-nô Bau-ơ trong "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do" (dĩ nhiên là trong sự nghiệp *"của bản thân"* ông ta), trong "Vấn đề Do Thái"[32] v.v., mặc dù ông ta cũng thừa nhận là không thể nói đích xác còn bao lâu nữa?

Ông ta đem một đống tội lỗi của bản thân mình ghi thêm vào sổ tội lỗi của quần chúng.

"Quần chúng hình dung rằng nó nắm được rất nhiều chân lý mà nó tưởng là dễ hiểu đối với nó". "Nhưng người ta chỉ hoàn toàn *nắm được chân lý* khi nào... người ta đã đi theo chân lý, thông qua cả mọi chuỗi những sự chứng minh *chân lý"*.

Đối với Bau-ơ cũng như đối với Hê-ghen, chân lý là một cái *máy tự động* tự chứng minh bản thân nó. Con người chỉ còn có việc *đi theo* chân lý. Cũng như Hê-ghen quan niệm, kết quả của sự phát triển hiện thực chẳng phải là cái gì khác mà chính là *chân lý đã được chứng minh*, tức là đã được *nhận thức*. Vì vậy sự phê phán tuyệt đối có thể cùng với nhà thần học thiển cận nêu câu hỏi:

"Nếu như nhiệm vụ của lịch sử không phải là nhằm *chứng minh* những chân lý đó, những chân lý đơn giản nhất trong tất cả các chân lý (chẳng hạn như trái đất xoay quanh mặt trời), thì còn cần *lịch sử để làm gì?"*.

Những người theo mục đích luận trước kia cho rằng thực vật tồn tại là để cho động vật ăn, còn động vật tồn tại là để cho người ta ăn thì lịch sử cũng tồn tại là để phục vụ cho mục đích của một hành vi tiêu dùng là sự ăn một cách lý luận, tức là *sự chứng minh*. Con người tồn tại là để cho lịch sử tồn tại, còn lịch sử tồn tại là để cho *sự chứng minh chân lý* tồn tại. Dưới

https://thuviensach.vn

hình thức tầm thường hoá *một cách phê phán* này người ta lắp lại cái cao kiến tư biện cho rằng con người và lịch sử tồn tại là để cho *chân lý* đạt tới *tự ý thức*.

Như vậy là cũng như *chân lý, lịch sử* trở thành một *cá tính,* đặc biệt, một chủ thể siêu hình, còn những cá thể con người hiện thực thì chỉ biến thành những kẻ thể hiện chủ thể siêu hình đó. Vì vậy sự phê phán tuyệt đối dùng những câu nói sau đây:

"Lịch sử" không cho phép ai nhạo báng nó... lịch sử đã hết sức cố gắng để cho... người ta nghiên cứu lịch sử... cần có lịch sử để làm gì?... lịch sử chứng minh cho ta một cách rõ ràng... lịch sử vạch ra các chân lý", v.v..

Nếu sự phê phán tuyệt đối quyết đoán rằng từ trước đến nay,
lịch sử chỉ gồm *có hai ba* chân lý hết sức giản đơn như thế, những chân lý rút cục dễ hiểu một cách hiển nhiên, thì cái nghèo nàn mà sự phê phán gán cho toàn bộ kinh nghiệm trước kia của loài người trước hết chỉ chứng tỏ cái nghèo nàn *của chính bản thân* sự phê phán tuyệt đối mà thôi. Trái lại, theo quan điểm không phê phán thì kết quả của lịch sử là: chân lý phức tạp nhất, tinh hoa của mọi chân lý - tức là *con người* - rút cục sẽ bắt đầu tự nhận thức được bản thân mình.

Sự phê phán tuyệt đối tiếp tục chứng minh:

"Còn những chân lý mà đối với quần chúng, *có vẻ* rất hiển nhiên đến nỗi *ngay từ đầu* tự nó đã dễ hiểu và quần chúng cho là không cần phải chứng minh, thì không đáng để cho lịch sử cứ phải cố tình chứng minh ý nghĩa quan trọng của các chân lý đó; các chân lý đó không hề nằm trong phạm vi nhiệm vụ mà lịch sử giải quyết".

Trong khi nổi trận lôi đình thần thánh với quần chúng, sự phê phán tuyệt đối lại nói với quần chúng những lời ngợi khen tế nhị. Thật ra, nếu chân lý có tính chất *hiển nhiên* là vì quần chúng *cảm thấy* nó như thế, nếu lịch sử dựa vào *ý kiến* của quần chúng để *xác định thái độ của mình* đối với các chân lý, thì trong trường hợp đó sự phán đoán của quần chúng là tuyệt đối, là không sai lầm: nó có hiệu lực *luật pháp* đối với lịch sử mà lịch sử thì chỉ chứng minh cái gì *không* hiển nhiên đối với quần chúng và do đó quần chúng thấy cần phải chứng minh. Như vậy là quần chúng quy định "nhiệm vụ" và "công việc" cho lịch sử.

Sự phê phán tuyệt đối nói tới "những chân lý *ngay từ đầu* tự nó đã dễ hiểu". Với tính ngây thơ có tính phê phán của nó, sự phê phán tuyệt đối phát minh ra một cái "ngay từ đầu" tuyệt đối và một *"quần chúng"* trừu tượng, không biến đổi. Cái "ngay từ đầu" đối với quần chúng thế kỷ XVI - sự phê phán tuyệt đối thấy hai cái "ngay từ đầu" này cũng chẳng khác nhau mấy, cũng như bản thân hai cái quần chúng ấy. Đặc điểm của cái chân lý tự nó đã dễ hiểu, đã được *thực hiện* và đã có *tính chất hiển nhiên* ấy chính là *ở* chỗ *"ngay từ đầu* tự nó đã dễ hiểu". Sự phê phán tuyệt
đối công kích những chân lý ngay từ đầu tự nó đã dễ hiểu, tức là công kích những chân lý vốn là "tự nó đã dễ hiểu".

Đối với sự phê phán tuyệt đối cũng như đối với *biện chứng* của thượng đế, thì cái chân lý tự nó đã dễ hiểu đã mất hết tất cả cái tinh hoa, ý nghĩa và *giá trị* của nó. Nó đã trở thành nhạt nhẽo vô vị như nước ao tù. Vì vậy sự phê phán tuyệt đối một mặt *chứng minh* tất cả những

https://thuviensach.vn

cái gì tự nó đã dễ hiểu và ngoài ra còn chứng minh rất nhiều những cái có may mắn là khó hiểu và vì vậy không bao giờ trở thành tự nó đã dễ hiểu. Mặt khác nó lại tuyên bố là tất cả những cái gì cần phải suy ra và chứng minh thì đều tự nó đã dễ hiểu. Vì sao vậy? Vì một điều *tự nó đã dễ hiểu* là: *những nhiệm vụ thực tế không phải* là một cái gì tự nó đã dễ hiểu.

Vì "chân lý", cũng như lịch sử, là một chủ thể ê-te, tách rời quần chúng vật chất, cho nên nó không hướng về những con người kinh nghiệm, mà lại hướng về *"cõi sâu kín của tâm hồn"*. Để trở thành *"thật sự được nhận thức"*, chân lý không tác động đến cái *thân thể thô lỗ* của con người sống ở nơi nào đó dưới nhà hầm nước Anh hoặc trên gác thượng một nhà lầu ở Pháp, mà lại "lững thững đi qua" toàn bộ cái ruột duy tâm chủ nghĩa của người đó. Đành rằng sự phê phán tuyệt đối chứng minh cho "quần chúng" một điều là từ trước đến nay, quần chúng vẫn đụng chạm theo kiểu của mình, nghĩa là hời hợt, với những chân lý mà lịch sử thương tình "vạch ra" cho; nhưng đồng thời sự phê phán lại tiên đoán rằng

"*thái độ của quần chúng đối với sự tiến bộ lịch sử sẽ thay đổi tận gốc*".

Ý nghĩa bí mật của điều tiên đoán có tính phê phán này nhất định sẽ "rõ như ban ngày" đối với chúng ta.

Chúng ta biết rằng: "Sở dĩ tất cả những việc lớn của lịch sử từ trước đến nay đều *ngay từ đầu* đã là không thành công và không có hiệu quả thực tế, chính là vì *quần chúng quan tâm* đến các việc đó, vì các việc đó *khêu gợi nhiệt tình* của quần chúng. Nói cách khác, các việc đó đã tất nhiên phải có kết cục đáng tiếc, vì cái tư tưởng làm cơ sở cho các việc đó là một thứ quan niệm như thế này: nó phải bằng lòng với một sự hiểu biết hời hợt về bản thân nó, và do đó trông mong vào sự đồng tình của quần chúng".

Tựa hồ như sự hiểu biết nào thoả mãn tư tưởng, tức là phù hợp với tư tưởng, thì mới khỏi hời hợt. Ngài Bru-nô chỉ vì *muốn làm ra vẻ ta đây* mà nêu ra *mối quan hệ* giữa *tư tưởng* với *sự hiểu biết* về tư tưởng đó, cũng y như ông ta chỉ vì *muốn làm ra ve ta đây* mà nêu ra *mối quan hệ* của *hoạt động* lịch sử không thành công đối với *quần chúng*. Vì vậy, nếu sự phê phán tuyệt đối thực sự lên án cái gì đó là "hời hợt" thì tức là nó lên án cả toàn bộ lịch sử này đều là những tư tưởng và hoạt động của "quần chúng". Sự phê phán tuyệt đối bác bỏ lịch sử *quần chúng* và định thay thế bằng lịch sử *phê phán* (xem bài báo của ông I-u-li-út Phau-sơ viết về những vấn đề bức thiết của đời sống nước Anh). Căn cứ theo lịch sử trước kia, lịch sử *không phê phán*, tức là lịch sử không viết theo đúng ý nghĩa mà sự phê phán tuyệt đối gán cho nó, phải phân biệt một cách chặt chẽ hai điều: *quần chúng "quan tâm"* tới mức nào đến những mục đích này hay mục đích khác và các mục đích đó *"khêu gợi nhiệt tình"* của quần chúng tới mức nào. Một khi *"tư tưởng"* tách rời *"lợi ích"* thì nhất định nó sẽ tự làm nhục nó. Mặt khác, không khó gì mà không hiểu rằng mọi "lợi ích" quần chúng được thừa nhận về mặt lịch sử khi xuất hiện lần đầu tiên trên vũ đài thế giới thì trong *"tư tưởng"* hay là trong *"quan niệm"*, cũng đều vượt xa giới hạn thực tế của nó và rất dễ lẫn lộn với lợi ích của *loài người* nói chung. *Ảo tưởng* này tạo thành cái mà *Phu-ri-ê* gọi là *màu sắc* của mỗi thời đại lịch sử. *Lợi ích* của giai cấp tư sản trong cuộc Cách mạng 1789 chẳng hề có tí gì là *"không thành*

https://thuviensach.vn

công", nó đã *"thắng"* tất cả và thu được *"thành quả thực tế"*, mặc dù về sau *"nhiệt tình"* đã tan đi như khói, và những đoá hoa *"nhiệt tình"* trang điểm cho cái nôi của nó đã khô héo đi. *Lợi ích* đó mạnh đến mức đã khắc phục được
một cách thắng lợi ngòi bút của Ma-ra, đoạn đầu đài của phái khủng bố, lưỡi gươm của Na-pô-lê-ông, và cả giáo hội Thiên chúa cùng huyết thống thuần tuý của triều đại Buốc-bông nữa. Cách mạng chỉ "không thành công" đối với quần chúng mà "quan niệm" chính trị không phải là quan niệm về *"lợi ích"* thực tế của họ và do đó nguyên tắc thiết thân thực sự của họ không nhất trí với nguyên tắc chủ đạo của cách mạng, - nghĩa là đối với quần chúng mà điều kiện thực để giải phóng họ thì căn bản khác với những điều kiện trong đó giai cấp tư sản đã có thể giải phóng được bản thân mình và xã hội. Do đó, nếu cách mạng là cái có thể đại biểu cho tất cả các "hoạt động" lịch sử vĩ đại mà không thành công thì đó là vì quần chúng, mà cách mạng của họ, về thực chất, chỉ đóng khuôn trong những điều kiện sinh hoạt của họ, là một thứ quần chúng *đặc biệt*, không bao gồm toàn thể dân chúng, là một thứ quần chúng *hạn chế*. Nghĩa là nếu cách mạng không thành công thì không phải vì cách mạng đã *"khêu gợi nhiệt tình"* của quần chúng, không phải vì quần chúng *"quan tâm"* đến cách mạng, mà là vì đối với bộ phận quần chúng đông đảo nhất, bộ phận khác với giai cấp tư sản thì nguyên tắc của cách mạng không phải là lợi ích *thực tế* của họ, không phải là nguyên tắc cách mạng *của chính bản thân họ* mà *chỉ là một "quan niệm"* và do đó chỉ là một đối tượng của *một nhiệt tình* tạm thời và của *một cao trào* bề ngoài mà thôi.

Hoạt động lịch sử càng lớn lao thì do đó, quần chúng, mà hoạt động lịch sử đó là sự nghiệp của mình, cũng sẽ lớn lên theo. Trong lịch sử phê phán, là thứ lịch sử cho rằng trong các hoạt động lịch sử, vấn đề không phải là quần chúng đang hành động, không phải là hoạt động kinh nghiệm và cũng không phải là *lợi ích* kinh nghiệm của hoạt động đó, mà trái lại là cái *"quan niệm"* nằm *"ở trong các cái đó"*, - trong thứ lịch sử đó, dĩ nhiên là mọi sự đều xảy ra hoàn toàn khác hẳn.

Sự phê phán dạy ta rằng:

"Phải tìm kẻ thù thật của tinh thần ở trong quần chúng, chứ không phải ở trong cái gì khác, như những kẻ tự do chủ nghĩa bênh vực quần chúng trước kia thường nghĩ".

Kẻ thù của tiến bộ, *ở ngoài* quần chúng, chính là *những sản phẩm* có sự tồn tại độc lập, có một cuộc sống riêng, *của sự tự ty, của sự tự bài xích và sự tự tha hoá của quần chúng.* Vì vậy, quần chúng mà đứng lên chống lại *những sản phẩm* tồn tại độc lập của *sự tự ty* của quần chúng thì cũng tức là chống lại thiếu sót của *bản thân* mình, cũng y như con người khi phản đối sự tồn tại của thượng đế thì cũng tức là phản đối *cái tâm lý tôn giáo* của mình. Nhưng vì những kết quả *thực tế* đó của sự tự tha hoá của quần chúng tồn tại trong thế giới hiện thực bằng phương thức bề ngoài, nên quần chúng cũng buộc phải đấu tranh với những kết quả đó bằng phương thức *bề ngoài*. Quần chúng tuyệt nhiên không thể coi các sản phẩm đó của sự tự tha hoá của mình chỉ là những ảo ảnh *trong quan niệm*, chỉ là *những sự tha hoá* đơn giản của *tự ý thức*, và không thể mong muốn tiêu diệt sự tha hoá *vật chất* bằng *hoạt động duy linh*

https://thuviensach.vn

thuần tuý *bên trong*. Ngay từ năm 1789 tờ báo của Lu-xta-lô[33] đã lấy câu sau đây làm châm ngôn:

"Chỉ vì ta quỳ gối,

Nên thấy các vĩ nhân là cao lớn.

Ta hãy đứng dậy đi!"

Nhưng muốn đứng dậy thì không thể chỉ đứng dậy trong *tư tưởng*, trong khi vẫn để cái đầu *hiện thực và cảm tính* chịu mãi cái ách *hiện thực và cảm tính* mà không quan niệm nào có thể cởi bỏ nổi. Thế nhưng *sự phê phán tuyệt đối* ít ra cũng đã học được trong *"Hiện tượng học"* của Hê-ghen, một nghệ thuật là biến những sợi xích *hiện thực, khách quan, ở ngoài cái tôi*, thành những sợi xích *tuyệt nhiên chỉ tồn tại trong quan niệm*, chỉ có *tính chất chủ quan*, chỉ tồn tại *trong cái tôi* và do đó biến tất cả những cuộc đấu tranh *bên ngoài*, cảm tính, thành những cuộc đấu tranh của những quan niệm thuần tuý.

Sự chuyển biến có tính phê phán này đặt cơ sở cho *sự hài hoà đã định trước giữa sự phê phán có tính phê phán và sự kiểm duyệt*. Theo quan điểm phê phán thì sự đấu tranh của người viết văn với người kiểm duyệt không phải là sự đấu tranh giữa "người với người". Trái lại, người kiểm duyệt chẳng qua chỉ là *tính nhạy bén của bản thân tôi*, tính nhạy bén mà bàn tay của cơ quan cảnh sát ân cần đã, vì tôi, *nhân cách hoá*, là tinh thần nhạy bén của tôi đấu tranh với sự thiếu nhạy bén và sự thiếu phê phán của tôi. Chỉ có vẻ bề ngoài, chỉ có dưới con mắt của cảm tính kém cỏi thì sự đấu tranh của người viết văn với người kiểm duyệt mới là một cái gì khác với sự đấu tranh *bên trong* của con người viết văn với *chính bản thân mình*. Nếu như tôi coi người kiểm duyệt là một vật tồn tại có *cá tính thật sự khác tôi*, là *một tên đao phủ cảnh sát* dùng một tiêu chuẩn bên ngoài, xa lạ với bản thân sự vật, để bôi xấu tác phẩm của tinh thần tôi, thì người kiểm duyệt đó chính là con đẻ của trí tưởng tượng của *quần chúng*, là *một ảo tưởng không phê phán*. Nếu như "Đề cương cải cách triết học"[34] của Phoi-ơ-bắc bị kiểm duyệt cấm thì đấy không phải là lỗi tại sự dã man quan phương của cơ quan kiểm duyệt, mà là do "Đề cương" của Phoi-ơ-bắc không được văn minh. Sự phê phán *"thuần tuý"* không bị bất cứ quần chúng và vật chất nào làm bẩn cũng cho rằng người kiểm duyệt cũng là một hình tượng "ê-te" thuần tuý, tách rời mọi hiện thực quần chúng.

Sự phê phán tuyệt đối đã tuyên bố *"quần chúng" là kẻ thù thật sự của tinh thần*. Nó phát triển tư tưởng này của nó và nói:

"Bây giờ, tinh thần đã biết là *phải tìm đối thủ* duy nhất *của mình ở* đâu rồi: ở sự tự dối mình và sự nhu nhược của quần chúng".

Sự phê phán tuyệt đối xuất phát từ *tín điều* về quyền hạn tuyệt đối của *"tinh thần"*. Sau nữa, nó xuất phát từ *tín điều* cho rằng tinh thần tồn tại *ngoài thế giới*, tức là tồn tại ngoài quần chúng loài người. Cuối cùng, nó biến một bên là "t i n h t h ầ n", "t i ế n b ộ" và một bên là "q u ầ n c h ú n g" thành những bản chất *c ứ n g n h ắ c*, tức là

https://thuviensach.vn

biến thành những khái niệm, rồi đặt đối lập hai bên với nhau, như những cực bất di bất dịch. Sự phê phán tuyệt đối chẳng hề nghĩ đến nghiên cứu bản thân *"tinh thần"*, nghiên cứu xem có phải bản tính duy linh của bản thân tinh thần và những tham vọng xốc nổi của nó là nguồn gốc của sự "sáo rỗng", của "sự tự dối mình", của "sự nhu nhược" hay không. Ngược lại, tinh thần thì *tuyệt đối*, nhưng khốn thay nó lại đồng thời luôn luôn biến thành *sự trống rỗng về tinh thần*: những sự tính toán của nó bao giờ cũng được tiến hành mà không có chủ. Vì vậy nó nhất định phải có một đối thủ dùng mánh khoé đối phó với nó. *Đối thủ* này chính là quần chúng.

Đối với *"sự tiến bộ"* thì tình hình cũng y như vậy. Trái với những tham vọng của *"tiến bộ"*, người ta luôn luôn thấy có những trường hợp *thoái bộ* và *loanh quanh*. Không biết rằng phạm trù *"tiến bộ"* là không có bất cứ nội dung nào và có tính chất trừu tượng, sự phê phán tuyệt đối suy nghĩ quá ư sâu sắc đến nỗi thừa nhận *"sự tiến bộ"* là tuyệt đối, để có thể đưa *"đối thủ cá nhân"* của tiến bộ, tức *quần chúng*, ra nhằm giải thích sự thoái bộ. Vì "quần chúng" chẳng qua chỉ là "mặt đối lập của tinh thần", của sự tiến bộ, của "sự phê phán", cho nên nó chỉ có thể được định nghĩa bằng mặt đối lập giả tưởng ấy của nó. Nếu tách không nói đến mặt đối lập đó thì sự phê phán chỉ có thể nói lên một cái gì hoàn toàn không xác định và do đó một cái gì *vô nghĩa* về *ý nghĩa* và sự tồn tại của quần chúng:

"Quần chúng theo nghĩa ấy là *"từ"* ấy *cũng* bao hàm cả *cái gọi là* giới học thức".

Đối với cách định nghĩa có tính phê phán thì một chữ "cũng" hay chữ "cái gọi là" cũng đủ rồi. Thế là "quần chúng" đã được phân biệt với các quần chúng *thực tế* và, chỉ vì *"sự phê phán"*, nên mới tồn tại với tính cách là *"quần chúng"*.

Tất cả các tác giả cộng sản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trước đây đều xuất phát từ một điều quan sát là: một mặt, ngay
cả những hành động xuất sắc được xếp đặt một cách thuận lợi nhất cũng rõ ràng là không thu được kết quả xuất sắc và thoái hoá thành những việc tầm thường; mặt khác, *mọi sự tiến bộ tinh thần*, từ trước đến nay bao giờ cũng là *tiến bộ có hại cho quần chúng loài người*, khiến quần chúng này sa vào tình trạng ngày càng *không có tính người*. Vì vậy họ đã gọi *"tiến bộ"* (xem *Phu-ri-ê)* là *câu nói* trừu tượng không làm người ta vừa lòng; họ đã đoán ra được (xem *Ô-oen*, và một số người khác) là thế giới văn minh có một thiếu sót căn bản; vì vậy họ *phê phán* không thương xót những cơ sở *hiện thực* của xã hội hiện đại. Trong thực tiễn, tương ứng với sự phê phán cộng sản chủ nghĩa này, ngay từ đầu, đã có một phong trào của *quần chúng đông* đảo, tức là của những kẻ từ trước đến nay vẫn bị sự phát triển của lịch sử làm thiệt thòi. Muốn hình dung được sự cao thượng có *tính người* của phong trào này, phải biết được sự ham thích khoa học, sự khát khao hiểu biết, nghị lực đạo đức và sự cố gắng bền bỉ nhằm tự phát triển của công nhân Pháp và Anh.

"Sự phê phán tuyệt đối", đứng trước tất cả các sự thực đó của lĩnh vực sinh hoạt tinh thần và sinh hoạt thực tiễn, mà thấy có *mỗi một* mặt của vấn đề, tức sự tan rã không ngừng của tinh thần, đồng thời buồn bực về tình trạng đó, mà còn đi tìm *đối thủ* của "t i n h t h ầ n" và

https://thuviensach.vn

sự phát hiện vĩ đại có tính phê phán ấy chung qua chỉ là một *sự lắp lại những từ đồng nghĩa* mà thôi. Theo ý kiến của sự phê phán thì tinh thần, từ trước đến nay, bao giờ cũng vấp phải một vật cản trở, một chướng ngại, - nói cách khác, bao giờ nó cũng có một *đối thủ*. Vì sao vậy? Vì nó có *đối thủ*. Thế ai là đối thủ của *tinh thần? Sự trống rỗng về tinh thần*. Sự phê phán vẫn định nghĩa quần chúng chỉ là "mặt đối lập" của tinh thần, là *sự trống rỗng về tinh thần*, mà nếu lấy những định nghĩa chi tiết hơn nữa về sự trống rỗng của tinh thần thì đó là "sự lười biếng về tư tưởng", "sự hời hợt", "sự tự mãn". So với các tác giả cộng sản thì thật là ưu việt hơn biết bao: tránh khỏi phải
nghiên cứu nguồn gốc và sự trống rỗng về tinh thần, của sự lười biếng về tư tưởng, của sự hời hợt và sự tự mãn, và sau khi *tìm thấy* mặt đối lập của tinh thần, của tiến bộ ở trong các phẩm chất ấy rồi thì xoay ra làm nhục các phẩm chất ấy *về đạo đức*! Khi các phẩm chất ấy là những thuộc tính của q u ầ n c h ú n g, coi như một *chủ thể* nào đó, một chủ thể còn có chỗ khác với các phẩm chất ấy, thì sự phân biệt như thế chẳng qua chỉ là *bề ngoài* "có tính phê phán" của sự phân biệt mà thôi. Chỉ có một điều này mới là một cái *bề ngoài*, tức là ngoài những thuộc tính trừu tượng như sự trống rỗng về tinh thần, sự lười biếng về tư tưởng, v.v., ra, sự phê phán tuyệt đối còn sử dụng một chủ thể cụ thể *nhất định* nào đó, vì theo quan niệm phê phán thì *"quần chúng" chẳng qua* chỉ là các thuộc tính trừu tượng ấy: *"quần chúng"* chỉ là một *tên gọi* khác của các thuộc tính ấy, chỉ là *sự phân cách hoá hư ảo* của các thuộc tính ấy.

Nhưng quan hệ giữa "tinh thần và quần chúng" còn có một hàm nghĩa khác *ẩn kín* nó sẽ bộc lộ hoàn toàn trong tiến trình lập luận sau này. Ở đây, chúng tôi chỉ nhắc qua thôi. Quan hệ của "tinh thần" và "quần chúng", mà ngài Bru-nô *phát hiện*, thật ra chẳng qua chỉ là *sự hoàn thành có tính phê phán và biếm hoạ của quan điểm Hê-ghen và lịch sử*, mà quan điểm này lại chẳng qua chỉ là biểu hiện *tư biện* của giáo điều *Cơ Đốc giáo Đức* về sự đối lập của *tinh thần* và *vật chất, thượng đế* và *thế giới*. Trong phạm vi lịch sử, trong phạm vi bản thân nhân loại, sự đối lập ấy biểu hiện ra như sau: một số ít *cá nhân* được lựa chọn, coi như tinh thần *tích cực*, đối lập với phần còn lại của nhân loại coi như *quần chúng không có tinh thần*, như *vật chất*.

Quan điểm *của Hê-ghen* và lịch sử đòi hỏi một tiền đề là phải có *một tinh thần trừu tượng*, hay *tuyệt đối*, phát triển theo kiểu này: loại người chỉ là *quần chúng*, tức là người mang tinh thần đó một cách tự giác hoặc không tự giác. Vì vậy, bên trong lịch sử có *tính chất kinh nghiệm*, rõ ràng, Hê-ghen đã bày đặt nên một
lịch sử *có tính tư biện*, huyền ảo. Lịch sử của nhân loại biến thành lịch sử *của tinh thần trừu tượng*, và do đó đối với con người hiện thực thì nó biến thành lịch sử *của tinh thần ở thế giới bên kia* của loài người.

Song song với học thuyết đó của Hê-ghen, ở Pháp đã phát triển học thuyết của *phái không luận*[35], là phái đề xướng sự độc lập tự chủ của lý trí đối lập với *sự độc lập tự chủ của nhân dân* để dễ bề gạt quần chúng đi mà thống trị *một mình*. Đấy thật là hết sức triệt để. Nếu hoạt

https://thuviensach.vn

động của nhân loại *hiện thực* không phải cái gì khác hơn là hoạt động của *đám đông* những con người riêng lẻ, thì trái lại, *tính phổ biến trừu tượng* - tức là l ý t r í, t i n h t h ầ n - lại phải được biểu hiện một cách trừu tượng ở một số ít cá nhân. Bấy giờ mỗi cá nhân riêng lẻ có nhận xằng là đại biểu như thế của "t i n h t h ầ n" hay không là tuỳ ở địa vị và sức tưởng tượng của người đó.

Ngay ở *Hê-ghen, tinh thần tuyệt đối* của lịch sử cũng đã có tài liệu cần thiết cho nó trong *quần chúng*, còn biểu hiện tương ứng thì nó chỉ tìm thấy trong *triết học*. Nhưng n h à t r i ế t h ọ c chỉ là một công cụ mà tinh thần tuyệt đối sáng tạo ra lịch sử sau khi đã vận động xong, dùng để *nhìn lại quá khứ* để có ý thức về bản thân mình. Sự tham gia của nhà triết học vào lịch sử chỉ bó hẹp ở ý thức *nhìn lại quá khứ* ấy thôi, vì sự vận động hiện thực là do tinh thần tuyệt đối thực hiện *một cách vô ý thức*. Như thế là nhà triết học chỉ xuất hiện post festum[29]1*.

Sai lầm của Hê-ghen là ở chỗ ông đã phạm hai sự không triệt để: một là ông tuyên bố triết học là sự tồn tại hiện có của tinh thần tuyệt dối, nhưng đồng thời lại không chịu coi *cá nhân nhà triết học hiện thực* là tinh thần *tuyệt đối*; hai là *về bề ngoài*, ông đem tinh thần tuyệt đối, với tư cách là tinh thần tuyệt đối, biến
thành kẻ sáng tạo lịch sử. Vì tinh thần tuyệt đối chỉ *post festum* mới thông qua nhà triết học mà có *ý thức* rằng bản thân mình là tinh thần thế giới đầy sức sáng tạo, cho nên việc nó tạo ra lịch sử chỉ tồn tại ở trong ý thức, trong kiến giải, trong quan niệm của nhà triết học, trong tưởng tượng tư biện mà thôi. Ngài Bru-nô xóa bỏ tính không triệt để đó của Hê-ghen.

Trước hết, ông ta tuyên bố s ự p h ê p h á n là tinh thần tuyệt đối, và bản thân ông ta là sự phê phán. Nhân tố phê phán bị gạt bỏ khỏi quần chúng, cũng như nhân tố quần chúng bị gạt ra khỏi sự phê phán. Vì vậy, sự phê phán cho rằng mình được thể hiện không phải ở *quần chúng* nào cả mà hoàn toàn chỉ ở một dúm rất ít người được lựa chọn, ở ngài Bau-ơ và các đồ đệ của ngài.

Tiếp đó, ngài Bru-nô cũng xoá bỏ nốt sự không triệt để khác của Hê-ghen: nếu như tinh thần của Hê-ghen chỉ sáng tạo ra lịch sử một cách post festum, trong ảo tưởng, thì ngài Bau-ơ, ngược lại với tất cả cái đám người còn lại trong nhân loại, lại đóng vai *tinh thần thế giới một cách có ý thức*; ngay bây giờ ông ta đã đối đãi với đám quần chúng ấy *một cách kịch tính* rồi, và đang phát minh ra lịch sử và thực hiện lịch sử với một ý định rõ ràng và sau khi đã suy nghĩ chín chắn.

Một đằng là quần chúng, coi là nhân tố tiêu cực, không có tinh thần, phi lịch sử, nhân tố *vật chất* của lịch sử; một đằng là t i n h t h ầ n, là s ự p h ê p h á n mà ngài Bru-nô và đồng bọn, coi là nhân tố tích cực đó nẩy sinh ra toàn bộ hành động *lịch sử*. Sự nghiệp cải tạo xã hội được quy thành *hoạt động của bộ óc* của sự phê phán có tính phê phán.

Không phải chỉ có thế ! Quan hệ của sự phê phán, tức là của sự phê phán đã được thể hiện ra, của ngài Bru-nô và đồng bọn với quần chúng thực ra là quan hệ lịch sử *duy nhất* của thời đại hiện nay. Toàn bộ lịch sử hiện nay quy lại chỉ là sự vận động của

https://thuviensach.vn

hai mặt đó trong mối quan hệ với nhau. Tất cả các mặt đối lập đều hoà tan trong mặt đối lập *có tính phê phán* ấy.

Vì sự phê phán có tính phê phán chỉ có được *tính vật thể* cho mình trong sự đối lập với quần chúng, với *sự ngu xuẩn*, cho nên nó phải thường xuyên tạo ra cho mình mặt đối lập đó, và các ngài Phau-sơ, Ét-ga và Sê-li-ga cũng đã trình bày cho chúng ta khá đủ những bằng chứng về tài năng tuyệt vời riêng của nó trong cái nghề sở trường của nó là *làm ngu xuẩn hàng loạt* người cũng như vật.

Bây giờ, ta hãy theo dõi sự phê phán tuyệt đối trong *những cuộc chinh phạt* của nó chống lại *quần chúng.*

b- Vấn đề Do Thái, số 1. Cách đặt vấn đề

Trong sự đối lập với quần chúng, "tinh thần" lập tức tỏ rõ *tính phê phán* của nó bằng cách coi cái tác phẩm thiển cận của bản thân nó, tức *"Vấn đề Do Thái"* của Bru-nô Bau-ơ, là tuyệt đối và chỉ có những người phản đối tác phẩm đó mới là những kẻ có tội. Trong bài số 1[36], bác lại những lời công kích tác phẩm đó, ông ta không mảy may nói gì về các khuyết điểm của tác phẩm đó, mà trái lại vẫn khẳng định là đã phát hiện ra ý nghĩa "chân chính" và *"phổ biến"* (!) của vấn đề Do Thái. Ta sẽ thấy trong những bài biện bác về sau, ông ta đã phải thừa nhận những điều *"thất sách"* của mình.

"Cách người ta đón tiếp tác phẩm của tôi *bắt đầu* chứng minh rằng chính những người xưa nay đã đấu tranh cho tự do và hiện nay vẫn tiếp tục đấu tranh cho tự do, cần phải đứng lên chống lại tinh thần hơn ai hết. Việc hiện nay tôi bênh vực tác phẩm này là tiếp tục chứng minh thêm rằng *những người bênh vực quần chúng* và tự tâng bốc mình là vĩ đại hết mức, vì đã ủng hộ sự giải phóng và tín điều *"nhân quyền"*, những người đó nghèo nàn về tư tưởng biết bao".

Sự ra đời của tác phẩm của sự phê phán tuyệt đối tất nhiên là đã thúc đẩy "quần chúng" *bắt đầu* tỏ rõ thái độ thù địch đối với tinh thần, vì bản thân *sự tồn tại* của "quần chúng" là do sự tồn tại của sự đối lập giữa "quần chúng" và sự phê phán tuyệt đối *quyết định và chứng minh.*

Sự công kích của một số người Do Thái tự do chủ nghĩa và duy lý chủ nghĩa chống lại "Vấn đề Do Thái" của ông Bru-nô dĩ nhiên là có một dụng ý phê phán hoàn toàn khác sự công kích có tính quần chúng của những người tự do chủ nghĩa chống lại triết học và của những người duy lý chống lại Stơ-rau-xơ. Vả lại, có thể phán đoán về mức độ độc đáo của nhận xét nói trên qua đoạn văn sau đây của *Hê-ghen*:

"Ở đây, có thể lưu ý đến hình thức đặc biệt của lương tâm không trong sạch biểu hiện ở sự hùng biện mà sự hời hợt đó" (sự hời hợt của những người tự do chủ nghĩa), "lấy làm kiêu hãnh: hình thức đó thể hiện trước hết ở chỗ là nơi nào mà sự hời hợt đó *thiếu tinh thần* nhất thì nó lại hay nói đến *tinh thần nhất*, và nơi nào mà nó khô khan héo hắt nhất thì nó lại hay dùng chữ *sức sống* nhất"., v.v.[37].

Còn về *"nhân quyền"* thì chúng tôi đã chứng minh cho ngài Bru-nô ("Về vấn đề Do Thái" trong "Deutsch-Französische Jahrbücher"[38]) rằng không phải là *những người bênh vực quần chúng*, mà trái lại chính *"bản thân ông ta"* không hiểu thực chất của các "quyền" đó và đã có thái độ giáo điều đối với các quyền đó. So với điều phát hiện của ông ta cho rằng nhân quyền

https://thuviensach.vn

không phải *"bẩm sinh"*, một điều mà hơn 40 năm nay ở Anh đã phát hiện không biết bao nhiêu lần, thì sự khẳng định của Phu-ri-ê coi sự đánh cá, săn bắn, v.v., là những quyền bẩm sinh của con người phải nói là một khẳng định thiên tài.

Chúng tôi chỉ nêu vài ví dụ trong cuộc tranh luận của ông Bru-nô với *Phi-líp-xơn, Hiếc-sơ*, v.v.. Ngay cả những đối thủ đáng thương ấy cũng không tỏ ra là bị sự phê phán tuyệt đối đánh bại. Dù sự phê phán tuyệt đối nói gì thì nói, ông Phi-líp-xơn hoàn toàn không nói điều gì phi lý khi ông chỉ trích nó như sau:

"Bau-ơ đang suy nghĩ một nhà nước kiểu đặc biệt... *một lý tưởng triết học về nhà nước"*.

Ông Bru-nô đã lẫn lộn nhà nước với nhân loại, nhân quyền với
bản thân con người, sự giải phóng chính trị với sự giải phóng con người, thì tất nhiên là phải suy nghĩ, và nếu không thì cũng phải tưởng tượng một nhà nước kiểu đặc biệt, một lý tưởng triết học về nhà nước.

"Giá như nhà nghệ sĩ ngâm thơ" (ông Hiếc-sơ) "làm thế này thì hay hơn: đừng trình bày tư tưởng của mình một cách chán ngấy, mà chỉ bác bỏ điều chứng minh của tôi nói rằng *nhà nước Cơ Đốc*... không thể cho những người theo một tôn giáo nhất định nào khác được hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi với các đẳng cấp cơ đốc, vì nguyên tắc sống còn của nhà nước đó là một tôn giáo nhất định".

Giá như nhà nghệ sĩ ngâm thơ Hiếc-sơ thực sự bác bỏ điều chứng minh của ông Bru-nô và - như tờ Deutsch - Französische Jahrbücher "đã làm - vạch rõ rằng nhà nước của đẳng cấp và của độc một mình Cơ Đốc giáo chẳng những là một nhà nước nói chung không hoàn bị mà còn là một nhà nước *Cơ Đốc* không hoàn bị, thì ông Bru-nô cũng trả lời như đã trả lời những ý kiến bác bẻ đăng trên "Deutsch - Französische Jahrbücher" rồi:

"Những lời chỉ trích về việc này chẳng có ý nghĩa gì cả"

Ngược lại với điều khẳng định của ông Bru-nô nói rằng

"áp lực của người Do Thái trên lò xo lịch sử đã gây nên một áp lực ngược lại".

Ông Hiếc-sơ đã nhận xét hoàn toàn đúng rằng:

"Như vậy thì người Do Thái hẳn đã là một cái gì trong sự nghiệp hình thành lịch sử, và nếu bản thân Bau-ơ khẳng định điều đó thì ông ta không có quyền khẳng định một đẳng khác là họ chẳng góp tý gì của mình vào sự nghiệp hình thành thời kỳ hiện đại cả"

Ông Bru-nô trả lời:

"Cái mống trong con mắt cũng là một cái gì đó. Nó có vì vậy mà đóng góp chút gì vào sự phát triển thị giác của tôi không?".

Cái mống, cũng như dân Do Thái trong thế giới Cơ Đốc, đã có trong con mắt tôi từ khi tôi mới đẻ, nay vẫn tiếp tục nằm đấy, cùng lớn lên và phát triển với con mắt, nó không phải là một cái mống bình thường nào đó: nó là một cái mống kỳ lạ, không thể tách khỏi con mắt tôi, và nhất định là có góp phần vào sự phát

https://thuviensach.vn

triển độc đáo ở trình độ tối cao của thị giác của tôi. Như vậy là cái *"mống"* phê phán không làm đau được "Hiếc-cơ"[30]1* đang ngâm nga. Ngoài ra, bài phê bình nói trên còn vạch rõ cho ông Bru-nô ý nghĩa của tinh thần Do Thái đối với *"sự hình thành* thời kỳ hiện đại".

Tâm hồn thần học của sự phê phán tuyệt đối cảm thấy bị xúc phạm nặng nề bởi nhận xét của *một ông nghị của hội đồng tỉnh Ranh* cho rằng "người Do Thái *làm điều kỳ quái* là theo tập quán của họ, tập quán Do Thái, chứ không phải theo tôn giáo của ta, tức là theo cái gọi là tập quán Cơ Đốc", đến nỗi bây giờ nó vẫn chưa quên *"khiển trách* ông nghị về việc dùng lý lẽ như vậy".

Về ý kiến của ông nghị khác nói rằng "sự bình đẳng về quyền *công dân* của người Do Thái chỉ có thể có ở nơi nào mà bản thân đạo Do Thái không còn nữa", ông Bru-nô nhận xét như sau:

"Đúng là đúng chính trong trường hợp nếu đồng thời chú ý đến một ý kiến khác của sự phê phán nêu trong quyển sách của tôi", tức là ý kiến nói rằng cả Đạo Cơ Đốc cũng nên thôi đừng tồn tại nữa.

Do đó, rõ ràng là sự phê phán tuyệt đối trong bài phản đối số 1 chống lại những lời công kích quyển "Vấn đề Do Thái" vẫn coi sự thủ tiêu tôn giáo, coi chủ nghĩa vô thần, là điều kiện tất yếu của sự bình đẳng về quyền *công dân*. Thế là trong giai đoạn đầu của nó, sự phê phán tuyệt đối còn chưa tiến được một bước nào trong việc lãnh hội được bản chất của nhà nước và *"sự thất sách"* trong *"tác phẩm"* của mình.

Sự phê phán tuyệt đối lấy làm bực tức khi có người nào đó chứng minh rằng phát hiện khoa học "mới nhất" do nó *nghĩ ra* chẳng qua chỉ là lặp lại một quan điểm ai nấy đều đã biết từ lâu. Một nghị sĩ tỉnh Ranh nhận định:

"Chưa ai có ý định khẳng định rằng Pháp và Bỉ đã tỏ ra nhận thức được đặc biệt rõ ràng các nguyên tắc khi tổ chức cơ cấu chính trị của mình".

Sự phê phán tuyệt đối sẽ có thể phản đối rằng cách nói đó chuyển cái hiện tại vào quá khứ, vì đã lấy cái kiến giải ngày nay đã trở thành tầm thường về tính không thoả đáng của các nguyên tắc chính trị của Pháp làm một kiến giải có tính chất truyền thống. Đây là một sự phản đối sát với thực chất vấn đề, nhưng sự phản đối ấy không thể làm hài lòng sự phê phán tuyệt đối. Trái lại, sự phê phán tuyệt đối phải trình bày kiến giải đã lỗi thời như là một kiến giải hiện đang chiếm địa vị thống trị và biến kiến giải hiện đang thống trị thành một điều bí mật có tính phê phán mà sự phê phán tuyệt đối còn phải thông qua những sự nghiên cứu *của mình* để vạch ra cho quần chúng. Vì vậy, sự phê phán tuyệt đối mới phải nói rằng:

"Điều đó" (tức là cái thiên kiến đã lỗi thời") "đã được *hết sức nhiều người*" (tức là quần chúng) "khẳng định"; *"nhưng sự nghiên cứu lịch sử một cách nghiêm túc chứng minh* rằng *ngay cả* sau những công việc lớn lao mà nước Pháp đã hoàn thành, *vẫn còn phải làm nhiều nữa*, mới đạt tới chỗ nhận thức được các nguyên tắc".

Như vậy là bản thân việc nghiên cứu lịch sử một cách nghiêm túc không *"đạt tới"* được sự nhận thức các nguyên tắc. Không, với thái độ nghiêm túc, nó chỉ mới chứng minh rằng *"còn phải làm nhiều nữa mới đạt tới"* được. Thật là một thành tựu vĩ đại! Vĩ đại nhất sau các tác

https://thuviensach.vn

phẩm của các nhà xã hội chủ nghĩa. Nhưng đối với việc nhận thức chế độ xã hội hiện đang tồn tại, Bru-nô *đã* làm *được nhiều* với điều nhận xét sau đây của ông ta:

"Tính quy định hiện đang chiếm địa vị thống trị là *tính không quy định".*

Nếu Hê-ghen nói rằng tính quy định *Trung Quốc* chiếm địa vị thống trị là "Tồn tại", tính quy định *Ấn Độ* chiếm địa vị thống trị là "Hư không", v.v., thì sự phê phán tuyệt đối phụ hoạ với Hê-ghen "một cách thuần tuý" bằng cách quy tính chất của thời đại hiện nay thành phạm trù lô-gich *"Tính không quy định"*, một cách thuần tuý hơn là đem "Tính không quy định" cùng với "Tồn tại" và "Hư không" nhất loạt xếp vào chương đầu của lô-gich tư biện, chương nói về *"Chất"*.

Chúng ta còn phải nêu một nhận xét chung nữa mới có thể chấm dứt không nói đến số 1 của *"Vấn đề Do Thái"*.

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của sự phê phán tuyệt đối là trước hết phải có *cách đặt vấn đề đúng đắn* cho tất cả các vấn đề của thời đại. Cụ thể là nó không giải đáp các vấn đề *hiện thực*, mà lại đưa ra những vấn đề *hoàn toàn khác hẳn*. Vì nó chế tạo ra hết thảy mọi thứ, nên nó ắt phải *chế tạo* sẵn từ trước "các vấn đề của thời đại", nghĩa là phải làm cho các vấn đề ấy thành ra những vấn đề *của nó*, thành những vấn đề phê phán có tính phê phán. Nếu nói về bộ luật của Na-pô-lê-ông, thì nó sẽ chứng minh rằng *thực ra* đó là nói về *"Ngũ kinh"*. *"Cách đặt* các vấn đề thời đại" của nó là một *sự xuyên tạc* và *bóp méo* các vấn đề ấy một cách phê phán. Ví dụ, nó đã bóp mép "vấn đề Do Thái" theo tinh thần là nó không cần phải nghiên cứu *sự giải phóng chính trị*, tức là nội dung của vấn đề ấy, mà trái lại, nó có thể bằng lòng với việc phê phán tôn giáo Do Thái và mô tả nhà nước Cơ Đốc giáo Đức.

Cũng như tất cả các biểu hiện độc đáo khác của sự phê phán tuyệt đối, phương pháp đó cũng là sự tái diễn trò ảo thuật *tư biện*. Triết học *tư biện*, nhất là triết học *Hê-ghen*, cho là cần phải biến tất cả các vấn đề từ hình thức lý trí bình thường của con người sang hình thức lý trí tư biện và biến vấn đề hiện thực thành vấn đề *của tôi* và mượn lời của tôi để nói những vấn đề riêng *của nó* như kiểu giảng đạo vấn đáp thì dĩ nhiên là triết học tư biện cũng có thể, giống như lối giảng đạo vấn đáp, đã có sẵn cách giải đáp cho mỗi một vấn đề của tôi.

c - Hin-rích, số 1. Những điều ám chỉ bí mật về chính trị, chủ nghĩa xã hội và triết học

"Chính trị"! Bản thân sự tồn tại của từ này trong các bài giảng của giáo sư *Hin-rích*[39] cũng làm cho sự phê phán tuyệt đối nổi giận thật sự.

"Ai đã theo dõi sự phát triển xã hội của thời hiện đại và thông thuộc lịch sử, ắt *cũng* phải biết rằng các cuộc vận động chính trị hiện đang diễn ra đều có một ý nghĩa *hoàn toàn khác hẳn"* (!) "và tuyệt nhiên không phải là *ý nghĩa chính trị*: trong cơ sở của chúng", (trong cơ sở... tiếp theo là một sự sáng suốt triệt để) "các cuộc vận động ấy có ý nghĩa *xã hội"* (!) "mà như mọi người đều biết" (!) "đó là một ý nghĩa thuộc một loại" (!) "mà đứng trước nó, *tất cả* các lợi ích chính trị đều hoá ra *không có ý nghĩa gì hết"* (!).

https://thuviensach.vn

Một vài tháng trước khi tờ "Literatur - Zeitung" có tính phê phán ra đời, *như mỗi người đều biết* (!), đã xuất hiện tác phẩm chính trị không tưởng của Bru-nô *"Nhà nước, tôn giáo và chính đảng"*[40].

Nếu như các cuộc vận động *chính trị là có ý nghĩa xã hội* thì làm sao mà các lợi ích chính trị, đứng trước ý nghĩa xã hội của chính bản thân mình, lại hoá ra *"không có ý nghĩa gì hết"?*.

"Ông Hin-rích không phải là một người giỏi giang ở nhà mình cũng như ở bất cứ nơi nào trên thế giới... Ông ta chẳng hiểu được cái gì hết, *vì... vì...* ông ta *hoàn toàn"* (!) "chẳng hay biết gì về sự phê phán đã bắt đầu và đã tiến hành cái công việc *tuyệt nhiên không có tính chất "chính trị'* mà *có tính chất xã hội"* (!) "của nó trong bốn năm qua".

Theo ý kiến quần chúng, sự phê phán đã tiến hành một công việc "tuyệt nhiên không có tính chất *chính trị"* mà *"hoàn toàn* có tính chất *thần học"*, hiện nay - khi mà lần đầu tiên, không phải chỉ trong bốn năm nay, mà lần đầu tiên, từ khi ra đời trên văn đàn, nó đã bắt đầu dùng từ *"có tính chất xã hội"*, - nó vẫn lấy làm thoả mãn với độc một mình *từ* đó thôi!

Từ khi các tác phẩm xã hội chủ nghĩa truyền bá ở Đức quan điểm cho rằng *tất cả* các nguyện vọng và sự nghiệp của con người, không trừ một cái nào, đều có ý nghĩa *xã hội*, từ khi đó, ông Bru-nô cũng có thể gọi các công việc thần học của ông là *những công việc xã hội*. Nhưng yêu cầu *có tính phê phán* quái gì mà lại

đòi giáo sư Hin-rích phải lĩnh hội chủ nghĩa xã hội qua việc *tìm hiểu* các tác phẩm của *Bau-ơ*, khi mà tất cả các bài của B.Bau-ơ, xuất hiện trước khi các bài giảng của Hin-rích được công bố, hễ lúc nào rút ra những kết luận thực tế thì đều rút ra những kết luận *chính trị*. Nói một cách không phê phán, giáo sư Hin-rích không thể nào bổ sung những bài văn đã xuất hiện của ông Bru-nô bằng những bài văn chưa xuất hiện của ông ta được. Theo quan điểm phê phán, dĩ nhiên là quần chúng phải đứng trên giác độ tương lai và theo ý nghĩa của sự tiến bộ tuyệt đối để giải thích những "sự vận động" "chính trị" cũng như tất cả những "sự vận động" có tính quần chúng của sự phê phán tuyệt đối. Nhưng để cho ông Hin-rích sau khi làm quen với tờ "Literatur-Zeitung" rồi thì không bao giờ còn quên từ *"xã hội"* và không bao giờ phủ nhận *"tính chất xã hội"* của sự phê phán nên trước toàn thể thế giới, sự phê phán lại một lần thứ ba *cấm* dùng từ *"có tính chất chính trị"* và một lần thứ ba trịnh trọng nhắc lại từ *"có tính chất xã hội"*:

"Nếu xét đến xu hướng *thật* của lịch sử hiện đại, thì *không* thể nói *đến* ý nghĩa *chính trị được nữa, nhưng... nhưng ý nghĩa xã hội", v.v.*.

Giáo sư Hin-rích đã là con vật tế thần để chuộc tội cho những sự vận động "chính trị" trước đây của sự phê phán tuyệt đối nên cũng là con vật tế thần để chuộc tội cho tất cả những sự vận động và những cách của sự phê phán tuyệt đối nói *"theo lối phái Hê-ghen"* mà người ta đã cố ý sử dụng trước khi "Literatur-Zeitung" ra đời và vô tình sử dụng trên báo đó.

Sự phê phán có một lần gắn cho Hin-rích biểu hiện *"người theo phái Hê-ghen chân chính"*, và có hai lần gắn cho Hin-rích biệt hiệu *"nhà triết học phái Hê-ghen"*. Chẳng phải chỉ có thế

https://thuviensach.vn

mà thôi đâu ! Ngài Bru-nô thậm chí *"hy vọng"* rằng "những cách nói sáo cũ đã chu du một vòng mệt mỏi qua tất cả các sách vở của học phái *Hê-ghen"* (và nhất là qua sách vở của bản thân Bru-nô) trong *"sự kiệt sức"* rất mực mà chúng bộc lộ ra trong các bài giảng của giáo sư Hin-rích, thì trên bước đường sau này của chúng, chúng sẽ rất nhanh chóng đi tới điểm cuối cùng của chúng. Ông Bru-nô mong chờ rằng *"sự kiệt sức" của giáo sư Hin-rích* sẽ phá vỡ *nền triết học của Hê-ghen và giải thoát bản thân ông ta* khỏi sự trói buộc của nền triết học đó.

Thế là trong cuộc *chinh phạt thứ nhất*, sự phê phán tuyệt đối lật đổ những vị thần mà nó đã sùng bái bao lâu nay, tức là *"chính trị"* và *"triết học"*, coi những vị thần đó chỉ là những thần tượng của giáo sư Hin-rích.

Vinh quang thay cuộc chinh phạt thứ nhất !

2) CUỘC CHINH PHẠT THỨ HAI CỦA SỰ PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI

a- Hin-rích, số 2. "Sự phê phán" và "Phoi-ơ-bắc". Lên án triết học

Khi cuộc chinh phạt thứ nhất kết thúc, *sự phê phán tuyệt đối* có thể cho là *"triết học"* đã bị tiêu diệt và dứt khoát coi nó là đồng minh của *"quần chúng"*.

"Các nhà triết học có sứ mệnh thực hiện nguyện vọng thiết tha của *quần chúng"*. Tức là "quần chúng *yêu cầu* những khái niệm đơn giản để khỏi phải dính dáng gì với bản thân sự vật, yêu cầu những lối làm dập khuôn để giải quyết sẵn từ trước tất cả các vấn đề, yêu cầu những lời nói rỗng tuyếch để tiêu diệt s ự p h ê p h á n".

Và "triết học" đang thoả mãn dục vọng đó của "quần chúng"!

Say sưa với những việc làm thắng lợi của mình, sự phê phán tuyệt đối công kích triết học với một thái độ điên cuồng của *những bà cốt. "Triết học tương lai"*[41] *của "Phoi-ơ-bắc"* là một cái nồi hơi[31]1* đậy kín mà hơi nước của nó làm cho người cầm đầu sự phê phán tuyệt đối say sưa với thắng lợi càng thấy hưng phấn điên cuồng. Hồi tháng Ba, sự phê phán đã đọc tác phẩm đó là của Phoi-ơ-bắc . Kết quả của việc đọc đó và đồng thời là dấu hiệu chứng tỏ đã đọc cẩn thận là bài số 2 phản đối giáo sư Hin-rích.

Sự phê phán tuyệt đối, xưa nay vẫn luôn luôn là tù binh của phương thức tư tưởng Hê-ghen, ở đây đang điên cuồng phá tường và chấn song sắt nhà tù của nó. "Khái niệm đơn giản", thuật ngữ, toàn bộ phương thức suy nghĩ của triết học và hơn nữa cả toàn bộ triết học, ở đây, đều bị bài bác với một thái độ chán ghét. Và đột nhiên nó được thay thế bằng *"sự phong phú thực sự của các quan hệ con người", "nội dung bao la vô tận của lịch sử", "ý nghĩa của con người", v.v.. "Bí mật của một hệ thống"* được tuyên bố là *"đã bị bóc trần"*.

https://thuviensach.vn

Nhưng ai đã bóc trần bí mật của "hệ thống" ? Đó là *Phoi-ơ-bắc*. Ai đã tiêu diệt biện chứng của các khái niệm, tức là cuộc chiến tranh của các thần mà chỉ các nhà triết học mới biết ? Đó là *Phoi-ơ-bắc*. Ai đã thay thế cái đống đồ cũ, trong đó có "tự ý thức vô hạn", bằng bản thân *"con người"* chứ không phải bằng *"ý nghĩa của con người"* (tựa hồ như con người ngoài cái ý nghĩa nó là người ra còn có ý nghĩa gì khác !). Đó là *Phoi-ơ-bắc* và chỉ là *Phoi-ơ-bắc* mà thôi. Ông ta còn làm nhiều hơn thế nữa. Ông ta đã thủ tiêu, từ lâu, những phạm trù mà "s ự p h ê p h á n" bây giờ đang dùng lung tung: "sự phong phú thật sự của các quan hệ con người, nội dung bao la vô hạn của lịch sử, cuộc đấu tranh của lịch sử, cuộc đấu tranh của quần chúng với tinh thần", v.v., và v.v..

Sau khi con người đã được nhận thức là bản chất, là cơ sở của toàn bộ hoạt động của loài người và của tất cả các quan hệ của con người, thì chỉ có độc một mình "s ự p h ê p h á n" mới có thể phát minh ra những *phạm trù mới* và lại biến bản thân *con người* thành một phạm trù gì đó và thành nguyên tắc của cả một loạt phạm trù như nó đang làm. Dĩ nhiên như vậy là sự phê phán bước lên

được con đường thoát duy nhất, con đường hiện vẫn còn nằm dưới sự chi phối của cái tính phi nhân loại *thần học* bị quấy rầy và bị bức hại. *Lịch sử* không làm *gì hết*, nó "không có tính phong phú vô cùng tận *nào cả"*, nó *"không* chiến đấu ở những trận *nào cả"*! Không phải "lịch sử", mà chính *con người*, con người thực sự, con người sống mới là kẻ làm ra tất cả những cái đó, có tất cả những cái đó và chiến đấu cho tất cả những cái đó. "Lịch sử" không phải là một nhân cách đặc thù nào đó sử dụng con người làm phương tiện đạt tới các mục đích *của mình*. Lịch sử *chẳng qua chỉ* là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình. Sau những phát hiện thiên tài của *Phoi-ơ-bắc*, sự phê phán *tuyệt đối* lại cả gan khôi phục lại cho chúng ta tất cả cái đống đồ cũ vứt đi dưới một hình thức mới. Mà nó lại làm như thế ngay lúc nó đang chửi mắng cái đống đồ cũ là đống đồ cũ *"của quần chúng"*, - thật ra nó không có quyền làm như thế vì nó chẳng hề nhấc chân đụng tay chút nào để phá huỷ triết học. Chỉ riêng điều ấy cũng đủ để bóc trần *"bí mật"* của sự phê phán, để đánh giá đích đáng sự ngây thơ có tính phê phán đã xui nó nói những lời sau đây với giáo sư Hin-rích mà *"sự kiệt sức"* của vị đó đã giúp đỡ cho nó nhiều:

"Những cái gì mà chưa hoàn thành một quá trình phát triển nào cả, và do đó *không thể biến đổi được và dù có muốn biến đổi cũng không được*, đều bị *thiệt thòi*. Nếu đi xa hơn nữa thì những cái đó lại tìm cách cải biến nguyên tắc *mới*... Không ! Cái mới *không thể bị* biến thành *lời nói suông, không thể đánh cắp ở cái mới một vài phương pháp tư tưởng cá biệt"*.

Sự phê phán tuyệt đối khoe với giáo sư Hin-rích là nó đã phát hiện ra *"bí mật của các khoa học của các trường đại học"*. Chẳng lẽ nó đã không phát hiện ra "bí mật" của triết học, pháp luật học, chính trị học, y học, kinh tế chính trị, v.v., hay sao? Tuyệt đối không. Nó đã vạch ra (xin hãy chú ý!), nó đã vạch ra trong "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do" rằng có sự mâu thuẫn lẫn nhau giữa khoa học coi là nguồn thu nhập với khoa học tự do, giữa tự do giảng dạy với điều lệ của các trường đại học.

Nếu như "sự phê phán tuyệt đối" mà thật thà ngay thẳng thì nó hẳn phải thú nhận là sự soi sáng tưởng tượng của nó về "bí mật của triết học" được lấy ở đâu ra, mặc dù một điều cũng đã tốt là nó không gán cho Phoi-ơ-bắc, như nó đã gán cho những người khác, là đã nói những điều vô lý như những nguyên lý mà nó đã đánh cắp ở nhà triết học đó, mà nó chẳng hiểu gì và lại xuyên tạc đi. Ngoài ra, quan điểm *thần học* của "sự phê phán tuyệt đối" còn có một đặc điểm hết sức nổi bật là trong khi những kẻ phi-li-xtanh Đức hiện đã bắt đầu hiểu *Phoi-ơ-bắc*

https://thuviensach.vn

và lãnh hội những kết luận của Phoi-ơ-bắc, thì trái lại sự phê phán lại không hiểu được đúng và không vận dụng được tốt một nguyên lý nào của Phoi-ơ-bắc cả.

Những chiến công của cuộc chinh phạt thứ nhất của sự phê phán đã bị mờ nhạt hẳn trước những thành tựu mới nhất của nó trên cùng một lĩnh vực ấy. Bây giờ nó "định nghĩa" sự đấu tranh của *"quần chúng"* với *"tinh thần"* là *"mục đích"* của toàn bộ lịch sử trước kia; nó tuyên bố "q u ầ n c h ú n g" là *"cái hư không thuần tuý"* của "sự nghèo nàn", gọi hẳn quần chúng là *"vật chất"* và đem *"tinh thần"*, coi là chân lý, mà đối lập với "vật chất". Như vậy, há chẳng phải sự phê phán tuyệt đối lại không phải *thật sự* là sự phê phán *có tính Cơ Đốc giáo Đức* hay sao? Sau khi sự đối lập cũ của chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật, về mọi mặt, tiêu tan hết trong cuộc đấu tranh và đã vĩnh viễn bị Phoi-ơ-bắc khắc phục rồi, thì "s ự p h ê p h á n" lại biến sự đối lập đó, trong một hình thức hết sức khả ố, thành giáo điều cơ bản và làm cho *"tinh thần Cơ Đốc giáo Đức"* thu được thắng lợi.

Cuối cùng, sự phê phán bây giờ nhập cục sự đối lập giữa *tinh thần* và *quần chúng* với sự đối lập giữa "sự phê phán" và quần chúng, điều đó phải coi là sự phát triển thêm của cái bí mật của sự phê phán mà trong cuộc chinh phạt thứ nhất hãy còn ẩn kín. Về sau, nó sẽ tiến thêm một bước, coi *bản thân nó* với "sự phê phán nói chung" là một, tuyên bố bản thân nó là *"Tinh thần"*, là
Tuyệt đối, là Vô hạn, còn quần chúng thì trái lại là có hạn, thô kệch, lỗ mãng, chết cứng và vô cớ, vì "s ự p h ê p h á n" quan niệm vật chất như vậy.

Nếu như sự phong phú của lịch sử được gói tròn trong quan hệ của nhân loại với *ông Bau-ơ* thì sự phong phú đó phải là vô cùng tận biết bao!

b- Vấn đề Do Thái, số 2. Những phát hiện có tính phê phán về chủ nghĩa xã hội, về pháp luật học và chính trị (dân tộc)

Người ta đang truyền bá cho những người Do Thái có tính quần chúng, có tính vật chất, một giáo lý *Cơ Đốc* về *tự do tinh thần*, về *tự do trong lĩnh vực lý luận*, về *tự do duy linh chủ nghĩa*, tức là về cái tự do, dù có bị gông cùm, cũng vận *nhận* là mình được tự do, vẫn cảm thấy mình có hạnh phúc, dù hạnh phúc chỉ có *"trong quan niệm"*, là cái tự do chỉ bị gạt bỏ bởi một sự tồn tại của quần chúng mà thôi.

"Người Do Thái hiện nay tiến được đến mức nào trong lĩnh vực *lý luận*, là họ thực sự *được giải phóng* đến mức ấy: họ *mong muốn tự do* đến mức nào, là họ *được tự do* đến mức ấy"[42].

Luận điểm này làm cho người ta có thể lập tức đo được cái vực thẳm phê phán ngăn cách chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội trần tục của *quần chúng* với chủ nghĩa xã hội *tuyệt đối*. Nguyên lý thứ nhất của chủ nghĩa xã hội trần tục phủ nhận sự giải phóng *đơn thuần trong lĩnh vực lý luận*, coi đó là ảo tưởng và yêu cầu rằng muốn có tự do *thực sự* thì ngoài *"ý chí"* duy tâm ra còn phải có những điều kiện hoàn toàn vật chất, hoàn toàn có thể sờ mó được. So với sự phê phán thần thánh thì "quần chúng" - quần chúng cho riêng dù chỉ là để

https://thuviensach.vn

giành lấy thì giờ và thủ đoạn cần thiết cho riêng việc nghiên cứu *"lý luận"* thôi, cũng cần phải tiến hành những cuộc đảo lộn thực tế, vật chất, - thật là thấp hèn biết bao!

Ta hãy tạm gác chủ nghĩa xã hội thuần tuý tinh thần lại một chút để nói về *chính trị*.

Ông *Rít-xơ*, trái với B.Bau-ơ, nói rằng nhà nước của ông ấy (tức nhà nước phê phán) cần phải trục xuất cả "người Do Thái" lẫn "tín đồ Cơ Đốc" ra. Ông Rít-xơ hoàn toàn đúng. Vì ông Bau-ơ lẫn lộn sự giải phóng *chính trị* với sự giải phóng *con người*, và vì nhà nước chống lại sự phản kháng của những phần tử đối địch với nó (trong "Vấn đề Do Thái" tín đồ Cơ Đốc và người Do Thái bị coi là những phần tử phản trắc) chỉ có một cách là dùng bạo lực trục xuất những *nhân vật* đại biểu cho các phần tử đó ra (ví dụ như chế độ khủng bố đã cố tiêu diệt tình trạng mua vét lúa mì bằng cách chặt đầu những con buôn mua vét), cho nên ông Bau-ơ, trong cái "nhà nước phê phán" của ông, ắt phải đem treo cổ cả người Do Thái lẫn tín đồ Cơ Đốc. Vì đã lẫn lộn sự giải phóng chính trị với sự giải phóng con người, cho nên để cho trước sau như một, ông ta cũng ắt phải lẫn lộn những *thủ đoạn chính trị* của sự giải phóng với những *thủ đoạn con người* của sự giải phóng. Nhưng hễ có ai vạch ra cho sự phê phán tuyệt đối thấy ý nghĩa *thật sự* của các kết luận của nó thì nó bèn trả lời y hệt như *Sen-linh* đã từng có lúc trả lời tất cả những người phản đối đã lấy tư tưởng thật sự thay vào những câu nói rỗng tuếch của ông ta:

"Những kẻ phản đối sự phê phán sở dĩ là kẻ phản đối sự phê phán, vì họ chẳng những dùng cái thước *giáo điều* của họ để đo sự phê phán, mà thậm chí còn coi sự phê phán là *giáo điều*: nói cách khác là nguyên nhân khiến cho họ ra sức phản đối sự phê phán là sự phê phán không chịu thừa nhận những sự phân chia, định nghĩa và mánh khoé có tính chất giáo điều của họ".

Trên thực tế, thái độ giáo điều đối với sự phê phán tuyệt đối cũng như đối với ông *Sen-linh* đã nảy sinh ra khi người ta gán cho sự phê phán tuyệt đối những ý nghĩ, tư tưởng và quan điểm *nhất định* thật sự. Nhưng vì muốn thích ứng và để chứng tỏ cho ông Rít-xơ thấy lòng nhân đạo của mình, "sự phê phán" lại quyết

định dùng đến những sự phân chia, định nghĩa giáo điều và nhất là đến những *"mánh khoé"*.

Ví dụ chúng ta đọc thấy đoạn sau đây:

"Nếu như trong tác phẩm đó" ("Vấn đề Do Thái") "tôi *hy vọng* hoặc *có quyền* đi *quá phạm vi sự phê phán*, thì tôi *phải"* (!) "nói" (!) "không phải về *nhà nước*, mà là về *"xã hội"*, về cái xã hội không gạt bỏ ai, cái xã hội mà chỉ có những người không muốn tham dự vào sự phát triển của nó mới tự gạt mình ra khỏi nó mà thôi".

Ở đây, sự phê phán tuyệt đối tiến hành một *sự phân chia giáo điều* giữa việc nó phải làm nếu nó chưa làm điều ngược lại, với việc nó thực tế đã làm. Nó giải thích tính hạn chế của quyền "Vấn đề Do Thái" của nó bằng *"những mánh khoé giáo điều" là hy vọng* và *quyền* cấm nó đi *"quá phạm vi sự phê phán"*. Sao ? "Sự phê phán" lại phải đi *quá phạm vi "sự phê phán"* sao ? Sự phê phán tuyệt đối, do tính tất yếu giáo điều, phải dùng đến mánh khoé hoàn toàn *có tính quần chúng* là một mặt khẳng định tính tuyệt đối của cách nó hiểu vấn đề Do

https://thuviensach.vn

Thái, khẳng định "tính phê phán" của cách hiểu đó, và mặt khác thừa nhận khả năng hiểu một cách rộng rãi hơn.

Bí mật của sự *"không hy vọng"* và *"không có quyền"* của sự phê phán cuối cùng sẽ được giải thích bằng cái *giáo điều* phê phán cho rằng tất cả những biểu hiện bề ngoài của tính hạn chế của "sự phê phán" chẳng qua chỉ là những hình thức cần thiết để *thích ứng* với sức hiểu biết của quần chúng mà thôi.

Sự phê phán không *hy vọng* ! Nó không *có quyền* đi quá phạm vi cách hiểu thiển cận của nó về vấn đề Do Thái ! Nhưng nếu nó *hy vọng* hoặc nó *có quyền* thì lúc đó nó sẽ làm gì ? - Nó sẽ đưa ra *một định nghĩa giáo điều*. Đáng lẽ nói về "nhà nước", nó sẽ nói về *"xã hội"*, do đó nó sẽ hoàn toàn không nghiên cứu thái độ thật sự của dân Do Thái đối với xã hội *thị dân hiện đại!* Khác với "nhà nước", nó *sẽ giải thích một cách giáo điều* "xã hội" theo nghĩa là trong khi nó gạt *nhà nước* ra khỏi nhà nước thì trái lại *những kẻ* không muốn tham gia vào sự phát triển của xã hội tự *gạt* mình ra khỏi xã hội !

Còn như gạt ra khỏi bản thân mình thì xã hội cũng làm như nhà nước, có điều là có lễ độ hơn: xã hội không tống anh ra khỏi cửa, mà tạo ra cho cuộc sống của anh trong xã hội đó, những điều kiện không thể chịu nổi khiến anh thà tự nguyện rời bỏ xã hội ấy mà đi còn hơn.

Thực ra, nhà nước cũng không làm khác thế, vì nhà nước cũng không gạt kẻ nào thực hiện mọi yêu cầu và mệnh lệnh của *nó* và không cản trở sự phát triển của *nó*. Trong hình thức *hoàn bị* của nó, nhà nước thậm chí còn làm ngơ trước nhiều việc và tuyên bố những sự đối lập *thật sự* là những sự đối lập *phi chính trị*, không cản trở gì nó cả. Ngoài ra, bản thân sự phê phán tuyệt đối còn phát triển tư tưởng cho rằng sở dĩ nhà nước gạt người Do Thái ra là chỉ vì người Do Thái gạt bỏ nhà nước, nghĩa là họ tự gạt *bản thân* họ ra khỏi nhà nước. Nếu mối quan hệ qua lại này trong "xã hội" *phê phán* có một hình thức dịu dàng hơn, giả dối hơn và xảo trá hơn thì điều đó chỉ chứng tỏ rằng *"xã hội" "phê phán"* thì giả dối hơn và có cơ cấu kém phát triển hơn mà thôi.

Ta hãy tiếp tục theo dõi sự phê phán tuyệt đối trong những sự "phân chia", "định nghĩa" và nhất là những *"mánh khoé"* giáo điều của nó.

Ví dụ, ông Rít-xơ yêu cầu nhà phê phán *"phân biệt* những cái nằm trong lĩnh vực pháp quyền" với những cái "nằm ngoài phạm vi đó".

Nhà phê phán lấy làm bất bình về sự láo xược của yêu cầu *có tính pháp luật* đó.

Anh ta phản đối: "*Nhưng* từ xưa đến nay, tình cảm và lương tâm vẫn can thiệp vào pháp quyền, luôn luôn bổ sung pháp quyền: tất phải luôn luôn bổ sung pháp quyền vì tính chất của pháp quyền là do *hình thức giáo điều* của nó" (như vậy, không phải là do *bản chất* giáo điều ?) "quyết định".

Nhà phê phán chỉ quên một điều là mặt khác, *bản thân pháp quyền tự phân biệt* mình với "tình cảm và lương tâm" một cách hết sức rõ ràng; quên rằng có thể giải thích sự phân chia ấy bằng *bản chất* phiến diện *của pháp quyền*, cũng như bằng *hình thức* giáo điều của nó, và sự phân chia ấy thậm chí là một trong những *giáo điều*

https://thuviensach.vn

chủ yếu của pháp quyền; cuối cùng, quên rằng việc thực hiện trong thực tiễn sự phân chia ấy là giai đoạn cao nhất trong *sự phát triển của pháp quyền.* Cũng y như việc tách tôn giáo ra khỏi mọi nội dung trần tục làm cho tôn giáo trở thành tôn giáo *trừu tượng, tuyệt đối.* "Tình cảm và lương tâm" can thiệp vào pháp quyền, đó là một lý do đầy đủ để cho "nhà phê phán" nói về tình cảm và lương tâm ở những chỗ nói về *pháp quyền,* và nói về giáo lý *thần học ở* những chỗ nói về giáo lý *pháp luật.*

"Những định nghĩa và những sự phân chia" của sự phê phán tuyệt đối mang lại cho chúng ta đầy đủ khả năng để có thể lĩnh hội được những *"phát hiện"* mới nhất của nó về *"xã hội"* và *"pháp quyền".*

"Cái hình thức thế giới mà về nó *sự phê phán* đang chuẩn bị và *thậm chí lần đầu tiên* bắt đầu chuẩn bị một *quan niệm,* không phải *chỉ là* một hình thức *pháp quyền* mà" (xin bạn đọc hãy lấy lại tinh thần đi?) "là một hình thức *xã hội* mà về nó, ít ra" (ít thế ư ?) "cũng *có thể* nói rằng ai không đóng góp chút gì của mình vào việc xây dựng hình thức đó, ai không sống bằng lương tâm và tình cảm của mình trong hình thức đó thì không thể cảm thấy mình ở trong đó như ở nhà mình và không thể tham gia vào lịch sử của hình thức đó".

Hình thức thế giới do "sự phê phán" chuẩn bị được định nghĩa *không phải chỉ là* hình thức pháp quyền, *mà là* hình thức xã hội. Có thể giải thích định nghĩa ấy theo hai cách. Câu nói ấy hoặc có thể hiểu theo nghĩa là hình thức thế giới *"không phải"* là hình thức "pháp quyền *mà là"* hình thức "xã hội", hoặc có thể hiểu nó"không phải chỉ là một hình thức pháp quyền mà *cũng còn* là hình thức xã hội". Ta hãy xét nội dung của câu nói đó theo cả hai cách
giải thích, và trước hết hãy xem cách giải thích thứ nhất. Trên kia sự phê phán tuyệt đối đã định nghĩa cái "hình thức thế giới" mới khác với *"nhà nước",* tức là "xã hội". Bây giờ nó lại định nghĩa danh từ *"xã hội"* bằng hình dung từ *"xã hội".* Nếu như trái lại với hình dung từ *"chính trị"* của mình, ông Hin-rích nhận được ở sự phê phán ba lần *hình dung từ "xã hội",* thì trái lại với hình dung từ *"pháp quyền"* của mình, ông Rít-xơ lại nhận được từ *"xã hội có tính chất xã hội". Nếu như đối với ông Hin-rích, những sự giải thích có tính phê phán* quy thành công thức: "có tính chất xã hội" + "có tính chất xã hội" + "có tính chất xã hội" = 3a thì trong cuộc chinh phạt thứ hai của nó, sự phê phán tuyệt đối lại chuyển từ *tính cộng* sang *tính nhân,* và ông Rít-xơ lại viện đến cái xã hội tự nhân với nó, đến *bình phương* của xã hội, đến xã hội có tính chất xã hội = a^2. Để rút ra kết luận về xã hội, sự phê phán tuyệt đối chỉ còn phải chuyển sang phân số, xoay ra tìm *căn số bậc hai* của xã hội, v.v., là được.

Bây giờ, ta hãy xem cách giải thích thứ hai: *"không phải chỉ là* một hình thức pháp quyền, *mà cũng còn là* hình thức xã hội" của thế giới. Trong trường hợp này, hình thức thế giới hai mặt đó không phải cái gì khác hơn là *hình thức thế giới hiện* đang tồn tại, hình thức thế giới của *xã hội hiện nay.* Sự phê phán", trong sự suy nghĩ trước thế giới của nó, chỉ mới *chuẩn bị điều kiện* cho sự tồn tại *tương lai* của hình thức thế giới *hiện đang tồn tại,* đó thật là một *kỳ công phê phán* vĩ đại, đáng kính phục. Nhưng dù cái "xã hội không phải chỉ có tính chất pháp quyền, mà còn có tính chất xã hội" có thế nào chăng nữa thì sự phê phán hiện cũng chưa thể

https://thuviensach.vn

nói gì hơn về xã hội đó, ngoài "fabula docet"[32]1* của nó, ngoài *những điều răn* của nó. Trong xã hội này, ai không sống bằng tình cảm và lương tâm của mình thì không thể *cảm thấy* như ở nhà mình". Xét cho cùng, sẽ không có ai sống trong cái xã hội đó cả, chỉ trừ có "tình cảm thuần tuý" và "lương tâm thuần tuý", tức là "tinh thần", sự phê phán" và *những kẻ tâm phúc* của nó. *Quần chúng* sẽ bị gạt ra khỏi xã hội bằng cách này hay cách khác, thành thử kết quả là "xã hội có tính quần chúng" sẽ nằm ở ngoài "xã hội có tính chất xã hội".

Nói tóm lại, xã hội ấy chẳng qua chỉ là *cái thiên đường phê phán* mà khỏi nó, thế giới thực tại bị đuổi ra, coi như là *địa ngục không phê phán*. Trong tư duy thuần tuý của nó, sự phê phán tuyệt đối đang chuẩn bị *cái hình thức thế giới* đã được thay hình đổi dạng ấy của sự đối lập giữa *"quần chúng"* và *"tinh thần"*.

Cũng như những điều giải thích về vấn đề "xã hội", những điều giải thích cho ông Rít-xơ về vấn đề số phận *các dân tộc* cũng có một đặc điểm: đó là sự sâu sắc có tính phê phán.

Người Do Thái khao khát được giải phóng và các nhà nước Cơ Đốc giáo khao khát muốn "xếp người Do Thái vào những mục nhất định của phương án chính phủ của mình" (tựa hồ như người Do Thái từ lâu chưa được xếp vào những mục nhất định của phương án chính phủ Cơ Đốc giáo vậy!), điều đó làm cho sự phê phán tuyệt đối có lý do để tiên đoán về *sự suy vong của các dân tộc*. Chúng ta thấy sự phê phán tuyệt đối phải thông qua con đường quanh co phức tạp biết bao, thông qua *con đường loanh quanh của thần học*, mới hướng tới được sự vận động lịch sử hiện đại. Ta có thể phán đoán tầm quan trọng của những kết quả đạt được bằng con đường ấy qua câu sấm toả hào quang rực rỡ sau đây:

"Tương lai của tất cả các dân tộc... *rất là... tối tăm!"*

Nhưng thôi, vì sự phê phán, hãy để cho tương lai của các dân tộc muốn tối tăm ra sao thì ra ! Chỉ có một điều, và là điều chủ yếu nhất, *đã rõ ràng* là: *tương lai* là *do bàn tay của sự phê phán quyết định*.

Sự phê phán hô lớn: *"Số mệnh* có thể tuỳ ý quyết định hết thảy: bây giờ chúng ta biết rằng số mệnh là do *tay ta* quyết định".

Giống như thượng đế đem ý chí của mình ban cho vật sáng tạo *của mình* là con người, sự phê phán cũng *đem ý chí của bản thân mình* ban cho *vật sáng tạo của mình* là số mệnh. Sự phê phán, kẻ sáng tạo ra số mệnh, cũng *toàn năng* như thượng đế. Thậm chí cả "sự phản kháng" từ bên ngoài mà nó *"gặp phải"* cũng là do bàn tay nó quyết định, sự phê phán *tạo nên* những kẻ đối địch của mình". Vì vậy *"sự phẫn nộ của quần chúng"* đối với nó chỉ "đe doạ "sự an toàn" của bản thân "quần chúng" mà thôi.

Nhưng nếu sự phê phán là *toàn năng* như thượng đế thì nó cũng *toàn chí* như thượng đế và biết kết hợp sự toàn năng của mình với *tự do, ý chí* và *bẩm tính* của các cá nhân:

"Sự phê phán không phải là lực lượng *sáng tạo ra thời đại* nếu như nó không làm được một điều là *mỗi một người khi thoát ra* từ trong tay nó thì *muốn* trở thành như thế nào là được như thế, và không vạch rõ một cách nghiêm ngặt từ trước cho mỗi người một quan điểm phù hợp với *bản tính* và *ý chí của người đó"*.

https://thuviensach.vn

Chính *Lép-nít-xơ* có lẽ cũng không thể xác định được một cách có hiệu quả hơn sự hoà hợp tiền định giữa sự toàn năng của thượng đế với tự do và bẩm tính của con người.

Nếu như "sự phê phán" xem ra có mâu thuẫn với tâm lý học là *môn học phân biệt ý chí* muốn trở thành cái gì đó với *năng lực* có thể trở thành cái gì đó, thì cần phải chú ý là nó có những căn cứ nghiêm túc để tuyên bố *"sự phân biệt"* ấy là *"giáo điều chủ nghĩa"*.

Ta hãy chuẩn bị lực lượng cho cuộc chinh phạt thứ ba ! Hãy nhớ lại lần nữa rằng sự phê phán *"tạo ra* kẻ đối địch *với bản thân mình" !* Nhưng nó làm sao mà có thể tạo ra kẻ đối địch với nó, tức là *"sự nói suông"*, nếu bản thân nó không hay nói suông"?

3) CUỘC CHINH PHẠT THỨ BA CỦA SỰ PHÊ PHÁN TUYỆT ĐỐI

a- Sự phê phán tuyệt đối tự biện hộ cho mình. Quá khứ "chính trị" của nó

Cuộc chinh phạt thứ ba của sự phê phán *tuyệt đối* chống lại *"quần chúng"* mở đầu bằng những vấn đề sau đây:

"Hiện nay đối tượng của sự phê phán là gì?"[43]

Cũng trong số "Literatur-Zeitung" trên, chúng tôi lĩnh giáo được rằng:

"Ngoài việc nhận thức *sự vật ra*, s ự p h ê p h á n không muốn *gì cả"*.

Căn cứ theo lời tuyên bố đó, mọi sự vật đều đã phải trở thành *đối tượng* của sự phê phán. Vấn đề đối tượng riêng biệt chuyên để phê phán nào đó không có ý nghĩa nữa. Nếu chú ý rằng mọi sự vật đều "hoá thành" sự vật phê phán, mà mọi sự vật phê phán lại "hoàn thành" *quần chúng, tức "đối tượng" của sự phê phán tuyệt đối*, thì mâu thuẫn đó sẽ được giải quyết dễ dàng.

Trước hết, ông Bru-nô trình bày *sự đồng tình vô hạn* của mình với *"quần chúng"*. Ông coi *"vực thẳm* giữa mình với *đám đông*" là đối tượng của *"sự nghiên cứu không ngừng"*. *Ông muốn "biết ý nghĩa của vực thẳm đó đối với tương lai"*, (sự nhận thức nói trên về *"mọi"* sự vật cũng chính là ở chỗ đó) đồng thời cũng muốn *"trừ bỏ nó"*. Do đó trên thực tế, ông đã hiểu được ý nghĩa của vực thẳm đó. Ý nghĩa của vực thẳm, chính là ở chỗ nó bị ông *trừ bỏ* đi.

Vì đối với bất cứ ai, vật tồn tại gần nhất cũng là bản thân mình cho nên "sự phê phán" trước hết phải trừ bỏ *tính quần chúng của bản thân* nó, cũng giống như người khổ hạnh Cơ Đốc giáo mở đầu cuộc chinh phạt của tinh thần đối với xác thịt từ chỗ hành hạ xác thịt của *bản thân mình. "Xác thịt"* của sự phê phán tuyệt đối là *quá khứ* văn học *thực sự có tính quần chúng* của nó (gồm 20 đến 30 quyển). Vì vậy, ông Bau-ơ phải làm cho lịch sử của sinh hoạt văn học của "s ự p h ê p h á n", - lịch sử này hoàn toàn nhất trí với lịch sử hoạt động văn học của bản thân Bau-ơ, - thoát khỏi *cái bề ngoài quần chúng* của nó, sau đó lại *cải tiến* và *giải*

https://thuviensach.vn

thích lịch sử đó và thông qua sự chú thích *có tính biện hộ* ấy mà *"củng cố những tác phẩm trước kia của sự phê phán".*

Nó thoạt đầu giải thích rằng sai lầm của *quần chúng,* - sai
lầm cho rằng trước khi tờ "Deutsche Jahrbücher"[44] và "Rheinische Zeitung"[45] bị đóng cửa, thì ông Bau-ơ là *người của mình,* - có hai nguyên nhân. Một là quần chúng sai lầm ở chỗ *không* cho rằng hoạt động sáng tác là *"hoạt động sáng tác thuần tuý".* Đồng thời, quần chúng lại phạm một sai lầm ngược lại, cho rằng hoạt động sáng tác là hoạt động *sáng tác* "duy nhất" hoặc "thuần tuý". Không nghi ngờ gì, bất kể thế nào "quần chúng" cũng đều không đúng vì rằng họ *đồng thời* mắc hai sai lầm gạt bỏ lẫn nhau.

Sự phê phán tuyệt đối nhân cơ hội đó, liền kêu to lên với những người chế nhạo "dân tộc Đức" là *"nhà văn hạ lưu"* rằng:

"Anh hãy thử nói cho tôi xem có thời kỳ lịch sử nào mà lại không do *"ngòi bút"* uy nghiêm *quy định từ trước,* lại không do ngòi bút giải quyết vấn đề thanh toán nó !"

Trong sự ngây thơ có tính phê phán của mình, ông Bru-nô đem tách rời *"ngòi bút"* với *chủ thể viết văn* và tách rời chủ thể viết văn, coi là *"người viết văn* trừu tượng, với con *người lịch sử* sống đã tham gia viết văn. Bằng biện pháp đó, ông có thể bị sức mạnh *thần kỳ* của *"ngòi bút"* làm cho ngây ngất. Cũng vậy, ông có thể yêu cầu người khác chỉ cho mình xem một vận động lịch sử không phải do "gia cầm" và "cô gái chăn ngỗng" quyết định từ trước.

Sau cùng, chúng tôi được ông Bru-nô đó cho biết rằng cho tới nay, vẫn chưa có, căn bản chưa có thời đại lịch sử nào được nhận thức cả. Người ta hỏi lại rằng cái *"ngòi bút"* cho tới nay không thể nhìn về đằng sau mà *vạch ra "bất cứ một"* thời đại lịch sử *nào* làm thế nào lại đồng thời có thể *vạch sẵn từ trước ra mọi thời đại nhỉ?*

Tuy nhiên, trên *thực tế,* ông Bru-nô vẫn chứng minh rằng ý kiến của mình là đúng, vì ông dùng *"bút tích" biện hộ "vạch sẵn từ trước ra"* cho bản thân mình, "quá khứ" của bản thân mình.

Về tất cả mọi mặt, sự phê phán không những chỉ bị lôi cuốn vào tính hạn chế *phổ biến* của thế giới và của một thời đại nào
đó, mà còn bị lôi cuốn vào tính hạn chế cá nhân hoàn toàn đặc thù, nhưng từ xưa đến nay, trong tất thảy các tác phẩm của mình, nó đều tự xưng là sự phê phán *"tuyệt đối, hoàn thiện, thuần tuý",* nên rất rõ ràng là sự phê phán đó chỉ *thích ứng* với *thiên kiến* và *sức hiểu biết* của quần chúng, giống như thượng đế thường làm khi phán bảo cho người trần.

Sự phê phán tuyệt đối tiên đoán rằng: "Điều đó tất nhiên sẽ đưa tới sự phân biệt giữa lý luận và người *đồng minh tưởng tượng* của nó".

Nhưng vì sự phê phán - ở đây có thể gọi nó là *lý luận* - không thể biến thành bất cứ cái gì, trái lại, nó là chỗ xuất phát của mọi sự vật; vì nó không phát triển bên trong thế giới mà phát triển *bên ngoài* thế giới, và với cái ý thức thần thánh trước sau như một của nó, nó quy định sẵn từ trước mọi sự vật, cho nên về phía nó, *sự phân biệt* với người đồng minh trước kia của

https://thuviensach.vn

nó là một "sự chuyển biến *mới"* không phải trong bản thân nó, không phải vì bản thân nó, mà chỉ là *về bề ngoài*, chỉ là vì người khác.

"Song *nói cho đúng ra,* sự chuyển biến đó cũng chẳng mới mẻ gì. Lý luận thường xuyên *tự phê phán"* (ai nấy đều biết rằng để buộc lý luận phải tự phê phán thì việc nghiêm khắc chỉ trích lý luận đó là cần thiết biết chừng nào), "nó xưa nay không nịnh nọt quần chúng" (nhưng lại càng nịnh nọt mình), "nó trước sau vẫn *giữ gìn cẩn thận* sao cho khỏi lúng túng trong những tiền đề của kẻ địch".

"Nhà thần học Cơ Đốc giáo phải hành động *thận trọng*" (Bru-nô Bau-ơ, "Đạo Cơ Đốc bị vạch trần"[46]tr.99). Vậy tại sao sự phê phán "thận trọng" vẫn lúng túng và lúc bấy giờ không nói rành mạch quan điểm "thực sự" của mình ra ? Tại sao nó không nói thẳng ra ? Tại sao nó không xua tan ảo tưởng về sự hữu ái của nó đối với quần chúng?

"Tại sao người đối xử với ta như vây? - Pha-ra-ông hỏi A-bra-ham khi trao nàng Xa-ra, vợ của A-bra-ham cho A-bra-ham. - Tại sao người bảo ta rằng nàng là em gái của người ?" (Bru-nô Bau-ơ, "Đạo Cơ Đốc bị vạch trần", tr.100).

"Đả đảo lý tính ngữ ngôn ! - Nhà thần học nói: trong tình hình đó, rõ ràng là A-bra-ham nói dối. Sự linh báo sẽ bị sỉ nhục chí tử" (Sách đã dẫn).

Đả đảo lý tính và ngữ ngôn ! - Nhà phê phán nói: nếu ngài Bau-ơ không phải chỉ là về bề ngoài mà thực sự hoà mình với quần chúng thì trong những lời linh báo của mình, sự phê phán tuyệt đối không còn là tuyệt đối nữa, do đó nó sẽ bị sỉ nhục chí tử.

"Sự phê phán tuyệt đối nói tiếp: "Sự cố gắng của nó" (tức sự cố gắng của sự phê phán tuyệt đối) *"quả thực không được người ta chú ý,* và *ngoài ra còn có* một giai đoạn mà sự phê phán đã từng *buộc phải tính đến một cách thành khẩn* những tiền đề của kẻ địch và tạm thời thực sự coi trọng những tiền đề đó, nói tóm lại, sự phê phán bấy giờ *còn chưa có đầy đủ* năng lực phá tan niềm tin của quần chúng cho rằng họ cũng có sự nghiệp và lợi ích chung với sự phê phán".

Cố gắng của "sự phê phán" quả thực không được người ta chú ý đến; do đó, tội lỗi là *ở* về phía quần chúng. Mà mặt khác, sự phê phán thừa nhận rằng cố gắng của nó *không thể* được chú ý vì bản thân nó còn chưa có *"khả năng" làm cho những sự cố gắng đó được chú ý đến.* Như vậy, tội lỗi *dường như ở* về phía sự phê phán.

Lạy Chúa tôi! Sự phê phán đã từng "buộc phải" (có một sức ép đè lên đầu nó) "tính đến một cách thành khẩn những tiền đề của kẻ địch và tạm thời thực sự coi trọng những tiền đề đó". Một sự thành khẩn tuyệt diệu, một sự thành khẩn thần học chân chính, một sự thành khẩn đã thực tế đối xử với sự vật một cách không nghiêm túc và chỉ *"tạm thời coi trọng nó"*, một sự thành khẩn luôn luôn, nghĩa là *từng giờ từng phút*, đề phòng để khỏi phải lúng túng trong những tiền đề của kẻ địch, nhưng lại *"tạm thời"* tính đến "một cách thành khẩn" những tiền đề đó. Trong phần kết cấu của câu trích dẫn trên kia, chữ "thành khẩn" có một hàm ý còn rộng hơn nhiều. Sự phê phán "tính đến một cách thành khẩn những tiền đề của quần chúng" chính vào lúc mà "nó còn chưa có đầy đủ *năng lực* phá tan cái ảo tưởng về sự nhất trí giữa sự nghiệp *của sự phê phán* và sự nghiệp *của quần chúng*. Nó *còn chưa có năng lực đó,* nhưng đã có *hy vọng* và *ý nghĩ* rồi. *Ở bên*

https://thuviensach.vn

ngoài, nó còn chưa *có thể* phân liệt với quần chúng, nhưng *bên trong nó*, trong *linh hồn nó*, sự phân liệt đó đã hoàn thành mà lại hoàn thành chính vào lúc *nó thành khẩn* đồng tình với quần chúng !

Tuy sự phê phán hoàn toàn tham dự vào những thiên kiến của quần chúng, nhưng *trên thực tế* lại không tham dự vào những thiên kiến đó: *nói cho đúng ra*, trái lại nó đã thoát khỏi tính hạn chế của bản thân nó, nhưng chẳng qua là *"còn chưa có đầy đủ* năng lực" chỉ ra điều đó cho quần chúng. Vì vậy, toàn bộ tính hạn chế của "sự phê phán" là một *bề ngoài* thuần tuý, - nếu không có tính hạn chế của quần chúng thì bề ngoài này sẽ là thừa, do đó cũng sẽ hoàn toàn không tồn tại. Do đó, tội lỗi *lại ở* về phía quần chúng.

Nhưng *chừng nào bề ngoài* đó còn được duy trì bởi "sự chưa có năng lực" và "sự chưa có sức" của sự phê phán trong việc diễn đạt một cách thực sự thì chừng đó bản thân sự phê phán còn *chưa hoàn bị*. Nó thú nhận điều đó theo cách thức riêng của nó, theo cách thức biện hộ đúng hơn là theo cách thức thành khẩn.

"Mặc dù bản thân nó" (sự phê phán) "đã phê phán chí tử chủ nghĩa tự do, nhưng nó *còn* có thể bị coi là hình thức riêng biệt của bản thân chủ nghĩa tự do đó, - *có lẽ* là biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa tự do đó: *mặc dù* kết luận chân thực và có tính chất quyết định của nó đã vượt ra ngoài phạm vi chính trị, nhưng trước con mắt người khác, nó tất nhiên *còn* phải giữ một *bề ngoài* dường như nó đang làm *chính trị*, mà *bề ngoài không hoàn thiện* đó khiến cho nó có thể chiếm được tuyệt đại bộ phận bạn bè nói trên".

Sự phê phán có được bạn bè là nhờ vào cái *bề ngoài không hoàn thiện*, cái bề ngoài dường như nó đang làm chính trị. Nếu *bề ngoài đó* mà *hoàn thiện* thì sự phê phán tất nhiên sẽ mất bạn bè *chính trị* của mình. Trong *nguyện vọng biện hộ khiếp nhược* của nó nhằm rửa sạch mọi tội lỗi, nó buộc tội *bề ngoài lừa dối* về chỗ bề ngoài ấy là một *bề ngoài lừa dối không hoàn thiện* chứ không phải là một *bề ngoài lừa dối hoàn thiện*. Trong khi lấy một

bề ngoài này thay thế cho một bề ngoài khác, "sự phê phán" có thể tự an ủi rằng: nếu nó đã có được "cái bề ngoài hoàn thiện" là mong muốn làm chính trị thì trái lại, nó không thể có được ngay cả đến "cái bề ngoài không hoàn thiện" để nó tiêu diệt chính trị ở bất cứ lúc nào, nơi nào.

Sự phê phán tuyệt đối không hoàn toàn thoả mãn với "bề ngoài không hoàn thiện" lại tự hỏi lần nữa rằng:

"Tình hình ra sao mà *sự phê phán* bây giờ lại bị lôi cuốn vào trong lợi ích "chính trị của quần chúng", mà *nó thậm chí"* (!)... *"phải"*(!)... *"làm chính trị"* (!)

Theo *nhà thần học* Bau-ơ thì hình như *hoàn toàn hiển nhiên* là sự phê phán phải vĩnh viễn nghiên cứu *thần học tư biện*, vì *nó*, tức *"sự phê phán"* đã được nhân cách hoá, vốn là một nhà thần học ex professo. Còn như phải *làm chính trị ?* Điều này phải giải thích bằng những hoàn cảnh hoàn toàn riêng biệt, chính trị và cá nhân.

Tại sao "sự phê phán" *thậm chí* phải *làm chính trị* nhỉ? "Nó đã bị tố cáo - *đó là câu giải đáp cho vấn đề"*. Ít ra lời giải cho "bí mật" của *"chính trị của Bau-ơ"* cũng là ở chỗ này, ít ra

https://thuviensach.vn

cũng sẽ không thể gọi cái bề ngoài đó - cái bề ngoài dùng liên từ *"và"* để gắn liền "sự nghiệp tự do" *của quần chúng* với "sự nghiệp *của bản thân* Bau-ơ trong *"Sự nghiệp chính nghĩa của tự do và sự nghiệp của bản thân tôi"* của Bru-nô Bau-ơ - là *phi chính trị.* Nhưng nếu sự phê phán tiến hành không phải *"sự nghiệp* của mình" *vì lợi ích của chính trị* mà là làm *chính trị* vì *lợi ích của sự nghiệp của mình* thì phải thừa nhận rằng không phải là chính trị đã lừa gạt sự phê phán, mà trái lại, chính sự phê phán đã lừa gạt chính trị.

Như thế thì Bru-nô Bau-ơ phải bị đuổi khỏi giảng đàn thần học của ông ta: ông ta đã *bị tố cáo*. "Sự phê phán" đã từng buộc phải làm chính trị, nghĩa là nó phải tự kiện *"mình"*, tức kiện Bru-nô Bau-ơ. Không phải ông Bau-ơ đã kiện sự phê phán mà chính là
"sự phê phán" đã kiện ông Bau-ơ. Tại sao "sự phê phán" *phải* tự kiện mình nhỉ"

"Để tự bào chữa chăng ?" *Có lẽ như thế đấy*. Nhưng "sự phê phán" hoàn toàn không chỉ vẻn vẹn bó hẹp ở cái động cơ cá nhân và trần tục đó. Hãy cho là như thế. nhưng *không chỉ* vì thế, mà *"chủ yếu là* để bóc trần mâu thuẫn của những kẻ địch của nó", vả lại - sự phê phán có thể nói thêm - còn là để soạn thành một *cuốn sách*, tất cả những luận văn cũ phản đối các nhà thần học đủ màu sắc, như cuộc đấu khẩu dài dòng của nó với *Plăng-cơ,* cuộc cãi cọ trong nhà giữa nhà thần học "Bau-ơ" và nhà thần học "Stơ-rau-xơ".

Do thừa nhận lợi ích chân thực của *"chính trị"* của mình, sự phê phán tuyệt đối đã cảm thấy thoải mái trong lòng, và khi hồi tưởng lại vụ *"kiện tụng"* của nó, nó lại nhai lại thức ăn nhai lại cũ của Hê-ghen mà nó đã từng nhai đi nhai lại bằng đủ mọi cách trong "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do" : "sự vật cũ đối lập với sự vật mới trên thực tế không còn là sự vật cũ nữa" (xem Cuộc đấu tranh giữa triết học khai sáng và tín ngưỡng trong "Hiện tượng học"; xem *toàn bộ* "Hiện tượng học"). Sự phê phán có tính phê phán là loại nhai lại. Sự phê phán thường xuyên hâm lại cơm thừa canh cặn của Hê-ghen, như những luận điểm về "sự vật mới" và "sự vật cũ" vừa nói trên hoặc "một cực phát triển lên từ cực đối lập với nó", v.v.; ngoài việc nhờ đến "sự uể oải" của giáo sư Hin-rích, nó chưa hề cảm thấy cần thiết phải dùng phương pháp nào khác để thanh toán *"phép biện chứng tư biện"*. Nhưng nó không ngừng dùng biện pháp lắp lại Hê-ghen để vượt qua Hê-ghen "một cách có phê phán", chẳng hạn:

"Sự phê phán xuất hiện trên vũ đài và ban cho sự nghiên cứu một hình thức mới, tức hình thức *đã* không đến nỗi *biến thành sự hạn chế bên ngoài",* v.v..

Nếu tôi làm cho một vật nào đó *biến hoá* thì như thế là tôi làm cho nó biến đổi về bản chất thành một vật khác. Vì mỗi một hình thức đồng thời cũng là *"sự hạn chế bên ngoài"*, cho nên *bất*

kể hình thức nào cũng đều không "đến nỗi" *biến thành* "sự hạn chế bên ngoài", giống như quả táo không đến nỗi "biến thành" quả táo. Vả lại, do những nguyên nhân *khác* hẳn, hình thức mà "sự phê phán" ban cho sự nghiên cứu cũng không đến nỗi biến thành "sự hạn chế bên ngoài" vì vượt ra ngoài phạm vi của mọi "sự hạn chế bên ngoài", sự phê phán sẽ biến đi trong sương mù xám ngắt của sự phi lý.

https://thuviensach.vn

"Nhưng, nếu sự vật cũ... đã nghiên cứu, *về mặt lý luận*, vấn đề cùng tồn tại hoặc không cùng tồn tại thì nó" (cuộc đấu tranh giữa cũ và mới) *"không thể xảy ra lúc bấy giờ"* (tức là sự phê phán "ban cho" sự nghiên cứu một "hình thức mới").

Tại sao sự vật cũ lại không nghiên cứu vấn đề đó về mặt lý luận nhỉ ? Vì "ngay từ đầu nó *tuyệt nhiên* không thể làm được điều đó, *vì lúc bất thình lình*, tức vừa mới bắt đầu, nó "vừa không hiểu mình, vừa không hiểu sự vật mới", nghĩa là nó vừa chưa nghiên cứu mình cũng chưa nghiên cứu sự vật mới *về mặt lý luận*. Như vậy, cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới không thể xảy ra nếu chẳng may mà ngay cả cái "không thể" đó cũng không thể có được !

Khi "nhà phê phán" của Viện thần học tiến lên "thừa nhận" rằng ông ta "cố tình phạm lỗi *một cách có tính toán trước"*, rằng ông ta "vẫn cứ mắc sai lầm theo ý thích của mình sau khi đã suy nghĩ chín chắn" (đối với sự phê phán thì mọi cái mà nó đã trải qua, mà nó đã thể nghiệm hoặc đã làm, đều đã *biến thành* sản phẩm tự do, thuần tuý của sự phản tư của nó, do nó sáng tạo ra một cách có tính toán trước) thì sự thừa nhận ấy của nhà phê phán chỉ có một "bề ngoài không hoàn thiện" của chân lý. Vì *"Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau"*[47] là hoàn toàn xây dựng trên cơ sở *thần học*, vì nó hoàn toàn là sự phê phán có *tính thần học*, cho nên giảng viên thần học Bau-ơ có thể biên soạn và giảng dạy thần học mà "vừa không mắc tội lỗi vừa không mắc sai lầm". Trái lại, kẻ mắc tội lỗi và kẻ mắc sai lầm là Viện thần học, vì Viện thần học, không hiểu ông Bau-ơ đã thực hiện nghiêm chỉnh

như thế nào lời hứa mà ông ta đưa ra trong lời nói đầu cuối "Sự phê phán các sách phúc âm giống nhau", quyển I, tr. XXIII:

"Nếu cả trong quyển thứ nhất, *sự phủ định* cũng còn có thể biểu hiện quá ư táo bạo và quá ư nóng nảy thì chúng ta sẽ liên tưởng đến *cái khẳng định* chân chính chỉ có thể nảy sinh ra sau sự phủ định phổ biến và trịnh trọng... *Cuối cùng* sẽ thấy rõ: chỉ có sự phê phán tàn khốc nhất trên thế giới mới làm cho chúng ta nhận thức được *sức* sáng tạo của *Giê-su* và của *nguyên tắc* của Giê-su".

Để xoá bỏ mọi bề ngoài mập mờ nước đôi của ý nghĩa *tích cực* của lời hứa của mình, ngài Bau-ơ cố tình tách rời chúa "Giê-su" với "nguyên tắc" của Giê-su. Trên thực tế, ngài Bau-ơ đã miêu tả sức *"sáng tạo"* của chúa Giê-su và của nguyên tắc của chúa một cách cụ thể đến nỗi kết quả là cả *"tự ý thức vô hạn"* và *"tinh thần"* của Bau-ơ cũng thành ra không phải là gì khác mà là *vật sáng tạo* của đạo Cơ Đốc.

Cuộc tranh luận giữa sự phê phán có tính phê phán và Viện thần học Bon hãy cứ giải thích một cách khá đầy đủ cái "chính trị" lúc bấy giờ của sự phê phán đi; nhưng tại sao sau khi kết thúc cuộc tranh luận đó, nó còn tiếp tục làm chính trị nhỉ? Xin nghe câu trả lời sau đây:

"Đạt tới điểm đó, sự phê phán vốn dĩ *phải* hoặc là *dừng lại*, hoặc là lập tức *tiến lên* nghiên cứu bản chất của chính trị, coi nó là kẻ địch của mình, - chỉ cần là sự phê phán có thể dừng lại giữa cuộc đấu tranh lúc đó, *mặt khác*, chỉ cần là không có quy luật lịch sử quá khắt khe, quy luật mà căn cứ vào đó, cái nguyên tắc lần đầu tiên thể nghiệm lực lượng của mình trong cuộc đấu tranh với mặt đối lập của mình tất phải để cho mặt đối lập của mình đè bẹp mình...".

Lời biện hộ hay tuyệt ! "Sự phê phán *phải* dừng lại" chỉ cần là có thể..." có thể dừng lại" ! Ai *"phải"* dừng lại? Ai phải làm bằng được cái sự việc "không thể..." làm được? Mặt khác !

https://thuviensach.vn

Sự phê phán phải tiến lên, "mặt khác, *chỉ cần là không* có quy luật lịch sử *quá* khắt khe", v.v.. Quy luật lịch sử cũng *"quá khắt khe"* với sự phê phán tuyệt đối! Nếu quy luật đó *không* đứng về phía *trái lại* thì sự phê phán có tính phê phán đã tiến lên một cách vẻ vang biết chừng nào ! Tuy nhiên à la guerre comme à la guerre ![33]1* Trong lịch sử, sự phê phán tất phải để cho mình trở thành "lịch sử" đáng buồn !

"Nếu sự phê phán" (vẫn ông Bau-ơ ấy) "phải... thì vẫn không thể không *đồng thời thừa nhận* rằng khi hưởng ứng loại yêu cầu đó" (tức chính trị) "nó bao giờ cũng cảm thấy mình không *tin tưởng*, và do những yêu cầu đó, nó đã phát sinh mâu thuẫn với *những nhân tố chân chính* của nó, - mâu thuẫn này chính là *đã* được *giải quyết*, trong *những nhân tố đó"*.

Quy luật lịch sử quá khắt khe đã buộc sự phê phán phải chịu những nhược điểm chính trị, nhưng - nó cầu khẩn rằng - người ta *không thể không đồng thời thừa nhận* rằng nếu nó không vượt được những nhược điểm đó trong thực tế thì dù sao nó cũng đã vượt được *trong bản thân* nó. Một là, nó đã khắc phục được những nhược điểm đó *"trong tình cảm"*, vì rằng "nó bao giờ cũng cảm thấy mình không tin tưởng đối với những yêu cầu đó", nó cảm thấy mình *kém cỏi* về mặt chính trị, ngay bản thân nó cũng không biết chính trị là gì nữa. Hơn nữa ! Nó đã sinh ra mâu thuẫn với *những nhân tố chân chính* của nó. Sau hết - điều này cũng là điều quan trọng nhất - mâu thuẫn sinh ra giữa nó và *nhân tố* chân chính của nó không phải là được giải quyết trong quá trình *phát triển* của nó, mà trái lại *"đã được"* giải quyết trong *những nhân tố* chân chính của nó, những nhân tố tồn tại độc lập bên ngoài mâu thuẫn. Những nhân tố phê phán đó có thể nói về bản thân mình một cách tự hào: khi A-bra-ham còn chưa sinh ra, chúng tôi đã có ở trên đời rồi. Khi sự phát triển còn chưa sinh ra mặt đối lập của chúng tôi thì nó, cái mặt đối lập *còn chưa sinh ra đó*, đã được giải quyết, đã chết đi, đã diệt vong, đã yên nghỉ trong lòng hỗn độn của chúng tôi rồi. Vì mâu thuẫn giữa sự phê phán và những nhân tố chân chính của nó *"đã* được giải quyết"
trong những nhân tố chân chính của sự phê phán rồi, và vì mâu thuẫn *đã được giải quyết không* phải là mâu thuẫn nữa, cho nên nói cho đúng hơn, sự phê phán *hoàn toàn* không mâu thuẫn với những nhân tố chân chính của nó, không mâu thuẫn với chính mình - như vậy mục đích chung của sự tự biện hộ dường như đã đạt được rồi.

Sự tự biện hộ của sự phê phán tuyệt đối có sẵn cả một từ vựng *biện hộ*:

"Vốn dĩ cũng không", "có điều là không được coi trọng", "huống hồ, còn có", "còn chưa hoàn toàn", "mặc dù - nhưng", "không những, mà chủ yếu là", "kỳ thực", cũng vậy, chỉ là, "sự phê phán vốn dĩ phải, miễn là có thể, đồng thời, mặt khác", *"nếu như...* thì *dù sao cũng vẫn* không thể không *đồng thời* thừa nhận", "chẳng lẽ điều đó không phải là rất tự nhiên ư, chẳng lẽ điều đó không phải là không tránh được ư", "cũng vậy, không"... v.v..

Cách đây không lâu, sự phê phán tuyệt đối còn dùng những câu dưới đây để diễn đạt những lời biện hộ tương tự:

"Tuy nhiên" và "nhưng mà", "thật vậy" và "thế nhưng", "không" trên trời và "có" dưới đất - đó là những trụ cột của thần học mới nhất, là chiếc cà khoeo nó dùng để ngang nhiên đi những bước dài, là trò ảo thuật chỉ có ở toàn bộ trí tuệ của nó, là cách nói lặp đi lặp lại trong mọi cách nói của nó, là an-pha và ô-mê-ga của nó" ("Đạo Cơ Đốc bị vạch trần", tr. 102).

https://thuviensach.vn

b- Vấn đề Do Thái, số 3

"Sự phê phán tuyệt đối" không thoả mãn ở chỗ dùng tự truyện của mình để chứng thực cái tài toàn năng vốn có của nó, cái tài là *"lần đầu tiên sáng tạo ra cái cũ* giống như sáng tạo ra *cái mới"*. Nó cũng không thoả mãn ở chỗ *tự mình* đứng ra để viết bài biện hộ cho quá khứ của mình. Hiện nay, nó đặt ra cho người thứ ba, cho giới trần tục còn lại, một "nhiệm vụ" tuyệt đối, "nhiệm vụ *chủ yếu hiện nay"*, đó là nhiệm vụ *biện hộ* cho hành vi và "tác phẩm" của Bau-ơ.

Tờ "Deutsch - Französisch Jahrbücher" đã đăng một bài bình luận về tập sách nhỏ của ông Bau-ơ nhan đề *"Vấn đề Do Thái"*[48]. Bài này đã bóc trần sai lầm cơ bản của Bau-ơ là nhập cục sự giải phóng *"chính trị"* với sự giải phóng *"con người"*. Cố nhiên, bài đó "trước hết" *"không đặt một cách đúng"* vấn đề Do Thái cũ; nhưng "Vấn đề Do Thái" có thể được xem xét và giải quyết trong cách đặt vấn đề của thời đại hiện nay đối với toàn bộ *vấn đề cũ*, một cách đặt vấn đề mà nhờ đó những vấn đề cũ từ chỗ là "vấn đề" của quá khứ biến thành những "vấn đề" của hiện tại.

Xem ra thì sự phê phán tuyệt đối cho rằng trong cuộc chinh phạt *thứ ba* của nó cần phải trả lời tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher". Ở đây, trước hết, sự phê phán tuyệt đối *thừa nhận* rằng:

"Trong "Vấn đề Do Thái" đã có một *"sai lầm"* giống như thế - nhập cục bản chất *chính trị* với bản chất *con người*".

Sự phê phán chỉ ra rằng:

"Bây giờ mới *chê trách* sự phê phán về lập trường mà nó còn giữ một phần cách đây *hai* năm thì không khỏi quá muộn". *"Trái lại, nhiệm vụ quy lại là* phải giải thích tại sao sự phê phán thậm chí đã từng buộc phải... nghiên cứu chính trị".

"Cách đây *hai năm*"? Bây giờ, hãy tính theo niên lịch *tuyệt đối* lấy *năm ra đời* của Chú cứu thế có tính phê phán, tức "Literatur-Zeitung" do Bau-ơ chủ biên, làm điểm xuất phát. Chúa cứu thế có tính phê phán ra đời năm 1843. Cũng năm đó, cuốn "Vấn đề Do Thái" có bổ sung được xuất bản lần thứ hai. Sự nghiên cứu "có tính phê phán" và "vấn đề Do Thái" trong tập "Hai mươi mốt trang từ Thuỵ Sĩ gửi về"[49] cũng là vào năm 1843 lịch cũ, nhưng nó chậm hơn. Chính trong cái năm 1843 quan trọng của lịch cũ hoặc trong cái đầu niên lịch có tính phê phán, *sau khi* hai tờ Deutsche Jahrbücher" và "Rheinische Zeitung" *bị đóng cửa*, tác phẩm chính trị hoang đường nhan đề *"Nhà nước, tôn giáo và chính đảng"* của ông Bau-ơ đã ra đời và lại mắc nguyên xi cái sai

lầm cũ của Bau-ơ trong vấn đề *"bản chất chính trị"*. Kẻ biện hộ buộc phải làm giả ra một *bảng niên đại.*

Việc *"giải thích"* tại sao ông Bau-ơ *"thậm chí" "buộc phải"* nghiên cứu chính trị chỉ có một ý nghĩa phổ biến trong những điều kiện nhất định. Như thế nghĩa là nếu tính không lầm lỗi, tính thuần khiết và tính tuyệt đối của sự phê phán tuyệt đối đã được coi từ trước là *tín điều cơ bản* thì dĩ nhiên là mọi sự thực mâu thuẫn với tín điều đó cũng đều sẽ biến thành những câu

https://thuviensach.vn

đố bí ẩn, khó hiểu, đáng chú ý, những câu đố mà rõ ràng là các nhà thần học xem là một hành động phi thượng đế của thượng đế.

Trái lại, nếu coi *"nhà phê phán"* là một cá nhân có hạn, nếu không tách anh ta khỏi *giới hạn* của thời đại anh ta thì việc giải đáp vấn đề tại sao *"nhà phê phán" thậm chí* buộc phải phát triển bên trong phạm vi thế giới, sẽ thành thừa, vì bản thân *vấn đề* đã không còn tồn tại nữa.

Song, nếu sự phê phán tuyệt đối muốn kiên trì yêu cầu của nó thì chúng tôi sẵn sàng viết một bài luận văn kinh viện ngắn để trình bày những *"vấn đề hiện đại"* dưới đây:

"Tại sao phải do chính ông Bru-nô Bau-ơ chứng minh sự việc Đức mẹ đồng trình Ma-ri-a đã thụ thai nhờ đức thánh linh?" "Tại sao ông Bau-ơ tất nhiên phải chứng minh rằng vị thiên thần xuất hiện trước mắt A-bra-ham là thể lưu xuất *chân chính* từ thượng đế ? tức thể lưu xuất chưa đạt tới độ đông đặc cần thiết để *tiêu hoá thức ăn ?"* "Tại sao ông Bau-ơ phải biện hộ cho triều vua Phổ và tôn nhà nước Phổ lên thành nhà nước *tuyệt đối "?* "Tại sao trong cuốn "Sự phê phán các sách phúc âm giống nhau" của mình, ông Bau-ơ cứ phải dùng *"tự ý thức vô hạn"* thay thế cho *con người?"* "Tại sao trong tác phẩm *Đạo Cơ Đốc bị vạch trần"*, ông Bau-ơ phải dùng hình thức của *Hê-ghen* để lặp tại *thuyết sáng thế của đạo Cơ Đốc?"* "Tại sao ông Bau-ơ phải yêu cầu chính mình và người khác *"giải thích"* sự mầu nhiệm là ông ta phải mắc sai lầm?"

Trước khi chứng minh tất cả những sự tất yếu vừa "có tính phê phán" vừa "có tính tuyệt đối" đó, chúng ta còn phải xem qua mánh khoé biện hộ của "sự phê phán".

https://thuviensach.vn

"Vấn đề Do Thái... trước tiên... phải... có cách đặt vấn đề *đúng đắn,* vừa với tính cách là vấn đề *tôn giáo* và *thần học.* Vừa với tính cách là vấn đề *chính trị"*. "Khi xem xét và giải quyết hai vấn đề đó, sự phê phán không đứng trên quan điểm *tôn giáo, cũng* không đứng trên quan điểm *chính trị"*.

Vấn đề là ở chỗ: trong "Deutsch - Französische Jahrbücher" sự giải thích của Bau-ơ về "vấn đề Do Thái" được miêu tả như là một sự giải thích có tính thần học *thực* và chính trị *giả.*

Trước hết, "sự phê phán" trả lời "sự chê trách" về tính hạn chế *thần học:*

"Vấn đề Do Thái là vấn đề *tôn giáo*. *Khai sáng* cho rằng chỉ cần tuyên bố sự *đối kháng của tôn giáo* là *cái không có quan hệ gì,* hoặc thậm chí hoàn toàn phủ định nó đi là có thể giải quyết được vấn đề Do Thái. Nhưng *sự phê phán* cần phải trình bày sự đối kháng đó trong toàn bộ sự thuần khiết của nó.

Nếu chúng ta xem xét mặt *chính trị* của vấn đề Do Thái, chúng ta sẽ phát hiện thấy rằng nhà thần học Bau-ơ ngay cả khi nghiên cứu về mặt chính trị, cũng không phải là có tính chính trị mà là có tính thần học.

Và khi "Deutsch - Französische Jahrbücher" phản đối Bau-ơ đem vấn đề Do Thái giải thích thành vấn đề "thuần tuý tôn giáo" thì như thế là nhằm nói riêng về một bài của Bru-nô Bau-ơ trong tập "Hai mươi mốt trang từ Thuỵ Sĩ gửi về" nhan đề là:

"Năng lực giành được tự do của người Do Thái và của tín đồ Cơ Đốc hiện nay".

Bài này không có quan hệ gì với "Khai sáng" cũ. Nó chứa đựng quan điểm *khẳng định* của ngài Bau-ơ về năng lực giải phóng, tức khả năng giành giải phóng của người Do Thái hiện nay.

"Sự phê phán" nói:

"Vấn đề Do Thái là vấn đề *tôn giáo"*.

Xin hỏi: Vấn đề *tôn giáo là gì,* nhất là vấn đề tôn giáo hiện nay *là gì*

Nhà thần học sẵn sàng căn cứ vào *bề ngoài* mà phán đoán, coi vấn đề *tôn giáo* là vấn đề *tôn giáo*. Nhưng "sự phê phán" hãy nhớ lại lời nó giải thích cho giáo sư *Hin-rích* là lợi ích *chính trị* hiện nay mang ý nghĩa *xã hội:* về *lợi ích chính trị* - sự phê phán nói - *"không có gì để có thể bàn thêm nữa"*.

Cũng căn cứ vào lý do đó, "Deutsch - Französische Jahrbücher" bảo sự phê phán rằng: Những vấn đề *tôn giáo* trước mắt bây giờ đang có ý nghĩa *xã hội.* Về lợi ích *tôn giáo,* với tính cách là lợi ích *tôn giáo,* thì không có gì để có thể bàn thêm nữa. Chỉ có *nhà thần học* mới còn có thể cho rằng: đây là vấn đề tôn giáo với tính cách là tôn giáo. Đúng là ở đây "Deutsch - Französische Jahrbücher" cũng mắc một "sai lầm" là nó không muốn dừng lại ở từ *"xã hội"* mà lại tiến thêm một bước, trình bày tình cảnh *hiện thực* của người Do Thái trong xã hội thị dân hiện đại. Sau khi bóc sạch cái vỏ ngoài *tôn giáo* che đậy thực chất tinh thần Do Thái, vạch ra hạt nhân kinh nghiệm, trần tục, thực tế của tinh thần Do Thái thì có thể vạch ra một

https://thuviensach.vn

hình thức *thực sự xã hội* trong đó hạt nhân ấy hiện đang bị tiêu diệt. Nhưng ông Bau-ơ lại thoả mãn ở chỗ "vấn đề tôn giáo" là "vấn đề tôn giáo".

Ông Bau-ơ tạo ra một cái bề ngoài dường như là "Deutsch - Französische Jahrbücher" đã không thừa nhận vấn đề Do Thái cũng là vấn đề *tôn giáo*. Tuyệt nhiên không phải như vậy. Trái lại, tạp chí trên đã từng chỉ rõ: ông Bau-ơ *chỉ* hiểu bản chất *tôn giáo* của tinh thần Do Thái, nhưng không hiểu được *cơ sở hiện thực và trần tục* của bản chất tôn giáo đó. Ông đấu tranh chống lại *ý thức tôn giáo*, coi là một thực chất độc lập nào đó. Cho nên ông Bau-ơ không dùng *người Do Thái hiện thực* để giải thích bí mật của đạo Do Thái, mà lại dùng *đạo Do Thái* để giải thích người Do Thái hiện thực. Vì thế, ông Bau-ơ chỉ hiểu về người Do Thái trong chừng mực người Do Thái là đối tượng trực tiếp của *thần học* hoặc người Do Thái là *nhà thần học*.

Vì thế, ông Bau-ơ không ngờ rằng tinh thần Do Thái *trần tục*, hiện thực, do đó cả đến tinh thần Do Thái *tôn giáo*, đang không ngừng sinh ra trong *đời sống thị dân ngày nay* và phát triển cao độ trong *hệ thống tiền tệ*. Sở dĩ ông ta không ngờ điều đó vì ông ta hiểu tinh thần Do Thái không phải là một khâu của thế giới hiện thực, mà chỉ là một khâu của thế giới của *ông ta*, tức của *thần học*; vì với tư cách là một tín đồ thành kính và tận tuỵ của thượng đế, ông ta không coi người Do Thái *hiện thực* là người Do Thái đang tiến hành những hoạt động thường ngày, mà là *người Do Thái* giả nhân giả nghĩa trong *ngày nghỉ*. Theo nhà thần học Bau-ơ *tin ở Crít* thì ý nghĩa *lịch sử toàn thế giới* của tinh thần Do Thái phải kết thúc ở giờ phút đạo Cơ Đốc *ra đời*. Cho nên ông ta phải lặp lại quan điểm chính thống cũ rích cho rằng tinh thần Do Thái được bảo tồn *bất chấp* cả lịch sử; nhưng thiên kiến thần học cũ rích cho rằng tựa hồ tinh thần Do Thái chỉ tồn tại như là *bằng chứng xác nhận* sự nguyền rủa của thượng đế, như là *sự chứng minh rõ ràng* rằng lời phán bảo của Crít ắt phải sống lại ở Bau-ơ dưới hình thức *thần học - phê phán*, hình thức mà dưới nó thì tinh thần Do Thái đang tồn tại và đã tồn tại chỉ như là *sự hoài nghi tôn giáo thô bạo* đối với nguồn gốc không trần tục của đạo Cơ Đốc, nghĩa là như là *bằng chứng rõ ràng* chống lại lời phán bảo của Crít.

rái lại với tất cả những cái đó, tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher" đã chứng minh rằng tinh thần Do Thái được duy trì và phát triển *nhờ* lịch sử, *trong* lịch sử và *cùng với* lịch sử, tuy nhiên sự phát triển đó thì con mắt nhà thần học không thấy được mà chỉ có con mắt người trần tục mới thấy được, sự phát triển đó không phải có thể thấy được trong *lý thuyết tôn giáo* mà chỉ có thể thấy được trong *thực tiễn công thương nghiệp* mà thôi. "Deutsch - Französische Jahrbücher" đã từng giải thích *tại sao* tinh
thần Do Thái, trong thực tiễn, chỉ có thể đạt đến trình độ hoàn bị trong thế giới *Cơ Đốc giáo* hoàn bị; không những thế, tạp chí ấy còn chỉ rõ rằng tinh thần đó chẳng qua chỉ là *thực tiễn* hoàn bị *của bản thân thế giới Cơ Đốc giáo*. Đời sống của người Do Thái *hiện đại* không thể giải thích bằng tôn giáo của họ (dường như tôn giáo là một thứ bản chất riêng biệt độc lập tự tại); trái lại, sức sống của đạo Do Thái chỉ có thể giải thích bằng cơ sở thực tế của xã hội thị dân phản ánh *một cách hư ảo* vào trong đạo Do Thái. Vì vậy, việc giải phóng người Do Thái

https://thuviensach.vn

thành người, hoặc giải phóng con người khỏi tinh thần Do Thái, không nên coi là một nhiệm vụ riêng biệt của người Do Thái như ông Bau-ơ đã hiểu, mà nên coi là một nhiệm vụ thực tiễn phổ biến của thế giới hiện đại tiêm nhiễm *tinh thần Do Thái* từ đầu đến chân. Một điều đã được chứng minh là nhiệm vụ khắc phục bản chất Do Thái, trên thực tế, là nhiệm vụ tiêu diệt *tinh thần Do Thái của xã hội thị dân,* là nhiệm vụ tiêu diệt cái phi nhân tính, mà biểu hiện cao nhất là *hệ thống tiền tệ,* trong thực tiễn đời sống hiện đại.

Là nhà thần học chân chính mặc dù *có tính phê phán,* hoặc là *nhà phê phán thần học,* ông Bau-ơ không thể vượt lên trên *sự đối lập tôn giáo*. Ông ta *chỉ* có thể coi quan hệ của người Do Thái với thế giới Cơ Đốc giáo là quan hệ của *đạo Do Thái* với đạo *Cơ Đốc*. Thậm chí, ông phải khôi phục một cách phê phán sự đối lập tôn giáo giữa đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc dưới hình thức *sự đối lập* giữa một bên là quan hệ của người Do Thái và một bên là quan hệ của tín đồ Cơ Đốc với tôn giáo *phê phán* - đối với *chủ nghĩa vô thần,* giai đoạn cuối cùng của *thuyết hữu thần,* sự *phủ định* thượng đế. Sau hết, do *cuồng nhiệt thần học* của mình, ông ta phải *đóng khung* năng lực "giành được tự do" của "người Do Thái và tín đồ Cơ Đốc hiện tại", tức của thế giới hiện đại, vào năng lực hiểu biết "sự phê phán" thần học và hoạt động trong lĩnh vực của "sự phê phán" đó. Đối với nhà thần học chính thống, toàn bộ thế
giới quy lại là "tôn giáo và thần học". (Ông ta cũng có thể theo cách đó quy thế giới thành chính trị, kinh tế chính trị học, v.v., và có thể gọi *thần học* chẳng hạn là *kinh tế chính trị học* trên trời, vì rằng nó là môn học về sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng *"của cải tinh thần"* và kho báu trên thiên đường!). Cũng vậy, đối với các nhà thần học phê phán cấp tiến, *năng lực* tự giải phóng của thế giới chẳng qua *chỉ là* khả năng trừu tượng coi "tôn giáo và thần học" là "tôn giáo và thần học" để phê phán thôi. Cuộc đấu tranh duy nhất mà ông ta biết là cuộc đấu tranh chống tính hạn chế *có tính tôn giáo* của tự ý thức, mà *"tính thuần khiết"* và *"tính vô hạn"* có tính phê phán của tự ý thức cũng là tính hạn chế của thần học.

Do đó, ông Bau-ơ sở dĩ dùng phương thức của *tôn giáo* và *thần học* để nghiên cứu vấn đề *tôn giáo* và *thần học,* đó là vì ông ta coi vấn đề "tôn giáo" hiện đại là vấn đề *"thuần tuý tôn giáo". "Cách đặt vấn đề đúng đắn"* của ông ta chỉ là *ở* chỗ vấn đề được đặt vào một vị trí "đúng đắn" so với "năng lực của bản thân" ông - năng lực trả lời !

Bây giờ, chúng ta hãy bàn về mặt chính trị của *vấn đề Do Thái.*

Ở một số nước, *người Do Thái* (cũng như tín đồ Cơ Đốc) đã được hoàn toàn *giải phóng về chính trị*. Nhưng người Do Thái và tín đồ Cơ Đốc còn xa mới được giải phóng về mặt *con người.* Do đó, giải phóng *chính trị* và giải phóng *con người* phải có sự *khác nhau.* Cho nên cần phải nghiên cứu thực chất của sự giải phóng *chính trị,* nghĩa là thực chất của nhà nước hiện đại đã phát triển. Song những nhà nước còn chưa thể giải phóng người Do Thái *về mặt chính trị* thì lại phải được đánh giá căn cứ vào sự so sánh với nhà nước chính trị hoàn bị và phải được coi là thuộc vào loại những nhà nước chưa phát triển.

Đó là quan điểm phải dựa vào để nghiên cứu vấn đề "giải phóng

https://thuviensach.vn

chính trị" của người Do Thái, quan điểm mà "Deutsch - Französische Jahrbücher" dùng để nghiên cứu vấn đề đó.

Ông Bau-ơ đã bảo vệ "vấn đề Do Thái" của "sự phê phán" như sau:

"Có người vạch rõ cho người Do Thái rằng họ mang ảo tưởng về *chế độ* mà họ hướng vào để yêu cầu tự do".

Thực ra, ông Bau-ơ đã chỉ rõ ảo tưởng của người Do Thái *ở nước Đức* là: yêu cầu tham gia sinh hoạt xã hội chính trị ở một nước không có một chút sinh hoạt xã hội chính trị nào cả, yêu cầu *quyền chính trị ở* nơi chỉ có đặc quyền chính trị. Về mặt đó, người ta đã chỉ rõ cho ông Bau-ơ rằng bản thân ông cũng nhiễm đầy những "ảo tưởng" về "chế độ chính trị nước Đức", chẳng thua gì người Do Thái. Chính vì thế mà ông ta lấy việc *"nhà nước Cơ Đốc giáo"* không thể giải phóng người Do Thái về mặt chính trị để giải thích tình cảnh của người Do Thái ở các quốc gia Đức. Ông ta xuyên tạc chân tướng của sự việc, ông ta tưởng tượng nhà nước *đặc quyền*, nhà nước *Đức Cơ Đốc giáo* là nhà nước Cơ Đốc giáo tuyệt đối. Trái lại, người ta đã chứng minh cho ông ta rằng nhà nước hiện đại hoàn bị về chính trị không có đặc quyền tôn giáo nào cũng là nhà nước *Cơ Đốc giáo* hoàn bị; vì vậy, nhà nước Cơ Đốc giáo hoàn bị không những *có thể* giải phóng người Do Thái, mà hơn nữa đã thực sự giải phóng họ rồi, và do bản tính của nó, nhất định nó phải giải phóng họ.

"Có người chỉ rõ cho người Do Thái rằng... họ đang nhiễm đầy những ảo tưởng về chính họ khi họ tưởng rằng họ đang yêu cầu *tự do* và yêu cầu thừa nhận *nhân tính tự do*, kỳ thực thì vấn đề chỉ là và chỉ có thể là *đặc quyền* mà họ tìm cách giành lấy cho họ".

Tự do ! Thừa nhận nhân tính tự do ! Đặc quyền ! Những từ mới có ý nghĩa làm sao. Muốn biện hộ thì sao chẳng dùng những từ đó để lẩn tránh những vấn đề nhất định !

Tự do? Đây là nói tự do *chính trị*. Người ta đã chỉ rõ cho ông
Bau-ơ rằng khi người Do Thái yêu cầu tự do mà lại không muốn vứt bỏ tôn giáo của mình thì chính là họ đang *"làm chính trị"* chứ không phải đưa ra một điều kiện nào trái với tự do *chính trị*. Người ta đã chỉ rõ cho ông Bau-ơ rằng *phân chia* con người ra thành *công dân* phi tôn giáo *của nhà nước* và *cá nhân* tôn giáo là chẳng mâu thuẫn gì với sự giải phóng về chính trị. Người ta đã chỉ rõ cho ông Bau-ơ rằng khi nhà nước thoát khỏi *quốc giáo* và bỏ mặc tôn giáo tồn tại trong phạm vi xã hội công dân thì nhà nước được giải phóng khỏi tôn giáo; cũng vậy, khi cá nhân không coi tôn giáo là *việc công* nữa mà coi là *việc riêng* thì *về mặt chính trị*, anh ta cũng được giải phóng khỏi tôn giáo. Sau hết, người ta đã chỉ rõ rằng thái độ *khủng bố* của *cách mạng* Pháp đối với *tôn giáo* không hề bác bỏ mà trái lại chứng thực cho quan điểm đó.

Ông Bau-ơ không nghiên cứu quan hệ thực sự của nhà nước *hiện đại* với tôn giáo mà cho rằng cần phải tưởng tượng ra cho mình một nhà nước *phê phán*, một nhà nước không phải là cái gì khác hơn là *nhà phê phán thần học tự thổi phồng lên* trong ảo tưởng của mình *thành nhà nước* mà thôi. Khi ông Bau-ơ sa lầy trong *chính trị* thì bao giờ ông cũng lại bắt chính trị làm tù binh cho tín ngưỡng của mình, tức tín ngưỡng *có tính phê phán*. Hễ ông ta nghiên cứu nhà nước thì bao giờ cũng biến nó thành *luận cứ* để đối phó với "kẻ thù" tức tôn giáo và thần

https://thuviensach.vn

học *không phê phán*. Theo ông ta, nhà nước là kẻ thực hiện những nguyện vọng tha thiết của *thần học phê phán*.

Khi ông Bau-ơ lần đầu tiên thoát khỏi *thần học chính thống* không phê phán thì ở ông ta *quyền uy chính trị* đã thay thế cho *quyền uy tôn giáo*. Tín ngưỡng của ông ta đối với Giê-hô-va biến ngay thành tín ngưỡng đối với nhà nước Phổ. Trong cuốn sách nhỏ nhan đề *"Tân giáo Phổ"*[50], Bru-nô Bau-ơ không những tôn nhà nước Phổ mà còn hoàn toàn triệt để tôn cả triều vua Phổ lên thành *cái tuyệt đối*. Nhưng, trên thực tế, nhà nước đó không gây hứng thú *chính trị* cho ông Bau-ơ: trái lại, theo "sự phê phán" thì
công lao của nhà nước đó là dùng *sự hợp nhất* giáo hội để thủ tiêu các tín điều tôn giáo, dùng cảnh sát để hãm hại dị giáo.

Phong trào chính trị xảy ra năm 1840 làm cho ông Bau-ơ thoát khỏi nền *chính trị bảo thủ của mình* và có một lúc nâng ông lên tới nền chính trị *tự do*. Nhưng nói thật ra, cả ở đây nữa, chính trị chẳng qua cũng chỉ dùng làm *lý do* cho thần học mà thôi. Trong tác phẩm "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do và sự nghiệp của bản thân tôi", nhà nước tự do là nhà phê phán của Viện thần học Bon, là luận cứ chống lại tôn giáo. Sự chú ý chủ yếu của "Vấn đề Do Thái" là tập trung vào sự đối lập giữa nhà nước và tôn giáo thành thử phê phán sự giải phóng về chính trị biến thành phê phán đạo Do Thái. Trong tác phẩm chính trị gần đây của mình nhan đề là "Nhà nước, tôn giáo và chính đảng", Bau-ơ rút cục đã để lộ ra ý nguyện thầm kín nhất của nhà phê phán tự thổi phồng lên thành nhà nước. *Tôn giáo hy sinh vì nhà nước*, hoặc nói cho đúng hơn, nhà nước chỉ là *công cụ* để tiêu diệt kẻ thù của "sự phê phán", tức tôn giáo và thần học không phê phán. Cuối cùng, nhờ có tư tưởng xã hội chủ nghĩa truyền bá ở Đức từ 1843 đến nay mà sự phê phán thoát khỏi được, tuy chỉ là bề ngoài, mọi thứ chính trị, cũng giống như nhờ có phong trào chính trị sau năm 1840 mà sự phê phán thoát khỏi được thứ chính trị bảo thủ của mình và từ đó trở đi, sự phê phán rút cục có thể coi những tác phẩm của nó chống thần học *không phê phán* là những tác phẩm xã hội, và có thể tự do nghiên cứu thần học *phê phán* của mình - đem tinh thần đối lập với quần chúng - và tuyên bố rằng ân nhân và chúa cứu thế có tính phê phán sắp giáng thế.

Hãy trở về đề tài của chúng ta !

Thừa nhận nhân tính tự do ư? "Nhân tính tự do" mà người Do Thái không những chỉ nghĩ rằng phải ra sức yêu cầu thừa nhận mà đã thực sự ra sức yêu cầu thừa nhận, cũng chính là thứ "nhân tính tự do" nhất, thứ nhân tính được thừa nhận một cách *cổ điển* trong cái gọi là *nhân quyền* phổ biến. Bản thân Bau-ơ cho
rằng cố gắng của người Do Thái nhằm đòi thừa nhận nhân tính tự do của mình chính là cố gắng của họ hòng đạt được *nhân quyền* phổ biến.

Tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher" đã chứng minh cho ông Bau-ơ rằng thứ "nhân tính tự do" đó và "sự thừa nhận" nó chẳng qua chỉ là sự thừa nhận *cá nhân thị dân ích kỷ* và sự vận động *không gì ngăn cản nổi* của những nhân tố tinh thần và nhân tố vật chất hợp

https://thuviensach.vn

thành nội dung của điều kiện sinh hoạt của cá nhân ấy, tức nội dung sinh hoạt thị dân *hiện đại*, rằng vì vậy *nhân quyền* không làm cho người ta thoát khỏi tôn giáo, mà chỉ làm cho người ta có *tự do* tín ngưỡng *tôn giáo;* rằng nhân quyền không làm cho người ta thoát khỏi tài sản mà chỉ làm cho người ta có *tự do chiếm hữu tài sản*; nhân quyền không làm cho người ta vứt bỏ hành động xấu xa là chạy theo của cải, mà chỉ làm cho người ta có *tự do kinh doanh.*

Người ta đã chỉ rõ cho ông Bau-ơ rằng *nhà nước hiện đại thừa nhận nhân quyền* và *nhà nước cổ đại thừa nhận chế độ nô lệ* là cùng một ý nghĩa. Nghĩa là, giống như *cơ sở tự nhiên* của nhà nước cổ đại là chế độ nô lệ, *cơ sở tự nhiên* của *nhà nước hiện đại* là xã hội thị dân và *con người* của xã hội thị dân, tức là con người độc lập chỉ liên hệ với người khác thông qua cái nút là lợi ích tư nhân và tính tất yếu tự nhiên *vô ý thức*, tác là kẻ *nô lệ* cho doanh nghiệp của mình, nô lệ cho nhu cầu *hám lợi riêng* của mình và người khác. Nhà nước hiện đại thừa nhận cơ sở tự nhiên đó của nó với tính cách như vậy trong *nhân quyền phổ biến* chứ không sáng tạo ra nó. Là sản phẩm của xã hội thị dân, một xã hội do sự phát triển của bản thân mà buộc phải thoát khỏi gông cùm chính trị cũ, nhà nước hiện đại đã dùng biện pháp *tuyên bố nhân quyền* để thừa nhận, về phía mình, nơi chôn rau cắt rốn của mình và cơ sở của mình. Do đó, sự giải phóng *chính trị* của người Do Thái và sự ban bố *"nhân quyền"* cho người Do Thái là một hành vi trong đó cả hai mặt quy định lẫn nhau. Khi ngài *Rít-xơ* nhân
tiện bàn đến tự do hành động, tự do cư trú, tự do đi lại, tự do kinh doanh, v.v., ông ta giải thích một cách chính xác ý nghĩa của những cố gắng của người Do Thái nhằm giành cho được sự thừa nhận nhân tính tự do. Tất cả những biểu hiện đó của *"nhân tính tự do"* đã được thừa nhận một cách hết sức khẳng định trong bản Tuyên ngôn nhân quyền của nước Pháp. Người Do Thái càng có quyền yêu cầu thừa nhận "nhân tính tự do" của mình vì "xã hội thị dân tự do" mang tính chất thương nghiệp thuần tuý và Do Thái, và người Do Thái từ lâu đã là thành viên tất nhiên của nó rồi. Sau nữa, "Deutsch Französisch - Jahrbücher" đã chỉ rõ tại sao thành viên của xã hội thị dân được gọi là "con người" par excellence[34]1*, tại sao nhân quyền được gọi là "quyền bẩm sinh".

Về nhân quyền, "sự phê phán" không thể nói ra điều nào có tính phê phán hơn điều mà *Hê-ghen* đã nói là nhân quyền *không phải* là bẩm sinh mà là sản sinh ra trong lịch sử. Sau hết, sự phê phán quả quyết rằng muốn đem lại cho người khác và bản thân mình nhân quyền phổ biến thì người Do Thái và tín đồ Cơ Đốc *phải hy sinh đặc quyền tín ngưỡng* (nhà thần học phê phán xuất phát từ quan điểm của tư tưởng cố định *duy nhất* của mình để giải thích mọi sự vật) và đặc biệt đối lập với lời quả quyết đó là sự thực đã được ghi trong tất cả các bản tuyên bố không phê phán về nhân quyền: quyền tín ngưỡng bất cứ cái gì, quyền tôn thờ bất cứ tôn giáo nào đều được thừa nhận một cách hết sức khẳng định là *nhân quyền phổ biến*. Ngoài ra "sự phê phán" phải biết rằng cái cớ để đánh bại phái Hê-be thì chủ yếu là ở chỗ phái này xâm phạm nhân quyền vì nó xâm phạm *tự do tôn giáo*, rằng sau này khi khôi phục tự do thờ cúng, người ta cũng viện đến nhân quyền.

https://thuviensach.vn

"Còn như về bản chất *chính trị* thì sự phê phán đã theo dõi mâu thuẫn của nó ngược lên đến tận chỗ mà *mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn* đã từng được nghiên cứu một cách triệt để trong 50 năm qua, ngược lên mãi cho đến *chế độ đại nghị Pháp,* trong đó tự do lý luận bị thực tiễn bác bỏ, còn tự do sinh hoạt thực tế thì phí công tìm kiếm biểu hiện của mình trong lý luận.

Sau khi cả đến ảo tưởng cơ bản cũng đã được vạch ra thì cần phải chỉ ra rằng *mâu thuẫn trong các cuộc tranh luận ở nghị viện Pháp* mà sự phê phán phát hiện, tức mâu thuẫn giữa *lý luận tự do* và *ý nghĩa thực tiễn của đặc quyền,* mâu thuẫn giữa hiệu lực lập pháp của đặc quyền và *tình trạng công pháp,* trong đó *chủ nghĩa vị kỷ cá nhân thuần tuý* mưu toan chiếm lấy *sự đóng kín của đặc quyền,* - mâu thuẫn đó là *mâu thuẫn phổ biến* trong phạm vi ấy".

Mâu thuẫn mà sự phê phán phát hiện được trong những cuộc tranh luận ở nghị viện Pháp không phải là cái gì khác hơn là mâu thuẫn *của chế độ lập hiến*. Nếu sự phê phán hiểu mâu thuẫn đó là mâu thuẫn *phổ biến* thì nó đã hiểu mâu thuẫn chung của chế độ lập hiến. Nếu sự phê phán còn đi xa hơn chỗ nó "phải đi" nghĩa là, nếu nó đi tới ý nghĩ *xóa bỏ* mâu thuẫn phổ biến đó thì nó sẽ đi thẳng từ *chế độ quân chủ* lập hiến sang *nhà nước đại nghị dân chủ,* sang nhà nước hiện đại hoàn bị. Vì sự phê phán chưa hề phân tích một cách phê phán bản chất của sự giải phóng về chính trị, chưa phát hiện được quan hệ giữa bản chất ấy với bản chất con người, nên chỉ có thể bàn đến *sự kiện* giải phóng chính trị, đến nhà nước hiện đại đã phát triển, nghĩa là chỉ có thể bàn đến chỗ: sự tồn tại của nhà nước hiện đại là phù hợp với bản chất của nó, do đó không chỉ *những thiếu sót* tương đối mà cả *những thiết sót* tuyệt đối họp thành bản chất của nhà nước hiện đại đều có thể được xem xét và nêu lên rõ ràng.

Đoạn văn "có tính phê phán" trích dẫn trên kia càng có giá trị khi nó chứng minh hai năm rõ mười rằng chính khi sự phê phán tự cho rằng mình vượt hẳn lên trên "bản chất chính trị", thì trái lại nó thấp hơn bản chất đó rất nhiều, nó vẫn cứ phải tiếp tục tìm cách lấy bản chất chính trị làm biện pháp giải quyết những mâu thuẫn *của mình,* vẫn cứ phải giữ thái độ ngoan cố không chịu hiểu tí gì về *nguyên tắc của nhà nước hiện đại.*

Sự phê phán đem đối lập *"ý nghĩa thực tiễn của đặc quyền"* với *"lý luận tự do"*, đối lập *"tình trạng công pháp"* với *"hiệu lực lập pháp của đặc quyền".*

Để khỏi giải thích một cách sai lầm ý kiến của sự phê phán, chúng ta hãy nhớ lại rằng mâu thuẫn mà sự phê phán phát hiện trong các cuộc tranh luận ở nghị viện Pháp cũng tức là mâu thuẫn "nên hiểu là" *phổ biến*. Tiện đây bàn qua về vấn đề mỗi tuần quy định một ngày cho trẻ em nghỉ lao động. Có người đề nghị ngày chủ nhật. Khi trả lời vấn đề này, một nghị sĩ đề nghị không ghi ngày chủ nhật vào trong luật pháp, vì ông ta cho rằng ghi như thế là trái hiến pháp. Bộ trưởng Mác-tanh (đuy-No) cho rằng đề nghị đó là một mưu toan tuyên bố đạo Cơ Đốc không tồn tại nữa. Grê-mô-ê đại biểu cho những người Do Thái ở Pháp tuyên bố rằng vì tôn trọng tôn giáo của tuyệt đại đa số người Pháp, người Do Thái không có gì chống lại việc ghi ngày chủ nhật. Như vậy, theo lý luận tự do, người Do Thái và tín đồ Cơ Đốc đều bình đẳng, nhưng căn cứ vào thực tế, tín đồ Cơ Đốc có đặc quyền hơn người Do Thái, vì nếu

https://thuviensach.vn

không như vậy thì làm thế nào mà ngày chủ nhật nhật của đạo Cơ Đốc lại được ghi vào trang luật pháp đặt ra cho toàn thể người Pháp?

Phải chăng ngày nghỉ của đạo Do Thái lại không có được quyền như vậy sao ? Hoặc giả cũng có tình hình là trong đời sống thực tế của nước Pháp, người Do Thái thực tế không bị thiệt vì đặc quyền của đạo Cơ Đốc, song pháp luật lại không dám công khai thừa nhận sự bình đẳng thực tế đó. Mọi mâu thuẫn của bản chất chính trị mà ông Bau-ơ nêu lên trong tác phẩm "Vấn đề Do Thái", mọi mâu thuẫn của *chế độ lập hiến*, - chế độ này căn bản là mâu thuẫn giữa nhà nước đại nghị hiện đại với nhà nước đặc quyền cũ, - là như thế đấy.

Ông Bau-ơ đã mắc một sai lầm hết sức căn bản khi ông ta cho rằng bằng cách quan niệm và phê phán mâu thuẫn đó là mâu thuẫn "phổ biến", ông ta đã tiến từ bản chất *chính trị* lên bản chất *con người*. Quan niệm như vậy về mâu thuẫn đó chỉ có nghĩa
là tiến từ sự giải phóng nửa chừng về chính trị lên sự giải phóng hoàn toàn về chính trị, từ chế độ quân chủ lập hiến lên nhà nước đại nghị dân chủ.

Ông Bau-ơ cho rằng khi xoá bỏ *đặc quyền*, ông ta cũng xoá bỏ cả *đối tượng* của đặc quyền. Về lời tuyên bố của Mác-tanh (đuy-No), ông nhận xét:

"Nếu *không có tôn giáo đặc quyền nào cả thì cũng không còn tôn giáo nào nữa*. Tước bỏ tinh thần bài tha của tôn giáo đi thì tôn giáo cũng không còn tồn tại nữa".

Hoạt động công nghiệp không bị xoá bỏ cùng với sự xoá bỏ *đặc quyền* của *phường hội*, nghiệp đoàn và các hội đồng nghiệp; trái lại, chỉ sau khi xoá bỏ những đặc quyền đó thì *công nghiệp* chân chính mới bắt đầu phát triển được. *Chế độ tư hữu ruộng đất* không bị xoá bỏ cùng với sự xoá bỏ *đặc quyền* chiếm hữu ruộng đất; trái lại, chỉ sau khi xoá bỏ đặc quyền chiếm hữu ruộng đất thì sự vận động phổ biến của chế độ tư hữu ruộng đất mới bắt đầu bằng con đường tự do phân nhỏ và tự do chuyển nhượng. *Mậu dịch* không bị xoá bỏ cùng với sự xoá bỏ *đặc quyền mậu dịch*; trái lại, chỉ có trong tự do mậu dịch thì mới thực sự thực hiện được mậu dịch. Cũng vậy, chỉ nơi nào không có tôn giáo *đặc quyền* nào cả (như các bang Bắc Mỹ) thì tôn giáo mới *thực tế* phát triển một cách phổ biến.

Cơ sở của *"tình trạng công pháp"* hiện đại, cơ sở của nhà nước phát triển hiện đại không phải là xã hội trong đó đặc quyền thống trị như sự phê phán tưởng mà là xã hội trong đó *đặc quyền đã bị xoá bỏ và đã bị tiêu diệt*, là *xã hội thị dân* đã phát triển, trong đó những yếu tố sinh hoạt còn bị ràng buộc về mặt chính trị dưới sự thống trị của đặc quyền có địa bàn để tự do phát triển. Ở đây, *bất cứ "sự đóng kín đặc quyền"* nào đều không đối lập với sự đóng kín khác, cũng không đối lập với tình trạng công pháp. Công nghiệp tự do và mậu dịch tự do xoá bỏ sự đóng kín đặc quyền, do đó cũng xóa bỏ cuộc đấu tranh giữa các thứ đóng kín đặc quyền; trái lại, ở vị trí của những đặc quyền, tách rời con người với toàn bộ
xã hội nhưng đồng thời lại kết hợp họ trong những đoàn thể riêng biệt quy mô bé nhỏ thì công nghiệp tự do và mậu dịch tự do xác lập con người đã được giải phóng khỏi đặc quyền và không còn liên hệ với người khác nữa dù chỉ là bằng mối liên hệ chung *bên ngoài* và gây

https://thuviensach.vn

ra cuộc đấu tranh chung giữa con người với con người, giữa cá nhân với cá nhân. Cũng vậy, toàn bộ *xã hội thị dân* chỉ là cuộc chiến tranh ấy giữa những cá nhân do *đặc tính của cá nhân* mà đã tách rời nhau, là sự vận động phổ biến không gì ngăn nổi của những sức sống tự phát đã thoát khỏi xiềng xích của đặc quyền. Sự đối lập giữa *nhà nước đại nghị dân chủ* với *xã hội thị dân* là sự hoàn thành của sự đối lập *cổ điển* giữa *đoàn thể* công pháp với *chế độ nô lệ*. Trong thế giới hiện đại, mỗi một người đều là thành viên của chế độ nô lệ *đồng thời* cũng là thành viên của đoàn thể công pháp. Chính *chế độ nô lệ* của *xã hội thị dân trông bề ngoài,* thì cực kỳ *tự do* vì nó dường như là hình thức hoàn bị của sự *độc lập* của cá nhân; cá nhân này coi sự vận động - một sự vận động không gì ngăn cản nổi, không còn bị ràng buộc bởi những liên hệ chung cũng như bởi con người, - của những yếu tố sinh hoạt đã bị tha hoá của mình, như tài sản, công nghiệp, tôn giáo, v.v., là sự tự do *của chính mình,* kỳ thực thì trái lại sự vận động ấy là sự nô lệ hoàn bị của cá nhân và cái đối lập trực tiếp của nhân tính. Ở đây, *pháp quyền* đã thay thế cho *đặc quyền*.

Như vậy là chỉ ở đây, nơi mà giữa lý luận tự do và ý nghĩa thực tiễn của đặc quyền không có bất cứ mâu thuẫn nào cả, nơi mà trái lại việc thực tế xoá bỏ đặc quyền, công nghiệp *tự do* và mậu dịch *tự do,* v.v., đều thích ứng với "lý luận tự do", nơi mà *bất cứ* sự đóng kín đặc quyền *nào* cũng đều không đối lập với tình trạng công pháp, nơi mà mâu thuẫn do sự phê phán phát hiện ra đã *bị xoá bỏ* - chỉ ở đây, mới *đang tồn tại nhà nước hiện đại hoàn bị.*

Điều luật thống trị ở đây chính là *trái ngược* với điều luật mà
ông Bau-ơ hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ngài Mác-tanh (đuy-No) tuyên bố nhân các cuộc tranh luận ở nghị viện Pháp:

"Nếu như Mác-tanh (đuy-No) giải thích rằng đề nghị không ghi *ngày chủ nhật* của đạo Cơ Đốc trong *pháp luật* là đề nghị tuyên bố đạo Cơ Đốc không tồn tại nữa thì cũng vì lý do đó, - *mà lý do này là có căn cứ đầy đủ,* - bản tuyên bố nói rằng *pháp luật về ngày nghỉ* của người Do Thái không còn có hiệu lực đối với người Do Thái nữa có thể trở thành *bản thông cáo nói rằng đạo Do Thái không còn tồn tại nữa".*

Ở một nhà nước hiện đại phát triển thì *trái hẳn lại*. Nhà nước tuyên bố rằng tôn giáo cũng như các yếu tố khác của đời sống thị dân chỉ *bắt đầu* tồn tại đầy đủ khi nhà nước tuyên bố rằng chúng là *phi chính trị,* do đó để cho chúng tự làm công việc của chúng. Thích ứng với việc chấm dứt sự tồn tại *chính trị* của những yếu tố đó, chẳng hạn như việc chấm dứt sự tồn tại chính trị của *tài sản* thông qua việc xoá bỏ *tư cách bầu cử,* việc thủ tiêu *tôn giáo* về mặt chính trị, thông qua việc xoá bỏ *quốc giáo,* - chính thích ứng với việc tuyên bố như vậy về sự tiêu vong chính trị của chúng, là sự phát triển mạnh mẽ của đời sống của những yếu tố đó, một đời sống từ nay sẽ phục tùng, không gặp trở ngại gì, những quy luật của bản thân mình, sẽ phát triển hết sức rộng rãi.

Trạng thái vô chính phủ là quy luật của xã hội thị dân đã thoát khỏi những *đặc quyền* làm cho xã hội tan rã, mà *trạng thái vô chính phủ của xã hội thị dân* lại là cơ sở của *tình trạng công pháp* hiện đại, giống như tình trạng công pháp, về phía nó, cũng là sự bảo đảm cho

https://thuviensach.vn

trạng thái vô chính phủ đó. Chúng đối lập với nhau, như thế nào, đến mức nào thì quy định lẫn nhau như thế ấy và đến mức ấy.

Qua sự trình bày trên, chúng ta có thể thấy được trình độ của sự phê phán lĩnh hội "cái mới" là khá đến mức nào. Nếu chúng ta không có ý định vượt ra ngoài phạm vi của "sự phê phán thuần tuý", chúng ta sẽ đặt ra một vấn đề: sự phê phán đã phát hiện được mâu thuẫn nói trên trong các cuộc tranh luận ở nghị viện

Pháp thì tại sao nó không cố gắng hiểu mâu thuẫn đó là mâu thuẫn *phổ biến*, điều mà theo nó thì *"phải"* như vậy.

"Song, bây giờ *không thể* đi bước đó được... không những chỉ vì... mà còn vì nếu không có *tàn dư cuối cùng* là sự xen kẽ nội tại với vật đối lập của mình thì *không thể* phê phán được, vì nếu thiếu điểm đó thì sự phê phán *không thể đạt tới chỗ* mà chỉ *một bước* nữa thôi là tới được".

Không thể... vì... không thể! Hơn nữa sự phê phán khẳng định rằng không thể đi *"một bước"* quyết định cần thiết để "có thể đạt tới chỗ mà chỉ một bước nữa thôi là tới được". Vậy ai sẽ bác bỏ điều này nhỉ? Muốn tới được cái nơi mà chỉ *"một bước"* nữa thôi là tới được thì quyết không thể tiến thêm *"một bước"* đó, vì bước này tất sẽ làm cho chúng ta đi quá nơi đó, thành thử lại là đi quá "một bước".

Cái gì kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp! Cuối cuộc chiến đấu của nó chống *quần chúng* thù địch với "vấn đề Do Thái" của ông Bau-ơ, sự phê phán ý thức được rằng sự hiểu biết *của nó* về *"nhân quyền"*, "sự đánh giá" *của nó* về "tôn giáo trong thời đại cách mạng Pháp", "cái bản chất chính trị tự do mà có khi *nó* nêu lên *trong phần cuối* những nghị luận *của mình"*, tóm lại toàn bộ "thời đại cách mạng Pháp, đối với sự phê phán, chỉ là một sự tượng trưng không hơn không kém, - do đó, nói theo ý nghĩa thông thường và chính xác, không phải là thời đại thí nghiệm cách mạng của người Pháp - nghĩa là chẳng qua chỉ là biểu hiện hư ảo của những hình tượng mà cuối cùng sự phê phán đã thấy trước mắt nó". Chúng ta không muốn làm cho sự phê phán không thể tự an ủi rằng nếu có phạm sai lầm về mặt chính trị thì điều đó bao giờ cũng chỉ xảy ra ở phần "cuối" và phần "kết thúc" của tác phẩm của nó mà thôi. Một tên nghiện rượu nổi tiếng thường quen tự an ủi rằng hắn chưa hề bao giờ uống say trước nửa đêm.

Trong lĩnh vực "vấn đề Do Thái", không nghi ngờ gì nữa, sự phê phán đã giành được của kẻ thù ngày càng nhiều địa bàn. Trong "Vấn đề Do Thái" số 1, tác phẩm của sự phê phán được ông Bau-ơ

che chở vẫn còn là tuyệt đối và đã vạch rõ ý nghĩa *"chân chính"* và "phổ biến" của "vấn đề Do Thái". Trong số 2, sự phê phán "không hy vọng và không *có quyền"* vượt ra ngoài phạm vi của sự phê phán. Trong số 3, sự phê phán đáng lý *phải* đi thêm *"một bước"*, nhưng lại "không thể" đi được... vì "không thể". Không phải là "nguyện vọng và quyền hạn" của nó, mà là việc nó sa vào lưới của "vật đối lập" của nó đã ngăn cản nó hoàn thành *"một bước"* đó. Nó rất muốn vượt qua cửa ải cuối cùng, song không may là đôi hài bảy dặm có tính phê phán

https://thuviensach.vn

của nó lại bị *một dúm nhỏ xíu quần chúng cuối cùng còn sót lại* quấn lấy nên không nhúc nhích được nữa.

c- Cuộc chiến đấu có tính phê phán chống lại cách mạng Pháp

Tính hạn chế của quần chúng đã buộc "tinh thần", sự phê phán và ông Bau-ơ coi *cách mạng Pháp* không phải là thời đại thí nghiệm cách mạng của người Pháp theo "ý nghĩa *văn xuôi", mà "chỉ"* là *"sự tượng trưng và biểu hiện hư ảo"* của những ảo tưởng phê phán của chính ông ta. *Hối hận về "sự thất sách"* của mình, sự phê phán lại tiến hành *một cuộc nghiên cứu mới về cách mạng.* Đồng thời nó còn trừng phạt kẻ quyến rũ sự ngây thơ của nó, tức "quần chúng", bằng cách thông báo những kết quả cuối cùng của "cuộc nghiên cứu mới" đó.

"Cách mạng Pháp là một cuộc thí nghiệm còn hoàn toàn thuộc về thế kỷ XVIII".

Một cuộc thí nghiệm của thế kỷ XVIII, như cách mạng Pháp, còn hoàn toàn là một cuộc thí nghiệm của thế kỷ XVIII chứ không phải là của thế kỷ XIX, đây là một chân lý niên đại học dường như "còn hoàn toàn" thuộc vào loại chân lý "chẳng nói cũng dễ hiểu ngay từ đầu". Nhưng trong ngôn ngữ của sự phê phán có thành kiến nặng đối với chân lý "sáng như ban ngày", loại chân lý niên đại học ấy được gọi là *"sự nghiên cứu"* và tự nhiên là có địa vị của nó trong "sự nghiên cứu mới về cách mạng".

"Nhưng những tư tưởng mà cách mạng Pháp làm nảy nở, không vượt ra ngoài cái *trật tự* mà nó muốn lật đổ bằng bạo lực".

Xưa nay, *tư tưởng* không thể đưa người ta vượt ra ngoài trật tự thế giới cũ được; trong bất cứ tình huống nào, tư tưởng cũng chỉ có thể đưa người ta vượt ra ngoài phạm vi tư tưởng của trật tự thế giới cũ mà thôi. Thật vậy, tư tưởng căn bản không thể *thực hiện được cái gì hết*. Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn. Như vậy, theo đúng *nghĩa* từng chữ thì luận điểm có tính phê phán trên đây lại cũng là một chân lý tự nó đã dễ hiểu, tức lại là một *"sự nghiên cứu"*.

Không hề bị sự nghiên cứu đó đụng chạm đến, cách mạng Pháp đã làm nảy nở những tư tưởng vượt ra ngoài phạm vi *tư tưởng* của toàn bộ trật tự thế giới cũ. Phong trào cách mạng bắt đầu năm 1789 ở *Cercle social*[51], giữa đường đã có những đại biểu chính là *Lơ-cléc* và *Ru*, cuối cùng tạm thời thất bại với âm mưu của *Ba-bớp*, - phong trào đó, đã làm nảy nở tư tưởng *cộng sản* mà *Bu-ô-na-rô-ti*, bạn của *Ba-bớp* đã lại đề xướng lên ở Pháp sau cách mạng 1830. Tư tưởng này qua nghiên cứu triệt để trở thành *tư tưởng của trật tự thế giới mới.*

"Sau khi cách mạng do đó" (!) "đã xoá bỏ những bức tường phong kiến bên trong sinh hoạt của nhân dân, nó buộc phải thoả mãn, thậm chí nhen lên chủ nghĩa vị kỷ thuần khiết của dân tộc, mặt khác nó buộc phải kìm hãm chủ nghĩa vị kỷ ấy bằng cái bổ sung tất yếu của nó, bằng sự thừa nhận một vật tồn tại tối cao, bằng sự xác nhận với mức tối đa một trật tự nhà nước phổ biến, một trật tự nhà nước phải liên kết các nguyên tử vị kỷ riêng lẻ với nhau".

Chủ nghĩa vị kỷ của dân tộc là chủ nghĩa vị kỷ tự phát của trật tự nhà nước phổ biến, đối lập với chủ nghĩa vị kỷ của đẳng cấp phong kiến. Vật tồn tại tối cao là sự xác nhận với mức

https://thuviensach.vn

tối đa trật tự nhà nước phổ biến, do đó cũng là xác nhận dân tộc. Tuy nhiên vật tồn tại tối cao cũng phải *kìm hãm* chủ nghĩa vị kỷ của dân tộc, nghĩa là chủ nghĩa vị kỷ của trật tự nhà nước phổ biến! Kìm hãm chủ nghĩa vị kỷ bằng cách xác nhận nó, và thêm vào đó, xác nhận nó về mặt *tôn giáo*, nghĩa là thừa nhận nó là một

vật tồn tại siêu phàm và do đó là một vật tồn tại thoát khỏi mọi sự ràng buộc của con người, đó thật là một nhiệm vụ thực sự có tính phê phán ! Những người sáng tạo ra vật tồn tại tối cao không biết gì về ý đồ có tính phê phán ấy của mình.

Ông *Buy-sê*, người cho rằng cuồng nhiệt dân tộc dựa trên cuồng tín tôn giáo, đã hiểu rõ vị anh hùng *Rô-be-xpi-e* của mình hơn.

La Mã và Hy Lạp đều tiêu vong vì chủ nghĩa dân tộc. Do đó khi quả quyết rằng cách mạng Pháp thất bại vì chủ nghĩa dân tộc, sự phê phán không đưa ra được ý kiến độc đáo về cuộc cách mạng đó cả. Cũng vậy, khi nó quy định chủ nghĩa vị kỷ của dân tộc là chủ nghĩa vị kỷ *thuần khiết*, nó cũng không đưa ra được cái gì có liên quan đến dân tộc cả. Trái lại, nếu so sánh chủ nghĩa vị kỷ thuần khiết đó với chủ nghĩa vị kỷ thuần khiết của *"cái tôi" của Phi-stơ* chẳng hạn, thì chủ nghĩa vị kỷ thuần khiết đó tỏ ra là một thứ chủ nghĩa vị kỷ tự phát, thô sơ, hết sức tối tăm, thấm đầy máu thịt. Nhưng nếu tính thuần khiết của chủ nghĩa vị kỷ đó chỉ là tương đối trái với chủ nghĩa vị kỷ của những đẳng cấp phong kiến thì không cần thiết một "sự nghiên cứu mới" nào về "cách mạng" để vạch ra rằng chủ nghĩa vị kỷ lấy dân tộc làm nội dung là phổ biến hơn hoặc thuần khiết hơn chủ nghĩa vị kỷ chỉ lấy một đẳng cấp riêng biệt hoặc một tập đoàn riêng biệt nào đó làm nội dung.

Sự giải thích của sự phê phán về trật tự nhà nước phổ biến cũng không kém có ý nghĩa giáo dục. Nó chỉ quả quyết rằng trật tự nhà nước phổ biến phải duy trì sự liên hợp giữa các nguyên tử vị kỷ riêng lẻ.

Nói một cách chính xác và theo ý nghĩa thông thường thì thành viên của xã hội thị dân hoàn toàn không phải là *nguyên tử. Đặc tính* của nguyên tử là ở chỗ nó không có thuộc tính *nào*, do đó không liên hệ với những vật tồn tại ở bên ngoài nó bằng bất cứ mối tương quan nào do *bản tính* của nó quyết định *một cách*

tất nhiên. Nguyên tử *không có nhu cầu*, nó là một cái gì *tự tồn tại độc lập*; thế giới bên ngoài nó là *sự trống rỗng tuyệt đối*, nghĩa là không có bất cứ nội dung nào, không có bất cứ ý nghĩa nào, không có bất cứ tầm quan trọng nào chính là vì nguyên tử bao gồm trong bản thân nó *toàn bộ vạn vật*. Trong quan niệm phi cảm tính của mình và trong sự trừu tượng không có sức sống của mình, cá nhân vị kỷ của xã hội thị dân hãy cứ tưởng tượng mình là một *nguyên tử* đi, nghĩa là tưởng tượng mình là một vật tồn tại của thế giới cực lạc không có quan hệ với bất cứ cái gì, tự tồn tại độc lập, không có nhu cầu, và *tuyệt đối hoàn thiện ! Hiện thực cảm tính* của thế giới phi cực lạc không đếm xỉa gì đến sự tưởng tượng ấy của cá nhân đó. Mỗi một cảm giác của anh ta đều buộc anh ta phải tin ở sự tồn tại của thế giới và các cá nhân khác bên ngoài anh ta; thậm chí chiếc dạ dày *tội lỗi* của anh ta cũng hàng ngày nhắc nhở anh ta

https://thuviensach.vn

rằng thế giới bên ngoài anh ta không phải là *trống rỗng*, mà trái lại thực sự là cái *nhét đầy* dạ dày anh ta. Mỗi hoạt động của bản chất của anh ta, mỗi đặc tính của anh ta, mỗi bản năng sinh hoạt của anh ta, đều trở thành một *nhu cầu*, thành một *nhu cầu* biến *tính tự yêu mình* của anh ta thành sự yêu thích của anh ta đối với những vật khác và những người khác ở bên ngoài anh ta. Nhưng vì nhu cầu của mỗi cá nhân riêng biệt không có một ý nghĩa hiển nhiên nào đối với một cá nhân vị kỷ khác có tư liệu thoả mãn nhu cầu đó, nghĩa là không có quan hệ trực tiếp nào đó với sự thoả mãn nhu cầu, nên mỗi cá nhân đều buộc phải xây dựng mối quan hệ đó bằng cách là đến lượt mình lại làm kẻ môi giới giữa nhu cầu của người khác với đối tượng của nhu cầu đó. Như vậy chính *tính tất yếu tự nhiên*, chính *đặc tính của con người*, mặc dù chúng biểu hiện thành hình thức tha hoá như thế nào đi nữa, chính *lợi ích* là cái liên kết các thành viên của xã hội thị dân lại với nhau. Mối liên hệ *hiện thực* giữa họ với nhau là đời sống *thị dân* chứ không phải đời sống chính trị. Vậy thì cái liên kết *các nguyên tử* của xã hội thị dân không phải là *nhà nước* mà chính là sự thực sau đây: chúng chỉ là *nguyên tử* trong *quan niệm*, trong *bầu trời* của trí tưởng tượng của mình, còn trên *thực tế*, chúng là những thực thể khác hẳn với nguyên tử, chúng không phải là *những kẻ vị kỷ thần thánh* mà là *những con người vị kỷ*. Ngày nay, chỉ có *sự mê tín về chính trị* mới còn cho rằng nhà nước phải củng cố đời sống thị dân, trong khi thực ra thì trái lại, chính là đời sống thị dân củng cố nhà nước.

"Tư tưởng vĩ đại của *Rô-bê-xpi-e* và *Xanh-Giuy-xtơ* nhằm sáng tạo ra *"nhân dân tự do"* mà quy tắc sinh hoạt thì hoàn toàn chỉ là *chính nghĩa* và *đạo đức* - chẳng hạn xem báo cáo của Xanh-Giuy-xtơ về tội ác của Đăng-tông và một bản báo cáo khác của ông về chế độ cảnh sát phổ biến - chỉ hoàn toàn nhờ khủng bố mới có thể tạm thời duy trì được; tư tưởng đó là một *mâu thuẫn* mà những phần tử thấp hèn và ích kỷ trong *bản chất nhân dân* chống lại một cách sợ hãi và nham hiểm tới mức độ đúng như người ta đã có thể dự tính".

Câu nói có *tính phê phán tuyệt đối* coi "nhân dân tự do" là một *"mâu thuẫn"* mà những phần tử của *"bản chất nhân dân"* phải *chống lại* là một câu tuyệt đối rỗng tuếch đến mức nào, điều đó người ta có thể thấy rõ ở chỗ là theo ý Rô-be-xpi-e và Xanh-Giuy-xtơ thì *tự do, chính nghĩa, đạo đức* trái lại chỉ có thể là những biểu hiện sinh hoạt của *"nhân dân"* và thuộc tính của "bản chất nhân dân". Rô-be-xpi-e và Xanh-Giuy-xtơ nói một cách hết sức rõ ràng về "tự do, chính nghĩa và đạo đức" *cổ đại*, vốn chỉ có ở *"bản chất nhân dân"*. Ở thời kỳ cường thịnh của họ, *những người Xpác-tơ, những người A-ten, những người La Mã* là "nhân dân tự do, chính nghĩa và có đạo đức".

"Khi trình bày những nguyên tắc của đạo đức công cộng (trong phiên họp ngày 5 tháng Hai 1974, của Hội nghị Quốc ước), Rô-be-xpi-e đặt câu hỏi: *nguyên tắc cơ bản* của chính phủ dân chủ hoặc nhân dân là gì ? *Là đạo đức*. Tôi nói đây là đạo đức *công cộng*, đạo đức đã lập ra những kỳ tích vĩ đại *ở Hy Lạp và La mã* và sẽ lập ra ở nước Pháp cộng hoà những kỳ tích khiến người ta phải kinh ngạc hơn. Đạo đức mà chúng tôi nói chẳng phải gì khác hơn là lòng yêu tổ quốc và luật pháp của tổ quốc".

Tiếp đó, ông đặc biệt gọi *người A-ten* và *người Xpác-tơ* là "nhân dân tự do". Ông thường xuyên nhắc người nghe hồi tưởng lại *"bản*

https://thuviensach.vn

chất nhân dân" cổ đại và nêu lên cả những vị anh hùng của nó như: Li-cuốc-gơ, Đê-mô-xten, Min-ti-át, A-ri-xti, Bru-tút lẫn bọn đồi bại như Ca-ti-li-na, Xê-da, Clô-đi-út, Pi-dông.

Trong báo cáo về việc bắt giam Đăng-tông (bản báo cáo mà sự phê phán đã dẫn ra) *Xanh-Giuy-xtơ* nói rất rõ ràng rằng:

"Sau *người La Mã*, thế giới trở nên trống rỗng và chỉ có sự tưởng nhớ tới họ mới làm cho thế giới đầy nội dung và mới lại tiên đoán được *tự do"*.

Và theo phương thức cổ đại, ông ta buộc tội Đăng-tông là *Ca-ti-li-na* thứ hai.

Trong bản báo cáo khác (về *chế độ cảnh sát phổ biến) của Xanh-Giuy-xtơ, người cộng hoà* được mô tả hoàn toàn theo tinh thần *cổ đại* nghĩa là *cương nghị, khiêm tốn, giản dị, v.v.. Cơ quan cảnh sát,* về bản chất, phải là một tổ chức tương ứng với *Viện kiểm sát* của La Mã. Ông nêu tên tuổi những nhân vật như Cô-đrút, Li-cuốc-gơ, Xê-da, Ca-tô, Ca-ti-li-na, Bru-tút, Ăng-toan, Ca-xi-út. Đến cuối, ông thâu tóm đặc trưng của *"tự do,* chính nghĩa và đạo đức" mà ông yêu cầu, trong *một câu duy nhất:*

"Người cách mạng phải thành *người La Mã"*.

Rô-be-xpi-e, Xanh-Giuy-xtơ và đảng của họ bị diệt vong vì họ lẫn lộn *nước cộng hoà dân chủ - thực tại* cổ đại dựa trên *chế độ nô lệ thực sự* với *nhà nước dân chủ đại nghị duy linh hiện đại* dựa trên *chế độ nô lệ đã được giải phóng,* dựa trên *xã hội tư sản.* Buộc phải thừa nhận và chuẩn y, về mặt *hình thức nhân quyền,* xã hội tư sản hiện đại, tức là xã hội công nghiệp, xã hội tràn ngập cạnh tranh phổ biến, xã hội lấy việc tự do theo đuổi lợi ích riêng làm mục đích, xã hội vô chính phủ, xã hội tràn đầy tính tự nhiên và tinh thần tự tha hoá - buộc phải thừa nhận và chuẩn y tất cả những thứ đó, nhưng mặt khác sau đó lại muốn lấy những cá nhân riêng biệt để xoá bỏ mọi *biểu hiện sống* của xã hội đó, đồng thời muốn phỏng theo hình thức *cổ đại* để xây dựng *đầu não*
chính trị của xã hội đó, như thế thì sai lầm to lớn biết nhường nào!

Sai lầm đó mang tính chất bi kịch khi Xanh-Giuy-xtơ, trong ngày bị hành hình, đã chỉ vào tấm biển lớn ghi bản *"Tuyên ngôn nhân quyền"* treo trong phòng Công-xi-éc-giơ-ri mà nói với một giọng tự hào rằng: "Nhưng chính ta đã sáng tạo ra cái này". Chính tấm biển đó đã tuyên bố *quyền của con người,* mà con người này không thể là con người của nước cộng hoà cổ đại cũng như những quan hệ *kinh tế* và *công nghiệp* của anh ta không phải là quan hệ *của thời cổ đại.*

Đây không phải là nơi biện hộ về mặt lịch sử cho sai lầm của những người theo *chủ nghĩa khủng bố.*

"Sau sự sụp đổ của Rô-be-xpi-e, *sự khai sáng về chính trị* và *phong trào chính trị* tiến nhanh tới chỗ trở thành miếng mồi ngon cho Na-pô-lê-ông là kẻ không bao lâu, sau ngày 18 tháng Sương mù, đã có thể nói rằng: "Với những quan cai trị địa phương, với hiến binh và thầy tu của ta, với nước Pháp ta có thể làm tất cả những gì mà ta muốn".

https://thuviensach.vn

Lịch sử *trần tục*, trái lại, bảo chúng ta rằng: sau sự sụp đổ của Rô-be-xpi-e, sự khai sáng *về chính trị*, trước kia muốn *vượt quá* bản thân mình và lao mình vào *ảo tưởng*, lần đầu tiên bắt đầu được thực hiện *một cách tầm thường*. Cách mạng đã giải phóng xã hội tư sản khỏi gông cùm phong kiến và chính thức thừa nhận nó mặc dù *chủ nghĩa khủng bố* ra sức hy sinh nó cho một chế độ sinh hoạt chính trị cổ đại. Trong thời kỳ *Đốc chính*, làn sóng sinh hoạt của *xã hội tư sản* đã dâng lên cuồn cuộn. Cao trào xây dựng xí nghiệp công thương nghiệp, sự ham muốn làm giàu, sự rộn rịp của đời sống tư sản mới, trong đó sự hưởng thụ cuộc sống đó lúc đầu mang tính bừa bãi, nhẹ dạ, vô lễ và cuồng loạn; sự mở mang *thực sự của ruộng đất ở* Pháp mà kết cấu phong kiến

đã bị búa rìu của cách mạng đập tan, mà vô số người sở hữu mới tích cực canh tác toàn diện với những biểu hiện cuồng nhiệt đầu tiên; những hoạt động nhộn nhịp đầu tiên của nền công nghiệp đã được giải phóng, - đây là một số biểu hiện sinh hoạt của xã hội tư sản mới chào đời. Đại biểu *chân chính của xã hội tư sản* là *giai cấp tư sản*. Như vậy là giai cấp tư sản *đã bắt đầu* nền thống trị của nó. *Nhân quyền* không còn *chỉ* tồn tại trên *lý luận nữa*.

Cái trở thành miếng mồi cho Na-pô-lê-ông ngày 18 tháng Sương mù không phải là phong trào cách mạng nói chung như sự phê phán, thực tin ở lời nói của một Rốt-tếch hay một Ven-cơ nào đó, đã lầm tưởng mà chính là *giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa*. Chỉ cần đọc những bài diễn văn của các nhà lập pháp thời bấy giờ là có thể tin như vậy. Khi đọc những bài diễn văn đó, người ta sẽ có ấn tượng rằng mình bị chuyển từ Hội nghị Quốc ước sang một Hạ nghị viện hiện đại nào đó.

Na-pô-lê-ông là sự thể hiện của trận chiến đấu cuối cùng của *chủ nghĩa khủng bố cách mạng* chống *xã hội tư sản* mà cuộc cách mạng đó đã công khai tuyên bố, và chống nền chính trị của xã hội đó. Đúng là Na-pô-lê-ông đã hiểu được bản chất thực sự *của nhà nước hiện đại;* ông ta đã hiểu rằng nhà nước đó xây dựng trên sự phát triển thuận lợi của xã hội tư sản, trên sự vận động tự do của lợi ích tư nhân, v.v.. Ông ta quyết định thừa nhận và bảo vệ cơ sở đó. Ông ta không phải là một nhà khủng bố không tưởng. Nhưng đồng thời Na-pô-lê-ông còn coi *nhà nước* là *mục đích tự nó*, còn đời sống thị dân chỉ là một tên thủ kho, một *kẻ dưới quyền* ông ta và không có quyền *có ý chí riêng*. Ông ta *hoàn thành chủ nghĩa khủng bố bằng cách đem chiến tranh không ngừng*

thay thế cho *cách mạng không ngừng*. Ông ta hoàn toàn thoả mãn chủ nghĩa vị kỷ của dân tộc Pháp, nhưng cũng đòi hỏi phải hy sinh sự nghiệp của giai cấp tư sản, sự hưởng lạc, của cải, v.v., mỗi khi mà mục đích chính trị của cuộc xâm lược đòi hỏi. Khi ông ta áp chế, như một tên bạo chúa, chủ nghĩa tự do của xã hội tư sản - chủ nghĩa lý tưởng chính trị của thực tiễn hàng ngày của xã hội này - thì ông ta cũng không thương tiếc gì lợi ích *vật chất* căn bản nhất của xã hội đó, tức thương nghiệp và công nghiệp, mỗi khi có sự xung đột giữa những lợi ích ấy với lợi ích chính trị của bản thân ông ta. Sự khinh bỉ của ông ta đối với các nhà kinh doanh công nghiệp bổ sung cho sự khinh bỉ của ông ta đối với *các nhà tư tưởng*. Cả về mặt nội trị, ông ta cũng đấu tranh chống lại xã hội tư sản, coi nó là kẻ thù của nhà nước, một nhà

https://thuviensach.vn

nước vẫn còn thể hiện ở ông ta, ở Na-pô-lê-ông, với tính cách là mục đích tự nó tuyệt đối. Chẳng hạn, ông đã tuyên bố ở Hội đồng nhà nước rằng ông ta không cho phép bọn chủ ruộng đất lớn được tuỳ ý trồng trọt hay không trồng trọt trên ruộng đất của họ. Kế hoạch của ông ta nhằm làm cho thương nghiệp phục tùng nhà nước bằng cách chuyển *ngành vận tải bằng xe ngựa* vào trong tay nhà nước, cũng có ý nghĩa như vậy. Thương nhân Pháp đã chuẩn bị những sự kiện lần đầu tiên làm lung lay thực lực của Na-pô-lê-ông. Bọn buôn bán chứng khoán ở Pa-ri đã gây ra nạn đói giả tạo để buộc Na-pô-lê-ông hoãn cuộc tấn công nước Nga lại gần hai tháng và do đó phải tiến hành cuộc tấn công đó vào cuối năm.

Nếu giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, một lần nữa, vấp phải chủ nghĩa khủng bố có tính cách mạng mà Na-pô-lê-ông là đại biểu thì nó lại vấp phải, một lần nữa, thế lực phản cách mạng mà bọn Buốc-bông, chế độ Phục tích là đại biểu. Cuối cùng, năm 1830, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa đã thực hiện được những nguyện vọng năm 1789 của mình, duy trì có điều khác là *sự khai*
sáng chính trị của nó lúc ấy *đã hoàn thành,* nó không còn coi nhà nước đại nghị lập hiến là lý tưởng của nhà nước và không còn nghĩ rằng giành được nhà nước đại nghị lập hiến ra sức cứu vớt thế giới và đạt tới mục đích chung của toàn thể loài người nhưng trái lại, nó coi nhà nước đó là biểu hiện *chính thức* của quyền lực *độc quyền* của mình và là sự xác nhận, *về mặt chính trị,* lợi ích *riêng biệt* của mình.

Lịch sử đời sống của cách mạng Pháp bắt đầu năm 1789 chưa kết thúc bằng cuộc cách mạng 1830, khi mà một trong những yếu tố của cuộc cách mạng ấy - yếu tố này hiện nay có thêm ý thức về ý nghĩa *xã hội* quan trọng của mình - đã giành được thắng lợi.

d- Cuộc chiến đấu có tính phê phán chống lại chủ nghĩa duy vật Pháp

"Trong thế kỷ XVIII, *chủ nghĩa Xpi-nô-da* chiếm địa vị thống trị trong học thuyết của những người kế thừa ông ở Pháp, tức là những người đã coi vật chất là thực thể, cũng như trong tự nhiên thần luận, tức là thuyết đặt cho vật chất cái tên gọi tinh thần... *Phái Xpi-nô-da ở Pháp* và tín đồ của tự nhiên thần luận chỉ là hai phái tranh cãi nhau về ý nghĩa chân chính của *hệ thống Xpi-nô-da*... Số phận đơn thuần quyết định sự khai sáng này phải diệt vong - nó đã được hoà tan trong *chủ nghĩa lãng mạn* sau khi đã buộc phải tuyên bố đầu hàng thế lực phản động bắt đầu từ thời kỳ phong trào Pháp".

Sự phê phán nói với chúng ta như thế đấy.

Bây giờ chúng ta hãy đối chiếu tóm tắt lịch sử có tính phê phán của chủ nghĩa duy vật Pháp với lịch sử trần tục và có tính quần chúng của chủ nghĩa duy vật đó. Chúng ta sẽ phải kính cẩn thừa nhận rằng có một vực thẳm giữa lịch sử đã diễn ra trong thực tế với lịch sử diễn ra theo mệnh lệnh của "sự phê phán tuyệt đối", kẻ sáng tạo ra, trên mức độ như nhau, cả cái cũ
lẫn cái mới. Sau hết, tuân theo chỉ thị của sự phê phán, chúng tôi sẽ coi ba vấn đề: "tại sao?" "từ đâu đến?" và "đi đâu?" của lịch sử có tính phê phán là "những đối tượng của sự nghiên cứu bền bỉ".

https://thuviensach.vn

"Nói *chính xác và theo ý nghĩa văn xuôi"* thì trào lưu Khai sáng Pháp thế kỷ XVIII và nhất là *chủ nghĩa duy vật Pháp* không những là một cuộc đấu tranh chống những thiết chế chính trị hiện hành, chống tôn giáo hiện hành và chống thần học hiện hành mà còn là một cuộc đấu tranh *công khai và rõ rệt* chống lại *siêu hình học thế kỷ XVII* và *mọi thứ siêu hình học*, nhất là siêu hình học của *Đê-các-tơ, Ma-lơ-brăng-sơ, Xpi-nô-da* và *Lép-nít-xơ*. Người ta đem *triết học* đối lập với *siêu hình học*, giống hệt như *Phoi-ơ-bắc* đã đối lập *triết học tỉnh táo* với *tư biện say mềm* khi lần đầu tiên ông mở cuộc tấn công kiên quyết chống lại *Hê-ghen. Siêu hình học* thế kỷ XVII bị trào lưu Khai sáng Pháp và nhất là *chủ nghĩa duy vật Pháp* thế kỷ XVIII đánh bại, đã được *phục hồi thắng lợi với một nội dung phong phú* trong *triết học Đức* và nhất là trong *triết học tư biện Đức* thế kỷ XIX. Sau khi *Hê-ghen* đã kết hợp một cách thiên tài siêu hình học thế kỷ XVII với mọi thứ siêu hình học sau này và với chủ nghĩa duy tâm Đức và xây dựng một vương quốc siêu hình phổ biến thì cuộc tấn công vào *siêu hình học tự nhiên* và *mọi thứ siêu hình học nói chung* lại một lần nữa phối hợp với cuộc tấn công vào thần học như hồi thế kỷ XVIII. Siêu hình học sẽ vĩnh viễn ngã gục trước *chủ nghĩa duy vật* hiện đã đạt tới chỗ hoàn thiện nhờ hoạt động của bản thân tư biện và đã ăn khớp với *chủ nghĩa nhân đạo. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản* ở Pháp và Anh đã thể hiện, trong lĩnh vực *thực tiễn*, thứ *chủ nghĩa duy vật* ăn khớp với *chủ nghĩa nhân đạo*, cũng giống như *Phoi-ơ-bắc* đã thể hiện *chủ nghĩa duy vật* đó trong lĩnh vực *lý luận.*

"Nói *chính xác* và *theo ý nghĩa văn xuôi"* thì *chủ nghĩa duy vật Pháp có hai phái:* một phái bắt nguồn từ *Đê-các-tơ*, một phái bắt nguồn từ *Lốc-cơ.* Phái thứ hai thì *chủ yếu* là một yếu tố của văn hoá *Pháp* và trực tiếp dẫn tới *chủ nghĩa xã hội;* còn phái kia là chủ nghĩa duy vật *máy móc*, nó hoà vào trong *khoa học tự nhiên* Pháp, hiểu theo đúng nghĩa của chữ đó. Hai phái xen kẽ nhau trong quá trình phát triển của chúng. Ở đây, chúng tôi không cần nghiên cứu kỹ về chủ nghĩa duy vật Pháp trực tiếp bắt nguồn từ *Đê-các-tơ*, cũng như không cần nói nhiều về *phái Niu-tơn* ở Pháp và sự phát triển của khoa học tự nhiên ở Pháp nói chung.

Chúng tôi chỉ nêu lên mấy điểm như sau:

Trong *vật lý học* của mình, *Đê-các-tơ* cho rằng vật chất có một lực sáng tạo độc lập và coi vận động *máy móc* là biểu hiện sự sống của vật chất. Ông ta hoàn toàn tách *vật lý học* của ông khỏi *siêu hình học* của ông. *Trong phạm vi* vật lý học của ông, *vật chất* là *thực thể* duy nhất, là căn cứ duy nhất của tồn tại và nhận thức.

Chủ nghĩa duy vật *máy móc* Pháp đồng tình với *vật lý học của Đê-các-tơ* chống lại siêu hình học của ông ta. Học trò của ông ta là *những nhà chống siêu hình* chuyên nghiệp, nghĩa là *những nhà vật lý học.*

Thầy thuốc Lơ-roa đặt cơ sở cho học phái ấy, học phái mà thầy thuốc *Ca-ba-nít*, là nhân vật đại biểu cho thời cực thịnh của nó và thầy thuốc *La-mét-tơ-ri* là nhân vật trung tâm của nó. Trong sinh thời của Đê-các-tơ, Lơ-roa đã vận dụng học thuyết của Đê-các-tơ về kết cấu *động vật* vào con người (hồi thế kỷ XVIII, *La-mét-tơ-ri* cũng đã làm tương tự như thế) và

https://thuviensach.vn

tuyên bố rằng linh hồn chỉ là *một dạng của thể xác* còn *tư tưởng* là *vận động máy móc.* Lơ-roa thậm chí còn cho rằng Đê-các-tơ đã giấu giếm quan

điểm thực sự của mình. Đê-các-tơ đã phản đối ý kiến đó. Cuối thế kỷ XVIII, Ca-ba-nít đã hoàn thành chủ nghĩa duy vật của Đê-các-tơ bằng tác phẩm *"Quan hệ giữa thể xác và tinh thần của con người"*[52].

Chủ nghĩa duy vật của *phái Đê-các-tơ* còn tồn tại ở Pháp cho tới ngày nay. Nó đã đạt được những thành tựu lớn *trong khoa học tự nhiên máy móc* mà *"nói chính xác* và *theo ý nghĩa văn xuôi",* người ta ít có thể chê trách nhất là mang màu sắc của *chủ nghĩa lãng mạn.*

Ngay từ khi mới ra đời, *siêu hình học* của thế kỷ XVII mà đại biểu chủ yếu ở Pháp là *Đê-các-tơ,* đã gặp *kẻ đối kháng* với mình là *chủ nghĩa duy vật.* Chủ nghĩa duy vật mà đại biểu là *Gát-xăng-đi,* một người phục hồi chủ nghĩa duy vật của *Ê-pi-quya,* đã chống lại Đê-các-tơ. Chủ nghĩa duy vật Pháp và Anh, trước sau, vẫn có quan hệ chặt chẽ với *Đê-mô-crít* và *Ê-pi-quya*. Siêu hình học của Đê-các-tơ còn có một địch thủ khác là *Hốp-xơ,* một nhà duy vật *Anh*. Rất lâu sau khi qua đời, Gát-xăng-đi và Hốp-xơ mới chiến thắng được địch thủ của mình đúng vào lúc nó đang chính thức thống trị trong mọi học phái ở Pháp.

Von-te nhận xét rằng thái độ bàng quan của người Pháp thế kỷ XVIII đối với cuộc tranh luận giữa phái Giê-duýt và phái Gian-xê-ni-uýt[53] là do triết học gây ra ít hơn là do những vụ đầu cơ tài chính của *Lô.* Thực ra, sự suy sụp của siêu hình học thế kỷ XVII chỉ có thể nói là do ảnh hưởng của lý luận của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII tạo ra, chừng nào người cho rằng bản thân phong trào lý luận đó là do tính chất thực tiễn của đời sống ở Pháp hồi đó tạo ra. Đời sống đó hướng vào hiện thực trực tiếp, vào lạc thú trần tục và lợi ích trần tục, tóm lại là vào thế giới

trần tục. Phù hợp với thực tiễn chống thần học, chống siêu hình, duy vật, của đời sống đó thì nhất thiết phải là một lý luận chống thần học, chống siêu hình, duy vật. *Trong thực tiễn,* siêu hình học đã mất hết uy tín. Ở đây, chúng tôi chỉ cần nêu vắn tắt quá trình *lý luận* của sự tiến hoá đó.

Siêu hình học thế kỷ XVII (xem Đê-các-tơ, Lép-nít-xơ, v.v.) còn mang một nội dung *tích cực,* trần tục. Nó có những phát hiện trong toán học, vật lý học và những khoa học chính xác khác có liên hệ mật thiết với nó. Nhưng ngay đầu thế kỷ XVIII, mối liên hệ bề ngoài đó không còn nữa. Những khoa học thực chứng đã tách khỏi siêu hình học và xác định phạm vi hoạt động riêng của mình. Giờ đây khi mà bản chất hiện thực và sự vật trần tục đã bắt đầu thu hút mọi sự chú ý vào mình thì toàn bộ tài sản của siêu hình học chỉ còn là bản chất tưởng tượng và sự vật thiên giới mà thôi. Siêu hình học trở thành khô khan nhạt nhẽo. Cũng đúng vào năm mà hai nhà siêu hình học lớn cuối cùng ở Pháp là Ma-lơ-brăng-sơ và Ác-nôn mất đi, *Hen-vê-ti-út* và *Công-đi-ác* ra đời.

Người mà *về mặt lý luận,* đã làm cho siêu hình học thế kỷ XVII và toàn bộ siêu hình học nói chung mất *hết uy tín thì chính là Pi-e Bay-lơ.* Vũ khí của ông là *thuyết hoài nghi* được

https://thuviensach.vn

hun đúc bằng những công thức phù thuỷ của chính bản thân siêu hình học. Bản thân ông thoạt đầu cũng xuất phát từ siêu hình học của Đê-các-tơ. Cuộc đấu tranh chống thần học tư biện đã đẩy *Phoi-ơ-bắc* tới chỗ đấu tranh chống *triết học tư biện* chính vì ông nhận thấy rằng tư biện là chỗ dựa cuối cùng của thần học và ông không thể không buộc các nhà thần học phải từ bỏ khoa học tưởng tượng
của họ để trở về với *tín ngưỡng thô sơ* và ghê tởm; cũng vậy, sự hoài nghi tôn giáo đã dẫn Bay-lơ đến chỗ hoài nghi siêu hình học, chỗ dựa của tín ngưỡng đó. Vì vậy ông đã phê phán toàn bộ sự phát triển lịch sử của siêu hình học. Ông trở thành nhà sử học của siêu hình học để viết lịch sử cái chết của nó. Ông bác bỏ nhất là *Xpi-nô-da và Lép-nít-xơ.*

Pi-e Bay-lơ không những đã dùng thuyết hoài nghi để phá huỷ siêu hình học, do đó chuẩn bị cơ sở cho người Pháp tiếp thu chủ nghĩa duy vật và triết học của lẽ phải thông thường. Ông còn báo trước rằng một *xã hội vô thần* nhất định sẽ được xác lập nay mai bằng cách *chứng minh* rằng có *khả năng* có một xã hội gồm toàn những người vô thần, rằng một người vô thần *có thể* là một người đáng kính, rằng cái hạ thấp con người xuống không phải là thuyết vô thần mà là sự mê tín và sự sùng bái thần tượng.

Theo lời nói của một nhà văn Pháp thì *Pi-e Bay-lơ* là *"nhà siêu hình học cuối cùng đối với thế kỷ XVII và nhà triết học đầu tiên đối với thế kỷ XVIII".*

Nhưng bên cạnh việc phủ định thần học và siêu hình học thế kỷ XVII, còn cần có một hệ thống *khẳng định, chống siêu hình.* Người ta cần một cuốn sách quy thực tiễn sống đương thời thành hệ thống và đem lại căn cứ lý luận cho nó. Tác phẩm của Lốc-cơ bàn về nguồn gốc của lý tính con người [54] đã ra đời rất đúng lúc ở bên kia biển Măng-sơ. Người ta đón tiếp nó nồng nhiệt như một vị khách mà người ta đã nóng lòng chờ đợi.

Có thể hỏi: phải chăng *Lốc-cơ* là học trò của *Xpi-nô-da*? Lịch sử "trần tục" có thể trả lời rằng:

Chủ nghĩa duy vật là đứa con *hoang của nước Anh.* Nhà triết
học kinh viện Đơn Xcốt đã tự hỏi: *"không biết vật chất có thể suy nghĩ được không ?".*

Để thực hiện phép màu đó, ông phải nhờ đến tính vạn năng của thượng đế, nghĩa là ông buộc bản thân *thần học* phải tuyên truyền *chủ nghĩa duy vật*. Vả lại, ông còn là một nhà *duy danh chủ nghĩa*. Chủ nghĩa duy danh là một trong những nhân tố chủ yếu của các nhà duy vật *Anh* và nói chung là, *biểu hiện đầu tiên* của chủ nghĩa duy vật.

Người bố đẻ chính tông của *chủ nghĩa duy vật Anh* và của toàn bộ khoa học *thực nghiệm hiện đại* là *Bê-cơn*. Theo ông thì khoa học tự nhiên là khoa học chân chính và *vật lý học* dựa trên kinh nghiệm cảm tính, là bộ phận quan trọng nhất của khoa học tự nhiên. Ông thường dẫn chứng *A-na-xa-go* và vật chất nguyên thuỷ, số lượng vô hạn của nhà triết học này và *Đê-mô-crít* và những nguyên tử của ông, coi đó là những bậc quyền uy. Trong học thuyết của ông, *cảm giác* là hoàn toàn đáng tin cậy và là *nguồn gốc* của mọi hiểu biết. Khoa học là *khoa học thực nghiệm,* và là ở chỗ dùng *phương pháp lý tính* để xem xét tài liệu cảm tính. Quy

https://thuviensach.vn

nạp, phân tích, so sánh, quan sát, thực nghiệm, đấy là những điều kiện chủ yếu của phương pháp lý tính. Trong những đặc tính vốn có của *vật chất, vận động* là đặc tính thứ nhất và quan trọng nhất không phải chỉ với tính cách là vận động *máy móc* và *toán học* mà hơn nữa còn với tính cách là *xu hướng, sức sống, sự khẩn trương*, hoặc dùng danh từ của I-a-cốp Buê-mơ thì là sự đau khổ, [Qual] của vật chất. Những hình thức đầu tiên của vật chất là những *lực lượng bản chất*, sống, làm cho vật chất có cá tính, vốn có của vật chất tạo ra những sự khác nhau riêng biệt.

Ở Bê-cơn, người đầu tiên sáng tạo ra nó, chủ nghĩa duy vật còn che giấu, dưới những hình thức ngây thơ, những mầm mống của một sự phát triển mọi mặt. Vật chất mỉm cười với toàn bộ
con người, trong vẻ lộng lẫy của cái cảm tính nên thơ của nó. Trái lại bản thân cái học thuyết được trình bày dưới hình thức cách ngôn còn đầy rẫy tính không triệt để của thần học.

Trong sự phát triển tiếp theo của nó, chủ nghĩa duy vật trở thành *phiến diện*. Hốp-xơ *hệ thống hoá* chủ nghĩa duy vật của *Bê-cơn*. Cảm tính mất cái vẻ lộng lẫy của nó và trở thành cảm tính trừu tượng của *nhà hình học*. Vận động *vật lý* bị hy sinh cho vận động *máy móc* hoặc vận động *toán học; hình học* được tuyên bố là khoa học chủ yếu. Chủ nghĩa duy vật trở thành *kẻ thù ghét con người*. Muốn khắc phục tinh thần *không có thể xác, thù ghét con người* ngay trong lĩnh vực của chính nó, chủ nghĩa duy vật buộc phải tự hành hạ thể xác mình và biến thành *người khổ hạnh*. Nó biến thành *một thực thể lý trí* nhưng đồng thời cũng phát triển một cách triệt để khắc nghiệt, mọi kết luận của lý trí.

Căn cứ vào Bê-cơn, Hốp-xơ chứng minh rằng nếu cảm giác của chúng ta là nguồn gốc của mọi hiểu biết của chúng ta thì ý niệm, tư tưởng, biểu tượng v.v., phải chỉ là những ảo ảnh của thế giới thực thể đã ít nhiều bị tước hết những hình thức cảm tính của nó. Cái mà khoa học có thể làm được chỉ là đặt tên cho những ảo ảnh đó. Cùng một tên gọi có thể dùng cho nhiều ảo ảnh. Thậm chí có thể có những tên gọi của tên gọi. Nhưng nếu một mặt, khẳng định rằng mọi tư tưởng đều bắt nguồn từ thế giới cảm tính mà mặt khác lại cho rằng ý nghĩa của một từ không chỉ là một từ, rằng ngoài những thực thể được biểu tượng và vĩnh viễn đơn nhất thì còn có những thực thể phổ biến - như thế sẽ là mâu thuẫn. Một *thực thể không có hình thể* cũng là một mâu thuẫn như một *vật thể không có hình thể. Vật thể, Tồn tại, Thực thể* chỉ là những quan niệm về cùng một *thực tại* duy nhất. Không thể tách rời tư duy ra khỏi vật chất đang tư duy. Vật chất là chủ thể của mọi sự biến hoá. Từ *vô hạn* là *vô nghĩa* nếu nó không có nghĩa là tinh thần của chúng ta có khả năng cộng thêm một cách vô hạn vào một đại lượng nhất định nào đó. Vì chỉ có cái vật chất

mới có thể được cảm thấy, được nhận thức nên không thể biết *một tí gì* về sự tồn tại của thượng đế. Chỉ có sự tồn tại của bản thân tôi mới là xác thực. Mọi ham muốn của con người đều là sự vận động máy móc đang kết thúc hoặc đang bắt đầu. Đối tượng của những thèm muốn, đó là cái chúng tôi gọi là hạnh phúc. Người và giới tự nhiên đều phải phục tùng những quy luật như nhau. Quyền lực và tự do là đồng nhất với nhau.

https://thuviensach.vn

Hốp-xơ đã hệ thống hoá học thuyết của Bê-cơn nhưng không đưa ra những bằng chứng tỉ mỉ, làm chỗ dựa cho nguyên lý cơ bản của Bê-cơn cho rằng những hiểu biết và những quan niệm đều bắt nguồn từ thế giới cảm tính.

Trong quyển bàn về nguồn gốc của lý tính con người, *Lốc-cơ* đã chứng minh nguyên lý của Bê-cơn và Hốp-xơ.

Nếu Hốp-xơ đã đập tan hết những thiên kiến *hữu thần luận* trong chủ nghĩa duy vật của Bê-cơn thì Côn-lin-xơ, Đốt-oen, Cau-ớt, Hát-ly, Pri-xli, v.v., đã thủ tiêu những chướng ngại thần học cuối cùng của cảm giác luận của Lốc-cơ. Tự nhiên thần luận, ít ra là đối với nhà duy vật, chỉ là một phương pháp thuận tiện và dễ dàng để thoát khỏi tôn giáo.

Chúng tôi đã chỉ rõ tác phẩm của Lốc-cơ đã xuất hiện đúng lúc đến mức nào đối với người Pháp. Lốc-cơ đã xây dựng triết học của bon sens, tức triết học của lẽ phải thông thường, nghĩa là đã nói một cách gián tiếp rằng không thể có một thứ triết học nào tách rời cảm giác lành mạnh của con người, và tách rời lý trí dựa trên những cảm giác ấy.

Công-đi-ắc, học trò trực tiếp của Lốc-cơ và người giải thích Lốc-cơ *ở nước Pháp*, đã lập tức dùng cảm giác luận của Lốc-cơ để chống lại *siêu hình học* thế kỷ XVII. Ông chứng minh rằng người Pháp hoàn toàn có quyền vứt bỏ siêu hình học ấy, coi đó là kết quả không thành công của ảo tưởng và của những thiên kiến thần học.
Ông đã công khai bác bỏ các hệ thống của *Đê-các-tơ, Xpi-nô-da, Lép-nít-xơ và Ma-lơ-brăng-sơ.*

Trong tác phẩm "Khái luận về nguồn gốc tri thức của loài người"[55], ông đã phát triển quan điểm của Lốc-cơ và chứng minh rằng không những linh hồn mà cả cảm giác, không những nghệ thuật sáng tạo ra ý niệm mà cả nghệ thuật tri giác cảm tính đều là công việc của *kinh nghiệm và tập quán*. Vì vậy toàn bộ sự phát triển của người ta đều lệ thuộc vào *sự giáo dục* và *hoàn cảnh bên ngoài*. Chỉ có triết học *chiết trung* là đã gạt Công-đi-ắc ra khỏi các học phái Pháp.

Sự khác nhau giữa chủ nghĩa duy vật *Pháp* và chủ nghĩa duy vật *Anh* là phù hợp với sự khác nhau giữa hai dân tộc đó. Người Pháp đã đem lại tinh thần, xương thịt và sự hùng biện cho chủ nghĩa duy vật Anh. Người Pháp còn cho chủ nghĩa duy vật Anh cái khí khái và cái duyên dáng mà nó còn thiếu. Người Pháp đã làm cho nó trở thành *văn minh.*

Ở *Hen-vê-ti-uýt* là người cũng xuất phát từ học thuyết của Lốc-cơ, thì chủ nghĩa duy vật mang tính chất riêng của Pháp. Ông đem vận dụng ngay chủ nghĩa duy vật vào đời sống xã hội (Hen-vê-ti-uýt, "Bàn về con người") [56]. Ấn tượng cảm tính và dục vọng ích kỷ, sự hưởng lạc và lợi ích cá nhân được nhận thức một cách đúng đắn, là cơ sở của mọi đạo đức. Sự bình đẳng tự nhiên về trí lực của con người, sự nhất trí giữa những thành tựu của lý tính và những thành tựu của công nghiệp, tính thiện bẩm sinh của con người và tính vạn năng của giáo dục, đấy là những yếu tố chính của hệ thống của ông.

https://thuviensach.vn

Những tác phẩm của *La-mét-tơ-ri* là sự kết hợp chủ nghĩa duy vật của Đê-các-tơ với chủ nghĩa duy vật Anh. Ông đã lợi dụng vật lý học của Đê-các-tơ cho đến tận những chi tiết của nó. Tác phẩm "Con người-máy"[57] của ông là viết theo mẫu động vật - máy của Đê-các-tơ. Trong *"Hệ thống của giới tự nhiên"*[58] của Hôn-bách,
phần trình bày về vật lý học cũng là sự kết hợp chủ nghĩa duy vật Pháp với chủ nghĩa duy vật Anh, còn phần bàn về đạo đức thì về thực chất là dựa vào đạo đức học của Hen-vê-ti-uýt. *Rô-bi-nê* ("Bàn về tự nhiên"[59]), nhà duy vật Pháp gắn bó hơn ai hết với siêu hình học và do đó được Hê-ghen khen ngợi thì viện dẫn đến *Lép-nít-xơ* một cách hết sức rõ ràng.

Chúng tôi không cần bàn đến quan điểm của Vôn-nây, Đuy-puy, Đi-đơ-rô cũng như của phái trọng nông, sau khi chúng tôi một mặt đã giải thích hai nguồn gốc của chủ nghĩa duy vật Pháp bắt nguồn từ vật lý học của Đê-các-tơ và chủ nghĩa duy vật Anh và mặt khác đã xác minh sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật Pháp và *siêu hình học* thế kỷ XVII, tức siêu hình học Đê-các-tơ, Xpi-nô-da, Ma-lơ-brăng-sơ và Lép-nít-xơ. Người Đức chỉ có thể nhận thấy sự đối lập đó sau khi bản thân họ bắt đầu đấu tranh với *siêu hình học tư biện.*

Cũng như chủ nghĩa duy vật của Đê-các-tơ nhập vào *khoa học tự nhiên hiểu theo đúng nghĩa của chữ đó*, phía kia của chủ nghĩa duy vật Pháp thì trực tiếp nhập vào *chủ nghĩa xã hội* và *chủ nghĩa cộng sản.*

Không cần phải thông minh lắm mới thấy được mối liên hệ tất yếu giữa học thuyết của chủ nghĩa duy vật về tính thiện bẩm sinh và sự ngang nhau về trí lực của con người, về tính vạn năng của kinh nghiệm, của tập quán và của giáo dục, về ảnh hưởng của hoàn cảnh bên ngoài đối với con người, về ý nghĩa quan trọng của công nghiệp, về tính hợp lý của hưởng lạc, v.v., với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Nếu như người ta thu được mọi tri thức và cảm giác, v.v., của mình từ thế giới cảm tính và từ kinh nghiệm trong thế giới cảm tính thì do đó cần phải tổ chức thế giới xung quanh sao cho người ta nhận thức và lĩnh hội được ở đó cái gì thực sự hợp với tính người, sao cho người ta thấy được mình là con người. Nếu như lợi ích đúng đắn là nguyên tắc của

toàn bộ đạo đức thì do đó cần ra sức làm cho lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người. Nếu như người ta không có tự do theo ý nghĩa duy vật, nghĩa là nếu như không phải nhờ lực lượng tiêu cực lẩn tránh cái này cái nọ mà nhờ lực lượng tích cực thể hiện cá tính chân chính của mình mà con người ta có được tự do thì không nên trừng phạt những hành vi tội lỗi của cá nhân riêng lẻ mà nên tiêu diệt nguồn gốc phản xã hội đẻ ra tội lỗi, và đem lại cho mỗi người địa bàn xã hội cần thiết để biểu lộ sức sống trọng yếu của anh ta. Nếu như tính cách con người là do hoàn cảnh tạo nên thì do đó phải làm cho hoàn cảnh hợp với tính người. Nếu như con người bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó con người chỉ có thể phát triển bản tính chân chính của mình trong xã hội và cần phải phán đoán lực lượng của bản tính của anh ta, không phải căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội.

https://thuviensach.vn

Có thể tìm thấy những câu nói đó và những câu khác tương tự như nguyên văn, ngay cả ở những nhà duy vật xưa nhất ở Pháp. Đây không phải là nơi đánh giá những câu đó. *Sự biện hộ cho thói xấu* của *Man-đơ-vin-lơ*, một học trò người Anh thời kỳ đầu của Lốc-cơ, là một tiêu biểu cho xu hướng xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa duy vật. Ông chứng minh rằng thói xấu là *tất nhiên* và *có ích* trong xã hội *hiện đại*. Và đấy quyết không phải biện hộ cho xã hội hiện đại.

Phu-ri-ê trực tiếp xuất phát từ học thuyết của các nhà duy vật Pháp. *Những người theo học thuyết của Ba-bớp* là những nhà duy vật thô sơ, chưa phát triển, nhưng ngay cả chủ nghĩa cộng sản phát triển cũng *trực tiếp* bắt nguồn từ *chủ nghĩa duy vật Pháp*. Chủ nghĩa duy vật đó lại trở về tổ quốc của nó là *nước Anh*, dưới hình thức mà *Hen-vê-ti-uýt* đem lại cho nó. *Ben-tam* dựa vào đạo đức học của Hen-vê-ti-uýt để xây dựng cái hệ thống *lợi ích đúng đắn* của mình, còn *Ô-oen*, xuất phát từ hệ thống của *Ben-tam*, đã

xây dựng chủ nghĩa cộng sản Anh. *Ca-bê*, một người Pháp lưu vong sang Anh, đã chịu ảnh hưởng của những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa ở đó và khi về Pháp đã trở thành người đại biểu được nhiều người biết nhất, mặc dù hời hợt nhất của chủ nghĩa cộng sản. Cũng như Ô-oen, những người cộng sản chủ nghĩa Pháp có căn cứ khoa học hơn, như *Đê-da-mi*, *Gay*, v.v., cũng phát triển học thuyết *duy vật*, coi là *chủ nghĩa nhân đạo hiện thực* và cơ sở *lô-gích của chủ nghĩa cộng sản*.

Nhưng ngài Bau-ơ hoặc sự phê phán đã thu thập tài liệu ở đâu để viết lịch sử có tính phê phán của chủ nghĩa duy vật Pháp ?

1) "Lịch sử triết học" [60] của *Hê-ghen* trình bày chủ nghĩa duy vật Pháp thành *sự thực hiện thực* thể của Xpi-nô-da, điều này dù sao đi nữa cũng có lý hơn nhiều so với "phái Xpi-nô-da ở Pháp".

2) Ông *Bau-ơ* đã phát hiện không biết từ bao giờ rằng "Lịch sử triết học" của Hê-ghen tựa hồ coi chủ nghĩa duy vật Pháp là *học phái* Xpi-nô-da. Nếu bây giờ ông ta phát hiện trong một tác phẩm khác của Hê-ghen rằng tự nhiên thần luận và chủ nghĩa duy vật là *hai phái* có sự hiểu biết khác nhau về *cùng một* nguyên tắc cơ bản thì ông ta sẽ kết luận rằng ở Xpi-nô-da có *hai* học phái tranh cãi nhau về ý nghĩa của hệ thống của mình. Ông Bau-ơ có thể tìm được trong "Hiện tượng học" của Hê-ghen lời giải thích mà chúng ta đã nói tới. Nguyên văn như sau:

"Về vấn đề bản chất tuyệt đối thì trong nội bộ trào lưu *Khai sáng*, đã xảy ra tranh chấp ... và phân liệt thành *hai phái* : một phái ... gọi cái tuyệt đối không có bất cứ vị ngữ nào ... là *tồn tại tuyệt đối tối cao* ... một phái gọi nó là *vật chất* ... Song cả hai đều cũng là cùng một khái niệm; - sự khác nhau không phải ở bản thân sự vật mà chỉ hoàn toàn ở điểm xuất phát khác nhau của hai loại kết cấu" (Hê-ghen. "Hiện tượng học", tr.420,421,422).

3) Sau hết, ông Bau-ơ lại còn có thể qua Hê-ghen mà thấy rằng nếu trong sự phát triển về sau của nó, thực thể không chuyển hoá thành khái niệm và tự ý thức thì nó sẽ trở thành tài sản của

https://thuviensach.vn

"chủ nghĩa lãng mạn". "Hallische Jahrbücher" [61], thời bấy giờ, cũng có luận điểm tương tự.

Nhưng dù sao đi nữa, *"tinh thần"* cũng phải quy định trước cho "kẻ thù" của mình, tức *chủ nghĩa duy vật,* một *"số phận ngu độn"* nào đó.

Chú thích. Mối liên hệ giữa chủ nghĩa duy vật Pháp với Đê-các-tơ và Lốc-cơ, cũng như sự đối lập giữa triết học thế kỷ XVIII với siêu hình học thế kỷ XVII, đều được trình bày tỉ mỉ trong phần lớn các tác phẩm viết về lịch sử triết học *Pháp* hiện đại. Trái với sự phê phán có tính phê phán, chúng tôi chỉ cần nhắc qua ở đây những điều mà ai nấy đều biết. Trái lại mối liên hệ giữa chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII với *chủ nghĩa cộng sản* Anh và Pháp thế kỷ XIX còn cần phải được trình bày cặn kẽ hơn. Ở đây, chúng tôi chỉ dẫn ra một số đoạn tiêu biểu trong các tác phẩm của Hen-vê-ti-uýt, Hôn-bách và Ben-tam.

1) *Hen-vê-ti-uýt.* "Người ta không độc ác, nhưng phải phục tùng lợi ích của mình. Vì vậy không nên than phiền về tính độc ác của con người mà phải than phiền về sự ngu dốt của bọn lập pháp là bọn bao giờ cũng đem đối lập lợi ích riêng với lợi ích chung", - "Cho tới nay, những nhà đạo đức còn chưa đạt tới được thành tích nào, vì muốn nhổ tận gốc cái sinh ra tội ác thì phải tìm trong sự lập pháp. Ở Nu-ve-lơ Oóc-lê-ăng, nếu vợ chán chồng thì có quyền bỏ chồng. Ở những nơi như thế, không có những người vợ không chung tình, vì rằng họ chẳng cần lừa dối chồng". - "Đạo đức chẳng qua là môn học trống rỗng nếu người ta không kết hợp nó với chính trị và lập pháp". - "Người ta có thể nhận ra các nhà đạo đức giả ở chỗ một mặt họ có thái độ thờ ơ trước những tội ác nguy hại đến quốc gia, mặt khác họ lại hầm hầm giận dữ trước những tội lỗi trong đời sống riêng tư", - "Người ta không phải sinh ra vốn thiện hoặc ác, nhưng họ có khả năng trở thành người thiện hay người ác là tuỳ theo chỗ lợi ích chung kết hợp họ lại hay là tách rời họ ra". - "Nếu khi nào công dân không thực hiện phúc lợi chung mà do đó cũng không thể thực hiện được phúc lợi riêng thì bấy giờ chỉ có những người điên mới trở thành kẻ phạm tội" (Xem "Bàn về tinh thần", bản in ở Pa-ri năm 1822 [62], quyển I, tr.117, 240, 241, 249, 251,

339 và 369.) - Hen-vê-ti-uýt cho rằng giáo dục (giáo dục theo ông hiểu không những là giáo dục theo ý nghĩa thông thường của danh từ mà còn là tổng hợp mọi điều kiện sinh hoạt của một cá nhân (sách đã dẫn, tr. 390) đào tạo con người;

nếu một mặt cần một cuộc cải cách để xoá bỏ mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung thì mặt khác muốn thực hiện cuộc cải cách đó, người ta cần thay đổi căn bản ý thức của mình: "Chỉ có thể thực hiện được những cuộc cải cách lớn khi mà sự tôn kính ngu muội của nhân dân đối với pháp luật và phong tục cũ đã yếu đi" (sách đã dẫn, tr. 260) hoặc như ông nói ở chỗ khác, "khi đã tiêu diệt được sự dốt nát".

2) *Hôn-bách.* "Trong những đối tượng mà người ta yêu, con người chỉ yêu bản thân mình; lòng yêu mến của con người đối với đồng loại chỉ dựa trên cơ sở tình yêu đối với bản thân mình". "Người ta không thể tách khỏi bản thân mình bất cứ lúc nàu trong đời sống của mình vì người ta không thể không quan tâm đến mình".

"Bất cứ lúc nào nơi nào, cái lợi của ta, lợi ích của ta ... cũng thúc đẩy ta yêu hoặc ghét một vật nào đó" ("Hệ thống xã hội", bản in ở Pa-ri, năm 1822[63], quyển I, tr.80. 112); nhưng "vì lợi ích của chính mình mà người ta phải yêu người khác vì những người ấy cần thiết cho hạnh phúc của mình ... Đạo đức chứng minh cho con người thấy rằng trong tất cả mọi thực thể, *cái cần thiết nhất cho con người chính là con người* "(tr.76). "Đạo đức chân chính cũng như chính trị chân chính là thứ đạo

https://thuviensach.vn

đức ra sức làm cho người ta cùng nhau cố gắng làm việc vì hạnh phúc của nhau. Mọi thứ đạo đức đem tách *lợi ích của chúng ta khỏi lợi ích của những người bạn ta* đều là đạo đức giả dối, vô ý nghĩa, trái tự nhiên" (tr.116). "Yêu người khác... tức là *phối hợp lợi ích của chúng ta với lợi ích của những người bạn ta*, để làm việc cho *lợi ích chung... Đạo đức tốt đẹp* không phải gì khác hơn là *lợi ích của những người hợp thành xã hội* "(tr.77). "Người mà không có ham muốn hoặc không có nguyện vọng thì chẳng còn là người nữa ... Người đã hoàn toàn xa rời bản thân mình thì làm thế nào cho anh ta yêu mến người khác được ? Người thờ ơ với mọi sự việc xung quanh, không ham muốn, tự mãn tự túc thì không còn là sinh vật xã hội nữa... Đạo đức tốt đẹp chẳng qua chỉ là *sự truyền hạnh phúc"* (tr.118). "Đạo đức tôn giáo xưa nay chưa từng làm cho những người trần tục trở thành con người có tính xã hội hơn" (tr.36).

3) *Ben-tam*. Chúng tôi chỉ dẫn ra đoạn mà Ben-tam bác bỏ"lợi ích phổ biến theo ý nghĩa chính trị". "Lợi ích của cá nhân ... phải phục tùng lợi ích xã hội. Nhưng ... điều đó nghĩa là gì ? Mỗi cá nhân không phải là một bộ phận của xã hội như mọi người khác hay sao ? Lợi ích xã hội ấy, lợi ích mà các anh nhân cách hoá, chỉ là một sự trừu tượng : nó chẳng qua chỉ là tổng số những lợi ích cá nhân ... Nếu cho

rằng hy sinh hạnh phúc của một cá nhân để tăng thêm hạnh phúc của người khác là một việc tốt thì hy sinh lợi ích của một cá nhân thứ hai, một cá nhân thứ ba cho đến vô số cá nhân sẽ là một việc tốt hơn nữa... Lợi ích cá nhân là lợi ích hiện thực duy nhất ". (Ben-tam. "Lý luận về phạt và thưởng ", v.v., Pa-ri, năm 1826, bản in lần thứ ba[64], quyển II, tr.229, 230,.

đ- Cuộc thất bại cuối cùng của chủ nghĩa xã hội

"Về vấn đề nên *tổ chức quần chúng như thế nào*, người Pháp đã đưa ra một loạt *hệ thống*, nhưng họ không thể không chìm ngập trong *ảo tưởng* vì họ coi quần chúng đang tồn tại, là vật liệu có thể dùng được".

Trái hẳn lại, người Pháp và người Anh đã chứng minh, mà chứng minh hết sức cặn kẽ, rằng trật tự xã hội hiện đại đang tổ chức "quần chúng *đang tồn tại"*, do đó trật tự xã hội ấy là một tổ chức quần chúng. Bắt chước "Allgemeine Zeitung"[65], sự phê phán định dùng cái danh từ *đao to búa lớn* là *"ảo tưởng"* để quét sạch mọi hệ thống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Sự phê phán cũng giết chết như thế chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước ngoài. Sau đó, sự phê phán lại chuyển hoả lực vào nước Đức:

"Khi trong những hy vọng năm 1842 của mình, *những nhà khai sáng Đức* đột nhiên cảm thấy mình bị lừa gạt và lúng túng chưa biết *bây giờ xoay xở* ra sao thì *tin tức* về các hệ thống hiện đại *của nước Pháp* đã đến với họ đúng lúc. Hiện nay, họ có thể nói về sự cần thiết phải nâng những giai cấp lớn dưới trong nhân dân lên trình độ cao hơn. Đồng thời họ cũng muốn dùng cách đó để lẩn tránh vấn đề : bản thân họ có thuộc về đám quần chúng chỉ có thể tìm thấy ở lớp dưới không ".

Rõ ràng là khi biện hộ cho những tác phẩm trước kia của Bau-ơ, sự phê phán đã dùng hết cả kho dự trữ lý do tốt đẹp cho nên hiện nay nó không tìm được một sự giải thích nào khác cho phong trào xã hội chủ nghĩa ở Đức ngoài "sự lúng túng" của những nhà khai sáng năm 1842. "May thay, tin tức về các hệ thống hiện đại *của nước Pháp* đã đến với họ". Tại sao không phải là tin tức về các hệ thống *của nước Anh ?* Nguyên nhân *phê phán* có tính quyết định là ở chỗ : quyển "Chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội
của nước Pháp hiện đại" [66] của *Stai-nơ* không đem lại cho ông Bau-ơ những tin tức về các hệ thống hiện đại của nước Anh. Nguyên nhân quyết định đó cũng giải thích tại sao tất cả những

https://thuviensach.vn

lời nghị luận lung tung của sự phê phán về các hệ thống xã hội chủ nghĩa, bao giờ cũng chỉ bàn đến *những hệ thống của nước Pháp.*

Sự phê phán tiếp tục dạy chúng ta rằng các nhà khai sáng Đức đã phạm tội chống lại tinh thần thần thánh. Họ vùi đầu nghiên cứu "những giai cấp lớp dưới trong nhân dân" đã tồn tại năm 1842, để lẩn tránh vấn đề lúc đó còn chưa tồn tại tức vấn đề : trong *trật tự thế giới có tính phê phán* phải xây dựng vào năm 1843, họ đáng được đứng vào hàng nào: hàng con cừu hay là hàng dê rừng ? hàng nhà phê phán có tính phê phán hay là hàng quần chúng ô uế ? hàng tinh thần hay là hàng vật chất ? Nhưng họ trước hết nên suy nghĩ nghiêm túc về *sự cứu vớt linh hồn* có tính phê phán của bản thân họ, vì nếu tôi làm tổn thương linh hồn tôi thì toàn bộ thế giới gồm cả các giai cấp lớp dưới trong nhân dân sẽ giúp đỡ được gì cho tôi ?

"Nhưng thực thể tinh thần mà không thay đổi thì nó không thể tự nâng lên trình độ cao hơn; chừng nào nó chưa vấp phải sự chống cự kiên quyết nhất thì chừng đó nó chưa thể thay đổi được".

Nếu sự phê phán hiểu rõ hơn phong trào của các giai cấp lớp dưới trong nhân dân thì nó sẽ biết rằng sự chống cự kiên quyết nhất mà các giai cấp lớp dưới gặp phải trong đời sống thực tế, làm cho họ thay đổi từng ngày. Văn thơ mới của giai cấp lớp dưới trong nhân dân ở hai nước Anh, Pháp sẽ chứng minh cho sự phê phán thấy rằng dù không có *sự phù hộ* trực tiếp của *tinh thần thần thánh của sự phê phán có tính phê phán*, giai cấp lớp dưới trong nhân dân cũng có thể tự nâng lên trình độ phát triển cao hơn về tinh thần.

Sự phê phán tuyệt đối tiếp tục mơ màng nói rằng :

"Bọn người ấy, *toàn bộ* tài sản của họ là câu nói *"tổ chức quần chúng* ""v.v..

Người ta đã nói nhiều về vấn đề "tổ chức lao động ", tuy rằng không phải bản thân những người xã hội chủ nghĩa mà là phái cấp tiến chính trị ở Pháp ra sức làm môi giới giữa chính trị với chủ nghĩa xã hội đã đưa ra "khẩu hiệu " này. Nhiệm vụ đang cần phải giải quyết là " tổ chức quần chúng" thì lại chưa có ai nói đến trước sự phê phán có tính phê phán. Trái lại, thực tế đã chỉ ra rằng bản thân *xã hội tư sản*, sự tan rã của xã hội *phong kiến* cũ chính *là* sự tổ chức quần chúng ấy.

Sự phê phán đặt phát hiện của mình vào trong dấu nháy [Gänsefüsse[35]1*]. Con ngỗng kêu quang quác báo cho ông Bau-ơ đi cứu Ca-pi-tôn chẳng phải gì khác hơn là *con ngỗng*[36]*2** của *chính* ông ta, tức *sự phê phán có tính phê phán*, Sự phê phán tổ chức lại quần chúng bằng cách xây dựng quần chúng thành kẻ thù tuyệt đối của tinh thần. Sự đối lập giữa tinh thần và quần chúng là "tổ chức xã hội" có tính phê phán, trong đó tinh thần hoặc sự phê phán là *công tác* tổ chức, quần chúng là *nguyên liệu*, còn lịch sử là *sản phẩm.*

Thử hỏi sau tất cả những chiến thắng huy hoàng mà sự phê phán tuyệt đối giành được như vậy trong cuộc chinh phạt thứ ba của nó đối với cách mạng, chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa xã hội thì *kết quả cuối cùng* của những chiến công kiểu Héc-quyn đó rút cục là gì ? Kết quả chỉ là tất cả những phong trào đó *đã thất bại* chẳng mang lại hiệu quả gì, vì những phong trào đó vẫn còn là *sự phê phán bị quần chúng xúc phạm* hoặc *tinh thần bị vật chất xúc phạm.*

https://thuviensach.vn

Ngay trong những tác phẩm trước kia của chính ông Bau-ơ, sự phê phán cũng đã phát hiện ra sự xúc phạm về nhiều mặt của quần chúng đối với sự phê phán. Tuy nhiên, *ở đây* thay cho sự phê phán là sự biện hộ; sự phê phán không từ bỏ quá khứ mà làm cho quá khứ được *"củng cố thêm"*; nó không coi sự *thâm nhập của thể xác vào tinh thần* là sự diệt vong của tinh thần, trái lại coi sự *tinh thần hoá của thể*

xác thậm chí là sự sống của *thể xác của Bau-ơ.* Song chỉ cần sự phê phán chưa hoàn thành và còn bị quần chúng xúc phạm không còn là *vật sáng tạo* của ông Bau-ơ nữa mà trở thành vật sáng tạo của từng dân tộc trọn vẹn và của đông đảo người Anh và người Pháp thế tục, chỉ cần sự phê phán chưa hoàn thành không còn được gọi là "Vấn đề Do Thái", là "Sự nghiệp chính nghĩa của tự do", là "Nhà nước, tôn giáo và chính đảng" nữa mà được gọi là cách mạng, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thì nó sẽ ngày càng thẳng tay, ngày càng kiên quyết ngả về *chủ nghĩa khủng bố.* Như vậy là sự phê phán đã dùng biện pháp thương tiếc thể xác mình và đưa thể xác người khác lên cây thập tự để tiêu diệt sự xúc phạm của vật chất đối với tinh thần và sự xúc phạm của quần chúng đối với sự phê phán.

Dù dùng thủ đoạn nào đi nữa, cái "tinh thần bị thể xác xúc phạm" và "sự phê phán bị quần chúng xúc phạm" cũng vẫn bị quét sạch khỏi con đường của sự phê phán tuyệt đối. *Sự tách rời* có tính phê phán tuyệt đối giữa tinh thần với thể xác, giữa sự phê phán và quần chúng, sự đối lập thuần tuý của chúng đã thay thế cho cái hỗn hợp không thể phê phán ấy. Sự đối lập ấy - dưới hình thức *lịch sử toàn thế giới* trong đó sự đối lập ấy hình thành nên lợi ích lịch sử chân chính đương thời - chính là sự đối lập giữa ông Bau-ơ và đồng bọn, hoặc giữa tinh thần với toàn thể bộ phận còn lại của loài người coi như vật chất.

Cách mạng, chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản đã hoàn thành *như vậy* sứ mệnh lịch sử của mình. Bằng sự *diệt vong* của bản thân, chúng mở đường cho *Chúa* phê phán. Ô-xa-na !

e) - Tuần hoàn tư biện của sự phê phán tuyệt đối và triết học tự ý thức

Sự phê phán đã đạt được *sự hoàn thiện* và sự trong sáng tưởng tượng trong *một* lĩnh vực, *do đó* khi nó không biểu hiện được "sự hoàn thiện " và "sự trong sáng" như thế trong *mọi* lĩnh vực *khác* thì nó chỉ là *điều thất sách*, "chỉ" là một "sự không triệt để". "Một"

lĩnh vực phê phán ấy không phải là cái gì khác mà là lĩnh vực *thần học*. Lãnh thổ *thuần khiết* của lĩnh vực đó kéo dài từ "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau" của B.Bau-ơ cho đến "Đạo Cơ Đốc bị vạch trần", pháo đài biên phòng cuối cùng của Bru-nô Bau-ơ. Trên "Allgemeine Literatur - Zeitung" chúng ta đọc thấy:

"Sự phê phán hiện đại dã đoạn tuyệt hẳn với chủ nghĩa Xpi-nô-da. Cho nên, về phương diện của nó mà xét, nếu trong một lĩnh vực mà giả định một cách không phê phán là có *thực thể*, dù chỉ là trong những điểm được giải thích một cách không đúng, cá biệt, thì cũng là một sự không triệt để".

Nếu việc trước kia sự phê phán thừa nhận những thành kiến *chính trị* đã bị lu mờ ngay lập tức do chỗ vạch rõ sự thừa nhận đó *"về thực chất là hết sức yếu ớt"* thì hiện nay sự thừa nhận

https://thuviensach.vn

tính không triệt để cũng bị lu mờ đi vì có kèm theo lời thanh minh là *tính không triệt* để đó chỉ nói *về những luận điểm được giải thích không đúng*, cá biệt mà thôi. Do đó, lỗi không phải là tại ông Bau-ơ, mà tại *những luận điểm không đúng*, chúng giống như con ngựa bất kham *kéo tuột* cả sự phê phán *theo*.

Vài ba đoạn trích dẫn dưới đây sẽ nói lên rằng sau khi đoạn tuyệt với *chủ nghĩa xpi-nô-da*, sự phê phán lại đứng trên quan điểm *chủ nghĩa duy tâm của Hê-ghen*, rằng từ *"thực thể"*, nó chuyển sang *con quái vật siêu hình* khác - sang *"chủ thể"*, sang *"thực thể coi như quá trình"*, sang *"tự ý thức vô hạn"*, rằng kết quả cuối cùng của sự phê phán "hoàn thiện" và "thuần khiết" là *sự khôi phục lại thuyết sáng thế của đạo Cơ Đốc dưới hình thức tư biện của Hê-ghen*.

Trước hết, chúng ta hãy giở xem "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau":

"Stơ-rau-xơ vẫn trung thành với quan điểm coi *thực thể* là cái tuyệt đối. Truyền thống tôn giáo dưới hình thức tính phổ biến ấy, tức là dưới hình thức tính phổ biến chưa đạt đến tính quy định hiện thực và lý tính - một tính quy định chỉ có thể đạt được trong tự *ý thức, trong tính đơn nhất* và *tính vô hạn* của tự ý thức - chẳng
phải là cái gì khác mà *thực thể* đã thoát khỏi tính giản đơn lô-gích của mình và mang hình thức tồn tại xác định dưới dạng *lực lượng của công xã"* ("Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau". Lời nói đầu, quyển I, tr.VI-VII).

Hiện giờ, chúng ta không quan tâm đến "tính phổ biến đạt đến tính quy định", " tính đơn nhất và tính vô hạn", *(Khái niệm* của Hê-ghen). - Đáng lẽ phải nói rằng biểu hiện trừu tượng của quan điểm xuyên suốt lý luận của *Stơ-rau-xơ* về "lực lượng công xã" và "truyền thuyết", *văn tự hình tượng* lô-gích siêu hình của quan điểm đó là quan niệm của Xpi-nô-da về *thực thể*, thì ông Bau-ơ lại buộc *"thực thể thoát khỏi tính giản đơn lô-gích* của mình và mang hình thức tồn tại xác định dưới dạng lực lượng của công xã". Ông ta dùng bộ máy ảo thuật *của Hê-ghen* để buộc "*những phạm trù siêu hình học"*, tức những khái niệm trừu tượng rút ra từ *hiện thực*, phải thoát khỏi *lô-gích*, ở đấy chúng hoà tan vào nhân tố *"giản đơn"* của tư tưởng và mang "hình thức xác định" của tồn tại tự nhiên hoặc tồn tại của con người, nghĩa là buộc chúng phải thể hiện ra. *Hin-rích*, hãy giúp một tay!

Sự phê phán tiếp tục bác bỏ Stơ-rau-xơ:

"Quan điểm đó sở dĩ thần bí là vì mỗi khi nó muốn giải thích và miêu tả rõ ràng nguồn gốc của lịch sử phúc âm thì nó chỉ có thể đưa ra *giả tưởng* của một quá trình nào đó. Quan điểm cho rằng "nguồn gốc và khởi nguyên của lịch sử phúc âm là truyền thuyết" đã khẳng định *một lần nữa* cùng một cái - "truyền thuyết" và "lịch sử phúc âm"; đúng là ở đây cũng đã nêu rõ quan hệ giữa chúng với nhau, nhưng điều đó không nói rõ với chúng ta rằng sự phát triển và sự giải thích lịch sử phúc âm bắt nguồn từ *quá trình bên trong nào của thực thể"*.

Theo *Hê-ghen* thì nên hiểu *thực thể là quá trình bên trong*. Xuất phát từ quan điểm thực thể, ông giải thích sự phát triển như sau:

"Nếu quan sát kỹ, sẽ thấy rằng *sự phát triển* đó xảy ra không phải vì cùng một cái có những hình thức khác nhau, - không, sự phát triển đó chẳng qua chỉ là *sự lặp lại* không có hình thức rõ rệt *cùng một cái*, cái này chỉ... bao hàm trong nó có cái *giả tượng* buồn tẻ của sự khác nhau" *("Hiện tượng học"*, lời tựa, tr.12).

https://thuviensach.vn

Hin-rích, hãy giúp một tay !

Ông Bau-ơ nói tiếp:

"Do đó, sự phê phán phải quay về chống lại bản thân mình và tìm lời giải đáp cho *tính thực thể thần bí*... ở nơi mà *sự phát triển của bản thân thực thể* đẩy chúng ta tới, mà sự phát triển đó dẫn tới tính phổ biến và tính quy định của ý niệm và tới sự tồn tại hiện thực của ý niệm, tới tự *ý thức vô hạn"*.

Sự phê phán của *Hê-ghen* đối với quan điểm về tính thực thể nói tiếp:

"Tính đóng kín của thực thể thì cần phải tiêu diệt và thực thể thì cần phải nâng lên thành *tự ý thức*" ("Hiện tượng học", tr. 7).

Cũng vậy, *tự ý thức* của Bau-ơ cũng là *thực thể được nâng lên* thành tự ý thức hoặc là *tự ý thức* coi là *thực thể;* như vậy, tự ý thức từ chỗ là *thuộc tính của người* biến thành *chủ thể độc lập*. Đấy là một bức biếm hoạ *thần học - siêu hình* chế nhạo con người *tách* rời tự nhiên. Vì vậy, *bản chất* của tự ý thức đó không phải là *con người*, mà là *ý niệm*, mà *tồn tại hiện thực* của ý niệm cũng là tự ý thức. Tự ý thức là ý niệm *đã hoá thành người* cho nên nó là *vô hạn*. Mọi thuộc tính *của người* biến *một cách thần bí* như vậy thành thuộc tính của *"tự ý thức vô hạn"* tưởng tượng. Chính vì vậy mà ông Bau-ơ mới nói *hết sức rõ ràng* về cái "tự ý thức vô hạn" đó, cho rằng *nguồn gốc* của *mọi sự vật* và *sự giải thích* mọi sự vật là ở tự ý thức vô hạn tức là *căn cứ* cho sự *tồn tại* của nó là tự ý thức vô hạn. *Hin-rích*, hãy giúp một tay!

Ông Bau-ơ nói tiếp:

"Lực lượng của *quan hệ thực thể* là ở nguyện vọng của nó muốn đưa chúng ta đến khái niệm, ý niệm và tự ý thức".

Hê-ghen nói:

"Như vậy, *khái niệm* là *chân lý* của thực thể". "Sự di chuyển khỏi *quan hệ thực thể* là do tính tất nhiên nội tại vốn có ở bản thân nó gây ra và chỉ nói lên rằng khái niệm là chân lý của thực thể". "*Ý niệm* là khái niệm tương đồng". "Khái niệm... đạt tới sự tồn tại tự do... không phải là cái gì khác mà là *cái tôi* hoặc *tự ý thức*

thuần tuý" (*"Lô-gích học"*, Hê-ghen, toàn tập, in lần thứ hai[67], quyển V, tr. 69. 229. 13).

Hin-rích, hãy giúp một tay!

Điều nực cười là ông Bau-ơ còn viết trên ""Literatur-Zeitung" của mình rằng:

"*Stơ-rau-xơ* chưa thể *hoàn thành việc phê phán hệ thống Hê-ghen*, mặc dù với sự phê phán không triệt để của ông, ông cũng đã chứng minh sự cần thiết hoàn thành sự phê phán ấy", v.v..

Trong "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau", bản thân ông Bau-ơ không hề có ý định tiến hành *sự phê phán hoàn thiện* đối với hệ thống Hê-ghen, mà nhiều lắm chỉ có ý định *hoàn thành hệ thống của Hê-ghen*, - ít ra là về mặt ứng dụng hệ thống Hê-ghen vào thần học.

Ông ta gọi sự phê phán của mình (Lời nói đầu của "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau", tr . 21) là "công trạng cuối cùng của hệ thống xác định" mà hệ thống này chính cũng là hệ thống *của Hê-ghen.*

https://thuviensach.vn

Cuộc tranh luận giữa *Stơ-rau-xơ* và *Bau-ơ* về *thực thể* và *tự ý thức* chỉ là cuộc tranh luận *trong khuôn khổ* tư biện *của Hê-ghen.* Trong hệ thống của Hê-ghen có 3 yếu tố là *thực thể của Xpi-nô-da, tự ý thức của Phi-stơ* và *sự thống nhất* mâu thuẫn tất nhiên của hai nhân tố trên *ở Hê-ghen - tức tinh thần tuyệt đối*. Yếu tố thứ nhất là tự nhiên đã cải trang một cách siêu hình và *thoát ly* con người; yếu tố thứ hai là *tinh thần* đã cải trang một cách siêu hình và *thoát ly* tự nhiên; yếu tố thứ ba là *sự thống nhất* của hai yếu tố trên đã cải trang một cách siêu hình, tức *con người hiện thực* và *loài người* hiện thực.

Cả Stơ-rau-xơ lẫn Bau-ơ đều ứng dụng một cách hoàn toàn triệt để hệ thống Hê-ghen vào thần học, Stơ-rau-xơ lấy *học thuyết của Xpi-nô-da làm điểm xuất phát*, Bau-ơ lấy *học thuyết Phi-stơ làm điểm xuất phát.* Cả hai đều phê phán *Hê-ghen* vì ở Hê-ghen yếu

tố nọ xâm nhập vào yếu tố kia thành thứ *bị bóp méo đi*, còn họ thì làm cho mỗi yếu tố đó phát triển *phiến diện* do đó triệt để. Vì vậy, trong sự phê phán của mình, cả hai đều vượt ra *ngoài khuôn khổ* triết học Hê-ghen nhưng đồng thời lại tiếp tục dừng lại *trong khuôn khổ* tư biện của Hê-ghen, và mỗi người trong họ chỉ đại biểu cho *một mặt* của hệ thống Hê-ghen. Chỉ có Phoi-ơ-bắc mới đi từ *quan điểm của Hê-ghen* để hoàn thành và phê phán *Hê-ghen*. Quy tinh thần *tuyệt đối* siêu hình thành *"con người hiện thực trên cơ sở của tự nhiên"*, Phoi-ơ-bắc đã hoàn thành *việc phê phán tôn giáo,* đồng thời đã vạch ra một cách tài tình *những nét cơ bản của việc phê phán tư biện của Hê-ghen* và do đó *mọi thuyết siêu hình nói chung.*

Ở Bau-ơ thì đọc nguyên văn sách phúc âm cho tác giả sách phúc âm ghi chép nữa không phải là *tinh thần thiêng liêng* mà là *tự ý thức vô hạn:*

"Chúng ta không cần giấu giếm rằng sự hiểu biết đúng đắn về lịch sử phúc âm cũng có cơ sở *triết học* của nó, và *cơ sở triết học* đó *chính là triết học tự ý thức"* (Bru-nô Bau-ơ, Lời nói đầu của "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau". tr. XV).

Muốn nói rõ đặc điểm của *triết học tự ý thức* ấy của Bau-ơ cũng như của *những kết quả* mà ông ta đạt được trong khi phê phán thần học, thì phải trích dẫn mấy đoạn trong tác phẩm *cuối cùng* của ông ta về triết học tôn giáo, tức là cuốn *"Đạo Cơ Đốc bị vạch trần"*.

Khi bàn về *những nhà duy vật Pháp,* sách đó viết:

"Khi chân lý của chủ nghĩa duy vật, *triết học tự ý thức*, đã được phát hiện và *tự ý thức* được coi là *Tất cả*, là sự giải đáp cái câu đố về *thực thể của Xpi-nô-da* và là *causa sui* [37]1* chân chính... thì hà tất phải cần đến tinh thần ? Hà tất phải cần đến *Tự ý thức?* Làm như thể là tự ý thức khi thừa nhận *thế giới*, đã không thừa nhận *sự*

khác nhau và đã không sáng tạo ra *bản thân nó* trong cái mà nó sáng tạo ra vì nó thủ tiêu *sự khác nhau của vật nó sáng tạo ra với bản thân nó* và vì do đó nó chỉ là bản thân nó trong sự sáng tạo và trong sự vận động, - làm như thể là tự ý thức ấy, trong sự vận động này - sự vận động này chính là bản thân nó không có mục đích của nó và không tự nắm được mình !" ("Đạo Cơ Đốc bị vạch trần", tr.113).

"Đúng là các nhà duy vật Pháp đã coi sự vận động của tự ý thức là sự vận động của bản chất phổ biến tức vật chất; nhưng họ còn chưa thể thấy rằng *chỉ với tư cách là sự vận động của tự ý thức, sự vận động của vũ trụ* mới *thực sự* trở thành sự vận động vì nó, do đó đạt tới sự thống nhất với bản thân nó, như là sự vận động của ý thức" (sách đã dẫn, tr. 114-115).

https://thuviensach.vn

Hin-rích, hãy giúp một tay!

Theo cách nói thông thường, đoạn *thứ nhất* có nghĩa là: chân lý của *chủ nghĩa duy vật là mặt đối lập* của chủ nghĩa duy vật, tức *chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối*, nghĩa là tối cao vô thượng, không có gì kìm hãm nổi. Tự ý thức, *tinh thần là Tất cả*. Ngoài nó ra, *chẳng có cái gì hết.* "Tự ý thức", *"tinh thần"* là đấng sáng tạo vạn năng ra thế giới, trời và đất. *Thế giới* là biểu hiện sự sống của tự ý thức buộc phải tự *tha hoá* và mang *hình thức nô lệ;* nhưng sự khác nhau giữa thế giới và tự ý thức chỉ là *sự khác nhau bề ngoài.* Tự ý thức không phân biệt nó với *sự vật hiện thực nào cả.* Thế giới chẳng qua chỉ là *sự khác nhau siêu hình* mà tự ý thức tạo ra, là ảo ảnh của đầu óc ê-te của nó và là kết quả của sự *tưởng tượng* của nó. Vì vậy tự ý thức lại xoá bỏ cái bề ngoài của sự tồn tại của một sự vật nào đó bên ngoài nó mà trong nhất thời nó đã đồng ý để cho tồn tại, và nó không thừa nhận "vật sáng tạo" của bản thân nó là vật thực tại, nghĩa là vật thực tế khác với tự ý thức. Thông qua sự vận động đó, *tự ý thức* lần đầu tiên cũng sản sinh ra mình như là cái tuyệt đối, vì rằng nhà duy tâm *tuyệt đối* muốn thành nhà duy tâm tuyệt đối thì phải thường xuyên hoàn thành *quá trình nguỵ biện đó:* anh ta bắt đầu từ chỗ biến thế giới *bên ngoài anh ta thành ảo giác*, thành một ý thích thất thường của đầu óc *mình*, rồi tuyên bố rằng *ảo ảnh* đó là ảo ảnh thực sự, là ảo tưởng thuần tuý. Và tất cả những cái ấy được tiến hành là để
cuối cùng tuyên bố rằng nó là sự tồn tại duy nhất, tối cao vô thượng, hiện không bị ngay cả bề ngoài của thế giới bên ngoài hạn chế.

Theo cách nói thông thường, đoạn *thứ hai* có nghĩa là: đúng là các nhà duy vật Pháp coi vận động của vật chất là vận động đã tinh thần hoá, nhưng họ còn chưa thể thấy được rằng đây không phải là vận động *vật chất* mà là vận động *quan niệm*, là vận động của tự ý thức, tức vận động của tư tưởng thuần tuý. Họ còn chưa thể thấy được rằng vận động hiện thực của vũ trụ chỉ trở thành thực sự và hiện thực khi nó là vận động *quan niệm* của tự ý thức, độc lập với *vật chất* và thoát ly *vật chất*, tức độc lập với *hiện thực* và thoát ly *hiện thực*, nói cách khác, vận động *vật chất*, - khác với vận động quan niệm và vận động tư tưởng -, chỉ tồn tại với tính cách là *cái bề ngoài*. *Hin-rích*, hãy giúp một tay!

Có thể tìm thấy *thuyết sáng thế* tư biện đó hầu như đúng nguyên văn trong tác phẩm của *Hê-ghen*. Trong tác phẩm *đầu tiên* của ông là "Hiện tượng học", chúng ta đã có thể thấy thứ lý luận đó:

"Sự tha hoá của tự ý thức là cái sinh ra *tính vật thể*... Trong sự tha hoá ấy, tự ý thức giả định mình là *vật thể* hoặc giả định vật thể là *chính mình*. Mặt khác, quá trình đó đồng thời còn bao gồm một nhân tố khác, tức là tự ý thức đồng thời lại tước bỏ *sự tha hoá* và *tính vật thể* đó của mình và thu hút chúng trở về với bản thân... Đấy là *vận động của ý thức"* (Hê-ghen, "Hiện tượng học", tr.574 - 575).

"Tự ý thức có *nội dung* khác với *bản thân nó*... Trong *sự khác nhau* của bản thân nó, nội dung này là *cái tôi*, vì nó là *sự vận động* của sự tự gạt bỏ... Định nghĩa chính xác hơn thì nội dung này chẳng qua chỉ là *bản thân quá trình của sự vận động vừa nói trên*. Vì nó là tinh thần tự mình hoàn thành và lấy tư cách *tinh thần* mà hoàn thành *vì mình*, quá trình nội tại của bản thân" (sách đã dẫn, tr. 582 - 583).

https://thuviensach.vn

Về thuyết sáng thế đó của Hê-ghen, *Phoi-ơ-bắc* nhận xét:

"Vật chất là sự tự tha hoá của tinh thần. Cho nên bản thân vật chất có được tinh thần và lý tính, nhưng đồng thời nó lại bị coi là bản chất *không thực tại, không chân thực,* vì chỉ có bản chất sống lại từ sự tha hoá đó, tức bản chất đã thoát khỏi vật chất, khỏi cảm tính, mới được hiểu là bản chất hoàn thiện, đạt tới hình thức chân chính của nó. Do đó, ở đây thế giới tự nhiên, vật chất và cảm tính đã bị phủ định giống như *tự nhiên do tội tổ tông làm bại hoại* đã *bị phủ định* trong thần học vậy" ("Triết học tương lai", tr. 35).

Như vậy, ông Bau-ơ biện hộ cho chủ nghĩa duy vật chống lại *thần học không phê phán,* đồng thời chỉ trích nó về chỗ "còn chưa thành ra" *thần học phê phán, thần học của lý trí, tư biện của Hê-ghen. Hin-rích! Hin-rích!*

Vì ông Bau-ơ đã quán triệt sự đối lập giữa *bản thân và thực thể,* quán triệt *triết học tự ý thức* hoặc triết học tinh thần *của mình* vào trong mọi lĩnh vực cho nên trong mọi lĩnh vực ông phải có quan hệ chỉ với *ảo ảnh của sự tưởng tượng* của bản thân mình. Trong tay ông ta, sự phê phán là thứ vũ khí dùng để biến tất cả những cái còn tự coi là tồn tại vật chất có hạn *ở bên ngoài tự ý thức vô hạn* thành *bề ngoài* đơn thuần và *tư tưởng thuần tuý.* Cái mà ông ta bác bỏ trong thực thể không phải là *ảo giác siêu hình* mà là hạt nhân *trần tục* của nó, tức *giới tự nhiên*; ông ta công kích giới tự nhiên tồn tại *bên ngoài* con người, và công kích bản tính tự nhiên của bản thân con người. Trong lĩnh vực nào, cũng không giả định có *thực thể* - ông ta vẫn cứ dùng cách nói như vậy -, điều đó có nghĩa là không thừa nhận sự *tồn tại* nào khác với tư duy, *năng lượng tự nhiên* nào khác với *tính tự phát của tinh thần, lực lượng bản chất có tính người* nào khác với *lý trí, sự đau khổ* nào khác với *hoạt động, ảnh hưởng nào của người khác đối với chúng ta* khác với *hành động của bản thân, cảm giác* và *ham muốn* nào khác với *trí thức, trái tim* nào khác với *đầu óc, khách thể* nào khác với *chủ thể, thực tiễn* nào khác với *lý luận, người* nào khác với *nhà phê phán, tính chung hiện thực* nào khác với *tính phổ biến trừu tượng,* cái *anh* nào khác cái *tôi*. Cho nên nếu ông Bau-ơ đi đến chỗ đem nhập cục *bản thân ông* với *tự ý thức vô hạn, với tinh thần,* tức thay thế vật được sáng tạo ra bằng chính người sáng tạo ra vật ấy thì điều đó cũng hoàn toàn hợp lô-gích. Cũng vậy, nếu ông ta gạt bỏ toàn bộ *thế giới còn lại* -

thế giới này ngoan cố cho rằng mình là một cái gì *khác* với vật do *chính* ông Bau-ơ sáng tạo ra - coi là *quần chúng cố chấp* và *vật chất,* thì điều đó cũng là hợp với lô-gích. Và ông ta hy vọng:

"Không bao lâu nữa,

Giới vật thể sẽ vĩnh viễn đạt đến bước

đường cùng"[68]

Ông ta biến một cách cũng lô-gích như thế sự bất mãn của bản thân ông ta, - sự bất mãn về chỗ cho tới nay ông ta vẫn chưa thể chinh phục được "cái thế giới ngu xuẩn", - thành sự *bất mãn của thế giới đối với bản thân nó* và biến sự phẫn nộ của sự phê phán có tính phê phán

https://thuviensach.vn

đối với sự phát triển của loài người thành sự phẫn nộ *có tính quần chúng* của loài người đối với sự phê phán *của ông ta*, đối với tinh thần, đối với ông Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn.

Ông Bau-ơ ngay từ đầu đã là một *nhà thần học*, nhưng không phải là một nhà thần học thông thường mà là *một nhà thần học có tính phê phán* hoặc *nhà phê phán có tính thần học*. Khi ông ta còn là đại biểu cực đoan nhất *của phái Hê-ghen cũ* chính thống dùng tư biện tô điểm cho *mọi thuyết hoang đường của tôn giáo* và *thần học* thì ông ta đã luôn luôn tuyên bố rằng *sự phê phán* là *tài sản riêng* của ông ta. Bấy giờ ông ta đã coi sự phê phán của *Sơ-rau-xơ* là sự phê phán *của con người*, và trái với sự phê phán đó ông ta bảo vệ *một cách rất rõ ràng* quyền phê phán *có tính thần thánh*. Sau này, ông ta bóc toạc cái vỏ tôn giáo của *tính tự phụ* cực đoan hoặc *của tự ý thức* cấu thành hạt nhân của tính thần thánh đó, gán cho nó một tồn tại độc lập, sau khi đã biến nó thành vật tồn tại độc lập và dùng chiêu bài *"Tự ý thức vô hạn"* nâng nó lên thành nguyên tắc phê phán. Tiếp đó, trong sự vận động của *bản thân* mình, ông ta lại hoàn thành sự vận động được "triết học tự ý thức" mô tả là hành động sinh mệnh tuyệt đối. Ông ta lại xoá bỏ "sự khác nhau" giữa *tự ý thức vô hạn*, coi như "sản phẩm của sự sáng tạo", với chủ thể sáng tạo tức *bản thân ông ta*,
và ông ta nhận thức được rằng: trong sự vận động của mình, tự ý thức vô hạn *"chỉ là bản thân"* ông, Bau-ơ, cho nên vận động của vũ trụ chỉ trở thành *chân chính* và *hiện thực* trong sự tự vận động của quan niệm của bản thân ông ta.

Sau khi *trở về với bản thân*, sự phê phán *tính thần thánh* đã sống lại bằng phương thức phê phán hợp lý, tự giác; *tồn tại tự nó* đã biến thành *tồn tại tự nó và vì nó* và chỉ *mãi cuối cùng* mới thành ra nguồn gốc đầy đủ, đã được thực hiện và được vạch ra. Sự phê phán *có tính thần thánh khác với* sự phê phán *của con người ở* chỗ nó xuất hiện trước thế giới với tư cách là *sự phê phán, sự phê phán thuần tuý, sự phê phán có tính phê phán*. Sự biện hộ cho tác phẩm cũ và mới của ông Bau-ơ đã thay thế sự biện hộ cho Tân và Cựu ước. Sự đối lập *thần học* giữa thần thánh và con người, tinh thần và xác thịt, tính vô hạn và tính hữu hạn đã biến thành sự đối lập *thần học có tính phê phán* giữa tinh thần, sự phê phán hoặc ông *Bau-ơ* với *vật chất, quần chúng* hoặc thế giới trần tục. Sự đối lập thần học giữa tín ngưỡng và lý tính đã biến thành sự đối lập thần học có tính phê phán giữa *lý trí lành mạnh của con người* với tư duy phê phán thuần tuý. "Zeitschrift für spekulative Theologie"[69] biến thành "Literatur-Zeitung" có tính phê phán. Sau hết, *chúa cứu thế tôn giáo* rút cục đã hiện hình thành *chúa cứu thế phê phán* là ông *Bau-ơ*.

Giai đoạn cuối cùng của ông Bau-ơ không phải là điều không bình thường trong sự phát triển của ông : đó là việc ông ta từ *sự tha hoá* của ông ta *trở về* với bản thân ông ta. Không nói cũng rõ rằng cái lúc mà sự phê phán có *tính thần thánh* tự tha hoá và vượt ra ngoài phạm vi của mình là trùng với cái lúc mà nó tách rời bản thân nó một phần và sáng tạo ra một cái gì đó có *tính người*.

Quay về điểm xuất phát của mình, *sự phê phán tuyệt đối* đã

https://thuviensach.vn

kết thúc cuộc *tuần hoàn tư biện*, do đó kết thúc toàn bộ *quá trình sinh sống* của mình. Sự vận động sau này của nó là *cuộc xoay vần thuần tuý trong nội bộ của nó* và vượt lên trên mọi lợi ích *của quần chúng* cho nên quần chúng không mảy may quan tâm đến.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG VII

NHỮNG BỨC THƯ CỦA SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN

1) QUẦN CHÚNG CÓ TÍNH PHÊ PHÁN

Có nơi đầm ấm hơn
Chính gia đình mình ?[70]

Thể hiện ở ông *Bau-ơ,* sự phê phán có tính phê phán trong tồn tại hiện có *tuyệt đối* của mình, đã tuyên bố rằng nhân loại *có tính quần chúng*, - tức toàn thể cái nhân loại không phải là sự phê phán có tính phê phán, - là mặt *đối lập* của mình, *đối tượng bản chất* của mình: *bản chất* vì quần chúng tồn tại ad majorem gloriam dei [38]1*, vì vinh quang của sự phê phán và của tinh thần; *đối tượng* vì quần chúng chẳng qua chỉ là *vật liệu* của sự phê phán có tính phê phán. Sự phê phán có tính phê phán đã tuyên bố rằng quan hệ của nó với quần chúng là *quan hệ có tính lịch sử toàn thế giới* của thời hiện đại.

Nhưng nếu chỉ tuyên bố sự đối lập của mình với toàn thế giới thì chưa thể biến mặt đối lập ấy thành *mặt đối lập có tính lịch sử toàn thế giới.* Người ta có thể tự cho mình là chướng ngại phổ biến vì do vụng về mà người ta thường va vấp vào người khác khắp mọi nơi. Muốn thành mặt đối lập có *tính lịch sử toàn thế giới* mà chỉ có tôi tuyên bố rằng thế giới là mặt đối lập *của tôi*
thì vẫn chưa đủ, mà mặt khác còn cần là *thế giới* tuyên bố rằng, tôi là mặt đối lập bản chất của nó, coi tôi và *thừa nhận* tôi như vậy. Sự thừa nhận đó, sự phê phán có tính phê phán đạt được nhờ những bức thư dùng để *chứng minh*, trước toàn thế giới, công việc cứu thế có tính phê phán cũng như *sự phẫn nộ* phổ biến của thế giới do phúc âm có tính phê phán gây ra. Với tính cách *đối tượng của toàn thế giới,* bản thân sự phê phán có tính phê phán cũng là đối tượng của bản thân nó. Những bức thư có nhiệm vụ *chỉ rõ sự phê phán có tính phê phán là sự phê phán có tính phê phán,* là *lợi ích thế giới* của thời đại hiện đại.

Sự phê phán có tính phê phán tự coi là *chủ thể tuyệt đối*. Chủ thể tuyệt đối cần có sự sùng bái. Sự sùng bái *hiện thực* đòi hỏi phải có yếu tố thứ ba, tức là những cá nhân tín ngưỡng. Như vậy là *gia đình thần thánh ở Sác-lốt-ten-bua* đã được những thông tín viên của nó sùng

https://thuviensach.vn

bái một cách xứng đáng với nó. Những thông tín viên cho nó biết rằng sự phê phán *là gì* và kẻ thù của nó tức quần chúng *không phải là gì.*

Rõ ràng là sự phê phán đã tự mâu thuẫn với mình khi quan niệm như vậy rằng ý kiến của nó đối với bản thân là ý kiến của thế giới chung quanh, và biến *khái niệm* của nó thành *hiện thực. Trong bản thân sự phê phán, hình thành* một loại *quần chúng,* tức quần chúng có tính phê phán mà sứ mệnh giản đơn là làm tiếng vang không bao giờ tắt của những danh ngôn của sự phê phán. Để cho nhất quán từ đầu chí cuối thì sự tự mâu thuẫn với mình như vậy là có thể tha thứ được. Sự phê phán có tính phê phán không cảm thấy thế giới tội lỗi là nhà ở của mình nên phải xây dựng một thế giới tội lỗi ngay trong nhà ở của mình.

Con đường của các thông tín viên của sự phê phán tuyệt đối, thành viên của quần chúng có tính phê phán, không phải là đầy hoa hồng. Con đường của họ là con đường phê phán, khó khăn,

đầy chông gai. Sự phê phán có tính phê phán là một vị chúa duy linh chủ nghĩa, là tính tự phát thuần tuý, là actus purus[39]1* không dung thứ cho bất cứ ảnh hưởng nào *từ bên ngoài*. Vì vậy thông tín viên chỉ có thể là một *chủ thể bề ngoài*, chỉ có thể biểu lộ *tính độc lập bề ngoài* đối với sự phê phán có tính phê phán, và chỉ có thể biểu lộ sự mong muốn bề ngoài thông báo cho sự phê phán một cái gì mới mẻ và độc lập. Trên *thực tế,* đó là *vật sáng tạo* của sự phê phán, là sự lắng nghe bản thân chỉ *đối tượng hoá* trong chốc lát dưới hình thức vật tồn tại độc lập.

Vì vậy, những thông tín viên không bỏ lỡ cơ hội để không ngừng cam đoan với người ta rằng bản thân sự phê phán có tính phê phán *biết, thấy, hiểu* và *thể nghiệm* cái mà các thông tín viên làm ra vẻ báo cho nó trong lúc đó. Chẳng hạn, *Txéc-lê-đơ* đã dùng những câu như: "Anh có hiểu việc ấy không?"; "Anh biết"; "Anh biết" lần thứ hai, lần thứ ba; "Đương nhiên anh đã nghe khá nhiều để hiểu được tất cả".

Phlai-sơ-ham-mơ, thông tín viên ở Bre-xlau viết: "Nhưng ... đối với anh cũng như đối với bản thân tôi, việc ấy khó mà nói là một câu đố". Hay *Hiếc-txen,* thông tín viên ở Xuy-rích: "Dĩ nhiên bản thân anh cũng biết rõ". Thông tín viên có tính phê phán sùng bái sự hiểu biết tuyệt đối của sự phê phán có tính phê phán đến nỗi gán cho sự phê phán tuyệt đối một sự hiểu biết ngay cả ở những chỗ nói chung không có gì để hiểu cả. Ví dụ, *Phlai-sơ-ham-mơ* viết:

"Ông hoàn toàn" (!) "hiểu" (!) "ý tôi khi tôi cho ông biết rằng không thể ra phố mà lại không gặp những thầy tu Cơ Đốc trẻ mặc áo dài đen và áo choàng".

Hơn nữa, trong *sự sợ hãi,* thông tín viên còn *nghe* sự phê phán có tính phê phán *nói chuyện, trả lời, hò hét, chế giễu* như thế nào!

Chẳng hạn, *Txéc-lê-đơ* nói: "Nhưng... ông cứ nói đi. Tốt, vậy, hãy lắng nghe !" Hay *Phlai-sơ-ham-mơ* nói: "Phải, tôi đã nghe *ông nói;* tôi cũng chỉ muốn rằng...". Hay *Hiếc-txen:* "Thưa

https://thuviensach.vn

ngài, ngài *kêu lên* đấy à!" Hay một thông tín viên ở Tu-bin-gơ viết: *"Ông đừng có chế giễu* tôi !"

Vì vậy, những thông tín viên còn dùng cả cách nói như sau: họ báo cho sự phê phán có tính phê phán biết *những sự việc* và chờ nó đưa ra một sự *giải thích tinh thần*, họ cung cấp cho nó *những tiền đề* và để cho nó rút ra *kết luận*. Hay là thậm chí họ *xin lỗi* về việc họ nhai lại tin tức mà nó đã biết từ lâu.

Chẳng hạn, *Txéc-lê-đơ* nói:

"Thông tín viên của ông chỉ có thể cung cấp cho ông một bức tranh, một sự miêu tả những sự việc. *Cái tinh thần* đem lại sự sống cho những sự vật ấy thì *dĩ nhiên* là *ông* biết rồi", hoặc "Bây giờ ông rút ra *kết luận cho ông"*.

Hay là *Hiếc-txen* nói:

"Tôi *không dám* nói chuyện với ông về nguyên lý tư biện cho rằng mọi vật được sáng tạo ra đều do mặt đối lập cực đoan của nó sản sinh ra".

Hay là *những sự quan sát* của các thông tín viên chẳng qua chỉ là *sự thực hiện* và *chứng thực những lời tiên tri* của sự phê phán.

Chẳng hạn, *Phlai-sơ-ham-mơ* nói: *"Lời dự đoán* của ông đã thành sự thật rồi". Hay *Txéc-lê-đơ* nói:

"Những xu hướng mà trong thư tôi đã nói với ông là ngày càng phát triển ở Thuỵ Sĩ thì hoàn toàn không nguy hại mà thực ra chỉ là *đáng mừng* ... chỉ *chứng thực* cho *tư tưởng* mà *ông* đã nhiều lần phát biểu ...", v.v..

Sự phê phán có tính phê phán đôi khi cảm thấy cần phải nhấn mạnh tinh thần chiếu cố của mình đến việc đọc và trả lời những bản tin của thông tín viên. Sở dĩ nó chiếu cố như vậy là vì thông tín viên đã hoàn thành tốt đẹp *một bài* nào đó mà nó giao. Chẳng hạn, ông Bru-nô viết thư cho thông tín viên ở Tu-bi-gơ:

"Về phần tôi nếu trả lời thư anh thì thật là không nhất quán ...Nhưng mặt khác

... anh đã lại có *những nhận xét rất trúng* khiến ... *tôi không thể từ chối* sự giải thích mà anh yêu cầu ".

Sự phê phán có tính phê phán muốn nhận được thư từ *các tỉnh* gửi về cho mình. Nhưng đây không phải là tỉnh hiểu theo ý nghĩa chính trị vì ai nấy đều biết ở Đức, không hề có loại tỉnh này, mà là *tỉnh có phê phán* lấy *Béc-lin* làm thủ đô. *Béc-lin* là chỗ ở của các vị gia trưởng có tính phê phán và của gia đình thần thánh có tính phê phán, còn các tỉnh là nơi ở của quần chúng có tính phê phán. *Dân các tỉnh có tính phê phán* chỉ dám xin nhà đương cục *phê phán tối cao* chú ý đến mình sau khi đã rập đầu tạ tội.

Ví dụ một thông tín viên nặc danh viết cho ông *Ét-ga*, một thành viên đồng thời là một thủ lĩnh của gia đình thần thánh:

"Kính thưa ngài ! cho phép tôi *mạo muội* thưa với ngài rằng thanh niên vui lòng tự nguyện kết bạn tâm giao trên cơ sở chí hướng chung (hai chúng ta chỉ *hơn kém nhau* có hai tuổi)".

https://thuviensach.vn

Người bạn cùng lứa tuổi đó của ông Ét-ga nhân tiện *tự* xưng là *bản chất của triết học tối tân*. Thư từ giao dịch giữa "sự phê phán" và "bản chất" của triết học chẳng lẽ không phải là việc tự nhiên hay sao? Nếu như bạn cùng lứa tuổi của ông Ét-ga cam đoan rằng y đã rụng *răng* thì đó chỉ là ám chỉ cái bản chất *ngụ ý* của nó mà thôi. "Bản chất triết học tối tân" này "đã học được của *Phoi-ơ-bắc* cách đưa yếu tố *giáo dục* vào *cách nhìn* khách quan". Nó cũng lập tức cung cấp kiểu mẫu về *giáo dục* và *cách nhìn* của mình bằng cách bảo đảm với ông Ét-ga rằng nó đã nắm được *"cách nhìn toàn diện* đối với cuốn tiểu thuyết của ông ": "Những nguyên tắc bất di bất dịch muôn năm !"[71] và đồng thời lại công khai thú nhận rằng nó còn xa mới hiểu rõ tư tưởng của ông Ét-ga và cuối cùng làm mất ý nghĩa sự bảo đảm của mình về việc nắm cách nhìn toàn diện bằng cách đặt ra câu hỏi: "Hay là tôi *hoàn toàn hiểu sai* ngài chăng ?". Sau thí nghiệm đó mà bản chất của triết học tối tân có phát biểu ý kiến như sau về quần chúng thì cũng là điều hoàn toàn dĩ nhiên thôi:

"Chúng ta phải *chiếu cố,* dù chỉ là một lần, đến việc nghiên cứu và cởi cái nút ảo thuật, nó ngăn *cản lý trí thông thường của loài người* tiến vào *biển cả không bờ bến của tư tưởng ".*

Ai muốn có một khái niệm đầy đủ về quần chúng có tính phê phán, xin đọc *bản tin Xuy-rích* (số 5) của ông *Hiếc-txen*. Con người bất hạnh đó lặp lại những danh ngôn của sự phê phán với một tinh thần cần cù thực sự làm xúc động lòng người và biểu lộ một trí nhớ đáng khen. Ở đây, cũng có những câu ưa thích của ông Bru-nô về những trận đánh mà ông chiến đấu, những cuộc chinh phạt mà ông tham gia và lãnh đạo. Đặc biệt là ông *Hiếc-txen* đã làm tròn sứ mệnh của một thành viên của quần chúng có tính phê phán, khi ông căm phẫn về *quần chúng vô đạo* và về thái độ của quần chúng đó đối với *sự phê phán có tính phê phán*.

Ông ta nói về quần chúng tự cho mình là người tham gia vào lịch sử, về "quần chúng *thuần khiết"*, về "sự phê phán thuần khiết", về "sự thuần khiết của mặt đối lập đó" - "một sự đối lập thuần khiết đến nỗi chưa từng có trong lịch sử", - về *"tâm trạng bất mãn"*, về "sự ngu dốt hết chỗ nói, sự kém tư cách, sự nhu nhược, lòng sắt đá, tính nhút nhát, sự cuồng bạo, sự hung tợn của quần chúng đối với sự phê phán", về "quần chúng chỉ tồn tại để bằng sự chống đối của mình làm cho sự phê phán trở nên gay gắt hơn, cảnh giác hơn". Ông ta nói về "vật sáng tạo được sinh ra từ mặt đối lập cực đoan", về chỗ sự phê phán đứng lên trên *sự thù hằn* và những tình cảm trần tục tương tự. Toàn bộ nội dung của bản tin của ông *Hiếc-txen* gửi đăng trên "Literatur-Zeitung" cũng chỉ gồm vẻn vẹn có cái mớ câu chữ có tính phê phán đó. Ông ta chê trách *quần chúng* chỉ thoả mãn với "tâm trạng", "nguyện vọng tốt lành, "lối nói", "tín ngưỡng", v.v.; với tư cách là một thành viên *của quần chúng có tính phê phán*, bản thân ông ta cũng thoả mãn với những "lời nói" diễn đạt "tâm trạng có tính phê phán", "tín ngưỡng có tính phê phán", "nguyện vọng tốt lành có tính phê
phán" của mình và để mặc cho ông Bru-nô và đồng bọn "hành động, công tác, chiến đấu" và "sáng tạo".

Mặc dù thành viên của "quần chúng có tính phê phán" vẽ ra một bức tranh khủng khiếp và sự bất hoà, có tính lịch sử toàn thế giới giữa thế giới vô đạo và "sự phê phán có tính phê

https://thuviensach.vn

phán", song bản thân *sự bất hoà có tính lịch sử toàn thế giới* ấy vẫn chưa được chứng thực, ít ra là đối với những kẻ không tín ngưỡng. Việc các thông tín viên lắp đi lắp lại một cách ân cần và không phê phán những "ảo tưởng" và "tham vọng" có tính phê phán chỉ chứng minh rằng những tư tưởng cố chấp của thầy cũng chính là những tư tưởng cố chấp của tớ. Đúng vậy, một trong những thông tín viên tìm cách căn cứ vào *sự thực* để chứng minh. Y viết thư cho gia đình thần thánh:

"Ông thấy rằng "Literatur-Zeitung" đã đạt được mục đích của nó, nghĩa là nó không có *tiếng vang nào cả*. Nó chỉ có thể có tiếng vang trong trường hợp nó hoà nhịp với sự nghèo nàn về tinh thần, trong trường hợp ông hiên ngang tiến lên với những tiếng nhạc vang lừng của cả một dàn nhạc lính thị vệ Thổ gồm những phạm trù thông thường".

Tiếng nhạc vang lừng của cả một dàn nhạc lính thị vệ Thổ gồm những phạm trù thông thường! Người ta thấy ngay vị thông tín viên có tính phê phán cố gắng làm trò ảo thuật bằng những câu nói "không thông thường". Sự giải thích của y về việc "Literatur-Zeitung" không có tiếng vang nào cả tất nhiên sẽ bị bác bỏ như một lời *biện hộ* thuần tuý. Đúng ra người ta có thể giải thích sự việc đó theo một ý nghĩa ngược lại, nghĩa là theo nghĩa sự phê phán có tính phê phán *hoà nhịp* với đông đảo quần chúng, tức với đông đảo quần chúng nhà văn *không* tìm đâu ra người hưởng ứng.

Do đó, những thông tín viên có tính phê phán nói với gia đình thần thành bằng những lời lẽ phê phán coi đó là "lời cầu nguyện" đồng thời cũng là những công thức "nguyền rủa" quần chúng thì vẫn là chưa đủ. Cần có những thông tín viên *không có tính phê phán và có tính quần chúng*, cần có phái viên *chân chính* mà *quần chúng* cử đến với sự phê phán có tính phê phán để chứng minh là có sự bất hoà thực sự giữa quần chúng và sự phê phán.

Do đó, sự phê phán có tính phê phán cũng dành một chỗ cho *quần chúng không có tính phê phán*. Nó cũng buộc các *đại biểu* trung hậu của quần chúng đó *trao đổi thư từ* với nó, thừa nhận rằng sự đối lập giữa quần chúng và sự phê phán là quan trọng và tuyệt đối, và thốt ra những *tiếng kêu than tuyệt vọng* cầu xin cứu cho thoát khỏi sự đối lập đó.

2) "QUẦN CHÚNG KHÔNG CÓ TÍNH PHÊ PHÁN" VÀ "SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN".

a- "Quần chúng sắt đá" và "Quần chúng không thoả mãn"

Trái tim khắc nhiệt, tính sắt đá và sự không tin mù quáng của quần chúng có một đại biểu kiên định hơn. Vị đại biểu này nói về "sự giáo dục triết học Hê-ghen thuần tuý của nhóm Béc-lin"[72]. Thông tín viên ấy khẳng định:

"Tiến bộ chân chính có thể có được trên cơ sở nhận thức được hiện thực. Thế nhưng hội viên của nhóm Béc-lin cho chúng ta biết rằng nhận thức của chúng ta không phải là nhận thức hiện thực mà là nhận thức một cái gì không hiện thực ".

Thông tín viên gọi "khoa học tự nhiên" là cơ sở của triết học:

https://thuviensach.vn

"Quan hệ giữa nhà khoa học tự nhiên ưu tú với nhà triết học cũng giống như quan hệ giữa nhà triết học với nhà thần học".

Y tiếp tục nhận xét về "nhóm Béc-lin":

"Tôi không muốn nói nhiều về các ngài ấy mà chỉ định giải thích rằng tình trạng của họ sở dĩ như vậy là vì họ tuy đã trải qua quá trình lột xác về tinh thần nhưng chưa thoát khỏi sản phẩm của sự lột xác đó để có thể tiếp thu được những yếu tố mới hình thành và cải lão hoàn đồng". "Chúng ta còn phải nắm những tri thức (khoa học tự nhiên và công nghiệp) đó". "Tri thức về thế giới và loài người mà chúng ta cần thiết hơn cả, không thể chỉ đạt được nhờ sự sắc bén của tư tưởng mà còn phải có tác dụng của mọi giác quan, còn phải sử dụng mọi năng lực của con người, coi

như công cụ cần thiết và quan trọng nhất; nếu không thì trực quan và sự nhận thức sẽ vĩnh viễn không đủ... và sẽ đưa tới *cái chết về đạo đức"*.

Nhưng thông tín viên đó tìm cách bọc đường viên thuốc mà y đưa tặng sự phê phán có tính phê phán. Y "tìm ra sự vận dụng một cách đúng đắn *những từ ngữ của Bau-ơ"*, y "theo dõi *tư tưởng của Bau-ơ"*, y nói *"Bau-ơ nhận xét rất đúng"*, cuối cùng, hình như y không tiến hành luận chiến chống lại bản thân sự phê phán mà là chống lại "nhóm Béc-lin" nào đó khác với sự phê phán.

Càm thấy bị tổn thương và trong *mọi việc về tín ngưỡng* đều nhạy cảm như cô gái đồng trinh già, sự phê phán có tính phê phán không chịu để mắc hợm vì những sự phân biệt và những sự ân cần giả dối đó. Nó trả lời:

"Nếu anh định coi cái đảng mà anh mô tả ở đầu bức thư của anh là *kẻ thù của mình* thì anh *lầm rồi*. Tốt hơn là *hãy thừa nhận"* (tiếp đó là lời nguyền rủa đẩy người ta vào chỗ tuyệt vọng) *"anh là đối thủ của bản thân sự phê phán!"*.

Bất hạnh thay! Con người của quần chúng! Một kẻ thù của *bản thân* sự phê phán ! Nhưng còn về nội dung của cuộc luận chiến *có tính quần chúng* nói trên thì sự phê phán có tính phê phán lại tỏ ra tôn trọng thái độ phê phán của nó đối với *khoa học tự nhiên* và *công nghiệp*.

"Thành tâm tôn kính sự nghiên cứu giới tự nhiên! Thành tâm tôn kính Giêm-xơ Oát và" - lối nói thật là cao thượng - "không mảy may tôn kính hàng triệu bạc mà Oát đem lại cho bà con mình".

Thành tâm tôn kính sự tôn kính đó của sự phê phán có tính phê phán! Trong một bức thư trả lời, sự phê phán có tính phê phán chê trách các đại biểu của *nhóm Béc-lin* nói trên là đã lướt qua những tác phẩm nghiêm túc và quan trọng một cách quá nhẹ nhàng mà không bỏ công nghiên cứu chúng, chê trách rằng họ đã coi nhiệm vụ đánh giá một tác phẩm nào đó là *đã hoàn thành* khi họ nhận xét tác phẩm đó là một tác phẩm vạch thời đại, v.v. - nhưng cũng trong bức thư ấy, *bản thân* sự phê phán *nói hết ý nghĩa* của toàn bộ khoa học tự nhiên và *công nghiệp* chỉ bằng cách

tuyên bố tôn kính mọi khoa học tự nhiên và công nghiệp. Sự dè dặt của sự phê phán có tính phê phán khi nó biểu lộ lòng tôn kính của nó đối với *khoa học tự nhiên* giống như những tia chớp đầu tiên của cố hiệp sĩ Cru-gơ chống lại triết học tự nhiên:

"Giới tự nhiên không phải là hiện thực duy nhất, vì *chúng ta ăn và uống các thứ sản phẩm của nó"*.

https://thuviensach.vn

Những cái mà sự phê phán có tính phê phán biết về các thứ sản phẩm của giới tự nhiên chỉ là "chúng ta *ăn và uống* những sản phẩm đó". Thành tâm tôn kính khoa học tự nhiên của sự phê phán có tính phê phán!

Sự phê phán đối lập một cách hoàn toàn triệt để yêu cầu - yêu cầu gán ghép và làm cho người ta khó chịu - phải nghiên cứu "giới tự nhiên và công nghiệp" bằng câu cảm thán có tính chất tu từ ý nhị không thể bàn cãi sau đây:

"Hoặc là "! "anh cho rằng nhận thức về hiện thực *lịch sử kết thúc rồi?* hoặc là" (!) "anh có thể kể ra dù chỉ là một thời kỳ lịch sử đã *thực sự* được nhận thức?".

Hoặc là sự phê phán có tính phê phán cho rằng nó có thể đạt tới dù chỉ là *bước đầu* của sự nhận thức về hiện thực lịch sử sau khi đã gạt bỏ *khỏi* sự vận động lịch sử, quan hệ lý luận và quan hệ thực tiễn của con người đối với giới tự nhiên, tức là gạt bỏ khoa học tự nhiên và công nghiệp? Hoặc là nó tưởng rằng nó đã thực sự nhận thức được một thời kỳ lịch sử nào đó mà không cần nghiên cứu, chẳng hạn, công nghiệp của thời kỳ đó và phương thức sản xuất trực tiếp ra bản thân đời sống? Đúng là sự phê phán có tính phê phán, duy linh chủ nghĩa và *thần học* chỉ biết (chí ít cũng biết trong trí tưởng tượng của nó) những sự kiện quan trọng về chính trị, văn học và thần học trong lịch sử. Sự phê phán có tính phê phán tách rời lịch sử với khoa học tự nhiên và công nghiệp, cũng như nó tách rời tư duy với cảm giác, linh hồn với xác thịt, bản thân nó với thế giới, và cho rằng lịch sử không phải bắt nguồn từ sản xuất *vật chất* thô thiển ở trên trái đất mà bắt nguồn từ những đám mây mù trên trời.

Đại biểu của quần chúng "sắt đá", "khắc nghiệt", với những lời chỉ trích và khuyên răn đúng của họ đã bị sự phê phán liệt vào hạng *"nhà duy vật có tính quần chúng"*. Sự phê phán cũng không đối xử tốt hơn đối với một thông tín viên khác không độc ác bằng, không có tính quần chúng bằng, thông tín viên này tuy có đặt hy vọng vào sự phê phán có tính phê phán nhưng không thấy nguyện vọng của mình được sự phê phán đáp ứng. Vị đại biểu của quần chúng "không thoả mãn" này viết:

"Song tôi phải thừa nhận rằng số 1 của quý báo *hoàn toàn chưa* làm tôi *thoả mãn*. Vì chúng tôi đã mong đợi một cái gì khác".

Vị *gia trưởng phê phán* đích thân trả lời:

"Nói rằng nó không đáp ứng được nguyện vọng thì điều đó tôi đã biết trước rồi vì tôi có thể hình dung được khá dễ dàng những nguyện vọng đó. Người ta kiệt quệ quá đến nỗi muốn có *ngay tất cả cùng một lúc*. Tất cả ư? Không ! Nếu có thể thì tất cả và đồng thời không gì hết. Cái thứ tất cả không đòi hỏi công sức gì, cái thứ tất cả mà người ta có thể tiếp thu được mà không trải qua một quá trình phát triển nào là cái thứ tất cả có thể thâu tóm trong một chữ".

Bực mình trước những tham vọng quá đáng của quần chúng đòi hỏi sự phê phán về nguyên tắc và về bản chất vốn *"không cho gì hết"* mà lại phải cho họ *một cái gì*, thậm chí *tất cả mọi cái*, vị gia trưởng phê phán liền kể theo giọng các cụ già một *câu chuyện lý thú* như sau: cách đây không lâu, một trong *những người quen* ở Béc-lin đã than phiền chua chát về sự dài dòng dây cà dây muống; của tác phẩm của ông ta (mọi người đều biết rằng với một ảo

https://thuviensach.vn

tưởng cỏn con hết chỗ nói, ông Bru-nô đã viết thành một tác phẩm đồ sộ), ông Bau-ơ an ủi người đó bằng cách hứa sẽ gửi cho một cục mực in hình quả cầu nhỏ để người đó hiểu được dễ dàng hơn. Vị gia trưởng giải thích rằng "tác phẩm" của mình sở dĩ dài lê thê là vì mực in rải ra không đều cũng như ông ta đã giải thích cái trống rỗng của tờ "Literatur-Zeitung" của ông ta bằng cái trống rỗng của "quần chúng thế tục" muốn nuốt chửng tất cả và không gì cả cùng một lúc, để cho mình có nội dung.

Tuy không hề phủ nhận tầm quan trọng của những ý kiến trên, người ta cũng vẫn khó lòng nhìn thấy được một *sự đối lập có tính lịch sử toàn thế giới* trong việc một người quen có tính quần chúng của sự phê phán có tính phê phán cho rằng sự phê phán là rỗng tuếch, còn sự phê phán thì trái lại buộc tội người đó là không có tính phê phán; trong việc một người quen khác cho rằng "Literatur-Zeitung" đã phụ lòng mong ước của anh ta, và cuối cùng trong việc một người quen *thứ ba* và là bạn thân cho rằng những tác phẩm của sự phê phán quá ư dài dòng. Tuy vậy người quen số 2 ôm ấp hy vọng và người bạn thân số 3 ít ra cũng muốn biết những cái bí mật của sự phê phán có tính phê phán đều là cái cầu dẫn đến mối quan hệ *có nội dung hơn* và căng thẳng hơn giữa sự phê phán và "quần chúng không phê phán". Sự phê phán càng ác với quần chúng có "trái tim khắc nghiệt" tức là quần chúng có "lý trí bình thường của con người" bao nhiêu thì nó càng ân cần với quần chúng đang van xin *được giải thoát* khỏi sự đối lập bấy nhiêu. Quần chúng tìm đến sự phê phán với trái tim tan vỡ, với tinh thần hối lỗi và tinh thần ngoan ngoãn xứng đáng được sự phê phán ban cho những lời *khôn ngoan, tiên tri và thắng thắn* làm phần thưởng cho nguyện vọng thành tâm của nó.

b- Quần chúng "dễ xúc cảm" và "khao khát được cứu vớt"

Đại biểu của quần chúng *đa cảm, dễ xúc cảm, khao khát được cứu vớt*, khép nép cầu xin những lời đồng tình của sự phê phán có tính phê phán, với một thái độ thổ lộ tâm can, cúi chào, ngước mắt lên trời cầu xin:

"Tại sao tôi phải viết cho ngài điều đó? Tại sao tôi phải biện bạch cho mình trước mặt ngài? Vì tôi *tôn trọng* ngài và do đó *mong muốn được sự tôn trọng* của ngài; vì tôi vô cùng *cảm ơn* ngài về sự bồi dưỡng đối với tôi và do đó tôi *mến* ngài. Ngài đã trách mắng tôi, nên *trái tim tôi* thúc đẩy tôi *tự biện bạch* trước mặt ngài... Tôi *không hề* có ý định *bắt ngài* theo ý của tôi; nhưng *dựa theo những kinh nghiệm của bản thân tôi*, tôi nghĩ rằng *bản thân ngài cũng sẽ vui lòng* thấy một người mà ngài chưa quen biết lắm tỏ *sự đồng tình* với ngài. Tôi *không hề đòi hỏi* ngài phải

trả lời bức thư này; tôi không muốn cướp thời giờ quý báu mà ngài có thể sử dụng tốt hơn, *cũng không muốn* gây phiền phức cho ngài, *cũng không muốn* làm cho mình khổ sở vì hy vọng của mình *không được thực hiện. Ngài có thể coi* những lời tôi nói với ngài là *đa cảm, quấy rầy* "hoặc *hư danh* "(!)" hoặc tuỳ ngài, ngài có thể trả lời cho tôi hay không, tất cả những cái đó đều không quan hệ, tôi *không thể tự kiềm chế mình* gửi thư này đi và tôi chỉ mong ngài tin *ở ý tốt* thúc đẩy tôi viết thư này" (!!).

Cũng như *những kẻ đáng thương* từ ngàn xưa đã được thượng đế mở rộng lòng từ bi, lần này thông tín viên có tính chất quần chúng nhưng ngoan ngoãn, cũng cầu xin đến rơi nước mắt sự phê phán mở rộng lòng từ bi, cuối cùng đã được *toại nguyện*. Sự phê phán có tính phê

https://thuviensach.vn

phán đã có thiện chí trả lời anh ta. Hơn thế nữa! Nó đã giải thích một cách *sâu sắc nhất* cho anh ta mọi vấn đề mà anh ta rất muốn tìm hiểu. Sự phê phán có tính phê phán dạy rằng:

"Hai năm trước đây mà hồi tưởng lại trào lưu Khai sáng ở Pháp thế kỷ XVIII để tung ngay cả *những đơn vị khinh binh* đó vào một nơi trong cuộc chiến đấu đang diễn ra lúc bấy giờ thì đó là một việc hợp thời. Hiện nay, tình hình đã *khác hẳn* rồi. Bây giờ chân lý thay đổi nhanh chóng lạ thường. Cái rất *hợp thời* lúc đó thì bây giờ trở thành sai lầm rồi".

Rõ ràng là nếu trước kia sự phê phán tuyệt đối đã hạ cố gọi *những đơn vị khinh binh* đó là *"những vị thánh của chúng ta", "các đấng tiên tri"* của chúng ta, *"các giáo chủ"* của chúng ta, v.v. (xem "Tập chuyện" quyển II, tr.89) [73] thì lúc bấy giờ, đó cũng chỉ là một *"sai lầm"*, nhưng một sai lầm *"hợp thời"*. Ai sẽ gọi *đơn vị khinh binh* là *bộ đội của các giáo chủ?* Nói một cách nhiệt tình về tinh thần hy sinh, nghị lực đạo đức và sự hăng hái của những đơn vị *khinh binh* "suốt đời suy nghĩ, tìm tòi và nghiên cứu chân lý", đấy cũng là một sai lầm "hợp thời". Khi sự phê phán tuyên bố trong lời tựa quyển "Đạo Cơ Đốc bị vạch trần" rằng những đơn vị *"khinh binh"* đó là "vô địch", rằng *"mỗi người có kiến thức* đều bảo đảm trước rằng những đơn vị khinh binh đó nhất định sẽ *đảo lộn toàn thế giới"* và "không nghi ngờ gì, sẽ thực sự *làm thay đổi*

bộ mặt của thế giới", thì đó cũng là một sai lầm. Ai làm được như thế ? *Những đơn vị khinh binh đó* có thể làm như thế ư ?

Sự phê phán có tính phê phán tiếp tục dạy bảo vị đại biểu ham tìm hiểu của "quần chúng *thành tâm"* rằng:

"Người Pháp tuy đã lập một thành tích lịch sử *mới* với ý đồ xây dựng học thuyết xã hội, nhưng *hiện nay* họ *cũng đã kiệt quệ rồi*: học thuyết mới của họ còn chưa thật *thuần tuý*, những ảo tưởng xã hội của họ, nền *dân chủ hoà bình* của họ còn xa mới thoát khỏi những tiền đề của trật tự cũ".

Nếu sự phê phán nói chung có nói về cái gì ở đây thì chính là nói về *học thuyết Phu-ri-ê*, nhất là học thuyết Phu-ri-ê của tờ "Démocratie pacifique"[74]. Nhưng học thuyết này căn bản không phải là "học thuyết xã hội" của người Pháp. Người Pháp có *nhiều học thuyết xã hội*, chứ không phải chỉ có *một*. Học thuyết Phu-ri-ê đã pha loãng mà tờ "Démocratie pacifique" tuyên truyền chẳng qua chỉ là học thuyết xã hội của một bộ phận giai cấp tư sản từ thiện mà thôi. Nhân dân có xu hướng *cộng sản chủ nghĩa*, nhưng lại chia thành nhiều phái khác nhau; phong trào chân chính nhằm cải tạo những khuynh hướng xã hội khác nhau đó không những không *kiệt quệ* mà chỉ hiện nay mới thực sự *bắt đầu*. Nhưng toàn bộ phong trào ấy không được hoàn thành trong *lý luận* thuần tuý, nghĩa là trừu tượng, như sự phê phán có tính phê phán muốn, mà được hoàn thành trong *thực tiễn* hết sức *hiện thực*, cái thực tiễn không mảy may quan tâm đến những phạm trù tuyệt đối của sự phê phán.

Sự phê phán huyên thuyên tiếp :

"*Cho tới nay*, chưa có một dân tộc nào có được mặt ưu việt nào hơn các dân tộc khác... Nếu có một dân tộc nào trội hơn các dân tộc khác về mặt tinh thần thì đấy chỉ là một dân tộc có khả năng phê phán bản thân nó và các dân tộc khác, và có khả năng nhận thức được những nguyên nhân của sự sụp đổ phổ biến".

https://thuviensach.vn

Cho tới nay, mỗi dân tộc *đều trội hơn* các dân tộc khác về *mặt nào đó*. Nếu lời tiên tri của sự phê phán là đúng thì bất cứ dân tộc nào cũng đều sẽ vĩnh viễn không thể trội hơn được dân tộc khác,
vì tất cả các dân tộc văn minh châu Âu, như người Anh, người Đức, người Pháp, hiện nay đều đang *"phê phán"* mình và các dân tộc khác" và "đều có khả năng nhận thức được nguyên nhân của sự suy sụp phổ biến". Sau hết, nói rằng "sự phê phán", "sự nhận thức", tức hoạt động *tinh thần* đem lại *ưu thế tinh thần* thì về thực chất đó chỉ là một *lời nói, trùng lặp* trống rỗng; còn sự phê phán vô cùng tự phụ tự đặt mình lên trên các dân tộc và chờ đợi họ bò rạp dưới chân mình cầu xin mình soi sáng ý thức cho, thì chỉ chứng tỏ bằng chủ nghĩa duy tâm hài hước kiểu Đức - Cơ Đốc đó rằng nó vẫn ngập đến tận mang tai trong cái hố bùn *chủ nghĩa dân tộc Đức*.

Sự phê phán của người Pháp và người Anh không phải là thứ nhân cách trừu tượng, ở thế giới bên kia, đứng ngoài nhân loại, nó là *hoạt động thực sự có tính người* của những cá nhân, thành viên tích cực của xã hội, biết đau khổ, cảm giác, suy nghĩ và hành động như những con người. Vì vậy, sự phê phán của họ đồng thời thấm đầy thực tiễn, chủ nghĩa cộng sản của họ là thứ chủ nghĩa xã hội trong đó họ đưa ra những biện pháp thực tiễn hiển nhiên, trong đó họ không những thể hiện tư duy của mình mà chủ yếu hơn còn thể hiện hoạt động thực tiễn nữa. Vì vậy sự phê phán của họ là sự phê phán sinh động, thực tế đối với xã hội hiện tại, là sự nhận thức về những nguyên nhân của "sự suy sụp".

Sau khi giải thích cho thành viên ham hiểu biết của quần chúng, sự phê phán có tính phê phán có thể hoàn toàn có quyền nói về "Literatur-Zeitung" của mình:

"Ở đây, có một sự phê phán *thuần tuý*, hiển nhiên, nắm vững đối tượng, không thêm thắt gì".

Ở đây không có *"cái gì có tính độc lập"* cả, ở đây *không có cái gì hết* ngoài *sự phê phán là cái không đưa lại cái gì cả*, nghĩa là một sự phê phán rút cục hết sức không có tính phê phán. Sựphê phán cho in những đoạn được gạch dưới và đạt đến chỗ rực rỡ
nhất dưới hình thức *những trích dẫn. Vôn-phgang - Men-txen và Bru-nô Bau-ơ* chìa bàn tay hữu nghị cho nhau, và sự phê phán có tính phê phán đứng tại nơi mà *triết học về sự đồng nhất* đã đứng mấy năm đầu của thế kỷ này, trong khi mà *Sen-linh* phản đối giả thiết có tính quần chúng cho rằng dường như ông ta tìm cách đưa ra một cái gì, bất cứ cái gì ngoài thứ triết học *thuần tuý, hoàn toàn có tính triết học*.

c - Ơn trên ban cho quần chúng

Thông tín viên dễ xúc cảm mà vừa rồi được sự phê phán lên lớp trước mặt chúng ta, đã có những quan hệ *chân thành* với sự phê phán. Quan hệ căng thẳng giữa *quần chúng* và *sự phê phán* chỉ biểu hiện ở anh ta dưới hình thức mục ca. Cả hai cực của sự đối lập có *tính lịch sử toàn thế giới* giữ mối quan hệ *thiện ý* và *lịch sử*, do đó *rất công khai*.

Sự phê phán có tính phê phán nhìn thấy tác dụng ghê rợn và *làm hại sức khoẻ* của mình đối với quần chúng trước hết ở người thông tín viên mà một chân đã đứng trên miếng đất của

https://thuviensach.vn

sự phê phán, nhưng chân kia vẫn ở thế giới trần tục. Thông tín viên này đại biểu cho quần chúng trong cuộc đấu tranh *nội bộ* của nó chống lại sự phê phán.

Có khi anh ta cảm thấy "ngài Bru-nô và bạn bè của ngài không hiểu *loài người"*, họ "thực ra là mù quáng". Nhưng anh ta lại cải chính ngay:

"Dĩ nhiên, tôi *thấy rõ như ban ngày* rằng ngài đúng và tư tưởng của ngài đều đúng. Nhưng *xin lỗi* ngài, nhân dân *cũng không* sai... À vâng, nhân dân đúng ... Ngài đúng ... tôi không thể phủ nhận điều đó ... Tôi quả thực không hiểu tất cả những cái đó sẽ đưa tới đâu ... Xin ngài nói... này, hãy ở lại nhà ... Ôi ! tôi không chịu được nữa ... Ôi... nhất định có ngày người ta sẽ *phát điên* mất ... Tôi mong ngài sẽ có *thiện chí đối với người khác* ... Xin hãy tin tôi, tri thức mà người ta thu được đôi khi làm cho người ta *mê muội* như có chiếc cối xay quay tít trong óc người ta vậy".

Một thông tín viên khác cũng viết rằng anh ta *"có khi* sẽ mất

cả *sức lĩnh hội"*: Anh thấy rằng cái *ơn trên* của *sự phê phán chuẩn bị tha thứ* cho thông tín viên quần chúng đã phát biểu câu nói trên. Một kẻ đáng thương ! Nó bị giằng co giữa quần chúng tội lỗi và sự phê phán có tính phê phán. Đây không phải là tri thức đã đạt được làm cho đồ đệ sắp sửa đắc đạo của sự phê phán có tính phê phán lâm vào trạng thái đần độn như vậy, mà chính là vấn đề *tín ngưỡng và lương tâm;* Crít có tính phê phán hay là nhân dân, thượng đế hay là thế giới, Bru-nô Bau-ơ và bè bạn hay là quần chúng thế tục ! Nhưng cũng như sự sa ngã cực độ của linh hồn của kẻ mắc tội xảy ra trước khi *thượng đế* ban ơn, *ở đây sự đần độn* không sao chịu nổi cũng đi trước sự ban ơn *của sự phê phán*. Sau khi mà sự phê phán ban ơn xuống cho kẻ có tội thì dĩ nhiên là kẻ được lựa chọn không mất đi sự ngu xuẩn của mình mà lại mất đi *ý thức về sự ngu xuẩn của mình.*

3) QUẦN CHÚNG PHÊ PHÁN - KHÔNG CÓ TÍNH PHÊ PHÁN, HAY LÀ "SỰ PHÊ PHÁN" VÀ "NHÓM BÉC-LIN"

Sự phê phán có tính phê phán không thể tự mô tả thành *mặt đối lập bản chất* và do đó đồng thời cũng không thể tự mô tả thành *đối tượng bản chất* của loài người có tính quần chúng. Không kể đến những đại biểu của quần chúng *có trái tim khắc nghiệt,* là những người vạch rõ *tính không có vật thể* của sự phê phán có tính phê phán và giải thích hết sức lễ phép cho nó hiểu rằng nó chưa hoàn thành quá trình *lột xác* về tinh thần và trước hết nó phải giành lấy những tri thức vững chắc, - thì còn có 2 thông tín viên. Về phần thông tín viên *dễ xúc cảm* thì một là anh ta không phải là *mặt đối lập* của sự phê phán, hai là nguyên nhân thật sự khiến anh ta tìm cách dịch là gần sự phê phán, là nguyên nhân *cá nhân thuần tuý*. Vì đọc tiếp thư của anh ta sẽ thấy rằng điều mà anh muốn thực ra chỉ là điều hoà lòng thành kính sâu

sắc của anh ta đối với ngài Ác- nôn Ru-gơ với lòng thành kính sâu sắc của anh đối với ngài *Bru-nô Bau-ơ.* Mưu toan điều hoà đó làm vinh dự cho tấm lòng tốt của anh ta, nhưng không hề đại biểu cho *lợi ích của quần chúng*. Sau hết, vị thông tín viên cuối cùng xuất hiện trước

https://thuviensach.vn

chúng ta không còn là một thành viên *chân chính* của quần chúng mà là một đồ đệ sắp đắc đạo của sự phê phán có tính phê phán.

Nói chung *quần chúng* là một đối tượng *không xác định*, do đó không thể có hành động xác định nào, cũng không thể có những quan hệ xác định nào với một cái gì đó. Quần chúng với tính cách là đối tượng của sự phê phán có tính phê phán khác hẳn với quần chúng *chân chính* là những quần chúng đến lượt mình lại hình thành những sự đối lập có tính rất quần chúng trong nội bộ họ và giữa họ với nhau. *Sự phê phán có tính phê phán* "đã tạo ra" quần chúng ấy, giống như nhà khoa học tự nhiên đáng lẽ phải nói đến những loài động vật, thực vật nhất định thì lại đem "loài nói chung" đối lập với bản thân mình.

Muốn có mặt đối lập của tính quần chúng thực sự thì ngoài quần chúng *trừu tượng*, tức sản phẩm do bản thân sự phê phán tưởng tượng ra, *sự phê phán có tính phê phán* còn cần có một quần chúng *xác định*, có thể chỉ ra bằng kinh nghiệm chứ không phải chỉ là giả tưởng. Quần chúng ấy phải thấy sự phê phán có tính phê phán không những chỉ là *bản chất* của mình mà đồng thời còn là *sự tiêu diệt bản chất của mình*. Nó phải *có nguyện vọng* trở thành không phải quần chúng, tức trở thành sự phê phán có tính phê phán, đồng thời lại *không thể* thực hiện được nguyện vọng ấy. *"Nhóm Béc-lin"* nói trên chính là thứ quần chúng không phê phán đồng thời lại có tính phê phán ấy. Và toàn bộ thành phần của cái *quần chúng* loài người nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh sự phê phán có tính phê phán cũng chẳng qua chỉ là cái nhóm Béc-lin nào đó mà thôi.

Theo chúng tôi biết, cái "nhóm Béc-lin" đó (tức *"đối tượng bản chất"* của sự phê phán có tính phê phán mà sự phê phán có tính phê phán luôn luôn nghiên cứu và cho rằng nó cũng luôn luôn nghiên cứu mình) gồm một số ít phần tử của phái Hê-ghen trẻ ci-devant [40]1*. Theo sự khẳng định của sự phê phán có tính phê phán thì sự phê phán có tính phê phán một phần gây ra cho những phần tử đó cái horror vacui [41]2*, một phần gây ra cho họ cảm giác về *hư không*. Chúng tôi sẽ không nghiên cứu tình hình thực tế mà tin vào lời nói của sự phê phán.

Sứ mệnh chủ yếu của *những bản tin* là trình bày *tường tận* cho công chúng mối quan hệ có *tính lịch sử toàn thế giới* của sự phê phán với "nhóm Béc-lin", là vạch rõ ý nghĩa sâu sắc của quan hệ đó, chứng minh sự phê phán cần tàn ác đối với loại "quần chúng" ấy và cuối cùng tạo ra cái bề ngoài tựa hồ *toàn thế giới* đã hồi hộp theo dõi sự đối lập đó, khi thì tán thành khi thì phản đối phương châm hành động của sự phê phán. Chẳng hạn, sự phê phán *tuyệt đối* viết thư cho một thông tín viên ủng hộ "nhóm Béc-lin", như sau:

"Tôi đã *phải* nghe *không biết bao nhiêu lần* loại sự việc đó cho nên tôi quyết định không thèm để ý đến nữa".

Ngay thế giới cũng không tài nào đoán được sự phê phán có tính phê phán đã phải quan hệ bao nhiêu lần với những sự việc có tính phê phán *thuộc loại như vậy.*

Chi bằng ta hãy nghe một thành viên của quần chúng có tính phê phán cho biết về nhóm Béc-lin:

https://thuviensach.vn

"Anh ta [42][3*] bắt đầu câu trả lời như sau: Nếu có người thừa nhận anh em Bau-ơ" (gia đình thần thánh bao giờ cũng phải được thừa nhận pêle - mêle [43][4*]) "thì người

đó chính là tôi. Nhưng "Literatur-Zeitung" ! Chính nghĩa trước hết! Tôi rất muốn biết một trong những người cấp tiến ấy, tức là một trong những người thông minh năm 1842 ấy, nghĩ về anh như thế nào..."

Thông tín viên báo tin tiếp rằng con người bất hạnh tìm thấy đủ mọi khuyết điểm trong "Literatur-Zeitung".

Anh ta cho rằng tiểu thuyết "Ba con người tốt" của ông Ét-ga là bôi bác và phóng đại. Anh ta không hiểu rằng việc *kiểm duyệt sách báo* là một cuộc đấu tranh nội bộ đúng hơn là một cuộc đấu tranh bên ngoài, đúng hơn là một cuộc đấu tranh giữa người với người. Những người ấy không bỏ công nhìn vào thế giới bên trong của mình và thay thế *những câu mà sự kiểm duyệt không thể chấp nhận* bằng những *tư tưởng có tính phê phán* đã được *tinh luyện* và suy nghĩ một cách toàn diện. Anh ta cho rằng bài bình luận của ông Ét-ga về ông Bê-rô là hời hợt, nhưng thông tín viên có tính phê phán lại cho là sâu sắc. Đành rằng anh có thú nhận: "Tôi *chưa* đọc quyển sách của ông Bê-rô". Nhưng anh ta *tin* rằng ông Ét-ga *đã thành công*, v.v., và ai nấy đều biết lòng tin làm cho người ta mê lẫn. Tín đồ có tính phê phán nói tiếp: "Tóm lại, anh ta" (người thuộc nhóm Béc-lin) *"rất không hài lòng* về những tác phẩm của Ét-ga". Anh ta cũng thấy rằng "Ở đấy, *Pru-đông* cũng được nghiên cứu không thật *sâu sắc*". Và ở đây, thông tín viên chứng thực cho ông Ét-ga với những lời khen ngợi như sau:

"Đúng là" (?) *"tôi đã đọc* Pru-đông, tôi biết rằng trong sự trình bày của Ét-ga những luận điểm *độc đáo* đã được trích ở tác phẩm của Pru-đông và được đối chiếu một cách rõ ràng".

Theo ý kiến của thông tín viên đó thì lý do duy nhất khiến cho sự phê phán *tuyệt vời* của Ét-ga đối với Pru-đông không làm vừa lòng các ngài, chỉ có thể là vì ông Ét-ga không *nổi trận lôi đình* chống lại tài sản. Ngoài ra - chớ nên quên rằng - kẻ thù còn cho rằng bài của ông Ét-ga viết về "Hội liên hiệp công nhân" là *không có ý nghĩa*. Thông tín viên an ủi ông Ét-ga:

"Dĩ nhiên, bài đó chẳng có gì *độc đáo* cả, và các ngài đó thực tế đã quay về với quan điểm của Grúp-pơ mà họ quả thực *vẫn luôn luôn giữ vững.* Theo họ, sự phê phán phải cống hiến, cống hiến nữa, *cống hiến mãi!"*.

Hình như sự phê phán không đem lại cho chúng ta những phát hiện hoàn toàn mới mẻ về các mặt ngôn ngữ học, sử học, triết học, kinh tế chính trị học và pháp luật học. Và nó đã khiêm tốn đến mức cho phép người ta nói với nó tựa hồ nó không cống hiến được cái gì *độc đáo* cả ! Ngay thông tín viên có tính phê phán của chúng ta cũng còn cống hiến cho cơ học hiện đại những cái mà đến nay chưa ai biết: buộc người ta *lùi về* với *cái thứ* quan điểm mà họ *vẫn luôn luôn giữ vững*. Hồi tưởng lại quan điểm của *Grúp-pơ*, đấy hoàn toàn không phải là một việc thuận tiện. Trong tập sách nhỏ nói chung hết sức thảm hại và không đáng nhắc tới; Grúp-pơ hỏi ông Bru-nô rằng ông ta định phê phán như thế nào *lô-gích* học *tư biện*. Bru-nô mời ông ta đi hỏi thế hệ tương lai và thêm rằng

"một thằng ngốc đang chờ trả lời" [75].

https://thuviensach.vn

Giống như thượng đế xử phạt Pha-ra-ông không tin thượng đế bằng cách làm cho trái tim ông ta chai đi và cho rằng ông ta không *xứng đáng* được soi sáng, thông tín viên cũng quả quyết rằng:

"Vì vậy họ *hoàn toàn không xứng đáng* xem hoặc hiểu nội dung của "Literatur-Zeitung" của các anh".

Và anh ta không khuyên anh bạn Ét-ga tìm cách đạt được tư tưởng và tri thức mà lại xui Ét-ga:

"Ông Ét-ga hãy kiếm lấy *một túi* chữ và sau này khi viết văn cứ việc nhắm mắt mà móc ra để có một thứ văn phong hợp với thị hiếu của công chúng".

Ngoài sự quả quyết là có một sự điên cuồng nào đó, một sự độc ác nào đó, một tình trạng không có nội dung nào đó, một sự nghèo nàn về tư tưởng, một sự do dự đối với những sự vật mà mình không hiểu, một cảm giác về cái hư không (tất cả những

hình dung từ đó rõ ràng là để chỉ nhóm Béc-lin), anh ta không tiếc lời ca ngợi gia đình thần thánh như sau:

"Trình bày một cách dễ dàng và đi sâu vào sự vật, vận dụng một cách tài tình các phạm trù, nghiên cứu thông suốt vấn đề, tóm lại hoàn toàn *nắm vững* được đối tượng. Ông ta" (một thành viên của nhóm Béc-lin) "hết sức làm dễ dàng nhiệm vụ của mình, còn anh thì làm cho bản thân sự việc trở thành dễ dàng". Hoặc: "Trên "Literatur-Zeitung" anh thực hiện sự phê phán thuần tuý, rõ ràng và xác đáng".

Sau hết anh ta nói:

"Tôi viết cho anh cặn kẽ tất cả những cái đó vì tôi biết sẽ làm anh *vui lòng* khi báo cho anh biết quan điểm của bạn tôi. Do đó anh có thể thấy rằng "Literatur-Zeitung" đã đạt được mục đích của nó".

Mục đích của "Literatur-Zeitung" là tự đối lập với nhóm Béc-lin. Chúng ta vừa biết đến *cuộc luận chiến của nhóm Béc-lin* chống lại sự phê phán có tính phê phán và đã thấy người ta cắt đứt với nó về tội gây ra cuộc luận chiến đó như thế nào, thành thử bây giờ chúng ta lại thấy hai cách trình bày nguyện vọng của nhóm Béc-lin muốn được sự phê phán rủ lòng thương.

Một thông tín viên viết:

"Đầu năm nay khi đến Béc -lin, tôi nghe thấy người quen nói rằng: anh cự tuyệt mọi người, và xa cách mọi người, anh quả là một nhà ẩn dật, cố tình tránh mọi sự gần gũi và giao thiệp với người khác. Dĩ nhiên tôi không biết lỗi tại ai ".

Sự phê phán *tuyệt đối* trả lời :

"Sự phê phán *không* tổ chức *đảng phái*, nó không muốn có đảng phái của mình, nó cô độc, - cô độc khi nó đi sâu vào đối tượng *của mình "*(!), "cũng cô độc khi nó tự đối lập với đối tượng đó. *Nó ngăn cách hẳn nó với tất cả".*

Sự phê phán có tính phê phán tưởng rằng nó đứng lên trên mọi sự đối lập giáo điều bằng cách thay thế sự đối lập hiện thực bằng sự đối lập tưởng tượng giữa *bản thân nó* và *thế giới*, giữa *thần thánh* và *quần chúng thế tục*. Cũng vậy, sự phê phán có tính phê phán tưởng rằng nó vượt lên *trên các đảng phái* khi nó lăn *xuống dưới quan điểm đảng phái*, bằng cách lấy tư

https://thuviensach.vn

cách *đảng phái* để tự đối lập với toàn bộ loài người còn lại và tập trung toàn bộ lợi ích vào nhân cách của ông Bru-nô
và đồng bọn. Toàn bộ sự trình bày của chúng tôi đều chứng minh tính đúng đắn của *sự thú nhận* có tính phê phán là sự phê phán ngồi chễm trệ trên ngôi trong sự cô độc vốn có của *sự trừu tượng*, thậm chí khi nó hình như đang nghiên cứu một *đối tượng* nào đó, thực ra nó cũng không vượt khỏi trạng thái cô độc, không có đối tượng và không có quan hệ xã hội chân chính với một *đối tượng hiện thực* nhất định nào cả, vì *đối tượng của nó*, chỉ là đối tượng của *sự tưởng tượng của nó*, chỉ là một đối tượng tưởng tượng. Nó cũng xác định một cách hết sức đúng tính chất của sự *trừu tượng* của nó, coi như một sự trừu tượng *tuyệt đối*, theo ý nghĩa là "nó tự *tách khỏi mọi cái*", và chính *"cái hư không"* đó tách *khỏi tất cả*, tách khỏi mọi tư duy, trực quan, v.v., cũng là một *điều phi lý tuyệt đối*. Vả lại sự cô độc ấy đạt được bằng cách tách khỏi *hết thảy*, bằng cách trừu tượng *hết thảy* cũng khó bề thoát khỏi đối tượng mà nó trừu tượng đi giống như *Ô-ri-ghen* khó bề tách khỏi *cơ quan sinh dục*, mà *y tách khỏi* bản thân y.

Một thông tín viên khác trước hết mô tả một đại biểu của "nhóm Béc-lin" mà anh ta đã thấy và trò chuyện, là "có tâm trạng buồn bã", "thất vọng", "không há nổi miệng nữa" (kỳ thực trước kia anh ta bao giờ "cũng ăn nói *hỗn láo"*) và "thối chí nản lòng". Thành viên đó của "nhóm Béc-lin" nói chuyện với thông tín viên và thông tín viên báo cáo lại với sự phê phán:

"Hắn không hiểu làm sao mà những người như hai anh bao giờ cũng tôn trọng nguyên tắc của chủ nghĩa nhân đạo lại có thể tỏ ra kín đáo như thế, không thân thiện như thế, thậm chí lại còn kiêu ngạo nữa". Hắn không hiểu :"tại sao trên đời lại có một số người rõ ràng cố ý gây ra sự phân liệt. Tất cả chúng ta đều cùng đứng trên một quan điểm như nhau, tất cả chúng ta đều cùng *sùng bái* cái cực đoan tức sự phê phán, tất cả chúng ta đều có năng lực nếu không phải sáng tạo thì ít ra cũng hiểu và vận dụng được tư tưởng cực đoan". "Hắn cho rằng nguyên nhân chủ đạo của sự phân liệt đó không phải cái gì khác hơn chủ nghĩa vị kỷ và tính kiêu ngạo".

Tiếp đó, thông tín viên cố thốt ra một câu nói tốt cho bạn mình:

"Có lẽ ít ra là một số trong những bạn bè của chúng tôi không hiểu sự phê phán hoặc *thiện ý của sự phê phán*... ut desint vires, tamen est laudanda voluntas[44]1*".

Sự phê phán trả lời bằng cách *so sánh* mình với nhóm Béc-lin:

"Người ta có những cách nhìn *khác nhau* đối với sự phê phán". Các ngài ấy "tưởng rằng sự phê phán nằm ngay trong túi họ", còn sự phê phán "biết và thực sự vận dụng sức mạnh của sự phê phán", nghĩa là nó không giữ sự phê phán trong túi mình. Đối với bọn nói trên, sự phê phán chỉ là một hình thức, trái lại, đối với sự phê phán thì nó lại là "cái có *nội dung phong phú nhất*, nói đúng hơn là cái duy nhất có *nội dung"*. Cũng giống như tư duy tuyệt đối coi mình là toàn bộ hiện thực, sự phê phán có tính phê phán cũng coi mình là toàn bộ hiện thực. Vì vậy nó không thấy nội dung nào *bên ngoài bản thân nó*, vì vậy nó không phải là sự phê phán đối với những đối tượng *hiện thực ở* bên ngoài chủ thể có tính phê phán; bản thân nó sáng tạo ra đối tượng, nó là *chủ - khách thể* tuyệt đối. Sự phê phán nói tiếp: "loại phê phán thứ nhất dùng lời lẽ để lẩn tránh tất cả, lẩn tránh mọi sự nghiên cứu sự vật, loại phê phán thứ

https://thuviensach.vn

hai cũng dùng lời lẽ để tách mình khỏi *mọi cái"*. Loại thứ nhất *"thông minh nhưng không biết gì cả",* loại thứ hai "luôn luôn học tập". Thực ra loại thứ hai không thông minh và học tập par çà, par là[45]2*, nhưng chỉ là bề ngoài, chỉ là để mạo xưng cái nó học được một cách hời hợt là trí tuệ của chính mình, dùng nó làm "khẩu hiệu" chống lại bản thân quần chúng mà sự phê phán đã thụ giáo, và biến nó thành sự ngu xuẩn của sự phê phán có tính phê phán.

Loại thứ nhất cho rằng chữ như "cực đoan", "đi xa hơn", "đi chưa thật xa" đều có ý nghĩa rất quan trọng và là những phạm trù được tôn kính nhất. Loại thứ hai *nghiên cứu các quan điểm*
nhưng không vận dụng vào các quan điểm đó *những tiêu chuẩn* của những phạm trù trừu tượng nói trên.

Sự phê phán số 2 kêu lên rằng hiện nay không thể bàn đến chính trị, rằng triết học đã chấm dứt và nó sẵn sàng dùng những chữ như "ảo tưởng", "không tưởng", v.v., để tẩy trừ hệ thống xã hội và những cuộc vận động xã hội, - phải chăng tất cả những điều đó chỉ là một sự tái bản có *sửa chữa một cách phê phán* những phạm trù đã nói trên như "đi xa hơn", "chưa đi thật xa"? Và tất cả những tiêu chuẩn của nó như "lịch sử", "phê phán", "tổng hợp đối tượng", "cái cũ và cái mới", "sự phê phán và quần chúng", "sự nghiên cứu các quan điểm", tóm lại tất cả những khẩu hiệu của nó chẳng lẽ không phải là *được chế tạo ra từ những phạm trù*, hơn nữa từ *những phạm trù trừu tượng tức những tiêu chuẩn* hay sao !?

"Sự phê phán thứ nhất có tính thần học, có ác ý, ghen tuông, nhỏ mọn, láo xược; sự phê phán thứ hai là *mặt đối lập* của tất cả những cái đó".

Sau khi tuôn ra như vậy một hơi liền không nghỉ hàng tràng lời tự tán tụng và vơ cho mình tất cả những cái mà nhóm Béc-lin không có, hoàn toàn giống như thượng đế có tất cả cái gì *mà con người không có*, sự phê phán đã tự chứng nhận rằng:

"Nó đã đạt tới sự sáng tỏ, sự ham hiểu biết, sự yên tĩnh nhờ đó mà nó trở thành *không thể bị thương và không gì chiến thắng nổi".*

Vì vậy, đối với một địch thủ như nhóm Béc-lin, nó không cần đến "một công cụ nào khác ngoài *cái cười ô-lem-pích"*. Sự phê phán với tính triệt để riêng có của nó đã trình bày kỹ càng tính chất của *cái cười* đó bằng cách ra sức xác định nó là gì và không phải là gì. "Cái cười đó không phải là sự kiêu ngạo". Tuyệt nhiên không ! Đó là sự phủ định của phủ định. Đấy *"chỉ là biện pháp* mà *nhà phê phán*, với nét mặt vui vẻ và bình thản, *phải dùng* để chống lại *một quan điểm thấp kém hơn* sự phê phán mà lại tự cho *mình là ngang hàng* với nó" (Tự phụ thay!). Cho nên khi nhà phê phán cười là ông ta *dùng một biện pháp* và với "tâm hồn bình thản" ông ta *dùng biện pháp cười* đó không phải để chống lại *con người* mà để chống lại *quan điểm!* Ngay *cái cười* cũng là một *phạm trù* mà nhà phê phán dùng và thậm chí nhất định *phải dùng!*

Sự phê phán *siêu phàm* không phải là biểu hiện của *hoạt động* vốn có của *chủ thể người hiện thực* nghĩa là sống trong xã hội *hiện đại* và đồng cam cộng khổ với xã hội đó. Cá nhân

https://thuviensach.vn

hiện thực chỉ là một *sự ngẫu nhiên*, một chiếc bình thế gian của sự phê phán có tính phê phán trong đó sự phê phán có tính phê phán tự biểu hiện *thành thực thể vĩnh cửu*. Chủ thể không phải là sự phê phán do một cá nhân con người thực hiện mà là một *cá nhân phi nhân loại của sự phê phán*. Không phải sự phê phán là *biểu hiện của con người* mà chính con người là *sự tha hoá của sự phê phán*, do đó nhà phê phán hoàn toàn sống bên ngoài xã hội.

"Nhà phê phán có thể sống trong xã hội mà ông ta phê phán không?".

Nên hỏi ngược lại thế này: ông ta có thể không sống trong xã hội đó không ? Bản thân ông ta có thể không thành một biểu hiện của sinh hoạt của xã hội ấy không ? Tại sao nhà phê phán *bán* những sản phẩm tinh thần của mình, nếu bằng việc bán ấy ông ta biến luật pháp xấu xa nhất của xã hội hiện nay thành luật pháp của chính ông ta?

"Nhà phê phán thậm chí không nên tìm cách nhập cục *mình* với xã hội".

Chính vì vậy mà ông ta tự xây dựng một *gia đình thần thánh* giống như thượng đế cô đơn tìm cách dùng gia đình thần thánh để xóa bỏ sự tách rời buồn tẻ giữa mình với mọi xã hội. Nếu nhà phê phán *muốn thoát* khỏi *xã hội xấu xa* thì trước hết ông ta hãy tự giải thoát khỏi *cái xã hội riêng của ông ta đã.*

"Như vậy, nhà phê phán sẽ mất *mọi vui thú của xã hội* nhưng đồng thời cũng không có *những nỗi đau khổ của xã hội* nữa. Ông ta không biết đến *bạn bè"*. (trừ bạn bè có tính phê phán của mình) "cũng không biết đến tình yêu" (trừ *tình yêu đối với mình)*; "nhưng trái lại lời phỉ báng cũng chẳng có tác dụng gì với ông ta, không có gì có thể làm nhục ông ta được; sụ thù hằn hoặc ghen ghét cũng không làm hại được ông ta; sự tức giận và sự oán hận là *những tình cảm xa lạ* với ông ta".

Tóm lại, nhà phê phán đã thoát khỏi mọi *ham muốn của con người*, ông ta là một *vị thánh* và hoàn toàn có thể ca ngợi mình bằng bài ca của các nữ tu sĩ:

"Tôi không màng tưởng đến tình yêu,

Tôi chẳng cần đến ai trong đám đàn ông.

Tôi một lòng nghĩ tới thượng đến,

Chỗ dựa duy nhất của tôi"[76].

Nhà phê phán không nói được câu nào mà không rơi vào mâu thuẫn với chính mình. Chẳng hạn, cuối cùng ông ta bảo chúng ta rằng:

"Bọn phi-li-xtanh ném đá vào nhà phê phán" (Nói bắt chước theo kinh thánh: lấy đá ném cho sự phê phán một trận), "không chịu hiểu ông ta và gán cho ông ta những động cơ *không thuần khiết"* (gán những động cơ không thuần khiết cho sự phê phán *thuần tuý!)* "để làm cho *nhà phê phán bình đẳng với họ"* (sự tự phụ của bình đẳng đã bị khiển trách ở trên kia rồi!), - "nhà phê phán *không chế giễu* bọn họ là những kẻ không xứng đáng được chế giễu: nhà phê phán chỉ vạch rõ bản tính chân thực của họ và hoàn toàn bình tĩnh đặt họ vào địa vị tương xứng với ý nghĩa không đáng kể của họ".

Trên kia chúng ta thấy nhà phê phán *đã phải* dùng *biện pháp chế giễu* để chống lại "quan điểm thấp kém hơn mình, nhưng lại tự cho mình là ngang hàng với mình". Sự phê phán có tính phê phán không có quan niệm rõ ràng về sách lược của mình đối với "quần chúng"

https://thuviensach.vn

không tín ngưỡng, điều đó hầu như chứng thực sự phẫn nộ nội tâm và sự bực dọc của sự phê phán, tức là những cái đó "không xa lạ" gì với "tình cảm".

Nhưng không thể không thừa nhận rằng sau cuộc đấu tranh theo kiểu dũng sĩ Héc-quyn trong đó sự phê phán chỉ theo đuổi có mỗi một mục đích, - tự *tách khỏi* "quần chúng thế tục" không có tính phê phán và nói chung khỏi "tất cả" - sự phê phán rốt cuộc đã may mắn đạt tới sự tồn tại *cô độc, thần thánh, tự mãn,*

tự túc, tuyệt đối của mình. Nếu như trong biểu hiện đầu tiên của "cái pha mới" ấy của nó, thế giới cũ của *những tình cảm tội lỗi* xem ra vẫn còn chi phối phần nào sự phê phán thì giờ đây, chúng ta sẽ thấy nó đạt tới sự bình tĩnh mỹ học và được *chiếu sáng* trong một *"hình tượng nghệ thuật"* nào đấy, trong đó nó sẽ chuộc tội của nó để về sau, với tư cách *Đấng Crít* chiến thắng thứ hai, nó sẽ hoàn thành *cuộc phán xét cuối cùng có tính phê phán* và sau khi đánh bại con rồng, nó sẽ thản nhiên bay lên thiên đường.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG VIII

CUỘC CHU DU THẾ GIỚI VÀ SỰ BIẾN HÌNH CỦA SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN, HAY LÀ SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN THỂ HIỆN Ở RÔ-ĐÔN-PHƠ, ÔNG HOÀNG GIÊ-RÔN-STANH

Trong cuộc *chu du thế giới, Rô-đôn-phơ,* ông hoàng Giê-rôn-stanh, đã *chuộc lại được hai* tội ác: tội ác của *cá nhân* ông ta và tội ác của *sự phê phán có tính phê phán*. Trong cuộc cãi nhau kịch liệt với bố, ông đã vung gươm lên trước mặt bố, còn trong cuộc tranh cãi kịch liệt với quần chúng, sự phê phán có tính phê phán đã để bị những xúc động tội lỗi chi phối. Sự phê phán có tính phê phán chẳng khám phá ra bí mật *nào* cả. Rô-đôn-phơ chuộc được tội lỗi đó và khám phá ra *mọi* bí mật.

Theo lời ông Sê-li-ga, Rô-đôn-phơ là người công bộc *hạng nhất* của *nhà nước* của loài người ("*nhà nước nhân đạo"* của Ê-gi-đi-út, một người vùng Xu-a-bơ xem "Konstitutionnelle Jahrbücher", tập 2, năm 1844 của tiến sĩ Các Vai-lơ).

Theo lời quả quyết của ông Sê-li-ga, *thế giới muốn thoát khỏi diệt vong* thì cần

"có những người dám phê phán thẳng tay... Rô-đôn-phơ chính là một người *như vậy*... Rô-đôn-phơ lĩnh hội được tư tưởng của *sự phê phán thuần tuý*. Đối với ông cũng như toàn nhân loại, tư tưởng đó là bổ ích hơn *toàn bộ* kinh nghiệm mà loài người đạt được trong *lịch sử* của mình và hơn *toàn bộ* trí thức mà Rô-đôn-phơ, ngay cả dưới sự chỉ đạo của ông thầy giỏi nhất, đã có thể hấp thụ được từ lịch sử... Sự xét xử vô tư mà Rô-đôn-phơ dùng để làm cho *cuộc chu du thế giới* của mình lưu danh thiên cổ, *trên thực tế* chẳng qua chỉ là

Sự bóc trần những bí mật của xã hội".

Bản thân ông ta là "cái bí mật đã bị bóc trần của tất cả mọi cái bí mật".

So với những vĩ nhân khác của sự phê phán có tính phê phán thì Rô-đôn-phơ có sẵn vô số công cụ *bên ngoài*. Nhưng sự phê phán lại tự an ủi rằng:

"Đối với kẻ ít có vận may hơn thì không thể đạt được *những thành quả* mà Rô-đôn-phơ đã đạt được" (!) "nhưng có thể đạt tới mục đích tốt đẹp" (!)

Vì vậy sự phê phán để cho Rô-đôn-phơ, là người gặp vận may đó, *thực hiện tư tưởng* của chính mình. Nó hát cho Rô-đôn-phơ nghe như sau:

"Ha-nơ-man, tiến bước lên.

https://thuviensach.vn

Anh có đôi ủng lớn không ngấm nước"[77].

Bây giờ chúng ta hãy theo dõi Rô-đôn-phơ trong cuộc chu du thế giới có tính phê phán của ông ta, một cuộc chu du "đối với *loài người* thì *bổ ích hơn toàn bộ kinh nghiệm* mà loài người đạt được trong lịch sử của mình, hơn *toàn bộ tri thức"*, v.v., - và trong *hai lần* ông ta cứu thế giới khỏi bị *diệt vong*.

1. ANH ĐỒ TỂ BIẾN MỘT CÁCH PHÊ PHÁN THÀNH CON CHÓ, HAY LÀ ANH DAO BẦU

Dao bầu làm nghề đồ tể. Các cuộc đụng chạm đã biến đứa con khoẻ mạnh đó của tự nhiên thành một tên sát nhân. Ngẫu nhiên mà Rô-đôn-phơ gặp hắn đúng ngay vào lúc hắn đang lăng nhục Phlơ đơ Ma-ri. Rô-đôn-phơ nện vào đầu anh chàng hay gây sự thiện nghệ đó mấy quả đấm chắc nịch và nên thân. Thế là Rô-đôn-phơ làm cho Dao bầu phải phục mình. Sau này, trong quán rượu của bọn tội phạm, bản chất lương thiện trong con người Dao bầu lộ ra. Rô-đôn-phơ bảo hắn: "Mi vẫn còn trái tim và lòng danh dự". Nói như thế, Rô-đôn-phơ đã gây cho hắn biết tự trọng. Dao bầu được cải biến thành một "thực thể *có đạo đức"*. Rô-đôn-phơ

nhận che chở cho hắn. Chúng ta hãy theo dõi quá trình Rô-đôn-phơ cải tạo Dao bầu.

Giai đoạn thứ nhất. Bài học thứ nhất dạy cho Dao bầu là một bài học dạy tính giả dối, không trung thực, giảo quyệt và *giả vờ*. Rô-đôn-phơ dùng Dao bầu đã được đạo đức hoá nhằm mục đích hoàn toàn giống như *Vi-đốc* đã dùng những tội phạm đã được đạo đức hoá; nghĩa là Rô-đôn-phơ biến hắn thành một tên mật thám và một tên tay sai khiêu khích. Rô-đôn-phơ khuyên hắn nên *"giả vờ"* trước *Thầy giáo* tựa hồ hắn đã từ bỏ nguyên tắc "không ăn cắp" rồi và đề nghị với Thầy giáo đi làm một chuyến để đưa Thầy giáo vào bẫy của Rô-đôn-phơ. Dao bầu cảm thấy là người ta muốn lợi dụng mình để thực hiện "trò hề" ngu ngốc nào đó. Hắn phản đối không chịu đóng vai trò mật thám và tên tay sai khiêu khích. Rô-đôn-phơ đả thông một cách dễ dàng đứa con của tự nhiên đó bằng cái ngón *nguỵ biện "thuần tuý"* của sự phê phán có tính phê phán, rằng một hành vi xấu không phải là xấu khi mà người ta làm với những động cơ *"đạo đức tốt"*. Làm tay sai khiêu khích, dao bầu liền nấp sau tình bạn bè và lòng tin cậy, và đẩy bạn cũ của mình vào chỗ chết. *Lần đầu tiên* trong đời hắn, hắn đã làm một việc *đê tiện*.

Giai đoạn thứ hai. Chúng ta lại thấy Dao bầu làm người săn sóc bệnh nhân cho Rô-đôn-phơ mà hắn vừa cứu thoát chết.

Dao bầu đã trở thành một sinh vật *có đạo đức đáng trọng* đến nỗi khi Đa-vít, bác sĩ người da đen, đề nghị hắn ngồi xuống ván sàn, thì hắn từ chối sợ làm bẩn thảm. Thậm chí hắn *rụt rè* quá nên không dám ngồi lên ghế tựa. Trước hết, hắn đặt nằm ghế xuống và ngồi lên chân trước ghế. Mỗi lần gọi Rô-đôn-phơ, người mà hắn đã cứu mạng, bằng "bạn" hay bằng "ông" chứ không phải bằng "đức ông"[46]1* thì hắn không quên xin lỗi ngay.

https://thuviensach.vn

Thuần phục được đứa con thô bạo của tự nhiên như thế thật là tài tình! Dao bầu đã nêu lên bí mật sâu kín nhất của sự chuyển biến có tính phê phán của hắn, khi hắn thú thật với Rô-đôn-phơ rằng hắn thấy quyến luyến Rô-đôn-phơ như một *con chó* quyến luyến chủ vậy: "Je me sens pour vous comme qui dirait *l'attachement* d'un *bouledogue* pour son maître". Anh đồ tể xưa kia, nay đã biến thành chó. Kể từ lúc đó, tất cả đức tính của hắn sẽ là đức tính của chó, tức là *lòng trung thành* tuyệt đối với chủ nó. Tính độc lập của hắn, cá tính của hắn mất hắn đi. Nhưng giống như những hoạ sĩ tồi phải ghi lên bức hoạ của mình để giải thích nội dung của nó, Ơ-gien Xuy cũng đặt vào mồm con *"bouledogue"* - Dao bầu một mảnh giấy ghi một câu mà Dao bầu luôn mồm tụng niệm một cách trịnh trọng: "Mấy tiếng - mi có trái tim và lòng danh dự - đã làm cho tôi thành *người"*. Cho đến lúc thở hơi cuối cùng, Dao bầu vẫn cứ tìm thấy động cơ những hành động của mình ở trong mảnh giấy đó, chứ không phải trong cá tính con người của mình. Để tỏ rõ sự tiến bộ của mình về mặt đạo đức, hắn thường nghĩ đến những chỗ tốt của bản thân hắn và tính xấu của những người khác, và mỗi lần mà hắn tuôn ra những lời lẽ đạo đức thì Rô-đôn-phơ bảo hắn rằng: "Tao thích nghe mày *nói* như vậy". Dao bầu không còn là một con chó thường nữa mà là một *con chó có đạo đức*.

Giai đoạn thứ ba. Chúng ta đã ca tụng *thể diện tiểu thị dân* của Dao bầu, thể diện này đã thay thế cho tính phóng túng *thô lỗ,* nhưng *táo bạo* của Dao bầu. Bây giờ chúng ta biết rằng để xứng đáng là một *"sinh vật có đạo đức"*, thì hắn cũng hấp thu cái điệu đi đứng và phong độ của một *người tiểu tư sản:*

Trông dáng hắn đi người ta tưởng hắn là *một người tiểu thị dân* vô hại nhất thế giới.

Nội dung mà Rô-đôn-phơ đưa vào cuộc đời đã được cải tạo một cách phê phán của Dao bầu, lại còn bi thảm hơn hình thức bên ngoài nữa. Rô-đôn-phơ phái hắn sang châu Phi, để "hiến cho thế

giới không tín ngưỡng một tấm gương sống và bổ ích về sự hối lỗi". Từ nay, hắn không còn tiêu biểu cho nhân tính cố hữu của hắn nữa, mà tiêu biểu cho một giáo lý đạo Cơ Đốc.

Giai đoạn thứ tư. Sự chuyển biến có tính phê phán - đạo đức đã biến Dao bầu thành một người bình tĩnh và thận trọng, một người mà hành vi của mình là do sự sợ hãi và sự khôn ngoan thực tiễn chi phối.

Muyếc-phơ, vì tính đơn giản không kín đáo, nên hay lộ bí mật đã cho chúng ta biết rằng "Dao bầu không hé răng nói một tiếng nào về việc hành hình tên Thầy giáo, vì *sợ mình* bị liên luỵ".

Vậy là Dao bầu biết rằng việc hành hình tên Thày giáo là một hành động phạm pháp. Sở dĩ hắn không nói một tiếng nào về vụ đó, chính là vì hắn sợ bị liên luỵ. Dao bầu *khôn ngoan* thật!

Giai đoạn thứ năm. Dao bầu đã tiến bộ rất nhiều trong việc tự tu dưỡng về mặt đạo đức đến mức là hắn lĩnh hội sự trung thành như chó của hắn đối với Rô-đôn-phơ dưới hình thức văn minh. Sau khi đã cứu cho *Giéc-manh* thoát chết, hắn nói với Giéc-manh rằng:

https://thuviensach.vn

"Tôi có một người đỡ đầu, người này đối với tôi cũng giống như *chúa* đối với *các linh mục* vậy; tôi thật muốn quỳ gối trước người đó".

Và trong tư tưởng thì hắn đã quỳ gối trước chúa của hắn.

"Ông Rô-đôn-phơ - hắn nói tiếp với Giéc-manh - che chở cho anh. Tôi nói *"ông"* mặc dù đáng lẽ tôi phải nói *"đức ông"*. Nhưng tôi quên gọi ông ta là *ông* Rô-đôn-phơ, và ông cũng cho phép tôi gọi như thế".

Ông Sê-li-ga, trong cơn khoái trí có tính phê phán, kêu lên rằng: "Sự tỉnh ngộ đáng quý, sự trưởng thành đáng quý biết bao !".

Giai đoạn thứ sáu. Dao bầu kết thúc một cách xứng đáng cuộc đời trung thành thuần tuý của hắn, cuộc đời con chó có đạo đức của hắn, bằng cách là cuối cùng để cho người ta đâm chết đặng cứu đức ông hảo tâm của hắn. Khi Bộ xương giơ dao đâm ông

hoàng thì Dao bầu nắm lấy cánh tay của tên sát nhân. Bộ xương liền đâm hắn. Và lúc hấp hối. Dao bầu nói với Rô-đôn-phơ:

"Tôi có lý do nói rằng *cái thân giun dế* như tôi" (một con chó) "đôi khi cũng có thể có ích cho một vị *đức ông vĩ đại* như ông".

Thêm vào câu tuyên bố kiểu chó đó, một câu đã tóm tắt tất cả cuộc đời có tính phê phán của Dao bầu thì mảnh giấy trong miệng hắn nói:

"Thế là chúng ta hết nợ nần nhau, ông Rô-đôn-phơ nhé. Ông đã bảo rằng tôi có trái tim và lòng danh dự mà".

Thế rồi ông Sê-li-ga hết sức kêu lớn lên:

"Rô-đôn-phơ đã trả lại "Dao bầu" cho *nhân loại"* (?), "công lao lớn biết bao!".

2. SỰ BÓC TRẦN NHỮNG BÍ MẬT CỦA TÔN GIÁO CÓ TÍNH PHÊ PHÁN, HAY LÀ PHLƠ ĐƠ MA-RI[47]1*

a) "Hoa cúc" tư biện

Trước khi chuyển sang bàn về Phlơ đơ Ma-ri của Ơ-gien Xuy, chúng tôi còn phải nói đôi lời về "Hoa cúc" tư biện của ông Sê-li-ga.

"Hoa cúc" tư biện trước hết là một *sự sửa chữa* nào đó. Vấn đề là ở chỗ ông Sê-li-ga lo rằng bạn đọc có thể rút từ cấu tạo của ông ra kết luận rằng dường như Ơ-gien Xuy

"đã tách rời sự mô tả cơ sở khách quan" (mô tả "trật tự thế giới") "với sự phát triển của những lực lượng cá nhân đang tác động mà người ta chỉ có thể hiểu được trong mối liên hệ với cơ sở đó".

Ngoài nhiệm vụ sửa chữa sự hiểu lầm mà ông Sê-li-ga trình bày như vậy cho bạn đọc, Hoa cúc còn chấp hành một sứ

mệnh siêu hình khác trong bản "anh hùng ca của chúng ta" tức là "bản anh hùng ca" của ông Sê-li-ga.

https://thuviensach.vn

"Trật tự thế giới và những sự biến có tính anh hùng ca *còn chưa* kết hợp một cách nghệ thuật thành một chỉnh thể *thống nhất* thực sự nếu như chúng chỉ chằng chịt với nhau thành một mớ hỗn độn mầu sắc sặc sỡ và biểu hiện ra trước chúng ta dưới hình thức một sự biến đổi nhanh chóng khi là một mảnh trật tự thế giới" nào đó, khi là một màn kịch. Muốn hình thành *một thể thống nhất thực sự* thì cần làm cho cả hai yếu tố - những bí mật của *cái thế giới* hỗn độn ấy và sự sáng tỏ, sự thẳng thắn và lòng tin mà Rô-đôn-phơ dựa vào để thâm nhập và khám phá ra những bí mật đó - xung đột với nhau trong *một* cá nhân duy nhất... Hoa cúc cũng sẽ chấp hành nhiệm vụ đó".

Ông Sê-li-ga xây dựng Hoa cúc y hệt như Bau-ơ xây dựng *Đức mẹ*.

Một bên là *"cái có tính thần thánh" (Rô-đôn-phơ)* được gán cho là có "đủ mọi uy lực và tự do" và có nguyên tắc *năng động* duy nhất. Một bên là *"Trật tự thế giới"* tiêu cực với những con người thuộc về trật tự thế giới đó. Trật tự thế giới là "cơ sở của hiện thực". Muốn cho cơ sở đó không "bị hoàn toàn vứt bỏ", hoặc muốn cho "tàn dư cuối cùng của trạng thái tự nhiên không bị tiêu diệt", muốn cho bản thân thế giới còn hưởng được một phần nào đó "nguyên tắc phát triển" mà, đối lập với thế giới. Rô-đôn-phơ tập trung vào bản thân mình; muốn cho "cái có nhân tính không bị mô tả thành hoàn toàn không có tự do và không có tính năng động", - muốn tất cả những điều đó thì ông Sê-li-ga tất phải rơi vào "mâu thuẫn của ý thức tôn giáo". Mặc dù ông ta cắt rời trật tự thế giới với hoạt động của nó, do đó tạo ra nhị nguyên luận về quần chúng chết cứng và sự phê phán (Rô-đôn-phơ), ông ta lại vẫn buộc phải nhân nhượng cho thế giới và quần chúng có một số thuộc tính của thần và xây dựng ở Hoa cúc sự thống nhất tư biện của hai cái là Rô-đôn-phơ và thế giới (Xem "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau", tập I, tr. 39).

Ngoài những quan hệ thực tế tại giữa *chủ nhà* ("lực lượng
cá nhân" đang tác động) với *ngôi nhà* của anh ta ("cơ sở khách quan"), tư biện thần bí cũng như mỹ học tư biện còn cần có một nhân tố thứ ba là *sự thống nhất cụ thể và tư biện*, nghĩa là cần có một *chủ khách thể* hợp cả nhà lẫn chủ nhà vào cùng một nhân vật *duy nhất*. Vì tư biện không ưa nghiên cứu tỉ mỉ những môi giới tự nhiên nên nó không thấy rằng cùng "một mảnh trật tự thế giới" như ngôi nhà chẳng hạn, đối với người này - ví dụ đối với chủ ngôi nhà - thì là "cơ sở khách quan", còn đối với người khác - ví dụ người xây dựng ngôi nhà đó - thì lại là "một sự biến có tính anh hùng ca". Sự phê phán có tính phê phán chê trách "giáo điều về sự thống nhất" của "nghệ thuật lãng mạn", "thể thống nhất hiện thực" và với mục đích đó đem thay thế mối liên hệ tự nhiên và có tính người giữa trật tự thế giới và sự biến thế giới bằng một mối liên hệ ảo tưởng, một chủ - khách thể thần bí, giống như *Hê-ghen* đã đem thay thế mối quan hệ hiện thực giữa người và giới tự nhiên bằng một chủ - khách thể tuyệt đối vừa là toàn thể giới tự nhiên vừa là toàn thể nhân loại, tức *tinh thần tuyệt đối.*

Ở Hoa cúc có tính phê phán, "tội lỗi phổ biến của thời đại, tội lỗi của bí mật" trở thành *"bí mật của tội lỗi"*, hệt như ở anh hàng xén nợ nần chồng chất, tội lỗi phổ biến của bí mật trở thành *bí mật của nợ nần.*

Căn cứ vào việc xây dựng ra Đức Mẹ thì Hoa cúc *nói cho đúng ra* phải là *mẹ của Rô-đôn-phơ,* đấng cứu thế mới. Chính Sê-li-ga cũng đã tuyên bố như vậy:

https://thuviensach.vn

"Tính nhất quán lô-gích yêu cầu Rô-đôn-phơ phải là *con trai* của Hoa cúc".

Nhưng vì Rô-đôn-phơ không phải là con trai mà là bố đẻ của Hoa cúc, nên ông Sê-li-ga đã khám được ở trong đó "một bí mật mới tức là thường thường hiện tại không sinh ra tương lai từ trong lòng nó mà lại sinh ra quá khứ đã mất đi từ lâu rồi". Hơn

nữa, ông ta còn khám phá ra một bí mật khác lớn hơn và trực tiếp mâu thuẫn với thống kê học của quần chúng, tức là "một đứa trẻ nếu như đến lượt nó không trở thành người cha hoặc người mẹ mà lại chết đi trong trắng và ngây thơ... thì xét *về bản chất...* là *con gái"*.

Tư tưởng của ông Sê-li-ga hoàn toàn nhất trí với tư biện của Hê-ghen khi ông "căn cứ vào tính nhất quán lô-gích" mà cho rằng con gái là mẹ của cha cô. Trong triết học lịch sử cũng như trong triết học tự nhiên, đạo Cơ Đốc đẻ ra tà giáo, kết quả đẻ ra nguyên nhân.

Sau khi chứng minh rằng "do tính nhất quán lô-gích" Hoa cúc phải là mẹ của Rô-đôn-phơ, ông Sê-li-ga tiếp theo đó lại chứng minh một điều trái ngược: "để hoàn toàn phù hợp với quan niệm mà nàng là hiện thân trong bản anh hùng ca *của chúng ta, nàng không bao giờ nên trở thành người mẹ"*. Điều đó ít ra cũng chứng minh quan niệm về anh hùng ca của chúng ta và tính nhất quán lô-gích của ông Sê-li-ga là mâu thuẫn nhau.

Hoa cúc tư biện chẳng qua chỉ là *"hiện thân của quan niệm"*. Nhưng quan niệm gì chứ" "Nhiệm vụ mà nàng vẫn đảm đương *dường như* là mô tả giọt lệ đau khổ cuối cùng mà quá khứ đã để rơi trước khi biến đi mãi mãi". Nàng là hình ảnh của giọt nước mắt ngụ ý, và thậm chí cái vai trò cỏn con đó của mình, nàng vẫn chỉ *"dường như"* đóng nó mà thôi.

Chúng tôi cũng không theo dõi sự miêu tả về sau của ông Sê-li-ga về Hoa cúc. Chúng tôi để mặc cho nàng theo chỉ thị của ông Sê-li-ga mà vui thú "hình thành sự đối lập *kiên quyết nhất* đối với *bất cứ ai"*, một sự đối lập thần bí cũng thần bí như đặc tính của thượng đế.

Chúng tôi cũng không có ý định truy cứu đến cùng *"bí mật thực sự"* mà *"thượng đế* đã chôn vào lòng người" và Hoa cúc tư biện "dường như vẫn" chỉ ra. Chúng tôi tạm thời bỏ Hoa cúc của

ông Sê-li-ga để chuyển sang xem Phlơ đơ Ma-ri của Ơ-gien Xuy và những phép mầu có tính phê phán mà nhà cứu nhân độ thế Rô-đôn-phơ đã thực hiện ở nàng.

b) Phlơ đơ Ma-ri

Chúng tôi gặp Phlơ đơ Ma-ri trong đám tội phạm, như là một cô gái điếm, làm nô lệ cho mụ chủ quán rượu chứa chấp bọn tội phạm. Mặc dù sống trong cảnh nhục nhã đó, nàng vẫn giữ được tâm hồn cao thượng của con người, tính tự nhiên, vẻ đẹp của con người. Những phẩm chất đó làm cho những người xung quanh phải kính nể, khiến cho nàng thành bông hoa thơ mộng trong đám tội phạm và xác định cho nàng cái tên gọi Phlơ đơ Ma-ri.

Cần quan sát kỹ lưỡng Phlơ đơ Ma-ri ngay khi nàng mới ra mắt để có thể *so sánh hình dáng đầu tiên* của nàng với *biến dạng có tính phê phán* của hình dạng đó.

https://thuviensach.vn

Tuy liễu yếu đào tơ nhưng Phlơ đơ Ma-ri cũng biểu hiện ngay là nàng đầy sức sống, tinh lực dồi dào, tâm hồn vui vẻ, tính tình hoạt bát, nghĩa là những phẩm chất mà riêng chúng cũng có thể giải thích sự phát triển hợp tính người của nàng trong hoàn cảnh *không có tính người* của nàng.

Chống cự lại Dao bầu xông tới đâm nàng, nàng tự bảo vệ bằng kéo. Đây là cảnh khi chúng ta gặp nàng lần đầu. Trong cảnh đó, trước mắt chúng ta, nàng không phải là một con cừu non không có khả năng tự vệ, cúi đầu khuất phục trước bạo lực, mà là một cô gái biết bảo vệ quyền lợi của mình và có thể kiên trì đấu tranh.

Tại quán rượu của bọn tội phạn ở phố Phe-vơ, nàng thuật lại cho Dao bầu và Rô-đôn-phơ nghe cuộc đời của mình. Trong khi thuật lại, nàng đã dùng cái *cười* để đáp lại sự châm chọc của Dao bầu. Nàng tự chê trách là sau khi ra tù nàng đã vung phí vào du lịch và trang sức mất tất cả ba trăm phrăng mà nàng kiếm được trong tù, đáng lẽ ra thì nên đi kiếm việc làm, "nhưng chẳng có ai khuyên bảo em cả". Việc hồi tưởng lại cái thảm hoạ trong đời
sống của nàng là bán mình cho mụ chủ quán rượu của bọn tội phạm làm cho nàng cảm thấy buồn bã. Bấy giờ lần đầu tiên trong đời, nàng nhớ lại tất cả những sự biến ấy... "Thật thế, em cứ nghĩ đến quá khứ là đau lòng... làm một người thành thực tất là rất tốt". Dao bầu châm chọc: "Ừ, thì cứ để cho nàng làm người thành thực đi", nàng liền kêu lên: "Thành thực! trời ơi! anh bảo em có thể thành thực bằng cách nào chứ!? Nàng kiên quyết tuyên bố rằng "Em không phải là kẻ hay khóc sướt mướt" ("je ne suis pas pleurnicheuse"), nhưng tình cảnh sinh hoạt của nàng thật đáng buồn - "điều đó rất không vui". Sau hết, trái với *sự sám hối* theo lối đạo Cơ Đốc thì đối với quá khứ của mình, nàng nêu lên cái nguyên tắc có tính người vừa có tính cách *xtô-i-xiêng* vừa có tính cách *ê-pi-quya-riêng*, nguyên tắc của con người tự do và kiên cường:

"*Rút cục, cái gì đã làm là đã làm rồi!*".

Bây giờ chúng ta hãy theo Phlơ đơ Ma-ri trong cuộc dạo chơi đầu tiên với Rô-đôn-phơ.

"Nghĩ tới tình cảnh ghê sợ của mình, chắc cô thường cảm thấy đau khổ phải không?" - Rô-đôn-phơ khao khát mở một cuộc bàn luận về đạo đức, cất tiếng hỏi như vậy.

Cô gái trả lời:

"Vâng, em đã nhiều lần ngắm nhìn sông Xen qua dãy lan can, nhưng sau đó em ngoảnh lại nhìn những bông hoa và vừng thái dương và tự nhủ rằng: sông sẽ cứ ở mãi đây, còn ta mới hơn 16 xuân xanh. Nào ai biết nhỉ? Trong giờ phút đó, em cảm thấy mình không đáng bị cái số phận đó, em cảm thấy mình còn có cái gì tốt đẹp. Em tự nhủ rằng đã nếm đủ mùi đau khổ, nhưng ít ra xưa nay mình chưa từng hại ai cả".

Như vậy là Phlơ đơ Ma-ri coi tình cảnh của mình không phải là cái kết quả mà nàng tự do sáng tạo ra, không phải là sự biểu hiện của cá nhân nàng, mà là một số phận không xứng đáng với nàng. Số phận không may đó có thể thay đổi. Nàng còn rất trẻ.

Trong quan niệm của Ma-ri, *thiện* và *ác* không phải là *những khái niệm đạo đức trừu tượng* về thiện và ác. Nàng sở dĩ *thiện*

https://thuviensach.vn

là vì nàng không làm ai *đau khổ* cả, nàng bao giờ cũng đối xử một cách *hợp với tính người* đối với hoàn cảnh không có tính người. Nàng sở dĩ *thiện* là vì mặt trời và hoa đã vạch ra cho nàng cái bản tính trong trắng như mặt trời và hoa của nàng. Cuối cùng nàng sở dĩ *thiện* là vì nàng *còn trẻ*, còn chứa chan hy vọng và đầy sức sống. Cảnh ngộ của nàng *không tốt* vì nó gây ra một sự cưỡng bức không tự nhiên đối với nàng, vì nó không phải là sự biểu hiện những thiên tính có tính người của nàng, vì nó không phải là sự thực hiện những nguyện vọng có tính người của nàng, vì nó đày đoạ người ta và chẳng có lạc thú gì. Không phải nàng dùng *lý tưởng về thiện* mà là dùng *cá tính vốn có* của mình, *bản tính tự nhiên* của mình làm thước đo cảnh ngộ sinh hoạt của mình.

Trong lòng *giới tự nhiên*, nơi mà xiềng xích của đời sống tư sản đã rời bỏ, Phlơ đơ Ma-ri có thể tự do biểu hiện bản tính của mình, do đó bộc lộ thú vui sống trên đời, tình cảm dạt dào, niềm vui say sưa hợp tính người trước cái đẹp của tự nhiên, tất cả những cái đó đều chứng tỏ rằng cảnh ngộ của nàng trong xã hội tư sản chỉ mới làm tổn thương cái bề mặt của bản chất của nàng, rằng cảnh ngộ đó chỉ là vận rủi mà thôi, còn bản thân nàng thì chẳng thiện cũng chẳng ác, chỉ có *tính người thôi.*

"Ngài Rô-đôn-phơ ơi, hạnh phúc biết bao !... cỏ cây, đồng nội !... Nếu ngài cho phép em xuống xe thì tốt lắm... Trời đẹp quá... Em muốn chạy nhảy trên những bãi cỏ này quá chừng!".

Bước xuống xe ngựa nàng đi hái nhiều bông hoa cho Rô-đôn-phơ và "vui đến nỗi cơ hồ không nói nên lời", v.v..

Rô-đôn-phơ bảo nàng rằng ông sẽ đưa nàng đến *ấp trại của bà Giooc-giơ*. Nơi đây nàng sẽ thấy những chuồng chim câu và chuồng bò, nơi đây sẽ có sữa, có bơ, hoa quả, v.v.. Đấy là những *ân trời* đối với cô bé này. Nàng sẽ *thích thú* lắm, - đấy là ý nghĩ chủ yếu của nàng. "Thậm chí ngài cũng không thể tưởng tượng rằng em muốn vui chơi biết nhường nào". Nàng nói một cách rất ngây

thơ với Rô-đôn-phơ rằng số phận không may của nàng là do tự bản thân nàng gây ra: "Mọi việc đã xảy ra là do em không biết tiết kiệm tiền bạc". Cho nên nàng khuyên Rô-đôn-phơ nên tiết kiệm và gửi tiền vào quỹ tiết kiệm. Trí tưởng tượng của nàng hoàn toàn tập trung vào những toà lâu đài trên không mà Rô-đôn-phơ xây dựng cho nàng. Nàng trở nên sầu muộn chỉ vì nàng "đã quên mất *hiện tại"* và "sự trái ngược giữa hiện tại đó với ảo tưởng về một cuộc đời tươi vui khiến nàng tưởng nhớ lại cảnh ngộ đáng kinh sợ của mình".

Cho tới đây, chúng ta thấy Phlơ đơ Ma-ri trong bộ mặt lúc đầu không có tính phê phán của nàng. Ở đây Ơ-gien Xuy đã vượt lên trên thế giới quan hạn chế của mình. Ông đả kích vào những thiên kiến của giai cấp tư sản. Bây giờ ông trao Phlơ đơ Ma-ri cho nhân vật chính là Rô-đôn-phơ để tạ cái tội ngạo mạn của mình, để được sự tán dương của các ông già bà già, của toàn thể cảnh sát Pa-ri, của tôn giáo hiện hành và của "sự phê phán có tính phê phán".

Rô-đôn-phơ trao Phlơ đơ Ma-ri cho bà Giooc-giơ - một bà già bất hạnh mắc bệnh u buồn và mê tín - trông nom. Bà đón tiếp ngay cô gái trẻ với những lời nói ngọt ngào: *"Thượng đế*

https://thuviensach.vn

ban phúc lành cho những kẻ yêu Người và sợ Người... những kẻ bất hạnh và hối lỗi". Rô-đôn-phơ, vĩ nhân của sự phê phán thuần tuý" đã cho gọi *La-poóc-tơ*, một linh mục đáng thương và đầy óc thành kiến. Vị linh mục này được giao nhiệm vụ cải tạo một cách có phê phán tính cách của Phlơ đơ Ma-ri.

Ma-ri vui vẻ và ngây thơ đến gặp vị linh mục già này. Với sự thô bạo kiểu Cơ Đốc giáo vốn có của ông, *Ơ-gien Xuy* để cho một thứ "bản năng đáng kinh ngạc" tỉ tê với Ma-ri rằng *"sự hổ thẹn* sẽ chấm dứt ở nơi mà sự *sám hối* và *chuộc tội* bắt đầu", nghĩa là ngay trong nhà thờ, nơi duy nhất cứu vớt được con người. Ông ta quên khuấy đi sự ngay thẳng vui vẻ của Ma-ri trong cuộc du lịch, sự vui thích mà cái đẹp của tự nhiên và tình thân ái của Rô-đôn-phơ đã làm "nảy nở và chỉ tiêu tan đi khi nàng nghĩ đến mình phải trở về với mụ chủ quán của những kẻ phạm tội.

Linh mục La-poóc-tơ tỏ ngay ra có một thái độ *siêu phàm xuất chúng*. Câu nói đầu tiên của ông ta là:

"Lòng nhân từ của *Thượng đế* thật vô cùng vô tận, con yêu quý ạ ! Người đã chứng tỏ cho con thấy điều đó bằng cách không vứt bỏ con khi con đau khổ... Con người độ lượng cứu vớt con khỏi bước đường cùng đã thực hiện *lời nói trong Kinh thánh"* (xin chú ý: thực hiện lời nói trong Kinh thánh chứ không phải mục đích của con người). "Kẻ nào gọi Chúa, Chúa sẽ phù hộ, kẻ nào kêu gọi Chúa, Chúa sẽ thể theo ý nguyện của kẻ đó. Chúa sẽ nghe lời kêu than của kẻ đó và cứu vớt kẻ đó... Chúa sẽ hoàn thành sự nghiệp của Chúa".

Ma-ri chưa hiểu dụng ý *độc ác* và lời thuyết giáo đó của linh mục. Nàng trả lời:

"Con sẽ cầu nguyện cho những ai nhân từ với con và đưa con về với Chúa".

Nàng trước hết nghĩ đến *con người* đã cứu vớt nàng chứ *không phải* nghĩ tới thượng đế và nàng muốn cầu nguyện cho *người đó* chứ không phải cầu nguyện cho sự xá tội *của mình*. Nàng hy vọng lời cầu nguyện của nàng có thể cứu vớt người khác. Hơn nữa, nàng còn ngây thơ đến nỗi tưởng mình *đã trở về* với thượng đế rồi. Linh mục cho rằng mình cần phải đập tan cái ảo tưởng trái với lòng tin ấy. Ông ngắt lời nàng:

"Chẳng bao lâu nữa con sẽ được xá tội, sẽ được tha thứ những tội lỗi của con... vì đúng như đấng tiên tri đã nói. Chúa phù hộ cho tất cả những người sắp sa ngã".

Xin chú ý lời nói xa lạ với tính người của vị linh mục: chẳng bao lâu nữa con sẽ được xá tội! Tội lỗi của con *còn chưa được tha thứ.*

Khi gặp người con gái, La-poóc-tơ cố sức thức tỉnh ở nàng *ý thức về tội lỗi*, còn khi chia tay nàng, Rô-đôn-phơ lại tặng nàng chiếc *thập ác* bằng vàng tượng trưng cho tội *đóng đanh câu rút* đang chờ đợi nàng.

Ma-ri đã sống một thời gian trong ấp trại của bà Gioóc-giơ. Trước hết chúng ta hãy nghe trộm câu chuyện giữa vị linh mục

già La-poóc-tơ với bà Gioóc-giơ. Vị linh mục cho rằng người ta không thể nghĩ tới việc "gả chồng" cho Ma-ri "vì dù có mọi sự bảo đảm của La-poóc-tơ cũng chẳng có người đàn ông

https://thuviensach.vn

nào dám bất chấp cái quá khứ đã làm nhơ nhớp tuổi xuân của nàng". Ông nói thêm rằng nàng "phải chuộc lại những tội ác lớn" và "ý thức về đạo đức ắt sẽ tránh cho nàng khỏi sa ngã". Giống như anh tư sản mạt hạng, ông ta chứng minh khả năng giữ gìn đạo đức: "Ở Pa-ri, có nhiều tấm lòng từ thiện". Vị linh mục giả nhân giả nghĩa cũng thừa biết rằng từng giờ từng phút những người Pa-ri từ thiện đó thờ ơ đi qua bên cạnh những cô bé 7, 8 tuổi bán rong diêm hoặc những hàng tương tự đến tận nửa đêm, trên những phố huyên náo nhất, giống như Ma-ri thuở trước, và số phận sau này của các em ấy hầu hết cũng sẽ chẳng khác gì số phận Ma-ri.

Vị linh mục tự đặt cho mình nhiệm vụ làm cho Ma-ri *sám hối;* trong thâm tâm, ông ta đã *định tội* của nàng rồi. Chúng ta hãy theo dõi Phlơ đơ Ma-ri trong một cuộc dạo chơi buổi chiều khi tiễn linh mục về nhà.

"Con của ta ơi" - vị linh mục bắt đầu cất tiếng ngọt ngào "con ơi hãy nhìn ra chân trời bao la, mà lúc này mắt ta không thấy nó tận cùng ở đâu nữa" (đó là buổi chiều tối). "Ta có cảm giác rằng sự im lặng và bao la này dường như cho ta ý niệm về sự vĩnh cửu... Ta nói với con điều này, Ma-ri ạ, vì con là người dễ nhạy cảm với cái đẹp của sáng tạo... Ta luôn xúc động khi thấy sự im lặng và bao la đó gây một khoái cảm tôn giáo cho con - một con người đã từ lâu không có cảm xúc tôn giáo.

Vị linh mục đã thành công trong việc biến sự say sưa trong trắng ngây thơ của Ma-ri trước cái đẹp của tự nhiên thành sự sùng bái *tôn giáo*. Đối với nàng, *tự nhiên* đã bị hạ thấp xuống đến mức được nàng coi là tự nhiên *Cơ Đốc hoá*, sùng đạo, là *tạo vật*. Bầu trời trong sáng đã bị bôi nhọ và biến thành sự tượng trưng mờ nhạt cho *sự vĩnh cửu* bất động. Ma-ri hiểu rằng tất cả mọi biểu hiện có tính người của bản chất của nàng đều là *"tội lỗi"*, xa rời tôn giáo, xa rời ơn trên chân chính, là vô đạo, vô thần. Vị linh mục cần làm cho Ma-ri tự cảm thấy mình xấu xa ô uế và

cần thiêu huỷ tất cả mọi lực lượng tự nhiên và tinh thần của cô gái đó để cho cô tiếp nhận được cái ân siêu tự nhiên mà ông đã hứa hẹn, tức chịu *lễ rửa tội.*

Khi Ma-ri muốn xưng tội về một điều gì đó với linh mục và cầu xin vị linh mục sự tha thứ thì ông ta trả lời:

"Chúa đã chứng minh với con rằng Người vốn nhân từ".

Ma-ri không nên coi sự khoan dung mà nàng được hưởng là quan hệ tự nhiên và dĩ nhiên giữa một con người đồng chủng đối với nàng, một con người khác, đồng loại, mà phải coi đó là lòng từ thiện và khoan dung thần bí, siêu tự nhiên, siêu nhân loại, và phải coi *sự khoan dung của con người* là *lòng từ thiện của thượng đế.* Nàng phải biến tất cả những quan hệ tự nhiên và có tính chất người thành mối *quan hệ ở* thế giới bên kia *với thượng đế.* Cách trả lời của Phlơ đơ Ma-ri đối với những câu nói suông của vị linh mục về lòng nhân từ của thượng đế chứng tỏ rằng giáo lý tân giáo đã làm cho nàng sa đoạ đến mức nào rồi.

Nàng bảo rằng một khi nàng ở trong một hoàn cảnh mới, tốt đẹp hơn thì nàng chỉ cảm thấy *có hạnh phúc mới:*

https://thuviensach.vn

"Lúc nào con cũng tưởng nhớ ông Rô-đôn-phơ. Con thường thường ngước mắt lên trời nhưng không phải để tìm thượng đế mà tìm Rô-đôn-phơ để tạ ơn ông. Đúng thế, thưa cha, con đã *tự trách mình về điều đó;* con đã *nghĩ* đến ông ấy *nhiều* hơn là thượng đế, vì ông ấy đã làm cho con cái mà duy chỉ thượng đế mới làm được... Con *sung sướng*, sung sướng như một người đã vĩnh viễn thoát khỏi một nguy hiểm lớn".

Phlơ đơ Ma-ri đã cho rằng việc mình tiếp thu hoàn cảnh hạnh phúc mới trong đời sống, đúng như nó *thực sự* biểu hiện ra rằng việc mình cảm thấy nó là một hạnh phúc mới, rằng việc có một thái độ tự nhiên chứ không phải siêu tự nhiên đối với hoàn cảnh đó, là việc đáng trách. Nàng trách mình là đã coi người cứu mình đúng như *trong thực tế*, là cứu tinh của mình, chứ không thay thế người đó bằng vị cứu tinh trong tưởng tượng tức *thượng đế*. Nàng đã nhiễm phải sự giả nhân giả nghĩa của tôn giáo, nó đem sự cảm

ơn của ta đối với *người khác* quy vào thượng đế và nhất loạt coi tất cả mọi cái gì hợp với tính người trong con người là xa lạ với con người và nhất loạt coi tất cả mọi cái gì trái với tính người trong con người là sở hữu *thực sự* của con người.

Ma-ri kể tiếp rằng *sự chuyển biến tôn giáo* trong tư tưởng, tình cảm của nàng và trong thái độ của nàng đối với cuộc sống là nhờ bà Giooc-giơ và La-poóc-tơ.

"Khi ông Rô-đôn-phơ đưa con ra khỏi thành phố, con đã có ý thức lờ mờ về sự thấp kém của địa vị của con. Nhưng sự dạy dỗ, khuyên bảo và tấm gương sáng của cha và của bà Giooc-giơ khiến con có thể hiểu rằng... trước kia con đã có tội đúng hơn là bất hạnh... Cha và bà Giooc-giơ đã làm con hiểu được rằng tội lỗi của con nặng nề vô cùng".

Như vậy nghĩa là nàng phải chịu ơn bà Giooc-giơ và linh mục La-poóc-tơ về chỗ thay cho ý thức có tính người, do đó có thể chịu đựng được về địa vị thấp kém của mình, nàng đã thấm nhuần được ý thức Cơ Đốc giáo do đó không thể chịu đựng được về tội lỗi vô hạn của mình. Vị linh mục và và Giooc-giơ giả nhân giả nghĩa đã dạy nàng tự xét mình theo *quan điểm của đạo Cơ Đốc*.

Ma-ri cảm thấy tất cả sự đau khổ về tinh thần mà nàng gặp phải. Nàng nói:

"Sự thức tỉnh của ý thức về thiện ác là đáng sợ cho con như vậy thì tại sao người ta không phó mặc con cho số phận hẩm hiu ?... Nếu người ta bỏ mặc con trong cái vực thẳm trước kia thì có lẽ sự cùng khốn và những trận đòn đã nhanh chóng kết liễu đời con, ít ra con cũng chết mà không biết gì đến sự trong trắng mà dù con thèm khát thế nào cũng không bao giờ đạt được".

Vị linh mục sắt đá trả lời:

"Ngay một con người phẩm chất cao thượng nhất, nếu như chìm ngập một ngày trong hố bùn mà con người cứu khỏi ấy, sau khi ra rồi cũng *sẽ lưu lại trên trán một vết nhơ không bao giờ gột sạch*. Đây là *quy tắc không thể lay chuyển của pháp luật thượng đế"*.

Phlơ đơ Ma-ri đau xót thấm thía trước *lời nguyền rủa* ngọt ngào của *vị linh mục* liền kêu lên:

"Vậy, cha thấy đó, con sẽ tuyệt vọng suốt đời rồi".

Tên nô lệ già nua của tôn giáo trả lời:

https://thuviensach.vn

"Con phải từ bỏ mọi hy vọng xé bỏ cái trang bi thảm đó trong đời sống của con, nhưng còn phải chờ mong *lòng nhân từ vô hạn của thượng đế*. Nơi đây, *trên trần thế*, con đáng thương của ta ! con chỉ được có nước mắt, sám hối, chuộc tội, nhưng một ngày kia, trên kia, *nơi thiên đường*, con sẽ được xá tội và *hạnh phúc đời đời*.

Ma-ri chưa mất lý trí đến mức tự an ủi bằng hạnh phúc đời đời và sự xá tội trên thiên đường.

"Xin hãy thương con, xin thượng đế hãy thương con ! - nàng kêu lên - Con còn trẻ như thế này... Ôi! bất hạnh cho con biết bao !".

Bây giờ sự nguy hiểm giả nhân giả nghĩa của vị linh mục đã lên tới cực điểm:

"Trái hẳn lại, đây là hạnh phúc của con, Ma-ri ạ! hạnh phúc của con ! Chúa khiến con phải hối hận, một sự hối hận đau khổ nhưng tốt lành, nó chứng minh tính cảm thụ *tôn giáo* của linh hồn con... Mỗi đau khổ của con đều sẽ được đền bù trên thiên đường. Hãy tin lời ta. Thượng đế đã nhất thời để con đi vào đường ta, để sau này dành cho con *cái vinh dự của sám hối* và phần thưởng đời đời xứng đáng với *sự chuộc tội"*.

Từ đó trở đi, Ma-ri đã trở thành *nô lệ cho cái ý thức về tội lỗi của mình*. Nếu như trước đây trong hoàn cảnh bất hạnh nhất, nàng đã biết bồi dưỡng cho mình cái cá tính người đáng yêu, trong điều kiện khuất phục cùng cực bên ngoài, nàng đã nhận thức được rằng bản chất *người của mình* là *bản chất thực sự của mình*, thì giờ đây, dưới con mắt của nàng, cái dơ bẩn của xã hội hiện đại làm tổn thương nàng ở bên ngoài lại trở thành bản chất nội tại của nàng; do đó, sự tự dằn vặt thường xuyên bằng cách nhớ lại vết nhơ đó đã trở thành nghĩa vụ của nàng, đã trở thành nhiệm vụ sống mà chính thượng đế đã định sẵn cho nàng, đã trở thành cái mục đích tự nó của sự tồn tại của nàng. Nếu trước kia nàng còn khoe khoang rằng: "em không phải là kẻ hay khóc sướt mướt", và cho rằng "cái gì đã làm là đã làm rồi" thì giờ đây, đối với nàng, sự tự dằn vặt đã trở thành *một điều tốt lành*, còn sự sám hối đã trở thành *một vinh dự*.

Sau này, người ta phát hiện rằng Phlơ đơ Ma-ri là con gái của Rô-đôn-phơ. Khi chúng ta lại gặp nàng thì nàng trở thành quận chúa Giê-rôn-stanh. Chúng ta hãy nghe câu chuyện nàng nói với cha.

"Con đã phí công cầu nguyện thượng đế cứu con thoát khỏi những sự ám ảnh đó, cho trái tim con chỉ tràn ngập lòng thành kính đối với thượng đế và những niềm hy vọng thiêng liêng, sau hết để thượng đế hoàn toàn tiếp nhận con vì con muốn hoàn toàn hiến mình cho Người... Nhưng thượng đế không lắng nghe lời cầu nguyện của con, chắc hẳn đó là vì sự quyến luyến của con *đối với trần tục* khiến con không xứng đáng giao thiệp với Người".

Sau khi hiểu rằng, những lầm lạc của mình đều là những tội lỗi vô hạn đối với thượng đế thì người ta chỉ tin chắc là được thượng đế *cứu vớt* và rủ lòng *từ bi* khi người ta *hoàn toàn* hiến dâng mình cho thượng đế và hoàn toàn không màng tưởng gì đến cõi đời và việc trần. Sau khi Phlơ đơ Ma-ri hiểu rằng việc nàng thoát khỏi cảnh ngộ không có tính người là một phép màu của *thượng đế* thì *bản thân* nàng phải biến thành một *thánh đồ* để xứng đáng với *phép màu* đó. Tình yêu nhân loại của nàng phải chuyển hoá thành tình yêu tôn giáo, sự ham thích hạnh phúc trên trần phải chuyển hoá thành sự ngưỡng vọng tới hạnh phúc đời đời, sự thoả mãn trần tục phải chuyển hoá thành niềm hy vọng thiêng liêng, sự giao thiệp với người

https://thuviensach.vn

đời phải chuyển hoá thành sự giao thiệp với thượng đế. Thượng đế phải hoàn toàn nắm lấy nàng. Bản thân nàng vạch ra cho chúng ta thấy cái bí mật vì sao thượng đế không hoàn toàn nắm lấy nàng. Nàng còn chưa hoàn toàn *hiến dâng* mình cho thượng đế, trái tim nàng còn bị việc trần chi phối. Đó là tia chớp cuối cùng của bản tính lành mạnh của nàng. Cuối cùng nàng đã hoàn toàn hiến dâng cho thượng đế bằng cách hoàn toàn từ bỏ cõi trần và bước vào *tu viện.*

"Tu viện không phải là nơi
Của kẻ nào không có tội lỗi
Thật nhiều và thật lớn
Đến mức cả sớm lẫn chiều
không thể gặp được niềm tin
được ăn năn hối lỗi".

(Gơ-tơ)[78]

Nhờ mánh khoé của Rô-đôn-phơ, ở tu viện, Phlơ đơ Ma-ri được chức thánh *viện trưởng nữ tu viện*. Ban đầu nàng từ chối chức vị đó cho rằng mình không đủ tư cách. Mụ viện trưởng cũ khuyên nàng:

"Con yêu quý, ta nói thêm đôi lời: trước khi vào giáo hội, đời con lầm lạc bao nhiêu thì trái lại cũng trong trắng và đáng khen bấy nhiêu *nên những đức hạnh phúc âm* mà con đã nêu gương ở đây từ khi con đến với chúng ta, đã đền bù và chuộc lại được trước mặt Chúa bất cứ quá khứ tội lỗi nặng nề như thế nào".

Qua lời nói của viện trưởng nữ tu viện, chúng ta thấy rằng những đức hạnh trần tục của Phlơ đơ Ma-ri đều biến thành những đức hạnh phúc âm, hoặc nói đúng hơn, những đức hạnh thực tế của nàng phải biểu hiện dưới hình thức biếm hoạ phúc âm.

Ma-ri trả lời viện trưởng nữ tu viện:

"Thưa đức mẹ, con cho rằng hiện nay con có thể đồng ý nhận chức vị đó được".

Đời sống ở tu viện không thích hợp với cá tính của Ma-ri - nàng chết. Đạo Cơ Đốc chỉ an ủi nàng trong tưởng tượng. Hoặc sự an ủi của đạo Cơ Đốc đối với nàng chính là sự tiêu diệt đời sống hiện thực và bản chất hiện thực của nàng, là cái chết của nàng.

Như vậy là lúc đầu Rô-đôn-phơ đã biến Phlơ đơ Ma-ri thành một cô gái có tội chết ăn năn hối lỗi, tiếp đó biến cô gái có tội biết ăn năn hối lỗi thành nữ tu sĩ, cuối cùng biến nữ tu sĩ thành thây ma. Khi chôn cất nàng, ngoài vị linh mục Cơ Đốc ra còn có *vị linh mục* phê phán là Sê-li-ga đọc điếu văn.

Sê-li-ga gọi cuộc đời *"vô tội"* của Phlơ đơ Ma-ri là cuộc đời *"tạm"* và đối lập cuộc đời đó với "tội lỗi vĩnh viễn và khó quên". Ông ta ca tụng nàng, ông nói *"hơi thở cuối cùng"* của nàng là "lời cầu nguyện lòng nhân từ và sự tha thứ". Nhưng giống như vị mục sư tin lành, sau khi trình bày tính tất yếu của ơn trên của Chúa, sự góp phần của người chết vào tội tổ tông

https://thuviensach.vn

phổ biến và ý thức mạnh mẽ của người chết về tội lỗi của mình, liền quay sang ca tụng *theo lối trần tục* đức hạnh của người chết, ông Sê-li-ga cũng đã dùng đến lối nói như sau:

"Và dù sao *bản thân nàng* cũng không việc gì mà phải cầu xin sự tha thứ".

Cuối cùng, ông ta đặt lên mộ Ma-ri đoá hoa khô héo nhất của tài hùng biện giáo hội:

"Với trái tim trong trắng hiếm thấy ở con người, nàng đã vĩnh viễn từ biệt cõi đời".

A-men!

3. SỰ BÓC TRẦN NHỮNG BÍ MẬT CỦA PHÁP LUẬT

a) Thầy giáo, hay là lý luận mới về hình phạt. Bí mật đã bị bóc trần của chế độ buồng giam cá nhân. Những bí mật của y học

Thày giáo là một tội phạm có thể chất mạnh như Héc-quyn và có nghị lực tinh thần dồi dào. Xét theo trình độ giáo dục thì y là một người có học thức và có giáo dục. Là một lực sĩ tính nóng như lửa, y xung đột với pháp luật và tập quán của xã hội tư bản mà tiêu chuẩn chung là sự tầm thường, tinh thần mềm yếu và sự giao dịch êm thắm. Y trở thành kẻ giết người và sa ngã vào sự phóng đãng, đàng điếm như một người bẩm tính cường bạo mà không tìm đâu được hoạt động thích đáng có tính người.

Rô-đôn-phơ vớ lấy tên tội phạm này. Ông ta muốn cải tạo y một cách phê phán và dùng y để sáng tạo ra một tấm gương cho giới *pháp luật*. Sự tranh chấp giữa ông ta với giới pháp luật không

phải là về bản thân *"hình phạt"* mà là về *các loại và phương thức* của hình phạt. Theo câu nói độc đáo của một y sĩ da đen là Đa-vít thì Rô-đôn-phơ đã phát minh ra một thứ lý luận về hình phạt xứng đáng với *"luật gia nghiên cứu về luật hình vĩ đại nhất ở nước Đức"* và từ đó, lý luận ấy thậm chí có cái may mắn là được một nhà nghiên cứu luật hình người Đức ủng hộ một cách nghiêm túc theo kiểu Đức và triệt để theo kiểu Đức. Rô-đôn-phơ thậm chí không ngờ rằng có thể vượt lên *trên* các luật gia nghiên cứu về luật hình; tham vọng của ông ta là muốn trở thành *"một luật gia nghiên cứu về luật hình vĩ đại nhất"*, primus inter pares[48]1*. Ông ta sai vị y sĩ da đen Đa-vít *làm mù mắt* Thày giáo.

Ban đầu, Rô-đôn-phơ lắp đi lắp lại mãi những lời bác bỏ đã nhằm chống lại tử hình: tử hình chẳng có tác dụng gì đối với tội phạm, chẳng có tác dụng gì đối với nhân dân, nhân dân chỉ nhìn thấy đấy là một trò tiêu khiển.

Ngoài ra, ông ta xác định sự khác nhau giữa Thày giáo và *linh hồn* của Thày giáo. Cái mà ông ta muốn không phải là cứu vớt con người Thày giáo *thực tế* mà là *cứu vớt tinh thần* cho *linh hồn* của Thày giáo. Ông ta lên giọng dạy đời rằng:

"Cứu vớt một linh hồn là sự nghiệp thiêng liêng... Chúa cứu thế đã phán bảo: mỗi tội lỗi đều có thể *chuộc* được nhưng chỉ là đối với ai thành tâm sám hối và *chuộc tội*... Quá trình từ toà án đến đoạn đầu đài là quá ư ngắn ngủi... Ngươi" (Thày giáo) "đã lạm dụng *sức lực* của mình để làm bậy... ta *sẽ làm tê liệt* sức lực của người... Ngươi sẽ phải run sợ trước những kẻ yếu đuối nhất... Hình phạt của ngươi sẽ tương xứng với tội lỗi của ngươi... nhưng hình phạt đáng sợ đó ít ra cũng dành cho

https://thuviensach.vn

người chân trời *hối cải* vô hạn... ta chỉ bắt ngươi xa rời thế giới bên ngoài để ngươi chìm đắm trong đêm tối mịt mùng, *một mình* hồi tưởng lại tội lỗi của mình... Ngươi sẽ buộc phải nhìn lại chính mình... Cái ý thức của ngươi đã bị ngươi hạ thấp đi, sẽ thức tỉnh và sẽ đưa người tới hối cải.

Rô-đôn-phơ coi *linh hồn* là *thiêng liêng*, và *thể xác* con người là *trần tục;* do đó ông ta chỉ coi linh hồn là bản chất chân thực, vì rằng theo sự mô tả có tính phê phán của ông Sê-li-ga về loài người thì linh hồn là thuộc về thiên đường. Thành thử thể xác và sức lực của Thày giáo không thuộc về loài người; không nên cải tạo sự biểu hiện sống của sức lực đó một cách hợp với tính người, không nên trả nó về với loài người, cũng không nên đối xử với nó như một cái gì về bản chất là có tính người. Thày giáo đã lạm dụng sức lực của mình, Rô-đôn-phơ đã làm tê liệt, phá huỷ, tiêu diệt sức lực đó. Muốn giải thoát khỏi những biểu hiện xuyên tạc của một lực lượng bản chất nào đó của con người thì chẳng có thủ đoạn nào *có tính phê phán* hơn là tiêu diệt lực lượng bản chất ấy. Đó cũng là thủ đoạn của đạo Cơ Đốc khi móc mắt nếu mắt gây ra tội ác, chặt tay nếu tay gây ra tội ác, tóm lại giết chết thể xác nếu thể xác gây ra tội ác, vì mắt, tay, thể xác vốn chỉ là những cái đuôi thừa và tội lỗi của con người. Muốn chữa bệnh tật của tính người thì phải tiêu diệt tính người. Không khác ý kiến của luật học "có tính phê phán" ở điểm này, luật học của quần chúng cũng cho rằng việc *phá huỷ*, việc làm tê liệt lực lượng của con người chính là liều thuốc giải độc đối với những biểu hiện có hại của những lực lượng ấy.

Điều làm cho vĩ nhân của sự phê phán thuần tuý là ông Rô-đôn-phơ lúng túng trong luật hình thông thường là quá trình từ toà án đến đoạn đầu đài xảy ra quá nhanh. Trái lại, ông ta muốn kết hợp *sự trả thù* tội nhân *với sự chuộc tội* của tội nhân và *sự nhận thức của anh ta về tội ác của bản thân*, sự trừng phạt về thể xác với sự trừng phạt về tinh thần, sự đau khổ cảm thấy được với sự đau khổ không cảm thấy được của sự sám hối. Hình phạt trần tục phải đồng thời là thủ đoạn của đạo Cơ Đốc để giáo dục đạo đức.

Thứ lý luận về hình phạt kết hợp *luật học* với *thần học* ấy "bí mật đã bị bóc trần của những bí mật" ấy chẳng phải gì khác hơn

là lý luận về hình phạt của giáo hội *Thiên chúa giáo* mà *Ben-tam* đã trình bày tỉ mỉ trong tác phẩm "Lý luận về phạt và thưởng". Cũng trong tác phẩm này, Ben-tam còn chứng minh rằng mọi hình phạt hiện nay đều không có hiệu nghiệm về mặt đạo đức. Ông gọi mọi thứ hình phạt do pháp luật quy định là *"những bài thơ nhại ở toà án"*.

Hình phạt mà Rô-đôn-phơ dùng để trừng trị Thày giáo cũng là hình phạt mà *Ô-ri-ghen* sử dụng đối với chính mình, Rô-đôn-phơ đã *thiến* Thày giáo bằng cách cắt bỏ *một cơ quan sinh thực* của y là hai con mắt. "Con mắt là bó đuốc của thân thể". Chính Rô-đôn-phơ đã dùng hình phạt *làm mù mắt*, điều đó khiến cho bản năng tôn giáo của ông ta được rạng rỡ. Đó là hình phạt thông dụng trong toàn bộ đế quốc Cơ Đốc giáo Bi-găng-xơ và thịnh hành trong thời kỳ trẻ trung và cường thịnh của những nhà nước Đức Cơ Đốc của Anh và Pháp. Tách rời con người với thế giới cảm tính bên ngoài, giam hãm anh ta trong thế giới nội tâm trừu tượng của mình nhằm buộc anh ta phải cải tà quy chính - làm mù anh ta - đấy là kết luận tất nhiên

https://thuviensach.vn

rút ra từ giáo lý của đạo Cơ Đốc, theo đó thì sự thực hiện đầy đủ sự phân ly đó, việc hoàn toàn ngăn cách người ta với thế giới và việc người ta tập trung tinh lực vào *"cái tôi"* duy linh chủ nghĩa của mình là *bản thân đức hạnh*. Rô-đôn-phơ không bắt chước những điều người ta làm ở Bi-giăng-xơ và ở vương quốc Phrăng đem nhốt Thày giáo vào một tu viện thực sự thì ít ra ông ta cũng giam Thày giáo vào một tu viện quan niệm, một tu viện tối đen như mực mà ánh sáng của thế giới bên ngoài không thể lọt vào được, một tu viện trong đó chỉ có lương tâm không hoạt động và ý thức nhận tội của mình, một tu viện trong đó chỉ ẩn náu những hồi ức hư ảo mà thôi.

Một thứ e thẹn tư biện nào đó không cho phép ông Sê-li-ga thẳng thắn thừa nhận lý luận về hình phạt của nhân vật chính của mình là Rô-đôn-phơ, một thứ lý luận kết hợp hình phạt trần

tục với sự sám hối và chuộc tội theo kiểu đạo Cơ Đốc. Ông Sê-li-ga không công khai thừa nhận như thế mà lén lút gán cho Rô-đôn-phơ - dĩ nhiên là cũng dưới hình thức cái bí mật lần đầu tiên bị vạch ra trước thế giới - một thứ lý luận chủ trương rằng hình phạt phải làm cho tội phạm trở thành *"quan toà"* xét xử tội lỗi của *"bản thân"* mình.

Bí mật của bí mật đã bị bóc trần ấy chính là lý luận *của Hê-ghen* về hình phạt. Theo Hê-ghen thì hình phạt là bản án mà tội phạm tự tuyên bố với bản thân mình. *Gian-xơ* đã phát triển tỉ mỉ lý luận đó. Ở Hê-ghen, lý luận ấy là *cái vỏ ngoài tư biện* của cái *jus talionis*[49]*1** cổ đại mà *Can-tơ* đã phát triển lên thành lý luận về hình phạt *duy nhất trong pháp luật*. Ở Hê-ghen, việc tội phạm tự định tội mình vẫn chỉ là một *"ý kiến"*, một sự giải thích tư biện về *những hình phạt kinh nghiệm thông dụng*. Vì vậy, ông còn để cho hình thức hình phạt tuỳ thuộc vào mỗi giai đoạn phát triển của nhà nước, nghĩa là ông duy trì hình phạt như nó hiện tồn tại. Chính ở chỗ này ông tỏ ra là một nhà phê phán lớn hơn con vẹt phê phán học đòi ông. Cái thứ lý luận *về hình phạt* thừa nhận tội phạm cũng là *con người* thì chỉ có thể làm được điều đó trong *trừu tượng*, trong tưởng tượng chính là vì *hình phạt cưỡng bách* đều mâu thuẫn với phương thức hành động *của con người*. Vả lại, lý luận đó không thể thực hiện được. Sự độc đoán thuần tuý chủ quan sẽ thay thế cho pháp luật trừu tượng, vì trong mỗi vụ án, việc làm cho hình phạt thích hợp với cá tính của tội phạm là tuỳ thuộc vào quyền định đoạt của những quan chức "đạo cao đức trọng". Pla-tô đã hiểu rằng *luật pháp* nhất định phải phiến diện và *không xét* đến cá tính. Trái lại trong những quan hệ hợp với tính người, hình phạt *thực ra* sẽ chỉ là sự tự kết án của người mắc lỗi mà thôi. Chẳng ai nghĩ đến phải đi thuyết phục tội phạm

rằng *bạo lực từ bên ngoài* của người khác đối với anh ta là bạo lực của anh ta đối với chính mình. Trái lại anh ta sẽ thấy những người *khác* là những vị cứu tinh tự nhiên giải thoát anh ta khỏi hình phạt mà anh ta tự khép cho mình, nghĩa là quan hệ sẽ hoàn toàn đảo ngược.

Rô-đôn-phơ nói ra ý nghĩ thầm kín của mình tức là để lộ ra mục đích chọc mù mắt khi ông ta bảo Thày giáo rằng:

"Mỗi lời nói của anh sẽ là một lời cầu nguyện".

https://thuviensach.vn

Rô-đôn-phơ muốn dạy Thày giáo *cầu nguyện*. Ông muốn biến tên kẻ cướp có sức khoẻ như Héc-quyn đó thành một thày tu chẳng có công việc nào khác hơn là cầu nguyện. So với sự tàn nhẫn này của đạo Cơ Đốc thì lý luận thông thường về hình phạt, thứ lý luận chỉ biết có chém đầu khi muốn tiêu diệt một người nào đó, là nhân đạo biết bao. Sau hết, hiển nhiên là mỗi khi đặt ra một cách nghiêm chỉnh nhiệm vụ cải tạo tội phạm, sự lập pháp chân chính có tính quần chúng thường tỏ ra hợp lý và nhân đạo hơn nhiều so với Ha-run-an Ra-sít của nước Đức. Nếu đem so sánh với cực hình làm Thày giáo mù mắt thì bốn khu di dân nông nghiệp ở Hà Lan và khu di dân đày tội phạm O-xtơ-van ở An-da-xơ đều là những cuộc thí nghiệm thực sự hợp với tính người. Rô-đôn-phơ đã tiêu huỷ con người của Phlơ đơ Ma-ri bằng cách phó mặc cô cho vị linh mục đày đoạ và cho ý thức về tội lỗi cắn dứt, đã tiêu huỷ con người của Dao bầu bằng cách tước đoạt tính độc lập của con người và bằng cách dìm y xuống địa vị chó giữ nhà, cũng vậy, Rô-đôn-phơ đã tiêu huỷ con người của Thày giáo bằng cách móc mắt anh ta để anh ta học *"cầu nguyện"*.

Hơn nữa, mọi hiện thực sau khi được *"sự phê phán thuần tuý"* cải tạo một cách *"giản đơn"* đều như thế cả, nghĩa là thành sự bóp méo hiện thực và *sự trừu tượng vô nghĩa lý* tách rời hiện thực.

Theo ông Sê-li-ga thì ngay sau khi Thày giáo bị mù, *một phép mầu đạo đức* đã được thực hiện.

Ông mách chúng ta:

"Thày giáo đáng ghê sợ *đột nhiên* thừa nhận lực lượng của sự thành thực và ngay thẳng; y nói với Dao bầu: *Phải, tôi tin anh, anh chưa hề trộm cắp bao giờ"*.

Chẳng may là trong tác phẩm của Ơ-gien Xuy, còn lưu lại lời nhận xét của Thày giáo về Dao bầu, trong đó cũng thừa nhận điều đó, nhưng quyết không phải là kết quả của sự mù mắt vì rằng điều đó đã được *nói trước khi* mù mắt. Trong câu chuyện riêng với Rô-đôn-phơ, Thày giáo đã nói về Dao bầu như thế này:

"Song hắn không có khả năng bán rẻ bạn bè đâu. Không, hắn có chỗ tốt... hắn bao giờ cũng có những ý nghĩ kỳ quặc".

Như vậy là phép mầu đạo đức của ông Sê-li-ga đã trở thành con số không. Bây giờ chúng ta hãy xem những kết quả *thực sự* của sự chữa chạy *có tính phê phán* của Rô-đôn-phơ.

Trước hết chúng ta thấy Thày giáo cùng Cú vọ đi đến trại Bu-cơ-van định lừa Phlơ đơ Ma-ri một vố. Tư tưởng hoàn toàn chi phối y dĩ nhiên là ý nghĩ *trả thù* Rô-đôn-phơ, nhưng y chỉ có thể trả thù một cách siêu hình, nghĩa là cố tình chọc tức Rô-đôn-phơ, cứ vắt óc nghĩ ra *"điều xấu"*. "Hắn đã cướp của ta thị lực, nhưng hắn không cướp được của ta ý nghĩ về điều ác". Y kể cho Cú vọ tại sao y cho tìm mụ đến:

"Một thân một mình với những con người thành thực đó, tôi cảm thấy *buồn tẻ"*.

Nếu do sự ham thích có tính thầy tu và thú vật đối với *sự tự hạ mình* của con người, Ơ-gien Xuy đã buộc Thày giáo quỳ gối trước mụ phù thuỷ "Cú vọ" và tên ác ôn nhỏ "Thằng thọt" cầu xin chúng đừng bỏ rơi mình, thì nhà đạo đức học vĩ đại ấy lại quên rằng làm như

https://thuviensach.vn

thế là cho Cú vọ một sự tự mãn ma quái. Bằng cách *dùng bạo lực chọc mù mắt* tội phạm, Rô-đôn-phơ muốn làm cho y tin chắc rằng *dùng bạo lực thể xác* là không đáng kể, nhưng kết quả lại là chứng minh cho y thấy sức mạnh của *bạo lực thể*

xác; cũng vậy, ở đây, Ơ-gien Xuy dạy Thày giáo thừa nhận đúng mức sức mạnh của *tình dục trọn vẹn*. Ông ta dạy Thày giáo hiểu rằng không có tình dục trọn vẹn đó thì người ta *không còn là trang nam nhi* nữa mà trở thành trò cười thoả chí cho bầy trẻ. Ông ta làm cho Thày giáo tin rằng thế giới xứng đáng với những tội ác của Thày giáo, vì chỉ cần Thày giáo bị mù mắt là sẽ bị thế giới hành hạ. Ông ta làm Thày giáo mất nốt ảo tưởng cuối cùng của con người vì Thày giáo tin ở sự trung thành của Cú vọ. Thày giáo đã có lần nói với Rô-đôn-phơ rằng "mụ ta có thể vì tôi mà lăn vào nơi nước sôi lửa bỏng". Nhưng để hoàn toàn thoả mãn dục vọng của mình, Ơ-gien Xuy đã làm cho Thày giáo thốt ra tiếng kêu cực kỳ tuyệt vọng.

"Trời ơi, Trời hỡi, hỡi Trời ơi !"

Bây giờ thì Thày giáo đã học biết *"cầu nguyện"* rồi ! Và Ơ-gien Xuy thấy "lời cầu nguyện *không cố ý* ấy trước lòng nhân từ của thượng đế" là "một thứ ý trời nào đó".

Lời cầu nguyện không cố ý đó là kết quả thứ nhất của sự phê phán của Rô-đôn-phơ. Liền sau đó, là *sự sám hối không tự nguyện* ở trại Bu-cơ-van, nơi đây, Thày giáo đã mơ thấy vong hồn của tất cả những kẻ bị y giết hại.

Chúng ta hãy bỏ qua sự mô tả tỉ mỉ về giấc mơ đó và trở lại xem cảnh tượng trong hầm của "Cánh tay đỏ" ở đó chúng ta thấy Thày giáo được cải tạo một cách phê phán đang bị xiềng xích, bị chuột cắn nát mình mẩy, chết đói dở, đang gầm lên như thú rừng và hầu như phát điên lên vì sự hành hạ của Cú vọ và Thằng thọt. Thằng thọt đem Cú vọ nộp cho Thày giáo. Chúng ta hãy ngắm nhìn Thày giáo đang ra tay giết Cú vọ. Y không những *bắt chước* nhân vật chính Rô-đôn-phơ về bề ngoài bằng cách *móc mắt* Cú vọ mà còn bắt chước *về mặt tinh thần* bằng cách lắp lại những câu hỏi giả dối và bằng cách che đậy hành động tàn bạo của mình sau những câu giả nhân giả nghĩa. Khi Cú vọ vừa sa vào tay

y, y tỏ ra có một "niềm vui đáng sợ" và giọng y run lên vì giận dữ:

"Ngươi biết rõ chứ y nói − ta không muốn kết thúc ngay cuộc đời ngươi... ác giả ác báo... ta phải nói chuyện lâu với ngươi trước khi giết ngươi... ngươi sẽ phải chịu sự khủng khiếp... Trước hết, ngươi thấy đấy... kể từ giấc mơ ở trại Bu-cơ-van làm cho ta thấy lại tất cả những tội ác trước kia của chúng ta, kể từ giấc mơ đó, nó cơ hồ làm cho ta phát điên lên... nó sẽ làm cho ta phát điên lên... ta đã có sự thay đổi lạ lùng... Ta đã ghê tởm sự tàn bạo trước kia của ta... trước hết, ta không cho phép ngươi hành hạ nữ danh ca[50]1*, nhưng điều đó còn là nhỏ... dụ ta vào chiếc hầm này, để ta chịu đói rét ở đây... như thế là ngươi đã phó mặc một mình ta cho những ý nghĩ đáng sợ... Ôi! Ngươi chưa nếm cảnh cô đơn... sự cô đơn đã tẩy sạch hồn ta. Ta không cho rằng có thể như thế được... có lẽ ta ít tội lỗi hơn trước kia, chứng cớ là ta cảm thấy sung sướng vô hạn khi ở đây ta tóm được ngươi... một con quỷ dữ... không phải để trả thù cho ta mà... là để trả thù cho những nạn nhân của chúng ta... phải, ta sẽ làm tròn nghĩa vụ của ta khi chính tay ta trừng phạt tòng phạm của ta... hiện nay, ta ghê tởm những vụ giết người trước kia của ta, nhưng... người có thấy như thế là kỳ quặc không ? - ta không chút sợ hãi và thản nhiên giết ngươi một cách ghê gớm bằng những thủ đoạn tinh vi ghê gớm... hãy nói đi... hãy nói đi... ngươi có hiểu thế không ?".

https://thuviensach.vn

Trong mấy câu ấy, Thày giáo đã vội vã gẩy cả một bản đàn *nguỵ biện đạo đức*.

Điều mà y nói ra trước hết là biểu hiện *công khai* của ý muốn trả thù. Y muốn ác giả ác báo! Y muốn giết Cú vọ nhưng lại muốn dùng lời thuyết giáo dài dòng để kéo dài sự đau khổ trước giờ chết của nó. Và bài diễn văn - một thứ nguỵ biện tuyệt vời biết bao ! - mà y dùng để hành hạ Cú vọ là *lời thuyết giáo đạo đức*. Y quả quyết rằng giấc mơ của Bu-cơ-van đã cải tạo mình. Nhưng y đồng thời lại để lộ tác dụng thực sự của giấc mơ đó bằng cách thừa nhận rằng nó cơ hồ đã làm và sẽ làm cho y phát điên. Để chứng minh sự cải tà quy chính của mình, y dẫn ra sự kiện là y đã cấm ngược đãi nữ danh ca. Ở Ơ-gien Xuy, những nhân vật

(trên kia là Dao bầu, bây giờ là Thày giáo) đều biểu hiện những ý định của bản thân nhà văn - những ý định đã quyết định tác giả làm cho những nhân vật ấy hành động như thế này chứ không phải như thế kia - như là kết quả của những sự suy nghĩ *của bản thân họ*, như là động cơ tự giác của những hành vi của họ. Họ phải thường xuyên nói rằng: tôi đã sửa được điểm này, điểm kia và điểm nọ, v.v.. Vì họ không sống một cuộc đời thực sự có nội dung nên họ chỉ có thể hết sức nhấn mạnh trong lời nói của họ ý nghĩa của những hành vi không đáng kể như trường hợp bênh vực Phlơ đơ Ma-ri ở đây.

Sau khi đã cho chúng ta biết tác dụng *tốt lành* của giấc mơ ở Bu-cơ-van, Thày giáo còn phải giải thích cho chúng ta tại sao Ơ-gien Xuy giam y vào một chiếc hầm. Y phải chứng minh rằng cách làm của nhà viết truyện là hợp lý. Y phải nói với Cú vọ rằng: giam ta vào hầm, để cho chuột cắn ta, để cho ta khổ sở vì đói khát, bằng cách đó ngươi đã hoàn thành việc cải tà quy chính của ta. Sự cô đơn *đã tẩy sạch* hồn ta.

Những tiếng gầm như thú dữ, sự điên cuồng và sự giận dữ, ý muốn trả thù ghê gớm khi Thày giáo tiếp đón Cú vọ là mâu thuẫn hoàn toàn với những câu thuyết suông về đạo đức. Chúng bóc trần tính chất của những ý nghĩa của y trong nhà tù.

Thày giáo hình như cũng cảm thấy điều đó, nhưng là *nhà đạo đức phê phán,* y có thể điều hoà mâu thuẫn ấy.

Thày giáo tuyên bố rằng niềm "sung sướng vô hạn" của mình vì đã bắt được Cú vọ, chính là dấu hiệu của sự cải tà quy chính của mình. Y muốn sự trả thù của y thực ra không phải là một ý muốn *tự nhiên* mà là một ý muốn *có tính đạo đức*. Y muốn trả thù không phải cho chính mình mà cho *những người bị* y và Cú vọ *hãm hại*. Có giết Cú vọ đi chăng nữa cũng không phải là y mắc tội *giết người*, mà đây là làm tròn *nghĩa vụ*. Y không *trả thù* Cú vọ nhưng với tư cách quan toà vô tư, y *trừng phạt* đồng loã của mình. Y cảm thấy ghê sợ những tội giết người trước kia của y,

tuy vậy (bản thân y cũng ngạc nhiên trước sự nguỵ biện của mình), y vẫn hỏi Cú vọ: "Ngươi có thấy như thế là kỳ quặc không? - ta không chút sợ hãi và thản nhiên giết người". Đồng thời vì những nguyên nhân đạo đức không nêu rõ, y say sưa trong cảnh tượng giết người mà y định thực hiện, một cảnh "giết người một cách ghê gớm", "bằng những thủ đoạn tinh vi ghê gớm".

https://thuviensach.vn

Việc Thày giáo giết Cú vọ hoàn toàn phù hợp với tính cách của y, nhất là sau khi Cú vọ đã hành hạ y một cách độc ác. Nhưng việc y giết Cú vọ vì những lý do đạo đức, việc y giải thích theo đạo đức cái thú vui dã man mà y cảm thấy trước vụ giết người ghê rợn, trước "những thủ đoạn tinh vi ghê gớm" của y, việc y lại phạm tội giết người để chứng tỏ lòng hối hận của y về những tội giết người trước kia, việc y từ chối là kẻ giết người đơn giản trở thành một *kẻ giết người hai mặt, có đạo đức*, - tất cả cái đó chính là thành quả huy hoàng của liều thuốc có tính phê phán của Rô-đôn-phơ.

Cú vọ tìm cách thoát khỏi tay Thày giáo. Thày giáo thấy vậy càng giữ chặt.

"Hãy gượm, Cú vọ, ta phải giải thích xong xuôi cho ngươi biết ta đã dằn dà đi đến hối hận như thế nào... sự giải thích này sẽ làm ngươi ghê sợ... nhưng nó sẽ chứng minh với ngươi rằng ta phải tàn nhẫn như thế nào khi ta vì những người bị chúng ta hãm hại mà trả thù ngươi... ta phải gấp rút... niềm vui tóm được ngươi trong tay làm cho máu ta sôi lên... ta còn đủ thời gian làm cho những phút trước cái chết của ngươi trở thành kinh khủng bằng cách buộc ngươi phải nghe ta nói... Ta bị mù... nhưng tư tưởng của ta mang một hình thù cụ thể khiến cho ta không ngừng hình dung được một cách rõ rệt, hầu như sờ mó được... hình dáng của những người bị ta hãm hại... những quan niệm in lên hầu như một cách vật chất trong đầu óc ta. Khi mà sự hối hận được cộng thêm sự chuộc tội khắt khe đến ghê sợ... một sự chuộc tội nó biến đời chúng ta thành một đêm dài không ngủ đầy rẫy những ảo giác trả thù hay những ý nghĩ tuyệt vọng... thì có lẽ bấy giờ sự tha thứ của con người sẽ kế tiếp sự hối hận và sự chuộc tội".

Thày giáo tiếp tục nói những lời ba hoa giả dối, những lời khiến cho lộ chân tướng là kẻ giả nhân giả nghĩa. Cú vọ phải nghe y

kể rằng y đã dằn dà đi tới sự hối hận như thế nào. Sự kể lể ấy làm cho Cú vọ không thích thú vì nó chứng minh rằng *nghĩa vụ* của Thày giáo là phải thẳng tay trả thù Cú vọ, không phải cho chính bản thân y, mà là cho tất cả những người bị họ hãm hại. Thày giáo bỗng nhiên ngừng lời giáo huấn của mình. Theo như y nói, y phải "gấp rút" chấm dứt lời giáo huấn, vì khi y nghĩ y đang nắm Cú vọ trong tay thì y vui sướng đến nỗi máu sôi lên trong toàn thân. Đây là lý do về mặt đạo đức khiến y phải rút ngắn lời giáo huấn lại! Nhưng sau đó y lại làm cho máu mình bình tĩnh lại. Khoảng thời gian dài trong đó y đã thuyết phục đạo đức cho Cú vọ không phải vô ích đối với việc trả thù của y vì nó "làm cho những phút trước cái chết" của Cú vọ "trở thành kinh khủng". Đấy là một lý do nữa về mặt đạo đức để y kéo dài lời giáo huấn của y! Chính vì những lý do đạo đức mà Thày giáo có thể thản nhiên tiếp tục bài thuyết giáo ở điểm mà y vừa bỏ dở.

Thày giáo đã mô tả đúng đắn tình trạng của con người cách biệt với thế giới bên ngoài. Nếu đối với một người mà *thế giới cảm tính* biến thành *ý niệm trần truồng* thì ngược lại người đó cũng biến ý niệm trần truồng thành *thực thể cảm tính*. Ảo ảnh trong tưởng tượng của anh ta có được hình thù thể xác. Trong biểu tượng của anh ta, hình thành một thế giới những ảo ảnh có thể sờ mó được, có thể cảm giác được. Đấy là cái bí mật của mọi mộng ảo thành kính và đồng thời đó cũng là hình thức chung của bệnh điên. Do đó, khi lắp lại những câu nói của Rô-đôn-phơ về "sức mạnh của sự sám hối và của sự chuộc tội gắn với sự đau khổ ghê gớm", Thày giáo đã lắp lại trong tình trạng nửa điên rồ, và chứng minh rõ ràng bằng cái

https://thuviensach.vn

gương của mình, rằng giữa ý thức của đạo Cơ Đốc về tội lỗi với bệnh loạn thần kinh có quan hệ hiện thực. Cũng vậy, khi cho rằng việc biến *cuộc sống* thực thành *một đêm mộng mị* đầy ảo ảnh là kết quả của sám hối và chuộc tội thì Thày giáo đã bóc trần trước chúng ta cái bí mật thực sự của sự

phê phán thuần tuý và của sự cảm hoá của đạo Cơ Đốc. Cái bí mật đó chính là biến người thành ảo ảnh và biến cuộc sống của người thành *cõi mộng.*

Ở chỗ này, Ơ-gien Xuy cảm thấy hành động của tên cướp mù đối với Cú vọ đã làm hại như thế nào *những tư tưởng cứu vớt linh hồn* mà Rô-đôn-phơ đã gợi cho y. Cho nên Ơ-gien Xuy đã gán cho Thày giáo câu nói sau:

"Ảnh hưởng tốt lành của những tư tưởng ấy là làm nguôi cơn giận của ta".

Do đó, Thày giáo thú nhật *sự phẫn nộ có tính đạo đức* của mình chẳng phải gì khác hơn là *sự giận giữ trần tục.*

"Ta không đủ... can đảm... sức lực và quyết tâm để giết ngươi... không, ta không thể làm ngươi đổ máu... đấy sẽ là *một vụ giết người"* (y đã gọi đúng tên sự việc) "... có lẽ đó là một vụ giết người có thể tha thứ được... nhưng rút cục vẫn sẽ là một vụ giết người".

Cú vọ đã lợi dụng thời cơ thích hợp dùng dao găm đâm Thày giáo một nhát. Bây giờ thì Ơ-gien Xuy có thể để cho Thày giáo giết Cú vọ không cần tiếp tục cuộc nguỵ biện đạo đức nữa.

"Y đau quá rú lên... ngọn lửa khủng khiếp và ý muốn trả thù, của những cơn giận dữ của y, những bản năng khát máu của y, bị cuộc tấn công ấy đột ngột thức tỉnh và đưa đến tột đỉnh liền bùng nổ một cách đột ngột, ghê gớm, làm chìm ngập nốt lý trí đã hết sức lung lay của hắn... A, đồ rắn độc!... ta đã nếm mùi răng của ngươi... ngươi sẽ *không còn đôi mắt* như ta".

Và y móc mắt Cú vọ.

Khi bản tính của Thày giáo, nhờ sự cứu chữa của Rô-đôn-phơ, chỉ bị phủ lên một lớp sơn giả nhân giả nghĩa và nguỵ biện, chỉ bị nén xuống theo kiểu khổ hạnh, bùng ra thì *sự bùng ra* đó càng mạnh mẽ và kinh khủng. Thật đáng cảm ơn cái việc Ơ-gien Xuy thừa nhận rằng lý tính của Thày giáo đã bị lung lay khá mạnh bởi tất cả những sự kiện mà Rô-đôn-phơ đã sắp đặt.

"Tia sáng cuối cùng của lý tính của y đã tắt trong tiếng kêu hoảng hốt đó, trong tiếng kêu của một linh hồn bị đày đoạ..." (y trông thấy vong hồn của những người

bị y giết hại) "Thày giáo gào thét và rú lên như *thú rừng đang phát cuồng*... Y hành hạ Cú vọ cho đến chết".

Ông Sê-li-ga lẩm bẩm một mình:

"Thày giáo không thể có sự chuyển biến" (!) "nhanh chóng" (!) *"và máy móc"* (!) "như *Dao bầu"*.

Cũng như trước kia Rô-đôn-phơ đã đưa Phlơ đơ Ma-ri vào tu viện, nay Rô-đôn-phơ lại giam Thày giáo vào nhà điên ở *Bi-xê-tơ-rơ,* Rô-đôn-phơ không những đã làm tê liệt lực lượng vật chất mà còn làm tê liệt lực lượng *tinh thần* của Thày giáo. Mà không phải là không

https://thuviensach.vn

có lý do, vì Thày giáo đã mắc tội lỗi không những chỉ do lực lượng vật chất mà còn do lực lượng tinh thần của mình gây ra, mà theo lý luận của Rô-đôn-phơ về trừng phạt thì phải tiêu diệt *những lực lượng có tội.*

Nhưng hiện nay Ơ-gien Xuy còn chưa hoàn thành "sự sám hối và chuộc tội gắn liền với chí phục thù ghê gớm". Thày giáo đã lại phục hồi được lý trí, nhưng vì sợ sa lưới pháp luật, y ở lại Bi-xê-tơ-rơ và *giả vờ* điên. Ơ-gien Xuy quên rằng "mỗi lời nói của y đều phải là *một lời cầu nguyện"* thế mà rút cục, những lời nói của y đã thành những tiếng hú không rõ ràng và lời mê sảng của kẻ điên. Hay là có lẽ ông Xuy đem nhập cục một cách châm biếm những biểu hiện đó của đời sống với những lời cầu nguyện.

Cái quan niệm hình phạt được áp dụng vào việc chọc mù mắt Thày giáo theo lệnh của Rô-đôn-phơ - cũng tức là tách hẳn con người với thế giới bên ngoài và dùng bạo lực giam hãm con người vào trong tình trạng cô đơn sâu sắc về tinh thần, tức là kết hợp hình phạt pháp luật với sự khổ hạnh thần học - đã thể hiện dưới hình thức nổi bật nhất trong *chế độ buồng giam cá nhân*. Chính vì thế mà Ơ-gien Xuy ca tụng chế độ buồng giam cá nhân:

" Qua hàng thế kỷ người ta mới hiểu được *rằng chỉ có một* thủ đoạn để khắc phục bệnh truyền nhiễm lây nhanh đang đe doạ cơ thể xã hội" (đó chính là sự đồi bại về đạo đức trong các nhà giam): "đó là cách ly tội phạm".

Ông Ơ-gien Xuy tán thành ý kiến của những người đáng kính cho rằng tội phạm tăng lên là do thiết lập nhà tù. Để cứu vớt tội phạm ra khỏi xã hội xấu xa, họ để cho tội phạm phải cô đơn trong xã hội.

Ông Ơ-gien Xuy tuyên bố:

"Tôi tự cho là may mắn nếu như tiếng nói yếu ớt của tôi cũng được nghe thấy cùng với những tiếng nói của tất cả những ai thẳng thắn và kiên trì yêu cầu áp dụng *đầy đủ* và *tuyệt đối* chế độ buồng giam cá nhân".

Nguyện vọng của ông Ơ-gien Xuy chỉ thực hiện được *một phần*. Trong khóa họp hiện nay của Hạ nghị viện khi tranh luận về chế độ buồng giam cá nhân, ngay cả đến những nhân viên chính phủ bênh vực chế độ đó cũng phải thừa nhận rằng sớm muộn nó cũng làm cho tù nhân bị điên. Vì vậy những án tù trên mười năm đều đổi thành đi đày.

Nếu như các ông Tô-cơ-vin và Bô-mông đã nghiên cứu đến nơi đến chốn cuốn tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy thì chắc chắn hai ông sẽ làm cho chế độ buồng giam cá nhân được thực hiện một cách tuyệt đối và đầy đủ.

Thật thế, nếu Ơ-gien Xuy tách tội phạm có lý trí bình thường ra khỏi xã hội để làm cho họ thành người điên thì ông sẽ cho người điên trở về với xã hội loài người để họ khôi phục lại được lý trí:

"Kinh nghiệm chứng minh rằng sự cô lập là có lợi cho tội phạm ngồi tù bao nhiêu thì cũng tai hại cho người điên bấy nhiêu".

Dù dùng *lý luận của đạo Cơ Đốc về hình phạt* hay dùng *chế độ buồng giam cá nhân của phái giáo hội giám lý*, Ơ-gien Xuy và nhân vật phê phán của ông là Rô-đôn-phơ đều không

https://thuviensach.vn

làm cho *pháp luật* nghèo đi một bí mật nào cả, mà trái lại làm cho y học giàu thêm bằng những bí mật mới, mà xét cho cùng, *phát hiện* những bí mật *mới* cũng như *vạch trần* những bí mật *cũ* đều là

công trạng ngang nhau. Hoàn toàn nhất trí với Ơ-gien Xuy về việc Thày giáo bị mù, sự phê phán có tính phê phán bảo chúng ta rằng:

"Hắn thậm chí không tin khi người ta bảo hắn rằng hắn mù cả hai mắt rồi".

Thày giáo không thể tin rằng mình bị mù, vì sự thực y còn trông được. Ơ-gien Xuy mô tả một thứ bệnh thông manh mới và cho chúng ta biết một bí mật thực sự đối với *khoa học về mắt* có tính không phê phán và có tính quần chúng.

Sau khi mổ, *con ngươi sẽ* mang màu *trắng*. Rõ ràng đó là bệnh *thông manh của thể thủy tinh*. Đành rằng cho tới nay, thứ bệnh kéo màng mắt ấy có thể gây ra bằng cách làm tổn thương đến thể thuỷ tinh mà hầu như không đau đớn gì, nhưng như thế không phải là hoàn toàn không đau đớn. Nhưng vì y sĩ chỉ dùng phương thức *tự nhiên* chứ không phải phương thức *phê phán* để đạt được kết quả đó cho nên sau khi gây ra sự tổn thương thì phải chờ mắt sưng lên và tiết ra một chất dẻo làm cho thể thuỷ tinh mờ đi.

Ở chương III, quyển 3, chúng ta thấy một *phép màu* và một *bí mật* lớn hơn xuất hiện ở Thày giáo.

Mắt người mù đã *sáng lại:*

"Cú vọ, Thày giáo và Thằng thọt đã *nhìn thấy* vị linh mục và Phlơ đơ Ma-ri".

Nếu chúng ta không muốn theo gương "Sự phê phán những tác giả phúc âm giống nhau" mà giải thích hiện tượng đó là một *phép mầu của tác giả* thì chúng ta phải giả định rằng Thày giáo đã lại đi cắt màng mắt của mình rồi. Sau này y lại mù một lần nữa. Y mở mắt ra quá sớm nên ánh sáng kích thích gây ra viêm, kết quả là tổn thương đến *võng mạc* và gây ra *chứng mù* không chạy chữa được nữa. Ở đây, toàn bộ quá trình đó chỉ mất có *một* giây, đó là *một bí mật* mới đối với khoa học về mắt không có tính phê phán.

b) Thưởng và phạt sự xét xử song trùng

(kèm biểu đồ)

Ông Rô-đôn-phơ đã vạch ra một thứ lý luận mới dùng việc *thưởng người thiện* và *phạt kẻ ác* để duy trì xã hội. Xét theo quan điểm không phê phán thì thứ lý luận này chẳng phải là cái gì khác hơn là lý luận của xã hội hiện đại. Phải chăng trong xã hội này, việc thưởng người thiện và phạt kẻ ác là hiếm có hay sao? So với bí mật đã bị khám phá đó thì *Ô-oen*, một người cộng sản có tính quần chúng đã không có đầu óc phê phán đến mức nào khi ông coi chế độ thưởng phạt là sự thần thánh hoá sự khác nhau về đẳng cấp xã hội và là biểu hiện hoàn chỉnh của tình trạng chịu khuất phục một cách nô lệ.

Có thể cho rằng Ơ-gien Xuy đã có một phát hiện *mới* khi ông ta giao việc khen thưởng cho ngành tư pháp, - một thứ bổ sung đặc biệt cho việc xét xử hình sự - và không lấy làm thoả

https://thuviensach.vn

mãn là chỉ có *một* lối xét xử, ông bèn phát minh ra *hai* lối xét xử. Tiếc thay, bí mật bị vạch trần đó chỉ là lặp lại một cách giản đơn một học thuyết cũ mà *Ben-tam* đã trình bày tỉ mỉ trong tác phẩm nói trên. Song chúng ta không xoá nhoà vinh dự của Ơ-gien Xuy là đã trình bày và phát triển đề nghị của mình một cách có tinh thần phê phán hơn rất nhiều so với Ben-tam. Trong khi người Anh có tính quần chúng đó còn hoàn toàn dừng lại ở thế gian đầy tội lỗi thì sự diễn dịch của Ơ-gien Xuy đã bay lên lĩnh vực phê phán của thiên đường. Ông nói:

"Để doạ kẻ ác, người ta đem vật chất hoá những kết quả mà người ta dự tính trước của cơn giận của thượng đế. Vậy tại sao không vật chất hoá như thế sự khen thưởng của thượng đế đối với người thiện và không dự tính trước sự khen thưởng ấy ở trên trần?".

Theo quan điểm *không phê phán* thì tình hình trái hẳn lại: trong lý luận về hình phạt trên trời, người ta chỉ lý tưởng hoá lý luận và hình phạt trên trần; giống như trong lý luận về khen thưởng trên trời, người ta chỉ lý tưởng hoá sự nô dịch làm thuê trên trần. Nếu như xã hội không khen thưởng tất cả những người thiện thì đó cũng là điều cần thiết để cho công lý của thượng đế có thể có một sự ưu việt nào đó so với công lý của loài người.

Để minh hoạ sự xét xử khen thưởng một cách phê phán của mình, Ơ-gien Xuy đưa tiếp theo "một ví dụ về thứ *chủ nghĩa giáo điều"* (của Phlo-ra Tơ-ri-xtăng mà ông Ét-ga đã chỉ trích với tất cả "sự yên tĩnh của nhận thức") *"của phụ nữ,* một thứ chủ nghĩa giáo điều muốn có một công thức và nêu công thức đó phù hợp với những phạm trù của *sự vật hiện đang tồn tại"*. Ông Ơ-gien Xuy đem đối chiếu cặn kẽ từng điều khoản của *sự xét xử hình sự* hiện hành mà ông hoàn toàn giữ lại, với bảng *xét xử khen thưởng* mà ông kèm thêm. Để tiện cho bạn đọc nhìn qua là thấy rõ ngay, chúng tôi trình bày hệ thống mà ông đề ra cùng với những điểm tương ứng của sự xét xử hình sự thành một bản đối chiếu.

BẢNG XÉT XỬ
HOÀN THÀNH MỘT CÁCH PHÊ PHÁN

Xét xử hiện hành	*Xét xử bổ sung một cách phê phán*
Tên gọi: Xét xử *hình sự.*	Tên gọi: Xét xử *việc thiện.*
Tượng trưng: Tay cầm *kiếm* để chém đầu kẻ ác.	Tượng trưng: Tay cầm *vòng hoa* để đội cho người thiện.
Mục đích: Trừng trị kẻ ác, bỏ tù, lăng nhục, xử tử.	Mục đích: Khen thưởng người thiện, tiền thưởng, tôn sùng, bảo đảm an toàn tính

https://thuviensach.vn

Nhân dân biết sự kinh khủng của hình phạt đối với kẻ ác.	mạng. Nhân dân biết vinh dự rạng rỡ của người thiện.
Thủ đoạn phát hiện kẻ ác: Cảnh sát dò xét, đặc vụ để truy nã kẻ ác.	Thủ đoạn phát hiện người thiện: Mật thám đạo đức, đặc vụ để tìm ra người thiện.
Quyết định một người nào đó có phải là kẻ ác không: Les assises du crime, toà án bồi thẩm xét xử tội lỗi. Quan toà ghi chép và tuyên bố tội lỗi của bị cáo cho công chúng báo thù.	Quyết định một người nào đó có phải là người thiện không: Assises de la vertu, toà án bồi thẩm xét xử việc thiện. Quan toà ghi chép và tuyên bố những việc thiện của bị cáo cho công chúng biểu dương.
Tình hình tội phạm sau khi xét xử: Tội phạm chịu sự theo dõi của cảnh sát cao cấp. Được nuôi trong tù. Nhà nước chịu mọi khoản chi phí.	Tình hình người làm việc thiện sau khi xét xử: Anh ta chịu sự giám đốc của sự nhân ái đạo đức tối cao. Được nuôi sống ở nhà mình. Nhà nước chịu mọi khoản chi phí.
Thi hành bản án: Tội phạm bị đưa lên *đoạn đầu đài.*	Thi hành bản án: Đối diện với đoạn đầu đài có dựng lên một đài cao gọi là *đài việc thiện* và *ngồi* trên đó, là vị vĩ nhân làm viện thiện.

Xúc động trước bức tranh tưởng tượng đó, Ơ-gien Xuy kêu gọi:

"Ôi! đó là không tưởng ! nhưng hãy giả định là một xã hội *được tổ chức* đúng như vậy !".

https://thuviensach.vn

Đấy sẽ là *tổ chức có tính phê phán của xã hội.* Chúng ta buộc phải bảo vệ tổ chức đó mà Ơ-gien Xuy chê trách là cho tới nay vẫn chỉ là một không tưởng. Lại một lần nữa Ơ-gien Xuy quên mất *"những giải thưởng cho hành vi đạo đức"* phát hàng năm ở Pa-ri mà ông vừa nói trên kia. Giải thưởng này thậm chí đặt ra

dưới hai hình thức: giải thưởng vật chất hoặc *giải thưởng Mông-ti-ông* để thưởng cho đàn ông và đàn bà đã làm được những hành vi cao quý, và giải thưởng rosière[51]1*, dành cho những cô gái đạo đức hoàn mỹ. Ở đây thậm chí cũng không thiếu *vòng hoa* hồng mà Ơ-gien Xuy yêu cầu.

Còn như mật thám đạo đức và sự giám đốc của nhân ái đạo đức tối cao thì phái Giòng Tên tổ chức từ lâu lắm rồi. Ngoài ra, những tờ báo "Journal des Jébats"[79], "Siècle"[80] Petites affiches de Paris"[81], v.v., hàng ngày đều đăng và ca tụng với giá phải chăng những đức hạnh, hành vi cao quý và công trạng của mọi bọn đầu cơ chứng khoán ở Pa-ri, đấy là chưa kể mỗi chính đảng đều có tờ báo riêng của mình để đăng và ca tụng những hành động chính trị cao thượng của đảng viên đảng mình.

Ông già Phô-xơ đã chỉ rõ Hô-me còn tốt hơn các thần của mình. Vì vậy chúng ta có thể coi là Rô-đôn-phơ tức "bí mật đã bị bóc trần của mọi bí mật" phải chịu trách nhiệm về những quan niệm của Ơ-gien Xuy.

Vả lại, ông *Sê-li-ga* còn thêm rằng:

"Ngoài ra, trong cuốn tiểu thuyết của Ơ-gien Xuy thường có những đoạn xa rời ý chính của câu chuyện, những đoạn xen vào và những tình tiết, và tất cả những đoạn đó đều là *sự phê phán*".

c- Việc xoá bỏ sự dã man trong văn minh và sự thiếu pháp luật trong Nhà nước

Phương pháp dự phòng của pháp luật nhằm xoá bỏ tội lỗi và do đó sự dã man trong văn minh là "sự quản chế của nhà nước đối với con cái của tội phạm bị xử tử hình và của tội nhân bị tù chung thân". Ơ-gien Xuy muốn tổ chức việc phân phối hành vi tội lỗi một cách tự do chủ nghĩa hơn. Từ nay, không còn gia đình

nào được đặc quyền cha truyền con nối về phạm tội nữa, và sự tự do cạnh tranh về phạm tội phải chiến thắng sự độc quyền về phạm tội.

Còn như "sự thiếu pháp luật trong nhà nước" thì Ơ-gien Xuy xoá bỏ bằng cách sửa lại mục "lạm dụng sự tín nhiệm" trong bộ luật hình của nước Pháp và nhất là bằng cách bổ nhiệm *một loạt luật sư chính thức lĩnh lương cố định làm việc cho người nghèo.* Vì vậy Ơ-gien Xuy cho rằng ở Pi-ê-mông, ở Hà Lan, và những nước khác là những nơi có luật sư làm việc cho người nghèo, tình trạng thiếu pháp luật đã mất đi. Theo ông ta, việc lập pháp ở nước Pháp chỉ có mỗi khuyết điểm là không quy định lương bổng cố định cho những luật sư làm việc cho người nghèo và không trao cho họ trách nhiệm chuyên bênh vực người nghèo, và quá thu hẹp phạm vi do pháp luật quy định cho sự nghèo khổ. Dường như là sự thiếu pháp luật không phải chính là bắt đầu ngay trong *thủ tục* xét xử; dường như ở Pháp, từ lâu người ta chưa biết rằng bản thân *luật pháp* không đưa ra cái gì hết mà chỉ xác nhận quan hệ hiện có. Xem ra thì

https://thuviensach.vn

sự khác nhau đã trở thành thông thường giữa *luật pháp* và *sự thực* vẫn còn là "bí mật của thành Pa-ri" đối với nhà tiểu thuyết có tính phê phán.

Nếu ngoài sự bóc trần có tính phê phán đối với những bí mật của pháp luật, chúng ta lại xem thêm những cải cách vĩ đại mà Ơ-gien Xuy muốn thực hiện về phương diện *những người chấp hành tư pháp* thì chúng ta sẽ có thể hiểu được tờ báo "Satan"[82] ở Pa-ri, trong đó dân một khu phố viết thư than phiền với "nhà đại cải cách kiêm chuyên gia ký hoạ" này rằng phố xá họ chưa có đèn thắp bằng hơi đốt. Ông Ơ-gien Xuy trả lời rằng ông ta sẽ tìm biện pháp trừ bỏ cái bất tiện đó trong quyển thứ sáu của tác phẩm "Con người lang thang suốt đời" của ông. Một khu phố khác than phiền về khuyết điểm của nền giáo dục sơ đẳng. Ông Ơ-gien Xuy hứa thực hiện cải cách nền giáo dục sơ đẳng cho khu đó trong
quyển thứ mười của tác phẩm "Con người lang thang suốt đời" của ông.

4. BÍ MẬT BỊ BÓC TRẦN CỦA NHỮNG "QUAN ĐIỂM"

"Rô-đôn-phơ không dừng lại *ở quan điểm* cao siêu" (!) "của mình... Ông không tiếc công sức dùng phương thức lựa chọn tự do để nắm được từ trên xuống dưới, từ phải sang trái *các loại quan điểm" (Sê-li-ga)*.

Một trong những cái bí mật chủ yếu của sự phê phán có tính phê phán là *"quan điểm"* và *việc dùng quan điểm để nhận xét quan điểm*. Trước mắt nó, mỗi người cũng như mỗi sản phẩm tinh thần đều trở thành những quan điểm.

Chẳng có gì dễ hơn là đi sâu vào bí mật của quan điểm một khi đã hiểu rõ bí mật chung của sự phê phán có tính phê phán là lắp lại những lời lảm nhảm tư biện cũ kỹ.

Trước hết, hãy để cho bản thân sự phê phán qua cái miệng của vị gia trưởng là ông Bru-nô Bau-ơ mà nói lên lý luận của mình về "quan điểm".

"Khoa học... *không bao giờ* dính dáng đến *một cá nhân nào đó* hoặc *một quan điểm nhất định nào đó*... Dĩ nhiên là nó sẽ không quên *xoá bỏ giới hạn của một quan điểm nào đó* nếu thấy đáng bỏ công sức vào đấy và nếu những giới hạn đó thực sự có ý nghĩa quan trọng đối với toàn thể loài người; nhưng nó coi những giới hạn ấy là *một phạm trù thuần tuý và tính quy định của tự ý thức*, vì vậy nó chỉ hướng về những ai có can đảm vươn lên tới *tính phổ biến của tự ý thức*, tức là những ai quyết không chịu giam hãm trong những giới hạn đó" ("Tập chuyện", quyển II, tr. 127).

Bí mật của sự táo bạo đó của Bau-ơ, chúng ta thấy ở *"Hiện tượng học" của Hê-ghen*. Vì trong "Hiện tượng học", Hê-ghen đem *tự ý thức* thay thế cho *con người* cho nên ở đấy những biểu hiện *nhiều vẻ nhất* của hiện thực con người chỉ là một hình thức *nhất định* của tự ý thức là *tính quy định của tự ý thức*. Nhưng tính quy định trần truồng của tự ý thức chỉ là một *"phạm trù thuần*
tuý" một "tư tưởng" trần truồng cho nên tôi có thể xoá bỏ nó trong tư duy "thuần tuý" và khắc phục nó bằng tư duy thuần tuý. Trong "Hiện tượng học" của Hê-ghen, cơ sở *vật chất, cảm tính, vật thể* của các hình thức tha hoá khác nhau của tự ý thức của loài người đều *không được đếm xỉa đến* và kết quả của toàn bộ công trình phá hoại đó là một thứ *triết học bảo thủ nhất*, vì quan điểm đó cho rằng nó đã chinh phục *thế giới vật thể*, hiện thực cảm tính, một khi

https://thuviensach.vn

nó đã biến thế giới đó thành một "vật của tư duy" thành *tính quy định* thuần tuý *của tự ý thức* và do đó hiện nay có thể hoà tan kẻ thù *đã ê-te hoá* trong *"ê-te của tư duy thuần tuý"*. Như vậy, "Hiện tượng học" rút cục đi một cách hoàn toàn lô-gích tới chỗ thay thế toàn bộ hiện thực của loài người bằng *"tri thức tuyệt đối"*, - *tri thức*, vì đó là phương thức tồn tại duy nhất của tự ý thức mà tự ý thức thì được xem là phương thức tồn tại duy nhất của con người, - *tuyệt đối*, vì tự ý thức chỉ biết có *bản thân mình* và không còn bị gò bó bởi thế giới vật thể nào. Hê-ghen biến con người thành *tự ý thức của con người*, - con người hiện thực nghĩa là sống trong thế giới vật thể hiện thực và bị ràng buộc bởi thế giới đó. Hê-ghen đem lộn ngược thế giới cho *đứng bằng đầu* nên có thể khắc phục mọi giới hạn trong *đầu óc* mình, song điều đó với *cảm tính xấu xa*, đối với con người *hiện thực*. Ngoài ra, tất nhiên ông cũng coi mọi cái chứng tỏ *tính có hạn của tự ý thức phổ biến*, tức là cảm tính, tính hiện thực cá tính của con người và của thế giới loài người đều là giới hạn cả. Toàn bộ "Hiện tượng học" đều nhằm chứng minh *tự ý thức* là *thực tại duy nhất* và *bao gồm tất thảy.*

Gần đây, ông Bau-ơ đã đổi tên tri thức tuyệt đối thành *sự phê phán* và đặt cho tính quy định của tự ý thức một thuật ngữ nghe ra thì giản đơn hơn, tức *quan điểm*. Trong "Tập chuyện", cả hai

thuật ngữ này vẫn được dùng song song, quan điểm vẫn còn được giải thích bằng tính quy định của tự ý thức.

Vì *"thế giới tôn giáo với tính cách như vậy"* chỉ tồn tại với tính cách là thế giới *của tự ý thức* cho nên nhà phê phán có tính phê phán - nhà thần học ex professo[52]1* - không sao tưởng tượng được rằng có một thế giới trong đó có sự khác nhau giữa *ý thức* và *tồn tại*, một thế giới vẫn tiếp tục tồn tại như cũ khi tôi vứt bỏ sự tồn tại tưởng tượng của nó, tức sự tồn tại của nó với tính cách là phạm trù hoặc quan điểm, hay nói cách khác: khi tôi thay đổi ý thức chủ quan của chính tôi mà không thay đổi hiện thực vật thể một cách thực sự vật thể nghĩa là không thay đổi hiện thực *vật thể* của chính tôi và hiện thực vật thể của những người khác. Vì vậy, *sự đồng nhất thần bí* tư biện giữa *tồn tại* và *tư duy* được lắp lại trong sự phê phán dưới hình thức đồng nhất không kém phần thần bí giữa *thực tiễn* và *lý luận*. Do đó sự phê phán nổi trận lôi đình đối với cái thực tiễn vẫn muốn rằng mình là một cái gì khác với lý luận, đối với thứ lý luận vẫn muốn rằng mình là một cái gì khác với sự hoà tan của một *phạm trù* nhất định nào đó vào *"tính phổ biến vô hạn của tự ý thức"*. Lý luận của bản thân sự phê phán chỉ bó hẹp ở chỗ tuyên bố rằng tất cả những cái xác định như nhà nước, tài sản tư hữu, v.v., chỉ là mặt đối lập trực tiếp của tính phổ biến vô hạn của tự ý thức, do đó cũng là những cái không đáng kể. Kỳ thực thì trái lại cần phải chỉ rõ nhà nước, tài sản tư hữu, v.v., biến như thế nào những con người thành những sự trừu tượng, hoặc chúng là sản phẩm của con người trừu tượng, chứ không phải là hiện thực của những con người riêng lẻ và cụ thể.

Sau hết, không nói cũng rõ, nếu như "Hiện tượng học" của Hê-ghen tuy mắc tội tổ tông tư biện nhưng ở nhiều chỗ còn cung

https://thuviensach.vn

cấp những yếu tố của một sự trình bày hiện thực về quan hệ của loài người, thì trái lại ngài Bau-ơ và đồng bọn chỉ cho chúng ta một bức biếm hoạ không có nội dung, một bức biếm hoạ thoả mãn ở chỗ tách lấy một tính quy định nào đó từ trong một sản phẩm tinh thần nào đó hoặc từ trong những quan hệ và vận động hiện thực rồi biến nó thành tính quy định trừu tượng, thành *phạm trù* và coi đó là *quan điểm* của sản phẩm, của quan hệ hoặc của vận động. Làm như vậy là để có thể, với tư thế của nhà bác học lão luyện, dương dương tự đắc đứng trên quan điểm của sự trừu tượng, của phạm trù phổ biến, của tự ý thức phổ biến, ngồi chễm trệ trên cao khinh khỉnh nhìn xuống tính quy định đó.

Đối với Rô-đôn-phơ, mọi người đều đứng trên quan điểm thiện hoặc trên quan điểm ác và được đánh giá theo hai phạm trù không thay đổi đó; cũng vậy đối với ông Bau-ơ và đồng bọn thì một số người này xuất phát từ quan điểm của *sự phê phán*, một số người khác từ quan điểm của *quần chúng*. Nhưng cả hai đều biến *con người hiện thực* thành *quan điểm trừu tượng*.

5. SỰ BÓC TRẦN CÁI BÍ MẬT VỀ SỰ LỢI DỤNG DỤC VỌNG CỦA CON NGƯỜI, HAY LÀ LÊ-MĂNG ĐÁC-VIN

Cho tới đây Rô-đôn-phơ chỉ hạn chế ở chỗ thưởng điều thiện, phạt điều ác theo phương thức của mình. Bây giờ bằng một ví dụ, chúng ta có thể thấy ông ta lợi dụng *sự say mê* như thế nào, ông ta làm cho "bản tính lương thiện của Clê-măng Đác-vin phát triển thích đáng như thế nào".

Ông Sê-li-ga nói:

"Rô-đôn-phơ làm cho nàng chú ý đến *mặt vui thú của việc từ thiện*, tư tưởng này đã chứng minh tri thức của con người mà *chỉ riêng* trí tuệ đã được thử thách của ông Rô-đôn-phơ mới có".

Những câu mà Rô-đôn-phơ dùng trong khi nói chuyện với Clê-măng "làm cho *hấp dẫn"*, *"lợi dụng thị hiếu tự nhiên"*,

"thi thố diệu kế", *"lợi dụng thiên hướng giảo quyệt và lừa bịp"*, "cải tạo những bản năng ngang ngược, thâm căn cố đế thành phẩm chất cao thượng", v.v., - tất cả những câu đó cũng như bản thân *những dục vọng* đã được gán ghép ở đây chủ yếu cho nữ giới đều *vạch rõ* nguồn gốc bí mật của mưu trí của Rô-đôn-phơ - *Phu-ri-ê*. Học thuyết của Phu-ri-ê đã được trình bày một cách phổ thông.

Sự vận dụng học thuyết này cũng đã trở thành tài sản phê phán của Rô-đôn-phơ, giống như sự vận dụng lý luận của Ben-tam đã nói trên kia.

Hầu tước phu nhân son trẻ không nên tìm sự thoả mãn bản chất người của mình trong *bản thân* sự nghiệp từ thiện, không nên đi tìm nội dung tình người và mục đích của hoạt động, do đó đi tìm sự vui thú, trong việc từ thiện với tính cách là việc từ thiện. Không, trái lại, sự nghiệp từ thiện chỉ là một lý do bên ngoài, chỉ là *cái có* để vin vào, chỉ là *tài liệu* dùng để vui thú, một sự vui thú rất có thể dễ dàng lấy bất cứ tài liệu nào làm nội dung của nó. Sự khốn cùng bị lợi dụng một cách có ý

https://thuviensach.vn

thức để đem lại cho nhà từ thiện "cái thú vị lãng mạn, sự thoả mãn tính hiếu kỳ, tính phiêu lưu, sự hoá trang, sự hưởng thụ cái siêu quần xuất chúng của mình và những kích động thần kinh, v.v.".

Như thế là Rô-đôn-phơ đã vô tình nói ra cái bí mật đã lộ ra từ lâu lắm rồi: bản thân cảnh khốn cùng của con người, cảnh vô cùng quẫn bách buộc người ta phải nhận của bố thí, đều được dùng cho quý tộc kim tiền và quý tộc trí thức làm *sự vui thú* để thoả mãn dục vọng ích kỷ của chúng, để mơn trớn hư vinh của chúng, để mua vui cho chúng.

Những hội từ thiện đông đảo ở Đức, những đoàn thể từ thiện đông đảo ở Pháp, rất nhiều những công cuộc từ thiện kiểu Đông Ki-sốt ở Anh như hoà nhạc, khiêu vũ, biểu diễn, tiệc tùng để cứu giúp người nghèo cho đến những cuộc quyên góp cứu tế nạn nhân đều không có ý nghĩa nào khác cả. Do đó người ta thấy

rằng, từ lâu, sự nghiệp từ thiện đã *được tổ chức* với tính cách tiêu khiển.

Sự chuyển biến xảy ra đột nhiên và không duyên cớ ở hầu tước phu nhân khi nghe tiếng chữ "amusant" [53]1* khiến chúng ta không thể không hoài nghi rằng bà có khỏi bệnh được lâu không, hoặc nói đúng hơn, sự chuyển biến đó chỉ nhìn bề ngoài mới là đột nhiên và không duyên cớ, chỉ nhìn bề ngoài mới là do việc mô tả sự nghiệp từ thiện thành trò tiêu khiển gây ra. Hầu tước phu nhân *yêu* Rô-đôn-phơ, và Rô-đôn-phơ muốn *cùng bà* cải trang, dan díu với nhau và tiến hành những cuộc phiêu lưu có tính chất từ thiện. Về sau trong cuộc đi thăm từ thiện nhà tù Xanh La-da, hầu tước phu nhân đã bộc lộ sự ghen tuông của mình đối với Phlơ đơ Ma-ri, và do có thái độ từ thiện đối với sự ghen tuông của mình, bà đã nín lặng không nói gì với Rô-đôn-phơ về việc Ma-ri bị bắt. Nhiều lắm thì Rô-đôn-phơ đã dạy một người phụ nữ bất hạnh diễn vở hài kịch vụng về với những người bất hạnh. Cái bí mật của *sự nghiệp từ thiện* tưởng tượng của Rô-đôn-phơ bị một quý công tử ở Pa-ri tiết lộ khi, sau cuộc khiêu vũ, y mời cô bạn nhảy đi ăn tối:

"À! thưa phu nhân, để cứu tế những người Ba Lan nghèo khổ ấy, chỉ nhảy mấy lần thì chưa thể coi là đủ ... phải làm nhà từ thiện cho đến nơi đến chốn ... bây giờ chúng ta đi *ăn bữa tối vì những người nghèo* đi !".

6. SỰ BÓC TRẦN BÍ MẬT CỦA SỰ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ, HAY LÀ LU-I-DƠ MÔ-REN

Nhân dịp *Lu-i-dơ Mô-ren* bị bắt, Rô-đôn-phơ đã có những lời nghị luận có thể tóm tắt như sau:

"Chủ thường làm hại đầy tớ gái bằng sự lo ngại, bằng sự tấn công bất ngờ hoặc bằng cách lợi dụng những cơ hội khác do bản tính của *quan hệ chủ tớ* tạo ra. Y

đẩy người tớ gái vào vòng bất hạnh, nhục nhã và phạm tội. *Luật pháp không đụng gì* đến những quan hệ ấy ... Người ta không *trừng trị* kẻ tội phạm đã thực tế đẩy người thiếu nữ vào chỗ giết con".

Những nghị luận của Rô-đôn-phơ thậm chí cũng không thể mở rộng đến mức đặt bản thân *quan hệ chủ tớ* trước sự phê phán anh minh của mình. Là một kẻ thống trị *nhỏ*, Rô-đôn-phơ là một đại vệ sĩ của quan hệ đó. Ông ta càng không hiểu được cái không có tính người của tình trạng chung của phụ nữ trong xã hội hiện đại. Tuyệt đối trung thành với lý luận cũ của mình, ông chỉ tiếc rằng thiếu mất một *đạo luật trừng phạt* kẻ quyến rũ và kết hợp sự sám hối và chuộc tội với những hình phạt ghê gớm. Rô-đôn-phơ chỉ cần nghiên cứu kỹ sự lập pháp

https://thuviensach.vn

hiện hành của các nước khác của ông ta. Vì quá ư chu đáo - điều mà *Blếch-xtơn* hết lời ca tụng - nó đã đi tới chỗ gán cho cả người quyến rũ gái điếm cái tội *bội tín.*

Ông Sê-li-ga đã dạo *khúc nhạc hoan nghênh:*

"Rô-đôn-phơ". (!) *"nghĩ"* (!) *"như thế đấy"* (!). "Vậy giờ đây, hãy so sánh *những tư tưởng đó* với *những ảo tưởng* của anh về *giải phóng phụ nữ.* Trong những tư tưởng đó, người ta *hầu như* có thể dùng tay sờ thấy sự nghiệp giải phóng, còn các anh thì ngay từ đầu, đã quá thực tế và do đó thường gặp thất bại với những cố gắng không đi đến đâu".

Dù sao chúng ta cũng phải cảm ơn ông Sê-li-ga đã khám phá ra cái bí mật là hầu như có thể dùng tay sờ được một sự nghiệp nào đó trong tư tưởng. Còn như việc ông ta so sánh một cách hết sức buồn cười Rô-đôn-phơ với những người chủ trương giải phóng phụ nữ thì xin bạn đọc hãy đối chiếu *những tư tưởng* của Rô-đôn-phơ với "những ảo tưởng" dưới đây của *Phu-ri-ê:*

"Ngoại tình, sự quyến rũ đều đem lại vinh quang cho kẻ quyến rũ và được coi là phong lưu tao nhã ... Nhưng cô gái đáng thương ơi ! Giết con ! Tội lớn biết bao ! Nếu cô coi trọng danh dự của mình thì tất phải thủ tiêu mọi dấu vết ô nhục, mà nếu vì thiên kiến của thế giới này mà cô hy sinh con mình thì cô lại càng bị ô nhục hơn và trở thành vật hy sinh cho thiên kiến của pháp luật ... Đó là

cái vòng luẩn quẩn mà toàn bộ cơ cấu của nền văn minh vẽ ra khắp nơi trong sự vận động của nó".

"Cô gái trẻ há chẳng phải là một hàng hoá đem bày ra bán cho ai mua về làm của riêng hoàn toàn của mình hay sao ! ... Cũng như trong văn phạm hai phủ định tạo thành một khẳng định, trong việc *buôn bán hôn nhân, hai sự mãi dâm tạo thành ra một đức hạnh".*

"Sự phát triển của một thời đại lịch sử bao giờ cũng có thể xác định được bằng bước tiến của phụ nữ tới tự do, vì trong quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, giữa phái khoẻ và phái yếu biểu hiện một cách rõ ràng nhất thắng lợi của tính người đối với thú tính. Trình độ giải phóng của phụ nữ là tiêu chuẩn tự nhiên để đo sự giải phóng phổ biến".

"Làm nhục phụ nữ là nét đặc trưng bản chất của thời văn minh cũng như của thời dã man. Chỉ có điều kiện khác nhau là tội ác mà thời đại dã man phạm dưới hình thức giản đơn, thì thời văn minh lại đem lại cho nó một hình thức tồn tại phức tạp, ám muội, hai mặt, giả nhân giả nghĩa ... Về việc phụ nữ bị hãm vào vòng nô lệ, bản thân nam giới đáng bị trừng phạt hơn ai hết" *(Phu-ri-ê)* [83].

Đem so sánh sự trình bày tài tình của Phu-ri-ê về vấn đề *hôn nhân* cũng như những tác phẩm của phái duy vật của chủ nghĩa cộng sản Pháp với những nghị luận của Rô-đôn-phơ thì quả là thừa.

Những đoạn thảm thương nhất của văn học xã hội chủ nghĩa mà nhà tiểu thuyết nhặt ra đã bóc trần "những bí mật" mà sự phê phán có tính phê phán vẫn chưa biết.

7. SỰ BÓC TRẦN NHỮNG BÍ MẬT CỦA KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

a) Sự bóc trần về mặt lý luận những bí mật của khoa kinh tế chính trị

https://thuviensach.vn

Sự bóc trần thứ nhất: Sự giàu có thường dẫn đến chỗ hoang phí, hoang phí dẫn đến phá sản.

Sự bóc trần thứ hai: Những hậu quả vừa nói trên đây của sự giàu có là do không giáo dục đầy đủ lớp thanh niên nhà giàu mà ra.

Sự bóc trần thứ ba: Quyền kế thừa và *chế độ tư hữu* đều là bất khả xâm phạm và thiêng liêng và *phải* là như vậy.

Sự bóc trần thứ tư: Về mặt đạo đức, người giàu có trách nhiệm trả lời những người lao động về lý do sử dụng tài sản của mình. Một tài sản lớn là một tồn khoản kế thừa, *một thái ấp phong kiến*, giao cho những bàn tay khôn ngoan, vững vàng, khéo léo, khoan hậu, vừa chịu trách nhiệm làm cho nó sinh sôi nảy nở, và vừa phải sử dụng nó sao cho tất cả những cái gì có được *may mắn* là ở vào trong phạm vi vòng hào quang sáng chói và bổ ích của gia tài lớn đó, phải được nảy nở, sinh động, cải thiện.

Sự bóc trần thứ năm: Nhà nước phải dạy cho lớp thanh niên nhà giàu không có kinh nghiệm *những nguyên lý cơ bản về kinh tế cá thể*. Nhà nước phải đạo đức hoá tài sản.

Sự bóc trần thứ sáu: Sau cùng, nhà nước phải quan tâm giải quyết vấn đề to lớn là *tổ chức lao động*. Nhà nước phải nêu gương bổ ích về sự *liên hợp giữa tư bản và lao động*, một sự liên hợp đúng đắn, hợp lý, công bằng, bảo đảm phúc lợi của *công nhân* mà *không* hại đến của cải của nhà giàu, thiết lập *giữa hai giai cấp* đó *những mối liên hệ* đồng tình, biết ơn, và do đó bảo đảm *mãi mãi* an ninh cho nhà nước.

Vì lúc này, nhà nước chưa áp dụng lý luận đó, nên *Rô-đôn-phơ* tự mình nêu lên vài tấm gương thực tế. Những tấm gương này sẽ vạch trần cái bí mật là đối với ông Xuy, ông Rô-đôn-phơ và sự phê phán có tính phê phán thì *những quan hệ kinh tế* mà ai cũng biết, đều vẫn là "những bí mật".

b)"Ngân hàng cho người nghèo".

Rô-đôn-phơ đã sáng lập ra *ngân hàng cho người nghèo*. Điều lệ của ngân hàng có tính phê phán cho người nghèo đó như sau:

Ngân hàng đó cần phải cứu tế những công nhân ngay thẳng và có gia đình, trong thời gian thất nghiệp. Nó phải thay thế cho sự bố thí và hiệu cầm đồ. Nó có một khoản thu nhập hàng năm

là 12 000 phrăng, và cho vay cứu tế từ 20 đến 40 phrăng không lấy lãi. Ban đầu, nó chỉ hoạt động trong phạm vi khu phố *thứ bảy* của Pa-ri, một khu mà giai cấp công nhân ở đông nhất. Những khoản cho vay đó chỉ cấp cho nam hoặc nữ công nhân có giấy chứng nhận của người chủ cuối cùng đảm bảo hạnh kiểm tốt, ghi rõ nguyên nhân và ngày tháng thôi việc. Những khoản nợ đó sẽ phải trả hàng tháng, mỗi tháng 1/6 hay 1/12, tuỳ ý người mắc nợ, kể từ ngày người đó lại kiếm được việc làm. Người vay chỉ phải ký một văn tự danh dự hứa sẽ trả nợ theo thời hạn quy định. Ngoài ra, người vay cần có hai người bạn bảo đảm cho lời hứa của

https://thuviensach.vn

mình. Vì mục tiêu có tính phê phán của ngân hàng cho người nghèo là giảm nhẹ một tai nạn đau khổ nhất trong đời sống công nhân - *việc làm bị gián đoạn* - nên những khoản vay chỉ cấp cho những người thất nghiệp. Ông Giéc-manh phụ trách quản lý cơ quan đó sẽ hưởng lương mỗi năm là 10 000 phrăng.

Bây giờ chúng ta hãy dùng con mắt của quần chúng mà xem cái thực tiễn của khoa kinh tế chính trị có tính phê phán. Thu nhập hàng năm của ngân hàng là 12 000 phrăng. Khoản vay cứu tế cho mỗi người là 20 đến 40 phrăng, vậy trung bình mỗi người 30 phrăng. Số công nhân được chính thức công nhận là "túng thiếu" ở khu phố thứ bảy ít nhất là 4000 người. Như vậy mỗi năm người ta có thể cứu giúp 400 người, nghĩa là một phần mười số công nhân túng thiếu nhất ở khu phố thứ bảy. Ở Pa-ri, phải tính *thời gian* thất nghiệp *trung bình* ít nhất là 4 tháng tức 16 tuần lễ: con số đó rất thấp đối với Pa-ri, 30 phrăng chia cho 16 tuần lễ, mỗi tuần lễ chưa đầy 1,88 phrăng tức 0, 27 phrăng mỗi ngày. Ở Pháp, chi phí cho *mỗi tù nhân* mỗi ngày trung bình là hơn 0,47 phrăng một ít, trong đó ăn uống hết hơn 0,30 phrăng. Song công nhân mà Rô-đôn-phơ cứu tế có gia đình. Cứ hãy cho rằng ngoài hai vợ chồng ra, mỗi nhà có trung bình 2 con, như vậy phải chia 0,27 phrăng cho 4 miệng ăn. Tiền nhà mỗi ngày ít ra cũng là 0,15 phrăng, còn lại 0,12 phrăng. Số *bánh mỳ* mà trung bình *mỗi* tù

nhân ăn hàng ngày giá chừng 0,14 phrăng. Do đó với số tiền cứu tế của ngân hàng có tính phê phán, công nhân và gia đình họ chưa đủ mua một phần tư số bánh mì cần thiết, đấy là chưa kể những nhu cầu khác, và họ chắc chắn sẽ chết đói trừ phi phải tìm đến những thủ đoạn mà ngân hàng cho người nghèo đó muốn ngăn ngừa tức là : cầm cố, ăn xin, trộm cắp và mãi dâm.

Nhưng vị vĩ nhân phê phán tàn nhẫn lại quá ư chu đáo với ông giám đốc ngân hàng. Số thu nhập cần quản lý hàng năm là 12000 phrăng mà lương hàng năm của giám đốc lại là 10 000 phrăng. Vì vậy, chi phí quản lý chiếm 85% tổng số kim ngạch, nghĩa là gấp quá hai lần số chi phí quản lý của các cơ quan cứu tế có tính quần chúng cho người nghèo ở Pa-ri, số chi phí này thường chỉ chiếm khoảng 17 % toàn bộ khoản chi.

Tuy nhiên, hãy tạm cho rằng sự cứu tế của ngân hàng cho người nghèo là sự cứu tế thực sự chứ không phải chỉ là sự cứu tế hư ảo, thì cơ cấu mà cái bí mật bị bóc trần của mọi bí mật đã phát minh ra vẫn là xây dựng trên một thứ ảo tưởng cho rằng chỉ cần thay đổi sự *phân phối* thù lao lao động là công nhân có thể sống suốt năm.

Nói một cách nôm na, có 7 triệu rưỡi công nhân Pháp chỉ thu nhập hàng năm 91 phrăng tính theo đầu người và 7 triệu rưỡi khác chỉ thu nhập hàng năm 120 phrăng tính theo đầu người. Như vậy là có 15 triệu công nhân mà thu nhập thấp hơn mức tuyệt đối cần thiết cho cuộc sống.

Giải thích cho hợp lý thì dụng ý của ngân hàng có tính phê phán cho người nghèo chỉ là ở chỗ khi công nhân có việc làm, người ta khấu trừ trong tiền lương của anh ta một số tiền mà anh ta sẽ cần thiết để sống khi thất nghiệp. Khi anh ta thất nghiệp, tôi ứng trước cho anh ta

https://thuviensach.vn

một số tiền để anh ta trả lại khi có việc làm, hoặc khi có việc làm anh ta đưa trước cho tôi một số tiền nhất định và khi anh ta thất nghiệp tôi sẽ hoàn lại anh

ta, đằng nào cũng thế cả. Dù thế nào thì trong khi có việc làm, anh ta vẫn phải trả tôi cái mà tôi đã cho anh ta khi thất nghiệp.

Như vậy là *ngân hàng cho người nghèo* "thuần tuý" chỉ khác với *quỹ tiết kiệm* có tính quần chúng ở hai đặc điểm hết sức độc đáo và hết sức phê phán: một là ngân hàng cho vay *à fonds perdus*[54]1* với giả định vô lý là công nhân sẽ có thể trả nợ khi nào anh ta muốn trả và khi anh ta trả được thì bao giờ anh ta cũng muốn trả; hai là ngân hàng không trả một chút *lợi tức* nào cho số tiền mà công nhân gửi. Vì số tiền gửi mang hình thức ứng trước nên ngân hàng cho rằng bản thân nó không đòi công nhân trả lợi tức đã là rộng rãi lắm rồi.

Do đó, ngân hàng có tính phê phán cho người nghèo khác với quỹ tiết kiệm có tính quần chúng ở chỗ công nhân mất toi lợi tức, ngân hàng mất toi tư bản.

c) Trại kiểu mẫu ở Bu-cơ-van

Rô-đôn-phơ đã xây dựng ở *Bu-cơ-van một trại kiểu mẫu*. Địa điểm thật khéo lựa chọn vì rằng ở đây còn giữ lại được những di tích của thời phong kiến, nghĩa là một lâu đài phong kiến.

Sáu người đàn ông làm công ở trại này, mỗi người mỗi năm được 150 ê-quy hoặc 450 phrăng, mỗi người phụ nữ làm công được mỗi năm 60 ê-quy hoặc 180 phrăng. Ngoài ra, họ còn được ăn ở không phải trả tiền. Bữa ăn thường ngày của những người ở Bu-cơ-van gồm có một đĩa dăm-bông "đồ sộ", một đĩa thịt cừu cũng đồ sộ không kém và cuối cùng, một miếng thịt bò quay cũng đồ sộ không kém, ngoài ra còn hai món rau tươi, hai miếng pho mát, khoai tây và rượu táo làm thức ăn phụ, v.v.. Mỗi người đàn ông làm công ở đây làm được nhiều *gấp đôi* người cố nông thường ở Pháp.

Tổng thu nhập hàng năm ở Pháp đem chia đều ra thì mỗi đầu người chỉ được trung bình 93 phrăng và số dân cư trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp ở Pháp chiếm 2 phần 3 tổng số nhân khẩu, do đó người ta có thể kết luận rằng nếu mọi người bắt chước một cách phổ biến trại kiểu mẫu của vị ca-li-phơ Đức của chúng ta thì một cuộc cách mạng lớn lao sẽ diễn ra không những về mặt phân phối mà cả về mặt sản xuất của cải quốc dân nữa.

Qua những điều trên đây có thể thấy rằng Rô-đôn-phơ sở dĩ có thể mở rộng sản xuất rất nhiều chỉ bằng cách buộc mỗi người công nhân phải làm gấp đôi trước kia và tăng số thực phẩm chi dùng cho mỗi người công nhân lên sáu lần so với trước kia.

Vì những nông dân Pháp đã rất cần cù nên người công nhân làm việc *gấp đôi* phải là *những đại lực sĩ siêu phàm*. Những đĩa thịt "đồ sộ" dường như cũng chỉ rõ điều đó. Vậy chúng ta có quyền giả định rằng mỗi người trong 6 công nhân đó mỗi ngày ít ra tiêu thụ một pao thịt.

https://thuviensach.vn

Nếu đem toàn bộ số thịt sản xuất ra ở Pháp chia đều cho mọi người thì mỗi người mỗi ngày được chưa đầy 1/4 pao. Như vậy rõ ràng kiểu mẫu của Rô-đôn-phơ cũng gây ra một cuộc cách mạng về mặt này. *Chỉ riêng* dân cư nông thôn sẽ tiêu thụ một số thịt nhiều hơn sản lượng thịt toàn nước Pháp, thành thử cuộc cải cách có tính phê phán đó rút cục sẽ hoàn toàn tiêu diệt ngành chăn nuôi ở nước Pháp.

Theo báo cáo của viên quản lý trại Bu-cơ-van là ông già Sa-tơ-lanh thì một phần năm tổng thu nhập mà Rô-đôn-phơ phân chia cho công nhân ngoài tiền công cao và ăn uống sang chẳng phải là cái gì khác hơn là *địa tô* của ông ta. Thực vậy, người ta cho rằng theo sự tính toán trung bình thì nói chung, sau khi trừ mọi khoản chi phí sản xuất và lợi nhuận trả cho tư bản bỏ vào sản xuất, địa chủ Pháp được hưởng một phần năm tổng thu nhập, nói cách khác, phần của địa tô bằng một phần năm tổng thu nhập. Mặc dù Rô-đôn-phơ giảm một cách quá mức và không thể chối cãi

được lợi nhuận trả cho ông ta về tư bản bỏ vào sản xuất bằng cách tăng quá mức chi phí công nhân (theo Sáp-tan, "Về nền kinh tế quốc dân Pháp" [84], quyển 1, tr.239 thì thu nhập bình quân hàng năm của một công nhân nông nghiệp Pháp là 120 phrăng) mặc dù ông ta phân phối toàn bộ địa tô của mình cho công nhân, ông già Sa-tơ-lanh vẫn khẳng định rằng với phương pháp đó, ông lớn đã tăng thu nhập của mình, do đó mà cũng cổ vũ được những địa chủ khác không có tính phê phán kinh doanh ấp trại như thế.

Trại kiểu mẫu của Bu-cơ-van chẳng qua chỉ là bóng ma ảo tưởng; *vốn tiềm tàng* của nó không phải là nguồn của cải *thiên nhiên* của ruộng đất ở Bu-cơ-van mà là túi tiền thần kỳ của Phoóc-tuy-na-tuýt [85] mà ông Rô-đôn-phơ có.

Do đó sự phê phán có tính phê phán lớn tiếng tuyên bố:

"Thoạt nhìn đã thấy ngay rằng *toàn bộ* kế hoạch đó *không phải là không tưởng"*.

Duy chỉ có sự phê phán có tính phê phán mới có thể thoạt nhìn *túi tiền của Phoóc-tuy-na-tuýt* là đã thấy rằng đó không phải là không tưởng. Cái nhìn đầu tiên có tính phê phán là "cái nhìn hung ác".

8. RÔ-ĐÔN-PHƠ, "BÍ MẬT ĐÃ BỊ BÓC TRẦN CỦA MỌI BÍ MẬT"

Phương tiện thần kỳ mà Rô-đôn-phơ dùng để tiến hành tất cả những công cuộc cứu thế của mình và tất cả các công cuộc cứu chữa mầu nhiệm của mình không phải là những lời nói đẹp đẽ của ông ta mà là *tiền mặt trao tay* của ông ta. Phu-ri-ê đã nói: các nhà đạo đức là như thế đấy. Phải là triệu phú mới có thể noi gương những anh hùng của họ được.

Đạo đức là *"sự bất lực trong hành động"*[86]. Mỗi lần đạo đức tấn công vào một tật xấu nào đó là nó đều thất bại. Rô-đôn-phơ thậm chí cũng không vươn lên đến quan điểm đạo đức độc lập là

https://thuviensach.vn

đạo đức ít ra cũng dựa trên ý thức về *phẩm cách con người*. Trái lại, đạo đức của ông ta lại dựa trên ý thức về sự yếu đuối của con người. Ông ta đại biểu cho đạo đức *thần học*. Những thành tích anh hùng mà ông ta đã đạt được nhờ những tư tưởng *Thiên chúa giáo cố định* mà ông ta dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá thế giới, như "lòng từ thiện", "lòng trung thành vô hạn", "sự quên mình", "lòng ăn năn", "những người tốt và những người xấu", "phần thưởng và hình phạt", "những sự trừng phạt ghê gớm", "sự cô đơn", "sự cứu vớt linh hồn", v.v., những thành tích đó, chúng ta đã phân tích tường tận và chỉ ra rằng đó chỉ là những trò hề mà thôi. Ở đây chúng ta chỉ có việc xét đến tính cách *cá nhân* của Rô-đôn-phơ, tức là của "bí mật đã bị bóc trần của mọi bí mật" hay là của bí mật đã bị bóc trần của "sự phê phán *thuần tuý"* mà thôi.

Ngay thời niên thiếu, Rô-đôn-phơ, vị Héc-quyn phê phán của chúng ta, đã thấy sự đối lập giữa "thiện" và "ác" thể hiện ở hai nhân vật *Muyếc-phơ* và *Pô-li-đô-ri*, hai thày giáo của ông ta. Nhân vật thứ nhất dạy ông ta làm điều thiện mà bản thân y cũng là *"người thiện"*; nhân vật thứ hai dạy ông ta làm điều ác mà bản thân y cũng là *"người ác"*! Để cho quan niệm này xét về mặt tầm thường thì chẳng thua gì những quan niệm tương tự trong các cuốn tiểu thuyết luân lý khác, Muyếc-phơ *"người thiện"* phải được miêu tả thành con người không "học rộng" lắm, cũng không "thông minh hơn người lắm". Nhưng người đó *thành thực, giản dị, ít nói*, dùng những danh từ như *hổ thẹn, đê tiện* để kiêu hãnh chê bai điều ác và cảm thấy ghê sợ trước *những cái thấp kém*. Dùng lời nói của Hê-ghen thì có thể nói rằng Muyếch-phơ đã chuyển một cách thành thực giai điệu của cái thiện và cái thực, thành sự ngang bằng của các âm điệu, nghĩa là thành *một nốt nhạc.*

Trái lại, *Pô-li-đô-ri* là một đấng kỳ tài thông minh rất mực, học thức uyên thâm, rất có giáo dục nhưng đồng thời lại là một người "thiếu đạo đức một cách rất nguy hiểm", và nhất là đầu óc chứa đầy *"thuyết hoài nghi đáng sợ nhất"*, điều mà Ơ-gien Xuy,

đại biểu của giai cấp tư sản thành kính và trẻ tuổi của nước Pháp không thể nào quên được. Có thể phán đoán về nghị lực tinh thần và sự giáo dục của Ơ-gien Xuy và của nhân vật chính của ông ta căn cứ vào sự khiếp sợ mà *thuyết hoài nghi* gây ra cho họ.

"Muyếc-phơ, ông Sê-li-ga nói - "vừa là tội lỗi vĩnh cửu ngày 13 tháng Giêng, vừa là sự chuộc lại vĩnh viễn cũng tội lỗi đó nhờ ở lòng yêu mến và sự hy sinh không gì so sánh được đối với nhân vật Rô-đôn-phơ".

Nếu Rô-đôn-phơ là dues ex machina [55]1* và đấng chuộc tội của toàn thế giới Muyếc-phơ là deus ex machina cá nhân và đấng chuộc tội của Rô-đôn-phơ.

"Đối với Muyếc-phơ, Rô-đôn-phơ và việc cứu vớt loài người, Rô-đôn-phơ và việc thực hiện sự toàn thiện toàn mỹ của bản chất loài người chỉ là một chỉnh thể thống nhất không thể chia cắt, một chỉnh thể mà y phục vụ không phải với sự trung thành ngu xuẩn như chó của tên nô lệ mà là với sự tự giác và tự chủ đầy đủ".

Như vậy Muyếc-phơ là một tên nô lệ văn minh, tự giác và tự chủ. Giống như mỗi tên đầy tớ của các ông hoàng, y coi chủ mình là hiện thân của đấng cứu thế. *Grôn* nịnh Muyếc-phơ là *"vệ sĩ dũng cảm không biết sợ"*. Chính Rô-đôn-phơ cũng gọi y là *kiểu mẫu về người đầy tớ,*

https://thuviensach.vn

mà y quả thật là *một người đầy tớ kiểu mẫu*. Ơ-gien Xuy cho biết rằng trong những cuộc têtе à têtе[56]2*, y không bao giờ quên xưng hô Rô-đôn-phơ là "Đức ông". Trước những người khác, để giữ bí mật cho cuộc vi hành ẩn danh, ngoài mồm tuy y xưng hô *"ông"* nhưng trong thâm tâm vẫn xưng hô "Đức ông".

"Muyếc-phơ đã giúp vén tấm màn che giấu bí mật, nhưng đó chỉ là vì Rô-đôn-phơ. Y đã tham gia công việc phá huỷ sức mạnh của bí mật".

https://thuviensach.vn

Qua câu chuyện giữa Muyếc-phơ với phái viên Grôn, chúng ta có thể có một quan niệm về tấm màn dầy đặc che không cho Muyếc-phơ thấy những quan hệ thế gian giản đơn nhất. Viện cớ pháp luật cho phép người ta tự vệ trong trường hợp tự vệ chính đáng, y rút ra kết luận rằng với tư cách *quan toà bí mật về việc hình*, Rô-đôn-phơ có quyền chọc mù mắt Thày giáo bị trói và "không có gì để tự vệ". Khi y nói Rô-đôn-phơ sẽ thuật lại như thế nào trước toà án những hành vi "cao thượng" của mình, sẽ dùng những câu hoa mỹ như thế nào để phô trương mình, sẽ thổ lộ như thế nào tâm tư vĩ đại của mình thì sự miêu tả của y thật xứng đáng với một học sinh văn học trung học vừa đọc xong cuốn "Bọn kẻ cướp" của Si-lơ. Bí mật duy nhất mà Muyếc-phơ để cho thế giới giải quyết là: khi y đóng vai công nhân chuyển than thì y đã làm nhọ mặt mình bằng cái gì, bằng bụi than, hay là thuốc vẽ màu đen.

"Những vị thiên thần sẽ được phái xuống tách người thiện và người ác" (Phúc âm của Ma-ti-ơ, chương 13, mục 49). "Đau đớn và lo sợ sẽ ban cho những kẻ làm điều ác; vinh quang, danh dự và bình yên sẽ ban cho tất cả những ai làm điều thiện" (Xanh Pôn. Thư gửi người Rô-manh, chương 2, mục 9-10).

Rô-đôn-phơ tự coi mình là loại *thiên thần đó*. Ông xuống trần gian để tách người thiện khỏi người ác, để khen thưởng người thiện, trừng phạt kẻ ác. Quan niệm thiện ác đã khắc sâu vào đầu óc suy nhược của ông ta đến nỗi ông ta tin có ma quỷ thật và muốn bắt sống nó như giáo sư *Dắc-cơ ở* Bon xưa kia. Mặt khác, ông ta lại định sao chép dưới hình thức thu nhỏ mặt đối lập của quỷ nghĩa là *thượng đế*. Ông ta ưa "đóng một chút ít cái vai trò thượng đế". Cũng giống như trong *hiện thực, tất cả mọi* sự phân biệt ngày càng lẫn lộn với sự phân biệt giữa *kẻ giàu* và *người nghèo*, thì trong *ý niệm tất cả mọi sự* phân biệt có tính quý tộc sẽ biến thành sự đối lập giữa *điều thiện và điều ác*. Sự phân biệt như thế là hình thức cuối cùng mà quý tộc khoác cho những thiên kiến của mình. Rô-đôn-phơ tự cho mình là người thiện, và những người ác tồn tại là để cho ông ta có thể hưởng sự toàn thiện toàn mỹ của bản thân ông ta. Chúng ta hãy xem xét "người thiện" đó kỹ thêm chút nữa.

Ông Rô-đôn-phơ biểu lộ một lòng từ thiện và một sự phung phí theo kiểu của quốc vương Hồi giáo ở Bát-đa trong truyện "Một nghìn lẻ một đêm". Ông ta không thể sống một cuộc đời như thế mà lại không như một quỷ hút máu đến giọt máu cuối cùng của công quốc Đức của ông ta. Theo chính Ơ-gien Xuy thì Rô-đôn-phơ sẽ đứng trong đám công hầu Đức bị giáng cách [87] nếu không có một *hầu tước* Pháp che chở cứu ông ta khỏi bị cưỡng bách thoái vị. Sự thật đó giúp chúng ta đánh giá được công quốc của ông ta lớn hay nhỏ. Rô-đôn-phơ dùng *đầu óc phê phán* đến mức nào để xét đoán *địa vị của bản thân ông ta*, điều đó người ta còn có thể thấy ở chỗ ông ta, một chư hầu nhỏ ở Đức, tưởng rằng cần phải vi hành bán nặc danh khi ở Pa-ri để làm cho người ta khỏi chú ý đến mình. Ông ta cố ý đem theo *một viên tể tướng* với mục đích có tính phê phán là để giúp ông ta tiêu biểu cho ông ta "cái mặt hí kịch và trẻ con của quyền lực tự chủ"; dường như ngoài bản thân và chiếc gương soi của mình ra, một vị chư hầu nhỏ còn cần có một đại biểu thứ ba nào đó để đại diện cho cái mặt hí kịch và trẻ con của quyền lực tự chủ nữa. Rô-đôn-phơ cũng đã ảnh hưởng đến những người của mình khiến họ cũng *không hiểu một cách phê phán* vai trò và ý nghĩa của mình. Chẳng hạn, anh đầy tớ

https://thuviensach.vn

Muyếc-phơ và phái viên *Grôn* không nhận thấy rằng ông *Ba-đi-nô*, đại biện ở Pa-ri chế nhạo họ như thế nào bằng cách làm ra vẻ coi những sự uỷ thác riêng tây của họ là quốc gia đại sự, và bằng cách dùng lối châm biếm tuôn ra hàng tràng về

"những quan hệ huyền bí, có thể tồn tại giữa những lợi ích hết sức khác nhau và *vận mệnh quốc gia"*. "Vâng" - vị phái viên của Rô-đôn-phơ báo cáo - "đôi lần y đã mặt dày mày dạn nói với tôi rằng trong việc cai trị một quốc gia, có biết bao nhiêu là điều rắc rối phức tạp mà nhân dân không biết tới! Thưa nam tước, có ai

bảo rằng những báo cáo mà tôi đệ trình ngài có ảnh hưởng đến diễn biến của *công việc châu Âu*, song sự thực quả như thế đấy".

Vì phái viên và Muyếc-phơ cho rằng trơ trẽn không phải là việc người ta gán cho họ là có ảnh hưởng đến công việc châu Âu mà là việc Ba-đi-nô lý tưởng hoá cái nghề hèn mọn của mình đến mức đó.

Trước hết, chúng ta hãy nhớ lại một cảnh trong sinh hoạt gia đình của *Rô-đôn-phơ*, Rô-đôn-phơ bảo Muyếc-phơ: "Ta hiện đang ở trong một trong những giờ phút kiêu hãnh và sung sướng". Nhưng ông ta lại nổi giận ngay vì Muyếc-phơ không muốn trả lời một câu hỏi của ông ta. Ông ta quát: "Ta ra lệnh cho ngươi phải nói". Muyếc-phơ xin ông ta chớ nên ra lệnh. Rô-đôn-phơ bảo: "Ta không ưa sự lặng thinh". Ông ta không tự kiềm chế nổi đến nỗi nói những lời thô lỗ khi nhắc Muyếc-phơ rằng mọi công việc của anh ta đều được *trả công*. Ông ta chỉ bình tĩnh lại khi Muyếc-phơ nhắc tới sự kiện ngày 13 tháng Giêng. Sau cơn bão táp đó, cái bản tính tôi đòi mà Muyếc-phơ cho phép mình lãng quên đi trong khoảnh khắc lại lộ ra. Hắn nắm lấy "tóc" mình, nhưng may thay hắn không có tóc; hắn thất vọng vì đã tỏ ra thô lỗ với vị quan lớn hiển hách, một vị quan lớn sẵn lòng gọi hắn là "kiểu mẫu về người đầy tớ", là "Muyếc-phơ lương thiện, lão thành, trung thực của ta".

Không bối rối vì những biểu hiện của điều ác trong người mình, Rô-đôn-phơ tiếp đó vẫn lắp lại quan niệm cố định của mình, về "điều thiện" và "điều ác" và cho biết về những thành tựu mà ông ta đã đạt được trong việc làm điều thiện. Ông ta gọi sự bố thí và lòng thương là những kẻ an ủi trong trắng và thành tâm đối với linh hồn bị tổn thương *của ông ta*. Nhưng hạ thấp sự bố thí và lòng thương bằng cách cứu giúp những kẻ không xứng đáng, những kẻ bị ruồng bỏ, thì theo người ta nói là một điều đáng ghê sợ, vô đạo, *bất kính*. Tất nhiên là lòng thương và sự bố thí đều là những

điều an ủi đối với tâm hồn *của ông ta*; cho nên làm ô uế những cái đó là mắc tội xúc phạm thần linh. Như thế là "làm cho người ta nghi ngờ thượng đế; và kẻ nào bố thí thì phải làm cho người ta tin ở thượng đế". Bố thí cho một kẻ bị ruồng bỏ, - đó là một điều không thể tưởng tượng được!

Đối với Rô-đôn-phơ, mỗi sự vận động của tâm hồn ông ta đều vô cùng quan trọng. Vì vậy ông ta không ngừng quan sát và đánh giá những sự vận động đó. Chẳng hạn, trong cảnh đã nói trên kia, kẻ điên nổi giận với Muyếc-phơ nhưng lại tự an ủi rằng cảnh ngộ của Phlơ đơ Ma-ri đã làm ông mủi lòng. "Ta mủi lòng đến nỗi rơi lệ, thế mà người ta vẫn trách ta là thờ ơ,

https://thuviensach.vn

lạnh nhạt, sắt đá". Sau khi đã chứng minh như vậy *lòng lương thiện vốn có của mình*, Rô-đôn-phơ đã bất bình với *"điều ác"*, với hành động gian ác của bà mẹ không ai biết rõ của Ma-ri, rồi ông ta tuyên bố hết sức trịnh trọng với Muyếc-phơ rằng: "Ngươi biết đấy, ta rất coi trọng một số hành động trả thù nào đó, ta rất quý một số điều đau khổ nào đó". Đồng thời ông ta lại nhăn mặt như quỷ dữ khiến cho anh đầy tớ trung thành sợ hãi hét lên: Ôi! Thưa đức ông! ". Vị quan lớn hiển hách đó giống như những nhà hoạt động của hội *"Nước Anh trẻ"*[88] là những người cũng muốn cải tạo thế giới, làm nên sự nghiệp vĩ đại và đều mắc phải chứng loạn thần kinh giống như vậy.

Chính *bản chất ham thích phiêu lưu* của Rô-đôn-phơ là cái đầu tiên giải thích cho chúng ta hiểu những chuyện mạo hiểm và những cảnh ngộ mà ông ta dấn thân vào. Ông ta thích "cái kỳ lạ của tiểu thuyết, sự tiêu khiển, chuyện mạo hiểm và sự giả trang": "tính tò mò" của ông ta "không bao giờ được thoả mãn cả"; ông ta thấy "cần phải có cảm xúc mạnh mẽ và nóng bỏng"; ông ta "hay say *những kích thích thần kinh dữ dội"*.

Những khuynh hướng bẩm sinh đó của ông lại được tăng cường
bởi tính khao khát muốn *đóng vai thượng đế* và muốn cải tạo thế giới theo ảo tưởng cố định của mình.

Quan hệ của ông ta với những người khác đều được quyết định hoặc bởi một quan niệm cố định trừu tượng nào đó, hoặc bởi những động cơ hoàn toàn cá nhân và ngẫu nhiên.

Chẳng hạn, nếu ông ta cứu y sĩ da đen Đa-vít và tình nhân của anh ta không phải là vì tình thương đồng loại trực tiếp mà số phận những người đó gây nên, cũng không phải để giải phóng *họ*, mà là để đóng vai *thượng đế* đối với tên chủ nô Vi-lít và để trừng phạt sự *không tin thượng đế* của hắn ta. Cũng vậy, Thày giáo là miếng mồi mong muốn để cho Rô-đôn-phơ *vận dụng* lý luận về hình phạt mà ông ta đã tưởng tượng ra từ lâu. Mặt khác, cuộc nói chuyện của Muyếc-phơ với phái viên Grôn cho chúng ta có khả năng quan sát sâu sắc hơn những động cơ thuần tuý cá nhân quyết định những hành động cao thượng của Rô-đôn-phơ.

Theo Muyếc-phơ, Đức ngài sở dĩ quan tâm đến Phlơ đơ Ma-ri thì "ngoài" sự thương hại mà số phận của con người nghèo khổ gây nên, còn vì con gái Rô-đôn-phơ - mà cái chết đã làm ông ta xót xa trong lòng - nếu còn sống thì bấy giờ cũng ngần ấy tuổi. Rô-đôn-phơ sở dĩ quan tâm đến hầu tước phu nhân Đác-vin thì "ngoài" cái tật bác ái ra, còn vì nguyên nhân có tính chất cá nhân này là nếu không có lão hầu tước Đác-vin và tình bạn của vị hầu tước này với hoàng đế A-lếch-xan-đrơ thì ông thân sinh ra Rô-đôn-phơ đã bị gạt ra khỏi hàng ngũ các vua chúa Đức.

Lòng nhân từ của Rô-đôn-phơ đối với bà Giooc-giơ và sự quan tâm của ông ta đối với Giéc-manh, con trai bà Giooc-giơ, cũng là vì động cơ đó. Bà Giooc-giơ thuộc họ hàng nhà Đác-vin.

"Không phải là ít do những sự bất hạnh về những phẩm hạnh của mình hơn là do *quan hệ họ hàng* của mình mà bà Giooc-giơ đáng thương kia được Đức ngài không ngừng ban cho những ân huệ".

https://thuviensach.vn

Tính chất mập mờ của những động cơ của Rô-đôn-phơ đã được nhà biện hộ Muyếc-phơ cố gắng che đậy bằng những chữ như "chủ yếu là", "ngoài ra", "không phải là ít hơn".

Sau cùng, tất cả tính cách của Rô-đôn-phơ hoàn toàn biểu hiện trong *sự giả dối "thuần tuý"*, mà chính nhờ sự giả dối đó, ông ta tìm cách trình bày cho mình và cho người khác *sự bùng nổ của những tính ham mê xấu xa của mình* thành *những sự phẫn nộ chống những tính ham mê của những kẻ ác*. Kiểu cách này làm chúng ta nhớ lại kiểu cách tương tự của sự phê phán có tính phê phán coi *những sự ngu ngốc của chính nó* là *những sự ngu ngốc của quần chúng*, coi những sự công kích độc ác của nó đối với sự phát triển của thế giới bên ngoài nó là những sự công kích độc ác của thế giới bên ngoài nó đối với sự phát triển, và cuối cùng coi tính vị kỷ của nó, cái tính vị kỷ cho rằng mình đã hấp thụ được hết toàn bộ tinh thần, là sự phản kháng vị kỷ của quần chúng chống lại tinh thần.

Sự giả dối "thuần tuý" của *Rô-đôn-phơ*, chúng ta sẽ chứng minh nó bằng thái độ của ông ta đối với *Thày giáo*, đối với bá tước phu nhân *Xa-ra Mác - Grê-go* và đối với viên công chứng *Giắc-cơ Phe-răng*.

Rô-đôn-phơ đã dụ dỗ *Thày giáo* đi ăn trộm nhà ông ta để lừa hắn vào bẫy và bắt hắn. Lợi ích mà ông ta theo đuổi không phải là lợi ích của toàn nhân loại, mà là lợi ích thuần tuý cá nhân. Vấn đề là Thày giáo giữ *chiếc cặp của bá tước phu nhân Mác-Grê-go* còn Rô-đôn-phơ rất muốn vớ lấy *chiếc cặp này*. Về têtê à têtê của Rô-đôn-phơ với Thày giáo, cuốn tiểu thuyết đã mô tả rõ ràng như sau:

"Rô-đôn-phơ ở trong tâm trạng lo lắng bứt rứt. Nếu ông ta *bỏ lỡ dịp bắt Thày giáo* thì dịp tốt đó chắc chắn không bao giờ còn nữa; tên cướp đó từ nay đề phòng, hoặc có lẽ bị bắt và đưa đi tù, *sẽ mang theo tất cả những bí mật* mà Rô-đôn-phơ muốn biết vô cùng".

Bắt *Thày giáo*, Rô-đôn-phơ sẽ chiếm lấy chiếc cặp của bá tước phu nhân Mác-Grê-go. Ông ta bắt tay Thày giáo là xuất phát từ lợi ích cá nhân. Ông ta chọc *mù mắt* Thày giáo cũng là xuất phát từ tình cảm cá nhân bồng bột.

Khi Dao bầu thuật lại với Rô-đôn-phơ cuộc đấu tranh giữa Thày giáo và Muyếc-phơ và cho rằng sự chống cự ngoan cố của Thày giáo là do y biết số phận đang chờ đợi hắn, thì Rô-đôn-phơ trả lời rằng: "Y không biết đâu". Khi nói câu đó, ông ta "lộ vẻ âu sầu và mặt nhăm rúm lại vì cái vẻ gần như hung ác nói trên kia". Ý nghĩ trả thù đã hoàn toàn khống chế ông ta, ông ta đã thưởng thức trước được cái thú vui man rợ mà hình phạt dã man đối với Thày giáo đem lại cho ông ta.

Thế là khi y sĩ da đen Đa-vít, người mà ông ta coi là công cụ *trả thù*, xuất hiện, ông ta liền kêu tướng lên: *"Trả thù*... Trả thù!..." giữa một cơn *"thịnh nộ khốc liệt"*.

Một cơn thịnh nộ khốc liệt đã tràn ngập tâm hồn ông ta. Thế rồi ông ta rỉ tai với vị y sĩ cái mưu kế của ông ta; khi vị y sĩ này sợ run người lên thì ông ta đã khéo che đậy ý nghĩa *trả thù cá nhân* bằng một động cơ lý luận "thuần tuý". Ông ta nói đây chỉ là *"vận dụng quan niệm"*

https://thuviensach.vn

thường đã ám ảnh từ lâu cái đầu óc cao thượng của mình, và ông ta không quên nói thêm bằng cái giọng ngọt sớt rằng "sau này, ông ta sẽ còn chân trời bao la để hối cải". Ông ta bắt chước toà án tôn giáo Tây Ban Nha, toà án này sau khi trao tội nhân cho toà án thế gian xử tội thiêu sống, bao giờ cũng giả nhân giả nghĩa cầu nguyện mở rộng lòng nhân từ cho tội nhân đang hối lỗi.

Dĩ nhiên là khi hỏi cung và xử tội Thày giáo, Đức ông tại tư thất đầy đủ tiện nghi, mặc áo chùng đen ngòm, sắc mặt trắng bệch trông rất hay, và để cho giống hẳn cảnh toà án, trước mặt ông ta còn kê một chiếc bàn dài trên để các tang vật. Cái vẻ mặt dã man và trả thù của ông ta lộ ra trước đây khi ông ta báo cho Dao bầu và vị y sĩ biết mưu kế chọc mù mắt của Thày giáo thì hiện nay cũng phải biến đi không còn dấu vết nữa. Bây giờ, ông ta

phải xuất hiện với thái độ trịnh trọng hết sức buồn cười của một kẻ tự xưng là vị quan toà thế giới "bình tĩnh, nhẫn nhục và trầm mặc".

Để cho không ai còn mảy may nghi ngờ gì về động cơ "thuần khiết" của hình phạt chọc mù mắt, anh chàng *Muyếc-phơ* đần độn đã thú nhận với phái viên Grôn rằng:

"Mục đích của việc trừng phạt nghiêm khắc Thày giáo thì *chủ yếu là để trả thù tội phạm nham hiểm* đã định giết tôi".

Khi trao đổi riêng với Muyếc-phơ, Rô-đôn-phơ đã nói như sau:

"Sự thù ghét của ta đối với bọn độc ác... càng mãnh liệt, sự ghét bỏ của ta đối với Xa-ra tăng thêm, dĩ nhiên là tăng lên theo với sự đau khổ mà cái chết của con gái ta đã gây ra cho ta".

Như vậy là Rô-đôn-phơ bảo chúng ta rằng sự thù ghét của ông ta đối với bọn độc ác đã mãnh liệt hơn. Dĩ nhiên sự thù ghét của ông ta là sự thù ghét có tính phê phán, sự thù ghét thuần tuý và có tính đạo đức, sự thù ghét đối với bọn độc ác, vì chúng độc ác. Vì vậy, ông ta coi sự thù ghét đó là một sự tiến bộ của ông ta trong việc làm điều thiện.

Nhưng ở đây lại lộ ra rằng việc tăng thêm sự thù ghét có tính đạo đức chỉ là *một sự thừa nhận giả dối* mà ông ta dùng để tô điểm cho việc tăng thêm sự chán ghét *cá nhân* đối với Xa-ra. Ảo tưởng đạo đức không rõ rệt, tức sự tăng thêm của sự thù ghét đối với kẻ ác chỉ là cái vỏ ngoài của sự thực thiếu đạo đức rõ rệt, tức sự tăng thêm của sự thù ghét đối với Xa-ra. Sự thù ghét đó có một nguyên nhân hết sức tự nhiên và hết sức cá nhân tức sự đau xót cá nhân của ông ta. Chính sự đau xót đó là thước đo sự thù ghét của ông ta. Dĩ nhiên đi rồi!

Một sự giả dối đáng ghét hơn nữa đã lộ ra trong cuộc gặp mặt của Rô-đôn-phơ với bá tước phu nhân Mác-Grê-go đang hấp hối.

Sau khi bá tước phu nhân bóc trần cái bí mật rằng Phlơ đơ Ma-ri chính là con gái của Rô-đôn-phơ và bà ta, Rô-đôn-phơ liền

tiến sát bà "vẻ mặt đe doạ và tàn nhẫn". Bá tước phu nhân xin ông ta rủ lòng thương. Nhưng ông ta trả lời

"Không thể thương hại được, bà là kẻ đáng nguyền rủa ...bà .. một ác thần đối với tôi và đối với giống nòi nhà tôi!".

https://thuviensach.vn

Như vậy là ông ta muốn trả thù cho "giống nòi" mình. Tiếp đó, ông ta bảo cho bá tước phu nhân biết rằng để chuộc lại cái tội định giết cha, ông ta đã thề phải đi chu du thế giới, thưởng người thiện và phạt kẻ ác. Rô-đôn-phơ giày vò bá tước phu nhân, ông ta *tức giận* điên người, nhưng trước mắt ông ta, ông ta chỉ hoàn thành cái nhiệm vụ đã tự đặt ra ngày 13 tháng Giêng tức là: "truy nã điều ác".

Lúc ông ta bỏ đi, Xa-ra kêu lên: "Hãy rủ lòng thương tôi, tôi sắp chết rồi!"

Rô-đôn-phơ giận điên lên nói:

"Chết đi, đồ đáng nguyền rủa!"

Những chữ *"giận điên lên"* vạch rõ những động cơ thuần tuý, có tính phê phán có đạo đức của hành động của Rô-đôn-phơ. Chính cơn giận điên người đó đã khiến ông ta rút gươm ra chống lại người cha *cao quý đã quá cố* của ông ta, như ông Sê-li-ga đã nói. Đáng lẽ phải đấu tranh với điều ác ấy ở bản thân với tư cách nhà phê phán thuần tuý, ông ta lại đấu tranh với điều ác ở người khác.

Cuối cùng, Rô-đôn-phơ tự mình xóa bỏ lý luận Cơ Đốc giáo về hình phạt của ông ta. Ông ta muốn bỏ tội tử hình, biến hình phạt thành sự sám hối, miễn là tội phạm giết những người khác chứ không động chạm đến người nhà ông ta. Nếu thủ phạm đụng đến một người trong gia đình ông ta thì ông ta sử dụng ngay tội tử hình; ông ta cần hai thứ lập pháp, một cho bản thân ông ta là vĩ nhân, một cho những người trần tục.

Ông được Xa-ra cho biết thủ phạm gây ra cái chết của Phlơ đơ Ma-ri là Giắc-cơ Phe-răng. Ông tự nhủ rằng:

"Không, như thế chưa đủ... ngọn lửa phục thù đang rực cháy trong lòng ta !... Thật là lòng đang khao khát máu !... Thật là cơn thịnh nộ suy nghĩ chín chắn và điềm đạm!... *Khi tôi chưa biết* rằng *một* trong những nạn nhân của tên quỷ sứ đó là con tôi, tôi còn tự nhủ rằng: cái chết của người đó chẳng bổ ích gì... Sống mà không có tiền bạc, sống mà không thoả mãn được tình dục điên cuồng của mình, đó mới là sự hành hạ lâu dài và gấp bội... *Nhưng đây là con gái tôi!*... Tôi phải *giết chết* người đó!".

Và Rô-đôn-phơ xông ra đi giết Giắc-cơ Phe-răng, nhưng ông ta thấy y đã ở vào trong tình trạng không cần giết nữa.

Ông Rô-đôn-phơ "lương thiện" ! Chí phục thù sôi sục, lòng thèm khát máu người, cơn thịnh nộ suy nghĩ chín chắn và điềm đạm, sự giả dối che đậy một cách xảo trá mọi ý nghĩ độc ác trong tâm hồn - tất cả những cái đó chính là những tình dục *độc ác* khiến ông ta móc mắt người khác. Chỉ nhờ có vận may, tiền bạc và chức tước mà *"người thiện"* đó thoát khỏi *tù đầy.*

Để bù đắp cho sự nhỏ mọn của ông ta trên tất cả các mặt khác, *"uy lực của sự phê phán"* đã biến vị Đông Ky-sốt này thành "chủ nhà tốt", "láng giềng tốt", "bạn bè tốt", "người cha tốt", "nhà tư sản tốt", "người công dân tốt", "ông hoàng tốt", và ở đây vẫn còn vang lên cái cung bậc ấy của các bài hát ca ngợi của ông Sê-li-ga. *Điều đó còn nhiều hơn toàn bộ thành*

https://thuviensach.vn

quả mà *"loài người"* đã đạt được *"trong toàn bộ lịch sử* của mình". Riêng cái đó cũng để cho *Rô-đôn-phơ* hai lần *cứu vớt "thế giới"* khỏi *"bị diệt vong"*.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG IX

CUỘC PHÁN XỬ CUỐI CÙNG CỦA SỰ PHÊ PHÁN

Qua *Rô-đôn-phơ* mà sự phê phán có tính phê phán đã hai lần cứu vớt thế giới khỏi diệt vong, nhưng chỉ cốt để hiện nay *tự nó* tuyên bố *ngày tận thế.*

Tôi nghe thấy và trông thấy một vị thiên thần là ngài *Hiếc-txen* cất cánh từ Xuy-rích và bay trên không trung. Và trong tay ngài cầm một cuốn sách mở giống như tạp chí "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 5, chân phải ngài đặt lên quần chúng, còn chân trái ngài đặt lên Sác-lốt-ten-bua; ngài hét to như sư tử rống, lời nói của ngài như tiếng bồ câu gu gù! gu gù! bay bổng lên tận lĩnh vực có sức truyền cảm, cho tới những hình thái rền vang như sấm động *của cuộc phán xử cuối cùng của sự phê phán.*

"Khi cuối cùng *tất thảy* đều liên hợp lại chống sự phê phán - tôi thực sự, thực sự nói với các anh[57]1* là ngày đó không còn xa nữa- khi toàn bộ cái thế giới đang tan rã - số mệnh quyết định nó phải chiến đấu với các vị thánh - tập hợp xung quanh sự phê phán để chuẩn bị cuộc công kích cuối cùng, *lúc bấy giờ* sự dũng cảm và tác dụng của sự phê phán sẽ được mọi người thừa nhận. Chúng ta chẳng cần phải lo lắng cho kết cục của cuộc đấu tranh. Mọi kết cục đều sẽ như thế này: chúng ta sẽ thanh toán với mọi tập đoàn - chúng ta sẽ tách họ ra như người chăn cừu tách cừu với dê và chúng ta để cừu sang bên phải, dê sang bên trái - và chúng ta sẽ cấp giấy chứng nhận chung về sự nghèo nàn cho toàn thể những hiệp sĩ thù địch - đấy là linh hồn của ma quỷ tản ra khắp thiên hạ để tập hợp mọi người chiến đấu trong

ngày vĩ đại của đấng Thượng đế toàn năng và tất cả những người sống trên trái đất sẽ phải ngạc nhiên.[89]

Khi vị thiên thần hô như thế thì có bảy tiếng sét:

"Dies irae, dies illa

Solvet saeclum in favilla,

Judex ergo cum sedebit,

Quidquid latet, adparebit,

Nil inultum remanebit,

Quid sum, miser, tune dicturus?" etc. [58]1*

https://thuviensach.vn

Các bạn có thể nghe thấy tiếng ồn ào của cuộc giao chiến và tiếng hò hét của binh lính. Điều đó ắt phải xảy ra trước hết. Vì tiếp đó sẽ xuất hiện những đấng Cơ Đốc giả hiệu và nhà tiên tri giả hiệu tức các ngài *Buy-sê* và *Ru* ở Pa-ri, các ngài *Phri-đrích Rô-mơ* và *Tê-ô-đo Rô-mơ* ở Xuy-rích, và các ngài ấy sẽ nói rằng: Đấng Cơ Đốc ấy ở đây! Nhưng lúc ấy, dấu hiệu của anh em *Bau-ơ* sẽ xuất hiện trong sự phê phán và lời nói trong Kinh thánh về *tác phẩm của anh em Bau-ơ* [Bauernwerk [59]2*] sẽ linh nghiệm:

"Khi bò buộc sóng đôi

Công việc cày bừa ắt sẽ tốt hơn" [90]

https://thuviensach.vn

LỜI KẾT THÚC LỊCH SỬ

Sau này chúng ta biết rằng cái bị diệt vong không phải là thế giới mà là "Literatur-Zeitung" có tính phê phán

https://thuviensach.vn

PH. ĂNG-GHEN

TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH

Theo những sự quan sát của bản thân và những nguồn đáng tin cậy[91]

Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Chín 1844 - tháng Ba 1845
In ở Lai-pxích năm 1845
Ký tên: P h r i - đ r í c h Ă n g - g h e n

In theo đúng bản in xuất bản bằng tiếng Đức năm 1845, có đối chiếu với bản in xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892
Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

Bìa trong của bản in lần thứ nhất cuốn sách
"Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"

https://thuviensach.vn

GỬI CÁC GIAI CẤP LAO ĐỘNG ĐẠI BRI-TEN [92]

Hỡi những người lao động!

Tôi xin tặng các bạn tác phẩm này, trong đó tôi cố gắng trình bày cho đồng bào nước Đức tôi một bức tranh trung thực về tình cảnh, về những nỗi đau khổ, và những cuộc đấu tranh, những hy vọng và khao khát của các bạn. Tôi đã sống với các bạn khá lâu để có thể am hiểu tình cảnh của các bạn. Tôi đã để nhiều tâm trí vào việc tìm hiểu tình cảnh ấy, tôi đã nghiên cứu nhiều tài liệu khác nhau, tài liệu chính thức lẫn tài liệu không chính thức, trong chừng mực tôi có thể tìm kiếm được, nhưng tôi nghĩ những tài liệu đó vẫn chưa đủ. Tôi tìm kiếm một cái gì hơn là sự hiểu biết *trừu tượng* về chủ đề đó, tôi muốn mắt thấy các bạn trong nhà các bạn, muốn quan sát cuộc sống hàng ngày của các bạn, muốn nói chuyện với các bạn về tình cảnh của các bạn, về những thiếu thốn của các bạn, muốn được chứng kiến những cuộc đấu tranh của các bạn chống quyền lực chính trị và xã hội của những kẻ áp bức các bạn. Tôi đã làm như thế. Tôi đã dứt bỏ sự xã giao với giai cấp tư sản, dứt bỏ những bữa tiệc, những cốc rượu poóc-tô và sâm-banh của họ, và tôi đã dành thì giờ rỗi rãi hầu như chỉ để giao du với những người lao động bình thường; tôi vừa sung sướng vừa tự hào vì đã làm như vậy. Sung sướng bởi vì như vậy là tôi đã được dùng khá nhiều thì giờ một cách bổ ích để tìm hiểu cuộc sống thực tế, những thì giờ này nếu không thế thì đều bị lãng phí vào những câu chuyện gẫu trong phòng khách và vào những lễ nghi phiền toái; tự hào, bởi vì nhờ đó tôi có thể đền bù xứng đáng một giai cấp bị áp bức và bị phỉ báng của những người,
mặc dầu có rất nhiều thiếu sót và rất nhiều những bất lợi trong hoàn cảnh của họ, vẫn đáng cho mọi người phải kính trọng, có lẽ trừ giới lái buôn Anh; còn tự hào bởi vì nhờ đó tôi đã có khả năng bênh vực nhân dân Anh khỏi sự khinh miệt ngày một tăng của những người trên lục địa, hậu quả tất nhiên của chính sách và của toàn bộ hành vi ích kỷ một cách trắng trợn của giai cấp tư sản đang thống trị ở nước các bạn.

Đồng thời, vì có nhiều cơ hội để quan sát giai cấp tư sản là kẻ thù của các bạn, tôi đã nhanh chóng khẳng định rằng các bạn có lý, hoàn toàn có lý khi các bạn không mảy may mong chờ họ giúp đỡ bất cứ một điều gì. Lợi ích của họ hoàn toàn trái ngược với lợi ích của các bạn, mặc dù họ luôn luôn cố gắng chứng minh ngược lại và cố làm cho các bạn tin là họ thật tình thông cảm với số phận của các bạn. Hành động của họ đã bác bỏ lời nói của họ. Tôi hy vọng rằng tôi đã thu thập thừa chứng cớ chứng minh rằng, dù cho trên lời nói giai cấp tư

https://thuviensach.vn

sản có quả quyết thế nào chăng nữa, trong thực tế họ không có mục đích nào khác là làm giàu bằng lao động của các bạn chừng nào họ còn có thể bán được sản phẩm của lao động ấy, và một khi mà cái lối buôn bán người gián tiếp ấy không còn mang lại lợi nhuận cho họ nữa thì họ lập tức bỏ mặc các bạn chết đói. Họ đã làm gì để chứng tỏ trên thực tế họ có cảm tình với các bạn như họ đã trịnh trọng tuyên bố? Họ đã bao giờ quan tâm hỏi han đến yêu sách của các bạn? Họ đã làm được gì khác ngoài việc trả tiền phí tổn cho độ nửa tá tiểu ban điều tra mà những tập báo cáo dày cộp bị vĩnh viễn bỏ quên trong mớ giấy lộn, ở các ngăn tủ hồ sơ của Bộ nội vụ? Họ đã bao giờ nghĩ đến cái việc dùng những tập Sách xanh đang mục nát ấy để soạn ra dù chỉ là một quyển sách đáng đọc, trong đó mọi người có thể dễ dàng tìm thấy được chút ít tài liệu về tình cảnh của đại đa số "người Bri-ten bẩm sinh tự do"? Dĩ nhiên là không họ không làm như thế; đó là những điều mà họ không ưa nói đến. Họ đã trao cho một người nước ngoài làm cái việc báo
cáo cho thế giới văn minh biết cái tình cảnh nhục nhã mà các bạn buộc phải sống.

Tôi hy vọng rằng đó chỉ là người nước ngoài đối với *họ*, chứ không phải đối với *các bạn*. Tiếng Anh của tôi có thể là không được thành thạo, nhưng tôi hy vọng rằng các bạn sẽ thấy nó là tiếng *hiểu được* đối với các bạn. Tiện đây cũng xin nói rằng chưa bao giờ có một người lao động nào ở Anh cũng như ở nước Pháp coi tôi là một người nước ngoài. Tôi rất sung sướng nhận thấy các bạn đã thoát khỏi những thành kiến dân tộc và tự kiêu dân tộc, những tình cảm tai hại đó rút cục chỉ là *tính ích kỷ trên quy mô lớn [wholesale selfishness]*. Tôi đã nhận thấy rằng các bạn đồng tình với bất cứ ai thật tâm đem sức mình phục vụ sự tiến bộ của loài người, dù họ có là người Anh hay không; rằng các bạn khâm phục mọi điều cao cả và tốt lành, dù điều đó có sản sinh trên quê hương các bạn hay không. Tôi đã tin chắc rằng các bạn không phải chỉ đơn thuần là những người công dân *Anh*, thành viên của một dân tộc biệt lập, các bạn là những *người*, những thành viên của đại gia đình chung nhận thức được rằng lợi ích của mình và lợi ích của toàn thể loài người là một. Và coi các bạn là những thành viên của cái gia đình loài người "thống nhất và không thể chia cắt được" đó, những con người theo nghĩa cao cả nhất của từ này, bản thân tôi cũng như nhiều người khác trên lục địa, chúng tôi chào mừng những tiến bộ của các bạn về mọi phương diện và chúc các bạn nhanh chóng thành công.

Các bạn hãy tiến lên, như các bạn đã làm từ trước tới nay! Còn phải trải qua rất nhiều thử thách; hãy vững lòng, hãy dũng cảm, các bạn chắc chắn sẽ thành công; trên bước đường tiến tới của các bạn, mỗi bước đều phục vụ sự nghiệp chung của chúng ta, sự nghiệp của cả loài người!

Bác-mên (miền Ranh thuộc Phổ).

15 tháng Ba 1845

Phri-đrích Ăng-ghen

https://thuviensach.vn

LỜI TỰA

Cuốn sách này đề cập tới vấn đề mà ban đầu tôi có ý định chỉ trình bày như một chương của một tác phẩm rộng hơn về lịch sử xã hội Anh. Nhưng tầm quan trọng lớn lao của vấn đề đó đã sớm buộc tôi phải đem nó nghiên cứu riêng biệt.

Tình cảnh giai cấp công nhân là cơ sở thực tế và là xuất phát điểm của mọi phong trào xã hội hiện đại, bởi vì nó là biểu hiện sâu sắc nhất và rõ rệt nhất của những tai họa xã hội của chúng ta hiện nay. Chính từ đó mà đã trực tiếp phát sinh chủ nghĩa cộng sản của công nhân Pháp và Đức và gián tiếp phát sinh chủ nghĩa Phu-ri-ê và chủ nghĩa xã hội Anh cũng như chủ nghĩa cộng sản của giai cấp tư sản trí thức ở Đức. Cho nên để có một cơ sở vững chắc, một mặt cho những lý luận xã hội chủ nghĩa, mặt khác cho những kiến giải về quyền tồn tại của những lý luận ấy, để chấm dứt mọi điều mơ tưởng và bịa đặt pro et contra [60]1*, thì việc nghiên cứu những điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản là một điều hoàn toàn cần thiết. Song chỉ ở Đại Bri-ten và ở chính tại nước Anh, những điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản mới có được *hình thức điển hình* toàn vẹn của nó; và đồng thời cũng chỉ có ở nước Anh, những tư liệu cần thiết mới được thu thập khá đầy đủ và được các cuộc điều tra chính thức xác nhận theo yêu cầu của sự trình bày vấn đề một cách khá tường tận.

Suốt trong hai mươi mốt tháng trời, do quan sát và do tiếp xúc của bản thân, tôi đã có thể trực tiếp nghiên cứu giai cấp vô sản Anh, nghiên cứu những yêu cầu, những nỗi đau khổ và vui sướng của họ, đồng thời, bổ sung sự quan sát của tôi bằng những nguồn tài liệu xác thực cần thiết. Những điều trình bày trong tác phẩm này là những điều tôi đã trông thấy, nghe thấy và đọc được. Tôi sẵn sàng đón trước sự công kích và bác bỏ từ mọi phía, không những đối với quan điểm của tôi mà còn đối với cả những sự kiện tôi đã dẫn ra, nhất là khi quyển sách này rơi vào tay độc giả người Anh. Tôi cũng biết rất rõ rằng lác đác có thể có một vài sai sót

https://thuviensach.vn

không đáng kể, mà ngay một người Anh cũng không tránh được, vì chủ đề quá rộng lớn đòi hỏi phải luận chứng toàn diện, nhất là trong khi ngay ở Anh cũng không có một tác phẩm nào, như tác phẩm của tôi, đề cập đến tình cảnh của *tất cả* mọi người lao động. Nhưng tôi không ngần ngại một chút nào mà thách thức giai cấp tư sản Anh: hãy vạch ra lấy một điều không đúng, dù chỉ là một sự kiện duy nhất có ảnh hưởng đôi chút đến toàn bộ quan điểm của tôi và chứng minh điều không đúng ấy bằng những tư liệu mà tôi đã dẫn ra.

Việc miêu tả cái hình thức điển hình của điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản ở vương quốc Bri-ten có một tầm quan trọng lớn, đặc biệt là đối với nước Đức và chính vào lúc này. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Đức - hơn ở đâu hết - đã xuất phát từ những tiền đề lý luận: chúng ta, những nhà lý luận người Đức, chúng ta còn hiểu biết quá ít về thế giới hiện thực để cho những quan hệ hiện thực có thể trực tiếp thúc đẩy chúng ta khao khát cải tạo cái "hiện thực xấu xa" ấy đi. Trong số những người hiện nay đang công khai ủng hộ những cải cách như thế thì cơ hồ không có một ai là không thông qua Phoi-ơ-bắc mà rời bỏ triết học của Hê-ghen để đi tới chủ nghĩa cộng sản. Trong chúng ta, sự hiểu biết về điều kiện sống thực tế của giai cấp vô sản kém đến nỗi ngay cả "Hội liên hiệp cải thiện tình cảnh của các giai

cấp lao động", có thiện ý, trong đó giai cấp tư sản của chúng ta hiện nay đang xuyên tạc bừa bãi vấn đề xã hội, cũng luôn luôn xuất phát từ những ý kiến lố lăng nhất và tầm thường nhất về tình cảnh của những người lao động. Về vấn đề này, người Đức chúng ta thiếu những hiểu biết thực tế hơn bất cứ người nào khác. Và tuy rằng điều kiện sinh sống của giai cấp vô sản Đức còn chưa đạt tới tính cách điển hình như ở Anh, nhưng về căn bản chúng ta vẫn có cùng một chế độ xã hội, chế độ ấy, nếu như trí tuệ của dân tộc không kịp thời thi hành những biện pháp tạo nên một cơ sở mới cho toàn bộ hệ thống xã hội thì sớm hoặc muộn thế nào cũng phải đạt tới mức độ sâu sắc của nó như ở bên kia biển Bắc. Ở Đức cũng có những nguyên nhân cơ bản đã tạo nên cảnh cùng khổ và bị áp bức của giai cấp vô sản như ở Anh và theo thời gian những nguyên nhân ấy sẽ đưa đến những kết quả tương tự. Đồng thời, việc vạch trần tai hoạ của *người Anh* sẽ thúc đẩy chúng ta vạch trần tai hoạ của *người Đức* chúng ta và tạo nên được một cái thước tỷ lệ để đánh giá được quy mô của nó và mối nguy hiểm đã bộc lộ trong những cuộc nổi dậy ở Bô-hêm và ở Xi-lê-đi [93], mối nguy hiểm này đang đe doạ trực tiếp sự yên ổn của nước Đức từ mặt ấy.

Để kết luận, tôi nêu thêm hai nhận xét nữa. Thứ nhất, tôi đã luôn luôn dùng danh từ *Mittelklasse* theo nghĩa của tiếng Anh middle-class (hoặc như người ta thường dùng middle-classes), để chỉ, cũng như tiếng Pháp bourgeoisie, giai cấp hữu sản tức là giai cấp có của, khác với cái gọi là quý tộc, cái giai cấp ở Anh và Pháp thì trực tiếp nắm chính quyền, và ở Đức thì gián tiếp nắm chính quyền dưới danh nghĩa "dư luận xã hội" [61]1*. Cũng vậy, tôi

thường dùng những từ: người lao động hoặc công nhân (working men) và người vô sản, giai cấp công nhân, giai cấp không có của, giai cấp vô sản như những từ đồng nghĩa. Thứ hai, trong phần lớn lời trích dẫn, tôi đã nêu rõ tác giả thuộc đảng phái nào, bởi vì phái tự do hầu

https://thuviensach.vn

như luôn luôn cố tìm cách nhấn mạnh sự bần cùng ở các vùng nông nghiệp và phủ nhận sự bần cùng ở các vùng công xưởng, và ngược lại, phái bảo thủ thì lại thừa nhận sự bần cùng ở các vùng công xưởng, nhưng lại không muốn thừa nhận sự bần cùng ở các vùng nông thôn. Cũng vì vậy, khi tôi không có tài liệu chính thức, mà muốn mô tả tình cảnh của những người lao động công nghiệp, tôi thường dùng dẫn chứng của *phái tự do* để đập giai cấp tư sản tự do bằng chính ngay dẫn chứng của họ, và tôi chỉ dẫn tài liệu của phái bảo thủ hay phái Hiến chương khi mà do chính kinh nghiệm bản thân, tôi được biết rằng sự kiện ấy là đúng, hoặc khi tiếng tăm của bản thân tác giả hay bài văn của tác giả tôi trích dẫn khiến tôi tin tưởng được rằng điều dẫn chứng ấy là xác thực.

Bác-mên, ngày 15 tháng Ba 1845

Phri-đrích Ăng-ghen

https://thuviensach.vn

TO THE WORKING CLASSES

OF

GREAT - BRITAIN

Working Men!

To you I dedicate a work, in which I have tried to lay before my German Countrymen a faithful picture of your condition, of your sufferings and struggles, of your hopes and prospects. I have lived long enough amidst you to know something a bout your circum-stances; I have devoted to their knowledge my most serious atten-tion, I have studied the various official and non-official documents as fas as I was able to get hold of them - I have not been satisfied with this, I wanted more than a mere *abstract* knowledge of my subject, I wanted to see you in your own homes, to observe you in your every-day life, to chat with you on your condition and grie-vances, to witness your struggles against the social and political power of your oppressors. I have done so: I forsook the company and the dinner-parties, the port-wine and champaign of the middle-classes, and devoted my leisure-hours almost exclusively to the inter-course with plain Working Men; I am both glad and proud of having done so. Glad, because thus I was induced to spend many a happy hour in obtaining a knowledge of the realities of life-many an hour,

Trang đầu lời kêu gọi của Ph. Ăng-ghen "Gửi các giai cấp lao động Đại Bri-ten"

https://thuviensach.vn

LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử giai cấp công nhân Anh bắt đầu từ nửa thứ hai của thế kỷ XVIII, cùng với việc phát minh ra máy hơi nước và những máy làm bông. Như ta đã biết, những phát minh ấy đã gây nên một bước nhảy vọt trong cuộc cách mạng công nghiệp, cuộc cách mạng mà hiện nay người ta chỉ vừa mới bắt đầu nhận thức được ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của nó thì đồng thời nó cũng đã làm biến đổi toàn bộ xã hội công dân. Anh là nước điển hình về sự biến đổi ấy, biến đổi càng tiến hành lặng lẽ, thì càng mạnh mẽ; do đó, nước Anh cũng là nước điển hình về sự phát triển của giai cấp vô sản, kết quả chủ yếu của sự biến đổi đó. Chỉ có ở Anh mới có thể nghiên cứu toàn diện giai cấp vô sản trên tất cả các mối quan hệ của nó.

Ở đây, chúng ta không xét đến lịch sử cuộc cách mạng ấy, cũng như không xét đến ý nghĩa to lớn của nó đối với hiện tại và tương lai. Đó là một đề mục phải dành cho một tác phẩm rộng rãi hơn sau này. Hiện nay, chúng ta chỉ giới hạn ở mấy điểm cần thiết để làm sáng tỏ những sự kiện sau đây, để hiểu rõ tình cảnh hiện tại của giai cấp vô sản Anh.

Khi chưa dùng máy móc, việc kéo sợi, dệt vải, đều làm ở nhà người thợ. Vợ và con gái kéo sợi, người chồng đem sợi ấy dệt thành vải; nếu anh ta không tự dệt lấy thì đem sợi đi bán. Các gia đình thợ dệt ấy phần đông sống ở nông thôn, gần thành phố và có thể làm đủ ăn vì lúc đó về mặt nhu cầu vải thì thị trường địa phương còn có ý nghĩa quyết định, thậm chí hầu như là thị trường duy nhất

còn sức mạnh của cạnh tranh, sau này tự mở đường với sự xâm chiếm các thị trường nước ngoài và mở rộng buôn bán, bấy giờ còn chưa ảnh hưởng mấy tới tiền lương. Thêm vào đó sự tăng lên không ngừng của nhu cầu trên thị trường trong nước, song song với sự tăng lên từ từ của dân số đã đảm bảo cho mọi người công nhân đều có việc làm; ngoài ra không thể có cạnh tranh mạnh mẽ giữa họ với nhau do điều kiện cư trú phân tán của họ ở nông thôn. Cho nên phần đông những người thợ dệt thậm chí có thể dành dụm được chút ít và thuê được một mảnh đất nho nhỏ để làm trong những lúc rảnh rang - mà thì giờ muốn rảnh bao nhiêu cũng được, bởi vì anh ta muốn dệt nhiều, dệt ít hay dệt lúc nào là tuỳ ý. Thực ra thì về nghề nông anh ta cũng tồi, trồng trọt qua loa và cũng chẳng thu lợi được mấy; nhưng ít ra thì anh ta cũng không phải là một người vô sản; như người Anh thường nói, anh ta đã đóng cọc trên mảnh đất quê hương; anh ta có định sở và, trong xã hội, anh ta đứng cao hơn một bậc so với người công nhân Anh ngày nay.

https://thuviensach.vn

Như vậy người lao động sống một cuộc sống tầm thường và ấm cúng, một cuộc đời ngay thực, yên ổn trong cảnh hoà thuận và được người ta quý trọng; so với những người công nhân sau này thì tình cảnh sinh hoạt vật chất của họ khá hơn nhiều. Họ chả cần gì phải làm quá sức; họ muốn làm bao nhiêu thì làm mà vẫn kiếm đủ dùng; họ có thì giờ rảnh để lao động bồi bổ sức khoẻ ở trong vườn hay ngoài ruộng, bản thân công việc này lại là một sự nghỉ ngơi đối với họ, ngoài ra họ còn có thể tham gia những cuộc vui chơi giải trí của hàng xóm láng giềng; và tất cả các trò chơi đó như đánh ky, chơi bóng v.v. lại có tác dụng rất tốt để bảo vệ sức khoẻ và tăng cường thân thể cho họ. Họ phần nhiều khoẻ mạnh, rắn chắc, thể cách của họ không khác mấy, thậm chí chẳng khác gì thể cách của những người nông dân láng giềng của họ. Con cái họ lớn lên trong không khí lành mạnh của nông thôn, và nếu chúng có giúp đỡ cha mẹ làm việc thì cũng chỉ thỉnh thoảng
thôi, chứ đương nhiên không phải chuyện mỗi ngày phải làm tám tiếng hay mười hai tiếng đồng hồ.

Có thể dễ dàng hình dung được mức độ đạo đức và trí tuệ của giai cấp đó như thế nào. Họ sống tách rời các thành phố là nơi họ không hề bước chân đến, vì sợi và vải thì họ trao cho những thương nhân lưu động để đổi lấy tiền công; họ tách rời với thành phố đến nỗi có những ông bà già ở sát thành phố mà chưa hề bước chân đến thành phố, cho đến khi máy móc cướp mất thu nhập của họ và lôi cuốn họ ra thành phố kiếm việc làm; về mặt đạo đức và trí tuệ, họ ở cùng trình độ với nông dân, là những người mà phần lớn họ có quan hệ trực tiếp do mảnh đất nhỏ họ lĩnh canh. Họ coi tên *squire* - tên địa chủ lớn nhất trong vùng - như là "cấp trên đương nhiên" của mình, có gì thì hỏi hắn, có tranh chấp lặt vặt gì với nhau thì nhờ hắn khu xử và tôn kính hắn theo đúng mối quan hệ gia trưởng như thế. Họ là những người "đáng tôn kính", những người chủ nhà tốt, sống rất đạo đức, vì chẳng có lý do gì mà sống thiếu đạo đức, - xung quanh chẳng có tiệm rượu cũng chẳng có chỗ chơi bời bậy bạ; thỉnh thoảng có đi giải khát tí chút thì chủ quán cũng lại là người đáng kính trọng, thường là một tá điền lớn, bán rượu ngon, thích trật tự nghiêm ngặt và đóng cửa sớm. Họ suốt ngày giữ con cái bên họ trong gia đình và giáo dục chúng theo tinh thần phục tùng cha mẹ và kính sợ Thượng đế. Quan hệ gia đình gia trưởng cứ giữ nguyên khi con cái chưa có vợ có chồng. Thanh niên nam nữ sống với bè bạn trong sự hồn nhiên thơ mộng và sự tin cậy lẫn nhau cho tới khi lấy vợ lấy chồng và nếu như quan hệ tình dục trước khi cưới là hiện tượng hầu như phổ biến thì cũng là trên cơ sở cả hai bên đều thừa nhận việc kết hôn là một nghĩa vụ đạo đức, và sau đó lễ cưới lại làm cho mọi việc đâu lại vào đó. Tóm lại, người lao động công nghiệp Anh bấy giờ sống và suy nghĩ như những người công nhân, mà ngày nay thỉnh thoảng còn gặp một vài nơi ở Đức, nghĩa là sống cách biệt và xa lánh, không có hoạt động gì về mặt tinh

thần và không có thay đổi gì lớn trong hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Rất hiếm người biết đọc, người biết viết lại càng hiếm hơn; họ đi lễ nhà thờ rất đều, không làm chính trị, không có hoạt động âm mưu, không trầm ngâm suy nghĩ, rất thích hoạt động thể dục, nghe đọc kinh thánh với lòng thành kính được truyền dạy từ thuở nhỏ, và do nhẫn nhục không cần đòi hỏi

https://thuviensach.vn

gì, họ sống rất hoà thuận với các giai cấp có đặc quyền hơn trong xã hội. Nhưng ngược lại, về mặt tinh thần, họ trầm lặng như tờ; họ chỉ sống về những lợi ích nhỏ mọn của bản thân, vì cái khung cửi, vì mảnh vườn cỏn con và không biết gì đến phong trào mạnh mẽ đang lôi cuốn toàn thể loài người ở bên ngoài xóm làng của họ. Họ lấy làm thoải mái với cuộc sống yên tĩnh, tầm thường của mình, và nếu như không có cuộc cách mạng công nghiệp thì họ sẽ không bao giờ rời bỏ lối sống ấy, lối sống thật ra là đầy thi vị và rất ấm cúng nhưng lại không xứng đáng với một con người. Sự thực là họ không phải là những con người, mà chỉ là những cái máy làm việc phục vụ cho một số ít nhà quý tộc là những kẻ cho đến bây giờ vẫn chi phối lịch sử. Cuộc cách mạng công nghiệp chỉ là thúc đẩy tình trạng ấy lên đỉnh của nó bằng cách hoàn toàn biến những người lao động thành những cái máy đơn thuần, và cướp giật nốt cái phần hoạt động độc lập cuối cùng của họ, nhưng cũng chính do đó mà lại đẩy họ tới chỗ phải suy nghĩ và bắt họ phải giành lấy địa vị xứng đáng với con người. Nếu ở Pháp là chính trị, thì ở Anh lại là công nghiệp và phong trào của xã hội công dân nói chung, đã lôi cuốn vào cơn lốc của lịch sử những giai cấp cuối cùng hãy còn hờ hững với lợi ích chung của nhân loại.

Phát minh đầu tiên làm thay đổi sâu sắc tình cảnh của người lao động Anh là cái *máy sợi gien-ny* của anh thợ dệt *Giêm-xơ Hác-gri-xơ ở* Xtan-hin, gần Blếch-bớc, Bắc Lan-kê-sia (năm 1764). Cái máy ấy là tiền thân thô sơ của cái máy mun sau này; người ta quay máy bằng tay; nhưng các xa quay tay thường chỉ có một cọc suốt, thì máy này có từ mười sáu đến mười tám cọc suốt do
một công nhân điều khiển. Nhờ vậy, có thể sản xuất được rất nhiều sợi hơn trước; trước kia cứ một người thợ dệt thì phải ba người kéo sợi luôn tay, mà thường không bao giờ có đủ sợi và người thợ dệt nhiều khi phải chờ đợi, ngày nay thì sợi lại nhiều quá sức làm của số thợ dệt hiện có. Nhu cầu về hàng dệt, vốn đã tăng, lại càng tăng lên nữa khi giá hàng dệt hạ xuống do kết quả của sự giảm chi phí sản xuất sợi nhờ có máy mới. Người ta cần nhiều thợ dệt hơn, và tiền công thợ dệt tăng lên. Bây giờ vì dệt kiếm được nhiều tiền hơn nên anh thợ bỏ lơ mảnh vườn con và dốc sức vào việc dệt vải. Thời đó, một gia đình bốn người lớn với hai đứa trẻ đánh suốt, làm việc một ngày mười tiếng, có thể kiếm được mỗi tuần bốn pao-xtéc-linh (tính ra bằng hai mươi tám ta-le Phổ), và nhiều khi còn được hơn nữa khi hàng chạy và việc nhiều; lại thường có khi với khung cửi của mình, một anh thợ dệt kiếm được tới hai pao-xtéc-linh mỗi tuần. Như vậy là giai cấp thợ dệt kiêm dân cày dần dần mất hẳn đi và trở thành giai cấp thợ dệt mới, hoàn toàn sống bằng tiền công, không có chút tài sản nào, ngay cả tài sản giả tạo dưới hình thức một mảnh đất đi thuê cũng không có và như vậy họ đã trở thành những *người vô sản* (working men). Thêm vào đó, mối quan hệ trước đây giữa người kéo sợi và người dệt vải cũng bị xoá bỏ. Trước kia, trong chừng mực có thể được, việc kéo sợi và dệt sợi thành vải tiến hành ngay trong một ngôi nhà. Bây giờ vì máy sợi gien-ny cũng như khung cửi đòi hỏi phải có sức lực mới sử dụng được nên đàn ông cũng bắt đầu kéo sợi và có những gia đình toàn thể sống nhờ vào cái máy sợi gien-ny, ngược lại một số gia đình khác thì bắt buộc phải vứt bỏ cái xa quay tay cũ kỹ và lỗi thời và nếu họ không có khả năng mua một cái máy sợi gien-ny thì họ bắt buộc phải sống nhờ vào thu nhập mà cái khung cửi đem lại cho người chủ

https://thuviensach.vn

gia đình. Như vậy là với việc kéo sợi và việc dệt vải bắt đầu sự phân công sau này phát triển vô tận trong công nghiệp.

Cái máy đầu tiên còn chưa hoàn hảo ấy xuất hiện không những đã làm cho *giai cấp vô sản công nghiệp* phát triển mà còn thúc đẩy *giai cấp vô sản nông nghiệp* ra đời. Cho đến lúc bấy giờ, người ta mới chỉ biết có một số đông tiểu điền chủ gọi là những nông dân tự canh, họ cũng sống một cách thầm lặng, không hoạt động trí óc, và thiếu mọi sinh hoạt tinh thần như những người thợ dệt kiêm dân cày ở bên cạnh họ. Họ cầy cấy trên mảnh đất của mình hoàn toàn theo lối thô sơ cũ của ông cha họ và chống lại mọi điều mới mẻ với sự ngoan cố vốn có của những người nô lệ của tập quán trải qua bao nhiêu đời kiếp vẫn không thay đổi. Trong số đó cũng có nhiều người tá điền nhỏ, nhưng không phải tá điền theo nghĩa hiện nay, mà là những người hoặc do một khế ước thuê đất kế thừa, hoặc do một tục lệ lâu đời nào đó mà được cha ông truyền lại cho mảnh đất trên ấy họ lập nghiệp vững vàng như là đất của chính mình. Ngay khi những người lao động công nghiệp bỏ không làm nghề nông nữa thì nhiều ruộng đất bỏ không và một giai cấp gồm những *tá điền lớn* đến lập nghiệp trên những ruộng đất ấy; họ thuê hàng năm chục, một trăm, hai trăm a-cơ-rơ hay hơn nữa; họ là những tenanst-at-will (tức là những tá điền mà hàng năm có thể bị người ta từ chối không cho thuê ruộng đất) và hiện nay họ biết tăng thêm thu nhập của đất đai đó bằng cách canh tác tốt hơn và kinh doanh theo quy mô lớn hơn. Họ có thể bán sản phẩm rẻ hơn I-ô-men nhỏ và người này cuối cùng chỉ còn có cách là đem bán mảnh ruộng vườn không đủ nuôi sống mình nữa và mua một cái máy sợi gien-ny hay một cái khung cửi, hoặc là đi làm thuê cho người tá điền lớn, với tư cách là người làm công nhật, người vô sản nông thôn. Với tính lạc hậu bẩm sinh và phương pháp làm ruộng cẩu thả do cha ông truyền lại mà anh ta không thể khắc phục được thì anh ta không còn có con đường nào khác, một khi anh ta bắt buộc phải cạnh tranh với những người biết canh tác đất đai một cách hợp lý hơn và có mọi thuận lợi do nền kinh doanh lớn và do bỏ vốn để cải tạo chất đất đem lại.

Nhưng sự phát triển của công nghiệp không phải chỉ dừng lại ở đây. Một vài nhà tư bản bắt đầu đặt những máy sợi gien-ny vào những ngôi nhà lớn và dùng *sức nước* cho máy chạy, như vậy họ có thể rút bớt số công nhân và bán sợi với giá rẻ hơn những người kéo sợi cá thể còn phải quay máy bằng tay. Người ta luôn luôn tìm cách cải tiến cấu tạo của máy sợi gien-ny, đến nỗi chiếc máy lúc nào cũng có thể trở thành cổ lỗ, cần phải cải tiến hoặc thay máy mới, và nếu như nhà tư bản còn có thể đứng vững được bằng cách dùng sức nước để chạy cả những máy cũ, thì đối với anh thợ kéo sợi cá thể điều đó lại không thể được theo với thời gian. Nếu như đó mà chế độ công xưởng đặt được cơ sở thì nhờ cái máy sợi con do anh thợ cạo *Ri-sác Ác-crai-tơ ở Pre-xtơn* Bắc Lan-kê-sia phát minh năm 1767, chế độ ấy lại mở rộng thêm. Cái máy này, mà ở Đức thường gọi là Kêttnstuhl, cùng với máy hơi nước là phát minh về máy móc quan trọng nhất của thế kỷ XVIII. Ngay từ đầu, nó đã được thiết kết trên cơ sở được chế tạo để chạy với *động cơ* và những nguyên lý hoàn toàn mới. Năm 1785 *Xa-miu-en Crơm-tơn ở Phớc-vút,* tỉnh Lan-kê-sia đã kết hợp những đặc điểm

https://thuviensach.vn

của máy sợi gien-ny và máy sợi con để chế thành *máy mun* và cũng khoảng thời gian ấy khi mà Ác-crai-tơ phát minh được máy *chải* và máy *sợi thô*, thì trong nghề kéo sợi, chế độ công xưởng trở thành chế độ thống trị duy nhất. Dần dần, do một số cải biến nhỏ, người ta bắt đầu sử dụng những máy ấy trong việc kéo sợi len, rồi sau đó (khoảng mười năm đầu thế kỷ XIX), trong việc kéo sợi lanh, như vậy là loại những công việc làm bằng tay ra khỏi hai ngành này. Nhưng người ta vẫn không dừng lại ở đây; Trong những năm cuối của thế kỷ XVIII, một mục sư nông thôn là bác sĩ *Các-rai-tơ*, phát minh ra *khung cửi máy* và khoảng 1804 đã cải tiến nó đến mức độ có thể cạnh tranh thắng lợi được với thợ dệt tay. *Máy hơi nước* do *Giêm sơ Oát* phát minh năm 1764 và được áp dụng từ 1785 để chạy máy sợi, đã khiến những máy móc ấy trở thành quan trọng bội phần.

Nhờ có những phát minh về sau mỗi năm một hoàn thiện ấy,
lao động bằng máy móc đã thắng lao động bằng chân tay trong các ngành chủ yếu của công nghiệp Anh; và, toàn bộ lịch sử sau đó của nền công nghiệp Anh chỉ là thuật lại tình hình người lao động thủ công đã bị máy móc đánh bật khỏi hết vị trí này đến vị trí khác như thế nào. Kết quả là: một mặt những hàng hoá công xưởng giảm giá nhanh chóng, thương nghiệp và công nghiệp phồn thịnh, hầu hết các thị trường nước ngoài không có quan thuế bảo hộ bị chiếm đoạt, tư bản và tài sản quốc dân tăng lên nhanh chóng; mặt khác, giai cấp vô sản tăng lên còn nhanh hơn nhiều về số lượng, giai cấp công nhân mất mọi tài sản, mất mọi niềm tin vào công ăn việc làm, phong tục đồi bại, chính trị rối ren, và tất cả những sự kiện rất khó chịu đối với các giai cấp có của ở Anh mà chúng ta sẽ nghiên cứu ở đây. Trên đây ta đã thấy chỉ một cái máy thô sơ như máy sợi gien-ny cũng đã gây bao nhiêu biến đổi trong địa vị xã hội của những giai cấp lớp dưới cho nên ta sẽ chẳng lấy gì làm ngạc nhiên về tác dụng gây nên bởi cả một hệ thống máy móc bổ sung cho nhau và cấu tạo tinh vi, tiếp nhận nguyên liệu của ta để trao lại cho ta những tấm vải dệt hoàn hảo.

Tuy nhiên, chúng ta hãy theo dõi kỹ càng hơn sự phát triển của công nghiệp Anh [62]1* và hãy bắt đầu bằng ngành chủ yếu là *công nghiệp bông*. Trong những năm 1771-1775, con số trung bình về nhập khẩu bông chưa cán hàng năm chưa tới 5 triệu pao mà

năm 1841 con số ấy đã là 528 triệu và năm 1844 lên tới trên 600 triệu. Năm 1834, nước Anh xuất khẩu 556 triệu i-ác vải, 76,5 triệu pao sợi bông và 1 200 000 pao xtéc-linh hàng dệt kim bằng bông. Cũng năm ấy, công nghiệp bông sử dụng tới hơn 8 triệu cọc sợi, 110 000 khung cửi máy và 250 000 khung cửi tay, không kể những máy sợi con, và theo thống kê của *Mắc-Cu-lốc* thì trong toàn Vương quốc liên hợp có gần một triệu rưỡi người trực tiếp hoặc gián tiếp sống nhờ ngành công nghiệp ấy và trong số này chỉ có 220 000 người làm trong các nhà máy; động lực dùng trong các công xưởng ấy thì sức hơi nước là 33 000 sức ngựa, và sức nước là 11 000 sức ngựa. Ngày nay những con số ấy đã bị vượt xa và chúng ta có thể không ngần ngại mà công nhận rằng về số lượng và công suất máy móc, cũng như về số lượng công nhân, năm 1845 đã gấp rưỡi năm 1834. Tỉnh *Lan-kê-sia* là trung tâm, cũng là cái nôi của

https://thuviensach.vn

công nghiệp bông. Công nghiệp này đã hoàn toàn cách mạng hoá biến tỉnh ấy từ một bãi lầy âm u, rất ít khai khẩn thành một địa phương náo nhiệt hoạt động sôi nổi; trong 80 năm làm tăng dân số lên gấp mười lần, và, như là có chiếc gậy thần nó đã làm mọc lên những thành phố khổng lồ như *Li-vớc-pun* và *Man-se-xtơ*, gồm đến 70 vạn dân, và các vụng ngoại ô: *Bôn-tơn* (6 vạn dân), *Rô-sđên* (7 vạn rưỡi dân), *Ôn-đêm* (5 vạn dân), *Pre-xtơn* (6 vạn dân), *A-stơn* và *Xtê-li-brít-giơ* (4 vạn dân), và cả một loạt thành phố công xưởng khác. Lịch sử Nam Lan-kê-sia đã được chứng kiến những điều kỳ diệu nhất của thời hiện đại, dù cho không thích nói tới, và những điều kỳ diệu ấy chính là do công nghiệp bông đã tạo nên. Ngoài ra, *Gla-xgô* ở xứ Xcốt-len là trung tâm của khu vực bông thứ hai gồm tỉnh *La-nác-sia* và tỉnh *Ren-phriu-sia* và ở đây cũng vậy, dân số thành phố chủ yếu này từ khi bắt đầu có ngành công nghiệp ấy cho đến nay đã tăng từ 3 vạn lên 30 vạn. *Nghề dệt kim bít tất ở Nốt-tinh-hêm* và *Đớc-bi*, do việc hạ giá sợi, cũng đã được đẩy lên một bước mới, và một bước thứ hai do sự cải tiến máy dệt kim khiến từ nay trên một
máy có thể đồng thời dệt hai chiếc bít tất. *Nghề làm đăng ten* cũng trở thành một ngành công nghiệp quan trọng từ năm 1777 là năm phát minh được *máy dệt tuyn*; ít lâu sau, *Lin-đli* phát minh *máy làm đăng ten* và sau đó, năm 1809, *Hít-cớt* phát minh *máy ống sợi*. Công việc làm đăng ten nhờ đó được đơn giản hoá rất nhiều, và do giá hạ, sự tiêu dùng đăng ten tăng lên rất nhiều đến nỗi hiện nay có tới ít ra là 20 vạn người sống nhờ ngành này. Nhưng trung tâm chủ yếu của công nghiệp ấy là *Nốt-tinh-hêm, Lê-xtơ* và ở miền Tây nước Anh *(Uyn-tsia, Đê-vơn-sia,* v.v.). những ngành phụ thuộc vào công nghiệp bông, như ngành tẩy trắng, ngành nhuộm, ngành in hoa, cũng phát triển như vậy. Nhờ dùng *clo* thay cho *ôxy* trong việc tẩy trắng, nhờ sự tiến bộ nhanh chóng của ngành hoá học có ảnh hưởng đến *ngành nhuộm* và *in hoa,* và nhờ một loạt phát minh rực rỡ nhất trong lĩnh vực máy móc thúc đẩy sự phát triển của ngành in hoa, những ngành này đã được sự thúc đẩy, sự thúc đẩy này cộng với sự mở rộng nhu cầu do sự phát triển của nghề sản xuất sợi bông gây nên, làm cho những ngành công nghiệp ấy đạt đến mức thịnh vượng chưa từng thấy.

Trong *nghề làm len,* cũng có hoạt động tương tự; trước kia đó là ngành chủ yếu của công nghiệp Anh, nhưng sản phẩm những năm đầu so với ngày nay thật không đáng kể. Năm 1782, do thiếu công nhân, số lông cừu thu hoạch trong ba năm trước vẫn chưa được chế biến, và nhất định vẫn còn để đó nếu không có sự viện trợ của máy móc mới phát minh để kéo len thành sợi. Việc dùng các máy móc ấy để kéo sợi len tiến hành có kết quả tốt. Từ đó ở các khu chế biến len cũng bắt đầu có sự tiến triển nhanh chóng như ở các khu bông vải sợi. Năm 1738 *ở khu vực phía tây Y-oóc-sia* dệt được 7 vạn rưỡi tấm vải len nhưng năm 1817 thì dệt được 49 vạn tấm; và công nghiệp len phát triển nhanh chóng đến nỗi ngay năm 1834 đã xuất khẩu nhiều hơn năm 1825 tới 45 vạn tấn. Năm 1801, người ta làm được 101 triệu pao (trong đó có 7 triệu nhập
khẩu); năm 1835 thì làm 180 triệu pao (trong đó có 42 triệu nhập khẩu). Trung tâm chính của nền công nghiệp ấy là khu vực phía tây Y-oóc-sia; ở đây len dài xơ được chế biến làm len đan v.v., đặc biệt là *ở Brát-phoóc,* còn len ngắn xơ được chế biến làm loại sợi săn và để dệt

https://thuviensach.vn

dạ thì làm ở các thành phố khác: *Lít-xơ, Ha-li-phắc, Hát-đơ-xphin,* v.v., rồi đến một phần của Lan-kê-sia tiếp giáp với Y-oóc-sia, vùng lân cận *Rô-sđên* là nơi mà ngoài việc làm các sản phẩm bằng bông, người ta còn dệt nhiều hàng nỉ mỏng, và sau hết *miền Tây nước Anh* là nơi sản xuất những hàng dạ tinh xảo nhất. Ở đây, dân số cũng tăng một cách rất đáng chú ý:

	Năm 1801	Năm 1831
Brát-phoóc	29 000 người	77 000 người
Ha-li-phắc	63 000 -	110 000 -
Hát-đơ-xphin	15 000 -	34 000 -
Lít-xơ	53 000 -	123 000 -
và toàn khu vực phía tây		
Y-oóc-sia	564 000 -	980 000 -

Số dân ấy, từ 1831 đến nay còn tăng lên ít ra là 20 đến 25 %. Năm 1835, trong toàn Vương quốc liên hợp có 1 313 xưởng máy kéo sợi len với 71 300 công nhân; nhưng số ấy chỉ mới là một phần nhỏ trong con số đông đảo những người trực tiếp hoặc gián tiếp sống bằng nghề làm len, và hầu như hoàn toàn không kể những thợ dệt len.

Trong ngành *công nghiệp lanh*, sự tiến bộ có muộn hơn vì tính chất tự nhiên của thứ nguyên liệu này làm cho rất khó ứng dụng các máy kéo sợi. Thực ra thì ngay từ những năm cuối thế kỷ XVIII ở Xcốt-len đã có thử làm việc ấy, nhưng mãi đến năm 1810, người Pháp là *Gi-ra* mới thực hiện thành công trên thực tế việc *kéo sợi lanh* bằng máy. Song những máy của Gi-ra chỉ chiếm được vị trí
quan trọng xứng đáng trên đất Anh sau khi đã cải tiến ở Anh và được áp dụng một cách rộng rãi ở *Lít-xơ, Đơn-đi* và *Ben-phát*. Từ đó, công nghiệp lanh ở Anh mới bắt đầu phát triển nhanh chóng. Năm 1814, ở Đơn-đi nhập khẩu 3 000 tấn [63]1* lanh, năm 1833 19 000 tấn lanh và 3 400 tấn gai. Vải gai xứ Ai-rơ-len xuất cảng sang Anh tăng từ 32 triệu i-ác (năm 1800) lên 53 triệu (năm 1825) mà phần lớn lại đem xuất khẩu một lần nữa; việc xuất khẩu vải lanh của Anh và Xcốt-len tăng từ 24 triệu i-ác (năm 1820) lên 51 triệu (năm 1833). Số xưởng máy

https://thuviensach.vn

sợi lanh năm 1835 lên tới 347 xưởng với 33 000 công nhân; một nửa số ấy ở Nam Xcốt-len, hơn 60 xưởng ở khu vực phía tây Y-oóc-sia (Lít-xơ và các vùng phụ cận), 25 xưởng ở Ben-phát thuộc Ai-rơ-len, và số còn lại ở Đoóc-xét-sia và Lan-kê-sia. Việc dệt lanh tiến hành ở Nam Xcốt-len và một số nơi ở Anh, nhưng chủ yếu là ở Ai-rơ-len.

Người Anh cũng đạt được những thành tích rất lớn trong *nghề tơ lụa*. Trong công việc này, họ nhận được nguyên liệu đã kéo thành sợi từ miền Nam châu Âu và từ châu Á; công việc chính là xe những sợi tơ rất mảnh lại với nhau *(đánh sợi)*. Năm 1824 về trước, công nghiệp tơ lụa ở Anh bị trở ngại nhiều vì thuế tơ mộc rất nặng (mỗi pao 4 si-linh) và nó chỉ có được thị trường duy nhất ở Anh và ở các thuộc địa của Anh nhờ quan thuế bảo hộ. Sau đó, thuế nhập khẩu hạ xuống đến một pen-ni, và lập tức số công xưởng tăng lên rất nhiều. Trong một năm số cọc sợi tăng từ 78 vạn lên 118 vạn, và mặc dầu ngành công nghiệp ấy nhất thời bị tê liệt do cuộc khủng hoảng thương nghiệp năm 1825, nhưng ngay năm 1827 trong lĩnh vực đó đã sản xuất nhiều hơn bao giờ hết, vì tay nghề về kỹ thuật và kinh nghiệm của người Anh đã làm cho máy xe sợi của họ hơn hẳn so với những máy móc vụng
về của những kẻ cạnh tranh với họ. Năm 1835 Đại Bri-ten có 263 xưởng xe sợi tơ với 3 vạn công nhân; phần lớn những xưởng tập trung ở *Si-sia (Mác-cơn-xphin, Cơn-gli-tơn* và các vùng phụ cận); ở *Man-se-xtơ* và *Xơn-mơ-xét-sia*. Ngoài ra còn có nhiều xưởng chế biến những mụn tơ của kén tằm làm thành một thứ sợi đặc biệt (spunsilk) là món hàng người Anh cung cấp cả cho các xưởng dệt lụa ở Pa-ri và Ly-ông. Lụa chế biến bằng cách đó chủ yếu được dệt ở Xcốt-len *(Pây-sli*, v.v.) và ở Luân Đôn *(Spi-tan-phin)*, nhưng cũng được dệt cả ở Man-se-xtơ và các nơi khác nữa.

Song sự phát triển to lớn của công nghiệp Anh từ năm 1760 không phải chỉ giới hạn trong phạm vi chế tạo hàng vải. Một khi đã có đà phát triển thì nó lan ra khắp mọi ngành của hoạt động công nghiệp, và rất nhiều phát minh không liên quan chút gì với những phát minh đã nói ở trên, cũng trở nên quan trọng bội phần vì diễn ra đúng vào giữa lúc phong trào công nghiệp phát triển phổ biến. Nhưng mặt khác, một khi thực tiễn đã chứng minh tác dụng lớn lao của sức cơ giới trong công nghiệp, thì người ta tìm đủ mọi cách để sử dụng sức ấy về mọi mặt và để bắt nó làm cho các nhà phát minh và các chủ xưởng riêng biệt; thêm vào đó chính nhu cầu về máy móc, về chất đốt và nguyên liệu đã trực tiếp đòi hỏi đông đảo công nhân và các ngành công nghiệp riêng biệt tăng cường hoạt động lên gấp đôi. Chính máy hơi nước đã làm cho các *mỏ than* rộng lớn ở Anh lần đầu tiên trở nên quan trọng; chỉ đến bây giờ, việc *chế tạo máy móc* mới bắt đầu và cùng với việc chế tạo máy móc, người ta chú ý hơn đến các *xí nghiệp khai thác quặng sắt* cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất này. Sự tiêu thụ len tăng thêm làm cho nghề chăn cừu ở Anh phát triển và sự tăng nhập khẩu thêm len, lanh và tơ làm cho đội thương thuyền của Anh tăng lên. Phát triển mạnh nhất là *nghề sản xuất sắt*. Trước kia các mỏ sắt rất giàu ở Anh ít được khai thác; người ta thường dùng than củi để nấu quặng, than này do sự phát triển của nông nghiệp và sự phá rừng nên sản xuất ngày càng ít, ngày

https://thuviensach.vn

càng đắt. Mãi đến thế kỷ trước mới bắt đầu dùng than đá đã được luyện (than cốc), và từ năm 1780 người ta mới phát minh một phương pháp mới cho phép biến quặng sắt đã nấu chảy trong lò than cốc, thành sắt rèn được, mà trước đó chỉ có thể thu được gang. Đó là phương pháp rút các-bon bị trộn lẫn trong sắt khi sắt nung chảy, mà người Anh gọi là phương pháp pút-lin; phương pháp này đã mở ra cho nền sản xuất sắt ở Anh một trường hoạt động hoàn toàn mới. Người ta xây những lò cao lớn gấp năm mươi lần so với trước kia; người ta đơn giản hoá việc nấu chảy quặng bằng cách thổi gió nóng, và nhờ vậy mà sản xuất được sắt rẻ đến nỗi có thể dùng để làm vô số đồ trước kia làm bằng gỗ hoặc bằng đá. Năm 1788, *Tô-mát Pê-nơ* một nhà dân chủ nổi tiếng, xây dựng chiếc cầu sắt đầu tiên ở Y-oóc-sia, và liền sau đó, hàng loạt cầu sắt khác xuất hiện; cho đến ngày nay thì hầu hết các cầu, nhất là các cầu đường xe lửa, đều làm bằng gang, và ngay ở Luân Đôn, trên sông Têm-dơ, cũng có một cái cầu xây dựng bằng vật liệu ấy (cầu Xao-tơ-oác); những cột sắt, bệ máy làm bằng sắt, v.v., đã trở thành rất phổ biến, và từ khi dùng đèn khí và đường sắt thì việc sản xuất sắt ở Anh lại có những lĩnh vực tiêu thụ mới. Dần dần nhờ có máy móc người ta đã bắt đầu sản xuất cả ốc vít và đinh nữa. Năm 1760 *Hơn-tơ-xmen*, sinh trưởng ở Sép-phin-đơ, đã phát minh ra phương pháp đúc thép bỏ được rất nhiều động tác thừa và làm cho có thể sản xuất nhiều sản phẩm rất rẻ mà trước kia chưa từng biết đến. Nhờ chất lượng của nguyên liệu cao hơn, cũng như nhờ công cụ cải tiến hơn, nhờ trang bị máy móc mới và nhờ sự phân công lao động quy mô lớn việc sản xuất đồ dùng bằng kim loại ở Anh lần đầu tiên trở nên quan trọng. Dân số *Bớc-minh-hêm* tăng từ 73000 (năm 1801) lên 20 vạn (năm 1844), dân số *Sép-phin-dơ* từ 46000 (năm 1801) lên 11000 (năm 1844) và chỉ riêng một thành phố này năm 1836 đã tiêu thụ hết 515000 tấn than. Năm 1805 xuất khẩu 4300 tấn đồ dùng bằng sắt và 4600 tấn gang; năm 1834, xuất khẩu 16200 tấn đồ dùng bằng sắt
và 107000 tấn gang, và tổng sản lượng sắt năm 1740 không quá 17000 tấn, năm 1834 lên tới 700 000 tấn. Hàng năm riêng số than dùng để luyện gang đã tiêu thụ hết hơn 3 triệu tấn; thậm chí rất khó hình dung nổi tầm quan trọng lớn lao của các *mỏ than* trong sáu mươi năm trở lại đây. Tất cả các mỏ than trên đất Anh và đất Xcốt-len bây giờ đều được khai thác, và chỉ riêng những hầm mỏ ở *Noóc-tơm-bớc-len* và *Đớc-am* hàng năm đã sản xuất hơn 5 triệu tấn than để xuất khẩu và dùng từ 40 000 đến 50 000 công nhân. Theo tin tức của tờ "Durham Chronicle" việc khai thác hầm mỏ trong hai tỉnh đó như sau:

năm 1753: 14 hầm mỏ

năm 1800: 40 hầm mỏ

năm 1836: 76 hầm mỏ

và năm 1843: 130 hầm mỏ

Mặt khác, tất cả các hầm mỏ ngày nay đều được khai thác khẩn trương hơn trước nhiều. Việc khai thác các *mỏ thiếc, mỏ đồng và mỏ chì* cũng phát triển tương tự, và đi đôi với sự phát triển *sản xuất thuỷ tinh*, một ngành công nghiệp mới là *sản xuất đồ gốm* cũng hình thành, ngành này khoảng năm 1763 nhờ *Giô-đi-a Uết-giơ-út* mà trở nên rất quan trọng. Ông

https://thuviensach.vn

là người đầu tiên đã căn cứ vào những nguyên tắc khoa học để làm đồ gốm đã thúc đẩy phát triển thẩm mỹ nghệ thuật và đã xây dựng *những xưởng sản xuất đồ gốm* (potteries) *ở Bắc Xtáp-phoóc-sia*, một khu rộng 8x8 dặm Anh, trước kia căn cỗi, hoang vu, thì ngày nay đầy công xưởng và nhà ở và nuôi sống hơn 6 vạn người.

Tất cả đều bị cuộn hẳn vào dòng thác chung ấy. *Nông nghiệp* cũng đã có chuyển biến. Không phải chỉ là sự chiếm hữu và canh tác đất đai đã chuyển vào tay người khác như chúng ta đã thấy ở trên, nông nghiệp còn bị ảnh hưởng về mặt khác nữa. Các tá điền lớn bỏ vốn vào việc cải tạo chất đất, phá những rào dậu không cần thiết, chống úng, bón phân, dùng những công cụ tốt hơn và áp dụng chế độ luân canh có hệ thống (cropping by rotantion). Họ cũng nhờ vào sự tiến bộ của khoa học; ông *H.Đê-vi*
đã thành công trong việc áp dụng hoá học vào nông nghiệp, còn sự phát triển của kỹ thuật thì đã mang lại cho các tá điền lớn rất nhiều thuận lợi. Thêm vào đó, do tăng dân số, nhu cầu về nông phẩm cũng tăng nhanh đến nỗi mặc dầu từ năm 1760 đến hết năm 1834, có 6 840 450 a-cơ-rơ đất hoang đã được khai khẩn, thế mà nước Anh trước kia vẫn xuất khẩu lúa mì bây giờ phải nhập khẩu lúa mì.

Về mặt kiến thiết các *đường giao thông* cũng có hoạt động khẩn trương như vậy. Từ năm 1818 đến hết năm 1829, ở Anh và Oen-xơ đã xây đắp một nghìn dặm Anh đường lát theo quy cách nhất định là rộng 60 phút, và hầu hết các đường lát cũ đều được sửa chữa lại theo hệ thống *Mác A-đam*. *Ở Xcốt-len,* ngành công trình công cộng đã xây đắp từ 1803 khoảng chín trăm dặm Anh đường lát và hơn một nghìn chiếc cầu, nhờ đó mà nhân dân miền núi Xcốt-len lập tức được tiếp xúc với văn minh. Trước kia dân miền núi phần lớn làm nghề săn bắn trộm hoặc buôn lậu; bây giờ họ trở thành những nhà nông hoặc thợ thủ công cần cù, và mặc dầu người ta đã lập ra những trường hợp riêng để bảo tồn ngôn ngữ Gô-loa, nhưng do ảnh hưởng của văn minh Anh, phong tục và ngôn ngữ Gô-loa-Xen-tơ cũng nhanh chóng biến mất. *Ở Ai-rơ-len* cũng vậy. Trước kia giữa các tỉnh *Coóc, Li-mơ-rích* và *Cơ-ri* là một vùng đất hoang vu, không có đường xe đi, vì hiểm trở nên đã trở thành sào huyệt của mọi kẻ bất lương và thành luỹ của dân tộc Xen-tơ - Ai-rơ-len ở miền Nam Ai-rơ-len; ngày nay người ta đã xẻ những đường ngang dọc và đã mở đường cho văn minh xâm nhập vào vùng hoang vắng ấy. Toàn Đại Bri-ten, và đặc biệt nước Anh, cách đây sáu mươi năm còn có những đường sá cũng xấu như đường sá nước Pháp hoặc nước Đức hồi đó, ngày nay đã có một mạng lưới đường lát đẹp đẽ nhất; và tất cả những con đường này cũng như hầu hết mọi cái ở Anh, đều là công trình của các nhà kinh doanh tư nhân, bởi vì nhà nước không làm hoặc hầu như không làm gì để đóng góp vào đó.

Trước năm 1755, nước Anh hầu như không có *kênh đào*. Năm 1755, *ở* Lan-kê-sia đào con kênh từ *Xên-ki Brúc* đến *Xanh Hê-len;* năm 1759, *Giêm-xơ Brin-dli* đào con kênh lớn đầu tiên, tức kênh quận công *Brít-giơ-oa-tơ,* chạy từ *Man-se-xtơ* và các mỏ than xung quanh đến cửa sông Mớc-xây, kênh này đến gần *Bác-tơn* thì vượt qua sông *E-ru-en* bằng một cái máng dẫn nước. Từ đó hệ thống kênh đào của nước Anh bắt đầu được kiến thiết, mà Brin-đli là

https://thuviensach.vn

người đầu tiên đã nêu lên tầm quan trọng của nó. Từ đấy người ta đào nhiều kênh khắp mọi hướng và đã nạo vét các sông để sông chạy tàu thuỷ. Riêng ở *Anh* có 2200 dặm kênh, và 1800 dặm đường sông tàu chạy được. Ở *Xcốt-len* đã đào con kênh *Ca-lê-đô-ni* cắt ngang qua xứ này, ở *Ai-rơ-len* cũng đào nhiều kênh. Những công trình này cũng như các đường sắt và các đường bộ lớn hầu hết là do tư nhân hoặc các công ty của tư nhân đứng ra làm.

Đường sắt thì chỉ mới xây dựng trong thời gian gần đây. Con đường sắt lớn đầu tiên là đường từ *Li-vớc-pun* đến *Man-se-xtơ* (thông xe năm 1830); từ đó, các thành phố lớn đều có đường sắt nối liền nhau. Luân Đôn nối với Xao-tơ-ăm-tơn, Brai-tơn, Đu-vrơ, Cơn-se-xtơ, Căm-brít-giơ, Ét-xe-tơ (qua Bri-xtơn) và Bớc-minh-hêm; Bớc-minh-hêm nối với Glô-xtơ, Li-vớc-pun, Lan-kê-xtơ (qua Niu-tơn và Uy-gan và qua Man-se-xtơ và Bôn-tơn), rồi nối với Lít-xơ (qua Man-se-xtơ và Ha-li-phắc, và qua Lê-xtơ, Đớc-bi và Sép-phin-đơ); Lít-xơ nối với Hun và Niu-cát-xơn (qua Y-oóc). Từ đó còn phải có thêm rất nhiều những đường nhánh dự định sẽ làm hoặc đang xây dựng, do đó không bao lâu nữa sẽ có thể đi từ Ê-đin-bớc đến Luân Đôn chỉ trong một ngày.

Hơi nước không những đã cách mạng hoá các phương tiện giao thông đường bộ, mà cũng làm cho giao thông đường thuỷ thay đổi hẳn. Chiếc tàu thuỷ chạy bằng hơi nước đầu tiên được hạ thuỷ tại sông Hớt - xơn ở Bắc Mỹ năm 1807, còn ở Đại Bri-ten chiếc đầu tiên được hạ thuỷ trên sông Clai-đơ năm 1811. Từ đó, ở Anh đã

đóng hơn 600 tàu thuỷ chạy bằng hơi nước và năm 1836, hơn 500 chiếc đậu ở các bến cảng Anh.

Đấy là tóm tắt lịch sử công nghiệp Anh trong sáu mươi năm gần đây, một thiên lịch sử chưa từng thấy trong sử sách của loài người. Cách đây sáu mươi - tám mươi năm, nước Anh là một nước giống như mọi nước khác, với những thành phố nhỏ bé, công nghiệp ít ỏi và kém phát triển, dân cư thưa thớt mà chủ yếu là nhân khẩu nông nghiệp. Ngày nay nước Anh là nước có một không hai, với thủ đô gồm hai triệu rưỡi dân, với nhiều thành phố công xưởng khổng lồ, với một nền công nghiệp cung cấp hàng hoá cho toàn thế giới và chế tạo hầu hết mọi thứ bằng những máy móc phức tạp nhất, với những người dân cần cù yêu lao động, thông minh và ở rất tập trung, trong số này, nhân khẩu công nghiệp [64]1* chiếm đến hai phần ba, và bao gồm các giai cấp khác hẳn, hơn thế nữa lại là một dân tộc khác hẳn, có những phong tục khác trước. Cuộc cách mạng công nghiệp đối với Anh có ý nghĩa quan trọng ngang với cuộc cách mạng chính trị đối với nước Pháp và cuộc cách mạng triết học đối với nước Đức. Và từ nước Anh năm 1760 đến nước Anh năm 1844 có một khoảng cách ít ra cũng lớn bằng khoảng cách giữa nước Pháp dưới "ancien régine" [65]2* và nước Pháp của Cách mạng tháng Bảy. Nhưng sản phẩm quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp ấy là giai cấp vô sản Anh.

Chúng ta thấy việc sử dụng máy móc đã dẫn đến sự ra đời của giai cấp vô sản như thế nào. Công nghiệp mở mang nhanh chóng đòi hỏi phải có bàn tay công nhân; tiền lương tăng lên

https://thuviensach.vn

và do đó từng đám lao động từ các khu công nghiệp lũ lượt kéo ra thành thị. Dân số tăng lên nhanh chóng lạ thường, và hầu hết số

dân tăng đó là thuộc về giai cấp công nhân. Mặt khác, ở Ai-rơ-len, mãi đến đầu thế kỷ XVIII tình hình mới được yên tĩnh; ở đây dân số đã giảm mất trên một phần mười do bị người Anh tàn sát một cách dã man trong các cuộc nổi dậy trước kia, ngày nay cũng tăng lên nhanh, đặc biệt là từ khi sự phát triển của công nghiệp bắt đầu thu hút rất nhiều người Ai-rơ-len sang Anh. Những thành phố công xưởng và thương nghiệp lớn của Đại Bri-ten đã được mọc lên như thế, trong đó ít ra cũng có ba phần tư dân số là thuộc giai cấp công nhân, còn giai cấp tiểu tư sản chỉ gồm những người tiểu thương và một số rất ít thợ thủ công. Nhưng, nền công nghiệp mới ra đời có thể lớn mạnh nhanh chóng như vậy chỉ là vì nó đã thay công cụ bằng máy móc, thay xưởng thợ bằng công xưởng, và chính do đó đã biến những người lao động trong giai cấp trung gian thành giai cấp vô sản lao động và bọn lái buôn lớn trước kia thành chủ xưởng; nó đã loại trừ giai cấp tiểu tư sản và quy mọi sự khác biệt trong dân cư thành sự đối lập giữa công nhân và nhà tư bản. Và ngoài phạm vi công nghiệp theo nghĩa hẹp, trong ngành thủ công nghiệp và ngay cả trong ngành thương nghiệp, hiện tượng tương tự cũng đã xảy ra. Thay thế những thợ cả và thợ bạn trước kia, một mặt là những nhà đại tư bản, và mặt khác là những công nhân không có chút triển vọng nào vươn lên khỏi địa vị giai cấp của mình; nghề thủ công biến thành sản xuất trong công xưởng, việc phân công lao động được thực hiện hết sức chặt chẽ, và các thợ cả loại nhỏ vì không cạnh tranh được với các xí nghiệp lớn cũng bị đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Nhưng đồng thời, với sự tiêu diệt sản xuất thủ công nghiệp trước kia, với sự biến mất của giai cấp tiểu tư sản, người lao động cũng mất hết mọi khả năng trở thành nhà tư sản. Trước đó, họ luôn luôn có hy vọng lập được cho mình một xưởng thợ và sau đó có thể thuê ít người thợ bạn; nhưng bây giờ, khi mà chính các thợ cả đã bị các chủ xưởng loại trừ, khi mà muốn mở một xí nghiệp độc lập thì phải có vốn lớn, thì giai cấp công nhân lần đầu tiên mới thật

sự trở thành một giai cấp cố định trong nhân dân, còn trước kia thì địa vị của người lao động thường chỉ là giai đoạn quá độ để tiến lên địa vị anh tư sản. Bây giờ ai đã sinh ra là người lao động thì không có triển vọng nào khác là suốt đời làm người lao động. Cũng chính vì thế mà chỉ từ nay giai cấp vô sản mới có thể tiến hành những cuộc vận động độc lập của mình.

Quần chúng lao động hết sức đông đảo hiện tràn ngập cả nước Đại Bri-ten ngày nay đã nảy sinh như vậy, địa vị xã hội của họ mỗi ngày một bắt buộc thế giới văn minh phải chú ý đến.

Tình cảnh của giai cấp công nhân cũng tức là tình cảnh của tuyệt đại đa số nhân dân Anh. Đó là vấn đề số phận của hàng triệu người không tài sản ấy như thế nào, những người làm ngày nào xào ngày ấy, những người mà trí sáng tạo và bàn tay lao động đã làm nên sự vĩ đại của Anh, những người càng ngày càng có ý thức về sức mạnh của mình và càng ngày càng đòi hỏi cấp thiết hơn phần quyền lợi của họ trong tài sản xã hội, vấn đề ấy, từ ngày có dự luật cải cách [96], đã trở thành một vấn đề của toàn dân tộc. Mọi cuộc tranh luận hơi quan trọng một

https://thuviensach.vn

chút của nghị viện đều có thể quy vào vấn đề này, và mặc dù giai cấp tư sản Anh cho đến nay vẫn không muốn thừa nhận điều ấy, mặc dù họ tìm cách trốn tránh lờ tịt vấn đề lớn ấy và đưa lợi ích của bản thân họ lên thành lợi ích chân chính của dân tộc, những thủ đoạn ấy cũng chẳng giúp ích gì cho họ. Với mỗi kỳ họp nghị viện, vấn đề giai cấp công nhân càng thêm quan trọng, còn lợi ích của giai cấp tư sản lại tụt xuống địa vị thứ yếu, và tuy trong nghị viện giai cấp tư sản là lực lượng chủ yếu, thậm chí là lực lượng duy nhất nữa, nhưng kỳ họp gần đây nhất vào năm 1844, vẫn là một cuộc thảo luận liên tục về vấn đề người lao động (dự luật về người nghèo, dự luật về công xưởng, dự luật về quan hệ giữa chủ và tớ)[97]. Tô-mát Đơn-cơm-bơ, người đại diện cho giai cấp công nhân ở hạ nghị viện, là nhân vật trung tâm của kỳ họp ấy; trong khi đó giai cấp tư sản tự do với yêu sách đòi bãi bỏ đạo luật về ngũ

cốc, và giai cấp tư sản cấp tiến với đề nghị bỏ thuế, đã đóng một vai trò rất thảm hại. Ngay cả các cuộc tranh luận về Ai-rơ-len, về thực chất cũng chỉ là tranh luận về tình cảnh của giai cấp vô sản Ai-rơ-len và về các biện pháp nhằm giúp đỡ họ. Nhưng cũng đã đến lúc giai cấp tư sản Anh cần phải nhượng bộ những người lao động là những người không cầu xin nhưng đe doạ và yêu sách; vì không lâu nữa sẽ có thể là quá muộn rồi.

Tuy vậy, giai cấp tư sản Anh, và nhất là bọn chủ xưởng là những kẻ trực tiếp làm giàu trên sự bần cùng của người lao động, lại không muốn biết gì về sự bần cùng ấy. Tự cho mình là giai cấp mạnh nhất, là giai cấp đại diện của dân tộc, giai cấp tư sản lấy làm xấu hổ không dám vạch trần trước thế giới cái mụn lở ấy của nước Anh; họ không muốn thú nhận rằng những người lao động rất cùng cực, bởi vì *chính họ*, giai cấp có của, giai cấp của các nhà công nghiệp, phải chịu trách nhiệm tinh thần về tình cảnh nghèo khổ ấy. Do đó mà những người Anh có học vấn - và trên lục địa, người ta chỉ biết có bọn này, - tức là giai cấp tư sản, thường cười mỉa mai khi người ta nói với họ về tình cảnh của người lao động, do đó mà toàn thể giai cấp tư sản đều có một đặc điểm là hoàn toàn không hiểu gì về người lao động; do đó mà họ mắc phải những điều lầm lẫn đáng buồn cười ở trong nghị viện cũng như ở ngoài nghị viện mỗi khi nói đến tình cảnh của giai cấp vô sản; do đó, họ vẫn tươi cười vô tư mà sống trên một miếng đất lún dần ngay dưới chân họ và bất cứ lúc nào cũng có thể sụp đổ - một ngày gần đây một tai họa như thế tất nhiên sẽ xảy ra cũng như là tác dụng của một định luật toán học hay cơ học; do đó mà có tình trạng lạ lùng là người Anh chưa hề có một quyển sách hoàn hảo nào nói về tình cảnh của công nhân nước họ, mặc dù là họ đã "nghiên cứu" và "cải thiện" tình cảnh ấy không biết bao nhiêu năm rồi. Nhưng cũng do đó mà sinh lòng phẫn nộ sâu sắc của toàn thể giai cấp công nhân, từ Gla-xgô đến Luân Đôn, đối với những kẻ giàu có đã bóc lột có hệ thống những người lao

động, rồi sau đó lại nhẫn tâm bỏ mặc thây họ. Lòng phẫn nộ ấy chẳng bao lâu nữa (người ta hầu như có thể tính trước được) sẽ bùng nổ thành một cuộc cách mạng, mà nếu đem so sánh với cuộc cách mạng đó thì cuộc cách mạng Pháp đầu tiên và năm 1794 chỉ là một trò chơi trẻ con.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

GIAI CẤP VÔ SẢN CÔNG NGHIỆP

Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu các bộ phận khác nhau của giai cấp vô sản theo trình tự phát sinh của chúng trong quá trình lịch sử vừa phác hoạ trên đây. Những người vô sản đầu tiên xuất hiện trong công nghiệp và trực tiếp do công nghiệp sản sinh ra; vì vậy chúng ta chú ý trước tiên tới những *công nhân công nghiệp* tức là những người chế biến nguyên liệu. Sự sản xuất vật liệu cho công nghiệp, nghĩa là nguyên liệu và nhiên liệu, chỉ do có cuộc cách mạng công nghiệp mới có ý nghĩa quan trọng và cũng chỉ lúc đó, mới sản sinh một loại hình mới của giai cấp vô sản, đó là *những công nhân mỏ than và mỏ kim loại*. Thứ ba là công nghiệp phát triển đã ảnh hưởng đến *nông nghiệp*, và thứ tư là công nghiệp phát triển đã ảnh hưởng đến *Ai-rơ-len*; chúng ta sẽ theo trình tự ấy mà nghiên cứu các loại tương ứng của giai cấp vô sản. Ta cũng sẽ thấy rằng trình độ phát triển của các loại công nhân, có lẽ chỉ trừ người Ai-rơ-len, thường trực tiếp lệ thuộc vào mối liên hệ của họ với công nghiệp, và vì vậy mà công nhân công nghiệp là những người nhận thức được rõ ràng nhất về lợi ích bản thân của họ; công nhân hầm mỏ nhận thức kém một chút còn công nhân nông nghiệp thì hầu như chưa nhận thức được gì về quyền lợi của mình. Trong hàng ngũ của bản thân giai cấp vô sản công nghiệp, chúng ta cũng phát hiện thấy có sự phụ thuộc ấy; chúng ta sẽ thấy những công nhân công xưởng, con đầu lòng của cách mạng công nghiệp ngay từ đầu cho tới ngày nay, đã là hạt nhân của phong trào công nhân, còn các công nhân khác tham gia phong trào theo mức độ nghề thủ công của họ bị cách mạng công nghiệp xâm chiếm như

thế nào. Như vậy thì lấy tỷ dụ về nước Anh để xem xét sự trùng hợp đó giữa phong trào công nhân và sự phát triển của công nghiệp, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn ý nghĩa lịch sử của công nghiệp.

Nhưng vì hiện nay hầu như tất cả giai cấp vô sản công nghiệp đã bị lôi cuốn vào phong trào và vì tình hình của các bộ phận của nó có rất nhiều điểm chung, chính là do tất cả các bộ phận ấy đều phụ thuộc vào công nghiệp, cho nên trước tiên chúng ta hãy nghiên cứu những

https://thuviensach.vn

nét chung ấy, để rồi sau sẽ nhờ đó mà nghiên cứu kỹ càng hơn những đặc điểm của từng bộ phận riêng biệt.

Trên kia chúng tôi đã vạch rõ công nghiệp đã tập trung của cải vào tay một số ít người như thế nào. Công nghiệp cần nhiều tư bản dùng để xây dựng những xí nghiệp khổng lồ, - bằng cách đó nó đã làm cho giai cấp tiểu tư sản thủ công nghiệp bị phá sản, - và để bắt các lực lượng thiên nhiên phải phục vụ cho mình và đánh bật những người thợ thủ công riêng lẻ ra khỏi thị trường. Sự phân công lao động, việc sử dụng sức nước, nhất là sức hơi nước, và việc ứng dụng máy móc, đó là ba đòn bảy lớn nhờ đó nền công nghiệp từ giữa thế kỷ XVIII đã làm lay chuyển nền tảng của thế giới cũ. Công nghiệp nhỏ đã tạo nên giai cấp tư sản, công nghiệp lớn đã tạo nên giai cấp công nhân và đưa một số ít kẻ được lựa chọn trong giai cấp tư sản lên ngai vàng, nhưng cũng là để rồi một ngày kia lật đổ họ xuống càng chắc chắn hơn. Hiện giờ, có một sự việc không thể chối cãi được và rất dễ hiểu là giai cấp tiểu tư sản rất đông đảo của "thời đại hoàng kim cũ" đã bị công nghiệp tiêu diệt và phân hoá một mặt, thành những nhà tư bản giàu có, mặt khác, thành những người lao động bần cùng [66]1*.

Nhưng, khuynh hướng tập trung của công nghiệp không phải chỉ dừng lại ở đó. Dân cư cũng bị tập trung như tư bản; điều này cũng là dĩ nhiên thôi, bởi vì trong công nghiệp, con người, người công nhân, chỉ được xem như một loại tư bản, loại tư bản này tự nộp mình cho chủ xưởng sử dụng và được chủ xưởng trả lợi tức dưới danh nghĩa tiền lương. Một xí nghiệp công nghiệp lớn cần nhiều công nhân cùng làm việc ở một ngôi nhà; những công nhân ấy cần phải sống ở gần nhau: thậm chí ở một công xưởng không lớn lắm họ tạo thành một nhóm thợ nguyên vẹn. Họ đều có nhu cầu nhất định và để thoả mãn những nhu cầu ấy phải có những người khác: thợ thủ công, thợ may, thợ giày, thợ làm bánh, thợ nề, thợ mộc đều dọn đến ở đó cả. Dân cư trong xóm thợ, đặc biệt là thế hệ trẻ, học dần và làm quen với công việc ở công xưởng; khi mà công xưởng đầu tiên không bảo đảm được việc làm cho tất cả mọi người muốn có việc làm, điều này cũng hoàn toàn tự nhiên, thì tiền công hạ xuống và do đó, nhiều chủ xưởng mới tìm đến nơi đó làm ăn. Thế là xóm thợ trở thành một thành phố nhỏ, rồi thành phố nhỏ trở thành một thành phố lớn. Thành phố càng lớn thì việc đến ở đấy càng có nhiều thuận lợi: ở đấy có đường sắt, có sông đào, có đường bộ; càng dễ có thể chọn công nhân lành nghề hơn; do sự cạnh tranh trong việc xây dựng và trong việc sản xuất máy móc, ở một nơi mọi thứ đều sẵn có trong tầm tay, người ta xây dựng những xí nghiệp mới ít tốn hơn ở những nơi xa xôi, vì phải chuyên chở trước đến đó không những vật liệu xây dựng và máy móc, mà còn cả những công nhân xây dựng và công nhân công xưởng nữa; ở đây có thị trường, sở giao dịch chứng khoán, là những nơi tấp nập khách hàng; ở đây có thể liên hệ trực tiếp với những thị trường cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ thành phẩm. Do đấy mà các thành phố công xưởng lớn phát triển nhanh chóng phi thường. - Thực ra thì nông thôn cũng có điều thuận lợi hơn thành phố là tiền thuê nhân công thường rẻ hơn. Do đó, nông thôn và thành phố công xưởng luôn luôn cạnh tranh với nhau, và nếu ngày nay ưu thế ở phía thành thị, thì ngày

https://thuviensach.vn

mai tiền công ở nông thôn sẽ hạ đến mức xây dựng những công xưởng mới ở đấy lại có lợi hơn. Tuy nhiên, xu hướng ngày càng tập trung của công nghiệp vẫn rất mạnh mẽ và mỗi một công xưởng mới xây dựng ở nông thôn đều mang mầm mống của một thành phố công xưởng. Nếu cuộc chạy đua điên cuồng của công nghiệp còn có thể tiếp tục như thế trong chừng một trăm năm nữa, thì mỗi một khu công nghiệp của Anh sẽ trở thành một thành phố công xưởng lớn, Man-se-xtơ và Li-vớc-pun có lẽ sẽ gặp nhau ở quãng gần Oa-sinh-tơn hoặc Niu-tơn. Trong thương nghiệp, sự tập trung nhân khẩu cũng tiến hành y như vậy, và vì thế một vài thương cảng lớn như Li-vớc-pun, Bri-xtơn, Hun và Luân Đôn hầu như đã lũng đoạn toàn bộ nền hải thương của Đại Bri-ten.

Vì chính ở các thành phố lớn công nghiệp và thương nghiệp mới phát triển mạnh nhất, cho nên cũng ở đấy những hậu quả của sự phát triển đó đối với giai cấp vô sản mới biểu hiện rõ ràng và cụ thể hơn cả. Chính ở đấy, sự tập trung tài sản đã đạt đến mức độ cao nhất; chính ở đây, các phong tục và quan hệ của thời xưa tốt đẹp đã bị xoá bỏ sạch ráo; ở đây, tình hình đã diễn biến đến mức là những từ "Old merry England" [67]1* không còn có ý nghĩa gì đối với ai nữa, vì không còn ai biết đến "Old England", dù chỉ là qua những ký ức và qua những câu chuyện của các cụ già. Ở đây, chỉ có giai cấp những kẻ giàu và giai cấp những người nghèo, vì giai cấp tiểu tư sản càng ngày càng mất dần đi. Giai cấp tiểu tư sản trước kia là giai cấp vững chắc nhất thì nay lại là giai cấp không ổn định nhất; nó còn gồm có một ít tàn dư của thời quá khứ và một số những kẻ khao khát làm giàu, những hiệp sĩ - chuyên kiếm chác và đầu cơ, theo nghĩa đầy đủ của từ này, trong số đó có thể một kẻ trở nên giàu có ở nơi mà chín mươi chín kẻ
vỡ nợ và trong số chín mươi chín kẻ này thì quá nửa chỉ sống nhờ vào việc vỡ nợ thôi.

Nhưng tuyệt đại đa số cư dân các thành phố ấy là những người vô sản; đời sống của họ ra sao, các thành phố lớn đã ảnh hưởng đến họ thế nào, đó là điều chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây.

https://thuviensach.vn

NHỮNG THÀNH PHỐ LỚN

Một thành phố như Luân Đôn, có thể đi hàng giờ mà vẫn chưa hết địa phận của nó, và không hề gặp một chút dấu hiệu nào chứng tỏ đã gần tới nông thôn, một thành phố như vậy quả là một điều rất đặc biệt. Sự tập trung khổng lồ đó, sự tụ tập cả hai triệu rưỡi người vào một chỗ đã làm cho lực lượng của khối hai triệu rưỡi người ấy mạnh thêm gấp trăm lần. Họ đã làm cho Luân Đôn trở thành thủ đô của thương nghiệp của thế giới, đã tạo nên những bến dỡ hàng khổng lồ và đã tập trung hàng mấy nghìn chiếc tàu luôn luôn trùm kín dòng sông Têm-dơ. Tôi không thấy cái gì hùng vĩ bằng quang cảnh sông Têm-dơ, khi đi tàu từ biển ngược lên phía cầu Luân Đôn. Các khối nhà cửa, các xưởng đóng tàu ở hai bên, nhất là ở phía Un-uých, vô số tàu thuỷ đậu dọc hai bờ càng chen nhau san sát, chỉ chừa một lối hẹp ở giữa dòng cho hàng trăm chiếc tàu thường xuyên hối hả ngược xuôi, tất cả những cái ấy thật hùng tráng, thật lớn lao khiến người ta mê mẩn và rất đỗi kinh ngạc về cái vĩ đại của nước Anh ngay trước khi bước chân lên đất Anh[68]1*.

Nhưng tất cả những cái đó đã phải trả giá bằng những hy sinh như thế nào thì mãi sau này người ta mới phát hiện ra. Chỉ khi
đã len lỏi vài ngày trên các đường phố chính, khó nhọc lắm mới rẽ được một lối giữa đám người chen chúc hay giữa những dãy xe cộ dài dằng dặc, chỉ khi đã đi thăm các "khu nhà ổ chuột" của thành phố thế giới ấy thì người ta mới bắt đầu nhận ra rằng người dân Luân Đôn đã phải hy sinh những phẩm chất tốt đẹp nhất của bản tính con người của họ để sáng tạo ra tất cả những kỳ công của văn minh đầy dẫy trong thành phố họ, rằng hàng trăm lực lượng tiềm tàng trong mỗi người đã bị lãng quên và đã bị vùi dập, để cho một số nhỏ trong các lực lượng ấy phát triển đầy đủ và còn được tăng lên gấp bội bằng cách liên kết với các lực lượng của những người khác. Ngay chính cái đám đông chen chúc của các đường phố đã có một cái gì ghê tởm, một cái gì trái với bản chất của con người. Phải chăng hàng chục vạn con người đại diện cho mọi giai cấp và mọi đẳng cấp đang tụ tập trên các đường phố đó, phải chăng tất cả bọn họ không phải đều là những con người cùng một bản chất, cùng có những năng khiếu như nhau và cũng đều khao khát hạnh phúc như nhau ư? Chẳng phải là họ đều tìm kiếm hạnh phúc bằng những phương pháp và những con đường giống nhau ư? Ấy vậy mà họ đi ngang qua nhau vội vã như là không có chút gì chung với nhau, không hề có liên quan gì với nhau; và chỉ có mỗi một điều quy ước ngầm là mỗi người phải đi ở phía bên phải vỉa hè để cho dòng người đi ngược chiều khỏi bị trở ngại; và đồng thời cũng không một người nào thèm đoái nhìn đến người khác. Sự lãnh đạm tàn nhẫn ấy, sự cô độc lạnh lùng ấy của mỗi người

https://thuviensach.vn

chỉ theo đuổi lợi ích riêng của bản thân mình lại càng khiến người ta khinh tởm và sỉ nhục, khi cái đám đông người ấy càng chen chúc nhau trên một không gian nhỏ bé. Và tuy chúng ta đã biết rằng sự cô độc ấy của mỗi người, sự ích kỷ hẹp hòi ấy cũng là nguyên tắc cơ bản và phổ biến của xã hội chúng ta ngày nay, nhưng không đâu lại thấy nó bộc lộ một cách trắng trợn, vô liêm sỉ, một cách có ý thức bằng chính ở đây, ở đám người hỗn độn của một thành phố lớn. Sự chia nhỏ nhân

loại thành những đơn tử, mà mỗi đơn tử đều có nguyên tắc sinh hoạt riêng và mục đích riêng, cái thế giới của các nguyên tử ấy ở đây phát triển đến cực điểm.

Cũng do đó mà cuộc chiến tranh xã hội, chiến tranh của mọi người chống mọi người, đã được công khai tuyên bố ở đây. Như anh bạn Stiếc-nơ đáng mến đã nói, mọi người đều chỉ coi nhau như những đối tượng có thể lợi dụng được; mỗi người đều bóc lột người bên cạnh, và kết quả là kẻ mạnh hơn chà đạp kẻ yếu hơn và một nhúm kẻ mạnh, tức là những nhà tư bản, chiếm lấy tất cả về phần mình, còn số đông kẻ yếu, tức là những người nghèo, thì chỉ còn có cuộc sống miễn cưỡng mà thôi.

Ở Luân Đôn là như vậy thì ở Man-se-xtơ, ở Bớc-minh-hêm và ở Lít-xơ, ở tất cả các thành phố lớn, cũng đều như vậy. Đâu đâu cũng một bên là sự lãnh đạm dã man, sự ích kỷ tàn nhẫn, một bên là sự nghèo khổ khó hình dung nổi, đâu đâu cũng là chiến tranh xã hội, cũng là mỗi nhà đều ở trong tình trạng bị bao vây, đâu đâu cũng là cướp bóc lẫn nhau dưới sự che chở của pháp luật, và tất cả những cái ấy đều làm một cách trắng trợn, thản nhiên, đến nỗi người ta ghê sợ về những hậu quả của chế độ xã hội chúng ta được phơi trần ở đây không chút giấu giếm như thế, và người ta không có gì phải ngạc nhiên, có lẽ chỉ trừ một điều là cả cái cảnh điên cuồng ấy làm sao mà đến nay vẫn còn tồn tại.

Trong cuộc chiến tranh xã hội ấy, vũ khí là tư bản, tức là sự chiếm hữu trực tiếp hoặc gián tiếp những tư liệu sinh hoạt và tư liệu sản xuất, nên rõ ràng là tất cả những điều bất lợi của tình trạng ấy đều rơi lên đầu người nghèo. Không một ai quan tâm đến anh ta; một khi bị xô đẩy vào dòng nước xoáy dồn dập ấy, anh ta phải biết cách tìm lấy đường mà thoát. Nếu anh ta may mắn có được việc làm, nghĩa là nếu giai cấp tư sản ban cho anh ta cái đặc ân là dùng anh ta để làm giàu, thì anh ta sẽ có được đồng lương chỉ vừa suýt soát đủ để giữ cho thần hồn khỏi lìa thần xác; nếu không kiếm được việc làm, thì anh ta có thể đi ăn cắp,
nếu không sợ cảnh sát, hoặc chết đói, còn cảnh sát chỉ muốn làm phiền đến giai cấp tư sản. Trong thời gian tôi ở Anh, ít ra có đến hai ba chục người chết đói - hiểu theo nghĩa trực tiếp của từ này - trong những điều kiện hết sức đáng phẫn nộ, vậy mà hiếm có một viên bồi thẩm nào đủ can đảm công khai thừa nhận điều đó lúc khám nghiệm tử thi. Dù cho chứng cớ đã rành rành, không thể nào chối cãi được, nhưng bọn tư sản, - những viên bồi thẩm đều được chọn trong bọn này - bao giờ cũng tìm được một cái cổng sau để tránh khỏi sự phán quyết ghê sợ : "chết đói". Trong những trường hợp ấy, giai cấp tư sản *không dám* nói sự thật, bởi vì làm như vậy sẽ là tự kết tội mình. Nhưng số người đang chết dần còn nhiều hơn rất nhiều, không phải chết đói - hiểu theo nghĩa trực tiếp - mà là do hậu quả của đói: sự ăn đói kéo dài

https://thuviensach.vn

đã gây ra những bệnh nan y và làm cho số người chết tăng lên, nó làm cho cơ thể suy yếu đến nỗi trong những hoàn cảnh khác đáng lẽ có thể vượt qua được dễ dàng, thì lại dẫn đến những bệnh nặng và cái chết. Người lao động Anh gọi cái đó là tội giết người của xã hội và tố cáo toàn thể xã hội là đã luôn luôn nhúng tay vào tội ác ấy. Họ có nói sai không?

Đương nhiên bao giờ cũng chỉ có những cá nhân lẻ tẻ chết đói. Nhưng có ai đảm bảo cho người lao động là ngày mai sẽ không đến lượt anh ta? Ai đảm bảo cho anh ta có việc làm? Ai đảm bảo với anh ta rằng nếu ngày mai, vì lý do nào đó hoặc cũng chẳng cần có lý do nào cả, người chủ sẽ đuổi anh ta, thì anh ta cùng với gia đình có thể còn sống cho đến khi được một người chủ khác đồng ý "cấp cho anh ta mẩu bánh mì" ? Ai làm cho người lao động tin rằng chỉ cần có ý nguyện làm việc là đủ để kiếm được việc làm, rằng sự trung thực, cần cù, yêu lao động, tiết kiệm, và mọi thứ đức tính tốt đẹp mà giai cấp tư sản thông minh khuyên nhủ anh ta; sẽ thật sự mang lại hạnh phúc cho anh ta? Không có ai cả. Người lao động biết rằng hôm nay anh ta còn có một chút gì,
và cũng biết rằng ngày mai còn có gì nữa hay không là không tuỳ thuộc vào anh ta; anh ta biết rằng chỉ một chút chuyện nhỏ mọn, một chút dở chứng của người chủ, một chút bất lợi trong việc buôn bán, là anh ta lại có thể bị đẩy vào xoáy nước khủng khiếp ấy mà anh ta chỉ tự giải thoát được một thời gian, ở đó muốn ngoi lên mặt nước là rất khó khăn, thường là không thể được. Anh ta biết rằng, tuy ngày hôm nay anh ta còn sống được, nhưng ngày mai thì chưa chắc gì đã sống nổi.

Tuy nhiên, chúng ta hãy nghiên cứu kỹ hơn xem cuộc chiến tranh xã hội đã đặt giai cấp không có của vào tình cảnh như thế nào. Hãy xem rốt cuộc xã hội đã trả công cho người lao động bằng nhà ở, quần áo và ăn uống như thế nào để đền bù công việc họ đã làm; hãy xem xã hội đã đảm bảo cho những người đóng góp nhiều nhất vào sự sinh tồn của xã hội một cuộc sống như thế nào? Trước hết ta hãy xét về nhà ở.

Mỗi thành phố lớn đều có một hoặc nhiều khu nhà ổ chuột là nơi giai cấp lao động sống chen chúc. Thực ra thì nhiều khi người nghèo ở ngay trong những ngõ chật chội sát nách các lâu đài của kẻ giàu sang; nhưng thông thường thì người ta dành cho họ một khu riêng biệt ở cái nơi khuất mắt những giai cấp được may mắn hơn, và họ phải tự mình lo liệu lấy được chừng nào hay chừng ấy. Những khu nhà ổ chuột trong tất cả mọi thành phố ở Anh nói chung đều giống hệt nhau; đấy là những căn nhà tồi tàn nhất trong khu tồi tàn nhất của thành phố, thường là những dãy nhà gạch một hai tầng, hầu hết được xếp đặt lộn xộn, phần lớn đều có nhà hầm để ở. Những căn nhà nhỏ ấy chỉ có ba bốn phòng và một bếp thường được gọi là cốt-ta-gơ và được xây dựng ở khắp đất Anh, trừ vài khu phố ở Luân Đôn, là chỗ ở thông thường của người lao động. Đường phố ở đây cũng thường không được lát, bẩn thỉu, có nhiều ổ gà, đầy rác rưởi và xác sinh vật, không có cống rãnh thoát nước, nhưng ngược lại, thường xuyên có nhiều vũng nước hôi thối. Do sự xây dựng luộm thuộm và lộn xộn của những khu như thế làm cho

https://thuviensach.vn

không khí khó lưu thông, và vì rất nhiều người sống trong một không gian nhỏ hẹp nên có thể tưởng tượng được dễ dàng bầu không khí của các khu lao động ấy như thế nào. Ngoài ra, khi đẹp trời thì đường phố còn là chỗ phơi phóng: từ nhà nọ sang nhà kia, người ta chăng dây ngang qua đường, treo lủng lẳng những quần áo ướt sũng rách nát.

Chúng ta hãy quan sát một vài khu nhà ổ chuột ấy. Chúng ta hãy bắt đầu từ *Luân Đôn*[69]*1)* và cái "tổ quạ" (rookery) trứ danh *Xanh Gin* của nó. Cuối cùng, hiện nay có mấy con đường lớn xuyên qua khu này và như vậy là nó bị phá bỏ. Khu Xanh Gin này nằm ngay giữa khu vực đông dân nhất của thành phố, xung quanh toàn là phố xá rực rỡ, rộng lớn, là nơi mà giới thượng lưu của Luân Đôn qua lại dạo chơi, gần ngay phố Ốc-xphớt và phố Ri-gân, công viên Tơ-ra-phan-ga và Xtơ-ren. Đó là một đống lộn xộn gồm những ngôi nhà cao ba bốn tầng, phố xá chật hẹp, quanh co, bẩn thỉu, không kém phần nhộn nhịp so với các phố chính của thành phố, chỉ khác mỗi một điều là trong khu Xanh Gin người ta chỉ thấy hầu như toàn người lao động. Chợ họp ở giữa phố, các rổ rau và hoa quả - tất nhiên đều thuộc loại tồi và hầu như không thể ăn được - làm cho lối đi lại càng hẹp thêm, ở đó, cũng như ở các hàng thịt, xông lên một mùi khó ngửi. Các ngôi nhà thì từ dưới hầm đến sát nóc đều có người ở, bên ngoài cũng như bên trong đều rất bẩn, tưởng chừng không một con người nào muốn ở đó. Nhưng như thế cũng còn chưa thấm vào đâu so với các nhà ở trong những sân chật hẹp và ở những ngõ hẻm giữa các đường phố, người ta phải đi qua những đường cầu lợp kín ở

https://thuviensach.vn

giữa các nhà mới vào được, ở đây tồi tàn bẩn thỉu quá sức tưởng tượng; ở đây hầu như không thấy có cửa sổ nào có kính còn nguyên vẹn, tường lở từng mảng; khung cửa lớn và khung cửa sổ đều hỏng cả, không giữ nổi cửa; cánh cửa ra vào dùng ván cũ ghép thành hoặc là đã mất hẳn, mà ở trong khu phố rất nhiều kẻ cắp này, người ta cũng chả cần có cửa, vì chẳng có gì để cho kẻ cắp lấy cả. Xung quanh, chỗ nào cũng có những đống rác rưởi, tro bụi và nước bẩn đổ hắt ra cửa đọng lại thành những vũng hôi thối. Đấy là nơi ăn chốn ở của những người nghèo nhất trong những người nghèo, những người lao động ít lương nhất, họ sống lẫn lộn với kẻ cắp, với bọn bịp bợm, với những nạn nhân của tệ bán dâm. Trong đó phần đông là người Ai-rơ-len hoặc là con cháu của người Ai-rơ-len, và ngay cả những ai còn chưa bị cuốn vào xoáy nước truỵ lạc tinh thần bao trùm quanh mình, thì ngày càng sa ngã hơn và ngày càng mất dần sức chống lại ảnh hưởng truỵ lạc của nghèo đói, của bẩn thỉu và của môi trường ghê tởm.

Nhưng Xanh Gin không phải là khu nhà ổ chuột duy nhất ở Luân Đôn. Trong đám phố xá như mắc cửi ấy, có hàng trăm hàng nghìn ngõ ngách và đường hẻm, nhà cửa ở đó còn quá tồi đối với những ai còn có thể bỏ ra ít tiền để thuê một chỗ đáng cho con người ở hơn; những nơi trú ngụ của người nghèo khó cùng cực ấy thường thấy ở ngay gần những ngôi nhà lộng lẫy của kẻ giàu. Chẳng hạn như gần đây nhân dịp điều tra về một xác chết, một khu phố ngay gần công viên Poóc-man, nơi ở của những người rất đứng đắn, đã được miêu tả là nơi trú ngụ của "một đám người Ai-rơ-len bị nghèo khổ và bẩn thỉu làm cho truỵ lạc". Trong những phố như Lông A-crơ, v.v., tuy không phải là hoa lệ gì nhưng cũng tương đối tươm tất, người ta thấy rất nhiều nhà hầm, từ đấy thường thấy những hình bóng trẻ con ốm yếu và những người đàn bà gần như chết đói, quần áo rách rưới bò ra ngoài sưởi nắng. Sát ngay cạnh rạp hát Đru-ri-lên, rạp hát đứng hàng thứ hai của Luân Đôn, là mấy khu phố thuộc loại tồi tệ nhất của thành phố:
phố Sác-lơ, *phố Kinh*, và *phố Pác-cơ*. Các ngôi nhà ở đó từ dưới hầm lên đến tận mái cũng đều do các gia đình nghèo ở. Trong các khu *Xanh Giôn* và *Xanh Mác-ga-rét* ở Oét-min-xtơ, theo tài liệu trong tập san của Hội thống kê, năm 1840 có 5368 gia đình lao động trú trong 5294 căn nhà, nếu có thể gọi là "căn nhà" được; đàn ông, đàn bà, trẻ con, cộng tất cả là 26830 người, nhốt vào đó, không phân biệt già trẻ nam nữ; ba phần tư những gia đình ấy chỉ có một phòng. Cũng theo nguồn tài liệu ấy, trong giáo khu quý tộc Xanh-Giooc ở công viên Ha-nô-vơ, 1465 gia đình lao động gồm gần 6000 người, cũng ở trong những điều kiện tương tự; và ở đây cũng vậy, trên hai phần ba trong số gia đình ấy sống chen chúc mỗi gia đình trong một phòng độc nhất. Vậy mà những kẻ nghèo bất hạnh ấy, nhà cửa xơ xác đến nỗi kẻ cắp không còn tìm thấy cái gì để lấy, còn bị các giai cấp có của bóc lột dưới sự che chở của luật pháp! Trong khu Đru-ri-lên vừa nói trên, những ngôi nhà đáng ghê tởm ấy phải trả tiền thuê như sau: hai phòng ở tầng hầm giá 3 si-linh (1 ta-le) một tuần, một phòng ở tầng thứ nhất giá 4 si-linh; ở tầng hai giá 4 si-linh rưỡi, ở tầng ba giá 4 si-linh; buồng sát mái nhà giá 3 si-linh. Như vậy chỉ riêng những con người đói khát ở phố Sác-lơ đã trả cho các chủ nhà một

https://thuviensach.vn

số tiền hàng năm là 2000 pao xtéc-linh (14000 ta-le) và 5366 gia đình nói trên ở Oét-min-xtơ hàng năm trả một số tiền bằng 40 000 pao xtéc-linh (270 000 ta-le) tiền thuê nhà.

Nhưng khu lao động lớn nhất là ở *Oai-tơ-sa-pên* và *Bét-nan Grin*, phía đông Tao-ơ, nơi tập trung phần lớn người lao động ở Luân Đôn. Ta hãy nghe ông *G. Ôn-xtơn*, mục sư của nhà thờ Xanh Phi-líp, ở Bét-nan Grin, nói về tình hình trong giáo khu của ông:

"Giáo khu gồm có 1400 ngôi nhà với 2795 gia đình, khoảng 12000 người. Số dân đông đúc ấy sống trong một khoảng không gian tổng cộng không đầy 400 i-ác (1200 phút) vuông, và tình hình chen chúc đến mức nhiều khi một người với vợ, bốn năm đứa con và có khi cả cha và mẹ già, làm việc, ăn và ngủ trong một căn phòng độc nhất từ 10 đến 12 phút vuông. Tôi nghĩ rằng chừng nào đức giám mục Luân Đôn

còn chưa kêu gọi công chúng chú ý đến cái giáo khu vô cùng nghèo khổ ấy thì ở phía tây thành phố người ta cũng không hiểu biết gì về các giáo khu này hơn là về những người dã man ở Ô-xtơ-rây-li-a và ở miền Nam châu Đại dương. Và nếu chúng ta tìm hiểu tận mắt những nỗi thống khổ của những con người không may đó, nếu chúng ta đi xem bữa ăn nghèo nàn của họ, và xem họ bị bệnh tật và nạn thất nghiệp giày vò thế nào thì chúng ta sẽ thấy hiện ra chiếc vực thẳm bất lực và nghèo nàn mà một nước như chúng ta phải lấy làm xấu hổ về sự tồn tại của vực thẳm ấy. Tôi đã từng làm mục sư ở Hát-đơ-xphin trong khoảng ba năm khi mà các công xưởng làm việc chật vật nhất; nhưng chưa bao giờ tôi thấy tình hình nghèo khổ chẳng ai đoái hoài đến như ở Bét-nan Grin. Trong toàn khu, cứ mười người chủ gia đình, chẳng có lấy một người có được một bộ quần áo thứ hai ngoài bộ quần áo lao động rách tả tơi; thậm chí nhiều người ban đêm chỉ có bộ quần áo rách đó để làm chăn và một cái bao nhồi rơm và vỏ bao để làm giường "[99].

Chỉ qua đoạn mô tả ấy đã có thể hình dung được tình trạng thông thường của những nhà ở ấy là thế nào. Để hiểu đầy đủ hơn, chúng ta hãy theo gót một số quan chức Anh thỉnh thoảng phải đi thăm những căn nhà như vậy của những người vô sản.

Nhân dịp ông Các-tơ, nhân viên dự thẩm ở Xua-rây, ngày 14 tháng Mười một 1843, đến khám tử thi bà *A-na Gôn-uây*, 45 tuổi, báo chí đã mô tả chỗ ở của người chết ấy như sau: bà ta ở số 3 Oai-tơ Lai-ân Cớt, phố Bớc-môn-xây ở Luân Đôn, cùng với chồng và đứa con trai 19 tuổi, trong một gian phòng nhỏ, không có giường, không có chăn đệm, không có đồ đạc gì cả. Thi thể bà ta, nằm bên đứa con trai, trên một đống lông gà, vịt vung vãi lung tung cả trên thân thể của bà gần như trần truồng, vì không có chăn cũng không có khăn trải giường gì cả. Lông gà, vịt bám chặt vào toàn thi thể đến nỗi phải lau rửa rồi bác sĩ mới khám nghiệm được: ông ta thấy thi thể gầy trơ xương và đầy nốt chấy rận đốt. Đất nền nhà có chỗ đào lên và lỗ đó để làm cầu tiêu cho cả gia đình.

Ngày thứ hai, 15 tháng Giêng 1844, hai em bé bị đưa ra toà án vi cảnh thành phố Uốc-síp, Luân Đôn về tội vì bị cái đói giày vò nên đã ăn cắp ở một cửa hàng một cái chân bê mới chín dở

và các em đã ăn ngấu nghiến hết ngay tại chỗ. Quan toà thấy phải điều tra thêm và được cảnh sát cho biết những tài liệu như sau: mẹ các em là vợ goá của một cựu chiến binh, sau trở thành cảnh sát, và sau khi chồng chết, bà ta rất nghèo khổ với chín đứa con. Bà ta sống cực kỳ nghèo khổ ở số 2, quảng trường Pun-dơ, phố Qua-cơ, tại Xpi-tan-phin. Khi cảnh sát đến

https://thuviensach.vn

nhà, thì thấy bà ta với sáu trong số những đứa con của bà chen chúc trong một căn buồng xép nhỏ, không có đồ đạc gì ngoài hai ghế mây thủng, một cái bàn con gãy hai chân, một cái bát sứt và một cái bát chiết yêu con. Trong lò sưởi không một đốm lửa và ở một góc nhà, một đống giẻ rách cơ hồ chỉ xếp đủ trong một vạt áo đàn bà, nhưng đó lại là giường đệm cho cả gia đình. Họ đắp bằng số quần áo rất ít ỏi của họ. Người đàn bà đáng thương ấy kể lại với quan toà rằng năm ngoái bà ta đã phải bán giường để có cái ăn; bà đã đem gán chăn đệm cho cửa hàng thực phẩm để lấy một ít đồ ăn và tóm lại là bà đã phải bán ráo cả để chỉ kiếm bánh ăn cho gia đình. Quan toà đã cấp cho bà một số tiền khá lớn lấy trong quỹ cứu tế.

Tháng Hai 1844, người ta yêu cầu quan toà toà án vi cảnh phố Mác-bơ-rô giúp đỡ bà Tê-re-dơ Bi-sốp, một người đàn bà goá 60 tuổi, và con gái bà ta 26 tuổi đang ốm. Họ ở số 5 phố Brao, công viên Grô-vơ-no, trong một căn buồng xếp nhỏ chỉ bằng một cái tủ, không có tí đồ đạc nào. Ở một góc có một ít giẻ rách, hai mẹ con nằm ngủ trên đó, một cái hòm vừa làm bàn vừa làm ghế. Người mẹ đi dọn dẹp thuê kiếm được tí chút. Theo lời người chủ nhà, hai mẹ con sống như vậy từ tháng Năm 1843, dần dần bán hoặc gán mọi thứ còn lại, vậy mà cũng không bao giờ trả được tiền nhà. Quan toà trích quỹ cứu tế cấp cho gia đình bà ta một p.xt.

Tôi không hề có ý nói rằng *tất cả* những người lao động ở Luân Đôn đều sống cùng cực như ba gia đình vừa nói trên. Tôi biết rõ rằng nơi nào mà một người hoàn toàn bị xã hội chà đạp thì có mười người sống khá hơn chút ít. Nhưng tôi khẳng định rằng hàng

nghìn gia đình lương thiện và cần cù, lương thiện và đáng kính hơn tất cả những người giàu có ở Luân Đôn gộp lại, đang ở trong cái tình trạng không xứng đáng với con người như vậy, và mỗi người vô sản, không trừ một ai, đều có thể gặp số phận như vậy mà không phải là lỗi tại họ và mặc dù họ đã hết sức cố gắng để tránh.

Nhưng dù sao, những người có một chỗ trú chân vô luận là thế nào chăng nữa, cũng còn sung sướng hơn so với những kẻ hoàn toàn không có nhà cửa gì cả. Ở Luân Đôn, hàng ngày có năm vạn người buổi sáng thức dậy mà không biết đêm sau mình sẽ ngủ nơi đâu. Trong số đó, may mắn nhất là những người ngày hôm đó kiếm được vài xu, họ đến một trong những cái gọi là nhà trọ (lodging-house) có rất nhiều trong tất cả các thành phố lớn, và có thể trả tiền để được một chỗ trú chân. Nhưng chỗ trú chân như thế nào! Ngôi nhà, từ trên xuống dưới, toàn là giường, trong một phòng có đến bốn, năm, sáu giường, nhét được bao nhiêu thì nhét. Trên mỗi giường cũng nhét được bao nhiêu người thì nhét: bốn, năm, sáu người - lẫn lộn cả người ốm với người khoẻ, người già với người trẻ, đàn ông với đàn bà, người say với người tỉnh. Thế rồi xảy ra các vụ cãi cọ, đấm đá, đánh nhau bị thương, nhưng khi những người nằm chung giường đó ăn ý nhau thì lại càng tệ hơn: họ bàn chuyện cùng nhau đi trộm cướp hoặc làm những việc mà không thể dùng ngôn ngữ loài người của chúng ta để hình dung được tính chất thú vật của những việc đó. Còn những người ngay một chỗ trú chân như thế cũng không có tiền để thuê được thì sao? Thì chỗ nào ngủ được là họ nằm: trong những lối đi, dưới gầm cầu, hoặc ở xó xỉnh nào mà cảnh sát hoặc chủ nhà không xua đuổi. Một số may mắn tìm được chỗ trong những trú xá do sự nghiệp từ thiện tư nhân lập nên, ở đôi nơi,

https://thuviensach.vn

một số khác thì ngủ trên ghế dài ở vườn hoa, ngay dưới cửa sổ của nữ hoàng Vích-tô-ri-a. Hãy xem tờ "Times" [100] tháng Mười 1843 đã viết:

"Theo báo cáo của cảnh sát ngày hôm qua, thì trung bình mỗi đêm có năm chục người ngủ ở các công viên, chỉ nhờ vào cây cối và vài hang hốc dọc các bờ tường để che mưa gió. Phần lớn là các thanh nữ bị lính quyến rũ đưa về thủ đô và bị bỏ rơi giữa một thành phố xa lạ, phó mặc cho số phận, cho đói khổ, sống trong cảnh hoàn toàn vô tư lự và mặc sức buông theo cái tội lỗi ban đầu.

"Thật là kinh khủng. Bao giờ cũng có người nghèo khổ. Ở bất cứ nơi nào, sự bần cùng bao giờ cũng tìm được một lối đi và xâm nhập bằng mọi hình thức xấu xa của nó vào ngay trong lòng một thành phố to lớn và giàu sang. Trong một nghìn phố nhỏ và ngõ hẻm của một thủ đô đông đến hàng triệu người, chúng tôi e rằng sẽ luôn luôn có rất nhiều đau khổ, rất nhiều điều chướng mắt hoặc rất nhiều điều sẽ chẳng được phơi bày ra ánh sáng bao giờ.

"Nhưng mà, ở một khu vực tập trung giàu sang, khoái lạc và xa hoa, ở gần hoàng cung Xanh Giêm-xơ, ngay cạnh điện Bây-xơ-uốt-tơ rực rỡ, ở khu vực mà các khu quý tộc mới và khu quý tộc cũ tiếp giáp nhau, mà nghệ thuật kiến trúc thành thị tối tân rất tinh tế và mỹ lệ đã không giữ lại một gian lều nào của nông dân nghèo, ở nơi hình như chỉ dành cho sự hưởng lạc của người giàu, thế mà *ở đây* sự nghèo đói, bệnh tật và đủ thứ thói xấu lại tồn tại, với tất cả sự kinh khủng của chúng, với mọi cái phá hoại cả thể xác lẫn linh hồn, thì đó thật là quái gở!

"Những thú vui cao thượng nhất có thể mang lại sức khoẻ cho cơ thể, hoạt động tinh thần, những sự thích thú hồn nhiên ở liền ngay bên cạnh những nỗi nghèo khổ cùng cực nhất! Sự giàu sang, những phòng khách rực rỡ, tiếng cười vui thú, tiếng cười vô tư lự nhưng tàn nhẫn ở ngay bên cạnh những nỗi đau thương nghèo khổ mà kẻ giàu không hề biết đến. Một niềm vui thú chế giễu một cách vô tình nhưng tàn khốc nỗi đau khổ của những người đang rên riết ở bên dưới! Ở đây mọi mâu thuẫn đều xung đột nhau, đấu tranh nhau, chỉ trừ cái thói xấu đưa người ta đến sự cám dỗ và cái thói xấu chịu ảnh hưởng của sự cám dỗ... Nhưng xin mọi người hãy nhớ điều này: trong những khu phố rực rỡ nhất của thành phố giàu có nhất thế giới này, mỗi đêm mùa đông, năm này qua năm khác, có thể thấy những phụ nữ tuổi thì ít, mà đã già cỗi vì thói xấu và đau khổ, bị xã hội ruồng bỏ, vùi dập cuộc đời trong cảnh đói khát, bẩn thỉu và bệnh tật. Mọi người hãy nhớ đến điều ấy và nên học hành động chứ không phải là nghị luận. Thượng đế chứng giám vũ đài cho hoạt động như thế hiện nay rất rộng!".

Ở trên tôi vừa nói đến những trú xá cho những kẻ không nhà. Hai thí dụ sau đây sẽ cho chúng ta thấy những nơi ấy chật chội đến thế nào. Một " trú xá cho những kẻ không nhà " mới được

dựng lên ở phố Áp-pơ Ô-giơ, mỗi đêm có thể chứa được 300 người, từ khi mở cửa, ngày 27 tháng Giêng đến ngày 17 tháng Ba 1844, đã tiếp nhận 2740 người trọ một đêm hoặc vài đêm; và tuỳ thời tiết độ này đã khá hơn mà số người trọ ở đó cũng như ở các trú xá ở phố Oai-tơ-crết và ở Oáp-pinh vẫn tăng rất mạnh và mỗi đêm nhiều kẻ không nhà bị từ chối vì không đủ chỗ. Ở một nơi khác là trú xá trung ương, ở Plây-hao-xơ - Y-ác, trong ba tháng đầu năm 1844, trung bình mỗi đêm có tới 460 người xin trọ; ở đây đã chứa 6681 người và đã phát 96141 suất bánh mì. Vậy mà ban phụ trách nói rằng chỗ này chỉ tạm thoả mãn phần nào yêu cầu của những người đến trọ khi trú xá khu đông thành phố cũng mở cửa để thu nạp những kẻ không nhà.

https://thuviensach.vn

Ta hãy rời Luân Đôn để lần lượt đến thăm những thành phố lớn khác trong toàn Vương quốc liên hợp. Trước hết hãy xem *Điu-blin*, là một thành phố mà lối vào bằng đường biển thì mỹ lệ cũng như lối vào Luân Đôn thì hùng vĩ; vịnh Đu-blin đẹp nhất trong tất cả các đảo của Bri-ten, người Ai-rơ-len thường ví nó với vịnh Na-pô-li. Chính thành phố cũng rất đẹp, các khu phố quý tộc xây dựng đẹp và hợp khiếu thẩm mỹ hơn ở mọi thành phố khác của Anh. Nhưng ngược lại, các khu phố nghèo ở Đu-blin cũng lại là nơi ghê tởm và đáng sợ nhất trên đời. Thật ra thì điều này cũng có một phần do tính cách của dân Ai-rơ-len, nhiều khi họ cảm thấy ở bẩn mới thoải mái. Nhưng vì ở tất cả các thành phố lớn ở Anh và ở Xcốt-len, ta đều thấy có hàng nghìn người Ai-rơ-len và vì mọi cư dân nghèo tất nhiên dần dần sa vào tình trạng bẩn thỉu như thế, nên cảnh bần cùng ở Đu-blin không có cái gì là đặc thù riêng có của một thành phố Ai-rơ-len, mà trái lại, đó là cái chung cho tất cả các thành phố lớn trên thế giới. Những khu phố nghèo của Đu-blin ở phân tán khắp thành phố và tình trạng bẩn thỉu, nhà cửa tồi tàn, phố xá không ai đoái hoài đến thì không sao tả nổi. Ta có thể hình dung cảnh tượng chen chúc của dân

nghèo ở các khu phố này qua báo cáo của các thanh tra phòng lao động [70]1) nói rằng năm 1817 ở phố Ba-rắc, 52 ngôi nhà gồm 390 phòng, chứa 1318 người và ở phố Sớc-sơ và các đường phố phụ cận, 71 ngôi nhà gồm 393 phòng chứa 1997 người.

"Trong khu ấy và khu lân cận có rất nhiều ngõ hẻm và sân sau hôi thối (foul), các gian nhà hầm chỉ có ánh sáng nhờ cửa ra vào, người ta thường ngủ dưới đất, mặc dù đa số cũng có giường ván. Nhưng còn ở Ni-côn-xơn Cớt chẳng hạn, trong 28 căn phòng nhỏ tồi tàn có tới 151 người sống cùng cực đến nỗi trong cả toà nhà chỉ có hai cái giường và hai cái chăn.

Sự nghèo khổ ở Đu-blin nghiêm trọng đến nỗi riêng một cơ quan từ thiện thuộc "Hội cứu trợ những người đi ăn xin" mỗi ngày tiếp nhận đến 2500 người, tức là 1 phần trăm số dân của thành phố, ngày cho ăn rồi tối thả ra.

Theo lời kể của bác sĩ A-li-xơn, thì thành phố *Ê-đin-bớc* cũng như vậy. Đó là một thành phố mà vị trí tốt đẹp khiến nó được mệnh danh là A-ten hiện đại, nhưng nơi đây khu phố quý tộc rất hào hoa ở khu thành phố mới là một cảnh tượng trái ngược đáng công phẫn trước cảnh bần cùng, bẩn thỉu của khu thành phố cũ. A-li-xơn khẳng định rằng khu vực khá lớn ấy cũng nhơ nhớp ghê tởm không kém những khu phố tồi tàn nhất ở Đu-blin và số người mà "Hội cứu trợ những người đi ăn xin" cần cứu giúp ở Ê-đin-bớc cũng nhiều không kém ở thủ đô xứ Ai-rơ-len. Ông còn quả quyết rằng dân nghèo ở Xcốt-len, nhất là ở Ê-đin-bớc và Gla-xgô, khổ

cực hơn ở tất cả các miền khác trong toàn Vương quốc liên hợp và những người nghèo khổ nhất không phải là người Ai-rơ-len mà là người Xcốt-len. Bác sĩ Li, mục sư cựu giáo hội ở Ê-đin-bớc, năm 1836, đã nêu ra trước tiểu ban giáo dục tôn giáo như sau:

"Trước đây tôi chưa hề thấy nơi nào có cảnh nghèo khổ như ở giáo khu này. Người ta không có đồ đạc, không có một thứ của cải gì khác; nhiều khi hai cặp vợ chồng ở chung một gian phòng. Một hôm tôi đi thăm bảy nhà trong đó đều không có giường và một vài nhà không có cả ổ rơm nữa; có những ông bà già 80 tuổi ngủ ngay trên nền nhà; hầu hết mọi người mặc nguyên cả áo quần mà ngủ. Trong một gian nhà hầm, tôi thấy hai gia đình người Xcốt-len mới từ nông thôn đến cách đây

https://thuviensach.vn

không lâu; ngay từ khi mới đặt chân đến thành phố, đã chết mất hai đứa con, còn đứa thứ ba lúc tôi đến thăm cũng sắp chết; mỗi gia đình có một đống rơm bẩn ở góc nhà: ngoài ra trong căn hầm tối tăm đến nỗi giữa ban ngày không trông rõ mặt người, còn chứa một con lừa nữa, - một tấm lòng dù sắt đá đến đâu cũng phải đau xót trước cảnh bần cùng đến như vậy trong một xứ như Xcốt-len".

Trong tạp chí "Edinburgh Medical and Surgical Journal", bác sĩ Hen-nen cũng trình bày những dẫn chứng tương tự. Một bản báo cáo của nghị viện [71]1) đã vạch rõ tình trạng bẩn thỉu trong những nhà nghèo ở Ê-đin-bớc; trong những điều kiện như vậy, thì bẩn thỉu là điều dĩ nhiên. Ban đêm thành giường là chỗ gà ngủ; chó và thậm chí cả ngựa nữa ngủ cùng một phòng với người; như thế thì tất nhiên là trong những căn nhà đó bẩn thỉu hôi thối vô cùng và có vô số rệp bọ đủ các giống. Bản thân cách kiến trúc của thành phố Ê-đin-bớc chính lại cực kỳ thuận lợi cho tình hình đáng ghê tởm ấy của nhà ở. Thành phố cũ xây dựng ở hai bên sườn một ngọn đồi không cao lắm, dọc theo đỉnh đồi là phố chính (high-street). Rất nhiều ngõ ngách chật hẹp và quanh co - vì quá quanh co nên đã được mệnh danh là wynds [72]1* - từ phố chính ấy toả ra hai bên sườn đồi và tạo thành khu phố vô sản. Nhà cửa ở các thành phố Xcốt-len thường là khá cao, có năm sáu tầng như ở Pa-ri, và có rất nhiều gia đình ở chung một nhà, khác với ở Anh, là nơi mỗi gia đình cố hết sức để ở một nhà riêng. Tình hình chen chúc trên một khoảng hẹp vì vậy lại càng tăng thêm.

Một tạp chí ở Anh trong một bài nói đến những điều kiện vệ sinh trong sinh hoạt của những người lao động ở thành phố[73]1) viết như sau: "Những phố xá đó, những phố thường là chật hẹp đến nỗi từ cửa sổ nhà này có thể bước sang cửa sổ nhà trước mặt; hơn nữa, nhà xây tầng nọ trên tầng kia, cao đến nỗi ánh sáng khó lọt được xuống sân và xuống đường phố. Trong khu vực ấy không có một hệ thống cống rãnh nào, không có một hố tiêu hoặc hố tiểu nào trong khu nhà ở, vì vậy mọi thứ rác rưởi, cứt đái của ít ra 5 vạn người mỗi đêm đều được ném xuống rãnh. Do đó mặc dù đường phố được quét dọn, vẫn có một lớp bùn khô xông lên những mùi hôi thối khủng khiếp, điều đó không những khổ mắt, khổ mũi mà còn ảnh hưởng rất nhiều cả đến sức khoẻ của cư dân. Có gì đáng ngạc nhiên, khi thấy ở những nơi như vậy người ta không những chỉ khinh thường vệ sinh và đạo đức, mà còn khinh thường cả những điều lễ độ thông thường nhất nữa? Không những thế, những người tương đối hiểu rõ tình cảnh cư dân ở đấy đều có thể chứng nhận rằng bệnh tật, bần cùng và truỵ lạc ở đây đã lan tràn đến mức độ nào. Ở đây, xã hội đã sa xuống đến một trình độ thấp kém và bi đát khó mà tả nổi. - Nhà ở của giai cấp nghèo nhất thường là rất bẩn, và rõ ràng là không bao giờ được quét dọn. Phần lớn chỉ có một căn phòng độc nhất và mặc dù rất bí hơi, vẫn rất lạnh vì khung cửa làm không kín và kính bị vỡ nát, trong phòng ẩm ướt và nhiều khi còn ở thấp hơn mặt đất; đồ đạc thường tồi tàn hoặc không có gì cả: nhiều khi cả một gia đình chỉ có một ổ rơm để ngủ, đàn ông, đàn bà, già, trẻ ngủ chung lẫn lộn với nhau, làm cho ta trông thấy phải phẫn nộ. Phải ra vòi nước công cộng mới lấy được nước; và khó khăn trong việc lấy nước là điều kiện thuận lợi để truyền bá bẩn thỉu".

Trong các thành phố cảng lớn khác, tình hình cũng không hơn gì. Ở *Li-vớc-pun* mặc dầu buôn bán phồn thịnh, hoa lệ và giàu sang, những người lao động cũng vẫn sống trong tình trạng dã man như thế. Hơn một phần năm dân số, tức là hơn 45 000 người, sống trong những căn nhà hầm tối tăm, chật chội, ẩm thấp, bí không khí, trong thành phố có tới 7 826 căn nhà

https://thuviensach.vn

như vậy. Ngoài ra phải kể thêm 2270 cái sân sau (courts), tức là khoảng trống nhỏ, xung quanh đều là nhà và chỉ có một lối nhỏ đi vào, thường có vòm che kín cho nên *hoàn toàn không* thông gió, phần nhiều rất bẩn và hầu hết là những người vô sản ở. Chúng ta sẽ có dịp nói tỉ mỉ hơn về những cái sân này khi đề cập đến Man-se-xtơ. Ở *Bri-xtơn*, người ta có lần điều tra 2800 gia đình lao động, 46 phần trăm trong số đó chỉ có một phòng.

Tình hình những thành phố công xưởng hoàn toàn như thế. Ở *Nốt-tinh-hêm* có tất cả 11 000 ngôi nhà thì 7 - 8 nghìn ngôi tường sau xây dựa vào nhau nên không thể có một chút gió nào lọt qua được; thêm nữa, thường thì nhiều nhà mới có một hố tiêu. Một cuộc điều tra mới đây cho thấy nhiều dãy nhà xây dựng trên những rãnh thoát nước nông, chỉ có một lượt ván lát trên mặt làm sàn nhà. Ở Lê-xtơ, Đớc-bi và Sép-phin-đơ cũng vậy. Bài báo của tờ "Aritizan" dẫn ở trên nói về *Bớc-minh-hêm* như sau:

"Trong những khu vực cũ của thành phố có nhiều chỗ tồi tàn, bẩn thỉu, không ai đoái hoài đến, đầy những vũng bùn và những đống rác lưu niên. Ở Bớc-minh-hêm có rất nhiều sân, tới hơn 2000 cái chính là chỗ ở của phần lớn nhân dân lao động. Những sân đó bao giờ cũng rất chật chội, bẩn thỉu, bí hơi, cống rãnh rất tồi tệ, xung quanh một cái rãnh thường có từ tám đến hai mươi ngôi nhà mà thường không khí chỉ vào có một mặt, vì tường sau lại dính với một nhà khác và ở cuối mỗi sân thường có một hố đổ rác hoặc những vật tương tự, hết sức bẩn thỉu. Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng những sân mới xây dựng được sắp đặt hợp lý hơn và giữ gìn khá tốt hơn; và ngay cả trong các sân cũ, nhà cửa cũng không chen chúc nhau như ở Man-se-xtơ hoặc Li-vớc-pun, điều này cắt nghĩa tại sao trong những kỳ có bệnh dịch, ở Bớc-minh-hêm số người chết ít hơn nhiều so với Uôn-vơ-hem-tơn. Đát-li và Bin-xtơn

là những thành phố cách đó chỉ mấy dặm. Ở Bớc-minh-hêm người ta cũng không ở nhà hầm, tuy rằng đôi khi còn sử dụng hầm không đúng cách để làm xưởng thủ công. Các nhà trọ cho dân vô sản cũng có khá nhiều (hơn 400), chủ yếu là trong các sân ở trung tâm thành phố. Hầu hết là những chỗ ẩm thấp và bẩn thỉu đến lợm mửa, là chỗ ẩn thân của bọn ăn mày, và bọn lêu lổng" (trampers, về nghĩa chính xác của chữ này, sẽ nói kỹ hơn ở phía dưới), "những kẻ cắp và gái điếm, bọn này sống ở đây không hề quan tâm đến lễ độ và tiện nghi, ăn uống, hút và ngủ trong một bầu không khí mà chỉ những con người truỵ lạc như họ mới có thể chịu được".

Gla-xgô về nhiều mặt cũng giống như Ê-đin-bớc, cũng những đường ngoắt ngoéo (wynds), cũng những ngôi nhà ngất nghểu như thế. Tạp chí "Artizan" đã nhận xét về thành phố đó như sau:

"Ở đây, giai cấp công nhân chiếm chừng 78 phần trăm tổng số cư dân" (gần 300 000 người) "họ ở những khu phố còn nghèo nàn và ghê tởm hơn cả những hang ổ tồi tệ nhất ở Xanh-Gin và ở Oai-tơ-sê-pen, những vùng ngoại ô ở Đu-blin và những wynds ở Ê-đin-bớc. Những khu như thế có rất nhiều ở trung tâm thành phố - ở phía nam Tơ-rơn-ghết, phía tây chợ Muối, trong khu Can-tơ, sau phố Cao, v.v.; đó là những ngõ hẹp và những đường ngoắt ngoéo, chằng chịt với nhau, lắt léo không cùng, ở đó cứ vài bước lại gặp những sân hoặc những ngõ cụt, gồm những ngôi nhà cũ kỹ, sắp đổ, những tầng thấp, bí hơi và không có ống nước. Những nhà ấy đúng là chật ních người. Mỗi tầng có một, ba hoặc bốn gia đình, có khi đến hai chục người, có khi mỗi tầng lại cho thuê làm nhà ngủ trọ, và trong mỗi phòng nhét đến mười lăm, hai mươi người, không thể nói là ở, mà là chồng chất lên nhau. Các khu phố ấy là chỗ nương thân của những kẻ nghèo khổ nhất, truỵ lạc nhất, đạo đức đồi bại nhất trong cư dân và nên xem là chỗ bắt nguồn của những bệnh dịch sốt truyền nhiễm ghê gớm lan tràn ra khắp cả Gla-xgô".

https://thuviensach.vn

Hãy xem *G.C. Xai-mơn-xơ*, uỷ viên Tiểu ban điều tra của chính phủ về tình cảnh của những thợ dệt thủ công, mô tả các khu vực ấy[74][1)] thế nào:

"Tôi đã phải chứng kiến những cảnh nghèo khổ tệ hại nhất cả ở nước ta lẫn ở trên lục địa, nhưng trước khi đến thăm những khu nhà ngoắt nghoéo ở Gla-xgô tôi vẫn không tin được rằng ở một nước văn minh lại có thể có nhiều tội ác, nghèo khó và bệnh tật đến thế. Trong những nhà trọ loại tồi tệ vào bậc nhất, mỗi phòng có tới mười, mười hai, có khi đến hai mươi người, cả nam lẫn nữ thuộc mọi lứa tuổi, cởi trần hoặc hoàn toàn trần truồng, nằm lẫn lộn bừa bãi trên sàn nhà. Những chỗ ấy thường là (generally) bẩn thỉu, ẩm ướt và đổ nát đến nỗi không ai muốn cho ngựa của mình ở đó".

Và ở một đoạn khác, tác giả viết:

"Các khu nhà ổ chuột ở Gla-xgô chứa một số người thường xuyên lưu động từ một vạn rưỡi đến ba vạn người. Khu vực ấy hoàn toàn là những ngõ hẹp, những sân hình tứ giác, bao giờ cũng có một đống rác ở ngay giữa. Nhưng dù cho quang cảnh bên ngoài của những ngôi nhà đó kinh tởm đến như thế, tôi vẫn chưa ngờ được mức độ bẩn thỉu và nghèo nàn ở bên trong. Trong một vài nhà ngủ trọ mà chúng tôi" (đại uý Mi-lơ, thanh tra trưởng cảnh sát, và Xai-mơn-xơ) "đến thăm vào ban đêm, chúng tôi thấy cả dãy người nằm kín khắp sàn nhà; đàn ông và đàn bà người mặc áo quần, kẻ cởi trần nằm lẫn lộn có khi đến mười lăm, hai mươi người trong một căn phòng. Đệm giường của họ là một đống rơm mục nát và ít giẻ rách. Đồ đạc không có một thứ gì hoặc có rất ít, và chỉ có mỗi ngọn lửa ở lò sưởi là làm cho cái hố ấy hơi ra vẻ có người ở. Trộm cắp và bán dâm là kế sinh nhai chính của đám người ấy. Hình như không ai buồn quét dọn cái chuồng ngựa của Ô-gi-át ấy, không ai buồn huỷ diệt cái hang ổ độc ác, cái sào huyệt của tội ác bẩn thỉu và ôn dịch ấy ở ngay trung tâm thành phố thứ hai của vương quốc. Trong khi điều tra tỉ mỉ về những khu phố nghèo nhất của những thành phố khác, dù về phương diện đồi bại tinh thần và thể xác, hay về mật độ dân số, tôi chưa hề bao giờ thấy mức độ ghê tởm như vậy. - Nhà đương cục địa phương xác nhận là đa số nhà cửa trong các khu ấy hư hỏng, tồi tàn không ở được, nhưng chính đó lại là những chỗ đông người ở nhất, vì pháp luật quy định không được thu tiền thuê nhà ở đấy".

Khu công nghiệp lớn trung bộ nước Anh, vùng đông dân *Tây Y-oóc-sia* và *Nam Lan-kê-sia*, với rất nhiều thành phố công nghiệp lớn, không kém gì các thành phố lớn khác. Khu công nghiệp len ở vùng Tây Y-oóc-sia là một vùng cảnh đẹp, đồi núi xanh tươi, các ngọn đồi ở đây càng đi về phía tây thì càng dốc cho đến khi đạt đỉnh cao nhất là chỏm Blếch-xtôn Ét-giơ dốc đứng là tuyến phân

thuỷ giữa biển Đức và biển Ai-rơ-len. Thung lũng sông E-rơ, có thành phố Lít-xơ nằm hai bên bờ sông, và thung lũng sông Can-đơ, có đường xe lửa chạy dọc theo dòng sông nối liền Man-se-xtơ với Lít-xơ, là những vùng đẹp nhất của Anh, chỗ nào cũng dày đặc những công xưởng, thôn xóm và thành phố. Những ngôi nhà xây bằng đá tự nhiên màu xám, trông đẹp đẽ và sạch sẽ không kém gì những toà nhà xây bằng gạch đã bị đen đi ở Lan-kê-sia, khiến cho ta ngắm nhìn rất đẹp mắt. Nhưng khi vào ngay trong thành phố, thì cũng chả có gì là vui thú

https://thuviensach.vn

lắm. Theo như tạp chí "Artizan", đã dẫn ở trên, mô tả trong một đoạn khác, - và tôi tin là chính xác, - thì thành phố *Lít-xơ* nằm

"trên một triền dốc thoai thoải xuống thung lũng sông E-rơ. Con sông này uốn khúc chạy cắt ngang qua thành phố trên khoảng chừng một dặm rưỡi [75]1) và đến kỳ tuyết tan hoặc mưa nhiều thì có thể lụt lớn. Những nơi cao nhất của thành phố, ở phía tây, thì tương đối sạch sẽ đối với một thành phố lớn như vậy, nhưng các khu phố thấp dọc bờ sông đó và dọc các sông nhánh (becks) thì đều bẩn thỉu, chật chội, và đã đủ để giảm tuổi thọ của cư dân ở đó, nhất là trẻ em. Thêm vào đấy tình trạng kinh tởm của các khu lao động xung quanh Kiếc-ghết, Mác-sơ-lên, phố Crốt và đường Rích-mơn; ở khu này phần lớn các đường phố lát và không có cống rãnh, nhà cửa xây dựng lộn xộn, với nhiều sân và ngõ cụt, thậm chí những thiết bị vệ sinh thông thường nhất cũng không có. Mọi cái ấy gộp lại đủ để cắt nghĩa tỷ số người chết rất cao ở những nơi xấu số, bẩn thỉu và nghèo khổ ấy. - Do các trận lụt của sông E-rơ" (và tiện đây nói thêm rằng con sông ấy, cũng như mọi con sông chảy ngang qua những thành phố công xưởng, ở khúc chảy vào thành phố thì sạch sẽ trong veo và ở khúc chảy ra khỏi thành phố thì đủ mọi thứ rác rưởi, đặc sệt, đen ngầu và hôi thối), "những nhà ở và nhà hầm thường đầy nước đến nỗi phải tát nước đổ ra phố; những khi ấy thì ngay ở những nơi có cống, nước từ cống dâng lên tràn vào các nhà hầm [76]2) xông lên những mùi hôi thối sặc khí hy-đrô-sun-phua, rồi sau đó để lại một lớp cặn

https://thuviensach.vn

ghê tởm rất hại cho sức khoẻ. Trong trận lụt mùa xuân năm 1839, tình hình tắc cống như thế đã gây tai hại đến nỗi, theo báo cáo của nhân viên hộ tịch, thì ở khu này, trong quý ấy, cứ ba người chết mới có hai người ra đời, trong khi cũng vào quý ấy ở các khu khác thì tỉ lệ ngược lại cứ ba người ra đời mới có hai người chết".

Ở nhiều khu vực đông dân khác của thành phố ấy, hoàn toàn không có cống rãnh, hoặc là có nhưng tồi tệ đến nỗi chẳng ích lợi gì. Trong một số phố, các nhà hầm ít khi được khô ráo; trong những khu phố khác, nhiều đường phố phủ một lớp bùn lầy dày. Cư dân thỉnh thoảng đã uổng công đổ tro lấp các ổ gà để sửa sang đường phố; tuy vậy, rác vẫn cứ đổ đống khắp nơi, nước rửa từ các nhà đổ ra vẫn cứ đọng ở những chỗ trũng cho đến khi nắng và gió làm khô đi (xem báo cáo của Hội đồng thành phố trong "Statistical Journal" tập 2, tr. 404). - Một căn nhà thông thường ở Lít-xơ, có diện tích không quá hai mươi lăm i-ác vuông và thường là có một gian hầm, một phòng ở và một phòng ngủ. Những nhà chật hẹp ngày đêm lúc nào cũng chật ních người ấy không những chỉ có hại cho sức khoẻ mà còn có tác hại đến đạo đức của cư dân. Tình hình chật chội trong các nhà ấy như thế nào có thể thấy được qua bản báo cáo dẫn ở trên nói về tình hình vệ sinh trong đời sống của giai cấp lao động:

"Ở Lít-xơ chúng tôi đã thấy nhiều anh chị em và những người thuê nhà xa lạ cả nam lẫn nữ, cùng ngủ chung trong một phòng với cha mẹ; do đó mà sinh ra những hậu quả hễ người ta nghĩ đến là rùng mình".

Ở *Brát-phoóc*, chỉ cách Lít-xơ bảy dặm ở giao điểm của nhiều thung lũng, trên bờ một dòng sông nhỏ hôi thối và nước đen ngòm như hắc ín, tình hình cũng như vậy. Một buổi chủ nhật đẹp trời, - vì những ngày làm việc thì một tầng khói xám xịt bao phủ tất cả, - từ trên mỏm cao của các ngọn đồi xung quanh nhìn xuống thì thấy thành phố thật là xinh đẹp; nhưng bên trong cũng bẩn thỉu và không thể sống được như ở Lít-xơ. Những khu phố cũ xây trên những sườn đồi dốc; đường phố chật hẹp và cong queo. Trong các đường phố, các ngõ cụt và các sân, rác rưởi và đồ thối nát

chất hàng đống; nhà cửa đổ nát, bẩn thỉu không hợp với điều kiện cư trú; và ngay sát bên sông ở đáy thung lũng, tôi đã thấy nhiều ngôi nhà mà một nửa tầng dưới là đào ngay vào sườn đồi, hoàn toàn không hợp với điều kiện cư trú. Nói chung, những nơi ở đáy thung lũng mà nhà cửa công nhân chen vào giữa những nhà cao của công xưởng là những nơi kiến trúc xấu xí và bẩn thỉu nhất của thành phố. Trong các khu phố mới của Brát-phoóc cũng như ở mọi thành phố công xưởng khác, nhà cửa xếp đặt đều đặn hơn thành từng dãy, nhưng ngay ở những nhà đó người ta còn thấy thiếu tiện nghi, tình trạng này gắn liền với cái phương pháp được công nhận trong việc bảo đảm nhà ở cho công nhân; về điểm này chúng tôi sẽ bàn kỹ hơn khi nói đến Man-se-xtơ. - Về các thành phố khác của vùng Tây Y-oóc-sia, như *Bác-nơ-xli, Ha-li-phác, Hát-đơ-xphin*, tình hình cũng như vậy. Hát-đơ-xphin, với vị trí tuyệt vời đáng mê và kiến trúc tối tân của nó, là thành phố đẹp nhất trong tất cả các thành phố công xưởng của Y-oóc-sia và Lan-kê-sia, nhưng cũng vẫn có những khu phố xấu xí. Trong bản báo cáo ngày 5 tháng Tám 1844 của một uỷ ban, do hội nghị thị dân cử ra để điều tra thành phố, có đoạn viết:

https://thuviensach.vn

"Ai cũng biết rằng ở Hát-đơ-xphin, nhiều đường phố và nhiều ngõ, nhiều sân không lát mà cũng chẳng có cống rãnh gì cả; rằng đủ mọi loại rác rưởi, cặn bã, mọi vật bẩn thỉu, chất đống ở đấy đang thối rữa; rằng nước bẩn đọng thành vũng ở hầu khắp mọi nơi; do đó nhà cửa ở đây xấu xí và bẩn thỉu, làm phát sinh ra nhiều ổ bệnh tật đe doạ sức khoẻ của cả thành phố"[101].

Nếu chúng ta đi bộ hoặc xe lửa vượt qua Blếch-xtôn Ét-giơ, chúng ta sẽ đến địa điểm điển hình, nơi mà nền công nghiệp Anh đã hoàn thành cái kiệt tác của nó, nơi xuất phát của toàn bộ phong trào công nhân nước Anh, tức là *Nam Lan-kê-sia* với trung tâm của nó là *Man-se-xtơ*. Ở đây chúng ta cũng lại thấy một vùng cảnh đồi núi mỹ lệ, từ tuyến phân thuỷ, chạy dốc thoai thoải đến tận biển Ai-rơ-len, với những thung lũng xanh rờn làm cho người ta mê thích của sông Ri-bơn, sông Ai-rơ-len, sông Mớc-xây và các nhánh của chúng; vùng này cách đây một trăm năm, phần lớn

còn là đầm lầy, cư dân thưa thớt, thế mà ngày nay chỗ nào cũng mọc đầy những thành phố và thôn xóm, và là vùng đông dân nhất của nước Anh. Chính Lan-kê-sia, đặc biệt là Man-se-xtơ, là nơi sản sinh ra nền công nghiệp Anh và trung tâm của nó. Sở giao dịch chứng khoán Man-se-xtơ là cái hàn thử biểu của mọi sự biến động trong sinh hoạt công nghiệp, và các phương pháp sản xuất tối tân cũng đã đạt mức độ hoàn bị ở Man-se-xtơ. Trong ngành công nghiệp bông sợi ở Nam Lan-kê-sia, việc sử dụng các lực lượng tự nhiên, việc máy móc (chủ yếu là khung cửi máy và máy mun) loại trừ lao động thủ công và sự phân công lao động đã đạt tới trình độ phát triển cao nhất; và nếu chúng ta công nhận ba yếu tố đó là đặc trưng của công nghiệp hiện đại thì chúng ta phải thừa nhận rằng, về mặt ấy, so với các ngành công nghiệp khác, thì ngành bông sợi ngay từ đầu cho tới nay vẫn đi trước. Nhưng hậu quả của nền công nghiệp hiện đại đối với giai cấp công nhân ở đây phải phát triển một cách đầy đủ nhất và trong hình thức thuần tuý nhất, và giai cấp vô sản công nghiệp ở đây phải xuất hiện dưới hình thức điển hình nhất; và cũng chính ở đây tình trạng nhục nhã của người lao động do việc áp dụng sức hơi nước, máy móc và sự phân công lao động gây nên, cũng như ý đồ của giai cấp vô sản nhằm chấm dứt sự áp bức ấy, cũng phải đạt đến mức căng thẳng cao nhất và có ý thức nhất. Vì Man-se-xtơ là một thành phố công nghiệp hiện đại điển hình và cũng vì tôi biết rõ nó cũng như nơi chôn rau cắt rốn của tôi, và có lẽ còn biết rõ hơn nhiều người dân của nó, - cho nên chúng ta sẽ dừng lại ở đây lâu hơn một ít.

Về tình hình các khu phố lao động, những thành phố xung quanh Man-se-xtơ cũng không khác gì thành phố trung tâm cho lắm, chỉ có ở đấy thành phần lao động trong cư dân có thể chiếm một tỷ số lớn hơn so với Man-se-xtơ. Thậy vậy, đó là những thành phố công nghiệp thuần tuý, mọi hoạt động thương nghiệp của chúng đều tiến hành ở Man-se-xtơ và thông qua Man-se-xtơ; về

mọi mặt, các thành phố ấy đều phụ thuộc vào Man-se-xtơ và vì vậy cư dân ở đó toàn là công nhân, chủ xưởng và tiểu thương, trong khi đó ở Man-se-xtơ thì có rất đông dân buôn bán, đặc biệt là những hãng buôn đại lý và những cửa hàng bán lẻ lớn. Thế cho nên mặc dù các thành phố *Bôn-tơn, Prét-xtơn, Uy-gan, Bơ-ri, Rô-sơ-đên, Mít-đơn-tơn, Hây-út, Ôn-đêm, A-stơn,*

https://thuviensach.vn

Stê-li-brít-giơ, Xtốc-poóc, v.v., có đến ba vạn, năm vạn, bảy vạn và thậm chí chín vạn dân, thực ra thì hầu hết những thành phố ấy cũng chỉ là những khu lao động lớn chỉ bị ngắt ra từng đoạn bởi những công xưởng, vài đường phố chính mà hai bên là những cửa hàng và vài đường ngoại ô hai bên là những nhà theo kiểu biệt thự có vườn hoa bao bọc của các chủ xưởng. Bản thân các thành phố đều kiến trúc xấu xí và không đều đặn, có những sân, đường phố và ngõ cụt bẩn thỉu, đầy khói than, và do ở đây nhà cửa xây bằng thứ gạch lúc đầu thì đỏ thắm, nhưng dần dần đã đen xịt lại, - thứ gạch đó là vật liệu xây dựng thông dụng ở đây, - nên đã gây cho người ta có một ấn tượng đặc biệt u ám. Nhà hầm là hiện tượng thường thấy ở đây; chỗ nào có thể làm được là người ta làm những hang dưới đất và một phần rất lớn cư dân sống ở những hang ấy.

Thành phố tồi tệ nhất sau Pre-xtơn và Ôn-đêm, là *Bôn-tơn*, cách Man-se-xtơ mười một dặm về phía tây-bắc. Tôi đã có nhiều dịp đến đó, và theo mắt tôi thấy thì chỉ có độc một phố chính là phố Đin-xghết, khá bẩn đồng thời cũng là chỗ họp chợ, và tuy rằng ngoài các công xưởng chỉ có những căn nhà thấp một hai tầng, nhưng ngay những hôm đẹp trời phố ấy cũng vẫn là một cái hốc u ám, ghê tởm. Cũng như ở mọi nơi, phần thành phố cũ đặc biệt tồi tàn và khó coi. Một dòng nước đặc sệt và đen sì chảy qua thành phố mà người ta không biết nên gọi là cái lạch hay là một chuỗi những vũng nước hôi thối, làm cho bầu không khí đã chẳng lấy gì làm trong sạch càng ô uế thêm.

Xa hơn nữa là *Xtốc-poóc*, một thành phố tuy nằm bên bờ sông Mớc-xây, phía Sê-sia, nhưng vẫn thuộc khu công nghiệp Man-se-xtơ.

Thành phố thu gọn trong một thung lũng hẹp lòng của sông Mớc-xay, cho nên phố xá chạy dốc tuột xuống ở bên này, để leo dốc ngược lên ở bên kia, còn đường xe lửa từ Man-se-xtơ đến Bớc-minh-hêm vượt qua bên trên thành phố và qua cả thung lũng bằng một cái cầu cao. Xtốc-poóc nổi tiếng là một nơi ảm đạm và ám khói nhất trong toàn khu, và quả thực là nó tạo nên một cảm giác hết sức u ám, nhất là khi nhìn từ trên cầu cao xuống thành phố. Nhưng những căn nhà nhỏ và nhà hầm, chỗ ở của người vô sản, trải thành dãy dài khắp thành phố, từ đáy thung lũng lên tới đỉnh đồi, lại còn gây ra ấn tượng u ám hơn nữa. Tôi không nhớ đã trông thấy ở một thành phố nào trong khu này nhiều nhà hầm có người ở như vậy.

Cách Xtốc-poóc mấy dặm về phía đông-bắc là *A-stơn-an-dơ - Lai-nơ*, một trong những trung tâm công xưởng mới nhất của vùng này. Thành phố này ở bên sườn một ngọn đồi, dưới chân đồi là kênh và sông Tem-mơ; nói chung thì kiến trúc ở đây theo hệ thống hiện đại đều đặn hơn. Năm hoặc sáu đường phố dài chạy song song dọc theo ngọn đồi, có các đường phố khác cắt thẳng góc, chạy dốc xuống thung lũng. Với cách xếp đặt phố xá như vậy, các xưởng máy bị gạt ra khỏi trung tâm thành phố, dù không thế chăng nữa, thì chúng cũng phải tập trung ở dưới thung lũng để được gần nước và gần đường sông, ở đó, chúng nằm san sát gần nhau, từ các ống khói tuôn ra những làn khói đặc. Nhờ đó mà A-stơn trông dễ coi hơn phần lớn các thành phố công xưởng khác; phố xá rộng rãi và sạch sẽ hơn, những cốt-ta-giơ đỏ tươi, trông có vẻ mới mẻ và ấm cúng hơn. Nhưng hệ thống mới về xây dựng cốt-ta-giơ cho

https://thuviensach.vn

công nhân ấy cũng có những mặt xấu của nó; bởi vì phía sau mỗi đường phố như thế lại có một phố sau bẩn thỉu hơn rất nhiều, có một lối hẹp ở bên cạnh để vào. Và ngay ở A-stơn tôi không thấy có một ngôi nhà nào cổ quá 50 năm, trừ mấy ngôi nhà ở ngoại ô thành phố, vậy mà ở đây cũng có những đường phố mà nhà cửa đã thành cũ kỹ xấu xí, gạch long ra và tuột xuống,
tường nứt nẻ, làm cho lớp vữa trát bên trong rơi vụn xuống; các đường phố ấy cũng nhơ nhớp và đen sì vì ám khói, không kém gì ở các thành phố khác trong khu, - chỉ khác là ở đây không phải là hiện tượng phổ biến mà là ngoại lệ.

Cách hơn một dặm về phía đông là *Xtê-li-brít-giơ* cũng trên sông Tem-mơ. Từ A-stơn leo qua núi mà đến, ở trên đỉnh núi nhìn về bên phải và bên trái đều thấy những toà nhà lộng lẫy kiểu biệt thự xung quanh có vườn rộng rất đẹp, đa số nhà ấy làm theo kiểu Ê-li-da-bét, kiểu này so với kiểu gô-tích thì cũng y như đạo Tin lành Anh so với đạo Thiên Chúa La Mã. Đi bộ một trăm bước nữa thì trông thấy Xtê-li-brít-giơ nằm trong thung lũng. Nhưng so với các biệt thự lộng lẫy trên kia và ngay cả với những cốt-ta-giơ giản dị ở A-stơn thì cảnh tượng đó thật trái ngược biết bao? Xtê-li-brít-giơ nằm trong một vùng trũng quanh co và còn hẹp hơn thung lũng Xtốc-poóc nhiều, hai bên sườn là một mớ lộn xộn những cốt-ta-giơ, nhà lớn và công xưởng. Mới vào thành phố thì thấy ngay những cốt-ta-giơ đầu tiên san sát nhau, chật hẹp, ám khói, cũ kỹ, tồi tàn; và những nhà đầu tiên ấy thế nào thì cả thành phố cũng như thế cả. Chỉ có rất ít đường phố chạy dài theo đáy thung lũng chật hẹp; phần nhiều đường phố giao nhau, uốn lượn, leo lên xuống theo các triền dốc, do cách sắp xếp các đường phố trên sườn đồi như thế, nên trong hầu hết các nhà, tầng dưới đều đào xuống dưới đất một nửa. Và do lối xây dựng hỗn độn ấy mà tạo ra biết bao nhiêu sân, phố sau và ngõ hẻm, từ trên núi nhìn xuống có thể trông thấy hết cảnh tượng ấy, từ đó có thể trông thấy mọi cảnh vật trong thành phố, như là đang bay trên thành phố vậy. Và thêm vào đấy là tình trạng bẩn thỉu kinh khủng, thì sẽ hiểu tại sao, phong cảnh xung quanh rất đẹp mà thành phố này lại gây nên ấn tượng ghê tởm đến như vậy.

Nhưng thôi, về các thành phố nhỏ, nói như vậy là đủ. Mỗi thành phố đều có nét riêng của mình, nhưng nói chung thì những người lao động ở đó cũng hệt như ở Man-se-xtơ. Vì vậy tôi chỉ mô
tả kiến trúc đặc biệt của chúng, và chỉ thêm một điều là mọi nhận xét của tôi về đặc điểm chung của tình trạng nhà cửa của những người lao động ở Man-se-xtơ có thể hoàn toàn áp dụng với các thành phố xung quanh. Bây giờ chuyển sang nói về thành phố chính.

Man-se-xtơ ở chân sườn phía nam của một dãy đồi chạy từ Ôn-đêm giữa các thung lũng của sông E-ru-en và sông Mét-lốc và cuối cùng kết thúc ở ngọn đồi *Cốc-xôn-Mua*, nơi đây là trường đua ngựa và đồng thời cũng là "Núi thánh" của Man-se-xtơ[102]. Chính thành phố Man-se-xtơ thì ở tả ngạn sông E-ru-en, nằm giữa con sông ấy và hai nhánh của nó là E-rơ-cơ và Mét-lốc đổ vào sông E-ru-en ở chỗ này. Trên hữu ngạn sông E-ru-en là *Xôn-phoóc*, nằm lọt trong một khuỷu sông và *Pen-đơn-tơn* ở xa hơn một ít về phía tây; phía bắc sông E-ru-en là

https://thuviensach.vn

Brô-tơn Thượng và *Brô-tơn Hạ;* phía bắc sông E-rơ-cơ là *Tri-têm-Hin;* phía nam sông Mét-lốc là *Huyn-mơ,* xa hơn về phía đông là *Troóc-tơn-ôn - Mét-lốc*, xa hơn nữa, gần phía đông Man-se-xtơ là *Ác-uých*. Theo thói quen, người ta gọi cả các khối nhà cửa ấy là Man-se-xtơ, gồm tới ít nhất là bốn mươi vạn người, hay hơn nữa. Cách xây dựng thành phố độc đáo đến nỗi một người có thể sống hàng nhiều năm ở đó, hàng ngày đi ra đường phố, nhưng không lần nào tiếp xúc với một khu phố lao động, hoặc với những người lao động, nếu người đó chỉ đi vì công việc của mình hoặc đi dạo chơi. Điều đó chủ yếu được giải thích là do một sự thoả thuận ngầm và vô ý thức cũng như do sự tính toán hoàn toàn rõ ràng và có chủ tâm, các khu lao động ở cách biệt hẳn với các khu dành cho giai cấp tư sản, còn ở những nơi không thể công khai làm như thế được thì nó được che đậy dưới lớp màn từ thiện. Ở trung tâm Man-se-xtơ có khu buôn bán khá rộng lớn, dài rộng mỗi chiều độ nửa dặm, hầu như toàn là hãng buôn và kho hàng (warehouses). Cả khu hầu như không có nhà ở, và ban đêm thì vắng vẻ quạnh hiu, chỉ có những viên cảnh sát mang những đèn ló đi tuần trên những đường phố hẹp tối om. Khu vực ấy có vài đường phố chính rất

náo nhiệt, những tầng dưới các ngôi nhà toàn là cửa hiệu sang trọng; trong các phố ấy tầng trên có chỗ cũng có người ở, và phố xá nhộn nhịp đến tận đêm khuya. Ngoài khu buôn bán ấy ra, toàn bộ thành phố Man-se-xtơ, hiểu theo nghĩa hẹp, toàn bộ Xôn-phoóc và Huyn-mơ, phần lớn Pen-đơn-tôn và Troóc-tơn, hai phần ba Ác-uých và một vài khu ở Tri-têm-Hin và Brô-tơn, tất cả gộp thành một khu lao động thuần tuý, bao quanh khu buôn bán, như một vành đai rộng trung bình một dặm rưỡi. Bên ngoài vành đai ấy là chỗ ở của giai cấp tư sản thượng đẳng và trung đẳng - lớp trung đẳng ở các phố thẳng tắp, gần khu lao động, tức là ở Troóc-tơn và phần dưới của Tri-têm-Hin, lớp thượng đẳng ở xa hơn, trong những ngôi nhà và những biệt thự ở ngoại ô Troóc-tơn và Ác-uých, hoặc trên những chỗ cao thoáng gió của Tri-têm-Hin, của Brô-tơn và của Pen-đơn-tơn giữa không khí thôn quê trong lành, trong những ngôi nhà lộng lẫy đầy đủ tiện nghi, đằng trước nhà cứ nửa giờ hoặc mười lăm phút lại có những chiếc xe chở khách ra thành phố chạy qua. Điều thú vị nhất, là các ngài quý tộc tài chính giàu có ấy vẫn có thể đi qua tất cả các khu phố lao động để tới văn phòng ở trung tâm thành phố bằng con đường gần nhất mà không hề nhận thấy sự nghèo cùng đang sinh sôi nảy nở trong cảnh bẩn thỉu nhất ở ngay gần đấy, ở cả hai bên đường. Bởi vì, những đường phố chính, từ sở giao dịch chứng khoán toả theo mọi ngả ra ngoài thành phố, đều có mỗi bên một dãy hầu như liên tiếp các cửa hàng và như vậy là đều do giai cấp trung lưu và tiểu tư sản ở, những người này đã vì lợi ích của chính họ mà muốn và có thể giữ gìn phố xá sạch sẽ, lịch sự. Thật ra thì những cửa hàng ấy bao giờ cũng có một cái gì đó giống những khu vực ở đằng sau chúng, và do đó, trong những khu buôn bán và ở gần các khu giai cấp tư sản ở thì các cửa hàng ấy lại lịch sự hơn là ở nơi nào mà đằng sau chúng là các cốt-ta-giơ bẩn thỉu của những người lao động. Nhưng dù sao chúng cũng đủ sạch sẽ để che giấu cho các ông bà giàu sang có dạ dày mạnh khoẻ

nhưng thần kinh yếu ớt, khỏi thấy cái nghèo, cái bẩn là những cái bổ sung cho sự giàu sang và xa xỉ của họ. Cho nên, ví dụ như phố Đin-xghết, chạy từ nhà thờ cũ thẳng về phía nam, mới đầu là hai dãy kho hàng và công xưởng, rồi đến các cử hiệu hạng nhì với vài quán rượu; xa hơn nữa về phía nam, ở chỗ cuối khu buôn bán là những cửa hàng trông tồi hơn, rồi càng đi nữa thì cửa hàng càng bẩn thỉu, càng xen nhiều quán rượu và quán ăn, cho đến cuối phố ở phía nam thì ngay hình dáng của các cửa hiệu nhỏ làm cho người ta không còn nghi ngờ gì nữa là khách hàng ở đây là người lao động, và chỉ có người lao động mà thôi. Phố Mác-kết

https://thuviensach.vn

chạy từ sở giao dịch chứng khoán về phía đông-nam cũng vậy; mới đầu là những cửa hiệu lộng lẫy vào hạng nhất và ở các tầng gác trên là các hãng buôn và kho hàng; tiếp theo (ở Pích-ca-đi-ly) là những khách sạn và nhà kho khổng lồ; xa hơn nữa (khi tới đường Luân Đôn) ở gần sông Mét-lốc và những công xưởng, những quán rượu và cửa hiệu phục vụ những tầng lớp thấp nhất của giai cấp tư sản và công nhân; rồi dọc theo Ác-uých - Grin là nhà cửa của bọn tư sản thượng đẳng và trung đẳng và từ chỗ đó trở đi là những vườn hoa lớn và biệt thự của các chủ xưởng và nhà buôn giàu có nhất. Như vậy là khi đã hiểu biết Man-se-xtơ người ta có thể lấy mấy phố lớn mà *suy ra* tình hình các khu tiếp giáp, nhưng rất ít khi từ những phố lớn ấy có thể nhìn thấy được quang cảnh *thật sự* của chính các khu lao động.- Tôi biết rất rõ rằng cách sắp xếp giả tạo ấy hoặc ít nhiều đều có tính chất đặc trưng cho tất cả các thành phố lớn; tôi cũng biết rằng những người buôn bán lẻ do chính tính chất kinh doanh của họ, bắt buộc phải ở trên những đường phố lớn, đông người qua lại; tôi biết rằng ở đây cũng vậy, trong các phố ấy nhà tốt nhiều hơn là nhà xấu, và giá đất ở đây cao hơn ở các khu hẻo lánh. Nhưng tôi chưa thấy ở đâu lại gạt bỏ một cách có hệ thống giai cấp công nhân ra khỏi các phố lớn, lại che giấu hết sức chu đáo mọi cái có thể làm chướng tai gai mắt giai cấp tư sản như ở Man-se-xtơ. Vậy mà chính Man-se-xtơ
lại ít được xây dựng theo kế hoạch định sẵn, hoặc theo quy định của cảnh sát, mà ngược lại, phần lớn hình thành một cách ngẫu nhiên hơn bất cứ một thành phố nào khác. Khi tôi nghĩ đến lời cam đoan nhiệt tâm của giai cấp tư sản nói rằng những người lao động sống trong một tình cảnh hoàn toàn tốt đẹp, thì tôi thấy được rằng các chủ xưởng thuộc phái tự do, những "big wigs"[77]1* của Man-se-xtơ không phải là không tham gia vào sự quy hoạch thành phố đáng xấu hổ ấy.

Tôi nói thêm một điều là hầu hết các công xưởng đều nằm dọc theo ba dòng sông và dọc những con kênh chạy chằng chịt khắp thành phố, và bây giờ tôi chuyển sang mô tả ngay chính các khu phố lao động. Trước hết là thành Man-se-xtơ cổ, nằm giữa giới tuyến phía bắc của khu buôn bán và sông E-rơ-cơ. Phố xá ở đây, cả những phố tốt nhất như các phố Tốt, Lông-Min-ghết, Uy-ti-Grốp và Sơ-đơ-Hin, đều quanh co, chật hẹp, nhà cửa bẩn thỉu, cũ kỹ, đổ nát và các ngôi nhà trong các phố nhỏ thì hoàn toàn kinh tởm. Từ nhà thờ cũ đi dọc phố Lông-Min-ghết, ta thấy ngay ở bên phải là một dãy nhà kiểu cổ không có một mặt nhà nào còn đứng thẳng; đó là những tàn tích của thành phố Man-se-xtơ cũ, Man-se-xtơ thời kỳ chưa có công nghiệp, cư dân cũ đã cùng con cháu họ rời sang những khu tốt hơn, bỏ lại những nhà quá tồi đối với họ cho dân lao động trong đó có nhiều người Ai-rơ-len. Đây mới chính là một khu lao động hầu như không che giấu, vì ngay các cửa hàng và tiệm rượu ở đường phố chính cũng không ai buồn làm cho có vẻ sạch nữa. Nhưng đó cũng còn chưa thấm gì so với các ngõ hẻm và các sân ở đằng sau mà muốn vào đấy phải qua những lối đi lợp kín chật hẹp đến nỗi hai người không thể có đủ chỗ để tránh nhau. Thật khó mà tưởng tượng nổi cái đống nhà cửa lộn xộn trái với mọi quy tắc kiến trúc hợp lý và

https://thuviensach.vn

tình hình chật chội khiến các nhà cửa dính thực sự cái này vào cái kia. Nhưng vấn đề ở đây không phải chỉ ở những căn nhà cổ

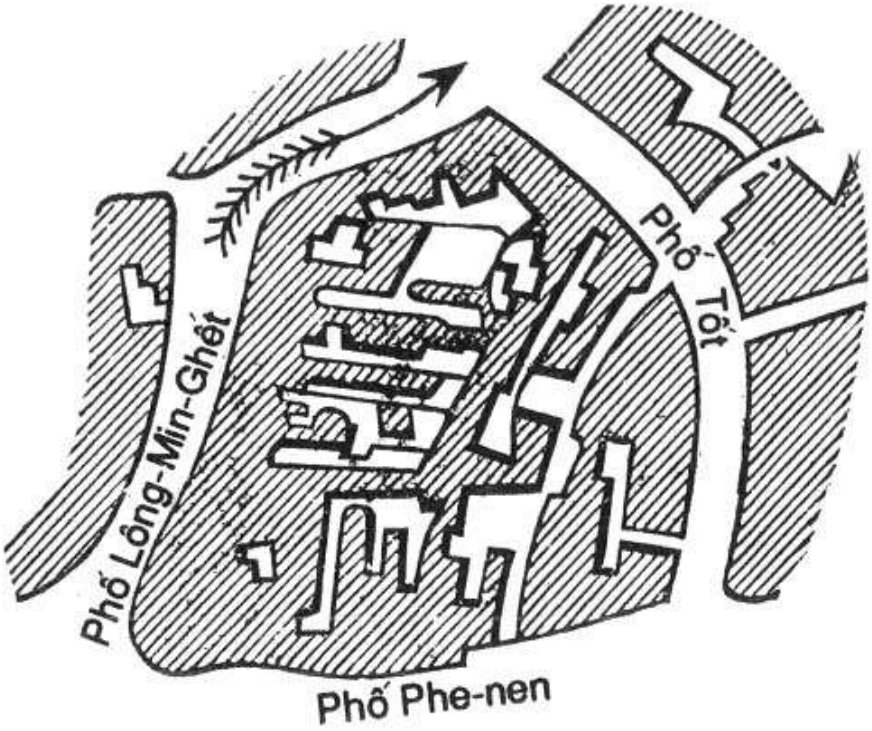

lỗ từ thời Man-se-xtơ cũ còn lại; chính trong thời gian gần đây, tình hình hỗn độn mới tăng lên đến cực độ, vì chỗ nào trước kia còn hở một khoảng trống thì nay người ta xây thêm nhà, tiếp thêm gian cho

https://thuviensach.vn

đến khi không còn một tấc đất nào có thể xây dựng thêm được nữa mới thôi. Để chứng thực lời nói của mình, tôi vẽ lại đây một phần nhỏ Man-se-xtơ. Đây không phải là mảnh tồi nhất và cũng chưa được bằng một phần mười của thành phố cũ.

Bức bản đồ này đủ để hình dung được lối kiến trúc không hợp lý của toàn khu, nhất là ở gần sông E-rơ-cơ. Bở sông ở đây, về bên phía Nam rất dốc và cao từ 15 đến 30 phút; trên sườn dốc ấy nhiều chỗ có đến ba dãy nhà, dãy thấp nhất nằm sát mặt nước, trong khi đó mặt trước nhà của dãy cao nhất ngang với đỉnh đồi và trông ra phố Lông-Min-ghết. Xen vào đó lại còn những công xưởng ở trên bờ sông, - tóm lại, nhà cửa ở đây cũng chật chội và vô tổ chức như ở phần dưới phố Lông-Min-ghết. Bên phải và bên trái, có rất nhiều lối đi lợp kín thông từ phố chính vào nhiều sân trong; khi vào đó là rơi vào giữa một chỗ bẩn thỉu ghê tởm có một không hai; nhất là những sân dốc xuống sông E-rơ-cơ; quả thật ở đây có những nhà cửa kinh khủng nhất mà tôi được thấy từ trước đến nay. Ở một trong những sân ấy, ngay ở lối vào, cuối lối đi lợp kín, có một chuồng tiêu không có cửa và bẩn thỉu đến nỗi cư dân trong sân mỗi khi đi về nhà hoặc đi ra phố đều không

thể không bước qua một vũng nước tù sặc mùi cứt đái hôi thối. Đó là sân thứ nhất ở bờ sông E-rơ-cơ, phía trên cầu Điu-xi - tôi xin báo điều đó phòng khi có ai muốn chứng thực lời tôi nói; về phía dưới, sát con sông, có nhiều xí nghiệp thuộc da, làm cho xung quanh sặc mùi thịt da thối rữa. Muốn xuống các sân ở phía dưới cầu, thường phải qua những cầu thang nhỏ hẹp, bẩn thỉu, và muốn vào nhà thì phải bước qua những đống rác rưởi và bùn nhơ. Sân thứ nhất phía dưới cầu là An-len-xơ Cớt; hồi có dịch tả thì ở đó bẩn thỉu đến nỗi cảnh sát vệ sinh phải

https://thuviensach.vn

ra lệnh quét dọn và tẩy uế tất cả bằng clo; bác sĩ Cây, trong một cuốn sách nhỏ[78]1), đã mô tả rùng rợn tình trạng sân này vào thời ấy. Từ đó hình như sân này đã được phá đi một phần nào và xây dựng lại; ít ra từ trên cầu nhìn xuống vẫn còn thấy những bức tường đổ nát và những đống rác lớn bên cạnh vài ngôi nhà mới xây. Cảnh tượng nhìn từ trên cầu xuống - một bức tường đá cao bằng đầu người đã che kỹ cảnh tượng đó khuất mắt những người qua đường người thấp - nói chung là tiêu biểu cho cảnh tượng toàn khu. Ở dưới cùng, con sông E-rơ-cơ chảy, hoặc nói đúng hơn là đọng ở đó, một dòng sông hẹp, đen ngòm, hôi thối, đầy rác rưởi và cặn bã mà nó đẩy dạt vào bên bờ thấp, tức bờ bên phải sông. Khi trời khô ráo, trên bờ này còn lại một dãy dài những vũng bùn lầy xanh thẫm, hôi thối kinh tởm hết sức, từ đáy những vũng bùn ấy sủi lên những bóng tăm khí độc xông lên một mùi hôi đến nỗi đứng trên cầu cách mặt nước đến bốn, năm mươi phút cũng không chịu nổi. Thêm vào đó, bản thân dòng sông cứ mỗi bước lại bị những đập
cao chặn lại, phía trên đập bùn nhớp và rác rưởi đọng lại thành khối lớp rồi thối rữa ra. Phía trên cầu là các xưởng thuộc da, xa hơn nữa là các xưởng nhuộm, các xưởng bột xương và xưởng khí đốt mà những nước thừa và vật cặn bã đều đổ ra sông E-rơ-cơ; con sông này còn tiếp nhận thêm cả những đồ nhơ nhớp của các cống rãnh và hố xí ở xung quanh. Như vậy người ta dễ mường tượng con sông ấy để lại những cặn lắng như thế nào. Phía dưới cầu, người ta thấy những đống rác, những thứ nhơ nhớp, bẩn thỉu, những đống gạch ngói đổ nát trong các sân ở bờ cao bên trái; nhà nọ nhô lên sau nhà kia và vì bờ sông cao dần, nên chỉ thấy mỗi nhà được một phần; tất cả đều ám khói, tồi tàn, cũ kỹ, với những cửa sổ vỡ kính và long khung; ở phía sau là những ngôi nhà cũ kỹ của các công xưởng, trông giống trại lính. Trên bờ bên phải, thấp là một dãy dài nhà cửa và công xưởng. Tính từ ngoài vào thì ngôi nhà thứ hai là một ngôi nhà đổ nát, không mái, đầy rác, còn ngôi nhà thứ ba xây thấp đến nỗi tầng dưới không thể ở được và do đó chẳng có cửa sổ, cửa ra vào gì cả. Ở đây, phía sau là nghĩa địa người nghèo, các ga của những đường xe lửa Li-vớc-pun và Lít-xơ, và sau nữa là nhà tế bần "ngục Ba-xti của người nghèo" thành phố Man-se-xtơ, nó như một bức thành, từ trên đỉnh đồi cao, sau những bức tường cao có hình răng cưa, đang nhìn xuống khu lao động ở bờ sông bên kia như đe doạ.

Phía trên cầu Điu-xi, bờ bên trái thì thoai thoải và, ngược lại, bờ bên phải thì lại dốc đứng hơn, nhưng tình hình nhà cửa ở hai bên bờ sông thì không khá hơn tí nào mà lại xấu đi. Ở đây nếu người ta rời khỏi phố chính - vẫn là phố Lông-Min-ghết - mà đi về bên trái thì sẽ lạc đường ngay; ra khỏi sân này thì lại đi vào sân kia, đi qua những xó xỉnh, những chỗ ngoặt, những lối đi hẹp và bẩn, qua mấy phút thì mất hết phương hướng và không còn biết đi về phía nào nữa. Đâu đâu cũng thấy những ngôi nhà đổ nát một phần hoặc hoàn toàn đổ nát, một vài nhà thật sự không có người ở, và ở đây điều đó có nhiều ý nghĩa lắm; trong
nhà rất ít khi thấy nền nhà lát gỗ hoặc lát đá, nhưng ngược lại, hầu như ở chỗ nào cửa sổ và cửa ra vào cũng hư nát, xộc xệch, và bẩn thỉu làm sao! Chỗ nào cũng có những đống rác rưởi, đồ bẩn thỉu và vật bỏ đi, cũng có những vũng nước tù thay cho cống rãnh, và chỉ cái mùi hôi

https://thuviensach.vn

thối cũng đủ làm cho một người có chút ít văn hoá không thể ở được. Mới rồi đường xe lửa Lít-xơ được kéo dài thêm một đoạn, vượt qua sông E-rơ-cơ ở chỗ này, nên một phần các sân và ngõ đó đã bị phá đi, nhưng lại làm cho một số khác lần đầu tiên được lộ ra trước mắt người ta. Ví dụ, ngay cạnh cầu xe lửa có một cái sân so với mọi cái sân khác còn bẩn thỉu ghê tởm hơn nhiều, chính vì trước đây nó bị chắn hết tất cả các mặt đến nỗi vào được đấy cũng rất khó khăn; nếu không có chỗ hổng, do xây dựng cầu xe lửa tạo nên, thì chính tôi cũng chẳng bao giờ phát hiện ra nó, mặc dù tôi tưởng mình đã biết khu ấy kỹ lắm. Dọc theo bờ sông lồi lõm, đi ngang qua những cọc và dây phơi quần áo, sẽ vào một đám hỗn độn những nhà nhỏ lụp xụp, một tầng, đa số chỉ có nền đất, ở đây bếp, buồng ở, buồng ngủ, tất cả đều dồn trong một phòng duy nhất. Trong một cái hốc như vậy, dài chưa đầy sáu phút, rộng chưa đầy năm phút, tôi thấy hai chiếc giường - mà giường với đệm có ra gì! - đặt giữa cầu thang và lò bếp, thế là vừa đủ chật gian phòng. Trong nhiều gian nhà đổ nát khác, tôi thấy *hoàn toàn không có gì cả*, mặc dù cửa mở toang và những người ở đấy đứng cạnh lối ra vào. Trước cửa, chỗ nào cũng có rác rưởi và bùn lầy; bên dưới lớp bùn lầy ấy hình như có con đường lát gì đó, không thể trông thấy được mà chỉ có thể cảm thấy dưới bàn chân đôi chỗ có lát. Bao quanh toàn bộ cái đám chuồng súc vật do người ở đó thì hai mặt là nhà ở và công xưởng, mặt thứ ba là sông. Ngoài cái ngõ cụt chật hẹp trên bờ sông thì chỉ có mỗi một hành lang hẹp dẫn đến một đám nhà chằng chịt khác cũng tồi tệ và bừa bãi như vậy.

Nhưng thế là đủ rồi! Nhà cửa trên suốt bờ sông E-rơ-cơ xây dựng như vậy cả. Đó là những đám nhà hỗn độn không trật tự gì, hoặc
ít hoặc nhiều đều bị hư hỏng; tình hình bẩn thỉu ở trong nhà cũng tương xứng với tình hình nhớp nhúa bên ngoài. Như vậy thì những người sống ở đây làm sao mà sạch sẽ được? Không có điều kiện cần thiết để giải quyết ngay cả những nhu cầu hàng ngày và tự nhiên nhất. Nhà vệ sinh hiếm hoi đến nỗi ngày nào cũng đầy tràn, hoặc là quá xa, nhiều người không thể sử dụng được. Người ta còn tắm rửa làm sao được khi gần đó chỉ có dòng nước bẩn của con sông E-rơ-cơ, còn ống dẫn nước và vòi nước thì chỉ thấy ở những khu "lịch sự" của thành phố thôi! Thật quả là người ta không thể trách những người dân nô lệ của một xã hội hiện đại, nếu nhà của họ không sạch hơn các chuồng lợn ở rải rác ngay giữa các nhà của họ! Bọn chủ nhà không hề biết xấu hổ khi đem cho thuê những chỗ ở như sáu, bảy nhà hầm ở ven phố bờ sông phía dưới cầu Xcốt-len, nền nhà ấy còn thấp hơn hai phút so với mực nước, khi con nước xuống thấp, của sông E-rơ-cơ cách đó không đầy sáu phút; hoặc như tầng gác trên cùng của ngôi nhà ở góc phố trên bờ sông bên kia, sát phía trên cầu, tầng dưới thì hoàn toàn không ở được và không có cửa sổ cũng không có cửa ra vào gì cả! Nhưng những trường hợp như thế cũng không phải là hiếm ở tất cả các nơi ấy, thêm vào đó phải thấy rằng cái tầng dưới trống trải ấy thường được những người ở xung quanh dùng làm cầu tiêu vì chẳng còn chỗ nào khác tốt hơn!

Chúng ta rời sông E-rơ-cơ, để lại len lỏi vào giữa đám dày đặc những nhà cửa của những người lao động ở bên kia đường phố Lông-Min-ghết, ta đến một khu phố có phần mới hơn,

https://thuviensach.vn

chạy dài từ nhà thờ Xanh Mai-clơ đến Uy-ti - Grốp và Sơ-đơ - Hin. Ở đây ít ra cũng còn có trật tự hơn. Ở đây thay cho cái kiến trúc hỗn độn, chúng ta cũng còn thấy ngay đến những đường phố, những ngõ hẻm dài và thẳng hoặc những sân xây dựng theo một quy hoạch nhất định, thường là theo hình tứ giác. Nhưng nếu ở chỗ kia mỗi một nhà đều xây dựng một cách tuỳ tiện, thì ở đây

sự tuỳ tiện ấy biểu hiện trong việc xây dựng từng phố, từng sân mà không hề tính toán đến những sân và những phố xung quanh. Đường phố thì khi chạy về phía này, khi thì chạy về phía kia; cứ đi một quãng là có thể sa vào một ngõ cụt hoặc vấp phải một góc hẻm dẫn trở lại đúng chỗ chúng ta vừa mới đi khỏi, và những ai chưa ở trong cái mê cung ấy một thời gian thì nhất định không biết lối nào mà lần. Tình trạng thoáng khí ở các phố và các sân này, - nếu ở đây nói chung cũng dùng chữ này, - cũng tồi như ở khu sông E-rơ-cơ, nhưng dù sao khu này cũng còn có điểm nào đó hơn khu kia - nhà cửa mới hơn, một số phố có rãnh thoát nước, tuy hiếm - thì ngược lại hầu như ở trong mỗi nhà đều có nhà hầm cho người ở, đều ít thấy ở đây vùng bờ sông E-rơ-cơ, chính là do ở đó nhà cửa cũ kỹ và xây dựng cẩu thả hơn. Về các mặt khác, như bẩn thỉu, những đống rác và đống tro, những vũng nước ở đường phố, thì cả hai khu đều giống nhau; ngoài ra, trong khu phố chúng ta đang nói ở đây, còn có một hiện tượng rất tai hại đến vệ sinh của cư dân, - đó là từng đàn lợn lang thang khắp các ngõ ngách, mõm rúc vào rác rưởi, hoặc bị nhốt trong các chuồng nhỏ dựng trong các sân. Tại đây cũng như ở phần lớn các khu lao động ở Man-se-xtơ, những người hàng thịt thuê các sân để dựng chuồng lợn ở đấy; hầu như trong mỗi sân đều có một hoặc vài góc được ngăn ra như vậy, và cư dân trong sân vứt vào đấy mọi thứ cặn bã, rác rưởi; lợn nhờ đó mà béo lên, còn không khí, vốn ngột ngạt trong các sân bốn phía đều bị chắn, thì bị hoàn toàn ô uế vì các chất của động vật và thảo mộc thối rữa. Người ta đã làm qua khu phố ấy một đường phố rộng rãi, khá lịch sự, đó là phố Min-lơ, và như vậy là đã che giấu được mọi cái ở đằng sau một cách khá thành công, nhưng nếu có người nào đó tò mò đi vào một trong rất nhiều lối đi dẫn vào các sân, thì cứ vài chục bước lại vấp phải cái chuồng lợn ấy, hiểu theo đúng nghĩa của chữ này.

Thành phố Man-se-xtơ cổ là như vậy đấy. Khi đọc lại bài mô tả của mình, tôi phải nhận rằng không những nó không quá đáng mà trái lại còn chưa đủ để người ta hình dung được rõ ràng cảnh bẩn thỉu đổ nát, tối tăm và cách kiến trúc trái ngược với mọi yêu cầu về sạch sẽ, thoáng khí và vệ sinh của một khu vực chứa ít nhất là hai ba vạn người ấy. Và một khu phố như vậy lại tồn tại ngay trong trung tâm của một thành phố hàng thứ hai của Anh, thành phố công xưởng hàng đầu của thế giới! Nếu người ta muốn biết một con người cần không gian ít nhất đến mức nào để có thể cử động khi cần thiết, cần không khí - mà là thứ không khí gì! - ít nhất đến mức nào để có thể đủ thở, cần ít tiện nghi đến mức nào để sinh tồn - thì người ta cứ việc đến Man-se-xtơ sẽ đủ rõ. Thật vậy, đó là thành phố *cũ*, - và đó là lý lẽ mà những người ở đấy thường viện ra khi nghe nói đến tình trạng kinh tởm của cái địa ngục trần gian đó, - nhưng chính điều đó nói lên cái gì? Cần hiểu rằng tất cả làm cho chúng ta ghê tởm và phẫn nộ nhất đều là sản phẩm mới nhất, sản phẩm của *thời đại công nghiệp*. Vài trăm ngôi nhà

https://thuviensach.vn

thuộc thời kỳ Man-se-xtơ cổ đều đã bị những người ở cũ rời bỏ từ lâu, chỉ có công nghiệp là đã dồn đến những ngôi nhà ấy những đám đông người lao động hiện đang ở đấy, chỉ có công nghiệp là đã xây dựng thêm từng xó nhà giữa những căn nhà cũ ấy để kiếm chỗ ở cho những đám đông người đã bị nó thu hút từ các vùng nông nghiệp và từ Ai-rơ-len đến; chỉ có công nghiệp mới cho phép bọn chủ đem các chuồng súc vật ấy cho người thuê làm chỗ ở với giá cắt cổ, lợi dụng sự nghèo khổ của người lao động, huỷ hoại sức khoẻ của hàng nghìn con người để làm giàu riêng cho chúng; chỉ có công nghiệp mới có thể làm cho người lao động vừa mới thoát khỏi chế độ nông nô lại bị sử dụng như một vật vô tri vô giác, như một thứ *đồ dùng*, làm cho họ phải tự giam mình trong một chỗ ở mà mọi người khác đều cho là quá tồi tệ, một chỗ ở mà họ phải trả bằng những đồng tiền do

mồ hôi nước mắt của họ làm ra để được hưởng quyền sử dụng cho đến khi chỗ ở đó sụp đổ hoàn toàn; tất cả những cái ấy chỉ là do công nghiệp gây nên, nền công nghiệp này nếu không có những người lao động đó, không có tình trạng bần cùng và bị nô dịch của họ thì không thể tồn tại được. Đúng là quy hoạch ban đầu của các khu phố ấy rất tồi, từ quy hoạch đó khó mà làm được cái gì tốt đẹp hơn. Nhưng thử hỏi bọn chủ đất đã làm gì, nhà đương cục địa phương đã làm gì để cải thiện nó trong khi tiếp tục xây dựng lại ở đấy? Chẳng làm gì cả; trái lại, chỗ nào còn một xó trống là người ta xây thêm một ngôi nhà, chỗ nào còn một ngõ đi thừa là người ta xây thêm nhà. Giá đất tăng lên cùng với đà phát triển của công nghiệp và giá đất càng tăng thì trên từng mảnh đất người ta càng xây dựng thêm một cách điên cuồng và lộn xộn, chẳng hề quan tâm đến vấn đề sức khoẻ cũng như vấn đề tiện nghi của cư dân, chỉ với ý nghĩ duy nhất là làm sao được nhiều lợi nhuận nhất vì *một túp lều tồi tàn đến đâu cũng vẫn có một anh nghèo xác phải thuê vì không thuê nổi một chỗ tốt hơn*. - Nhưng đó là thành phố cũ, giai cấp tư sản tự thoả mãn như thế; vậy thì chúng ta hãy đi xem *Thành phố mới* (the New town) ra sao.

Thành phố mới, còn gọi là thành phố Ai-rơ-len (the Irish town), nằm ở bên kia thành phố cũ, trên một ngọn đồi đất sét, ở giữa sông E-rơ-cơ và đường Xanh Gioóc-giơ. Ở đây không còn gì có vẻ thành thị cả. Trên mặt đất sét trơ trụi, không có một ngọn cỏ, nổi lên một cách hỗn độn, những dãy nhà hoặc những đường phố lắt léo, quanh co riêng biệt như những thôn xóm nhỏ. Nhà cửa, đúng hơn là những cốt-ta-giơ, đều hư hỏng, không bao giờ được sửa chữa, bẩn thỉu, có những căn nhà hầm để ở, ẩm thấp, nhớp nhúa. Đường phố không lát gì, cũng không có cống rãnh; nhưng ngược lại, nhiều đàn lợn hoặc nhốt trong các sân nhỏ, hay trong chuồng, hoặc tự do lang thang trên sườn đồi. Đường sá ở đây bùn

lầy đến nỗi khi trời thật khô ráo mới có thể đi qua mà không ngập bùn đến mắt cá. Ở gần đường Xanh-Gioóc-giơ, những nhóm nhà riêng biệt ở gần nhau hơn và bắt đầu một loạt liên tục những đường phố nhỏ, ngõ cụt, và sân, càng đến gần trung tâm thành phố thì càng chật chội và càng mất trật tự. Thật ra thì ở đây thường thấy những đường phố có lát, hoặc ít ra là có vỉa hè lát và rãnh thoát nước; nhưng tình trạng nhớp nhúa và tồi tệ của nhà ở, nhất là các nhà hầm thì vẫn như vậy.

https://thuviensach.vn

Cũng nên nêu ra ở đây mấy nhận xét chung về kiểu quy hoạch thông thường của các khu phố lao động ở Man-se-xtơ. Chúng ta đã thấy ở thành phố cũ, nhà cửa phần lớn được sắp xếp một cách thuần tuý ngẫu nhiên. Khi xây dựng mỗi ngôi nhà người ta không nghĩ đến các nhà khác, và những khoảng trống xiên xẹo ở giữa các ngôi nhà vì không biết gọi bằng tên nào khác nên được gọi là sân (court). Trong những phần tương đối mới của khu ấy và trong những khu lao động khác được xây dựng vào những năm đầu phồn vinh của công nghiệp, chúng ta thấy nhà cửa sắp xếp có kế hoạch hơn. Khoảng trống ở giữa hai đường phố được phân chia thành những sân khá đều đặn và thường là hình tứ giác.

Các sân này ngay từ đầu đã được xây dựng như trong bản vẽ và từ đường phố đi vào đó có những lối vào lợp kín. Nếu cách sắp xếp nhà cửa không theo kế hoạch nào, rất có hại cho sức khoẻ

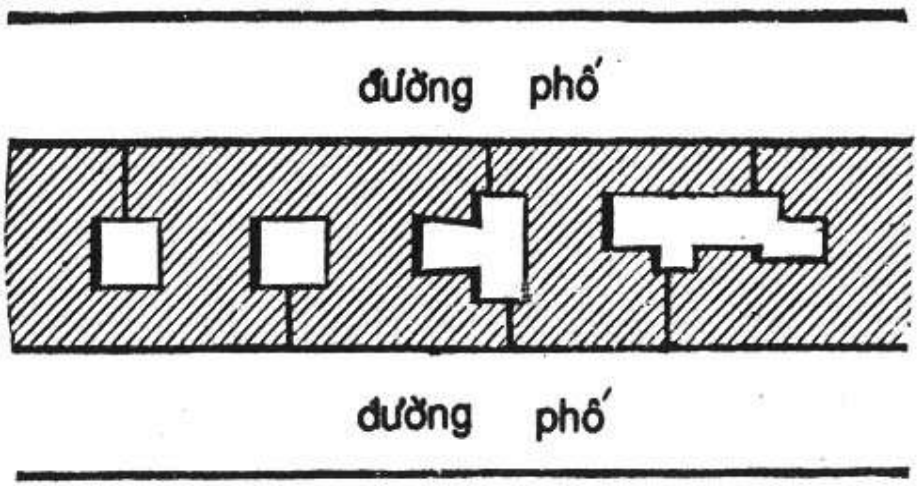

của dân cư vì không thoáng khí thì cái cách nhốt những người lao động trong các sân bốn bề nhà cửa vây kín này lại còn tai hại hơn nhiều. Ở đây, không khí hoàn toàn không thể lưu thông thoát ra ngoài: các ống khói của chính các ngôi nhà trong khi đốt lò, là đường thoát duy nhất cho không khí u uất trong sân[79]1). Ngoài ra, các nhà trong sân thường xây thành hai dãy, hai nhà chung một tường sau, chỉ điều ấy cũng đủ cản trở mọi sự thông gió tốt. Và vì cảnh sát đường phố không hề quan tâm đến tình hình các sân đó, vì mọi cái trong nhà vứt ra đều nằm nguyên một chỗ, cho nên cũng không nên lạ gì về cảnh bẩn

https://thuviensach.vn

thỉu, về những đống tro than, rác rưởi thấy ở đó. Tôi đã vào hẳn trong các sân - dọc theo phố Min-lơ - các sân này so với phố chính thấp hơn ít ra là nửa phút và không có một đường thoát nào cho nước đọng ở đây khi trời mưa!

Về sau người ta bắt đầu xây dựng nhà cửa theo một kiểu khác, kiểu này đến nay đã được thông dụng. Hiện nay các cốt-ta-giơ của người lao động hầu như không bao giờ xây riêng rẽ nữa, mà thường là xây hàng chục hoặc có khi hàng trăm; một nhà kinh doanh xây một lúc một hoặc hai - ba dãy phố, sắp xếp nhau như sau: dãy đằng trước là những cốt-ta-giơ thượng hạng, những nhà này rất may mắn có một cửa sau và một sân nhỏ, và vì thế giá thuê cũng đắt nhất. Sân của những nhà ấy thông ra ngõ sau (back-street), hai đầu ngõ bị xây chắn, có một lối đi hẹp hoặc một đường lợp kín để vào đó. Những nhà trông ra ngõ ấy trả giá thuê rẻ nhất và cũng là những nhà ít được săn sóc nhất. Tường sau những nhà này chung với dãy nhà thứ ba là dãy quay mặt ra đường phố bên kia, dãy thứ ba trả giá thuê rẻ hơn dãy thứ nhất nhưng đắt hơn

dãy giữa. Như vậy, cách bố trí các phố gần giống như bản vẽ dưới đây:

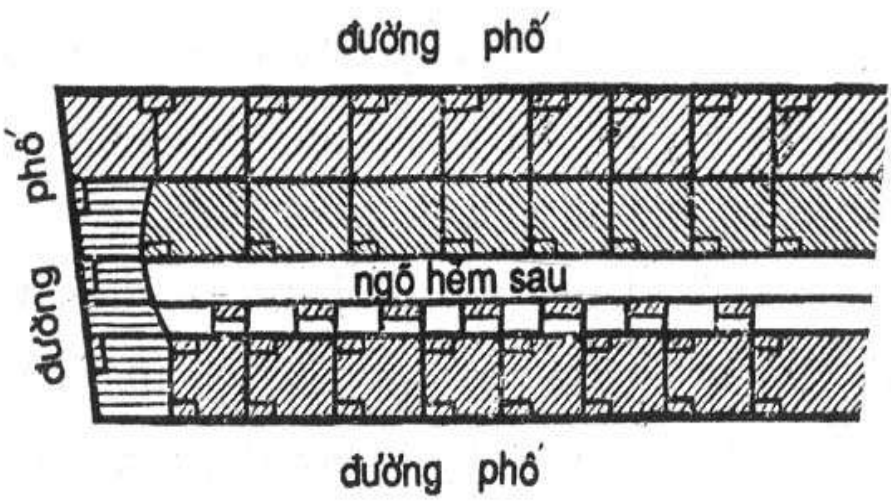

Kiểu xây dựng nhà cửa và phố xá như thế này, thật ra, có đảm bảo cho dãy nhà thứ nhất thông gió khá tốt, còn ở dãy thứ ba, thông gió ít ra cũng không kém các nhà tương tự trong kiểu kiến trúc trước; nhưng ngược lại, dãy giữa cũng bí hơi như những cốt-ta-giơ trong các sân, và ngõ sau cũng bẩn thỉu, và khó coi không kém gì sân. Các nhà kinh doanh thích kiểu xây dựng này hơn bởi vì nó vừa tiết kiệm diện tích, vừa cho phép bóc lột nhiều hơn những người lao động có lương khá, nhờ giá cho thuê cao hơn ở dãy thứ nhất và dãy thứ ba.

Ba kiểu xây dựng cốt-ta-giơ này thấy ở khắp Man-se-xtơ, thậm chí ở khắp Lan-kê-sia và Y-oóc-sia nữa, nhiều khi xen lẫn nhau, nhưng thường là riêng biệt nhau để có thể chỉ căn cứ vào đặc trưng đó mà nhận ra được niên đại của khu này hay khu khác trong thành phố. Kiểu

https://thuviensach.vn

thứ ba, tức là kiểu có ngõ sau, chiếm ưu thế tuyệt đối trong khu lao động rộng lớn ở phía đông đường Xanh- Giooc-giơ, ở hai bên đường Ôn-đêm và phố Grít An-cốt-xơ, và đó cũng là kiểu thường thấy nhất ở các khu lao động khác ở Man-se-xtơ và ngoại ô.

Đa số các công xưởng lớn nhất ở Man-se-xtơ nằm ở trong khu lao động rộng lớn vừa nói trên, gọi là An-cốt-xơ, dọc theo bờ các kênh đào; đó là những ngôi nhà đồ sộ sáu bảy tầng, với những

ống khói cao vút nổi lên trên những cốt-ta-giơ thấp của những người lao động. Bởi thế cư dân trong khu chủ yếu là công nhân công xưởng, còn trong những phố tồi tệ nhất, là thợ dệt thủ công. Những phố ở sát trung tâm thành phố là những phố cổ nhất, và chính vì vậy mà cũng là những phố tồi tàn nhất; tuy nhiên các đường phố đều được lát và có rãnh thoát nước; tôi tính gộp vào đấy những phố ở gần các phố ấy nhất và song song với đường Ôn-đêm và phố Grít An-cốt-xơ. Xa hơn, về phía đông- bắc, thấy nhiều phố mới xây dựng; ở đó các cốt-ta-giơ trông có vẻ hấp dẫn và sạch sẽ, cửa ra vào và cửa sổ đều mới và nước sơn còn tươi, bên trong các phòng cũng quét vôi sạch sẽ; phố xá cũng thoáng khí hơn; khoảng trống giữa các nhà cũng rộng hơn và thường thấy nhiều hơn. Nhưng chỉ có một số ít nhà là được như vậy. Cũng phải nói thêm rằng hầu hết mọi nhà đều có nhà hầm để ở, nhiều đường phố không lát và không có rãnh thoát nước, và trước hết, cái vẻ gọn gàng đó chỉ là bề ngoài, cái bề ngoài này chỉ độ mươi năm là sẽ mất hẳn. Bởi vì chính cách xây dựng nhà cửa cũng không hơn gì cách xây dựng phố xá. Các nhà đó mới nhìn qua đều có vẻ dễ chịu và chắc chắn; tường gạch đồ sộ trông đến thích mắt; nếu đi dọc theo các khu phố lao động *mới xây dựng* mà không nhìn vào các ngõ đằng sau và không chú ý xem xét kỹ cách kiến trúc của từng nhà, thì có thể đồng ý với nhận định của các ngài chủ xưởng phái tự do cho rằng không ở đâu người lao động lại được ở nhà tốt bằng ở Anh. Nhưng khi nhìn kỹ hơn, sẽ thấy tường các cốt-ta-giơ ấy hết sức mỏng manh. Nhưng tường ngoài của tầng nhà hầm phải chống đỡ cả sức nặng của tầng chính và mái nhà, mà xây nhiều nhất chỉ dày bằng chiều dài một viên gạch, tức là xếp gạch theo từng hàng ngang viên này tiếp viên kia tường dày bằng chiều dài viên gạch (
) ; nhưng tôi còn thấy nhiều cốt-ta-giơ cũng cao như vậy - một số còn đang xây dở - tường ngoài chỉ dày bằng nửa viên gạch, vì gạch xếp không theo chiều ngang mà theo chiều dọc, đầu viên nọ nối đầu viên kia,

tường dày bằng mặt ngang viên gạch ( ) . Sở dĩ như vậy, một phần là để tiết kiệm vật liệu, nhưng một phần cũng vì nhà kinh doanh xây nhà không phải là chủ đất mà chỉ là những người, theo phong tục Anh, thuê đất trong hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hoặc chín mươi năm; hết hạn đó thì đất đai và tất cả mọi cái xây dựng trên mặt đất đều thuộc về chủ đất, không có bồi thường gì cả. Vì vậy, người thuê đất cố tính toán xây dựng sao cho hết hạn thuê đất thì nhà cửa trên đó sẽ không còn đáng giá bao nhiêu, và vì các cốt-ta-giơ ấy thường chỉ xây dựng hai ba chục năm trước khi hết hạn thuê, nên chúng ta cũng có thể hiểu tại sao chủ xây nhà không muốn bỏ tiền nhiều để xây dựng. Ngoài ra, bọn này phần nhiều là chủ hãng xây dựng hoặc chủ xưởng, chúng chi phí rất ít hoặc không chi phí gì cho việc sửa

https://thuviensach.vn

chữa, một phần vì không muốn giảm bớt thu nhập của mình, một phần vì hạn thuê đất ngắn; trong thời gian khủng hoảng thương nghiệp, khi rất nhiều công nhân thất nghiệp, thường có hàng dãy phố bỏ không, do đó nhà cửa rất chóng đổ nát và không ở được. Người ta đã tính rằng nói chung nhà của người lao động trung bình chỉ ở được bốn mươi năm. Điều đó có vẻ khá kỳ quặc khi nhìn thấy những bức tường đồ sộ đẹp đẽ của những cốt-ta-giơ mới xây, hứa hẹn có thể tồn tại qua nhiều thế kỷ, nhưng sự thật là như thế: sự keo kiệt ngay từ lúc xây dựng, tình hình thiếu sửa chữa, nhà ở thường bỏ không, người ở luôn thay đổi; và sau hết là tình trạng người ở - phần nhiều là người Ai-rơ-len - phá hoại trong khoảng chục năm trước khi hết hạn thuê đất, họ thường hay cạy những mảnh gỗ trong nhà để đốt lò, tất cả những cái đó đã làm cho nhà cửa độ sau bốn mươi năm là đổ nát hết. Vì thế nên khu An-cốt-xơ, mới xây trong thời kỳ công nghiệp phồn vinh và chủ yếu là trong thế kỷ này, mà cũng có nhiều nhà cửa cũ kỹ, đổ nát, và phần lớn, nhà cửa thậm chí bây giờ đã đến giai đoạn cuối cùng có thể ở được. Tôi không muốn nói đến vấn đề là có bao nhiêu vốn đã bị lãng phí như vậy, vấn đề chỉ bỏ thêm chút ít vào việc xây dựng
và việc sửa chữa về sau là có thể giữ cho cả khu phố ấy sạch sẽ lịch sự và ở được trong nhiều năm. Ở đây tôi chỉ muốn nói đến tình hình nhà cửa và điều kiện ăn ở của cư dân và về vấn đề này, phải nói rằng không có chế độ nào làm bại hoại cơ thể và tinh thần người lao động hơn là chế độ này. Người lao động bắt buộc phải ở trong những gian nhà tồi tàn như thế, vì họ không có tiền thuê những nhà tốt hơn, hoặc vì không có nhà tốt hơn ở gần công xưởng họ làm việc, có khi cũng vì những cốt-ta-giơ ấy là của chủ xưởng, có ở thì mới có việc làm. Tất nhiên cái thời hạn bốn mươi năm ấy không phải là quy tắc cố định; nếu nhà cửa ở một khu phố đông đúc của thành phố, thậm chí có phải trả tiền thuê đất cao, vẫn luôn luôn có thể hy vọng tìm được người thuê nhà, nên các chủ nhà cũng sửa chữa đôi chút để giữ cho các nhà ấy phần nào còn ở được trong một thời gian dài hơn; nhưng chắc chắn họ cũng chỉ làm những cái tối cần thiết, và những căn nhà đã được sửa chữa lại đó nằm trong số những nhà tồi tệ nhất. Thỉnh thoảng, khi bệnh dịch đe doạ, thì lương tâm thường khi vẫn ngủ yên của cảnh sát vệ sinh bỗng nhiên thức tỉnh, thế là họ tổ chức kiểm tra đột kích các khu lao động, bắt đóng cửa hàng dãy nhà hầm và cốt-ta-giơ không còn ở được, như đã xảy ra trong nhiều ngõ gần đường Ôn-đêm; nhưng chẳng được bao lâu, các nhà bị cấm đó lại có người đến ở ngay; bọn chủ nhà tìm được người thuê mới, thậm chí còn được lợi nữa, vì người ta thừa biết rằng cảnh sát vệ sinh còn lâu mới trở lại đây!

Vùng ven phía đông và đông-bắc Man-se-xtơ là nơi duy nhất không có nhà ở của giai cấp tư sản; vì ở đây gió tây và gió tây-nam thổi suốt 10-11 tháng trong một năm, luôn luôn dồn khói của tất cả các nhà máy về phía đó (mà khói này thực không phải là ít!). Thứ khói ấy chỉ để cho người lao động thở mà thôi!

Phía nam phố Grít An-cốt-xơ là một khu lao động lớn đã xây dựng được một nửa, đó là một khu đất đồi trơ trụi, trên đó có hàng dãy nhà hoặc những khối nhà hình tứ giác riêng biệt, phân

https://thuviensach.vn

bổ lộn xộn. Giữa các dãy là những khoảng đất trống, gồ ghề, toàn đất sét, không có cỏ, cho nên khi trời mưa rất khó đi. Nhà cửa đều bẩn thỉu, tồi tàn, thường xây dựng trong chỗ đất trũng sâu và nói chung rất giống thành phố mới. Ở khu vực có đường xe lửa Bớc-minh-hêm chạy qua, nhà cửa xây dựng chen chúc nhất và do đó cũng tồi tệ nhất. Song Mết-lốc ngoằn ngoèo chảy qua đây theo một cái thung lũng mà nhiều chỗ không hơn gì thung lũng sông E-rơ-en. Dọc hai bên bờ của một con sông cũng đen ngòm, tù hãm và hôi thối, từ chỗ sông bắt đầu vào thành phố đến chỗ hợp dòng với sông E-rơ-en, là một dải rộng gồm những công xưởng và nhà công nhân; những nhà này hết sức tồi tàn. Bờ sông ở đây thường dốc và nhà cửa xây đến sát mặt nước, y như chúng ta đã thấy ở bờ sông E-rơ-cơ; tình hình nhà cửa phố xá cũng tồi tàn như nhau, dù là ở phía Man-se-xtơ hay phía Ác-uých, Troóc-tơn và Huyn-mơ. Nhưng chỗ ghê tởm nhất - nếu tôi tả tỉ mỉ từng chỗ riêng lẻ thì sẽ không bao giờ nói hết được - là ở bờ phía Man-se-xtơ, ngay ở phía tây-nam đường Ốc-xpho gọi là Ai-rơ-len nhỏ (Little Ireland). Trong một lòng chảo khá sâu được một khuỷu sông Mết-lốc thắt lại và những công xưởng cao, những mô đất cao và bờ sông xây đầy nhà bao bọc bốn phía, có độ chừng hai trăm nóc nhà xếp thành hai khóm, phần nhiều là hai nhà có chung một mái; tổng cộng gần 4 000 người sống ở đấy, hầu hết là người A-rơ-len. Nhà cửa đều cũ kỹ bẩn thỉu và vào loại nhỏ nhất; đường phố gồ ghề, lồi lõm, phần nhiều không lát và không có rãnh thoát nước. Chỗ nào cũng có hàng đống rác rưởi, cặn bã và bùn lầy bẩn ghê tởm nổi lên giữa những vũng nước tù, làm cho bầu không khí vốn đã u uất khó thở vì khói của hàng tá ống khói nhà máy, lại sặc mùi hôi thối bốc lên từ những đống ấy. Đàn bà, trẻ con rách rưới đi đi lại lại khắp nơi, cũng bẩn thỉu không kém những con lợn lăn mình trên các đống rác và trong các vũng bùn. Tóm lại, khu này phơi bày một cảnh tượng cũng khó coi, cũng ghê tởm chẳng kém những sân tồi tệ nhất trên bờ sông E-rơ-cơ. Những

người sống trong các cốt-ta-giơ sắp đổ nát ấy, đằng sau những cửa sổ vỡ kính, che vải sơn dầu, đằng sau những cửa ra vào gãy vỡ với khung mục nát, hoặc trong những nhà hầm ẩm thấp tối tăm, giữa cảnh nhơ nhớp thối tha ngoài sức tưởng tượng ấy, trong bầu không khí hình như cố ý bị đầu độc ấy, những con người này thực tế không thể không rớt xuống bậc thấp kém của loài người - bất cứ người nào dù chỉ mới nhìn bề ngoài của khu vực ấy cũng đều có cảm tưởng và kết luận như thế. Nhưng người đó sẽ nói gì khi biết rằng mỗi túp nhà như vậy, với nhiều lắm là hai căn phòng, một góc chứa đồ, đôi khi thêm một nhà hầm, chứa trung bình đến hai mươi người, khi biết rằng ở khu ấy cứ chừng 120 người mới có một hố xí - dĩ nhiên là hố xí đó hầu như chẳng bao giờ sử dụng được; khi biết rằng mặc dầu các y sĩ tuyên truyền thế nào, mặc dầu khi có nạn dịch tả, cảnh sát vệ sinh đã báo động về tình trạng của khu Ai-rơ-len nhỏ, ngày nay vào năm 1844, khu này vẫn y nguyên như hồi năm 1831? - Bác sĩ Cây kể lại[80]1) rằng không những các nhà hầm mà cả các tầng một của tất cả các nhà trong khu ấy đều ẩm thấp; rằng trước kia một số lớn các nhà hầm đã phải lấy đất lấp đi, nhưng hiện nay lại được đào ra dần dần và có người Ai-rơ-len ở, rằng trong một nhà hầm,

https://thuviensach.vn

mặt nền thấp hơn mực nước sông, nên nước luôn luôn rỉ vào từ một cái lỗ đã bít lại bằng đất sét, đến nỗi người ở nhà ấy, một người thợ dệt thủ công sáng nào cũng phải tát nước trong hầm ra ngoài đường!

Xuống phía dưới một tý, trên tả ngạn sông Mết-lốc, là Huyn-mơ, thực ra chỉ là một khu phố lao động lớn, mà tình hình cơ hồ giống hệt khu An-cốt-xơ. Chỗ nào xây dựng chen chúc thì nhà cửa đều tồi tàn và sắp đổ nát, còn chỗ nào người ở thưa thớt, thì nhà cửa mới hơn và thoáng hơn, nhưng phần lớn là ngập trong bùn. Nơi nào nhà cửa cũng ẩm thấp, nơi nào cũng có nhà hầm cho người

ở và ngõ sau. Ngay trong thành phố Man-se-xtơ ở bên kia bờ sông Mết-lốc, có một khu lao động lớn thứ hai, khu này nằm dọc hai bên Đin-xghết đến tận khu buôn bán nhiều chỗ không kém gì thành phố cũ. Nhất là ngay sát khu buôn bán, giữa thành phố Brít-gơ và phố Cây, giữa phố Prin-xét và phố Pi-tơ, tình trạng nhà cửa chen chúc nhiều chỗ còn hơn cả ở những sân chật chội nhất của thành phố cũ. Ở đây có những ngõ dài và hẹp, những sân và lối đi chật hẹp gấp khúc, đường ra lối vào hỗn độn đến nỗi, nếu không quen thuộc từng sân, từng lối đi trong cái mê cung ấy thì chốc chốc chúng ta lại vấp phải một ngõ cụt hoặc là chẳng biết đường nào mà lần. Theo lời bác sĩ Cây thì những khu chật hẹp, bẩn thỉu và đổ nát ấy là chỗ ở của tầng lớp đồi truỵ nhất của cư dân Man-se-xtơ mà nghề nghiệp là trộm cắp hoặc làm đĩ, rõ ràng là lời nói ấy đến bây giờ vẫn còn đúng. Năm 1831, khi cảnh sát vệ sinh đến đây kiểm tra, họ thấy rằng ở đây nhớp nhúa không kém gì ở bờ sông E-rơ-cơ hoặc ở khu Ai-rơ-len nhỏ (tôi có thể chứng minh rằng ngày nay cũng chẳng hơn gì mấy; và thêm vào đó là ở phố Pác-lơ-men cứ ba trăm tám mươi người mới có một hố xí, và trong ngõ Pác-lơ-men thì cứ ba mươi nhà chật ních người ở mới có một hố.

Vượt qua sông E-ru-en, chúng ta thấy, trên một bán đảo do con sông này tạo nên, thành phố Xôn-phoóc với tám vạn cư dân; thực ra đó là một khu lao động lớn, có độc một đường phố rộng xuyên qua. Ngày xưa Xôn-phoóc quan trọng hơn Man-se-xtơ, đã từng là trung tâm của toàn vùng xung quanh (Salford Hundred) đến ngày nay vẫn còn mang tên ấy. Vì thế ở đây còn có một khu khá lâu đời, và do đó ngày nay là một khu rất thiếu vệ sinh, bẩn thỉu và đổ nát, ở ngay trước mặt nhà thờ cũ của Man-se-xtơ và cũng tồi tàn như thành phố cũ phía bờ bên kia sông E-ru-en. Xa sông hơn một chút là một khu mới hơn, nhưng cũng đã quá bốn chục năm nên cũng khá đổ nát. Toàn bộ thành phố là những sân và ngõ chật chội, hẹp đến nỗi làm tôi nhớ đến những phố hẹp

nhất mà tôi đã có dịp nhìn thấy - đó là những phố nhỏ chật chội ở Giê-nơ. Về phương pháp xây dựng cũng như về mặt vệ sinh, nói chung Xôn-phoóc còn tệ hơn Man-se-xtơ nhiều. Ở Man-se-xtơ cảnh sát còn quá bộ phong những nhà đổ nát nhất, bắt quét dọn những ngóc ngách bẩn thỉu nhất của cái chuồng ngựa Ô-gi-át ấy, còn ở Xôn-phoóc thì hình như chưa bao giờ họ làm như vậy. Những ngõ hẹp ở bên cạnh và những sân ở dọc phố Sê-pơn, ở Grin-ghết và Gra-ven-Lên từ khi xây dựng đến nay chắc chưa hề được quét dọn lần nào. Ngày nay đường xe lửa Li-vớc-pun chạy qua các phố ấy trên một chiếc cầu cao, đã làm mất đi một số

https://thuviensach.vn

xó xỉnh bẩn thỉu nhất, nhưng liệu có nhờ đó mà khá lên không? Khi đi dọc theo cầu cao ấy, từ trên cầu nhìn xuống, người ta vẫn còn thấy cảnh tượng khá nhớp nhúa, nghèo nàn và nếu người ta chịu khó dạo một vòng trong các ngõ ấy và ghé mắt nhìn vào các nhà và các hầm qua các cửa sổ và cửa ra vào mở toang thì rất dễ nhận thấy rằng những người lao động Xôn-phoóc sống ở những nơi không thể nào nói đến sạch sẽ và tiện nghi được. Ở khu vực xa hơn của Xôn-phoóc , ở Ai-xlinh-tơn, dọc đường Ri-giân và sau đường xe lửa Bôn-tơn, cảnh tượng cũng như vậy. Nhà cửa của người lao động giữa Ôn-đphin- Rốt và Crốt-Lên ở hai bên phố Hê-pơ có vô số ngõ và sân vào loại tồi tệ nhất cũng bẩn thỉu và chật chội không kém gì thành phố Man-se-xtơ cũ. Ở nơi này tôi đã thấy một người tuổi trạc sáu mươi sống trong một ngăn chuồng bò; trong cái hộp hình tứ giác ấy không có cửa sổ, không sàn, và thậm chí không lát đá, ông ta đã làm một cái giống như lò sưởi, đặt một chiếc giường và sống ở đó, mặc dù hễ mưa là nước dột qua cái mái tồi tàn ruỗng nát. Ông ta quá già và quá yếu để làm một công việc thường xuyên, đã kiếm ăn bằng cách dùng xe cút-kít chở thuê phân hoặc những thứ tương tự: hố chứa phân ở sát ngay ngăn chuồng bò ông ta ở.

Các khu lao động ở Man-se-xtơ mà tôi đã có dịp tự mình quan sát trong hai mươi tháng trời là thế đấy. Nếu khái quát kết quả cuộc du lịch của chúng tôi qua các nơi ấy, thì phải nói rằng hầu hết 35 vạn người lao động ở Man-se-xtơ và các vùng phụ cận đều sống trong những cốt-ta-giơ tồi tàn, ẩm thấp và bẩn thỉu, còn những phố có những căn nhà đó phần nhiều đều trong tình trạng tồi tệ nhất và bừa bãi nhất, khi xây dựng những phố ấy, người ta không hề chú ý đến vấn đề thông gió mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận của chủ nhà thôi; nói tóm lại, trong những căn nhà của người lao động ở Man-se-xtơ, không thể giữ gìn sạch sẽ, cũng không thể giữ được thứ tiện nghi nào, do đó không thể nào có được sự ấm cúng gia đình; trong các căn nhà ấy chỉ có những hạng người thoái hoá, suy đồi về thể xác, mất hết tính người, về trí tuệ và đạo đức đã sa đoạ thành súc vật, mới có thể cảm thấy dễ chịu và ấm cúng. Và không phải chỉ một mình tôi khẳng định như vậy: chúng ta đã thấy bác sĩ Cây cũng mô tả như thế, và tôi còn dẫn chứng thêm những lời nói của một người thuộc Đảng tự do, một nhân vật có uy tín được các chủ xưởng công nhận và kính trọng, một kẻ thù mù quáng của mọi phong trào công nhân độc lập, đó là ông Xê-ni-o[81]1):

"Khi tôi quan sát nhà ở của công nhân công xưởng trong thành phố Ai-rơ-len, An-cốt-xơ và Ai-rơ-len nhỏ, tôi chỉ ngạc nhiên một điều là sống trong những căn nhà như vậy mà người ta còn có thể giữ được mức sức khoẻ tương đối. Khi xây dựng những thành phố ấy - đứng về diện tích và dân số mà nói, đó là những thành phố thực sự - người ta không hề quan tâm đến bất cứ một cái gì khác ngoài lợi ích trực tiếp của bọn chủ thầu đầu cơ xây dựng. Chủ hãng mộc và chủ hãng xây dựng mua chung" (tức là thuê trong một số năm nhất định) "mấy lô đất và dựng trên đó những cái mà người ta gọi là nhà. Có chỗ chúng tôi đã thấy cả một dãy phố chạy

https://thuviensach.vn

dọc theo một cái hào quanh co được sử dụng làm tầng nhà hầm khá sâu không phải tốn tiền đào đất, hơn nữa nhà hầm này không phải dùng làm chỗ chứa đồ, hoặc kho tàng, mà là để cho người *ở. Không một nhà nào trong phố ấy thoát khỏi bệnh dịch tả*. Và thông thường thì những đường phố trong các vùng phụ cận ấy đều không lát, giữa đường là từng đống phân và từng vũng nước, nhà cửa thì dính lưng vào nhau, chẳng có thiết bị thông gió và thoát nước gì cả, và cả một gia đình bị nhốt vào một xó nhà hầm hoặc một xó gác sát mái".

Trên kia tôi đã nói đến tính tích cực phi thường của cảnh sát vệ sinh ở Man-se-xtơ trong thời gian dịch tả. Khi bệnh dịch ấy tràn dần đến, thì toàn thể giai cấp tư sản trong thành phố đều hoảng hốt. Người ta sực nhớ đến những căn nhà ở thiếu vệ sinh của người nghèo và họ run sợ nghĩ rằng mỗi khu nhà ổ chuột ấy sẽ trở thành một lò truyền nhiễm, bệnh dịch có thể từ đó mà truyền đi và hoành hành khắp nơi, lọt vào trong những toà nhà của giai cấp có của. Lập tức, họ thành lập một tiểu ban vệ sinh để điều tra và báo cáo tường tận với hội đồng thành phố về tình hình các khu ấy. Bác sĩ Cây chính là một uỷ viên trong tiểu ban ấy, đã chuyên đi kiểm tra từng khu cảnh sát, trừ khu mười một, và đã trích mấy đoạn trong báo cáo ấy. Tất cả có 6 951 nhà được kiểm tra - tất nhiên chỉ ở *chính* Man-se-xtơ, không kể Xôn-phoóc và các vùng phụ cận khác; trong số đó có 2 565 nhà cấp thiết phải quét vôi ngay bên trong, 960 nhà không thực hiện kịp thời việc tu bổ cần thiết (were out of repair), xung quanh 939 nhà không đủ cống rãnh tốt, 1 435 nhà ẩm thấp, 452 nhà thông gió kém, 2221 nhà không có chuồng xí. Trong số 687 phố được kiểm tra, 248 phố không lát, 53 phố chỉ lát từng đoạn, 112 phố nát, v.v.. Tất nhiên là không thể dễ gì mà dọn sạch những cái chuồng ngựa Ô-gi-át ấy trước khi bệnh dịch tả tràn đến. Vì vậy người ta chỉ quét dọn một vài xó tồi tệ nhất, còn những chỗ khác thì đâu vẫn nguyên đấy; dĩ nhiên là những nơi đã được quét dọn đó, chỉ vài tháng sau lại bẩn như cũ, như khu Ai-rơ-len nhỏ chẳng hạn. Về tình hình bên trong những nhà ấy, tiểu ban ấy đã báo cáo

những điều y hệt như ta đã nghe thấy về Luân Đôn, Ê-đin-bớc và các thành phố khác:

"Thường là cả một gia đình Ai-rơ-len nằm chen chúc trên một cái giường; nhiều khi một đống rơm bẩn và chăn giải giường bằng bao tải cũ, dùng làm chỗ nằm chung cho cả gia đình; và mọi người đều truỵ lạc như nhau vì nghèo khổ, đần độn và phóng đãng. Nhiều khi các uỷ viên kiểm tra đã thấy hai gia đình ở chung một căn nhà có hai phòng, một phòng dùng làm buồng ngủ cho tất cả, phòng kia dùng làm bếp và nhà ăn chung; thậm chí nhiều khi đến mấy gia đình sống trong một gian nhà hầm ẩm ướt; trong bầu không khí hôi thối của gian hầm đó, từ mười hai tới mười sáu người ở chen chúc; ngoài những nguồn bệnh truyền nhiễm như thế còn có tình trạng người ta nuôi lợn cả ở đấy, và bằng nhiều cách khác đã gây ra sự bẩn thỉu kinh tởm nhất"[82 1)].

Phải nói thêm là nhiều gia đình dù chỉ có một phòng cũng nhận người ở nhờ hay người ngủ trọ để kiếm thêm tiền; nhiều khi thậm chí khách trọ nam lẫn nữ lại ngủ chung một giường với cả gia đình nhà chủ và, như "Báo cáo về tình hình vệ sinh của giai cấp công nhân" đã nhận thấy, ở Man-se-xtơ ít nhất có sáu trường hợp người chồng ngủ chung một giường với vợ và em gái vợ đã lớn tuổi. Các nhà trọ ở đây cũng rất nhiều. Năm 1831 bác sĩ

https://thuviensach.vn

Cây đã tính là có 267 nhà trọ như vậy ở chính Man-se-xtơ, và từ đó trở đi con số chắc phải tăng lên nhiều rồi. Mỗi nhà trọ chứa được hai, ba chục khách, như vậy là mỗi đêm, những nhà trọ ấy chứa từ năm nghìn đến bảy nghìn người. Tính chất những nhà trọ ấy và những khách trọ thường xuyên của chúng cũng giống như ở các thành phố khác. Trong mỗi phòng, không có chiếc giường nào, chỉ có từ năm đến bảy cái đệm trải ngay trên mặt đất, và có bao nhiêu người trọ là nhét vào đó tuốt và tất cả nằm chung chạ với nhau. Chả cần phải nói các hoàn cảnh vật chất và tinh thần đã ngự trị ở các ổ tội lỗi ấy như thế nào. Mỗi một nhà ấy là một lò tội ác, một nơi diễn ra những hành vi ghê người, những hành vi có thể là không bao giờ xảy ra nếu không có sự tập trung

bắt buộc của các thứ tội ác ấy. -Ga-xken[83]1) đã tính là ở chính Man-se-xtơ có đến hai vạn người ở nhà hầm. Như tạp chí "Weekly Dispatch" công bố "theo những báo cáo chính thức" thì có đến 12% tổng số người lao động sống trong các nhà hầm; con số đó phù hợp với con số của Ga-xken: tổng số người lao động là 175 000 người, 12 phần trăm là 21 000 người. Ở các vùng phụ cận Man-se-xtơ, những nhà hầm có người *ở ít ra* cũng nhiều bằng ở Man-se-xtơ và vì vậy số người ở nhà hầm trên toàn bộ Man-se-xtơ, gồm cả các vùng phụ cận có từ 4 đến 5 vạn. Đấy, nhà ở của người lao động ở các thành phố lớn là như vậy. Cách giải quyết nhu cầu về nhà ở có thể dùng làm thước đo cách giải quyết các nhu cầu khác của người lao động. Người ta rất dễ giả định rằng chỉ có những con người rách rưới, đói khát mới có thể ở trong những cái hang bẩn thỉu đó. Và quả thực là như vậy. Tuyệt đại đa số

người lao động đều ăn mặc hết sức tồi tệ. Ngay vải dùng để mặc cũng đã không thích hợp; vải lanh và len dạ hầu như cả nam lẫn nữ đều hoàn toàn không có, mà chỉ có vải sợi bông. Áo sơ-mi thường là vải trắng hoặc vải hoa sặc sỡ, quần áo phụ nữ thì thường may bằng vải in hoa, trên dây phơi ít khi thấy váy bằng len dạ. Đàn ông thường dùng quần bằng nhung sợi bông hoặc bằng loại vải sợi bông dày khác, áo khoác ngoài và áo vét cũng vậy. Nhưng sợi bông (fustian) thậm chí đã trở thành một từ đồng nghĩa để chỉ quần áo của người lao động: người ta gọi người lao động và thậm chí họ cũng tự gọi là fustian-jackets[84]1* để phân biệt với các ngài mặc len dạ (broad-cloth), từ thứ hai lại cũng dùng để chỉ người tư sản. Khi Phéc-giuýt Ô cô-no, lãnh tụ của phái Hiến chương đến Man-se-xtơ trong cuộc khởi nghĩa năm 1842, ông đã xuất hiện với bộ quần áo bằng nhung sợi bông giữa tiếng hoan hô nhiệt liệt của những người lao động. Ở Anh, đội mũ là rất thông thường, ngay cả đối với người lao động; mũ đủ các kiểu: hình tròn, hình ống, hình chóp, vành rộng, vành hẹp hoặc hoàn toàn không vành, và chỉ có thanh niên ở các thành phố công nghiệp mới đội cát-két. Ai không có mũ thì tự làm lấy một cái mũ không vành hình tứ giác thấp bằng giấy. Toàn bộ y phục của người lao động, dù là còn tốt đi nữa, cũng rất ít thích nghi với khí hậu. Khí hậu ở Anh ẩm ướt, thay đổi

https://thuviensach.vn

thất thường, dễ bị cảm, cho nên cơ hồ toàn bộ giai cấp có của phải mặc áo lót bằng nỉ mỏng; khăn quàng, gi-lê, và băng bụng bằng nỉ mỏng đều rất thông dụng. Giai cấp lao động thì không những không thể có cách dự phòng như vậy mà còn hầu như không bao giờ may được một cái váy bằng len. Còn vải thô tuy dày hơn, cứng hơn và nặng hơn len dạ, nhưng chống lạnh và chống ẩm thì lại kém hơn rất nhiều, vì dày và vì đặc tính của bản thân nguyên liệu nên nó lại lâu khô, và nói

chung là kém xa hàng len dạ mịn về độ kín. Nếu một người lao động lúc nào có thể mua một chiếc áo khoác ngoài bằng len để mặc ngày chủ nhật thì anh ta phải đến "cửa hàng bán rẻ" để mua một loại vải xấu gọi là "devil's dust"[85]1*, loại này làm ra "chỉ cốt để bán chứ không phải để mặc", chỉ mặc độ nửa tháng là sờn hoặc rách ngay; hoặc anh ta phải đến hàng quần áo cũ mua lại một chiếc áo cũ đã tàng tàng mà thời oanh liệt của nó đã qua lâu rồi và chỉ còn dùng được trong vài tuần lễ. Hơn nữa, quần áo của phần lớn người lao động vốn đã không ra gì, thế mà thỉnh thoảng có tấm nào hơi khá thì lại phải đem gửi nhà cầm đồ. Quần áo của rất nhiều người lao động, nhất là những người Ai-rơ-len đúng là giẻ rách, thậm chí nhiều khi không còn chỗ đặt miếng vá nữa hoặc vì vá víu nhiều quá nên không còn nhận ra được lúc đầu nó có màu gì. Người Anh và người lai Anh - Ai-rơ-len vẫn cứ tìm được cách vá những quần áo ấy, và về nghệ thuật này họ đã đạt tới mức rất đáng kinh ngạc: việc vá mụn bằng dạ bằng vải đay thô lên nhung sợi bông và ngược lại, đối với họ không có khó khăn gì; nhưng người Ai-rơ-len thực sự, mới di cư đến thì hầu như không vá quần áo bao giờ, trừ trường hợp vạn bất đắc dĩ, tức là nếu không vá thì áo quần sẽ rơi thành từng mảnh mất. Những mảnh rách của áo sơ-mi thường lủng lẳng qua các kẽ rách của áo vét ngắn hoặc quần. Như lời Tô-mát Các-lai-lơ[86]1), người Ai-rơ-len mặc.

"quần áo bằng những mụn vải rách nát, cởi ra và mặc vào là một việc hết sức khó khăn chỉ tiến hành trong những ngày lễ hoặc trong những trường hợp đặc biệt long trọng".

Người Ai-rơ-len cũng đã đưa vào Anh cái thói quen đi chân đất mà trước kia ở Anh chưa từng có. Ngày nay ở tất cả các thành phố công xưởng, thấy rất nhiều người, nhất là đàn bà và trẻ con, đi chân đất và cái thói quen ấy lan dần sang những người Anh nghèo khổ nhất.

Mặc thế nào thì ăn thế vậy: người lao động chỉ kiếm được những cái mà giai cấp có của cho là tồi quá. Trong các thành phố lớn ở Anh, của ngon vật lạ cái gì cũng có, nhưng rất đắt, người lao động phải tính từng xu trong chỉ tiêu, không thể nào bỏ ra nhiều tiền như thế được. Thêm vào đó họ thường chỉ được lĩnh lương vào chiều thứ bảy, đúng là có một vài nơi đã trả lương vào thứ sáu, nhưng sáng kiến này còn chưa thành phổ biến. Như vậy mãi đến tận bốn, năm giờ hoặc đến bảy giờ chiều thứ bảy họ mới ra tới chợ, còn bọn tư sản đã chọn hết những thứ ngon lành nhất từ buổi sáng rồi. Buổi sáng chợ đầy những thức ăn ngon nhất, nhưng khi người lao động ra đến chợ thì những cái tốt nhất đã hết sạch; mà dù có còn đi nữa, thì chắc họ cũng không thể mua được. Khoai tây họ mua thường thuộc loại tồi nhất, rau thì héo, phó-

https://thuviensach.vn

mát thì để lâu và phẩm chất tồi, mỡ lợn ôi, thịt không béo, dai, của súc vật gầy, già, thường là của súc vật ốm hoặc chết, nhiều khi đã gần thối hỏng. Cung cấp cho công nhân thường là những người buôn bán nhỏ; họ mua những hàng tồi, và chính vì hàng kém phẩm chất nên họ mới bán được rẻ như vậy. Những người lao động nghèo khổ nhất còn phải xoay xở một cách đặc biệt để với một số tiền ít ỏi của họ, họ có thể mua được những thực phẩm cần thiết, dù là phẩm chất tồi: vì đến nửa đêm thứ bảy tất cả các cửa hàng đều phải đóng cửa và ngày chủ nhật thì không có mua bán gì, nên khoảng giữa mười và mười hai giờ đêm các cửa hàng bán những thứ hàng không thể để lại đến sáng thứ hai với giá rất rẻ. Nhưng những thức ăn đến mười giờ đêm thứ bảy còn ế lại thì đến sáng chủ nhật, chín phần mười là không ăn được nữa, và đó chính là thức ăn chủ nhật của giai cấp nghèo

khổ nhất. Loại thịt mà người lao động mua được thường là không thể ăn được nhưng vì đã mua về thì đành phải ăn thôi. Ngày 6 tháng Giêng 1844 (nếu tôi không nhầm) ở Man-se-xtơ, một toà án địa phương (court leet) xử phạt mười một người bán thịt vì đã bán thịt không thể ăn được. Trong đó, một hàng có nguyên một con bò, một hàng có nguyên một con lợn, một hàng có mấy con cừu, một hàng có năm sáu mươi pao thịt bò; tất cả những thứ ấy đều bị tịch thu vì đã hoàn toàn không thể ăn được nữa. Người ta đã tịch thu 64 con ngỗng quay nhồi thịt cho lễ Nô-en của một trong những người bán thịt ấy, vì bán ế ở Li-vớc-pun, nên được chở đến Man-se-xtơ, khi ra đến chợ thì đã trương phềnh lên và đã xông lên mùi hôi thối. Báo "Manchester Guardian"[103] có tường thuật tỉ mỉ chuyện này, nêu cả tên người và số tiền phạt. Cũng tờ báo đó, trong sáu tuần lễ từ 1 tháng Bảy đến 14 tháng Tám, đã đăng tin về ba vụ tương tự: số báo ngày 3 tháng Bảy đăng tin ở Hây-út đã tịch thu một con lợn 200 pao mà người bán thịt tìm thấy đã chết và đang trương phềnh lên nhưng vẫn đem xẻ thịt ra bán; theo số báo ngày 31 tháng Bảy, hai hàng thịt ở Uy-gan, trong đó một người đã mắc tội này không phải là lần đầu, bị xử 2 và 4 pao xtéc-linh tiền phạt vì đã bán thịt không thể ăn được; cuối cùng, theo số báo ngày 10 tháng Tám, một quầy bán lẻ ở Bôn-tơn bị tịch thu 26 cái dăm-bông không thể ăn được, đem đốt trước công chúng, và bị phạt 20 si-linh. Nhưng đây chưa phải là đã kể hết mọi trường hợp, cũng không thể xem đó là con số trung bình trong sáu tuần để từ đó suy ra con số trung bình hàng năm. Có những thời gian mỗi số báo "Guardian", báo này ra tuần hai kỳ đều có đăng tin về những trường hợp tương tự xảy ra hoặc ở Man-se-xtơ, hoặc ở các thành phố công xưởng bên cạnh. Đồng thời nên nhớ rằng vì phạm vi rộng lớn của các chợ nằm dọc tất cả các phố lớn và vì sự kiểm tra không nghiêm ngặt, cho nên nhiều trường hợp đã lọt qua mắt các viên kiểm tra chợ nến không thì cắt nghĩa làm sao được việc các hàng thịt đã trắng trợn đem cả

từng con vật đã thối ra bán? Nếu chú ý rằng với hình phạt quá nhẹ như đã nói trên thì thấy sự cám dỗ của lối buôn bán ấy đối với những người tiểu thương có sức mạnh biết chừng nào; nếu hình dung được một miếng thịt như thế nào mới bị các viên kiểm tra cho là hoàn toàn không thể ăn được và tịch thu, thì không thể tin được là người lao động bình thường có thể mua được thịt ngon và bổ. Nhưng về các mặt khác họ còn phải khổ vì lòng tham của giai cấp

https://thuviensach.vn

tư sản. Bọn thương nhân và bọn chủ xưởng làm giả các loại thực phẩm một cách vô lương tâm nhất, hoàn toàn coi rẻ sức khoẻ của những người buộc phải tiêu thụ những thực phẩm đó. Trên kia ta đã dẫn chứng ở báo "Manchester Guardian", bây giờ ta hãy nghe một tờ báo khác của giai cấp tư sản - tôi thích đưa đối thủ của mình ra làm chứng, - tờ "Liverpool Mercury".

Người bán bơ mặn giả làm bơ tươi bằng cách trải qua một lớp bơ tươi trên mặt những tảng bơ mặn, để đánh lừa khẩu vị, hoặc để một pao bơ tươi ở trên cho nếm thử rồi sau đó bán bơ mặn, hoặc rửa bớt muối rồi bán làm bơ tươi. - Đường thì đem trộn bột gạo hoặc những chất gì rẻ tiền rồi mang bán theo giá đường tinh. Những cặn bã nấu xà phòng cũng đem trộn với những thứ khác giả làm đường. Cà-phê bột thì trộn lẫn bột cải đắng hoặc những thứ rẻ tiền khác; nhiều khi làm giả Cà-phê chưa xay bằng cách tạo ra những hình dáng giống hạt cà-phê - Ca-cao thường trộn lẫn với đất sét màu nâu xám nghiền vụn có phết mỡ cừu để cho dễ lẫn với ca-cao thật. - Chè thì trộn lẫn với lá mận gai và những thứ giống như thế hoặc lá chè đã pha rồi đem phơi khô, rang trên tấm đồng nung nóng để lấy lại mầu chè rồi bán làm chè mới. Hạt tiêu thì trộn lẫn với vỏ đậu nghiền thành bột, v.v.. Rượu Poóc-tô thì dứt khoát là làm giả (bằng thuốc màu, cồn và những thứ khác), vì mọi người đều biết chỉ riêng số rượu Poóc-tô tiêu thụ ở Anh đã nhiều hơn số rượu Poóc-tô mà tất cả các vườn nho ở Bồ Đào Nha có thể cung cấp được. Các loại thuốc lá bán ở thị trường đều pha lẫn với đủ mọi thứ đáng tởm".

(Ở đây tôi có thể bổ sung rằng việc làm giả thuốc lá phổ biến đến nỗi nhiều tay buôn thuốc lá vào loại có tiếng nhất ở Man-se-xtơ, mùa hè vừa qua đã công khai tuyên bố rằng việc kinh doanh của họ không thể tồn tại nếu không làm giả và tất cả mọi loại xì-gà giá dưới ba pen-ni một điếu đều không phải là thuốc lá nguyên chất). Tất nhiên, không phải chỉ trong các loại thực phẩm mới có

sự làm giả, tôi còn có thể kể ra hàng tá ví dụ nữa, như cái thói đê tiện trộn bột thạch cao hoặc bột phấn vào bột mì. Người ta lừa bịp khắp mọi nơi: nỉ mỏng, bít tất, v.v. thì kéo căng ra cho có vẻ dài, và mới giặt lần đầu đã co lại; dạ khổ hẹp hơn quy cách mất một in-sơ rưỡi hoặc ba in-sơ được bán làm dạ khổ rộng; bát đĩa thì tráng men mỏng đến nỗi lớp men bong đi ngay; và còn hàng nghìn sự lừa lọc như vậy nữa. - Tout comme chez nous[87]1*. Nhưng ai là người phải chịu những hậu quả tai hại của sự giả mạo ấy nhiều hơn người lao động? Anh nhà giàu không bị lừa vì anh ta có thể mua giá cao ở các cửa hàng lớn mà các chủ cửa hàng này phải giữ tiếng, vì nếu họ bán hàng xấu và giả thì chính họ lại bị thiệt nhất; ngoài ra, anh nhà giàu còn rất tinh trong việc ăn uống, vị giác khá nhạy của anh ta rất dễ phát hiện sự giả mạo. Nhưng kẻ nghèo, người lao động phải tính từng xu, phải mua được nhiều hàng với số tiền ít ỏi, không thể và cũng không biết chú ý nhiều tới chất lượng, mà càng không biết làm việc đó vì chưa bao giờ có dịp phát triển vị giác của mình, chính kẻ nghèo phải mua tất cả những thực phẩm giả, thường bị nhiễm độc ấy. Họ bắt buộc phải mua ở quầy hàng nhà buôn nhỏ, thậm chí thường phải mua chịu; còn những nhà buôn nhỏ ấy vì vốn ít mà phí tổn kinh doanh lại nhiều, nên ngay cùng một loại hàng, cũng không thể bán rẻ bằng nhà buôn lớn, - và vì khách hàng đòi mua giá rẻ cũng như vì phải cạnh tranh với kẻ khác, cho nên cố ý hay không cũng phải bán những hàng giả. Hơn nữa nếu nhà buôn lớn đã bỏ vào kinh doanh một số vốn to, sẽ mất tín nhiệm và bị phá sản một khi hành vi gian lận bị phát giác, - còn một chủ hiệu nhỏ chỉ cung cấp cho một đường phố nào đó, nếu bị phát giác là gian lận thì sẽ mất gì? Nếu

https://thuviensach.vn

anh ta mất tín nhiệm ở An-cốt-xơ thì anh ta dọn sang Troóc-tơn hoặc Huyn-mơ, ở đó chẳng ai quen biết anh
ta và anh ta lại có thể làm ăn gian lận như trước. Mà những hành vi gian lận thì rất ít bị pháp luật truy tố, trừ phi là có liên quan đến việc lậu thuế.- Nhưng người lao động Anh không phải chỉ bị lừa về mặt phẩm chất hàng, mà còn bị lừa cả về mặt số lượng. Cân và thước đo của các nhà buôn nhỏ phần nhiều là không đúng; và trong những báo cáo của cảnh sát, người ta thấy ngày nào những vụ phạt về loại vi phạm ấy cũng có rất nhiều. Vài mẩu tin trong báo "Manchester Guardian" sẽ cho chúng ta thấy rằng những việc gian lận như thế phổ biến đến thế nào trong các khu công nghiệp; ở đây chỉ hạn chế trong một thời gian ngắn, mà trong thời gian đó tôi cũng không có đủ *tất cả* các số báo trong tay.

Báo "Guardian", ngày 16 tháng Sáu 1844. Phiên toà *ở Rô-sđên*- 4 chủ hiệu bị phạt tiền từ 5 đến 10 si-linh vì dùng quả cân quá nhẹ. - Phiên toà *ở Xtốc poóc*- Hai chủ hiệu bị phạt tiền 1 si-linh: một trong hai người có 7 quả cân quá nhẹ và 1 cái cân sai, và cả hai trước đây đã bị cảnh cáo.

Báo "Guardian", ngày 19 tháng Sáu. Phiên toà *ở Rô-sđên* - 1 chủ hiệu bị phạt tiền 5 si-linh và 2 nông dân bị phạt 10 si-linh.

Báo "Guardian", ngày 22 tháng Sáu. Thẩm phán hoà giải *Man-se-xtơ* đã phạt tiền 19 chủ hiệu từ 2,5 si-linh đến 2 pao xtéc-linh.

Báo "Guardian", ngày 26 tháng Sáu. Phiên toà *ở A-stơn* - 14 chủ hiệu và nông dân bị phạt tiền từ 2,5 si-linh đến một pao xtéc-linh. - Phiên toà hoà giải *ở Hai-đơ* - 9 nông dân và chủ hiệu bị phạt 5 si-linh và phải nộp án phí.

Báo "Guardian", ngày 9 tháng Bảy. *Man-se-xtơ*, 16 chủ hiệu phải nộp án phí và phạt tiền từ 10 si-linh trở xuống.

Báo "Guardian", ngày 13 tháng Bảy, *Man-se-xtơ*, 9 chủ hiệu bị phạt tiền từ 2,5 si-linh đến 20 si-linh.

Báo "Guardian", ngày 24 tháng Bảy. *Rô-sơ-đên*, 4 chủ hiệu bị phạt từ 10 đến 20 si-linh.

Báo "Guardian", ngày 27 tháng Bảy. *Bôn-tơn*, 12 chủ hiệu và chủ khách sạn phải nộp án phí.

Báo "Guardian", ngày 3 tháng Tám. *Bôn-tơn*, 3 chủ hiệu bị phạt tiền từ 2,5 đến 5 si-linh.

Báo "Guardian", ngày 10 tháng Tám. *Bôn-tơn*, 1 chủ hiệu bị phạt tiền 5 si-linh.

Những nguyên nhân khiến cho chủ yếu là người lao động bị lừa gạt về mặt phẩm chất hàng hoá cũng chính là những nguyên nhân khiến họ bị lừa gạt về mặt số lượng.

Sự ăn uống thông thường của mỗi công nhân, tất nhiên khác nhau tuỳ theo tiền lương. Những công nhân được trả lương cao hơn, nhất là những công nhân công xưởng mà trong gia đình mỗi người đều có thể kiếm được ít nhiều, khi mà mọi người đều có việc làm thì ăn uống khá; trên bàn ăn hàng ngày có thịt, và buổi tối có thịt mỡ và pho-mát. Nơi nào tiền lương thấp hơn

https://thuviensach.vn

thì chỉ chủ nhật mới ăn thịt hoặc mỗi tuần ăn hai, ba lần, còn thì ăn bánh mì và khoai tây nhiều hơn. Nơi nào tiền lương thấp hơn nữa thì thịt chỉ còn là tí thịt mỡ cắt thành miếng nhỏ trộn với khoai tây; lương thấp hơn nữa, thì tí thịt mỡ ấy cũng không có, chỉ còn pho-mát, bánh mì, cháo yến mạch (porridge) và khoai tây; cuối cùng, đối với những công nhân lương thấp nhất, tức những người Ai-rơ-len, thì khoai tây là thức ăn duy nhất. Đồng thời, nói chung họ đều uống một thứ nước chè loãng, thỉnh thoảng có đường, hoặc pha ít sữa hay chút rượu; ở Anh, và cả ở Ai-rơ-len, nước chè được coi là đồ uống cũng quan trọng và cần thiết như là cà-phê ở nước Đức chúng ta; không có nước chè uống là nhà cực kỳ nghèo khổ. - Nhưng muốn có tất cả những cái ấy thì điều kiện đầu tiên là công nhân phải có việc làm; khi anh không có việc làm, thì hoàn toàn là nhờ may rủi, anh ta ăn cái gì người ta cho, cái gì xin được hoặc ăn cắp được; nếu không kiếm được gì cả thì cứ việc chết đói, như đã thấy ở trên. Cố nhiên số lượng và phẩm chất thức ăn là do tiền lương quyết định, cho nên những công nhân lương thấp đói ngay trong khi họ có việc làm, nhất là khi họ có gia đình đông người; số công nhân lương thấp ấy lại rất nhiều. Đặc biệt là ở Luân Đôn, nơi mà sự cạnh tranh giữa công nhân cùng tăng lên theo với dân số, tầng lớp công nhân ấy rất đông, nhưng ở các thành phố khác cũng thấy có tầng lớp ấy. Trong tình hình ấy, người ta xoay xở đủ cách, và do không có thức ăn nào khác, người ta phải ăn cả vỏ khoai, lá rau nhặt bỏ đi, hoa quả thối[88 1)], và phàm cái gì còn chứa chút ít chất ăn được là người ta đều tham lam vơ vét hết. Khi chưa hết tuần mà tiền lương hàng tuần đã cạn, thì thường trong mấy ngày cuối tuần cả nhà không ăn gì cả, hoặc chỉ ăn chút gì thật cần thiết để khỏi chết đói thôi. Phương thức sống như vậy nhất định phải gây nên vô số bệnh tật và khi bệnh tật chỉ vừa mới bắt đầu xảy ra, nhất là khi người đàn ông đau ốm - người chủ yếu nuôi gia đình, người cần ăn nhiều nhất vì lao lực quá nhiều và do đó cũng là người đầu tiên ốm thì nỗi cùng khổ càng lớn và càng bộc lộ đặc biệt rõ rệt tính tàn nhẫn của xã hội, bỏ mặc cho số phận những thành viên của mình chính khi họ cần đến sự giúp đỡ của xã hội nhiều nhất.

Để kết thúc, chúng ta hãy tóm tắt lại những sự việc đã thuật lại ở chương này. Cư dân các thành phố lớn chủ yếu là công nhân, vì nhiều lắm thì cũng hai người công nhân mới có một người tư sản, thường thì là ba người công nhân, có nơi đến bốn người công nhân mới có một người tư sản; những người công nhân đó bản thân không có chút tài sản gì đáng kể và chỉ sống bằng tiền lương và hầu hết là luôn luôn chỉ vừa đủ ăn; cái xã hội gồm những

nguyên tử rời rạc ấy hoàn toàn không quan tâm đến họ, để mặc cho họ tự lo lấy việc nuôi mình và nuôi gia đình nhưng lại không cấp cho họ phương tiện để có thể thường xuyên và thật sự giải quyết những nhu cầu ấy, cho nên mỗi người công nhân, thậm chí là công nhân giỏi nhất cũng luôn luôn có thể bị mất việc, và do đó cũng sẽ không có ăn, và nhiều người đã bị như vậy; nhà cửa của người lao động đều quy hoạch tồi, xây dựng tồi, không được giữ gìn, bí hơi, ẩm thấp và thiếu vệ sinh: người ở chen chúc nhau, và trong đa số trường hợp, thì trong một phòng ít ra cũng có cả một gia đình ngủ; đồ đạc trong nhà cũng phù hợp với mức độ bần cùng khác nhau, có khi đến những đồ dùng cần thiết nhất cũng không có; quần áo của công

https://thuviensach.vn

nhân, nói chung cũng rất thảm thương, phần đông chỉ mặc những mớ giẻ rách; thức ăn nói chung rất tồi, thường là hầu như không thể ăn được, trong nhiều trường hợp, ít ra cũng là thỉnh thoảng, không đủ số lượng và trong những trường hợp tệ nhất thì có cả người chết đói, - Như vậy, có thể hình dung tình cảnh của giai cấp công nhân ở các thành phố lớn như một loại những bậc thang nối tiếp nhau: trường hợp khá nhất là một cuộc sống tạm thời có thể chịu được, đồng lương kiếm được bằng công việc nặng nhọc quá sức cũng khá, chỗ ở tốt, ăn uống nói chung không đến nỗi tồi - tất cả những cái ấy đều khá và chịu được, cố nhiên là theo con mắt của người công nhân; trường hợp tệ nhất là sự bần cùng tàn khốc đến mức không nhà cửa và chết đói; nhưng mức trung bình thì gần với trường hợp tệ nhất hơn là trường hợp khá nhất. Và những bậc thang khác nhau đó không phải là cố định cứng nhắc cho các loại công nhân khác nhau được quy chính xác đến mức người ta có thể nói loại công nhân này sinh sống khá còn loại kia kém, xưa nay vẫn thế và sau này cũng sẽ thế. Không phải thế. Nếu một đôi nơi có như vậy, nếu về đại thể có một đôi ngành nào đó có ưu thế hơn so với các ngành khác thì ở mọi ngành, tình cảnh của người lao động vẫn là hết sức bấp bênh và mỗi người công nhân đều có thể phải trải qua toàn bộ các bậc thang ấy, từ mức tiện nghi tương đối dễ chịu đến

mức cực kỳ nghèo khổ, thậm chí đến mức chết đói, hầu như mỗi người vô sản Anh đều có thể nói chuyện rất nhiều về những rủi ro của đời mình. Bây giờ chúng ta hãy xét tỉ mỉ hơn những nguyên nhân của tình trạng ấy.

https://thuviensach.vn

CẠNH TRANH

Trong "Lời mở đầu", chúng ta đã thấy, ngay khi công nghiệp mới bắt đầu phát triển, sự cạnh tranh đã sản sinh ra giai cấp vô sản như thế nào: do nhu cầu hàng dệt tăng lên, tiền công thợ dệt đã tăng lên và do đó làm cho những nông dân kiêm thợ dệt rời bỏ nghề nông để kiếm được nhiều tiền hơn; trên chiếc khung cửi ta đã thấy sự cạnh tranh, nhờ ở phương thức kinh doanh quy mô lớn, đã loại trừ tiểu nông, làm cho họ bị vô sản hoá và sau đó đẩy họ từng đoàn từng lũ ra thành phố như thế nào; rồi chúng ta lại thấy sự cạnh tranh đã làm cho phần lớn giai cấp tiểu tư sản bị phá sản và cũng biến họ thành vô sản như thế nào, nó đã tập trung tư bản vào tay một số ít người và đã tập trung dân cư vào các thành phố lớn như thế nào. Đó là những con đường và phương thức khác nhau qua đó sự cạnh tranh khi đã đạt được trong nền công nghiệp hiện đại sự phồn thịnh đầy đủ và phát triển tự do tất cả các hậu quả của nó, đã tạo ra giai cấp vô sản và làm tăng số lượng của giai cấp này. Bây giờ chúng ta hãy xét đến ảnh hưởng của cạnh tranh đối với giai cấp vô sản đã hình thành. Và trước hết chúng ta phải xét những hậu quả bắt nguồn từ sự cạnh tranh giữa từng cá nhân người lao động với nhau.

Cạnh tranh là biểu hiện đầy đủ nhất của cuộc chiến tranh của mọi người chống mọi người đang hoành hành trong xã hội công dân hiện đại. Cuộc chiến tranh ấy, chiến tranh vì cuộc sống, vì sinh tồn, vì tất cả và do đó khi cần, cũng là cuộc đấu tranh sinh tử, diễn ra không những giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội,
mà còn cả giữa các cá nhân thành viên trong những giai cấp ấy; người này đứng chắn lối đi của người kia, vì vậy mỗi người đều tìm cách gạt mọi người khác ra và chiếm lấy chỗ của họ. Người lao động cạnh tranh với nhau, anh tư sản cũng cạnh tranh với nhau. Anh thợ dệt máy cạnh tranh với anh thợ dệt tay; anh thợ dệt tay thất nghiệp hoặc lương kém cạnh tranh với anh thợ dệt có việc làm hoặc lương khá hơn và tìm cách gạt anh này ra. Sự cạnh tranh giữa những người lao động với nhau đó đối với họ là mặt xấu nhất trong các quan hệ hiện tại đó; là vũ khí sắc bén nhất trong tay giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản. Do đó người lao động đã cố gắng dùng các công hội để tiêu diệt sự cạnh tranh ấy, cũng do đó mà giai cấp tư sản lồng lộn tấn công vào những công hội ấy và ăn mừng mỗi khi chúng giáng được một đòn.

Người vô sản bất lực; nếu chỉ để tự mình họ thì một ngày họ cũng không thể sống được. Giai cấp tư sản đã lũng đoạn mọi tư liệu sinh hoạt, hiểu theo nghĩa rộng nhất. Tất cả mọi cái người vô sản cần dùng, anh ta chỉ có thể nhận được từ tay giai cấp tư sản mà sự lũng đoạn được chính quyền nhà nước bảo hộ. Cho nên, về mặt pháp luật cũng như trên thực tế, người vô sản đều là nô lệ của giai cấp tư sản; giai cấp này nắm quyền sinh sát đối với họ. Giai cấp

https://thuviensach.vn

tư sản cung cấp cho họ tư liệu sinh hoạt, nhưng đổi lấy "vật ngang giá", tức là lao động của họ; thậm chí giai cấp tư sản còn làm cho họ ảo tưởng rằng dường như họ cũng hành động theo ý chí của chính mình, dường như họ ký kết hợp đồng với giai cấp tư sản một cách tự do, không bị ai ép buộc, như một người tự chủ. Quý hoá thay cái tự do chỉ để cho người vô sản mỗi một con đường là chịu nhận mọi điều kiện mà giai cấp tư sản đặt cho họ, hoặc là phải chết đói, chết rét, phải trần truồng đi chân đất tìm chốn dung thân giữa đám thú rừng! Quý hoá thay cái "vật ngang giá" mà thước đo lại hoàn toàn tuỳ thuộc vào thiện ý của giai cấp tư sản! - Và nếu người vô sản ngu xuẩn đến nỗi thà

chết đói còn hơn là chịu nhận những điều kiện "công bằng" của bọn tư sản, là những "người bề trên tự nhiên"[89]1) của họ - thì có hề gì - người ta sẽ tìm ngay được người khác một cách dễ dàng, bởi vì trên đời này thiếu gì người vô sản, và không phải ai cũng ngu xuẩn đến nỗi thích chết hơn sống.

Sự cạnh tranh giữa người vô sản với nhau là thế đấy. Nếu *tất cả* người vô sản đều tuyên bố sẵn sàng chịu chết còn hơn là làm công cho giai cấp tư sản, thì giai cấp này sẽ bắt buộc phải từ bỏ ngay sự lũng đoạn của mình. Nhưng sự tình đó không xảy ra và vị tất có thể xảy ra, vì vậy giai cấp tư sản vẫn cứ yên tâm. Sự cạnh tranh giữa người lao động với nhau chỉ có một giới hạn, đó là không một người lao động nào lại muốn làm việc với tiền lương thấp không đủ mức cần thiết để sống; nếu nhất định phải chết đói thì thà ngồi không mà chết còn hơn làm việc mà vẫn chết. Dĩ nhiên cái giới hạn đó chỉ là tương đối; nhu cầu để sinh tồn của người này nhiều hơn, của người kia ít hơn, có người quen sống với nhiều tiện nghi hơn người khác; người Anh về một số mặt nào đó hãy còn có văn hoá hơn và có nhiều nhu cầu hơn so với người Ai-rơ-len là người quần áo tả tơi, ăn khoai và ngủ trong chuồng súc vật. Nhưng không phải vì vậy mà người Ai-rơ-len không cạnh tranh với người Anh và làm giảm dần tiền lương, - và cùng với tiền lương, làm giảm cả trình độ văn hoá của người lao động Anh, - xuống ngang mức của người lao động Ai-rơ-len. Một số công việc trong đó bao gồm hầu hết tất cả các loại công việc trong công nghiệp, đều đòi hỏi một trình độ văn hoá nhất định, cho nên vì lợi ích của chính bản thân giai cấp tư sản mà tiền lương cũng phải khá cao để cho người công nhân có thể có được trình độ tương ứng. Một người Ai-rơ-len vừa mới đến Anh không lâu, ở ngay trong một cái chuồng gia súc mà anh ta gặp đầu tiên, và dù

có được một chỗ ở kha khá một chút thì mỗi tuần đều bị tống ra ngoài vì anh ta uống rượu hết cả tiền và không thể trả tiền nhà được, một người như vậy không thể làm công nhân công xưởng tốt được; bởi vậy tiền lương trả cho công nhân công xưởng phải đủ để cho họ nuôi dạy con cái, khiến chúng biết lao động đúng quy cách, nhưng tuyệt nhiên không được nhiều hơn cái mức khiến cho họ không thể không nhờ vào đồng lương của con cái và chỉ có thể cho con cái mình trở thành công nhân bình thường mà thôi. Ở đây cái giới hạn, mức lương tối thiểu, cũng là tương đối: khi trong gia đình mọi người đều đi làm, thì mỗi người có thể kiếm ít đi

https://thuviensach.vn

một chút, và giai cấp tư sản đã lợi dụng rộng rãi khả năng có lợi cho họ nhờ lao động máy móc, có thể thuê mướn phụ nữ và trẻ con trong sản xuất, để hạ thấp tiền lương. Đương nhiên thường có những gia đình trong đó không phải mọi người đều có thể làm được; một gia đình như vậy, sẽ rất khổ, nếu phải làm việc với mức lương tối thiểu tính cho một gia đình gồm toàn những người có thể làm việc; vì vậy tiền lương sẽ được ấn định ở một mức trung bình, với mức này, nhà nào mọi người đều có thể đi làm được sẽ sống tương đối khá, còn nhà nào có những người không làm việc được thì sẽ tương đối khổ. Nhưng gặp trường hợp tệ nhất, thì mỗi người lao động đều sẵn sàng từ bỏ cái chút tiện nghi và văn hoá mà anh ta đã quen thuộc ấy, cốt sao cho sống được; thà ở một cái chuồng gia súc còn hơn là màn trời chiếu đất; thà quần áo rách rưới còn hơn là không có tí quần áo nào; thà ăn khoai tây còn hơn là chết đói. Với niềm hy vọng ở ngày mai tốt đẹp hơn, họ đành chịu nhận một nửa tiền lương còn hơn là chết đói ở ngoài phố, như biết bao nhiêu người đã bị tước mất mẩu bánh mì. Cái chút ít ấy, cái ít ỏi còn hơn là không có gì ấy, chính là tiền lương tối thiểu. Nếu số người lao động nhiều quá mức giai cấp tư sản cần sử dụng, nếu do đó mà qua cuộc đấu tranh cạnh tranh vẫn còn một số người không tìm được việc làm, thì số ấy đành phải chết đói; bởi vì nhà tư sản chắc hẳn sẽ không
cho họ việc làm nếu như hắn không kiếm được lợi nhuận trong việc bán sản phẩm lao động đó.

Qua đó chúng ta thấy lương tối thiểu là thế nào. Mức lương tối đa thì do sự cạnh tranh giữa các nhà tư sản với nhau quyết định, bởi vì, như chúng ta đã biết, giữa họ với nhau cũng có cạnh tranh. Người tư sản chỉ có thể tăng thêm tư bản của mình bằng thương nghiệp hoặc công nghiệp, và trong hai trường hợp đều cần có người lao động. Ngay khi hắn đem tư bản cho vay lấy lãi, thì hắn vẫn gián tiếp cần có người lao động, vì không có thương nghiệp và công nghiệp thì không ai lại chịu trả lãi cho hắn, không ai có thể sử dụng số tư bản của hắn được. Vì vậy người tư sản luôn luôn cần người vô sản, nhưng không phải trực tiếp để mà sống - vì hắn có thể sống bằng tư bản của mình - mà để làm giầu, giống như buôn bán thì cần có hàng hoá hoặc thồ hàng thì cần có súc vật. Người vô sản làm ra cho người tư sản những hàng hoá đem bán có lãi. Cho nên khi nhu cầu về hàng hoá tăng lên, khiến tất cả những người công nhân đang cạnh tranh với nhau đều có việc làm và có lẽ thậm chí còn thiếu người nữa, thì sự cạnh tranh giữa công nhân ngừng lại và cạnh tranh giữa các nhà tư sản bắt đầu. Nhà tư bản đang cần tìm công nhân thừa biết rằng khi mà giá cả tăng lên do nhu cầu tăng lên, thì hắn sẽ kiếm được lợi nhuận lớn; do đó hắn thà tăng lương một ít còn hơn bỏ mất cơ hội kiếm toàn bộ món lợi nhuận ấy. Hắn cho anh công nhân một khúc lạp xường để giành cho được chiếc dăm bông. Thế là các nhà tư bản tranh giành công nhân của nhau, và tiền lương tăng lên. Nhưng nó chỉ tăng lên đến mức mà nhu cầu tăng lên cho phép. Nhà tư bản chịu hy sinh chút ít lợi nhuận bất thường, nhưng khi phải hy sinh lợi nhuận bình thường của mình, tức là lợi nhuận bình quân, thì đương nhiên là hắn sẽ tìm cách không trả quá mức lương trung bình.

https://thuviensach.vn

Từ đó có thể xác định được thế nào là mức lương trung bình. Trong những điều kiện bình thường, tức là khi cả công nhân lẫn

tư sản đều không có lý gì để đặc biệt cạnh tranh lẫn nhau, khi số công nhân *vừa vặn bằng* số có thể dùng trong sản xuất để chế tạo số hàng hoá cần có thì tiền lương sẽ cao hơn mức tối thiểu một ít. Còn mức ấy cao hơn bao nhiêu thì cái đó lại tuỳ mức nhu cầu trung bình và trình độ văn hoá của công nhân. Khi người lao động quen ăn mỗi tuần vài bữa thịt thì các nhà tư bản dù có muốn hay không cũng phải trả cho họ một số lương đủ để cho phép họ có thể ăn như vậy. Tiền lương không thể ít hơn, vì công nhân không cạnh tranh lẫn nhau và, do đó, không có lý gì mà họ chịu lương ít hơn; tiền lương càng không thể nhiều hơn được, vì giữa các nhà tư bản không có cạnh tranh, cho nên họ cũng không có lý do gì mà dùng những món tăng thêm đặc biệt để thu hút công nhân.

Trong những điều kiện phức tạp của nền công nghiệp hiện đại ở Anh, mức trung bình về nhu cầu và về trình độ văn hoá của công nhân là một khái niệm rất khó xác định, vả chăng như chúng ta đã thấy, nó rất khác nhau đối với các loại công nhân khác nhau. Nhưng vì phần lớn các loại công việc trong công nghiệp đều đòi hỏi một kỹ năng và quy trình nhất định, và bởi vì muốn thế thì cũng đòi hỏi người công nhân phải có trình độ văn hoá nhất định, cho nên tiền lương trung bình ở đây phải thế nào để có thể thúc đẩy người công nhân luyện tập được kỹ năng ấy và tuân theo quy trình ấy. Chính vì thế mà tiền lương của công nhân công nghiệp trung bình cao hơn tiền lương của công nhân khuân vác giản đơn, của người công nhật v.v. và cao hơn tiền lương của công nhân nông nghiệp, thêm vào đó lẽ dĩ nhiên là trường hợp này còn phải kể đến giá cả lương thực, thực phẩm ở thành phố rất đắt.

Nói cách khác, về mặt pháp luật và trên thực tế, người công nhân là nô lệ của giai cấp có của, của giai cấp tư sản; họ bị nô lệ đến mức có thể bị bán đi như hàng hoá và cũng lên giá xuống giá như hàng hoá vậy. Nếu nhu cầu về công nhân tăng lên thì người công nhân lên giá; nếu nhu cầu giảm thì người công nhân xuống giá; nếu nhu cầu giảm đến nỗi một số công

nhân trở nên không thể bán được, phải "nằm tồn kho" thì họ đành không có việc làm, mà không có việc làm là không thể sống được, phải chết đói. Bởi vì, nói theo ngôn ngữ kinh tế chính trị học, tổng số phí tổn dùng để nuôi họ không "tái sản xuất" được, sẽ là tiền vứt đi, và không ai chịu bỏ vốn ra để làm cái đó. Về điểm này, ông Man-stút với thuyết nhân khẩu của ông ta hoàn toàn có lý. Chế độ nô lệ này chỉ khác chế độ nô lệ công khai ngày xưa ở chỗ người công nhân hiện đại *có vẻ* được tự do, bởi vì anh ta không bị bán đi vĩnh viễn một lần, mà bán từng phần trong một ngày, một tuần, một năm, và bởi vì không phải người chủ này đem anh ta bán cho người chủ khác, mà là chính anh ta phải tự bán mình như vậy, vì anh ta không phải là nô lệ của một cá nhân, mà là nô lệ của toàn thể giai cấp có của. Đối với anh ta, bản chất vấn đề vẫn không thay đổi; dù rằng cái vẻ bề ngoài tự do ấy, một mặt có mang lại cho anh ta chút ít tự do *thật sự*, tuy nhiên, mặt khác, nó lại có cái bất lợi là không ai đảm bảo

https://thuviensach.vn

nuôi sống anh ta; bất cứ lúc nào anh ta cũng có thể bị ông chủ, tức là giai cấp tư sản, đuổi ra và bỏ cho chết đói, khi mà giai cấp ấy không còn có lợi trong việc sử dụng anh ta, trong việc nuôi anh ta sống. Nhưng đối với giai cấp tư sản thì tình hình hiện nay có lợi hơn rất nhiều so với chế độ nô lệ ngày xưa; lúc nào muốn là chúng có thể đuổi công nhân mà vẫn không mất gì đến vốn bỏ ra; và nói chung lao động của công nhân lại rẻ rất nhiều so với lao động của nô lệ, như A-đam Xmít tính để an ủi chúng[90]1).

Do đó có thể nói rằng A-đam Xmít cũng hoàn toàn đúng khi ông ta khẳng định ở một đoạn khác như sau:

"Nhu cầu về công nhân, y hệt nhu cầu về bất cứ *hàng hoá nào khác*, điều tiết sản xuất ra công nhân và số lượng người được sản xuất ra; khi quá trình sản xuất ấy quá chậm thì nó thúc đẩy lên; khi quá trình sản xuất quá nhanh thì nó kìm hãm lại."

Quá trình diễn ra ở đây hoàn toàn y hệt như đối với mọi hàng hoá khác: nếu công nhân ít thì giá cả công nhân, tức là tiền lương của họ lên cao, đời sống của họ khá hơn, hôn thú nhiều lên, sinh đẻ tăng lên, số trẻ nuôi sống được cũng nhiều lên, cho đến khi số công nhân sinh ra đã đủ; nếu công nhân quá nhiều thì giá hạ xuống, xảy ra thất nghiệp, nghèo khổ, đói khát, tất cả những cái ấy đã gây ra bệnh tật để tiêu diệt "số nhân khẩu thừa" đi. Và Man-tút, người đã phát triển luận điểm trên của Xmít, cũng có lý theo lối của ông ta, khi ông ta cho rằng bao giờ cũng có "nhân khẩu thừa", bao giờ cũng có quá nhiều người trên quả đất; ông ta chỉ sai khi cho rằng số người có trên thế giới nhiều hơn số người mà tư liệu sinh hoạt hiện có có thể nuôi sống được. "Nhân khẩu thừa" sinh ra là do cạnh tranh giữa những người lao động với nhau, sự cạnh tranh này bắt buộc mỗi người lao động hàng ngày phải làm việc hết sức mình. Giả dụ một chủ xưởng mỗi ngày có thể thuê mười công nhân làm việc trong chín giờ; trong trường hợp ấy nếu các công nhân làm mười giờ một ngày, thì ở đấy chỉ có chín công nhân có việc làm, còn anh thứ mười sẽ thất nghiệp. Nếu nhân lúc nhu cầu về công nhân không cao lắm, một chủ xưởng có thể dùng cách doạ đuổi mà bắt chín công nhân cũng với bằng chừng ấy lương mà mỗi ngày phải làm thêm một giờ nữa - tức là làm mười giờ theo ví dụ của tôi - thì hắn đuổi người thứ mười và giữ tiền lương của người ấy ở túi hắn. Sự việc xảy ra ở đây trong trường hợp riêng biệt, cũng lặp lại với quy mô lớn trong phạm vi cả nước. Do sự cạnh tranh giữa những công nhân với nhau làm cho năng suất lao động của mỗi người đạt đến mức cao nhất, do sự phân công, do sự sử dụng máy móc và lợi dụng các lực lượng thiên nhiên, tất cả những cái đó làm cho rất nhiều

công nhân không có việc làm. Những người thất nghiệp ấy ra khỏi thị trường; họ không thể mua gì được; số hàng hoá trước kia họ cần mua bây giờ không ai cần nữa, vì vậy cũng không cần phải sản xuất ra nữa; đến lượt những công nhân trước đây chế tạo các hàng hoá ấy cũng trở thành thất nghiệp; họ lại ra khỏi thị trường, và sự tình cứ tiếp tục mãi cũng tuần hoàn như vậy - hoặc nói đúng hơn, sẽ cứ như vậy nếu không có những yếu tố khác chen vào. Việc đưa vào công nghiệp những biện pháp để tăng sản phẩm nói trên đã dần dần dẫn tới sự giảm giá cả những hàng hoá sản xuất ra và do đó làm tăng mức tiêu thụ, vì vậy mà một phần lớn công

https://thuviensach.vn

nhân thất nghiệp, tất nhiên là sau những nỗi khổ sở kéo dài, rốt cuộc lại kiếm được việc làm trong những ngành lao động mới. Nếu thêm vào đó, có sự xâm chiếm những thị trường nước ngoài - như đã xảy ra ở Anh trong khoảng sáu chục năm gần đây - và do đó nhu cầu về công nghiệp phẩm tăng lên liên tục và nhanh chóng, thì nhu cầu về công nhân cũng tăng lên và cùng với nhu cầu ấy, dân số cũng tăng lên theo tỷ lệ tương đương. Thế là dân số Đại Bri-ten không giảm đi mà lại tăng lên một cách hết sức nhanh chóng và còn tiếp tục tăng lên; và mặc dù công nghiệp không ngừng phát triển, mặc dù nhu cầu về công nhân nói chung vẫn tăng lên, theo lời thú nhận của tất cả các đảng phái chính thức (tức là Đảng To-ri, Đảng Vích và Đảng cấp tiến), ở Anh vẫn thường có nhân khẩu thừa và sự cạnh tranh *giữa* công nhân với nhau nói chung vẫn thắng sự cạnh tranh để *giành giật* công nhân.

Do đâu mà có mâu thuẫn ấy? Đó là do bản chất của công nghiệp và của cạnh tranh cũng như là do những cuộc khủng hoảng thương nghiệp bắt nguồn từ bản chất ấy. Trong chế độ hỗn loạn hiện nay của sản xuất và phân phối tư liệu sinh hoạt, không phải nhằm trực tiếp thoả mãn nhu cầu, mà là nhằm kiếm tiền lợi nhuận, khi mà mỗi một người tự mình chịu hết những rủi may riêng tư trong lao động và làm giàu thì hiện tượng đình đốn bất

cứ lúc nào cũng có thể xảy ra. Chẳng hạn như nước Anh cung cấp đủ loại hàng hoá cho rất nhiều nước. Cứ cho rằng người chủ xưởng biết được hàng năm nhu cầu về mỗi mặt hàng trong mỗi nước là bao nhiêu, hắn vẫn không thể biết được trong từng lúc, hàng ấy hiện dự trữ nhiều bao nhiêu, lại càng không biết các kẻ cạnh tranh đã chở đến đấy bao nhiêu. Hắn chỉ có thể căn cứ vào những giá cả luôn luôn lên xuống để suy đoán một cách không chắc chắn về tình hình hàng hoá hiện dự trữ và tình hình nhu cầu; vì vậy hắn bắt buộc phải gửi hàng hoá đi một cách cầu may; mọi việc đều tiến hành mù quáng, hú hoạ và hoặc ít nhiều phó mặc ngẫu nhiên. Nhận được một tin đầu tiên có lợi từ một thị trường nào đó là mọi người gửi ngay đến đấy tất cả những cái gì có thể gửi được; không mấy chốc, thị trường ấy ứ đầy hàng hoá, sự tiêu thụ dần dần đình trệ, tiền không thu về được, giá cả hạ thấp và công nghiệp Anh cũng không có việc cho công nhân làm nữa. Buổi đầu khi công nghiệp mới phát triển thì sự đình trệ ấy chỉ hạn chế ở một số ngành công nghiệp riêng biệt hoặc ở một số thị trường riêng biệt; nhưng do tác dụng tập trung của cạnh tranh, công nhân thất nghiệp ở một ngành này đổ xô vào những ngành khác dễ học việc nhất, còn hàng hoá ế ẩm ở một thị trường này đổ xô về những thị trường khác; kết quả là những khủng hoảng nhỏ riêng biệt dần dần hợp lại với nhau, và từ sự kết hợp ấy dần dần hình thành một loạt thống nhất những cuộc khủng hoảng lặp lại theo chu kỳ. Một cuộc khủng hoảng loại ấy thường cứ năm năm lại xảy ra một lần, tiếp sau một thời kỳ ngắn ngủi phồn vinh và thịnh vượng chung; thị trường trong nước và tất cả các thị trường ngoài nước đều đầy dẫy hàng hoá của Anh mà chúng chỉ có thể tiêu thụ từ từ; hoạt động công nghiệp ở hầu hết mọi ngành đều ngừng lại; những chủ xưởng và thương nhân nhỏ không có khả năng chờ đợi được cho đến khi thu được vốn về đã tự tuyên bố phá sản, các chủ xưởng và thương nhân lớn hơn thì phải đình chỉ kinh doanh trong giai đoạn trầm

https://thuviensach.vn

trọng nhất của khủng hoảng, không cho máy chạy, hoặc chỉ làm việc "không hết thời gian", nghĩa là chỉ cho làm việc khoảng nửa ngày chẳng hạn;

tiền lương giảm xuống do những người thất nghiệp cạnh tranh, do thời gian lao động rút ngắn và vì không thể bán hàng hoá có lãi nữa; trong công nhân nạn nghèo khổ lan khắp; nếu người nào đó có chút tiền dành dụm thì cũng hết ngay; các cơ quan từ thiện chật ních người; tiền thuế trợ giúp người nghèo tăng gấp hai gấp ba mà vẫn không đủ; số người đói tăng lên và bỗng nhiên khối lượng "nhân khẩu thừa" xuất hiện với con số khủng khiếp. Tình hình ấy kéo dài một thời gian: những "con người thừa" cố xoay xở để mà sống, hoặc nếu không xoay xở được thì chết; sự nghiệp từ thiện và các đạo luật về người nghèo giúp cho nhiều người kéo lê thêm cuộc sống; một số khác xoay xở được việc làm trong những ngành lao động ít có cạnh tranh hơn và cách xa với đại công nghiệp hơn, thì sống vất vưởng; mà để cho một con người sống gượng được một thời gian thì có cần mấy tí đâu! - Dần dần, tình hình lại khá lên: những hàng hoá dự trữ chất đống được tiêu thụ đi; tâm trạng chán nản phổ biến của các nhà buôn và nhà công nghiệp làm cho số hàng hoá ấy không được bổ sung nhanh chóng; mãi cho đến khi, rốt cuộc, giá hàng tăng lên và những tin tức thuận lợi từ mọi nơi đưa về lại thúc đẩy người ta hoạt động mạnh mẽ. Nhưng phần lớn các thị trường đều ở rất xa; trong khi những chuyến hàng mới chưa kịp tới nơi, thì nhu cầu vẫn cứ tăng mãi và giá cả cũng tăng theo; người ta tranh nhau mua những hàng chở đến đầu tiên; những cuộc mua bán đầu tiên làm cho thị trường càng nhộn nhịp lên; những chuyến hàng đến sau xem chừng còn được giá hơn nữa; với hy vọng giá cả còn tăng lên, người ta bắt đầu đầu cơ tích trữ, và như vậy là những hàng hoá định đưa ra tiêu thụ bị lấy cất đi đúng vào lúc thị trường đang cần nhất; đầu cơ làm cho giá cả hàng cao, vì nó thúc đẩy những người khác mua hàng và rút những hàng mới đến ra khỏi lưu thông; tất cả những tin tức ấy được truyền về Anh; các chủ xưởng lại bắt đầu hoạt động mạnh, lại xây dựng những máy mới và tìm đủ mọi cách để lợi dụng cái thời cơ thuận lợi ấy. Lúc đó ở đây cũng bắt đầu có đầu cơ, với những hậu quả y hệt như ở các thị trường nước ngoài:

giá hàng tăng lên, hàng bị rút khỏi lưu thông, hai việc ấy đẩy sản xuất lên đến mức khẩn trương cực độ; sau đó xuất hiện những kẻ đầu cơ "rỗng túi", bọn này dùng vốn ma, nhờ vào tín dụng mà sống, và nếu không bán hàng lại được thực nhanh thì phá sản. Bọn họ lao vào cuộc chạy đua tổng lực và hỗn loạn ấy để kiếm lợi nhuận, và lòng tham không đáy của chúng càng làm cho tình hình thêm hỗn loạn và bận rộn, lòng tham ấy khiến chúng điên cuồng tăng giá cả và mở rộng sản xuất. Cuộc chạy đua cuồng loạn đã bắt đầu ấy lôi kéo cả những người điềm đạm nhất, giàu kinh nghiệm nhất; người ta bắt đầu rèn sắt, kéo sợi, dệt vải nhiều như là phải trang bị lại cho toàn thể nhân loại, như là người ta vừa mới tìm ra một thị trường mới có hàng mấy tỷ khách hàng ở một nơi nào đó trên mặt trăng. Đột nhiên một ngày kia bọn đầu cơ rỗng túi ở nước ngoài vì cần tiền, bắt đầu bán hàng ra - dĩ nhiên là thấp hơn giá thị trường vì gấp quá; một người bán ra, những người khác bán theo; giá cả bắt đầu bấp bênh, bọn đầu cơ, sợ hãi tung hàng ra thị trường thị, trường trở nên hỗn loạn, tín dụng lung lay, hết hãng buôn

https://thuviensach.vn

này đến hãng buôn khác ngừng trả tiền, hết nhà này đến nhà khác vỡ nợ, và người ta phát hiện ra rằng số hàng có tại chỗ và đang chuyển đến đã nhiều gấp ba lần số hàng cần cho tiêu thụ. Tin này đưa về đến Anh là nơi cho tới lúc đó sản xuất vẫn tiếp tục với năng suất tối đa; ở đây người ta cũng kinh hoàng khiếp sợ, những vụ phá sản ở nước ngoài kéo theo những vụ phá sản ở Anh; việc kinh doanh ngừng trệ làm cho nhiều hãng buôn phá sản; và ở đây trong cơn kinh hoàng, người ta cũng dốc hết hàng dự trữ ra thị trường và việc ấy lại làm cho sự kinh hoàng càng tăng thêm. Thế là khủng hoảng bắt đầu, cuộc khủng hoảng này sau đó lại tiến triển gần giống như trình tự của cuộc khủng hoảng trước và qua một thời gian lại được thay thế bằng một thời kỳ phồn vinh. Và sự tình cứ tiếp diễn như vậy không dứt: sau phồn vinh là khủng hoảng, sau khủng hoảng là phồn vinh, rồi lại khủng hoảng mới, và sự tuần hoàn vĩnh viễn

ấy của công nghiệp Anh như chúng tôi đã nói, thường là cứ năm hoặc sáu năm lặp lại một lần.

Qua đó ta thấy rõ rằng, trừ những thời kỳ thịnh vượng cao độ ngắn ngủi, lúc nào nền công nghiệp Anh cũng phải có một đội quân lao động dự bị thất nghiệp, - để có thể sản xuất ra hàng loạt hàng hoá mà thị trường yêu cầu trong những tháng hoạt động mạnh nhất. Đội quân dự bị này mở rộng hay thu hẹp là tuỳ theo tình hình thị trường có thể giải quyết việc làm cho ít hoặc cho nhiều người trong họ. Và tuy những lúc thị trường nhộn nhịp nhất, các vùng nông nghiệp, Ai-rơ-len và những ngành công nghiệp ít chịu ảnh hưởng của sự phồn vinh chung có tạm thời cung cấp một số lượng công nhân nhất định cho các công xưởng thì những người này chỉ là thiểu số và chính họ cũng thuộc hàng ngũ đội quân dự bị, chỉ khác mỗi một điều duy nhất là chính sự phồn vinh nhanh chóng đòi hỏi phát hiện họ thuộc đội quân ấy. Khi những công nhân ấy chuyển sang những ngành công nghiệp hoạt động sôi nổi hơn thì ở nơi họ làm việc trước đây, không có họ cũng chẳng hề gì; để lấp một phần chỗ trống ấy, người ta kéo dài thêm thời gian lao động, thuê mướn phụ nữ và trẻ con; và khi khủng hoảng xảy ra, những công nhân ấy bị thải và quay về thì họ thấy chỗ của họ đã có người khác chiếm, và bản thân họ, ít nhất là phần lớn trong bọn họ, đã trở thành "người thừa". Đấy là cái đội quân dự bị cấu thành "nhân khẩu thừa" của Anh đó, trong thời kỳ khủng hoảng tăng lên rất nhanh, và ngay trong những thời kỳ có thể coi là ở khoảng giữa thịnh vượng và khủng hoảng nó cũng gồm một số người tương đối lớn; số người ấy duy trì một cuộc sống khốn cùng của mình, bằng cách ăn xin và ăn cắp, quét đường, dọn phân ngựa, chở hàng bằng xe tay hoặc lừa thồ, bán hàng rong hoặc làm một vài công việc lặt vặt thường xuyên. Trong tất cả mọi thành phố lớn, đều có thể gặp rất nhiều người như vậy, họ nhờ có chút tiền công ít ỏi tình cờ kiếm được "mà giữ cho hồn không lìa khỏi xác", như người Anh thường nói. Thật đáng kinh

ngạc là không có việc gì mà số "nhân khẩu thừa" đó lại không nhận làm! Những người quét đường (crossing sweeps) ở Luân Đôn thì cả thế giới đều biết tiếng; nhưng trước kia cơ quan bảo trợ người nghèo hoặc toà thị chính thuê người thất nghiệp không phải chỉ để quét dọn những quảng trường mà còn quét dọn các phố chính của tất cả các thành phố lớn; ngày nay

https://thuviensach.vn

thì lại dùng máy để làm việc đó; hàng ngày máy chạy ầm ầm qua các phố, đã cướp mất miếng bánh mì của những người thất nghiệp. Trên những con đường lớn dẫn đến các thành phố, có ngựa xe đi lại nhiều, có thể thấy rất nhiều người đẩy xe ba gác liều mạng chen giữa những xe ngựa và xe chở khách đang lao nhanh về các ngả, hốt lấy phân ngựa vừa mới ỉa để đem bán. Nhiều khi để được làm việc ấy họ còn phải trả hàng tuần vài si-linh cho sở vệ sinh đường phố và ở một số nơi việc ấy còn bị cấm, vì nếu không cấm thì sở ấy sẽ không thể bán được thứ rác hốt được ở đấy làm phân bón vì trong đó có quá ít phân ngựa. Những "người thừa" nào có thể kiếm được một chiếc xe ba gác để chở hàng đã là may mắn, nhưng nếu ngoài chiếc xe ba gác ra, còn kiếm được đủ tiền mua một con lừa thì lại càng may mắn hơn; con lừa phải tự kiếm ăn lấy, hoặc chỉ được người ta cho ít đồ thừa bỏ đi, nhưng dù sao nó vẫn đem lại một ít thu nhập.

Phần đông những "người thừa" xoay ra bán hàng rong. Nhất là buổi tối thứ bảy, khi tất cả dân lao động đều đổ ra đường phố, thì người ta có thể thấy số người sống bằng nghề ấy nhiều đến mức nào. Vô số đàn ông, đàn bà và trẻ con tranh nhau rao bán dây giày, dây lưng, dải băng, cam, bánh ngọt và đủ mọi thứ khác. Và ngay những ngày thường, lúc nào cũng có thể gặp những người bán rong rao bán cam, bánh ngọt, ia Dinh-gơ và bia Nét-tơn[91]1). Họ cũng bán những hàng khác như diêm và các thứ tương tự: xi gắn, những sản phẩm được phép sản xuất dùng để nhóm lửa, v.v.. Một số người khác, gọi là jobbers [92]1*, thì đi lang thang ngoài phố tìm làm một số việc linh tinh nào đó ngẫu nhiên gặp được; một vài người kiếm được việc làm từng ngày, nhưng đa số thì không được may mắn như vậy.

Ông U. Sam-nít, mục sư ở I-xtơ - En-đơ của Luân Đôn kể lại rằng:

"Ở cổng tất cả các bến tàu Luân Đôn, mỗi buổi sáng mùa đông, từ sớm tinh mơ đã có hàng trăm người nghèo đứng đợi giờ mở cổng để hòng kiếm một việc làm cho ngày hôm ấy, và khi một số trẻ nhất và khoẻ nhất, hoặc là quen biết nhất đối với nhân viên quản trị các bến tàu đã được thuê thì hàng trăm người còn lại thất vọng buồn bã quay về căn nhà tồi tệ của mình" [104].

Những con người ấy đã không kiếm được việc làm, lại không muốn nổi lên chống lại xã hội, thì còn có cách gì khác ngoài việc đi ăn mày? Và vì vậy, không nên ngạc nhiên về số ăn mày rất đông, phần nhiều là những người có sức lao động, mà cảnh sát luôn luôn xua đuổi. Nhưng lối ăn xin của những người ấy cũng đặc biệt. Họ thường đi lang thang trên đường phố với cả gia đình, lúc dừng ở chỗ này, lúc dừng ở chỗ kia, để hát một bài ca than vãn hoặc nói vài câu để kêu gọi lòng thương của người qua đường. Điều kỳ lạ là hầu như chỉ thấy loại ăn mày đó trong những khu phố lao động và hầu như họ chỉ sống nhờ vào của bố thí của những người lao động. Có khi cả gia đình đứng lặng lẽ ở một phố đông người qua lại, không nói một lời, chỉ dùng cái dáng cầu xin giúp đỡ của mình làm cho người ta xúc động. Ở đây họ cũng chỉ trông vào sự thông cảm của những người lao động, là những người do kinh nghiệm bản thân, đã biết thế nào là đói, và bất cứ lúc

https://thuviensach.vn

nào bản thân họ cũng có thể rơi vào tình cảnh ấy, và thực ra, sự cầu khẩn âm thầm mà vô cùng xúc động ấy hầu như chỉ thấy ở những đường phố thường có công nhân, và vào những giờ công nhân qua lại; tình hình ấy thường xảy ra hơn vào tối thứ bảy, bấy giờ nói chung những "điều bí mật" của các khu phố lao động thường phơi bày ra các đường phố lớn, bấy giờ giai cấp tư sản hết sức tránh những nơi nhơ nhuốc ấy. Và trong số những "người thừa" ấy, nếu có người nào đủ can đảm và phát khùng để công khai chống lại xã hội và dùng chiến tranh *công khai* chống giai cấp tư sản để đáp lại cuộc chiến tranh *ngầm* của giai cấp tư sản chống lại họ, - thì người đó sẽ đi ăn cắp, ăn cướp, giết người.

Theo những báo cáo của các uỷ viên các tiểu ban luật về người nghèo, thì số "người thừa" như vậy trung bình ở Anh và Oen-xơ lên tới một triệu rưỡi; ở Xcốt-len, vì không có luật về người nghèo nên không xác định được con số, còn về Ai-rơ-len, thì chúng ta sẽ nói riêng. Tuy vậy, số một triệu rưỡi này lại chỉ kể những người đã thực sự được cứu tế ở cơ quan bảo trợ người nghèo không kể đến số người còn có thể tự xoay xở chút ít để khỏi phải chạy đến cái nước cuối cùng không ai ưa đó; nhưng ngược lại, một phần lớn trong số đó thuộc về các khu nông nghiệp, nên không kể ở đây được. Trong thời kỳ khủng hoảng, con số ấy cố nhiên là tăng lên nhiều và sự bần cùng cũng đạt đến cực độ. Lấy ví dụ cuộc khủng hoảng năm 1842 là cuộc khủng hoảng gần đây nhất và cũng dữ dội nhất: bởi vì khủng hoảng càng tái diễn thì mức độ dữ dội càng tăng, và cuộc khủng hoảng sắp xảy ra chậm nhất là vào năm 1847, căn cứ vào các triệu chứng mà phán đoán, có lẽ còn dữ dội và kéo dài hơn. Trong thời gian diễn ra cuộc khủng hoảng ấy, tiền thuế trợ giúp người nghèo ở tất cả các thành phố tăng lên đến một mức chưa từng thấy. Ví dụ như ở *Xtốc-poóc* cứ trả một pao
xtéc-linh tiền thuê nhà thì phải đóng thêm 8 si-linh tiền thuế trợ giúp người nghèo, đến nỗi riêng món tiền thuê ấy đã chiếm đến 40 phần trăm tổng số tiền thuê nhà trong thành phố; ngoài ra hàng dãy phố bỏ trống, dân số trong thành phố giảm hơn lúc thường ít ra là 2 vạn người; và trước cửa những ngôi nhà bỏ không, thường thấy cái biển đề: Stockport to let - Xtốc-poóc cho thuê. Ở Bôn-tơn, là nơi trong những năm bình thường số tiền thuê nhà phải chịu thuế trợ giúp người nghèo trung bình là 86 000 pao xtéc-linh nay tụt xuống 36 000; nhưng ngược lại số người nghèo cần cứu tế lên tới 14 000 người, tức là hơn 20 phần trăm tổng số cư dân. Ở Lít-xơ cơ quan bảo trợ người nghèo có một quỹ dự trữ 10 000 pao xtéc-linh, món tiền ấy và số tiền lạc quyên 7 000 pao xtéc-linh đều đã tiêu sạch ngay từ trước khi cuộc khủng hoảng lên đến mức cao nhất. Ở đâu đâu cũng như vậy cả. Bản báo cáo về tình hình các khu công nghiệp năm 1842 do một uỷ ban của Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc viết vào tháng Giêng 1843, dựa trên những tài liệu chi tiết của các chủ xưởng, đã nói rằng năm 1842 thuế trợ giúp người nghèo trung bình tăng gấp đôi năm 1839, còn số người cần cứu tế cùng thời gian ấy lại tăng gấp ba, và thậm chí gấp năm lần; rằng nhiều người xin cứu tế là thuộc loại những người từ trước đến nay chưa hề phải xin trợ giúp v.v.; rằng so với những năm 1834 - 1836, số thực phẩm mà giai cấp công nhân nhận được giảm đi hai phần ba; rằng mức tiêu thụ về thịt đã giảm rất nhiều - một vài nơi giảm sút 20 phần trăm, một số

https://thuviensach.vn

nơi khác giảm tới 60 phần trăm, rằng ngay cả loại thợ thủ công làm nghề thông thường như thợ rèn, thợ nề, v.v., là những người ngay thời buổi khó khăn nhất vẫn tìm được đủ việc làm, hiện nay cũng khổ sở không kém vì thiếu việc và tiền công thấp; rằng ngay cả hiện nay, tháng Giêng 1843, tiền lương vẫn đang giảm dần, Đấy là tin tức do các chủ xưởng cung cấp!

Trên tất cả các đường phố đều có những người công nhân đói khát, vì chủ của họ đã đóng cửa các xưởng và không thể cho họ việc làm, họ đứng riêng lẻ từng người để chực xin của bố thí, hoặc đứng thành từng tốp, từng đám vây kín các lối đi để xin những người qua đường giúp đỡ, nhưng họ không van xin như những người ăn mày thường, mà là đòi hỏi, làm người ta sợ bằng số lượng, thái độ và lời nói sừng sộ của họ. Tình hình các khu công nghiệp, từ Lê-xtơ đến Lít-xơ, từ Man-se-xtơ đến Bớc-minh-hêm đều như vậy. Các vụ rối loạn lác đác nổ ra ở chỗ này chỗ khác hồi tháng Bảy trong các xưởng đồ gốm ở Bắc Xtáp-phớt-sia; lòng phẫn nộ đáng sợ sôi sục trong công nhân cho tới lúc, rốt cuộc, bùng nổ thành cuộc tổng khởi nghĩa ở các khu công nghiệp vào tháng Tám. Vào cuối tháng Mười một 1842, khi tôi tới Man-se-xtơ, vẫn còn thấy khắp nơi những đám người thất nghiệp đứng ở các góc phố và nhiều công xưởng vẫn còn đóng cửa; trong mấy tháng sau, cho đến giữa năm 1843, những kẻ nhàn rỗi bất đắc dĩ đó mới dần dần giảm đi và các công xưởng lại hoạt động trở lại.

Không cần phải nói, trong một cuộc khủng hoảng như vậy, những nỗi cùng quẫn khốn khổ của những người thất nghiệp ấy như thế nào. Thuế trợ giúp người nghèo không đủ, còn xa mới đủ; lòng từ thiện của kẻ giầu như một nhát gươm chém xuống nước, tác dụng của nó chỉ trong chốc lát; ở nơi có nhiều kẻ đi xin thì của bố thí chỉ giúp được một số ít. Nếu những lúc ấy, các hiệu buôn nhỏ không còn cố bán chịu cho người lao động nữa - thật ra sau này khi thanh toán họ được trả lại rộng rãi - và nếu những người lao động không hết sức tương trợ lẫn nhau, thì chắc chắn trong mỗi cuộc khủng hoảng sẽ có hàng loạt những "người thừa" chết đói. Nhưng, vì chính thời kỳ gay gắt nhất cũng tương đối ngắn, chỉ độ một năm, hoặc lâu lắm là hai năm, hai năm rưỡi, cho nên một phần lớn đã trải qua nhiều gian nan khốn khổ để thoát chết. Sau này chúng ta sẽ thấy rằng mỗi cuộc khủng hoảng

đều cướp đi rất nhiều sinh mạng gián tiếp cho bệnh tật, v.v.. Giờ đây chúng ta hãy xét đến một nguyên nhân khác của tình cảnh khổ sở của công nhân Anh, nguyên nhân này bây giờ vẫn còn tiếp tục tác động làm cho mức sống của toàn thể giai cấp này không ngừng giảm sút.

https://thuviensach.vn

SỰ NHẬP CƯ CỦA NGƯỜI AI-RƠ-LEN

Chúng ta đã có nhiều dịp nói tới những người Ai-rơ-len nhập cư vào Anh. Ở chương này chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn các nguyên nhân và hậu quả của việc nhập cư đó.

Nền công nghiệp của Anh không thể phát triển nhanh chóng như vậy, nếu nước Anh không tìm được trong cư dân Ai-rơ-len đông đúc và nghèo nàn một lực lượng dự trữ sẵn sàng phục vụ cho họ. Người Ai-rơ-len không mất gì ở quê hương mà sang Anh thì được lợi nhiều, và từ khi họ biết rằng phía bờ bên kia eo biển Xanh Gioóc, chỉ cần có cánh ta khoẻ mạnh là chắc chắn có thể kiếm được việc làm và tiền lương cao, thì mỗi năm đều có hàng đoàn người Ai-rơ-len vượt sang nước Anh. Cho đến nay, người ta tính như vậy là đã có hơn một triệu người Ai-rơ-len di cư, và mỗi năm còn có tới năm vạn người Ai-rơ-len di cư thêm; hầu hết họ xô đến các khu công nghiệp và nhất là các thành phố lớn, tạo nên tầng lớp thấp kém nhất trong cư dân ở đó, chẳng hạn như ở Luân Đôn có 120 000 dân nghèo người Ai-rơ-len, ở Man-se-xtơ 40 000, ở Li-vớc-pun 34 000, ở Bri-xtơn 24 000, ở Gla-xgô 40 000, ở Ê-đin-bớc 29 000[93]1).

Những người đó lớn lên trong hoàn cảnh hầu như hoàn toàn thiếu văn minh, từ thuở nhỏ quen chịu đủ mọi điều thiếu thốn; những con người cục cằn thô lỗ, rượu chè, sống không lo ngày mai, họ vượt biển sang đây, mang theo tất cả những thói quen thô lỗ của họ đến cho một tầng lớp dân Anh vốn chẳng thích thú gì giáo dục và đạo đức. Ta hãy nhường lời cho Tô-mát Các-lai-lơ [94]1):

"Trên tất cả các con đường lớn và đường làng ta đều gặp những khuôn mặt man rợ của người Mi-lê-di [95]2), trên đó biểu lộ vẻ chất phác giả tạo, vẻ hung bạo, liều lĩnh, sự bần cùng và vẻ trào phúng. Anh đánh xe ngựa người Anh, khi đánh xe chạy qua, quất roi vào người Mi-lê-di; người này liền rủa anh ta một câu bằng tiếng nói của mình, rồi ngả mũ xin tiền. Đó là cái tai hoạ tệ nhất mà nước ta đang phải đả phá. Với bộ quần áo rách rưới, người man rợ yêu đời ấy bao giờ cũng sẵn sàng làm bất cứ việc gì chỉ cần sức lực của tấm lưng rắn chắc và cánh tay khoẻ, để có tiền lương mua đủ khoai tây là được. Gia vị thì họ chỉ cần có muối; chỗ ngủ thì gặp bất cứ cái chuồng gia súc hay cái ổ chó nào cũng xong; họ ở trong các nhà kho, quần áo thì gồm một mớ rẻ rách, mà mặc vào cởi ra là một việc hết sức khó khăn, chỉ tiến hành trong những ngày lễ hoặc trong những trường hợp đặc biệt long trọng. Người Anh không thể làm việc trong những điều kiện như vậy, nên không kiếm được việc. Người Ai-rơ-len kém văn hoá đuổi được người bản địa là người Anh và chiếm lấy chỗ họ, không phải nhờ ở mặt mạnh của họ mà là nhờ ở mặt yếu. Họ sống bẩn thỉu, và vô tư lự, ranh mãnh và gây lộn xộn vì say rượu và là cái lò sinh ra truỵ lạc và mất trật tự. Kẻ nào còn cố sức bơi, khó nhọc lắm mới ngoi được lên mặt nước sẽ tìm thấy ở đấy một ví dụ là con người làm thế nào có thể sống được khi không ở trên mặt nước mà chìm đắm dưới đáy sâu... Mọi người đều biết rằng mức sống của người lao động Anh thuộc tầng lớp dưới càng ngày càng sụt xuống gần đến mức sống của người lao động Ai-rơ-len là

https://thuviensach.vn

những kẻ cạnh tranh với họ trên mọi thị trường, rằng những công việc chỉ cần sức khỏe mà không cần kỹ năng đặc biệt đều được trả công không phải theo mức tiền công của người Anh mà là gần với mức tiền công của người Ai-rơ-len, nghĩa là tiền công nhiều hơn một chút so với mức đòi hỏi để "khỏi chết đói, chỉ cầm hơi bằng khoai tây loại tốt nhất suốt ba mươi tuần lễ trong

https://thuviensach.vn

một năm", - chỉ nhiều hơn một chút, nhưng cứ mỗi chuyến tàu mới từ Ai-rơ-len tới, thì lại càng xuống gần mức đó".

Nếu ta loại bỏ sự cường điệu và chê bai quá phiến diện đối với tính cách dân tộc của người Ai-rơ-len, thì sự mô tả của Các-lai-lơ ở đây là đúng. Những người lao động Ai-rơ-len đó sau khi trả bốn pen-ni ($3_{1/3}$ din-béc-grô-sen) để nằm lăn nằm lóc trên boong tàu như súc vật, tới được đất Anh, thì chui vào đâu cũng được. Nhà cửa tồi tàn nhất đối với họ cũng còn khá tốt; họ ít chú ý đến quần áo, khi mà còn có chút ít dính vào thân; họ không biết giầy dép là gì; thức ăn của họ là khoai tây và chỉ có khoai tây thôi; kiếm được hơn nhu yếu ấy một chút là lập tức đem đi uống rượu. Những con người như thế thì cần lương cao làm gì? Trong tất cả các thành phố lớn, những khu phố tồi tàn nhất là chỗ ở của người Ai-rơ-len; bất cứ ở đâu, nếu có một khu phố đặc biệt bẩn thỉu và đổ nát, thì có thể đoán chắc rằng ở đó sẽ gặp phần lớn những bộ mặt Ken-tơ mà chỉ cần liếc qua cũng phân biệt ngay được với những bộ mặt Anh-Xắc-xông của người bản địa, và sẽ được nghe cái giọng Ai-rơ-len du dương có nhiều âm hơi mà những người Ai-rơ-len chính cống không bao giờ bỏ mất. Có khi tôi còn nghe thấy cả tiếng nói Ai-rơ-len trong những khu đông đúc nhất của Man-se-xtơ. Phần lớn các gia đình sống trong nhà hầm, ở hầu hết mọi nơi đều là những người nguồn gốc Ai-rơ-len. Tóm lại theo lời bác sĩ Cây, người Ai-rơ-len đã phát hiện được cái mức tối thiểu về nhu cầu sinh hoạt và hiện nay họ đang dạy cái đó cho người lao động Anh. Họ cũng đã mang đến tính bẩn thỉu và thói rượu chè. Cái tính bẩn thỉu đã trở thành bản tính thứ hai của họ; ở nông thôn dân cư thưa thớt hơn, thói ấy không tai hại mấy; nhưng ở đây, trong các thành phố lớn, với dân cư tập trung đông đúc như vậy, nó làm cho người ta khiếp vía và đưa đến nhiều nguy hiểm. Như họ đã quen ở quê hương, người Mi-lê-di đến đây cũng đổ tất cả đồ bỏ đi và rác rưởi ở ngay trước cửa nhà mình, gây thành những vũng nước và những đống rác, làm cho cả khu lao động bẩn thỉu và đầu độc cả bầu không khí. Cũng như ở quê

hương họ, họ làm chuồng lợn sát ngay nhà, và nếu không làm thế được, thì họ cho lợn con ở ngay trong phòng của họ. Cái kiểu nuôi súc vật mới mẻ và kỳ lạ ấy ở trong các thành phố lớn hoàn toàn là do người Ai-rơ-len mang đến. Người Ai-rơ-len gắn bó với con lợn của mình cũng như người Ả-rập gắn bó với con ngựa, chỉ khác một điều là khi lợn đã đủ béo thì họ đem bán nó đi; còn trước đó thì họ ăn ngủ cùng với lợn, con cái họ chơi với lợn, cưỡi lên lưng lợn, cùng lợn vùng vẫy trong bùn, như người ta có thể gặp thấy hàng nghìn lần trong tất cả các thành phố lớn ở Anh. Còn tình hình bẩn thỉu như thế nào, tình hình thiếu thốn mọi tiện nghi đến mức độ nào trong các căn nhà đổ nát đó thì người ta rất khó tưởng tượng được. Người Ai-rơ-len không quen dùng đồ đạc trong nhà; một ôm rơm, vài mảnh rẻ rách hoàn toàn không dùng làm quần áo được nữa, - đó là chỗ ngủ của họ, một mẩu gỗ, một cái ghế gẫy, một cái hòm cũ dùng làm bàn, thế là đủ rồi. Một ấm pha chè, vài cái chậu đựng thức ăn và vài cái đọi thế là đủ dùng cho nhà bếp của họ, mà nhà bếp thì cũng là chỗ ngủ và chỗ ăn ở của họ. Và nếu không có gì đốt, thì họ vứt vào đó tất cả cái gì có thể cháy mà tiện tay vớ

https://thuviensach.vn

được: ghế, khung cửa, mái hiên, ván sàn, miễn là họ có các thứ đó. Mà họ cần chỗ rộng làm gì? Ở Ai-rơ-len căn lều trát đất của họ chỉ có một phòng, mọi thứ đều xếp vào đấy; ở Anh cũng vậy, cả gia đình chả cần gì đến hơn một căn phòng. Như vậy tình trạng nhiều người chồng chất trong một phòng mà ngày nay thấy rất phổ biến đó, chủ yếu cũng do người Ai-rơ-len đưa vào. Và vì dù sao con người khốn khổ đó cũng phải có một thứ thú vui nào đó, mà xã hội thì không cho anh ta một thú vui nào khác, nên anh ta đành phải đến quán rượu. Đối với người Ai-rơ-len, uống rượu là cái độc nhất tô điểm cho cuộc đời, và thêm vào đó là cái tính khí vô tâm và vui vẻ của họ; vì vậy họ uống rượu cho đến say mềm. Cái tính nhẹ dạ của người miền Nam, vốn có ở người Ai-rơ-len, tính tình thô lỗ khiến anh ta chả hơn gì người man rợ, sự khinh thị của anh ta đối với mọi thú vui
của con người, - những thú vui mà anh ta không có khả năng thưởng thức được chính do tính thô lỗ của anh ta, - tính ở bẩn và sự nghèo khổ của anh ta, - tất cả những cái ấy đều thúc đẩy anh ta mê rượu; sự quyến rũ mạnh quá, anh ta không sao cưỡng lại được, và có đồng nào là uống rượu hết đồng ấy. Nhưng có thể nào làm khác được? Một khi xã hội đã đặt anh ta vào tình cảnh *hầu như không thể tránh khỏi* trở nên nghiện rượu, một khi xã hội không hề săn sóc đến anh ta và để mặc cho anh ta trở thành đần độn, - thì xã hội làm sao còn có thể trách anh nghiện rượu được?

Người công nhân Anh phải đấu tranh với kẻ cạnh tranh như thế đó, - kẻ cạnh tranh ở vào trình độ phát triển thấp nhất có thể có được ở một nước văn minh, do đó họ sẵn sàng làm việc với số lương ít hơn số lương của bất cứ người nào khác. Vì thế cho nên, như lời Các-lai-lơ khẳng định, trong mọi ngành lao động mà người công nhân Anh buộc phải cạnh tranh với người công nhân Ai-rơ-len, tiền lương càng ngày càng giảm sút là điều hoàn toàn không tránh được. Mà những ngành lao động như thế thì rất nhiều. Tất cả những ngành hầu như không cần hoặc chỉ cần rất ít kỹ năng đều mở cửa rộng cho người Ai-rơ-len. Đương nhiên những ngành lao động đòi hỏi phải học nghề lâu, hoặc đòi hỏi phải hoạt động thường xuyên và đều đặn thì không thích hợp với người Ai-rơ-len rượu chè, cẩu thả và không cần mẫn. Muốn trở thành thợ cơ khí (mechanic - ở Anh người ta gọi tất cả những công nhân làm việc trong ngành chế tạo máy như thế), thành công nhân công xưởng, thì trước hết anh ta phải tiếp thu văn hoá và phong tục Anh, tức là về bản chất phải biến thành người Anh. Nhưng hễ ở nơi nào công việc đơn giản, không đòi hỏi chính xác lắm, ở nơi nào cần nhiều sức lực hơn tài khéo léo, thì người Ai-rơ-len không kém gì người Anh. Vì thế các ngành lao động đều đặc biệt đầy rẫy người Ai-rơ-len; thợ dệt tay, thợ nề, thợ khuân vác, thợ phụ việc, v.v., gồm có vô số người Ai-rơ-len; và sự xâm nhập của người

Ai-rơ-len ở đó đã thúc đẩy rất nhiều sự hạ thấp tiền lương và sự suy sụp của tình cảnh của giai cấp công nhân. Và ngay những người Ai-rơ-len xâm nhập vào các ngành lao động khác bắt buộc phải tiếp thu một trình độ văn hoá nhất định, họ vẫn còn giữ lại một số tập quán cũ đủ để khiến những bạn lao động người Anh cũng thành truỵ lạc, dưới ảnh hưởng của người Ai-rơ-len ở xung quanh. Thật ra, nếu chúng ta chú ý rằng hầu như trong mỗi thành phố lớn,

https://thuviensach.vn

đều có một phần năm hoặc một phần tư số công nhân là người Ai-rơ-len, hoặc những trẻ con Ai-rơ-len lớn lên trong tình trạng bẩn thỉu kiểu Ai-rơ-len, thì sẽ hiểu tại sao đời sống của toàn thể giai cấp công nhân, những phong tục, sự phát triển trí lực và tinh thần của họ, tất cả tính cách của họ, đều hấp thụ phần lớn những nét Ai-rơ-len đó, và cũng sẽ hiểu rõ tại sao tình cảnh đáng căm phẫn của người lao động Anh do nền công nghiệp hiện đại và các hậu quả trực tiếp của nó gây nên, lại có thể ngày càng tồi tệ hơn.

https://thuviensach.vn

KẾT LUẬN

Chúng ta đã nghiên cứu khá tỉ mỉ điều kiện sinh sống của giai cấp công nhân ở các thành phố Anh, bây giờ chúng ta có thể rút ra kết luận từ những sự kiện ấy và lại đem đối chiếu những kết luận ấy với tình hình thực tế của sự vật. Vậy chúng ta hãy xem, bản thân những người công nhân sống trong hoàn cảnh ấy đã trở nên thế nào, đã thành những con người thế nào, trạng thái thể chất, trí lực và đạo đức của họ ra sao.

Khi một cá nhân gây thiệt hại đến thân thể một người khác, và thiệt hại đó làm cho nạn nhân phải chết, thì ta gọi người đó là kẻ giết người; nếu thủ phạm biết trước rằng thiệt hại đó sẽ làm chết người, thì ta gọi hành động đó là mưu sát. Nhưng nếu xã hội [96]1) đặt hàng trăm người vô sản vào một tình cảnh làm cho

họ nhất thiết phải chết non, không bình thường, phải chết một cách bị cưỡng bức chẳng khác gì bị giết bằng gươm hoặc bằng đạn; nếu xã hội tước của hàng nghìn thành viên của nó những phương tiện sinh hoạt cần thiết, đặt họ vào trong những điều kiện *không thể nào* sống được; nếu xã hội dùng bàn tay mạnh mẽ của pháp luật để ép buộc họ phải sống trong những điều kiện đó cho tới khi xảy ra hậu quả không thể tránh được là chết; nếu xã hội biết, và biết quá rõ ràng hàng nghìn người nhất định sẽ trở thành nạn nhân của những điều kiện như vậy mà vẫn để cho các điều kiện ấy tồn tại, - đó cũng là một hành động giết người, chẳng khác gì hành động giết người của một cá nhân; có điều là hành động giết người ở đây kín đáo và nham hiểm không một ai có thể tự đề phòng được, nó không giống hành động giết người, vì không ai nhìn thấy kẻ thủ phạm, vì kẻ thủ phạm đó là tất cả mọi người mà lại cũng không phải là ai cả, vì nạn nhân có vẻ chết một cách bình thường, và vì đó là một sự sơ sót có thể tha thứ được. Nhưng đó vẫn cứ là hành động giết người. Và tôi định chứng minh rằng xã hội Anh hàng ngày hàng giờ đều phạm phải một số tội mà báo chí công nhân Anh có đầy đủ lý do để gọi là tội giết người có tính xã hội; rằng xã hội Anh đã đặt người công nhân vào một tình cảnh làm cho họ không thể khoẻ mạnh và sống lâu; rằng như vậy là xã hội không ngừng huỷ hoại dần dần cơ thể của họ và sớm đưa họ xuống mồ. Sau đó tôi sẽ còn phải chứng minh rằng xã hội *biết* rõ tình hình ấy có hại như thế nào đối với sức khoẻ và sinh mệnh của người công nhân nhưng vẫn không làm một tí gì để cải thiện tình hình đó. Còn xã hội *biết* những gì, chế độ do nó thiết lập nên mang lại hậu quả như thế nào, và do đó hành động của nó không phải đơn thuần là giết người mà là mưu sát, - tôi chứng minh được điều đó dù chỉ là sử dụng những văn kiện chính thức, những báo cáo của chính phủ và của nghị viện để xác định chính thức việc giết người.

Một giai cấp gồm những người sống trong những điều kiện đã

https://thuviensach.vn

thuật ở trên và thiếu thốn những tư liệu cần thiết nhất của cuộc sống đến như thế nào, thì không thể nào khoẻ mạnh và sống lâu được, điều đó tự nó cũng đã rõ rồi. Tuy nhiên, ta hãy xem xét lại một lần nữa từng hoàn cảnh một, đặc biệt là trên quan điểm ảnh hưởng của chúng đối với tình trạng sức khoẻ của công nhân. Ngay bản thân sự tập trung dân cư vào các thành phố lớn đã có hậu quả cực kỳ tai hại; không khí ở Luân Đôn không bao giờ có thể trong sạch, có nhiều dưỡng khí bằng không khí một miền nông thôn; hai triệu rưỡi lồng ngực và hai mươi lăm vạn lò bếp, tập trung trên ba bốn dặm vuông, tiêu phí một lượng dưỡng khí rất lớn, lượng dưỡng khí này rất khó được bổ sung, vì ngay cách kiến trúc thành phố tự nó đã làm cho việc thông gió rất khó khăn. Thán khí do hô hấp và do đốt than sinh ra, vì trọng lượng riêng của nó khá nặng lên lưu lại giữa nhà, còn luồng không khí chính thì lướt qua trên nóc. Bộ phổi của những người sống trong những căn nhà đó không nhận đủ lượng dưỡng khí cần thiết nên kết quả là thể chất và trí óc mệt mỏi, sức sống giảm sút. Vì vậy, dân cư những thành phố lớn, mặc dù rất ít mắc bệnh cấp tính, đặc biệt là bệnh viêm các loại hơn người nông thôn sống trong bầu không khí trong lành, sạch sẽ, nhưng ngược lại phần lớn họ đều mắc bệnh kinh niên. Nếu riêng việc sống ở trong các thành phố lớn tự nó đã có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, thì ảnh hưởng tai hại đó của bầu không khí ô uế trong các khu lao động - là nơi, như chúng ta đã thấy, tập trung đủ mọi yếu tố làm cho bầu không khí càng bị uế tạp hơn - sẽ phải to lớn biết chừng nào. Ở nông thôn, không khí tự do lưu thông trên mọi phía, nếu có một hố nước thối ở ngay gần nhà, có lẽ cũng không hại như thế; nhưng ở giữa thành phố lớn, trong các phố và các sân mà bốn phía đều bị xây chắn và bị cắt đứt mọi dòng không khí trong lành, thì tình hình lại khác hẳn. Mọi cặn bã động vật và thực vật thối rữa bốc lên những luồng khí rất hại cho sức khoẻ và vì không có lối thoát tự do nên những luồng khí ấy tất đầu độc bầu không khí. Như vậy thì rác
rưởi và vũng tù trong các khu phố lao động của những thành phố lớn bao giờ cũng có những hậu quả tai hại nhất cho vệ sinh chung vì chính chúng bốc ra những uế khí độc hại; những hơi bốc lên từ dòng nước bẩn cũng vậy. Nhưng không phải chỉ có thế. Cái thực sự khiến người ta phẫn nộ là cách đối xử của xã hội hiện đại đối với quảng đại quần chúng nghèo khổ. Người ta lôi kéo họ về các thành phố lớn, ở đó họ hít thở không khí không trong sạch bằng ở quê hương họ. Người ta nhét họ vào những khu phố kém thông gió nhất do cách xây dựng nhà cửa gây nên. Người ta tước đoạt mọi phương tiện giữ gìn sạch sẽ; đến nước cũng bị tước đoạt, vì muốn đặt ống dẫn nước thì phải trả tiền, còn nước sông thì đã bẩn đến mức không thể nào dùng mà rửa ráy được; người ta buộc họ phải vất ngay ra ngoài đường phố mọi thứ rác rưởi, cặn bã, đủ mọi thứ nước bẩn, thậm chí cả những thứ bẩn thỉu nhất làm cho người ta lộn mửa, vì người ta tước đoạt của họ mọi khả năng phương tiện nào khác để vứt bỏ tất cả những thứ đó; như vậy là người ta buộc họ phải đầu độc chính ngay những khu phố họ ở. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Mọi thứ tai hại đổ lên đầu kẻ nghèo cùng. Cư dân các thành phố nói chung đã ở rất chen chúc nhưng chính *họ* buộc phải sống chật chội hơn. Họ phải hít thở cái không khí ô uế ngoài phố cũng chưa đủ, họ còn bị nhét hàng tá người vào một gian phòng, đến nỗi bầu không khí họ hít thở ban đêm trở nên hoàn toàn ngột ngạt. Người ta cho họ ở

https://thuviensach.vn

những căn phòng ẩm thấp, những nhà hầm nước rỉ từ dưới lên hoặc những tầng sát mái nước dội từ trên xuống. Người ta xây cho họ những ngôi nhà mà uế khí không có lối thoát. Người ta cho họ những áo quần xấu, rách tả tơi hoặc bở bục, những thứ ăn tồi tệ, làm giả và khó tiêu. Người ta gây cho họ có những tâm trạng đối lập mạnh mẽ nhất, những sự thay đổi đột ngột, lúc thì lo sợ, lúc thì hy vọng; người ta dồn đuổi họ như săn thú và không để cho họ yên thân và sống cuộc đời yên tĩnh. Người ta tước đoạt của họ mọi thú vui - trừ thú vui tình dục và rượu chè; - và hàng ngày người ta bắt họ làm việc đến kiệt sức về tinh thần cũng như về thể chất, do đó luôn luôn đẩy họ chìm đắm không sao kìm hãm được hai thú
vui độc nhất mà họ có thể đạt được. Và nếu bằng ấy thứ cũng chưa đủ để huỷ hoại họ, nếu họ chống lại được tất cả những cái đó thì họ lại sa vào cảnh thất nghiệp trong thời gian khủng hoảng, cuộc khủng hoảng này đã làm cho họ mất nốt chút gì còn lại.

Trong tình trạng như vậy, những người thuộc giai cấp nghèo khổ nhất ấy làm sao còn có thể khoẻ mạnh và sống lâu được? Trong tình trạng như vậy, còn có thể trông mong gì khác ngoài tỷ lệ tử vong cực kỳ cao, ngoài bệnh dịch hoành hành liên miên, ngoài sự tàn lụi không ngừng trầm trọng thêm về thể lực của nhân dân lao động? Chúng ta hãy xem thực tế như thế nào.

Đâu đâu chúng ta cũng thấy những bằng chứng xác nhận rằng nhà ở của người lao động nằm trong các khu tồi tàn nhất của thành phố, cộng với điều kiện sinh hoạt chung của họ là nguồn gốc của bao nhiêu tật bệnh. Tác giả bài báo đã dẫn ở trên đăng trên tạp chí "Artizan" khẳng định hoàn toàn đúng rằng bệnh phổi là kết quả tất nhiên của những điều kiện sinh sống ấy, và thực tế là bệnh ấy thường thấy nhất trong công nhân. Qua vẻ tiều tuỵ của rất nhiều người gặp trên các phố, chúng ta thấy rõ rằng không khí tồi tệ ở Luân Đôn, và nhất là ở các khu lao động đã làm cho bệnh lao phổi phát triển rất dễ dàng. Buổi sáng sớm, vào giờ mọi người đi làm, nếu chúng ta dạo qua các phố thì thật phải ngạc nhiên vì gặp quá nhiều người trông có vẻ bị lao phổi hoặc là gần đến tình trạng ấy. Ngay ở Man-se-xtơ người ta trông cũng không đến nỗi như thế; những bóng ma nhợt nhạt, gầy còm, ngực lép, mắt sâu đó mà người ta gặp ở mỗi bước đi, những bộ mặt tiều tuỵ, uể oải, mất hết nhựa sống ấy, tôi không thấy ở đâu nhiều như ở Luân Đôn. Tuy rằng ở các thành phố công nghiệp Bắc Anh hàng năm bệnh lao phổi cũng đã giết hại khá nhiều người. Đồng thời với bệnh lao phổi, không kể các bệnh phổi khác và bệnh sốt phát ban, trước hết phải nói đến bệnh thương hàn - là bệnh hoành hành dữ dội nhất trong nhân dân lao động. Cái tai hoạ phổ biến ấy, theo báo cáo chính thức về tình hình vệ sinh
của giai cấp công nhân, là một hậu quả trực tiếp của tình trạng nhà cửa công nhân tồi tàn, không thoáng khí, ẩm thấp và bẩn thỉu. Báo cáo ấy - không nên quên rằng bản báo cáo này là do những thày thuốc bậc nhất của Anh, dựa trên tài liệu của một số thày thuốc khác mà viết ra - khẳng định rằng chỉ cần một cái sân không thoáng khí, một ngõ cụt không có cống thoát nước, là đủ gây ra bệnh sốt, và cơ hồ bao giờ cũng như vậy cả, nhất là khi dân cư ở chật chội và có chất hữu cơ thối rữa gần đấy. Bệnh sốt này hầu như ở đâu cũng có tính chất giống nhau

https://thuviensach.vn

và hầu như trường hợp nào cũng chuyển thành bệnh thương hàn rõ rệt. Bệnh ấy thường thấy ở những khu lao động trong tất cả các thành phố lớn, thậm chí ở cả một số phố xây dựng tồi và không được bảo dưỡng chu đáo trong những điểm dân cư nhỏ hơn; và nó lan truyền mạnh mẽ nhất trong các khu nhà ổ chuột, tuy rằng tất nhiên nó cũng tìm được nạn nhân cá biệt trong những khu phố tốt hơn. Nó đã hoành hành ở Luân Đôn từ khá lâu; và do nó phát triển đặc biệt dữ dội năm 1837 mà có bản báo cáo chính thức nói trên. Theo báo cáo hàng năm của bác sĩ *Xao-vu-dơ Xmít*, tại bệnh viện sốt ở Luân Đôn, năm 1843 có 1 462 bệnh nhân điều trị, nhiều hơn bất cứ năm nào trước đó 418 người. Trong những vùng ẩm thấp và bẩn thỉu của các khu phía bắc, phía đông và phía nam Luân Đôn, bệnh ấy hoành hành đặc biệt dữ dội. Bệnh nhân phần nhiều là công nhân mới từ nông thôn ra, trên dọc đường, và ngay ở Luân Đôn họ đã chịu đủ mọi điều thiếu thốn khổ cực, ngủ ngoài đường phố, quần áo phong phanh, đói khát, không tìm được việc làm và cuối cùng đã mắc phải bệnh sốt. Lúc được mang vào bệnh viện, họ yếu đến nỗi phải dùng rất nhiều rượu vang, rượu cô-nhắc, các thuốc pha chế a-mô-ni-ác và nhiều chất kích thích khác. Số chết lên tới 16,5 phần trăm tổng số bệnh nhân. Ở Man-se-xtơ, cũng thấy có bệnh sốt ác tính ấy; trong những khu lao động tồi tàn nhất ở thành phố cũ, khu An-cốt-xơ, khu Ai-rơ-len nhỏ, v.v., bệnh ấy hầu

như chưa bao giờ dứt hẳn, tuy nhiên ở đây, cũng như ở tất cả các thành phố của *Anh*, bệnh không lan tràn dữ dội như người ta tưởng. Nhưng ngược lại, ở Xcốt-len và ở Ai-rơ-len bệnh thương hàn hoành hành dữ dội ngoài sức tưởng tượng; ở Ê-đin-bớc và Gla-xgô năm 1817, trong thời gian vật giá cao vọt, năm 1826 và 1837, sau các cuộc khủng hoảng thương nghiệp, bệnh thương hàn hoành hành đặc biệt mãnh liệt, và mỗi lần kéo dài khoảng ba năm rồi mới hơi ngớt đi một thời gian. Ở Ê-đin-bớc, trong nạn dịch năm 1817 gồm 6 000 người và trong nạn dịch năm 1837 gần 10 000 người mắc bệnh; và cứ mỗi lần bệnh dịch tái phát thì không những số người ốm, mà cả mức độ dữ dội của bệnh và tỷ lệ người chết đều tăng[97]1). Nhưng những tổn thất do bệnh ấy gây ra ở những thời kỳ trước kia không thấm vào đâu so với lúc bệnh hoành hành sau cuộc khủng hoảng năm 1842; một phần sáu tổng số dân nghèo ở Xcốt-len mắc bệnh và những người ăn mày lang thang đem truyền bệnh từ nơi này qua nơi khác một cách nhanh chóng lạ thường; nhưng bệnh không đụng đến các giai cấp trung đẳng và thượng đẳng của xã hội. Trong hai tháng, số người mắc bệnh nhiều hơn cả trong mười hai năm về trước. Ở Gla-xgô năm 1843, 12 phần trăm dân số, tức là 32 000 người mắc bệnh, trong số đó có 32 phần trăm không cứu chữa được, trong khi Man-se-xtơ và Li-vớc-pun, tỷ số người chết thường không vượt quá 8 phần trăm. Bệnh nguy kịch vào ngày thứ bảy và ngày thứ mười lăm; đến lúc này, da bệnh nhân thường bị vàng; tác giả của chúng ta cho là tình trạng ấy chứng tỏ rằng phải tìm nguyên nhân của bệnh cả trong sự hồi hộp và lo lắng về tinh thần[98]2). -

Ở Ai-rơ-len loại dịch này cũng thường xảy ra. Năm 1817 và 1818, trong thời gian hai mươi mốt tháng, bệnh viện Điu-blin đã nhận 39 000 bệnh

nhân sốt và theo lời ông tỉnh trưởng A-li-xơn thì trong một năm sau đó (trong tập II "Những nguyên lý về dân số") con số thậm chí đã lên tới 60 000. Ở Coóc-cơ những năm 1817 - 1818,

https://thuviensach.vn

bệnh viện sốt đã phải tiếp nhận một phần bảy số dân; ở Li-mơ-rích cũng thời kỳ đó, một phần tư số dân mắc bệnh, còn trong khu *nhà ổ chuột* Oa-tơ-phoóc có đến 19 phần 20 toàn bộ dân cư[99]1).

Nếu chúng ta nhớ lại những điều kiện sinh sống của người lao động, nếu ta nghĩ đến nhà cửa của họ chật chội như thế nào, mỗi xó xỉnh đều chật ních người như thế nào, trong một gian phòng trên cùng một giường, người khoẻ, người ốm nằm lẫn lộn như thế nào, thì chúng ta chỉ có thể ngạc nhiên là một bệnh hay lây như bệnh sốt ấy lại không lan tràn mạnh hơn nữa. Và nếu chúng ta chú ý rằng những người hết sức thiếu thuốc men chạy chữa, rằng nhiều người hoàn toàn không được sự chỉ dẫn của thày thuốc và không biết gì đến những quy định thông thường nhất về kiêng ăn, thì chúng ta sẽ thấy số chết như vậy còn rất ít. Bác sĩ A-li-xơn, nghiên cứu kỹ bệnh này, cũng giống như tác giả của bản báo cáo dẫn ở trên, cho rằng nguyên nhân của nó là hoàn cảnh thiếu thốn và bi thảm của người nghèo: theo ông nói chính vì thiếu thốn và không thoả mãn được những nhu cầu sinh sống nên cơ thể dễ nhiễm bệnh và, nói chung, bệnh dịch trở nên đặc biệt nguy hiểm và lan truyền nhanh chóng. Ông chứng minh rằng ở Xcốt-len cũng như ở A-rơ-len, trong mỗi thời kỳ thiếu thốn do khủng hoảng thương nghiệp hoặc mất mùa gây ra, đều có dịch thương hàn và bệnh này cơ hồ chỉ hoành hành trong giai cấp công nhân. Theo lời ông, điều đáng chú ý là đa số người mắc bệnh thương hàn đều là chủ gia đình, nghĩa là chính những người đặc biệt cần thiết cho gia đình họ; nhiều thày thuốc Ai-rơ-len mà ông dẫn ra cũng xác nhận như vậy.

Nguyên nhân trực tiếp của một loạt bệnh khác là do ăn uống

hơn là do điều kiện cư trú của người lao động. Thức ăn của người lao động nói chung rất khó tiêu, hoàn toàn không thích hợp với trẻ nhỏ; nhưng người lao động không có tiền và không có thì giờ để kiếm những thức ăn thích hợp hơn cho con cái. Ngoài ra, còn cần kể đến cái tập quán rất phổ biến là cho trẻ con dùng rượu hoặc thậm chí cả thuốc phiện nữa. Những cái đó, cộng với những điều kiện sinh sống khác có tác hại cho sự phát triển thể lực của trẻ con, gây ra đủ mọi thứ bệnh về đường tiêu hoá để lại vết tích suốt đời. Hầu hết mọi người lao động hoặc ít, hoặc nhiều đều mắc chứng tiêu hoá kém, vậy mà họ vẫn bắt buộc và tiếp tục dùng cái thức ăn đã gây nên chứng ấy cho họ. Vả lại họ đâu có biết được là cái ấy có hại? Mà dù cho họ có biết đi nữa, làm sao họ có thể theo được một chế độ kiêng khem thích hợp hơn trong khi điều kiện sinh hoạt và thói quen của họ chưa thay đổi ? - Nhưng chứng tiêu hoá kém ấy là nguồn gốc cho nhiều bệnh khác sinh ra ngay từ thuở thơ ấu. Hầu như tất cả những người lao động đều mắc bệnh tràng nhạc; cha mẹ mắc bệnh tràng nhạc sinh ra con cái mắc bệnh tràng nhạc, nhất là khi những đứa bé mang nọc bệnh do cha mẹ di truyền lại tiếp tục chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân ban đầu gây ra bệnh ấy. Một hậu quả thứ hai của sự ăn uống

https://thuviensach.vn

không đủ trong thời kỳ đang lớn của trẻ con là bệnh còi xương (một bệnh của người Anh, nổi cục ở các khớp xương) cũng rất phổ biến trong con cái người lao động. Xương chậm cứng, bộ xương nói chung phát triển chậm chạp, và ngoài những biểu hiện thông thường của bênh còi xương, còn thường thấy chân và cột sống cong vẹo. Chắc tôi không cần nói rằng những nỗi thăng trầm của đời sống công nhân gây nên bởi thương nghiệp đình đốn, bởi nạn thất nghiệp và bởi tiền lương giảm sút trong thời kỳ khủng hoảng đã khiến những bệnh tật ấy nặng thêm. Tình trạng ăn thiếu nhất thời, mà hầu hết công nhân ít ra cũng phải trải qua một lần trong đời, càng làm trầm trọng thêm những hậu quả của chế độ ăn uống kém về chất mặc dầu về lượng thức ăn vẫn đủ no. Những đứa trẻ phải ăn lửng dạ chính vào lúc chúng
cần được bồi dưỡng nhiều nhất - có biết bao nhiêu trẻ con như vậy trong mỗi kỳ khủng hoảng và ngay cả trong thời kỳ công nghiệp phồn vinh, - thì tránh sao khỏi trở thành những người yếu đuối, mắc bệnh tràng nhạc và còi xương. Mà chúng quả thực như thế, điều đó có thể thấy được qua bề ngoài của chúng. Tình trạng thiếu chăm sóc, bị bơ vơ bỏ vất của đông đảo con cái người lao động để lại những dấu vết không bao giờ mất và dẫn đến sự suy đồi của toàn bộ giai cấp lao động. Nếu thêm vào đây tình hình quần áo không thích hợp của người lao động không thể chống được cảm lạnh, tình hình phải làm việc cho đến khi cuối cùng bệnh tật vật ngã, tình cảnh khốn cùng cực độ của gia đình khi người lao động bị ốm đau, tình trạng ốm đau thông thường không được chạy chữa gì, thì sẽ có thể tưởng tượng được đại khái tình hình sức khoẻ của những người lao động Anh như thế nào. Đó là ở đây tôi còn chưa muốn nói đến những hậu quả tai hại của việc làm trong một vài ngành lao động cá biệt trong điều kiện hiện nay.

Ngoài ra, còn nhiều nhân tố khác đã làm cho sức khoẻ của một số đông công nhân kém sút dần. Trước hết là tệ nghiện rượu. Mọi thứ hấp dẫn, mọi thứ cám dỗ liên hợp lại để lôi kéo người công nhân tới chỗ rượu chè. Đối với họ, hầu như chỉ có một nguồn vui duy nhất là rượu mạnh, và tất cả những cái đó tựa hồ thông đồng nhau để đẩy người công nhân đến đó. Người công nhân khi tan tầm về nhà đã mệt mỏi và rã rời; mà nhà cửa thì thiếu đầm ấm, lạnh lùng, ẩm thấp và bẩn thỉu; anh ta nhất thiết phải được tiêu khiển, cần có *một cái gì* để cảm thấy còn đáng làm việc, một cái gì làm dịu được cái viễn cảnh của ngày mai khổ cực; sự mệt mỏi, tâm trạng bực dọc và ưu phiền của anh ta - một phần do sức khoẻ kém, đặc biệt là do tiêu hoá không tốt gây nên, đã tăng lên đến cực độ do tất cả các điều kiện sinh hoạt khác của anh ta: do đời sống bấp bênh, do phụ thuộc vào mọi thứ may rủi và không thể nào tự mình làm được một cái gì để cải thiện tình cảnh của

mình; thân thể của anh ta, suy yếu vì không khí xấu và thức ăn kém, đòi hỏi mãnh liệt một chất kích thích nào đó từ bên ngoài; nhu cầu xã giao của anh ta chỉ có thể được thoả mãn ở quán rượu, bởi vì không còn nơi nào khác cho anh ta gặp gỡ bạn bè. Trong những điều kiện như thế, anh ta làm sao tránh được sự lôi cuốn mạnh mẽ của rượu, làm sao có thể chống lại sự cám dỗ ấy ? Ngược lại, trong hoàn cảnh ấy, phần lớn những người lao động, do nhu cầu thể xác và tinh thần *không thể* không sa vào rượu chè. Ngoài những nguyên nhân có thể nói

https://thuviensach.vn

là thể chất ấy, còn có hàng trăm tình huống khác đẩy người công nhân đến rượu chè: gương xấu của số đông, sự giáo dục thiếu sót, không thể giữ cho thanh niên tránh khỏi cám dỗ, nhiều khi ảnh hưởng trực tiếp của cha mẹ nghiện rượu tự mình đem rượu cho con uống, sự tin chắc rằng nhờ hơi men có thể lãng quên được ít ra cũng trong vài giờ những nỗi khổ cực và áp bức của cuộc đời; tất cả những cái đó tác động mạnh đến nỗi thật không thể nào tránh được người công nhân sao lại ham thích uống rượu mạnh. Ở đây nghiện rượu không còn là một tật xấu mà người mắc phải chịu chê trách; nó trở thành một hiện tượng tất nhiên, một hậu quả không thể tránh khỏi của những điều kiện nhất định tác động vào một đối tượng mất hết ý chí của mình, - ít ra là về phương diện ấy. Phải chịu trách nhiệm về việc này chính là những kẻ đã biến người lao động thành đối tượng như thế. Nhưng bản thân sự nghiện rượu làm cho thể xác và tinh thần của những nạn nhân của nó phải chịu tác động huỷ hoại, điều đó cũng tất nhiên như đại đa số công nhân ham mê nghiện rượu. Nó làm tăng thêm cái đà dễ mắc các loại bệnh do điều kiện sinh hoạt của công nhân gây nên; nó làm cho bệnh phổi và bệnh đường ruột phát triển, và tạo điều kiện cực kỳ thuận lợi cho bệnh thương hàn phát sinh và lan rộng.

Một nguyên nhân khác của những nỗi đau khổ về thể xác của giai cấp công nhân là khi ốm đau họ không thể có được thày thuốc giỏi cứu chữa. Thật ra là có rất nhiều cơ quan từ thiện tìm cách

bù đắp tình trạng thiếu sót ấy, ví dụ như bệnh viện Man-se-xtơ hàng năm chữa cho 22 000 bệnh nhân, trong đó có một số người được nằm điều trị ở ngay tại bệnh viện, những người khác được khám và cấp thuốc. Nhưng đối với một thành phố mà Ga-xken[100]1) đã ước lượng là hàng năm có đến ba phần tư dân số cần được sự săn sóc của thày thuốc thì điều ấy có nghĩa lý gì? Thày thuốc ở Anh lấy tiền khám, chữa bệnh rất cao, mà người lao động thì không thể trả nổi. Do đó họ đành chịu không chạy chữa gì hoặc tìm đến những thày lang băm lấy công rẻ và những thứ thuốc bịp bợm, chung quy lợi ít hại nhiều. Trong tất cả các thành phố ở Anh có rất nhiều thày lang băm như vậy, họ kiếm khách trong những giai cấp nghèo khổ nhất bằng mọi thứ quảng cáo, áp phích và những mánh khoé khác. Ngoài ra, người ta còn bán rất nhiều loại thuốc gọi là được cấp bằng (patent medicines), trị bách bệnh: nào thuốc viên Mo-rít-xơn, nào thuốc viên bổ khí Pa-rơ, nào thuốc viên bác sĩ Men-oa-rinh và hàng nghìn loại thuốc viên, tinh dầu, dầu thơm khác, v.v., loại nào cũng có đặc tính chữa khỏi đủ mọi thứ tật bệnh trên đời. Những loại thuốc ấy, thực ra ít có chất gây hại trực tiếp, nhưng khi dùng luôn và dùng nhiều thì rốt cuộc vẫn có hại cho cơ thể và bởi vì mọi lời quảng cáo đều tuyên truyền với người lao động không thông thạo về thuốc men rằng những thuốc ấy dùng càng nhiều càng tốt, nên không lấy gì làm lạ khi thấy người lao động uống rất nhiều thuốc ấy chẳng kể có nên dùng hay không. Nhiều khi chủ xưởng thuốc viên bổ khí Pa-rơ trong một tuần bán được đến 20-25 nghìn hộp thuốc thần hiệu ấy, thứ thuốc mà người này thì dùng để trị táo

https://thuviensach.vn

bón, người kia thì dùng để trị ỉa chảy, người khác nữa thì dùng để trị bệnh sốt, bệnh suy nhược toàn thân và đủ mọi loại tật bệnh. Cũng như người nông dân Đức ở ta vốn thích đến những mùa nào đó thì đặt bầu gác hoặc chích máu, người công nhân Anh thích uống những loại

thuốc được cấp bằng chỉ để làm hại sức khoẻ của mình, đồng thời làm đầy túi tiền của các chủ xưởng bào chế. Trong số những thứ thuốc được cấp bằng có hại bậc nhất ấy, có một thứ thuốc nước chế bằng các chất thuốc phiện, chủ yếu là chất lô-đa-nom, và đem bán rộng rãi với cái tên "dung dịch bổ Gốt-phrây". Những phụ nữ làm việc ở nhà và phải nuôi con mình hoặc con người khác, thường cho trẻ uống thứ thuốc ấy để cho chúng ngủ yên, hoặc là, như nhiều người trong bọn họ đã tưởng, để cho chúng khoẻ thêm. Người ta thường cho trẻ con dùng thuốc ấy ngay từ khi mới đẻ, không hề để ý đến loại thuốc "bổ" ấy có hại hay không, và cứ tiếp tục cho uống cho đến khi chúng chết. Cơ thể đứa trẻ càng ít thụ cảm với tác dụng thuốc phiện thì người ta càng tăng liều thuốc. Nếu thứ thuốc nước ấy không còn tác dụng nữa thì họ cho trẻ uống lô-đa-nom nguyên chất, thường một lần uống 15 - 20 giọt. Viên dự thẩm ở Nốt-tinh-hêm đã xác nhận trước một tiểu ban của chính phủ[101]1) rằng theo lời tự thú của *một* dược sĩ, thì trong vòng một năm hắn đã dùng tới 13 tạ si-rô để chế ra "dung dịch bổ Gốt-phrây". Cách điều trị ấy gây nên những hậu quả như thế nào đối với trẻ con, điều đó cũng dễ thấy. Chúng dần dần trở nên

https://thuviensach.vn

xanh xao, uể oải, và yếu ớt, đa số chết dưới hai tuổi, Thứ thuốc này rất thông dụng trong tất cả các thành phố lớn và các khu công nghiệp ở Anh.

Hậu quả của tất cả những cái ấy là thể lực của người lao động suy yếu toàn bộ. Trong họ, rất ít người khoẻ mạnh, vạm vỡ và không tật bệnh, - ít ra là trong những công nhân công nghiệp phần lớn làm việc ở những nơi tù túng, - và ở đây cũng chỉ nói về họ thôi. Hầu hết họ đều yếu ớt, vóc người cứng chắc nhưng không vạm vỡ, gầy gò, xanh xao, bắp thịt không nở nang, trừ những bắp thịt phải đặc biệt căng sức trong khi làm việc. Hầu hết đều mắc bệnh khó tiêu hoá và vì vậy nếu ít nhiều đều mắc chứng ưu tư, buồn rầu và hay cáu gắt. Cơ thể họ suy nhược, kém sức đề kháng đối với bệnh tật và do đó lúc nào cũng có thể làm mồi cho mọi bệnh tật. Cũng vì vậy họ chóng già và chết yểu. Các bản thống kê người chết là một bằng chứng hiển nhiên không thể chối cãi về điểm ấy.
Theo báo cáo của Gi. Grê-hêm, chủ nhiệm sở đăng ký tình hình công dân, số tử vong trong toàn nước Anh và Oen-xơ hàng năm lên gần tới 2,25 phần trăm, tức là hàng năm cứ 45 người thì có 1 người chết[102]1). Ít ra đó là con số trung bình trong những năm 1839 - 1840; năm sau, số tử vong có thấp hơn một chút, cứ 46 người mới có 1 người chết. Nhưng ở những thành phố lớn thì tỷ lệ khác hẳn. Trong tay tôi có những bản thống kê chính thức về tử vong (công bố trên báo "Manchester Guardian" số ra ngày 31 tháng Bảy 1844), theo đó thì số tử vong ở vài thành phố lớn là như sau: ở Man-se-xtơ, kể cả Xôn-phoóc và Troóc-tơn thì cứ 32,72 người có 1 người chết; nếu không kể Xôn-phoóc và Troóc-tơn thì cứ 30,75 người có 1 người

chết; ở Li-vớc-pun, kể cả vùng ngoại ô Oe-xtơ - Đớc-bi cứ 31,90 người có 1 người chết; nếu không kể vùng ngoại ô đó thì cứ 29,90 người có 1 người chết; trong khi đó theo các số liệu tổng hợp chung cho Si-sia, Lan-kê-sia và Y-oóc-sia, là vùng có nhiều khu nông nghiệp hoặc bán nông nghiệp và nhiều thành phố nhỏ, với tổng số dân là 2 172 506 người thì tỷ số người chết là 1 trên 39,80. Có thể thấy điều kiện sinh sống của người lao động ở các thành phố bất lợi thế nào qua con số tử vong ở Prét-xcốt (Lan-kê-sia); đó là khu vực cư trú của công nhân mỏ than và vì công việc trong hầm mỏ ảnh hưởng không tốt lắm đối với sức khoẻ, cho nên tình trạng sức khoẻ ở khu này kém hơn các khu nông nghiệp. Nhưng ở đây công nhân sống ở nông thôn và tỷ lệ tử vong chỉ là 1 trên 47,45, tức là so với con số tử vong trung bình của toàn bộ nước Anh thì thấp hơn đến gần 2,5 phần trăm. Tất cả những tài liệu dẫn ở trên đều lấy trong những bản thống kê tử vong năm 1843. Ở các thành phố của Xcốt-len, số tử vong hãy còn cao hơn: ở Ê-đin-bớc, trong những năm 1838 - 1839, tỷ số tử vong là 1 trên 29, thậm chí năm 1831 riêng trong khu thành phố cũ là 1 trên 22; ở Gla-xgô theo số liệu của bác sĩ Gau-en ("Thống kê số sinh đẻ và tử vong ở Gla-xgô")[105] từ năm 1830 đến nay, tỷ số tử vong trung bình là 1 trên 30 và có một số năm là 1 trên 22 hoặc 1 trên 24. Tình hình tuổi thọ trung

https://thuviensach.vn

bình giảm nhiều chủ yếu là ở trong giai cấp công nhân, còn tuổi thọ trung bình của tất cả các giai cấp khác thì tương đối cao hơn, vì tỷ số tử vong ở tất cả các giai cấp thượng đẳng và trung lưu thấp hơn, sự kiện này được chứng thực từ mọi phía. Những chứng cớ gần đây nhất là lời của P.H.Hôn-le, thày thuốc ở Man-se-xtơ đã được uỷ nhiệm chính thức đi kiểm tra khu Trooc-tơn - Ôn Mết-lốc[103]1) ở ngoại ô thành phố

https://thuviensach.vn

Man-se-xtơ. Ông ta chia các nhà và phố làm ba hạng và có được tỷ số tử vong như sau:

Phố	Nhà	Tử vong
Hạng I	Hạng I	1 trên 51
" I	" II	1 " 45
" I	" III	1 " 36
" II	" I	1 " 55
" II	" II	1 " 38
" II	" III	1 " 35
Hạng III	Hạng I	thiếu con số
" III	" II	1 trên 35
" III	" II	1 " 25

Qua nhiều bản thống kê khác do Hôm-le trình bày ta thấy rõ rằng so với ở những phố hạng I, tỷ số tử vong ở những *phố* hạng II cao hơn 18 phần trăm, ở những phố hạng III cao hơn 68 phần trăm; so với ở những nhà hạng I, tỷ số tử vong ở những *nhà* hạng II cao hơn 31 phần trăm, ở những nhà hạng III cao hơn 78 phần trăm; trong những phố bẩn thỉu sau khi được quét dọn thì tỷ số tử vong giảm đi 25 phần trăm. Ông ta kết luận bản báo cáo bằng những lời như sau, những lời rất thẳng thắn đối với người tư sản Anh:

"Khi chúng ta thấy có những phố có tỷ số tử vong cao gấp bốn lần những phố khác, và có những hạng phố nọ cao gấp đôi những hạng phố kia; khi chúng ta thấy trong những phố tồi tàn, tỷ lệ tử vong có thể nói là luôn luôn cao, mà trong những phố tốt hơn thì lại luôn luôn thấp, thì chúng ta không thể không rút ra kết luận rằng đông đảo bạn đồng nghiệp của chúng ta, hàng trăm người láng giềng gần gũi nhất của chúng ta hằng năm bị sát hại (destroyed) vì thiếu những biện pháp dự phòng sơ đẳng nhất".

Trong bản báo cáo về tình hình vệ sinh của giai cấp công nhân cũng có những tài liệu chứng minh sự thật như thế. Ở Li-vớc-pun, năm 1840 tuổi thọ trung bình trong các giai cấp

https://thuviensach.vn

thượng lưu (người thuộc giai cấp trung lưu, người làm nghề tự do, v.v.) là 35 tuổi,

trong giới buôn bán và các thợ thủ công khá giả hơn là 22 tuổi, còn đối với công nhân, thợ công nhật và những người lao động làm thuê nói chung thì chỉ có 15 tuổi. Các bản báo cáo của nghị viện cũng có rất nhiều những sự thật tương tự.

Con số tử vong cao chủ yếu là do trong giới lao động tỷ số trẻ em chết rất cao. Cơ thể non yếu của đứa trẻ chống đỡ kém nhất những ảnh hưởng tệ hại của những điều kiện sống kham khổ. Tình trạng trẻ con bị bỏ vơ vất, khi cả cha lẫn mẹ đều đi làm, hoặc một trong hai người đó bị chết, đã cho người ta thấy ngay tác hại; vì vậy không lấy gì làm lạ khi thấy, như ở Man-se-xtơ chẳng hạn, theo báo cáo mới dẫn trên, hơn 57 phần trăm con cái của người lao động chết dưới 5 tuổi, trong khi ở các giai cấp thượng đẳng con số ấy chỉ là 20 phần trăm, còn ở các vùng nông nghiệp, con số trung bình về trẻ con chết dưới 5 tuổi của tất cả các giai cấp cũng chưa đến 32 phần trăm[104]1). Trong bài đã nhiều lần dẫn ra của tạp chí "Artizan", chúng ta thấy nhiều tài liệu chính xác hơn về vấn đề này; tác giả đối chiếu con số các trường hợp tử vong ở thành phố và ở nông thôn về các bệnh riêng của trẻ con và chứng minh rằng ở Man-se-xtơ và ở Li-vớc-pun, bệnh dịch làm chết nhiều người hơn ở các vùng nông thôn, nói chung gấp ba lần; rằng ở các thành phố bệnh thần kinh nhiều hơn ở nông thôn gấp năm lần, bệnh đường ruột gấp hai lần; còn số trường hợp chết vì các bệnh phổi ở thành phố so với ở nông thôn thì gấp hai lần rưỡi. Ở các thành phố số trẻ con chết vì bệnh đậu mùa, sởi, ho gà và bệnh tinh hồng nhiệt nhiều hơn gấp bốn lần; vì bệnh tràn dịch não gấp ba lần; vì bệnh kinh giật gấp 10 lần. Để thêm một chứng cớ khó cãi nữa, tôi dẫn ra đây một biểu đồ mà bác sĩ

https://thuviensach.vn

Tỷ số tử vong trên 10 000 người	Dưới 5 tuổi	Từ 5 đến 19	Từ 20 đến 30	Từ 40 đến 59	Từ 60 đến 69	Từ 70 đến 79	Từ 80 đến 89	Từ 90 đến 99	Từ 100 và trên 100
Ở lãnh địa Rớt-len, vùng nông nghiệp trong lành...	2 865	891	1 275	1 299	1 189	1 428	938	112	3
Ở lãnh địa Ét-xếch, vùng nông nghiệp đất lầy	3 159	1 110	1 526	1 413	965	1 019	630	177	3
Ở thành phố Các-lây-lơ trong những năm 1779 - 1787, trước khi xuất hiện các công xưởng	4 408	911	1 006	1 201	940	826	533	153	22
Ở thành phố Các-lây-lơ sau khi xuất hiện các công xưởng	4 738	930	1 261	1 134	677	727	452	80	1
Ở thành phố công xưởng Pre-xtơn	4 947	1 136	1 379	1 114	553	532	298	38	3
Ở thành phố công xưởng Lít-xơ	5 286	927	1 228	1 198	593	512	225	29	2

Uyết-đơ đã trích ở bản báo cáo năm 1832 của tiểu ban nghị viện về công xưởng, trong quyển sách của ông: "Lịch sử giai cấp trung gian và giai cấp công nhân" (xuất bản lần thứ ba, Luân Đôn, 1835).

Ngoài những bệnh tật ấy là hậu quả tất nhiên của tình hình giai cấp nghèo khổ nhất bị áp bức và lợi ích của họ bị coi thường, còn có những nguyên nhân khác làm tỷ số tử vong của trẻ con tăng lên. Trong nhiều gia đình, người mẹ cũng đi làm ở ngoài như người cha, hậu quả là con cái bị bỏ vơ vất, hoặc là bị nhốt một mình trong nhà hoặc là bị giao phó cho những người giữ trẻ thuê. Cho nên không lấy gì làm lạ nếu hàng trăm đứa trẻ ấy chết vì đủ mọi thứ tai nạn. Không ở đâu có nhiều trẻ con chết vì xe chẹt, vì ngựa giẫm, không ở đâu có nhiều trẻ con bị chết đuối hoặc chết cháy bằng ở những thành phố lớn của Anh. Đặc biệt là trẻ con

https://thuviensach.vn

thường bị chết bỏng lửa hay bỏng nước sôi; ở Man-se-xtơ, trong mùa đông, hầu như tuần lễ nào cũng có một vụ; ở Luân Đôn cũng nhiều như vậy; nhưng trên báo chí rất ít thấy những tin ấy: tôi chỉ có được một tin của báo "Weekly Dispatch" ngày 15 tháng Chạp 1844 nói rằng trong tuần lễ từ ngày 1 đến 7 tháng Chạp đã xảy ra *sáu* vụ như thế. Những đứa trẻ bất hạnh đó chết một cách khủng khiếp như vậy, hoàn toàn là nạn nhân của tình trạng hỗn loạn trong xã hội chúng ta và của giai cấp có của có lợi trong việc duy trì tình trạng hỗn loạn ấy. Vậy mà biết đâu cái chết kinh khủng và đau đớn đó lại chẳng là một điều may mắn cho những đứa trẻ ấy, vì nó đã tránh cho chúng ta một cuộc đời đầy đau khổ và bần cùng, nhiều đau khổ và ít thú vui ! Tình hình ở Anh đã đến như vậy, còn giai cấp tư sản ngày nào cũng đọc những tin như vậy trên báo chí mà không hề quan tâm đến. Thế nhưng họ sẽ không có quyền phản đối, nếu như dựa vào những chứng cớ chính thức và không chính thức mà tôi dẫn ra, những chứng cớ mà họ *không thể* không biết rõ, tôi tố cáo họ đã phạm cái tội giết người có tính xã hội ấy. Họ phải chọn hoặc là tìm cách chấm dứt

tình trạng kinh khủng ấy, hoặc là giao lại cho giai cấp công nhân quyền quản lý những sự nghiệp công cộng. Nhưng họ chẳng có chút ý định nào thực hiện điều thứ hai, còn điều thứ nhất thì chừng nào họ còn là giai cấp tư sản và còn bị vướng mắc trong những thiên kiến tư sản thì họ không thể thực hiện được. Thực ra, nếu ngày nay, sau khi đã để chết hàng trăm nghìn nạn nhân, rốt cuộc họ đã có chút ít biện pháp nhỏ nhặt để dự phòng cho tương lai và đã ban hành một đạo luật đặc biệt về việc chấn chỉnh xây dựng ở thủ đô[106], tuy chỉ mới hạn chế một phần tình trạng nhà cửa chen chúc hỗn độn, nếu họ khoe khoang về những biện pháp không những không đụng chạm đến nguồn gốc của tội ác, mà thập chí còn không đáp ứng được những yêu cầu thông thường nhất của cảnh sát vệ sinh, thì họ vẫn không thể nhờ vậy mà rửa sạch được tội lỗi của họ. Giai cấp tư sản Anh hiện chỉ còn có một trong hai con đường: hoặc là tiếp tục nắm chính quyền *bất chấp* cái tội giết người không chối cãi được đang đè nặng trên vai nó, hoặc là tự rút lui khỏi chính quyền vì lợi ích của giai cấp công nhân. Cho đến nay, họ vẫn thích con đường thứ nhất.

Chúng ta hãy chuyển từ tình cảnh thể chất của người lao động sang tình cảnh tinh thần của họ. Nếu giai cấp tư sản chăm lo đến đời sống của công nhân chỉ trong chừng mực mà đời sống đó cần thiết cho chúng, thì ta cũng không nên lấy làm lạ là chúng chỉ thí cho công nhân được chút giáo dục vừa đúng đáp ứng lợi ích của chúng. Mà chút đó có được là bao. Các cơ quan giáo dục ở Anh so với số dân thì còn quá ít, không tương xứng. Các trường học ban ngày mà giai cấp công nhân có thể đến học hết sức hiếm hoi, chỉ một số ít người có thể lui tới, vả lại những trường ấy rất tồi tàn, thày giáo là những công nhân đã mất sức lao động, hoặc là những người chẳng làm được gì phải đi dạy học để kiếm ăn, phần nhiều bản thân họ còn thiếu cả những kiến thức sơ đẳng cần thiết nhất, thiếu cả phẩm chất đạo đức thiết yếu cho người làm thày và chẳng hề có sự giám sát gì của công chúng. Ở đây

cũng có tình trạng tự do cạnh tranh và cũng như thường lệ, người giàu thì hưởng phần lợi còn người nghèo thì chịu thiệt thòi vì thật ra họ không còn được tự do cạnh tranh và không đủ

https://thuviensach.vn

kiến thức cần thiết để lựa chọn cho đúng đắn. Không một nơi nào có giáo dục cưỡng bách; trong công xưởng, như chúng ta sẽ thấy, sự cưỡng bách giáo dục chỉ trên danh nghĩa, và trong kỳ họp năm 1843, khi chính phủ muốn đem thực hành việc cưỡng bách trên danh nghĩa ấy thì giai cấp tư sản công nghiệp đã cực lực phản đối, mặc dầu công nhân tỏ ra kiên quyết *tán thành* việc cưỡng bách đi học. Ngoài ra một số rất đông trẻ con làm việc suốt tuần lễ trong công xưởng hoặc ở nhà, nên cũng không thể đi học được. Còn các *trường buổi tối* dành cho những người bận làm việc ban ngày, thì hầu như chẳng có ai học, và chẳng đem lại ích lợi gì. Đòi hỏi những công nhân trẻ tuổi đã làm kiệt sức suốt mười hai giờ liền, tối đến lại đi học từ tám giờ đến mười giờ, thì quả là quá đáng. Những ai đi học thì phần nhiều đều ngủ ngay trong giờ học, điều này đã được hàng trăm chứng cớ trong bản "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" xác nhận. Đành rằng người ta cũng đã tổ chức những trường học ngày chủ nhật, nhưng cũng rất thiếu thày, và chỉ có thể có lợi đôi chút đối với những người đã theo học ở trường ban ngày. Thời gian cách quãng từ chủ nhật này đến chủ nhật sau quá dài, khiến một đứa trẻ ở trình độ rất thấp, khi học bài sau không khỏi quên mất bài trước học cách đấy một tuần. "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" có hàng nghìn dẫn chứng về điều này và chính tiểu ban đã tuyên bố dứt khoát rằng cả trường học ban ngày lẫn trường học ngày chủ nhật đều không thể đáp ứng, dù chỉ phần nhỏ, yêu cầu của đất nước. Báo cáo ấy nêu lên những dẫn chứng về tình trạng dốt nát trong giai cấp lao động Anh, một tình trạng mà người ta không ngờ là có ngay cả ở những nước như Tây Ban Nha hoặc I-ta-li-a. Nhưng cũng không thể nào khác được. Sự học vấn của công nhân ít hứa hẹn điều tốt lành cho giai cấp tư sản, ngược lại có thể gây ra cho họ

những nỗi lo sợ hết sức. Trong toàn bộ ngân sách khổng lồ 55 triệu pao stéc-linh, chính phủ chỉ dành một khoản kinh phí rất nhỏ là 4 vạn pao xtéc-linh cho việc giáo dục quốc dân. Và nếu không có lòng cuồng tín của các giáo phái - chí ít thì những cái hại mà nó gây ra cũng không kém những cái lợi mà nó đem lại ở một nơi nào đó - thì những chi phí về giáo dục có lẽ còn hơn nữa. Nhưng giáo hội quốc giáo Anh đã lập ra các National Schools[105]1* của họ, và mỗi giáo phái cũng đều có những trường học của mình với mục đích duy nhất là để nắm giữ lấy con em những người đồng đạo, và nếu có thể thì phỗng lấy của các giáo phái khác một linh hồn thơ dại đáng thương. Kết quả là tôn giáo, và chính cái mặt vô hiệu quả nhất của tôn giáo - tức là bác bỏ giáo lý của những người có tôn giáo khác - đã trở thành môn học quan trọng nhất, đầu óc trẻ con bị nhồi nhét đầy những giáo lý khó hiểu và những điều phiền toái về thần học, lòng thù hằn giáo phái và lòng cuồng tín mê muội được bồi dưỡng từ tuổi thơ ấu, còn sự đào luyện trí lực, tinh thần và đạo đức thì bị bỏ lơ một cách trắng trợn. Người lao động đã nhiều lần đòi hỏi nghị viện xây dựng một hệ giáo dục quốc dân hoàn toàn trần tục, còn việc chăm lo đến giáo dục tôn giáo thì dành cho giới tu hành của từng giáo phái, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một bộ nào đồng ý thi hành biện pháp như thế. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu, bởi vì bộ trưởng là tôi tớ ngoan ngoãn của giai cấp tư sản, mà giai cấp tư sản thì chia thành vô số giáo phái, mà giáo phái nào cũng chỉ chịu để cho công nhân được hưởng một nền

https://thuviensach.vn

học vấn rất nguy hiểm về các mặt khác với điều kiện là người công nhân phải đồng thời tiếp thu thêm một liều thuốc giải độc là những giáo lý riêng có của các giáo phái ấy. Vì rằng cho đến nay các giáo phái vẫn còn giành nhau quyền đứng đầu, nên giai cấp công nhân vẫn còn chưa được đi học. Thật thế,

các chủ xưởng thường khoe khoang là họ đã dạy cho đại đa số công nhân biết chữ; nhưng qua bản "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" chúng ta có thể hiểu được cái gọi là biết chữ đó như thế nào. Một người thuộc được các chữ cái thì cho là mình biết đọc rồi, và các chủ xưởng cũng đã lấy thế làm yên lòng. Những phép chính tả của tiếng Anh rất dễ nhầm lẫn; nên đọc sách là một nghệ thuật hắn hoi, đòi hỏi phải học tập lâu dài, nếu chúng ta chú ý đến điểm đó thì sự thiếu học vấn của giai cấp công nhân cũng rất dễ hiểu. Rất ít người viết thạo, còn viết cho đúng chính tả thì ngay nhiều người "có học thức" cũng không làm nổi. Những trường học ngày chủ nhật của giáo hội quốc giáo Anh, của các giáo đồ tân giáo và của một số giáo phái khác nữa, nói chung không dạy tập viết, "bởi vì ngày chủ nhật mà làm việc đó thì trần tục quá". Mấy ví dụ rút trong "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" - điều không may là báo cáo này lại không nói đến bản thân nền công nghiệp công xưởng - sẽ chỉ rõ những cách giáo dục khác dành cho công nhân là như thế nào.

Grên-giơ, uỷ viên của tiểu ban nói: "ở Bớc-minh-hêm, nói chung những trẻ em mà tôi đã kiểm tra hoàn toàn không có một chút kiến thức gì có thể tạm gọi là có ích. Mặc dầu ở hầu hết các trường đều *chỉ có* giáo dục tôn giáo, nhưng ngay về phương diện ấy nói chung chúng rất dốt" - Hoóc-nơ, uỷ viên tiểu ban nói: "Ở Uôn-vơ-hêm-tơn, tôi đã gặp những trường hợp như thế này: một em gái 11 tuổi đã học trường học ban ngày và trường học ngày chủ nhật mà "chưa bao giờ được nghe nói đến một thế giới khác, đến thiên đường, đến cuộc sống ở thế giới bên kia". Một thiếu niên 17 tuổi, không biết hai lần hai là bao nhiêu, không biết trong hai pen-ni có mấy phác-thinh (1/4 của pen-ni), ngay cả khi người ta đặt tiền vào tay nó. Một vài em trai chưa bao giờ được nghe nói đến Luân Đôn, và cả đến Uyn-lân-hôn là một địa điểm chỉ cách Uôn-vơ-hêm-tơn một giờ đi đường và có giao thông thường xuyên với nơi này. Một vài em chưa bao giờ nghe đến tên nữ hoàng, hoặc tên những nhân vật như Nen-xơn. Oen-linh-tơn, Bô-na-pác-tơ. Nhưng điều đáng chú ý là chính những đứa trẻ chưa bao giờ nghe nói ngay cả đến sứ đồ Pôn, Mô-i-dơ hoặc Xa-lô-mông, lại biết rất rõ về cuộc đời, về hành vi và tính nết của tên cướp đường Đích Tớc-pin và nhất là của Giắc Si-pa, kẻ trộm đã lừng danh về vượt ngục" - "Một thiếu niên 16 tuổi không biết hai lần hai là bao nhiêu và bốn phác-thinh là bao nhiêu tiền; một
thiếu niên khác 17 tuổi khẳng định rằng 10 phác-thinh là 10 nửa pen-ni, còn một cậu thứ ba cũng 17 tuổi, khi người ta hỏi mấy câu rất đơn giản thì chỉ trả lời gọn lỏn là "không biết gì cả" (he was, no judge o'nothin)"" (Hoóc-nơ, "Báo cáo", Phụ lục, phần thứ II, Q. 18, số 216, 217, 226, 233, v.v.).

Những thiếu niên ấy suốt trong bốn - năm năm bị người ta nhồi cho những giáo lý tôn giáo, rốt cục chẳng biết gì hơn lúc đầu.

Một đứa trẻ "theo học đều đặn trường học ngày chủ nhật trong năm năm, không biết Chúa Giê-su là ai, tuy đã từng nghe tên đó; nó chưa bao giờ nghe nói đến 12 vị sứ đồ cũng như đến Xăm-xơn, Mô-i-dơ và A-a-rơn, v.v." (Như trên, Văn kiện, tr. *q.39, I. 33)*. Một đứa khác "đi học đều ở trường ngày chủ nhật trong sáu năm có biết Chúa Giê-su là ai, biết chúa đã chết trên thánh giá, rỏ máu mình" để chuộc tội cho Chúa cứu thế của chúng ta, "mà chưa bao giờ nghe nói đến thánh Pi-tơ, hoặc thánh Pôn" (Như trên, tr. *q.* 36, I.46). Đứa thứ ba "trong bảy năm đã học ở nhiều trường ngày chủ nhật khác nhau, chỉ có thể đọc

https://thuviensach.vn

được những chữ dễ, đơn âm trong những quyển sách mỏng; đã nghe nói đến 12 sứ đồ, nhưng không rõ Pi-tơ và Giôn có trong số đó không, nếu có thì chắc đó là thánh Giôn Oe-xli" (người sáng lập giáo phái khống luận), v.v. (Như trên, tr. q. 34, I.58). Khi đặt câu hỏi Chúa Giê-su là ai, Hoóc-nơ còn được trả lời như sau: "là A-đam": "đó là một sứ đồ"; "đó là con trai Chúa cứu thế (he was the Saviour's Lord's son)"; và một thiếu niên 16 tuổi còn nói: "đó là một ông vua ở Luân Đôn, từ thuở đã lâu, lâu lắm rồi" - ở Sép-phin-đơ, Uỷ viên tiểu ban Xai-mơn-xơ bắt học sinh các trường ngày chủ nhật đọc sách; chúng đều không thể kể lại được mình đã đọc những gì, và những sứ đồ mà chúng vừa đọc chuyện là người thế nào. Sau khi ông đã lần lượt hỏi tất cả về các sứ đồ và chẳng được câu trả lời nào đúng, một đứa trẻ có vẻ láu lỉnh kêu lên một cách quả quyết. "Thưa ông tôi biết, đó là những người hủi !" (Xai-mơn-xơ, "Báo cáo". Phụ lục, phần I, tr. E 22 và tr. tiếp theo).

Ở các khu vực làm đồ gốm và ở Lan-kê-sia; tình hình cũng như vậy.

Thế là chúng ta thấy được giai cấp tư sản và nhà nước đã làm gì để giáo dục và dạy bảo cho giai cấp công nhân. May thay, chính những điều kiện sinh sống của giai cấp này đã cấp cho họ một thứ giáo dục thực tiễn không những thay thế toàn bộ cái mớ đồ bỏ đi đem dạy ở nhà trường mà còn giải độc được những quan niệm tôn giáo nhảm nhí liền với mớ đồ ấy và thậm chí
còn đặt những người công nhân lên hàng đầu của phong trào toàn dân tộc ở nước Anh. Sự cùng khốn dạy người ta cầu nguyện và - điều quan trọng hơn nhiều - dạy người ta suy nghĩ và hành động. Người công nhân Anh hầu như không biết đọc, và viết thì còn kém nữa, nhưng vẫn biết rất rõ lợi ích của bản thân và lợi ích của toàn dân tộc là thế nào; họ cũng biết lợi ích riêng của giai cấp tư sản là gì và họ có thể trông đợi được gì ở giai cấp ấy. Nếu họ không biết viết thì họ biết nói và nói trước công chúng; họ không biết số học, nhưng họ hiểu khá rõ những khái niệm về kinh tế chính trị học để có thể hiểu thấu chủ trương của một người tư sản tán thành bãi bỏ các thuế ngũ cốc, và đập lại hắn; họ không hiểu gì về những vấn đề trên trời mà các cha cố cố gắng dạy họ, nhưng về những vấn đề trần thế, chính trị và xã hội thì họ lại hiểu rõ ràng. Sau đây, chúng ta còn trở lại điểm này; bây giờ chúng ta chuyển sang những đặc điểm về đạo đức của người công nhân Anh.

Điều hoàn toàn rõ ràng là nền giáo dục đạo đức trong tất cả các trường học ở Anh bị gắn chặt với giáo dục tôn giáo, không thể đem lại kết quả tốt hơn giáo dục này. Những nguyên tắc đơn giản nhất điều tiết những quan hệ giữa *người* với người vốn đã bị những điều kiện xã hội hiện tồn tại và bị cuộc chiến tranh của mọi người chống lại mọi người làm cho rối loạn khác thường, những nguyên tắc ấy ắt phải hoàn toàn không rõ ràng và xa lạ đối với người công nhân không có học thức, khi người ta đem trộn lẫn chúng với những giáo lý tôn giáo không thể hiểu được và trình bày chúng dưới hình thức mệnh lệnh độc đoán, chẳng có cơ sở gì cả. Theo lời thừa nhận của mọi người có uy tín, nhất là của tiểu ban điều tra về lao động trẻ em thì các trường học hầu như không có gì ảnh hưởng gì đến đạo đức của giai cấp công nhân. Giai cấp tư sản Anh ích kỷ đến mức ngu xuẩn và thiển cận, thậm chí không muốn đem truyền cho công nhân cái đạo đức hiện đại, cái đạo đức mà họ đã tạo ra vì những lợi ích của chính họ và để bảo vệ cho

https://thuviensach.vn

bản thân họ ! Ngay việc chăm lo đến lợi ích của riêng bản thân mình ấy, giai cấp tư sản ươn hèn, lười biếng cũng cho là quá tốn kém và thừa. Chắc chắn là sẽ có lúc họ phải ân hận về việc này nhưng lúc ấy sẽ quá muộn. Dù sao thì giai cấp tư sản cũng không nên phàn nàn, nếu những người lao động không biết tí gì về đạo đức ấy và không tuân theo đạo đức ấy.

Như vậy là những người lao động, không những về mặt thể chất và trí tuệ, mà cả về mặt đạo đức đều bị giai cấp thống trị bỏ rơi, và phó mặc cho số mệnh. Lý lẽ duy nhất mà giai cấp tư sản dùng để chống lại công nhân khi công nhân tiến quá gần chúng, đó là pháp luật; dường như công nhân cũng là những súc vật không có lý tính, người ta chỉ dùng có một phương thức giáo dục đối với họ - đó là cái roi, một sức mạnh thô bạo không thể thuyết phục được mà chỉ để dọa nạt. Vì vậy không lấy gì làm lạ là những người công nhân bị đối xử như súc vật, nếu không thực sự trở thành giống như súc vật thì họ chỉ có thể giữ được ý thức và tình cảm xứng đáng với con người nhờ cái lòng căm thù sôi sục và nỗi phẫn khích bên trong không gì dập tắt được đối với giai cấp tư sản giàu có đang cầm quyền. Họ chỉ còn là con người chừng nào họ lòng đầy căm giận giai cấp thống trị, một khi họ ngoan ngoãn để cho người ta tròng ách lên cổ và chỉ tìm cách sống dễ chịu hơn đôi chút dưới cái ách đó mà không nghĩ đến cách bẻ gãy nó đi, thì họ lại biến thành súc vật.

Để giáo dục cho giai cấp công nhân, giai cấp tư sản chỉ làm được có thế thôi, và nếu chúng ta xét đến những điều kiện sinh sống của giai cấp công nhân về các mặt khác, thì chúng ta sẽ không thể mảy may trách họ sao lại thù ghét giai cấp thống trị. - Giáo dục đạo đức, mà người công nhân không hấp thụ được trong nhà trường, họ cũng không thể hấp thụ được trong những điều kiện sinh hoạt khác, ít ra là cái giáo dục đạo đức *mà* theo con mắt của giai cấp tư sản còn có một giá trị nào đó. Toàn bộ tình cảnh của người lao động, toàn bộ hoàn cảnh xung quanh họ
đều đẩy họ đến chỗ mất đạo đức. Họ nghèo, cuộc sống đối với họ không có chút gì thú vị, họ hầu như không được hưởng một chút thú vui nào, đối với họ, sự trừng trị của luật pháp cũng chả còn có gì đáng sợ, như vậy thì tại sao họ phải hạn chế những thèm muốn của mình ? Tại sao họ phải để cho bọn nhà giàu hưởng những của cải của chúng, mà lẽ ra phải chiếm lấy cho mình một phần những của cải ấy ? Người vô sản vì lý do gì mà *không* đi ăn cắp ? Khi nói đến "quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng" thì giai cấp tư sản nghe rất hay, rất êm tai, nhưng đối với kẻ không có chút tài sản nào thì tính thiêng liêng ấy tự nó không còn nữa. Tiền bạc là thượng đế trên đời này. Nhà tư sản lấy mất tiền của người vô sản và như vậy thực tế đã làm cho anh ta trở thành người vô thần. Có gì là lạ khi thấy người vô sản trở nên vô thần và không tôn kính tính thiêng liêng và uy lực của thượng đế trên thế gian ! Và khi sự nghèo nàn của người vô sản tăng lên đến mức hoàn toàn thiếu những cái cần thiết nhất cho cuộc sống, đến mức phải ăn xin và nhịn đói, thì khuynh hướng coi thường tất cả mọi trật tự xã hội cũng tăng lên. Điều đó chính giai cấp tư sản đã biết chắc chắn. *Xai-mơn-xơ* nhật xét[106]1) rằng sự nghèo khổ gây tác động phá hoại đối với tinh thần cũng như nghiện rượu đối với cơ thể, và hơn nữa, viên tỉnh trưởng A-li-xơn đã nói rất tường tận cho giai cấp có của biết sự áp bức xã

https://thuviensach.vn

hội phải mang lại những hậu quả gì cho công nhân[107]2). Sự cùng khổ chỉ cho người lao động được lựa chọn: hoặc chết dần chết mòn vì đói, tự sát ngay, hoặc là lấy những thứ gì anh ta cần ở nơi nào có thể lấy được, nói trắng ra là ăn cắp. Và chúng ta cũng không nên ngạc nhiên khi thấy đa số thích ăn cắp hơn là chịu chết đói hoặc tự sát. Đương nhiên
trong số những người lao động cũng có nhiều người đạo đức khá tốt, ngay khi bị dồn đến bước đường cùng vẫn không chịu ăn cắp, đó chính là những người chết đói hoặc tự sát. Tự sát ngày xưa là một đặc quyền đáng mơ ước của các giai cấp thượng đẳng, ngày nay đã thành cái mốt ngay cả trong những người vô sản ở Anh, và rất nhiều người nghèo tự sát để thoát nỗi khốn cùng mà họ không có cách nào khác để thoát khỏi.

Nhưng cuộc sống bấp bênh, kiếm ngày nào ăn ngày ấy, tóm lại, là tất cả những cái làm cho người công nhân Anh trở thành *người vô sản*, đã phá hoại đạo đức của họ nhiều hơn là sự nghèo khổ. Các tiểu nông ở nước Đức phần nhiều cũng nghèo và cũng thường thiếu thốn, nhưng ít lệ thuộc vào may rủi hơn, ít ra họ cũng vẫn còn có chút gì ổn định. Nhưng người vô sản hoàn toàn không có một cái gì ngoài hai cánh tay của mình, hôm qua kiếm được gì thì hôm nay ăn nấy, phụ thuộc vào đủ mọi điều may rủi, không có gì đảm bảo để họ có thể kiếm được tiền để thoả mãn những nhu cầu cấp bách nhất, - vì rằng mỗi cuộc khủng hoảng, mỗi sự thất thường của ông chủ đều có thể làm mất miếng bánh mì của họ, người vô sản đó bị đặt vào một tình cảnh đáng phẫn uất nhất và vô nhân đạo nhất mà con người có thể tưởng tượng được. Đời sống của người nô lệ, ít ra còn được bảo đảm vì lợi ích riêng của ông chủ; người nông nô dù sao cũng có một mảnh đất nuôi sống họ; cả hai ít ra cũng còn có sự bảo đảm khỏi chết đói; còn người vô sản thì chỉ có trông cậy vào bản thân họ mà đồng thời người ta lại không cho anh ta được dùng sức lực của mình để có thể hoàn toàn trông cậy vào sức lực ấy. Tất cả những cái mà người vô sản có thể tự làm được để cải thiện tình cảnh của mình chỉ là một giọt nước trong cái dòng thác may rủi mà anh ta phải lệ thuộc và không thể khống chế được chút nào. Anh ta là đối tượng thụ động của đủ mọi sự phối hợp và tập trung các cơ hội, và có thể coi là may mắn nếu còn sống qua quít được dù là trong ít lâu. Và hiển nhiên là tính tình và cách sống của anh

ta đều do những cơ hội này quyết định: hoặc là anh phải cố sức giữ mình khỏi chìm xuống đáy dòng nước xoáy, cố sức cứu vãn nhân phẩm của mình, và muốn vậy thì chỉ có cách là phản kháng[108]1) chống giai cấp tư sản, chống giai cấp đã bóc lột anh ta tàn nhẫn đến như vậy rồi phó mặc anh ta cho số mệnh, giai cấp muốn bắt anh ta vĩnh viễn phải ở trong tình cảnh không xứng đáng với con người; hoặc là anh ta từ bỏ cuộc đấu tranh chống lại tình cảnh mà anh ta bị đặt vào, coi cuộc đấu tranh này là vô hiệu quả, và chỉ tìm cách lợi dụng trong chừng mực có thể được những thời cơ thuận lợi riêng biệt. Đối với anh ta, việc để dành không có tác dụng gì cả, bởi vì tiền mà anh ta có thể tích luỹ được nhiều lắm cũng chỉ đủ nuôi thân trong vài tuần mà khi anh ta bị thất nghiệp thì không phải chỉ trong vài tuần. Anh ta không

https://thuviensach.vn

thể giữ được tài sản trong một thời gian dài, và nếu giữ được thì tất nhiên anh sẽ không còn là một công nhân nữa và một người khác sẽ thay thế chỗ anh ta. Vậy thì khi kiếm được đồng lương kha khá, hỏi anh còn làm gì khác nữa, nếu không dùng để sống dễ chịu hơn ? Người tư sản Anh ngạc nhiên và tức giận vì thấy cuộc sống của người lao động "rộng rãi" trong thời kỳ kiếm được đồng lương cao. Cần biết rằng việc người ta hưởng thụ cuộc sống chừng nào có thể hưởng được không những là điều hoàn toàn tự nhiên, mà thậm chí còn hợp lý nữa, chứ không dành dụm, vì sự dành dụm chẳng đem lại lợi ích gì và rốt cục, lại bị mọt và rỉ, tức bọn tư sản, khoét mất. Nhưng lối sống như vậy khiến người ta truỵ lạc hơn bất cứ lối sống nào khác. Lời Các-lai-lơ nói về những công nhân công nghiệp kéo sợi cũng đúng cho tất cả công nhân công nghiệp Anh:

"Nghề nghiệp của họ luôn luôn như đánh bạc, hôm nay còn thịnh vượng, ngày mai lại rủi đen; họ sống như người đánh bạc: hôm nay xa hoa, nhưng ngày mai lại túng thiếu đói khổ. Một nỗi bất mãn u uất của người phản loạn nung nấu họ - đó là tình cảm đau khổ nhất chỉ có thể chứa trong lòng một người. Nền thương nghiệp Anh, với những thăng trầm của nó lan ra toàn thế giới, với thần Prô-tê - hơi nước không gì sánh nổi của nó đã làm cho mọi con đường đối với họ đều không chắc chắn, làm cho họ sa vào một vài vòng luẩn quẩn; những hạnh phúc bậc nhất của con người như tỉnh táo, cương nghị, yên tĩnh lâu dài, họ đều không có... Thế giới này đối với họ không phải là gia đình, mà là nơi ngục tù u ám, đầy những đau khổ, vô nghĩa lý và vô hiệu quả, đầy phẫn nộ, hằn học, oán hận đối với chính mình và đối với toàn thể loài người. Đó là một thế giới xanh tươi và đầy hoa nở do Thượng đế tạo ra và trị vì hay là một địa ngục âm u sôi sục, đầy hơi lưu toan và bụi bông, đầy tiếng huyên náo của những người say rượu, đầy phẫn nộ và khổ dịch do ma quỷ sáng tạo và trị vì ?"[109]1)

Và tiếp đó, trang 40:

"Nếu sự bất công, sự phản bội chân lý, phản bội hiện thực và trật tự thế giới là tội ác thật sự duy nhất trên đời này, nếu nhận thức được rằng mình bị đối xử bất hợp lý và bất công là một thứ cảm giác duy nhất không chịu nổi, thì vấn đề lớn của chúng ta về tình cảnh của người lao động phải là: Tất cả những cái ấy có công bằng không? Và trước hết là: bản thân người công nhân có cho tình trạng ấy là công bằng không?... Lời nói của họ đã là câu trả lời khá rõ, hành động của họ lại càng rõ hơn... Sự phẫn nộ và cái khuynh hướng báo thù ác độc chống lại các giai cấp thượng đẳng ngày càng thâm nhập vào các giai cấp bên dưới: lòng tôn trọng đối với thế quyền, lòng tin tưởng ở những giáo huấn của thần quyền ngày càng giảm sút. Tâm trạng ấy có thể chê trách, có thể trừng phạt, nhưng không thể phủ nhận sự tồn tại của nó; mọi người đều cần phải thấy rằng đó là một hiện tượng đáng buồn và nếu tất cả vẫn như cũ, thì sẽ thành tai hại".

Về sự kiện, Các-lai-lơ nói rất đúng; ông ta chỉ sai lầm khi ông ta chê trách mối căm thù mãnh liệt của công nhân đối với những giai cấp thượng đẳng. Mối căm thù ấy, sự phẫn nộ ấy chứng tỏ rằng công nhân cảm thấy tình cảnh của họ là vô nhân đạo, rằng họ không cam chịu để bị đối xử như súc vật, rằng sẽ có lúc họ

https://thuviensach.vn

tự giải phóng khỏi xiềng xích của giai cấp tư sản. Chúng ta có thể phán đoán điều ấy ở những công nhân không còn cảm thấy sự phẫn nộ đó nữa: một số người ngoan ngoãn tuân theo số mệnh, sống như những thường dân lương thiện, buông trôi theo dòng nước, không quan tâm đến những gì xảy ra trên cõi đời, giúp giai cấp tư sản rèn đúc những xiềng xích chắc chắn hơn trói buộc công nhân, về mặt tinh thần, họ vẫn ở tình trạng lặng lẽ như trong thời kỳ tiền công nghiệp; một số người khác thì mặc cho số mệnh trớ trêu, mất sự ổn định bên ngoài, sống ngày nào hay ngày ấy, uống rượu mạnh hoặc đi ve gái; trong cả hai trường hợp, họ đều là những con vật. Loại người thứ hai này đã góp phần nhiều nhất vào "sự truyền bá nhanh chóng tật xấu", mà giai cấp tư sản đa sầu đa cảm rất lấy làm tức tối sau khi chính mình đã tạo nên những nguyên nhân của nó.

Một nguyên nhân khác của sự truỵ lạc trong công nhân là tính cưỡng bức của lao động của họ. Nếu như hoạt động sản xuất tự nguyện là thú vui cao quý nhất trong những thú vui mà chúng ta hưởng được thì lao động dưới cái gậy lại là nỗi đau khổ nặng nề nhất, nhục nhã nhất. Không gì ghê sợ bằng ngày nào cũng vậy, từ sáng đến tối, bị ép phải làm những việc mình chán ghét! Những tình cảm con người trong người công nhân càng mạnh mẽ thì anh ta càng phải căm ghét công việc của mình, bởi vì anh ta cảm thấy công việc đó là cưỡng bách và không có mục đích gì đối với bản thân anh ta. Anh ta làm việc để làm gì? Vì yêu thích lao động sáng tạo chăng? Vì bản năng chăng? Quyết không phải. Anh ta làm việc vì đồng tiền, vì một vật không có liên quan gì đến bản thân của lao động; anh ta làm việc vì anh ta bị bắt buộc phải làm, hơn nữa, anh ta phải làm việc một cách đơn điệu mệt lử trong nhiều giờ liền đến nỗi chỉ riêng điểm ấy đã đủ làm cho lao động đối với anh trở thành một cực hình ngay từ những tuần đầu, nếu anh còn giữ được một chút tình cảm của con người. Sự phân công lao động còn làm tăng thêm nhiều lần tác dụng làm mụ

người của lao động cưỡng bách. Trong đa số các ngành lao động, hoạt động của người công nhân chỉ hạn chế ở những động tác vụn vặt và hoàn toàn cơ giới, từ phút này sang phút khác, từ năm này qua năm khác vẫn lắp đi lắp lại y nguyên không thay đổi gì[110]1). Nếu một người từ thuở nhỏ mỗi ngày liền trong mười hai giờ hoặc hơn nữa chỉ làm đầu kim găm hoặc giũa những bánh xe răng cưa, đồng thời lại sống trong một tình cảnh như của người vô sản Anh thì đến khi ba mươi tuổi, anh ta còn giữ được bao nhiêu tình cảm và năng lực của con người. Tình hình ấy vẫn không thay đổi sau khi sử dụng động lực hơi nước và máy móc. Công việc của người công nhân được giảm nhẹ, bắp thịt không phải căng thẳng, bản thân lao động trở thành không đáng kể, nhưng ngược lại đơn điệu đến cực độ. Công việc không để cho người công nhân có được chút hoạt động tinh thần nào, lại luôn luôn bắt họ phải tập trung chú ý đến mức không được nghĩ đến cái gì khác nếu muốn làm được chu đáo. Lao động bắt buộc như thế chiếm hết mọi thì giờ của công nhân, ngoài thì giờ tối cần thiết để ăn và ngủ, không để cho anh ta một chút thì giờ rảnh nào để thở hít không khí trong lành và thưởng thức cái đẹp

https://thuviensach.vn

thiên nhiên, chưa nói đến hoạt động tinh thần, một thứ lao động như vậy làm sao không hạ con người xuống hàng súc vật? Thế là người công nhân lại phải chọn lấy một trong hai con đường: hoặc là phục tùng số phận, trở thành "người công nhân tốt", "trung thành" phục vụ lợi ích của người tư sản - và như vậy chắc chắn anh ta trở thành con vật không có lý tính - hoặc là phản kháng, đem hết sức bảo vệ nhân phẩm của mình, và họ chỉ có thể làm được thế trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Tất cả những nguyên nhân ấy đã dẫn đến tình trạng truỵ lạc đạo đức nghiêm trọng trong giai cấp công nhân; ngoài ra lại còn có một nguyên nhân nữa làm cho tình trạng truỵ lạc càng lan rộng thêm và lên đến cực độ: đó là sự tập trung nhân khẩu. Các nhà văn tư sản Anh kêu gào điên dại về ảnh hưởng đồi phong bại tục của các thành phố lớn, những Giê-rê-mi ấy than vãn ngược đời không phải về cảnh huỷ hoại của thành phố, mà về cảnh phồn vinh của nó. Việc tỉnh trưởng *A-li-xơn* hầu như đổ tội tất cả cho nguyên nhân ấy, và bác sĩ *Vô-ôn* tác giả quyển sách "Thời đại các thành phố lớn" lại còn kết tội nặng hơn thế nữa. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu. Những nguyên nhân khác có tác dụng phá hoại đến thân thể và tinh thần của người lao động đều liên quan hết sức mật thiết với quyền lợi của giai cấp có của. Nếu những tác giả ấy thừa nhận nguyên nhân chính là sự nghèo khổ, sự không tin ở ngày mai, lao động quá sức dưới cái gậy, thì mọi người, và ngay cả bản thân họ, sẽ phải tự bảo mình rằng: nếu thế thì chúng ta hãy cho người nghèo có tài sản, hãy bảo đảm phương tiện sinh sống cho họ, hãy ban hành những đạo luật chống lao động quá sức; nhưng đó là điều mà giai cấp tư sản không thể đồng ý được. Nhưng mà, những thành phố lớn cứ tự động phát triển, mọi người đến ở đấy cũng hoàn toàn do tự nguyện; không phải trong tức khắc đã có được kết luận cho rằng những thành phố lớn được tạo nên chỉ là do công nghiệp và do giai cấp tư sản dựa vào công nghiệp mà làm giàu, cho nên giai cấp thống trị càng dễ quy mọi tai ương cho cái nguyên nhân có vẻ như không thể loại trừ được ấy. Thật ra thì những thành phố lớn chỉ tạo ra những điều kiện làm cho các tội ác đã tồn tại từ trước dù sao cũng ở trạng thái manh nha được phát triển nhanh chóng và đầy đủ hơn mà thôi. A-li-xơn ít ra còn đủ nhân đạo để công nhận điều ấy: ông ta không thuộc loại tư sản công nghiệp - đảng viên Đảng tự do hoàn toàn thành thục, mà chỉ là một người tư sản - đảng viên đảng To-ri nửa thành thục cho nên mắt ông còn có lúc nhìn thấy
được rõ những sự vật mà một người tư sản thực thụ hoàn toàn không nhìn thấy. Hãy nghe ông ta nói:

"Chính các thành phố lớn là nơi sức cám dỗ của những thói xấu và thói dâm đãng đã dăng đầy lưới bẫy, chính là nơi tội ác được khuyến khích bởi hy vọng sẽ không bị trừng phạt, còn tính lười biếng được khuyến khích phát triển bởi nhiều gương xấu. Chính tại đây, những trung tâm truỵ lạc lớn này, là nơi những kẻ hư hỏng, những phường vô lại trốn tránh cuộc sống giản dị ở nông thôn đã đến ở; chính ở đây chúng có thể tìm được những nạn nhân cho những hành động hèn hạ của chúng và những việc mạo hiểm của chúng sẽ được đền bù bằng sự kiếm chác dễ dàng. Ở đây đức hạnh bị vùi dập và dìm trong bóng tối, thói xấu vì khó bị khám phá nên nảy nở sum suê và lối sống phóng đãng được khuyến khích vì vừa với túi tiền. Người nào dạo chơi ban đêm trong khu phố Xanh-Gin, trong các phố chật hẹp, đông đúc ở Điu-blin, trong các khu phố nghèo ở Gla-xgô, thì người đó sẽ tìm thấy đủ bằng chứng để xác nhận những lời nói đó và sẽ phải ngạc nhiên không phải vì

https://thuviensach.vn

có nhiều mà là vì có ít tội ác như vậy ở trên đời... Nguyên nhân chủ yếu của sự truỵ lạc trong các thành phố lớn là sự tiêm nhiễm gương xấu, là sự cám dỗ của thói xấu khó mà chống lại được, khi nó ở ngay bên cạnh và khi thế hệ đang lớn lên hàng ngày đều tiếp xúc với nó. Eo ipso[111]1* người giàu cũng chẳng hơn gì người nghèo: ở vào hoàn cảnh tương tự, họ cũng không chống nổi sự cám dỗ; điều không may đặc biệt của những người nghèo là ở khắp mọi nơi họ đều *không thể không va chạm* với sự mồi chài của thói xấu, với sự cám dỗ của những lạc thú bị cấm đoán... Quả là trong những thành phố lớn không thể giữ cho thế hệ đang lớn lên của giai cấp vô sản tránh được sự cám dỗ của thói xấu - đó là nguyên nhân của sự đồi bại đạo đức".

Sau khi đã mô tả nhiều về đạo đức, tác giả của chúng ta viết tiếp:

"Tất cả những cái đó không phải là hậu quả của sự sa đoạ tột độ nào, mà là do sức mạnh hầu như không cưỡng nổi của sự cám dỗ mà người nghèo phải chịu. Người giàu thường chê bai hạnh kiểm người nghèo, nhưng nếu chính họ chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân ấy thì họ cũng sẽ bị sa ngã nhanh chóng không kém. Tới một mức độ nghèo cùng nào đó, trước sức mạnh cám dỗ như vậy người ta khó giữ vững được phẩm hạnh của mình, nhất là đối với tuổi thanh niên. Trong những trường

https://thuviensach.vn

hợp ấy, thói xấu lan truyền không sao tránh được và thường nhanh chóng như là bệnh truyền nhiễm của cơ thể".

Vẫn tác giả ấy viết ở một đoạn khác:

"Khi những giai cấp thượng đẳng, vì lợi ích của mình, tập trung đông đảo người lao động vào một nơi chật hẹp, thì sự truyền nhiễm thói xấu bắt đầu lan tràn nhanh chóng lạ thường và không thể tránh được. Xét trình độ tôn giáo và đạo đức của những đại biểu của các giai cấp bên dưới thì nhiều khi họ ít đáng chê trách về chỗ bị cám dỗ, cũng như ít đáng chê trách về chỗ đã *trở thành nạn nhân của bệnh thương hàn*"[112]1).

Nhưng thế là đủ ! A-li-xơn, con người nửa–tư sản, dù quan điểm bị hạn chế, cũng đã vạch cho ta thấy những hậu quả tai hại của những thành phố đối với sự phát triển đạo đức của người lao động. Một tác giả khác, bác sĩ En-đriu *I-u-rơ*[113]2), một nhà tư sản thực thụ, là linh hồn của Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc, cho ta thấy một khía cạnh khác của những hậu quả ấy. Ông cho biết là đời sống ở các thành phố lớn làm cho các mưu đồ làm loạn nảy nở dễ dàng trong công nhân và giúp cho đám bình dân có sức mạnh. Theo ý ông ta, nếu không giáo dục người lao động một cách thích đáng (tức là phục tùng giai cấp tư sản) thì họ sẽ nhìn nhận sự vật một cách phiến diện, theo quan điểm ích kỷ ác độc và dễ nghe theo lời xúi giục của bọn mị dân giảo quyệt; họ lại còn có thể có thái độ ghen ghét và thù hằn đối với những *vị ân nhân tốt nhất* của họ là những nhà tư bản đạm bạc và tháo vát; chỉ có một nền giáo dục đúng đắn mới cứu vãn nổi tình hình ấy, nếu không, sẽ xảy ra sự phá sản của dân tộc và nhiều tai hoạ khác, bởi vì không thể nào tránh được cuộc cách mạng của công nhân.

Nhà tư sản của chúng ta lo sợ là phải. Nếu sự tập trung dân số làm cho giai cấp có của phồn vinh và phát triển gấp bội, thì nó còn có ảnh hưởng lớn hơn đối với sự phát triển của công nhân. Công nhân bắt đầu cảm thấy mình - về toàn thể - là một giai cấp; họ đã hiểu được rằng đứng riêng lẻ thì họ yếu, nhưng liên hợp lại thì thành một lực lượng; điều này đã giúp cho họ tách ra khỏi giai cấp tư sản và giúp cho những quan niệm về tư tưởng độc lập, đặc trưng cho công nhân và cho hoàn cảnh sinh sống của họ được hình thành; họ bắt đầu hiểu về địa vị bị áp bức của mình và công nhận có tầm quan trọng về mặt xã hội và chính trị. Các thành phố lớn là nơi bắt nguồn của phong trào công nhân: nơi đây công nhân lần đầu tiên đã bắt đầu suy nghĩ về tình cảnh của mình và đấu tranh để thay đổi nó, nơi đây sự đối lập về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản lần đầu đã biểu lộ ra, nơi đây những liên đoàn lao động, phong trào Hiến chương và chủ nghĩa xã hội đã ra đời. Bệnh tật của cơ thể xã hội vốn là mãn tính ở nông thôn, đã chuyển sang trạng thái cấp tính ở các thành phố lớn, và nhờ đó mà phát hiện được thực chất của căn bệnh và tìm ra được phương pháp cứu chữa. Nếu không có các thành phố lớn, nếu không có sự thúc đẩy của chúng đối với sự phát triển ý thức xã hội thì công nhân còn xa mới được tiến bộ như ngày nay. Hơn nữa, các thành phố lớn còn xoá bỏ những tàn tích cuối cùng của quan hệ gia trưởng giữa thợ và chủ, nền đại công nghiệp cũng đã góp phần vào việc này bằng cách làm tăng số lượng công nhân phụ thuộc vào một người tư sản. Giai cấp tư sản tiếc rẻ điều đó cũng hoàn toàn có căn cứ: vì rằng những quan hệ trước kia hầu như đã đảm bảo cho họ tránh được sự phản kháng của công nhân. Người tư sản đã mặc sức

https://thuviensach.vn

bóc lột và đè nén công nhân của mình bao nhiêu là tuỳ thích và thêm vào đó còn có thể hy vọng những người chất phác ấy phục tùng, biết ơn và yêu mến hắn, nếu ngoài việc trả lương, hắn còn tỏ ra ân cần đôi chút - mà làm như vậy hắn chẳng mất gì - hoặc nếu hắn thực hiện vài điều nhân nhượng không đáng kể dường như là hoàn toàn do lòng

tốt đặc biệt của hắn, mặc dầu, tất cả những cái ấy chưa đáng một phần mười cái mà hắn phải làm. Thật ra, với tư cách một cá nhân riêng lẻ đặt trong hoàn cảnh không do mình tạo nên, có lẽ hắn cũng đã thực hiện một phần nào nghĩa vụ của mình; nhưng với tư cách là một thành viên của giai cấp cầm quyền, và *do chỗ hắn là kẻ cầm quyền* mà phải nhận thấy trách nhiệm về tình cảnh của toàn dân tộc và phải có nghĩa vụ quan tâm đến lợi ích chung thì người tư sản chẳng làm được việc gì mà tình cảnh đó buộc hắn phải làm, vả lại hắn còn bóc lột thêm nhiều hơn nữa toàn bộ dân tộc vì lợi ích riêng của hắn. Trong quan hệ gia trưởng che đậy địa vị nô lệ của người thợ một cách giả nhân giả nghĩa, người công nhân chỉ có thể là một người dân tầm thường, đã chết về mặt tinh thần, không hiểu biết về lợi ích của bản thân mình. Chỉ tới lúc xảy ra sự xa cách giữa anh ta và chủ, lúc đó rõ ràng là người chủ chỉ liên hệ với anh ta vì lợi ích riêng, vì theo đuổi lợi nhuận, lúc những quan hệ thân ái giả tạo đó không chịu đựng được chút thử thách nào, đã hoàn toàn biến mất, chỉ có lúc đó người công nhân mới bắt đầu nhận thức được về địa vị và lợi ích của mình và bắt đầu phát triển độc lập, chỉ có lúc đó về tư tưởng, về tình cảm và về nguyện vọng anh mới thôi đi theo giai cấp tư sản một cách nô lệ. Và có được kết quả này, chủ yếu là nhờ có nền đại công nghiệp và các thành phố lớn.

Một yếu tố khác đã có ảnh hưởng quan trọng tới tình hình của công nhân Anh là sự nhập cư của công nhân Ai-rơ-len mà chúng ta đã nói tới ý nghĩa của nó về mặt ấy. Sự nhập cư này, một mặt, như ta đã thấy, quả thật đã hạ thấp trình độ công nhân Anh, đã làm cho công nhân Anh xa lìa văn hoá và làm cho tình cảnh của họ thêm xấu đi, nhưng ngược lại, mặt khác nó đã đào sâu thêm cái hố ngăn cách giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, và do đó đã đẩy mạnh thêm cuộc khủng hoảng đang tới gần. Vấn đề là ở chỗ, căn bệnh xã hội mà nước Anh mắc phải quả thực cũng có tiến trình giống như bệnh tật của một cơ thể sống; nó phát
triển theo một quy luật nhất định và có những cơn nguy kịch mà cơn cuối cùng và nặng nhất quyết định số mệnh của con bệnh. Và bởi vì dân tộc Anh không thể tiêu vong trong cơn nguy kịch cuối cùng ấy, mà ngược lại phải thoát khỏi, phục hưng và đổi mới, cho nên chỉ có thể vui mừng trước mọi sự việc làm cho tiến trình của căn bệnh ấy nguy kịch thêm. Ngoài ra sự nhập cư của người Ai-rơ-len còn góp phần vào việc này bằng cách đem vào Anh và truyền vào giai cấp công nhân Anh cái tính tình hăng say, sôi nổi của người Ai-rơ-len. Giữa người Ai-rơ-len và người Anh khác nhau về nhiều mặt, cũng như giữa người Pháp và người Đức vậy; sự tiếp xúc giữa người Ai-rơ-len có tính tình bồng bột hơn, dễ xúc động và nóng nảy hơn với người Anh có tính tình điềm đạm, tự chủ được, biết suy tính đắn đo, rốt cuộc chỉ có thể có lợi cho cả đôi bên. Tính ích kỷ tàn nhẫn cố hữu của giai cấp tư sản Anh sẽ còn được duy trì lâu hơn nhiều cả trong giai cấp công nhân, nếu như tính đó không pha trộn tính hào

https://thuviensach.vn

hiệp có thể đi đến sự hy sinh quên mình mà tính hào hiệp này trước hết là xuất phát từ tình cảm của người Ai-rơ-len, và nếu tính lãnh đạm, thuần tuý lý tính của người Anh không bị giảm đi một mặt bởi sự pha trộn dòng máu Ai-rơ-len và mặt khác bởi sự tiếp xúc thường xuyên với người Ai-rơ-len.

Sau khi đã biết tất cả những điều nói trên, chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên rằng giai cấp công nhân Anh dần dần trở thành một dân tộc khác hẳn với giai cấp tư sản Anh. Giai cấp tư sản có những điểm giống nhau với tất cả các dân tộc khác trên trái đất nhiều hơn là với những người công nhân cùng sống ngay bên cạnh nó. Công nhân nói một thổ ngữ khác, có những tư tưởng và quan niệm khác, có những phong tục và nguyên tắc đạo đức khác, có tôn giáo và đường lối chính trị khác, so với giai cấp tư sản. Đó là hai dân tộc hoàn toàn khác nhau, khác biệt nhau như là thuộc hai chủng tộc khác nhau; tới nay, trên lục địa, chúng ta mới biết một trong hai dân tộc ấy: giai cấp tư sản. Nhưng trong
khi đó chính một dân tộc khác, gồm những người vô sản, lại quan trọng hơn nhiều cho tương lai nước Anh[114]1)

Sau này chúng ta sẽ còn nói về tính cách xã hội của công nhân Anh trong chừng mực nó biểu hiện ở những đoàn thể và những quan điểm chính trị của họ. Ở đây chúng ta chỉ muốn bàn tới những hậu quả của những nguyên nhân vừa kể trên trong chừng mực những hậu quả ấy có ảnh hưởng đến phẩm cách cá nhân của người công nhân. - Trong đời sống hàng ngày, người công nhân nhân từ hơn người tư sản rất nhiều. Tôi đã nói ở trên là những người ăn mày thường chỉ cầu xin công nhân và nói chung công nhân đã cứu giúp người nghèo nhiều hơn giai cấp tư sản. Sự thật đó mà người ta có thể kiểm nghiệm hàng ngày cũng đã được nhiều người xác nhận, trong đó có thày tu Pác-kin-xơn ở Man-se-xtơ. Ông nói như sau:

"Người nghèo cho nhau nhiều hơn là người giàu cho người nghèo. Để chứng minh lời nói của tôi, tôi có thể viện dẫn một trong những thày thuốc nhiều tuổi nhất, nhiều kinh nghiệm nhất, giỏi quan sát nhất và nhân đạo nhất của chúng ta, bác sĩ Bác-đơ-xli. Ông đã công khai tuyên bố là toàn bộ số tiền người nghèo cho nhau hàng năm lớn hơn số tiền người giàu cho người nghèo trong cùng một thời gian ấy"[115]2).

Lòng nhân đạo của công nhân còn thể hiện ở nhiều hình thức

https://thuviensach.vn

khác làm cho người ta rất vui thích. Chính bản thân họ cũng đã từng chịu đựng số phận ngặt nghèo cho nên họ biết cảm thông với những người khổ cực. Đối với họ thì người nào cũng là người, còn đối với người tư sản thì người công nhân chưa hoàn toàn là con người. Vì thế cho nên người công nhân nhã nhặn hơn, ân cần hơn và mặc dầu họ túng tiền hơn giai cấp có của, họ cũng vẫn không hám tiền bằng; đối với họ, giá trị của tiền bạc là ở chỗ nó mua được cái gì, con đối với người tư sản thì tiền có một giá trị cố hữu đặc biệt, một giá trị thần thánh và làm cho người tư sản trở thành "người kiếm chác tiền" nhuốc nhơ, ti tiện. Người công nhân không hề có tư tưởng sùng bái đồng tiền, không tham lam như người tư sản là kẻ sẵn sàng làm bất cứ cái gì để kiếm chác được nhiều tiền hơn, kẻ chỉ có mỗi mục đích trong đời là làm đầy thêm túi tiền của mình. Vì thế cho nên so với người tư sản, người công nhân ít thiên kiến hơn nhiều, dễ tiếp thu hiện thực hơn nhiều, và không nhìn mọi sự vật qua lăng kính lợi ích cá nhân. Sự giáo dục thiếu sót làm cho anh ta tránh khỏi những thiên kiến tôn giáo; vì không hiểu gì về những vấn đề tôn giáo nên anh ta chẳng phải nghĩ nát óc về những vấn đề ấy, anh ta rất xa lạ với thứ cuồng tín mà người tư sản mắc phải, nếu anh có theo đạo thì chỉ trên lời nói, thậm chí cũng không phải là trong lĩnh vực lý luận; trên thực tế, người công nhân chỉ sống vì những lợi ích thế tục và mong được khá hơn một chút trong thế giới này. Tất cả những văn sĩ tư sản đều nhất trí là công nhân không có tôn giáo và không đi nhà thờ. Chỉ riêng có người Ai-rơ-len, một ít người có tuổi và người nửa - tư sản: cai, thợ và những người tương tự, là ngoại lệ. Còn đại bộ phận thì hầu hết chẳng quan tâm gì đến tôn giáo; nhiều lắm cũng chỉ có thể thấy một chút màu sắc tự nhiên hoặc qua nỗi lo sợ không căn cứ trước những từ ngữ như infidel (kẻ vô đạo) hoặc kẻ vô thần. Giới tu hành của mọi phái đều bị công nhân rất coi khinh, tuy họ chỉ mới vừa bị mất ảnh hưởng đối với công nhân, nhưng ngày nay có tình hình

là chỉ gọi gọn lỏn: he is a parson ! - nó là cố đạo đấy ! - thường đã đủ để đuổi một giáo sĩ ra khỏi diễn đàn những cuộc hội họp công cộng. Sự thiếu sót về giáo dục tôn giáo và về các mặt giáo dục khác, cũng như bản thân những điều kiện sinh sống, đã làm cho người công nhân khách quan hơn, ít bị ràng buộc hơn bởi những thành kiến và những nguyên tắc cũ rích, cố định, so với người tư sản. Người tư sản ngụp đầu trong những thành kiến giai cấp những nguyên tắc hắn được nhồi nhét từ thuở nhỏ; đối với hắn thì không thể làm khác được; ngay cả khi mang cái vỏ tự do, thực chất hắn vẫn là bảo thủ; lợi ích của hắn gắn liền với chế độ hiện hành và đối với mọi trào lưu tiến bộ, hắn là người đã chết. Hắn không còn đứng ở hàng đầu sự phát triển lịch sử, và những người công nhân thay thế hắn ở chỗ ấy, thoạt đầu chỉ là về mặt quyền hạn và sau này là trên thực tế.

Tất cả những điều ấy cùng với hoạt động xã hội nảy sinh từ đó của công nhân - hoạt động ấy chúng ta sẽ nói đến ở dưới - tạo nên mặt tích cực trong tính cách của giai cấp này; mặt tiêu cực có thể phác ra trên những nét chung và nẩy sinh một cách cũng hoàn toàn tự nhiên từ những nguyên nhân nói ở trên. Rượu chè, phóng đãng về mặt tình dục, thô bạo và thiếu tôn

https://thuviensach.vn

trọng quyền sở hữu, - đó là những tội chính mà người tư sản buộc cho công nhân. Công nhân uống rượu nhiều là điều hoàn toàn tự nhiên. Viên tỉnh trưởng *A-li-xơn* đã xác nhận rằng ở Gla-xgô mỗi tối thứ bảy, có trên ba vạn công nhân say rượu và con số ấy chắc không phải là phóng đại; cũng ở thành phố đó, trong năm 1830 cứ mười hai nhà, và trong năm 1840, cứ mười nhà có một quán rượu; ở Xcốt-len năm 1823 đã đánh thuế tiêu thụ vào 2 300 000 ga-lông rượu, và năm 1837 vào 6 620 000 ga-lông; ở Anh năm 1823 vào 1 976 000 ga-lông và năm 1837 vào 7 875 000 ga-lông[116]1). Đạo luật
về rượu bia ban hành năm 1830 đã làm cho những quán gọi là jerry-shop bán rượu bia uống tại chỗ, dễ dàng mọc lên khắp nơi; cũng làm cho nạn say rượu lan rộng ra thêm, bởi vì gần như tại cổng mỗi nhà đều có quán bán rượu. Hầu như ở phố nào cũng có vài quán bán rượu bia như vậy, và ở ngoại ô, nơi nào có hai ba nhà liền nhau thì chắc chắn có một nhà là jerry-shop. Ngoài ra còn có nhiều hush-shops, tức là những quán bán rượu bí mật, lén lút bán không có giấy phép, và ở ngay trung tâm các thành phố lớn, trong các khu phố hẻo lánh, ít khi bị cảnh sát kiểm soát, có nhiều nơi cất trộm rượu mạnh, sản xuất rất nhiều rượu. Ga-xken, trong tác phẩm dẫn ở trên, đã ước tính là riêng ở Man-se-xtơ có tới trên một trăm nơi cất rượu mạnh như vậy sản xuất hàng năm ít ra là 156 000 ga-lông. Ngoài ra, ở Man-se-xtơ còn có trên một nghìn quán rượu, như vậy thì, tính theo tỷ lệ với số nhà cửa, ít ra cũng bằng ở Gla-xgô. Trong tất cả các thành phố lớn khác, tình hình cũng y như vậy. Chưa nói gì đến những hậu quả thường thấy của tệ nghiện rượu, nếu chỉ chú ý đến một điều là ở những nơi đó, đàn ông, đàn bà đủ mọi lứa tuổi, thậm chí cả trẻ con, thường có cả những bà mẹ bồng con, tiếp xúc với những nạn nhân sa đọa nhất của chế độ tư sản - bọn kẻ cắp, bịp bợm, gái điếm -, nếu chỉ nhớ lại nhiều bà mẹ cho trẻ thơ còn bồng trên tay uống rượu thì chắc cũng chẳng có ai chối cãi là các nơi đó đã làm bại hoại đạo đức những khách hàng của nó. Nhất là tối thứ bảy, lương đã lĩnh rồi, tan tầm cũng sớm hơn ngày thường một chút, toàn thể giai cấp công nhân từ các khu nhà ổ chuột của họ đã đổ ra các phố chính, thì có thể nhìn thấy tất cả cái thô bạo của tệ nghiện rượu. Ở Man-se-xtơ những tối đó, ít khi tôi ra đường mà lại không gặp rất nhiều người say rượu đi chệnh choạng hoặc ngã gục trong các rãnh nước. Tối chủ nhật, cảnh tượng giống như vậy là thường diễn ra, chỉ có khác là bớt ầm ĩ hơn. Và khi đã tiêu hết tiền, người nghiện rượu chạy tới nhà cầm đồ gần nhất - mỗi thành phố lớn đều có nhiều nhà cầm đồ như vậy, ở Man-se-xtơ có tới trên sáu

mươi nhà, và riêng một phố ở Xôn-phoóc (phố Se-pen) đã có từ mười đến mười hai nhà - cầm cố tất cả những gì còn lại. Đồ đạc, quần áo ngày lễ nếu có, bát đĩa, cứ đến thứ bảy là một số lượng lớn những thứ đó được chuộc lại để rồi, trước ngày thứ tư sau, hầu hết lại trở lại đấy, cho tới lúc xảy ra chuyện bất ngờ nào đó làm cho người nghiện rượu không thể chuộc lại được nữa và hết vật này tới vật khác rơi vào tay người cho vay nặng lãi hoặc cho tới lúc người cầm đồ không còn chịu bỏ một đồng nào để cầm những đồ cũ nát, vô dụng. Người nào đã chính mắt mình nhìn thấy tệ nghiện rượu lan tràn trong công nhân Anh, thì sẽ dễ tin lời

https://thuviensach.vn

huân tước E-sli[117]1) nói rằng công nhân đã tiêu hàng năm hai mươi lăm triệu pao xtéc-linh để uống rượu. Rất dễ hình dung được tệ nghiện rượu đã làm cho tình cảnh vật chất của công nhân sút kém bao nhiêu, đã có ảnh hưởng phá hoại đối với sức khoẻ về thể xác và tinh thần của họ, đã làm cho những quan hệ gia đình trở nên bất hoà đến như thế nào. Thật ra các hội chống nghiện rượu có hoạt động nhiều, nhưng vài nghìn "Teatotallers"[118]1* thì có nghĩa lý gì so với hàng triệu công nhân ? Khi cha Ma-thiu, nhà tuyên truyền chống nghiện rượu người Ai-rơ-len, đi khắp các thành phố Anh, thì đã có từ ba vạn tới sáu vạn công nhân xin "pledge" (thề) nhưng chưa đầy một tháng sau, đa số những người ấy đã quên lời thề. Nếu cộng xem có bao nhiêu người ở Man-se-xtơ trong ba, bốn năm gần đây đã xin thề bỏ rượu như thế sẽ được một con số lớn hơn số dân của thành phố ấy, nhưng vẫn không thấy tệ nghiện rượu giảm đi đáng kể.

Một thói xấu lớn khác của nhiều công nhân Anh bên cạnh thói rượu chè vô độ, là tính dâm đãng trong quan hệ nam nữ. Và thói
xấu ấy sản sinh với tính tất yếu sắt đá, không sao tránh khỏi từ trong tình cảnh chung của giai cấp ấy bị xã hội bỏ mặc cho tự liệu lấy mình, nhưng lại thiếu hẳn những phương tiện cần thiết để sử dụng thích đáng tự do của họ. Giai cấp tư sản đã bắt họ chịu đựng nhiều lao động nặng nhọc và đau khổ, chỉ dành cho họ có hai thú vui ấy. Vì vậy, công nhân đã dốc toàn bộ nhiệt tình vào hai thú vui ấy, đã truy hoan vô độ và hỗn loạn, để ít ra cũng được hưởng chút gì của cuộc sống. Khi con người bị đặt vào một hoàn cảnh chỉ đáng dành cho súc vật, không hơn tý nào, thì họ chỉ còn có cách hoặc là vùng lên phản kháng hoặc là thực sự trở thành súc vật. Và, hơn nữa, nếu lại chính giai cấp tư sản, ngay cả những vị đại diện có đức hạnh đáng kính của giai cấp ấy, đã trực tiếp góp phần làm cho nạn mãi dâm phát triển ? Trong số bốn vạn gái điếm, tối tối đứng đầy các phố ở Luân Đôn[119]1) có bao nhiêu người sống nhờ vào giai cấp tư sản đức hạnh ? Có bao nhiêu người đã cám ơn kẻ quyến rũ họ lần đầu tiên là người tư sản về chỗ ngày nay phải bán thân cho mỗi khách qua đường, để khỏi phải chết đói ? Chính giai cấp tư sản lại càng ít có quyền trách cứ công nhân về thói dâm ô truỵ lạc, điều đó chẳng rõ ràng hay sao ?

Nói chung, tất cả những lời trách cứ công nhân đều quy vào tội hưởng lạc vô độ, thiếu lo xa và thiếu tôn trọng trật tự hiện hành của xã hội, tóm lại là thiếu khả năng biết hy sinh những lạc thú trước mắt cho những lợi ích xa xôi hơn. Nhưng như thế có gì là lạ ? Liệu một giai cấp gồm những người làm lụng cực nhọc mà chỉ được hưởng thụ một phần rất ít và chỉ toàn những thú vui về thể xác, có thể nào không mù quáng và đắm đuối lao vào các thú vui đó chăng ? Nếu chẳng hề có ai chăm lo đến việc giáo dục giai cấp ấy, nếu số phận của những thành viên riêng lẻ

https://thuviensach.vn

của giai cấp ấy tuỳ thuộc vào những điều may rủi muôn hình muôn vẻ, nếu họ không thể tin được ở ngày mai, thì vì lý gì, vì lợi lộc gì mà họ phải lo xa, phải sống cuộc đời "đúng đắn" và hy sinh những thú vui trước mắt cho những thú vui tương lai, cái thú vui mà thực ra đối với *họ* chưa có gì đảm bảo trong cái hoàn cảnh thiếu ổn định, luôn luôn bấp bênh ? Đòi hỏi một giai cấp đã phải chịu đựng tất cả những nỗi thiệt thòi của trật tự xã hội hiện tại và không được hưởng một chút lợi ích gì của trật tư ấy, đòi hỏi một giai cấp đã bị trật tự xã hội đối xử một cách thù hằn, phải tôn trọng trật tự ấy, thì thật là thái quá ! Nhưng một khi trật tự xã hội ấy còn tồn tại, thì giai cấp công nhân không thể tránh được nó, và nếu có một công nhân cá biệt nào nổi lên chống lại thì chính anh ta sẽ vì vậy mà phải chịu đựng tai hoạ lớn nhất. Chính vậy, trật tự xã hội đã làm cho công nhân hầu như không thể coi đời sống gia đình. Trong một gian nhà bẩn thỉu nhớp nháp, thậm chí chưa đáng làm chỗ ngủ, đồ đạc tồi tàn, thường không che nổi mưa gió, không được sưởi ấm, thiếu không khí và quá đông người ở, không thể có hạnh phúc gia đình được. Người chồng làm việc cả ngày, người vợ và các con lớn thường cũng như vậy, tất cả đều làm ở những địa điểm khác nhau, chỉ gặp nhau sáng sớm và buổi tối, thêm nữa, lại luôn luôn bị rượu chè lôi cuốn - trong hoàn cảnh như vậy, đời sống gia đình sẽ ra sao ? Nhưng người công nhân lại không thể tách khỏi gia đình, anh ta phải sống trong gia đình, do đó thường xuyên xảy ra bất hoà và cãi cọ trong nhà gây nên ảnh hưởng rất đồi bại không những đối với bản thân vợ chồng mà đặc biệt là đối với con cái. Lơ là mọi bổn phận gia đình, - đặc biệt là những bổn phận đối với con cái, - là một hiện tượng rất phổ biến trong công nhân Anh và chủ yếu là do chế độ xã hội hiện hành gây ra. Ấy thế mà người ta lại còn muốn rằng những đứa trẻ không ai dạy dỗ, lớn lên trong cảnh truỵ lạc mà chính cha mẹ chúng cũng thường rơi vào, về sau này
trở nên những người có đạo đức tốt ! Những yêu cầu mà người tư sản tự mãn đặt ra cho công nhân quả thật quá ngây thơ !

Biểu hiện rõ rệt nhất, cực đoan nhất của sự coi thường trật tự xã hội là việc phạm tội. Nếu những nguyên nhân làm bại hoại đạo đức của công nhân, tác động mạnh hơn, tập trung hơn lúc thường, thì người công nhân ắt sẽ phạm tội ác cũng như nước đun tới 80^0 Rê-ô-muya chắc chắn sẽ chuyển từ thể lỏng sang thể khí. Do cách đối xử thô bạo làm ngu muội con người của giai cấp tư sản, người công nhân cũng trở thành một vật không có ý chí của mình như là nước và tất yếu cũng phải chịu sự chi phối của những quy luật tự nhiên y như vậy tới một lúc nào đó anh ta sẽ mất mọi tự do hành động. Vì vậy, số tội phạm ở Anh tăng lên đồng thời với số người vô sản và dân tộc Anh trở thành dân tộc có nhiều tội phạm nhất thế giới. Qua "những bảng thống kê tội trạng" do Bộ nội vụ công bố hàng năm, ta thấy số tội phạm ở Anh tăng nhanh một cách không thể tưởng được. Số vụ bắt giam về tội hình riêng ở Anh và Oen-xơ đã là:

Năm	1805	4605

https://thuviensach.vn

-	1810	5146
-	1815	7898
-	1820	13710
-	1825	14437
-	1830	18107
-	1835	20731
-	1840	27187
-	1841	27760
-	1842	31309

Nói cách khác, trong 37 năm, số vụ bắt giam đã tăng lên bảy lần. Trong số vụ bắt giam năm 1842, riêng ở Lan-kê-sia có tới 4 497 vụ, tức là quá 14 phần trăm và ở khu Mít-đơn-xếch (bao gồm cả Luân Đôn) tới 4 049 vụ, tức là trên 13 phần trăm. Như vậy, ta thấy rằng chỉ riêng hai khu vực có những thành phố lớn với đông đảo dân vô sản đã có tới trên một phần tư tổng số vụ phạm tội của cả nước, tuy rằng dân số ở đó còn xa mới bằng một
phần tư tổng số dân cả nước. Qua các bản thống kê tội trạng, còn có thể thấy rõ là phần lớn các vụ phạm tội rơi vào giai cấp vô sản: năm 1842, 32,35 phần trăm số tội nhân hoàn toàn không biết đọc, biết viết; 58,82 phần trăm biết võ vẽ chút ít; 6,77 phần trăm đọc, viết khá; 0,22 phần trăm được học cao, còn 2,34 phần trăm thì không xác định được trình độ học vấn như thế nào. Ở Xcốt-len, số vụ phạm tội còn tăng nhanh hơn nữa; năm 1837, đã có 3 176 vụ và năm 1842, 4 189 vụ. Ở La-nác-sia - chính viên tỉnh trưởng A-li-xơn đã làm báo cáo chính thức về vấn đề này - trong ba mươi năm dân số tăng gấp đôi, còn số vụ phạm tội thì cứ năm năm rưỡi lại tăng gấp đôi, như vậy là số tội phạm tăng nhanh hơn số dân tới sáu lần. - Phần lớn các vụ phạm tội, như ở tất cả các nước văn minh khác, là tội vi phạm quyền sở hữu, tức là những tội do thiếu thốn cái này, cái khác mà sinh ra, bởi vì chẳng ai đi ăn cắp cái mà mình đã có. Tỷ lệ giữa số tội vi phạm quyền sở hữu với số dân là 1/7 140 ở Hà Lan, 1/1 804 ở Pháp, còn ở Anh, vào khoảng thời kỳ Ga-xken viết cuốn sách của ông, là 1/799. Tỷ lệ giữa số tội hành hung người với số dân ở Hà Lan 1/28 904, ở Pháp là 1/17 573 và ở Anh là 1/23 395; tỷ lệ giữa tất cả các vụ phạm tội nói chung với số dân trong các khu nông nghiệp là 1/1 043 và trong các khu công xưởng là 1/840[120]1); hiện nay, trong toàn nước Anh, tỷ lệ đó *gần tới*

https://thuviensach.vn

1/660[121]2), ấy là từ khi quyển sách của Ga-xken xuất bản cho tới nay mới chưa quá mười năm !

Những sự kiện ấy thật đã thừa đủ để buộc mỗi người, kể cả người tư sản nữa, phải suy nghĩ về những hậu quả của một tình trạng như vậy. Nếu sự suy đồi về đạo đức và sự phạm tội lại cứ tăng lên theo tỷ lệ như vậy trong vòng hai mươi năm nữa, - nếu trong khoảng hai mươi năm này nền công nghiệp Anh lại sút kém
so với những năm về trước, thì số vụ phạm tội sẽ chỉ có tăng mà thôi, - thì kết quả sẽ đưa đến đâu? Ngay từ bây giờ chúng ta đã thấy xã hội hoàn toàn mục nát, ngay từ bây giờ chúng ta đã không thể giở một tờ báo nào mà không thấy những ví dụ rõ rệt nhất về sự lỏng lẻo của mọi quan hệ xã hội. Trong đống báo Anh để ở trước mắt, tôi chẳng lựa chọn gì, rút ra một số. Đây là tờ "Manchester Guardian" số ra ngày 30 tháng Mười 1844 đăng tin tức của ba ngày. Tờ báo đã không buồn cung cấp tỉ mỉ tin tức về Man-se-xtơ mà chỉ chọn những tin hấp dẫn nhất: trong một nhà máy, công nhân đã bãi công để đòi tăng lương nhưng viên thẩm phán hoà giải đã bắt họ trở lại làm việc; ở Xôn-phoóc có vài đứa trẻ đi ăn cắp, và một thương nhân vỡ nợ đã tìm cách lừa đảo chủ nợ. Có những tin tức tỉ mỉ hơn về các thành phố lân cận; ở A-stơn có hai vụ trộm thường, một vụ trộm phá cửa vào và một vụ tự sát; ở Bơ-ry có một vụ ăn cắp; ở Bôn-tơn có hai vụ ăn cắp và một vụ lậu thuế tiêu thụ, ở Lếch có một vụ ăn cắp; ở Ôn-đêm có một cuộc bãi công vì vấn đề lương, một vụ ăn cắp, một vụ đánh nhau giữa mấy phụ nữ người Ai-rơ-len; một người thợ mũ không gia nhập nghiệp đoàn lao động bị các đoàn viên của nghiệp đoàn này đánh đập; một bà mẹ bị con đánh; ở Rô-sđên có một loạt vụ đánh nhau, một vụ đánh cảnh sát, một vụ cướp nhà thờ; ở Xtốc-poóc, một vụ bất mãn của công nhân về tiền lương, một vụ ăn cắp, một vụ lường gạt, một vụ đánh nhau, một người chồng đánh vợ; ở Oa-sinh-tơn, một vụ ăn cắp và một vụ đánh nhau; ở Uy-gan một vụ ăn cắp và một vụ cướp nhà thờ. Tin tức trên các tờ báo của Luân Đôn lại còn tệ hơn nữa. Ở đây thấy liên tiếp đủ mọi thứ gian lận, ăn trộm, ăn cướp, cãi nhau trong gia đình. Tôi tình cờ cầm tờ "Times" số ra ngày 12 tháng Chín 1844 cung cấp tin tức của một ngày. Ở đây có đăng về một vụ ăn cắp, một vụ đánh cảnh sát, một vụ xử một đứa trẻ bị cha mẹ bỏ bơ vơ, một vụ vợ đầu độc chồng. Mọi tờ báo Anh đều đăng những sự việc

tương tự như vậy. Cuộc chiến tranh xã hội ở Anh đang diễn ra kịch liệt. Mỗi người đều bảo vệ lấy mình và vì mình mà đấu tranh chống lại tất cả những người khác; mỗi người có làm hại cho tất cả những người khác; là những kẻ thù không đội trời chung của mình, hay không, điều này chỉ tuỳ thuộc vào sự tính toán ích kỷ: xem đằng nào nó lợi cho mình hơn. Chẳng ai nghĩ tới sống hoà thuận với người cạnh mình, mọi điều tranh chấp đều phải giải quyết bằng hăm hoạ, bằng tự mình trả thù hay thưa kiện. Tóm lại, mỗi người đều coi người khác như một kẻ thù cần phải gạt khỏi đường đi của mình, hoặc tốt hơn hết là như một phương tiện có thể sử dụng để đạt những mục đích của mình. Và cuộc chiến tranh ấy, như các bảng thống kê

https://thuviensach.vn

tội trạng đã chỉ rõ, mỗi năm một kịch liệt hơn, gay gắt hơn, tàn khốc hơn; các bên thù địch dần dần chia thành hai phe lớn đấu tranh với nhau: bên này là giai cấp tư sản, bên kia là giai cấp vô sản. Cuộc chiến tranh của tất cả mọi người chống lại tất cả mọi người và cuộc chiến tranh của giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản ấy không làm cho chúng ta ngạc nhiên vì chẳng qua nó chỉ là sự thực hiện triệt để cái nguyên lý đã chứa đựng trong tự do cạnh tranh. Nhưng điều làm ta ngạc nhiên lại là giai cấp tư sản vẫn thản nhiên và bàng quan mặc dù những đám mây bão táp càng ngày càng đặc kịt lại trên đầu họ; là giai cấp ấy hàng ngày đọc thấy tất cả những chuyện đó trên báo mà không hề cảm thấy - tôi chưa nói là lòng căm phẫn đối với chế độ xã hội hiện hành - ngay cả đến chút lo ngại về những hậu quả của nó, về sự bùng nổ chung của những cái đã thể hiện riêng biệt trong từng vụ phạm tội. Chính là vì nó là giai cấp tư sản và với quan điểm của nó, nó không thể nào hiểu được ngay cả những sự việc, chưa nói gì đến những hậu quả của những sự việc ấy. Thật khó mà tin được rằng những thành kiến giai cấp và những thiên kiến thâm căn cố đế đã có thể làm mù quáng toàn bộ một giai cấp đến một mức độ cao - tôi có thể nói là đến một mức độ điên rồ - như vậy. Nhưng sự phát triển của dân tộc cứ tiến theo con đường của nó, không phụ thuộc gì vào tình hình
giai cấp tư sản có thấy hay không thấy điều đó và một ngày kia sự phát triển ấy sẽ đem lại cho giai cấp có của những điều bất ngờ mà những người thông minh trong bọn họ cũng không hề mơ thấy.

https://thuviensach.vn

CÁC NGÀNH LAO ĐỘNG RIÊNG BIỆT

Công nhân công xưởng theo nghĩa hẹp

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu một cách tương đối tỉ mỉ các bộ phận trọn yếu nhất của giai cấp vô sản công nghiệp Anh; căn cứ vào nguyên tắc quy định trên (tr.345), chúng ta phải bắt đầu từ những công nhân công xưởng, tức là những công nhân mà đạo luật về công xưởng nói tới. Đạo luật ấy đã quy định thời gian làm việc trong các công xưởng dùng sức nước hoặc sức hơi để kéo sợi hoặc dệt len, tơ, bông hoặc lanh; do đó, đạo luật ấy có hiệu lực đối với các ngành chủ yếu nhất của công nghiệp Anh. Những công nhân làm việc tại các ngành sản xuất tạo thành bộ phận lâu đời nhất, đông đảo nhất, có trí tuệ và nghị lực cao nhất trong công nhân Anh, do đó họ cũng là những công nhân không an phận nhất và bị giai cấp tư sản thù ghét nhất. Đứng hàng đầu của phong trào công nhân chính là họ, nhất là những công nhân trong ngành bông sợi, cũng như đứng đầu phong trào chính trị của giai cấp tư sản chính là các ông chủ của họ, các chủ xưởng, nhất là những chủ xưởng ở Lan-kê-sia.

Trong phần "Lời mở đầu", chúng ta đã thấy chính những người làm việc trong các ngành sản xuất ấy là những người, do sự xuất hiện của máy móc mới, đã bị tách trước hết như thế nào khỏi những điều kiện sinh hoạt trước kia. Bởi vậy chúng ta không lấy

gì làm lạ rằng những kỹ thuật mới được phát minh liên tiếp sau đó cũng ảnh hưởng đến bộ phận dân cư ấy một cách hết sức sâu sắc và dai dẳng. Lịch sử ngành bông sợi do I-u-rơ[122] 1) và Bai-nơ[123] 2) và những tác giả khác viết, trên mỗi trang đều nói đến những cải tiến mỗi ngày một mới, đại bộ phận những cải tiến ấy cũng đã được áp dụng trong các ngành khác đã nói đến của công nghiệp dệt. Lao động thủ công hầu như chỗ nào cũng bị máy móc loại bỏ; hầu như tất cả mọi thao tác đều dùng sức nước hoặc sức hơi nước, và mỗi năm lại còn có những cải tiến mới hơn.

Dưới một chế độ xã hội tổ chức được hợp lý thì những cải tiến như thế đều phải được hoan nghênh; nhưng ở nơi đang xảy ra cuộc chiến tranh kịch liệt của mọi người chống mọi người thì một số người cá biệt quơ tất cả lợi ích về mình, do đó cướp mất tư liệu sinh hoạt của đại

https://thuviensach.vn

đa số. Mỗi cải tiến về máy móc đều cướp mất mẩu bánh mì của công nhân và cải tiến càng lớn thì công nhân thất nghiệp càng đông; do đó, mỗi một cải tiến đều gây nên cho một số công nhân những hậu quả như một cuộc khủng hoảng thương nghiệp, tức là thiếu thốn, nghèo cùng và phạm tội lỗi. Chúng ta hãy lấy mấy ví dụ để chứng minh. Vì ngay phát minh đầu tiên là máy sợi gien-ny do một công nhân điều khiển (xem ở trên) đã có thể sản xuất được ít ra là gần gấp sáu lần một chiếc xa bình thường, cho nên mỗi cái máy gien-ny mới sẽ làm cho năm người thợ kéo sợi thất nghiệp. Máy sợi con có sức sản xuất lớn hơn máy sợi gien-ny nhiều và cũng chỉ cần một công nhân điều khiển, còn cướp mất sinh kế của nhiều người hơn nữa. Cái máy
mun, với một sản lượng như thế thì cần ít công nhân hơn, cũng có tác dụng giống như vậy, và mỗi lần nó được cải tiến, tức là mỗi lần số ống suốt tăng thêm thì lại rút bớt số công nhân cần thiết. Thế mà số ống suốt trên máy mun đã tăng lên nhiều, khiến rất nhiều công nhân thất nghiệp: trước kia mỗi người thợ kéo sợi cùng với vài ba đứa trẻ con (làm người nối sợi) có thể trông coi 600 ống suốt, nhưng bây giờ một mình người ấy có thể coi hai cái máy mun tổng cộng từ 1 400 đến 2 000 ống suốt, thế là hai người thợ kéo sợi lớn tuổi và một số thợ phụ phải thất nghiệp. Từ khi nhiều xưởng sợi dùng máy sợi con cọc di động thì vai trò của người thợ kéo sợi hoàn toàn không còn nữa và bị máy móc thay thế. Tôi có trong tay một cuốn sách do một thủ lĩnh có uy tín phái Hiến chương ở Man-se-xtơ là Giêm-xơ Li-sơ viết [124]1). Tác giả đã từng làm việc nhiều năm trong các ngành công nghiệp khác nhau, ở nhiều công xưởng và mỏ than, bản thân tôi cũng biết ông là một người thành thực, đáng tin cậy và thạo việc. Nhờ địa vị của ông ở trong đảng nên ông đã nắm được nhiều tài liệu hết sức tỉ mỉ về các loại công xưởng, những tài liệu do bản thân công nhân thu thập được; ông đã làm một số bảng thống kê, qua đó có thể thấy rằng năm 1829, ở 35 công xưởng đã có 1 060 thợ kéo sợi nhiều hơn năm 1841, mặc dầu khi đó số ống suốt trong những công xưởng ấy đã tăng thêm 99 239 cái. Ông còn nêu ra 5 công xưởng trong đó không còn một người thợ kéo sợi nào, vì ở đấy chỉ dùng máy sợi con cọc di động. Trong khi số ống suốt tăng 10%, thì số thợ kéo sợi lại rút đi 60% và hơn nữa. Li-sơ nói thêm

https://thuviensach.vn

rằng từ năm 1841, người ta đã áp dụng nhiều cải tiến bằng những biện pháp như đem tăng thành ống suốt hàng đôi (doubledecking), v.v., kết quả là từ năm 1841, vài công xưởng trong số những công xưởng nói trên lại thải ra một nửa số thợ kéo sợi; chỉ trong một công xưởng, trước đây không lâu còn có 80 thợ kéo sợi, bây giờ chỉ còn lại 20 người; những người khác nếu không bị sa thải, thì cũng buộc phải làm công việc của trẻ con để ăn lương trẻ con. Về Xtốc-poóc, Li-sơ cũng trình bày tình hình như thế, năm 1835 có 800 thợ kéo sợi, năm 1843 chỉ còn 140 người, mặc dù công nghiệp của thành phố ấy đã phát triển khá mạnh trong 8-9 năm ấy. Về máy chải gần đây cũng có những cải tiến tương tự cướp mất sinh kế của nửa số công nhân. Trong một công xưởng đã đặt máy đấu sợi cải tiến, thì kết quả là trong 8 em gái có 4 em thất nghiệp, còn tiền công của 4 em còn lại cũng bị chủ xưởng giảm từ 8 si-linh xuống 7 si-linh. Tình hình công nghiệp dệt vải cũng thế. Máy dệt có động cơ kế tiếp nhau chiếm đoạt mọi địa bàn của máy dệt tay trong ngành dệt vải. Vì nếu so với máy dệt tay thì nó sản xuất nhiều hơn gấp bội, và một công nhân có thể đứng hai máy có động cơ, cho nên ở đây cũng có nhiều thợ thất nghiệp. Trong tất cả mọi ngành sản xuất công xưởng, ngành kéo sợi lanh và sợi len, ngành chế biến tơ, tình hình cũng đều như vậy; máy dệt có động cơ thậm chí đã bắt đầu chiếm đoạt từng bộ phận cá biệt của nghề dệt len và dệt lanh; chỉ riêng vùng Rô-sđên, trong ngành dệt nỉ mỏng và các hàng len khác, máy dệt có động cơ được dùng nhiều hơn máy dệt tay. - Về vấn đề này, giai cấp tư sản thường trả lời rằng máy móc một khi được cải tiến thì chi phí sản xuất sẽ giảm đi, kết quả là giá cả của thành phẩm sẽ hạ xuống, mà hễ giá cả hạ xuống thì lượng tiêu thụ sẽ tăng lên, do đó những công nhân thất nghiệp sẽ mau chóng có thể lại tìm được việc làm trong những công xưởng mới xây dựng. Đương nhiên, giai cấp tư sản nói hoàn toàn đúng ở một điểm là: trong những điều kiện nhất định có lợi

cho sự phát triển công nghiệp nói chung thì mỗi lần hạ giá của thứ hàng hoá chế tạo bằng nguyên liệu *giá rẻ* đều làm tăng thêm lượng tiêu thụ rất nhiều, dẫn đến việc xây dựng thêm những công xưởng mới; nhưng trừ điểm ấy ra thì trong những luận điểm của họ không có một lời nào đúng cả. Họ hoàn toàn không chú ý đến việc còn phải trải qua nhiều năm, trước khi kết quả của sự hạ giá được biểu hiện ra và những công xưởng mới được xây dựng lên. Họ làm thinh trước tình hình do tất cả các cải tiến về máy móc, công việc thực sự đòi hỏi nhiều thể lực ngày càng được máy móc làm thay, và do công việc của người đàn ông đã biến thành cái công việc đơn giản là đứng coi máy móc, đó là công việc mà phụ nữ yếu sức, thậm chí trẻ con cũng hoàn toàn có thể làm được, mà tiền công lại giảm đi một nửa, thậm chí giảm đi ba lần, và như vậy thì mặc dù sản xuất đã mở rộng, công nhân người lớn lại càng ngày càng bị loại ra khỏi công nghiệp, *và lại càng không tìm ra* việc làm; họ đã làm thinh trước tình hình có những ngành lao động nguyên vẹn vì thế mà hoặc đang mất đi hoàn toàn, hoặc đang thay đổi nhiều đến nỗi công nhân phải học lại từ đầu, thêm nữa ở đây họ cố tránh không nói đến cái lý lẽ mà trong mọi tình hình khác họ thường viện dẫn cho đến khi vấn đề cấm lao động

https://thuviensach.vn

của trẻ con được đặt ra, tức là muốn có được những kỹ năng cần thiết thì phải làm quen với lao động ở công xưởng ngay từ nhỏ, tức là từ trước mười tuổi (chẳng hạn xem mấy chỗ trong "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động công xưởng"). Cuối cùng giai cấp tư sản cũng tuyệt nhiên không nói gì đến quá trình phát triển kỹ thuật đang tiếp tục không ngừng, cho nên dù người công nhân thực có kiếm được việc làm trong ngành lao động mới thì sự cải tiến của máy móc cũng sẽ thải anh ta ra và hoàn toàn cướp mất của anh ta lòng tin tưởng ở ngày mai. Nhưng giai cấp tư sản thì lại thu được toàn bộ lợi ích của sự cải tiến máy móc; trong những năm đầu, khi nhiều máy cũ vẫn còn được dùng, sự cải tiến còn chưa thực hành đều khắp, giai cấp tư sản đã vớ được cơ hội
tốt nhất để làm giàu, nên đòi hỏi họ phải nhìn thấy mặt xấu của sự phát triển sản xuất bằng máy móc thì thực là đòi hỏi ở họ quá nhiều.

Máy móc được cải tiến thì tiền công hạ xuống, đó cũng là điểm mà giai cấp tư sản bác bỏ kịch liệt, còn công nhân thì nhiều lần khẳng định điểm ấy. Giai cấp tư sản đoán chắc với chúng ta rằng mặc dù *tiền công tính theo sản phẩm* có hạ xuống theo với cải tiến sản xuất, nhưng tiền công hàng tuần nói chung vẫn đã cao lên nhiều hơn là hạ xuống và tình cảnh của công nhân đã được cải thiện nhiều hơn là đã xấu đi. Rất khó trả lời chính xác vấn đề này vì công nhân phần nihều viện ra những ví dụ về *tiền công tính theo sản phẩm* bị hạ; mặc dù thế, không còn nghi ngờ gì nữa là trong các ngành lao động khác nhau, tiền công hàng tuần đã hạ xuống theo với việc áp dụng máy móc. Những người được gọi là thợ kéo sợi nhỏ, kéo sợi nhỏ trên máy mun, đúng là được tiền công cao; mỗi tuần từ 30 đến 40 si-linh, đó là vì họ đã tổ chức thành một công đoàn vững mạnh để chống sự hạ thấp tiền công, đồng thời lao động của họ cũng cần sự huấn luyện lâu dài. Nhưng người thợ kéo sợi thông thường thì tiền công rất thấp, vì họ phải cạnh tranh với những máy tự động (máy sợi con cọc di động), là loại máy không dùng được vào việc kéo sợi nhỏ và công đoàn của họ đã bị việc áp dụng các máy ấy đánh một đòn mạnh. Một công nhân làm công việc kéo sợi như vậy nói với tôi rằng anh ta kiếm được mỗi tuần không quá 14 si-linh, điều ấy phù hợp với tài liệu của Li-sơ nói rằng trong nhiều công xưởng khác nhau, người công nhân kéo sợi thông thường mỗi tuần kiếm được không đến 16 si-linh rưỡi, và một người trước đây ba năm mỗi tuần kiếm được 30 si-linh thì bây giờ vất vả lắm mới kiếm được 12 si-linh rưỡi, và năm ngoái tiền công bình quân cũng không vượt quá con số ấy. Thực ra thì tiền công của phụ nữ và trẻ con thụt xuống ít hơn, nhưng đó chỉ vì ngay từ đầu tiên công đó đã không cao rồi. Tôi biết nhiều phụ nữ, là những người goá bụa có con nhỏ, làm
việc vất vả mà mỗi tuần cũng chỉ kiếm được từ 8 đến 9 si-linh; mà mỗi người khi đã biết được giá cả những vật phẩm cần thiết nhất cho đời sống ở Anh thì đều phải thừa nhận rằng món tiền ít ỏi ấy không thế nào đủ nuôi gia đình được. Tất cả công nhân đều *nhất trí* xác nhận rằng tiền công nói chung bị hạ thấp theo với việc cải tiến máy móc. Giai cấp tư sản công nghiệp nói rằng dường như tình cảnh của giai cấp công nhân đã được cải thiện theo với việc áp dụng máy móc, nhưng tại mỗi cuộc họp của công nhân ở các khu công xưởng đều có thể khẳng định rằng chính bản thân công nhân coi đó là lời nói láo không thể tha thứ được.

https://thuviensach.vn

Nhưng *nếu* đúng là chỉ có tiền lương tương đối, từ tiền lương tính theo sản phẩm bị hạ, còn tiền lương tuyệt đối, tức tổng số tiền công mà người công nhân kiếm được trong một tuần lễ, vẫn không có gì thay đổi, thì từ đó nên rút kết luận gì? Kết luận chỉ là công nhân phải yên lặng nhìn các ngài chủ xưởng nhét đầy túi, hoàn toàn được hưởng lợi ở mỗi cải tiến, mà chẳng chia cho công nhân một tý chút nào. Giai cấp tư sản, trong khi đấu tranh với công nhân, đã quên mất ngay cả những nguyên lý cơ bản nhất của khoa kinh tế chính trị của chính họ. Cái giai cấp tư sản ấy trong các trường hợp khác đều sùng bái Man-tút lại hoảng hốt kêu lên với công nhân rằng: nếu không có máy móc thì thử hỏi mấy triệu con người tăng thêm trong số nhân khẩu nước Anh sẽ kiếm ở đâu ra việc làm? [125]1). Thật là nhảm nhí ! Làm như là chính giai cấp tư sản không biết rõ ràng rằng nếu không có máy móc và sự phồn thịnh công nghiệp do máy móc tạo nên thì "mấy triệu con người" ấy đã không bao giờ sinh ra và lớn lên ! Nếu nói rằng máy móc cũng mang lại lợi ích nào đấy cho công nhân thì chỉ là ở chỗ nó đã chứng minh cho công nhân thấy được sự cần thiết phải cải tạo xã hội để bắt máy móc làm việc *không phải gây hại* mà là
có lợi cho công nhân. Các ngài tư sản thông thái ấy có thể đi hỏi những người quét đường ở Man-se-xtơ hoặc ở bất cứ nơi nào khác (bây giờ, thật ra là đã muộn rồi, vì về công việc này cũng đã có phát minh và đã sử dụng máy móc), đi hỏi những người bán muối, bán diêm, bán cam, bán dây giày, v.v., ở ngoài phố, hoặc những người buộc phải đi ăn xin, xem ngày trước họ làm gì, thì sẽ có nhiều người trả lời rằng: họ là công nhân công xưởng bị máy móc làm thất nghiệp. Trong điều kiện xã hội hiện tại, việc cải tiến máy móc đối với công nhân chỉ có thể đẻ ra hậu quả bất lợi, và nhiều khi rất nặng nề; mỗi một cái máy mới đều mang lại thất nghiệp, túng thiếu, bần cùng, và ở trong một nước hầu như khi nào cũng có "nhân khẩu quá thừa" như nước Anh, thì trong đại đa số trường hợp, mất việc làm là điều bất hạnh nhất đối với một công nhân. Không cần phải nói là cái hiện tượng sống không được đảm bảo ấy, sinh ra bởi kỹ thuật không ngừng phát triển và nạn thất nghiệp kèm theo, đã gây chán nản, ưu phiền như thế nào cho những người công nhân mà cuộc sống vốn đã hoàn toàn bấp bênh ! Muốn khỏi rơi vào tình trạng tuyệt vọng, người công nhân ở đây chỉ có hai con đường: hoặc phản kháng giai cấp tư sản cả bên trong lẫn bên ngoài, hoặc rượu chè và phóng đãng nói chung. Và công nhân Anh, có người đã chọn con đường thứ nhất, có người đã chọn con đường thứ hai. Lịch sử giai cấp vô sản Anh đã thuật lại hàng trăm cuộc bạo động phá hoại máy móc và phản kháng giai cấp tư sản nói chung, còn về cuộc sống phóng đãng thì chúng ta đã nói đến rồi: cái đó đương nhiên chỉ là một hình thức biểu hiện đặc biệt của sự tuyệt vọng mà thôi.

Những công nhân không may nhất là những người phải cạnh tranh với máy móc mới sử dụng. Giá cả của hàng hoá họ sản xuất được quy định theo giá cả của cùng thứ hàng hoá ấy do máy sản xuất; vì sản xuất bằng máy rẻ hơn sản xuất bằng tay cho nên người công nhân cạnh tranh với máy móc đều bị trả lương thấp nhất. Còn đối với công nhân làm việc với máy cũ, nếu phải cạnh tranh với máy mới tối tân nhất, hoàn hảo hơn cũng đều như thế

https://thuviensach.vn

cả. Tất nhiên, còn có ai vào đây mà chịu thiệt thòi ấy? Chủ xưởng tiếc không vứt bỏ máy cũ, nhưng lại không muốn chịu thiệt thòi; đối với cái máy là một vật chết thì hắn không kiếm chác được gì, do đó hắn liền nhằm vào người công nhân sống, con dê thế tội của toàn thể xã hội. Trong số những công nhân phải cạnh tranh với máy móc ấy, những công nhân dệt thủ công trong công nghiệp dệt vải bông sống cuộc đời tồi tệ nhất. Tiền lương của họ thấp nhất, thậm chí khi đầy đủ việc làm, tiền lương mỗi tuần cũng không quá 10 si-linh. Máy dệt có động cơ đã lần lượt đoạt mất hết ngành dệt này đến ngành dệt khác; ngoài ra khung cửi dệt tay lại là nơi náu mình cuối cùng của những công nhân mất việc trong các ngành khác, cho nên ở đây số người làm lúc nào cũng quá thừa. Do đó một người thợ dệt thủ công lúc thường mà mỗi tuần kiếm được 6 - 7 si-linh thì đã cho mình là may mắn lắm, thậm chí để kiếm được số tiền ấy anh ta phải đứng máy từ 14 đến 18 giờ mỗi ngày. Ngoài ra, để dệt phần lớn hàng dệt phải cần một địa điểm ẩm thấp để cho sợi khỏi đứt luôn; vì vậy một phần do nguyên nhân ấy, một phần do công nhân nghèo túng không thể thuê nổi một gian nhà tốt, nên nền nhà những xưởng dệt thủ công hầu như không bao giờ được lát ván hay lát đá gì cả. Tôi đã có dịp đến thăm nhiều thợ dệt thủ công, nhà ở của họ trong những sân và những đường phố nhớp nhúa tồi tàn nhất, thông thường là ở trong những nhà hầm. Thường thường, năm - sáu người thợ dệt, trong đó một số đã có vợ, cùng ở trong một nhà nhỏ, chỉ có một hoặc hai phòng làm việc và một phòng lớn dùng chung để ngủ. Thức ăn của họ hầu như chỉ toàn khoai tây, đôi khi có một tí cháo yến mạch, rất ít khi có sữa, thịt thì hầu như không thấy bao giờ; rất nhiều người trong số đó là người Ai-rơ-len, hoặc tổ tiên là người Ai-rơ-len. Những thợ dệt thủ công không may ấy, mỗi lần xảy ra khủng hoảng đều bị nạn trước tiên và thoát nạn cuối cùng, lại còn bị giai cấp

tư sản dùng làm công cụ để chống lại những người công kích chế độ công xưởng ! Hãy xem, - giai cấp tư sản đường đường đắc ý kêu lên, - hãy xem những thợ dệt nghèo ấy sống nghèo khổ bao nhiêu, còn những công nhân công xưởng sống sung sướng bao nhiêu, *rồi lúc đó* hãy phê phán chế độ công xưởng [126]1) ! Làm như là tình cảnh tồi tệ đó của thợ dệt thủ công không phải là tội lỗi của bản thân chế độ công xưởng và máy móc của nó, làm như là bản thân giai cấp tư sản không hiểu rõ ràng điều ấy như chúng ta ! Nhưng ở đây dính dáng đến lợi ích của giai cấp tư sản, vì vậy có nói dối mấy câu hoặc làm đạo đức giả chút ít, đối với họ cũng chẳng làm sao.

Bây giờ chúng ta hãy xét kỹ càng hơn tình hình việc phát triển sản xuất bằng máy móc càng ngày càng loại bỏ những công nhân đàn ông. Về kéo sợi cũng như về dệt, công việc đứng máy, chủ yếu chỉ là nối sợi đứt, còn mọi việc khác đều do máy làm; để làm việc ấy, không cần có sức lực, nhưng phải rất khéo tay. Cho nên đối với công việc ấy, đàn ông không

https://thuviensach.vn

những không cần thiết, mà do sự phát triển của bắp thịt và xương bàn tay của họ, thậm chí còn không thích hợp bằng phụ nữ và trẻ con, cho nên hầu như họ hoàn toàn bị loại ra khỏi ngành lao động ấy. Thế là cùng với việc sử dụng máy móc, sự hoạt động của cánh tay và sự ra sức của bắp thịt đều bị sức nước và sức hơi nước thay thế, sự cần thiết phải sử dụng đàn ông đã trưởng thành không còn thành vấn đề nữa, vì phụ nữ và trẻ con không những chỉ nhận tiền công thấp hơn, mà như trên đã nói, lại thích hợp với công việc ấy hơn là đàn ông, nên họ đã chiếm chỗ của đàn ông. Trong những xưởng sợi dùng máy sợi con, chỉ có phụ nữ và trẻ con làm, còn trong xưởng dùng máy mun thì một người kéo sợi là đàn ông (khi dùng máy sợi con cọc di động thì người ấy trở thành thừa) và mấy

người phụ việc để nối sợi, phần lớn là phụ nữ và trẻ con, có khi là thanh niên từ 18 đến 20 tuổi, và thỉnh thoảng là một người thợ kéo sợi cũ đã mất việc[127]1). Ở máy dệt có động cơ thì đa số là phụ nữ từ 15 đến 20 tuổi và trên 20 tuổi, thỉnh thoảng cũng có mấy người đàn ông, nhưng những người này rất ít được tiếp tục làm việc sau 21 tuổi. Ở những xưởng dùng máy kéo sợi thô cũng chỉ thấy phụ nữ, nhiều nhất chỉ vài người đàn ông chuyên làm công việc lau chùi và chuốt máy chải. Ngoài ra, các công xưởng đều còn phải thuê một số trẻ con nhất định để đặt và tháo những ống suốt (doffers), mấy người đàn ông làm đốc công trong xưởng, một thợ cơ khí và một thợ máy coi máy hơi nước, ngoài ra còn phải thuê thêm thợ mộc, người gác cổng, v.v.. Nhưng công việc chủ yếu là do phụ nữ và trẻ con làm. Các chủ xưởng cũng phủ nhận cả tình hình ấy, thậm chí năm ngoái họ còn công bố một bảng thống kê tỉ mỉ, nhằm chứng minh rằng máy móc hoàn toàn không loại bỏ đàn ông. Qua bảng thống kê ấy có thể thấy rõ rằng trong tổng số công nhân công xưởng, phụ nữ chiếm hơn một nửa (52%), đàn ông gần 48%, và trong số công nhân ấy thì quá nửa trên 16 tuổi. Tất cả những cái đó đều là sự thực, nhưng các ngài chủ xưởng rất cẩn thận không cho chúng ta biết trong những công nhân thành niên có bao nhiêu người là nam, bao nhiêu người là nữ, và mấu chốt của vấn đề chính là ở đấy. Họ còn công nhiên liệt kê vào những bảng ấy thợ cơ khí, thợ mộc và tất cả đàn ông có ít nhiều liên hệ với công xưởng, thậm chí đến cả những nhân viên văn phòng, v.v., nhưng họ không đủ can đảm nói lên tất cả

sự thật. Những bảng ấy nói chung đầy dẫy những tài liệu bịa đặt, xuyên tạc, đảo lộn trắng đen, những con số bình quân có thể được lòng những người không thạo, nhưng không thể chứng minh được cái gì cho những người hiểu biết; chúng lờ tịt những vấn đề quan trọng nhất và chỉ chứng minh lòng ích kỷ mù quáng và tính gian dối của tác giả là các chủ xưởng. Chúng ta có thể trích dẫn những tư liệu về tuổi tác và giới tính của công nhân qua bài diễn văn của huân tước Ê-sli phát biểu ở Hạ nghị viện ngày 15 tháng Ba 1844 để bênh vực cho bản dự luật về ngày lao động mười giờ, những tư liệu ấy không bị các tài liệu của chủ xưởng bác bỏ, nhưng cũng chỉ đề cập đến một phần của công nghiệp công xưởng nước Anh thôi. Trong số 419 560 công nhân công xưởng của Đại Bri-ten (năm 1839) có 192 887 người, tức gần một nửa, dưới 18 tuổi; 242 296 người là nữ, trong số đó có 112192 người dưới 18 tuổi. Như vậy, trong số công nhân nam thì có 80 695 người dưới 18 tuổi, còn công nhân nam thanh niên thì tổng cộng chỉ có 96569 người, hoặc 23%, tức *không đến một phần tư* tổng số

https://thuviensach.vn

công nhân. Trong những công xưởng dệt bông, nữ công nhân chiếm 56,25%; trong những công xưởng dệt len - 69,5%, trong những công xưởng dệt lụa - 70,5%, trong những công xưởng dệt lanh - 70,5%. Những con số ấy tưởng đã đủ chứng minh cho việc công nhân đàn ông bị gạt bỏ; nhưng muốn xác minh điểm ấy thì chỉ cần ghé vào bất cứ một công xưởng nào là được. Kết quả là trật tự xã hội hiện tồn tại tất yếu bị đảo lộn, sự chuyển biến ấy mà người công nhân bắt buộc phải chịu đang gây cho họ những hậu quả nguy hại nhất. Trước hết là công việc của những người phụ nữ đã hoàn toàn phá hoại gia đình; vì nếu người vợ một ngày làm việc 12 - 13 giờ trong công xưởng, còn người chồng lại cũng làm việc ấy ở đấy hay ở nơi nào khác trong một thời gian cũng dài như vậy, thì vận mệnh con cái họ sẽ như thế nào ? Chúng lớn lên như cỏ dại hoàn toàn không được săn sóc, hoặc mỗi tuần người ta bỏ ra một si-linh hoặc một si-linh rưỡi, đem chúng gửi cho người khác giữ, mà những

người này đối đãi với chúng như thế nào thì cũng rất dễ hình dung. Cho nên, trong những khu công xưởng, những việc rủi ro xảy ra vì trẻ con thiếu được săn sóc tăng lên một cách đáng sợ. Căn cứ vào sổ sách của viên dự thẩm của thành phố Man-se-xtơ (theo tài liệu của tiểu ban điều tra về lao động công xưởng, báo cáo của bác sĩ Hô-kin-xơ, tr. 3) thì trong 9 tháng có 69 trẻ con chết cháy, chết bỏng, 56 đứa chết đuối, 23 đứa chết vì ngã, 77 đứa chết vì những tai nạn khác, tức là tất cả có 225 tai nạn chết người[128]1), còn ở Li-vớc-pun, không phải là thành phố công xưởng, thì trong 12 tháng, tất cả chỉ có 146 tai nạn chết người. Những tai nạn ở các mỏ than không tính vào số liệu thống kê của hai thành phố ấy. Thêm nữa, nên chú ý rằng viên dự thẩm ở Man-se-xtơ không có trách nhiệm đối với Xôn-phoóc, cho nên nhân khẩu của hai khu ấy có thể xem là xấp xỉ bằng nhau. Hầu như số nào của tờ "Manchester Guardian" cũng đều đưa tin về một hoặc mấy tai nạn bỏng nghiêm trọng. Bản thân những sự kiện ấy tự nó cũng đã rõ ràng và hoàn toàn xác minh rằng người mẹ đi làm cũng là một trong những nguyên nhân làm số trẻ con bị chết lên cao. Thường thường phụ nữ sau khi sinh đẻ ba - bốn ngày đã phải trở lại công xưởng làm việc, dĩ nhiên là đành phải bỏ đứa con mới sinh ở nhà; lúc nghỉ, họ vội vàng chạy về cho con ăn, bản thân cũng ăn qua loa một chút gì đó. Cách cho ăn thế nào thì cũng dễ hình dung thôi. Huân tước E-sli thuật lại lời nói của mấy nữ công nhân.

"M.H. hai mươi tuổi, có hai con, đứa bé nhất còn đang bú, phải để cho đứa lớn hơn một chút giữ; buổi sớm, mới hơn năm giờ chị ta đã vào xưởng, đến tám giờ tối mới về; cả ngày, sữa chảy làm ướt cả áo. - H. V. có ba con, năm giờ sáng thứ hai rời khỏi nhà, bảy giờ tối thứ bảy mới trở về; về đến nhà là bận con cái đến ba giờ

sáng mới đi ngủ. Nhiều khi mưa ướt như chuột lột mà vẫn phải làm việc trong tình trạng như thế. Chị ấy nói: "Vú tôi đau biết chết được, sữa chảy ra làm ướt cả người".

Cái chế độ đểu giả ấy chỉ khuyến khích mọi người dùng thuốc ngủ để giữ cho trẻ con nằm yên, và thực tế, biện pháp ấy được dùng rất rộng rãi trong các khu công xưởng. Theo ý kiến của bác sĩ Giôn, phụ trách đăng ký hộ tịch của khu Man-se-xtơ, thì thói quen ấy là nguyên

https://thuviensach.vn

nhân chủ yếu của những trường hợp chết người thường gặp vì kinh giật. Công việc của người phụ nữ ở công xưởng không tránh khỏi làm tan rã gia đình, trong tình trạng xã hội hiện tại lấy gia đình làm cơ sở thì tình hình ấy vô luận đối với vợ chồng hay con cái cũng đều gây nên những hậu quả bại hoại đạo đức nghiêm trọng nhất. Một người mẹ không có thì giờ săn sóc con mình, không có thì giờ để cho đứa con trong mấy năm đầu được hưởng sự âu yếm thông thường nhất của người mẹ, một người mẹ rất ít khi nhìn thấy con mình, thì không thể là một người mẹ đối với nó; người mẹ ấy tất nhiên đối với con rất lạnh nhạt, thiếu tình thương, không chút săn sóc, hoàn toàn xem nó như con người khác. Những đứa trẻ lớn lên trong những điều kiện như thế sau này đối với gia đình sẽ không có chút gì quyến luyến, đôi khi ở trong gia đình mà chính bản thân chúng xây dựng, chúng cũng không cảm thấy hương vị gia đình, vì chúng đã quá quen với cuộc sống cô độc, điều đó tất nhiên sẽ làm cho gia đình công nhân càng bị phá hoại nghiêm trọng. Trẻ con đi làm cũng là một nguyên nhân làm tan rã gia đình. Hễ khi chúng kiếm được tiền nhiều hơn số tiền mà cha mẹ chi phí để nuôi chúng, thì chúng bắt đầu trả cho cha mẹ số tiền để chi phí cho việc ăn, ở của chúng, còn lại thì bản thân chúng tiêu hết. Sự tình ấy thường xảy ra khi chúng mười bốn, mười lăm tuổi (Pau-ơ: báo cáo về thành phố Lít-xơ, một vài chỗ trong bản báo cáo ấy; Tớp-nen: báo cáo về Man-se-xtơ, tr.17 và các tr. khác trong "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động công xưởng"). Nói tóm lại, trẻ con đều dần dần tự lập, coi nhà cha mẹ như quán trọ, nếu chúng không vừa ý cái quán ấy thì chúng thường bỏ đi tìm cái quán khác.

Trong nhiều trường hợp, việc người phụ nữ đi làm ở công xưởng không hoàn toàn phá hoại gia đình, nhưng làm cho nó đảo ngược. Người vợ kiếm tiền nuôi sống cả nhà, người chồng thì ở nhà trông con quét dọn, nấu nướng. Tình hình như thế rất nhiều, nhiều lắm; chỉ riêng ở Man-se-xtơ đã có thể đếm được mấy trăm người chồng chuyên việc nội trợ như thế. Người ta có thể dễ dàng hình dung được sự phẫn nộ chính đáng của người công nhân như thế nào trước tình trạng thực sự mất chức năng đàn ông đó của họ, tình trạng này đã làm cho toàn bộ quan hệ gia đình biến đổi căn bản như thế nào, trong khi tất cả những quan hệ xã hội khác còn nguyên vẹn. Ngay trước mắt tôi có bức thư của một công nhân. Anh tên là Rô-bớc Pau-dơ ở Brôn-xơ-bin-đinh-xơ Vút-hau-xmua - Xai-dơ, thành phố Lít-xơ (để giai cấp tư sản có thể đến đó tìm anh ta, tôi đưa ra địa chỉ tỉ mỉ), viết cho Ô-xtơ-lơ. Vị tất tôi diễn đạt được một nửa tính chất phác của bức thư ấy khi dịch; nếu gặp những lỗi chính tả còn có thể tìm cách diễn đạt được, nhưng những đặc điểm của thổ ngữ Y-oóc-sia thì hoàn toàn mất đi. Trong bức thư ấy, anh ta kể lại một công nhân khác mà anh quen đang đi tìm việc, đã gặp một người bạn cũ ở Xanh - Hê-len, thuộc Lan-kê-sia:

"Thưa ông, chính ở đó anh ta đã tìm được hắn và khi anh ta đến gần túp lều của hắn, ông thử nghĩ xem anh ta thấy gì? Một căn nhà hầm ẩm thấp, đồ đạc trong nhà thì chỉ có hai cái ghế cũ, một cái bàn tròn ba chân, một cái hòm, không có giường, chỉ có một đống rơm cũ ở góc tường, với hai cái khăn trải bẩn thỉu và hai khúc gỗ ở cạnh lò sưởi. Khi người bạn đáng thương của tôi bước vào thì anh chàng Giắc nghèo khổ đang ngồi trên khúc gỗ cạnh lò sưởi, ông thử nghĩ xem, hắn ta

https://thuviensach.vn

đang làm gì ? Hắn ta đang dùng kim khâu để vá bít tất cho vợ, vừa trông thấy bạn cũ ở cửa, hắn liền muốn giấu đi, nhưng Giô (tên người bạn tôi) đã trông thấy hết cả rồi và nói: "Giắc, cậu làm cái quỷ gì đấy? Vợ cậu đâu ? Sao cậu lại phải làm việc đó". Chàng Giắc đáng thương rất ngượng, nói: "Mình cũng biết rằng đó không phải là việc của mình, nhưng người vợ tội nghiệp của mình thì làm việc ở công xưởng, sáng sớm năm giờ rưỡi đã phải đến đó làm việc đến tận tám giờ tối, khi về đến nhà thì mệt nhọc đến nỗi không còn làm gì được nữa. Vì vậy mình có thể giúp vợ mình được việc gì là mình làm thôi. Mình không có việc làm, mà đã hơn ba năm rồi, và
suốt đời mình sẽ không tìm được việc làm nữa". Đến đây hắn khóc nức nở và nói: "Đúng vậy, bạn Giô đáng mến ạ, ở đây phụ nữ, trẻ con có khối việc làm. Nhưng không có việc cho đàn ông. Tìm được việc làm còn khó hơn nhặt được trăm pao xtéc-linh ở ngoài phố. Nhưng mình không bao giờ ngờ rằng cậu hoặc người khác lại có thể nhìn thấy mình đang vá bít tất cho vợ, vì đó là việc chẳng đẹp đẽ gì. Nhưng vợ mình hầu như đứng cũng không vững nữa, mình sợ vợ mình ốm gục thì không biết chúng mình sẽ ra sao, vì từ lâu vợ mình đã trở thành người đàn ông trong nhà này, còn mình thì thành đàn bà. Giô ạ, công việc này không đẹp đẽ gì". Rồi hắn lại khóc rất thương tâm và nói tiếp: "Trước kia có bao giờ thế này đâu". Giô hỏi: "Nhưng, Giắc này, bấy lâu cậu không có việc làm thì cậu sống thế nào được".

Giắc trả lời: "Này Giô ạ, cũng gọi là sống qua quít nhưng cũng khá gian nan. Cậu biết đấy, khi mình lấy vợ thì có đủ việc làm, cậu cũng biết đấy, mình từ trước đến nay không phải là người lười biếng". - "Đúng, cậu đâu phải là một người lười biếng". - "Nhà mình lúc ấy còn bày biện rất khá và Ma-ri cũng không phải đi làm, tiền mình kiếm được đủ tiêu cho cả hai. Nhưng bây giờ thì tất cả đều đảo ngược hết: Ma-ri phải đi làm việc, mình thì ở nhà trông con, quét dọn, giặt giũ, nấu ăn và khâu vá quần áo. Tội nghiệp, vợ mình đến tối về đến nhà là mệt lả không còn có thể làm được việc gì nữa. Cậu biết đấy, Giô ạ, đối với một người không sống quen thế thì thật là khó chịu". Giô trả lời: "Đúng thế, thật không dễ dàng". Và Giắc lại khóc; hắn nói nếu hắn không lấy vợ hoặc không sinh ra trên đời này thì có phải tốt không; nhưng khi lấy Ma-ri thì hắn có bao giờ nghĩ là sẽ đến nước này đâu. Giắc nói: "Mình đã khóc không biết bao nhiêu lần về chuyện này". Thưa ông, sau đó Giô nói với tôi là khi nghe nói thế anh ta liền dùng tất cả những câu chửi mà anh ta học được trong công xưởng từ lúc nhỏ để chửi những công xưởng, chủ xưởng và chính phủ".

Có thể nào tưởng tượng được một sự tình vô nghĩa hơn, phi lý hơn sự tình được mô tả trong bức thư ấy? Nhưng tình hình làm cho đàn ông không còn là đàn ông, phụ nữ mất hết nữ tính, nhưng lại không thể làm cho một người đàn ông nào có nữ tính thực sự và một người phụ nữ nào có nam tính thực sự; tình hình làm ô nhục một cách bỉ ổi nhất cả hai giới và cái phẩm cách của con người trong mỗi giới tính, - tình hình ấy là hậu quả cuối cùng của nền văn minh đã được ca tụng của chúng ta, là kết quả cuối cùng của tất cả những cố gắng của mấy trăm thế hệ để cải
thiện tình cảnh của mình và của con cháu mình ! Khi nhìn thấy những kết quả của tất cả mọi sự khó nhọc và cố gắng của con người đều biến thành một trò cười, thì chúng ta tất phải hoặc là thất vọng đối với bản thân nhân loại và vận mệnh của nhân loại, hoặc là phải thừa nhận rằng loài người từ trước đến nay đã lầm đường khi đi tìm hạnh phúc. Chúng ta phải thừa nhận rằng sở dĩ quan hệ giữa hai giới hoàn toàn lệch lạc như vậy chỉ có thể là vì những quan hệ ấy ngay từ đầu đã được xây dựng trên cơ sở sai lầm. Nếu bảo rằng cái hiện tượng phụ nữ thống trị nam giới do chế độ công xưởng tất nhiên tạo nên hiện tượng vô nhân đạo, thì cũng nên nhận rằng hiện tượng nam giới thống trị phụ nữ dưới đây cũng là vô nhân đạo. Nếu phụ

https://thuviensach.vn

nữ ngày nay cũng như nam giới trước kia xây dựng sự thống trị của mình trên cơ sở là họ kiếm được phần lớn hoặc toàn bộ tài sản chung của gia đình, thì sự công hữu tài sản ấy không phải là chân chính, không phải là hợp lý, vì một thành viên của gia đình còn có thể lên mặt kiêu căng do đã đóng góp một phần lớn hơn. Sự việc gia đình trong xã hội ngày nay đang ngày càng suy sụp chẳng qua chỉ chứng minh rằng sợi dây gắn bó gia đình không phải là tình yêu gia đình, mà là lợi ích riêng ẩn nấp dưới tấm áo khoác công hữu tài sản [129]1). Khi con cái không phải chỉ có trả tiền ăn cho cha mẹ như trên kia đã nói mà còn phải bảo đảm nuôi cha mẹ thất nghiệp của chúng, thì cũng phát sinh ra những quan hệ qua lại giống như vậy. Trong báo cáo về lao động công xưởng, bác sĩ Hô-kin-xơ đã chứng thực rằng loại quan hệ ấy rất thường gặp, mà ở Man-se-xtơ thì hiện tượng ấy ai nấy đều biết cả. Cũng như trong những trường
hợp khác người đàn bà là chủ trong nhà, trong trường hợp này thì con gái chính là chủ. Huân tước Ê-sli trong diễn văn của mình (tại Hạ nghị viện ngày 15 tháng Ba 1844) đã đưa ra một ví dụ như thế; một người mắng hai cô con gái của mình vì hai cô đã vào tiệm rượu, thì hai cô tuyên bố rằng các cô đã chán ngấy vì phải chịu phục tùng chỉ huy nhiều lắm rồi: xin ông, ông hãy cút đi cho rảnh, chúng tôi còn phải nuôi ông nữa kia, cũng phải hưởng chút gì về kết quả lao động của mình chứ; hai cô bèn bỏ nhà ra đi, để mặc bố mẹ cho số phận.

Phụ nữ chưa chồng lớn lên trong công xưởng cũng không hơn gì phụ nữ có chồng. Một người con gái làm việc ở công xưởng ngay từ năm chín tuổi thì tất nhiên là không thạo công việc gia đình, cho nên tất cả những nữ công nhân công xưởng đều hoàn toàn không có kinh nghiệm về mặt ấy và đều không biết quản lý việc nội trợ. Họ không biết may vá, không biết đan, không biết làm bếp, cũng không biết giặt giũ, ngay đến những việc gia đình thông thường nhất họ cũng không biết, còn việc săn sóc trẻ con thì họ càng chẳng biết gì. Bản "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động công xưởng" đã nêu ra mấy chục ví dụ để chứng minh sự tình ấy, còn tác giả bản báo cáo về Lan-kê-sia là bác sĩ Hô-kin-xơ thì phát biểu ý kiến như sau ("Báo cáo", tr. 4):

"Các thiếu nữ đã kết hôn rất sớm mà không suy tính gì. Họ không có khả năng, không có thì giờ, cũng không có dịp để tìm hiểu trách nhiệm thông thường nhất của người phụ nữ là chủ gia đình, và dù cho họ có biết cả chăng nữa thì sau khi lấy chồng, họ cũng không có thì giờ để cáng đáng những trách nhiệm ấy. Người mẹ mỗi ngày mười hai tiếng đồng hồ không được nhìn thấy con mình: người trông nom đứa trẻ là một cô bé hoặc một bà già mà người mẹ đã bỏ tiền riêng ra thuê; ngoài ra, nhà ở của công nhân công xưởng, thường thường không phải là cái được gọi là nhà (home), mà là một gian hầm, không có dụng cụ nhà bếp, không có đồ dùng cần thiết để giặt giũ, may vá, thiếu tất cả mọi thứ có thể làm cho đời sống vui thú và văn minh, làm cho gia đình hấp dẫn. Vì những nguyên nhân ấy và những nguyên nhân khác, đặc biệt để bảo toàn sinh mệnh và sức khoẻ cho trẻ con, tôi chỉ có thể

hết sức mong muốn và hy vọng rằng sẽ đến lúc phụ nữ có chồng bị cấm không được làm việc ở công xưởng".

https://thuviensach.vn

Về những ví dụ và lời làm chứng riêng biệt hãy xem "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động công xưởng", Cau-en, Văn kiện, những tr. 37, 38, 39, 72, 77, 50; Tớp-nen, Văn kiện, những tr. 9, 15, 45, 54, và các tr. khác.

Nhưng tất cả cái đó chưa phải là tai hoạ lớn nhất. Về mặt đạo đức thì việc phụ nữ đi làm việc ở công xưởng đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều. Sự tụ tập nhiều người trong một xưởng, không phân biệt trai gái già trẻ và không tránh khỏi gần gũi nhau, sự chồng chất nhiều người chưa hề được giáo dục về trí dục và đạo đức trong một chỗ chật hẹp, - tất cả những cái ấy chắc không thể có ảnh hưởng gì tốt đối với sự phát triển của tính cách phụ nữ. Người chủ xưởng dù cho có chú ý đến điểm ấy, cũng chỉ can thiệp khi thực tế xảy ra chuyện gì tai tiếng; còn ảnh hưởng thường xuyên, không rõ rệt lắm của những người phóng đãng hơn đối với những người có đạo đức hơn, nhất là đối với những người trẻ thì chủ xưởng không có cách gì biết được, do đó cũng không có cách gì đề phòng. Thế mà chính những ảnh hưởng ấy lại tai hại nhất. Nhiều người được gọi đến trước Tiểu ban về công xưởng năm 1833 đều nói rằng trong công xưởng người ta nói với nhau những chuyện "tục tĩu", "thiếu lịch sự", "bỉ ổi", v.v. (Cau-en, Văn kiện, tr.35, 37 và nhiều tr. khác). Những sự việc mà chúng ta thấy trên một quy mô lớn trong những thành phố lớn, phát sinh ở đây trên quy mô nhỏ. Sự tập trung nhân khẩu cũng có những hậu quả như nhau đối với người ta, vô luận là ở trong một thành phố lớn hay trong một công xưởng nhỏ. Công xưởng càng nhỏ thì dịp gần gũi nhau càng nhiều, sự giao thiệp với nhau càng khó tránh. Bởi vậy, hậu quả không phải chờ lâu. Một người làm chứng ở Lê-xtơ nói rằng ông ta thà để con gái đi ăn mày chứ không cho nó vào công xưởng, rằng công xưởng thực sự là cửa địa ngục, rằng đại đa số gái điếm trong thành phố đều là do công
xưởng tạo nên (Pau-ơ, Văn kiện, tr. 8). Một người làm chứng khác ở Man-se-xtơ "đã không chút do dự khẳng định rằng ba phần tư nữ công nhân từ 14 đến 20 tuổi đã mất trinh" (Cau-en, Văn kiện, tr. 57). Ủy viên tiểu ban Cau-en nhận định chung rằng đạo đức của công nhân công xưởng còn thấp hơn so với mức đạo đức trung bình của giai cấp công nhân (tr.82), và bác sĩ Hô-kin-xơ thì nói ("Báo cáo", tr. 4):

"Đạo đức không dễ gì dùng con số để biểu thị được, nhưng nếu tin vào sự quan sát của chính bản thân tôi, vào ý kiến của những người đã nói chuyện với tôi về vấn đề này, cũng như vào ấn tượng chung gây nên bởi tất cả những lời chứng mà tôi đã thu lượm được thì ảnh hưởng về mặt đạo đức của đời sống công xưởng đối với lớp nữ thanh niên làm cho người ta hết sức chán nản".

Ai nấy đều hiểu rằng chế độ nô lệ công xưởng nếu không hơn thì cũng bằng bất cứ chế độ nô lệ nào khác, đã đem lại cho người chủ cái jus primae noctis[130]1*. Về mặt ấy chủ xưởng cũng là ông chủ về thân thể và sắc đẹp của nữ công nhân. Sự doạ đuổi dù không phải trong một trăm trường hợp có chín mươi chín trường hợp, thì trong mười trường hợp cũng có chín trường hợp là đủ sức để đập tan bất cứ sự phản kháng nào của các cô gái, huống hồ bản thân các cô vốn không phải quý trọng gì lắm cái trinh tiết của mình. Nếu chủ xưởng khá hèn hạ (bản báo cáo của tiểu ban đã thuật lại nhiều trường hợp như vậy) thì công xưởng đồng thời

https://thuviensach.vn

cũng là khuê phòng của nó; mà dù cho không phải tất cả mọi chủ xưởng đều lợi dụng quyền ấy thì điều ấy cũng không thay đổi gì về bản chất tình hình của nữ công nhân. Trong bước đầu của công nhân công xưởng, khi đại đa số chủ xưởng đều là những kẻ mới phất, vô giáo dục, không đếm xỉa gì đến tập tục giả nhân nghĩa của xã hội thì họ cứ thản nhiên lợi dụng cái quyền "đương nhiên" của họ.

Muốn đánh giá đúng những hậu quả của lao động công xưởng đối với tình trạng thể lực của phụ nữ, thì trước hết phải xem xét lao động của trẻ con cũng như các hình thức khác nhau của bản thân lao động. Ngay từ khi mới bắt đầu có công nghiệp hiện đại, công xưởng đã thuê trẻ con làm việc: lúc đầu, do máy móc cỡ nhỏ - về sau đã tăng lên - cho nên những người làm việc ở máy hầu như toàn là trẻ con, chúng được tuyển chủ yếu từ các nhà nuôi trẻ mồ côi ra và được các chủ xưởng thuê dài hạn từng tốp một làm "thợ học việc". Chúng ăn ở và mặc đều như nhau, dĩ nhiên là hoàn toàn thành những nô lệ của người chủ, chịu sự ngược đãi tàn khốc nhất, dã man nhất. Ngay từ năm 1789, bác sĩ Péc-xi-van và ông Rô-bớt Pin (chủ xưởng dệt vải bông, cha của thủ tướng hiện thời) đã nói lên lòng phẫn nộ của dư luận xã hội đối với cái chế độ đáng công phẫn ấy một cách kịch liệt đến nỗi nghị viện đã phải thông qua một đạo luật về thợ học việc vào năm 1802, chấm dứt được những sự ngược đãi ghê gớm nhất[107]. Dần dần sự cạnh tranh của những người công nhân tự do đã loại bỏ chế độ học việc. Dần dần các công xưởng được xây dựng lên ngày một nhiều ở các thành phố, máy móc đã to lên, chỗ làm việc đã tương đối thoáng khí và sạch sẽ hơn. Đồng thời công việc của người lớn và thanh niên cũng dần dần nhiều lên, do đó con số trẻ con làm việc trong công xưởng đã ít hơn một chút và mức tuổi chúng bắt đầu đi làm việc cũng được nâng cao một chút. Ngày nay người ta đã rất ít thuê trẻ con từ 8 - 9 tuổi trở xuống. Sau đây ta sẽ thấy, cơ quan lập pháp về sau cũng đã nhiều lần đứng ra bảo vệ trẻ con chống lại lòng tham lam của giai cấp tư sản.

Tỷ lệ chết cao trong con cái công nhân, đặc biệt là con cái công nhân công xưởng, đủ để chứng minh những điều kiện sinh sống lúc tuổi thơ của chúng đã có hại đến sức khoẻ như thế nào. Những nguyên nhân ấy cũng có ảnh hưởng cả đến những đứa trẻ còn sống sót, mặc dù dĩ nhiên là ở mức không mạnh mẽ như đối với
những đứa trẻ đã chết. Trong những trường hợp khá nhất, những nguyên nhân ấy cũng khiến thể chất dễ nhiễm bệnh hoặc làm trở ngại sự phát triển, do đó thể lực phải kém so với những đứa trẻ bình thường. Một đứa trẻ lên chín tuổi, con công nhân công xưởng, lớn lên trong hoàn cảnh nghèo khổ, thiếu thốn mọi thứ, trong hoàn cảnh ẩm thấp và rét mướt, luôn luôn mặc không đủ ấm và ở nhà rất tồi tệ, thì đứa trẻ ấy nhất định không có năng lực làm việc như đứa trẻ lớn trong hoàn cảnh có lợi cho khoẻ mạnh hơn. Lên chín tuổi nó phải vào công xưởng, mỗi ngày làm việc 6 giờ rưỡi (trước kia làm việc 8 giờ, trước nữa là từ 12 đến 14 giờ, thậm chí đến 16 giờ), cho đến mười ba tuổi, và từ đấy cho đến mười tám tuổi mỗi ngày phải làm việc 12 giờ. Những nguyên nhân làm cho cơ thể suy yếu vẫn chưa hết, mà công việc thì lại mỗi ngày một nặng thêm. Ngay giả định rằng một đứa trẻ lên chín tuổi, thậm chí dù đó là con công nhân, có thể kiên trì làm việc mỗi ngày 6 giờ rưỡi mà công việc không gây tổn hại

https://thuviensach.vn

có thể *trông thấy* và cảm thấy được đối với cơ thể của nó, nhưng ở trong bầu không khí ngột ngạt, ẩm thấp, thêm vào đó lại thường xuyên nóng bức của công xưởng thì vô luận thế nào cũng không thể không ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không thể dung thứ được việc đem thì giờ, đáng lẽ chỉ dùng để bồi dưỡng thể lực và tinh thần cho trẻ con, mà hy sinh cho lòng tham của giai cấp tư sản nhẫn tâm: cướp mất trường học và bầu không khí trong lành của trẻ con, để cho các ngài chủ xưởng bòn rút chúng lấy lợi nhuận. Cố nhiên giai cấp tư sản sẽ nói rằng: nếu chúng tôi không thuê trẻ con vào làm việc trong các công xưởng thì chúng cũng vẫn phải ở trong những điều kiện bất lợi cho sự phát triển của chúng. Nói chung thì đúng thế, nhưng nghĩ kỹ một chút, thì điều ấy nghĩa là gì ? Như thế nghĩa là giai cấp tư sản trước hết đặt con cái công nhân vào những điều kiện tồi tệ, rồi sau đó lại lợi dụng những điều kiện tồi tệ ấy để mưu lợi ích cho mình! Để tự bào chữa cho mình, họ viện ra mọi điều, mà

cũng giống như toàn bộ chế độ công xưởng, chính tay họ đã tạo nên với cũng mức độ như thế; họ dùng cái tội họ phạm ngày hôm qua để bào chữa cho cái tội họ phạm ngày hôm nay. Nếu như không bị đạo luật về công xưởng trói buộc ở một trình độ nhất định nào đó thì, chao ôi, những nhà tư bản "hảo tâm", "nhân từ" dựng lên công xưởng chỉ vì phúc lợi của công nhân ấy, sẽ bảo vệ lợi ích của công nhân như thế nào ! Chúng ta hãy xem hành vi của họ trong các công xưởng như thế nào, trước khi viên thanh tra công xưởng chưa làm rầy rà các chủ xưởng. Hãy để cho những bằng chứng mà bản thân họ thừa nhận - Báo cáo của Tiểu ban về công xưởng năm 1833 - vạch mặt họ.

Bản báo cáo của uỷ ban trung ương nói rằng trẻ con bắt đầu làm việc ở công xưởng thỉnh thoảng từ năm tuổi, nhiều khi từ sáu tuổi, rất thường gặp từ bảy tuổi, đại bộ phận từ tám - chín tuổi; thời gian lao động thường từ 14 đến 16 giờ một ngày (không kể giờ nghỉ ăn uống); chủ xưởng cho phép bọn quản lý đánh đập trẻ con, bản thân chúng cũng thường ra tay đánh đập. Bản báo cáo còn thuật lại một trường hợp như sau: một chủ xưởng người Xcốt-len cưỡi ngựa đuổi bắt một công nhân mười sáu tuổi bỏ trốn, nó bắt em quay trở về và chạy trước ngựa, rồi dùng roi da dài vụt em lia lịa! (Xtu-ác, Văn kiện, tr. 35). Trong những thành phố lớn, nơi mà sự phản kháng của công nhân tương đối mạnh, thì những trường hợp như thế đương nhiên ít xảy ra hơn một chút. Nhưng ngay cái ngày lao động dài như vậy cũng vẫn không thoả mãn lòng tham của bọn tư bản. Mục đích của chúng là dùng mọi biện pháp để làm cho tư bản bỏ vào trong nhà cửa và máy móc đẻ ra được nhiều lợi nhuận, bắt tư bản ấy hoạt động khẩn trương hết sức. Vì mục đích ấy, chủ xưởng thực hành chế độ lao động ban đêm tàn khốc. Một số chủ xưởng thực hành chế độ hai ca, số người của mỗi ca khá nhiều, đủ để đảm bảo công việc của cả công xưởng, một ca làm việc mười hai giờ ban ngày, ca kia làm việc mười hai giờ ban đêm. Sự nghỉ ngơi ban đêm mà bất cứ giấc ngủ

ban ngày nào cũng không thể thay thế được luôn luôn bị tước đoạt như vậy thì sẽ có những hậu quả như thế nào không những đối với trẻ con và thiếu niên, thậm chí đến cả với người lớn nữa, điều ấy rất dễ thấy. Kết quả tất nhiên của thứ lao động ấy là toàn bộ hệ thần kinh bị kích thích quá sức, gây nên suy nhược toàn bộ cơ thể. Một hậu quả khác là say rượu và tình

https://thuviensach.vn

dục phóng đãng. Một chủ xưởng (Tớp-nen, Văn kiện, tr. 91) chứng thực rằng trong hai năm thực hành chế độ làm đêm trong công xưởng của hắn, số con đẻ ngoài pháp luật tăng gấp đôi, và trình độ đạo đức đã hạ thấp đến nỗi hắn đành phải đình chỉ việc làm đêm. - Nhiều chủ xưởng khác lại dã man hơn; họ bắt công nhân làm việc 30-40 giờ liền và *mỗi tuần đến mấy lần* như vậy, đó là vì họ không có công nhân để thay ca đầy đủ; việc thay ca chỉ nhằm thay thế một phần công nhân và cho họ được ngủ một, hai giờ thôi. Bản báo cáo của uỷ ban về hành vi dã man ấy và về những hậu quả của nó đã vượt quá tất cả những điều tôi đã được nghe về phương diện ấy. Những điều ghê gớm được thuật ở đây không có ở địa phương nào khác, nhưng chúng ta sẽ thấy trong khi đó giai cấp tư sản vẫn luôn luôn đưa những bằng chứng của uỷ ban ra mà giải thích một cách *có lợi cho họ*. Những hậu quả của chế độ ấy biểu hiện rất nhanh: các báo cáo viên kể rằng họ gặp nhiều người có tật, mà chắc chắn chỉ do thời gian lao động quá dài. Tật thông thường nhất là cột sống và hai chân bị vẹo. Phren-xít Sác-pơ (hội viên của Hội phẫu thuật hoàng gia) ở thành phố Lít-xơ mô tả việc này như sau:

"Trước khi tôi đến Lít-xơ, tôi chưa bao giờ thấy đoạn dưới xương đùi bị vẹo một cách kỳ quái như vậy. Thoạt tiên tôi nghĩ đó là bệnh còi xương, nhưng đa số các trường hợp được đăng ký ở bệnh viện, bệnh này xuất hiện vào lứa tuổi (8 - 14 tuổi) là lứa tuổi mà trẻ con thường không còn bị bệnh còi xương nữa, hơn nữa chỉ sau khi trẻ con đã vào công xưởng làm rồi thì mới bắt đầu mắc bệnh ấy, tất cả những cái ấy buộc tôi phải thay đổi ý kiến. Cho đến bây giờ, tôi đã thấy gần một trăm trường hợp như thế, và tôi có thể nói hết sức khẳng định rằng đó đều là do lao động quá độ gây nên: theo chỗ tôi biết thì tất cả bệnh nhân đều là trẻ con làm

việc ở công xưởng, mà bản thân chúng cũng cho rằng nguyên nhân làm chúng mắc bệnh là do nguyên nhân nói trên". - "Những trường hợp cột sống bị vẹo, hiển nhiên là do phải đứng quá lâu, mà tôi đã gặp cũng không dưới ba trăm" (bác sĩ Lao-đơn, Văn kiện, tr. 12, 13).

Bác sĩ Hây ở Lít-xơ, người thầy thuốc làm việc 18 năm ở bệnh viện, cũng chứng minh như vậy:

"Cột sống bị vẹo là thứ tật rất thường gặp ở công nhân công xưởng; trong một số trường hợp, đó chỉ là hậu quả của lao động quá sức; trong một số trường hợp khác thì lại là hậu quả của lao động quá kéo dài đối với một cơ thể bẩm sinh yếu ớt, hay vì bồi dưỡng kém mà suy nhược... Ở đây, những dị tật các loại có lẽ thường thấy hơn tật vẹo cột sống: đầu gối cong lõm vào trong, dây gân chằng các khớp thường bị yếu và nhão ra, xương dài của chân bị vặn cong; đặc biệt là đầu của những xương ấy bị cong vẹo và to ra, những bệnh nhân ấy đều đến từ những công xưởng có ngày lao động quá dài" (bác sĩ Lao-đơn, Văn kiện, tr. 16).

Các bác sĩ phẫu thuật Bu-mơn và Sác-pơ khi nói đến Brát-phoóc cũng đều xác nhận điểm ấy. Trong bản báo cáo của các uỷ viên Đrin-cơ-oa-tơ, Pau-ơ và bác sĩ Lao-đơn cũng có nhiều ví dụ về loại tật ấy; Tớp-nen và ông bác sĩ Đa-vít Ba-ri, những người không chú ý lắm đến loại hiện tượng ấy, cũng đưa ra những ví dụ cá biệt trong bản báo cáo của họ (trong báo cáo của Đrin-cơ-oa-lơ, Văn kiện, ví dụ về hai anh em ở tr. 69, ví dụ về hai anh em ở các tr. 72, 80, 146, 148, 150, tr. 155 và nhiều tr. khác; trong báo cáo của Pau-ơ, Văn kiện, hai ví dụ ở các tr. 63, 66, 67, ba ví dụ ở tr. 68, hai ví dụ ở tr. 69; trong báo cáo về Lít-xơ tr. 29, 31, 40, 43, 53 và các tr. sau; trong báo cáo của bác sĩ Lao-đơn, Văn kiện, bốn ví dụ ở tr. 4, 7, mấy ví

https://thuviensach.vn

dụ ở tr. 8, v.v.; trong báo cáo của bác sĩ Ba-ri, Văn kiện, tr. 6, 8, 13, 21, 244, ba ví dụ ở tr. 55, v.v.; Tớp-nen, tr. 5, 16 và các tr. khác). Những uỷ viên điều tra về Lan-kê-sia - Cau-en, Tớp-nen và bác sĩ Hô-kin-xơ - đã hoàn toàn coi nhẹ những hậu quả về mặt y học của chế độ công xưởng, mặc dù về con số người tàn tật thì Lan-kê-sia nhất định có thể sánh được với Y-oóc-sia. Mỗi lần đi qua Man-se-xtơ tôi đều gặp ba, bốn người tàn tật, cột sống và chân cong vẹo giống hệt như
trên kia đã mô tả. Tôi không chỉ chú ý đến họ có một lần, mà cũng có khả năng quan sát họ kỹ càng. Tôi còn quen một người tàn tật, tình hình của anh ta hoàn toàn phù hợp với tài liệu mà bác sĩ Hây đã miêu tả; anh ta đã mắc bệnh ở công xưởng của ông Đu-glát ở thành phố Pen-đơn-tơn, công xưởng ấy đã từng có tiếng xấu trong công nhân vì lao động quá độ và trước đây không lâu nó còn tiếp tục làm việc suốt đêm. Nhìn những người tàn tật ấy là có thể đoán ngay được nguyên nhân khiến họ mang tật; tất cả đều có hình dạng giống nhau: đầu gối đều lõm vào và vặn về phía sau một ít, hai chân vòng kiềng, các khớp xương dị dạng và to ra, cột sống thường cong về trước hoặc vẹo sang một bên. Nhưng xem ra những kẻ gây tai hoạ tàn khốc nhất chính là những tên chủ xưởng dệt lụa nhân từ của khu Mác-cơn-xphin, sở dĩ như vậy là vì trong những xưởng ấy có những trẻ em rất nhỏ làm việc - em nhỏ nhất chỉ mới năm, sáu tuổi. Trong tài liệu bổ sung của uỷ viên Tớp-nen, ta thấy lời thuật của một đốc công nào đó tên là Rai-tơ (tr.26); hai chị em gái của hắn đều vì làm việc mà thành tàn tật đến mức hết sức đáng sợ; một lần hắn ta đã đếm số người tàn tật trên nhiều phố của khu Mác-cơn-xphin, kể cả mấy phố xây dựng tốt nhất và đẹp nhất ở thành phố ấy: hắn đã thấy 10 người ở phố Thu-lây, 5 người ở phố Gioóc-giơ, 4 người ở phố Sác-lốt, 15 người ở Oa-tơ-cốt, 3 người ở Ban-cơ Tốp, 7 người ở phố Lơ-rơ, 12 người ở Min Lên, 2 người ở phố Grai-tơ Gioóc-giơ, 2 người ở trong nhà tế bần, 1 người ở Pác-cơ Grin, 2 người ở phố Pích-phoóc. Người nhà của những người tàn tật đều đồng thanh nói rằng tật ấy là hậu quả của lao động quá mức trong các công xưởng sợi tơ gây nên. Ở tr. 27, nói đến trường hợp một em trai thân thể tàn tật đến nỗi không lên nổi thang gác; ở đó còn nói đến mấy em gái, cột sống và đùi bị cong vẹo.

Lao động quá mức còn gây nên những loại tật khác, đặc biệt là tật bàn chân bẹt mà ngài Đ.Ba-ri (ví dụ ở tr. 21, ông đã nêu ra hai trường hợp) và những thầy thuốc nội ngoại khoa ở Lít-xơ
cho là rất thường thấy (Lao-đơn, tr. 13, 16, v.v.). Ngay cả trong những trường hợp cơ thể vững chắc hơn, được bồi dưỡng tốt hơn, và nhờ những điều kiện khác mà những người công nhân trẻ chịu đựng nổi những hậu quả của sự bóc lột dã man ấy, thì họ cũng không thoát khỏi những chứng đau lưng, đau vùng hông, đau chân, sưng khớp, giãn tĩnh mạch, hay lở loét lớn không chữa khỏi ở đùi và bắp chân. Nhưng bệnh tật ấy hầu như là những hiện tượng phổ biến trong công nhân. Stu-ác, Ma-kin-tô-sơ và ngài Đ. Ba-ri đã nêu ra mấy trăm ví dụ trong các báo cáo của họ, thậm chí hầu như họ chưa gặp qua một người công nhân nào mà không mắc phải một trong những bệnh tật ấy; trong những bản báo cáo khác, nhiều thầy thuốc cũng đã xác nhận bằng rất nhiều dẫn chứng rằng có xảy ra những hậu quả ấy. Vô số ví dụ trong các bản báo cáo về Xcốt-len đã nói lên một cách không còn nghi ngờ gì nữa rằng làm việc 13 giờ

https://thuviensach.vn

mỗi ngày, ít nhất cũng gây nên những hậu quả *như thế*, ngay cả với những công nhân từ 18 đến 22 tuổi, vô luận là nam hay nữ, và ở những công xưởng dệt bông tại Gla-xgô và La-nác-cơ đều như thế cả.

Tất cả những bệnh tật ấy đều sinh ra do chính bản chất của lao động công xưởng, loại lao động mà theo lời các chủ xưởng, thực là rất "nhẹ nhàng", nhưng chính vì cái nhẹ nhàng ấy mà cơ thể suy nhược hơn bất cứ loại lao động nào khác. Công nhân không phải làm nhiều việc, nhưng lúc nào họ cũng phải *đứng*, không có quyền ngồi xuống. Người nào ngồi trên bệ cửa sổ hoặc trên cái sọt một tí thì sẽ bị phạt; đứng lâu như vậy thì phần trên của thân thể sẽ luôn luôn đè xuống cột sống, xuống xương chậu và chân, do đó không thể không sinh ra những hậu quả nói trên. Đứng luôn như vậy hoàn toàn không phải là cần thiết cho bản thân công việc, chẳng hạn như ở Nốt-tinh-hêm ít ra người ta cũng bố trí ghế ngồi ở các gian đấu sợi (kết quả là những bệnh tật nói trên đều biến mất hết, do đó nữ công nhân cũng đã bằng lòng kéo dài ngày lao động). Nhưng trong một công xưởng mà người công nhân chỉ

có làm việc cho người tư bản, họ ít quan tâm làm thế nào cho công việc được tốt hơn thì chắc chắn họ sẽ lợi dụng cơ hội được ngồi vượt quá mức độ bằng lòng và có lợi cho chủ xưởng, và, để cho giai cấp tư sản đỡ thiệt hại một tí vì nguyên liệu bị hư hỏng, thì đành phải để người công nhân hy sinh sức khoẻ của họ[131]1). Ngoài ra, đứng lâu như thế, cộng với không khí trong công xưởng phần nhiều rất xấu, càng làm cho toàn bộ cơ thể suy nhược trầm trọng, do đó gây nên nhiều loại bệnh tật khác có tính chất toàn thân hơn là cục bộ. Không khí trong công xưởng thường thường vừa ẩm, vừa nóng, thường là nóng quá mức cần thiết, khi tình hình thông gió không tốt *lắm* thì không khí rất tồi tệ, ngột ngạt, không có đủ dưỡng khí, đầy bụi bặm và mùi hôi do dầu máy bốc ra, mà dầu máy hầu như bao giờ cũng tràn ra nhầy nhụa và thấm dần khắp sàn nhà. Vì nóng bức nên công nhân mặc rất mỏng, vì vậy khi nhiệt độ trong phòng không điều hoà thì thế nào họ cũng bị cảm; ở nơi nóng bức đó, họ rất sợ không khí trong lành; nhiệt lượng của cơ thể giảm sút cùng với sự suy nhược dần dần của các cơ năng, phải nhờ sức nóng bên ngoài để tự duy trì; cho nên bản thân người công nhân tự cảm thấy dễ chịu nhất là được ở trong bầu không khí công xưởng oi bức, cửa sổ đóng kín mít. Ngoài ra, sự thay đổi nhiệt độ đột ngột khi người công nhân từ bầu không khí nóng bức của công xưởng chuyển sang không khí lạnh buốt hoặc ẩm ướt ở ngoài phố, hay người công nhân gặp mưa mà không có đủ đồ che mưa hoặc không thay được quần áo khô, - tất cả những cái ấy cộng lại với nhau thường dẫn đến cảm mạo. Nếu chúng ta chú ý rằng trong tình hình ấy, có lẽ ngoài bắp chân ra thì trong toàn thân không có một bắt thịt nào phải thực sự căng thẳng và thực sự hoạt động; nếu chú ý rằng công nhân không có cách nào chống lại tác dụng làm cơ thể uỷ mị bạc nhược của

những nguyên nhân kể trên, vì họ không có cơ hội để luyện tập thân thể, phát triển bắp thịt, làm tăng sức mạnh và sức bật của các cơ thêm nữa, từ nhỏ đã bị tước đoạt mất cơ hội hoạt

https://thuviensach.vn

động ở ngoài trời, thì không một ai lấy làm lạ khi những thày thuốc hầu như nhất trí khẳng định trong bản báo cáo về công xưởng rằng họ nhận thấy sức đề kháng của cơ thể của công nhân công xưởng đối với các bệnh tật, thì đặc biệt kém, nói chung sức sống của họ giảm sút, toàn bộ trí lực và thể lực của họ suy yếu không ngừng. Trước tiên chúng ta hãy nghe Ba-ri nói:

"Lao động công xưởng đối với công nhân có những ảnh hưởng bất lợi như sau:

1) nhất thiết phải làm cho hoạt động thể lực và tinh thần của mình thích nghi vô điều kiện với vận động của máy được phát động bởi một lực đều đều và không ngừng; 2) phải đứng suốt trong những khoảng thời gian dài quá mức độ và nối tiếp nhau quá nhanh; 3) bị mất ngủ (do thời gian lao động kéo dài, do chân đau và toàn thân khó chịu). Còn phải thêm vào đó ảnh hưởng của chỗ làm việc thấp, chật hẹp, bụi bặm hoặc ẩm ướt, không khí bẩn thỉu, oi bức, mồ hôi ra không ngớt. Vì vậy nhất là những trẻ em nam, trừ một số ít, đều mất đi rất nhanh vẻ mặt hồng hào tươi tắn của tuổi thơ, mà trở thành xanh xao và gầy gò hơn những đứa con trai khác. Ngay đến chú thợ học việc của một người thợ dệt thủ công, chân không, đứng trên nền đất của gian xưởng trông cũng còn xinh hơn chúng, vì nó thỉnh thoảng còn được ra ngoài đi lại ở chỗ thoáng khí. Nhưng đứa trẻ làm việc ở công xưởng thì không có một phút nào rỗi rãi; trừ lúc ăn uống, và chỉ có lúc ăn trưa thì mới được ra ngoài thoáng khí. Tất cả nam công nhân kéo sợi thành niên đều xanh xao, gầy gò, mắc chứng tiêu hoá xấu và khẩu vị thất thường; tất cả họ làm việc ở công xưởng từ nhỏ, và trong bọn họ rất ít hoặc hoàn toàn không có người nào vạm vỡ, cho nên hoàn toàn có thể kết luận rằng nghề nghiệp của họ rất có hại cho sự phát triển của cơ thể nam giới. Phụ nữ chịu đựng loại lao động ấy dễ dàng hơn" (điều đó hoàn toàn tự nhiên, nhưng dưới đây chúng ta sẽ thấy, họ cũng có những bệnh nghề nghiệp của họ). (Ngài Đ. Ba-ri, Báo cáo chung).

Pau-ơ cũng viết giống như thế:

"Tôi có thể nói dứt khoát rằng chế độ công xưởng ở Brát-phoóc đã tạo nên nhiều người tàn tật... và ảnh hưởng của lao động kéo dài quá lâu đối với cơ thể, không phải chỉ biểu hiện ở những tàn tật rõ rệt, nó còn biểu hiện một cách phổ biến hơn ở chỗ chậm lớn, bắp thịt mềm nhẽo, thể cách suy nhược" (Pau-ơ, Báo cáo, tr. 74).

Ph. Sác-pơ, nhà phẫu thuật [132]1) ở Lít-xơ, đã dẫn ở trên, viết:

"Khi tôi từ Xcác-bô-rô tới Lít-xơ, tôi thấy ngay là trẻ con ở đây nói chung, xanh xao hơn nhiều, và gân thịt ít phát triển hơn nhiều so với trẻ con ở Xcác-bô-rô và những khu lân cận. Tôi còn thấy nhiều đứa quá thấp bé so với lứa tuổi của chúng... Tôi đã chẩn đoán vô số trường hợp bệnh tràng nhạc, bệnh phổi, bệnh dạ dày và ruột; là một thày thuốc, tôi không chút hoài nghi rằng những bệnh ấy là do làm việc ở công xưởng gây nên. Tôi cho rằng lao động kéo quá dài làm suy yếu năng lực thần kinh của cơ thể và tạo nên miếng đất tốt cho nhiều bệnh tật. Nếu không có lực lượng mới từ nông thôn không ngừng đổ về thì chẳng bao lâu nữa giống công nhân công xưởng này đã hoàn toàn thoái hoá".

Bu-mơn, nhà phẫu thuật ở Brát-phoóc, cũng nói lên ý kiến như vậy:

"Theo tôi thì chế độ lao động, thực hành ở các công xưởng ở đây làm cho cơ thể suy nhược đặc biệt, khiến trẻ con hết sức dễ mắc bệnh truyền nhiễm và những bệnh tật khác... Tôi kiên quyết cho rằng thiếu những quy định cần thiết về không khí và sạch sẽ ở các công xưởng, là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến những bệnh tật mà tôi thường gặp trong khi làm nghề thày thuốc dễ phát sinh hoặc dễ mắc phải".

https://thuviensach.vn

Bác sĩ Cây cũng đưa ra những dẫn chứng như thế:

"1) Tôi đã có dịp quan sát những ảnh hưởng của chế độ công xưởng đối với sức khoẻ của trẻ con trong những trường hợp tốt nhất" (tại công xưởng Vu-đơ ở Brát-phoóc; là công xưởng thiết bị tốt nhất của thành phố này, ở đây bác sĩ Cây làm thày thuốc của công xưởng); "2) dù ở trong những điều kiện tốt như vậy, nhưng ảnh hưởng ấy vẫn không thể hoài nghi được, và nó đã mang lại tác hại lớn; 3) suốt năm 1842, tôi đã chữa bệnh cho ba phần năm trẻ con làm việc trong công xưởng Vu-đơ; 4) hậu quả tai hại nhất của chế độ ấy biểu hiện ở chỗ nhiều người suy nhược, hay ốm đau hơn là ở chỗ nhiều người tàn tật; 5) tất cả những cái ấy đã được cải thiện nhiều từ khi ngày lao động của trẻ con ở công xưởng Vu-đơ rút xuống mười giờ".

Bản thân uỷ viên tiểu ban, bác sĩ Lao-đơn, người đã dẫn ra những lời chứng ấy cũng nói như sau:

"Tôi đã chứng minh khá rõ rệt rằng trẻ con bị bắt buộc lao động kéo dài một cách phi lý và tàn khốc, và cả đến người lớn cũng phải làm một khối lượng công việc mà sức lực con người chưa chắc đã làm nổi. Kết quả là nhiều người chết non, nhiều người mang tật suốt đời, và nói theo quan điểm sinh lý học, thì người ta có thừa căn cứ để lo ngại cho tương lai của những thế hệ do những người sống sót ấy đẻ ra".

Sau cùng, khi nói đến Man-se-xtơ, bác sĩ Hô-kin-xơ tuyên bố:

"Tôi cho rằng đại đa số khách du lịch phải nhận thấy rằng những cư dân ở Man-se-xtơ, đặc biệt là những công nhân công xưởng, nói chung đều nhỏ bé, gầy yếu và xanh xao. Trong bất cứ một thành phố nào ở Đại Bri-ten hoặc ở châu Âu, tôi chưa bao giờ thấy những người có tầm vóc và sắc mặt rõ ràng cách biệt với cỡ người trung bình của dân tộc như thế. Những phụ nữ đã kết hôn đều mất hết tất cả mọi đặc điểm của phụ nữ Anh một cách đáng kinh ngạc... Tôi phải thừa nhận rằng những con trai và con gái của các công xưởng ở Man-se-xtơ được đưa đến cho tôi khám bệnh, đều tiều tuỵ và sắc mặt xanh xao; trên khuôn mặt họ không có một nét nào sinh động, hoạt bát, vui tươi vốn có của thời niên thiếu. Nhiều đứa trong bọn chúng nói với tôi rằng tối thứ bảy và ngày chủ nhật, chúng không thèm đi dạo chơi ở ngoài trời một chút nào, và chỉ thích ngồi yên ở nhà".

Chúng tôi lại dẫn thêm một đoạn khác trong báo cáo của bác sĩ Hô-kin-xơ; đoạn này cố nhiên chỉ có quan hệ một nửa với điều bàn ở đây, nhưng có thể dẫn ra ở đây cũng có hiệu quả như ở chỗ khác:

"Tính không điều độ, phóng đàng, không lo nghĩ đến tương lai chính là những khuyết điểm chủ yếu của cư dân công xưởng; những khuyết điểm ấy có thể giải thích rất dễ bằng những thói quen do chế độ công xưởng ngày nay đẻ ra và điều đó *hầu như không thể tránh được*. Mọi người đều công nhận rằng chứng tiêu hoá xấu, chứng ưu phiền, chứng suy nhược toàn thân là những hiện tượng rất phổ biến trong loại công nhân ấy; sau khi lao động đơn điệu trong mười hai giờ, thì việc muốn tìm một chút chất kích thích nào đó quả là điều hoàn toàn tự nhiên: nhưng rút cục khi mắc phải những chứng bệnh nói trên thì họ tất sẽ ngày càng đi tìm sự lãng quên trong rượu mạnh".

Bản báo cáo đã đưa ra hàng trăm ví dụ để chứng minh cho những lời nói ấy của các thày thuốc và của các uỷ viên tiểu ban.

Bằng hàng trăm dẫn chứng, bản báo cáo ấy chứng thực rằng sự phát triển của công nhân thiếu niên đã bị lao động công xưởng làm cho trở ngại, Chẳng hạn như Cau-en đã nêu lên thể

https://thuviensach.vn

trạng của 46 nam thanh niên lứa tuổi mười bảy cùng học tại một trường ngày chủ nhật, trong số ấy, 26 người làm việc ở công xưởng bình quân nặng 104,5 pao, còn 20 người khác cũng thuộc giai cấp công nhân, nhưng không làm việc ở công xưởng thì bình quân nặng I17,7 pao. Chính một trong những chủ xưởng lớn nhất ở Man-se-xtơ, một tay cổ vũ các chủ xưởng chống lại công nhân, tên là Rô-bớt Hai-đơ Grếch, nếu tôi không nhầm, có một lần đã nói rằng nếu tình hình cứ tiếp tục như thế thì những công nhân công xưởng Lan-kê-sia chẳng bao lâu nữa sẽ biến thành một chủng tộc người lùn[133]1). Một sĩ quan phụ trách tuyển mộ tân binh (Tớp-nen, tr.59) nói rằng công nhân công xưởng rất ít thích hợp với binh dịch, họ gầy và yếu, thường bị các thày thuốc khước từ. Ở Man-se-xtơ ông ta khó kiếm được một người cao 5 phút 8 in-sơ, đại đa số chỉ cao 5 phút 6 - 7 in-sơ, trong khi đó ở các khu nông nghiệp thì đại đa số tân binh đều cao 5 phút 8 in-sơ (thước Anh hơi ngắn hơn thước Phổ, đại khái cứ 5 phút thì ngắn mất 2 in-sơ.

Do ảnh hưởng của tất cả những điều kiện ấy, những nam công nhân mòn mỏi đi rất nhanh. Đại đa số đến 40 tuổi đã không làm việc được, chỉ có một số ít có thể kiên trì được đến 45 tuổi, rất ít người có thể kiên trì được đến 50 tuổi. Nguyên nhân mất khả năng lao động không những do toàn thân suy nhược, mà còn do suy yếu thị lực nữa, đấy là hậu quả của sự làm việc ở máy mun, ở đó, người công nhân phải luôn luôn chăm chú nhìn một hàng dài những sợi nhỏ song song, do đó cặp mắt lúc nào cũng phải rất căng thẳng. Trong số 1 600 công nhân làm việc trong mấy công xưởng ở Hác-pơ và La-nác-cơ chỉ có 10 người là vượt quá 45 tuổi; trong số 22 094 công nhân làm việc trong công xưởng ở Xtốc-poóc và Man-se-xtơ, chỉ có 143 người vượt quá 45 tuổi. Trong số 143 người ấy thì 16 người được ở lại công xưởng là do ơn huệ đặc biệt, trong đó có một người chỉ làm công việc của trẻ con. Trong một danh sách gồm 131 thợ kéo sợi nam, chỉ có 7 người quá 45 tuổi, thế mà cả 131 người ấy đi xin việc với chủ xưởng nào cũng đều bị từ chối vì "quá lớn tuổi". Trong số 50 người thợ kéo sợi bị loại ra ở Bôn-tơn, chỉ có 2 người quá 50 tuổi, còn thì bình quân chưa quá 40 tuổi, thế mà họ đều thất nghiệp vì tuổi quá cao ! Trong một bức thư gửi cho huân tước Ê-sli, bản thân một chủ xưởng lớn tên là A-su-ước-tơ đã thừa nhận rằng những người thợ kéo sợi hễ gần 40 tuổi là không thể nào kéo được sợi theo số lượng quy định, cho nên "có khi" đã bị đuổi; hắn gọi những công nhân 40 tuổi là "những người già"[134]1). Trong bản báo cáo năm 1833, uỷ viên của tiểu ban là Ma-kin-tô-sơ nói:

"Mặc dù tôi đã biết trẻ con làm việc trong những điều kiện thế nào, và do đó trên tư tưởng đã có sự chuẩn bị nhất định, nhưng tôi vẫn khó tin số tuổi mà bản thân những công nhân tương đối già nua ấy nói ra, vì họ già sớm quá".

Nhà phẫu thuật Xmen-li ở Gla-xgô, chuyên khám bệnh cho công nhân công xưởng, cũng nói rằng đối với công nhân thì 40 tuổi đã là tuổi già (old age) (Stu-ác, Văn kiện, tr.101). Ta thấy những bằng chứng tương tự ở Tớp-nen, Văn kiện, tr. 3, 9, 15 và ở Hô-kin-xơ, Báo cáo, tr.4, Văn kiện, tr. 14, v.v.. Ở Man-se-xtơ hiện tượng già sớm ấy của công nhân rất phổ biến, hầu như tất cả mọi người đàn ông bốn mươi tuổi đều già hơn tuổi thực từ mười đến mười lăm

https://thuviensach.vn

tuổi, còn trong những giai cấp khá giả, thì nam hay nữ, chỉ cần họ không uống rượu quá nhiều là trông vẫn trẻ.

Ảnh hưởng của lao động công xưởng đối với cơ thể phụ nữ
cũng rất đặc biệt. Những sự huỷ hoại cơ thể do ngày lao động quá dài gây nên ở phụ nữ còn nghiêm trọng hơn ở nam giới: những biến dạng của xương chậu (một phần do vị trí không bình thường và sự phát triển không bình thường của bản thân xương chậu, một phần do sự cong vẹo của phần dưới cột sống) thường là do nguyên nhân ấy sinh ra.

Trong bản báo cáo của bác sĩ Lao-đơn có nói: "Mặc dù bản thân tôi chưa từng thấy một trường hợp nào về biến dạng xương chậu và mấy chứng bệnh khác, nhưng mỗi người thày thuốc đều phải coi tất cả những hiện tượng đó là hậu quả có thể của ngày lao động quá dài của trẻ con; điều ấy đã được những thày thuốc có uy tín rất lớn xác nhận".

Nhiều bà đỡ và thày thuốc khoa sản đã chứng thực là nữ công nhân công xưởng đẻ khó hơn phụ nữ khác và thường hay đẻ non (chẳng hạn xem bác sĩ Hô-kin-xơ, Văn kiện, tr.11 và 13). Ngoài ra nữ công nhân còn mắc chứng thực suy nhược toàn thân chung cho tất cả công nhân công xưởng, và khi có thai, họ vẫn làm việc ở công xưởng cho *đến tận lúc đẻ* và điều đó hoàn toàn dễ hiểu, vì nếu họ nghỉ sớm thì sợ chỗ làm của họ bị người khác chiếm mất, còn bản thân họ sẽ bị thải; vả lại nghỉ sớm thì còn bị mất lương. Những nữ công nhân tối hôm trước còn làm việc, và sáng hôm sau đã đẻ là việc rất thường thấy; thậm chí đẻ ngay trong công xưởng, bên cạnh máy, cũng không phải là hiếm gì. Nếu các ngài tư sản không thấy điều đó có gì đặc biệt, thì có lẽ vợ họ cũng sẽ đồng ý với tôi rằng gián tiếp cưỡng bức một người phụ nữ có mang mỗi ngày vẫn phải làm việc 12, 13 giờ (trước kia còn nhiều hơn) mà lúc nào cũng phải đứng và thường phải cúi cho đến tận ngày đẻ, thì đó là một việc vô cùng tàn khốc, một hành vi dã man bỉ ổi. Nhưng điều đó chưa phải đã hết. Khi người nữ công nhân được nghỉ hai tuần lễ sau khi đẻ, thì họ rất hài lòng và coi đó là một thời hạn nghỉ rất dài, Nhiều người chỉ sau khi đẻ một tuần, thậm chí sau khi đẻ 3-4 ngày đã trở lại công xưởng làm đủ cả ngày lao động. Có lần tôi nghe chủ xưởng hỏi người đốc công: Chị ấy còn chưa đến à ? - Chưa, - Chị ấy đẻ được bao lâu rồi ? -

Một tuần. - Thế thì chị ta đáng lẽ phải trở lại từ lâu rồi. Một chị khác trong trường hợp như thế chỉ ở nhà không quá ba ngày. - Tất cả điều đó thật hoàn toàn dễ hiểu: vì sợ bị sa thải, vì sợ thất nghiệp, người nữ công nhân bắt buộc phải trở lại công xưởng mặc dù họ còn rất yếu và còn đau; lợi ích của chủ xưởng không cho phép công nhân ở nhà vì đau ốm; công nhân không được ốm, nữ công nhân không được phép nghỉ sau khi đẻ, không thế thì chủ xưởng sẽ phải dừng máy lại, hoặc đầu óc cao quý của hắn sẽ phải mệt nhọc để tìm những biện pháp giải quyết tạm thời; để khỏi xảy ra sự tình như vậy, hắn sa thải những công nhân nào dám ốm đau.

Hãy nghe những lời nói dưới đây (Cau-en, Văn kiện, tr.77):

https://thuviensach.vn

"Mọi người con gái cảm thấy khó chịu trong người, quả thực không thể tiếp tục làm việc được nữa. - Tại sao cô ta không xin phép về nhà? - Ô! Thưa ông, về điểm này "ông chủ" rất nghiêm khắc: chúng tôi chỉ vắng mặt một phần tư ngày là đã có nguy cơ bị đuổi rồi".

Và đây là một dẫn chứng khác (ngài Ba-ri, Văn kiện, tr.44): công nhân Tô-mát Mác-Đức hơi sốt:

"Anh ta không dám ở nhà, mà nếu ở nhà thì cũng không dám ở nhà quá bốn ngày, vì sợ mất việc".

Tình hình ở hầu hết mọi công xưởng đều như thế. - Lao động của những thiếu nữ trong thời kỳ phát triển của cơ thể còn gây ra nhiều hiện tượng không bình thường. Có một số người, nhất là những người được ăn uống tương đối khá, do bầu không khí nóng bức của công xưởng, làm cho phát triển nhanh hơn, đến nỗi một số thiếu nữ 12 - 14 tuổi đã được phát triển hoàn toàn đầy đủ. Trong tờ "North of England Medical and Surgical Journal", Rô-bớc-tơn, mà trên kia đã nhắc đến và đã được bản báo cáo về công xưởng gọi là người thày thuốc sản khoa "xuất sắc" ở Man-se-xtơ, nói rằng ông ta đã gặp một cô gái mười một tuổi, không những đã được phát triển hoàn toàn đầy đủ, mà thậm chí đã có thai; và con gái mười lăm tuổi đẻ con không phải làm hiếm
có ở Man-se-xtơ. Trong trường hợp ấy thì sự nóng bức ở công xưởng cũng có tác dụng như sự nóng bức của khí hậu nhiệt đới và cũng như ở khí hậu ấy, người ta phát triển quá sớm thì tuổi già và sức yếu cũng đến quá sớm. Nhưng cũng thường thấy sự phát triển về giới tính của phụ nữ bị trở ngại: vú nở nang chậm hay hoàn toàn không nở; Cau-en dẫn ra những ví dụ như thế ở tr. 35; kinh nguyệt nhiều khi đến mười bảy, mười tám tuổi, có khi đến hai mươi tuổi, mới bắt đầu có, thường là hoàn toàn không có (bác sĩ Hô-kin-xơ, Văn kiện, tr. 11; bác sĩ Lao-đơn, Văn kiện, tr. 14 và các tr. khác; ngài Ba-ri, Văn kiện, tr. 5 và các tr. khác). Kinh nguyệt thường rất không đều, kèm theo chứng đau dữ dội và khó chịu, nhất là chứng thiếu máu rất thường gặp; đó là điều mà tất cả các bản báo cáo y học đều nhất trí chứng minh.

Những phụ nữ như vậy, đặc biệt là trong điều kiện đã có mang mà vẫn phải làm việc, không thể sinh ra những đứa con khoẻ mạnh được. Theo những bản báo cáo, nhất là báo cáo về Man-se-xtơ thì những đứa con của họ đều rất yếu ớt, chỉ có một mình Ba-ri cho là chúng khỏe mạnh, nhưng ông ta cũng nói rằng ở Xcốt-len, nơi ông ta kiểm tra, thì *hầu như không có một phụ nữ đã kết hôn nào làm việc ở công xưởng*; hơn nữa, phần lớn những công xưởng ở đây - trừ những công xưởng ở Gla-xgô - đều ở ngoài thành phố, điều đó giúp không ít cho sức khoẻ của trẻ con. Ở những vùng phụ cận Man-se-xtơ, hầu hết con công nhân đều mặt mũi hồng hào và hớn hở, còn con công nhân ở chính trong thành phố thì xanh xao và còm cõi. Nhưng đến chín tuổi thì trẻ con đột nhiên mất hết sắc mặt hồng hào vì khi ấy chúng bị đưa vào công xưởng, và chẳng bao lâu người ta không còn phân biệt được chúng với những trẻ con ở thành phố nữa.

Ngoài ra, trong lao động công xưởng còn có mấy ngành đặc biệt có hại cho sức khoẻ. Ví dụ, ở những công xưởng kéo sợi bông và sợi lanh, trong không khí thường dày đặc những bụi xơ, làm cho công nhân, nhất là công nhân ở phân xưởng chải và phân

https://thuviensach.vn

xưởng chải tuyết, dễ mắc bệnh phổi. Ở một số người có thể chịu đựng được thứ bụi xơ ấy, một số thì không chịu nổi. Nhưng người công nhân không được lựa chọn, anh ta tìm được việc ở bộ phận nào thì phải ở đấy, bất kể điều đó có ảnh hưởng gì đến phổi của anh. Hít thở thứ bụi ấy vào phổi thì có những hậu quả phổ biến là khạc ra máu, thở khó và khò khè, đau ngực, ho, mất ngủ, tóm lại là các triệu chứng của bệnh hen, những trường hợp nghiêm trọng nhất thì trở thành bệnh lao (xem Stu-ác, tr. 13, 70, 101; Ma-kin-tô-sơ, tr.24 và các tr. khác; Báo cáo của Pau-ơ về Nốt-tinh-hêm và Lít-xơ; Cau-en, tr.33 và các tr. khác; Ba-ri, tr. 12 - năm trường hợp xảy ra trong một công xưởng - tr. 17, 44, 52, 60 và các tr. khác và ngay cả trong báo cáo của ông; Lao-đơn, tr. 13, v.v. và v.v.). Nhưng đặc biệt có hại là công việc kéo sợi lanh bằng phương pháp ẩm, do thiếu nữ và trẻ con làm. Nước bắn từ các ống suốt vào người họ, nên quần áo họ phía trước lúc nào cũng ướt đẫm, và mặt đất lúc nào cũng đọng nước. Tình hình ở các phân xưởng sợi của công xưởng kéo sợi bông cũng vậy, mặc dù ở một mức độ thấp hơn, và những hậu quả của nó cũng là cảm mạo thường xuyên và bệnh phổi. Giọng nói khàn khàn, the thé là đặc điểm chung cho tất cả những công nhân công xưởng, nhưng mắc nặng nhất là những thợ kéo sợi bằng phương pháp ẩm và thợ đấu sợi. Stu-ác, Ma-kin-tô-sơ và ngài Đ.Ba-ri đều phát biểu về những tác hại của loại công việc ấy bằng những lời hết sức gay gắt và cũng tỏ thái độ như vậy đối với việc đại đa số chủ xưởng bỏ mặc không quan tâm đến sức khoẻ của những thiếu nữ làm công việc ấy. Một hậu quả khác của việc kéo sợi lanh là những biến dạng đặc biệt của vai, tức là xương bả vai bên phải nhô ra trước do bản thân tính chất của quá trình lao động gây ra. Việc kéo sợi lanh cũng giống như việc kéo sợi bông với máy sợi con, thường gây nên những bệnh ở xương bánh chè vì phải dùng đầu gối để giữ các cọc sợi khi nối sợi đứt. Làm hai loại công việc ấy, người công nhân phải luôn luôn cúi xuống, và máy lại đặt quá thấp

khiến thân thể phát triển không đầy đủ. Tôi đã từng làm việc trong một công xưởng sợi bông ở Man-se-xtơ, theo tôi nhớ thì trong các phân xưởng dùng máy sợi con không có một người con gái nào vóc người cao và cân đối; họ đều thấp bé, cằn cỗi, ngực lép, thân hình rất khó coi. Ngoài những bệnh tật và dị hình ấy, công nhân còn bị những thương tật khác nữa. Làm việc giữa máy móc thường gây nên nhiều sự rủi ro ít nhiều nghiêm trọng, kết quả là làm cho công nhân tạm thời hoặc vĩnh viễn mất năng lực lao động. Trường hợp thường gặp nhất là bị cụt một đốt ngón tay, trường hợp cả ngón tay, cả bàn tay hoặc cả cánh tay bị bánh xe nghiến nát thì ít thấy hơn. Sau khi bị các vết thương ấy, thậm chí bị vết thương có khi không quan trọng, thường cũng mắc phải bệnh uốn ván làm cho chết người. Ở Man-se-xtơ ngoài nhiều người tàn tật, người ta còn thấy một số rất lớn người cụt chân tay; người này mất một nửa hoặc cả cánh tay, người kia mất một bàn chân, người thứ ba mất một nửa chân, người ta tưởng như sống giữa một toán thương binh từ chiến trận trở về. Nhưng chỗ nguy hiểm nhất trên máy là những dây cu-roa truyền động lực từ trục đến các máy, nhất là khi chúng có những khoá nối, song bây giờ đã hiếm có. Người nào bị dây cu-roa ngoắc phải thì trong nháy mắt đã bị cuốn đi, bị quật vào trần nhà hoặc quật xuống sàn nhà với một sức mạnh đến nỗi một cái xương cũng không còn nguyên vẹn và chết ngay lập tức. Từ ngày 12 tháng Sáu đến 3

https://thuviensach.vn

tháng Tám 1843, báo "Manchester Guardian" đã đăng tin về những trường hợp tai nạn *nghiêm trọng* như sau (về những tai nạn nhẹ thì báo không nói đến). Ngày 12 tháng Sáu, một em trai ở Man-se-xtơ, do một cánh tay bị máy nghiến nát, mắc bệnh uốn ván chết. - Ngày 16 tháng Sáu, một thiếu niên ở thành phố Xét-đơn-ước-tơ bị bánh xe cuốn đập chết. - Ngày 29 tháng Sáu ở gần Man-se-xtơ, một thanh niên làm việc trong nhà máy chế tạo máy ở Gri-nê-cơ-rơ-Mua ngã xuống dưới một phiến đá mài, bị gãy hai xương sườn và bị thương nặng toàn thân. - Ngày 24 tháng Bảy, một người con gái ở Ôn-đêm chết vì bị dây cu-roa cuốn

https://thuviensach.vn

đi năm mươi vòng, quật nát không còn một cái xương nào toàn vẹn. - Ngày 27 tháng Bảy, một người con gái ở Man-se-xtơ ngã vào cái máy bật bông (cái máy đầu tiên nhận bông thô) bị thương và chết. - Ngày 3 tháng Tám một công nhân tiện ống chỉ ở Đa-kin-phin-đơ chết vì bị dây cu-roa cuốn, tất cả các xương sườn đều gẫy. - Chỉ trong năm 1843, số người bị thương và tàn tật do máy gây nên, đến điều trị ở bệnh viện Man-se-xtơ là 962 người, còn tổng số những người bị tai nạn khác điều trị ở bệnh viện lên tới 2 426, như vậy cứ năm tai nạn do những nguyên nhân khác gây nên thì có hai tai nạn do máy. Đấy là chưa kể những tai nạn xảy ra ở Xôn-phoóc, và những người do thày thuốc tư điều trị. - Khi xảy ra những tai nạn ấy, nếu người bị nạn không mất năng lực lao động, chủ xưởng nhiều nhất cũng chỉ chịu tiền thuốc; trong thời gian điều trị mà vẫn được tiếp tục lĩnh lương thì rất hiếm; còn như tình hình người công nhân không thể làm việc được sau này sống ra sao, thì chẳng liên quan gì đến họ.

Về những sự tình ấy, bản báo cáo về công xưởng viết rằng trong bất cứ trường hợp nào, chủ xưởng vẫn phải chịu trách nhiệm; bởi vì trẻ con không thể tự mình giữ gìn cẩn thận, còn người lớn, đương nhiên vì lợi ích bản thân, họ đã đề phòng rồi. Nhưng viết bản báo cáo ấy là những người tư sản cho nên họ không tránh khỏi sự mâu thuẫn với mình, và sau đó lại tuôn ra hàng tràng những câu nói nhảm về sự "sơ suất đáng tội" (culpable temerity) của công nhân. Điều đó đương nhiên không thể thay đổi được sự thực. Thực chất của sự việc là thế này: nếu trẻ con *không thể* tự mình giữ gìn cẩn thận thì phải cấm việc sử dụng lao động trẻ con; nếu người lớn *thường* không giữ gìn cẩn thận đầy đủ thì hoặc là họ cũng giống như trẻ con, tức là họ còn ở vào một trình độ giáo dục không cho phép họ hoàn toàn hiểu được nguy hiểm ấy, - ai là người phải chịu trách nhiệm về tình hình ấy nếu không phải là giai cấp tư sản đã đặt họ vào hoàn cảnh *không thể* học tập và phát triển được? - hoặc là tại máy móc xếp đặt không

https://thuviensach.vn

được tốt, đáng lẽ phải đặt thêm rào chắn hay lan can quanh máy, cái ấy đương nhiên cũng là trách nhiệm của giai cấp tư sản, - hoặc là có những động cơ khác chi phối người công nhân còn mãnh liệt hơn cả sự sợ hãi trước những nguy hiểm đang đe doạ họ, - vì muốn kiếm thêm ít tiền, anh ta phải làm vội và không có thì giờ chú ý cẩn thận, v.v., - cả trường hợp ấy nữa, giai cấp tư sản cũng vẫn phải chịu trách nhiệm. Nhiều tai nạn xảy ra là do người công nhân bắt đầu lau chùi máy khi máy còn chạy. Tại sao ? Bởi vì người tư sản bắt công nhân lau chùi máy trong giờ nghỉ, khi máy móc dừng không chạy, thì người công nhân tất nhiên là không muốn cắt xén bớt chút thời gian nghỉ nào của họ. Đối với anh ta mỗi giờ nghỉ đều quý báu đến nỗi anh ta mỗi tuần hai lần liều nguy hiểm đến tính mạng chứ không muốn hy sinh giờ ấy cho người tư sản. Nếu chủ xưởng dành thời gian cần thiết cho việc lau chùi máy nằm trong thời gian lao động thì sẽ không còn một công nhân nào nghĩ đến việc lau chùi máy lúc máy đang chạy. Nói tóm lại, trong mọi trường hợp xảy ra tai nạn, phân tích đến cùng thì tội lỗi vẫn thuộc chủ xưởng, ít nhất cũng phải đòi họ phải cấp dưỡng suốt đời cho người công nhân mất sức lao động và trong trường hợp người công nhân bị chết thì phải cấp dưỡng cho gia đình anh ta. Ở bước đầu của giai đoạn phát triển công nghiệp, tỷ lệ tai nạn còn cao hơn ngày nay nhiều vì máy móc bấy giờ xấu hơn, nhỏ hơn, xếp đặt sát nhau hơn và hầu như hoàn toàn không có thiết bị che chắn. Nhưng, như những tài liệu dẫn ra trên kia đã chứng tỏ, con số tai nạn hiện nay còn rất nhiều, khiến người ta không thể không suy nghĩ một cách nghiêm túc về sự thật là: chỉ vì lợi ích của một giai cấp mà rốt cuộc có bao nhiêu người thành tàn tật hoặc tàn phế, có bao nhiêu công nhân cần cù yêu lao động phải chịu đói rét, khổ cực vì một tai nạn xảy ra do tội lỗi của giai cấp tư sản khi họ phục vụ cho chúng.

Tính tham lam bỉ ổi của giai cấp tư sản đã tạo nên bao nhiêu là bệnh tật! Phụ nữ mất khả năng sinh đẻ, trẻ con tàn tật, đàn ông yếu đuối xanh xao, nhiều người tàn phế, toàn bộ nhiều thế hệ có nguy cơ bị diệt vong, bị kiệt sức và ốm yếu, - mà tất cả chỉ là để nhét cho đầy túi của giai cấp tư sản ! Và khi người ta đọc đến từng việc tàn bạo dã man như trẻ con bị đốc công kéo dậy từ trên giường, thân thể còn trần truồng, tay cầm quần áo, bị đẩy vào công xưởng bằng đấm đá (ví dụ: Stu-ác, tr.39 và các tr. khác); khi trẻ con đang ngủ bị những qua đấm của chúng xua đuổi như thế nào; trong khi làm việc chúng lại gục xuống ngủ như thế nào; một đứa trẻ đáng thương đã ngủ thiếp ngay sau khi máy móc vừa dừng lại, bị đốc công quát gọi giật mình tỉnh dậy, cứ nhắm mắt mà lặp lại những thao tác thường ngày như thế nào; khi người ta đọc thấy những trẻ con kiệt sức quá không thể đi về nhà được, nấp trốn dưới đống len trong phòng sấy mà ngủ, và chỉ lấy roi da quật cho thì mới có thể đuổi được chúng ra khỏi xưởng máy; khi thấy hàng trăm đứa trẻ hàng ngày về đến nhà mệt mỏi và buồn ngủ quá đến nỗi không nuốt trôi được bữa ăn chiều và cha mẹ chúng thấy chúng ngủ thiếp đi trong khi quỳ trước giường để cầu nguyện; khi người ta đọc thấy tất cả những điều ấy và hàng trăm sự việc đê tiện ghê gớm khác ở trong một bản báo cáo mà tất cả mọi bằng chứng đều được đưa ra có tuyên thệ và được xác nhận bởi nhiều người làm chứng mà bản thân các uỷ viên thừa nhận là có thể tin cậy được; khi người ta suy nghĩ rằng đó là

https://thuviensach.vn

một bản báo cáo của "Đảng tự do", một bản báo cáo của giai cấp tư sản nhằm bác bỏ bản báo cáo trước của đảng To-ri, và để chứng minh tâm địa trong sạch của các chủ xưởng, khi người ta nhớ rằng bản thân những uỷ viên tiểu ban đều đứng về phía giai cấp tư sản, và họ phải ghi lại tất cả những chứng cớ ấy là điều bất đắc dĩ, thì lẽ nào người ta lại không cảm thấy tức giận và căm thù cái giai cấp tự vỗ ngực là từ bi và không vụ lợi, nhưng thực tế chỉ có một khát vọng duy nhất là nhét đầy túi với bất cứ một giá nào. Nhưng bây giờ chúng ta hãy nghe chính giai
cấp tư sản nói lên qua cái mồm của tên đầy tớ mà họ đã cử ra, là bác sĩ I-u-rơ.

Trong cuốn "Triết lý về công xưởng" tr. 277 và các tr. sau ông này viết là có người bảo với công nhân rằng dường như tiền lương của họ không tương xứng với những hy sinh của họ, và như thế là người ta đã phá hoại quan hệ tốt giữa chủ và thợ. Tốt hơn hết là công nhân nên cố gắng biểu hiện sự chăm chỉ và tận tuỵ với công việc của mình và nên vui mừng phấn khởi về những thành công của chủ, như vậy họ sẽ có thể trở thành đốc công quản lý, và cuối cùng thậm chí có thể trở thành cổ đông, do đó (ôi ! khôn ngoan làm sao, nói ngây thơ như chim bồ câu gù gù vậy !) " họ sẽ làm tăng thêm nhu cầu của thị trường về nhân công" ! ! - "Nếu các công nhân không quá hiếu động như thế thì *sự phát triển của chế độ công xưởng còn có những kết quả hữu ích hơn nữa"*. Tiếp theo đó là một đoạn dài những câu ca thán về sự bướng bỉnh của công nhân, và, khi nói đến một cuộc bãi công của những người công nhân lương cao nhất - công nhân kéo sợi nhỏ - thì ông ta thốt ra những câu ngây thơ như sau:

"Đúng, chính tiền lương cao của họ khiến họ có thể duy trì được một uỷ ban được hưởng lương, và làm cho họ mắc chứng thần kinh hết sức căng thẳng do ăn uống quá tẩm bổ và quá kích thích đối với loại công việc ấy !" (tr.298).

Chúng ta hãy nghe tay tư sản ấy mô tả lao động của trẻ con:

"Tôi đã tham quan nhiều công xưởng ở Man-se-xtơ và những vùng phụ cận, tôi không bao giờ nhìn thấy một đứa trẻ bị ngược đãi, hoặc bị nhục hình hay tâm tình không thoải mái: tất cả bọn chúng đều *vui vẻ* (cheerful) *nhanh nhẹn, cảm thấy thích thú* (taking pleasure) với sự hoạt động nhẹ nhàng của bắp thịt của chúng, và có *đầy đủ* tính hoạt bát tự nhiên của lứa tuổi chúng. Cảnh tượng sản xuất không hề gây ra trong lòng tôi một chút cảm xúc buồn rầu, trái lại, bao giờ cũng làm cho tôi *thấy phấn chấn*. Nhìn chúng nối sợi đứt nhanh nhẹn như thế nào mỗi khi bộ ống suốt lùi lại, và nhìn chúng, sau khi dùng những ngón tay nhỏ nhắn của mình hoạt động trong mấy giây đồng hồ, đã *đùa nghịch* với mọi tư thế trong mấy giây rồi rãi cho đến tận lúc công việc lên suốt hay tháo chỉ lại sẵn sàng trở lại cảnh tượng ấy thật khiến người ta vô cùng *khoan khoái* (delightful). Công việc của *những chú bé hoạt bát*
(lively) ấy giống như một thứ *trò chơi*, bởi vì chúng đã quen rồi nên làm rất nhẹ nhàng. Bản thân chúng cũng có ý thức về sự khéo léo của mình nên rất muốn phô ra cho mọi người đến tham quan xem. Không có một tí dấu vết của sự mệt nhọc, bởi vì hễ chúng ra khỏi xưởng là đã đùa nghịch nhẩy nhót trên một bãi chơi gần nhất, giống như những đứa trẻ vừa tan học" (tr.310).

(Đương nhiên rồi ! Làm như là cử động toàn bộ những bắp thịt một chút không phải là nhu cầu trực tiếp của cơ thể đã bị công việc làm cho cứng đờ và mệt lử ! Nhưng đáng lẽ tác giả phải chờ một chút xem sự kích thích trong chốc lát ấy có phải là mấy phút sau đã mất ngay không. Hơn nữa, tác giả cũng chỉ có thể nhìn thấy tình hình ấy vào *buổi trưa*, nghĩa là sau khi

https://thuviensach.vn

các em mới làm việc được năm - sáu giờ, chứ không phải là vào *buổi chiều* !). Còn như về sức khoẻ của công nhân thì tay tư sản ấy, vì muốn chứng minh rằng tình hình rất tốt, nên đã hết sức trâng tráo dẫn ra bản báo cáo năm 1833 mà tôi đã dẫn chứng và trích nhiều lần. Ông ta mưu toan trích dẫn mấy câu cắt xén để chứng minh rằng trong công nhân không có một tí vết tích của bệnh tràng nhạc, rằng chế độ công xưởng làm cho công nhân tránh khỏi các loại bệnh cấp tính (điều đó hoàn toàn đúng, nhưng chế độ công xưởng đồng thời cũng đưa lại cho công nhân các loại bệnh kinh niên, về điểm này đương nhiên là tác giả tuyệt đối không nói đến). Muốn hiểu xem ngài I-u-rơ đáng kính ấy của chúng ta đã nói láo toét một cách vô liêm sỉ với công chúng Anh như thế nào, thì nên biết rằng bản báo cáo gồm tất cả ba quyển dày khổ lớn, và một người tư sản Anh bụng phệ thì không bao giờ nghĩ đến việc nghiên cứu cẩn thận bản báo cáo ấy. Chúng ta hãy nghe ý kiến của ông ta đối với đạo luật về công xưởng do phái tư sản tự do công bố năm 1833, và sau đây chúng ta sẽ thấy rằng đạo luật chỉ bắt chủ xưởng chịu những hạn chế cần thiết nhất. Thế mà đối với ông ta thì đạo luật ấy, nhất là về giáo dục cưỡng bách ở trường, lại là một biện pháp phi lý và độc đoán dùng để đối phó với chủ xưởng. Đạo luật ấy đã đuổi tất cả trẻ con dưới 12 tuổi ra đường phố, và ông I-u-rơ hỏi kết quả là gì ? Bị gạt khỏi những công việc nhẹ nhàng và bổ ích, các em bây giờ không được tiếp thụ một sự giáo dục nào; *bị đuổi từ gian xưởng kéo sợi ấm áp ra ngoài thế giới lạnh giá,* chúng chỉ sống được là nhờ ăn xin và ăn cắp; theo I-u-rơ thì lối sống này thực là bi thảm tương phản với tình hình không ngừng cải thiện của chúng ở công xưởng và ở trường ngày chủ nhật! I-u-rơ than phiền là đạo luật ấy, dưới mặt nạ tự nhiên, làm tăng thêm nỗi đau khổ của người nghèo, và làm cho công việc hữu ích của những chủ xưởng *có lương tâm,* nếu không hoàn toàn đình đốn, thì cũng gặp rất nhiều trở ngại (tr. 404, 406 và các tr. sau).

Những tác dụng tai hại của chế độ công xưởng từ lâu đã được mọi người chú ý. Chúng tôi đã nói đến đạo luật về thợ học việc năm 1802. Sau đó, vào khoảng năm 1817, một chủ xưởng ở Niu-La-nác-cơ (Xcốt-len) là Rô-bớt Ô-oen - sau này trở thành người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội Anh - đã bắt đầu gửi những đơn thỉnh nguyện và những bản điều trần, khuyên chính phủ phải dùng pháp luật mà bảo hộ sức khoẻ cho công nhân, đặc biệt cho trẻ con. Ngài Rô-bớt Pin đã quá cố và nhiều nhà từ thiện khác đã tán thành ông và đã kế tiếp nhau đòi chính phủ thông qua những đạo luật về công xưởng năm 1819, 1825 và 1831; hai đạo luật trước căn bản không được người nào tuân theo [108], còn đạo luật sau cùng chỉ được người ta tuân theo một phần mà thôi. Đạo luật được thông qua năm 1831 căn cứ vào đề nghị của ngài Gi.C.Hốp-hau-dơ đã cấm các xưởng sợi bông dùng công nhân dưới 21 tuổi làm việc đêm từ bảy giờ rưỡi tối đến năm giờ rưỡi sáng, ngoài ra còn quy định rằng trong bất cứ công xưởng nào, thời gian làm việc của công nhân dưới 18 tuổi mỗi ngày không được vượt quá 12 giờ, thứ bảy không được vượt quá 9 giờ. Nhưng công nhân không dám ra mặt làm chứng chống lại chủ của mình để tránh nguy cơ bị sa thải, cho nên đạo luật ấy không phục vụ công nhân được bao nhiêu. Trong những thành phố lớn, công nhân ít khó bảo hơn, thì các chủ xưởng lớn nhất cùng nhau quyết định

https://thuviensach.vn

tuân theo đạo luật ấy, nhưng ở đó cũng có không ít chủ xưởng, noi gương những chủ xưởng ở nông thôn, hoàn toàn không đếm xỉa gì đến đạo luật ấy. Bây giờ trong công nhân trẻ đã lan tràn phong trào đòi hỏi một dự luật mười giờ, tức là một đạo luật quy định thời gian lao động của công nhân trẻ dưới 18 tuổi mỗi ngày không được vượt quá 10 giờ. Các công liên đã tuyên truyền làm cho yêu cầu ấy trở thành yêu cầu phổ biến của toàn thể cư dân công xưởng, còn phái bác ái của đảng To-ri bấy giờ do Mi-sen Xát-lơ cầm đầu đã nắm lấy kế hoạch ấy và đưa ra thảo luận ở nghị viện, Xát -lơ đã đạt được mục đích là cử một tiểu ban nghị viện để điều tra về chế độ công xưởng, và tiểu ban này đã trình bản báo cáo trong kỳ họp nghị viện năm 1832. Đó là một bản báo cáo có sự thiên vị nhất định do những kẻ thù công khai của chế độ công xưởng thảo ra để phục vụ lợi ích đảng phái. Xát-lơ đã để cho nhiệt tình cao quý của ông dẫn đến những điều khẳng định không có căn cứ và không xác thực; do cách đặt vấn đề của ông, ông đã rút ra ở những người làm chứng những câu trả lời dù không phải là giả dối nhưng cũng đã xuyên tạc và bóp méo sự thật. Các chủ xưởng hoảng sợ vì bản báo cáo đã mô tả họ như những con ác quỷ, liền tự động thỉnh cầu các nhà chức trách tiến hành điều tra chính thức; họ hiểu rằng một bản báo cáo chân thực, *bấy giờ* chỉ có lợi cho họ, họ biết rằng những người đang cầm quyền là những người thuộc đảng Vích, vốn có xu hướng thân thiện với họ, là những người tư sản thực thụ và nguyên tắc là phản đối sự hạn chế công nghiệp. Quả nhiên, họ đã đạt mục đích là thành lập một tiểu ban hoàn toàn gồm có những người tư sản tự do, và báo cáo của tiểu ban này chính là báo cáo mà tôi thường trích dẫn. Bản báo cáo ấy gần với sự thật hơn bản báo cáo của tiểu ban Xát-lơ *một chút,* nhưng nó lại xa rời tình hình chân thực theo chiều hướng đối lập. Trang nào cũng biểu lộ sự đồng tình với chủ xưởng, sự ngờ vực đối với bản báo cáo của Xát-lơ, thù hằn với những hành động độc lập của công nhân và những người ủng hộ dự luật mười giờ. Trong
bản báo cáo ấy, không có một chỗ nào thừa nhận công nhân có quyền sống một đời sống của con người, có quyền hoạt động độc lập, và có kiến giải riêng của mình. Bản báo cáo ấy *chê trách* công nhân rằng trong khi cổ động cho dự luật mười giờ, họ không những chỉ nghĩ đến con em họ, mà còn nghĩ đến cả bản thân họ; báo cáo ấy gọi những người công nhân tuyên truyền là những kẻ mị dân, là những người nham hiểm, có ác ý v.v., nói tóm lại, tất cả mọi sự đồng tình của bản báo cáo ấy đều hướng về phía giai cấp tư sản. Nhưng bản báo cáo ấy vẫn không rửa sạch tội được cho bọn chủ xưởng; nó cũng phải thú nhận rằng những việc xấu xa do chủ xưởng chịu trách nhiệm vẫn còn rất nhiều, thậm chí xem bản báo cáo ấy thì thấy rằng việc cổ động cho dự luật mười giờ, sự oán hận của công nhân đối với chủ xưởng, và những lời lẽ thoá mạ nặng nề nhất của tiểu ban Xát-lơ đối với chủ xưởng đều là hoàn toàn chính đáng. Toàn bộ sự khác nhau là bản báo cáo của Xát-lơ thì lên án bọn chủ xưởng về những hành động tàn khốc công khai, không che đậy, còn bản báo cáo này thì lại cho thấy rằng những hành động tàn khốc ấy phần nhiều được che đậy dưới mặt nạ thông minh và nhân đạo. Ví dụ bác sĩ Hô-kin-xơ, người thầy thuốc được tiểu ban giao cho đi điều tra ở Lan-kê-sia, đã tuyên bố kiên quyết ủng hộ dự luật mười giờ ngay từ mấy dòng đầu tiên của bản báo cáo của ông! Uỷ viên Ma-kin-tô-sơ cũng tuyên bố rằng bản báo cáo của ông chưa nói hết tình hình

https://thuviensach.vn

chân thực, bởi vì rất khó thuyết phục nhân dân để họ đưa ra những chứng cớ bất lợi cho chủ họ, vả lại các chủ xưởng, do sự khích động của công nhân, chúng đã bắt buộc phải nhượng bộ nhiều hơn, đối với cuộc đi thăm của tiểu ban, thường đã chuẩn bị kỹ, đã cho quét dọn công xưởng, giảm tốc độ vận hành của máy, v.v.. Ví dụ, ở Lan-kê-sia, họ đã dùng mưu kế này: họ đưa bọn đốc công giả danh là "công nhân" ra giới thiệu với tiểu ban, để chúng thao thao bất tuyệt kể lại lòng nhân đạo của chủ xưởng, những ảnh hưởng tốt của lao động đối với sức khoẻ, sự thờ ơ thậm chí còn
chán ghét của công nhân đối với dự luật mười giờ. Nhưng bọn đốc công ấy đã không còn là công nhân chân chính nữa, chúng là những kẻ phản bội giai cấp mình, đã vì chút lương cao mà ra sức phục dịch giai cấp tư sản và chống lại công nhân nhằm bảo vệ lợi ích của bọn tư bản. Lợi ích của chúng nhất trí với lợi ích của giai cấp tư sản, cho nên công nhân căm ghét chúng hơn bọn chủ xưởng nữa. Mặc dù vậy, bản báo cáo ấy vẫn nói lên một cách hoàn toàn đầy đủ thái độ đáng phẫn nộ và tàn khốc của giai cấp tư sản công nghiệp bỉ ổi và không chút nhân tính. Còn cái gì làm cho người ta phẫn nộ hơn khi thấy báo cáo ấy đối chiếu hai tình hình, một bên là bao nhiêu bệnh hoạn tàn tật do lao động quá sức gây nên; một bên là khoa kinh tế chính trị lạnh lùng tính toán chi ly của bọn chủ xưởng là kẻ định dùng những con số trong tay để chứng minh rằng nếu không cho phép họ mỗi năm làm cho bao nhiêu trẻ con thành tàn tật, thì toàn nước Anh sẽ phải cùng phá sản với họ! Có lẽ chỉ có những lời bậy bạ vô liêm sỉ của I-u-rơ mà tôi vừa dẫn mới có thể làm cho người ta phẫn nộ hơn, nếu những lời bậy bạ ấy không quá lố bịch đến thế.

Kết quả của bản báo cáo ấy là đạo luật về công xưởng năm 1833 cấm thuê trẻ con dưới 9 tuổi làm việc (trừ những công xưởng dệt lụa), quy định thời gian lao động mỗi tuần của trẻ con từ 9 tuổi đến 13 tuổi là 48 giờ, hoặc tối đa là mỗi ngày 9 giờ, thời gian lao động mỗi tuần của thiếu niên từ 14 đến 18 tuổi là 69 giờ hoặc mỗi ngày không được vượt quá 12 giờ, quy định mỗi ngày nhất thiết phải có thời gian nghỉ để ăn uống ít nhất một giờ rưỡi, và cấm làm đêm đối với tất cả các công nhân nam nữ dưới 18 tuổi. Đồng thời đạo luật ấy lại quy định tất cả các trẻ con dưới 14 tuổi bắt buộc phải đi học mỗi ngày hai giờ, nếu chủ xưởng thuê những trẻ con chưa có giấy chứng nhận vào học ở trường do giáo viên cấp, thì sẽ bị phạt. Ngược lại, chủ xưởng có quyền trừ vào lương của trẻ con mỗi tuần 1 pen-ni để trả lương cho giáo viên. Ngoài ra, người ta còn bổ nhiệm những thày thuốc và thanh tra
công xưởng, những người này có quyền vào công xưởng bất cứ lúc nào để nghe công nhân làm chứng có tuyên thệ, và có trách nhiệm truy tố trước toà án hoà giải những chủ xưởng vi phạm pháp luật. Đó là đạo luật và bác sĩ I-u-rơ không kiềm chế nổi mình nên đã chửi rủa không tiếc lời!

Do việc thi hành đạo luật ấy, đặc biệt là sự bổ nhiệm các thanh tra, cho nên ngày lao động bình quân rút xuống 12-13 giờ, và trẻ con đã được thay thế bằng người lớn trong phạm vi có thể. Vì thế mà mấy tai hoạ kinh sợ nhất hầu như đã hoàn toàn biến mất, chỉ có những người cơ thể hết sức yếu mới thành tật và những hậu quả tai hại của lao động công xưởng nói chung

https://thuviensach.vn

bớt lộ liễu. Mặc dù như vậy, vẫn có thể tìm thấy trong bản báo cáo đủ chứng cớ nói lên rằng ngay cả trong những công xưởng và ở những công nhân nào mỗi ngày làm việc 12 giờ, nhiều nhất là 13 giờ, theo quy định của đạo luật của ngài Gi.C.Hốp-hau-dơ, cũng vẫn luôn luôn xuất hiện những chứng bệnh không đến nỗi nặng lắm như: sưng phù chân, suy yếu và đau ở chân, ở hông và cột sống, giãn tĩnh mạch, lở loét ở các chi, toàn thân suy nhược, đặc biệt là suy nhược đường ruột, nôn oẹ, ăn không ngon miệng, có khi lại đói cồn cào, tiêu hoá không tốt, chứng ưu uất, cùng các bệnh phổi do bụi bậm và không khí xấu của công xưởng gây nên, v.v. và v.v.. Về mặt này, nên chú ý đặc biệt đến những bản báo cáo về công xưởng ở Gla-xgô và Man-se-xtơ. Những chứng bệnh ấy vẫn hãy còn sau khi thi hành đạo luật năm 1834, và đến bây giờ chúng vẫn còn tiếp tục phá hoại sức khoẻ của giai cấp công nhân. Điều người ta quan tâm chỉ là làm cho tính tham lợi nhuận một cách thô bỉ của giai cấp tư sản được khoác một hình thức văn minh giả nhân giả nghĩa, làm cho chủ xưởng do bị đạo luật ấy hạn chế mà không làm được những việc đê mạt quá lộ liễu, để giúp cho họ càng có nhiều lý do lừa bịp hơn, và vỗ ngực tự phụ về cái chủ nghĩa nhân đạo giả dối của họ - chỉ có thế thôi! Nếu ngày nay lại cử một tiểu ban mới để điều tra về công xưởng thì tiểu ban
ấy sẽ thấy tình hình phần lớn vẫn như xưa. Còn việc cưỡng bức đi học mà đạo luật đề ra không có chuẩn bị gì trước, thì chưa có tác dụng gì, vì chính phủ không đồng thời nghĩ cách xây dựng những nhà trường tốt. Bọn chủ xưởng đã thuê một số công nhân mất năng lực lao động để giữ trẻ mỗi ngày hai tiếng đồng hồ, cho như vậy là đã theo đúng pháp luật, những trẻ không học được gì hết. Ngay đến cả những báo cáo của các thanh tra công xưởng, - dù họ chỉ tự hạn chế ở chỗ thi hành trực tiếp phận sự của họ, tức là kiểm tra xem chủ xưởng có tuân theo đạo luật về công xưởng không, - cũng đưa ra nhiều tài liệu đủ chứng minh rằng những tệ hại trên kia vẫn tiếp tục tồn tại không thể tránh được. Các viên thanh tra Hoóc-nơ và Xan-đớc, trong những bản báo cáo tháng Mười và tháng Chạp 1843 của họ, có nói rằng ở trong các ngành có thể không dùng trẻ con hoặc có thể thay chúng bằng những người lớn thất nghiệp, nhiều chủ xưởng vẫn bắt công nhân làm việc mỗi ngày 14-16 giờ, thậm chí nhiều hơn. Ở những nơi ấy, người ta gặp rất nhiều những người vừa mới vượt quá tuổi được pháp luật bảo hộ. Nhiều chủ xưởng khác thì có ý vi phạm đạo luật, họ rút ngắn giờ nghỉ, bắt trẻ con làm việc quá thời gian pháp luật cho phép, sẵn sàng ra toà án chịu phạt, vì họ có bị phạt cũng chẳng thấm gì, so với món lợi mà họ thu được do vi phạm pháp luật. Nhất là hiện nay, trong lúc đang kinh doanh tốt, thì chủ xưởng lại càng bị cám dỗ mạnh.

Nhưng việc cổ động cho dự luật mười giờ trong công nhân không dừng lại. Năm 1839, việc tuyên truyền ấy lại sôi nổi lên, khi lên thay Xát-lơ đã quá cố ở hạ nghị viện là huân tước Ê-sli và ở ngoài nghị viện là Ri-sác Ô-xtơ-lơ, cả hai người này đều thuộc đảng To-ri. Nhất là Ô-xtơ-lơ luôn cổ động trong những khu công nhân, và đã nổi tiếng ngay từ khi Xát-lơ còn sống, và đã trở thành người được công nhân đặc biệt yêu mến. Họ vẫn gọi ông là "ông vua già tốt bụng" của họ, "ông vua của trẻ con công xưởng"; ở trong tất cả các khu công xưởng, không có đứa trẻ con nào là

https://thuviensach.vn

không biết ông, không quý trọng ông, và mỗi khi ông đến thành phố thì không có em nào là không cùng với các em khác họp thành đoàn người đi đón ông. Ô-xtơ cũng kiên quyết phản đối đạo luật mới về người nghèo; do đó, ông bị một người thuộc đảng Vích nào đó tên là Toóc-nơ-hin đưa vào nhà tù nợ, vì ông đã làm quản lý cho những trang trại của hắn, và đã nợ hắn một món tiền. Những người thuộc đảng Vích đã nhiều lần bảo ông là chỉ cần ông đừng công kích đạo luật về người nghèo nữa thì họ sẽ trả món nợ cho ông và nói chung sẽ bảo lĩnh cho ông. Nhưng vô hiệu! Ông cứ ở tù, và hàng tuần còn phát ra những tờ "Fleetpapers"[109] chống chế độ công xưởng và đạo luật về người nghèo.

Chính phủ của đảng To-ri lên nắm chính quyền năm 1841 lại chú ý đến các đạo luật về công xưởng. Bộ trưởng Bộ nội vụ, ngài Giêm-xơ Grê-hêm, năm 1843 đã đưa ra một dự luật hạn chế thời gian lao động của trẻ con xuống 6 giờ rưỡi và tăng cường việc cưỡng bách đi học; những điểm chủ yếu của dự luật ấy là yêu cầu lập những trường học tốt hơn. Tuy nhiên, dự luật ấy không được thông qua do sự cuồng tín của những người không theo quốc giáo - những người phản đối giáo hội chính thức: mặc dù giáo dục cưỡng bách không yêu cầu con em của những người không theo quốc giáo phải học chương trình giáo dục tôn giáo, nhưng nhà trường phải chịu sự kiểm soát của giáo hội chính thức và vì kinh thánh là sách đọc cho mọi người, do đó tôn giáo đã trở thành cơ sở của toàn bộ nền giáo dục: cho nên những người không theo quốc giáo cho đó là nguy hiểm cho mình. Bọn chủ xưởng và nói chung là những người thuộc Đảng tự do đều ủng hộ họ; công nhân bị chia rẽ về vấn đề giáo hội nên dửng dưng; phe phản đối dự luật, mặc dù không được sự ủng hộ ở những thành phố công xưởng lớn như Xôn-phoóc và Xtốc-poóc, mặc dù ở những thành phố khác như Man-se-xtơ, thì vì sợ công nhân, họ chỉ công kích mấy điểm của dự luật, nhưng họ vẫn thu thập được chữ ký của gần hai triệu người cho những đơn thỉnh nguyện của họ, điều ấy làm cho Grê-hêm hoảng sợ đến nỗi phải rút dự luật của ông về.

Năm sau, Grê-hêm đã gạch đi tất cả những điều khoản về nhà trường, và để thay thế những đề nghị trước kia, ông chỉ đề nghị hạn chế thời gian lao động của trẻ con từ *tám* đến mười ba tuổi xuống mỗi ngày 6 giờ rưỡi và để cho chúng hoàn toàn nghỉ cả buổi sáng hoặc buổi chiều; hạn chế thời gian lao động của thiếu niên từ 13 đến 18 tuổi và của toàn thể nữ công nhân là 12 giờ; ngoài ra, ông còn đề nghị thực hành một số hạn chế cho chủ xưởng không giở được những hành vi lẩn tránh pháp luật thường xảy ra trước kia. Ông vừa đưa ra đề nghị ấy thì việc cổ động đòi ngày lao động mười giờ lại lên cao. Ô-xtơ-lơ được ra tù, vì được bạn bè giúp đỡ và công nhân quyên góp, đã trả được hết nợ; ông đem toàn lực lao vào cuộc vận động ấy. Số người ủng hộ dự luật mười giờ ở Hạ nghị viện đã tăng lên, hàng loạt đơn thỉnh nguyện từ các địa phương gửi về lại đưa đến cho bản dự luật sự ủng hộ mới. Ngày 19 tháng Ba 1844, với đa số là 179 phiếu chống 170 phiếu, huân tước Ê-sli đã thành công trong việc thông qua một quyết nghị quy định rằng danh từ "đêm" trong dự luật về công xưởng là chỉ khoảng thời gian từ sáu giờ chiều đến sáu giờ sáng hôm sau; vì vậy, do chỗ cấm làm đêm cho nên ngày lao động không thể vượt quá mười hai giờ, nếu tính cả giờ nghỉ vào trong đó, và

https://thuviensach.vn

thực tế chỉ là mười giờ, nếu không tính giờ nghỉ. Nhưng nội các không đồng ý như vậy. Ngài Giêm-xơ Grê-hêm liền lấy việc nội các từ chức để đe doạ, và trong lần biểu quyết sau về một điều khoản của dự luật, Hạ nghị viện với đa số rất nhỏ, đã bác cả ngày lao động mười giờ lẫn ngày lao động mười hai giờ! Sau đó, Grê-hêm và Pin tuyên bố rằng hai ông sẽ đưa ra một dự luật mới, và nếu lại không được thông qua, thì hai ông sẽ từ chức. Bản dự luật mới ấy vốn là bản dự luật mười hai giờ cũ, chẳng qua chỉ sửa đổi hình thức một chút mà thôi, nhưng cũng vẫn cái Hạ nghị viện ấy hồi tháng Ba đã bác những điểm chủ yếu của đạo luật, thì bây giờ, vào tháng Năm lại thông qua đạo luật ấy với nguyên văn không thay đổi tí gì! Nguyên nhân của việc ấy là đa số những

người ủng hộ đạo luật mười giờ đều thuộc đảng To-ri, họ thà chịu để đạo luật đổ chứ không muốn nội các đổ. Nhưng, vô luận vì nguyên nhân gì, việc biểu quyết hai lần trước sau mâu thuẫn ấy của Hạ nghị viện cũng vẫn làm cho nó mất hết uy tín với toàn thể công nhân, và làm cho chủ trương cần phải cải tổ hạ nghị viện của phái Hiến chương được chứng minh rõ rệt. Ba hạ nghị sĩ, trước kia bỏ phiếu phản đối nội các, bây giờ lại bỏ phiếu ủng hộ, do đó đã cứu vãn được nội các. Trong tất cả mọi lần bỏ phiếu, số đông phái đối lập đều bỏ phiếu *ủng hộ* nội các, còn những người thuộc đảng cầm quyền thì lại bỏ phiếu *phản đối* nội các[135]1). Như vậy, đề nghị của Grê-hêm về hai loại công nhân lao động 6 giờ rưỡi và 12 giờ đã có hiệu lực pháp luật, nhờ đó và đồng thời cũng nhờ những hạn chế về sự giữ công nhân ở lại làm thêm để bù vào những trường hợp mất thì giờ (trong trường hợp hỏng máy, hoặc vì nước đóng băng, hay vì hạn hán mà sức nước không đủ) và một số hạn chế không quan trọng khác, mà hầu như không thể kéo dài được ngày lao động quá 12 giờ. Không còn nghi ngờ rằng trong một thời gian ngắn nữa, dự luật mười giờ sẽ được thông qua. Đương nhiên hầu hết các chủ xưởng đều phản đối nó, chưa chắc tìm được trong họ được đến mười người tán thành; họ dùng đủ mọi thủ đoạn chính đáng và không chính đáng để chống lại đạo luật mà họ ghét cay ghét đắng ấy, nhưng điều đó chẳng giúp ích gì cho họ mà chỉ càng khơi sâu thêm lòng căm thù của công nhân đối với họ. Mặc dù thế nào, đạo luật ấy vẫn sẽ được thông qua. Công nhân *muốn* cái gì thì họ có thể giành được cái ấy, và mùa xuân năm ngoái họ đã tỏ ra rằng họ thực sự muốn có dự luật mười giờ. Những luận cứ về kinh tế chính trị học của chủ xưởng là "luật mười giờ sẽ làm tăng chi phí sản xuất, do đó
công nghiệp Anh sẽ không đủ sức chống lại sự cạnh tranh của nước ngoài, vì vậy, tiền lương nhất định sẽ phải hạ xuống, v.v. đương nhiên, những luận cứ ấy *đúng một nửa*, nhưng điều đó chỉ chứng minh rằng uy lực của công nghiệp Anh chỉ có thể giữ vững được bằng cách dựa vào sự đối đãi dã man với công nhân, đưa vào sự huỷ hoại sức khoẻ, khinh thường sự phát triển của cả nhiều thế hệ về các mặt xã hội, thể chất và tinh thần. Đành rằng nếu vấn đề không đi xa hơn dự luật mười giờ thì nước Anh sẽ có nguy cơ bị phá sản; nhưng đạo luật ấy tất sẽ kéo theo những biện pháp khác và những biện pháp này nhất định sẽ làm cho nước Anh

https://thuviensach.vn

đi vào con đường hoàn toàn khác với con đường mà hiện nay nó đang đi, cho nên đạo luật ấy là một sự tiến bộ.

Bây giờ chúng ta hãy xem một mặt khác của chế độ công xưởng mà những hậu quả của nó khó khắc phục bằng những biện pháp pháp luật hơn những bệnh tật mà chế độ ấy gây ra. Chúng ta đã nói chung về tính chất của lao động công xưởng, hơn nữa, đã nói khá tỉ mỉ để có thể từ đó rút ra những kết luận rộng rãi hơn. Trông coi máy, nối sợi đứt - tất cả những việc đó không đòi hỏi đến trí óc của người công nhân, nhưng đồng thời nó cũng có đặc điểm là cản trở họ suy nghĩ đến những việc khác. Chúng ta còn thấy thứ lao động ấy không cần đến sự gắng sức của các bắp thịt và không cho phép tự do hoạt động thể lực. Cho nên đó không phải là một thứ lao động chân chính, đó là một hành động đơn điệu nguy hại nhất và làm cho người ta mệt mỏi nhất trên đời. Nhưng công nhân công xưởng bị bắt buộc phải để cho toàn bộ thể lực và trí lực của mình tiêu phí trong hành động đơn điệu ấy; số phận của anh ta là phải chịu để cho sự buồn chán hành hạ suốt ngày, từ năm anh ta lên tám tuổi. Ngoài ra, anh ta không được lơ đễnh một phút nào: máy hơi nước chạy cả ngày; bánh xe, dây cu-roa và cọc sợi suốt ngày kêu rầm rầm bên tai, nếu chỉ nghỉ một tí là tên đốc công cầm sổ phạt đã xuất hiện ngay lập tức ở sau lưng. Cái hình phạt khắc nghiệt tự chôn sống trong công

xưởng, bất cứ lúc nào cũng phải liên tục theo dõi cái máy làm việc không biết mệt mỏi ấy, là một thứ khổ hình tàn khốc nhất đối với người công nhân. Loại hình phạt ấy làm cho người công nhân suy nhược và ngu muội nhất về thể xác cũng như về tinh thần. Quả thật khó nghĩ được một cách nào khác có thể làm cho người ta ngu muội hơn là lao động ở công xưởng, và nếu như người công nhân công xưởng không những giữ được lý trí của mình, mà còn làm cho nó phát triển hơn người khác, thì đó chỉ vì họ đã đứng dậy chống lại vận mệnh của mình, chống lại giai cấp tư sản; - đó là tình cảm duy nhất và tư tưởng duy nhất mà họ còn giữ được trong thời gian lao động. Nếu sự phẫn nộ của người công nhân đối với giai cấp tư sản còn chưa trở thành tình cảm mạnh nhất, thì anh ta ắt sẽ uống rượu và nói chung sẽ làm những việc mà người ta quen gọi là truỵ lạc. Theo ý kiến của uỷ viên tiểu ban chính thức là bác sĩ Hô-ki-xơ, thì riêng thể lực suy yếu và những bệnh tật do chế độ công xưởng gây ra đã đủ làm cho người công nhân không thể tránh khỏi truỵ lạc. Vả lại truỵ lạc phải là tất yếu khi mà thêm vào đó còn có sự suy nhược về tinh thần và tất cả những điều kiện làm cho *từng* người công nhân bị truỵ lạc mà chúng ta đã nói đến ở trên! Cho nên không có gì lạ khi chính ở những thành phố công xưởng, thói uống rượu và tình dục thái quá đã đạt đến quy mô mà tôi đã mô tả trên kia[136]1)

Sau nữa, xiềng xích nô lệ mà giai cấp tư sản dùng để trói buộc giai cấp vô sản thì bất luận ở đâu cũng không lộ rõ bằng trong chế độ công xưởng. Ở đây, tất cả mọi tự do về mặt pháp luật cũng như về mặt thực tế đều không còn nữa. Người công nhân phải đến công xưởng buổi

https://thuviensach.vn

sáng sớm vào năm giờ rưỡi. Đến chậm vài phút thì bị phạt; đến chậm mười phút thì dứt khoát không được phép vào cho đến hết giờ nghỉ ăn sáng, như vậy là anh ta mất một phần tư ngày công (mặc dù trong mười hai giờ, anh ta chỉ không làm việc có 2 giờ rưỡi). Bất luận ăn, uống, ngủ, anh ta đều phải theo mệnh lệnh. Đến cả thời gian đi tiểu tiện, đại tiện cũng ít đến mức không thể ít hơn được nữa. Dù anh ta đi từ nhà đến công xưởng phải mất nửa giờ hay một giờ, chủ xưởng cũng chẳng quan tâm tới. Tiếng chuông chuyên chế luôn luôn lôi anh ta khỏi giấc ngủ, khỏi bữa ăn sáng hay bữa ăn trưa.

Khi đã vào chính trong công xưởng thì tình hình như thế nào? Ở đây, chủ xưởng là nhà lập pháp tuyệt đối. Hắn ban hành quy chế công xưởng tuỳ theo ý muốn; hễ muốn là tự ý sửa chữa và bổ sung bản quy chế tự hắn đặt ra; dù cho nó có thêm những điều phi lý nhất thì toà án cũng vẫn nói với công nhân rằng:

"Chính các anh là chủ bản thân mình kia mà, nếu các anh không thích thì không ai bắt phải ký hợp đồng, nhưng bây giờ các anh đã tự nguyện ký hợp đồng ấy rồi thì các anh phải thực hiện nó".

https://thuviensach.vn

Thế là công nhân lại còn phải chịu thêm sự chế nhạo của viên thẩm phán hoà giải mà chính bản thân hắn cũng thuộc giai cấp tư sản, và chịu sự chế giễu của pháp luật, cũng do giai cấp tư sản đặt ra. Nhưng việc kết án như vậy của toà án là việc rất thường gặp. Tháng Mười 1844, công nhân công xưởng Ken-nơ-đi ở Man-se-xtơ đã bãi công. Chủ xưởng liền kiện họ, vin vào một quy chế đã niêm yết trong công xưởng: không cho phép hai người công nhân trở lên, trong cùng một phân xưởng, đồng thời bỏ công việc! Thẩm phán cho chủ xưởng là làm đúng, và dùng câu nói dẫn ở trên kia để trả lời công nhân (báo "Manchester Guardian" ngày 30 tháng Mười). Những quy chế của công xưởng thường như thế nào - các bạn hãy tự phán đoán lấy: 1) cổng ra vào công xưởng đóng sau khi bắt đầu làm việc 10 phút, và không người nào được vào xưởng nữa trước bữa ăn sáng; người nào vắng mặt trong thời gian ấy thì cứ theo số máy người ấy trông coi mà phạt mỗi máy là 3 pen-ni; 2) trong thời gian khác, người công nhân dệt (dệt bằng máy có động cơ), nếu vắng mặt trong lúc máy đang chạy thì cứ theo số máy người ấy trông coi mà phạt mỗi máy, mỗi giờ 3 pen-ni; trong thời gian làm việc, người nào tự tiện rời khỏi phân xưởng mà không được đốc công cho phép thì cũng bị phạt 3 pen-ni; 3) người công nhân dệt không tự mình mang theo kéo thì bị phạt mỗi ngày 1 pen-ni; 4) tất cả mọi thứ như con thoi, bàn chải, bình dầu, bánh xe, kính cửa sổ, v.v. nếu bị hỏng hay vỡ thì công nhân dệt phải đền; 5) công nhân dệt không được bỏ việc *nếu không báo trước một tuần*; chủ xưởng có thể thải bất cứ người công nhân nào, vì làm việc không tốt hoặc vì cư xử không đúng mà *không phải báo trước*; 6) người công nhân nào bị bắt quả tang *nói chuyện, hát hoặc huýt sáo miệng* thì bị phạt 6 pen-ni; người nào trong lúc làm việc mà rời khỏi chỗ của mình cũng phạt 6 pen-ni [137]1). - Tôi còn có trong tay một bản quy chế khác, theo bản này thì người

nào đến chậm ba phút bị trừ mười lăm phút tiền công, còn đến chậm hai mươi phút bị trừ một phần tư ngày công; người nào vắng mặt trước bữa ăn sáng, vào ngày thứ hai thì bị phạt 1 si-linh, vào những ngày khác thì bị phạt 6 pen-ni v.v.. Đó là quy chế của xí nghiệp Phi-ních, phố Giớc-xi ở Man-se-xtơ. - chắc có người nói rằng những loại quy chế ấy rất cần thiết để đảm bảo cho các thao tác khác nhau có thể phối hợp tốt trong một công xưởng lớn có thiết bị đầy đủ, rằng ở đây cũng như ở quân đội, thứ kỷ luật nghiêm ngặt đó là cần thiết. Thì cũng cứ cho là thế, nhưng một chế độ xã hội mà không thể tồn tại được nếu không có sự thống trị bạo ngược ô nhục ấy thì gọi là chế độ xã hội gì? Trong hai điều này phải chọn một: hoặc là lấy mục đích để bào chữa cho thủ đoạn, hoặc là lấy sự ti tiện của thủ đoạn mà chứng minh rằng mục đích là ti tiện. Phàm người đã đi lính đều biết mùi sống dưới kỷ luật quân sự là thế nào dù chỉ trong một thời gian ngắn. Thế mà những người công nhân ấy, cả về tinh thần lẫn thể xác, đã bắt buộc phải sống dưới ngọn roi từ năm nên chín tuổi cho đến tận lúc chết. Họ còn nô lệ hơn những người da đen nước Mỹ, vì họ bị kiểm soát chặt chẽ hơn. Thế mà người ta

https://thuviensach.vn

vẫn đòi họ sống, suy nghĩ và cảm giác như con người! Đúng, họ chỉ có thể được như vậy nếu họ nghiến răng căm thù những kẻ áp bức họ, căm thù cái chế độ làm cho họ rơi vào tình cảnh ấy và biến họ thành những cái máy! Nhưng còn có việc nhục nhã hơn: theo lời chứng *phổ biến* thu được trong công nhân thì có nhiều chủ xưởng dùng những biện pháp hà khắc tàn khốc nhất để bòn rút những khoản tiền phạt giáng vào đầu công nhân, cướp giật từng xu của những người vô sản xác xơ để làm tăng thêm lợi nhuận của chúng. Li-sơ còn xác nhận rằng, buổi sáng khi công nhân đến công xưởng, họ thường thấy đồng hồ của xưởng nhanh lên mười lăm phút, do đó cửa lớn đã khoá khiến họ không vào được, trong khi đó tên nhân viên văn phòng tay cầm sổ phạt đi qua các phân xưởng và biên phạt một số lớn công nhân vắng mặt. Một lần, chính mắt Li-sơ
đã trông thấy 95 công nhân đứng trước cổng khoá của công xưởng; đồng hồ của xưởng này thì buổi chiều *chậm* mười lăm phút, buổi sáng *nhanh* mười lăm phút so với đồng hồ thành phố. Bản báo cáo về công xưởng cũng thuật lại những sự việc tương tự. Có công xưởng, sau khi bắt đầu làm việc, thì gạt kim đồng hồ trở lại, cho nên thời gian lao động dài hơn so với thời gian quy định, nhưng không phải vì vậy mà công nhân được thêm tí tiền công nào. Có công xưởng bắt công nhân làm thêm hẳn mười lăm phút. Lại có công xưởng có một cái đồng hồ thường và một cái đồng hồ máy ghi con số những vòng quay của trục chính. Nếu trục chạy chậm thì người ta làm việc theo cái đồng hồ máy, cho đến lúc máy quay đủ con số những lần quay đã định trong mười hai giờ đồng hồ; nếu công việc làm nhanh và số lần quay của máy đã đạt mức trước thời gian quy định thì công nhân vẫn phải làm đủ mười hai giờ. Có một người làm chứng nói thêm rằng ông ta quen mấy cô con gái kiếm được đồng lương khá, do làm thêm giờ, nhưng họ thà đi làm đĩ chứ không muốn chịu cái chế độ bạo ngược ấy (dẫn ra từ Đrin-cơ-oa-tơ, Văn kiện, tr. 80). - Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề tiền phạt. Li-sơ kể lại rằng ông ta nhiều lần thấy nhiều nữ công nhân có mang gần đẻ vì ngồi nghỉ một lát trong thời gian làm việc, mà bị phạt 6 pen-ni, - sự phạt tiền do làm không tốt cũng được tuỳ tiện thi hành. Những hàng hoá đến kho rồi mới được kiểm tra, và người quản lý khi kiểm tra xong cứ việc ghi khoản phạt vào sổ, *thậm chí không cần gọi người công nhân đến;* người công nhân mãi đến lúc đốc công trả lương cho mới biết là mình bị phạt, mà lúc ấy thì hàng hoá có lẽ đã bán đi rồi hoặc ít nhất cũng đã được cất đi rồi. Li-sơ dẫn ra một bản ghi phạt tiền dài tới mười phút, và tổng số tiền phạt lên tới 35 pao xtéc-linh, 17 si-linh, 10 pen-ni. Ông nói rằng ở công xưởng có bản ghi phạt ấy, có một người quản lý khi vừa mới nhận việc đã bị thải vì biên phạt ít quá, làm cho thu nhập của xưởng mỗi tuần giảm đi 5 pao xtéc-linh (34 ta-le). ("Những sự thực không thể bác bỏ được", tr. 13 - 17).
Tôi nhắc lại một lần nữa rằng tôi cho Li-sơ là một người hoàn toàn có thể tin cậy được và không biết nói dối.

Về nhiều mặt khác, công nhân cũng là nô lệ của chủ. Nếu lão chủ giàu có thích vợ hoặc con gái công nhân, nó chỉ cần ra lệnh hoặc ra hiệu là họ chẳng có cách gì chống cự được. Nếu chủ xưởng muốn có người ký tên vào đơn thỉnh nguyện nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, thì nó chỉ cần cho chuyển cái đơn thỉnh nguyện ấy vào công xưởng của nó là được.

https://thuviensach.vn

Nếu nó muốn đưa một người nào đó vào nghị viện thì nó cứ gọi tất cả những công nhân có quyền bầu cử đi bỏ phiếu, và, không kể họ muốn hay không, họ đều phải bỏ phiếu cho người tư sản. Nếu nó muốn được đa số trong một cuộc hội họp công cộng thì nó cho tan việc sớm nửa giờ và tìm sẵn cho họ chỗ ngồi ngay gần diễn đàn để có thể kiểm soát được họ.

Còn có hai biện pháp nữa để tăng cường đặc biệt sự nô dịch của chủ xưởng đối với công nhân, đó là *truck-system* và *cottages-system*. Công nhân gọi cách trả công lao động bằng hàng hoá là truck, và cách trả công ấy trước kia rất thịnh hành ở Anh. "Để tiện lợi cho công nhân, và để tránh cho họ khỏi bị tiểu thương nâng giá cao", chủ xưởng đã mở một cửa hàng riêng bán tất cả các loại hàng hoá. Và, để ngăn cản không cho công nhân đến các cửa hàng khác bán rẻ hơn, vì giá hàng trong tommy-shop [138]1* thường đắt hơn các nơi khác từ 25 đến 30%, khi trả tiền công, người ta không trả bằng tiền mặt mà trả bằng một cái phiếu mua hàng chỉ có giá trị ở cửa hàng của công xưởng. Chế độ ô nhục ấy đã gây công phẫn rộng khắp, cho nên năm 1831 đã công bố Truck Act, đạo luật ấy đã tuyên bố cách trả lương bằng hàng hoá cho đa số công nhân là vô hiệu lực và phi pháp, ai làm như vậy sẽ bị phạt tiền. Nhưng cũng như đa số các đạo luật ở Anh, đạo

luật ấy chỉ có hiệu lực thực tế ở những địa phương cá biệt. Đương nhiên, ở các thành phố thì luật ấy được chấp hành tương đối đúng đắn, nhưng ở nông thôn thì chế độ cũ vẫn được áp dụng đầy đủ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Ngay cả ở thành phố Lê-xtơ, chế độ ấy cũng vẫn còn lưu hành nhiều. Trong tay tôi có hàng chục bản án về vi phạm luật ấy, từ tháng Mười một 1843 đến tháng Sáu 1844, những bản án ấy một phần được đăng trên báo "Manchester Guardian", một phần được đăng trên báo "Northern Star" [110]. Đương nhiên chế độ ấy bây giờ không được thực hành công khai như trước nữa; công nhân phần lớn được lĩnh tiền mặt, nhưng chủ xưởng vẫn có đủ biện pháp cưỡng bách công nhân phải mua hàng ở cửa hàng của xưởng chứ không được mua ở chỗ khác. Chính vì thế mà hiện nay rất khó mà chộp được loại chủ xưởng phạm pháp ấy; chỉ cần họ cấp tiền tận tay cho công nhân là họ có thể che giấu hành động tội lỗi của họ dưới sự che chở của pháp luật. Báo "Northern Star" số ra ngày 27 tháng Tư 1844 đăng bức thư của một công nhân ở Hôn-mphớc, gần Hát-đơ-xphin thuộc Y-oóc-sia. Bức thư ấy nói đến một chủ xưởng tên là Bau-ơ-xơ:

"Người ta sẽ kinh ngạc ngay khi thấy cái chế độ trả lương bằng hàng hoá chết tiệt ấy lại có thể tồn tại được một cách đại quy mô như ở Hôn-mphớc, mà không một ai có đủ can đảm chấm dứt sự lạm dụng ấy. Ở đây một số đông thợ dệt thủ công thật thà đã chịu khổ sở vì cái chế độ chết tiệt ấy. Đây là ví dụ trong bao nhiêu ví dụ về hành động của phái mậu dịch tự do[139]1) khoan dung ấy. Ở đây có một chủ xưởng đối đãi với những thợ dệt đáng thương của nó tàn ác đến nỗi cả khu gần đấy không ai là không chửi rủa nó. Một tấm hàng dệt trị giá từ 34 đến 36 si-linh, nó chỉ trả 20 si-linh bằng tiền mặt, còn bao nhiêu thì nó trả bằng dạ hoặc bằng quần áo may sẵn, và định giá đắt hơn ở những cửa hàng khác 40 - 50%, mà lại thường là những hàng đã mục. Những tờ báo "Mercury" [140]2) của phái mậu dịch tự do lại nói rằng: công nhân không bị bắt buộc phải nhận hàng hoá, điều đó hoàn toàn tuỳ ý

https://thuviensach.vn

họ. Ôi, đúng thế, nhưng họ không nhận thì phải chết đói. Nếu muốn lấy trên 20 si-linh bằng tiền mặt thì khi lĩnh sợi dọc, họ phải chờ từ 8 đến 14 ngày; nếu họ lĩnh 20 si-linh kèm thêm hàng hoá, thì họ luôn luôn có đủ sợi dọc cho mình. Tự do buôn bán là thế đấy. Huân tước Brum nói rằng khi còn trẻ chúng ta phải để dành một chút để đến lúc già khỏi phải đi xin cứu tế. Chúng tôi có thể để dành những thứ hàng mục nát ấy không? Nếu lời khuyên ấy không phải là do một vị huân tước nói ra, thì người ta phải cho rằng đầu óc con người ấy cũng mục nát như những hàng hoá mà người ta trả cho lao động của chúng tôi. Hồi các báo còn xuất bản phi pháp không nộp tiền đăng ký thì còn có nhiều người tố cáo việc ấy với cảnh sát ở Hôn-mphớc, còn có những người như Blai-tơ, I-xtơ-vút, v.v., nhưng bây giờ họ đi đâu mất cả? Đương nhiên bây giờ tình hình đã khác: chủ xưởng của chúng tôi đã thành người thuộc phái mậu dịch tự do ngoan đạo rồi: mỗi ngày chủ nhật hắn ta đi nhà thờ hai lần, và còn rất thành tâm đọc theo lời linh mục rằng: "Chúng con đã bỏ qua những việc đáng lẽ phải làm, và chúng con đã làm những việc đáng lẽ không nên làm, chúng con không đáng cứu vớt; nhưng hỡi đức Chúa từ bi, xin Người tha thứ cho chúng con" (lời cầu nguyện ở nhà thờ Anh). "Vâng, tha thứ cho chúng con đến ngày mai, để chúng con lại bắt đầu trả lương cho thợ dệt của chúng con bằng hàng hoá mục nát".

Chế độ cốt-ta-giơ thoạt nhìn thấy ít hại hơn nhiều, và nó diễn ra dưới hình thức ít khó chịu hơn nhiều, mặc dù tác dụng nô dịch của nó không kém gì chế độ trả lương bằng hàng hoá. Ở nông thôn, gần công xưởng thường thiếu nhà ở cho công nhân. Cho nên chủ xưởng thường phải xây dựng nhà ấy, và nó cũng rất vui lòng làm như vậy, vì tư bản bỏ vào xây dựng những nhà ấy sẽ mang lại lợi nhuận rất lớn. Nếu nói chung những chủ nhà của công nhân hàng năm có thể thu được 6% toàn bộ tiền vốn thì có thể tính là thứ nhà ở ấy sẽ đem lại cho chủ xưởng món lợi nhuận gấp đôi, bởi vì chỉ cần công xưởng không đóng cửa là nó vẫn có người thuê nhà, mà là những người trả tiền đúng kỳ hạn. Như vậy hắn khỏi phải chịu hai loại thiệt hại chủ yếu mà các chủ nhà khác có thể phải chịu: những cốt-ta-giơ ấy không bao giờ bỏ trống và nó không gặp nguy cơ không thu được tiền nhà. Thế mà tiền thuê nhà thường vẫn tính cả những sự thiệt hại có thể xảy ra vào đấy, cho nên, nếu chủ xưởng cũng lấy tiền nhà bằng các chủ nhà khác, thì

nó có thể bòn rút ở công nhân món lợi nhuận bằng 12 - 14% số vốn đầu tư. Chủ xưởng cho công nhân thuê nhà đã kiếm lợi hơn, thậm chí gấp đôi so với những người cạnh tranh, và đồng thời khiến những người ấy căn bản không thể cạnh tranh được với nó, đương nhiên như thế là bất công rồi. Song rút cái lợi ấy từ túi tiền của giai cấp không có một tí gì, phải quý từng xu thì lại còn bất công bội phần; nhưng *đối với chủ xưởng* thì việc ấy quen như cơm bữa: toàn bộ tài sản của hắn là bòn rút ở công nhân. Nhưng sự bất công ấy lại trở thành đê tiện khi chủ xưởng lấy việc doạ đuổi ra khỏi xưởng để *cưỡng bức* công nhân phải ở nhà của nó, phải trả tiền nhà cao hơn tiền thuê bình thường, thậm chí phải trả tiền nhà mà họ không ở, đó là việc thường xảy ra. Báo "Sun" [141]1) của Đảng tự do đã trích dẫn ở báo "Halifax Guardian" và xác nhận rằng ở A-xtơn - An-dơ - Lai-nơ, Ô-đêm, Rô-sđên, v.v., nhiều chủ xưởng bắt hàng trăm công nhân của chúng trả tiền thuê nhà không kể là họ có ở hay không. Chế độ cốt-ta-giơ rất thịnh hành trong những công xưởng ở các vùng nông thôn; nó đã đẻ ra

https://thuviensach.vn

những xóm thợ hoàn chỉnh, và vì trong đa số trường hợp rất ít hoặc không có người cạnh tranh, cho nên chủ xưởng không việc gì phải định tiền nhà theo tiêu chuẩn chung, mà chỉ tuỳ theo ý muốn. Khi có xung đột với công nhân, thì chế độ cốt-ta-giơ ấy lại cho chủ xưởng quyền lực to lớn biết chừng nào! Nếu công nhân bãi công thì nó liền đuổi họ ra khỏi nhà, và thời hạn dời đi chỉ có một tuần lễ. Quá kỳ hạn ấy công nhân không những không có bánh ăn, mà cũng không có nhà ở, và biến thành người lang thang mà theo pháp luật thì sẽ bị tống vào nhà giam một cách tàn nhẫn trong một tháng.

Chế độ công xưởng là như vậy đó! Tôi đã cố mô tả chế độ ấy hết sức tường tận trong khuôn khổ sách này cho phép và cố hết
sức vô tư trong khi miêu tả những sự tích anh hùng của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của nó chống công nhân tay không, - những sự tích mà nói đến là không người nào có thể dửng dưng được, vì dửng dưng là tội ác. Chúng ta hãy so sánh tình cảnh của người Anh tự do năm 1845 với tình cảnh của người nông nô Dắc-den dưới sự áp bức của bọn quý tộc Noóc-măng năm 1145. Người nông nô là glebae adscriptus, bị trói buộc vào ruộng đất; người công nhân tự do cũng bị trói buộc như vậy vào chế độ cốt-ta-giơ. Người nông nô phải hiến cho ông chủ cái jus primae noctis, quyền hưởng đêm đầu tiên; người công nhân tự do không những phải hiến cho chủ cái quyền hưởng đêm đầu tiên, mà cả cái quyền hưởng *mọi* đêm. Người nông nô không có quyền tậu tài sản, tất cả mọi cái họ kiếm được, địa chủ có thể lấy đi; người công nhân tự do cũng không có tài sản, anh ta không tậu được tài sản vì có sự cạnh tranh. Chủ xưởng đã làm những việc mà chính người Noóc-măng không làm; thông qua chế độ trả lương bằng hàng hoá, chủ xưởng hàng ngày lại xâm chiếm cả những thứ mà công nhân trực tiếp dùng để duy trì cuộc sống. Quan hệ giữa nông nô và địa chủ đã được quy định bằng pháp luật được người ta tuân theo vì phù hợp với tập tục, đồng thời được quy định bởi bản thân tập tục; quan hệ giữa người công nhân tự do và ông chủ cũng được pháp luật quy định, nhưng những pháp luật ấy *không được* tuân theo, vì không phù hợp với tập tục, và cũng không phù hợp với lợi ích của chủ. Địa chủ không thể bắt nông nô tách rời ruộng đất, không thể bán nông nô mà không bán ruộng đất, và vì tất cả ruộng đất hầu như không thể mua bán được và lúc đó chưa có tư bản cho nên địa chủ hầu như không thể bán được nông nô: giai cấp tư sản hiện đại thì lại buộc công nhân phải tự bán mình. Người nông nô là nô lệ của mảnh đất chôn rau cắt rốn của họ; người công nhân là nô lệ của những tư liệu sinh hoạt cần thiết nhất và của đồng tiền dùng để mua những tư liệu ấy. Cả hai hạng
người ấy đều là nô lệ của *vật*. Sự sinh tồn của người nông nô được chế độ xã hội phong kiến đảm bảo; trong chế độ xã hội ấy, mỗi người đều có vị trí nhất định, người công nhân tự do thì lại không được đảm bảo chút nào, bởi vì họ chỉ có một vị trí nhất định trong xã hội khi nào giai cấp tư sản cần đến họ, nếu không thì họ chẳng được ai biết đến, bị xem như là không có họ trên đời này. Người nông nô hy sinh thân mình cho ông chủ trong chiến tranh; người công nhân công xưởng hy sinh thân mình cho chủ trong hoà bình. Chủ của nông nô là một kẻ dã man, nó coi nông nô như súc vật; chủ của công nhân là một kẻ văn minh, nó coi công nhân như cái máy. Nói tóm lại, tình cảnh của hai hạng người ấy giống nhau về đại thể; nếu có bên

https://thuviensach.vn

nào tình cảnh có xấu hơn một chút, thì đương nhiên là tình cảnh của người công nhân tự do. Hai hạng người ấy đều là nô lệ, chỉ có khác là sự nô dịch đối với hạng người thứ nhất không phải là giả đạo đức, mà là rõ ràng, công khai, còn sự nô dịch đối với hạng người thứ hai thì lại giả đạo đức, bị che giấu một cách xảo quyệt đối với bản thân họ và đối với người khác; đó là chế độ nô lệ có tính thần học xấu hơn chế độ nô lệ cũ. Những nhà từ thiện thuộc đảng To-ri đã đúng khi gọi những công nhân công xưởng là white slaven, người nô lệ da trắng. Nhưng chế độ nô lệ giả đạo đức được che giấu ấy thừa nhận quyền tự do dù chỉ là ngoài miệng; nó phải cúi đầu trước dư luận yêu chuộng tự do, và do đó, so với chế độ nô lệ cũ thì nó là một sự tiến bộ lịch sử: ít nhất *nguyên tắc* tự do đã được thừa nhận, và bản thân những người bị áp bức đã quan tâm đến việc làm thế nào cho nguyên tắc ấy được thực hiện.

Sau cùng, để kết luận, tôi trích dẫn mấy đoạn trong bài thơ nói lên cách nhìn của bản thân những công nhân đối với chế độ công xưởng. Bài thơ do E-đu-a P.Mi-đơ ở Bớc-minh- hêm viết, và đã diễn đạt được một cách đúng đắn tâm trạng phổ biến trong công nhân[111].

Trên đời này có một tên vua dữ.
Không hiền lành như truyền thuyết nói đâu
Hắn làm bao nô lệ da trắng rơi đầu.
Tên vua ấy chính là Hơi nước.

Nó có một tay, tay bằng sắt,
Dù chỉ có một cánh tay thôi.
Nhưng sức mạnh không ai địch nổi
Có thể gieo tai hoạ cho triệu người.

Như tổ phụ hắn là Nô-lốc,
Gieo đau thương và tàn khốc nơi nơi.
Ghê gớm thực! Ruột gan đầy lửa bốc
Khát máu trẻ con, ăn cả thịt người.

Lũ mục sư của hắn hung tàn,
Khát máu người và rất đỗi tham lam,
Chuyên thống trị bằng bàn tay sắt,
Hút máu tươi đem đúc lấy tiền vàng.

Bọn quỷ sứ đạp nhân quyền nhân loại,
Để thờ thần ác quái là vàng,
Khổ nhục của đàn bà khiến chúng hân hoan,
Và nước mắt đàn ông làm chúng sướng.

https://thuviensach.vn

Tiếng rên xiết của kẻ nghèo giẫy chết,
Chúng cho là âm nhạc nghe sướng tai;
Xương trắng cụ già, con trẻ, gái, trai,
Địa ngục của vua Hơi đầy rẫy.

Địa ngục chính ở thế gian này,
Hơi nước khắp nơi gieo chết chóc

https://thuviensach.vn

Ein König lebt, ein zorniger Fürſt,
Nicht des Dichters geträumtes Königsbild,
Ein Tyrann, den der weiße Sklave kennt,
Und der Dampf iſt der König wild.

Er hat einen Arm, einen eiſernen Arm,
Und obgleich er nur Einen trägt;
In dem Arme ſchafft eine Zauberkraft,
Die Millionen ſchlägt.

Wie der Moloch grimm, ſein Ahn, der einſt
Im Thale Himmon ſaß,
Iſt Feuersgluth ſein Eingeweid',
Und Kinder ſind ſein Fraß.

Seine Prieſterſchaar, der Menſchheit baar,
Voll Blutdurſt, Stolz und Wuth,
Sie lenken — o Schand'! — ſeine Rieſenhand
Und zaubern Gold aus Blut.

Sie treten in Staub das Menſchenrecht
Für das ſchnöde Gold, ihren Gott,
Des Weibes Schmerz iſt ihnen Scherz,
Des Mannes Thrän' ihr Spott.

Muſik iſt ihrem Ohr das Schrei'n
Des Armen im Todeskampf;
Skelette von Jungfrau'n und Knaben füll'n
Die Höllen des König Dampf.

Die Höll'n auf Erd'! ſie verbreiten Tod,
Seit der Dampf herrſcht, rings im Reich,
Denn des Menſchen Leib und Seele wird
Gemordet d'rin zugleich.

Drum nieder den Dampf, den Moloch wild,
Arbeitende Tauſende, all',
Bind't ihm die Hand, oder unſer Land
Bringt er über Nacht zu Fall!

Und ſeine Vögte grimm, die Mill-Lords ſtolz
Goldſtrotzend und blutigroth,
Stürzen muß ſie des Volkes Zorn,
Wie das Scheuſal, ihren Gott*)!

*) Ich habe weder Zeit noch Raum, mich weitläufig auf die Entgegnungen der

https://thuviensach.vn

Một trang trong cuốn sách "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (1845) có bài thơ của E.Mi-đơ "Vua hơi nước" do Ph. Ăng-ghen dịch.

https://thuviensach.vn

Làm linh hồn lẫn thể xác người ta

Bị huỷ hoại tiêu ma một lúc.

Đả đảo vua Hơi, tên vua hung ác!

Muôn triệu người lao động đứng lên!

Hãy trói chặt bàn tay nó lại

Cứu nhân dân khỏi hoạ diệt vong!

Dân chúng ta đùng đùng phẫn nộ,

Vứt xuống vực sâu lũ ký sinh đê tiện

Bụng nứt vàng, tay bê bết máu tươi,

Cùng với hung thần của chúng đi thôi [142]1)

https://thuviensach.vn

những cốt-ta-giơ khác các bạn sẽ có thể thấy được chỉ có vợ và con làm việc ở công xưởng, còn chồng thì ngồi vá bít tất. Vì chủ xưởng ở ngay đó, các bạn không tiện đề ra những câu hỏi quá thóc mách, và hình như công nhân có lương khá, sinh hoạt dễ chịu, tương đối khoẻ mạnh nhờ không khí ở nông thôn. Các bạn bắt đầu từ bỏ các ý niệm của mình về sự nghèo khổ và đói khát, coi đó chỉ là quá cường điệu. Nhưng tình hình chế độ cốt-ta-giơ biến công nhân thành nô lệ ra sao, và cạnh đó chỉ có một cửa hàng của công xưởng thì các bạn lại không biết một tí gì, công nhân không thể tỏ cho các bạn thấy họ căm ghét chủ xưởng như thế nào, vì chủ xưởng ở ngay bên cạnh các bạn, thậm chí chủ xưởng còn xây trường học, nhà thờ, phòng đọc sách, v.v.. Nhưng họ lợi dụng nhà trường để dạy cho trẻ con phục tùng kỷ luật, họ chỉ cho bày ở các phòng đọc sách những sách báo bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản; họ thải những công nhân đọc sách báo của phái Hiến chương và sách báo xã hội chủ nghĩa, - tất cả những cái ấy họ đều giấu các bạn. Các bạn thấy những quan hệ gia trưởng dễ chịu, các bạn thấy đời sống của các đốc công, các bạn thấy giai cấp tư sản *hứa hẹn* với công nhân cái gì, nếu về mặt tinh thần công nhân cũng chịu trở thành nô lệ của chúng. Đã từ lâu, bọn chủ xưởng đã lấy khẩu hiệu "công xưởng nông thôn" làm tôn chỉ hoạt động, vì ở nông thôn những tai hại của chế độ công xưởng, đặc biệt là về phương diện vệ sinh, đã được loại trừ, một phần nhờ không khí trong lành và môi trường xung quanh, đồng thời cũng là vì ở đây sự nô dịch của *chế độ gia trưởng* đối với công nhân được giữ lâu nhất. Bác sĩ I-u-rơ đã hết lời ca tụng tình hình ấy. Nhưng khốn khổ thay cho người công nhân, nếu họ lại lăm le muốn suy nghĩ độc lập và trở thành những người theo phái Hiến chương, thì đối với họ sự yêu mến và săn sóc như cha mẹ của chủ xưởng, sẽ tiêu tan ngay trong chốc lát. - Nhưng nếu các bạn lại muốn đến khu công nhân ở Man-se-xtơ để xem những ảnh hưởng của chế độ công xưởng trong một *thành phố* công xưởng thì các bạn phải đợi chán mới được các nhà tư sản giàu có giúp cho việc ấy! Các ngài ấy không biết công nhân muốn gì, tình cảnh của họ thế nào. Họ không muốn, và cũng không thể biết những điều đó, vì họ sợ biết được những sự việc làm cho họ không được yên lòng, hoặc thậm chí buộc họ phải hành động trái ngược với lợi ích của họ. Nhưng cái ấy không quan trọng gì cả, những gì công nhân muốn, thì họ sẽ đạt được bằng sức mạnh của chính họ.

https://thuviensach.vn

NHỮNG NGÀNH LAO ĐỘNG KHÁC

Chúng ta đã phải dừng lại rất lâu để mô tả chế độ công xưởng, vì nó là sản vật hoàn toàn mới của thời đại công nghiệp. Còn về tình cảnh của công nhân trong những ngành khác của công nghiệp thì chúng ta sẽ nói ít hơn rất nhiều vì sự mô tả tình hình của giai cấp vô sản công nghiệp nói chung, hay là tình hình của chế độ công xưởng nói riêng vẫn phù hợp toàn bộ hoặc từng phần với tình hình của những ngành ấy. Do đó, vấn đề còn lại chỉ là khảo sát xem chế độ công xưởng đã thâm nhập các ngành lao động khác tới mức độ nào, và trong số những ngành ấy, thì mỗi ngành còn có những đặc điểm gì.

Bốn ngành lao động, trong đó đạo luật về công xưởng được thi hành đều là những ngành sản xuất vật liệu may mặc. Bây giờ, tốt nhất là chúng ta bắt đầu từ những công nhân lĩnh nguyên liệu của các công xưởng có liên quan đến bốn ngành ấy. Đầu tiên là những *công nhân dệt kim ở Nốt-tinh-hêm*, Đớc-bi và Lê-xtơ. Khi nói đến những công nhân ấy bản "Báo cáo của tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" nói rằng ngày lao động kéo quá dài (do tiền công thấp, họ buộc phải lao động như vậy) cộng thêm việc phải ngồi suốt ngày và mắt luôn luôn phải chăm chú do tính chất của bản thân công việc bắt buộc, nên toàn cơ thể của họ bị suy yếu, đặc biệt là thị lực. Buổi tối, nếu không có ánh sáng rất mạnh thì không thể làm việc được, do đó công nhân thông thường phải dùng những quả cầu pha lê để tập trung ánh sáng nên rất hại mắt. Hầu hết công nhân đến bốn mươi tuổi đã phải đeo kính. Trong
ngành sản xuất ấy, trẻ con chuyên môn đánh ống chỉ và khâu (viền mép), thường đau ốm và tạng người rất yếu. Từ sáu, bảy hay tám tuổi chúng đã phải lao động mỗi ngày 10 - 12 tiếng đồng hồ trong những căn phòng nhỏ hẹp đến tức thở. Rất nhiều trẻ con bị công việc làm cho còm cõi, suy yếu, đến nỗi ngay những công việc trong nhà bình thường nhất cũng không làm nổi, mắt bị cận thị rất sớm, do đó tuổi còn nhỏ mà đã phải đeo kính. Các uỷ viên thấy khá nhiều trẻ con có triệu chứng bệnh tràng nhạc; bọn chủ xưởng phần nhiều không chịu thuê những thiếu nữ đã từng làm việc này, viện cớ sức lực của chúng yếu quá. Bản báo cáo còn gọi tình trạng của những đứa trẻ ấy là "một điều sỉ nhục đối với một nước theo thiên chúa giáo" và hy vọng công việc của chúng sẽ được sự bảo hộ của pháp luật (Grên-giơ, "Báo cáo", phụ lục, phần I, tr. F 15, §§ 132-142). Bản báo cáo còn nói rằng lương công nhân dệt kim ở Le-xtơ tồi tệ nhất so với tất cả các công nhân ở địa phương ấy. Mỗi ngày họ phải lao động từ 16 đến 18 giờ đồng hồ, mỗi tuần chỉ kiếm được 6 si-linh, và phải tốn rất nhiều hơi sức mới kiếm nổi 7 si-linh. Trước kia họ kiếm được 20-21 si-linh, nhưng việc sử dụng máy dệt cỡ lớn đã đánh sụt tiền lương của họ; đại đa số công nhân còn làm việc với các máy dệt giản đơn cũ,

https://thuviensach.vn

phải cạnh tranh hết sức mệt nhọc với các máy móc đã được cải tiến. Như vậy là ở đây cứ mỗi bước tiến của sự phát triển kỹ thuật là một bước lùi của tình cảnh công nhân! Pau-ơ, uỷ viên của tiểu ban nói: nhưng dù thế nào đi nữa, các công nhân dệt kim vẫn còn cảm thấy hãnh diện vì họ được *tự do, vì bữa ăn, giấc ngủ và công việc của họ không phải chịu sự chi phối của tiếng chuông công xưởng*. Về mặt tiền lương thì tình hình hiện tại của các công nhân ấy không tốt hơn chút nào so với năm 1833 khi tiểu ban về công xưởng viết báo cáo. Đó là sự cạnh tranh của các công nhân dệt kim Dắc-den sống trong cảnh bữa đói bữa no gây nên. Sự cạnh tranh ấy không những đã đánh bại người Anh trên tất cả các thị trường nước ngoài, mà hơn nữa - về phương diện
hàng hoá loại xấu - còn đánh bại họ ngay cả trên thị trường nước Anh. Người công nhân dệt kim Đức yêu nước há lại không vui mừng thấy rằng bản thân mình chịu đói thì có thể cướp được miếng bánh của người công nhân dệt kim nước Anh hay sao? Há lại không tự hào và vui vẻ nhịn đói khi danh dự của nước Đức yêu cầu họ chỉ được ăn lửng dạ, hay sao? Ôi, cạnh tranh và "ganh đua giữa các nước" là điều đẹp đẽ biết chừng nào! Tờ "Morning Chronicle" - cũng là tờ báo của Đảng tự do, - tờ báo của giai cấp tư sản par excellence [143]1*, tháng Chạp 1843, đã đăng mấy bức thư của một công nhân dệt kim ở Hin-clây miêu tả tình cảnh các bạn đồng nghiệp của anh ta. Anh ta nói thêm về tình cảnh của 50 gia đình, tất cả 321 người, chỉ nhờ vào 100 cỗ máy dệt, một máy bình quân mỗi tuần kiếm được $5_{1/6}$ si-linh và mỗi gia đình kiếm được bình quân mỗi tuần 11 si-linh 4 pen-ni. Trong số ấy thì tiền nhà, tiền thuê máy dệt kim, than, dầu đèn, xà phòng và kim dệt, tổng cộng đã mất đi 5 si-linh 10 pen-ni rồi, mỗi người một ngày chỉ còn lại $1_{1/2}$ pen-ni (15 phen-ni [144]2* Phổ) dùng vào việc ăn uống, còn may mặc thì chẳng còn đồng nào.

Anh công nhân dệt kim ấy viết: "Từ trước đến nay chưa hề có người nào trông thấy, chưa hề có người nào nghe thấy, cũng chưa hề có người nào hiểu nổi nửa phần nỗi khốn khổ mà những con người đáng thương ấy phải chịu đựng".

Họ hoàn toàn không có nệm giường, nếu có, cũng chỉ đủ cho một nửa số người ngủ. Trẻ con quần áo rách bươm, chân đi đất chạy đi chạy lại. Đàn ông sụt sùi nước mắt mà nói rằng đã từ lâu, lâu lắm, họ không được ăn thịt, và hầu như đã quên mất mùi vị thịt rồi. Cuối cùng có một số người phải làm việc cả ngày chủ nhật, mặc dù dư luận xã hội vẫn không dung thứ cho họ như vậy và tiếng máy dệt vang xa khắp cả vùng xung quanh.

Trong số công nhân ấy, có một người nói: "Các người cứ nhìn con cái tôi, khắc sẽ hiểu rõ tất cả. Nghèo đói bắt buộc tôi phải làm như vậy. Tôi không thể cứ giương mắt nhìn con tôi kêu đói mà không dùng biện pháp cuối cùng để kiếm miếng bánh một cách lương thiện. Thứ hai trước, tôi dậy từ hai giờ sáng và làm việc đến gần nửa đêm, những ngày khác thì tôi làm việc từ 6 giờ sáng đến tận 11 - 12 giờ khuya. Nhưng tôi không chịu đựng nổi nữa, tôi không muốn tự mình chui vào quan tài. Vì vậy, mỗi buổi tối tôi chỉ làm việc đến 10 giờ và ngày chủ nhật tôi làm bù lại số thời gian mất đó".

Từ năm 1833 trở đi, vô luận ở Lê-xtơ, ở Đớc-bi, ở Nốt-tinh-hêm, tiền lương chưa có nơi nào tăng cả, tồi tệ hơn hết là ở Lê-xtơ lại thực hành rộng rãi chế độ trả lương bằng hàng hoá, như đã nói ở trên. Do đó, không có gì lạ là mỗi khi công nhân vùng dậy thì công nhân dệt

https://thuviensach.vn

kim ở địa phương ấy - đều hết sức tích cực tham gia; vì đứng máy phần nhiều là *nam giới*, nên việc tham gia phong trào đó càng tích cực và nhiệt tình hơn.

Vùng công nhân dệt kim ở cũng là trung tâm chủ yếu của sản xuất *đăng-ten*. Trong ba tỉnh nói trên, có tất cả 2760 cỗ máy đăng-ten, còn tất cả các miền khác của nước Anh thì chỉ có 786 cỗ. Do sự phân công lao động chặt chẽ, quá trình sản xuất đăng-ten trở nên vô cùng phức tạp, chia thành rất nhiều ngành riêng biệt. Đầu tiên phải cuộn chỉ vào ống, công việc này do những thiếu nữ (winders) 14 tuổi hoặc lớn hơn làm; sau đó, đem các ống đó lắp vào máy, rồi luồn chỉ qua các lỗ nhỏ (mỗi cỗ máy bình quân có độ 1800 lỗ nhỏ như thế), rồi lại kéo sợi chỉ đến chỗ quy định, công việc này là do con trai (threaders) 8 tuổi hoặc lớn hơn làm; sau đó mới đến lượt người công nhân sản xuất đăng-ten. Đăng-ten lấy từ máy ra là những tấm dài, rộng, do các em rất bé rút các sợi chỉ nối liền, chia tấm đăng-ten ra thành từng mảnh riêng; quá trình công việc ấy gọi là running, hay drawing lace, còn bản thân những em bé ấy gọi là lace-runners. - Sau đó là đăng-ten xong hoàn toàn, có thể mang đi bán. - Bất luận là thợ đánh ống hay thợ luồn chỉ đều không có giờ làm nhất định, mỗi khi chỉ trên
máy hết là cần tới họ; vì công việc tiếp tục cả ban đêm, nên bất kỳ lúc nào cũng có thể cần họ đến nhà máy hoặc đến phân xưởng của thợ đăng-ten. Công việc không có quy chế, thường thường phải làm cả đêm do đó tạo nên một lối sống không bình thường, tất cả những cái ấy gây ra rất nhiều tác hại về mặt thể xác và tinh thần, đặc biệt là gây ra quan hệ nam nữ hỗn loạn và quá sớm như mọi người đã nhất trí vạch ra. Bản thân công việc làm hại mắt rất nhiều; mặc dù chưa phát hiện bệnh kinh niên phổ biến ở những thợ luồn chỉ, nhưng bệnh sưng mắt thì rất phổ biến, và bản thân công việc luồn chỉ dễ sinh đau mắt, chảy nước mắt và mờ mắt một thời gian v.v.. Còn về những thợ đánh ống thì người ta đã xác nhận là công việc của họ rất hại cho thị lực, gây ra bệnh viêm giác mạc thường xuyên, thường bị chứng đục nhân mắt. Công việc của bản thân thợ đăng-ten rất nặng nhọc; các máy chế ra ngày càng lớn rộng; các máy đang dùng hiện nay hầu như đều phải cần tới ba công nhân đàn ông điều khiển; ba người luân phiên nhau cứ bốn giờ lại đổi một lần. Cộng cả lại cả ngày đêm 24 giờ mỗi người làm 8 giờ. Qua đó có thể thấy vì sao các thợ đánh ống và luồn chỉ thường thường phải làm việc ban đêm, là vì không thể để các máy ngừng lâu quá. Để luồn chỉ qua 1800 lỗ, cần ba đứa trẻ làm việc trong hai giờ. Có một số máy chạy bằng hơi nước nó gạt bỏ lao động của đàn ông. Bản "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" chỗ nào cũng nói đến việc gọi trẻ con đến làm việc ở "công xưởng đăng-ten", do đó hiển nhiên là có thể suy ra rằng hiện nay hoặc giả các công nhân làm đăng-ten đã bị chuyển đi làm việc ở các công xưởng lớn, hoặc giả sức hơi nước đã được dùng rộng rãi để sản xuất đăng-ten. Mà cả hai tình hình ấy đều tỏ ra rằng chế độ công xưởng đã được mở rộng thêm một bước. - Hại cho sức khoẻ nhất là công việc của trẻ con rút chỉ từ những tấm đăng-ten thành phẩm; làm công việc ấy phần lớn là trẻ con bảy tuổi, thậm chí mới năm tuổi, hay bốn tuổi. Uỷ viên Grên-giơ còn bắt gặp một đứa bé mới *hai tuổi* đang làm việc ấy. Phải thường
xuyên chăm chú nhìn xem trong đường thêu đăng ten chằng chịt, sợi nào đó cần phải lấy kim khều ra, cái đó đặc biệt hại mắt, nhất là công việc ấy thông thường phải làm liên tục suốt 14

https://thuviensach.vn

giờ hoặc 16 giờ. Như vậy, thì trong trường hợp tốt nhất, mắt của họ cũng trở thành cận thị nặng, còn trong trường hợp xấu nhất - rất thường thấy - thì phải mù vĩnh viễn do chứng đục nhân mắt. Ngoài ra, vì phải thường xuyên làm việc ở tư thế cúi khom lưng, cho nên trẻ con lớn lên cơ thể rất yếu, ngực lép, và do tiêu hoá không tốt mà mắc bệnh tràng nhạc, hiện tượng phá hoại các chức năng của các cơ quan sinh dục phụ nữ hầu như là phổ biến ở các em bé gái; cột sống bị vẹo cũng phổ biến như thế, cho nên "cứ nhìn dáng đi của các em là có thể nhận ra chúng". *Thêu* đăng-ten, vô luận là đối với mắt hay đối với toàn cơ thể, đều có hậu quả giống như thế. Những chuyên gia y tế làm chứng đã nhất trí nói rằng sức khoẻ của tất cả trẻ con chuyên sản xuất đăng - ten đã bị tổn hại nặng nề, tất cả bọn chúng đều xanh xao yếu đuối và bệnh tật; tầm vóc của chúng so với lứa tuổi rõ ràng là thấp bé; sức đề kháng bệnh tật cũng kém hẳn các trẻ con khác. Bệnh tật thông thường của chúng là suy nhược toàn thân, hay bị ngất, nhức đầu, đau hai bên sườn, đau lưng, đau thắt lưng, tim đập mạnh, nôn oẹ, mửa, không muốn ăn, cột sống cong vẹo, bệnh tràng nhạc và bệnh lao phổi. Công việc ấy luôn luôn huỷ hoại cực kỳ nghiêm trọng cơ thể của phụ nữ; đâu đâu cũng thấy kêu nhiều về bệnh phụ nữ thiếu máu, khó đẻ và sẩy thai (trong bản "Báo cáo", Grên-giơ đã nhắc tới điểm ấy ở nhiều chỗ). Người quan chức nhỏ này đã báo cáo với tiểu ban điều tra về lao động trẻ em rằng chúng thường xuyên ăn mặc tồi tàn, quần áo đều rách bươm, ăn uống cũng rất kém, phần lớn chỉ có bánh mì và nước chè, thường thường hàng mấy tháng không được trông thấy miếng thịt - còn về tình hình đạo đức của trẻ con thì ông ta nói như sau:

"Tất cả những cư dân ở Nốt-tinh-hêm - cảnh sát, giới tu hành, chủ xưởng, công nhân và chính cha mẹ của các đứa trẻ ấy - đều nhất trí khẳng định rằng chế độ lao động hiện nay là miếng đất tốt nhất để sinh ra hiện tượng đạo đức suy đồi. Thợ luồn chỉ phần lớn là con trai, và thợ đánh ống phần lớn là con gái, thường thường bị gọi cùng một lúc đến công xưởng giữa đêm khuya; lại vì cha mẹ chúng không thể nào biết được chúng phải làm việc ở đó bao lâu, cho nên chúng có cơ hội rất tốt để cùng nhau làm trò bậy bạ, làm việc xong rồi lại cùng nhau đi chơi tếu. Tình hình ấy đã góp phần rất lớn làm cho hiện tượng đạo đức bại hoại phát triển. Mọi người đều công nhận rằng ở Nốt-tinh-hêm, tình hình đạo đức bại hoại đã đạt tới mức độ đáng sợ. Còn sự phá hoại nghiêm trọng của tình hình không tự nhiên cao độ ấy đối với an ninh và nền nếp gia đình của các trẻ con và những người trẻ tuổi ấy thì không cần phải nói nữa".

Một ngành sản xuất đăng-ten khác, tức là móc đăng-ten bằng que móc, đã phát triển rộng đến các vùng nông nghiệp Noóc-tâm-ptơn, Óc-xphoóc, Bét-phoóc và Bắc-kinh-hêm. Làm công việc ấy, phần lớn là trẻ con và thiếu niên; tất cả chúng đều phàn nàn về ăn uống kham khổ, rất ít khi được ăn thịt. Bản thân lao động của chúng hết sức có hại cho sức khoẻ. Chúng phải làm việc trong những căn phòng nhỏ hẹp, không thoáng khí và nghẹt thở, luôn luôn ở tư thế ngồi cúi gập trên bộ que móc. Để đỡ thân thể của mình trong cái tư thế gò bó ấy, các thiếu nữ đều phải mặc áo lót có đính một mảnh gỗ; vì chúng phần nhiều bắt đầu làm việc từ khi còn rất bé, xương còn rất mềm, cho nên loại áo lót ấy đã làm cho xương lồng ngực và xương sườn hoàn toàn bị sai vị trí, khiến lồng ngực thường bị lép. Vì không khí chỗ làm việc rất xấu, và khi làm việc lại phải luôn luôn ngồi cho nên đại đa số những thiếu nữ ấy mắc chứng tiêu hóa không tốt, và sau khi chịu đựng sự giày vò ác nghiệt (severest) của chứng bệnh ấy,

https://thuviensach.vn

đã mắc bệnh lao phổi mà chết. Chúng hầu như chưa được tiếp thu một chút giáo dục nào, về mặt đạo đức lại càng ít hơn, thích làm đỏm, do đó trình độ đạo đức của chúng rất thấp kém, còn nạn mãi dâm trong bọn chúng hầu như đã thành một bệnh dịch ("Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em", báo cáo của Bớc-nơ).

Đó là cái giá mà xã hội đã phải trả để cho các bà tư sản ăn diện được hưởng cái thú dùng đăng-ten! Lẽ nào đó chẳng phải là cái giá rất rẻ sao? tổng cộng lại chẳng qua chỉ có vài nghìn công
nhân bị hỏng mắt, chẳng qua chỉ có một số con gái của giai cấp vô sản mắc bệnh lao phổi, chẳng qua chỉ có một thế hệ dân đen bị suy yếu, rồi thế hệ đó lại truyền cái suy yếu ấy cho con cháu của nó, cũng vẫn là dân đen thôi - điều đó có quan trọng gì? Không, chẳng quan trọng gì cả! Giai cấp tư sản nước Anh của chúng ta thờ ơ quẳng bản báo cáo của tiểu ban điều tra của chính phủ ra một bên, và tiếp tục dùng đăng-ten để trang sức cho vợ con như cũ. - Sự phớt tỉnh của người tư sản Anh thật quả là không chê vào đâu được.

Có một số lớn công nhân Lan-kê-sia, Đớc-bi-sia và miền Tây Xcốt-len làm việc ở các *công xưởng in hoa*. Trong nền công nghiệp nước Anh không có một ngành nào mà sự phát triển kỹ thuật lại đạt được kết quả rực rỡ như ngành này, nhưng cũng không có một ngành nào sự phát triển kỹ thuật lại làm cho tình cảnh của công nhân tồi tệ đến thế. Việc sử dụng hơi nước để quay các trục lăn có khắc hoa, và sự phát minh ra phương pháp khiến trục lăn đó in một lần từ bốn đến sáu màu, đã hoàn toàn gạt bỏ lao động thủ công, cũng như việc sử dụng máy móc đã gạt bỏ lao động thủ công khỏi công nghiệp dệt và kéo sợi bông. Nhưng số công nhân bị những phát minh mới ấy gạt bỏ ở các công xưởng in hoa so với ở các công xưởng dệt bông thì còn nhiều gấp bội. Ở đây, một người lớn và một đứa trẻ giúp việc dùng máy làm việc có thể ngang sức 200 công nhân làm việc bằng tay trước kia. Một cái máy mỗi phút có thể làm ra 28 i-ác (80 phút) vải hoa. Kết quả là tình cảnh của công nhân in hoa rất tồi tệ. Trong đơn thỉnh cầu của họ gửi hạ nghị viện có nói, năm 1842, Lan-kê-sia, Đớc-bi-sia và Si-sia đã sản xuất tất cả 11 triệu tấm vải in hoa, trong đó có 10 vạn tấm hoàn toàn in bằng tay, 90 vạn tấm một phần in bằng máy, một phần in bằng tay, 10 triệu tấm hoàn toàn in bằng máy; màu in từ một đến sáu màu. Vì đại bộ phận máy móc gần đây mới được áp dụng lại được cải tiến không ngừng, cho nên số công nhân in hoa thủ công bao giờ cũng nhiều hơn mức đòi hỏi của sản xuất; trong đó rất nhiều
người (trong đơn nói rõ là một phần tư tổng số) tất nhiên là hoàn toàn không có việc làm, số còn lại thì bình quân mỗi tuần lễ cũng chỉ có một, hai ngày là có việc, nhiều nhất là ba ngày, tiền lương lại thấp nhất. Li-sơ xác nhận rằng trong một công xưởng in hoa (Đi-pli Đên, gần Bơ-ri, ở Lan-kê-sia), công nhân in hoa thủ công bình quân kiếm được không quá 5 si-linh một tuần. ("Những sự thực không thể bác bỏ được", tr. 47), đồng thời ông lại biết rất chắc chắn rằng tiền lương trả cho công nhân in hoa bằng máy khá hậu. Như vậy là ngành in hoa đã hoàn toàn liệt vào chế độ công xưởng, nhưng lại không chịu những điều hạn chế của pháp luật đối với chế độ công xưởng. Những hàng hoá ngành ấy sản xuất đều là hàng thời trang,

https://thuviensach.vn

cho nên không có thời gian lao động cố định. Khi hàng đặt ít thì họ chỉ làm việc một nửa thì giờ; nếu một mẫu hàng nào được hoan nghênh, bán chạy, thì công xưởng làm việc tới 10, 12 giờ đêm, có khi suốt đêm. Tại Man-se-xtơ, gần chỗ tôi ở, có một công xưởng in hoa. Nhiều lần khá khuya tôi về nhà còn thấy đèn sáng trong công xưởng; tôi lại thường nghe nói rằng ở đó thời gian lao động của trẻ con dài quá đến nỗi chúng phải tìm cơ hội để nghỉ hoặc ngủ một tí ở một xó nào trên bậc thềm đá hoặc một góc ở phòng ngoài. Tôi không có "tài liệu xác thực về việc này, nếu có, tôi đã nêu rõ tên xưởng ấy. Bản "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" chỉ nói qua loa về tình cảnh của công nhân ngành công nghiệp ấy. Ở đây chỉ nói rằng ở chính nước Anh ít ra bọn trẻ con ấy phần lớn còn được mặc tương đối lành lặn và ăn uống cũng không kém lắm (điều này cũng tương đối, dĩ nhiên là tuỳ theo số tiền cha mẹ chúng kiếm được), nhưng chúng lại chẳng được tiếp thu chút giáo dục nào và về đạo đức thì chẳng ra gì cả. Chúng ta chỉ cần hiểu rằng bọn trẻ con ấy sống dưới quyền lực của chế độ công xưởng và liên hệ với những điều đã nói ở trên về chế độ ấy là đủ; bây giờ chúng ta có thể nói sang vấn đề khác.

Về những công nhân khác, trong ngành sản xuất hàng may mặc,
chúng ta còn nói thêm chút ít thôi. Công việc của *thợ tẩy trắng* rất hại cho sức khoẻ, vì họ luôn luôn phải hít khí clo là một chất độc cho phổi. Công việc của *thợ nhuộm* ít hại hơn, thậm chí nhiều khi còn có lợi cho công nhân vì nó đòi hỏi dùng sức toàn thân. Về vấn đề tiền lương của các công nhân ấy, rất ít người nói đến, điều đó chứng tỏ rằng tiền lương ấy không thấp hơn mức trung bình, nếu không thì họ đã kêu ca rồi. Do sự tiêu thụ rộng rãi hàng nhung sợi bông, cho nên số *thợ xén nhung* tương đối nhiều, có tới 3-4 nghìn người gián tiếp bị điêu đứng vì chế độ công xưởng. Hàng do máy dệt thủ công sản xuất trước đây, không được đều lắm, cho nên cần phải có tay thợ lành nghề xén từng hàng chỉ cho đều. Từ khi dệt bằng máy thì các hàng chỉ đều tăm tắp, sợi ngang hoàn toàn song song với nhau, cho nên công việc xén không còn đòi hỏi nhiều kỹ xảo. Số công nhân bị máy móc làm cho thất nghiệp đổ xô rất nhanh vào cái công việc tương đối nhẹ nhàng ấy, và vì cạnh tranh, nên tiền lương tụt xuống. Các chủ xưởng thấy công việc ấy hoàn toàn có thể giao cho phụ nữ và trẻ con làm, do đó tiền lương tụt xuống mức của công nhân phụ nữ và của trẻ con, hàng trăm người đàn ông bị đào thải hẳn. Hơn nữa, các chủ xưởng còn thấy để cho công nhân làm việc ở công xưởng thì đỡ tốn hơn là cho họ làm việc tại xưởng riêng của họ, vì như thế là chủ xưởng phải gián tiếp trả tiền thuê các xưởng riêng ấy. Từ đó, những căn gác xép của nhiều cốt-ta-giơ trước đây dùng làm xưởng xén nhưng đến nay nếu không bỏ trống thì cũng dùng làm phòng ở, đồng thời các thợ xén nhung cũng mất hẳn quyền được tự do chọn thì giờ làm việc và phải theo lệnh tiếng chuông công xưởng. Một người thợ xén nhung trạc chưa quá 45 tuổi nói với tôi rằng bác ta vẫn còn nhớ cái thời mà cũng một việc ấy kiếm được 8 pen-ni cho một i-ác, còn ngày nay làm với giá 1 pen-ni; thật vậy, dù có thể xén nhanh hơn vì nhung dệt ra sợi tương đối đều, những cũng khó có thể trong một giờ làm được gấp đôi mức làm trước, cho nên lương của bác ta đã tụt mất hơn ba phần tư so với trước kia. Li-sơ đã đem các con số tiền công về các loạt hàng dệt năm 1827 và 1843,

https://thuviensach.vn

xếp thành một bảng đối chiếu ("Những sự thực không thể bác bỏ được" tr. 35). Xem bảng ấy có thể thấy rằng năm 1827 thợ xén nhung mỗi i-ác được 4 pen-ni, $2_{1/4}$ pen-ni, $2_{3/4}$ pen-ni và 1 pen-ni, năm 1843 thì mỗi i-ác chỉ được có $1_{1/2}$ pen-ni, 3/4 pen-ni, 1 pen-ni và 3/8 pen-ni. Theo Li-sơ thì tiền lương bình quân mỗi tuần, năm 1827 là 1 pao xtéc-linh 6 si-linh 6 pen-ni, 1 pao xtéc-linh 2 si-linh 6 pen-ni, 1 pao xtéc-linh, 1 pao xtéc-linh 6 si-linh 6 pen-ni, còn năm 1843 thì tiền lương trung bình hàng tuần về cùng một loại hàng ấy là 10 si-linh 6 pen-ni, 7 si-linh 6 pen-ni, 6 si-linh 8 pen-ni, 10 si-linh, đồng thời còn có hàng trăm công nhân khác, ngay số lương thấp nhất ở đó cũng chẳng kiếm nổi. Về các *thợ dệt thủ công* trong công nghiệp bông vải sợi ở trên chúng ta đã nói rồi. Các loại hàng dệt khác hầu như hoàn toàn do thợ dệt thủ công làm; những người này cũng bị điêu đứng như các thợ xén nhung, vì sự cạnh tranh của những công nhân bị máy móc gạt bỏ trong các ngành công nghiệp khác; ngoài ra, cũng như các công nhân công xưởng, nếu làm không tốt thì lại bị phạt một cách tàn nhẫn. Như *công nhân dệt lụa* chẳng hạn. Một trong những chủ xưởng dệt lụa lớn nhất nước Anh là Brốc-cơn-hớc đã lấy một số bảng thống kê rút trong sổ sách của ông ta trình cho tiểu ban nghị viện; qua các bảng thống kê ấy, có thể thấy rằng năm 1821, ông ta đã phải trả tiền công cho các loại công việc là 30 si-linh, 14 si-linh, $3_{1/2}$ si-linh, 3/4 si-linh, $1_{1/2}$ si-linh, 10 si-linh, đến năm 1831, ông ta chỉ phải trả có 9 si-linh, $7_{1/2}$ si-linh, $2_{1/4}$ si-linh, 1/3 si-linh, 1/2 si-linh, $6_{1/4}$ si-linh, mặc dù ở *ngành này* máy móc chưa được cải tiến chút nào. Những cái mà ông Brốc-cơn-hớc làm ở công xưởng của ông ta lại có thể xem là tiêu chuẩn cho cả nước Anh. Qua công nhân dệt ở công xưởng ấy, năm 1821, trừ mọi khoản khấu trừ, mỗi tuần là $16_{1/2}$ si-linh, nhưng đến năm 1831, chỉ còn có 6 si-linh. Từ đó tiền lương còn tụt xuống nhiều nữa; năm 1831, các hàng dệt (gọi là single sarsnets - một loại vóc để lót quần áo) trả công 1/3 si-linh hoặc 4 pen-ni một i-ác, đến năm 1843 chỉ
trả có $2_{1/2}$ pen-ni và rất nhiều thợ dệt ở nông thôn, chỉ nhận công mỗi i-ác từ $1_{1/2}$ đến 2 pen-ni thì mới có việc làm. Ngoài ra còn có các khoản khấu trừ vào tiền công một cách tuỳ tiện nữa. Mỗi người thợ dệt nhận được sợi dọc thì đồng thời nhận được một tấm các ghi giờ nào phải giao thành phẩm, nếu ốm không làm việc được thì hạn trong ba ngày phải báo cáo cho văn phòng biết, nếu không thì dẫu có bệnh thật cũng không được miễn thứ; phải chờ đợi sợi ngang cũng không được coi là lý do đầy đủ để được miễn thứ; nếu làm có sai sót (ví dụ trên một chiều dài nhất định, sử dụng sợi ngang quá số quy định, v.v.) thì phải khấu đi một số tiền *không ít hơn* một nửa số tiền công; nếu không giao hàng đúng kỳ hạn thì cứ mỗi i-ác khấu đi một pen-ni. - Tất cả mọi khoản khấu trừ theo tấm các ấy đã làm cho tiền lương bị giảm rất nhiều, ví dụ có một người nhận hàng ở Lan-kê-sia một tuần lễ hai lần đến Li để lấy trở lại những hàng đã làm xong thì mỗi lần anh ta mang về cho chủ xưởng một số tiền phạt ít nhất là 15 pao xtéc-linh (100 ta-le Phổ). Đó là lời chính ông ta nói, và ông ta vẫn được coi là một trong những người nhận hàng khoan dung nhất. Trước kia vấn đề ấy là do toà án trọng tài giải quyết, nhưng vì công nhân nào đòi xin toà án giải quyết thì thường bị thải ngay, cho nên về sau lệ đó dần dần mất đi, ngày nay chủ xưởng có thể hoàn toàn làm theo ý muốn: chủ

https://thuviensach.vn

xưởng vừa là nguyên cáo, vừa là người làm chứng, vừa là quan toà, vừa là nhà lập pháp, vừa là người chấp hành pháp luật, - một mình bao biện hết. Nếu công nhân kiện tới thẩm phán hoà giải, thì anh ta sẽ được trả lời như sau: các anh đã nhận tấm các ấy tức là các anh đã ký giao kèo rồi, các anh phải thi hành giao kèo. Thật giống hệt như công nhân công xưởng. Ngoài ra, chủ xưởng mỗi lần lại còn cưỡng bức công nhân phải ký tên vào giấy nói rõ là anh ta "đồng ý chịu khấu trừ". Nếu anh ta muốn phản đối, thì lập tức các chủ xưởng trong toàn thành phố đều biết ngay anh ta, theo lời của Li-sơ, là một người

"không chịu phục tùng trật tự và luật lệ được quy định trên tấm các mà lại dám cả gan hoài nghi cả trí tuệ của những người mà anh ta phải biết, là bề trên của anh ta về địa vị trong xã hội" ("Những sự thực không thể bác bỏ được", tr. 37 - 40)

Cố nhiên, các công nhân dệt đều *hoàn toàn* tự do, chủ xưởng không hề cưỡng bức họ phải lĩnh sợi dọc và tấm các của hắn và, theo lối nói vắn tắt và rõ ràng của Li-sơ thì, chủ xưởng chỉ bảo công nhân rằng:

"Nếu các anh không muốn bị rán ở trong chảo mỡ của tôi, thì các anh có thể đi vào trong lửa (If you don't like to be frizzled in my frying-pan, you can take a walk into the fire)".

Các công nhân dệt lụa ở Luân Đôn, nhất là ở Xpi-tan-phin từ lâu đã sa vào cảnh khốn khổ cùng cực có tính chất chu kỳ, và việc họ hết sức tích cực tham gia tất cả các cuộc đấu tranh của công nhân ở nước Anh, đặc biệt là ở Luân Đôn, chứng tỏ rằng hiện nay họ vẫn chưa có lý do để thoả mãn với tình cảnh của họ. Nỗi khốn khổ của họ đã gây nên cái dịch sốt, phát sinh ở phía đông Luân Đôn và buộc phải thành lập một tiểu ban điều tra về tình hình vệ sinh của giai cấp công nhân. Nhưng qua bản báo cáo gần đây của bệnh viện sốt ở Luân Đôn thì có thể thấy rằng bệnh sốt ấy vẫn còn hoành hành dữ dội như trước.

Sau nghề dệt, ngành quan trọng thứ hai của công nghiệp Anh là ngành sản xuất các *sản phẩm kim loại*. Trung tâm của ngành này là *Bớc-minh-hêm*, chế tạo các sản phẩm kim loại tinh vi, *Sép-phin-đơ*, trung tâm sản xuất các loại dao, và Xtáp-phoóc-sia, nhất là ở Uôn-vơ-hem-tơn, sản xuất các loại hàng giản đơn hơn như khoá, đinh, v.v.. Chúng ta mô tả tình cảnh công nhân ngành ấy, bắt đầu từ Bớc-minh-hêm. - Ở *Bớc-minh-hêm* cũng giống như ở đại đa số các địa phương sản xuất sản phẩm kim loại, tổ chức sản xuất vẫn còn giữ một số đặc điểm của thủ công nghiệp thời trước. Vẫn còn những thợ cả nhỏ cùng với những thợ học việc của mình làm việc hoặc ở xưởng ngay trong nhà họ, hoặc khi cần đến máy hơi nước, thì ở những gian nhà lớn của công xưởng chia thành nhiều xưởng nhỏ để cho từng thợ cả thuê; trong mỗi gian xưởng ấy có dây cua-roa truyền động từ động cơ hơi nước để chạy các máy khác. Lê-ông Phô-sê (tác giả nhiều bài báo nói về tình cảnh công nhân Anh đăng trong tạp chí "Revue des deux Mondes" [112]; những bài ấy chứng tỏ rằng tác giả ít ra cũng đã nghiên cứu vấn đề, và vô luận thế nào cũng còn có giá trị hơn những cái mà người Anh hay người Đức đã viết về phương diện đó) đã gọi cái tổ chức sản xuất ấy là démecratie industrielle [145]1* để đối lập nó với nền sản xuất lớn của Lan-kê-sia và Y-oóc-sia. Ông còn nói rằng tổ chức sản xuất ấy chẳng có lợi gì lắm cho các thợ cả cũng như cho các thợ bạn. Nhận xét ấy hoàn toàn đúng đắn: món lợi nhuận mà trong trường hợp khác một chủ xưởng lớn tóm cả một mình, nay do

https://thuviensach.vn

cạnh tranh điều chỉnh mà chia cho nhiều thợ cả nhỏ, vì vậy việc kinh doanh của họ không thể khấm khá được. Khuynh hướng tập trung tư bản thường xuyên ảnh hưởng đến họ; chỉ cần một người phát tài là mười người khác phá sản ngay; và một trăm người vì áp lực của sự cạnh tranh bằng giá rẻ của một người phát tài cũng khốn khổ hơn trước. Và, khi các thợ cả nhỏ phải cạnh tranh với các nhà tư bản lớn thì dĩ nhiên là họ phải khó nhọc lắm mới sống nổi. Các thợ học việc thì như dưới đây chúng ta sẽ thấy, sống với các thợ cả nhỏ ít ra cũng khổ như với các chủ xưởng, chỉ có điều khác là sau này họ cũng sẽ trở thành thợ cả nhỏ, do đó được độc lập ít nhiều; nói cách khác họ cũng bị bóc lột như làm với giai cấp tư sản, nhưng không trực tiếp như ở công xưởng. Như vậy các thợ cả nhỏ ấy không phải là người vô sản thực thụ, vì một phần nào họ sống nhờ vào lao động của những
thợ học việc, và họ bán ra không phải là lao động mà là các thành phẩm, nhưng họ cũng không phải là người tư bản thực thụ, vì họ chủ yếu vẫn nhờ vào lao động bản thân mình để sống. Địa vị lưng chừng, độc đáo ấy của công nhân Bớc-minh-hêm nói rõ vì sao họ rất ít tham gia toàn bộ và công khai vào phong trào công nhân nước Anh. Về mặt chính trị, Bớc-minh-hêm là một thành phố cấp tiến nhưng không thuộc loại ủng hộ kiên quyết phong trào Hiến chương. - Thật vậy ở Bớc-minh-hêm cũng có nhiều nhà tư bản có công xưởng tương đối lớn và ở đó chế độ công xưởng cũng đã được thiết lập vững chắc: sự phân công lao động hết sức tinh tế thực hiện tại đây (ví dụ như trong ngành sản xuất kim), và việc dùng sức hơi nước khiến các chủ xưởng có thể thuê rất nhiều phụ nữ và trẻ con. Vì thế cũng có thể thấy ở đây (theo tài liệu của "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em") những đặc điểm mà chúng ta đã quen thấy trong bản báo cáo về công xưởng; Phụ nữ có mang phải làm việc cho đến tận ngày đẻ, không biết thu xếp việc nhà, gia đình và con cái không người săn sóc, lạnh nhạt và thậm chí còn chán ghét cuộc sống gia đình, đạo đức sa sút, thứ nữa là đàn ông bị loại bỏ khỏi ngành lao động ấy, máy móc không ngừng cải tiến, trẻ con tự lập quá sớm, đàn ông sống nương nhờ vào vợ con, v.v., và v.v.. - Theo như bản báo cáo thì trẻ con đói khát, rách rưới. *Có một nửa số trẻ con không biết ăn no là thế nào*, nhiều đứa một ngày chỉ ăn một pen-ni bánh mì (10 phen-ni Phổ) hoặc chẳng được ăn tí gì trước bữa trưa; thậm chí còn có một số trẻ con chẳng có chút gì ăn từ tám giờ sáng đến bảy giờ tối. Quần áo chúng thường thường không đủ che thân; nhiều đứa thậm chí mùa đông, vẫn đi chân không. Do đó, tầm vóc của chúng đều bé nhỏ, yếu ớt so với lứa tuổi chúng; rất ít đứa đạt được mức phát triển bình thường. Nếu chú ý rằng với những điều kiện bồi dưỡng sức khoẻ thiếu thốn như thế mà chúng còn phải lao động nặng nhọc và kéo dài, trong những căn phòng
nghẹt thở, thì sẽ chẳng ngạc nhiên gì khi thấy số đàn ông có thể phục vụ binh dịch ở Bớc-minh-hêm lại ít như thế.

Một y sĩ tuyển tân binh nói rằng: "Các công nhân đều rất bé nhỏ, gầy còm và thế lực rất kém; ngoài ra nhiều người lồng ngực hoặc cột sống bị vẹo lệch".

Theo lời của một viên hạ sĩ quan tuyển tân binh thì đàn ông ở Bớc-minh-hêm bé nhỏ hơn so với ở bất cứ địa phương nào khác: phần nhiều tầm vóc không quá 5 phút 4-5 in-sơ; trong

https://thuviensach.vn

số 613 tân binh tòng quân chỉ có 238 người đủ tiêu chuẩn. Về giáo dục thì xin độc giả quay trở lại xem từng dẫn chứng và thí dụ đã nêu ra ở trên (tr. 467-168) về đời sống ở các khu chế tạo kim khí. Vả chăng, qua bản "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" cũng có thể thấy rằng ở Bớc-minh-hêm có tới hơn nửa số trẻ con từ 5 đến 15 tuổi căn bản không được đi học, mà số trẻ con đi học thì luôn luôn thay đổi, cho nên muốn cho chúng chút ít giáo dục kha khá cũng không thể được; tất cả trẻ con đều bỏ học rất sớm để đi làm. Qua bản báo cáo còn thấy những giáo viên dạy học ở đó là loại như thế nào. Một nữ giáo viên, khi được hỏi có dạy đức dục không, đã trả lời: "Không, một tuần lễ học phí có ba pen-ni, thì không thể đòi hỏi như vậy được". Một số nữ giáo viên, ngay đức dục là gì cũng không hiểu, còn một số khác thì cho rằng giáo dục đức dục cho trẻ con không phải là phận sự của họ. Chỉ có một nữ giáo viên nói rằng tuy mình không dạy đức dục, nhưng gắng sức truyền cho trẻ con những nguyên tắc tốt đẹp, và khi nói câu đó, bà ta đã hoàn toàn nói sai văn phạm. Một ủy viên nói rằng lớp học thường xuyên ồn ào lộn xộn. Do đó trình độ đạo đức của bản thân trẻ con hết sức tồi tệ; một nửa số tội phạm là dưới 15 tuổi; chỉ trong vòng một năm, đã có tới 90 đứa trẻ mười tuổi bị kết án, trong đó có 44 đứa phạm tội hình sự. Theo ý kiến của các ủy viên tiểu ban thì quan hệ tình dục hỗn loạn hầu như là hiện tượng phổ biến, và từ lứa tuổi rất nhỏ đã bắt đầu như thế rồi. - (Grên-giơ, "Báo cáo" và Văn kiện).

Tình hình ở khu làm đồ sắt *Xtáp-phoóc-sia* còn tồi tệ hơn. Ở

https://thuviensach.vn

đấy sản xuất đồ sắt giản đơn, và trong ngành sản xuất này vừa không thể tiến hành phân công tỉ mỉ (trừ một số ít việc), vừa không thể dùng hơi nước hay máy móc. Cho nên ở đấy - Uôn-vơ-hem-tơn, Uy-len-hôn, Bin-xtơn, Xết-giơ-li, Oét-nét-xphin, Đác-lát-xtơn, Đớt-li, Uôn-xôn, Oét-nét-xbơ-ry, v.v.; công xưởng tương đối ít, nhưng những lò rèn nhỏ thì rất nhiều, ở các lò rèn ấy một thợ cả nhỏ làm việc với một hay mấy người học việc, những người học việc này phải có nghĩa vụ phục vụ cho thợ cả đến năm 21 tuổi. Tình cảnh của thợ cả nhỏ gần giống như ở Bớc-minh-hêm, nhưng thân phận của thợ học việc thì phần lớn tệ hơn nhiều. Thức ăn cho họ hầu như chỉ toàn thịt của những con vật bị bệnh hoặc bị chết, thịt đã ôi, cá đã ươn, thịt bê đẻ non chết hoặc thịt lợn chết trong toa xe lửa. Không những các thợ cả nhỏ làm như vậy, mà cả những chủ xưởng tương đối lớn có tới 30, 40 thợ học việc cũng làm như vậy. Tình hình ấy hầu như phổ biến ở Uôn-vơ-hem-tơn. Hậu quả tự nhiên của tình trạng ăn uống như thế là rất thường gặp ở các bệnh đường ruột và các bệnh khác. Ngoài ra, trẻ con ít khi được ăn no; và ngoài bộ quần áo lao động, chẳng có quần áo nào khác - đó cũng là một nguyên nhân khiến chúng không đi học ở các trường ngày chủ nhật. Chỗ ở vừa tồi vừa bẩn, đến mức trở thành nguồn phát sinh ra tật bệnh, do đó, mặc dù bản thân lao động ấy phần nhiều không hại cho sức khoẻ, nhưng trẻ con vẫn rất bé nhỏ, khẳng khiu, yếu đuối, nhiều khi chúng còn bị tàn tật ghê gớm do lao động. Ví dụ ở Uy-len-hôn, rất nhiều người vì thường xuyên làm việc ở máy rèn đinh ốc nên bị gù lưng và còng *một* chân chỗ đầu gối - gọi là "chân quặt", "hind-leg -, như vậy hai chân thành hình chữ K; ngoài ra, ở đây ít ra cũng có đến một phần ba công nhân mắc chứng thoát vị. Ở đây cũng như ở Uôn-vơ-hem-tơn, tuổi dậy thì của con gái - vì con gái cũng làm việc ở lò rèn! - cũng như của con trai thường rất muộn, có khi phải tới 19 tuổi - Ở thành phố Xét-giơ-li và vùng lân cận hầu như chuyên môn sản xuất đinh, người ta phải sống và làm việc

trong những gian lều tồi tàn giống như những chuồng súc vật, bẩn thỉu quá sức tưởng tượng. Con gái và con trai từ mười - mười hai tuổi đã phải quai búa và chỉ đến khi nào mỗi ngày chúng có thể làm được 1000 cái đinh thì mới được coi là thợ thật sự. Làm 1200 chiếc đinh thì được $5_{3/4}$ pen-ni, hoặc chưa đầy 5 din-béc-grô-sen. Mỗi cái đinh phải dập 12 nhát búa, và vì cái búa nặng $1_{1/4}$ pao, cho nên công nhân phải nhấc lên 18000 pao mới kiếm nổi chút tiền lương khốn nạn ấy. Trong điều kiện lao động vất vả mà ăn uống lại không đủ, cơ thể trẻ con dĩ nhiên là phát triển không tốt, bé nhỏ, yếu đuối, tài liệu của tiểu ban cũng chứng thực điểm ấy. Về tình hình giáo dục ở khu ấy, ở trên chúng tôi đã cung cấp một số tư liệu. Trình độ giáo dục ở đây thật là thấp, đến mức không tưởng tượng được: có nửa số trẻ con thậm chí trường học ngày chủ nhật cũng không đến, số còn lại dẫu có đến cũng rất chểnh mảng; so với những khu khác, rất ít trẻ con biết đọc, biết viết lại càng ít hơn. Điều đó chẳng có gì lạ cả vì chính khoảng từ bảy đến mười tuổi, tức là *đúng* vào tuổi đi học thích hợp nhất, thì chúng lại bắt đầu phải đi làm, còn các thầy giáo những trường ngày chủ nhật, là những người thợ rèn hoặc thợ mỏ, thường thường bản thân họ chỉ gọi là biết đọc năm ba chữ, thậm chí đến ký tên mình cũng chẳng xong. Trình độ đạo đức hoàn toàn phù hợp với tình trạng giáo dục ấy. Uỷ viên

https://thuviensach.vn

Hoóc-nơ đã dẫn ra nhiều ví dụ chứng minh rằng ở thành phố Uy-len-hôn, công nhân chẳng có ý niệm gì về đạo đức. Ông ta thấy rằng con cái nói chung chẳng có ý thức gì về bổn phận đối với cha mẹ, và cũng chẳng có chút gì quyến luyến đối với cha mẹ. Chúng thiếu năng lực suy nghĩ câu nói của mình và u mê đần độn đến mức nhiều khi còn cho là dường như chúng được đối đãi tốt và sống dễ chịu rồi, trong khi thực tế chúng phải lao động 12 - 14 giờ một ngày, mặc rách, ăn đói, lại thường bị đánh đập, có khi mấy ngày sau còn đau. Chúng không còn biết có lối sống nào khác ngoài việc lao động đầu tắt mặt tối từ sáng sớm đến tối mịt, mãi tới khi có hiệu tan tầm mới thôi; chúng không thể hiểu được câu hỏi: có mệt hay không? - chưa từng có ai hỏi chúng câu đó (Hoóc-nơ, "Báo cáo" và Văn kiện).

Ở *Sép-phin-đơ* tiền lương khá hơn, cho nên tình cảnh công nhân xem bề ngoài cũng khá hơn chút ít. Nhưng ở đây cũng cần phải chỉ ra một vài ngành lao động cực kỳ có hại cho sức khoẻ của công nhân. Một số thao tác buộc công nhân phải thường xuyên lấy ngực đè lên dụng cụ, cái đó thường dẫn đến bệnh lao phổi; một số thao tác khác, chẳng hạn như sản xuất giũa thì ngăn trở sự phát triển chung của cơ thể và đưa đến các bệnh đường ruột; công việc gọt xương (làm cán dao) gây ra bệnh nhức đầu, bệnh hoàng đan, còn đối với con gái đa số làm công việc ấy thì mắc chứng thiếu máu. Nhưng công việc có hại nhất cho sức khoẻ là việc mài lưỡi dao và răng rĩa nhất định làm cho công nhân chết sớm, đặc biệt là khi mài bằng đá khô. Công việc ấy sở dĩ có hại, một phần vì phải đứng khom lưng, do đó ngực và dạ dày thường xuyên bị ép, nhưng chủ yếu là vì rất nhiều bụi kim loại li ti sắc cạnh bay toả đầy không khí lúc mài, chẳng làm sao tránh không hít vào phổi. Những thợ mài đá khô trung bình rất khó sống đến 35 tuổi, nhưng thợ mài đá ướt cũng rất ít người sống đến quá 45 tuổi. Bác sĩ Nai-tơ ở Sép-phin-đơ nói:

"Muốn cho người ta hiểu rõ một chút tác hại do công việc ấy gây ra thế nào, tôi cần phải nói rằng trong thợ mài, những người sống lâu nhất lại là những người nghiện rượu nặng nhất, vì thời gian họ làm việc ít hơn so với những người khác. Ở Sép-phin-đơ, tổng cộng có chừng 2500 người thợ mài; trong số ấy có độ 150 người (80 đàn ông và 79 em bé) mài răng rĩa: thông thường họ chết ở lứa tuổi từ 28 đến 32. Thợ mài dao cạo, bất luận là mài đá khô hay mài đá ướt, cứ đến khoảng từ 40 đến 45 tuổi là chết, còn thợ mài dao ăn bằng đá ướt thì từ 40 đến 50 tuổi là chết".

Người bác sĩ ấy mô tả diễn biến chứng bệnh của họ, gọi là bệnh suyễn của thợ mài, như sau:

"Thông thường họ bắt đầu làm việc từ mười bốn tuổi, nếu cơ thể khoẻ mạnh thì trước hai mươi tuổi, họ chẳng thấy gì đặc biệt khó chịu; sau đó, những triệu chứng

đặc biệt của bệnh ấy bắt đầu hiện ra: khi họ leo dốc hay lên cầu thang gác, chỉ gắng sức một ít là đã thở không ra hơi; muốn làm giảm bớt những khó khăn thường xảy ra mỗi lúc một tăng trong khi thở, họ phải vươn vai cao lên, phải luôn cúi về phía trước, và hình như chỉ đứng khom lưng như lúc làm việc thì mới thấy dễ chịu; sắc mặt họ dần dần thành vàng ệch, nét mặt âu sầu, họ thường kêu tức ngực; giọng nói trở nên khàn khàn và khản đặc, họ ho mạnh, tiếng ho nghe như phát ra từ một thùng gỗ; thỉnh thoảng họ khạc ra nhiều bụi hoặc lẫn với đờm, hoặc quyện thành những cục tròn hay hình trụ, có một màng đờm mỏng bao quanh. Qua một thời gian sau thì đến ho ra máu, khó nằm ngửa, đổ mồ hôi trộm ban đêm, ỉa chảy kèm theo cơn đau bụng, gầy sút cực kỳ nhanh chóng với mọi triệu chứng quen thuộc của bệnh lao phổi; cứ như vậy, họ khổ sở hàng

https://thuviensach.vn

mấy tháng, thường là hàng năm, không thể làm việc để nuôi mình và nuôi gia đình, cuối cùng là chết. Tôi cần phải nói thêm rằng cho đến nay, tất cả mọi cố gắng để ngăn ngừa và chữa bệnh suyễn của thợ mài đều hoàn toàn thất bại".

Đó là những điều mà bác sĩ Nai-tơ viết mười năm về trước. Từ đó, số thợ mài tăng lên, bệnh ấy lan tràn càng dữ dội, nhưng người ta cũng đã thí nghiệm những biện pháp phòng bệnh như che kín đá mài lại và dùng luồng gió để hút bụi. Thí nghiệm ấy cũng có thành công phần nào, nhưng bản thân các thợ mài lại không muốn dùng các thiết bị ấy, thậm chí có nơi họ còn phá vỡ đi, vì họ sợ rằng như thế sẽ thu hút nhiều thợ vào nghề ấy, tiền lương của họ sẽ bị sụt, họ thà "sống một cuộc sống ngắn ngủi, nhưng khoan khoái". Bác sĩ Nai-tơ thường nói với những người thợ mài có triệu chứng đầu tiên của bệnh suyễn đến nhờ ông ta khám bệnh rằng: nếu các anh lại trở về nghề mài, là các anh đi tìm cái chết. Nhưng chẳng ai nghe lời ông ta: ai đã làm thợ mài là chẳng còn hy vọng gì, như là đã bán linh hồn mình cho quỷ. - Trình độ giáo dục ở Sép-phin-đơ rất thấp. Một linh mục đã từng lâu năm làm công việc thống kê giáo dục cho rằng trong số 16500 trẻ con thuộc giai cấp công nhân có thể đi học được, không quá 6500 đứa biết đọc. Lý do là cứ đến bảy tuổi, muộn nhất là mười hai tuổi, là chúng bị rút ra khỏi trường học, còn các giáo viên đều chẳng ra gì (trong đó có một tên ăn cắp đã bị bắt quả tang, sau khi ở tù ra chẳng còn cách gì kiếm sống khác ngoài đi dạy học!).
Tình hình truỵ lạc đạo đức trong đám thanh niên ở Sép-phin-đơ hình như trầm trọng hơn bất cứ nơi nào khác (nhưng, thật khó nói là thành phố nào chiếm giải nhất về phương diện ấy, khi đọc bản báo cáo thì thấy thành phố nào cũng đáng được nhất cả). Cứ chủ nhật là bọn thanh niên cả ngày lang thang ở ngoài đường phố, chơi sấp ngửa hay thúc cho chó cắn lộn nhau; chúng thường la cà ở quán rượu, cùng với tình nhân giết thì giờ ở đó, mãi đến tận đêm khuya, rồi từng cặp đi dạo chơi ở những chỗ hẻo lánh. Một uỷ viên của tiểu ban trông thấy trong một quán rượu nhỏ có 40 - 50 thiếu niên trai gái hầu hết dưới 17 tuổi, mỗi chàng ngồi kề bạn gái của mình. Có một số chơi bài, một số hát xướng nhảy múa và tất cả đều uống rượu. Một số gái đĩ chuyên nghiệp cũng ngồi đấy. Cho nên chẳng có gì lạ khi thấy tất cả những nhân chứng nói rằng quan hệ tình dục bừa bãi quá sớm và nạn mại dâm là hiện tượng hết sức phổ biến ở Sép-phin-đơ, cả trong đám thiếu niên 14-15 tuổi. - Hành vi phạm tội hết sức liều lĩnh, dã man là chuyện thông thường. Một năm trước khi uỷ viên của tiểu ban tới đây, ở Sép-phin-đơ đã bắt được một bọn âm mưu đốt thành phố, đại bộ phận là thanh niên; chúng được trang bị đủ chất dẫn lửa và giáo dài. Dưới đây chúng ta sẽ thấy rằng phong trào công nhân ở Sép-phin-đơ cũng mang tính chất không kìm chế được như thế (Xai-mơn-xơ, "Báo cáo" và Văn kiện).

Ngoài những trung tâm công nghiệp kim khí chủ yếu ấy, còn có một số công xưởng kim găm ở Oa-rinh-tơn (Lan-kê-sia), - công nhân ở đây, nhất là trẻ con, cũng đều hết sức cùng khổ, bại hoại đạo đức và dốt nát đần độn - và mấy nhà máy đinh ở vùng cận Uy-gan (Lan-kê-sia) và miền Đông Xcốt-len. Những báo cáo về mấy địa phương ấy hầu như hoàn toàn phù hợp với những báo cáo về Xtáp-phoóc-sia.

https://thuviensach.vn

Trong công nghiệp kim khí, chỉ còn một ngành chúng ta chưa nói tới, đó là *ngành chế tạo máy*. Ngành sản xuất này chủ yếu là tiến hành ở các khu công xưởng, nhất là ở Lan-kê-sia. Đặc điểm
của ngành sản xuất này là dùng máy móc để chế tạo máy móc, như vậy là nó lại phá hủy nốt chỗ nương thân cuối cùng của những công nhân bị gạt bỏ khỏi các ngành lao động khác, - đó là công việc chế tạo ra chính những cái máy để chúng tước đoạt mất miếng bánh của họ. Những cái máy bào, máy khoan, máy làm đinh vít, bánh xe, ốc, v.v., và các máy tiện đã loại bỏ hàng loạt công nhân, những người ngày trước đều được lương cao và thường xuyên có công việc làm, bây giờ bị thất nghiệp; có thể gặp hàng đoàn người thất nghiệp như thế ở Man-se-xtơ.

Bây giờ nói đến một khu công nghiệp ở về phía Bắc khu làm đồ sắt Xtáp-phoóc-sia. Ở đây *sản xuất đồ gốm* (potteries) rất phát triển mà trung tâm là công xã thành phố (borough) Xtốc, gồm các khu: Hen-li, Bớc-xlem, Lên-En-đơ, Lên-Den-phơ, E-tơ-ru-ri-a, Côn-rít-giơ, Lan-po, Tan-xtôn và Gôn-đen-Hin, tất cả có 6 vạn dân. "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" cho chúng ta biết rằng ở một vài ngành sản xuất đồ gốm, trẻ con được làm công việc nhẹ trong những gian phòng ấm áp và rộng rãi, nhưng ở một vài ngành khác, thì chúng đã không được ăn no và mặc lành, lại phải chuyên làm công việc vất vả tốn sức. Nhiều đứa trẻ phàn nàn rằng: "Tôi chẳng được ăn no, phần nhiều chỉ được ăn khoai tây chấm muối, chẳng bao giờ có thịt và bánh mì; tôi không được đi học, tôi không có quần áo nào khác để thay". - "Trưa nay chẳng có tí gì ăn, ở nhà tôi chưa bao giờ được ăn bữa trưa; thức ăn phần nhiều chỉ là khoai tây chấm muối, hoạ hoằn có tí bánh mì". "Quần áo tôi mặc trên người là tất cả những thứ tôi có; tôi không có quần áo ngày lễ". Số trẻ con làm công việc đặc biệt có hại cho sức khoẻ là những mould-runners, tức là những đứa trẻ đem những đồ gốm còn ở trong khuôn đến nhà phơi, đến khi đồ gốm khô thì lại đem các khuôn không trở về xưởng. Thế là chúng phải chạy lên gác, xuống gác cả ngày, mang vác quá nặng đối với lứa tuổi của chúng; mà phải làm việc ở nơi nhiệt độ cao, làm cho chúng càng mệt nhọc thêm. Những trẻ ấy, hầu như không trừ đứa nào, đều gầy rộc, xanh xao, yếu đuối, bé nhỏ và thân hình khó coi; chúng hầu hết mắc bệnh đường ruột, thường nôn mửa, không muốn ăn và có nhiều đứa chết vì kiệt sức. Những đứa trẻ quay bánh xe (jigger), do đó được đặt tên là jiggers, hầu hết cũng yếu đuối như vậy. Nhưng công việc có hại nhất là đem thành phẩm nhúng vào nước men có nhiều chất chì và thường thường có nhiều thạch tín, rồi lại cầm bằng tay không những đồ vừa nhúng trong nước men ấy ra. Bàn tay và quần áo của những công nhân ấy - đàn ông và trẻ con - bao giờ cũng nhầy nhụa nước men; da tay họ bở ra và vì phải thường xuyên cầm những vật sù sì, da dễ bị tuột, cho nên ngón tay chảy máu luôn khiến những chất độc ấy rất dễ xâm nhập vào cơ thể. Kết quả đã gây nên những cơn đau dữ dội và những bệnh nghiêm trọng về ruột và dạ dày, chứng táo bón dai dẳng, chứng đau bụng, có khi bị bệnh lao phổi, và đối với trẻ con thì *thường dẫn đến chứng động kinh*. Hiện tượng thường thấy ở đàn ông lớn tuổi là chứng tê liệt cơ bàn tay - colica pictorum [146]1* và chứng tê liệt hoàn toàn các chi. Một nhân chứng nói có

https://thuviensach.vn

hai đứa con trai cùng làm việc với anh ta đã chết vì bị chứng co giật trong khi làm việc, một nhân chứng khác, khi còn nhỏ đã làm phụ việc ở thùng tráng men trong hai năm, có kể rằng đầu tiên anh ta bị đau dụng dữ dội, rồi sau thành chứng co giật, phải nằm liệt giường hai tháng, từ đấy về sau, cơn co giật ngày càng nhiều, bây giờ hàng ngày đều lên cơn, *và thường thường từ mười đến mười hai cơn trong một ngày*. Nửa thân bên phải của anh ta bị tê liệt, và thầy thuốc đã bảo anh ta rằng anh ta sẽ không bao giờ sử dụng được tay phải và chân phải nữa. Ở gian tráng men trong một công xưởng họ có bốn người đàn ông - cả bốn đều bị chứng động kinh và đau bụng dữ dội - và mười một đứa bé trai, trong số đó cũng có mấy đứa mắc chứng động kinh. Tóm lại, cái bệnh ghê gớm ấy là hậu quả hết sức tự nhiên
của công việc tráng men, và đương nhiên như thế vẫn là để làm giàu thêm cho giai cấp tư sản! - Trong gian xưởng đánh bóng đồ gốm, không khí tràn ngập bụi đá nhỏ li ti, hít vào cũng lại chẳng kém những người thợ mài ở Sép-phin-đơ phải hít chất bụi thép. Công nhân mắc chứng khó thở, muốn nằm im một lát cũng không được, cổ họng rát bỏng, ho dữ dội, tiếng nói nhỏ cơ hồ nghe không được. Họ cũng đều bị lao phổi mà chết. - Trường học trong khu đồ gốm tương đối nhiều, trẻ con đáng lý có thể đi học, nếu như chúng không phải làm ở công xưởng từ lúc tuổi còn bé, và ngày làm việc không dài như thế (phần nhiều là mười hai giờ, có khi còn nhiều hơn). Do đó chúng không thể đi học được; trong số trẻ con mà uỷ viên của tiểu ban đã hỏi, chuyên có tới ba phần tư vừa không biết đọc, vừa không biết viết, và nạn dốt nát nghiêm trọng bao trùm khắp toàn khu. Những đứa trẻ đi học trường ngày chủ nhật nhiều năm rồi mà đến chữ cái cũng không phân biệt nổi. Không những trình độ trí dục trong toàn khu rất thấp, mà cả đến đức dục và giáo dục tôn giáo cũng như thế (Xcri-ven, "Báo cáo" và Văn kiện).

Trong *ngành sản xuất thuỷ tinh* có những việc hình như không có hại lắm cho người lớn, nhưng đối với trẻ con thì chịu không nổi. Lao động nặng nhọc, thời gian lao động thất thường, thường phải làm đêm, nhất là ở trong những gian xưởng nhiệt độ cao (100^0 - 130^0 Pha-ren-hai), tất cả những cái ấy làm cho trẻ con toàn thân suy yếu, nhiều bệnh hoạn, phát triển không tốt, nhất là gây nên bệnh đau mắt, đau dạ dày, viêm phế quản và phong thấp. Rất nhiều trẻ con xanh xao, mắt đỏ, nhiều khi không trông thấy gì hàng mấy tuần lễ, bị buồn nôn dữ dội, oẹ mửa, ho, hay cảm mạo và phong thấp. Khi lấy thành phẩm trong lò ra, bọn trẻ con bắt buộc phải làm việc ở một nhiệt độ cao tới mức những mảnh ván lót dưới chân chúng phải bốc cháy. Công nhân thổi thuỷ tinh đại đa số chết rất sớm vì kiệt sức và lao phổi. (Líp-trai, "Báo cáo", phụ lục, phần II, tr. L2, §§ 11, 12; Pran-cxơ, "Báo cáo", phụ
lục, phần II, tr. K7, § 48; Tan-crết, Văn kiện, phụ lục, phần II, tr. 176 v.v. tất cả đều ở trong "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em").

Bản báo cáo đã chứng minh về đại thể rằng chế độ công xưởng dần dần thâm nhập không ngừng vào mọi ngành công nghiệp; điều đó đặc biệt biểu hiện ở chỗ sử dụng lao động phụ nữ và trẻ em. Tôi cho rằng không cần thiết chỗ nào cũng phải thuật lại tình hình tiến bộ kỹ thuật và tình hình thợ đàn ông bị gạt bỏ. Chỉ cần hiểu biết công nghiệp đôi chút là người ta có thể

https://thuviensach.vn

tự bổ sung ngay những điều tôi chưa nói tới: khuôn khổ cuốn sách này không cho phép tôi thuật lại tỉ mỉ cái khía cạnh đó của phương thức sản xuất hiện đại mà tôi đã trình bày kết quả khi nói về chế độ công xưởng. Đâu đâu cũng dùng máy móc, điều ấy đã thủ tiêu vết tích cuối cùng của tính chất độc lập của công nhân. Đâu đâu gia đình cũng bị phá hoại, do phụ nữ và trẻ con phải làm việc ở các công xưởng, hoặc quan hệ gia đình bị đảo lộn khi người đàn ông thất nghiệp phải ở nhà. Đâu đâu cũng thấy do cần thiết phải sử dụng máy móc mà bọn đại tư bản nắm được mọi xí nghiệp, đồng thời cũng nắm luôn cả vận mệnh của công nhân. Tài sản ngày càng tập trung một cách không thể ngăn trở nổi, tình hình phân chia xã hội thành đại tư bản và công nhân vô sản ngày càng rõ rệt, và sự phát triển công nghiệp của cả nước đang tiến bước rất mau đến một cuộc khủng hoảng không thể tránh thoát.

Ở trên tôi đã nói rằng về mặt *thủ công nghiệp,* thế lực của tư bản và đôi khi cả sự phân công lao động đã loại bỏ giai cấp tiểu tư sản và thay thế vào đấy những nhà tư bản lớn với những công nhân vô sản. Về những thợ thủ công ấy, thực tế không có gì nhiều phải nói, vì mọi điều có liên quan tới họ tôi đều đã nói tới khi nói về giai cấp vô sản công nghiệp nói chung; vả lại từ khi cách mạng công nghiệp bắt đầu tới nay, thì ở đây phương pháp làm việc và ảnh hưởng của nó đối với sức khoẻ của công nhân đều biến đổi rất ít. Nhưng sự tiếp xúc với công nhân công nghiệp thực
thụ, sự áp bức của bọn đại tư bản, sự áp bức này nặng nề hơn nhiều so với sự áp bức của thợ cả nhỏ vì thợ bạn vẫn còn có quan hệ cá nhân với các thợ cả nhỏ, ảnh hưởng của các thành phố lớn và tình hình tiền lương bị sụt, tất cả những cái ấy đã khiến hầu hết các thợ thủ công tham gia vào phong trào công nhân một cách tích cực. Chúng ta sẽ nói tới điều này; nhưng bây giờ thì hãy xét tới một loại cư dân lao động ở Luân Đôn đáng chú ý đặc biệt vì họ chịu sự bóc lột cực kỳ tàn khốc của giai cấp tư sản có lòng tham không đáy. Ở đây tôi muốn nói những cô làm hàng thời trang và những cô thợ may.

Có điều thực lạ lùng là chính công việc chế tạo đồ trang sức cho *các bà tư sản* lại đưa đến những hậu quả cực kỳ bi thảm cho sức khoẻ của những công nhân làm việc ấy. Tình hình này chúng ta đã thấy khi nói về ngành sản xuất đăng-ten, còn ở đây chúng ta lại có những chứng cớ mới trong các cửa hàng thời trang ở Luân Đôn. Những cửa hàng ấy thuê mướn rất nhiều thiếu nữ trẻ tổng cộng có đến gần 15000 người, phần nhiều từ nông thôn ra, họ đều ăn ngủ ở nhà chủ, do đó đã trở thành nô lệ hoàn toàn của chủ. Trong mùa thời trang chừng độ bốn tháng trong một năm, ngay ở những cửa hàng tốt nhất, thời gian lao động cũng phải đến 15 giờ một ngày, và khi có hàng đặt gấp thì tới 18 giờ. Nhưng trong đại đa số cửa hàng, thời gian lao động ở thời kỳ ấy không có giới hạn nào cả, đến nỗi thời gian nghỉ ngơi và ngủ của những cô gái ấy không bao giờ vượt quá sáu giờ trong cả một ngày một đêm, mà thường thường chỉ được ba, bốn giờ, thậm chí có khi chỉ hai giờ. Như thế thì dẫu họ không làm việc thâu đêm - thực ra họ thường phải làm việc thâu đêm -, họ cũng phải làm việc từ 19 giờ đến 22 giờ trong một ngày đêm! Mãi tới lúc mệt quá, tay cầm kim không vững nữa, thì cái công việc liên miên của họ mới được ngơi. Đã từng có trường hợp chín ngày liền những con người

https://thuviensach.vn

đáng thương ấy không được cởi quần áo, chỉ có thể tranh thủ thời gian ngả mình chốc lát trên chiếc đệm; người ta
dọn thức ăn đã thái nhỏ để họ có thể nuốt cho thật nhanh. Tóm lại, những cô gái khốn khổ ấy bắt buộc phải làm như nô lệ những công việc liên miên không ngớt dưới sự đe doạ của cái roi tinh thần - vì sợ bị đuổi -, những công việc mà ngay một người đàn ông tráng kiện cũng không chịu nổi, huống hồ là những cô gái yếu đuối tuổi từ 14 đến 20. Ngoài ra, do không khí ngột ngạt trong xưởng làm việc và nơi ở, do phải thường xuyên ngồi còng lưng gập ngực, do thức ăn không tốt, khó tiêu, nhưng chủ yếu là do thời gian lao động quá dài và thiếu không khí trong sạch, sức khoẻ của các cô gái bị tàn phá ghê gớm. Không mấy chốc họ đã thấy mệt mỏi, kiệt sức, suy nhược, ăn mất ngon, đau vai, đau lưng, đau thắt lưng, nhất là đau đầu; sau đó là cột sống bị vẹo, hai vai nhô cao và biến dạng, gầy mòn, mắt sưng, chảy nước mắt và nói chung nhức nhối, cận thị, ho, ngực lép, khó thở và mọi thứ bệnh phụ nữ. Trong nhiều trường hợp, mắt bị tổn hại nặng nề đến mù hẳn; thị lực hoàn toàn bị phá hoại: nhưng nếu con mắt còn giữ được đủ để có thể tiếp tục làm việc, thì bệnh lao phổi cũng sẽ kết thúc cuộc đời bi thảm, ngắn ngủi của những cô thợ làm hàng thời trang ấy. Đến cả những người đã rời bỏ được công việc ấy tương đối sớm, thường cũng không bao giờ khôi phục được hoàn toàn sức khoẻ đã mất; họ đau ốm luôn, nhất là sau khi lấy chồng, và sinh ra những đứa con cũng ốm yếu. Tất cả những thầy thuốc mà Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em đã hỏi, đều nhất trí cho rằng thật khó tưởng tượng nổi một cách sống nào khác có thể làm tổn hại sức khoẻ và làm cho người ta chết sớm như cuộc sống của những cô làm hàng thời trang.

Những *cô thợ may ở* Luân Đôn, nói chung, cũng bị bóc lột tàn khốc như thế, nhưng chỉ ít trực tiếp hơn mà thôi. Công việc của những cô gái may coóc-xê rất nặng nhọc, vất vả, rất hại mắt. Tiền lương của họ ra sao? Tôi không rõ, nhưng tôi biết rằng người thầu khoán chịu trách nhiệm về số vật liệu phát ra và phân phối công việc cho các nữ công nhân, cứ mỗi đơn vị nhận được $1_{1/2}$ pen-ni
(15 phen-ni Phổ). Trong số này, hắn lấy về phần hắn theo tỷ lệ phần trăm ít nhất là 1/2 pen-ni, cô thợ may đáng thương kia chỉ nhận được nhiều nhất là 1 pen-ni. Những cô gái làm cra-vát mỗi ngày phải làm việc 16 giờ, một tuần chỉ được $4_{1/2}$ si-linh, tức là 1 ta-le rưỡi tiền Phổ, nhưng với số tiền ấy, họ chẳng mua được gì nhiều hơn so với những thứ mua được với 20 din-béc-grô-sen ở một thành phố vật giá cao nhất ở Đức[147]1). Nhưng sống khổ sở nhất là những cô gái may áo sơ-mi. May một chiếc áo sơ-mi thông thường chỉ được $1_{1/2}$ pen-ni. Trước đây họ có thể được từ 2 đến 3 pen-ni, nhưng từ khi nhà tế bần Xanh-Păng-crát do những người *tư sản cấp tiến* quản lý nhận là $1_{1/2}$ pen-ni một chiếc, thì những cô thợ may đáng thương ấy cũng buộc lòng phải nhận giá ấy. Mỗi ngày phải lao động mười tám giờ mới làm xong một chiếc áo sơ-mi vải mỏng thêu hoa và được 6 pen-ni tiền công, tức 5 din-béc-grô-sen. Như vậy là theo những điều các nữ công nhân và các thầu khoán nói thì mặc dù phải làm việc căng thẳng suốt từ sáng sớm đến đêm khuya, những cô thợ may ấy mỗi tuần chỉ được không quá $2_{1/2}$ đến 3 si-linh tiền công! Nhưng dã man bỉ ổi nhất là bắt họ phải ký quỹ

https://thuviensach.vn

một phần giá trị những vật liệu người ta giao cho họ; đương nhiên họ chỉ còn cách đem một phần vật liệu ấy đi cầm - điểm này người chủ biết rất rõ - rồi sau lại chịu thiệt một ít mà chuộc lại, mà nếu *không đủ sức chuộc lại* thì họ sẽ bị đưa ra thẩm phán hoà giải, như tháng Mười một 1843 đã có một cô bị như thế. Tháng Tám 1844 lại có một thiếu nữ bất hạnh gặp phải trường hợp như thế, chẳng biết làm thế nào, phải nhảy xuống kênh tự tử. Những cô thợ may ấy thường phải ở những căn gác xép nhỏ hẹp, giống như ăn mày, và mỗi căn có thể nhét được bao nhiêu người thì nhét, và mùa đông, nguồn sưởi ấm duy nhất phần nhiều là hơi nóng tự nhiên toả ra từ cơ thể của những người sống ở đây. Tại đây, họ còng lưng xuống làm việc, may suốt từ 4 -

5 giờ sáng cho đến tận nửa đêm, và chỉ trong vài năm là cơ thể của họ bị huỷ hoại hoàn toàn, tuổi còn trẻ đã phải sắp sửa từ giã cõi đời, mà ngay những nhu cầu bức thiết nhất cũng không được thoả mãn [148]1), trong khi đó thì ở dưới đường phố, những chiếc xe ngựa sang trọng, lộng lẫy của bọn đại tư bản chạy vun vút, và có lẽ, gần đâu đấy, một thằng công tử hào hoa khốn khiếp nào đó đánh bài trong một buổi tối thua một số tiền lớn hơn cả số tiền họ phải làm cả năm mới có thể kiếm được.

Tình cảnh giai cấp vô sản công nghiệp ở Anh là như vậy. Nhìn vào đâu chúng ta cũng thấy cảnh nghèo khổ như là hiện tượng thường xuyên hoặc tạm thời, cũng thấy bệnh tật do điều kiện sinh sống hoặc do tính chất của bản thân lao động gây nên, cũng thấy đạo đức bại hoại; đâu cũng thấy tình hình tinh thần cũng như thể xác con người dần dần và không ngừng bị huỷ hoại. Lẽ nào tình trạng ấy lại có thể kéo dài được mãi sao?

Không, tình trạng ấy không thể kéo dài và sẽ không kéo dài. Công nhân là đại đa số trong nhân dân, không muốn như thế. Chúng ta hãy thử nghe xem *bản thân họ* đã nói những gì về tình trạng ấy.

https://thuviensach.vn

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

Dù cho những ví dụ mà tôi đưa ra có ít hơn nữa, thì mọi người vẫn phải đồng ý với tôi là công nhân Anh không thể cảm thấy hạnh phúc trong tình cảnh của họ, trong tình cảnh mà bất luận là cá nhân hay là toàn thể giai cấp cũng đều không thể sống, cảm giác và suy nghĩ như con người được. Hiển nhiên, công nhân phải tìm cách thoát khỏi cái tình cảnh đã biến họ thành súc vật ấy, phải đấu tranh cho một tình cảnh tốt hơn, hợp với con người hơn. Nếu họ không đấu tranh chống lại lợi ích của giai cấp tư sản - lợi ích đó chính là ở chỗ bóc lột công nhân - thì cố nhiên không thể đạt được điều ấy. Nhưng giai cấp tư bản lại dùng mọi thủ đoạn mà tài sản của chúng và cái chính quyền chúng nắm trong tay có thể cung cấp cho chúng để bảo vệ lợi ích của mình. Khi công nhân vừa tỏ ra muốn thoát khỏi tình cảnh hiện tại thì lập tức người tư sản trở thành kẻ thù công khai của họ.

Nhưng mặt khác, bất cứ lúc nào, công nhân cũng thấy giai cấp tư sản coi họ là đồ vật, là tài sản của chúng, chỉ một điểm này cũng đủ làm cho công nhân trở thành kẻ thù của giai cấp tư sản. Tôi đã đưa ra hàng trăm ví dụ, mà còn có thể đưa ra mấy trăm ví dụ nữa để chứng minh rằng trong những quan hệ hiện nay, công nhân chỉ có căm thù giai cấp tư sản và chống lại nó thì mới có thể cứu vãn được phẩm giá con người của mình. Sở dĩ giai cấp công nhân Anh có *năng lực* chống lại sự bạo ngược của bọn có của một cách mãnh liệt đến thế là nhờ họ tự giáo dục mình, hay đúng hơn là nhờ họ không được giáo dục, cũng như là
nhờ trong dòng máu của họ có pha trộn dòng máu nóng của người Ai-rơ-len.

Người công nhân Anh không còn là một người Anh theo nghĩa thông thường, không phải là một con buôn chỉ biết tính toán như đồng bào giàu có của anh ta, tình cảm của anh ta dồi dào hơn nhiều; ở anh ta cái bản tính lạnh lùng của con người phương Bắc đã bị điều hoà bởi cái nhiệt tình sôi nổi không gặp trở ngại gì trên đường phát triển nó đã khống chế hẳn anh ta. Sự rèn luyện lý trí đã góp phần mạnh mẽ vào sự phát triển bản năng ích kỷ của người tư sản Anh, đã khiến tất cả mọi điều ham thích của hắn phải phục tùng sự ích kỷ và làm cho toàn bộ tình cảm của hắn chỉ tập trung vào một việc là chạy đua kiếm tiền; người công nhân không có sự rèn luyện lý trí ấy, nhờ đó nhiệt tình của họ cũng mạnh và không nén được như ở người nước ngoài. Ở người công nhân, những đặc trưng dân tộc của người Anh đã mất đi.

Như chúng ta đã thấy, khi ngoài việc phản kháng để chống lại tình cảnh của mình, người công nhân không còn một chỗ nào khác để biểu lộ tình cảm con người của mình nữa, thì hoàn toàn tự nhiên là chính trong sự phản kháng ấy họ đã biểu hiện đặc tính dễ thương nhất, cao quý nhất, nhân đạo nhất. Chúng ta thấy rằng toàn bộ lực lượng, toàn bộ hoạt động của công nhân đều nhằm vào hướng này, thậm chí mọi cố gắng để có được một ít giáo dục xứng

https://thuviensach.vn

đáng với con người đều có quan hệ trực tiếp với điểm ấy. Cố nhiên chúng ta phải nói đến một vài hành vi bạo lực, thậm chí thô bạo cá biệt, nhưng đồng thời chúng ta không bao giờ nên quên là ở nước Anh đang diễn ra một cuộc chiến tranh xã hội công khai; và nếu như điều mà giai cấp tư sản quan tâm là giả nhân giả nghĩa dùng chiêu bài hoà bình, thậm chí chiêu bài bác ái để tiến hành cuộc chiến tranh ấy, thì ngược lại, chỉ có vạch trần sự thật ra, chỉ có lột cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa ấy ra thì mới có lợi cho công nhân; bởi vậy, ngay cả những hành động thù địch bằng bạo lực dữ dội nhất của công nhân đối với giai cấp
tư sản và tay sai của nó cũng chỉ là biểu hiện công khai không che đậy của cái mà chính giai cấp tư sản đã làm một cách kín đáo và lén lút đối với công nhân.

Công nghiệp phát triển chưa được bao lâu thì cuộc phản kháng của công nhân đối với giai cấp tư sản đã nổ ra và đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Ở đây không thể nói tỉ mỉ về ý nghĩa lịch sử của những giai đoạn ấy đối với sự phát triển của nhân dân Anh; đấy là chủ đề của một tác phẩm khác. Ở đây tôi chỉ thuật lại những sự kiện cần thiết để nói rõ tình cảnh của giai cấp vô sản Anh.

Hình thức sớm nhất, thô sơ nhất và ít hiệu quả nhất của sự phản kháng là phạm tội. Công nhân phải sống nghèo khổ, bần cùng mà lại thấy đời sống của kẻ khác khá hơn mình; anh ta không hiểu tại sao chính anh ta là người lao động cho xã hội nhiều hơn bọn nhà giàu ăn không ngồi rồi, mà lại phải chịu thiếu thốn như thế. Vả chăng sự quẫn bách lại thắng lòng tôn trọng quyền sở hữu cổ truyền của anh ta, cho nên anh ta ăn cắp. Chúng ta đã thấy theo với sự phát triển của công nghiệp, những vụ phạm tội ngày càng tăng lên, con số người bị bắt hàng năm tăng lên theo tỷ lệ đều đặn với số kiện bông được chế tạo.

Nhưng chẳng bao lâu công nhân đã phát hiện ra ngay là làm như thế chẳng đi đến đâu. Bằng hành động trộm cắp thì thủ phạm chỉ là một mình đơn phương độc mã chống lại chế độ xã hội hiện tồn, với tư cách là từng người riêng lẻ, mà xã hội thì có thể dùng toàn bộ quyền lực để đối phó và dùng ưu thế tuyệt đối để áp đảo kẻ địch đơn độc. Hơn nữa, trộm cắp là một hình thức phản kháng thô sơ nhất, vô ý thức nhất, cho nên riêng một việc đó không thể trở thành biểu hiện chung của dư luận công nhân, mặc dù trong lòng thì họ vẫn tán thành. Sự chống đối của cả *giai cấp* công nhân đối với giai cấp tư sản chỉ bắt đầu khi họ dùng bạo lực để chống lại việc sử dụng máy móc, tình hình này đã xảy ra trong buổi đầu cuộc cách mạng công nghiệp. Những người phát minh
đầu tiên như Ác-crai-tơ và những người khác đã bị thứ bạo lực ấy hãm hại còn máy móc của họ thì bị phá huỷ; về sau lại nổ ra nhiều cuộc nổi dậy chống sử dụng máy móc, tình hình hầu như hoàn toàn giống tình hình những cuộc nổi dậy của công nhân in vải hoa ở Bô-hêm tháng Sáu 1844: công nhân phá máy móc, phá huỷ công xưởng.

Nhưng hình thức phản kháng ấy cũng có tính chất cô lập, hạn chế ở những khu vực cá biệt và chỉ nhằm vào một mặt của những quan hệ hiện hành. Hơn nữa công nhân vừa đạt được thắng lợi chốc lát thì quyền lực xã hội liền đem toàn bộ sức nặng của mình đánh vào những

https://thuviensach.vn

người phạm tội đã lại trở thành những người không có gì tự vệ, mặc sức trừng phạt họ, còn máy móc thì lại vẫn được dùng. Phải tìm ra một hình thức phản kháng mới.

Khi đó, một đạo luật được nghị viện cũ trước khi có cải cách, do đảng To-ri khống chế, thông qua đã giúp đỡ họ: sau đó khi dự luật cải cách đã công nhận sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản và đưa giai cấp tư sản lên địa vị thống trị thì đạo luật ấy sẽ chẳng bao giờ được hạ nghị viện thông qua. Đạo luật được thông qua vào năm 1824, nó thủ tiêu hết mọi pháp lệnh trước kia cấm công nhân liên hiệp để bảo vệ lợi ích của mình. Thế là công nhân có *quyền lập hội* là quyền mà trước kia chỉ quý tộc và tư sản mới có. Thực ra thì trước kia trong công nhân vẫn thường xuyên có những hiệp hội bí mật, nhưng vẫn chưa có thành tích gì đáng kể. Ví dụ ở Xcốt-len, theo lời Xai-mơn-xơ ("Nghề thủ công và thợ thủ công", tr. 137 và các tr. sau), ngay năm 1812 đã nổ ra cuộc tổng bãi công của thợ dệt ở Gla-xgô do một hiệp hội bí mật tổ chức. Năm 1822 lại nổ ra bãi công, có hai công nhân không chịu vào hiệp hội đã bị coi là phản bội giai cấp mình và đã bị đổ a-xít sun-phua-rích vào mặt làm cả hai bị mù. Năm 1818, hiệp hội thợ mỏ ở Xcốt-len đã mạnh đến mức có thể tiến hành tổng bãi công. Mỗi hội viên của hiệp hội này đã thề trung thành và giữ bí mật, có danh sách hội viên, có quỹ, có sổ sách và có các phân hội địa phương. Nhưng tính chất bí mật của toàn bộ
hoạt động làm trở ngại cho sự phát triển của các hiệp hội ấy. Đến năm 1824, khi công nhân có quyền tự do lập hội thì những hiệp hội ấy lan rộng rất nhanh khắp nước Anh và có ảnh hưởng lớn. Trong mọi ngành lao động đều tổ chức những công liên như thế với chủ trương công khai là ra sức bảo vệ từng người công nhân riêng lẻ, chống những hành động bạo ngược và sự đối đãi tàn nhẫn của giai cấp tư sản. Mục đích của những công liên ấy là: quy định tiền lương, với tư cách là *một lực lượng*, tiến hành điều đình tập thể với chủ, điều chỉnh tiền lương theo lợi nhuận của chủ, tăng lương lúc nào cần thiết, và giữ vững mức lương mọi nơi đều như nhau cho mỗi nghề. Do đó, những công liên ấy thường đấu tranh đòi các nhà tư bản thực hiện một tháng lương chung, nếu nhà tư bản nào không theo thì sẽ tuyên bố bãi công với người ấy. Thứ nữa, công liên còn hạn chế việc tuyển thợ học việc để giữ vững nhu cầu về nhân công của bọn tư bản, do đó giữ cho tiền lương ở mức nhất định; cố gắng với mọi khả năng chống lại thủ đoạn gian trá của chủ xưởng định dùng máy móc và công cụ mới, v.v. để hạ thấp mức lương, cuối cùng, giúp tiền cho công nhân thất nghiệp. Việc này tiến hành hoặc trực tiếp bằng tiền quỹ hoặc gián tiếp bằng cấp một cái thẻ cho cá nhân công nhân, người mang thẻ đi từ địa phương này sang một địa phương khác, được bạn cùng nghề giúp đỡ và chỉ cho nơi nào dễ tìm việc. Cảnh sống nay đây mai đó như vậy của công nhân gọi là the tramp, còn người công nhân đi lang thang ấy thì gọi là tramper. Để đạt những mục đích ấy, công liên cử một chủ tịch và một thư ký ăn lương - vì không một chủ xưởng nào thuê những người ấy - và thành lập một ban chấp hành để thu hội phí hàng tuần và trông coi việc chi tiêu tiền ấy cho hợp với lợi ích của công liên. Khi có thể và có lợi thì các công liên ở từng khu liên kết lại thành những liên hiệp công liên và tổ chức những hội nghị đại biểu qua từng thời gian nhất định. Trong tình hình cá biệt, người ta đã thử tập hợp tất cả công nhân cùng một ngành thành một công liên lớn của cả

https://thuviensach.vn

nước Anh, và nhiều lần - lần đầu vào năm 1830 - người ta đã thử lập một liên hiệp công nhân thống nhất toàn quốc, đồng thời mỗi ngành nghề đều giữ tổ chức riêng của mình. Những liên hiệp kiểu ấy không duy trì được lâu, thậm chí rất ít thực hiện được; bởi vì chỉ có một cao trào đặc biệt rộng khắp mới có thể làm cho các liên hiệp như thế ra đời và có năng lực hành động.

Để thực hiện mục đích của mình, các công liên thường dùng những biện pháp dưới đây: nếu có một hoặc mấy chủ xưởng không chịu thừa nhận mức lương do công liên quy định thì công liên cử ngay một đoàn đại biểu gặp họ, hoặc gửi cho họ một lá đơn thỉnh nguyện (người ta thấy công nhân biết coi trọng quyền lực của chủ xưởng chuyên chế tuyệt đối trong vương quốc nhỏ của hắn). Nếu làm như thế không có kết quả gì thì công liên liền ra lệnh đình công; tất cả công nhân giải tán về nhà. Nếu một hay mấy chủ xưởng cự tuyệt không chịu theo mức lương do công liên đề xuất thì cuộc bãi công đó (turn-out hoặc strike) chỉ là cục bộ; nhưng nếu tất cả các chủ xưởng trong một ngành lao động nào đó không chịu thừa nhận, thì cuộc bãi công trở thành tổng bãi công. Đó là những thủ đoạn hợp pháp của công liên - chỉ là hợp pháp nếu trước khi bãi công đã có cảnh cáo trước; trong thực tế không phải bao giờ cũng xảy ra như thế cả. Nhưng nếu còn có công nhân chưa tham gia công liên, hoặc vì lợi ích trước mắt chủ xưởng ban cho mà sẵn sàng rút khỏi công liên thì biện pháp hợp pháp ấy rất ít kết quả. Đặc biệt là trong những cuộc bãi công bộ phận, chủ xưởng rất dễ dàng tuyển dụng những con chiên ghẻ ấy (gọi là knobsticks [149]1*) khiến sự cố gắng của những công nhân liên hiệp thành ra vô hiệu. Thường thường các đoàn viên công liên dùng biện pháp đe doạ chửi mắng, đánh đập hay các biện pháp hành hung khác, nói tóm lại là dùng mọi cách uy hiếp để đối phó với
knobsticks ấy. Do đó bọn này kiện đến toà án, và vì kẻ bảo vệ pháp luật lại là giai cấp tư sản còn nắm chính quyền, cho nên chỉ cần xảy ra một hành vi phạm pháp, chỉ cần có một người kiện một đoàn viên công liên là lực lượng của công liên hầu như bị phá vỡ.

Lịch sử của những công liên ấy là một chuỗi dài những thất bại của công nhân, thỉnh thoảng có vài lần thắng lợi cá biệt. Lẽ dĩ nhiên là mọi cố gắng ấy đều không thể thay đổi được quy luật kinh tế quyết định mức lương theo quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường lao động. Vì vậy công liên đành chịu bất lực không khắc phục nổi những nguyên nhân *quan trọng nhất* tác động đến mối quan hệ ấy. Trong thời gian khủng hoảng thương nghiệp thì công liên hoặc phải tự động hạ mức lương xuống, hoặc phải hoàn toàn giải tán, còn khi nhu cầu về lao động tăng nhiều thì nó cũng không thể tăng mức lương cao hơn mức do sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản quy định. Nhưng đối với những nguyên nhân ít quan trọng hơn, có tính chất cục bộ hoặc địa phương thì công liên có thể có tác dụng thực sự. Nếu chủ không sợ sự phản kháng tập trung của quần chúng công nhân thì hắn đã hạ dần dần mức lương xuống để phát tài thêm; hơn nữa sự bắt buộc cạnh tranh với các chủ xưởng khác buộc hắn phải làm như vậy, cho nên tiền lương tất phải sụt xuống nhanh chóng đến mức tối thiểu. Những cuộc cạnh tranh như vậy *giữa các chủ xưởng với nhau trong tình hình bình thường* có thể bị hạn chế do sự phản kháng của công nhân. Mỗi chủ xưởng đều biết rằng mỗi lần hạ tiền lương, nếu không

https://thuviensach.vn

phải do những trường hợp chung cho cả bản thân hắn và người cạnh tranh với hắn quyết định thì đều đưa đến bãi công, mà bãi công thì chắc chắn là thiệt hại cho hắn, vì trong thời gian bãi công tư bản của hắn bỏ vào kinh doanh không được vận động, máy móc bị han rỉ. Đồng thời, hắn cũng không chắc là có thể hạ tiền lương được hay không, ngược lại hắn biết rất rõ là nếu hắn thành công thì kẻ cạnh tranh sẽ bắt chước ngay, sẽ hạ giá sản
phẩm của họ và lợi nhuận mà hắn hy vọng sẽ không còn nữa. Ngoài ra, sau khi cuộc khủng hoảng kết thúc, đương nhiên là các công liên có thể đòi nâng mức lương lên nhanh hơn là khi các công liên không can thiệp. Khi mà sự cạnh tranh với các chủ khác chưa bắt buộc chủ xưởng phải tăng lương thì họ không tăng, nhưng vì có công liên cho nên hễ tình hình thị trường khá lên là bản thân công nhân sẽ đòi tăng lương và họ có thể lợi dụng tình hình bọn chủ xưởng cần nhiều nhân công mà dùng biện pháp bãi công để buộc chúng phải tăng lương. Nhưng như tôi đã nói, công liên lại bất lực trước những nguyên nhân tương đối quan trọng ảnh hưởng đến thị trường lao động. Trong tình hình như thế, đói khát buộc công nhân lại phải dần dần đi làm với bất cứ điều kiện nào, mà chỉ cần mấy người làm như thế là lực lượng của công liên bị phá vỡ, bởi vì khi trên thị trường vẫn còn một số lượng dự trữ hàng hoá nhất định, có được *knobsticks* ấy là giai cấp tư sản có thể gạt được mọi hậu quả nghiêm trọng nhất mà sự gián đoạn sản xuất có thể đưa lại. Quỹ của công liên rất chóng hết vì nhiều người cần được giúp đỡ; ngay những chủ hàng bán lẻ dần dần cũng không bán chịu với lãi cao nữa và sự quẫn bách buộc công nhân lại phải chui đầu vào cái ách của giai cấp tư sản. Nhưng các chủ xưởng, chính vì lợi ích của họ, - đương nhiên là vì có sự phản kháng của công nhân nên điều này mới thành lợi ích của họ - cũng cần tránh những cuộc hạ lương không cần thiết, trong khi bản thân công nhân thấy rõ mỗi lần hạ lương, dù ngay do tình hình thị trường gây nên là mỗi lần tình cảnh của họ thêm xấu đi nên hết sức lo đề phòng điều ấy; do đó mà phần lớn các cuộc bãi công đều kết thúc bất lợi cho công nhân. Người ta sẽ hỏi tại sao công nhân lại bãi công khi thấy biện pháp ấy là vô ích một cách rõ ràng như thế? Rất đơn giản, bởi vì công nhân có *nghĩa vụ phải* chống lại việc hạ thấp tiền lương, thậm chí phải chống lại bản thân tính tất yếu phải hạ thấp tiền lương, bởi vì họ nhất định phải tuyên bố rằng, là con người, họ không thể chiều theo hoàn cảnh, mà trái lại phải bắt hoàn cảnh thích ứng với *bản thân họ*, với con người, bởi vì sự im lặng của công nhân sẽ thoả hiệp với hoàn cảnh ấy, sẽ là thừa nhận giai cấp tư sản có quyền bóc lột công nhân trong thời kỳ thương nghiệp phồn vinh và trong thời kỳ tiêu điều thì có quyền bỏ mặc công nhân chết đói. Chỉ cần công nhân còn giữ được một chút nhân cách là họ không thể không phản kháng tình hình ấy, và sở dĩ họ phản kháng *như thế* mà không dùng phương thức nào khác là vì họ là những người Anh, những người thực tiễn biểu hiện sự phản kháng của mình bằng *hành động*, chứ không như những người Đức ưa lý luận chỉ cần ghi kháng nghị của mình vào biên bản và đưa vào ad acta[150]1* rồi về nhà ngủ yên, để cho cả bản kháng nghị cũng ngủ yên ở hồ sơ như bản thân người kháng nghị. Trái lại, sự kháng nghị tích cực của người Anh không thể không có ảnh hưởng: họ hạn chế được lòng tham không đáy của giai cấp tư sản trong một phạm vi nhất định, làm cho sự phản kháng của công nhân chống quyền lực xã hội và chính trị vạn năng

https://thuviensach.vn

của giai cấp có của không bị lắng xuống; đồng thời sự phản kháng cũng chứng minh rõ cho công nhân rằng muốn đập tan thế lực của giai cấp tư sản thì ngoài công liên và bãi công ra, công nhân còn cần phải có cái gì khác hơn thế nữa. Nhưng số công liên ấy và những cuộc bãi công do công liên tổ chức có ý nghĩa trước hết là ở chỗ những hình thức ấy là những ý đồ đầu tiên của công nhân nhằm *tiêu diệt cạnh tranh*. Tiền đề tồn tại của các hình thức ấy là công nhân đã hiểu rằng sự thống trị của giai cấp tư sản chỉ xây dựng được trên sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau, tức là xây dựng trên sự chia rẽ của giai cấp vô sản, trên sự đối lập giữa những loại công nhân này với những loại công nhân khác. Mà chính vì công liên cố gắng chống lại cạnh tranh, chống lại cái dây thần kinh sống của chế độ xã hội hiện tại, mặc dù sự cố gắng đó còn rất phiến
diện và rất hạn chế, cho nên chế độ xã hội ấy mới coi nó là nguy hiểm đến thế. Để tiến công giai cấp tư sản và cùng với nó là toàn bộ chế độ xã hội hiện tại, công nhân không thể tìm thấy một chỗ nào hiểm yếu hơn chỗ ấy. Khi công nhân không còn cạnh tranh lẫn nhau nữa, khi mọi người đều hạ quyết tâm không để cho giai cấp tư sản bóc lột mình nữa thì vương quốc của chế độ tư hữu đến ngày tận số. Sở dĩ tiền lương chỉ phụ thuộc vào quan hệ cung và cầu, vào tình hình ngẫu nhiên trên thị trường lao động, chỉ là vì cho đến bây giờ công nhân vẫn để cho người ta coi mình là những vật có thể mua bán được. Khi nào công nhân quyết tâm không để cho người ta mua bán họ nữa, khi nào họ đã thấy rõ giá trị của lao động đúng ra là gì, khi công nhân không còn là đồ vật nữa mà là *con người* không những chỉ có sức lao động mà còn có ý chí, thì lúc ấy toàn bộ khoa kinh tế chính trị hiện đại và quy luật tiền lương sẽ đi đời. Đương nhiên, nếu công nhân chỉ nhằm sự tiêu diệt cạnh tranh lẫn nhau làm mục đích cuối cùng thì quy luật tiền lương rốt cuộc sẽ dần dần trở lại có hiệu lực. Nhưng công nhân không muốn từ bỏ phong trào từ trước đến nay của họ, không muốn khôi phục sự cạnh tranh lẫn nhau, thì họ không thể dừng lại ở đó được, nói một cách khác là họ không thể làm như vậy được. Tính tất yếu bắt họ phải tiêu diệt cạnh tranh nói chung, chứ không phải tiêu diệt *một bộ phận* của cạnh tranh thôi, và họ sẽ làm như vậy. Bây giờ công nhân ngày càng hiểu rõ cạnh tranh đã mang lại cho họ những tai hại gì, họ càng hiểu hơn giai cấp tư sản rằng cạnh tranh giữa những người có của cũng sẽ dẫn đến khủng hoảng thương nghiệp, do đó cũng tác hại đến công nhân, cho nên cũng phải tiêu diệt sự cạnh tranh ấy. Họ sẽ hiểu nhanh chóng rằng họ phải làm việc đó *như thế nào*.

Chẳng cần phải chứng minh rằng công liên đã góp phần tăng cường trên mức độ rất lớn lòng căm thù và phẫn nộ của công nhân đối với giai cấp có của. Trong những thời kỳ kích động đặc biệt, thì từ các công liên ấy nảy sinh ra - vô luận có được sự
đồng ý của người lãnh đạo hay không - một số hành động cá biệt chỉ có thể giải thích được bằng sự căm thù đến tuyệt vọng và lòng say sưa man rợ không bờ bến. Thuộc về loại hành động ấy là trường hợp đổ a-xít sun-phua-rích làm bỏng người đã nói ở trên cũng như một loạt những sự việc khác nữa, mà ở đây tôi đơn cử một vài sự việc. Trong phong trào phản đối mãnh liệt của công nhân năm 1831, A-stơn, một chủ xưởng trẻ ở Hai-đơ gần Man-se-xtơ đã bị bắn chết vào một buổi tối ở ngoài đồng và không tìm ra hung thủ. Không còn nghi ngờ gì

https://thuviensach.vn

nữa, đó là một hành vi báo thù của công nhân - Các vụ đốt xưởng và mưu toan gây ra các vụ nổ rất thường xảy ra. Ngày thứ sáu, 29 tháng Chín 1843, có người mưu toan phá nổ xưởng cưa của chủ xưởng Pát-gin ở phố Hô-oác-đơ thuộc *Sép-phin-đơ*. Vật dùng là một ống sắt nhồi đầy thuốc nổ và bịt kín, sự thiệt hại khá lớn. Ngày hôm sau, 30 tháng Chín, ở Sen-lơ-Mua gần *Sép-phin-đơ* cũng xảy ra một việc tương tự ở xưởng làm dao và giũa Íp-bét-xơn. Ông Íp-bét-xơn bị công nhân thù ghét vì tích cực tham gia các tổ chức của giai cấp tư sản, trả lương thấp, chuyên môn mướn knobsticks và còn lợi dụng đạo luật về người nghèo để đạt lợi riêng (trong cuộc khủng hoảng năm 1842, hắn bắt công nhân phải nhận lương thấp, báo cho cơ quan trợ giúp người nghèo biết tên những người không chịu nhận lương thấp, nói là họ có thể có công việc mà không muốn làm, do đó không nên cứu tế). Vụ nổ gây nên thiệt hại khá lớn, và tất cả những công nhân có mặt ở nơi xảy ra vụ nổ ấy chỉ tiếc có một điều là "không nổ tung toàn bộ xí nghiệp cho rồi" - Ngày thứ sáu, 6 tháng Mười 1843, có vụ mưu đốt công xưởng En-sơ-ước-tơ và Grơm- tơn ở *Bôn-tơn* nhưng không thành công; trong một thời gian rất ngắn mà đó là lần thứ ba hoặc thứ tư mưu đốt công xưởng ấy. - Trong phiên họp của hội đồng thành phố *Sép-phin-đơ* ngày thứ tư, 10 tháng Giêng 1844, uỷ viên cảnh sát cho xem một quả tạc đạn bằng gang, chứa bốn pao thuốc nổ, có ngòi đã đốt nhưng bị tắt, tìm được ở trong xưởng của ông Kít-sen ở phố Éc-lơ

thuộc thành phố *Sép-phin-đơ*. - Ngày chủ nhật, 20 tháng Giêng 1844, nhà máy xẻ gỗ của Ben-tli và Oai-tơ ở *Bơ-ry* (Lan-kê-sia) bị nổ do gói thuốc nổ ném vào đó và bị thiệt hại nặng nề. - Ngày thứ năm, 1 tháng Hai 1844, xưởng làm bánh xe Xô-hô ở *Sép-phin-đơ* bị đốt cháy sạch. - Trong vòng bốn tháng đã xảy ra sáu việc như vậy, tất cả đều do lòng căm thù cực độ của công nhân đối với chủ gây nên. Dưới chế độ xã hội như thế nào, *mới có thể* xảy ra những vụ như vậy thì chẳng cần nói nữa. Những vụ ấy đủ chứng tỏ rõ ràng rằng ở Anh, cuộc chiến tranh xã hội đã nổ ra và đang được tiến hành ngay cả trong thời kỳ phồn vinh của thương nghiệp như cuối năm 1843. Thế mà giai cấp tư sản Anh vẫn chưa tỉnh ngộ! Nhưng sự việc đột xuất nhất là vụ án về cái gọi là *Thu-gơ* [151]1) ở *Gla-xgô* mà toà án bồi thẩm của thành phố ấy đã xét xử từ ngày 3 đến ngày 11 tháng Giêng 1838. Qua cuộc thẩm vấn, người ta thấy rằng sự đoàn kết và lực lượng của công liên công nhân kéo sợi thành lập từ năm 1816 thực là hiếm có. Đoàn viên công liên phải thề phục tùng quyết định của đa số. Mỗi khi có bãi công, một ban chấp hành bí mật - mà đa số đoàn viên không biết - hoạt động, có toàn quyền sử dụng quỹ của công liên. Ban chấp hành ấy treo thưởng cho những vụ ám sát knobsticks và chủ xưởng đáng căm thù, cũng như cho những vụ đốt xưởng. Ví dụ, có một xưởng đã bị công nhân đốt sạch vì thuê nữ công nhân kéo sợi không vào công liên làm thay công nhân nam; một người mẹ của một thiếu nữ trong số những nữ công nhân ấy tên là Mác Phớc-xơn đã bị giết, và có hai hung thủ được công liên xuất tiền đưa sang Mỹ. - Ngay từ năm 1820, một knobstick tên là Mác-cu-ơ-ri bị bắn bị thương và công liên đã thưởng cho người bắn 15 pao xtéc-linh. Sau đó lại có một người tên là Grê-hêm

https://thuviensach.vn

bị bắn bị thương, người bắn được 20 pao xtéc-linh, nhưng lại bị bắt và bị kết án đày chung thân. Sau cùng vào tháng Năm 1837, ở một số công xưởng ở Ốt-ban-cơ và Mai-lơ En-đơn đã xảy ra rối loạn vì bãi công; có độ mười knobsticks bị đánh đau; tháng Bảy cùng năm đó, vụ rối loạn vẫn chưa yên, có một tên knobstick tên là Xmít bị đánh đến chết. Bấy giờ các uỷ viên ban chấp hành bị bắt và bị thẩm vấn. Chủ tịch ban chấp hành và các uỷ viên nổi tiếng bị truy tố về tội tham gia những đoàn thể phi pháp, về tội hành hung knobsticks và tội đốt công xưởng của Giêm- xơ và Phran-xít Vu-đơ, bị coi là phạm tội và bị kết án đày bảy năm. Đối với những việc ấy, những người Đức lương thiện chúng ta sẽ nói thế nào? [152]1).

Giai cấp có của, đặc biệt là bộ phận công nghiệp của nó, vì tiếp xúc trực tiếp với công nhân, nên chống lại các công liên kịch liệt nhất và không ngừng ra sức dùng rất nhiều luận điểm để chứng minh với công nhân rằng công liên là vô dụng; theo quan điểm của khoa kinh tế chính trị tư sản thì những luận điểm ấy hoàn toàn đúng, nhưng chính vì vậy mà là sai lầm trên một mặt nhất định và không thể có bất cứ một ảnh hưởng gì đến tư tưởng của

https://thuviensach.vn

công nhân. Chính cái nhiệt tình mà giai cấp tư sản biểu hiện đó đã chứng tỏ rằng việc ấy có quan hệ với lợi ích của chúng nhiều lắm; không nói đến những tổn thất trực tiếp do bãi công gây nên, thì tình hình thực tế là thế này: cái gì chui vào túi của chủ xưởng tất là phải móc ở túi công nhân ra. Dù cho công nhân không hiểu một cách đầy đủ rằng công liên có thể hạn chế một phần nào khát vọng điên cuồng của bọn chủ đua nhau hạ tiền lương, nhưng họ cũng biết rằng bảo tồn công liên là làm hại cho kẻ địch của mình là chủ xưởng, cho nên họ không rời bỏ công liên. Trong chiến tranh, bên này thiệt hại thì bên kia được lợi, và vì công nhân và chủ xưởng ở trong trạng thái chiến tranh cho nên trong trường hợp này họ cũng hành động như bọn vua chúa chí tôn khi chúng túm tóc nhau. - Trong tất cả bọn tư sản, kẻ địch điên cuồng nhất của công liên cũng vẫn là ông bạn quen biết của chúng ta, bác sĩ I-u-rơ. Ông ta tức giận đến sùi bọt mép khi nói đến "toà án bí mật" của những thợ kéo sợi bông - đội ngũ công nhân lớn mạnh nhất -, đến cái toà án tỏ ra có thể bắt bất cứ tên chủ xưởng nào không theo lệnh phải bó tay, "và do đó làm cho những người đã bao nhiêu năm nuôi nấng họ bị phá sản". Ông ta còn nói đến cái thời "mà đầu óc phát minh và quả tim khích động của công nghiệp sẽ bị nô dịch bởi những chân tay ở dưới không yên phận" - Ôi, Mê-nê-ni-út A-gríp-pa hiện đại ơi![113] Tiếc rằng công nhân Anh không giống như những người bình dân La Mã mà dễ bị những chuyện ngụ ngôn làm cho yên lòng ! Cuối cùng, U-rơ còn kể một câu chuyện lý thú dưới đây: Trước kia có thời những thợ kéo sợi kéo sợi thô trên chiếc máy mun đã lạm dụng bừa bãi sức lực của mình. Tiền lương cao không làm cho họ biết ơn chủ xưởng và lo trau dồi trí tuệ (tất nhiên là trong những ngành khoa học không có hại gì và thậm chí còn có lợi cho giai cấp tư sản nữa), trái lại, lại khiến cho họ trở thành ngạo mạn và cho phép họ có thể bỏ tiền ra để nâng đỡ cái tinh thần phản kháng trong những cuộc bãi công nổ ra liên tiếp trong các công xưởng hoàn toàn

không có nguyên nhân. Khi loạt sự kiện bất hạnh ấy xảy ra ở Hai-đơ, Đa-kin-phin-đơ và các vùng lân cận, những chủ xưởng ở vùng ấy sợ sự cạnh tranh của người Pháp, người Bỉ và người Mỹ cướp mất thị trường, đã đến tìm xưởng chế tạo máy của Sác-pơ, Rô-bớt và công ty xin ông Sác-pơ trổ tài phát minh của ông để thiết kế một máy mun tự động nhằm "cứu vớt nền sản xuất khỏi sự nô dịch cay đắng và khỏi sự huỷ diệt đang đe dọa nó".

"Mấy tháng sau, một chiếc máy được chế tạo xong, hình như nó có đủ cả trí tuệ, cảm giác và ngón tay của một người công nhân thành thạo. Thế là con người sắt - công nhân gọi cái máy ấy như thế - *theo mệnh lệnh của Mi-néc-vơ mà nảy sinh ra từ tay của Prô-mê-tê hiện đại.* Đó là vật sáng tạo mang sứ mệnh khôi phục trật tự giữa các giai cấp công nghiệp và đảm bảo quyền thống trị của người Anh trong công nghiệp. Tin tức về cái kỳ công mới kiểu Héc-quyn ấy gieo sự sợ hãi vào công liên, và *chưa bước ra khỏi nôi, vật sáng tạo kỳ diệu đó đã bóp chết con Hy-đrơ vô chính phủ".*

Tiếp đó, I-u-rơ lại chứng minh rằng sự phát minh cái máy có thể in bốn, năm mầu một lúc là kết quả của sự náo động của công nhân in vải hoa, rằng hành động phản kháng của công nhân hồ sợi dọc ở công xưởng dệt lại dẫn đến sự ra đời của một cái máy hồ sợi hoàn thiện

https://thuviensach.vn

hơn, và ông còn dẫn ra một số sự kiện tương tự nữa [153]1). Trước đó không lâu, cũng ông I-u-rơ ấy còn cố hết sức chứng minh trên nhiều trang giấy rằng việc sử dụng máy móc là có lợi cho công nhân! - Nhưng không phải chỉ một mình I-u-rơ như thế; trong bản báo cáo về các công xưởng, chủ xưởng A-sơ-ước-tơ và nhiều người khác cũng không bỏ qua cơ hội nào để tuôn ra lòng phẫn nộ của họ đối với công liên. Cũng như một vài chính phủ, những nhà tư sản vô cùng thông minh ấy đem tất cả những phong trào mà họ không thể hiểu được đổ tội cho ảnh hưởng của những người cổ động có ác tâm, những kẻ âm mưu, kẻ mị dân, kẻ hay kêu la, và những thanh niên. Họ khẳng
định rằng những người đại diện của công liên phải quan tâm đến việc cổ động, vì họ sống nhờ vào tiền lương của công liên; làm như là không phải chính giai cấp tư sản đã buộc công liên phải trả lương cho những người đại diện ấy, vì họ có chịu thuê mướn những người ấy đâu!

Những cuộc bãi công xảy ra rất nhiều là điều chứng minh rõ ràng nhất rằng cuộc chiến tranh xã hội lan tràn ở nước Anh đến mức độ nào. Không một tuần lễ nào, thậm chí hầu như không có ngày nào là không xảy ra bãi công ở nơi này hay nơi khác, khi thì vì chủ xưởng giảm tiền công, khi thì vì chủ xưởng không chịu tăng lương, khi thì vì chủ xưởng tuyển knobsticks vào xưởng, khi thì vì chủ xưởng không bỏ thói đánh chửi hay những chế độ ác nghiệt, khi thì vì chủ xưởng sử dụng máy mới hoặc do vô số nguyên nhân khác nữa. Đương nhiên những cuộc bãi công ấy mới chỉ là những trận đánh nhỏ ở tiền tiêu, thỉnh thoảng mới chuyển thành những trận chiến đấu tương đối quan trọng; chúng chưa giải quyết được gì, nhưng chúng chứng minh một cách rõ ràng chắc chắn rằng trận đánh quyết định giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản đã đến gần. Bãi công là trường học quân sự của công nhân, ở đấy họ được huấn luyện để chuẩn bị đi vào cuộc đấu tranh vĩ đại đã trở thành không thể tránh khỏi được; bãi công là bản tuyên ngôn của các đội ngũ của giai cấp công nhân tuyên bố tham gia phong trào công nhân vĩ đại; nếu đọc toàn bộ số báo của tờ "Northern Star" trong cả năm, tờ báo duy nhất đăng tin về mọi phong trào của giai cấp vô sản, thì có thể thấy rằng tất cả công nhân ở thành phố và ở các khu công nghiệp ở nông thôn đã họp thành công liên và thỉnh thoảng đã dùng tổng bãi công để phản kháng sự thống trị của giai cấp tư sản. Với tính chất là trường học đấu tranh thì bãi công là không thể thiếu được. Trong bãi công được biểu hiện tính dũng cảm đặc biệt của người Anh. Ở lục địa người ta thường cho rằng người Anh, nhất là công nhân, đều nhát gan, rằng hình như họ không thể làm cách mạng được; ý kiến đó dựa trên cơ sở cho rằng họ

không như người Pháp lúc nào cũng sẵn sàng có thể nổi loạn, hình như họ chịu yên phận dưới chế độ tư sản. Những ý kiến đó hoàn toàn sai lầm. Về mặt dũng cảm thì công nhân Anh không kém công nhân bất cứ nước nào; họ không phải là an phận thủ thường hơn người Pháp, nhưng họ đấu tranh theo cách khác. Người Pháp có bản chất chính trị từ đầu đến chân,

https://thuviensach.vn

họ đấu tranh trên vũ đài chính trị chống lại những tệ hại xã hội. Còn người Anh coi chính trị chỉ là để phục vụ lợi ích riêng tư của xã hội tư sản, cho nên họ đấu tranh không phải chống chính phủ mà là trực tiếp chống giai cấp tư sản, và cuộc đấu tranh ấy lúc này chỉ có thể tiến hành có hiệu quả bằng con đường hoà bình. Do công nghiệp đình đốn và nỗi nghèo khổ lại đến theo nên năm 1834 ở Ly-ông đã nổ ra cuộc khởi nghĩa đòi thành lập nước cộng hoà, còn năm 1842 ở Man-se-xtơ đã nổ ra cuộc tổng bãi công đòi Hiến chương nhân dân và tăng lương. Nhưng so với khởi nghĩa, bãi công cũng đòi hỏi sự dũng cảm, thậm chí sự dũng cảm lớn hơn, thường là lớn hơn nhiều và đòi hỏi quyết tâm gan dạ và kiên định hơn nhiều, điều ấy rất rõ ràng. Quả vậy, đối với người công nhân qua kinh nghiệm đã biết nghèo khổ là thế nào, thì việc họ cùng với vợ con can đảm đón nhận sự nghèo khổ, chịu đựng đói rét, thiếu thốn hàng bao nhiêu tháng mà vẫn kiên định, không lung lay, đó thật không phải là việc nhỏ. Người công nhân Anh thà chịu chết dần vì đói, hàng ngày nhìn thấy vợ con đói khát, biết trước rằng một ngày kia giai cấp tư sản sẽ báo thù, họ thà chịu tất cả chứ không cúi đầu dưới ách áp bức của giai cấp có của, những cái ấy lại không so sánh được với cái chết hoặc cảnh tù đày đe doạ những người cách mạng Pháp hay sao! Dưới đây chúng ta sẽ thấy một ví dụ dũng cảm ngoan cường, không cái gì có thể thắng nổi của công nhân Anh, chỉ đến khi phản kháng không có lợi gì nữa và đã mất hết ý nghĩa thì họ mới chịu nhượng bộ trước bạo lực. Chính trong cái tinh thần kiên nhẫn trấn tĩnh ấy, trong cái quyết tâm bền bỉ mỗi ngày phải chịu hàng trăm lần thử thách ấy, công nhân Anh đã tỏ rõ cái khía cạnh đáng quý nhất của tính

cách họ. Những người đã chịu đựng mọi đau khổ để bẻ gẫy sự phản kháng của một tên tư sản độc nhất, những người ấy có thể bẻ gãy lực lượng của toàn bộ giai cấp tư sản. Ngoài những cái ấy ra, người công nhân Anh cũng rất nhiều lần tỏ ra dũng cảm. Sở dĩ cuộc bãi công năm 1842 không thu được kết quả nhiều hơn, một phần vì công nhân bị giai cấp tư sản bức phải bãi công, một phần vì bản thân họ chưa nhận thức rõ về mục đích của cuộc bãi công và chưa được đoàn kết nhất trí. Nhưng trong những trường hợp khác, khi đã có mục đích *xã hội* rõ ràng thì nhiều khi họ đã tỏ ra rất dũng cảm. Không cần nói đến cuộc khởi nghĩa ở Oen-xơ năm 1839, khi tôi đang ở Man-se-xtơ (tháng năm 1843), ở đây đã nổ ra một cuộc chiến đấu thực sự. Một nhà máy làm gạch (Pô-linh và Hen-phri) tăng thêm kích thước của hòn gạch mà không tăng lương, mặc dù hòn gạch lớn hơn phải bán đắt hơn; công nhân đòi tăng lương bị cự tuyệt nên họ đình công, đồng thời công liên cũng tuyên bố tẩy chay hãng ấy. Nhưng hãng ấy bỏ nhiều công sức thuê được công nhân ở các vùng lân cận và trong knobsticks. Đối với những công nhân ấy, lúc đầu công liên chỉ có ý định đe doạ. Để bảo vệ nhà máy, công ty thuê mười hai tên đã từng đi lính hoặc làm cảnh sát và phát súng cho chúng. Vì đe doạ không có hiệu quả cho nên một hôm khoảng mười giờ tối, một toán công nhân làm gạch bố trí thành đội hình chiến đấu với hàng tiền vệ có trang bị súng, tấn công vào nhà máy ở cách trại lính của đơn vị bộ binh chỉ vẻn vẹn 400 bước[154]1). Công nhân lọt vào khu vực nhà máy, thấy bọn bảo vệ liền bắn vào chúng, giẫm nát gạch phơi ở đất, xô đổ những đống gạch khô, gặp cái gì

https://thuviensach.vn

cũng phá huỷ, khi lọt vào trong một ngôi nhà, đập vỡ mọi dụng cụ trong nhà và đánh vợ một đốc công ở đó rất đau. Lúc đó bọn cảnh vệ nấp sau một hàng rào được hàng rào che có thể bắn không bị vướng gì. Những
người tiến công dừng lại ở trước một lò gạch đang đốt, ánh lửa chiếu vào họ rất rõ khiến họ thành chiếc bia rất tốt cho địch, còn bản thân họ chỉ bắn hú hoạ. Tuy vậy hai bên bắn nhau hơn nửa giờ, cho đến tận lúc họ hết đạn và đạt được mục đích của cuộc tấn công là phá cho hết mọi cái có thể phá được ở trong nhà máy. Bấy giờ quân đội đến, công nhân rút về phía Ếch-cơn-xơ (cách Man-se-xtơ ba dặm Anh). Lúc sắp đến Ếch-cơn-xơ thì họ điểm danh theo số hiệu của mỗi người trong toán, rồi mới giải tán, đúng ra là chỉ để rơi vào tay cảnh sát từ bốn phía ập lại. Số người bị thương hẳn là rất nhiều, nhưng người ta chỉ biết số người bị rơi vào tay cảnh sát thôi. Một công nhân bị đạn ở ba chỗ: ở đùi, ở chân và ở vai, mà vẫn lê đi được hơn bốn dặm Anh. - Đó là những người đã tỏ ra rằng họ cũng có dũng khí cách mạng và cũng không sợ súng đạn. Nếu như một đám quần chúng tay không mà chính họ cũng không biết bản thân họ muốn gì đã bị bao vây ở một bãi chợ, chỉ có mấy tên long kỵ binh và cảnh sát đứng giữ các lối ra cũng trấn áp được như đã xảy ra năm 1842 thì điều đó còn xa mới chứng minh được rằng quần chúng thiếu dũng cảm; bởi vì lúc ấy, dù cho không có bọn tay sai của chính quyền nhà nước - tức là chính quyền tư sản - ở đó thì quần chúng cũng không làm nên gì cả. Những nơi nào mà nhân dân có mục tiêu rõ ràng thì họ tỏ ra có đầy đủ dũng khí, ví dụ cuộc tấn công công xưởng Bớc-li về sau phải dùng pháo binh để bảo vệ đã chứng minh điều đó.

Nhân dịp này, xin nói vài lời về tính chất thiêng liêng của pháp luật ở Anh. Đối với người tư sản, đương nhiên pháp luật là thiêng liêng, vì pháp luật vốn là do nó đặt ra, được ban bố với sự đồng ý của nó, để bảo vệ cá nhân nó và lợi ích của nó. Người tư sản hiểu rằng dù cho có một đạo luật cá biệt nào bất tiện cho nó nhưng toàn bộ hệ thống pháp luật là để bảo vệ lợi ích của nó, và chủ yếu là nó hiểu rằng tính thiêng liêng của pháp luật, tính bất khả xâm phạm của trật tự do một bộ phận người trong xã hội

https://thuviensach.vn

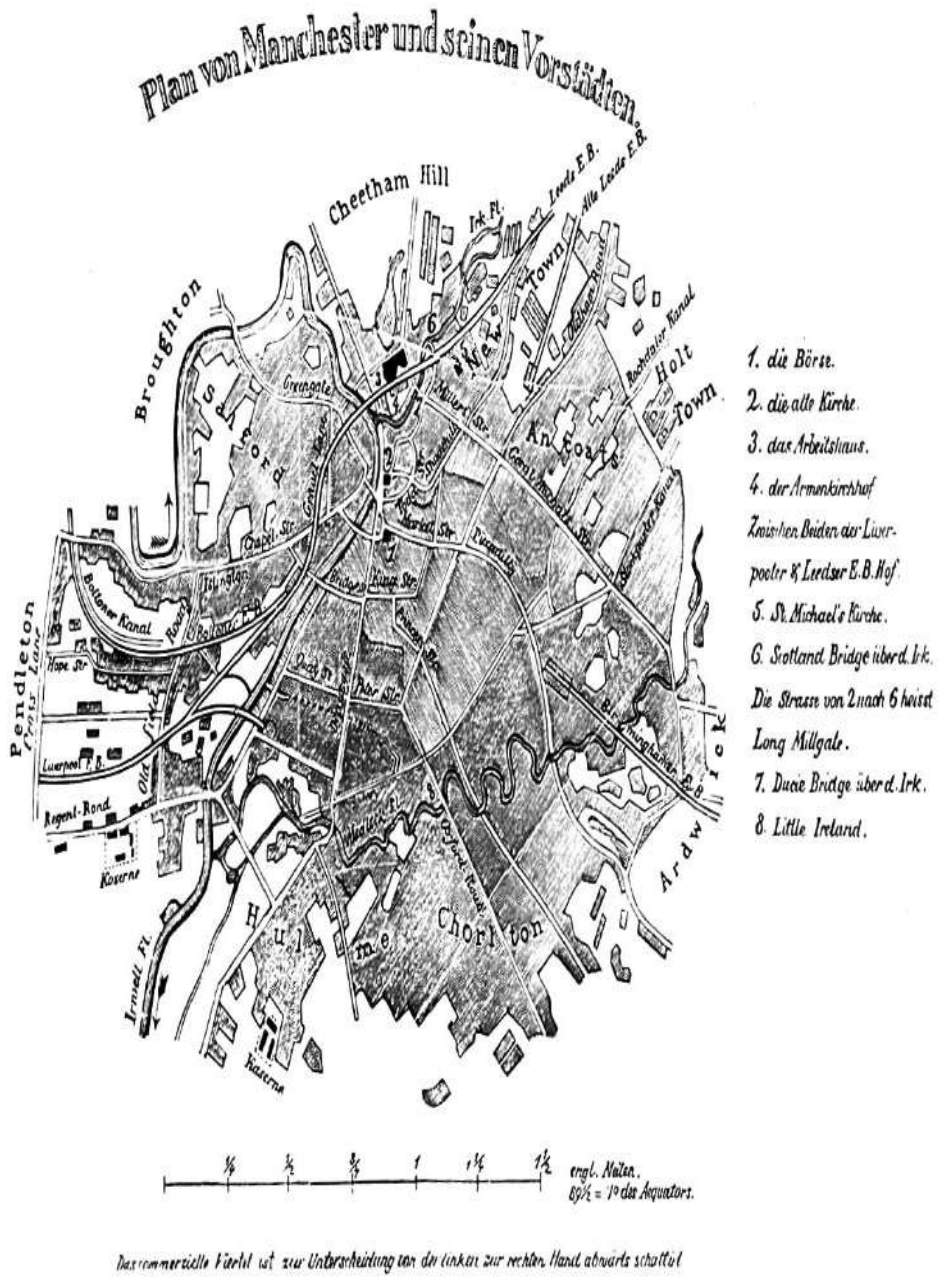

Das commerzielle Viertel ist zur Unterscheidung von der linken zur rechten Hand abwärts schattirt

Bản đồ thành phố Man-se-xtơ

https://thuviensach.vn

quy định một cách tích cực theo ý chí của mình, và do một bộ phận người khác tiếp thu một cách tiêu cực, vẫn là trụ cột vững chắc nhất cho địa vị xã hội của nó. Người tư sản Anh thấy bản thân mình được thể hiện trong pháp luật cũng như trong thượng đế, cho nên đối với nó pháp luật là thần thánh, cho nên đối với nó cái dùi cui của cảnh sát, thực chất là dùi cui của nó, có sức xoa dịu lạ thường. Nhưng đối với người công nhân thì đương nhiên không phải thế. Công nhân biết rất rõ và đã thể nghiệm nhiều lần rằng pháp luật đối với anh ta chỉ là cái roi do giai cấp tư sản làm ra, cho nên chỉ khi nào anh ta bị bắt buộc mới gọi đến pháp luật. Thật đáng buồn cười là có người cho rằng công nhân Anh sợ cảnh sát, khi mà mỗi tuần ở Man-se-xtơ đều xảy ra chuyện cảnh sát bị đánh, thậm chí năm ngoái họ còn định tấn công vào một đồn cảnh sát có cửa sắt và cửa chớp dày bảo vệ. Trong cuộc bãi công năm 1842 sở dĩ cảnh sát có uy lực, như đã nói ở trên kia, chẳng qua chỉ vì chính bản thân công nhân do dự.

Bởi vì công nhân không tôn trọng pháp luật, mà chỉ khi nào không đủ sức thay đổi pháp luật thì mới khuất phục, cho nên rất tự nhiên là ít ra họ cũng muốn đưa ra kiến nghị sửa đổi pháp luật, và họ ra sức lấy pháp luật vô sản thay cho pháp luật tư sản. Pháp luật do giai cấp vô sản đề ra như thế là *Hiến chương nhân dân* (People's Charter), về hình thức, văn kiện ấy có tính chất thuần tuý chính trị và đòi cải tổ hạ nghị viện theo nguyên tắc dân chủ. *Phong trào Hiến chương* là sự biểu hiện tập trung của sự chống đối giai cấp tư sản. Trong hoạt động của các công liên và trong bãi công, sự phản kháng ấy vẫn luôn luôn còn phân tán; vẫn là những công nhân cá biệt hoặc những bộ phận công nhân đấu tranh với những người tư sản cá biệt. Dù cho cuộc đấu tranh có lúc mang tính chất phổ biến, thì phần nhiều cũng không phải do công nhân tự giác; khi công nhân tự giác làm như vậy thì cơ sở của thứ tự giác ấy là phong trào Hiến chương. Trong phong trào Hiến chương toàn bộ giai cấp công nhân đứng dậy chống giai
cấp tư sản, tiến công trước hết vào chính quyền của giai cấp tư sản, tiến công vào bức tường pháp luật mà giai cấp tư sản dùng để bảo hộ mình. Phong trào Hiến chương xuất phát từ Đảng *dân chủ*, đảng này phát triển từ những năm 80 của thế kỷ XVIII, *đồng thời với giai cấp vô sản và ở trong giai cấp vô sản*, lớn mạnh lên trong thời kỳ Cách mạng Pháp và sau khi ký kết hoà ước thì thành Đảng *"cấp tiến"*. Bấy giờ trung tâm chủ yếu của nó là Bớc-minh-hêm và Man-se-xtơ, còn trước kia là Luân Đôn. Đảng ấy do sự liên minh với phái tư sản tự do chủ nghĩa đã buộc bọn đầu sỏ trong nghị viện cũ thông qua dự luật cải cách và từ đó nó đã càng ngày càng được củng cố trở thành chính đảng của công nhân đối lập với giai cấp tư sản. Năm 1835 một uỷ ban của Tổng hội liên hiệp công nhân (Working Men's Association) ở Luân Đôn do Uy-li-am Lô-vét đứng đầu đã thảo ra Hiến chương nhân dân gồm "sáu điểm" sau đây: 1) quyền phổ thông đầu phiếu cho mọi người đàn ông đến tuổi thành niên có tinh thần lành mạnh và không phạm tội; 2) nghị viện mỗi năm bầu lại một lần; 3) nghị sĩ có phụ cấp để cho người không có tài sản cũng có thể làm đại biểu được; 4) bỏ phiếu kín để ngăn ngừa sự mua

https://thuviensach.vn

chuộc và sự đe doạ của giai cấp tư sản; 5) phân chia khu bầu cử cho bình đẳng để bảo đảm quyền đại biểu bình đẳng; 6) thủ tiêu sự hạn chế tư cách đại biểu - vốn có tính chất thuần tuý hình thức và chỉ dành quyền ứng cử cho những người có địa sản ít nhất là 300 pao xtéc-linh - để cho mỗi cử tri đều có quyền ứng cử. - Sáu điểm ấy chỉ đề cập đến cơ cấu của hạ nghị viện, thoạt nhìn thì hiền lành thôi, nhưng vẫn đủ để quét sạch hiến pháp nước Anh với cả Nữ hoàng và thượng nghị viện. Sở dĩ cái gọi là thành phần quân chủ và thành phần quý tộc còn tồn tại trong hiến pháp cho đến ngày nay chẳng qua chỉ vì giai cấp tư sản thấy duy trì nó *làm chiêu bài* thì có lợi; có hai loại thành phần ấy hiện nay đều chỉ tồn tại bề ngoài mà thôi. Nhưng nếu hạ nghị viện được dư luận toàn quốc ủng hộ, nếu nó biểu hiện ý chí không những chỉ của
giai cấp tư sản mà của toàn thể dân tộc thì nó sẽ thu được toàn bộ quyền lực về mình, khiến cho bọn quân chủ và quý tộc mất hẳn cái hào quang thần thánh cuối cùng ở trên đầu họ. Công nhân Anh không tôn kính gì những thượng nghị sĩ và Nữ hoàng, nhưng trong khi đó giai cấp tư sản lại tỏ lòng tôn kính họ như thần thánh, mặc dù trong thực tế rất ít quan tâm đến ý kiến của họ. Về chính trị, những người theo phái Hiến chương ở Anh là những người cộng hoà mặc dù họ hầu như không dùng hoặc rất ít dùng từ này; thực tế thì họ đồng tình với các đảng cộng hoà các nước, nhưng thích tự xưng mình là người dân chủ. Họ không phải chỉ là những người cộng hoà đơn thuần, và chủ nghĩa dân chủ của họ cũng không phải chỉ hạn chế ở mặt chính trị thuần tuý.

Đúng là ở bước đầu của nó từ năm 1835 phong trào Hiến chương chủ yếu là được truyền bá trong công nhân, nhưng vẫn chưa cách biệt hẳn với giai cấp tiểu tư sản cấp tiến. Chủ nghĩa cấp tiến công nhân cắp tay nhau cùng đi với chủ nghĩa cấp tiến tư sản. Hiến chương là khẩu hiệu chung của họ, hàng năm họ cùng nhau tổ chức "hội nghị quốc dân", và thành lập hình như chỉ là một đảng. Đó là do bấy giờ giai cấp tiểu tư sản sau khi cảm thấy tuyệt vọng vì kết quả của dự luật cải cách và vì sự đình đốn của thương nghiệp trong những năm 1837 - 1839 đang có tâm lý rất hiếu chiến và muốn đổ máu, và do sự cổ động nhiệt liệt của phái Hiến chương rất hợp với lòng họ. Ở nước Đức người ta không thể nào hình dung được tính chất quyết liệt của sự cổ động ấy. Người ta kêu gọi nhân dân cầm vũ khí, thậm chí kêu gọi nhân dân khởi nghĩa. Người ta chế tạo giáo mác cũng như ở thời Cách mạng Pháp trước kia. Năm 1838, trong phong trào có một giáo sĩ thuộc phái giáo lý tên là Xtê-phen nói với cư dân Man-se-xtơ như sau:

"Đừng sợ lực lượng của chính phủ, đừng sợ binh sĩ, lưỡi lê và đại bác của những kẻ áp bức các anh, - các anh có trong tay một thứ vũ khí có sức mạnh hơn tất cả những cái đó, - một thứ vũ khí mà lưỡi lê và đại bác không thể làm gì được. Vũ khi đó, đứa trẻ con lên mười tuổi cũng có thể sử dụng được. Chỉ cần một vài que diêm và một nắm cỏ khô tẩm hắc ín là đủ rồi! Tôi muốn xem nếu người ta dùng vũ khí đó một cách dũng cảm thì cuối cùng chính phủ và mấy chục vạn binh sĩ của nó sẽ làm gì để chống lại!"[155]

Nhưng đồng thời bấy giờ tính chất *xã hội* đặc biệt của phong trào Hiến chương của công nhân cũng được biểu hiện. Trong cuộc hội nghị có 20 vạn người dự ở Cóc-xôn - Mua mà

https://thuviensach.vn

chúng tôi đã nói đến là "Núi thánh" của Man-se-xtơ, giáo sĩ Xtê-phen ấy lại nói rằng:

"Các bạn, phong trào Hiến chương không phải là một vấn đề chính trị nhằm dành quyền bầu cử cho các bạn v.v..; phong trào Hiến chương là *vấn đề bát đĩa*; hiến chương tức là ở tốt, ăn ngon, lương cao, ngày lao động ngắn".

Vì vậy phong trào chống đạo luật mới về người nghèo và đòi dự luật mười giờ đã có liên hệ hết sức mật thiết với phong trào Hiến chương. Trong mọi cuộc mít-tinh thời ấy đều có mặt người thuộc đảng *To-ri* là Ô-xtơ-lơ và ngoài đơn thỉnh nguyện của quốc dân đòi thực hiện Hiến chương nhân dân đã được thông qua ở Bớc-minh-hêm ra, còn có hàng trăm đơn thỉnh nguyện về việc cải thiện tình cảnh xã hội của công nhân. Năm 1839, sự cổ động vẫn tiếp tục sôi nổi và đến cuối năm ấy, khi phong trào bắt đầu dịu xuống một ít thì Bát-xi, Tay-lo và Phrô-xtơ vội vàng tổ chức một cuộc khởi nghĩa trong cùng một lúc ở Bắc Anh, ở Y-oóc-sia và ở Oen-xơ. Vì kế hoạch của Phrô-xtơ bị kẻ phản bội cáo giác, ông ta buộc phải phát động khởi nghĩa quá sớm cho nên đã thất bại. Những người tổ chức khởi nghĩa ở miền Bắc biết được tin về ý đồ của Phrô-xtơ bị thất bại đã kịp thời rút lui. Hai tháng sau, tháng Giêng 1840, ở Y-oóc-sia đã nổ ra mấy cuộc gọi là bạo động cảnh sát (spy-outbreks) [114] - ví dụ ở Sép-phin-đơ và Brát-phoóc, - rồi sau đó phong trào dần dần lắng xuống. Trong khi đó giai

cấp tư sản lại tập trung lực lượng xoay sang mưu tìm những dự án thực tế hơn, có lợi hơn cho họ, đó là việc phế bỏ các đạo luật ngũ cốc. Ở Man-se-xtơ đã thành lập hiệp hội chống các đạo luật ngũ cốc, hiệp hội ấy ra đời đã làm suy yếu sự liên kết giữa giai cấp tư sản cấp tiến và giai cấp vô sản. Công nhân hiểu rõ rất nhanh rằng bãi bỏ đạo luật ngũ cốc có lợi rất ít *cho họ* mà chắc chắn là có lợi rất lớn cho giai cấp tư sản, cho nên dự án đó của giai cấp tư sản không được họ ủng hộ. Thế rồi cuộc khủng hoảng năm 1842 nổ ra. Công tác cổ động lại sôi nổi lên như năm 1839. Nhưng lần này giai cấp tư sản công nghiệp giàu có cũng tham gia, vì họ bị thiệt hại rất lớn trong cuộc khủng hoảng này. Hiệp hội do các chủ xưởng ở Man-se-xtơ tổ chức, nay gọi là Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc đã mang tính chất chiến đấu và cấp tiến rất cao. Báo chí và những người cổ động của họ bắt đầu dùng ngôn ngữ cách mạng công khai; một trong những nguyên nhân của tình hình ấy là từ năm 1841 Đảng bảo thủ nắm được chính quyền. Cũng như phái Hiến chương trước kia, bây giờ Đồng minh cũng bắt đầu công khai kêu gọi khởi nghĩa, còn những công nhân chịu đau khổ nhất trong cuộc khủng hoảng cũng không ngồi yên, cái đơn thỉnh nguyện năm ấy có 3 triệu rưỡi người ký tên chứng tỏ điều đó. Tóm lại, nếu hai đảng cấp tiến ấy trước kia có hơi xa nhau thì bây giờ lại liên minh với nhau. Ngày 15 tháng Hai 1842, trong hội nghị liên tịch tổ chức ở Man-se-xtơ, Đảng tự do và phái Hiến chương thảo một lá đơn thỉnh nguyện yêu cầu huỷ bỏ các đạo luật ngũ cốc và thực hành Hiến chương; ngày hôm sau hai đảng đều thông qua đơn thỉnh nguyện ấy. Mùa xuân và mùa hè trôi qua trong cảnh cổ động náo nhiệt và tình hình nghèo khổ ngày càng nghiêm trọng. Giai cấp tư sản quyết tâm lợi dụng khủng hoảng, sự nghèo khổ do khủng hoảng gây ra và tình hình náo động phổ biến để nhằm đạt mục đích phế bỏ các đạo luật ngũ cốc. Vì lần này những người thuộc đảng To-ri nắm chính quyền nên giai cấp tư sản cơ hồ vứt bỏ cái lòng yêu quý pháp luật của họ:

https://thuviensach.vn

họ muốn có cách mạng, nhưng lại muốn mượn tay công nhân làm. Họ muốn bắt công nhân phải thò tay vào lửa lấy hạt dẻ cho họ, và vì họ mà chịu bỏng tay mình. Chỗ nào cũng lại đưa ra khẩu hiệu *"tháng thần thánh"* mà phái Hiến chương đề ra năm 1839, tức là tổng bãi công của công nhân; nhưng lần này không phải công nhân muốn nghỉ việc mà là chủ xưởng muốn đóng cửa nhà máy, đưa công nhân về nông thôn, đẩy họ đến những lãnh địa của bọn quý tộc, muốn dùng thủ đoạn ấy để buộc nghị viện và chính phủ của đảng bảo thủ phải bãi bỏ thuế ngũ cốc. Lẽ tự nhiên là cái đó có thể đưa đến khởi nghĩa, những giai cấp tư sản vẫn nấp trong bóng tối và có thể ngồi yên mà chờ kết quả, vạn nhất có thất bại thì cũng không nguy hiểm gì đến mình. Cuối tháng Bảy tình hình thị trường bắt đầu hơi khá một chút; không thể trì hoãn được nữa, và để khỏi lỡ thời cơ, ba công ty ở Xtê-li-brít-giơ đột nhiên hạ tiền lương xuống chính *trong khi tình hình kinh tế đang khá lên* (xem báo cáo về thương nghiệp của Man-se-xtơ và Lít-xơ cuối tháng Bảy và đầu tháng Tám). Họ tự động làm thế hay có thoả thuận với các chủ xưởng khác, đặc biệt là với Đồng minh, tôi không thể nói quả quyết được. Nhưng chẳng bao lâu hai công ty phải rút lui, còn công ty thứ ba, tức công ty Uy-li-am Bê-li và anh em thì vẫn không lay chuyển và tuyên bố đáp lại lời phàn nàn của công nhân, rằng nếu họ không thích thế thì tốt hơn hết là họ cứ việc đi dạo chơi một thời gian. Câu nói châm biếm ấy khiến cho công nhân la ó phẫn nộ và rời bỏ công xưởng toả ra khắp thành phố để kêu gọi tất cả công nhân bãi công. Chỉ sau mấy giờ tất cả các công xưởng đều ngừng việc, công nhân kết thành từng đoàn kéo đến Mốt-tơ-ram - Mua để họp mít-tinh. Bấy giờ là ngày 5 tháng Tám. Ngày 5 tháng Tám 5000 người kéo nhau đến A-stơn và Hai-đơ khiến mọi công xưởng và mỏ than đều ngừng việc, và tổ chức những cuộc mít-tinh ở khắp nơi, ở đấy không phải là nói về việc phế bỏ đạo luật ngũ cốc như giai cấp tư sản hy vọng, mà là nói về "tiền công phải chăng cho một ngày lao động phải chăng (a fair day's wages for a fair day's work)".

Ngày 9 tháng Tám họ kéo đến Man-se-xtơ; vì các nhà đương cục địa phương đều là người của Đảng tự do nên họ *không gặp ngăn trở gì về phía các nhà đương cục*, khiến mọi công xưởng ở đó đều ngừng việc. Ngày 11 tháng Tám họ đến Xtốc-phoóc; khi họ xông vào nhà tế bần, đứa con cưng của giai cấp tư sản, thì lần đầu tiên họ gặp sức kháng cự. Cùng ngày hôm ấy ở Bôn-tơn đã nổ ra tổng bãi công và nhiều cuộc náo động mà các nhà đương cục cũng không cản trở gì; chẳng bao lâu cuộc khởi nghĩa đã lan rộng đến mọi khu công nghiệp, trừ công việc gặt hái và công nghiệp thực phẩm, tất cả công việc khác đều đình chỉ. Nhưng các công nhân khởi nghĩa vẫn bình tĩnh. Không phải chính tự họ muốn nổi lên mà là bị bắt buộc: trừ một người, *đảng viên đảng To-ri*, ở Man-se-xtơ tên là Bớc-li ra, các chủ xưởng, đều làm *trái với thói quen của họ*, không chống lại bãi công. Sự việc đã bắt đầu nổ ra, nhưng bản thân công nhân không có mục đích rõ ràng. Thật ra tất cả họ hoàn toàn nhất trí ở một điểm là không có lý gì lại xông vào lửa đạn để bảo vệ lợi ích của bọn chủ xưởng chống đạo luật ngũ cốc, nhưng về các mặt khác, thì một số người đòi thực hiện Hiến chương nhân dân, một số khác lại cho rằng việc đó còn quá sớm và chỉ đòi khôi phục lại mức tiền lương năm 1840

https://thuviensach.vn

thôi. Toàn bộ cuộc nổi dậy vì thế mà thất bại. Giả sử ngay lúc đầu nó đã là cuộc khởi nghĩa của công nhân tự giác, có mục đích rõ rằng thì nhất định nó đã thắng lợi được rồi. Nhưng quần chúng bị bọn chủ xua ra đường phố trái với nguyện vọng của họ, không có mục đích gì rõ rệt nên không thể làm được gì. Đồng thời giai cấp tư sản chẳng thèm nhúc nhích gì để thực hiện những điều thoả thuận ngày 15 tháng Hai, đã rất nhanh chóng hiểu ra rằng công nhân không muốn làm công cụ dễ sai khiến của họ, và cái hành vi không trước sau như một mà họ đã thể hiện trong việc họ né tránh con đường "hợp pháp" lúc này rất nguy hiểm cho bản thân họ; sau khi hiểu được điều đó họ bèn trở về lập trường tôn trọng pháp luật, chạy về phía chính phủ chống lại những công nhân do
chính họ xúi giục, rồi sau đó bắt buộc phải khởi nghĩa. Giai cấp tư sản và tay sai trung thành của họ gia nhập các đội cảnh sát đặc biệt ở Man-se-xtơ, đến các nhà buôn người Đức cũng tham gia, tay cầm can, mồm ngậm xì-gà, đi diễu một cách hoàn toàn vô ích trên các đường phố; ở Prét-xtơn họ ra lệnh bắn vào nhân dân, thế là cuộc khởi nghĩa tự phát của nhân dân bỗng nhiên phải đối diện không những với lực lượng vũ trang của chính phủ, mà còn với toàn bộ giai cấp có của. Công nhân vốn không có mục đích gì rõ ràng nên đã dần dần giải tán, và cuộc khởi nghĩa kết thúc không có hậu quả gì nghiêm trọng. Sau đó, giai cấp tư sản còn làm nhiều điều bỉ ổi khác; họ tỏ ra ghê tởm những hành động bạo lực của nhân dân hòng tự bào chữa, thái độ ấy thực chẳng ăn khớp gì với những lời lẽ cách mạng mà họ đã phát ra hồi mùa xuân; họ đổ tất cả tội lỗi cho những "kẻ xúi giục" thuộc phái Hiến chương v.v., mặc dù để gây ra khởi nghĩa, chính họ đã làm nhiều hơn phái Hiến chương, họ lại trở về một cách vô liêm sỉ cực độ cái lập trường cũ của họ về tính thiêng liêng của pháp luật. Phái Hiến chương hầu như hoàn toàn không tham gia công việc chuẩn bị khởi nghĩa, họ chỉ làm cái việc mà chính giai cấp tư sản đã sửa soạn làm, tức là lợi dụng tình thế, nhưng họ lại bị toà án truy tố và xử tội, còn giai cấp tư sản thì không mất gì, mà trái lại trong thời kỳ đình công lại còn có thể bán hết được hàng hoá tồn kho để thu lợi.

Kết quả của cuộc khởi nghĩa này là sự tách rời hoàn toàn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Phái Hiến chương trước đây cũng hoàn toàn không che giấu rằng họ sẵn sàng dùng mọi biện pháp để thực hiện Hiến chương của họ, thậm chí bằng cách mạng. Nhưng giai cấp tư sản lúc này bỗng nhiêu hiểu rõ rằng bất cứ sự biến chuyển bằng bạo lực nào cũng đều nguy hiểm cho họ, và không muốn nghe nói đến "lực lượng vật chất" nữa, mà chỉ muốn dùng "lực lượng tinh thần" để đạt mục đích của họ, dường như lực lượng tinh thần với sự đe doạ trực tiếp hay gián tiếp dùng lực
lượng vật chất là hai cái khác hẳn nhau. Đó là một trong những điểm tranh cãi, nhưng về sau điểm tranh cãi ấy đã bị thủ tiêu do lời tuyên bố của phái Hiến chương, - phái này cũng đáng tin cậy như giai cấp tư sản tự do, - nói rằng họ cũng không cần đến lực lượng vật chất. Điểm tranh cãi thứ hai, và là điểm quan trọng nhất, giúp cho phong trào Hiến chương có được hình thức chân thực của nó, là vấn đề đạo luật ngũ cốc. Quan tâm đến việc phế bỏ đạo luật ấy là giai cấp tư sản cấp tiến chứ không phải là giai cấp vô sản. Vì thế Đảng Hiến chương trước kia liền chia làm hai đảng mà những nguyên tắc chính trị của hai đảng ấy trên lời nói hoàn

https://thuviensach.vn

toàn giống nhau, nhưng trên thực tế thì hoàn toàn khác nhau đến không thể điều hoà được. Tại hội nghị quốc dân Bớc-minh-hêm tháng Giêng 1843, đại biểu của giai cấp tư sản cấp tiến *Xtuốc-giơ* đề nghị bỏ *cái tên* Hiến chương ở trong điều lệ của Hiệp hội Hiến chương đi, lý do là sau cuộc khởi nghĩa cái tên ấy khiến người ta liên tưởng đến những hành động cách mạng bạo lực; nhưng mối liên hệ ấy đã có từ nhiều năm về trước mà trước kia ông Xtuốc-giơ chẳng phản đối bao giờ. Công nhân không muốn bỏ cái tên ấy và, khi biểu quyết vấn đề, ông Xtuốc-giơ bị thất bại. Anh tín đồ Cơ Đốc giáo ấy bỗng nhiên biến thành một giáo hữu trung thành, dắt đoàn người thiểu số rút khỏi hội trường và thành lập "Hiệp hội đấu tranh cho quyền đầu phiếu hoàn toàn" gồm những thành phần tư sản cấp tiến. Người tư sản mới cách đây ít lâu còn là Gia-cô-banh ấy bỗng thấy khó chịu với những hồi ức cũ, đến nỗi ông ta phải đổi từ ngữ quyền phổ thông đầu phiếu (universal suffrage) thành từ ngữ đáng buồn cười: quyền đầu phiếu hoàn toàn (complete suffrage). Công nhân chế giễu ông ta và vẫn thản nhiên tiếp tục đi theo con đường của mình.

Từ đó, phong trào Hiến chương đã trở thành một phong trào công nhân thuần tuý, không còn phần tử tư sản nào nữa. Các cơ quan báo chí đòi quyền đầu phiếu "hoàn toàn", - "Weekly Dispatch", "Weekly Chronicle", "Examiner", v.v.,- dần dần rơi vào giọng điệu
nhạt nhẽo như những tờ báo khác của phái tự do, ủng hộ tự do buôn bán, công kích dự luật mười giờ và tất cả mọi yêu cầu đặc biệt của công nhân, nói chung là ít thấy chủ nghĩa cấp tiến. Trong mọi cuộc xung đột, bọn tư sản cấp tiến đều liên kết với Đảng tự do chống phái Hiến chương, họ đặt trọng tâm sự chú ý vào vấn đề về các đạo luật ngũ cốc, đối với người Anh vấn đề đó không phải gì khác hơn vấn đề tự do cạnh tranh. Do đó giai cấp tư sản cấp tiến đã hoàn toàn lệ thuộc vào ảnh hưởng của giai cấp tư sản tự do và hiện nay họ đóng vai trò hết sức thảm hại.

Những công nhân thuộc phái Hiến chương lại càng tham gia tích cực bội phần vào mọi cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Tự do cạnh tranh dễ gây nhiều đau khổ cho công nhân nên họ căm thù nó; những kẻ ủng hộ tự do cạnh tranh, bọn tư sản, là kẻ tử thù của họ. Tự do cạnh tranh hoàn toàn chỉ có hại cho công nhân thôi. Tất cả yêu cầu của họ từ trước cho đến nay - dự luật mười giờ, bảo hộ công nhân chống lại nhà tư bản, lương cao, chỗ làm bảo đảm, phế bỏ đạo luật mới về người nghèo - tất cả những yêu cầu ấy, ít ra cũng là một bộ phận không thể tách rời của phái Hiến chương như là "sáu điểm", trực tiếp chống lại tự do cạnh tranh và tự do buôn bán. Cho nên không nên lấy gì làm lạ rằng công nhân không muốn biết gì về tự do cạnh tranh, về tự do buôn bán, về việc phế bỏ các đạo luật ngũ cốc, ít nhất là rất thờ ơ với những yêu cầu ấy, thù ghét sâu sắc những người ủng hộ chúng, - điều ấy toàn thể giai cấp tư sản Anh không thể hiểu được. Chính ở vấn đề này mà giai cấp vô sản chia tay với giai cấp tư sản, phong trào Hiến chương chia tay với phong trào cấp tiến, và lý trí của người tư sản không thể hiểu được điều này bởi vì không thể hiểu được giai cấp vô sản.

Nhưng đó cũng là chỗ khác nhau giữa nền dân chủ của phong trào Hiến chương với mọi thứ dân chủ chính trị trước đây của giai cấp tư sản. Về *bản chất, phong trào Hiến chương là*

https://thuviensach.vn

một hiện tượng có tính chất xã hội. "Sáu điểm" đối với người tư sản cấp

tiến là hoàn toàn đầy đủ rồi và nhiều lắm chỉ có thể gây ra một vài điều cải cách hiến pháp, còn đối với người vô sản thì chỉ là một thủ đoạn. "Quyền lực chính trị là thủ đoạn của chúng ta, hạnh phúc xã hội là mục đích của chúng ta", đó là khẩu hiệu của phái Hiến chương ngày nay được nêu lên rõ ràng. Lời của giáo sĩ Xtê-phen nói về "vấn đề bát đĩa", vào năm 1838 chỉ là chân lý đối với một bộ phận những người thuộc phái Hiến chương, đến năm 1845 thì đã là chân lý đối với tất cả mọi người. Trong phái Hiến chương không còn có những nhà chính trị thuần tuý nữa. Thực ra thì chủ nghĩa xã hội của họ còn ở trạng thái manh nha, mãi đến nay họ vẫn cho rằng biện pháp chia nhỏ ruộng đất (allment-system) là biện pháp chủ yếu để tiêu diệt nghèo khổ, mà biện pháp ấy đã thành lỗi thời do sự phát triển công nghiệp (xem "Lời nói đầu") và nói chung đại đa số kiến nghị về mặt thực tiễn của họ (những biện pháp bảo hộ vì lợi ích của công nhân, v.v.) xem bề ngoài đều mang tính chất phản động. Nhưng, một mặt, bản thân những biện pháp do họ đề nghị ấy hoặc không thể chịu nổi đòn của cạnh tranh - và bấy giờ tình trạng trước kia sẽ được khôi phục lại, - hoặc là phải tiêu diệt bản thân cạnh tranh; mặt khác, chính tình trạng mơ hồ hiện nay của phong trào Hiến chương và việc nó tách khỏi đảng chính trị thuần tuý tất yếu phải làm cho những *đặc trưng* của phong trào Hiến chương do bản chất xã hội của nó quyết định tiếp tục phát triển. Phong trào Hiến chương tất nhiên tiến gần đến chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là khi nổ ra cuộc khủng hoảng thường kỳ sắp tới, cuộc khủng hoảng này tất đi theo sau tình hình phồn vinh hiện nay của công nghiệp và thương nghiệp, chậm nhất là vào năm 1847[156]1), nhưng có lẽ là ngay sang năm cũng nên, - một cuộc khủng hoảng vượt xa tất cả những cuộc khủng hoảng trước kia về mức độ kịch liệt và sâu sắc,

nó buộc công nhân càng phải tìm lối thoát khỏi cảnh nghèo khổ trong lĩnh vực xã hội, chứ không phải trong lĩnh vực chính trị. Công nhân sẽ thực hiện được Hiến chương của mình, dĩ nhiên là như thế, nhưng đến lúc đó họ sẽ hiểu rõ thêm rất nhiều việc mà họ sẽ có thể thực hiện được thông qua Hiến chương, nhưng bây giờ thì họ còn chưa hình dung được rõ ràng.

Đồng thời, việc cổ động cho chủ nghĩa xã hội cũng đang tiếp tục phát triển. Về *chủ nghĩa xã hội* Anh, ở đây chỉ nói đến ảnh hưởng của nó đối với giai cấp công nhân. Những người xã hội chủ nghĩa Anh đòi thực hiện dần dần chế độ công hữu tài sản bằng biện pháp lập những "khu di dân trong nước" gồm 2-3 nghìn người chuyên về công nghiệp hay nông nghiệp, hưởng quyền lợi bình đẳng và được tiếp thu giáo dục như nhau; những người xã hội chủ nghĩa Anh đòi: tạo những điều kiện dễ dàng cho việc ly hôn, thiết lập một chính thể hợp lý trong đó người ta có quyền hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, thủ tiêu các hình phạt và phải thay vào đó bằng cách đối xử hợp lý với tội phạm. Đó là những yêu cầu *thực tiễn* của họ;

https://thuviensach.vn

chúng tôi không chú ý đến nguyên tắc lý luận của họ ở đây.- Người sáng lập ra thứ chủ nghĩa xã hội Anh là một chủ xưởng, tên là *Ô-oen*. Cho nên chủ nghĩa xã hội của ông, về thực chất, đã vượt lên trên sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, nhưng về hình thức thì vẫn hết sức khoan dung đối với giai cấp tư sản và ở nhiều mặt rất bất công đối với giai cấp vô sản. Những người xã hội chủ nghĩa hết sức hiền lành và ôn hoà; dù chế độ xã hội hiện tại có xấu như thế nào, họ vẫn thừa nhận nó, bởi vì ngoài sự tranh thủ dư luận xã hội ra thì họ phủ nhận mọi con đường khác để cải biến nó. Đồng thời, những nguyên tắc của họ trừu tượng đến nỗi nếu chúng vẫn giữ những hình thức hiện nay thì không bao giờ có thể tranh thủ được dư luận xã hội. Ngoài ra, những người xã hội chủ nghĩa còn luôn luôn than phiền đạo đức suy đồi của các giai cấp hạ đẳng; họ không thấy được những yếu tố tiến bộ trong sự tan rã đó của chế độ xã hội và không thấy được sự suy đồi đạo đức tệ hại hơn nhiều của các

giai cấp có của giả nhân giả nghĩa, chỉ theo đuổi lợi riêng. Họ không thừa nhận sự phát triển lịch sử, cho nên họ mưu tính đưa đất nước vào tình trạng cộng sản chủ nghĩa ngay lập tức, chứ không phải bằng con đường tiếp tục triển khai cuộc đấu tranh chính trị cho đến khi hoàn thành và bản thân nó cũng thủ tiêu [sich selbst auflost] [157]1*. Cố nhiên họ không hiểu tại sao công nhân căm thù người tư sản, nhưng họ cho rằng lòng phẫn nộ, cái duy nhất có thể đưa công nhân tiến lên ấy, là vô ích, và họ đề cao lòng từ thiện và bác ái càng vô ích hơn trong thực tế hiện nay của nước Anh. Họ chỉ thừa nhận sự phát triển của tâm lý, chỉ thừa nhận sự phát triển của con người trừu tượng không có liên hệ gì với quá khứ, trong khi toàn bộ thế giới, và cùng với nó là mỗi cá nhân riêng lẻ đều trưởng thành từ quá khứ đó. Vì vậy họ quá mọt sách, quá siêu hình, và kết quả của họ chẳng được bao nhiêu. Một phần môn đồ của họ là thuộc giai cấp công nhân, nhưng họ chỉ thu hút được một bộ phận rất ít, tuy đó là bộ phận có học nhất và kiên định nhất. Chủ nghĩa xã hội, trong hình thức hiện tại của nó, quyết không thể thành tài sản chung của giai cấp công nhân; muốn thế nó cần phải hạ thấp trình độ của mình và tạm thời trở về quan điểm của phái Hiến chương. Nhưng chủ nghĩa xã hội đã trải qua sự thử thách của phong trào Hiến chương, đã loại trừ được những thành phần tư sản, chủ nghĩa xã hội vô sản chân chính, hiện nay đã được hình thành ở rất nhiều người xã hội chủ nghĩa và nhiều lãnh tụ của phong trào Hiến chương - những người này hầu như là những người xã hội chủ nghĩa hoàn toàn[158]1),-

chủ nghĩa xã hội ấy không bao lâu nữa sẽ đảm nhiệm vai trò trọng yếu trong sự phát triển lịch sử của nhân dân Anh. Chủ nghĩa xã hội Anh có cơ sở rộng hơn nhiều so với chủ nghĩa cộng sản ở Pháp, nhưng về mặt phát triển [159]1* của nó thì lại lạc hậu hơn, nên tạm thời phải quay về quan điểm của người Pháp để sau này lại sẽ vượt xa hơn. Cố nhiên là đến lúc đó thì người Pháp cũng sẽ phát triển lên nữa. Chủ nghĩa xã hội đồng thời cũng là biểu biện kiên quyết nhất của thái độ không tín ngưỡng tôn giáo đang ngự trị trong công nhân, đồng thời biểu hiện gay gắt đến nỗi, công nhân, vốn có thái độ không tín ngưỡng tôn giáo một cách *không tự giác* và thuần tuý thực tiễn thôi, thường đâm ra sợ hãi sự gay gắt đó. Nhưng ở đây

https://thuviensach.vn

sự nghèo khổ cũng bắt buộc công nhân phải bỏ tín ngưỡng là cái điều mà họ càng ngày càng tin chắc chỉ có thể làm cho họ thành uỷ mị và yên phận, ngoan ngoãn phục tùng giai cấp có của là kẻ đang vắt cạn nhựa sống của họ.

Như vậy là chúng ta thấy phong trào công nhân chia thành hai phái: phái xã hội chủ nghĩa và phái Hiến chương. Phái Hiến chương lạc hậu hơn, ít phát triển hơn, nhưng họ là những người vô sản chân chính, thực thụ, là đại biểu của giai cấp vô sản. Những người xã hội chủ nghĩa nhìn xa hơn, đề ra những biện pháp thực tiễn để tiêu diệt nghèo khổ, nhưng họ có nguồn gốc từ giai cấp tư sản, cho nên họ không thể hoà mình vào giai cấp công nhân được. Sự hợp nhất giữa chủ nghĩa xã hội và phong trào Hiến chương, sự tái hiện của chủ nghĩa cộng sản Pháp vận dụng trong hoàn cảnh của Anh là việc tất sẽ xảy ra trong tương lai gần đây và đã chớm nở một phần rồi. Chỉ khi nào thực hiện được điểm ấy thì giai cấp công nhân mới thật sự trở thành chủ nhân của nước Anh; đồng thời sự phát triển chính trị và xã hội sẽ được đẩy mạnh và sẽ tạo điều
kiện thuận lợi cho cái chính đảng mới ra đời ấy, cho bước phát triển sau này ấy của phong trào Hiến chương.

Những nhóm công nhân khác nhau ấy, khi hoà thành một dòng, khi đi riêng lẻ, - những đoàn viên công liên, những người Hiến chương và những người xã hội chủ nghĩa -, tự bỏ tiền ra lập rất nhiều trường học và phòng đọc sách để nâng cao trình độ trí thức của công nhân. Trong mỗi tổ chức xã hội chủ nghĩa và hầu như trong mỗi tổ chức Hiến chương, cho đến cả nhiều công liên theo ngành nghề riêng, đều có những cơ quan ấy. Ở đây trẻ con được tiếp thu giáo dục thuần tuý vô sản, thoát khỏi mọi ảnh hưởng tư sản, và trong các phòng đọc sách báo cũng chỉ có, hoặc hầu như chỉ có những sách báo vô sản. Giai cấp tư sản cho những cơ quan như thế là rất nguy hiểm và đã loại trừ được ảnh hưởng của giai cấp vô sản tại một số cơ quan tức là ở những "Mechanics'Institutions"[115] và biến chúng thành những cơ quan để truyền bá trong công nhân những tri thức khoa học có lợi cho giai cấp tư sản. Ở đấy người ta giảng dạy khoa học tự nhiên mà sự học tập làm cho công nhân thoát ly cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản hoặc còn có thể khiến cho một số người đi vào phát minh để tăng thêm thu nhập cho giai cấp tư sản. Nhưng đối với bản thân công nhân việc nghiên cứu thiên nhiên *hiện nay* hoàn toàn chẳng có ích lợi gì, bởi vì trong thành phố lớn, nơi họ sinh sống, với ngày lao động kéo rất dài thì không bao giờ họ nhìn thấy được thiên nhiên. Ở đấy người ta còn thuyết giáo về kinh tế chính trị học lấy tự do cạnh tranh làm thần tượng; từ môn khoa học này công nhân chỉ có thể rút ra kết luận duy nhất là điều hợp lý nhất đối với họ là cứ âm thầm nhẫn nại chịu chết đói. Ở đấy người ta chỉ dạy công nhân cúi đầu, nhũn nhặn phục vụ chính trị và tôn giáo thống trị, cho nên công nhân chỉ được nghe thuyết giáo về sự vâng lời, thụ động và yên phận. Lẽ tự nhiên là quần chúng công nhân không muốn biết đến những trường học đó; họ chỉ đến những phòng đọc sách vô sản và dự những cuộc thảo luận về những vấn đề có quan hệ trực tiếp đến

https://thuviensach.vn

lợi ích thiết thân của mình. Và khi đó giai cấp tư sản tự túc tự mãn thốt ra câu Dixi et salvavi [160]1* của nó, và quay đi một cách khinh bỉ không thèm nhìn cái giai cấp "chỉ thích nghe lời kêu gọi điên cuồng của những kẻ mị dân ác ý chứ không thích tiếp thu giáo dục đường hoàng". Nhưng công nhân cũng coi trọng cả "giáo dục đường hoàng", chỉ cần là trong đó đừng có xen lẫn cái khôn ngoan vụ lợi của giai cấp tư sản thôi; chứng cớ là trong những trường học hay những phòng đọc sách của công nhân, nhất là của những người xã hội chủ nghĩa, thường tổ chức những buổi diễn thuyết về những vấn đề khoa học tự nhiên, nghệ thuật và kinh tế chính trị học, và người ta đến nghe rất đông. Tôi từng gặp những công nhân tuy mặc áo cánh nhung sợi bông tồi tàn nhưng tỏ ra hiểu biết về địa chất học, thiên văn học và các khoa học khác thạo hơn một số người tư sản Đức có học. Những người đọc những tác phẩm kiệt xuất nhất về chính trị, triết học và thơ ca mới nhất hầu như hoàn toàn là công nhân, điều ấy đặc biệt chứng tỏ rằng giai cấp vô sản Anh đã đạt được thành tựu như thế nào về mặt tạo cho mình một nền giáo dục độc lập. Người tư sản là nô lệ của chế độ xã hội hiện hành và của các thiên kiến có liên hệ với chế độ ấy; anh ta lẩn tránh một cách sợ hãi và trừ bỏ tất cả những cái gì thực sự đánh dấu sự tiến bộ; người vô sản thì lại mở to mắt nhìn thẳng vào tất cả những cái ấy và nghiên cứu một cách thích thú và có kết quả. Về mặt này, những người xã hội chủ nghĩa đã làm được rất nhiều để giáo dục giai cấp vô sản, họ đã dịch những tác phẩm của các nhà duy vật Pháp như *Hen-vê-ti-uýt, Hôn-bách* và *Đi-đơ-rô*, v.v., và xuất bản với giá rẻ để truyền bá những bản dịch ấy cùng các tác phẩm ưu tú nhất của các tác giả người Anh. "Cuộc đời của Giê-xu" của *Stơ-rau-xơ*, và *"Tài sản"*
của *Pru-đông* cũng chỉ được lưu hành trong những người vô sản thôi [116]. Sen-li, nhà tiên tri thiên tài *Sen-li* và *Bay-rơn*, người có nhiệt tình say sưa và châm biếm sâu cay xã hội hiện tại, có độc giả phần lớn trong công nhân; người tư sản chỉ đọc cái gọi là "loại sách gia đình" tức những bản đã bị cắt xén và điều chỉnh cho thích hợp với cái đạo đức giả dối ngày nay. Các tác phẩm của hai nhà triết học thực tiễn lớn nhất của thời đại ngày nay là *Ben-tam* và *Gốt-vin*, đặc biệt là Gốt-vin cũng hầu như hoàn toàn là tài sản của giai cấp vô sản. Nếu như trong giai cấp tư sản cấp tiến còn có những đồ đệ của *Ben-tam* thì chỉ có giai cấp vô sản và những người xã hội chủ nghĩa mới vượt ông ta mà tiến lên. Trên cơ sở ấy, giai cấp vô sản sáng tạo nên sách báo riêng của mình mà đa số là báo chí và sách mỏng, nói về nội dung thì vượt xa mọi sách báo của giai cấp tư sản. Về vấn đề này, lần khác chúng ta sẽ trở lại.

Còn phải nêu ra một điểm nữa. Hạt nhân của phong trào công nhân là những công nhân công xưởng, chủ yếu là công nhân các công xưởng bông vải sợi. Lan-kê-sia nhất là Man-se-xtơ là nơi công liên vững mạnh nhất, là trung tâm của phong trào Hiến chương, là nơi có nhiều người xã hội chủ nghĩa nhất. Chế độ công xưởng thâm nhập vào một ngành lao động nào đó càng sâu thì công nhân của ngành đó được lôi cuốn vào phong trào càng đông. Sự đối lập giữa công nhân và tư bản càng gay gắt, thì ý thức vô sản trong công nhân càng phát triển, càng sâu sắc. Tuy các thợ cả nhỏ ở Bớc-minh-hêm cũng chịu đủ mùi cay đắng do khủng hoảng, nhưng họ còn ở vào địa vị trung gian rủi ro giữa phong trào Hiến chương vô sản và

https://thuviensach.vn

chủ nghĩa cấp tiến tiểu thương. Nhưng nói chung thì tất cả công nhân công nghiệp đều bị cuốn vào hình thức này hay hình thức khác của các cuộc đấu tranh chống tư bản và giai cấp tư sản. Họ đều nhất trí rằng họ là những "working men" [161]1* - đó

là danh hiệu mà họ rất tự hào, danh hiệu phổ biến trong những cuộc hội họp của phái Hiến chương-, rằng họ họp thành giai cấp độc lập có những lợi ích và nguyên tắc riêng, có thế giới quan riêng, là giai cấp đối lập với mọi giai cấp có của, đồng thời cũng là giai cấp làm cơ sở cho sức mạnh và khả năng phát triển sau này của dân tộc.

https://thuviensach.vn

GIAI CẤP VÔ SẢN CÔNG NGHIỆP MỎ

Đối với một nền công nghiệp khổng lồ như ở nước Anh, việc khai thác nguyên liệu và nhiên liệu cũng đòi hỏi một số lượng công nhân rất lớn. Nhưng các loại nguyên liệu cần thiết cho công nghiệp, ngoài len do các khu vực nông nghiệp cung cấp, bản thân nước Anh chỉ khai thác được những khoáng sản: các kim loại và than đá. Vùng Coóc-nu-ay có những mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ kẽm và mỏ chì giàu có; ở Xtáp-phoóc-sia, miền Bắc Oen-xơ và những khu vực khác khai thác được nhiều sắt và hầu như cả miền Bắc và miền Tây Anh, miền Trung Xcốt-len và một số khu vực của Ai-rơ-len thì sản xuất rất nhiều than đá [162]1).

Ở *Coóc-nu-ay* ngành công nghiệp mỏ có tới gần 19 000 đàn ông, 11 000 phụ nữ và trẻ con, một phần làm việc dưới hầm lò, một phần làm việc trên mặt đất. Làm việc ngay trong hầm mỏ thì hầu như toàn là đàn ông và con trai trên 12 tuổi - Theo "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em", tình hình sinh hoạt vật chất của những công nhân ấy hình như cũng tương đối khá: và người Anh vẫn thường khoe khoang về những người thợ mỏ của mình ở Coóc-nu-ay tráng kiện, dũng cảm, khai thác những mạch mỏ thậm chí ở tận dưới đáy biển. Nhưng bản báo cáo lại đánh giá sức lực của những người ấy hơi khác. Bản báo cáo có nghiên cứu sâu sắc của bác sĩ *Ba-rem* đã vạch rõ rằng không khí ở đáy hầm mỏ rất thiếu dưỡng khí, có lẫn nhiều bụi và khói do dùng thuốc nổ, thở vào rất hại phổi, làm rối loạn hoạt động của tim và làm suy yếu các cơ quan tiêu hoá; rằng làm việc căng thẳng, nhất là phải leo lên và leo xuống thang, trong một số hầm mỏ ngay những đàn ông còn trẻ và khoẻ mạnh mỗi ngày trước và sau khi làm việc cũng phải mất hơn một giờ vào việc ấy, cũng góp phần quan trọng làm cho những bệnh tật nói trên phát triển, vì vậy nên những đàn ông, từ bé đã phải xuống hầm mỏ, còn xa mới được khoẻ mạnh bằng phụ nữ làm việc trên mặt đất; rằng nhiều người tuổi còn trẻ đã phải chết vì bệnh lao phổi cấp tính, còn đại đa số thì chết vì bệnh lao phổi mãn tính giữa tuổi thanh xuân; rằng công nhân đều già trước tuổi, khoảng từ 35 đến 45 tuổi đã mất khả năng lao động; rằng rất nhiều người vì leo thang mệt nhọc, mồ hôi nhễ nhại, đột nhiên từ trong hầm nóng chui ra, gặp khí lạnh trên mặt đất, các cơ quan hô hấp của họ vốn đã có bệnh, liền mắc luôn chứng viêm cấp tính, nhiều khi vì thế mà mất mạng. - Công việc đập quặng và phân loại quặng trên mặt đất, do những thiếu nữ và trẻ con làm được coi là rất tốt cho sức khoẻ vì được làm giữa không khí trong lành.

https://thuviensach.vn

Chỗ giáp giới của Noóc-tơn-bớc-len và Đớc-am ở miền Bắc Anh có những mỏ chì An-xtơn-Mua giàu có. Những tài liệu nói về khu
vực ấy- báo cáo của Mít-sen, uỷ viên tiểu ban trong "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" - hầu như hoàn toàn phù hợp với những tài liệu nói về Coóc-nu-ay. Ở đây cũng vạch ra tình hình thiếu dưỡng khí, không khí đầy bụi, khói thuốc nổ, than khí và khí sun-phua-rơ. Do đó thợ mỏ ở đây cũng như ở Coóc-nu-ay đều thấp bé và hầu hết đều mắc bệnh phổi từ năm 30 tuổi, khi người đã mắc bệnh vẫn cứ tiếp tục làm việc, hầu như đều thế cả, thì bệnh ấy cuối cùng sẽ chuyển thành bệnh lao phổi thực sự, và rút ngắn rất nhiều tuổi thọ trung bình của họ. Nếu thợ mỏ ở đây sống lâu hơn chút ít so với thợ mỏ ở Coóc-nu-ay, đó là vì tới 19 tuổi họ mới bắt đầu làm việc dưới hầm của hầm mỏ, trong khi đó ở Coóc-nu-ay, như chúng ta đã biết, họ bắt đầu từ 12 tuổi. Nhưng, theo lời các thầy thuốc thì ở đây đại đa số người cũng chết trong khoảng từ 40 đến 50 tuổi. Trong số 79 người thợ mỏ chết, ghi trong sổ đăng ký chính thức ở trong khu vực này, có 37 người chết vì lao phổi, 6 người chết vì hen suyễn, tuổi thọ trung bình của họ là 45. Ở mấy trung tâm dân cư gần đấy như: An-len-đên, Stan-hốp và Mít-đơn-tơn, tuổi thọ trung bình là 49, 48, 47, còn số chết vì bệnh phổi chiếm 48%, 54% và 56% tổng số người chết. Có điều đáng chú ý là những con số ấy chỉ tính những thợ mỏ *đủ mười chín tuổi* mới xuống hầm mỏ. Chúng ta hãy đem những con số ấy so sánh với cái gọi là những bảng thống kê Thuỵ Điển - những bảng thống kê tỉ mỉ về tình hình tử vong của toàn thể cư dân Thuỵ Điển - những bảng thống kê này vẫn được người nước Anh coi là tiêu chuẩn chính xác nhất để tính tuổi thọ trung bình của giai cấp công nhân Bri-ten. Theo những bảng ấy thì tuổi thọ trung bình của những người đàn ông tuổi ngoài mười chín là 57 tuổi rưỡi, như thế thì tuổi thọ của thợ mỏ miền Bắc Anh đã vì lao động mà bị rút ngắn trung bình là mười năm. Nhưng cũng không nên quên rằng những bảng thống kê Thuỵ Điển nêu tuổi thọ trung bình của *công nhân*, tức là nêu số tuổi của giai cấp vô sản có thể sống được trong những điều kiện sinh sống bất lợi của
họ, tức là số tuổi thọ đã thấp hơn tuổi thọ trung bình bình thường. - Tại khu vực này, chúng ta cũng thấy những quán trọ và những nhà ngủ mà chúng ta đã biết ở các thành phố lớn; tình hình bẩn thỉu, hôi thối và chen chúc ở đây cũng không kém gì. Mít-sen đã thăm một gian buồng dài 18 phút, rộng 15 phút, bên trong có 14 chiếc giường xếp cái này *chồng lên* cái kia thành hai dãy như trên tàu thuỷ, cho 42 người đàn ông và 14 đứa trẻ con, tất cả 56 người ở. Không có lỗ thông hơi; mặc dù đã ba đêm không ai ngủ ở đấy mà gian buồng vẫn hôi thối và ngột ngạt đến nỗi ông Mít-sen không thể ở lại đó một phút nào. Vào một đêm hè nóng nực, nhét 56 người vào đó thì sẽ như thế nào! Đấy không phải là cái boong một chiếc tàu của một anh lái buôn nô lệ người Mỹ, mà là chỗ ở của "những người Bri-ten bẩm sinh tự do"!

Bây giờ chúng ta hãy nói đến những ngành quan trọng nhất của công nghiệp mỏ nước Anh - những mỏ sắt và mỏ than đá, mà "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" đã phân tích chung, đồng thời phân tích hết sức tỉ mỉ, đúng như tính chất quan trọng của vấn đề ấy đòi hỏi. Hầu hết phần thứ nhất của bản báo cáo nói về tình cảnh công nhân làm việc trong

https://thuviensach.vn

2 ngành ấy. Ở trên, tôi đã mô tả kỹ về tình cảnh công nhân công nghiệp, cho nên bây giờ tôi có thể viết vắn tắt theo yêu cầu của khuôn khổ cuốn sách này.

Trong các mỏ than và mỏ sắt mà phương pháp khai thác đại thể giống nhau, đều sử dụng lao động của trẻ con 4 tuổi, 5 tuổi, 7 tuổi, nhưng đại đa số trên 8 tuổi. Công việc của chúng là vận chuyển quặng hoặc than đào được từ nơi khai thác đến các đường xe ngựa chở, hoặc đến mỏ chính, hoặc mở và đóng những cánh cửa thông từ bộ phận này sang bộ phận khác trong mỏ cho công nhân và quặng đi qua. Gác những cánh cửa ấy, phần nhiều là những đứa bé nhất, hàng ngày chúng phải ngồi một mình suốt 12 giờ trong những lối đi chật hẹp, tối om, thường là ẩm ướt, thậm chí không đủ việc làm để khỏi phải buồn chán đến mụ người đi
vì nhàn rỗi. Ngược lại, công việc vận chuyển than và quặng sắt thì lại rất nặng nề, vì phải kéo những chiếc thùng khá lớn không có bánh xe, chất đầy than hay quặng sắt, trên những lối đi lồi lõm của các đường hầm phải lội qua bùn hoặc nước, phải leo dốc đứng và qua những ngách đi có khi chật đến nỗi phải bò mới qua được. Vì vậy, công việc nặng nhọc này do những con trai tương đối lớn tuổi và những con gái sắp thành niên cáng đáng. Tuỳ theo tình hình mỗi chiếc thùng đựng quặng hoặc do một công nhân lớn tuổi kéo, hoặc do hai đứa trẻ con, một đứa đi trước kéo, một đứa đi sau đẩy. Công việc đào quặng hay than, do những đàn ông hoặc những thanh niên trên 16 tuổi tương đối lực lưỡng làm, cũng hết sức mệt. - ngày làm việc thông thường dài 11 - 12 giờ, thường là dài hơn, ở Xcốt-len còn làm việc tới 14 giờ. Rất thường hay làm việc gấp đôi thời gian, do đó, mọi công nhân đều phải liên tục làm việc dưới đất suốt 24 giờ, có khi tới 36 giờ. Phần nhiều không có giờ nghỉ cố định để ăn, cho nên công nhân chỉ được ăn lúc thật đói và khi nào tranh thủ được một chút thì giờ rỗi.

Tình cảnh bên ngoài của thợ mỏ được miêu tả nói chung là tương đối sung túc, tiền lương của họ được xem là thậm chí cao hơn lương các công nhân nông nghiệp những vùng xung quanh (số công nhân này thực ra là bị đói): trừ một vài vùng ở Xcốt-len và khu mỏ than Ai-rơ-len là nơi hết sức nghèo đói. Chúng ta còn có dịp bàn lại cách đánh giá ấy về tình cảnh của công nhân mỏ, cách đánh giá ấy vả chăng chỉ là so sánh với tình cảnh giai cấp nghèo khổ nhất của cả nước Anh. Bây giờ, chúng ta hãy nghiên cứu những hậu quả tai hại mà phương pháp khai thác mỏ hiện nay đã tạo nên, rồi độc giả sẽ phán đoán xem có thể có tiền lương nào đền bù được những nỗi khốn khổ mà công nhân phải chịu đựng.

Những nhi đồng và thiếu niên chuyển quặng sắt và than đá đều kêu là công việc quá mệt nhọc. Ngay trong những công xưởng bóc lột công nhân tàn khốc nhất, chúng ta cũng chưa bao giờ thấy

tình hình kiệt sức phổ biến và cao độ đến như thế. Mỗi trang của bản báo cáo đều nêu ra nhiều ví dụ. Người ta thường thấy những trẻ con hễ về đến nhà là lăn ra nền nhà lát đá bên bếp lò ngủ luôn, thậm chí chúng không thể ăn uống được gì, cha mẹ chúng phải bế chúng đang ngủ đi rửa ráy và đặt lên giường. Thường có lúc mệt quá chúng ngã lăn ra và ngủ ngay giữa đường, đến khuya cha mẹ chúng đi tìm và đưa chúng đang mê ngủ về nhà. Thông thường có lẽ cứ đến ngày chủ nhật là chúng dùng một phần lớn thời gian để ngủ, nhằm lấy

https://thuviensach.vn

một chút ít sức lực sau một tuần lễ làm việc mệt lử. Chỉ một số ít trẻ con đến nhà thờ và trường học, các thầy giáo thường than phiền rằng chúng luôn luôn ở tình trạng ngái ngủ và rất đần độn, mặc dù chúng rất thích học. Tình hình các cô gái và phụ nữ cũng như vậy. Người ta bắt họ phải lao động quá sức một cách vô cùng tàn nhẫn. Tất nhiên sự mệt lử đến đau đớn quá độ như thế, không thể không ảnh hưởng tới cơ thể của người công nhân. Hậu quả đầu tiên của lao động quá mức ấy là các bắp thịt phát triển không đều, tức là các bắp thịt tay, chân, lưng, vai và ngực, chủ yếu phải dùng sức lúc kéo và đẩy thì phát triển quá mức thường, còn các bộ phận khác của thân thể thì lại kém phát triển vì thiếu chất dinh dưỡng. Trước hết là cơ thể không lớn được hay lớn lên chậm: hầu hết thợ mỏ tầm vóc đều bé nhỏ, trừ những thợ mở ở Ươ-uých-sia và Lê-xtơ-sia được làm việc trong những điều kiện đặc biệt thuận lợi hơn. Sau nữa là tuổi dậy thì của con trai và con gái rất chậm, ở con trai thường muộn tới 18 tuổi. Uỷ viên tiểu ban Xai-mơn-xơ đã gặp một thanh niên 19 tuổi mà các bộ phận trong cơ thể, trừ hàm răng, chỉ phát triển như một đứa trẻ 11-12 tuổi. Sự kéo dài thời kỳ thơ ấu ấy, về thực chất, chỉ là kết quả của sự phát triển bị trở ngại và tất nhiên có hậu quả về sau. Trong những điều kiện như thế và trong tình hình cơ thể suy yếu như vậy, nhất là với tư thế luôn luôn gò bó khi lao động, những hậu quả phổ biến, nhất là: cẳng chân cong, đầu gối khẳng khiu, bàn chân chữ bát, cột sống vẹo và những tật
khác; những tật ấy phổ biến đến mức là vô luận ở Y-oóc-sia, ở Lan-kê-sia hay ở Noóc-tơm-bớc-len và Đớc-am nhiều người, trong đó có thày thuốc, đã nhất trí xác nhận rằng chỉ cần nhìn thân hình con người là có thể nhận ra ngay ai là thợ mỏ trong đám hàng trăm công nhân. Đặc biệt là phụ nữ bị lao động ấy làm hại nhiều nhất; thân thể họ ít khi được hoàn toàn bình thường, nói cho đúng hơn, hầu như không bao giờ hoàn toàn bình thường. Bản báo cáo cũng đưa nhiều bằng chứng nói lên rằng lao động trong các mỏ và các hầm mỏ đã làm cho cấu tạo xương chậu của phụ nữ trở nên không bình thường, do đó sinh đẻ khó, thậm chí có khi chết. Ngoài những tật loại ấy ra, công nhân mỏ than còn mắc rất nhiều bệnh nghề nghiệp mà các công nhân mỏ khác cũng mắc phải; rất dễ thấy nguyên nhân trong điều kiện lao động của họ. Trước hết là các bệnh đường ruột: ăn không ngon; phần nhiều bị đau bụng, lợm giọng và nôn mửa, đồng thời khát nước dữ dội, nhưng để giải khát, họ chỉ có thứ nước bẩn, thường là hơi âm ấm ở trong mỏ. Hoạt động của bộ máy tiêu hoá bị phá hoại, do đó mở đường cho các thứ bệnh khác sinh sôi nảy nở. Theo lời làm chứng của nhiều người thì công nhân mỏ than thường bị các bệnh về tim, như tim mở to, viêm tim, viêm màng tim, mạch thông tâm thất và động mạch chủ bị co lại; nguyên nhân những bệnh ấy là lao động quá mức độ. Bệnh thoát vị hầu như phổ biến, và là hậu quả trực tiếp của việc các bắp thịt bị căng thẳng quá độ. Phần thì do bắp thịt bị căng thẳng quá độ, phần thì do trong hầm mỏ không khí đầy bụi cùng những khí các-bô-níchvà khí mỏ (lẽ ra ở đây dễ tránh) do đó sinh ra nhiều bệnh phải đau đớn và nguy hiểm, nhất là bệnh suyễn; ở một vài khu vực, bệnh này đã xuất hiện trong đại đa số thợ mỏ than vào khoảng bốn mươi tuổi, ở một số khu vực khác ngay từ ba mươi tuổi, khiến họ mất năng lực lao động rất nhanh. Đương nhiên là hiện tượng tức thở bắt đầu sớm hơn nhiều ở

https://thuviensach.vn

những công nhân làm việc trong những hầm mỏ ẩm ướt; một vài nơi ở Xcốt-len, công nhân mắc bệnh tức thở
giữa khoảng 20 đến 30 tuổi, là tuổi mà phổi bị bệnh rất dễ nhiễm chứng viêm và chứng sốt nóng. Một thứ bệnh nghề nghiệp của những công nhân ấy là bệnh đờm đen (black spittle) sinh ra do bụi than nhỏ li ti lọt vào phổi; triệu chứng của bệnh là suy nhược toàn thân, nhức đầu, khó thở, khạc đờm đặc và đen. Ở một vài nơi bệnh này tương đối nhẹ, nhưng ở một số nơi khác, nhất là ở Xcốt-len, thì nó lại là bệnh không thể chữa được; ở đấy, ngoài các triệu chứng kể trên biểu hiện nặng hơn, còn có những triệu chứng khác như: hơi ngắn có tiếng rít, mạch đập nhanh (hơn 100 lần mỗi phút), ho nhát gừng; bệnh nhân ngày càng gầy yếu, mất năng lực lao động nhanh. Ở Xcốt-len, mắc bệnh này bao giờ cũng chết. Theo lời bác sĩ Mác-Ken-la ở Pen-cai-tlen, I-xtơ-Lô-thi-an, thì ở tất cả các hầm mỏ có thiết bị thông gió tốt, nói chung không thấy có thứ bệnh ấy, nhưng những công nhân đang ở những mỏ có thiết bị thông gió tốt, chuyển đến làm việc ở các mỏ thiết bị thông gió kém thì lại hay mắc phải bệnh ấy. Như vậy là tình hình phổ biến của bệnh này chỉ nên quy tội cho các chủ hầm mỏ tham lợi không chịu đặt thiết bị thông gió tốt. Bệnh tê thấp cũng là chứng bệnh chung của tất cả các công nhân mỏ, trừ các công nhân mỏ than Ươ-uých-sia và Lê-xtơ-sia, và phần nhiều là do nơi làm việc ẩm thấp gây nên.- Kết quả của các chứng bệnh ấy là thợ mỏ ở khắp các khu vực, *không trừ một nơi nào,* đều già rất sớm, và từ 40 tuổi - có khu sớm hơn, có khu muộn hơn đôi chút - đã không thể làm việc được nữa. Rất ít thấy thợ mỏ có thể tiếp tục làm việc đến 45 hoặc 50 tuổi. Theo các tài liệu chứng minh tổng quát thì công nhân mỏ cứ đến 40 tuổi là già. Đó là nói về những công nhân đào than; còn những công nhân bốc vác, thường xuyên phải khuân những tảng than nặng xếp vào thùng, thì từ 28-30 tuổi đã trở nên già, cho nên ở các khu mỏ than có câu ngạn ngữ rằng: Công nhân bốc than, chưa kịp trẻ đã già rồi. Công nhân mỏ than già sớm như vậy, tất nhiên cũng chết sớm, vì vậy rất ít gặp người già 60 tuổi trong bọn họ; ngay trong các mỏ ở miền Nam Xtáp-phoóc-
sia thiết bị khá hơn nhiều, cũng chỉ có một số ít người sống được đến tuổi sáu mươi. - Công nhân già trước tuổi như vậy, nên tất nhiên là ở đây cũng như ở công xưởng, thường thấy những cha mẹ thất nghiệp phải sống nhờ vào con của mình nhiều khi còn rất bé, - Nếu tóm tắt sơ lược những hậu quả do lao động ở mỏ than gây nên, chúng ta có thể tán thành lời nói của bác sĩ Xao-vu-đơ Xmít, một trong các uỷ viên tiểu ban: một mặt do thời kỳ thơ ấu kéo dài, mặt khác do tuổi già đến sớm mà rút ngắn rất nhiều quãng đời sung sức nhất của con người, và tuổi thọ thường bị giảm đi vì chết yểu. Tất cả cái đó cũng phải ghi vào khoản nợ của giai cấp tư sản!

Hết thảy những điều nói trên chỉ là tình hình trung bình của các mỏ nước Anh. Nhưng có nhiều mỏ trong đó điều kiện làm việc còn tồi tệ hơn rất nhiều, nhất là ở các mỏ khai thác những lớp than mỏng. Khi đào than mà lấy đi một phần các lớp cát và đất sét dính vào than thì giá than đắt quá; cho nên chủ mỏ chỉ cho đào mạch than, không cho đụng đến cát và đất sét; những đường hầm ở nơi khác thường cao 4 - 5 phút hoặc hơn chút đỉnh thì ở đây thấp đến nỗi không thể đứng được. Công nhân đành phải nằm nghiêng, tì khuỷu tay xuống đất mà

https://thuviensach.vn

cuốc than. Tư thế ấy gây nên sưng khớp xương khuỷu tay, và khi công nhân phải quỳ mà làm việc thì bị sưng khớp xương đầu gối. Phụ nữ và trẻ con kéo than, họ dùng dây và xích, đôi khi luồn qua háng, bò hai chân hai tay kéo những thùng than, còn người ở phía sau phải đẩy bằng đầu và tay. Việc đẩy bằng đầu làm tấy lên từng chỗ, gây nên những khối u và ung nhọt. Ngoài ra phần nhiều các đường hầm đều ẩm ướt, công nhân phải bò lết trong nước bẩn hoặc nước mặn, sâu tới vài pu-sơ, nên da họ bị lở loét. Rất dễ hình dung được rằng thứ lao động bị bắt buộc khủng khiếp ấy làm cho những bệnh hoạn vốn đã có ở công nhân mỏ, dễ dàng phát triển như thế nào.

Nhưng tai họa đổ xuống đầu người công nhân mỏ đâu phải chỉ có thế. Trong toàn Vương quốc Bri-ten không có ngành lao động nào
mà tính mệnh công nhân bị đe doạ thường xuyên như ở đây. Mỏ than là nơi xảy ra rất nhiều tai nạn khủng khiếp nhất, và những tai nạn khủng khiếp ấy đều do lòng tham không đáy của giai cấp tư sản gây nên. Trong hầm mỏ thường có khí mỏ bay ra, khí ấy hỗn hợp với không khí, tạo thành một thứ khí nổ, hễ tiếp xúc với lửa là nổ, giết chết những người ở quanh đấy. Những vụ nổ như thế, lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, hầu như xảy ra hàng ngày. Ngày 28 tháng Chín 1844, trong hầm mỏ Ha-xơ-oen ở Đớc-am đã xảy ra một vụ nổ làm chết 96 người. Ngoài ra trong hầm mỏ còn bay ra rất nhiều thán khí, tích tụ ở những chỗ thấp nhất, thường cao hơn đầu người, ai vào đấy là chết ngạt. Lẽ ra những cánh cửa ngăn các bộ phận trong hầm mỏ có thể ngăn không cho các vụ nổ lan tràn và các khí độc di chuyển, nhưng vì người gác cửa là trẻ con, chúng thường ngủ quên hoặc lơ đễnh với trách nhiệm cho nên cách đề phòng ấy chẳng qua là hữu danh vô thực mà thôi. Nếu dùng giếng thông gió để cho không khí trong hầm mỏ lưu thông thì rất có thể loại trừ được tác dụng nguy hại của hai chất khí ấy, nhưng bọn tư sản đời nào lại bỏ tiền làm việc đó, họ chỉ khuyên công nhân sử dụng đèn Đê-vi, nhưng loại đèn này ánh sáng yếu ớt, chẳng được tích sự gì cho công nhân, nên họ đành phải dùng nến thường. Nếu xảy ra một vụ nổ thì dĩ nhiên người ta đổ tại công nhân cẩu thả, trong khi ấy nếu bọn tư sản chịu làm tốt thiết bị thông gió thì hầu như không thể xảy ra các vụ nổ được. Thứ nữa, lúc nào cũng có thể xảy ra tai nạn sụp toàn bộ hoặc từng phần đường hầm, chôn vùi công nhân hoặc làm họ trở thành tàn phế; điều mà bọn tư sản quan tâm là phải dốc sức đào hết nhẵn than trong mạch than, đó là nguyên do gây nên những vụ sụt lở ấy. Hơn nữa, những dây thừng công nhân dùng để xuống hầm mỏ thường rất xấu và bị đứt, những công nhân bất hạnh ấy rơi tuột xuống đáy hầm mỏ, thịt nát xương tan. Tất cả những tai nạn ấy - vì khuôn khổ cuốn sách có hạn, tôi không thể dẫn ra từng ví dụ một, - theo thống kê của tờ "Mining Journal",[117]
mỗi năm đã cướp đi khoảng 1400 mạng người. Tờ "Manchester Guardian" đưa tin, chỉ riêng ở Lan-kê-sia mỗi tuần ít nhất cũng xảy ra hai hoặc ba vụ. Ở hầu hết mọi khu, những bồi thẩm có nhiệm vụ xác minh nguyên nhân chết người đều lệ thuộc vào các chủ mỏ nhưng ngay trong trường hợp không phải như thế thì sự xét xử cũng vẫn chỉ làm chiếu lệ:*"chết vì tai nạn"*. Ngoài ra các viên bồi thẩm rất ít khi chú ý đến tình hình hầm mỏ, vì họ có hiểu gì đâu.

https://thuviensach.vn

Nhưng "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" không chút do dự quy trách nhiệm cho các chủ mỏ về đa số những tai nạn ấy.

Còn về mặt phát triển trí dục và đạo đức của công nhân mỏ thì theo "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em", tình hình ở Coóc-nu-ay về hai mặt ấy có khá, và ở Ôn-xtơ-Mua thậm chí còn trội hẳn; nhưng ở các khu mỏ than thì cả trình độ trí dục và trình độ đạo đức nói chung rất thấp. Công nhân sống ở nông thôn, ở những vùng hẻo lánh và miễn là họ làm xong công việc nặng nhọc của họ, rồi thì ngoài cảnh sát ra, chẳng có ai quan tâm đến họ nữa. Do đó và đồng thời vì trẻ con phải đi làm từ khi tuổi còn rất nhỏ nên trình độ trí dục của họ hết sức thấp. Trường phổ thông thì chúng không được vào học, còn trường buổi tối và trường ngày chủ nhật thì chẳng ra gì, vì thầy giáo chẳng được tích sự gì. Bởi vậy rất ít người biết đọc, số người biết viết lại càng ít hơn. Theo lời chứng minh của các uỷ viên tiểu ban thì điều duy nhất họ hiểu được là tiền lương mà họ phải làm việc vất vả và nguy hiểm để đổi lấy, rất ít ỏi. Họ không bao giờ hoặc chỉ thỉnh thoảng mới đi nhà thờ; tất cả các mục sư đều trách họ là rất thiếu lòng mộ đạo. Thật ra họ tỏ ra quá kém hiểu biết về các vấn đề tôn giáo và trần thế đến nỗi mức kém hiểu biết của những công nhân công nghiệp mà tôi đã thuật ở trên chưa thấm vào đâu. Họ chỉ có những khái niệm về tôn giáo trong lời chửi rủa, đạo đức của họ bị bản thân những điều kiện lao động của họ phá huỷ. Rõ ràng là sự mệt nhọc quá mức của tất cả công nhân mỏ tất nhiên đẩy
họ đến rượu chè. Về quan hệ nam nữ thì nên biết rằng vì trong hầm mỏ rất nóng nên đàn ông, đàn bà, trẻ con nhiều khi làm việc hoàn toàn trần truồng, và đại đa số trường hợp là không che đậy gì cả. Trong những đường hầm ở mỏ vắng vẻ, tối om, tình trạng ấy dẫn đến hậu quả ra sao thì ai cũng có thể tưởng tượng được. Số con ngoài giá thú nhiều vô cùng, điều này đã nói lên một cách hết sức rõ ràng ở đây giữa những con người nửa dã man ấy, đã xảy ra những chuyện gì; nhưng nó cũng chứng tỏ rằng ở đây quan hệ tình dục ngoài giá thú chưa đến nỗi trở thành nạn mại dâm như ở các thành phố. Lao động của người phụ nữ ở đây cũng có những hậu quả như ở các công xưởng; nó phá hoại gia đình, làm cho người phụ nữ hoàn toàn mất khả năng thực hiện nghĩa vụ làm mẹ và nhiệm vụ nội trợ của họ.

Khi bản "Bản cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em" được trình bày ở nghị viện, huân tước Ê-sli vội vàng đưa ngay ra một bản dự luật tuyệt đối cấm dùng phụ nữ làm việc trong hầm mỏ và hạn chế nghiêm ngặt việc dùng lao động trẻ em. Đạo luật đã được thông qua[118], nhưng ở phần nhiều các vùng nó vẫn còn là một mớ giấy loại, vì người ta không bổ nhiệm ngay cả những viên thanh tra mỏ để giám sát việc thi hành đạo luật đó. Ngoài ra ở những khu nông thôn có hầm mỏ thì trốn tránh đạo luật ấy vốn đã rất dễ dàng. Vì vậy không có gì lạ khi thấy liên đoàn thợ mỏ, năm ngoái đã chính thức báo cho bộ trưởng Bộ nội vụ biết là có hơn 60 phụ nữ làm việc ở mỏ của công tước Ha-min-tơn ở Xcốt-len, và khi thấy báo "Manchester Guardian" đăng tin một người con gái bị chết trong một vụ nổ ở hầm mỏ gần Uy-gan, nếu tôi không nhầm, thì chẳng còn ai chú ý đến việc một hành động phạm pháp bị

https://thuviensach.vn

phơi bày như thế. Trong một số trường hợp cá biệt có lẽ đạo luật được tuân theo nhưng nói chung thì mọi việc vẫn còn như cũ.

Nhưng nỗi đau khổ của người công nhân mỏ không phải chỉ có thế. Giai cấp tư sản vẫn còn chưa thoả mãn về việc nó đang huỷ
hoại sức khoẻ của họ khiến tính mệnh họ hàng giờ hàng phút bị đe doạ, và cướp hết của họ khả năng tiếp thu một chút giáo dục nào đó, lại còn bóc lột họ với những phương thức bỉ ổi nhất. Ở đây, chế độ trả lương bằng hàng hoá không phải là điều ngoại lệ mà là lệ thường, và được áp dụng một cách trắng trợn nhất. Chế độ cốt-ta-giơ được áp dụng rộng rãi ở đây, phần nhiều là cần thiết, nhưng nó cũng được dùng để tăng cường hơn nữa sự bóc lột công nhân. Ngoài ra công nhân còn bị đủ mọi phương pháp lừa đảo khác: than bán ra thì tính theo trọng lượng, nhưng tiền lương công nhân thì phần lớn lại trả theo khối lượng, và nếu sọt than của anh ta chưa đầy hẳn thì anh ta không nhận được *một đồng tiền công nào*, nhưng chở nhiều hơn thì lại chẳng được thêm đồng nào. Nếu đá sỏi của mỗi sọt than vượt quá lượng quy định thì người công nhân ấy không những hoàn toàn không được trả lương mà còn bị phạt, nhưng đá sỏi nhiều do lỗi công nhân ít hơn là do chất lượng của mạch than. Nói chung ở các mỏ than, chế độ phạt tiền tinh vi đến nỗi có khi một anh chàng khốn khổ sau khi lao động cả một tuần lễ, đến lĩnh lương, thì được đốc công - đốc công thích phạt thì phạt, chẳng cần báo trước cho công nhân rõ - cho biết rằng anh ta không những không được lĩnh đồng lương nào, mà còn phải nộp bao nhiêu tiền phạt nữa! Nói chung đốc công độc đoán trong việc giải quyết tiền lương; nó ghi nhận việc đã làm, rồi tuỳ ý muốn trả cho công nhân bao nhiêu thì trả, người công nhân bắt buộc phải tin vào lời hắn nói. Ở một số mỏ tính tiền lương theo trọng lượng thì người ta dùng những cái cân thập phân không chính xác, quả cân không cần phải qua kiểm nghiệm của các nhà đương cục; thậm chí ở một mỏ còn đặt lệ rằng nếu công nhân muốn khiếu nại cân không đúng thì phải báo cho đốc công biết trước ba tuần lễ! Ở nhiều vùng, nhất là ở miền Bắc Anh, còn có tục lệ thuê công nhân cả năm; trong suốt năm ấy, người công nhân không được làm cho chủ nào khác, nhưng người chủ thì lại không cam kết phải cho họ có việc làm, thành thử có khi cả tháng họ không có việc làm, mà nếu
muốn đi nơi khác tìm công việc thì lại bị buộc vào tội tự ý bỏ việc và bị tống giam sáu tuần lễ vào nhà tù. Một số hợp đồng khác bảo đảm cho công nhân cứ hai tuần lễ được 26 si-linh tiền lương, nhưng lại không được thực hiện. Ở một vài khu, chủ mỏ cho công nhân vay một số tiền nhỏ và bắt họ phải làm việc để trừ, như vậy là buộc họ theo mình. Ở miền Bắc còn có cái tục lệ thường xuyên giữ của công nhân một tuần lễ tiền lương không phát để ràng buộc công nhân mỏ với mỏ. Tình hình kể dưới đây làm cho những công nhân bị ràng buộc ấy hoàn toàn sa xuống địa vị nô lệ: trong hầu hết các thẩm phán hoà giải thì cũng là bạn bè thân thích của chủ mỏ, và họ có quyền hành hầu như vô hạn ở những vùng nghèo nàn lạc hậu ấy, ở những nơi rất ít báo chí, - vả lại báo chí cũng chỉ phục vụ giai cấp thống trị thôi, - còn công tác cổ động chính trị thì rất yếu. Thậm chí khó mà hình dung được những thẩm phán hoà giải ấy sử dụng quyền xét xử mưu lợi cho chúng, đã bóc lột và ức hiếp những công nhân mỏ bất hạnh ấy như thế nào.

https://thuviensach.vn

Tình hình này đã diễn ra một thời gian dài. Người công nhân mỏ chỉ biết một điều là mình sống trên thế giới này chỉ để cho người ta róc xương róc thịt mình. Nhưng trong bọn họ, trước tiên là ở những khu công xưởng là nơi mà sự tiếp xúc với những công nhân công xưởng giác ngộ cao hơn không thể không ảnh hưởng đến họ, đã dần dần xuất hiện tinh thần phản kháng chống sự áp bức bỉ ổi của bọn *"vua than"*. Công nhân mỏ bắt đầu tổ chức những liên đoàn, đôi lúc tổ chức bãi công. Ở những vùng văn hoá khá hơn, thậm chí họ còn toàn tâm tham gia phong trào Hiến chương. Nhưng khu mỏ than lớn ở Bắc Anh hoàn toàn cách biệt với cuộc sống công nghiệp thì luôn luôn lạc hậu so với trào lưu chung; cho đến năm 1843, sau nhiều lần cố gắng của phái Hiến chương và của bản thân những người công nhân mỏ tương đối giác ngộ, tinh thần phản kháng chung mới được thức tỉnh rộng rãi. Công nhân ở Noóc-tơm-bớc-len và ở Đớc-am cũng hoàn toàn bước vào phong
trào và đã dẫn đầu phong trào trong một tổng liên đoàn thợ mỏ than toàn Đại Bri-ten, đồng thời mời luật sư *V.P.Rô-bớt* ở Bri-txơn, một người thuộc phái Hiến chương làm "người tổng đại diện" của họ, ông này đã nổi tiếng quá nhiều vụ án trước kia của phái Hiến chương, Liên đoàn ấy phát triển rất nhanh chóng tới đại bộ phận các khu, cử đại diện ở khắp nơi, những người này triệu tập các cuộc họp, kết nạp đoàn viên. Cho đến khi có đại hội đại biểu lần thứ nhất tháng Giêng 1844 ở Man-se-xtơ, liên đoàn đã có hơn 6 vạn đoàn viên, nửa năm sau, đến đại hội đại biểu lần thứ hai triệu tập ở Gla-xgô thì số đoàn viên đã vượt quá 10 vạn người. Hai lần đại hội đại biểu ấy đã thảo luận mọi vấn đề về công nhân mỏ than và đã có những nghị quyết về vấn đề bãi công quy mô lớn. Nhiều báo chí mới xuất bản định kỳ được sáng lập để bảo vệ quyền lợi của công nhân mỏ, nhất là tờ nguyệt san "The Minefr's Advocate" ở Niu-cát-xơn trên sông Tai-nơ.

Ngày 31 tháng Ba 1844, tất cả các bản hợp đồng thuê công nhân mỏ than ở Noóc-tơm-bớc-len và Đớc-am đều hết hạn. Họ liền uỷ thác cho Rô-bớc thảo ra một bản hợp đồng mới, đề ra những yêu sách như sau: 1) trả công theo trọng lượng, chứ không theo khối lượng; 2) khi cần phải dùng bàn cân và quả cân thường, đã được viên thanh tra của chính phủ kiểm nghiệm; 3) thời hạn thuê là nửa năm; 4) bãi bỏ chế độ phạt tiền và trả lương cho toàn bộ công việc đã làm được; 5) phía chủ mỏ có nghĩa vụ bảo đảm cho các công nhân chuyên làm việc cho họ ít nhất 4 ngày lao động mỗi tuần hoặc bảo đảm cho họ có 4 ngày tiền lương mỗi tuần. Họ gửi bản hợp đồng ấy cho các vua than và cử một đoàn đại biểu đi đàm phán. Nhưng các chủ mỏ trả lời rằng: đối với họ, không có liên đoàn thợ mỏ than nào cả, họ chỉ biết từng công nhân một, còn liên đoàn thì không bao giờ họ thừa nhận. Về phía chủ mỏ, cũng đưa ra một bản dự thảo hợp đồng khác không hề đả động gì đến mấy điểm nói trên và đương nhiên là công nhân cự tuyệt. Thế là đôi bên tuyên chiến với nhau. Ngày 31 tháng Ba
1844, 4 vạn công nhân mỏ than hạ cuốc và tất cả các hầm mỏ của cả hai tỉnh đều không một bóng người. Nguồn của cải của liên đoàn khá lớn: trong mấy tháng liền, mỗi gia đình mỗi tuần lễ có thể được lĩnh tới 2 si-linh rưỡi tiền trợ cấp. Trong lúc công nhân dùng phương pháp ấy để thử thách lòng kiên nhẫn của các chủ mỏ, thì Rô-bớt không quản mệt nhọc vất vả, đi tổ chức bãi công và tiến hành cổ động, triệu tập những cuộc họp, chạy đông chạy tây khắp

https://thuviensach.vn

nước Anh, quyên tiền giúp công nhân bãi công, kêu gọi bình tĩnh và tôn trọng pháp luật, đồng thời mở thêm một cuộc đấu tranh chưa từng thấy ở Anh chống các thẩm phán hoà giải độc đoán và các nhà kinh doanh thực hành chế độ trả lương bằng hàng hoá. Cuộc đấu tranh ấy được tiến hành ngay từ đầu năm. Mỗi khi một công nhân mỏ than bị thẩm phán hoà giải kết án thì Rô-bớt đến ngay Toà án hoàng gia[119] xin một bản Habeas Corpus[120], dẫn khách hàng của mình đến Luân Đôn và bao giờ kết quả cũng là trắng án. Ví dụ như ngày 13 tháng Giêng, thẩm phán Uy-li-am ở Toà án hoàng gia tuyên bố trắng án cho ba công nhân mỏ than bị thẩm phán hoà giải ở Bin-xtơn (Nam Xtáp-phoóc-sia) kết án; họ bị kết tội không chịu làm việc ở một nơi có nguy cơ bị sụp, và khi họ vừa đi nơi khác thì chỗ đó sụp thật! Trước đó thẩm phán Pát-tơ-xơn đã tuyên bố trắng án cho sáu công nhân, bởi thế cái tên Rô-bớt đã trở thành mối hãi hùng cho bọn thẩm phán hoà giải kiêm chủ hầm mỏ. Ở Pre-xtơn, bốn khách hàng của Rô-bớt bị bỏ tù, đầu tháng Hai Rô-bớt đến nơi ấy điều tra việc này, nhưng khi ông tới nơi thì bốn công nhân ấy đã được thả *trước khi* hết hạn. Ở Man-se-xtơ bảy người bị giam; Rô-bớt liền xin được một bản Habeas Corpus và thẩm phán Oai-tơ-man phải tuyên bố trắng án. Tại Pre-xcốt có chín công nhân mỏ than bị truy tố về tội phá hoại an ninh ở Xanh Hê-len (Nam Lan-kê-sia) và bị tống giam, đợi ngày kết án; khi Rô-bớt vừa tới thì họ được thả ngay. Tất cả những việc trên xảy ra vào nửa đầu tháng Hai. Tháng Tư Rô-bớt lại dùng phương pháp ấy giải phóng được một công nhân mỏ bị
giam ở Đớc-bi, bốn công nhân ở Uếc-cơ-phin (Y-oóc-sia) và bốn công nhân ở Le-xtơ. Tình hình tiếp tục như vậy một thời gian, cho tới khi các vị "Dogberries" ấy - người ta gọi bọn thẩm phán hoà giải bằng cái tên của một nhân vật nổi tiếng trong vở kịch của Sếch-xpia "Ầm ĩ vì một chuyện không đâu" - câm lặng đi đôi chút. Đối với chế độ trả lương bằng hàng hoá, Rô-bớt cũng đấu tranh như thế. Ông lần lượt lôi từng tên chủ mỏ vô sỉ ra toà, buộc các thẩm phán hoà giải miễn cưỡng kết tội chúng. Trước người tổng đại diện nhanh như chớp và có mặt khắp nơi ấy, bọn chủ mỏ rất sợ hãi đến nỗi, như ở vùng Ben-pơ, gần Đớc-bi, một công ty thực hành chế độ trả lương bằng hàng hoá, khi thấy Rô-bớt tới, đã phải dán tờ yết thị như sau:

"Thông báo"

"Để tránh mọi sự hiểu nhầm, hãng Ha-slem thấy cần phải thông báo rằng tất cả công nhân mỏ của hãng này sẽ được trả lương toàn bộ bằng tiền, và có thể tiêu tiền ấy ở nơi nào và tiêu như thế nào tuỳ ý. Nếu họ mua hàng ở cửa hiệu của hãng thì mua theo giá bán buôn như trước. Nhưng nói chung cũng không yêu cầu họ nhất định phải mua hàng ở đấy, dù họ mua hàng ở đấy hay ở nơi khác, việc làm và tiền lương họ vẫn như cũ".

Mỏ than đá Pen-tơ-rích

Những thắng lợi ấy đã làm cho toàn bộ giai cấp công nhân Anh vui mừng phấn khởi và đã thu hút vào liên đoàn một số rất lớn đoàn viên mới. Bấy giờ ở miền Bắc vẫn tiếp tục bãi công. Không một ai làm việc, và Niu-cát-xơn, hải cảng xuất khẩu than chính, thiếu than

https://thuviensach.vn

nghiêm trọng đến mức phải vận chuyển than từ Xcốt-len đến, mặc dù người Anh có câu ngạn ngữ to carry coal to Newcastle[163]1* có ý nghĩa giống như câu nói của người Hy Lạp "đem cú mèo tới A-ten", nghĩa là: làm chuyện quá thừa. Buổi đầu, khi quỹ liên đoàn

hãy còn thì mọi việc đều tốt đẹp, nhưng gần tới mùa hè, cuộc đấu tranh trở nên rất khó khăn đối với công nhân; họ lâm vào cảnh khốn cùng, không có tiền, vì tiền đóng góp của công nhân tất cả các ngành công nghiệp nước Anh, so với số người bãi công thì quá ít ỏi; họ đành phải mua chịu với điều kiện rất bất lợi của cửa hàng bán lẻ; tất cả báo chí, trừ mấy tờ báo vô sản, đều phản đối họ, giai cấp tư sản, ngay cả số ít người có tinh thần chính nghĩa đôi chút muốn giúp những người bãi công thì lại chỉ được biết những tin tức dối trá về tình hình bãi công trên những tờ báo đã bị mua chuộc của Đảng tự do và đảng To-ri; một đoàn đại biểu gồm mười hai công nhân mỏ được cử đi Luân Đôn đã quyên được một số tiền trong giai cấp vô sản Luân Đôn, nhưng vì số người cần cứu tế quá nhiều, nên số tiền ấy không thấm vào đâu. Mặc dù vậy, công nhân mỏ vẫn kiên trì và điều có ý nghĩa hơn nữa là, dù các chủ mỏ và bọn tay sai có thái độ thù địch điên cuồng và khiêu khích bằng mọi cách, họ vẫn bình tĩnh và chịu đựng. Họ không có một hành động báo thù nào, không đánh đập một kẻ phản bội nào, và cũng không xảy ra vụ trộm cắp nào. Cứ như thế, cuộc bãi công kéo dài bốn tháng liền mà các chủ mỏ vẫn không có hy vọng giành thắng lợi. Nhưng trước mắt chúng còn có một lối thoát. Chúng nhớ tới chế độ cốt-ta-giơ, chúng nhớ ra rằng những nhà ở của những công nhân quật cường ấy là sở hữu của *chủ mỏ*. Đến tháng Bảy chúng đòi công nhân trả nhà và một tuần sau 4 vạn người bị đuổi ra đường. Thủ đoạn ấy được áp dụng một cách tàn bạo khiến mọi người đều căm giận. Người ốm yếu, người già, những trẻ con còn bú mẹ, thậm chí cả những sản phụ đều bị lôi ra khỏi giường một cách tàn nhẫn và bị xô xuống các hào rãnh dọc đường. Một tên tay sai thích thú nắm tóc một phụ nữ sắp đẻ mà lôi ra ngoài phố. Một số đông quân đội và cảnh sát tập trung ở gần đấy sẵn sàng dùng vũ lực, chỉ chờ có dấu hiệu kháng cự hoặc có hiệu lệnh của bọn thẩm phán hoà giải, chỉ huy toàn bộ

vụ khủng bố dã man này. Nhưng, ngay đến thế, công nhân vẫn bình tĩnh nhịn nhục, không có một hành động phản kháng nào. Bọn chủ mỏ mong mỏi công nhân bạo động và cố dùng mọi thủ đoạn khích công nhân chống lại để mượn cớ dùng quân đội mà kết thúc cuộc bãi công; nhưng những người công nhân mỏ bị đuổi ra ngoài hè phố ấy vẫn nhớ lời dặn của người đại diện, không hề lay chuyển, lặng lẽ dọn đồ đạc ra những bãi cỏ lầy hoặc những cánh đồng đã gặt và kiên nhẫn chờ đợi. Một số người tìm không ra chỗ tốt hơn, đành phải cắm trại ở trên hào rãnh ven đường cái; một số khác phải dựng trên đất của người khác, họ bị truy tố vì đã "gây thiệt hại đáng nửa pen-ni", và bị kết tội trả tiền án phí 1 pao xtéc-linh, tất nhiên họ không trả nổi tiền phạt, đành chịu ngồi tù. Những con người ấy cùng với gia đình họ đã phải trải qua hơn tám tuần lễ ở ngoài trời như thế, vào mùa hè mưa tầm tã của năm ngoái (năm

https://thuviensach.vn

1844), chẳng còn có gì khác để che thân họ và con cái ngoài tấm khăn trải giường in hoa, chẳng còn có sự giúp đỡ nào khác, ngoài số tiền trợ cấp ít ỏi của liên đoàn và khoản bán chịu ngày càng giảm bớt của các cửa hàng bán lẻ. Bấy giờ huân tước Lơn-đơn-đe-ri, là người có rất nhiều mỏ than lớn ở Đớc-am, đã lấy cái phẫn nộ cao quý của ông ta để đe doạ các chủ cửa hàng lẻ *"trong thành phố của ông ta"* là Xi-ham, cấm họ không được bán chịu cho những công nhân ngạo ngược *"của ông ta"*. Trong suốt thời kỳ bãi công, vị huân tước "cao quý" ấy đã trở thành một anh hề, bởi vì ông ta thỉnh thoảng lại hạ cho công nhân những "sắc lệnh" huênh hoang đến lố bịch và không có mạch lạc, không có hiệu quả gì, chỉ tổ làm trò cười cho cả nước[164]1).

Vì dùng mọi biện pháp mà chẳng ăn thua gì, bọn chủ mỏ liền vung ra rất nhiều tiền để thuê công nhân từ Ai-rơ-len và những vùng hẻo lánh của Oen-xơ là những nơi chưa có phong trào công nhân, đến làm việc ở mỏ của chúng; thế là cuộc cạnh tranh giữa công nhân được khôi phục, lực lượng công nhân bãi công tan rã. Các chủ mỏ cưỡng bách công nhân phải ra khỏi liên đoàn, cắt đứt quan hệ với Rô-bớt và phải tiếp nhận những điều kiện chúng đề ra. Thế là cuộc đấu tranh vĩ đại kéo dài năm tháng của công nhân chống chủ mỏ kết thúc vào đầu tháng Chín, - một cuộc đấu tranh do những người bị áp bức tiến hành một cách kiên nhẫn dũng cảm, đầy giác ngộ và lương tri, xứng đáng để chúng ta hết lòng khâm phục. Một cuộc đấu tranh như vậy đòi hỏi một trình độ cao biết bao về văn hoá nhân loại chân chính, về nhiệt tình và tinh thần kiên cường, ở số quần chúng gồm 4 vạn người, như chúng ta đã biết, năm 1840, "Báo cáo của Tiểu ban điều tra lao động trẻ em" còn miêu tả là những người hoàn toàn thô bạo, dã man, không chút đạo đức! Nhưng sự áp bức phải tàn khốc như thế nào mới buộc cả 4 vạn người ấy nhất tề đứng lên như một người, giống một đạo quân, không những có kỷ luật mà còn được cổ vũ bằng một chí hướng, một ý chí, tiến hành cuộc đấu tranh với thái độ gan góc và trấn tĩnh vĩ đại nhất cho đến tận lúc nếu còn tiếp tục chống đối nữa thì không còn nghĩa lý gì mới thôi! Mà là một cuộc đấu tranh như thế nào - một cuộc đấu tranh không phải là chống một kẻ thù trông thấy được, để có thể đánh bại mà là chống đói khát, thiếu thốn, bần cùng, cái khổ không nhà cửa, chống cái dục vọng của bản thân mình đang bị sự tàn khốc của những kẻ giàu có kích thích một cách điên cuồng. Nếu như công nhân dùng bạo lực thì họ, những người không có một tấc sắt trong tay, có thể đã bị bắn giết, và chỉ vài hôm sau, các chủ mỏ có thể đã giành được thắng lợi. Ở họ, sự tuân theo pháp luật ấy không phải vì sợ dùi cui của cảnh sát, mà là kết quả của sự suy nghĩ, cân nhắc chín chắn, nó là sự
chứng minh rõ ràng nhất về sự giác ngộ và sức tự chủ của công nhân.

Như vậy là, lần này nữa, công nhân đã bị các nhà tư bản đánh bại, mặc dù họ kiên cường tuyệt vời. Nhưng cuộc đấu tranh không phải là vô ích. Trước hết, cuộc bãi công kéo dài suốt 19 tuần lễ này đã làm cho các công nhân mỏ than miền Bắc Anh vĩnh viễn thoát khỏi tình trạng u mê trước đây. Họ đã được thức tỉnh, đã nhận thức được quyền lợi của mình và tham gia vào phong trào văn minh, trước nhất là phong trào công nhân. Cuộc bãi công lần này đã bóc trần tất cả sự tàn bạo của chủ mỏ đối với công nhân, cuối cùng đã thức tỉnh hẳn tinh thần

https://thuviensach.vn

phản kháng của công nhân và khiến ít nhất là ba phần tư số người trong họ trở thành những người thuộc phái Hiến chương, và 3 vạn con người kiên cường vững vàng, đã vượt qua thử thách ấy, thực là một tài sản quý giá đối với phái Hiến chương. Thứ nữa, cuộc bãi công kéo dài trong phạm vi pháp luật, cùng với sự cổ động tích cực kèm theo nó, dù sao cũng đã tranh thủ được sự chú ý của dư luận xã hội đối với tình cảnh của công nhân mỏ. Nhân cuộc thảo luận về vấn đề thuế than xuất khẩu, nghị sĩ duy nhất kiên quyết ủng hộ phái Hiến chương là Tô-mát Đơn-cơm-bơ đã nêu lên ở nghị viện vấn đề tình cảnh công nhân mỏ than, đã giành được cơ hội đọc những đơn thỉnh nguyện của họ ở diễn đàn nghị viện và đọc một bài diễn văn buộc các báo chí tư sản ít ra khi tường thuật những cuộc thảo luận của nghị viện, phải thuật lại đúng đắn việc ấy. Sau cuộc bãi công ít lâu thì xảy ra vụ nổ ở Ha-xơ-oen. Rô-bớt đến Luân Đôn, yêu cầu được gặp Pin, nhân danh là đại biểu của công nhân mỏ than, ông kiên quyết yêu cầu mở cuộc điều tra tường tận về vụ nổ ấy. Ông đã đòi được phải cử các giáo sư Lai-en và Pha-ra-đây là những người nổi tiếng bậc nhất về địa chất và hoá học của nước Anh đến tận nơi điều tra. Vì chẳng bao lâu sau vụ nổ này, lại tiếp luôn mấy vụ nổ khác, và Rô-bớt đã gửi văn bản tài liệu đến tận tay thủ tướng, cho nên thủ tướng hứa trong kỳ họp nghị viện tới (tức là kỳ họp năm nay, 1845), nếu có thể được, sẽ đưa ra nghị viện một dự án về những biện pháp cần thiết để bảo hộ công nhân. Nếu như trong cuộc bãi công công nhân mỏ than không tự tỏ rõ là những người yêu chuộng tự do và đáng kính trọng, và nếu họ không giao cho Rô-bớt điều khiển mọi công việc của họ, thì không thể có được những thành tích đó.

Tin công nhân mỏ than miền Bắc buộc phải rời bỏ liên đoàn của mình và phải khước từ sự giúp đỡ của Rô-bớt vừa truyền đi thì công nhân mỏ than ở Lan-kê-sia tổ chức ngay một liên đoàn gồm độ 1 vạn công nhân, và bảo đảm cấp cho người tổng đại diện của họ 1200 pao xtéc-linh tiền lương hàng năm. Mùa thu năm ngoái, tiền nguyệt phí hàng tháng của liên đoàn là trên 700 pao xtéc-linh, trong số đó, khoảng 200 pao xtéc-linh dùng để trả lương cán bộ và chi phí kiện tụng, v.v., số còn lại phần lớn dùng vào việc trợ cấp cho những công nhân thất nghiệp, hoặc những công nhân do xung đột với chủ mà bãi công. Như vậy là công nhân ngày càng giác ngộ rằng, nếu đoàn kết lại, họ có thể trở thành một lực lượng khá hùng hậu, và khi tối cần thiết, họ có thể đương đầu với giai cấp tư sản bằng sức mạnh. Sự giác ngộ ấy là thành quả quan trọng của tất cả các phong trào công nhân, nhờ thành lập liên đoàn và nhờ cuộc bãi công năm 1844 mà nó đã nảy sinh trong công nhân mỏ than nước Anh. Và chỉ qua một thời gian ngắn nữa là những công nhân mỏ, mà trình độ giác ngộ và nghị lực ngày nay còn thua kém công nhân công nghiệp, sẽ sánh kịp và sẽ có thể kề vai sát cánh với công nhân công nghiệp về mọi phương diện. Cứ như thế, đất dưới chân giai cấp tư sản ngày càng rung và nhất định một ngày kia, toàn bộ toà nhà xã hội và nhà nước của giai cấp tư sản sẽ bị lật nhào cùng với cơ sở của nó.

Nhưng giai cấp tư sản không muốn nghe những lời cảnh cáo ấy. Sự phản kháng của công nhân mỏ than chỉ làm cho nó càng thêm tàn bạo; giai cấp tư sản không cho đó là một bước tiến của toàn bộ phong trào công nhân, một bước tiến buộc họ phải biết điều

https://thuviensach.vn

hơn mà chỉ xem đó là cơ hội để trút cơn thịnh nộ của họ vào cái giai cấp gồm những người điên rồ đến mức không đồng ý tiếp tục chịu đựng sự đãi ngộ trước đây. Giai cấp tư sản cho rằng những yêu cầu chính đáng của người vô sản chỉ là sự bất mãn hỗn láo; là sự phẫn nộ gàn dở chống lại "trật tự do thượng đế và con người thiết lập nên", hay giỏi lắm cũng chỉ là thành công của "những kẻ mị dân ác ý sống bằng nghề cổ động, lười biếng không chịu làm việc", thứ thành công mà họ cần phải trấn áp thẳng tay bằng mọi phương tiện. Giai cấp tư sản âm mưu - tất nhiên chẳng có hiệu quả gì - trình bày trước công nhân rằng những người như Rô-bớt và nhiều người đại diện của liên đoàn, sống nhờ vào tiền lương của liên đoàn, hoàn toàn tự nhiên là những kẻ bịp bợm xảo quyệt đã bòn rút *của họ*, những người công nhân nghèo khổ, tới đồng xu cuối cùng. Khi thấy giai cấp có của ngu xuẩn như vậy, khi thấy chúng bị lợi ích trước mắt làm mù quáng đến nỗi không nhận ra được những hiện tượng xã hội rõ rệt nhất của thời đại, thì phải vứt bỏ thực sự mọi hy vọng giải quyết hoà bình vấn đề xã hội nước Anh. Lối thoát duy nhất có thể được là cách mạng bằng bạo lực, và, không còn nghi ngờ gì, cuộc cách mạng ấy sẽ không phải chờ đợi lâu nữa.

https://thuviensach.vn

GIAI CẤP VÔ SẢN NÔNG NGHIỆP

Trong phần "Lời mở đầu" chúng ta đã thấy tầng lớp tiểu nông cũng bị phá sản đồng thời với giai cấp tiểu tư sản và những người lao động trước kia vẫn sống dễ chịu, bởi vì sự kết hợp tồn tại trước kia giữa lao động công nghiệp và lao động nông nghiệp đã biến mất, những mảnh ruộng nhỏ bỏ hoang đã tập trung vào tay các tá điền lớn, còn những người tiểu nông bị sự cạnh tranh áp đảo của sự kinh doanh lớn chèn ép. Tiểu nông không còn là người chủ ruộng hoặc tá điền như trước nữa, họ buộc phải bỏ kinh doanh cá thể đi làm cố nông cho những tá điền kiêm chủ điền trang lớn và cho các lãnh chúa. Trong một thời gian nhất định tình cảnh mới của họ, dù có sút kém trước kia, nhưng cũng còn chịu được. Bấy giờ nhân khẩu tăng cùng một nhịp với sự phát triển của công nghiệp, nhưng về sau, công nghiệp phát triển chậm lại, còn sự cải tiến không ngừng của máy móc không cho phép công nghiệp thu hút toàn bộ số nhân khẩu lao động thừa từ các khu nông nghiệp đổ ra. Từ đó trở đi, hiện tượng nghèo đói, trước kia chỉ thỉnh thoảng ở các khu công xưởng cũng xuất hiện cả ở các khu nông nghiệp. Ngoài ra, cũng vào gần thời kỳ ấy, cuộc chiến tranh hai mươi lăm năm với nước Pháp đã kết thúc. Trong thời kỳ chiến tranh, sự thu hẹp sản xuất ở các khu có chiến sự, tình hình nhập khẩu đình đốn và sự cần thiết cung cấp lương thực cho quân đội Bri-ten ở Tây Ban Nha đã gây cho nông nghiệp nước Anh một sự phồn vinh giả tạo; ngoài ra còn có một số lớn nhân lực phải thoát ly lao động thời bình. Bây giờ, sự đình đốn trong nhập khẩu, sự cần thiết xuất khẩu, và sự thiếu thốn nhân công
bỗng chốc không còn nữa, hậu quả không thể tránh khỏi là tình cảnh nguy khốn của nông nghiệp, là agricultural distress, như người Anh nói. Các chủ điền trang buộc phải bán lương thực với giá rẻ, do đó họ chỉ có thể trả tiền lương rất thấp. Để nâng giá lương thực lên, năm 1815 nghị viện đã thông qua đạo luật và thuế quan ngũ cốc cấm nhập khẩu ngũ cốc khi giá lúa mì dưới 80 si-linh một quác-tơ. Về sau, đạo luật dĩ nhiên không có hiệu lực ấy đã trải qua nhiều lần sửa đổi, nhưng cũng không giảm nhẹ được tình cảnh nguy khốn của các khu nông nghiệp. Kết quả duy nhất là cái bệnh cấp tính, có lúc nguy kịch khi có sự cạnh tranh tự do của nước ngoài, biến thành bệnh mãn tính gây tác hại đến tình cảnh của người công nhân nông nghiệp một cách đều đều nhưng càng nghiêm trọng hơn.

Thời kỳ đầu sau khi giai cấp vô sản nông nghiệp xuất hiện, ở đây đã hình thành những quan hệ gia trưởng giống như những quan hệ vừa bị phá huỷ trong công nghiệp,- những quan hệ giữa chủ ruộng và cố nông mà hiện nay ở nước Đức hầu như đâu đâu cũng có. Khi quan hệ ấy còn, thì sự bần cùng của công nhân không đến nỗi nghiêm trọng và không lan rộng lắm; người cố nông và người chủ điền trang đồng cam cộng khổ, người chủ vạn bất đắc dĩ

https://thuviensach.vn

mới thải người làm. Nhưng bây giờ thì khác hẳn. Người làm công hầu hết đều trở thành công nhân công nhật, chỉ khi nào cần chủ điền trang mới thuê họ, bởi vậy có khi hàng mấy tuần, họ không có công việc làm, nhất là về mùa đông. Trong mối quan hệ gia trưởng, khi cố nông và gia đình họ đều ở trong trang trại của chủ điền trang, khi con cái họ lớn lên ở đây, thì người chủ đương nhiên là cố tìm cho chúng ít việc làm trong trang trại của mình; khi công nhân công nhật chỉ là ngoại lệ, không phải lúc nào cũng có thì số công nhân mỗi trang trại đều nhiều hơn số đúng là cần thiết. Bởi vậy chủ điền trang thích huỷ bỏ mối quan hệ gia trưởng ấy, đuổi các cố nông ra khỏi trang trại của mình, biến họ thành công nhân công nhật. Cuối những năm 20 của thế

kỷ chúng ta, hầu hết ở mọi nơi đều xảy ra tình hình ấy. Kết quả là, nói theo thuật ngữ vật lý học, nhân khẩu "thừa" trước đây ở trạng thái tiềm tàng, bây giờ đã bộc lộ, tiền lương sụt xuống và thuế trợ giúp người nghèo cũng tăng lên gấp bội. Từ bấy giờ trở đi, những khu nông nghiệp trở thành nguồn gốc của sự *bần cùng kinh niên*, còn các khu công xưởng là nguồn gốc của *bần cùng theo chu kỳ*, và việc sửa đổi bộ luật về người nghèo là biện pháp đầu tiên mà chính phủ đã áp dụng để đối phó với sự bần cùng hoá ngày càng nghiêm trọng của nông thôn. Ngoài ra do chế độ kinh doanh lớn không ngừng phát triển, máy tuốt lúa và các máy khác được áp dụng và cũng do công việc đồng áng thường sử dụng lao động phụ nữ và trẻ con,- tình hình này ngày nay đã trở nên phổ biến đến nỗi hậu quả của nó trước đây không lâu đã trở thành đối tượng điều tra của một uỷ ban đặc biệt của nhà nước, ngành này cũng đã xuất hiện nhiều công nhân thất nghiệp. Như vậy chúng ta có thể thấy rằng chế độ sản xuất công nghiệp cũng xâm nhập tới đây, tạo ra nền kinh doanh lớn, phá huỷ quan hệ gia trưởng,- chính tại đây, quan hệ ấy có ý nghĩa lớn nhất, - sử dụng máy móc, động cơ hơi nước cùng lao động phụ nữ và trẻ con, thế là cái bộ phận chưa bao giờ bị đụng chạm và bảo thủ nhất ấy trong nhân loại lao động, cũng bị lôi cuốn vào phong trào cách mạng. Nhưng hiện tượng đình trệ trong nông nghiệp càng kéo dài, thì sự khốn khổ hiện nay người công nhân phải chịu càng nặng nề và sự tan rã của kết cấu xã hội cũ càng biểu hiện kịch liệt. Hiện tượng "nhân khẩu thừa" xuất hiện đột ngột, mà không thể dùng biện pháp mở rộng sản xuất để giải quyết như trong khu công nghiệp. Nếu có người tiêu thụ sản phẩm thì có thể xây dựng công xưởng mới bất cứ lúc nào, nhưng ruộng đất mới thì không thể tạo ra được, khai khẩn những đất bỏ hoang công cộng là một thứ đầu tư mạo hiểm nên vốn đầu tư vào đó sau chiến tranh rất ít. Kết quả tất nhiên của những biến đổi ấy là sự cạnh tranh lẫn nhau giữa công nhân đạt tới điểm cao nhất, và tiền lương bị hạ xuống mức thấp nhất. Khi đạo luật cũ về người nghèo vẫn còn thì nhờ có quỹ tế bần, công nhân được cứu tế

đôi chút; lẽ tất nhiên là do đó tiền lương càng sụt hơn nữa, vì bọn chủ điền trang tìm mọi cách chuyển chi phí sang quỹ tế bần càng nhiều càng hay. Sự tình ấy đã khiến cho thuế trợ giúp người nghèo vốn dĩ đã tăng rất nhiều cùng với sự xuất hiện của nhân khẩu thừa, nay càng tăng gấp bội, và thúc đẩy sự xuất hiện của đạo luật mới về người nghèo, điểm ấy chúng ta sẽ còn nói tới. Nhưng đạo luật ấy không phải đã cải thiện được ngay tình hình. Tiền lương không được nâng cao, nạn nhân khẩu "thừa" không được loại trừ, sự tàn khốc của pháp luật

https://thuviensach.vn

mới chỉ khích thêm cực độ lòng phẫn nộ dữ dội của nhân dân. Thậm chí số thuế thu được buổi đầu có giảm bớt nhưng sau vài năm nó lại lên như cũ. Kết thúc duy nhất của đạo luật mới là: nếu trước đây tổng cộng có 3-4 triệu người nửa nghèo khổ, thì bây giờ lại có 1 triệu người hoàn toàn nghèo khổ, theo đúng nghĩa của từ này, số còn lại ở tình trạng nửa nghèo khổ, nhưng không còn được cứu tế một chút gì nữa. Sự bần cùng ở các khu nông nghiệp mỗi năm một tăng. Người ta sống bằng 6,7 hoặc 8 si-linh, có khi lại không có gì. Năm 1830, có một nghị sĩ thuộc Đảng tự do đã miêu tả tình cảnh của bộ phận cư dân ấy, chúng ta hãy nghe ông ta nói:

"Người nông dân Anh "(tức công nhân công nhật nông nghiệp)" và người dân nghèo Anh - hai chữ ấy đồng nghĩa. Bố anh ta là một dân nghèo, sữa mẹ anh ta không có chất bổ; ngay từ bé, anh ta đã phải ăn uống rất kém và chẳng bao giờ được ăn no; đến tận ngày nay, hễ không ngủ say là anh ta còn luôn luôn cảm thấy cái đói cồn cào trong ruột. Quần áo của anh ta chỉ đủ che nửa thân, chất đốt chỉ tạm đủ để nấu bữa ăn kham khổ, vì vậy rét mướt và ẩm ướt là những bạn đường thường xuyên của anh ta, chúng đến và đi cùng với thời tiết xấu. Anh ta có vợ, nhưng không hề được biết cái thú làm chồng, làm cha. Vợ con anh ta bị đói, hầu như luôn bị rét, thường ốm yếu và không ai giúp đỡ, lúc nào cũng buồn rầu và chán nản như anh ta, tất nhiên là tham lam, ích kỷ và chán nản. Do đó nói theo lời anh ta, cứ trông thấy vợ con là lộn ruột lên (hates the sight of them), sở dĩ anh ta còn quay về túp lều của anh ta, chỉ vì so với bờ rào thì nó vẫn còn là nơi tránh mưa gió tương đối tốt. Anh ta phải nuôi gia đình, nhưng không làm nổi, đành phải đi ăn mày, phải làm đủ việc xấu xa rồi đi đến lừa đảo công khai. Dẫu anh ta rất muốn học đòi những người kiên cường hơn của giai cấp anh ta như những kẻ săn trộm
hay buôn lậu thực thụ, song anh ta lại không đủ can đảm: nhưng hễ có cơ hội là anh ta ăn cắp và dạy cho con cái nói dối và ăn cắp. Thái độ khúm núm và hèn hạ của anh ta đối với những người láng giềng giàu có chứng tỏ rằng họ thường thô bạo và hoài nghi anh ta; vì vậy, anh ta sợ họ, thù ghét họ, nhưng chẳng bao giờ dám dùng bạo lực đối phó lại. Anh ta hư hỏng đến tận xương tuỷ và hèn kém đến mức không còn hơi sức để thất vọng nữa. Cuộc đời bất hạnh của anh ta ngắn ngủi, bệnh tê thấp và bệnh hen suyễn sẽ đưa anh ta tới nhà tế bần, ở đấy anh ta sẽ thở hơi cuối cùng, chẳng hề có một hồi ức gì vui vẻ về quá khứ, và nhường chỗ cho một kẻ bất hạnh khác cũng đã sống và sẽ chết như anh ta".

Tác giả của chúng ta nói thêm rằng, ngoài loại công nhân công nhật nông nghiệp ấy ra, còn một lớp người khác kiên quyết hơn và khá hơn về các mặt thể lực, trí tuệ và đạo đức: những người này quả thực cũng sống trong cảnh nghèo khổ, nhưng họ không sinh ra trong hoàn cảnh nghèo khổ. Họ có quan tâm đến gia đình hơn nhưng họ là những người buôn lậu và ăn trộm, thường xung đột đổ máu với những người gác rừng và với đội cảnh vệ bờ biển; do thường bị ngồi tù, họ càng thù ghét xã hội và cũng căm thù kẻ có của không kém loại người thứ nhất. Cuối cùng tác giả của chúng ta nói:

"Vì lịch sự (by courtesy) mà người ta dùng lời của Sếch-xpia để gọi toàn bộ loại người ấy là "nông dân kiêu hãnh của nước Anh" (bold peasantry of England)"[165 1)].

Cho tới nay những lời miêu tả ấy vẫn còn đúng đối với đại bộ phận công nhân công nhật các khu nông nghiệp nước Anh. Tháng sáu 1844, tờ "Time" đã cử một phóng viên đến những miền ấy điều tra về tình cảnh của lớp người này và báo cáo của ông ta hoàn toàn phù hợp với những lời miêu tả trên. Ở một số khu, tiền

https://thuviensach.vn

lương mỗi tuần không quá 6 si-linh, nghĩa là không cao hơn tiền lương của nhiều miền ở nước Đức, trong khi giá thực phẩm ở Anh lại cao hơn ở Đức ít ra là gấp đôi. Dễ dàng tưởng tượng được cuộc sống của những con người ấy như thế nào. Thức ăn đã tồi lại ít, quần áo rách tả tơi, nhà ở chật hẹp, tồi tàn, chỉ là một túp lều nhỏ thảm hại không có tiện nghi gì; chỗ ở của thanh niên là các nhà trọ, ở đấy nam nữ hầu như lẫn lộn, dẫn đến chỗ quan hệ nam nữ hỗn loạn. Trong một tháng, chỉ mấy ngày không có việc làm là những người ấy sẽ lâm vào cảnh nghèo khốn cùng cực. Hơn nữa, vì họ ở phân tán biệt lập nên không thể liên hợp lại thành liên đoàn để đấu tranh đòi nâng cao tiền lương; nếu có một người không chịu làm việc vì lương thấp thì sẽ có ngay hàng chục kẻ thất nghiệp và những kẻ ở nhà tế bần ra, thay thế vào chỗ anh ta, dù đồng lương ít ỏi đến mức nào, những người ấy vẫn vui lòng nhận lấy, còn cái người không chịu làm kia thì bị phỉ nhổ là lười biếng, lêu lổng, ngoài chỗ bị tống đến nhà tế bần đáng ghét kia, anh ta sẽ không còn được sự cứu tế gì khác. Vì những người nắm quyền hành ở cơ quan trợ giúp người nghèo đều là các chủ điền trang, còn cái người không chịu làm việc kia lại chỉ có trông vào họ hoặc những người láng giềng và người quen của họ mới có được việc làm. Đấy không phải là những tin tức ngẫu nhiên về một vài khu nông nghiệp ở Anh, mà bất luận ở miền Nam hay miền Bắc, miền Đông hay miền Tây, nạn cùng khổ đều nghiêm trọng như nhau. Tình cảnh công nhân ở Xúp-phôn hay ở Noóc-phôn không khác mảy may với tình cảnh công nhân ở Đê-vơn-sia, ở Hem-psia hay ở Xút-xếch; không cứ ở Đoóc-xét-sin, ở Ốc-xphoóc-sia hay ở Ken, ở Xu-rây, ở Bắc-kinh-hêm-sia, và ở Căm-brít-giơ-sia, tiền lương đều thấp như nhau.

Một biện pháp đặc biệt tàn khốc chĩa vào giai cấp vô sản nông nghiệp là những đạo luật về săn bắn, không ở đâu luật ấy lại thi hành nghiêm ngặt như ở Anh, mặc dù thú săn ở Anh nhiều không

kể xiết. Theo thói quen và truyền thống lâu đời của người dân Anh, săn trộm được coi là một biểu hiện hoàn toàn tự nhiên và cao thượng của lòng dũng cảm. Thêm vào đó, sự tương phản giữa một bên là nỗi đói khổ của người nông dân, với một bên là cái ta thích như thế của người quý tộc mặc sức nuôi rất nhiều thỏ và dã cầm trong rừng nhà để tiêu khiển, lại càng thúc đẩy anh ta bước vào con đường ấy. Anh ta đặt bẫy, đôi khi bắn chết một con thú, điều ấy thực chất là chẳng thiệt hại gì cho ngài quý tộc vì dã thú rất nhiều, nhưng anh nông dân thì kiếm được một bữa thịt cho vợ con đang đói. Nếu bị bắt, thì phải ngồi tù, nếu tái phạm, thì sẽ phải đi đày ít nhất là bảy năm. Do sự trừng phạt hà khắc ấy mà thường có xung đột đổ máu giữa những người săn trộm và những người gác rừng, kết quả là mỗi năm đều xảy ra một loạt vụ án mạng. Do đó, cái nghề gác rừng không những nguy hiểm mà còn bị khinh bỉ và nguyền rủa. Năm ngoái, có hai người gác rừng thà tự bắn vào đầu mình chứ không muốn làm nghề ấy nữa. Đó chính là cái giá "rẻ mạt" mà bọn quý tộc ruộng đất đã trả để mua cho chúng cái trò tiêu khiển cao thượng - đó là săn bắn! Nhưng điều đó các "lords of the soil"[166]1* cao

https://thuviensach.vn

thượng cần gì phải để ý đến? Nhân khẩu thừa thêm lên hoặc bớt đi vài người, đối với chúng chẳng như nhau sao! Dù cho một nửa số nhân khẩu "thừa" ấy có mất mạng vì hậu quả của những đạo luật về săn bắn, thì số nửa còn lại chỉ càng tốt hơn lên mà thôi, đó là luận điệu bác ái của giai cấp có của ở Anh.

Nhưng, mặc dù điều kiện sinh hoạt ở nông thôn,- chỗ ở phân tán, hoàn cảnh và nghề nghiệp, do đó tư tưởng đều trì trệ - rất bất lợi cho mọi sự phát triển, nhưng ở đây sự nghèo khổ và túng thiếu cũng vẫn phát sinh kết quả. Công nhân công xưởng và công nhân mỏ đã nhanh chóng vượt qua giai đoạn thứ nhất của sự
phản kháng trật tự xã hội, tức là giai đoạn phản kháng trực tiếp bằng hành vi phạm tội cá nhân; người nông dân thì vẫn còn dừng lại ở giai đoạn ấy. Thủ đoạn chiến tranh xã hội mà họ quen dùng nhất là phóng hoả. Sau Cách mạng tháng Bảy, vào mùa đông 1830-1831, các vụ phóng hoả bắt đầu trở thành phổ biến. Sau đó vào đầu tháng Mười, do đội cảnh vệ bờ biển được tăng cường (vì vậy việc buôn lậu gặp khó khăn, và nói theo lời một người chủ điền trang thì miền bờ biển đã bị phá sản, do đạo luật mới về người nghèo được thông qua, do tiền lương thấp và do việc sử dụng máy móc, ở Xút-xếch và các tỉnh lân cận đã xảy ra nhiều vụ rối loạn và lan rộng khắp cả vùng. Trong mùa đông, người ta đốt những đống lúa mì và cỏ khô trên ruộng đất của các chủ điền trang thậm chí cả các nhà kho và chuồng trại ngay cạnh nhà chúng. Hầu như mỗi đêm đều xảy ra nhiều đám cháy như thế, làm cho các chủ điền trang và địa chủ kinh hoàng. Nhưng thủ phạm hầu như không bao giờ bị bắt, nhân dân thường đổ cho một nhân vật thần bí, mà người ta gọi là *"Xuynh"* [*"Swing"*]. Người ta nghĩ nát óc xem *"Xuynh"* ấy là ai và vì đâu mà dân nghèo nông thôn có tinh thần phiến loạn như thế, nhưng rất ít người nghĩ đến cái động cơ lớn là sự *nghèo khổ* và áp bức, mà ở ngay vùng nông nghiệp thì chắc chắn là chẳng ai nghĩ tới. Từ đó mỗi năm cứ đến mùa đông, tức là mùa thất nghiệp của các công nhân công nhật, lại xảy ra các vụ phóng hoả. Mùa đông năm 1843-1844, các vụ phóng hoả càng nhiều gấp bội. Trước mặt tôi có một loạt các số của tờ "Northern Star" trong thời kỳ ấy, mỗi số đều đăng tin mấy vụ phóng hoả, và nói rõ cả nguồn gốc những tin ấy. Tôi không có mấy số của tờ tuần báo ấy không được nhắc đến trong bảng liệt kê dưới đây, nhưng chắc chắn những số ấy cũng đăng không ít tin tức về các vụ phóng hoả. Thêm nữa, một tờ báo như vậy đương nhiên là không thể đăng hết mọi tin tức thuộc loại ấy. Tờ "Northern Star" số ra ngày 25 tháng Mười một 1843, đưa tin 2 vụ phóng hoả, nhắc đến nhiều vụ khác đã đưa tin trước đây. Tờ "Northern Star" số ra ngày 16 tháng Chạp: *ở* Bét-phoóc-sia, cả
vùng náo động từ hai tuần nay, đêm nào cũng xảy ra mấy vụ phóng hoả. Trong mấy ngày qua, hai trang trại lớn bị thiêu huỷ. Ở Căm-brít-giơ-sia, *bốn* trang trại bị thiêu huỷ, ở Hác-phoóc-sia, *một* trang trại bị thiêu huỷ; ngoài ra còn xảy ra *mười lăm* vụ phóng hoả ở mấy nơi khác.- Ngày 30 tháng Chạp ở Noóc-phôn xảy ra *một* vụ phóng hoả, ở Xúp-phôn hai vụ, ở Ét-xếch *hai* vụ, ở Hác- phoóc-sia *ba* vụ, ở Si-sia *một* vụ, ở Lan-kê-sia *một* vụ, ở Đớc-bi, Lin-côn và miền nam *mười hai* vụ. - Ngày 6 tháng Giêng 1844 tất cả 10 vụ phóng hoả, ngày 13 tháng Giêng bẩy vụ, ngày 20 tháng Giêng bốn vụ. Từ đó trở đi, bình quân mỗi tuần, tờ báo ấy lại đăng tin 3 - 4 vụ phóng hoả, và tình hình ấy không chỉ kéo dài đến mùa xuân như trước,

https://thuviensach.vn

mà tiếp tục kéo tới tháng Bảy, tháng Tám. Qua những tin tức đăng trên báo chí Anh và Đức tôi nhận được bấy giờ, có thể thấy là gần tới mùa đông năm 1844-1845, hành vi phạm pháp ấy càng trở nên phổ biến hơn.

Các bạn độc giả của tôi sẽ nói gì về tình hình như thế ở các vùng nông thôn yên tĩnh và thơ mộng của nước Anh? Có phải là chiến tranh xã hội hay không? Có phải tình hình như thế là tự nhiên và có thể kéo dài được hay không? thế mà ở đây bọn chủ điền trang và địa chủ cũng vẫn hết sức ngu xuẩn và bảo thủ, cái gì không mang lại cho họ đồng tiền vàng thì họ mù quáng chẳng nhìn thấy, y hệt như các chủ xưởng và người tư sản nói chung ở các khu công nghiệp. Bọn tư sản và chủ xưởng thì hứa hẹn hạnh phúc bằng *sự phế bỏ* các đạo luật ngũ cốc, còn bọn địa chủ và đại bộ phận các phéc-mi-ê thì lại hứa hẹn thiên đường trên trái đất với các công nhân bằng *sự duy trì* những đạo luật ấy. Nhưng cả trong hai trường hợp, bọn có của chẳng tranh thủ được sự ủng hộ của công nhân đối với cái ảo tưởng quý mến của họ. Công nhân công xưởng cũng như công nhân nông nghiệp đều chẳng quan tâm gì đến sự phế bỏ hay duy trì các đạo luật ngũ cốc. Tuy vậy, vấn đề ấy đối với cả hai loại công nhân ấy đều rất quan trọng. Nếu các đạo luật ngũ cốc bị phế bỏ thì sự cạnh tranh tự do và chế độ
kinh tế xã hội hiện tại sẽ phát triển đến cực độ; bây giờ mọi khả năng phát triển hơn nữa trong phạm vi quan hệ hiện tại sẽ không còn nữa và khả năng duy nhất để tiến bộ là sự thay đổi căn bản chế độ xã hội. Đối với công nhân nông nghiệp, vấn đề này còn quan trọng vì những lý do sau đây: Sự nhập khẩu tự do lương thực quyết định - vì những lý do gì mà quyết định thì *ở đây* tôi không thể dừng lại để giải thích, - việc giải phóng các phéc-mi-ê khỏi địa chủ, nói cách khác là quyết định việc biến đổi những phéc-mi-ê thuộc Đảng tự do. Về điểm này, Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc đã góp phần không ít, và đấy cũng là công lao duy nhất của nó. Nhưng, nếu các phéc-mi-ê biến thành những người thuộc Đảng tự do, tức là những người tư sản có ý thức, thì công nhân của họ cũng sẽ biến thành những người thuộc phái Hiến chương và những người xã hội chủ nghĩa, tức là những người vô sản giác ngộ. Cái nọ tất kéo theo cái kia. Hiện nay, một phong trào mới đã bắt đầu xuất hiện trong giai cấp vô sản nông nghiệp: cuộc hội nghị do bá tước *Rát-no*, một địa chủ thuộc *Đảng tự do,* tổ chức vào tháng Mười 1844 ở vùng có ruộng đất của ông ta gần *Hai-ước-tơ*, nhằm phản đối các đạo luật ngũ cốc, đã chứng minh rõ điều ấy; công nhân hết sức lãnh đạm đối với những đạo luật ấy, nhưng đưa ra những yêu cầu hoàn toàn khác, như yêu cầu được thuê những mảnh đất nhỏ với giá rẻ, và nói chung họ nói thẳng vào mặt bá tước Rát-no không ít những sự thực chua cay. - Như vậy là phong trào công nhân đã thâm nhập vào các khu nông nghiệp hẻo lánh, bảo thủ, là nơi đã bị dìm trong tình trạng mê ngủ về tinh thần, và vì những vùng ấy hầu hết nghèo khổ, nên phong trào sẽ bắt rễ nhanh và cũng sẽ sôi nổi như ở các khu công xưởng.

Lòng mộ đạo của công nhân nông nghiệp đương nhiên mạnh hơn công nhân công nghiệp, nhưng mối quan hệ giữa họ với giáo hội vẫn rất lạt lẽo, vì hầu hết cư dân ở những khu vực ấy đều theo quốc giáo. Một phóng viên của tờ "Morning Chronicle" dưới

https://thuviensach.vn

bút danh là: *"Một trong những người đi theo sau cái cày"*, viết về cuộc du hành của ông ta qua các khu nông nghiệp, đã tường thuật lại câu chuyện của ông ta với mấy người công nhân công nhật trước cửa nhà thờ như sau:

"Tôi hỏi người trong bọn họ rằng giáo sĩ hôm nay có phải là linh mục đỗ định của họ không. - Đúng rồi, quỷ bắt hắn đi, (Yes, blast him), - chính hắn là cố đạo chính cống của chúng tôi; hắn kỳ kèo xin tiền luôn, từ ngày tôi biết hắn tới nay, lúc nào hắn cũng kỳ kèo xin tiền (giáo sĩ hô hào quyên tiền để dùng vào việc cải tạo tín đồ dị giáo). Một người khác nói thêm: Từ ngày tôi biết hắn đến nay, tôi chưa gặp một cố đạo nào không luôn luôn kỳ kèo xin tiền cho việc này hay việc khác. - Một người đàn bà vừa ở nhà thờ ra nói: Vâng, tiền lương công nhân thì cứ sụt mãi, thế mà anh hãy xem bọn ăn không ngồi rồi giàu có kia mà các cố đạo đến ăn uống và đi săn với chúng nó đấy. Trời ơi, chúng tôi thà vào nhà tế bần hoặc chết đói còn hơn bỏ tiền cho bọn cố đạo ấy đi tới chỗ tín đồ dị giáo! - Một phụ nữ khác nói: Tại sao người ta không phái bọn cố đạo ngày nào cũng sụt sùi nức nở trong nhà thờ lớn Xa-lít-xtơ-ri đi, ở đấy ngoài mấy bức tường đá ra, có ai thèm nghe họ đâu? Không hiểu sao *bọn ấy* lại không tới chỗ tín đồ dị giáo? - Ông già nói chuyện với tôi đầu tiên nói: *Những thằng cha ấy* không đi, vì chúng giàu có, đất đai của chúng nhiều vô kể, chúng quyên tiền để đẩy các cố đạo nghèo kia đi cho rảnh; tôi biết rất rõ chúng muốn gì rồi, tôi biết chúng đã lâu lắm. - Tôi hỏi: Thế là thế nào hả các bạn, các bạn vẫn luôn luôn ở nhà thờ ra với mối căm giận các linh mục như vậy sao? Thế tại sao các bạn vẫn đi nhà thờ? - Một người đàn bà trả lời: Tại sao chúng tôi đi à? Chúng tôi phải đi đến đó vì không muốn bị mất tất cả, không muốn mất việc làm và mọi thứ, tất nhiên chúng tôi đành phải đi thôi. - Về sau tôi mới biết *nếu họ đi nhà thờ* thì họ mới được một ít quyền lợi nhỏ mọn, như được cấp chất đốt và một mảnh đất nho nhỏ để trồng khoai, tất nhiên là họ phải trả tiền".

Sau khi mô tả tình hình nghèo khổ, dốt nát của họ, ông bạn phóng viên của chúng ta kết luận rằng:

"Bây giờ tôi dám quả quyết rằng tình cảnh của những người ấy, sự nghèo khổ của họ, lòng căm giận của họ đối với giáo hội, cái bề ngoài lễ phép nhưng trong lòng oán giận đối với các giáo sĩ đều là *lệ thường ở tất cả các vùng nông thôn nước Anh*, còn trường hợp ngược lại chỉ là ngoại lệ".

Nếu ở Anh theo nghĩa hẹp danh từ nông dân cho chúng ta thấy
rõ sự tồn tại của giai cấp vô sản nông nghiệp đông đảo trong chế độ sở hữu lớn về ruộng đất đã mang lại những hậu quả gì ở các khu vực nông thôn, thì ở Oen-xơ chúng ta lại thấy sự phá sản của các tá điền nhỏ. Nếu các công xã nông thôn Anh tái diễn sự đối kháng giữa vô sản và đại tư bản, thì số phận của nông dân Oen-xơ lại tương xứng với sự phá sản không ngừng của giai cấp tiểu tư sản thành phố. Phần lớn nông dân Oen-xơ là tá điền nhỏ; họ không thể bán những sản phẩm nông nghiệp của mình vừa có lợi mà vừa rẻ như các chủ điền trang lớn ở Anh có ưu thế hơn, mà họ phải cạnh tranh trên cùng một thị trường. Cũng nên lưu ý rằng đất đai ở nhiều địa phương chỉ thích nghi với nghề chăn nuôi thu nhập ít, rằng người nông dân Oen-xơ do quyến luyến nông nàn với tính cô độc của dân tộc họ, nên bảo thủ hơn bọn chủ điền trang Anh nhiều. Nhưng, trước hết là sự cạnh tranh giữa bọn họ với nhau và sự cạnh tranh giữa họ với những người Anh láng giềng, sự tăng lên của địa tô do cạnh tranh ấy gây nên, đã khiến cho người nông dân Oen-xơ phá sản tới mức khó sống nổi; và vì họ không nhìn ra những nguyên nhân thực đã gây nên tình cảnh đau khổ của họ, họ lại quy cả vào những cớ lặt vặt, như thuế thông hành quá cao, v.v.. Đương nhiên, thuế thông hành cao cũng trở ngại

https://thuviensach.vn

cho sự phát triển của nông nghiệp và thương nghiệp, nhưng vì mỗi người thuê ruộng đất đều phải tính khoản thuế ấy vào khoản chi phí cố định, cho nên rốt cuộc những khoản thuế ấy lại đổ vào đầu địa chủ. Ngoài ra ở đây các tá điền đều hết sức căm giận đạo luật mới về người nghèo vì bản thân họ luôn luôn bị đe doạ rơi vào sự chi phối của nó. Tháng Hai 1843, lòng bất bình chất chứa từ lâu của nông dân Oen-xơ đã nổ ra trong "cuộc nổi loạn Rê-bếch-ca" nổi tiếng. Đàn ông cải trang làm phụ nữ, bôi nhọ mặt, họp thành những toán vũ trang đông đảo xông vào những cửa lớn thay thế các hàng rào chắn đường của các đồn biên phòng ở nước Anh; họ đập phá những cửa lớn ấy trong tiếng hô vang dậy và tiếng súng, phá cả những trạm thu thuế thông hành, viết thư
đe doạ ký tên thần bí "Rê-bếch-ca", và thậm chí có một lần đã tấn công vào nhà tế bần Các-mắc-ten. Về sau, khi quân đội được điều đến và lực lượng cảnh sát được tăng cường thì nông dân lại đánh lạc hướng chúng một cách hết sức khôn khéo, họ phá cửa ở nơi này thì quân đội lại tiến về hướng khác theo tiếng tù và vang dậy khắp các ngọn đồi xung quanh. Cuối cùng, khi quân đội được tăng cường quá đông thì nông dân liền bắt đầu phóng hoả và có khi mưu sát từng người riêng lẻ. Cũng như mọi khi, những hành động phạm pháp tương đối lớn ấy đánh dấu sự chấm dứt của phong trào. Một số người vì không đồng ý với lối đấu tranh ấy, một số người khác vì sợ hãi đã rút khỏi phong trào, tình hình tự nhiên lại yên tĩnh. Chính phủ cử một uỷ ban đến điều tra sự kiện này và nguyên nhân xảy ra, và sự việc kết thúc như vậy. Nhưng nông dân vẫn chưa hết nghèo khổ, vì trong quan hệ xã hội hiện tại, sự nghèo khổ chỉ có thể tăng thêm chứ không giảm bớt, nên thế nào cũng có ngày nó sẽ dẫn đến những biến động nghiêm trọng hơn cuộc hoá trang Rê-bếch-ca khôi hài kia.

Nếu ở Anh chúng ta đã thấy kết quả của chế độ kinh doanh lớn, còn ở Oen-xơ chúng ta thấy kết quả của chế độ lĩnh canh nhỏ, thì ở *Ai-rơ-len* lại là hậu quả của chế độ chia nhỏ ruộng đất. Tuyệt đại đa số cư dân Ai-rơ-len là tá điền nhỏ, họ thuê một túp lều tồi tàn bằng đất sét trộn rơm, chỉ có một phòng và một mảnh đất trồng khoai tây, mảnh đất ấy chỉ đủ bảo đảm cho họ có được thức ăn cần thiết để sống qua mùa đông. Do sự cạnh tranh kịch liệt giữa các tá điền nhỏ, địa tô đã lên tới mức cao chưa từng thấy, gấp hai ba lần, thậm chí gấp bốn lần địa tô ở Anh, vì mỗi công nhân công nhật nông nghiệp đều muốn trở thành tá điền, nên mặc dù ruộng đất đã bị chia nhỏ vẫn còn rất nhiều công nhân giành nhau thuê. Mặc dù đất canh tác ở Đại Bri-ten có tới 32 triệu a-cơ-rơ, mà ở Ai-rơ-len chỉ có 14 triệu, mặc dù ở Đại Bri-ten mỗi năm sản xuất 150 triệu pao xtéc-linh nông sản phẩm, mà Ai-rơ-len chỉ có 36 triệu, số công nhân nông nghiệp ở Ai-rơ-len lại

nhiều hơn Đại Bri-ten 75000 người[167]1). Sự không tương xứng khác thường ấy đủ chứng tỏ rõ ràng sự cạnh tranh về ruộng đất ở Ai-rơ-len kịch liệt biết bao, nhất là khi chú ý rằng đời sống của công nhân nông nghiệp ở Anh đã vô cùng nghèo khổ. Hậu quả của cạnh tranh tất nhiên là địa tô lên cao, đến mức mà đời sống của tá điền không thể cao hơn đời sống của công nhân

https://thuviensach.vn

công nhật là mấy. Như thế là nhân dân Ai-rơ-len bị trói buộc vào cảnh nghèo khổ trầm trọng mà trong quan hệ xã hội hiện tại, họ khó lòng thoát khỏi. Người Ai-rơ-len sống trong những túp lều bằng đất sét tồi tàn, cùng lắm chỉ đáng cho súc vật ở, và mùa đông vất vả lắm họ mới sống qua được trót lọt; đúng như bản báo cáo trên đã nói, trong một năm, có 30 tuần lễ họ có khoai tây để ăn lửng dạ, còn 22 tuần lễ nữa thì chẳng có gì ăn. Đến mùa xuân, khi khoai dự trữ đã ăn hết hoặc đã mọc mầm không thể ăn được nữa, người vợ bèn dắt con và xách ấm nước đi ăn mày; trong khi ấy, người chồng ở nhà sau khi đã trồng khoai tây xong thì đi kiếm việc làm ở nơi nào gần đấy hay ở Anh đến vụ dỡ khoai tây mới quay về với gia đình. Chín phần mười cư dân các vùng nông thôn Ai-rơ-len sống như thế đấy. Những con người ấy nghèo xơ xác như những con chuột nhà thờ, mặc rách tả tơi và ở vào trình độ phát triển thấp nhất chỉ có thể có ở một nước nửa văn minh. Theo bản báo cáo đã trích dẫn trên, trong số 8 triệu rưỡi cư dân, có tới 585 nghìn chủ gia đình phải sống trong cảnh nghèo khổ hoàn toàn (destitution) còn theo những tư liệu khác mà ông tỉnh trưởng A-li-xơn dẫn ra[168]2), thì ở Ai-rơ-len có tới 2 triệu 30 vạn người hết cách sống, nếu không có xã hội hoặc tư nhân cứu tế; nói cách khác, có 27 % cư dân bần cùng.

Nguyên nhân của sự bần cùng ấy là ở trong các quan hệ xã hội hiện tại, nhất là ở trong sự cạnh tranh diễn ra ở đây theo một hình thức khác, tức hình thức chia nhỏ ruộng đất. Người ta đã từng mưu toan tìm những nguyên nhân khác. Người ta cho nguyên nhân của bần cùng là do quan hệ đặc biệt giữa tá điền và địa chủ, người địa chủ cho những tá điền lớn thuê những khoảnh đất lớn, những tá điền lớn này lại đem chia đất ấy thành những mảnh nhỏ cho các tá điền nhỏ thuê, những tá điền nhỏ chia nhỏ đất ra cho người thứ ba thuê, cứ như thế mãi, v.v.. Thành thử giữa địa chủ và người thực tế canh tác có khi có tới chục người trung gian. Người ta cho rằng nguyên nhân của nghèo khổ là cái đạo luật thật sự ô nhục, căn cứ vào đó thì khi người tá điền trực tiếp không nộp địa tô, địa chủ có quyền đuổi người thực tế canh tác mặc dù người này đã nộp địa tô cho người trung gian đã cùng anh ta ký hợp đồng. Nhưng những điều kể trên chỉ quyết định *hình thức* biểu hiện sự nghèo khổ mà thôi. Giả sử bản thân anh tá điền nhỏ biến thành người sở hữu ruộng đất thì kết quả sẽ ra sao? Đại đa số, dù không phải nộp địa tô cũng không thể nào dựa vào mảnh đất nhỏ của họ mà sống được, và nếu như tình hình có được cải thiện tốt hơn chăng nữa, thì chỉ vài năm sau nhân khẩu tăng lên nhanh không ngừng sẽ khiến tình hình trở lại như cũ. Những người gặp được hoàn cảnh tốt sẽ nuôi sống được con cái họ, những đứa trẻ mà ngày nay đang chết yểu từ lúc còn thơ ấu do nghèo đói và thiếu thốn. Cũng có người nói rằng sự nghèo khổ ấy là do sự áp bức vô sỉ của người Anh đối với nhân dân Ai-rơ-len. Cố nhiên ách áp bức ấy có thể làm cho nạn bần cùng *đến nhanh* hơn, nhưng nó không phải là nguyên nhân gây nên bần cùng. Lại có người nêu nguyên nhân là ở Giáo hội quốc giáo tin lành mà nếu đem chia cho nhân dân Ai-rơ-len tất cả các thứ mà Giáo hội quốc giáo đã lấy của họ thì mỗi người không được tới hai ta-le; ngoài ra thuế thập phân, mặc dù các tá điền phải nộp, chính không phải đánh vào tá điền mà đánh vào *kẻ sở*

https://thuviensach.vn

hữu ruộng đất. Ngày nay, sau khi có luật hoán nạp năm 1838, người sở hữu ruộng đất phải nộp lấy thuế thập phân, nhưng hắn lại nâng cao địa tô lên một cách tương ứng, cho nên tình cảnh của tá điền cũng chẳng hơn gì. Người ta còn nêu lên hàng trăm loại nguyên nhân khác, nhưng đều chẳng chứng minh được gì hơn, ngoài điểm ấy ra thì chỉ có thể tìm nguyên nhân của một hình thức biểu hiện nào đó của sự bần cùng, chứ không tìm được nguyên nhân của bản thân sự bần cùng. Nếu ở Ai-rơ-len sự bần cùng biểu hiện dưới hình thức này chứ không phải dưới một hình thức nào khác, cái đó là do tính cách dân tộc và sự phát triển lịch sử của nhân dân. Nói về toàn bộ tính cách dân tộc, thì người Ai-rơ-len giống với các dân tộc la-tinh, với người Pháp, nhất là với I-ta-li-a. Về những khuyết điểm của dân tộc này, chúng ta đã thấy qua sự miêu tả của Các-lai-lơ. Bây giờ chúng ta hãy nghe một người Ai-rơ-len, dẫu sao cũng gần chân lý hơn Các-lai-lơ, là người quá thích thú đặc tính giéc-manh:

"Họ hiếu động nhưng đồng thời lại biếng nhác (indolent), họ sáng ý nhưng lại khinh suất, hấp tấp, không nhẫn nại, không nhìn xa; họ bẩm tính dũng cảm, rộng lượng một cách không chín chắn, bị sỉ nhục và lập tức báo thù hay tha thứ ngay; kết bạn nhanh, tuyệt giao cũng nhanh, rất nhiều tài năng nhưng phán đoán rất kém"[169]1).

Ở người Ai-rơ-len, tình cảm và nhiệt tình chiếm ưu thế so với lý trí. Tính dễ xúc động của họ làm cho họ không thể suy nghĩ chín chắn và tiến hành những hoạt động bình tĩnh và kiên nhẫn. Những người như thế hoàn toàn không thích nghi với lao động công nghiệp dưới hình thức hiện nay của nó, cho nên người Ai-rơ-len vẫn cứ chuyên về nông nghiệp mà lại còn ở trình độ thấp nhất. Do chỗ những mảnh đất nhỏ ở đây vốn đã tồn tại từ lâu đời chứ không phải do chia cắt một cách nhân tạo những lãnh địa lớn như

ở Pháp và ở khu vực sông Ranh[170]1) mà có, nên không thể nghĩ đến chuyện đầu tư vốn để cải tạo đất. Theo số liệu của A-li-xơn thì phải đầu tư tới 120 triệu pao xtéc-linh mới có thể làm cho ruộng đất ở Ai-rơ-len đạt tới mức sản xuất của ruộng đất Anh vốn dĩ cũng không cao gì. Dân di cư Anh đáng lẽ hoàn toàn có thể nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân Ai-rơ-len thì lại chỉ lo bóc lột họ một cách cực kỳ tàn khốc, trong khi dân di cư Ai-rơ-len lại mang đến cho dân tộc Anh một chất men, dần dần sẽ đem lại hiệu quả; Ai-rơ-len chẳng có gì đáng biết ơn dân di cư Anh cả.

Những cố gắng của nhân dân Ai-rơ-len để thoát khỏi tình trạng tuyệt vọng hiện nay, một mặt biểu hiện bằng những hành động khủng bố, những hành động này đã trở thành hiện

https://thuviensach.vn

tượng hàng ngày; ở các vùng nông nghiệp, nhất là ở miền Nam và miền Tây, phần lớn là giết những kẻ thù trực tiếp là bọn đại diện của địa chủ và tay sai trung thành của chúng, bọn tín đồ tôn giáo từ ngoài đến, bọn tá điền lớn mà ruộng đất gồm những mảnh đất nhỏ trồng khoai tây của hàng trăm gia đình bị đuổi, v.v.; mặt khác biểu hiện bằng công tác cổ động nhằm thủ tiêu sự hợp nhất với Đại Bri-ten[121]. Qua những điều kể trên, có thể thấy rõ rằng những người Ai-rơ-len không được giáo dục ấy không thể không coi người Anh là kẻ thù trực tiếp của mình và đối với họ, bước tiến thứ nhất là giành độc lập dân tộc. Nhưng cũng thấy rất rõ ràng rằng thủ tiêu sự hợp nhất quyết không phải là đã có thể thủ tiêu được nạn bần cùng mà chỉ tỏ rõ rằng phải tìm nguyên nhân sự nghèo khổ ấy ở ngay trong
nước chứ không phải ở ngoài Ai-rơ-len như người ta nghĩ hiện nay. Tuy vậy ở đây tôi không xem xét vấn đề tách riêng Ai-rơ-len ra có thực là cần thiết để giúp cho người Ai-rơ-len hiểu được sự thực ấy không? cho tới nay phong trào Hiến chương cũng như chủ nghĩa xã hội đều không có thành tích đặc biệt gì ở Ai-rơ-len.

Tôi kết thúc ở đây những nhận xét của tôi về Ai-rơ-len, vả chăng kết quả cổ động nhằm thủ tiêu sự hợp nhất năm 1843 và vụ án Ô Cô-nen đã làm cho những người Đức ngày càng hiểu rõ tình cảnh nghèo khổ của Ai-rơ-len.

Như vậy là chúng ta đã theo dõi tình cảnh giai cấp vô sản ở các đảo Bri-ten qua các ngành hoạt động của họ, và đâu đâu chúng ta cũng thấy nghèo khổ, bần cùng, đâu đâu cũng thấy những điều kiện sinh sống hoàn toàn không xứng đáng với con người. Chúng ta đã thấy sự bất mãn đã sinh ra, lớn lên cùng với sự lớn lên của bản thân giai cấp vô sản như thế nào, nó lan rộng và có những hình thức tổ chức ra sao, chúng ta cũng thấy những cuộc đấu tranh công khai, đổ máu và không đổ máu của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản. Chúng ta đã nghiên cứu những nguyên lý quyết định vận mệnh, hy vọng và lo âu của những người vô sản, và chúng ta thấy rõ không có một tý triển vọng nào cải thiện được tình cảnh của họ. Chúng ta cũng đã có dịp quan sát thái độ của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản qua hàng loạt dẫn chứng và khẳng định rằng giai cấp tư sản chỉ quan tâm đến bản thân họ, đến lợi riêng của họ. Nhưng để khỏi bất công đối với họ, chúng ta cũng nên nghiên cứu hành động của họ kỹ hơn một chút.

https://thuviensach.vn

THÁI ĐỘ CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN ĐỐI VỚI GIAI CẤP VÔ SẢN

Giai cấp tư sản mà tôi nói trong chương này bao gồm cả cái gọi là tầng lớp quý tộc bởi vì nó là giai cấp có đặc quyền, một tầng lớp quý tộc so với giai cấp tư sản chứ không phải so với giai cấp vô sản. Người vô sản đều xem cả hai loại ấy là giai cấp có của, tức là người tư sản. Đứng trước đặc quyền tài sản, thì mọi đặc quyền khác đều không đáng kể. Chỗ khác nhau chỉ là người tư sản theo nghĩa hẹp thì quan hệ với người vô sản công xưởng và một phần với người vô sản công nghiệp mỏ, và với tư cách là *phéc-mi-ê* thì quan hệ với công nhân nông nghiệp, trong khi đó cái gọi là người quý tộc chỉ tiếp xúc với một phần giai cấp vô sản công nghiệp mỏ và với giai cấp vô sản nông nghiệp.

Tôi chưa bao giờ thấy một giai cấp nào lại truỵ lạc, hư hỏng vì tự tư tự lợi đến không chữa nổi, thối nát bên trong và không sao tiến bộ được như giai cấp tư sản Anh - tôi nói đây trước hết là giai cấp tư sản theo nghĩa hẹp, đặc biệt là giai cấp tư sản tự do, thù địch đối với các đạo luật ngũ cốc. Đối với họ thì trên thế giới không cái gì tồn tại mà không vì tiền bạc, ngay đến bản thân họ cũng vậy, họ sống chỉ là để kiếm tiền, họ không biết còn có hạnh phúc nào khác, ngoài việc mau chóng phát tài và không có cái gì đau khổ hơn là bị mất tiền [171]1).

Với cái tính tham lam đến thế, với cái lòng hám tiền đến thế thì không một hoạt động nào của tâm hồn con người còn trong trắng được. Đương nhiên, những người tư sản Anh ấy đều là những người chồng, người cha rất tốt, họ đều có mọi thứ gọi là đức hạnh cá nhân; trong giao thiệp hàng ngày, họ cũng là những người đáng kính và lịch sự không kém gì mọi người tư sản khác; trong việc buôn bán, thậm chí họ còn khá hơn người Đức, họ không mặc cả, so đo cò kè như những thương nhân của chúng ta, nhưng cái đó có lợi gì? Xét cho cùng thì nhân tố quyết định duy nhất vẫn là lợi ích cá nhân, và đặc biệt là lòng thèm khát kiếm tiền. Một lần tôi cùng với một người tư sản như thế đi trên đường phố Man-se-xtơ, tôi nói với hắn ta về lối kiến trúc tồi tệ, không hợp vệ sinh, về tình hình ghê tởm của những khu lao động và bảo rằng tôi chưa hề thấy thành phố nào xây dựng tồi hơn Man-se-xtơ. Hắn ta yên lặng nghe tất cả, khi đi đến chỗ góc phố từ biệt tôi, thì hắn nói: and yet, there is a great deal of money made here - nhưng dù sao ở đây người ta cũng kiếm được rất nhiều tiền, xin tạm biệt ngài! - Đối với người tư sản Anh, công nhân của họ chết đói hay không, họ không thèm để ý, miễn là bản thân họ kiếm được tiền. Tất cả mọi quan hệ sinh hoạt đều lấy tiền bạc làm thước đo, phàm việc không kiếm được tiền đều là những việc ngu dại, không thiết thực, đều là ảo tưởng. Bởi thế cho nên khoa kinh tế chính trị, cái khoa học chuyên nghiên cứu cách kiếm tiền ấy đã thành môn học ham thích nhất của những thương nhân ấy. Mỗi người trong bọn họ là một

https://thuviensach.vn

nhà kinh tế chính trị học. Quan hệ giữa chủ xưởng và công nhân không phải là quan hệ giữa người và người, mà là quan hệ thuần tuý kinh tế. Chủ xưởng là "tư bản" còn công nhân là "lao động". Và khi người công nhân không muốn tự giam mình vào cái khái niệm trừu tượng ấy, thì anh ta cho rằng mình không phải là "lao động" mà là một con người, đành rằng con người ấy ngoài những đặc điểm khác cũng có đặc điểm là năng lực lao động, khi người công nhân cho rằng mình quyết không thể bị xem

là "lao động", là hàng hoá để đem ra bán mua trên thị trường thì người tư sản đâm ra lúng túng. Hắn không thể hiểu được rằng giữa hắn và người công nhân, ngoài quan hệ mua bán, còn có quan hệ gì khác nữa; hắn không coi họ là người, mà là những "cánh tay"(hands), như hắn thường gọi công nhân của hắn như thế trước mặt họ; đúng như Các-lai-lơ nói là *ngoài sự giao dịch bằng tiền mặt ra*, thì nó không thừa nhận một quan hệ nào khác giữa người và người. Thậm chí đến quan hệ giữa hắn và vợ hắn, thì 99 phần trăm cũng chỉ thể hiện ở việc "trả tiền mặt". Tình trạng nô dịch nhục nhã của giai cấp tư sản đối với đồng tiền, do sự thống trị của người tư sản, đã để lại dấu vết ngay cả trong ngôn ngữ. Tiền bạc xác định giá trị của con người: người này trị giá một vạn pao xtéc-linh - he is worth ten thousand pounds, - tức là nói người này có số tiền ấy. Ai có tiền là "đáng kính", là thuộc về "loại người thượng đẳng" (the better sort of people), là "người có thế lực"(influential), và tiếng nói của nó về tất cả mọi việc đều có trọng lượng trong cái giới của nó. Chất con buôn đã thấm vào toàn bộ ngôn ngữ, mọi quan hệ đều được biểu hiện bằng những thuật ngữ thương nghiệp, bằng những khái niệm kinh tế. Cung và cầu,- supply and demand, - đó là công thức lô-gích mà người Anh dùng để phán đoán toàn bộ đời sống của con người. Do đó mà tất cả mọi mặt trong đời sống đều là tự do cạnh tranh, do đó mà chế độ laissez faire, laissez aller[123] đang chi phối các ngành hành chính, y tế, giáo dục, có lẽ không lâu nữa sẽ chi phối cả tôn giáo, vì sự thống trị của Giáo hội quốc giáo đã mỗi ngày một tan rã. Tự do cạnh tranh không chịu được bất cứ một hạn chế nào, không chịu được bất cứ sự kiểm soát nào của nhà nước, toàn bộ nhà nước là một gánh nặng đối với nó, đối với nó thì tốt nhất là hoàn toàn không có chế độ nhà nước nào cả để cho mỗi người có thể bóc lột người khác tuỳ theo ý muốn của mình, ví dụ như trong cái "liên bang" mà ông bạn Stiếc-nơ rất thân mến đã tuyên truyền. Nhưng vì giai cấp tư sản lại không thể không cần đến nhà nước, dù chỉ là để kiềm chế những người vô sản rất cần thiết cho họ, cho nên họ dùng nhà nước để đối phó với người vô sản, đồng thời cố sức làm cho nhà nước xa họ hơn.

Nhưng đừng nghĩ rằng người Anh "có học thức" lại công khai thừa nhận lòng ích kỷ ấy. Trái lại, họ dùng cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa ti tiện nhất để che đậy nó. - Thế nào, những người Anh giàu có mà lại không quan tâm đến người nghèo à? Họ chẳng đã lập ra những cơ quan từ thiện mà bất cứ nước nào khác cũng không có đó sao?- Ôi chà, những cơ quan từ thiện! Làm như là người vô sản sẽ dễ chịu hơn khi các người đã rút cạn nhựa sống của họ, rồi

https://thuviensach.vn

sau đó lại cho họ chút ít ơn huệ trong việc từ thiện để cho tâm hồn tự mãn, giả nhân giả nghĩa của các người cảm thấy yên vui và các người tự phô bày trước thiên hạ như là đại ân nhân của nhân loại, khi các người chỉ trả lại cho người bị bóc lột một phần trăm cái họ có quyền được hưởng! Sự bố thí ấy làm cho người bố thí càng mất nhân cách hơn là người được bố thí; sự bố thí ấy làm cho người vốn nhục nhã lại càng nhục nhã thêm, nó đòi người cùng đinh bị xã hội ruồng bỏ và đã mất tính cách con người phải từ bỏ cái vật cuối cùng của họ là cái danh hiệu con người; sự bố thí ấy trước khi thí bỏ một vật làm phúc để đánh dấu ấn nhục nhã lên trán người xấu số, còn bắt người xấu số phải *quỳ gối cầu xin*! Nhưng tất cả những cái ấy để làm gì? Chúng ta hãy nghe lời nói của bản thân giai cấp tư sản Anh. Trước đây không đầy một năm, trên tờ "Manchester Guardian" tôi đã đọc được bức thư sau đây gửi ban biên tập, bức thư ấy được coi là chuyện hết sức tự nhiên hợp lẽ phải và đã được đăng không cần bình luận gì:

"Thưa ngài Tổng biên tập!

Gần đây, trên những phố lớn của thành phố chúng tôi, đã xuất hiện một số đông người ăn mày, họ thường tìm cách hoặc bằng quần áo tả tơi và hình dáng ốm đau, hoặc phô bày những vết thương và những vết lở loét ghê tởm, dùng những cách thức đê tiện và chướng mắt ấy để cầu người qua đường chú ý và thương hại. Tôi cho rằng khi người ta đã nộp thuế trợ giúp người nghèo và hơn nữa còn quyên nhiều

cho quỹ của các hội từ thiện thì người ta có đủ quyền để yêu cầu sẽ không phải gặp những sự quấy rầy bực mình và nhục nhã ấy. Nếu cảnh sát của thành phố ngay đến việc bảo đảm cho chúng tôi được yên tĩnh đi lại trong thành phố mà không làm được, thì chúng tôi còn nộp bao nhiêu thuế để nuôi họ làm gì? - Tôi hy vọng rằng sau khi bức thư này được đăng trên tờ báo có độc giả rộng rãi như tờ báo của ngài, thì có thể khiến các nhà đương cục tìm cách trừ bỏ cái tệ nạn ấy (nuisance).

Vĩnh viễn trung thực với ngài.

Một phu nhân"

Các bạn xem đó! Giai cấp tư sản Anh làm việc từ thiện chính là vì lợi ích của họ; họ không cho không cái gì cả, mà coi việc bố thí của mình là một thứ buôn bán. Họ mặc cả với người nghèo, nói với người nghèo rằng: ta tiêu bao nhiêu tiền cho việc từ thiện, *như vậy ta đã mua cái quyền* không bị các người quấy rầy nữa, còn các người phải náu trong ổ chuột tối om của mình, không được đem phô bày sự nghèo khổ của mình để kích thích những thần kinh nhạy cảm của ta! Các người cứ tuyệt vọng như trước đi! Nhưng phải tuyệt vọng trong âm thầm. Đó là điều kiện ta đưa ra, đó là điều ta mua bằng cách quyên góp cho bệnh viện 20 pao xtéc-linh! Ôi, cái thứ từ thiện của người tư bản - tín đồ Thiên chúa giáo mới bỉ ổi làm sao! - *"Một vị phu nhân"* viết như vậy đó! Ôi, đúng, chính là một vị phu nhân! Bà ta ký tên như vậy thật là xác đáng. May thay, bà ta không còn có can đảm tự gọi mình là *một người đàn bà*! Nếu các "phu nhân" mà như thế thì các "ngài" phải như thế nào? - Người ta sẽ nói với tôi rằng bức thư ấy là một trường hợp cá biệt. Không, nó biểu hiện rất đúng quan điểm của tuyệt đại đa số trong giai cấp tư sản Anh, vì rằng không thế thì ban biên tập đã không đăng nó lên báo, không thế thì khi đăng nó rồi đã có dị nghị, tôi đã chú ý tìm ở các số báo sau mà không thấy gì cả. Còn về hiệu quả của sự nghiệp từ thiện thì thầy tu *Pác-kin-xơn* đã tự mồm nói ra rằng

https://thuviensach.vn

những người nghèo được sự giúp đỡ của anh em người nghèo của họ nhiều hơn là của giai cấp tư sản. Ngoài ra người vô sản trung
thực hiểu rõ thế nào là đói rét, cho nên mặc dù mình cũng không đủ ăn mà vẫn vui lòng hy sinh mình để giúp người khác, ý nghĩa của sự giúp đỡ ấy của họ hiển nhiên hoàn toàn khác với của bố thí mà người tư sản sống cuộc đời xa hoa vứt ra.

Về các mặt khác, giai cấp tư sản cũng giả bộ từ bi, - nhưng cũng chỉ là khi nào họ thấy có lợi. Trong lĩnh vực chính trị và kinh tế chính trị học họ đã hành động như thế đấy. Từ năm năm nay, giai cấp tư sản vẫn ra sức chứng minh với công nhân rằng chỉ vì lợi ích của giai cấp vô sản mà họ mới muốn phế bỏ các đạo luật ngũ cốc. Nhưng chân tướng của sự việc là như thế này: các đạo luật ngũ cốc làm cho giá lúa mì ở Anh giữ được mức cao hơn các nước khác, do đó nâng cao tiền lương, làm cho bọn chủ xưởng khó cạnh tranh với bọn chủ xưởng các nước khác, ở đó giá lúa mì và tương ứng với nó là tiền lương đều thấp hơn. Nếu phế bỏ các đạo luật ngũ cốc thì giá lúa mì sẽ hạ xuống và tiền lương sẽ gần với mức tiền lương của các nước văn minh khác ở châu Âu. Tất cả những cái ấy rõ ràng là do những nguyên tắc điều chỉnh tiền lương đã thuật ở trên. Như vậy sẽ dễ dàng hơn cho chủ xưởng cạnh tranh, nhu cầu về hàng hoá của Anh sẽ tăng thêm và do đó nhu cầu về tay thợ cũng sẽ tăng lên. Do nhu cầu ấy tăng lên cố nhiên là tiền lương cũng lại sẽ hơi tăng lên một chút, và công nhân thất nghiệp cũng sẽ tìm được việc làm, nhưng thử hỏi tình hình ấy có thể duy trì được bao nhiêu lâu? "Nhân khẩu thừa" ở Anh, đặc biệt là ở Ai-rơ-len đã đủ thoả mãn nhu cầu về nhân công cho công nghiệp Anh, dù cho quy mô của nó có mở rộng gấp đôi; hơn nữa một chút lợi thu được do việc phế bỏ các đạo luật ngũ cốc chỉ qua mấy năm sẽ bị mất đi, cuộc khủng hoảng mới sẽ theo đến, rồi chúng ta lại phải trở về tình hình cũ, bởi vì sự kích thích đầu tiên đối với công nghiệp cũng sẽ đẩy nhanh sự tăng thêm nhân khẩu. Người vô sản nhìn thấy rất rõ tất cả những cái ấy, và đã nhiều lần họ nói thẳng vào mặt giai cấp tư sản. Vậy
mà chủ xưởng chỉ nhìn thấy cái lợi ích *trực tiếp* mà việc phế bỏ các đạo luật ngũ cốc đưa lại cho chúng; do đầu óc thiển cận chúng cũng không hiểu rằng lợi ích đó đối với chúng sẽ *không được lâu dài*, vì sự cạnh tranh giữa chủ xưởng với nhau sẽ rất nhanh chóng kéo lợi nhuận của mỗi người xuống mức trước kia; mặc dù thế chúng vẫn không ngừng nói ầm lên với công nhân rằng tất cả những cái đó chỉ là vì công nhân, rằng chỉ vì hàng triệu người đói khát mà những người giàu có thuộc Đảng tự do đã đem hàng trăm, hàng nghìn pao xtéc-linh ném vào quỹ của Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc. Song ai mà biết rằng chẳng qua chúng chỉ thả con săn sắt bắt con cá rô, chúng tính toán chỉ trong mấy năm đầu sau khi phế bỏ các đạo luật ngũ cốc thì chúng sẽ có thể thu về gấp mười lần, gấp trăm lần. Nhưng công nhân không mắc lừa giai cấp tư sản nữa, nhất là sau cuộc khởi nghĩa năm 1842. Ai nói rằng mình quan tâm đến hạnh phúc của công nhân thì công nhân yêu cầu người ấy hãy chứng minh ý muốn thành thực ấy bằng cách tán thành Hiến chương nhân dân. Do đó công nhân phản đối mọi sự giúp đỡ của bên ngoài vì trong Hiến chương, họ chỉ đòi trao cho họ quyền hành để họ có thể *tự* giúp *mình*. Nếu ai không làm như thế thì công nhân có lý do đầy đủ để tuyên chiến với người ấy, bất luận người ấy là kẻ thù công khai hay là người bạn giả nhân giả nghĩa .-

https://thuviensach.vn

Ngoài ra, để tranh thủ công nhân về phía mình, Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc đã dùng những lời lừa bịp hèn hạ nhất, những quỷ kế đê mạt nhất. Nó mưu toan làm cho công nhân tin rằng giá cả của lao động tỷ lệ nghịch với giá cả của lúa mì, giá lúa mì thấp thì tiền lương cao, và ngược lại thì cũng thế. Nó mưu toan dùng những luận cứ phi lý nhất để chứng minh cho luận điểm ấy; bản thân luận điểm ấy là phi lý hơn bất cứ chủ trương nào nói ra từ mồm bất cứ nhà kinh tế học nào. Khi tất cả những cái ấy đều không có hiệu quả gì thì nó hứa hẹn với công nhân rằng sự tăng thêm nhu cầu về tay thợ chắc sẽ đưa lại hạnh phúc lớn nhất cho họ. Thậm chí nó còn không biết xấu hổ khi khiêng
hai cái mô hình bánh mì to đi qua các phố, trên cái mô hình lớn viết: *Bánh mỳ Mỹ 8 pen-ni một cái, tiền lương mỗi ngày 4 si-linh*, và trên cái mô hình nhỏ hơn nhiều thì viết: *Bánh mì Anh 8 pen-ni một cái, tiền lương mỗi ngày 2 si-linh*. Nhưng người công nhân không mắc lừa: họ đã hiểu quá rõ những người chủ của họ rồi.

Muốn thấy rõ hoàn toàn tính chất giả dối của những lời hứa đẹp đẽ ấy thì nên xem cuộc sống thực tế sẽ đủ rõ. Trên kia chúng ta đã thấy giai cấp tư sản bóc lột giai cấp vô sản bằng trăm phương nghìn kế như thế nào. Nhưng chúng ta chỉ mới thấy cá nhân những người tư sản, mỗi người tự đảm nhận lấy mọi việc xảy ra, đã bóc lột công nhân như thế nào. Bây giờ chúng ta hãy xem giai cấp tư sản với tư cách là chính đảng hoặc thậm chí là chính quyền nhà nước chống lại giai cấp vô sản như thế nào. Trước hết, toàn bộ pháp luật là để che chở người có của chống lại người không có của, đó là điều hoàn toàn hiển nhiên. Chỉ vì có những người không có của nên phải có pháp luật; mặc dù điểm ấy chỉ được trực tiếp biểu hiện ở một số ít các đạo luật - ví dụ như đạo luật chống những kẻ đi lang thang và những kẻ không nhà cửa tuyên bố rằng giai cấp vô sản như là một giai cấp đứng ngoài pháp luật - nhưng thái độ thù địch đối với giai cấp vô sản chính là cơ sở vững chắc của pháp luật, cho nên các quan toà, đặc biệt là các thẩm phán hoà giải, bản thân thuộc giai cấp tư sản, lại tiếp xúc nhiều với giai cấp vô sản, chẳng cần suy nghĩ cũng nhận ra ý nghĩa ấy trong bản thân pháp luật. Nếu người nhà giàu được gọi đến, hay nói đúng hơn là được mời đến toà án, thì quan toà tỏ ra rất lấy làm tiếc rằng đã quấy rầy hắn, và còn hết sức xoay xở cho vụ kiện trở thành có lợi cho hắn; nếu như bắt buộc phải xử tội hắn thì quan toà hết sức áy náy, v.v., và kết quả là chỉ phạt một số tiền không đáng kể mà người tư sản ném bộp ngay trên bàn một cách ngạo mạn rồi đi ra. Nhưng nếu một người nghèo khó bị gọi đến trước thẩm phán hoà giải thì hầu như bao giờ anh ta cũng bị bắt giam trước một đêm với nhiều người khác
giống anh ta; ngay từ lúc đầu, anh ta đã bị xem là tội phạm, bị người ta chửi mắng, tất cả mọi lời biện hộ của anh ta đều bị gạt đi bằng một câu nói khinh bỉ: "Thôi! Chúng tôi biết những lý do ấy rồi!". Cuối cùng anh ta bị phạt, song không nộp được tiền phạt nên phải ở tù một hay mấy tháng để đền tội. Dù cho người ta không thể khép anh ta vào tội gì thì anh ta vẫn bị coi là kẻ bịp bợm và kẻ đi lang thang (a rogue and a vagabond - hai từ này hầu như bao giờ cũng dùng gắn liền nhau) mà bị tống giam. Thái độ thiên lệch của các thẩm phán hoà giải, nhất là ở nông thôn thì quả thực không thể tưởng tượng được, và đó là chuyện xảy ra hàng ngày quen thuộc đến nỗi những việc không quá khác thường đều được đăng lên báo một cách thản

https://thuviensach.vn

nhiên không có bình luận gì. Nhưng cũng không nên mong có cách nào khác. Một mặt, những "Doberries" ấy chỉ giải thích pháp luật theo ý nghĩa do họ đặt ra, và mặt khác bản thân họ vốn là tư sản, họ thấy trước mắt rằng lợi ích của giai cấp họ là cơ sở chủ yếu của mọi trật tự chân chính. Thẩm phán hoà giải thì như vậy, và cảnh sát vẫn lễ phép đối với hắn và làm đúng theo pháp luật; nhưng với người vô sản thì cảnh sát đối xử thô bạo và tàn nhẫn; bản thân sự nghèo khổ đã làm cho người vô sản bị *hiềm nghi* và mọi thứ tội lỗi, đồng thời cũng bị tước mất những phương tiện về pháp luật để đối phó với những hành vi chuyên quyền của những kẻ có của. Bởi vậy, đối với người vô sản thì pháp luật chẳng có tác dụng bảo hộ gì: cảnh sát có thể tuỳ tiện xông vào nhà anh ta, tuỳ tiện bắt bớ và đàn áp anh ta. Chỉ khi nào một hiệp hội công nhân mời được người bào chữa, như công nhân mỏ đã mời Rô-bớt, thì người ta mới thấy rõ tác dụng bảo hộ của pháp luật đối với người vô sản ít ỏi biết bao, người ta mới thấy rõ người vô sản thường phải chịu tất cả gánh nặng của pháp luật mà không được hưởng một chút lợi ích của nó.

Để nô dịch giai cấp vô sản nhiều hơn, cho đến bây giờ giai cấp có của vẫn không ngừng tiến hành đấu tranh trong nghị viện

chống những tình cảm tốt của những nghị sĩ hãy còn chưa hoàn toàn chìm ngập dưới thế lực của tính ích kỷ. Các thửa đất công mảnh nọ tiếp mảnh kia bị thu hồi và đem canh tác, cái đó cố nhiên thúc đẩy việc nâng cao sản xuất nông nghiệp, nhưng làm cho giai cấp vô sản phải chịu thiệt hại nặng. Ở những nơi có đất công, người nghèo còn có thể thả lừa, thả lợn, hoặc thả vài con ngỗng, trẻ con và thanh niên còn có thể tự do vui chơi nhảy nhót thoả thích ở đó. Bây giờ tất cả những chuyện ấy không còn nữa, thu nhập của người nghèo mỗi ngày một kém, người trẻ tuổi mất chỗ vui chơi, chỉ còn cách vào tiệm rượu. Nghị viện mỗi lần họp đều thông qua một loạt những điều luật về việc khai khẩn đất công. - Trong kỳ họp năm 1844 của nghị viện, chính phủ quyết định bắt những công ty đường sắt đã lũng đoạn mọi phương tiện giao thông, phải giảm giá xe lửa một cách thích đáng xuống 1 pen-ni mỗi dặm Anh, ước độ 5 din-béc- grô-sen mỗi dặm Đức, để cho công nhân dễ dàng đi lại và do đó đã đề nghị mỗi một tuyến đường hàng ngày phải thêm một chuyến tàu hạ giá hạng ba, thì vị "cha cố tôn kính" giáo chủ Luân Đôn lại đề nghị trừ ra ngày chủ nhật, - ngày duy nhất mà công nhân có việc làm có thể đi lại được, - tức là đề nghị ngày chủ nhật chỉ người giàu có mới được đi lại, người nghèo thì chịu. Tuy nhiên, đề nghị đó lộ liễu quá, công khai quá, khiến người ta không thể nào thông qua được, cho nên mới bị bác bỏ. - Những vụ xâm phạm ngấm ngầm vào quyền của giai cấp vô sản xảy ra nhiều vô kể đến mức thậm chí những việc xảy ra chỉ trong một kỳ họp của nghị viện, tôi cũng không có đủ chỗ để nêu ra hết. Tôi chỉ nêu thêm một sự kiện nữa có liên quan đến kỳ họp năm 1844, đưa ra một dự luật phần điều chỉnh quan hệ giữa chủ và đầy tớ, dường như vô hại. Chính phủ tán thành và giao nó cho một uỷ ban chuyên môn xét. Trong khoảng thời gian ấy ở Bắc Anh đã nổ ra bãi công của công nhân mỏ than, và Rô-bớt thì đang hoàn thành chuyến đi thắng lợi ở khắp nước Anh, cùng với những người công nhân mà ông đã đòi

https://thuviensach.vn

được trắng án. Khi dự luật ấy được uỷ ban trao lại, thì trong đó đã được thêm vào mấy điều khoản bạo ngược đến cực điểm, nhất là điều này: người lao động nào đã cam kết miệng hoặc viết thành giấy tờ làm cho chủ xưởng một việc gì, dù là việc tạm thời, nếu từ chối làm việc, hoặc có *những hành vi không tốt* khác (mishehaviour) thì chủ xưởng có quyền đưa người ấy ra trước bất cứ một (any) viên thẩm phán hoà giải nào, viên thẩm phán này căn cứ vào lời khai có tuyên thệ của chủ xưởng hoặc người đại diện hay đốc công của chủ xưởng - tức là căn cứ vào lời khai của bên nguyên - có thể xử người lao động tới hai tháng tù ngồi hoặc lao động khổ sai. Dự luật ấy đã gây phẫn nộ cực độ trong công nhân, nhất là lúc ấy dự luật mười giờ đang được thảo luận ở nghị viện và đang được cổ động mãnh liệt. Công nhân tổ chức hàng trăm cuộc họp, gửi hàng trăm đơn thỉnh nguyện đến Luân Đôn cho người biện hộ của giai cấp vô sản ở nghị viện là Tô-mát Đơn-cơm-bơ. Ngoài người đại biểu của đảng "Nước Anh trẻ" là Phe-ran-đơ ra, thì Đơn-cơm-bơ là nghị sĩ duy nhất kịch liệt phản đối dự luật ấy. Nhưng khi những người cấp tiến khác thấy nhân dân phản đối dự luật ấy thì họ bắt đầu lần lượt hết người này đến người khác lặng lẽ ngả sang phía Đơn-cơm-bơ, và bởi vì bọn tư sản tự do thấy sự phẫn nộ của công nhân cũng không dám bảo vệ dự luật ấy, vì trước sự bất bình của nhân dân, không người nào dám lên tiếng ủng hộ dự luật ấy cho nên nó đã thất bại nhục nhã.

Nhưng sự tuyên chiến công khai nhất của giai cấp tư sản chống giai cấp vô sản là *thuyết nhân khẩu của Man-tút và đạo luật mới về người nghèo* sản sinh ra từ thuyết đó. Về học thuyết của Man-tút, chúng ta đã nhiều lần nói đến. Chúng ta chỉ nhắc lại vắn tắt, kết luận chủ yếu của nó là trên trái đất luôn luôn có nhân khẩu thừa, cho nên bao giờ cũng nghèo khổ, thiếu thốn, bần cùng và vô đạo đức; số phận là như thế, vận mệnh vĩnh cửu của loài người là sinh ra trên thế giới này quá nhiều, do đó họ đã hình thành những
giai cấp khác nhau, có những giai cấp giàu có hơn, được giáo dục và có đạo đức hơn, còn một số giai cấp khác thì nghèo khổ hơn, bất hạnh, ngu muội và thiếu đạo đức hơn. Qua đó rút ra kết luận về thực tiễn sau đây (chính Man-tút đã tự rút ra kết luận như vậy), rằng sự nghiệp từ thiện và quỹ tế bần thực tế không có nghĩa lý gì, bởi vì chúng chỉ duy trì "nhân khẩu thừa" và khuyến khích họ càng sinh đẻ thêm; và do sự cạnh tranh của họ mà tiền lương của những người còn lại bị hạ xuống. Việc các cơ quan trợ giúp người nghèo cho người nghèo việc làm cũng không có nghĩa lý gì, bởi vì chỉ một số lượng nhất định những sản phẩm của lao động là có thể tìm được chỗ tiêu thụ, vì một công nhân thất nghiệp có việc làm tất nhiên phải làm cho một người công nhân khác đang có việc làm phải thất nghiệp; nói một cách khác, sự nghiệp của các cơ quan trợ giúp người nghèo được phát triển trên cơ sở làm tổn hại cho công nghiệp tư nhân. Cho nên, vấn đề quyết không phải ở chỗ nuôi sống "nhân khẩu thừa", mà ở chỗ dùng biện pháp gì để hết sức giảm bớt số "nhân khẩu thừa". Man-tút dứt khoát tuyên bố rằng từ trước đến nay người ta cho rằng mỗi người sinh ra trên thế giới đều có quyền có tư liệu sinh hoạt là hoàn toàn phi lý. Ông ta dẫn lời của một thi sĩ: "Người nghèo đến dự tiệc của thiên nhiên, nhưng không tìm thấy bộ đồ ăn nào còn trống dành cho mình", và Man-tút còn tự nói thêm rằng: cho nên thiên nhiên ra lệnh cho anh ta cút đi (she bids him to be gone), "bởi

https://thuviensach.vn

vì trước khi ra đời, anh ta không hỏi trước xem xã hội có muốn tiếp thu anh ta hay không". Lý thuyết ấy bây giờ đã trở thành lý thuyết được quý mến của tất cả bọn tư sản chính cống ở Anh, điều đó hoàn toàn dễ hiểu: vì thứ lý luận ấy rất tiện lợi cho chúng, chưa kể là trong những quan hệ hiện có thì nó phù hợp với thực tế về nhiều mặt. Vấn đề đặt ra ở đây không phải là sử dụng và biến "nhân khẩu thừa" thành nhân khẩu *có ích*, mà chỉ là để cho họ chết đói bằng cách giản đơn nhất và đồng thời ngăn họ đẻ con nhiều quá, thì sự việc sẽ rất đơn giản, song còn phải có một điều
kiện là cái "nhân khẩu thừa" ấy tự công nhận mình là quá thừa và vui lòng chết đói. Nhưng điều đó hiện nay vẫn còn chưa có gì hy vọng mặc dù giai cấp tư sản nhân từ đã kiên trì cố làm cho công nhân tin rằng họ vô dụng. Trái lại, những người vô sản kiên quyết tin rằng với hai bàn tay chăm làm, họ chính là những người không thể thiếu được, còn các ngài tư bản giàu có, không làm được việc gì, mới chính là những người thừa.

Nhưng chính quyền hãy còn ở trong tay người giàu, cho nên người vô sản đành phải chịu cho pháp luật tuyên bố rằng họ là "những người thừa" thật sự ngay cả khi bản thân họ không muốn công nhận điều đó một cách tự nguyện. Đạo luật mới về người nghèo chính là như thế. Đạo luật cũ về người nghèo căn cứ vào đạo luật năm 1601 (tức năm 43 của triều đại Ê-li-da-bét) vẫn còn xuất phát ngây thơ một cách từ nguyên tắc cho rằng săn sóc người nghèo là trách nhiệm của giáo khu. Ai không có việc làm thì được cứu tế, lâu dần người nghèo thấy rất tự nhiên rằng giáo khu có trách nhiệm không để cho họ chết đói. Họ coi nhận cứu tế hàng tuần là một quyền lợi chứ không phải là một ơn huệ, và rốt cuộc việc đó làm cho giai cấp tư sản chán ngấy đi. Năm 1833, khi giai cấp tư sản giành được chính quyền nhờ cái cách tuyển cử và đồng thời sự nghèo khổ của các vùng nông nghiệp lại lên đến tuyệt đỉnh thì nó liền bắt tay vào việc sửa đổi đạo luật về người nghèo theo quan điểm của nó. Một tiểu ban được cử ra để điều tra về việc trợ giúp người nghèo và đã phát hiện rất nhiều sự thực ghê người. Tiểu ban ấy phát hiện ra rằng toàn bộ giai cấp công nhân ở các khu nông thôn đã biến thành dân nghèo và đã dựa hoàn toàn hoặc một phần vào quỹ tế bần để sống vì quỹ này khi nào lương thấp thì cấp cho người nghèo một chút phụ cấp. Tiểu ban rút ra kết luận rằng cái chế độ nuôi sống những công nhân thất nghiệp, giúp đỡ những người lương thấp và đông con, bắt những người cha có con ngoài giá thú phải nuôi chúng và nói chung là thừa nhận

quyền của người nghèo phải được bảo hộ; rằng chế độ ấy làm cho đất nước phá sản,

"Kìm hãm sự phát triển của công nghiệp, khuyến khích người ta kết hôn bừa bãi, thúc đẩy cho nhân khẩu tăng lên, loại trừ ảnh hưởng của nhân khẩu tăng lên đối với tiền lương; rằng chế độ ấy là một hệ thống toàn quốc nhằm làm cho những người chăm chỉ và lương thiện chán nản và khuyến khích những kẻ lười biếng, phóng đãng và nông nổi; rằng chế độ ấy phá hoại quan hệ gia đình, cản trở một cách có hệ thống việc tích luỹ tư bản, làm hao phí tư bản hiện có và làm phá sản những người nộp thuế; rằng ngoài ra chế độ ấy còn quy định khoản tiền nuôi con ngoài giá thú, quả thực là khuyến khích đẻ con ngoài giá thú" (trích báo cáo của Tiểu ban luật về người nghèo) [172]1).

https://thuviensach.vn

Tác dụng của đạo luật cũ về người nghèo trình bày ở đây về đại thể là đúng: quỹ cứu tế khuyến khích sự lười biếng, thúc đẩy nhân khẩu "thừa" tăng lên. Trong những quan hệ xã hội hiện nay, người nghèo tự nhiên là không thể không trở thành tự tư tự lợi, nếu có thể chọn được - làm việc hay không làm gì cả cũng giống như nhau, thì đương nhiên là họ thích cái thứ hai. Nhưng từ đó, chỉ có thể rút ra kết luận rằng những quan hệ xã hội hiện nay chẳng ra gì, chứ không thể kết luận như các uỷ viên đồ đệ của Man-tút là nghèo nàn tức là phạm tội, phải dùng những thủ đoạn khủng khiếp để đối phó với nó.

Nhưng những đồ đệ thông minh ấy của Man-tút lại tin tưởng rằng quan điểm của mình tuyệt đối đúng đắn, đến nỗi họ không chút do dự ném những người nghèo lên cái giường Prô-quýt-xtơ của lý thuyết của họ, và căn cứ vào lý thuyết của họ mà đối đãi hết sức tàn khốc với những người nghèo. Cùng với Man-tút và nhưng người ủng hộ tự do cạnh tranh khác, họ đều tin tưởng sâu sắc rằng tốt nhất là để cho mỗi người tự mình lo liệu cho mình
và triệt để thi hành nguyên tắc laissezfaire, cho nên họ muốn phế bỏ toàn bộ luật pháp về người nghèo. Nhưng, vì họ không có can đảm và uy tín để làm như thế, họ liền đưa ra một đạo luật về người nghèo thích hợp hết sức với quan điểm của Man-tút và còn tàn ác hơn là giản đơn thực hiện nguyên tắc laissezfaire, bởi vì ở chỗ mà nguyên tắc ấy chỉ có tác dụng tiêu cực thì đạo luật mới về người nghèo lại can thiệp tích cực. Chúng ta đã thấy Man-tút gọi người nghèo, hay nói chính xác hơn, gọi người thất nghiệp là "người thừa", tuyên bố họ là tội phạm mà xã hội phải dùng việc chết đói để trừng trị. Thực ra thì những uỷ viên của tiểu ban luật về người nghèo chưa dã man đến thế; vì việc để cho người ta chết đói sờ sờ như vậy, ngay dưới con mắt họ, cũng có vẻ đáng sợ đối với họ. Họ nói: được rồi, những người nghèo chúng mày có quyền sống, nhưng *chỉ* có quyền sống thôi, chúng mày không có quyền sinh sôi nảy nở và càng không có quyền sống *như con người*. Chúng mày là tai họa cho đất nước, dù cho chúng tao không có thể tức khắc tiêu diệt chúng mày như tiêu diệt bất cứ tai hoạ nào khác, thì ít nhất tự chúng mày cũng nên hiểu rằng mình là tai hoạ; cho nên phải khống chế chúng mày, khiến chúng mày không có thể trực tiếp đẻ ra "những người thừa" khác, hoặc gián tiếp dụ dỗ người ta vào con đường lười biếng và thất nghiệp bằng gương xấu của mình. Chúng mày cứ sống, nhưng chỉ để cảnh cáo những người cũng có khả năng trở thành "người thừa".

Do đó, chúng liền đề ra một đạo luật mới về người nghèo, năm 1834 đã được nghị viện thông qua cho đến ngày nay vẫn còn hiệu lực. Mọi sự cứu tề bằng tiền hoặc bằng hiện vật đều bị bỏ; nó chỉ thừa nhận có một phương thức cứu tế - tức là thu dung những người nghèo vào những nhà tế bần được dựng lên hầu khắp mọi nơi. Những nhà tế bần (workhouses) ấy, hoặc như nhân dân vẫn gọi là ngục Ba-xti của người nghèo (poor-law-bastilles) được thiết lập sao cho dù gây ra được sự ghê sợ cho bất cứ người nào còn có chút hy vọng có thể sống không phải nhờ vào cái hình thức ấy
của sự nghiệp từ thiện xã hội. Để cho người nghèo chỉ khi nào vạn bất đắc dĩ mới phải xin quỹ tế bần, để cho họ phải nghĩ hết mọi cách trước khi xin, người ta đã biến nhà tế bần thành

https://thuviensach.vn

một nơi kinh tởm nhất, một nơi mà chỉ có bọn đồ đệ của Man-tút trổ hết tài nghệ mới nghĩ ra được. Thức ăn ở đó còn tồi hơn thức ăn của người công nhân nghèo nhất, mà công việc thì lại nặng nhọc hơn, vì nếu không như thế thì những công nhân ấy sẽ thích vào ở nhà tế bần hơn là sống cuộc sống đáng thương ở ngoài. Những người sống ở nhà tế bần rất ít khi nhìn thấy thịt, nhất là thịt tươi; họ nhận được phần lớn là khoai, bánh mì loại tồi nhất và cháo yến mạch, rượu bia thì rất ít, hoặc không có. Thậm chí thức ăn ở nhà tù nói chung còn tốt hơn ở đây, cho nên những người ở nhà tế bần thường cố ý phạm một tí tội để có thể vào tù. Thực tế thì nhà tế bần cũng là một nhà tù. Người nào không làm xong khối lượng công việc được giao thì không được ăn; người nào muốn ra phố thì xin phép trước, nhưng có được phép hay không thì tuỳ theo hạnh kiểm của anh ta hay ý kiến của quản đốc trại; cấm hút thuốc lá; không được phép nhận quà biếu của họ hàng hoặc bạn bè ở ngoài. Những người nghèo ấy mặc một thứ đồng phục của nhà tế bần và hoàn toàn phải tuân theo quyền độc đoán của quản đốc trại. Để lao động của họ không cạnh tranh với công nghiệp tư nhân, những công việc phân phối cho họ phần nhiều là vô ích: đàn ông phải đập đá, và phải đập "bằng một người đàn ông khoẻ mạnh làm việc khẩn trương có thể đập được trong một ngày"; đàn bà, trẻ con và cụ già thì tước những dây thừng cũ, để làm gì thì tôi quên mất rồi. Để tránh sinh nở thêm "người thừa" và để cho cha mẹ "bại hoại đạo đức" khỏi ảnh hưởng đến con cái, gia đình bị phân tán, vợ, chồng, con cái bị chia ra ở trong nhiều nhà khác nhau, thỉnh thoảng họ mới được gặp nhau, vào thời gian quy định, và chỉ khi nào ban quản trị nhận thấy họ có hạnh kiểm tốt. Còn để cho cái bệnh nghèo truyền nhiễm trong những ngục Ba-xti ấy bị cách ly hẳn với thế giới bên ngoài, những người ở
trong ấy chỉ khi nào được cấp trên cho phép mới được tiếp khách ở phòng tiếp khách đặc biệt, nói tóm lại có thể tiếp xúc với người ngoài nếu có sự kiểm soát hay sự cho phép của cấp trên.

Theo đạo luật quy định thì thức ăn phải vệ sinh và sự đối xử phải nhân đạo. Nhưng tinh thần của đạo luật đã quá rõ rệt đến nỗi khó lòng thực hiện được những yêu cầu ấy. Các uỷ viên của tiểu ban luật về người nghèo và cả giai cấp tư sản Anh sẽ sai lầm nếu cho rằng có thể chỉ thực hiện nguyên tắc mà tránh được những hậu quả tất nhiên của nó. Cách đối xử với người sống ở nhà tế bần do văn bản của đạo luật mới quy định trái ngược hẳn với toàn bộ tinh thần của nó. Khi mà về thực chất, đạo luật đã coi người nghèo như tội phạm, coi nhà tế bần như nhà tù cải tạo, coi người ở đấy như người ở ngoài pháp luật, ở ngoài nhân loại, như là hiện thân của mọi sự xấu xa, thì mọi mệnh lệnh trái lại cũng đều vô dụng. Cho nên trong thực tế bọn quan chức đối xử với người nghèo không phải theo văn bản mà là theo tinh thần của đạo luật. Ở đây xin đơn cử mấy dẫn chứng.

Mùa hè năm 1843, có một em bé trai lên năm tuổi trong nhà tế bần ở *Grin-vích* vì lầm lỗi gì đó phải giam trong nhà xác suốt 3 đêm, em phải ngủ trên nắp áo quan. Trong nhà tế bần ở *Héc-nơ* có một em bé gái cũng bị phạt như vậy chỉ vì đêm ngủ em đái dầm. Lối phạt này hình như rất thịnh hành. Nhà tế bần này ở vào một vùng hẹp nhất của Ken-tơ, có đặc điểm là

https://thuviensach.vn

mọi cửa sổ đều mở vào phía sân trong, mãi gần đây mới mở hai cửa sổ cho phép người trong trại có thể thoáng trông ra thế giới bên ngoài một chút. Một nhà báo đã thuật chuyện ấy trên tờ "Illuminated Magazine" và kết luận bài báo bằng những lời này:

"Nếu Chúa trời trừng phạt con người vì tội lỗi giống như con người trừng phạt con người vì nghèo khổ thì khốn khổ thay cho con cháu A-đam biết bao!".

Tháng Mười một 1843, ở Lê-xtơ có một người ở nhà tế bần *Cô-ven-tơ-ri* vừa được thả ra hai ngày thì chết. Tình hình trại này đối xử với người nghèo thực đáng căm phẫn. Người nói trên tên
là Giooc Rốp-xơn, có một vết thương ở vai mà không hề được chữa gì cả; người ta bắt anh ta bơm máy nước bằng cánh tay lành; anh ta lại chỉ được ăn uống với mức ăn thường của nhà tế bần; do cơ thể kiệt sức vì vết thương không được chạy chữa khiến anh ta không thể tiêu hoá được thức ăn như vậy; tất nhiên là người mỗi ngày một yếu, nhưng anh ta càng than vãn thì lại càng bị đối xử tàn tệ hơn. Vợ anh cũng ở trong nhà tế bần định nhường cho chồng phần bia ít ỏi của mình thì bị chửi mắng một trận, và còn bắt phải uống hết chỗ bia đó trước mặt tên nữ quản đốc. Rốp-xơn ốm yếu nhưng cũng chẳng được đãi ngộ khá hơn. Sau cùng, theo lời yêu cầu của anh ta cả hai vợ chồng cùng được thả ra, khi rời nhà tế bần đã bị những lời chửi mắng tàn tệ nhất. Hai hôm sau Rốp-xơn đã chết ở Lê-xtơ. Theo lời người thầy thuốc khám tử thi thì anh chết vì vết thương không được chữa và vì thức ăn không tiêu hoá được đối với sức khoẻ suy yếu của anh ta. Khi anh ta rời bỏ nhà tế bần, người ta mới đưa cho anh mấy phong thư có tiền gửi cho anh ta, những phong thư này đã bị giữ lại ở văn phòng của nhà tế bần trong 6 tuần lễ và đã bị bóc ra kiểm duyệt theo nội quy của nhà tế bần! - Trong nhà tế bần *Bớc-minh-hêm* đã xảy ra những việc bỉ ổi đến nỗi tháng Chạp 1843, cuối cùng người ta không thể không cử một quan chức đến điều tra sự việc. Ông này nhận thấy có bốn trampers (chúng tôi đã giải thích danh từ này ở trên)[173]1* bị lột trần truồng giam trong ngục tối (blackhole) ở gầm cầu thang; người ta đã giam họ ở đây 8-10 ngày rồi, họ thường bị đói, từ sáng tới trưa không được ăn tí gì, mà lại vào thời kỳ rét nhất trong năm. Có một em bé trai bị giam trong đủ các loại phòng giam của nhà tế bần này: đầu tiên bị giam trong buồng kho xây cuốn chật chội và rất ẩm thấp, sau đó, hai lần ở trong ngục tối, lần thứ hai bị nhốt ba ngày ba đêm,
sau nữa lại bị nhốt trong ngục tối cũ còn tồi tệ hơn lần thứ nhất, cũng trong thời gian như vậy, và sau cũng là buồng trọ đặc biệt dành cho người thất nghiệp đi lang thang, đó là một cái hầm bẩn thỉu hôi thối, kinh tởm kê một chiếc phản; lúc viên chức điều tra đến kiểm tra còn bắt gặp hai đứa bé trai quần áo tả tơi, nằm co quắp vì rét đã bị nhốt ở đó bốn ngày trời rồi. Số người trong ngục tối thường tới bảy người, còn trong buồng trọ thì nhét tới hai chục người. Phụ nữ cũng bị giam trong ngục tối vì không chịu đi nhà thờ. Có một chị bị nhốt đến bốn ngày trong buồng trọ, có trời biết là ở chung chạ với hạng người nào, mà lại vào thời gian chị ấy lại đang ốm phải uống thuốc! Một chị khác tuy trí lực lành mạnh mà đã bị phạt đưa vào nhà thương điên. Tháng Giêng 1844 trong nhà tế bần *Bắc-tơn*, ở Xúp-phôn, cũng có cuộc

https://thuviensach.vn

điều tra và đã phát hiện được rằng ở đây có một phụ nữ mất trí làm hộ lý, chị ta thực hiện đối với bệnh nhân những điều hết sức kỳ quái: những bệnh nhân hay làm ồn hoặc đêm hay trở dậy, ban đêm bị trói vào giường bằng giây thừng, để cho các hộ lý khỏi phải thức trông bệnh nhân; đã có một bệnh nhân chết trong khi bị trói như vậy.- Trong nhà tế bần *ở Xanh-Păng-cra-xơ ở* Luân Đôn, nơi đây người ta may quần áo lót rẻ tiền, một người đàn ông mắc bệnh động kinh khi lên cơn đã bị chết ngạt trên giường mà không có ai đến cứu. Cũng ở nhà tế bần này có đến bốn, sáu, có lúc tới tám đứa trẻ nằm chung một giường. - Trong nhà tế bần *ở So-rơ-đích ở* Luân Đôn đã có người nằm chung với một người đang sốt mê man trên một chiếc giường đầy rệp. - Trong nhà tế bần *ở Bét-nan-Grin ở* Luân Đôn, một chị có mang sáu tháng không được vào ở phòng trong mà bị nhốt cùng với đứa con chưa đầy hai tuổi trong phòng khách khoá chặt không có giường, không có chỗ đại tiểu tiện, suốt từ ngày 28 tháng Hai tới ngày 20 tháng Ba 1844. Chồng chị ấy cũng bị đưa đến nhà tế bần và khi anh ta xin cho vợ được thả ra khỏi cảnh giam cầm thì người ta cho rằng anh ta hỗn xược, đã phạt giam anh ta trong ngục tối 24
giờ chỉ cho ăn bánh mì với nước lã.- Tháng Chín 1844, trong nhà tế bần *ở Xlao* gần Vin-do có một người sắp chết; vợ anh ta đến ngay Xlao để thăm chồng sau khi được tha; chị tới nơi lúc mười hai giờ đêm, vội vã đi đến nhà tế bần, nhưng người ta nhất định không cho vào; mãi đến sáng hôm sau chị ấy mới được phép gặp chồng chỉ trong vòng nửa giờ, có mặt người nữ quản đốc ở đó; mấy lần thăm sau cũng vẫn có mặt người nữ quản đốc, vừa hết nửa giờ là giục chị ấy phải ra.- Trong nhà tế bần *ở Mít-đơn-tơn ở* Lan-kê-sia, một căn phòng có đến 12 người ngủ, có lúc đến 18 người, cả nam nữ. Cơ quan này không bị đạo luật mới về người nghèo chi phối mà chỉ theo đạo luật đặc biệt trước kia (luật Ghin-be). Người quản đốc đã mở ở đấy một xưởng sản xuất rượu bia riêng của hắn.- Ngày 31 tháng Bảy 1844, ở Xtốc-poóc có một ông già bảy mươi hai tuổi bị người ta lôi ra toà án hoà giải vì từ chối không chịu đập đá viện cớ rằng mình già quá cứng đầu gối, không làm nổi việc ấy. Ông cụ đã uổng công cầu xin làm việc gì khác cũng được, miễn là vừa sức; ông đã bị xử hai tuần khổ dịch trong nhà tù.- Tháng Hai 1844, có cuộc điều tra ở nhà tế bần *Bát-phoóc*, người ta thấy khăn trải giường 13 tuần chưa thay, áo sơ-mi 4 tuần chưa thay, bít tất từ 2 tháng đến 10 tháng chưa thay, đến nỗi trong 45 đứa trẻ chỉ còn ba đứa có bít tất, còn áo sơ-mi của mọi người đều rách tươm. Giường thì đầy rệp, bát đĩa thì rửa trong thùng nước bẩn.- Ở nhà tế bần trong khu Tây Luân Đôn có một người gác cửa mắc bệnh giang mai, hắn đã truyền bệnh cho bốn người con gái mà vẫn không bị đuổi. Một người gác cổng khác đã đem thiếu nữ bị câm và điếc ở một phân xưởng giấu trên giường mình để ngủ với nó trong bốn ngày mà cũng không bị đuổi.

Người ta đối xử với người chết cũng không hơn gì với người sống. Người nghèo chết thì chôn qua loa chẳng khác gì súc vật chết. Nghĩa địa người nghèo *Xanh-Brai-đơ ở* Luân Đôn là một bãi lầy trơ trụi, dùng làm nghĩa địa từ thời Sác-lơ II, ngổn ngang những đống xương trắng. Cứ tới thứ tư thì người nghèo chết trong

https://thuviensach.vn

tuần bị quăng xuống cái hố sâu 14 phút, người cố đạo đọc kinh cho nhanh rồi người ta lấp qua loa để thứ tư tuần sau lại bới lên mà ném xác khác xuống cho tới bao giờ đầy không nhét được vào đâu được nữa mới thôi. Vì thế mùi thối xông lên từ những xác chết thối rữa lan ra khắp vùng quanh đó.- Ở Man-se-xtơ, nghĩa địa người nghèo nằm trên bờ sông Ai-rơ-cơ, đối diện với thành phố cũ; đó cũng là một bãi hoang vu chỗ lồi chỗ lõm. Cách đây hai năm người ta đặt một đường xe lửa chạy qua. Nếu là một nghĩa địa của các vị đáng tôn kính thì không biết giai cấp tư sản và các giới tu hành sẽ la ó đến thế nào về hành vi xúc phạm thánh thể ấy! Nhưng đây là nghĩa địa người nghèo, là nơi an nghỉ cuối cùng của người nghèo đói và "người thừa", nên người ta thản nhiên như không. Thậm chí người ta cũng chẳng thèm rời những xác chưa rữa hết sang nơi khác của nghĩa địa. Chỗ nào tiện làm đường là họ đào, đóng cọc xuống mồ mả mới, đến nỗi nước chứa đầy chất thối rữa trào lên từ bùn nhão khiến các vùng quanh đó đầy mùi hôi hám có hại vô cùng. Tôi không có ý định thuật lại tỉ mỉ ở đây những hành vi tàn bạo ghê gớm đã xảy ra bấy giờ.

Phải chăng còn có thể ngạc nhiên khi thấy những người nghèo không chịu xin cứu tế xã hội trong điều kiện như thế, khi thấy họ thà chịu chết đói chứ không muốn vào những ngục Ba-xti ấy? Tôi đã thấy năm trường hợp người ta thà chịu chết đói theo nghĩa thật của từ này, hơn nữa trước khi chết mấy hôm, khi cơ quan trợ giúp người nghèo từ chối không chịu giúp cho họ một cái gì ngoài nhà tế bần thì họ thà chịu đói chứ không vào cái địa ngục ấy. Về mặt này tiểu ban luật về người nghèo đã hoàn toàn đạt mục đích của họ. Nhưng đồng thời việc thành lập các nhà tế bần, hơn hết thảy mọi biện pháp nào khác của giai cấp đang nắm chính quyền, càng khơi thêm mối căm thù của giai cấp vô sản đối với giai cấp có của mà đại đa số hân hoan phấn khởi về đạo luật mới về người nghèo. Từ Niu-cát-xơn đến Đu-vrơ, đạo luật này đã gây nên tiếng thét căm hờn nhất trí trong công nhân. Trong luật ấy, giai cấp

https://thuviensach.vn

tư sản đã nói lên cách hiểu nghĩa vụ của chúng đối với giai cấp vô sản rõ ràng đến nỗi ngay những người ngu dốt nhất cũng thấy được. Chưa bao giờ người ta dám tuyên bố công nhiên, trắng trợn đến như thế, rằng người vô sản sống trên đời chỉ là để cho người có của bóc lột, và khi nào người có của không cần đến họ nữa thì họ cứ việc chết đói. Chính vì thế mà đạo luật về người nghèo càng đẩy mạnh phong trào công nhân phát triển, nhất là đẩy mạnh phong trào Hiến chương lan rộng, và bởi vì đạo luật này ứng dụng nhiều nhất trong nông thôn, nên nó càng thuận tiện cho phong trào vô sản phát triển ở các khu nông nghiệp.

Xin nói thêm rằng từ năm 1838 ở *Ai-rơ-len* cũng có đạo luật về người nghèo tương tự, cũng dự kiến xây những nhà dung thân như thế cho 8 vạn dân nghèo, ở đó, người ta cũng căm ghét đạo luật ấy và nếu như ở Ai-rơ-len nó cũng có ý nghĩa như ở Anh thì nó càng gây ra sự phản đối của người nghèo. Nhưng trong một nước có tới 2 triệu rưỡi người vô sản mà hành hạ 8 vạn người thì có nghĩa lý gì! - Ở Xcốt-len, không có đạo luật về người nghèo, trừ một vài địa phương cá biệt.

Tôi hy vọng rằng sau khi đã thấy được những điều nói ra ở đây về đạo luật mới về người nghèo và về những hậu quả của nó thì không còn ai cho rằng tôi nhận xét giai cấp tư sản Anh một cách quá khắt khe. Qua cái biện pháp của nhà nước ấy, giai cấp tư sản Anh đã hành động in corpore [174]1* với tư cách là kẻ có của cầm quyền, và nói rõ thực sự họ muốn gì và ý nghĩa chính xác của những hành vi đối xử tồi tệ mà giai cấp vô sản phải luôn luôn chịu đựng mà lại đổ tội cho từng cá nhân riêng biệt chịu trách nhiệm về những hành vi đó. Biện pháp ấy không phải là bắt nguồn từ một nhóm nào của giai cấp tư sản mà đã được toàn bộ giai cấp ấy tán thành, cuộc tranh luận ở nghị viện năm 1844 chứng
minh rõ ràng điều đó. Đạo luật mới về người nghèo do Đảng tự do ban bố, chỉ sửa vài chỗ lặt vặt bằng Poor-Law-Amendment-Bill[175]1* thông qua năm 1844. Đa số của Đảng tự do đã thông qua đạo luật ấy, đa số của đảng To-ri đã xác nhận nó, còn các vị thượng nghị sĩ cao quý thì đã hai lần "đồng ý". Như vậy là người ta đã tuyên bố rằng giai cấp vô sản là giai cấp ở ngoài nhà nước, ở ngoài xã hội; như vậy là người ta đã công khai trịnh trọng tuyên bố rằng người vô sản không phải là con người, không đáng được đối xử như con người. Nhưng chúng ta có thể an tâm mà tin tưởng ở người vô sản của vương quốc Bri-ten - họ sẽ giành lại được quyền làm người [176]1).

Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh là như thế, đó là tình cảnh mà tôi đã nghiên cứu được trong hai mươi mốt tháng bằng cách quan sát tận mắt và dựa vào các báo cáo chính thức và các báo cáo đáng tin cậy khác. Nếu tôi khẳng định, như đã khẳng định nhiều lần trong suốt cả quyển sách này, rằng tình cảnh đó là tồi tệ không thể nào chịu nổi, thì không phải chỉ riêng mình tôi giữ quan điểm này. Ngay năm 1833 Ga-xken đã tuyên bố rằng ông ta tuyệt vọng về kết cục hoà bình, rằng cách mạng không chắc có thể tránh nổi. Năm 1838, Các-lai-lơ đã lấy điều kiện sinh sống nghèo khổ của công nhân để giải thích phong trào Hiến chương và tinh thần cách mạng của họ và chỉ lấy làm lạ rằng họ vẫn cứ lặng lẽ ngồi ở bàn Bác-mê-ki-đơ [124]

https://thuviensach.vn

tới tám năm trời, để cho giai cấp tư sản tự do nuôi họ bằng những lời hứa hão huyền. Năm 1844 ông ta tuyên bố rằng phải lập tức tổ chức lao động.

"Nếu không muốn biến châu Âu, hay ít nhất là nước Anh, thành bãi sa mạc hoang vu".

Còn tờ báo "Times", "tờ báo lớn nhất châu Âu", tháng Sáu 1844 nói toạc ra rằng:

https://thuviensach.vn

"Tuyên chiến với lâu đài, hoà bình cho lều cỏ! - đó là lời kêu gọi áp dụng chính sách khủng bố, nó có thể lại vang dội một lần nữa ở khắp nước ta. Hãy coi chừng, những người giàu!"

Nhưng chúng ta hãy xem xét tiền đồ của giai cấp tư sản một lần nữa. Trong trường hợp xấu nhất, dù có bãi bỏ các đạo luật ngũ cốc, - mấy năm nữa tất nhiên sẽ phải bãi bỏ - thì công nghiệp nước ngoài trước hết là công nghiệp Mỹ cũng vẫn có thể cạnh tranh được với công nghiệp Anh. Hiện nay công nghiệp của Đức đang phát triển mạnh và công nghiệp của Mỹ đã tiến bước khổng lồ. Nước Mỹ với nguồn tài nguyên vô tận, với trữ lượng than và sắt rất lớn, với nguồn sức nước vô cùng phong phú và các con sông thuận tiện cho tàu bè đi lại, đặc biệt là với những người dân quả quyết và hoạt động, so với họ thì người Anh chỉ là những người phớt đời đang ngủ; trong thời gian chưa tới mười năm nước Mỹ đã xây dựng được một nền công nghiệp hiện nay đã cạnh tranh được với Anh về mặt hàng vải bông đơn giản (sản phẩm chủ yếu của công nghiệp Anh), đã hất cẳng người Anh ra khỏi thị trường Bắc Mỹ và Nam Mỹ, còn ở Trung Quốc thì cũng bán hàng ngang với nước Anh rồi. Tình hình các ngành công nghiệp khác cũng như vậy. Nếu có một nước có khả năng chiếm độc quyền công nghiệp vào tay mình thì đó chính là nước Mỹ.- Nếu công nghiệp Anh bị đánh bại như vậy, - nếu điều kiện xã hội hiện tại không thay đổi thì tất nhiên sẽ như thế trong vòng 20 năm sắp tới, - thì đại đa số giai cấp vô sản sẽ mãi mãi thành "người thừa" và họ chỉ có hai con đường: hoặc chết đói, hoặc làm cách mạng. Giai cấp tư sản Anh có thấy được tiền đồ ấy không? Ngược hẳn lại, nhà kinh tế học yêu mến nhất của họ là Mắc-Cu-lốc đã từ thư phòng của mình, dạy họ rằng không nên nghĩ đến một nước non trẻ, thậm chí còn chưa đủ nhân khẩu như nước Mỹ, mà có thể chuyên làm công nghiệp một cách thắng lợi được, nhất là lại có thể cạnh tranh nổi với nước công nghiệp già đời như nước Anh. Nếu người Mỹ muốn thử làm như vậy là họ điên, vì nhất định họ sẽ lỗ vốn. Tốt nhất
là họ cứ chuyên về nông nghiệp, chừng nào ruộng đất của họ đã trồng trọt hết thì có lẽ bấy giờ họ sẽ có thể làm công nghiệp một cách thuận lợi. - Nhà kinh tế học thông minh tuyệt vời ấy nói thế, và cả giai cấp tư sản phụ họa theo ông ta trong khi người Mỹ cứ cướp hết thị trường này đến thị trường khác và trong khi một tay đầu cơ người Mỹ mới cách đây không lâu đã cả gan chở một chuyến hàng Mỹ *sang tận nước Anh* và đã bán rất chạy cho người Anh mua để xuất khẩu một lần nữa!

Nhưng giả sử người Mỹ cứ giữ vững được độc quyền công nghiệp, giả sử số công xưởng của họ cứ tăng thêm mãi, thì kết quả sẽ ra sao? Khủng hoảng thương nghiệp sẽ cứ tiếp diễn và sẽ ngày càng gay gắt hơn, khủng khiếp hơn theo mức độ phát triển của công nghiệp và tăng thêm nhân số giai cấp vô sản. Theo với sự phá sản liên tục của giai cấp tiểu tư sản, theo với sự tập trung tư sản triển khai trên quy mô đồ sộ vào tay một số ít người, giai cấp vô sản sẽ tăng thêm theo cấp số nhân và sẽ nhanh chóng bao gồm cả dân tộc, trừ một số ít nhà triệu

https://thuviensach.vn

phú. Nhưng, trong quá trình phát triển ấy, tất sẽ đến một lúc mà giai cấp vô sản sẽ thấy rằng họ có thể lật đổ trật tự xã hội hiện tại một cách rất dễ dàng, và thế là cách mạng sẽ xảy ra.

Song sự việc sẽ không phát triển theo hai con đường ấy. Khủng hoảng thương nghiệp là nhân tố mạnh mẽ nhất thúc đẩy giai cấp vô sản phát triển một cách độc lập, cộng thêm với sự cạnh tranh của nước ngoài và sự phá sản càng ngày càng nhiều của giai cấp trung gian sẽ đẩy nhanh toàn bộ quá trình ấy. Tôi không tin rằng nhân dân sẽ có thể lặng lẽ chịu đựng thêm một cuộc khủng hoảng nào nữa. Cuộc khủng hoảng sắp tới sẽ nổ ra vào năm 1846 hay 1847 có thể sẽ thúc đẩy sự phế bỏ các đạo luật ngũ cốc và thông qua Hiến chương. Hiến chương sẽ dẫn đến phong trào cách mạng như thế nào, bây giờ thật khó nói. Nhưng sau cuộc khủng hoảng này và trước cuộc khủng hoảng sau suy luận theo những cuộc khủng hoảng trước thì phải xảy ra vào năm 1852 hay 1853 dù nó

có thể tới chậm do sự phế bỏ các đạo luật ngũ cốc, hay tới nhanh hơn do những nguyên nhân khác chẳng hạn như do sự cạnh tranh của nước ngoài, nhân dân Anh chắc là sẽ chán ghét, không thể nhẫn nhục chịu đựng được sự bóc lột của bọn tư bản và không thể chịu chết đói khi mà bọn chúng không cần đến họ nữa. Nếu từ nay tới đó mà giai cấp tư sản Anh không thông minh lên một chút - cứ theo mọi triệu chứng mà xét đoán thì điều đó không xảy ra với nó thì sẽ nổ ra một cuộc cách mạng, mà tất cả các cuộc cách mạng từ trước đến nay không thể nào so sánh được. Người vô sản bị bức đến chỗ tuyệt vọng sẽ tiến hành đốt phá như Xtê-phen đã từng tuyên truyền cho họ; lửa phục thù của nhân dân sẽ bùng lên mãnh liệt mà ngay năm 1793 cũng không bì kịp. Cuộc chiến tranh của người nghèo chống người giàu sẽ là một cuộc chiến tranh đẫm máu nhất trong mọi cuộc chiến tranh đã xảy ra giữa người và người. Dù cho có một số người trong giai cấp tư sản sẽ chạy về phía giai cấp vô sản, dù cho tâm tính chung của toàn thể giai cấp tư sản có khá lên thì cũng vô ích. Vả chăng nếu có sự thay đổi quan điểm của toàn bộ giai cấp tư sản thì cũng không thể đi xa hơn cái *juste-milieu* [177]1* có tính chất dung hoà; những người tư sản tương đối kiên quyết đi về phía công nhân hình thành phái Gi-rông-đanh mới, và phái ấy cũng sẽ tiêu vong trong quá trình mở rộng hành động bạo lực. Một giai cấp không thể vứt bỏ thiên kiến như vứt bỏ quần áo cũ, nhất là giai cấp tư sản Anh bảo thủ, hẹp hòi và ích kỷ càng ít có khả năng làm việc đó. Chúng ta có thể vững tâm rút ra tất cả những kết luận như thế vì những kết luận ấy một mặt dựa vào những sự thực hoàn toàn không thể chối cãi được của sự phát triển lịch sử, mặt khác dựa vào bản tính của loài người. Làm nhà tiên tri ở nước Anh thì dễ hơn ở bất cứ một nơi nào khác bởi vì mọi nhân tố hợp thành của xã hội ở đây phát triển rõ rệt lắm rồi. Cách mạng là *không thể tránh khỏi*, muốn tìm lối thoát hoà bình trong tình hình đã hình thành thì đã quá muộn; nhưng cách mạng có thể tiến hành theo hình thức ôn hoà hơn điều tôi mô tả ở đây. Điều đó sẽ tuỳ thuộc vào sự phát triển của giai cấp tư sản, không bằng tuỳ thuộc vào sự phát triển của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản càng tiếp thu tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa thì cách mạng sẽ càng ít đổ máu, báo thù và tàn khốc. Theo nguyên tắc của nó, thì chủ nghĩa cộng sản vượt lên trên sự thù địch giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản; nó chỉ thừa nhận ý nghĩa lịch

https://thuviensach.vn

sử của sự thù địch đối với hiện tại, nhưng lại phủ nhận tính tất yếu của sự thù địch trong tương lai; chủ nghĩa cộng sản chính là nhằm mục đích thủ tiêu sự thù địch ấy. Khi sự thù địch ấy hãy còn, thì chủ nghĩa cộng sản cho rằng giai cấp vô sản căm phẫn với những kẻ nô dịch họ là điều tất nhiên, là đòn bẩy quan trọng nhất của phong trào công nhân *đang bắt đầu;* nhưng chủ nghĩa cộng sản còn đi xa hơn sự căm phẫn ấy, bởi vì nó không chỉ là sự nghiệp của riêng một mình công nhân mà còn là sự nghiệp của toàn thể loài người. Dẫu sao cũng không có một người cộng sản nào lại nghĩ đến trả thù một cá nhân riêng lẻ, hay cho rằng người tư sản nào đó trong những điều kiện hiện tại có thể có những hành động khác bây giờ. Chủ nghĩa xã hội Anh (tức chủ nghĩa cộng sản) chính xuất phát từ nguyên tắc không quy trách nhiệm cho một cá nhân riêng biệt nào. Do đó công nhân Anh tiếp thu tư tưởng xã hội chủ nghĩa càng nhiều, thì sự căm phẫn hiện nay của họ càng nhanh chóng biến thành thừa, - nếu sự căm phẫn ấy còn thể hiện trong các cuộc tấn công bạo lực như hiện nay, thì nó cũng vẫn không mang lại kết quả gì, - hành vi thô bạo và dã man chống giai cấp tư sản của họ sẽ càng ít đi. Kể ra nếu có thể làm cho toàn thể giai cấp vô sản trở thành cộng sản trước khi nổ ra cuộc chiến đấu thì cuộc chiến đấu sẽ tiến hành rất hoà bình. Nhưng ngày nay điều ấy không thể làm được nữa; đã muộn quá rồi! Song tôi cho rằng trước khi nổ ra cuộc chiến tranh *hoàn toàn* công khai và trực tiếp
của người nghèo chống người giàu, bây giờ đã không thể tránh ở nước Anh, thì ít nhất trong đội ngũ của giai cấp vô sản cũng đã hiểu được rõ ràng vấn đề xã hội, để cho đảng cộng sản trong hoàn cảnh thuận lợi có thể khắc phục dần dần được những yếu tố căm phẫn và thô bạo của cách mạng và đề phòng sự tái diễn của ngày 9 tháng Nóng. Ngoài ra, kinh nghiệm của nước Pháp chưa hẳn là vô dụng, hơn nữa, hiện nay đa số những lãnh tụ của phong trào Hiến chương đã thành người cộng sản. Mà chính vì chủ nghĩa cộng sản vượt *lên trên* mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, cho nên so với phong trào Hiến chương thuần tuý vô sản thì nó càng dễ được những đại biểu ưu tú của giai cấp tư sản tán thành - nhưng số người này quá ít và chỉ có thể tìm thấy ở các thế hệ mới trưởng thành.

Nếu những kết luận này ở đây còn thấy chưa đầy đủ căn cứ thì tôi mong rằng sẽ có dịp chứng minh ở chỗ khác, rằng những kết luận này được rút ra một cách tất nhiên từ sự phát triển lịch sử của Anh. Nhưng tôi kiên quyết tin rằng: cuộc chiến tranh của người nghèo chống người giàu, hiện đang gián tiếp tiến hành bằng hình thức xung đột nhỏ cá biệt, sẽ trở thành cuộc chiến tranh toàn diện và công khai ở Anh. Muốn giải quyết một cách hoà bình thì đã quá muộn. Sự phân hoá giai cấp ngày càng gay gắt, tinh thần phản kháng ngày càng ăn sâu vào lòng người công nhân, sự căm phẫn càng tăng, những cuộc xung đột cá biệt kiểu du kích đang mở rộng thành những cuộc chiến đấu và thị uy lớn hơn, và không lâu nữa, chỉ cần một sự va chạm nhẹ cũng đủ gây nên sóng gió lở đất long trời. Lúc đó khắp cả nước sẽ thực sự lừng vang lời kêu gọi chiến đấu: "Tuyên chiến với lâu đài, hoà bình cho lều cỏ!", nhưng lúc đó những kẻ giàu có muốn tìm biện pháp đề phòng thì đã muộn rồi.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

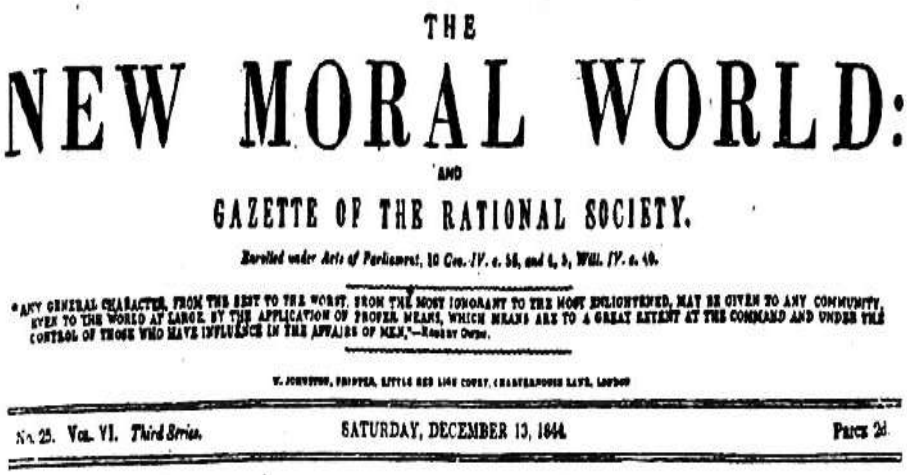

THE

NEW MORAL WORLD:

AND

GAZETTE OF THE RATIONAL SOCIETY.

Enrolled under Acts of Parliament, 10 Geo. IV. c. 56, and 4, 5, Will. IV. c. 73.

"ANY GENERAL CHARACTER, FROM THE BEST TO THE WORST, FROM THE MOST IGNORANT TO THE MOST ENLIGHTENED, MAY BE GIVEN TO ANY COMMUNITY, EVEN TO THE WORLD AT LARGE, BY THE APPLICATION OF PROPER MEANS, WHICH MEANS ARE TO A GREAT EXTENT AT THE COMMAND AND UNDER THE CONTROL OF THOSE WHO HAVE INFLUENCE IN THE AFFAIRS OF MEN."—Robert Owen.

W. JOHNSON, PRINTER, LITTLE RED LION COURT, CHANCERY LANE, LONDON

No. 25. Vol. VI. *Third Series.* SATURDAY, DECEMBER 13, 1844. Price 2d.

PH. ĂNG-GHEN

SỰ TIẾN TRIỂN NHANH CHÓNG CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN Ở ĐỨC

I

Gửi cho tờ báo của anh[125] bài bút ký ngắn này, tôi nghĩ rằng đồng bào của anh được tin về sự tiến triển của sự nghiệp chung của chúng ta ở bên này eo biển chắc hẳn sẽ rất phấn khởi.

https://thuviensach.vn

Đồng thời tôi vui mừng được dịp nói rằng người Đức, tuy vẫn lạc hậu so với các dân tộc khác trong khi thảo luận về vấn đề cải cách xã hội, hiện đang cố gắng đền bù lại thời gian đã tiêu phí. Ở đất nước chúng tôi, chủ nghĩa xã hội được truyền bá nhanh chóng như vậy thì quả là một điều kỳ diệu. Hai năm trước, nơi đây nhiều nhất chỉ có hai người quan tâm đến các vấn đề xã hội; xuất bản
phẩm xã hội chủ nghĩa [126] đầu tiên mới ra đời cách đây một năm. Đúng là có mấy trăm người cộng sản Đức sống ở nước ngoài nhưng đều là công nhân, họ chỉ gây được ảnh hưởng yếu ớt và không truyền bá được rộng rãi xuất bản phẩm của mình trong "các giai cấp lớp trên". Ngoài ra chủ nghĩa xã hội đã gặp những trở ngại rất lớp trên con đường phát triển của mình: chế độ kiểm duyệt sách báo, không được tự do họp và tự do lập hội, những đạo luật chuyên chế và những toà án bí mật với những quan toà làm thuê sẽ trừng phạt tất cả những ai dám phát động tư tưởng của dân chúng, dù là dưới hình thức nào. Nhưng bất chấp tất cả những thứ đó, tình hình nước Đức hiện nay ra sao? Thay cho hai người viết về chủ nghĩa xã hội cho công chúng không hiểu tí gì và không thích thú gì vấn đề ấy cả, giờ đây chúng tôi có hàng chục nhà văn có tài đang tuyên truyền học thuyết mới cho hàng ngàn người khao khát tìm hiểu mọi thứ có liên quan tới vấn đề ấy; chúng tôi có đến mấy tờ báo mà tính chất xã hội chủ nghĩa của chúng chỉ giới hạn ở chừng mực cấp tiến, ở chừng mực mà chế độ kiểm duyệt cho phép; trong số đó trước hết phải kể đến tờ "Trier'sche Zeitung"[127] và tờ "Sprecher"[128] ở Vê-đen; ở Pari, chúng tôi có một tờ báo xuất bản trong điều kiện tự do báo chí [129]; ngoài những xuất bản phẩm định kỳ trực tiếp chịu ảnh hưởng của chính phủ, không có một cơ quan báo chí nào mà hàng ngày không viết bài ca tụng chủ nghĩa xã hội và những người xã hội chủ nghĩa. Những kẻ tử thù của chúng tôi không dám công khai chống lại chúng tôi. Thậm chí chính phủ cũng buộc lòng phải đối xử lịch thiệp với tất cả mọi phong trào có xu hướng xã hội chủ nghĩa, nếu như những phong trào này mang hình thức *hợp pháp*. Khắp nơi đều xuất hiện những hội liên hiệp để cải thiện tình cảnh của người lao động cũng như để giúp đỡ họ tự giáo dục, và đã có một số quan chức cao cấp của chính phủ Phổ tham gia hoạt động trong các hội liên hiệp ấy. Tóm lại, chủ nghĩa xã hội trở thành vấn đề bức thiết ở nước Đức và trong năm qua một đảng to lớn của những người
theo chủ nghĩa xã hội đã trưởng thành, đảng đó hiện nay đã khiến cho tất cả các chính đảng phải tôn kính và nhất là phái tự do ở đây đã nịnh hót nó. Cho tới nay, lực lượng của chúng tôi gồm có giai cấp trung đẳng, - sự thực này có lẽ làm cho bạn đọc ở Anh ngạc nhiên nếu như họ không biết rằng ở Đức giai cấp đó tự tư tự lợi, thiên vị và đần độn, kém xa ở Anh chỉ vì một nguyên nhân đơn giản là nó không giàu bằng ở Anh. Nhưng chúng tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ tìm được chỗ dựa trong giai cấp công nhân là giai cấp ở chỗ nào và lúc nào cũng phải là lực lượng và là thành trì của đảng xã hội chủ nghĩa và đã được sự bần cùng, ách áp bức và nạn thất nghiệp, cũng như những cuộc nổi dậy tại khu công nghiệp ở Xi-lê-di và Bô-hêm làm thức tỉnh khỏi cơn mê ngủ. Vì vậy cho phép tôi nhắc đến bức tranh của một hoạ sĩ Đức ưu tú là Huýp-nơ, mà xét về mặt tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội thì nó có tác dụng lớn hơn cả trăm bài văn đả kích. Bức tranh mô tả một nhóm thợ dệt Xi-lê-di nộp

https://thuviensach.vn

vải đay cho chủ xưởng, làm nổi lên một cách đặc biệt rõ nét sự đối lập giữa một bên là cảnh giàu có tàn nhẫn với một bên là cảnh cùng khổ không có lối thoát. Tên chủ xưởng béo ị với sắc mặt đồng đỏ tỏ vẻ lạnh lùng đã khinh bỉ vứt bỏ một tấm vải đay; người đàn bà có tấm vải đay ấy thấy hết hy vọng bán được vải đã quỵ xuống bất tỉnh nhân sự: hai em nhỏ vây quanh chị đồng thời một cụ già đứng bên cạnh đó vất vả lắm mới đỡ được chị ta. Tên quản lý đang xem xét một tấm vải đay khác, người chủ tấm vải đó bồn chồn chờ đợi kết quả xem xét; một thanh niên đưa cho bà mẹ thất vọng xem món thu nhập thảm hại mà anh ta đã kiếm được bằng lao động của mình; trên chiếc ghế đá dài, một cụ già, một cô gái và một cậu bé ngồi đợi đến lượt mình, còn hai người đàn ông thì vác những tấm vải đay bị loại bước ra khỏi phòng, một người trong họ giận dữ huơ huơ quả đấm, trong khi người kia đặt tay lên vai bạn chỉ lên trời dường như bảo: hãy bình tĩnh, còn có thượng đế, thượng đế sẽ trừng phạt hắn. Toàn bộ cảnh tượng

đó đang diễn ra ở gian phòng ngoài lát đá lạnh lẽo như không có người ở; chỉ có tên chủ xưởng đứng trên tấm thảm nhỏ. Phía xa trên bức tranh, sau quầy tủ hiện lên khung cảnh một phòng kế toán được bài trí sang trọng với những tấm rèm cửa sổ hoa lệ và những chiếc gương, ở đó có mấy nhân viên đang viết lách không hề để ý đến mọi việc xảy ra sau lưng họ, và con trai ông chủ, một chàng công tử trẻ tuổi, đứng ngả người tựa vào quầy tủ, tay cầm roi ngựa, mồm ngậm xì-gà, thờ ơ nhìn những người thợ dệt bất hạnh. Bức tranh đó đã được trưng bày tại nhiều thành phố ở nước Đức và dĩ nhiên đã làm cho nhiều người thấm nhuần được tư tưởng xã hội. Chúng tôi cũng hết sức hài lòng thấy rằng Các Lét-xinh, họa sĩ ưu tú của chúng ta, trong lĩnh vực hội họa lịch sử đã chuyển sang phía chủ nghĩa xã hội. Sự thực là ngày nay vị trí của chủ nghĩa xã hội ở Đức đã tốt hơn ở Anh đến mười lần. Ngay sáng sớm hôm nay tôi đã đọc trên một tờ báo của phái tự do - "Báo Khuên"[130] - một bài mà tác giả vì một nguyên nhân nào đó đã bị những người xã hội chủ nghĩa công kích; trong bài này ông ta đã tự bào chữa cho mình. Nhưng sự bào chữa của ông ta như thế nào? Ông ta tự cho là người xã hội chủ nghĩa song có điều khác nhau là ông ta muốn giành lấy ngay tất cả. Nên biết rằng "Báo Khuên" là tờ báo đứng thứ hai ở Đức về mặt ảnh hưởng và phát hành. Có điều lạ lùng là ít ra ở miền Bắc Đức, dù ở trên tàu thuỷ, trong toa xe lửa hoặc trên xe thư, đâu đâu cũng gặp những người đã tiếp thu tư tưởng xã hội trên một chừng mực nhất định và đồng ý nhất thiết phải có biện pháp nào đấy để cải tạo xã hội. Tôi vừa mới đi thăm mấy thành phố lân cận trở về, không có nơi nào tôi đi qua mà lại không gặp ít nhất là 5 đến 10 người xã hội chủ nghĩa triệt để. Trong chính gia đình tôi - một gia đình thực sự đứng đắn và lương thiện, - tôi đếm được sáu người xã hội chủ nghĩa, thậm chí còn hơn nữa, và mỗi người trong số đó mà chuyển biến thì không phải là do ảnh hưởng của người kia. Chúng tôi có những người ủng hộ trong tất cả các tầng lớp:

nhà buôn, chủ xưởng, luật sư, quan chức, sĩ quan, thày thuốc, biên tập viên báo chí, chủ trại ấp, v.v.; nhiều ấn phẩm của chúng tôi đang đưa in tuy rằng tạm thời mới chỉ có ba hoặc bốn loại được ra mắt. Nếu như trong 4 hoặc 5 năm qua, chúng ta đạt được sự tiến triển như năm vừa rồi thì chúng ta sẽ nhanh chóng xây dựng xong khu cộng sản chủ nghĩa. Anh thấy đấy,

https://thuviensach.vn

chúng tôi, những nhà lý luận Đức, đang trở thành những người thiết thực và thực tiễn. Sự thật thì một người trong chúng tôi đã được uỷ thác vạch ra một kế hoạch cụ thể về tổ chức và quản lý khu cộng sản chủ nghĩa, có tham khảo các kế hoạch của Ô-oen, Phu-ri-ê và những người khác và có rút kinh nghiệm của các khu như vậy ở châu Mỹ cũng như của khu "Hài hoà" [131] của các bạn và chúng tôi hy vọng sẽ phát triển phồn vinh. Kế hoạch ấy sẽ được đưa xuống các địa phương thảo luận và sẽ được công bố cùng với các ý kiến sửa đổi. Các nhà trước tác tích cực nhất trong số các nhà xã hội chủ nghĩa Đức là: tiến sĩ C. Mác ở Pa-ri; tiến sĩ M. Hét-xơ hiện ở Khuên; tiến sĩ C. Grun ở Pa-ri; Phri-đrích ¨ng-ghen ở Bác-men (Phổ miền sông Ranh); tiến sĩ Ô Luy-ninh ở Rê-đơ (Ve-xtơ-pha-li); tiến sĩ H. Puýt-man ở Khuên và nhiều người khác. Ngoài ra, Hen-rích Hai-nơ, một nhà thơ hiện đại Đức lỗi lạc nhất, cũng đã gia nhập hàng ngũ chúng tôi và đã xuất bản một tập thơ chính trị trong đó có một số bài tuyên truyền chủ nghĩa xã hội. Ông cũng là tác giả của "Bài ca người thợ dệt Xi-lê-di" nổi tiếng mà tôi gửi cho bạn bản dịch thành văn xuôi nhưng tôi e rằng ở Anh bài thơ đó sẽ bị coi là sự nhạo báng tôn giáo. Dù sao thì tôi cũng gửi cho anh và chỉ nhận xét rằng nó ngầm chĩa mũi nhọn vào lời hò hét chiến đấu của người Phổ năm 1813: "Cùng với thượng đế, phụng sự nhà vua và tổ quốc!", lời hò hét ấy từ đó đã trở thành khẩu hiệu ưa thích nhất của đảng bảo hoàng. Còn dưới đây là bài ca[132] ấy.

Không một giọt lệ nào trên những đôi mắt hờn căm,

Bên máy dệt, họ ngồi, nét mặt phẫn nộ vì tuyệt vọng;

Khổ cực quá nhiều, đói đã lâu rồi, chúng tôi chịu đựng;

Nước Đức già nua ơi, chúng tôi đang dệt vải liệm cho người,

Dệt áo thọ với ba lời nguyền rủa.

Chúng tôi đang dệt, đang dệt!

Lời nguyền rủa thứ nhất đối với thượng đế mù và điếc,

Mà chúng tôi tin cậy như con tin cha,

Mà chúng tôi gửi gấm cả niềm tin và hy vọng,

Nhưng thượng đế lại chế nhạo và trắng trợn lừa gạt chúng tôi.

Chúng tôi đang dệt, đang dệt!

Lời nguyền rủa thứ hai đối với Đức vua của bọn nhà giàu

Mà nỗi khổ của chúng tôi không thể làm yếu mềm hay xúc động.

Đức vua đã cướp của chúng tôi đồng xu sau rốt.

Và sai lính bắn chúng tôi như người ta giết chó.

Chúng tôi đang dệt, đang dệt!

Một lời nguyền rủa nữa đối với tổ quốc giả dối

Đã không ban cho chúng tôi cái gì ngoài nhục nhằn và tai họa,

Nơi đây chúng tôi đã chịu bao đói nghèo.

https://thuviensach.vn

Chúng tôi đang dệt vải liệm cho người, nước Đức già nua ơi.

Chúng tôi đang dệt, đang dệt!

Với bài ca này mà nguyên bản tiếng Đức là một bài thơ mạnh mẽ nhất mà tôi được biết, tôi xin tạm biệt anh lần này; hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ lại có thể báo cho anh biết về sự tiến triển sắp tới và về các trước tác xã hội của chúng ta.

Gửi tới anh lời chào thành thật,

Một người bạn cũ của anh ở Đức

Do Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng 9 tháng Mười một 1844
Đã đăng trên tờ "The New Moral World" số 25, ngày 13 tháng Chạp 1844

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

several others. Besides those, Henry Heine, the most eminent of all living German poets, has joined our ranks, and published a volume of political poetry, which contains also some pieces preaching Socialism. He is the author of the celebrated *Song of the Silesian Weavers*, of which I give you a prosaic translation, but which, I am afraid, will be considered blasphemy in England. At any rate, I will give it you, and only remark, that it refers to the battle-cry of the Prussians in 1813:—"With God for King and fatherland!" which has been ever since a favourite saying of the loyal party. But for the song, here it is:—

Without a tear in their grim eyes,
They sit at the loom, the rage of despair in their faces;
"We have suffered and hunger'd long enough;
Old Germany, we are weaving a shroud for thee
And weaving it with a triple curse.
"We are weaving, weaving!

"The first curse to the God, the blind and deaf god,
Upon whom we relied, as children on their father;
In whom we hoped and trusted withal,
He has mocked us, he has cheated us nevertheless.
"We are weaving, weaving!

"The second curse for the King of the rich,
Whom our distress could not soften nor touch;
The King, who extorts the last penny from us,
And sends his soldiers, to shoot us like dogs.
"We are weaving, weaving!

"A curse to the false fatherland,
That has nothing for us but distress and shame,
Where we suffered hunger and misery—
We are weaving thy shroud, Old Germany!
We are weaving, weaving!

With this song, which in its German original is one of the most powerful poems I know of, I take leave from you for this time, hoping soon to be able to report on our further progress and social literature.—Yours sincerely,

AN OLD FRIEND OF YOURS IN GERMANY.

Phần cuối bài "Sự tiến triển nhanh chóng của chủ nghĩa cộng sản ở Đức" có bài thơ của H. Hai-nơ" Bài ca người thợ dệt Xi-lê-di" do Ph.Ăng-ghen dịch.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

II

Bác-men, ngày 2 tháng Hai 1845

Như tôi đã viết cho anh lần trước, cho tới nay sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa vẫn tiếp tục phát triển nhanh chóng như hồi những tháng cuối năm 1844. Vừa rồi đã đi thăm một loạt thành phố trên sông Ranh và khắp nơi tôi đều thấy rằng từ chuyến đi thăm lần trước của tôi, tư tưởng của chúng ta đã chiếm được và hàng ngày vẫn chiếm được thêm nhiều vị trí mới. Nơi nào tôi cũng gặp những người vừa mới thay đổi niềm tin đang thảo luận và truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản với tất cả nhiệt tình đáng mong muốn. Tất cả các thành phố ở Phổ đều tổ chức nhiều cuộc hội họp đông đảo để thành lập các hội liên hiệp nhằm mục đích chống lại sự phát triển của tình trạng nghèo khó, ngu muội và phạm tội trong đông đảo dân cư. Chính phủ lúc đầu đã khuyến khích những cuộc hội họp đó nhưng sau chuyển sang làm khó dễ khi những cuộc hội họp đó biểu lộ tinh thần độc lập quá mức, nhưng dù sao thì những cuộc hội họp đó cũng làm cho mọi người quan tâm đến vấn đề xã hội và đã giúp ích được rất nhiều cho việc truyền bá các nguyên tắc của chúng ta. Tại cuộc họp ở Khuên, các bài phát biểu của những người cộng sản có tên tuổi đã khơi lên nhiệt tình sôi nổi đến mức người ta cử ngay một uỷ ban gồm phần lớn là những người cộng sản triệt để để dự thảo điều lệ của hội liên hiệp. Cơ sở của điều lệ đương nhiên là những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản - tổ chức lao động, bảo hộ lao động chống lại thế lực tư bản, v.v. và bản điều lệ này hầu như đã được cuộc
họp nhất trí thông qua. Lẽ tự nhiên là không được chính phủ phê chuẩn, mà ở đây muốn thành lập bất cứ một hội liên hiệp nào cũng đòi hỏi phải có sự phê chuẩn đó; nhưng sau những cuộc hội họp này, vấn đề khu cộng sản chủ nghĩa đã trở thành chủ đề thảo luận phổ biến ở Khuên. Nguyên tắc cơ bản của hội liên hiệp được tuyên bố ở En-bơ-phen-đơ là *tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng về giáo dục và phải được cùng hưởng những thành quả của khoa học*. Những bản điều lệ của hội liên hiệp chưa được chính phủ phê chuẩn và có nhiều khả năng cùng chung số phận với bản điều lệ Khuên, vì giới thày tu đã thành lập tổ chức riêng của họ ngay sau khi ý đồ của họ muốn làm cho hội liên hiệp phụ thuộc vào giáo khu của thành phố đã bị cuộc họp bác bỏ. Hội liên hiệp của phái tự do sẽ bị cấm đoán, còn tổ chức của giới thày tu lại được chính phủ ủng hộ. Nhưng điều đó không có ý nghĩa gì lớn, vì

https://thuviensach.vn

vấn đề đã đặt ra hiện đang được thảo luận trong cả thành phố. Ở Muyn-xtơ-cle-vơ, Đuýt-xen-đoóc-phơ và những thành phố khác cũng đã thành lập các hội liên hiệp; chúng ta hãy chờ xem kết quả ra sao. Về sách báo cộng sản chủ nghĩa thì H. Puýt-man ở Khuên đã cho xuất bản một văn tập[133] gồm, ngoài một số luận văn khác, những bài miêu tả khu cộng sản chủ nghĩa ở châu Mỹ và khu của anh ở Hem-psia, tất cả đều có tác dụng loại trừ những thiên kiến cho rằng tư tưởng của chúng ta là không thể thực hiện được. Đồng thời ông Puýt-man còn đăng quảng cáo xuất bản một tạp chí ra hàng quí[134] mà số đầu hoàn toàn dành cho việc tuyên truyền tư tưởng của chúng ta; tạp chí này dự tính sẽ ra mắt vào tháng Năm năm nay, một tạp chí khác ra hàng tháng sẽ do ông Hét-xơ xuất bản ở Khuên và do Ăng-ghen xuất bản ở Bác-men[135]; số đầu sẽ ra vào ngày 1 tháng Tư; tạp chí này sẽ đăng hoàn toàn *những sự thật* miêu tả tình hình của xã hội văn minh hiện đại; bằng những sự thật hùng hồn, nó sẽ tuyên truyền cho sự cần thiết phải có những cải biến triệt để. Trong thời gian sắp tới, một tác phẩm mới của tiến sĩ Mác sẽ ra đời, với nội dung phê phán những
nguyên lý kinh tế chính trị nói chung[136]. Chính phủ bảo thủ Pháp đã buộc tiến sĩ Mác rời khỏi Pa-ri. Ông dự định sang Bỉ; nếu như chính phủ Phổ (là chính phủ đã thúc đẩy nội các Pháp trục xuất Mác) còn truy nã thì ông buộc phải sang Anh. Nhưng sự kiện quan trọng nhất mà tôi được biết kể từ khi gửi bức thư trước cho anh là tiến sĩ Phoi-ơ-bắc, nhà triết học kiệt xuất nhất của nước Đức hiện nay, đã tự tuyên bố là người cộng sản. Vừa rồi, một người bạn của chúng ta đã đến thăm ông ta tại nơi ẩn dật ở một miền quê hẻo lánh thuộc Ba-va-ri và Phoi-ơ-bắc đã bày tỏ với người bạn ấy lòng tin tưởng sâu sắc của ông rằng chủ nghĩa cộng sản chỉ là kết quả tất nhiên của những nguyên tắc mà ông đã tuyên bố, rằng về thực chất thì chủ nghĩa cộng sản chỉ là *thực tiễn* của cái mà từ lâu chính ông đã trình bày trong lý luận. Phoi-ơ-bắc đã nói rằng không có cuốn sách nào làm cho ông cảm thấy hứng thú như phần đầu cuốn "Sự đảm bảo" của Vai-tlinh[137]. Ông nói rằng chưa bao giờ đề tặng sách của mình cho bất cứ ai nhưng ông rất muốn tặng tác phẩm sắp tới của mình cho Vai-tlinh. Như vậy thì liên minh giữa các nhà triết học Đức mà Phoi-ơ-bắc là đại biểu ưu tú nhất với công nhân Đức mà Vai-tlinh là đại diện, sự liên minh mà tiến sĩ Mác[138] đã tiên đoán trước đây một năm, sắp sửa được thực hiện rồi. Nếu như các nhà triết học cùng suy nghĩ với chúng ta và công nhân cùng đấu tranh cho sự nghiệp của chúng ta thì thử hỏi lực lượng nào trên trái đất này có thể cản trở bước tiến của chúng ta được?

Một người bạn cũ của anh ở Đức

https://thuviensach.vn

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 2 tháng Hai 1844
Đã đăng trên tờ "The New Moral World" số 37, ngày 8 tháng Ba 1845

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

III

Anh thân mến!

Thời gian vừa qua, vì một nguyên nhân nào đó, tôi không thể viết thư cho anh về tình hình nước Đức được; bây giờ tôi lại tiếp tục báo tin với niềm hy vọng rằng những tin tức đó sẽ gây được hứng thú cho bạn đọc của anh và sẽ tránh được những gián đoạn dài như trước đây. Tôi phấn khởi báo tin cho anh biết rằng chúng tôi đã đạt được một bước tiến triển cũng nhanh chóng và quyết định như khi gửi thư trước cho anh. Từ khi gửi thư trước cho anh đến nay, chính phủ Phổ đã coi việc tiếp tục ủng hộ "Hội liên hiệp cải thiện tình cảnh của các giai cấp lao động" là điều nguy hiểm. Nó phát hiện rằng ở khắp mọi nơi, các hội liên hiệp này đều bị tiêm nhiễm một cái gì na ná như chủ nghĩa cộng sản, cho nên nó đã làm tất cả mọi cách thuộc thẩm quyền của nó để đàn áp hoặc ít ra là để ngăn cản bước tiến của các hội ấy. Mặt khác, phần lớn thành viên của các hội ấy đều là tư sản, họ đâm bí khi bàn đến các bước mà họ có thể dùng để cải thiện tình cảnh của người lao động. Tất cả những biện pháp do họ đưa ra - quỹ tiết kiệm, tiền thưởng và tặng phẩm cho các công nhân ưu tú, vân vân - đều bị những người cộng sản chứng minh ngay là vô ích và công khai chế giễu. Như vậy là mưu toan của giai cấp tư sản hòng lừa gạt giai cấp công nhân bằng sự giả đạo đức và lòng nhân ái giả tạo đều hoàn toàn vô hiệu, trong khi đó lại tạo ra cho chúng tôi một khả năng hiếm có ở một nước có chế độ thống trị cảnh sát kiểu gia trưởng, và kết quả là chính phủ và các nhà tư bản thì rối rắm còn chúng tôi thì được lợi.

Nhưng không phải chỉ có những cuộc hội họp đó được sử dụng để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản: ở En-bơ-phen-đơ, trung tâm của khu công nghiệp sông Ranh thuộc Phổ, đã có những cuộc hội họp thực sự cộng sản chủ nghĩa. Những người cộng sản ở thành phố này được một số nhân vật có danh tiếng nhất mời đến cùng thảo luận những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Cuộc họp đầu tiên được triệu tập vào tháng Hai và mang nhiều tính chất cá nhân. Cuộc họp này có chừng 40 đến 50 người dự, trong đó có viện trưởng Viện kiểm sát khu và nhiều nhân viên khác của toà án cũng như đại biểu của hầu hết các hãng công thương nghiệp lớn. Tiến sĩ Hét-xơ mà tôi đã nhắc đến tên nhiều lần trên các cột báo của anh, đã khai mạc

https://thuviensach.vn

hội nghị, đề nghị bầu ông Quết-ghen, một người cộng sản, làm chủ tịch và đã được nhất trí tán thành. Tiếp đó tiến sĩ Hét-xơ đọc diễn văn về tình trạng xã hội hiện nay và sự tất yếu phải xoá bỏ chế độ cạnh tranh cũ mà ông cho là một chết độ ăn cướp trắng trợn. Bài diễn văn đã gây ra những tràng vỗ tay kéo dài (những người cộng sản chiếm phần lớn trong thính giả); sau đó, ông Phri-đrích Ăng-ghen (là người gần đây đã đăng trên báo của anh mấy bài về chủ nghĩa cộng sản trên lục địa[139]) đã nói khá tỉ mỉ về tính hiện thực và tính hơn hẳn của chế độ cộng sản[178]1*. Để chứng thực cho luận điểm của mình, ông đã nêu lên một loạt những chi tiết về các khu cộng sản chủ nghĩa ở châu Mỹ và về khu "Hài hoà" của anh. Kế đó, đã diễn ra một cuộc tranh luận hết sức sôi nổi mà đứng về phía những người cộng sản là các diễn giả kể trên và một số người khác, còn phe đối địch thì gồm có viện trưởng viện kiểm sát, nhà văn học tiến sĩ Bê-nê-đích và những người khác. Hội nghị bắt đầu từ 9 giờ tối kéo dài đến 1 giờ đêm.

Cuộc họp thứ hai được triệu tập sau đó một tuần tại gian phòng
lớn của một khách sạn hạng nhất của thành phố. Gian phòng chứa đầy những công chúng "đáng kính" của địa phương. Ông Quết-ghen, chủ tịch cuộc họp trước, đã trình bày đôi nét về chế độ xã hội tương lai và viễn cảnh của nó theo như cách hình dung của những người cộng sản. Tiếp đó, ông Ăng-ghen phát biểu[179]1*, ông chứng minh (như có thể thấy được qua sự thực là không có một lời phản đối nào) rằng tình trạng hiện nay ở Đức không thể không đưa tới một cuộc cách mạng xã hội trong một thời gian rất ngắn; rằng cuộc cách mạng không sao tránh khỏi đó không thể bị ngăn ngừa bởi bất kỳ những biện pháp nào nhằm đẩy mạnh sự phát triển thương nghiệp và công nghiệp, và biện pháp duy nhất để ngăn ngừa cuộc cách mạng đó - một cuộc cách mạng mãnh liệt hơn tất cả các cuộc chấn động đã diễn ra trong lịch sử - là chuẩn bị và thực hiện chế độ cộng sản chủ nghĩa. Cuộc tranh luận, trong đó, về phía những người cộng sản có mấy đại biểu giới luật sư từ Khuên và Đuýt-xen-đoóc-phơ tham dự, thật là sôi nổi và kéo dài đến tận nửa đêm. Người ta cũng đã ngâm một số bài thơ cộng sản chủ nghĩa của tiến sĩ Muy-lơ từ Đuýt-xen-đoóc-phơ tới dự hội nghị.

Sau đó một tuần, lại có cuộc họp thứ ba, trong đó tiến sĩ Hét-xơ lại phát biểu, ngoài ra còn đọc vài đoạn nói về khu cộng sản chủ nghĩa ở châu Mỹ trích từ một văn tập. Gần bế mạc rồi mà hội nghị vẫn còn tranh luận.

Mấy hôm sau, trong thành phố có tin đồn rằng cảnh sát sẽ giải tán cuộc họp sắp tới và sẽ bắt các diễn giả. Thị trưởng thành phố En-bơ-phen-đơ quả có đến gặp chủ khách sạn đe doạ rằng ông ta sẽ mất giấy phép kinh doanh nếu sau này ông ta còn để cho những cuộc hội nghị như vậy họp ở khách sạn của ông. Những người cộng sản lập tức chất vấn thị trường về việc này, nhưng trước ngày triệu tập cuộc họp tiếp theo thì nhận được thông tư gửi cho
các ông Hét-xơ, Ăng-ghen và Quết-ghen, trong đó nhà cầm quyền địa phương nêu ra cả một đống luật tập quán và luật thành văn để tuyên bố rằng những cuộc họp như thế là trái phép và dọa sẽ dùng vũ lực giải tán nếu như không chịu chấm dứt. Cuộc họp được tiến hành vào thứ bảy tuần sau: thị trưởng và viện trưởng Viện kiểm sát (sau cuộc họp thứ nhất, y không xuất

https://thuviensach.vn

đầu lộ diện ở những cuộc họp ấy nữa) đã dự họp với sự hộ tống của một đội cảnh sát vũ trang được điều từ Đuýt-xen-đoóc-phơ về bằng xe lửa. Đương nhiên là trong tình hình như vậy, không có ai phát biểu cả: nhưng người đi họp cứ việc chén bít-tết và uống rượu vang, và không đem lại cho cảnh sát một lý do nào để can thiệp cả.

Những biện pháp đó chỉ có lợi cho sự nghiệp của chúng ta: chúng thúc đẩy những người còn chưa được nghe nói gì về vấn đề này quan tâm đến nó, vì chính phủ đã coi trọng nó như vậy; và phần lớn những người đã tham gia tranh luận nhưng hoàn toàn không hiểu quan điểm của chúng ta hoặc thậm chí còn có thái độ chế giễu, đã trở về nhà với tâm trạng tôn kính chủ nghĩa cộng sản. Sự tôn kính ấy một phần là nhờ những đại biểu đáng kính của đảng chúng tôi tại cuộc họp; hầu hết các gia đình danh giá và giàu có của thành phố đều có đại biểu là người nhà hoặc họ hàng tham dự cùng ngồi chung với những người cộng sản bên một chiếc bàn ăn rộng. Tóm lại, ảnh hưởng của những cuộc họp đó đối với dư luận của toàn khu công nghiệp quả thực là tuyệt vời; mấy hôm sau người ta đã tìm đến những người phát biểu tán thành sự nghiệp của chúng ta yêu cầu sách báo để qua đó có thể có được khái niệm về toàn bộ chế độ cộng sản chủ nghĩa. Theo tôi biết không bao lâu nữa, một báo cáo đầy đủ về các cuộc hội nghị sẽ được xuất bản.

Còn như sách báo cộng sản chủ nghĩa, thì về mặt này, hoạt động tuyên truyền đã được triển khai rộng rãi. Quần chúng thực sự khao khát tin tức: họ đang ngốn tất cả những sách mới nói về vấn đề này. Tiến sĩ Puýt-man đã xuất bản một văn tập trong đó
gồm có: tác phẩm đặc sắc của tiến sĩ Hét-xơ về những tai hoạ của xã hội hiện đại và những biện pháp loại trừ chúng; một bài miêu tả tỉ mỉ tình trạng bần cùng của công nhân Xi-lê-xi, có trình bày khái quát về cuộc khởi nghĩa nổ ra ở đây vào mùa xuân năm ngoái; một số bài khác mô tả các chế độ xã hội ở Đức và sau hết là những bản tin về các khu cộng sản chủ nghĩa ở châu Mỹ và khu "Hài hoà" do Ph. Ăng-ghen viết theo những bức thư của ông Phin-chơ và theo một bài báo ký tên "Một trong những người theo sau chiếc cày"[180]1*. Văn tập này tuy bị chính phủ Phổ truy nã nhưng các nơi đã nhanh chóng tiêu thụ hết. Một số tạp chí ra hàng tháng được sáng lập: "Tàu thuỷ Ve-xtơ-pha-li"[140] do Luy-ninh phát hành ở Bi-lơ-phen-đơ, đăng những luận văn phổ thông về chủ nghĩa xã hội và những tin tức về tình cảnh của người lao động: Tờ "Báo nhân dân khổ nhỏ" xuất bản ở Khuên[141] có xu hướng xã hội chủ nghĩa rõ ràng hơn, và tờ "Gesellschaftsspiegel" ("Tấm gương xã hội") do tiến sĩ Hét-xơ xuất bản ở En-bơ-phen-đơ, chuyên vạch trần những sự thật tiêu biểu cho tình trạng xã hội hiện nay và bênh vực quyền lợi của các giai cấp lao động. Ngoài ra, tiến sĩ Puýt-man còn sáng lập một tập san ra hàng quý "Rheinische Jahrbücher" ("Niên giám tỉnh Ranh") mà số đầu hiện đang in và chẳng bao lâu nữa sẽ ra mắt bạn đọc.

Mặt khác, chúng tôi đã tuyên chiến với các nhà triết học Đức không chịu rút ra những kết luận thực tế từ trong lý luận thuần tuý của mình cứ cho rằng người ta chỉ nên tư duy tư biện về những vấn đề siêu hình. Mác và Ăng-ghen đã xuất bản một tác phẩm bác bỏ cặn kẽ những

https://thuviensach.vn

nguyên tắc mà Bru-rô Bau-ơ[181]2* đang bảo vệ, còn Hét-xơ và Buyếch-ghéc-xơ thì hiện nay đã bắt đầu bác

https://thuviensach.vn

bỏ lý luận của Stiếc-nơ. Bau-ơ và Stiếc-nơ là những người diễn đạt những kết luận cuối cùng của triết học *trừu tượng* Đức và do đó cũng là những địch thủ triết học quan trọng duy nhất chống lại chủ nghĩa xã hội hay đúng hơn là chống lại chủ nghĩa cộng sản, vì rằng ở Đức, từ chủ nghĩa xã hội không có nghĩa nào khác ngoài những ảo tưởng mơ hồ không sáng tỏ mà cũng không thể sáng tỏ được ở một số người cho rằng cần thiết phải tiếp thu một cái gì đó nhưng lại không thể quyết định có tiếp thu chế độ cộng sản chủ nghĩa với toàn bộ những kết luận của nó hay không.

Người ta hiện đang in "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị" của tiến sĩ Mác, "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"[182]1* của ông Ph. Ăng-ghen và "Anekdota"[142] - một tập luận văn về cộng sản chủ nghĩa, và sắp tới đây sẽ xúc tiến dịch những tác phẩm ưu tú của Pháp và Anh về vấn đề cải tạo xã hội.

Do tình trạng chính trị tồi tệ ở Đức và do hành động chuyên quyền của các chính phủ gia trưởng của nó nên giữa những người cộng sản ở các địa phương, chưa chắc đã có thể xây dựng được một mối quan hệ nào đó ngoài mối quan hệ sách báo. Các xuất bản phẩm định kỳ, chủ yếu là "Niên giám tỉnh Ranh", trở thành trung tâm của những người kiên trì cộng sản chủ nghĩa trên báo chí. Một mối quan hệ nào đó cũng được duy trì thông qua các khách vãng lai; tất cả chỉ có thế. Lập hội là phạm pháp, thậm chí thư từ cũng không an toàn, vì "các cơ quan bí mật" gần đây đã tăng cường hoạt động tích cực một cách khác thường. Do đó, chỉ qua báo chí mà chúng tôi biết được có hai tổ chức cộng sản ở Pô-dơ-nan và vùng núi Xi-lê-di. Nghe nói ở Pô-dơ-man, thủ đô của

https://thuviensach.vn

Ba Lan thuộc Phổ, một nhóm thanh niên đã tổ chức một hội bí mật theo những nguyên tắc của cộng sản chủ nghĩa và dự tính sẽ đánh chiếm thành phố; âm mưu bị phát giác và ý đồ ấy không thực hiện được; đấy là tất cả những điều mà chúng tôi biết về vụ này. Dù sao chăng nữa, điều đó có thể tin cậy được là nhiều thanh niên xuất thân từ các gia đình quý tộc và giàu có ở Ba Lan đã bị bắt; sau đó (hơn 2 tháng) tất cả các đồn bốt đều được tăng cường và tiếp tế đạn chiến đấu; hai thanh thiếu niên (12 và 19 tuổi), anh em Rư-mác-kê-vích, đã bỏ trốn và cho đến nay nhà cầm quyền vẫn chưa bắt được. Phần lớn những người bị bắt là những thanh thiếu niên từ 12 đến 20 tuổi. Ở vùng núi Xi-lê-di còn có một vụ khác cũng gọi là vụ âm mưu, nghe đâu quy mô rất lớn và cũng lấy chủ nghĩa cộng sản làm mục đích; những người tham gia vụ này hình như định đánh chiếm cứ điểm Svây-đri-xtơ, chiếm cả dãy núi và từ nơi đó ra lời kêu gọi những người lao động đau khổ toàn nước Đức. Tất cả những tin tức đó đúng đến mức nào thì không ai phán đoán được, song ở ngay cái khu vực không may này cũng để xảy ra những vụ bắt bớ dựa theo mật báo của bọn chỉ điểm cảnh sát, một chủ xưởng giàu có là ông Sluê-phen đã bị áp giải đi Béc-lin và hiện đang bị thẩm vấn ở đó coi như người cầm đầu vụ âm mưu.

Hội liên hiệp của những công nhân Đức theo chủ nghĩa cộng sản ở Thuỵ Sĩ, Pháp và Anh hoạt động rất sôi nổi mặc dù ở Pháp và một số nơi ở Thụy Sĩ, họ bị cảnh sát đàn áp. Báo chí đưa tin có chừng 60 hội viên của Hội liên hiệp cộng sản ở Giơ-ne-vơ đã bị trục xuất khỏi thành phố và bang này. A.Bếch-cơ, một người cộng sản có thiên tư nhất ở Thuỵ Sĩ đã xuất bản bài diễn văn do ông đọc ở Lô-dan nhan đề "những người cộng sản yêu cầu gì?"[143], bài diễn văn này có thể xếp vào hàng ưu tú nhất và có sức mạnh nhất trong số những tác phẩm mà chúng tôi được biết về loại này. Tôi dám nói rằng bài đó đang dịch ra tiếng Anh, và tôi rất lấy làm hài lòng nếu có ai đó trong số các bạn đọc của anh thông hiểu tiếng Đức nhận lấy việc này. Đương nhiên đây chỉ là một quyển sách nhỏ.

Tôi hy vọng được tiếp tục viết tin thường xuyên và không gián đoạn.

Một người bạn cũ của anh ở Đức

Do Ph. Ăng-ghen viết vào khoảng 5 tháng Tư 1845
Đã Đăng trên tờ "The New Moral World" số 46, ngày 10 tháng Năm 1845

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

PH. ĂNG-GHEN

CÁC BÀI PHÁT BIỂU TẠI EN-BƠ-PHEN-ĐƠ

BÀI PHÁT BIỂU NGÀY 8 THÁNG HAI 1845

Thưa quý vị!

https://thuviensach.vn

Như quý vị vừa nghe nói, - tôi thiết nghĩ mọi người đều đã biết, - chúng ta đang sống trong thế giới cạnh tranh tự do. Chúng ta hãy xem xét tỉ mỉ đôi chút sự cạnh tranh tự do ấy và cái trật tự xã hội do nó tạo lên. Trong xã hội ngày nay của chúng ta, mỗi người làm việc đơn độc và phó mặc rủi may, mỗi người đều ra sức làm giàu cho mình và hoàn toàn không bận tâm gì đến chỗ người khác đang làm gì. Đó là chưa nói đến tổ chức hợp lý, đến phân công lao động; trái lại, mỗi người đều muốn vượt người khác, đều muốn tìm dịp tốt để mưu tính lợi riêng, và không có thời gian, cũng không có hứng thú suy nghĩ rằng lợi ích của bản thân về thực chất là hoàn toàn nhất trí với lợi ích của tất cả mọi người. Mỗi nhà tư bản đấu tranh với tất cả các nhà tư bản khác, mỗi công nhân đấu tranh với tất cả các công nhân khác; tất cả các nhà tư bản đấu tranh chống lại tất cả công nhân và quần chúng công nhân tất nhiên cũng phải đấu tranh chống lại tập đoàn các nhà tư bản. Thực chất của xã hội tư sản hiện đại chính là ở ngay trong cuộc chiến tranh của tất cả mọi người chống lại tất cả mọi người ấy, ở ngay trong tình trạng khắp nơi đều hỗn loạn, khắp nơi đều bóc lột ấy. Những phương thức kinh doanh hỗn loạn đó
cuối cùng tất cả phải đưa xã hội đến cái kết cục bi thảm nhất; tình trạng vô tổ chức làm cơ sở cho xã hội và thái độ coi rẻ phúc lợi chung chân chính sớm muộn cũng sẽ bộc lộ ra một cách hết sức rõ ràng. Sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản, cái đẳng cấp tạo thành cơ sở chủ yếu của nhà nước trong thế kỷ trước, là kết quả thứ nhất của cuộc đấu tranh ấy.- Hàng ngày, chúng ta có thể nhìn thấy thế lực tư bản đang huỷ hoại giai cấp tiểu tư sản ấy của xã hội như thế nào, chẳng hạn như những người thợ may và thợ mộc riêng lẻ mà các cửa hàng may mặc và cửa hàng bán đồ gỗ đã cướp mất những khách hàng tốt nhất, từ chỗ là những nhà tư bản nhỏ, những thành viên của giai cấp *có của* đang biến thành những người vô sản sống phụ thuộc, làm việc cho người khác, đang biến thành những thành viên của giai cấp *không có của*. Sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản là hậu quả bi thảm của tự do công nghiệp mà người ta hết lời ca tụng; đó là kết quả không tránh khỏi của cái ưu thế mà các nhà tư bản lớn có được trước những nhà cạnh tranh kém giàu có hơn, đó là biểu hiện rõ nét nhất của xu thế tập trung tư bản vào tay một số ít người. Cái xu thế đó của tư bản đã được nhiều người thừa nhận; chỗ nào người ta cũng than phiền rằng của cải ngày càng tập trung vào tay một số ít người, trong khi đó đại đa số trong quốc dân ngày càng nghèo khó. Như thế là giữa một bên là một dúm những nhà giàu và một bên là vô số những người nghèo đã nảy sinh ra mâu thuẫn đối kháng gay gắt, mâu thuẫn đối kháng này đã đạt tới mức gay gắt đáng lo ngại ở Anh và ở Pháp, còn ở nước ta thì càng ngày càng trở nên ác liệt. Và chừng nào mà cơ sở hiện nay của xã hội còn tồn tại thì không thể ngăn chặn được quá trình một số người thêm giàu có và đông đảo quần chúng thêm nghèo khổ; mâu thuẫn đối kháng sẽ càng trở nên gay gắt chừng nào mà cuối cùng chưa thấy được sự cần thiết phải cải tổ xã hội theo những nguyên tắc hợp lý hơn.

Nhưng, thưa quý vị, những cái đó chưa phải là toàn bộ hậu
quả của cạnh tranh tự do. Vì mỗi người sản xuất và tiêu dùng một cách đơn độc và phó mặc rủi may, căn bản không hiểu người khác sản xuất gì và tiêu dùng gì cho nên chẳng mấy chốc

https://thuviensach.vn

tất nhiên phải nảy sinh ra sự hoàn toàn không ăn khớp giữa sản xuất và tiêu dùng. Vì xã hội hiện đại giao việc phân phối hàng hoá cho thương nhân, bọn đầu cơ và chủ hiệu buôn, mà mỗi tên chỉ nhìn vào lợi riêng của mình nên, - khỏi phải nói người không có của không có cách nào để nhận được phần hàng hoá mà mình cần thiết, - trong việc phân phối sản phẩm cũng xảy ra tình trạng không ăn khớp. Chủ xưởng làm sao có thể xác định được số lượng sản phẩm cần thiết ở thị trường này hay thị trường kia? Mà giả dụ anh ta có thể xác định được đi chăng nữa thì anh ta làm thế nào biết được số lượng do những kẻ cạnh tranh của anh ta gửi tới mỗi thị trường ấy? Phần nhiều anh ta hoàn toàn không thể biết được hàng hoá mình vừa sản xuất ra chạy đi đâu thì làm thế nào anh ta lại có thể biết được số lượng hàng hoá do kẻ cạnh tranh của anh ta ở nước ngoài gửi tới mỗi thị trường ấy? Về tất cả những cái đó, anh ta chẳng biết gì hết, anh ta cũng như những kẻ cạnh tranh của anh ta đều sản xuất theo lối đoán mò và tự an ủi rằng người khác tất cũng làm như thế. Anh ta chẳng có cái gì làm chỗ dựa, ngoài mức giá cả thường xuyên lên xuống, mức giá cả này khi anh ta gửi hàng đi đã khác hẳn với giá cả trên thị trường xa xôi mà trước đó người ta biên thư báo cho anh ta biết; và khi hàng sắp tới đích thì giá cả lại khác hẳn khi bắt đầu gửi hàng. Trong tình hình sản xuất hỗn loạn như vậy, lẽ tự nhiên là trong thương nghiệp thường xảy ra hiện tượng đình đốn là hiện tượng đương nhiên càng nghiêm trọng hơn ở những nước công nghiệp càng phát triển. Bởi vậy về mặt này, nước có công nghiệp phát triển nhất, nước Anh, là một ví dụ rõ rệt nhất. Do thương nghiệp phát đạt, do có nhiều bọn đầu cơ và bọn môi giới hàng xen vào giữa chủ xưởng sản xuất và người tiêu dùng thực sự, cho nên, so
với chủ xưởng ở Đức thì chủ xưởng ở Anh càng khó biết được quan hệ qua lại giữa một bên là hàng tồn kho và sản xuất với một bên là tiêu dùng; huống hồ chủ xưởng ở Anh cung cấp hàng hoá cho hầu hết tất cả các thị trường trên thế giới, anh ta hầu như không bao giờ biết được hàng của mình đi đâu, và do đó, trong tình hình sức sản xuất công nghiệp của Anh rất đồ sộ, rất hay xảy ra tình trạng hàng hoá đột nhiên tràn ngập tất cả các thị trường. Thương nghiệp đình đốn, công xưởng hoạt động một nửa thời gian hoặc ngừng hẳn, hàng loạt người phá sản, hàng tồn kho buộc phải bán ra với giá hết sức rẻ mạt và một phần lớn vốn đã dày công tích luỹ được nay lại tiêu biến mất bởi hậu quả của khủng hoảng thương nghiệp ấy. Ở Anh có thể chứng kiến hàng loạt những cuộc khủng hoảng thương nghiệp như vậy kể từ đầu thế kỷ này, và trong hai chục năm qua, cứ 5 hoặc 6 năm chúng lại lặp lại một lần. Thưa quý vị, chắc phần lớn các vị còn nhớ rõ những cuộc khủng hoảng cuối cùng vào năm 1837 và 1842. Nếu như công nghiệp của chúng ta cũng phát triển, thị trường của chúng ta cũng được mở rộng như công nghiệp và thương nghiệp Anh thì chúng ta cũng sẽ chịu những hậu quả như thế, song hiện nay ở nước ta, ảnh hưởng của cạnh tranh đối với công nghiệp và thương nghiệp biểu hiện ở sự tiêu điều lâu dài phổ biến trong tất cả các ngành công nghiệp, ở tình cảnh bi thảm lấp lửng giữa sự phồn vinh nhất định và sự suy sụp hoàn toàn, ở sự đình đốn nào đó, tức là sự ngừng trệ.

Nguyên nhân thực sự của tình cảnh khó khăn ấy là do đâu? Cái gì đã gây ra sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản, sự trái ngược sâu sắc giữa giàu và nghèo, sự đình đốn của thương nghiệp,

https://thuviensach.vn

và từ đó gây ra sự lãng phí tư bản? Điều đó không phải là cái gì khác ngoài sự khác biệt về lợi ích. Tất cả chúng ta lao động chỉ nhằm theo đuổi lợi ích cá nhân, không quan tâm gì đến phúc lợi của người khác khi chân lý hiển nhiên đã sờ sờ ra đó là lợi ích, phúc lợi và hạnh phúc của mỗi người lại nằm trong mối quan hệ
khăng khít với phúc lợi của người khác. Tất cả chúng ta đều phải thừa nhận rằng không có bạn đường thì chúng ta không thể tiến bước, rằng chỉ có lợi ích mới gắn bó tất cả chúng ta lại với nhau, thế nhưng bằng hành động của mình chúng ta đã chà đạp lên chân lý ấy và xây dựng xã hội của chúng ta dường như lợi ích của chúng ta không những nhất trí mà còn trực tiếp đem lại những hậu quả như thế nào: để loại trừ những hậu quả bi thảm đó thì cần phải xoá bỏ sự lầm lẫn ấy, và chủ nghĩa cộng sản đặt ra cho mình chính cái mục đích ấy.

Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, lợi ích của các cá nhân không đối lập mà là nhất trí với nhau, sự cạnh tranh sẽ mất đi. Đương nhiên khỏi phải nói đến sự phá sản của các giai cấp riêng biệt, càng khỏi phải nói đến giai cấp người giàu và người nghèo như hiện nay. Khi trong sản xuất và phân phối tư liệu sinh hoạt cần thiết, không còn là tình trạng chiếm hữu tư nhân, không còn tình trạng mỗi người mong muốn làm giàu một cách đơn độc và phó mặc rủi may thì khủng hoảng thương nghiệp tự nó cũng sẽ không còn nữa. Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa việc sản xuất và tiêu dùng sẽ tính được dễ dàng. Vì đã biết được mỗi người bình quân cần bao nhiêu vật phẩm thì sẽ dễ tính ra một số người nhất định cần bao nhiêu vật phẩm, và vì lúc bấy giờ sản xuất không còn nằm trong tay các chủ xí nghiệp tư nhân riêng biệt mà là nằm trong tay công xã và cơ quan quản lý của nó nên cũng dễ *điều tiết sản xuất theo yêu cầu.*

Như vậy, chúng ta thấy rằng trong tổ chức cộng sản chủ nghĩa, những khuyết điểm chính của chế độ xã hội hiện đại sẽ bị xoá bỏ. Nhưng nếu chúng ta xem xét vấn đề tỉ mỉ hơn chút nữa thì sẽ thấy rằng những ưu điểm của tổ chức này không chỉ bó hẹp ở đấy: chúng còn biểu hiện cả ở chỗ xoá bỏ một loạt những khuyết điểm khác mà hôm nay tôi chỉ đơn cử mấy ví dụ về chế độ kinh tế. Kết cấu của xã hội hiện tại về mặt kinh tế là không hợp lý và không thiết thực đến mức khó có thể tưởng tượng được. Do
sự đối lập về lợi ích, một khối lượng lớn sức lao động đã được hao phí mà xã hội không được lợi gì, một số tư bản đáng kể đã hoàn toàn lãng phí không tái sản xuất được. Chúng ta cũng nhận thấy tình trạng đó trong các cuộc khủng hoảng thương nghiệp: Chúng ta thấy hàng đống sản phẩm được sản xuất ra bằng lao động nhiệt thành của con người đã được tung ra bán phá giá như thế nào; chúng ta thấy một số lớn vốn do cần mẫn tích luỹ đã bay khỏi tay người chủ phá sản như thế nào. Nhưng chúng ta hãy xem xét tỉ mỉ hơn một chút nền thương nghiệp hiện đại. Hãy nghĩ xem mỗi sản phẩm phải qua bao nhiêu bàn tay trước khi đến tay người tiêu dùng thực sự, - thưa quý vị, hãy nghĩ xem hiện nay có bao nhiêu người trung gian đầu cơ và thừa đã chen vào giữa những người sản xuất và người tiêu dùng! Hãy lấy một kiện bông sản xuất ở Bắc Mỹ làm ví dụ. Kiện bông chuyển từ tay người trồng bông sang tay người môi giới hàng ở một cảng nào đó trên sông Mít-xi-xi-pi; nó xuôi dòng chuyển đến Oóc-lê-ăng Mới. Ở

https://thuviensach.vn

đây nó lại được bán, - bán lần thứ hai vì người môi giới hàng đã mua của người trồng bông, - giả định là cho một tên đầu cơ, hắn lại bán cho nhà xuất khẩu. Sau đó kiện bông được chở tới Li-vớc-pun chẳng hạn, ở đây một tên đầu cơ mới lại tham lam giơ tay ra nắm lấy nó để rồi lại bán cho một người môi giới hàng thu mua theo sự uỷ thác của một hãng buôn nào đó ở Đức chẳng hạn. Như vậy kiện bông được chuyển sang Rốt-téc-đam rồi ngược sông Ranh qua tay khoảng một chục hãng vận tải, lại còn qua chừng mười lần xếp dỡ, và chỉ bấy giờ nó mới đến tay, không phải người tiêu dùng mà là một chủ xưởng, anh ta trước hết đem gia công kiện bông để sử dụng được, rồi đem sợi giao cho người dệt vải, người này giao vải cho người in hoa, chi sau đó nó mới đến tay người bán buôn, từ người này chuyển sang người bán lẻ, cuối cùng người bán lẻ mới đưa hàng đến người tiêu dùng. Và tất cả hàng triệu người trung gian, đầu cơ, đại lý, xuất khẩu, môi giới, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ ấy đều là những người không tham gia sản xuất ra hàng hoá nhưng tất cả đều muốn sinh sống, tất cả đều muốn kiếm lợi nhuận trong đó và thông thường đã thực sự kiếm được nếu không thì họ đã không
thể tồn tại. Chẳng lẽ không có con đường nào giản đơn hơn và rẻ hơn để đưa kiện bông từ Mỹ sang Đức và đưa hàng dệt bằng bông đến tay người tiêu dùng thực sự so với con đường dài dằng dặc với khoảng chục lần bán, khoảng trăm lần bốc xếp và chuyển từ kho nọ sang kho kia hay sao? Chẳng lẽ điều đó không chứng minh rõ ràng sự lãng phí lớn lao sức lao động là do sự cách biệt về lợi ích gây ra hay sao? - Trong xã hội tổ chức hợp lý không thể có phương pháp vận chuyển phiền phức như vậy. Chúng ta có thể dễ dàng biết được một khu dân cư nào đó tiêu dùng bao nhiêu bông hoặc hàng dệt bằng bông,- để tiếp tục nói về ví dụ trên,- thì cơ quan quản lý trung ương cũng dễ dàng biết được như vậy rằng tất cả các địa phương và các công xã trong nước sẽ tiêu dùng bao nhiêu. Miễn là công tác thống kê ấy làm có tổ chức - có thể dễ dàng hoàn thành trong một hai năm,- lượng tiêu dùng bình quân hàng năm chỉ thay đổi theo tỷ lệ với sự tăng dân số; do đó đã xác định trước vào thời gian thích hợp số lượng của mỗi thứ hàng hoá cần có để thoả mãn tiêu dùng của nhân dân; tất cả số lượng ấy có thể đặt mua trực tiếp tại chỗ theo lối mua và có thể nhận trực tiếp không có người trung gian, không có sự đình đốn, bốc và xếp hàng nào ngoài những cái mà điều kiện vận chuyển thực sự yêu cầu, như vậy là có sự tiết kiệm lớn sức lao động; không phải trả lợi nhuận cho bọn đầu cơ, cho bọn thương nhân lớn và nhỏ. Hơn thế nữa, tất cả bọn trung gian ấy như vậy là không những sẽ không gây tác hại mà thậm chí còn làm lợi cho xã hội. Nếu hiện nay họ làm những việc có hại cho người khác, những việc mà trong tình hình tốt nhất cũng chỉ là thừa nhưng tất cả những việc đó lại làm cho họ đủ sống, mà trong nhiều trường hợp thậm chí lại còn làm cho họ giàu có thêm; vì vậy, nếu hiện nay họ trực tiếp làm hại phúc lợi công cộng thì rồi những bàn tay của họ sẽ được giải phóng để tham gia những hoạt động có ích, và họ có thể kiếm được công ăn việc làm trong đó họ xuất hiện không phải với tư cách là những thành viên giả danh, tưởng tượng của xã hội loài người mà với tư cách là những thành viên chân chính của nó, những người tham gia hoạt động chung của nó.

Xã hội hiện đại tạo ra mối quan hệ thù địch giữa mỗi cá nhân với tất cả mọi người khác, do đó sẽ dẫn đến chiến tranh xã hội giữa tất cả mọi người với nhau, cuộc chiến tranh này không

https://thuviensach.vn

tránh khỏi mang hình thức thô bạo, bạo lực dã man,- hình thức độc ác - ở một số người, nhất là ở những hành động bạo lực công khai, xã hội cần có những cơ quan hoàn chỉnh và tư pháp đồ sộ, phức tạp, hao phí vô số sức người. Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, những cơ quan ấy đã được đơn giản hoá hết mức chính vì,- điều này dường như lạ lùng, - chính vì trong xã hội đó, cơ quan quản lý phải trông coi không phải chỉ một mặt riêng biệt của đời sống xã hội mà là tất cả mọi biểu hiện, tất cả mọi mặt của đời sống xã hội. Chúng ta tiêu diệt mâu thuẫn đối kháng giữa cá nhân với tất cả mọi người khác, chúng ta dùng hoà bình xã hội chống lại chiến tranh xã hội, chúng ta loại trừ chính gốc *rễ* của tội ác và do đó làm cho phần lớn, phần rất lớn công việc hiện nay của các cơ quan hành chính và tư pháp trở nên thừa. Hiện nay, những tội ác về tình dục ngày càng nhường chỗ cho những tội ác về lợi ích: số lần phạm tội đối với *thân thể con người* giảm đi, còn số lần phạm tội đối với *tài sản* tăng lên. Ngay trong xã hội hiện đại, ở vào trạng thái chiến tranh, sự phát triển của văn minh đã giảm bớt được những biểu hiện cường bạo về tình dục, vậy trong xã hội cộng sản chủ nghĩa hoà bình thì tình hình đó sẽ có quy mô lớn hơn biết bao nhiêu lần! Hành vi phạm tội đối với tài sản tự nó sẽ mất đi ở nơi mà mỗi người đều nhận được tất cả mọi thứ cần thiết để thoả mãn nhu cầu về thể xác và tinh thần của mình, ở nơi mà sự ngăn cách và sự khác biệt về mặt xã hội đều không còn nữa. Luật hình sự tự nó sẽ tiêu vong, luật dân sự hầu như chỉ để xử lý những quan hệ tài sản hoặc nhiều lắm là những quan hệ mà tiền đề là trạng thái chiến tranh xã hội, cũng sẽ tiêu vong; những sự tranh chấp hiện nay là kết quả tất nhiên của sự thù địch phổ biến thì lúc đó sẽ là những ngoại lệ hiếm có và sẽ được các toà án trọng tài hoà giải dễ dàng. Các cơ quan hành chính hiện nay đang lấy trạng thái chiến tranh thường xuyên làm nguồn
hoạt động của mình - cảnh sát và toàn bộ guồng máy hành chính đều dốc sức làm cho chiến tranh giữ mức ngấm ngầm, gián tiếp, không biến thành bạo lực công khai, thành tội ác. Nhưng nếu như giữ gìn hoà bình dễ hơn rất nhiều so với tiến hành chiến tranh ở trong một khu vực nhất định thì quản lý một xã hội cộng sản chủ nghĩa so với quản lý một xã hội trong đó cạnh tranh ngự trị sẽ dễ hơn biết bao nhiêu. Và nếu ngay như hiện nay, văn minh đã giáo dục người ta nhìn nhận lợi ích của mình trong việc duy trì trật tự chung, an ninh chung, lợi ích chung và do đó làm cho cảnh sát, cơ quan hành chính và tư pháp, chừng nào điều kiện cho phép, trở nên thừa thì trong xã hội mà sự cộng đồng về lợi ích đã trở thành nguyên tắc cơ bản, lợi ích chung không còn tách rời lợi ích của mỗi người, tình hình sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu! Những cái mà hiện nay tồn tại *trái với* trật tự xã hội sẽ được truyền bá rộng rãi như thế nào khi chế độ xã hội không ngăn cản mà ngược lại còn thúc đẩy chúng nữa! - Do đó, về mặt này chúng ta có quyền trông đợi một sự tăng thêm quan trọng về nguồn nhân lực mà chế độ xã hội hiện nay đã cướp mất của xã hội.

Một thiết chế tốn kém nhất mà không có nó thì xã hội hiện đại không thể đứng vững được là quân đội thường trực, nó cướp đi của quốc gia bộ phận khoẻ mạnh nhất, cần thiết nhất trong dân cư, như vậy, bộ phận này trở thành phi sản xuất và quốc gia buộc phải nuôi nấng. Qua ngân sấch quốc gia của chúng ta, chúng ta biết được chúng ta đã tiêu phí bao nhiêu cho quân đội thường trực: 24 triệu đồng mỗi năm và rút đi của sản xuất 20 vạn nhân lực tráng

https://thuviensach.vn

kiện nhất.- Trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, sẽ chẳng có ai nghĩ đến quân đội thường trực cả. Để làm gì? Để giữ gìn an ninh trong nước ư? Nhưng, chúng ta đã thấy rằng chẳng có ai nghĩ đến phá hoại nền an ninh trong nước cả. Sợ hãi cách mạng chỉ là kết quả của sự đối lập về lợi ích; ở nơi mà lợi ích của tất cả mọi người đều nhất trí thì không thể có chuyện sợ hãi như thế.- Để gây chiến tranh xâm lược ư? Nhưng xã hội cộng sản
chủ nghĩa làm sao có thể tiến hành chiến tranh xâm lược được vì nó là một xã hội biết rất rõ rằng trong chiến tranh nó chỉ có hao người tốn của, còn nhiều lắm thì cũng chỉ kiếm được mấy tỉnh không yên ổn khiến cho trật tự xã hội bị phá hoại! - Để tiến hành chiến tranh tự vệ ư? Để làm việc này, nó không cần đến quân đội thường trực vì nó dễ dàng huấn luyện cho mỗi thành viên xã hội có khả năng chiến đấu và ngoài ngành nghề của mình ra, biết sử dụng vũ khí để bảo vệ tổ quốc chứ không phải để duyệt binh thôi. Xin quý vị lưu ý rằng, khi xảy ra chiến tranh và đương nhiên *chỉ có* thể là chiến tranh *chống lại các* quốc gia *chống cộng sản* thì mỗi thành viên xã hội phải bảo vệ tổ quốc *chân chính*, mái nhà *chân chính*, do đó sẽ chiến đấu với tinh thần hăng hái, tính cương nghị và lòng dũng cảm khiến cho quân đội hiện đại được huấn luyện một cách máy móc phải tan tành như đụn rạ. Quý vị hãy nhớ lại tinh thần hăng hái của quân đội cách mạng từ 1792 đến 1799, quân đội này mới chỉ chiến đấu cho *ảo tưởng*, cho *tổ quốc tưởng tượng*, mà đã đạt được những kỳ tích như thế thì quý vị sẽ rõ một quân đội chiến đấu không phải cho ảo tưởng mà cho một mục tiêu thực tế và rõ rệt, sẽ là một lực lượng như thế nào. Như vậy là trong tổ chức cộng sản chủ nghĩa, số nhân lực đồ sộ mà hiện nay phải rút từ trong nhân dân văn minh đưa vào quân đội ấy sẽ trở về với lao động; họ không những chỉ sản xuất đủ cho họ tiêu dùng mà còn sản xuất vượt ra số sản phẩm cần thiết cung cấp cho họ, để bổ sung cho dự trữ xã hội.

Trong xã hội hiện nay, sự lãng phí sức người còn lớn hơn nữa, điều đó được biểu hiện ở chỗ bọn nhà giàu lạm dụng địa vị xã hội của chúng. Ở đây tôi hoàn toàn không có ý định nói đến sự lãng phí vô bổ và quả thực là đáng tức cười mà nguồn gốc của nó chỉ là ý muốn cho người ta chú ý đến mình, và sự lãng phí đã thu hút vô số nhân lực. Nhưng mời quý vị hãy xem nhà ngoài, buồng trong của một nhà giàu và cho tôi biết phải chăng đây không phải là một sự lãng phí thiếu suy nghĩ về sức lao động khi
mà vô số người hầu hạ một người thành thử không có việc gì làm hoặc trong trường hợp tốt nhất cũng chỉ có những việc cần thiết cho một người sống cách biệt bốn bức tường. Tất cả cái đám cô sen, cậu bếp, thằng hầu, xà ích, người gác cổng, người làm vườn ấy, v.v., nói đúng ra đã làm những gì? Trong một ngày chỉ có *mấy phút* là họ làm việc để *thực sự* khiến cho chủ họ sống thoải mái, khiến cho chủ họ dễ tự do phát triển và lợi dụng những đặc tính và tài năng con người của họ,- trong một ngày *có bao nhiêu giờ* họ dùng vào những việc chỉ do quan hệ xã hội của chúng ta sắp xếp tồi đẻ ra: đứng ở ghế người hầu trên xe ngựa, thoả mãn thị hiếu của chủ, dắt cho con đi sau chủ và những việc tức cười khác. Trong xã hội được tổ chức hợp lý mà mỗi người đều có thể sống, người ta không còn trở thành nô lệ cho thị hiếu của các ông lớn và cũng không nghĩ đến những thị hiếu đó nữa,- trong xã hội đó, sức lao

https://thuviensach.vn

động hiện nay lãng phí vào việc hầu hạ cuộc sống xa xỉ dĩ nhiên sẽ chuyển sang phục vụ phúc lợi chung và phúc lợi của bản thân người lao động.

Ngoài ra, sự lãng phí sức lao động sinh ra trong xã hội hiện nay do ảnh hưởng trực tiếp của cạnh tranh đang làm cho số rất lớn người bị thất nghiệp, họ *rất muốn* làm việc nhưng không *thể* tìm được việc làm. Vì xã hội hoàn toàn không xây dựng trên cơ sở tính đến việc sử dụng chân chính sức lao động, vì mỗi người phải tự kiếm sống nên hoàn toàn tự nhiên là trong việc phân phối những công việc thực sự có ích hoặc dường như có ích thì một phần lớn công nhân không có việc làm. Tình trạng đó càng nghiêm trọng do chỗ cuộc đấu tranh có tính chất cạnh tranh buộc mỗi người phải dốc sức mình với mức cao nhất, lợi dụng tất cả khả năng của mình để làm các việc thay thế nhân công đắt bằng nhân công rẻ hơn, cái việc mà sự phát triển hàng ngày của văn minh ngày càng tạo ra cho nó nhiều phương tiện hơn; hoặc nói cách khác, mỗi người buộc phải cố gắng cướp mẩu bánh mì của người khác, hoặc dùng mọi cách gạt bỏ công ăn việc làm của người khác.

Do đó trong bất kỳ xã hội văn minh nào đều có một số lượng lớn người thất nghiệp rất muốn làm việc nhưng không kiếm ra việc làm và con số đó lớn hơn là người ta thường tưởng. Chúng ta thấy những người *bán mình* bằng cách này hay cách khác: ăn xin, quét đường, đứng ở đầu phố chờ đợi một công việc nào đó, làm cho người khác một số việc vặt do ngẫu nhiên kiếm được để sống qua ngày, mang một số tạp hoá đi bán rao, hoặc như mấy cô gái nghèo mà chúng ta gặp buổi tối nay, cầm ghi-ta đi hết chỗ này đến chỗ khác, vừa gẩy đàn vừa hát để kiếm tiền, buộc phải nghe những lời vô lễ và sỉ nhục chỉ vì vài *đồng xu*. Sau hết, còn biết bao nhiêu người đã trở thành nạn nhân của nạn mãi dâm *thực sự*! Thưa quý vị, số người thất nghiệp như vậy không còn cách nào khác để buộc lòng phải bán mình dưới nhiều hình thức thì rất đông, các cơ quan từ thiện của chúng ta có thể nói cho các bạn rõ và điều đó. Và chớ nên quên rằng xã hội vẫn nuôi sống những người ấy bằng mọi cách, dù họ là đồ vô ích. Nếu như xã hội phải gánh lấy phí tổn nuôi sống họ thì xã hội phải quan tâm sao cho những người thất nghiệp ấy kiếm ăn được *chính đáng*. Nhưng xã hội hiện đại đang bị tệ cạnh tranh thống trị không *thể* nào làm được việc đó.

Thưa quý vị, nếu quý vị suy nghĩ về tất cả những điều đó,- và tôi còn có thể nêu lên nhiều ví dụ khác về việc xã hội hiện đại đã lãng phí sức lao động của mình như thế nào,- nếu quý vị suy nghĩ về điều đó thì quý vị sẽ thấy rằng xã hội loài người có lực lượng sản xuất hết sức phong phú, chỉ cần tổ chức hợp lý, phân phối thoả đáng là đem lại lợi ích lớn nhất cho tất cả mọi người. Dựa vào tất cả những điều đó, quý vị có thể xét thấy tính chất hoàn toàn vô căn cứ của mối lo cho rằng sau khi đã phân chia hoạt động xã hội một cách công bằng, mỗi người phải mang một gánh nặng lao động như vậy thì không thể làm được việc gì khác nữa. Trái lại, có thể giả định rằng trong tổ chức đó, thời gian lao động thông thường của mỗi người so với hiện nay sẽ rút đi một

nửa do chỗ sử dụng được nhân lực mà hiện nay hoàn toàn chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa thích đáng.

https://thuviensach.vn

Nhưng những ưu điểm mà tổ chức cộng sản chủ nghĩa sẽ mang lại do kết quả *của việc sử dụng sức lao động hiện nay bị lãng phí,*chưa phải là *điều quan trọng nhất*. Sự tiết kiệm lớn nhất về sức lao động là *ở* chỗ *liên hiệp các lực lượng riêng lẻ* thành lực lượng tập thể của xã hội và dựa trên cơ sở của sự tập trung ấy mà sắp xếp lại những lực lượng cho tới nay vẫn đối lập nhau. Ở chỗ này, tôi tán thành một số chủ trương của nhà xã hội chủ nghĩa Anh *Rô-bớt Ô-oen*, vì những chủ trương ấy là thực tế nhất và hoàn thiện nhất. Ô-oen đề nghị thay thế các thành phố và làng mạc hiện nay với những ngôi nhà rời rạc, làm trở ngại lẫn nhau, bằng những toà nhà lớn, mỗi toà nhà đó chiếm diện tích dài rộng mỗi bề khoảng 1650 phút với một vườn rộng; mõi toà có thể chứa từ hai đến ba nghìn người với đầy đủ tiện nghi. Việc xây dựng loại nhà có thể cho người ở hưởng những tiện nghi hiện đại tốt nhất như vậy có lẽ rẻ hơn và dễ hơn nhiều so với xây dựng những ngôi nhà riêng lẻ, phần lớn là không đủ tiện nghi, cho một số người cũng đông như thế, trong chế độ hiện nay,- điều đó thật rõ ràng. Ở hầu hết các toà nhà lớn hiện nay, nhiều phòng thường bị bỏ không quanh năm hoặc mỗi năm chỉ được dùng đến một đôi lần, có thể bỏ đi mà không hề gây trở ngại; cùng với cách làm như vậy thì số diện tích dùng làm nhà kho, nhà hầm, v.v., cũng dôi ra rất nhiều.- Nhưng nếu đi sâu vào công việc nội trợ thì tính hơn hẳn của nền kinh tế công cộng càng biểu hiện hết sức rõ ràng. Trong nền kinh tế phân tán hiện nay, biết bao nhiêu là lao động và vật tư bị lãng phí, như việc sưởi ấm chẳng hạn! Ở mỗi phòng đều phải có lò sưởi, mỗi lò sưởi đều phải nhóm lửa, chụm lửa, và trông nom, phải đưa chất đốt đến tất cả các phòng, còn tro thì cũng phải quét dọn; nếu như thay thế những lò sưởi riêng lẻ ấy bằng một thiết bị sưởi trung tâm lớn, chẳng hạn như những ống dẫn hơi nước với một lò chung như hiện nay đang được
thực hiện ở những công trình công cộng lớn, ở các nhà máy, nhà thờ, v.v., thì đơn giản và thuận tiện biết bao. Hơn nữa, thắp sáng bằng hơi đốt hiện nay còn đắt vì ngay những ống dẫn nhỏ nhất cũng phải đặt ngầm dưới đất và do diện tích cần ánh sáng trong thành phố chúng ta rất rộng nên ống dẫn phải đặt ở những nơi rất xa; nếu sắp xếp như trên kia, mọi thứ đều tập trung vào một diện tích là 1650 x 1650 phút mà số lượng đèn hơi đốt không giảm đi thì kết quả sẽ là chi phí về ánh sáng đó dù sao chăng nữa cũng không đắt hơn ở một thành phố loại vừa. Sau nữa, chúng ta hãy lấy việc chuẩn bị nấu ăn mà xem - trong nền kinh tế phân tán hiện nay, biết bao nhiêu chỗ, bao nhiêu sản phẩm và bao nhiêu sức lao động bị lãng phí khi mỗi gia đình phải tự chuẩn bị một số lượng nhỏ thức ăn cần thiết cho mình, phải có dụng cụ nhà bếp riêng của mình, phải thuê người nấu bếp, phải mua cái ăn ở chợ, ở hàng thịt và hàng bánh mì! Có thể mạnh bạo giả thiết rằng với nhà ăn công cộng và cơ quan phục vụ công cộng thì dễ dàng giải phóng được hai phần ba số người làm việc ấy và một phần ba còn lại cũng có thể hoàn thành công việc của mình tốt hơn, chuyên tâm hơn là hiện nay. Và sau hết là việc thu dọn nhà cửa! Nếu công việc này cũng được tổ chức và phân phối đúng đắn, mà trong những điều kiện ấy thì hoàn toàn có thể làm được, quét tước và thu dọn ở một toà nhà như thế so với ở hai hoặc ba trăm ngôi nhà riêng lẻ mà theo sự sắp xếp hiện nay cũng chứa một số người tương đương, chẳng phải là vô cùng dễ dàng hơn hay sao?

https://thuviensach.vn

Đấy chỉ là mấy ví dụ trong vô số ưu điểm về mặt kinh tế bắt nguồn từ chỗ tổ chức xã hội loài người theo chủ nghĩa cộng sản. Trong một thời gian ngắn như thế này, chúng tôi không thể bằng đôi ba lời giải thích cho quý vị rõ những nguyên tắc đó được. Chúng tôi hoàn toàn không đặt ra cho mình nhiệm vụ ấy. Chúng tôi chỉ có thể và chỉ muốn nói rõ mấy điểm và thúc đẩy những ai còn chưa hiểu vấn đề hãy nghiên cứu nó. Nhưng chúng tôi hy vọng rằng buổi tối nay ít ra cũng trình bày rõ được với quý vị một điều là chủ nghĩa cộng sản không những không mâu thuẫn với bản tính, lý trí và lương tâm của con người, mà cũng không phải là thứ lý luận tách rời hiện thực và sinh ra từ ảo tưởng.

Có thể đặt câu hỏi: thực hiện lý luận ấy trong cuộc sống như thế nào, chúng ta có thể dùng biện pháp gì để thực hiện lý luận ấy? Có nhiều con đường khác nhau để đạt tới mục đích ấy. Người Anh đại để bắt đầu bằng việc xây dựng một số những khu dân cư riêng lẻ rồi dành những khu đó cho những ai muốn tham gia; người Pháp thì trái lại, có lẽ sẽ chuẩn bị và thực hiện chủ nghĩa cộng sản trong phạm vi cả nước. Còn người Đức bắt đầu từ chỗ nào thì khó nói vì phong trào xã hội ở Đức còn mới mẻ. Bây giờ, tôi chỉ có thể nêu lên một trong những con đường dẫn tới chủ nghĩa cộng sản mà gần đây được bàn rất nhiều, đó là dùng ba biện pháp tất nhiên phải dẫn tới chủ nghĩa cộng sản thật sự.

Biện pháp thứ nhất là *giáo dục phổ thông* do nhà nước cấp kinh phí cho tất cả trẻ em, không trừ một ngoại lệ nào; một nền giáo dục thống nhất cho tất cả mọi người, tiến hành cho đến lứa tuổi mà người ta có thể trở thành một thành viên độc lập của xã hội. Biện pháp ấy chỉ là một việc làm công bằng đối với anh em nghèo của chúng ta, vì không thể chối cãi được rằng mỗi người đều có quyền phát triển toàn diện tài năng của mình và xã hội hai lần mắc tội với con người khi nó làm cho sự dốt nát là hậu quả tất yếu của sự nghèo khổ. Một điều hiển nhiên dễ thấy là trong xã hội ấy, những thành viên đã được giáo dục làm lợi cho xã hội nhiều hơn là những thành viên ngu dốt, không có văn hoá. Và nếu giai cấp vô sản được giáo dục như mong muốn, không còn phải chịu tình cảnh bị áp bức mà giai cấp vô sản hiện đại ở nước ta đang chịu đựng thì, xét về mặt khác người ta chỉ có thể chờ đợi ở giai cấp công nhân đã *được giáo dục* sự bình tĩnh và sự thận trọng cần thiết cho công cuộc hoà bình cải tạo xã hội. Nhưng giai cấp vô sản *chưa được giáo dục* cũng không còn chịu đựng được tình cảnh hiện nay nữa; bằng chứng thì chúng ta có thể thấy ngay ở Đức,- không kể ở các nước khác - chẳng hạn như các vụ biến động ở Xi-lê-di và Bô-hêm.

Biện pháp thứ hai là *cải tổ* toàn diện *sở tế bần* sao cho tất cả các công dân thất nghiệp đều được thu nhận vào khu dân cư, ở đó họ sẽ tham gia lao động nông nghiệp và công nghiệp, và ở đó lao động của họ sẽ được tổ chức vì lợi ích của toàn thể khu dân cư. Cho tới nay, số tư bản thuộc quyền quản lý của sở tế bần được đem ra cho vay lấy lãi nên đã tạo khả năng mới cho người giàu bóc lột người nghèo. Rút cục, đã đến lúc phải thực sự sử dụng số tư bản ấy vì lợi ích của người nghèo, đã đến lúc phải trả toàn bộ chứ không phải chỉ có 3% thu nhập của số tư bản ấy cho người nghèo, đã đến lúc phải nêu gương tuyệt vời về sự liên hợp giữa tư bản và lao động! Toàn bộ sức lao động của những người thất nghiệp phải được sử dụng như vậy

https://thuviensach.vn

vì phúc lợi của xã hội, và bản thân họ từ chỗ là những người nghèo bị sa đoạ, bị áp bức, phải được chuyển biến thành những người có văn hoá, không ỷ lại và cần cù; họ sống trong hoàn cảnh mà chẳng bao lâu nữa sẽ làm cho những công nhân chưa liên hợp thèm muốn và sẽ mở đường cho công cuộc cải tạo toàn diện xã hội.

Để thực hiên hai biện pháp ấy cần phải có tiền. Để có tiền ấy và đồng thời để sửa đổi mọi thứ thuế khoá cho tới nay phân bố vẫn không công bằng thì trong kế hoạch cải cách đưa ra phải đề nghị một thứ thuế luỹ tiến chung đối với tư bản mà thuế suất sẽ tăng dần theo sự tăng của tư bản. Khi mỗi người đều gánh vác những chi phí quản lý xã hội tuỳ theo khả năng của mình thì sự gánh vác đó không còn ở vào tình trạng cho tới nay vẫn tồn tại ở tất cả các nước, tức là phần lớn gánh nặng ấy lại đè lên vai những người có ít khả năng gánh vác nhất. Về thực chất, nguyên tắc nộp thuế là nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa thuần tuý vì quyền thu thuế ở tất cả các nước đều xuất phát từ cái gọi là chế độ sở hữu nhà nước. Thật vậy, hoặc giả chế độ tư hữu là thiêng liêng
thì bấy giờ không có chế độ sở hữu nhà nước và nhà nước không có quyền thu thuế; hoặc giả nhà nước có quyền ấy thì bấy giờ chế độ tư hữu không phải là thiêng liêng, bấy giờ chế độ sở hữu nhà nước cao hơn chế độ tư hữu, và nhà nước sẽ trở thành người sở hữu thực sự. Nguyên tắc cuối này đã được mọi người công nhận như vậy đó, thưa quý vị, bây giờ chúng tôi chỉ yêu cầu sao cho nguyên tắc ấy được tuân theo, sao cho nhà nước tuyên bố mình là người sở hữu chung và sử dụng tài sản xã hội cho phúc lợi của toàn xã hội,- và chúng tôi yêu cầu nhà nước thực hiện một biện pháp thu thuế chỉ dựa trên cơ sở khả năng nộp thuế của mỗi người và phúc lợi thật sự của toàn xã hội, coi đó là bước thứ nhất đạt tới nguyên tắc.

Thưa quý vị, như vậy là quý vị đã thấy rằng điều nói ở đây không phải là thực hiện sở hữu công cộng ngay tức khắc và trái với ý chí của nhân dân, mà trước hết là xác định *mục tiêu* cũng như *biện pháp và con đường* chúng ta có thể đi đúng tới mục tiêu ấy. Còn như nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa là nguyên tắc của tương lai thì điều đó sẽ được quá trình phát triển của tất cả các nước văn minh xác nhận, sẽ được sự tan rã nhanh chóng của tất cả các chế độ xã hội đến nay còn tồn tại xác nhận, sẽ được lương tri của loài người và trước hết là lương tâm của loài người, xác nhận.

Bài phát biểu do Ph. Ăng-ghen đọc tại cuộc hội nghị ở En-bơ-phen-đơ, ngày 8 tháng Hai 1845. Toàn văn bài phát biểu được đăng lần đầu tiên trong tạp chí "Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform", Bd, I, 1845

In theo bản đăng trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

BÀI PHÁT BIỂU NGÀY 15 THÁNG HAI 1845

Thưa quý vị!

Trong cuộc họp trước của chúng ta, có người trách tôi rằng toàn bộ những ví dụ và chứng cớ mà tôi đưa ra hầu hết đều lấy ở các nước khác, nhất là ở Anh. Có người nói rằng chúng ta chẳng dính líu gì đến Pháp và Anh cả, chúng ta sống ở Đức và nhiệm vụ của chúng ta là chứng minh tính tất yếu và tính hơn hẳn của chủ nghĩa cộng sản đối với Đức. Cũng có người trách chúng tôi, nói chung không chứng minh được đầy đủ tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa cộng sản. Điều đó hoàn toàn đúng, nhưng cũng không thể làm khác được. Không thể chứng minh tính tất yếu lịch sử nhanh như chứng minh sự bằng nhau của hai hình tam giác; chỉ có thể chứng minh nó qua kết quả nghiên cứu và chứng giải toàn diện. Dù sao thì hôm nay tôi cũng hết sức cố gắng làm tiêu tan hết những lý do gây ra những lời chê trách ấy và cố gắng chứng minh rằng đối với *nước Đức*, chủ nghĩa cộng sản, nếu không phải là một tất yếu lịch sử, thì cũng là *một tất yếu kinh tế.*

Trước hết, chúng ta hãy xem xét tình hình xã hội hiện nay ở Đức. Nước ta có nhiều người nghèo, điều đó ai cũng biết. Bản thân Xi-lê-di và Bô-hêm đã chứng minh tình trạng của mình. Sự nghèo nàn của các vùng Mô-den và Ây-phen đã được tờ "Rheinische Zeitung"[144] kể lại tỉ mỉ. Miền núi Bút từ xưa đến nay vẫn bị nạn nghèo đói bao trùm. Ở Den-nơ và ở khu công nghiệp dệt lanh Ve-xtơ-pha-li, tình hình cũng chẳng hơn gì. Từ khắp nơi ở Đức vang lên những lời than vãn, điều đó là hoàn toàn tự nhiên. Giai
cấp vô sản của chúng ta rất đông đảo và cũng không thể thoát khỏi tình cảnh ấy, chúng ta cũng thấy ngay như vậy, khi chúng ta chỉ xem xét một cách hời hợt nhất tình hình xã hội của chúng ta. Ở các *khu công nghiệp*, nhất định có giai cấp vô sản đông đảo, đó là lẽ tự nhiên. Nền công nghiệp không thể tồn tại nếu không có một số lượng lớn công nhân dốc sức phục vụ nó, chỉ làm việc cho nó và rời bỏ mọi ngành nghề khác. Chừng nào mà cạnh tranh còn tồn tại thì chừng ấy lao động công nghiệp còn làm mất khả năng tham gia bất cứ ngành nghề nào khác. Cho nên ở tất cả các khu công nghiệp, chúng ta đều thấy giai cấp vô sản đông đảo và biểu hiện đến mức không thể không thừa nhận sự tồn tại của nó.- Ở *các khu công nghiệp* trái lại không thể có giai cấp vô sản, - nhiều người quả quyết như thế. Nhưng có thể như thế chăng? Ở những nơi mà chế độ sở hữu ruộng đất lớn chiếm ưu thế thì không thể thiếu giai cấp vô sản nông nghiệp được; những trang trại lớn cần có nam nữ cố nông, những trang trại này không thể tồn tại nếu không có những người vô sản. Ở những nơi mà ruộng đất bị phân chia thành những mảnh nhỏ thì cũng không tránh khỏi xuất hiện một giai cấp tay không;

https://thuviensach.vn

ruộng đất bị chia nhỏ đến một mức nào đó thì không thể chia nhỏ hơn nữa, và khi ruộng đất chỉ thuộc quyền của một thành viên trong gia đình thì các thành viên khác buộc phải biến thành những người vô sản, thành công nhân tay không. Sự chia nhỏ ruộng đất ấy thường cứ tiếp diễn mãi cho tới khi mảnh đất ấy nhỏ đến mức không thể nuôi sống một gia đình; như vậy là tạo ra một giai cấp người giống như giai cấp tiểu tư sản thành thị, hình thành một bước quá độ từ giai cấp có của đến giai cấp không có của; mảnh đất không cho những người ấy kiếm được việc làm khác nhưng đồng thời cũng không đảm bảo được cuộc sống của anh ta. Sự nghèo nàn cực độ cũng ngự trị trong giai cấp này.

Giai cấp vô sản ấy tất nhiên phải thường xuyên tăng thêm số
lượng,- về vấn đề này chúng ta có thể rút ra từ sự bần cùng hoá không ngừng của giai cấp tiểu tư sản mà tôi đã nói kỹ trong tuần trước, và từ xu thế tập trung tư bản vào tay một số ít người. Có lẽ hôm nay tôi không quay lại những vấn đề ấy mà chỉ nêu lên những nguyên nhân thường xuyên làm nảy sinh ra giai cấp vô sản và mở rộng hàng ngũ của nó, những nguyên nhân vẫn có tác dụng và sẽ dẫn tới những hậu quả giống như thế chừng nào mà cạnh tranh còn tồn tại. Dù sao chăng nữa, giai cấp vô sản không những sẽ tồn tại mà còn không ngừng phát triển về số lượng và trở thành một lực lượng đáng sợ nhất trong xã hội hiện nay, chừng nào chúng ta còn sản xuất đơn độc và tự đối lập với tất cả những người khác. Nhưng sẽ đến lúc giai cấp vô sản tăng cường sức mạnh và sự giác ngộ của mình đến mức không muốn tiếp tục chịu mãi cái gánh nặng của toàn bộ toà nhà xã hội đang thường xuyên đè trĩu trên vai nó, sẽ đến lúc nó đòi phân chia công bằng hơn nữa những gánh nặng và quyền lợi xã hội; và bây giờ,- nếu như bản tính con người vẫn chưa thay đổi,- cách mạng xã hội sẽ là điều không tránh khỏi.

Vấn đề này, các nhà kinh tế học của chúng ta, cho tới nay, vẫn chưa hề nghiên cứu. Họ không quan tâm đến việc sáng tạo rá của cải quốc dân. Nhưng chúng ta tạm thời không bàn đến luận điểm mà chúng ta vừa đưa ra là cách mạng xã hội không tránh khỏi phát sinh từ bản thân cạnh tranh; giờ đây chúng ta hãy nghiên cứu những hình thức biểu hiện của cạnh tranh, các con đường kinh tế mà nước Đức có thể đi và xét xem chúng sẽ dẫn đến những hậu quả gì.

Nước Đức, hoặc nói đúng hơn là Đồng minh thuế quan Đức, hiện đang thi hành chế độ thuế quan juste-milieu[183]1*. Thuế quan
của chúng ta quá thấp đối với thuế quan bảo hộ thực sự và quá cao đối với tự do mậu dịch. Do đó có ba khả năng: hoặc là chúng ta thực hiện mậu dịch tự do hoàn toàn, hoặc là chúng ta bảo vệ nền công nghiệp của mình bằng thuế quan cao, hoặc là chúng ta giữ nguyên chế độ hiện nay. Chúng ta sẽ nghiên cứu từng trường hợp.

Nếu chúng ta tuyên bố *mậu dịch tự do* và xoá bỏ thuế quan của chúng ta thì toàn bộ nền công nghiệp của chúng ta, trừ một số ít ngành, sẽ sụp đổ. *Bấy giờ* thì đừng bàn gì đến công việc sản xuất sợi bông, đến dệt may, đến phần lớn các ngành thuộc công nghiệp dệt bông và dệt len, các ngành chủ yếu trong công nghiệp dệt tơ, hầu hết công nghiệp khai quặng sắt và chế tạo sắt. Công nhân làm việc ở tất cả các ngành công nghiệp ấy sẽ đột nhiên thất nghiệp,

https://thuviensach.vn

ùn ùn tràn sang lĩnh vực nông nghiệp và các ngành công nghiệp may mắn còn sót lại; sự bần cùng tăng lên nhanh chóng ở khắp nơi, sự tập trung của cải vào tay một số ít người vì thế cũng được đẩy mạnh do kết qủa của cuộc khủng hoảng ấy, và căn cứ theo những sự kiện ở Xi-lê-di thì hậu quả tất nhiên của cuộc khủng hoảng đó sẽ là cách mạng xã hội.

Bây giờ giả định chúng ta thực hiện *thuế quan bảo hộ*. Chế độ thuế quan này gần đây đã trở thành đứa con cưng của phần lớn các nhà công nghiệp nước ta, do đó cần phải nghiên cứu kỹ hơn. Ông *Li-xtơ* đã nâng nguyện vọng của các nhà tư bản nước ta lên thành một hệ thống[145], và tôi cùng muốn bàn về hệ thống ấy mà hầu hết bọn họ đều nhận làm tín điều của mình. Ông Li-xtơ chủ trương thực hiện việc nâng cao dần thuế quan bảo hộ đến lúc đủ bảo đảm cho các chủ xưởng thao túng thị trường trong nước; thuế quan phải giữ ở mức cao ấy trong một thời kỳ nhất định rồi mới bắt đầu hạ dần xuống để sau mấy năm, rút cục có thể thủ tiêu chế độ thuế quan bảo hộ. Chúng ta giả định rằng kế hoạch ấy được đưa ra thực hiện và việc nâng cao dần thuế quan bảo hộ
được ban hành. Công nghiệp sẽ phát triển, số tư bản nhàn rỗi sẽ được đưa vào các xí nghiệp công nghiệp, nhu cầu về công nhân rồi sẽ được đưa vào các xí nghiệp, nhu cầu về công nhân và cùng với nó là tiền công được nâng cao, sở tế bần trở thành nhàn rỗi, và nhìn vào hiện tượng bên ngoài thì thời kỳ toàn thịnh đã đến. Tình hình đó sẽ tiếp tục mãi cho đến khi nền công nghiệp của chúng ta phát triển đủ thoả mãn thị trường trong nước. Nó không thể phát triển hơn nữa, vì nếu không có sự bảo hộ của thuế quan thì nó không giữ nổi thị trường *trong nước*, còn trên thị trường trung lập thì nó càng không chịu đựng nổi sự cạnh tranh của nước ngoài. Ông Li-xtơ cho rằng đến lúc đó, nền công nghiệp nước ta đã hết sức củng cố nên ít cần đến sự bảo hộ của thuế quan và có thể bắt đầu hạ thấp thuế quan. Chúng ta tạm thời giả định tình hình sẽ như vậy. Thuế quan hạ thấp. Nếu không phải là trong lần hạ thuế suất thứ nhất thì cũng là trong lần thứ hai hoặc thứ ba, thuế quan không tránh khỏi hạ xuống đến mức mà công nghiệp nước ngoài,- nói thẳng ra là Anh,- có thể cạnh tranh với nền công nghiệp của chúng ta trên thị trường Đức. Đấy chính là điều mà ông Li-xtơ mông muốn. Nhưng nó sẽ mang lại hậu quả gì? Từ lúc đó, nền công nghiệp Đức sẽ cùng với nền công nghiệp Anh phải chịu những thử thách của tất cả các cuộc rung động, của tất cả các cuộc khủng hoảng. Một khi các thị trường nước ngoài đều tràn ngập hàng hoá của Anh thì người Anh sẽ hành động như hiện nay họ đang hành động và như ông Li-xtơ đã tô vẽ bằng những màu sắc rực rỡ: họ sẽ tung toàn bộ hàng tồn kho của mình vào thị trường Đức là thị trường gần nhất mà họ giành được và như vậy là lại biến Đồng minh thuế quan thành "cửa hàng đồ cũ" của mình. Tiếp đó nền công nghiệp Anh phục hồi nhanh chóng vì cả thế giới là thị trường của nó, vì cả thế giới không thể thiếu nó được, trong khi ấy nền công nghiệp Đức trở thành không cần thiết cho ngay cả thị trường trong nước của nó nữa và thậm chí lo sợ sự cạnh
tranh của Anh ở ngay trong nhà mình và chịu tác hại của những hàng hoá Anh thừa ứ bán cho khách hàng của nó trong thời kỳ khủng hoảng. Trong những điều kiện ấy, nền công nghiệp nước ta sẽ phải nếm đủ mùi đau khổ mà nền công nghiệp Anh phải chịu trong thời kỳ

https://thuviensach.vn

khó khăn, đồng thời chỉ nhận được một phần cỏn con lợi ích do thời kỳ phồn vinh đem lại; tóm lại, lúc bấy giờ chúng ta cũng sẽ ở vào tình trạng giống như hiện nay. Bấy giờ,- nếu chúng ta suy luận đến cùng, - sẽ xuất hiện tình trạng ức chế mà các ngành công nghiệp được bảo hộ nửa vời hiện đang phải chịu; bấy giờ các xí nghiệp lần lượt đóng cửa, còn các xí nghiệp mới thì không xây dựng được; bấy giờ máy móc của chúng ta trở thành cũ kỹ mà chúng ta không có khả năng thay thế bằng những máy mới hoàn thiện hơn; bấy giờ đình đốn biến thành thụt lùi và theo sự phán đoán của ông Li-xtơ thì các ngành công nghiệp sẽ nối nhau teo lại và rút cục không còn nữa. Nhưng lúc đó chúng ta sẽ có một giai cấp vô sản đông đảo do công nghiệp đẻ ra, giai cấp này lâm vào tình trạng không có tư liệu sinh hoạt, không có việc làm, và bấy giờ, thưa quý vị, nó sẽ đòi các giai cấp hữu sản việc làm và bánh mì.

Tình hình đó xảy ra trong trường hợp hạ thấp thuế quan. Bây giờ chúng ta giả định rằng không hạ thấp thuế quan mà giữ nó ở mức cao cho đến lúc, - do hậu quả của sự cạnh tranh giữa các chủ xưởng ở nước ta với nhau, - nó mất hết ý nghĩa và có thể hạ thấp. Kết quả là nền công nghiệp Đức, vừa mới đạt tới chỗ cung cấp đầy đủ cho thị trường trong nước, sẽ ngừng phát triển. Xí nghiệp mới sẽ không cần nữa vì những xí nghiệp hiện có đã đủ để thoả mãn nhu cầu của thị trường, còn thị trường mới thì như trên đã nói, chừng nào nền công nghiệp nói chung còn cần sự bảo hộ của thuế quan thì đừng mơ tưởng đến. Nhưng công nghiệp không *phát triển* được thì cùng không thể *cải tiến* được. Bên trong cũng như bên ngoài công nghiệp đều diễn ra cảnh đình đốn. Việc
cải tiến máy móc cho công nghiệp cũng không tiến hành được. Máy móc cũ không thể vứt bỏ còn máy móc mới thì không có xí nghiệp mới để sử dụng. Trong khi các nước khác đang tiến lên thì sự đình đốn trong công nghiệp nước ta lại biến thành sự thụt lùi. Qua một thời gian ngắn, nhờ những thành tựu mới, người Anh đã sản xuất hàng hoá rẻ đến mức có thể cạnh tranh với nền công nghiệp lạc hậu của chúng ta ngay trên thị trường nước ta, *bất chấp* cả thuế quan bảo hộ; và vì trong cuộc cạnh tranh cũng như trong tất cả các cuộc đấu tranh khác, kẻ mạnh nhất sẽ thắng cho nên sự thất bại cuối cùng của chúng ta là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Bấy giờ tình hình mà chúng ta đã nói trên kia sẽ tái diễn: giai cấp vô sản được sáng tạo ra một cách nhân tạo sẽ giành lấy của các giai cấp hữu sản cái mà chúng không thể cho họ chừng nào chúng còn muốn bám lấy địa vị đặc thù của chúng với tư cách là những người hữu sản, và bấy giờ cách mạng xã hội sẽ nổ ra.

Cũng còn có một tình hình ít có khả năng nhất là người Đức chúng ta dựa vào thuế quan bảo hộ để phát triển công nghiệp của chúng ta đến mức không có thuế quan bảo hộ nó cũng có thể cạnh tranh được với công nghiệp Anh. Giả định tình hình sẽ như vậy thì kết quả sẽ như thế nào? Chúng ta bắt đầu cạnh tranh với người Anh ở thị trường trung lập nước ngoài và giữa nền công nghiệp của chúng ta và của Anh sẽ diễn ra cuộc đấu tranh một mất một còn. Người Anh sẽ dốc toàn lực không cho chúng ta xâm nhập vào những thị trường cho tới nay còn nằm trong tay họ; họ sẽ phải làm như vậy vì trong trường hợp này nguồn sinh sống của họ, chỗ hiểm nhất của họ bị đe doạ. Với tất cả mọi thủ đoạn thuộc thẩm quyền họ, với toàn

https://thuviensach.vn

bộ tính ưu việt của một nền công nghiệp tồn tại một trăm năm nay, họ sẽ đánh bại chúng ta. Họ sẽ giới hạn nền công nghiệp nước ta trong phạm vi thị trường nước ta và như thế là cản trở sự phát triển của nó,- và bấy giờ lại tạo ra tình hình giống như chúng ta đã nói ở trên kia: chúng
ta giẫm chân tại chỗ, người Anh tiến bước, và nền công nghiệp của chúng ta, trong sự suy đồi không sao tránh khỏi, sẽ không đủ sức nuôi sống giai cấp vô sản mà nó sáng tạo ra một cách nhân tạo,- cách mạng xã hội sẽ bùng nổ.

Nhưng thậm chí có giả định rằng chúng ta có thể đánh bại người Anh trên thị trường trung lập, chiếm đoạt các thị trường tiêu thụ của họ hết cái nọ đến cái kia thì trong trường hợp ít có khả năng ấy, chúng ta sẽ thu được gì? Trong trường hợp tốt nhất, chúng ta sẽ lặp lại con đường phát triển công nghiệp mà người Anh đã đi trước chúng ta và sớm muộn chúng ta cũng sẽ rơi vào tình trạng mà hiện nay người Anh đang rơi vào, tức là chúng ta sẽ ở vào đêm trước của cách mạng xã hội. Nhưng xét theo mọi khả năng thì tình hình đó còn lâu mới đến. Những thắng lợi liên tục của nền công nghiệp Đức tất nhiên sẽ phá hoại nền công nghiệp Anh và chỉ đẩy nhanh cuộc khởi nghĩa có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản chống lại giai cấp hữu sản, mà người Anh vốn đã đứng trước rồi. Nạn thất nghiệp phát triển nhanh chóng sẽ thúc đẩy công nghiệp Anh đứng lên làm cách mạng, và trong tình hình hiện nay, cuộc cách mạng xã hội ấy sẽ gây ảnh hưởng to lớn đến các nước trên lục địa, đặc biệt là Pháp và Đức; giai cấp vô sản mà sự phát triển nhanh chóng của nền công nghiệp đã tạo ra một cách nhân tạo ở Đức, càng đông đảo thì ảnh hưởng ấy càng mạnh. Cuộc cách mạng ấy lập tức sẽ biến thành cuộc cách mạng của toàn châu Âu và đập tan không chút kiêng nể cái ảo tưởng của các chủ xưởng ở nước ta về địa vị độc quyền của nền công nghiệp Đức. Không thể tưởng tượng được rằng công nghiệp Anh và Đức có thể chung sống hoà bình với nhau, - cạnh tranh đã làm mất khả năng ấy, tôi xin nhắc lại rằng công nghiệp bao giờ cũng phải phát triển mới không trở thành lạc hậu và bị diệt vong; nó phải mở rộng, tìm kiếm thị trường mới, không ngừng tăng thêm xí nghiệp mới, nếu không nó không thể tiến bước được.
Nhưng vì từ khi các cảng Trung Quốc mở cửa[146], khả năng giành thị trường mới đã mất đi và chỉ có thể tăng cường khai thác các thị trường hiện có, và vì sự phát triển của công nghiệp trong tương lai so với thời gian từ trước đến nay sẽ chậm hơn nên hiện nay nước Anh càng ít dung tha cho những kẻ cạnh tranh. Để bảo vệ nền công nghiệp của mình khỏi bị diệt vong, nước Anh phải kìm hãm nền công nghiệp của tất cả các nước khác ở trình độ thấp; đối với Anh, việc duy trì độc quyền công nghiệp không còn là vấn đề lợi nhuận nhiều hay ít: đối với nó, điều đó đã trở thành *vấn đề sinh tử*. Thông thường, cuộc cạnh tranh giữa các nước diễn ra gay gắt và kịch liệt hơn nhiều so với sự cạnh tranh giữa các cá nhân, vì đây là một cuộc đấu tranh tập trung, quy mô, chỉ có thể kết thúc bằng thắng lợi quyết định của bên này và thất bại quyết định của bên kia. Bởi vậy, cuộc đấu tranh ấy giữa chúng ta và người Anh, dù kết quả ra sao, đều không đem lại lợi ích cho các nhà công nghiệp ở nước ta cũng như ở nước Anh mà chỉ dẫn tới, như tôi vừa chứng minh, cách mạng xã hội.

https://thuviensach.vn

Thưa quý vị, chúng ta đã nghiên cứu điều mà nước Đức có thể mong đợi ở chế độ mậu dịch tự do cũng như ở chế độ thuế quan bảo hộ trong mọi trường hợp có thể có. Chúng ta còn phải nghiên cứu một khả năng kinh tế nữa là việc duy trì chế độ thuế quan juste-milieu hiện nay. Nhưng chúng ta đã thấy ở trên kia, trong trường hợp này, hậu quả sẽ ra sao. Nền công nghiệp của chúng ta phải đóng cử hết ngành này đến ngành khác; công nhân công nghiệp sẽ không có bánh mì, và khi nạn thất nghiệp phát triển, đến một mức độ nhất định thì sẽ bắt đầu nổ ra một cuộc cách mạng chống lại các giai cấp hữu sản.

Như vậy, việc nghiên cứu tỉ mỉ đã hoàn toàn chứng thực cho sự trình bày khái quát ban đầu của tôi xuất phát từ cạnh tranh, tức là hậu quả tất nhiên của quan hệ xã hội hiện nay của chúng ta trong mọi điều kiện và trong mọi trường hợp đều sẽ là *cách mạng xã hội.* Giống như từ các tiên đề toán học mà mọi người đều biết, chúng ta có thể chắc chắn rút ra được những định lý mới thì từ các quan hệ kinh tế hiện có và từ các nguyên lý của khoa kinh tế chính trị chúng ta cũng có thể chắc chắn rút ra được kết luận về cuộc cách mạng xã hội sắp tới. Nhưng chúng ta hãy nghiên cứu cuộc cách mạng ấy kỹ hơn: nó xuất hiện dưới hình thức nào, kết quả của nó ra sao, nó khác với tất cả các cuộc cách mạng bạo lực trước đây thế nào? Cách mạng xã hội hoàn toàn khác với các cuộc cách mạng chính trị xảy ra trước đây: nó không chĩa mũi nhọn vào sự sở hữu quyền độc quyền mà chĩa vào sự độc quyền sở hữu; cách mạng xã hội là *cuộc chiến tranh công khai của người nghèo chống lại người giàu*. Cuộc đấu tranh ấy đang bộc lộ rõ ràng và công khai tất cả các động lực và nguyên nhân đã được biểu hiện mập mờ và âm ỉ trong tất cả các cuộc xung đột lịch sử trước đây, cuộc đấu tranh ấy dù sao cũng gay gắt và tàn khốc hơn tất cả mọi cuộc đấu tranh diễn ra trước nó. Cuộc đấu tranh ấy có thể có hai kết cục. Hoặc là bên khỏi nghĩa chỉ giáng ngọn đòn của mình vào cái hiện tượng bề ngoài chứ không phải vào bản chất, vào hình thức chứ không phải vào thực chất của sự vật, hoặc là nó tìm được thực chất của sự vật, tìm được nguồn gốc của tai hoạ. Trong trường hợp thứ nhất, tài sản tư hữu được duy trì và chỉ có việc phân phối lại; lúc bấy giờ những nguyên nhân gây ra tình hình hiện nay vẫn còn có tác dụng, và trải qua một thời gian dài hay ngắn, chúng lại gây ra tình hình giống thế và cùng với tình hình ấy là một cuộc cách mạng mới. Nhưng có thể như vậy không? Chúng ta đã thấy ở đâu mà một cuộc cách mạng thực sự không đạt được cái mà nó theo đuổi? Cách mạng Anh đã thực hiện được các nguyên tắc tôn giáo và nguyên tắc chính trị, những nguyên tắc mà Sác-lơ I đã xoá bỏ nên gây ra cuộc cách mạng ấy; trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quý tộc và chế độ quân chủ cũ, giai cấp tư sản Pháp đã đạt được tất
cả mọi cái mà nó theo đuổi, đã tiêu diệt tất cả những tệ nạn lạm dụng thúc đẩy nó khởi nghĩa. Chẳng lẽ cuộc khởi nghĩa của người nghèo sẽ dừng lại trước khi tiêu diệt được nghèo nàn và nguyên nhân của nghèo nàn hay sao? Không thể như thế được; thừa nhận điều đó có nghĩa là phủ nhận toàn bộ kinh nghiệm lịch sử. Nhìn vào trình độ phát triển của công nhân, nhất là ở Anh và Pháp, chúng ta có căn cứ để cho rằng điều đó là không thể có được. Do đó có thể chấp nhận giả thiết thứ hai tức là cuộc cách mạng xã hội sắp nổ ra, không thể không đụng chạm đến nguyên nhân thực sự của thiếu thốn và nghèo nàn, ngu dốt và tội ác, nên nó sẽ thực

https://thuviensach.vn

hiện cải cách xã hội theo ý nghĩa chân chính của danh từ. Mà điều đó chỉ có thể thực hiện bằng cách công bố các nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa. Quý vị hãy suy nghĩ về những tư tưởng đang kích động trí lực của công nhân ở những nước ở đó công nhân đang suy nghĩ; hãy xem các phe phái khác nhau của phong trào công nhân Pháp,- chẳng lẽ tất cả những phe phái ấy không có xu hướng cộng sản hay sao? Xin mời quý vị sang nước Anh để nghe những dự thảo đề ra cho công nhân nhằm cải thiện tình cảnh của họ,- chẳng lẽ tất cả những dự thảo ấy không xây dựng trên nguyên tắc của chế độ công hữu hay sao? Hãy nghiên cứu các phương án cải cách xã hội khác nhau,- chẳng lẽ trong đó lại không tìm thấy được nhiều phương án không phải là cộng sản chủ nghĩa hay sao? Trong tất cả các phương án cho tới nay vẫn còn có ý nghĩa ấy chỉ có một cái là không có tính chất cộng sản chủ nghĩa, đấy là phương án của Phu-ri-ê, trong đó ông đã chú ý đến tổ chức xã hội của hoạt động của con người nhiều hơn là đến sự phân phối sản phẩm do con người sản xuất ra. Tất cả những sự thực đó đều xác nhận một kết luận là cuộc cách mạng xã hội sắp nổ ra sẽ kết thúc bằng sự thực hiện nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa và không thể có bất cứ khả năng nào khác.

Nếu như những kết luận trên là chính xác, nếu như cách mạng
xã hội và sự thực hiện chủ nghĩa cộng sản là kết quả tất nhiên của các quan hệ hiện tại của chúng ta thì trước hết chúng ta phải có những biện pháp nhờ đó có thể tránh được bạo lực và đổ máu khi thực hiện sự biến đổi trong quan hệ xã hội. Để đạt được điều đó, chỉ có *một* biện pháp là hoà bình thực hiện hoặc ít nhất hoà bình chuẩn bị chủ nghĩa cộng sản. Cho nên nếu chúng ta không muốn giải quyết vấn đề xã hội bằng *đổ máu*, nếu chúng ta không muốn làm cho mâu thuẫn ngày một sâu sắc giữa trình độ hiểu biết với tình cảnh sinh sống của những người vô sản chúng ta gay gắt đến mức, như sự lý giải của chúng ta về bản tính con người đã chỉ rõ, mâu thuẫn ấy phải được giải quyết bằng việc sử dụng bạo lực, sự tuyệt vọng và chí phục thù, - thì thưa quý vị, chúng ta phải xử lý nghiêm chỉnh và công bằng vấn đề xã hội; chúng ta phải dốc sức làm cho người nô lệ hiện đại có được địa vị tương xứng với con người. Và nếu như ai đó trong quý vị cảm thấy rằng việc nâng cao địa vị của các giai cấp trước đây bị khinh rẻ không thể tiến hành nếu không có sự hạ thấp mức sống riêng của mình thì xin nhớ rằng ở đây chúng ta bàn về việc tạo ra cho *tất cả mọi người* những điều kiện sinh hoạt trong đó mỗi người đều có thể tự do phát triển bản tính con người của mình, sống với những người xung quanh trong mối quan hệ con người và không lo sợ người khác dùng bạo lực phá hoại hạnh phúc của mình; cũng xin nhớ rằng, cái mà cá nhân buộc phải hy sinh không phải là lạc thú chân chính của cuộc sống con người, mà chỉ là sự hưởng lạc hời hợt do chế độ xấu xa của chúng ta gây ra, nó mâu thuẫn với lý trí và lương tâm của những người hiện đang hưởng những đặc quyền giả tạo đó. Chúng ta hoàn toàn không muốn phá hoại cuộc sống đầy đủ của con người với mọi điều kiện và mọi nhu cầu của nó, trái lại chúng ta đang cố sức xây dựng cuộc sống đó. Dù có lãng quên điều đó, nhưng nếu như quý vị nghiêm chỉnh
suy nghĩ xem hậu quả của chế độ hiện nay của chúng ta như thế nào, nó sẽ dẫn chúng ta đến chỗ bế tắc nào của mâu thuẫn, đến tình trạng hỗn loạn nào, thì bấy giờ, thưa quý vị, quý vị nhất thiết sẽ đi đến kết luận rằng vấn đề xã hội đáng được nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh

https://thuviensach.vn

và triệt để. Và nếu như tôi có thể thúc đẩy quý vị làm việc đó thì như vậy là tôi đã hoàn toàn đạt được mục đích của bài phát biểu của tôi.

Bài phát biểu do Ph. Ăng-ghen đọc tại cuộc hội nghị ở En-bơ-phen-đơ, ngày 15 tháng Hai 1845.
Toàn văn bài phát biểu được đăng lần đầu tiên trong tạp chí "Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform". Bd. I, 1845

In theo bản đăng trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

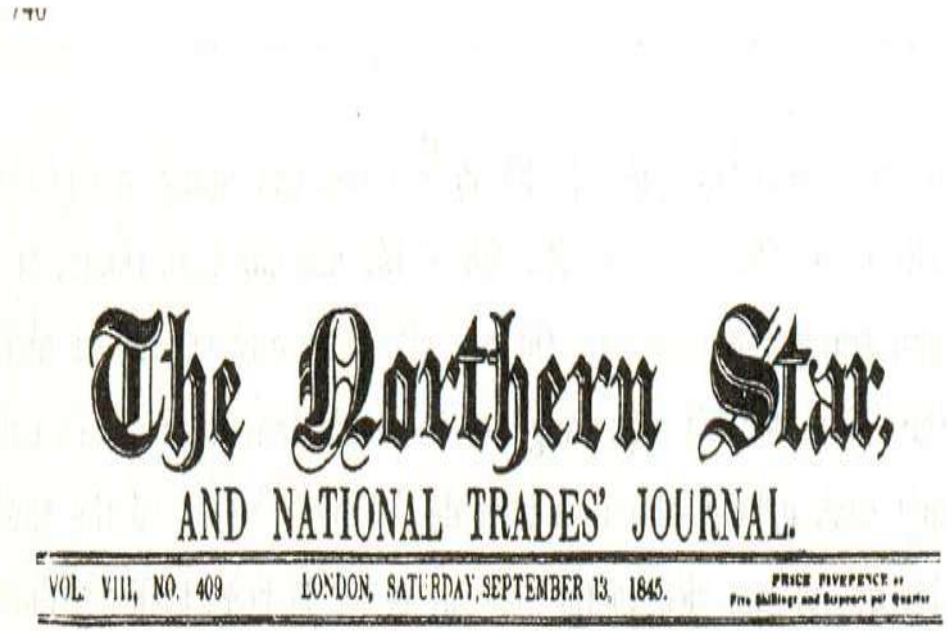
The Northern Star,
AND NATIONAL TRADES' JOURNAL.
VOL. VIII, NO. 409 LONDON, SATURDAY, SEPTEMBER 13, 1845. PRICE FIVEPENCE or Five Shillings and Sixpence per Quarter

PH. ĂNG-GHEN

CUỘC TÀN SÁT GẦN ĐÂY Ở LAI-PXÍCH.- PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở ĐỨC

https://thuviensach.vn

Cuộc tàn sát ở Lai-pxích[147] - sự kiện mà ngài đã bình luận trong số báo mới đây của mình và đã tường thuật tỉ mỉ hơn cách đây mấy tuần,- vẫn còn tiếp tục thu hút sựchú ý của các tờ báo Đức. Cuộc tàn sát này,- về mặt đê tiện thì chỉ có vụ Pi-téc-lô[148] mới trội hơn,- là một hành động nhục nhã và hèn hạ nhất mà chế độ chuyên chế quân sự ở Đức đã mắc phải. Trong khi nhân dân đang hô to "Rôn-ngơ muôn năm!", "Đả đảo nhà thờ La Mã!", thì hoàng thân I-ô-han Dắc-den - tiện thể xin nói thêm y là một trong nhiều vị công hầu vương giả của chúng tôi đã tham gia vào làng văn thơ, đã từng cho ra mắt bản dịch rất tồi bài thơ "Địa ngục" của nhà thơ I-ta-li-a Đan-tơ, - vị dịch giả "Địa ngục" ấy lại muốn đem cái vinh quang quân sự thêm vào cái tiếng tăm văn học của mình nên đã mở cuộc tấn công quỷ quyệt và hèn hạ vào nhân dân tay không. Y ra lệnh cho tiểu đoàn bộ binh do nhà cầm quyền phái đến, chia thành mấy đội và phong toả mọi ngả đường dẫn đến khách sạn, chỗ ở của "đức hoàng thượng" yêu văn học. Được lệnh,
binh lính bao vây nhân dân và dồn họ vào một khoảng đất nhỏ, sau đó xua họ đến trước cổng lớn của khách sạn; chính việc nhân dân bị binh lính theo lệnh của hoàng thân I-ô-han dồn tới sát cái cổng thiêng liêng của nơi ở của hoàng thượng, chính tình trạng ấy đã thành cái cớ để nổ súng vào nhân dân, và báo chí của chính phủ cũng mưu toan dựa vào chính tình trạng ấy để bào chữa cho vụ bắn giết! Nhưng chưa phải đã hết: mấy đội lính bao vây nhân dân rồi theo mưu mô của hoàng thân điện hạ, đã bố trí một lưới lửa bắn chéo cánh sẻ vào đám người tay không. Họ đi về phía nào cũng bị đạn vãi xuống như mưa; nếu như binh lính, nhân đạo hơn hoàng thân I-ô-han, phần lớn không bắn chỉ thiên thì cuộc tàn sát sẽ trở nên cực kỳ rùng rợn. Sự kiện hèn hạ này đã gây ra lòng phẫn nộ phổ biến; những thần dân trung thành nhất, những người ủng hộ sốt sắng nhất đối với chế độ hiện tại cũng tỏ ra phẫn nộ và hết sức chán ghét hành động ấy. Sự kiện này rất có lợi cho Dắc-den - một bộ phận của nước Đức, ở đó, cái người ta thấy trước tiên bao giờ cũng là khuynh hướng *nói suông*, song cái cần nhất lại là hành động. Người Dắc-den với nhà nước lập hiến cỏn con của mình, với nghị viện bàn suông, với các nghị sĩ tự do chủ nghĩa, với các linh mục tự do chủ nghĩa và khai sáng, v.v., của mình, là đại biểu cho chủ nghĩa tự do ôn hoà, chủ nghĩa Vích ở miền Bắc Đức; đồng thời đối với vua Phổ, họ còn nô lệ hơn cả chính người Phổ. Chính phủ Phổ quyết định gì, nội các Dắc-den đều phải thi hành; tệ hơn thế nữa, gần đây chính phủ Phổ thậm chí không buồn giao thiệp với nội các Dắc-den mà lại trực tiếp ra lệnh cho quan chức cấp dưới của Dắc-den, dường như thế họ không phải phục vụ Dắc-den mà là phục vụ Phổ! Dắc-den là do Béc-lir chứ không phải do Đre-xđen cai trị, và mặc dù thích bàn suông và khoác lác, người Dắc-den vẫn biết rõ rằng bàn tay sắt của Phổ đang đè nặng lên họ. Tất cả thói bàn suông và khoác lác, tính kiêu ngạo và tự mãn khiến cho người Dắc-den thành một dân tộc đặc biệt khác hẳn với người Phổ, v.v., cuộc tàn sát ở Lai-pxích sẽ
chấm dứt điều đó. Người Dắc-den hiện nay nhất định biết rằng họ đang sống dưới nền thống trị quân phiệt như tất cả những người Đức khác; rằng mặc dù họ có hiến pháp, pháp luật tự do chủ nghĩa, chế độ kiểm duyệt tự do chủ nghĩa và ngôn luận tự do chủ nghĩa của đức vua, nhưng chế độ tồn tại thực tế ở đất nước bé nhỏ của họ không phải là cái gì khác hơn là luật

https://thuviensach.vn

pháp quân sự. Còn có một nhân tố nữa làm cho sự kiện Lai-pxích truyền bá tinh thần phản kháng ở Dắc-den, dù cho phái tự do Dắc-den có làm rùm beng thế nào đi nữa thì chỉ đến bây giờ đại đa số nhân dân Dắc-den mới bắt đầu lên tiếng. Dắc-den là một nước công nghiệp và từ ngàn xưa ở đất nước này, cảnh nghèo nàn xác xơ đã ngự trị trong công nhân dệt lanh, công nhân dệt kim, công nhân kéo sợi, công nhân thuê ren, công nhân mỏ than và công nhân khai quặng. Phong trào vô sản bắt đầu bằng cuộc khởi nghĩa ở Xi-lê-di, hoặc thường được gọi là cuộc đấu tranh của thợ dệt, hồi tháng Sáu 1844, đã lan tràn khắp nước Đức và động đến cả Dắc-den. Trước đây ít lâu, ở nhiều nơi đã có những vụ nổi dậy của công nhân xây dựng đường sắt cũng như công nhân in hoa, và mặc dù hiện nay chưa thể đưa ra những tài liệu xác thực để chứng minh nhưng rất có thể là ở đây cũng như ở các nơi khác, chủ nghĩa cộng sản đã được truyền bá trong công nhân; và nếu công nhân Dắc-den bước lên vũ đài đấu tranh thì chắc hẳn là họ không chỉ nói suông như các ông chủ của họ, các nhà tư sản tự do chủ nghĩa.

Mong ngài sẽ chú ý chút ít đến phong trào của giai cấp công nhân ở Đức nữa. Trên tờ báo của ngài số ra tuần trước, ngài đã dự đoán một cuộc cách mạng vinh quang của nước chúng tôi - không giống như cuộc cách mạng 1688[149]. Về điểm này, ngài hoàn toàn đúng. Song tôi chỉ mong sửa lại một điểm, hoặc nói đúng hơn là làm sáng tỏ thêm luận điểm mà ngài đã chứng minh là chính thanh niên Đức sẽ thực hiện sự biến đổi ấy. Nhưng không nên tìm lớp thanh niên đó trong hàng ngũ giai cấp tư sản. Hành
động cách mạng ở Đức bắt đầu ngay từ trong quần chúng công nhân của chúng tôi. Đúng là trong giai cấp tư sản ở nước chúng tôi có không ít những người cộng hoà, thậm chí cả những người cộng sản, và cũng không ít thanh niên có thể rất có ích cho phong trào ấy nếu như hiện nay cách mạng bùng nổ; nhưng những người ấy là những nhà tư sản chạy theo lợi nhuận, những nhà kinh doanh chuyên nghiệp. Ai dám bảo đảm với chúng tôi rằng những người ấy không bị sa ngã do nghề nghiệp của họ, do địa vị xã hội của họ, cái địa vị khiến họ sống dựa vào lao động nặng nhọc của người khác, nuôi béo họ bằng việc hút máu và bòn rút xương tuỷ của giai cấp công nhân. Dù cho họ đã trở thành người vô sản về mặt tư tưởng và chỉ còn là nhà tư sản về mặt nghề nghiệp, song họ vẫn chỉ là một con số nhỏ vô hạn so với con số thực tế các đại biểu của giai cấp tư sản vì lợi ích riêng mà bám lấy trật tự hiện hành và chỉ nghĩ đến việc nhét chặt túi tiền của mình. May sao chúng tôi hoàn toàn không dựa vào giai cấp tư sản. Phong trào vô sản phát triển với một tốc độ ghê gớm đến mức sau một vài năm chúng tôi có thể duyệt đội ngũ vinh quang của công nhân - những người dân chủ và cộng sản, vì ở nước chúng tôi, đối với giai cấp công nhân, dân chủ và chủ nghĩa cộng sản là những danh từ hoàn toàn đồng nghĩa. Công nhân dệt Xi-lê-di nổ pháo hiệu vào năm 1844, công nhân in hoa và công nhân xây dựng đường sắt Bô-hêm và Dắc-den, công nhân in hoa Béc-lin và công nhân công nghiệp nói chung ở hầu khắp nước Đức đã bãi công và khởi nghĩa cực độ để hưởng ứng; những cuộc nổi dậy này hầu như bao giờ cũng do luật cấm lập hội gây ra. Hiện nay phong trào lan rộng và hầu khắp đất nước và tiếp tục phát triển hết sức ổn định, nhưng trong khi đó giai cấp tư sản chỉ hô hào "hiến pháp", "tự do xuất bản", "thuế quan bảo hộ",

https://thuviensach.vn

thiên chúa giáo Đức", và "cải cách giáo hội". Tất cả những phong trào tư sản ấy tuy có tác dụng của chúng nhưng hoàn toàn không ảnh hưởng đến giai cấp công nhân
là giai cấp có phong trào riêng của mình - phong trào đấu tranh cho lợi ích sống còn của mình.

Thư sau tôi sẽ nói tỉ mỉ hơn về vấn đề này.

Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 8-11 tháng Chín 1845.
Đã đăng trên tờ "The Northern Star" số 409, ngày 13 tháng Chín 1845, với lời chú thích của Bộ biên tập: Theo phóng viên của bản báo

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

PH. ĂNG-GHEN

TÌNH HÌNH NƯỚC ĐỨC

BỨC THƯ THỨ NHẤT

Gửi chủ bút "Northern Star"

Thưa ngài thân mến!

Thể theo nguyện vọng của ngài, bắt đầu từ thư này, tôi đã viết một loạt bài về tình hình hiện nay ở tổ quốc tôi. Để cho ý kiến của tôi về vấn đề này hoàn toàn lý giải được và để chứng minh tính chất hoàn toàn có căn cứ của ý kiến đó, tôi phải trình bày ngắn gọn lịch sử nước Đức kể từ sự kiện làm lay chuyển xã hội hiện đại đến tận nền tảng của nó, tôi muốn nói kể từ cuộc cách mạng Pháp.

Nước Đức già cỗi lúc bấy giờ mang cái tên *Đế quốc La Mã thần thánh* do vô số những nước nhỏ: vương quốc, tuyển hầu quốc, công quốc, đại công quốc và siêu đại công quốc, hầu quốc, lãnh địa bá tước, lãnh địa nam tước và những thành phố tự do của đế quốc họp thành, tất cả những nước nhỏ ấy đều độc lập với nhau và chỉ phục tùng một quyền lực (nếu như có quyền lực ấy, nhưng trong hàng thế kỷ nay nói chung quyền lực ấy không hề tồn tại) - quyền lực của hoàng đế và nghị viện. Tính tự chủ của các nước nhỏ đó đã đi xa đến mức trong bất kỳ một cuộc chiến tranh nào với "kẻ thù lớn nhất" (đương nhiên là Pháp), một phần những nước nhỏ ấy lại liên minh với vua Pháp và công khai đánh lại hoàng đế của
mình. Nghị viện do đại biểu của tất cả các nước nhỏ ấy họp thành và do đại diện của hoàng đế chủ trì với sứ mệnh là hạn chế quyền lực của hoàng đế, thường nhóm họp luôn nhưng chưa bao giờ đi đến kết quả nào dù là nhỏ nhất. Ở đây, người ta đã bỏ phí thời gian vào việc thảo luận những vấn đề lễ tiết vô vị nhất,- chẳng hạn có nên cho sứ đoàn của một nam tước nào đó (có lẽ gồm gia sư của con trai ông ta và một lão bộc trông nom cách ăn mặc, hoặc một lão gác rừng) có địa vị ưu tiên so với sứ đoàn của một nam tước khác hay không, hoặc đại biểu của một thành phố tự do của đế quốc có nên chào mừng đại biểu của một thành phố

https://thuviensach.vn

khác, mà không chờ đợi sự hoan nghênh của bên kia hay không, v.v.. Thế rồi người ta còn tranh cãi về những đặc quyền nhỏ nhặt mà phần lớn đã thành gánh nặng đối với người được hưởng, nhưng người ta cho là vấn đề danh dự nên tranh cãi rất hăng. Những việc đó cũng như những việc trọng đại tương tự đã chiếm mất của nghị viện sáng suốt khá nhiều thời gian và hội nghị đáng kính ấy chẳng còn lại một phút nào để bàn đến sự nghiệp của đế quốc. Do tất cả những cái đó mà tình trạng mất trật tự và hỗn loạn nghiêm trọng đã diễn ra ở khắp nơi. Bị những cuộc tranh chấp nội bộ chia sẻ cả trong thời chiến lẫn thời bình, từ cuộc Cải cách tôn giáo đến năm 1789, đế quốc đã trải qua một loạt nội chiến mà trong mỗi cuộc chiến tranh đó nước Pháp bao giờ cũng liên minh với bên mạnh chống lại bên yếu và dễ đánh bại của đế quốc, và đương nhiên là vớ bở. Đầu tiên là Buốc-gum-đi, tiếp theo là ba địa hạt giáo chủ; Mét-xơ, Tun và Véc-đen rồi đến phần còn lại của Lo-ren, một bộ phận của Phlan-đrơ và An-da-xơ đã tách ra như vậy khỏi Đế quốc La Mã thần thánh và sáp nhập vào Pháp. Còn Thuỵ Sĩ thì độc lập đối với Đế quốc, Bỉ thì nhượng lại cho Tây Ban Nha theo di chúc của Sác-lơ V; tình hình ở tất cả các nước ấy trở nên khá hơn sau khi đã tách khỏi Đức. Cùng với sự tan rã dần dần ấy ở bên ngoài, trong nội bộ Đế quốc đã diễn ra tình trạng hỗn loạn cực độ. Mỗi một tiểu vương hầu là một tên

bạo chúa chuyên quyền tàn nhẫn đối với thần dân của mình. Đế quốc chưa bao giờ nhìn ngó đến vấn đề nội chính của các nước ngoài việc thành lập một toà án (Toà án đế quốc ở Vét-xla) để xét xử các vụ dân chúng tố cáo quan lại; nhưng cái toà án quý báu ấy giỏi xét xử đến nỗi người ta chưa bao giờ nghe nói đến một vụ án nào được giải quyết. Thật khó có thể tin những hành động chuyên quyền vô cùng tàn nhẫn mà bọn vương hầu kiêu căng đã gây ra cho thần dân của chúng. Bọn vương hầu này chỉ dành thời gian vào việc ăn chơi đàng điếm, đã giao quyền hành vô hạn cho bọn thượng thư và quan lại nên bọn này có thể tha hồ hăm hại những người dân bất hạnh miễn là chúng có thể nhét đầy túi tham của chủ và cung cấp đủ số gái đẹp cho các hậu cung của chủ. Và bọn quý tộc chưa được độc lập, còn ở dưới quyền của một quốc vương, một giáo chủ hoặc hầu tước nào đó, cũng thường khinh rẻ nhân dân hơn cả loài chó, chúng nặn bóp tới mức tối đa tiền của bằng lao động của nông nô của chúng, vì sự lệ thuộc kiểu nông nô hồi bấy giờ là tình hình hoàn toàn thông thường ở Đức. Ngay ở những thành phố đế quốc trịnh trọng mang tên "tự do" cũng chẳng có chút tự do nào vì ở đây thị trưởng và các thượng nghị sĩ tự bầu mình lên - những chức vị từ mấy thế kỷ nay đã trở thành cha truyền con nối giống như ngôi vua - lại tỏ ra bạo ngược hơn trong việc cai trị của mình. Không có gì có thể so sánh nổi với những hành vi hèn hạ của bọn quý tộc tiểu tư sản thành thị; nếu tất cả cái đó không còn giữ lại trong hồi ức của nhiều người còn nhớ đến thời kỳ ấy, nếu không có hàng trăm người có uy tín chứng thực thì quả thật không ai tin đấy là tình hình nước Đức 50 năm trở về trước. Còn nhân dân! *Họ* đã nói gì về tình hình ấy? Họ đã làm gì? Còn giai cấp trung gian, bọn tư sản hám của thì họ đã thấy tình trạng hỗn loạn thường xuyên ấy là cái nguồn làm giàu; bọn tư sản hiểu rằng đục nước thì dễ béo cò; họ cam chịu sự áp bức và sỉ nhục vì họ biết rằng họ có thể trả thù theo cách của họ: *họ lừa gạt kẻ áp bức mình để rửa nhục cho mình.* Đoàn kết với nhân dân, họ có thể lật đổ chính quyền cũ, xây

https://thuviensach.vn

dựng lại đế quốc giống như giai cấp tư sản Anh đã làm được một phần tư 1640 đến 1688, hoặc như giai cấp tư sản Pháp đã chuẩn bị làm trong cùng thời gian ấy. Nhưng không, giai cấp tư sản Đức chưa bao giờ có nghị lực đó, chưa bao giờ cho rằng mình có dũng khí đó; bọn tư bản Đức biết rằng nước Đức chỉ là một đống phân, nhưng chúng lại sống thoải mái trong đống phân đó vì bản thân chúng cũng là phân và vì phân ở xung quanh sưởi ấm chúng. Còn người lao động thì sống không tồi hơn hiện nay, nhưng nông dân là ngoại lệ, họ phần lớn là nông nô và họ không thể làm nên chuyện gì nếu không có sự giúp đỡ của nhân dân thành thị, vì quân đội đánh thuê thường xuyên đóng bên cạnh họ, đe doạ dìm trong bể máu bất cứ mưu toan khởi nghĩa nào.

Đấy là tình hình nước Đức cuối thế kỷ trước. Đấy là cả một đống những cái chán chường, mục nát và tan rã. Không ai cảm thấy dễ chịu. Thủ công nghiệp, thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp trong nước đều rơi vào cảnh điêu tàn cùng cực. Nông dân, thợ thủ công và chủ xí nghiệp chịu hai lần khổ ải: chính quyền ăn bám và trạng thái tiêu điều. Bọn quý tộc và vương hầu cảm thấy rằng mặc dầu thu nhập của chúng vẫn không thể bù đắp được khoản chi tiêu ngày một phình lên của chúng. Mọi cái đều tồi tệ và tâm trạng bất mãn đã bao trùm cả nước. Không có giáo dục, không có phương tiện ảnh hưởng đến ý thức quần chúng, không tự do báo chí, không có dư luận xã hội, thậm chí không có buôn bán tương đối lớn với các nước khác - không có gì cả ngoài sự đê tiện và tự tư tự lợi; lề thói con buôn hèn mạt, xun xoe nịnh hót thảm hại, đã thâm nhập toàn dân. Mọi thứ đều nát bét, lung lay, xem chừng sắp sụp đổ, thậm chí chẳng còn lấy một tia hy vọng chuyển biến tốt lên, vì dân tộc thậm chí không còn đủ sức vứt bỏ cái thây ma rữa nát của chế độ đã chết rồi.

Chỉ có nền văn học của tổ quốc mới cho thấy tương lai tươi đẹp. Cái thời kỳ nhục nhã về mặt chính trị và xã hội ấy cũng chính là thời kỳ vĩ đại của nền văn học Đức. Khoảng năm 1750,
tất cả các nhà tư tưởng vĩ đại của Đức đã ra đời: nhà thơ Gơ-tơ và Si-lơ, nhà triết học Can-tơ và Phi-stơ, và chưa đầy hai chục năm sau, Hê-ghen - nhà siêu hình học[184]1*, vĩ đại gần đây của Đức đã ra đời. Mỗi tác phẩm xuất sắc của thời kỳ ấy đều thấm nhuần tinh thần hiếu chiến, lòng phản nghịch chống lại toàn bộ xã hội Đức đương thời. Gơ-tơ viết tác phẩm "Guê-xơ Phôn Béc-li-khin-ghen", trong đó ông dùng hình thức kịch để tỏ lòng thương tiếc một người bạo động. Si-lơ viết cuốn "Kẻ cướp", trong đó ông ca ngợi một thanh niên hoà hiệp công khai tuyên chiến với toàn xã hội. Nhưng đấy là những tác phẩm thời trẻ của các ông. Với tuổi tác, các ông đã mất hết mọi hy vọng của mình. Gơ-tơ chỉ còn viết một số tác phẩm châm biếm hết sức chua cay, còn Si-lơ thì chắc hẳn đã rơi vào tình trạng tuyệt vọng rồi nếu như ông không tìm thấy nguồn an ủi trong khoa học, đặc biệt là trong lịch sử vĩ đại của Hy Lạp và La Mã thời cổ. Từ hai ông có thể suy ra tất cả những người khác. Ngay các nhà tư tưởng ưu tú nhất và kiên cường nhất của nhân dân Đức cũng đã mất hết tin tưởng vào tương lai của đất nước mình.

https://thuviensach.vn

Nhưng đột nhiên cách mạng Pháp như một tiếng sét đánh vào cái mớ hỗn độn được gọi là nước Đức ấy. Ảnh hưởng của nó hết sức to lớn. Nhân dân, rất ít có văn hoá và quá quen chịu đựng lâu dài sự bạo tàn, vẫn thờ ơ. Nhưng toàn bộ giai cấp tư sản và những đại biểu ưu tú của giới quý tộc đã đồng thanh hoan hô Quốc hội và nhân dân Pháp. Trong vô số các nhà thơ Đức, không có ai là không ca ngợi nhân dân Pháp. Nhưng đấy là một thứ nhiệt tình theo lối Đức, nó mang tính chất siêu hình thuần tuý và chỉ bày tỏ với lý luận của các nhà cách mạng Pháp. Nhưng một khi lý luận đã bị sức mạnh của thực tế không thể bác bỏ

được đẩy xuống hàng thứ yếu, một khi sự hoà hợp giữa triều đình Pháp và nhân dân Pháp không thể thực hiện được trên thực tiễn, dù cho sự liên hợp của họ trên lý luận đã được xác định trong hiến pháp có tính chất lý luận của năm 1791, một khi nhân dân Pháp đã *thực tế* xác lập chủ quyền của mình bằng sự kiện "ngày 10 tháng Tám" [150] và nhất là khi lý luận đã bị sự diệt vong của phái Gi-rông-đanh ngày 31 tháng Năm 1793 làm cho câm tịt, thì cái nhiệt tình ấy của nước Đức biến ngay thành sự căm ghét điên cuồng đối với cách mạng. Đương nhiên, nhiệt tình ấy chỉ biểu lộ đối với những sự kiện như đêm mồng 4 tháng Tám 1789, khi giới quý tộc từ bỏ đặc quyền của nó; nhưng những người Đức lương thện chưa bao giờ nghĩ rằng những hành động ấy, trên thực tế, có hậu quả hoàn toàn khác hẳn với những kết luận mà các nhà lý luận hảo tâm có thể rút ra được. Người Đức chưa bao giờ nghĩ rằng mình đã ca ngợi những hậu quả mà như mọi người đều biết rõ, chính là những hậu quả khá nghiêm trọng và khá phiền phức đối với nhiều người dính líu đến chúng. Cho nên tất cả những bạn bè ban đầu hân hoan chào mừng cách mạng thì giờ đây đã trở thành kẻ thù điên cuồng nhất của cách mạng, và sau khi nhận được qua báo chí xu nịnh của người Đức những tin tức đương nhiên là hoàn toàn xuyên tạc về Pa-ri thì họ ưa chuộng cái đống phân La Mã thần thánh yên ổn lâu đời của mình hơn là hành động khủng khiếp của nhân dân dám phá bỏ xiềng xích nô lệ và thách thức tất cả mọi bọn bạo chúa, quý tộc và thầy tu.

Nhưng những ngày tàn của Đế quốc La Mã thần thánh đã tới. Quân đội cách mạng Pháp đã tiến sâu vào lòng nước Đức, kéo dài biên giới Pháp đến tận sông Ranh và truyền bá tự do và bình đẳng ở khắp nơi. Họ đã tống cổ bè lũ quý tộc, giáo chủ và cha cố trường dòng và tất cả bọn vương hầu nhỏ chỉ đóng vai bù nhìn suốt cả một thời kỳ dài dằng dặc trong lịch sử. Quân đội cách mạng, ở Pháp, đã quét sạch đất đai giống như những di dân tiến

vào các khu rừng nguyên thuỷ ở biên giới miền Cực Tây nước Mỹ; rừng nguyên thuỷ của xã hội "Cơ Đốc Đức" đã tiêu tan trong cuộc tiến quân thắng lợi của quân đội cách mạng Pháp giống như sương mù khi mặt trời mọc. Và khi Na-pô-lê-ông cương nghị nắm lấy sự nghiệp cách mạng trong tay, khi ông nhập cục cách mạng với bản thân - chính cuộc cách mạng và sau ngày 9 tháng Sương mù 1794 bị giai cấp tư sản tham lam bóp chết, - khi ông (nền dân chủ "của một người" như một nhà văn Pháp đã gọi ông) hết lần này đến lần khác đưa quân sang Đức thì xã hội "Cơ Đốc Đức" rút cục đã bị tiêu diệt. Đối với nước Đức, Na-pô-lê-ông không phải là một bạo chúa ngang ngược như những kẻ thù của ông đã khẳng định. Ở Đức, Na-pô-lê-ông là đại biểu cho cách mạng, ông truyền bá những nguyên lý cách mạng, phá huỷ

https://thuviensach.vn

xã hội phong kiến cũ. Đương nhiên, hành động của ông tỏ ra bạo ngược nhưng thậm chí chưa bằng nửa sự bạo ngược mà các đại biểu Hội nghị quốc ước có thể thể hiện và trên thực tế đã thể hiện ở những nơi mà họ xuất hiện; chưa bằng nửa sự bạo ngược mà bọn vương hầu quý tộc bị ông đánh đổ đã quen thể hiện. Na-pô-lê-ông đã đưa *chế độ khủng bố* đã hoàn thành ở Pháp sang *các nước khác dưới hình thức chiến tranh*, và "chế độ khủng bố" đó là hết sức cần thiết ở Đức, Na-pô-lê-ông đã phá huỷ Đế quốc La Mã thần thánh và đã giảm bớt số lượng nước nhỏ ở Đức bằng cách thành lập những nước lớn hơn. Ông đã mang đến các nước bị chinh phục bộ luật của mình là bộ luật hơn hẳn tất cả các bộ luật hiện có và trên nguyên tắc đã thừa nhận quyền bình đẳng. Ông buộc người Đức cho tới nay chỉ sống vì *lợi ích cá nhân* phải cố gắng thực hiện tư tưởng vĩ đại phục vụ cho lợi ích chung cao cả hơn. Nhưng chính điều đó đã thúc đẩy người Đức chống lại ông. Ông đã gây ra sự bất mãn của nông dân chính với những biện pháp giải phóng họ khỏi ách áp bức phong kiến, vì ông đã xúc phạm đến thiện kiến và những tập tục lâu đời của họ. Ông đã gây ra sự bất mãn của giai cấp
tư sản chính với những biện pháp đặt nền móng cho nền công nghiệp công xưởng Đức: việc cấm dùng mọi hàng hoá của Anh và chiến tranh với Anh là nguyên nhân thúc đẩy người Đức xây dựng nền công nghiệp của mình nhưng đồng thời lại dẫn đến sự tăng vọt giá cà-phê, đường, thuốc lá hút và thuốc lá hít; và đương nhiên điều đó đủ để gây ra sự căm phẫn của các ông chủ hiệu buôn Đức yêu nước. Hơn nữa, đây không phải là những người hiểu được những kế hoạch vĩ đại của Na-pô-lê-ông. Họ nguyền rủa Na-pô-lê-ông đã ném con em của họ vào các cuộc chiến tranh tiến hành bằng tiền tài của bọn quý tộc và tư sản Anh; họ ca tụng các lớp người Anh đó như thể bạn bè của họ, nhưng chính chúng lại là thủ phạm thật sự của các cuộc chiến tranh ấy, chúng *làm giàu* trong những cuộc chiến tranh ấy và không những trong chiến tranh mà cả sau chiến tranh nữa; chúng đã lừa gạt người Đức, coi họ chỉ là những công cụ nằm trong tay chúng. Họ nguyền rủa Na-pô-lê-ông vì họ muốn tiếp tục sống qua ngày đoạn tháng, bảo vệ lối sống cũ đáng thương của mình, chỉ quan tâm đến lợi ích nhỏ nhặt của mình, vì họ không muốn biết gì đến những tư tưởng vĩ đại và lợi ích chung. Và sau hết, khi quân đội của Na-pô-lê-ông bị đánh tan ở Nga thì họ thừa cơ cởi bỏ chiếc xích sắt của người chinh phục vĩ đại.

"Chiến tranh giải phóng vinh quang" những năm 1813 - 1814 và 1815 được gọi là "thời kỳ vinh quang nhất trong lịch sử nước Đức" v.v., là một biểu hiện của sự điên rồ mà mãi về sau mỗi người Đức ngay thẳng và có lý trí đều cảm thấy ngượng ngùng[151]. Quả thật bây giờ đã biểu hiện nhiệt tình sôi nổi, nhưng ai biểu hiện nhiệt tình ấy? một là nông dân - bộ phận dốt nát nhất trong dân cư, - họ khư khư ôm lấy những thành kiến phong kiến và nổi dậy hàng loạt, thà chết chứ không chịu phản bội lại những kẻ mà bản thân họ, ông cha họ gọi là ông lớn của họ; không chịu phản bội lại những kẻ đã cai quản họ, chà đạp và đánh đập họ. Hai là
sinh viên và thanh niên nói chung, họ cho rằng chiến tranh này là chiến tranh cho các nguyên tắc, ngoài ra còn là chiến tranh tôn giáo vì tin rằng sứ mệnh của họ là chiến đấu không ngừng cho nguyên tắc của chủ nghĩa chính thống mà họ gọi là tính dân tộc, mà còn cho tam vị nhất

https://thuviensach.vn

thể thần thánh và sự tồn tại của thượng đế; trong tất cả các bài thơ, các bài văn đả kích và các lời kêu gọi thời bấy giờ, người Pháp được mô tả là những đại biểu của chủ nghĩa vô thần, của sự không tín ngưỡng và thiếu đạo đức, còn người Đức được mô tả là những người có tri thức hơn, họ lẫn lộn một số khái niệm về "tự do", "hiến pháp" và "tự do xuất bản" với những tư tưởng ấy, nhưng số này rất ít. Sau hết, bốn là con cái của các chủ xí nghiệp, nhà buôn, bọn đầu cơ, v.v., họ đấu tranh cho quyền mua hàng hoá ở thị trường rẻ nhất và để được uống cà - phê không pha cải cúc; đương nhiên, họ đã che dấu mục đích của mình bằng một loại danh từ biểu lộ nhiệt tình hợp thời như "tự do" "nhân dân Đức vĩ đại", "độc lập dân tộc" v.v.. Chính những người này được sự giúp đỡ của người Nga, người Anh và người Tây Ban Nha đã đánh bại Na-pô-lê-ông.

Trong thư sau, tôi sẽ nói về lịch sử nước Đức từ khi Na-pô-lê-ông sụp đổ. Tôi chỉ xin bổ sung vào sự đánh giá đã được trình bày ở đây về nhân vật phi phàm ấy, một điểm là nhân vật ấy thống trị càng lâu thì càng đáng nhận lấy số phận cuối cùng của mình. Tôi không có ý định chê trách ông ta là việc ông ta lên ngôi hoàng đế. Trong tình hình giai cấp tư sản đã xác lập được quyền thống trị ở Pháp nhưng chưa bao giờ quan tâm đến lợi ích chung miễn là việc riêng tiến hành thuận lợi, còn nhân dân vì không nhìn thấy lợi ích lâu dài trong cách mạng, chỉ có khiếu về nhiệt tình chiến tranh nên tỏ thái độ thờ ơ, trong tình hình đó thì không có lối thoát nào khác. Nhưng lấy con gái của hoàng đế Áo, Na-pô-lê-ông đã liên minh với một vương triều cũ phản cách mạng; đáng lẽ phải tiêu diệt mọi dấu vết của châu Âu cũ thì trái lại ông ta ra sức thoả hiệp với nó, cố giành lấy cái vinh dự đứng đầu các vị đế
vương châu Âu, do đó đã đem hết khả năng làm cho triều đình của mình giống như triều đình của họ, đấy là sai lầm lớn nhất của ông ta. Ông ta hạ mình xuống ngang trình độ của các đế vương khác - ông ta cố giành được vinh dự ngang như họ, quỳ gối trước những nguyên tắc của chủ nghĩa chính thống - do đó hoàn toàn tự nhiên là các đế vương chính thống đã đuổi kẻ cướp ngôi ra khỏi tập đoàn của họ.

Xin gửi ngài thân mến lời chào kính trọng,

15 tháng Mười 1845 *Phóng viên Đức của ngài*

Do Ph. Ăng-ghen viết

Đã đăng trên tờ "The Northern Star" số 415, ngày 25 tháng Mười 1845

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

BỨC THƯ THỨ HAI

Gửi chủ bút "NORTHERN STAR"

Thưa ngài thân mến!

Trong bức thư thứ nhất, tôi đã mô tả tình hình nước Đức trước và trong thời kỳ cách mạng Pháp cũng như trong thời kỳ thống trị của Na-pô-lê-ông và nêu rõ người chinh phục vĩ đại bị đánh đổ như thế nào và bị những đối thủ nào đánh đổ; hôm nay tôi tiếp tục trình bày tình hình nước Đức đã thay đổi như thế nào sau cuộc "phục hưng vinh quang" đó của nền độc lập dân tộc.

Cách nhìn của tôi đối với tất cả những sự kiện ấy hoàn toàn trái ngược với ý kiến chung của mọi người. Nhưng cách nhìn ấy đã được những sự kiện của thời kỳ sau trong lịch sử nước Đức chứng thực một cách chính xác. Nếu chiến tranh chống Na-pô-lê-ông quả thực là chiến tranh vì tự do chống chế độ chuyên chế thì nó đã phải đưa đến chỗ tất cả các nước đã bị Na-pô-lê-ông chinh phục đều tuyên bố nguyên tắc bình đẳng và đều được hưởng hạnh phúc của bình đẳng sau khi Na-pô-lê-ông bị đánh đổ. Nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Về phía nước Anh, chiến tranh là do bọn quý tộc hoảng hốt gây ra được sự ủng hộ của bọn tài phiệt đã tìm được nguồn lợi nhuận không bao giờ cạn trong những đợt cho vay liên tục và trong việc tăng quốc trái cũng như trong khả năng xâm nhập thị trường Nam Mỹ để bán tháo hàng công nghiệp của mình và cướp đoạt những thuộc địa của Pháp, Tây Ban Nha và Hà Lan mà chúng cho rằng có thể nhét chặt thêm túi tiền của chúng; chúng gắng sức xác lập nền thống trị không hạn chế của
Anh trên biển[185]1* để có khả năng đánh đổ nền thương nghiệp của bất cứ nước nào mà sự cạnh tranh có thể là trở ngại cho việc làm giàu của chúng; sau hết chúng ra sức bảo vệ quyền lợi của mình về những khoản lợi nhuận kếch sù thu được trong việc cung cấp cho thị trường châu Âu chọi lại hệ thống lục địa của Na-pô-lê-ông. Nguyên nhân *thực sự* của cuộc chiến tranh lâu dài ấy mà các giai cấp cầm quyền ở Anh thời bấy giờ đã tiến hành là như vậy. Còn như cái cớ cho rằng cách mạng Pháp đe dọa những nguyên tắc cơ bản của hiến pháp Anh thì chẳng qua chỉ là nói lên tính hơn hẳn không gì so sánh nổi của "sự sáng tạo hoàn thiện của lý tính loài người" ấy mà thôi. Về phía Tây Ban Nha, chiến tranh được phát động để bảo vệ những nguyên tắc của sự nối ngôi chính thống và của chế độ chuyên chế của toà án tôn giáo

https://thuviensach.vn

của giới thày tu. Những nguyên tắc của Hiến pháp 1812 đã được đưa ra chậm hơn để cổ vũ nhân dân tiếp tục đấu tranh, nhưng *bản thân những nguyên tắc ấy* lại sản sinh ra ở Pháp, I-ta-li-a không bao giờ là kẻ thù của Na-pô-lê-ông vì ông ta chỉ đem lại lợi ích cho nó và nó đã cảm ơn ông ta về việc nó có thể tồn tại với tư cách một quốc gia. Ở Ba Lan tình hình cũng như vậy. Về chỗ Đức phải cảm tại Na-pô-lê-ông thì tôi đã nói trong bức thư thứ nhất.

Tất cả các cường quốc thắng trận đều coi sự sụp đổ của Na-pô-lê-ông là *sự diệt vong của cách mạng Pháp* và sự thắng lợi của những nguyên tắc của chủ nghĩa chính thống. Kết quả của tình trạng này dĩ nhiên là sự khôi phục những nguyên tắc ấy ở đất nước mình, ban đầu còn che đậy dưới những câu xúc động lòng người như "Liên minh thần thánh", "hoà bình vĩnh cửu", "phúc lợi chung", "sự tín nhiệm lẫn nhau giữa đức vua và bề tôi", v.v.
và v.v., nhưng sau đó thì không còn che đậy nữa mà là dựa vào lưỡi lê và nhà tù. Sự bất lực của kẻ chinh phục đã thể hiện đầy đủ ngay cả ở sự việc là dân tộc Pháp - một dân tộc cuối cùng đã thua trận sống dưới một vương triều đáng căm ghét mà người ta đã gán cho nó, một vương triều dựa vào 15 vạn lưỡi lê ngoại bang - vẫn làm cho những kẻ thù chiến thắng phải run sợ đến nỗi phải để cho họ hưởng một hiến pháp khá tự do; trong khi đó các nước khác, với tất cả mọi cố gắng của mình và những câu huênh hoang về tự do, chẳng được hưởng gì ngoài những danh từ đẹp đẽ và theo sau là những viên đạn chì. Sự đàn áp cuộc cách mạng Pháp đã được đánh dấu bằng cuộc tàn sát những người cộng hoà ở miền Nam nước Pháp, bằng việc thiêu sống người của toà án tôn giáo và việc phục hồi chế độ chuyên chế ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a, bằng luật đóng cửa khẩu và sự kiện "Pi-téc-lô" ở Anh. Bây giờ chúng ta thấy nước Đức cũng đi theo con đường ấy.

Trong tất cả các nước ở Đức, vua Phổ là người đầu tiên tuyên chiến với Na-pô-lê-ông. Nước Phổ bấy giờ ở dưới sự thống trị của Phri-đrích Vin-hem III, biệt hiệu là "Đức vua chính trực", là một trong những tên đại ngốc cho tới nay vẫn là đồ trang trí cho các ngôi vua. Bẩm sinh ra hắn chỉ đáng làm một tên cai đi kiểm tra cúc áo của binh sĩ xem có chỉnh tề không; hắn là một tên dâm đãng tàn nhẫn nhưng đồng thời lại hay tuyên truyền đạo đức, hắn chẳng biết dùng cách nói nào khác ngoài cách nói không rõ ràng dứt khoát, còn về nghệ thuật viết mệnh lệnh thì chỉ có con trai hắn mới trội hơn, hắn chỉ biết có hai cảm giác là sợ hãi và kiêu căng kiểu thầy cai. Trong nửa đầu thời kỳ thống trị của hắn, tình cảm chính của hắn là sợ hãi Na-pô-lê-ông, người đã tỏ thái độ hào hiệp khinh miệt hắn và đã trả lại cho hắn một nửa vương quốc vì cho rằng không cần khống chế nước này. Do sự sợ hãi ấy, nhà vua đã giao quyền cho một số nhà cải cách nửa vời như Héc-đen-béc, Stai-nơ, Suên, Sác-nơ-hoóc-xtơ, v.v., thay mình trị vì đất nước, những nhà cải cách này đã đặt cơ sở cho một tổ chức
thị chính tự do hơn, xoá bỏ chế độ nông nô, thay lao dịch phong kiến bằng địa tô hoặc bằng một khoản nợ cố định thanh toán trong 25 năm; nhưng chủ yếu là họ đã đặt cơ sở cho một tổ chức quân sự sẽ đem lại cho nhân dân một lực lượng to lớn và sớm muộn sẽ được dùng để chống chính phủ. Một hiến pháp "đã được biên soạn" nhưng cho tới nay vẫn chưa ra mắt.

https://thuviensach.vn

Dưới đây chúng ta sẽ thấy sau sự thất bại của cách mạng Pháp, tình hình Phổ sẽ diễn ra theo con đường nào.

Cuối cùng, khi con "quái vật đảo Coóc-xơ" đã bị nhốt chặt thì các vị độc tài lớn bé liền mở một cuộc đại hội ở Viên để phân chia những của cải cướp được cùng với tiền thưởng và xét xem tình trạng trước cách mạng có thể khôi phục đến mức độ nào. Các dân tộc đã bị mua vào và bán ra, chia cắt và sáp nhập, miễn sao phù hợp nhiều nhất với lợi ích và nguyện vọng của bọn thống trị thuộc các dân tộc đó. Chỉ có ba trong số các nước tham dự đại hội là biết rõ chúng muốn gì. Anh muốn duy trì và mở rộng ưu thế của mình trong thương nghiệp, chiếm lấy phần lớn nhất của số bóc lột được ở thuộc địa và làm suy yếu các nước khác. Pháp muốn giảm nhẹ tới mức thấp nhất nỗi bất hạnh của mình và làm suy yếu các nước khác. Nga muốn tăng cường thực lực của mình, mở rộng lãnh thổ của mình và làm suy yếu các nước khác. Tất cả các nước còn lại thì đã xuất phát từ những lý do tình cảm, từ tính ích kỷ nhỏ nhen và thậm chí một số lại xuất phát từ một tính không vụ lợi kỳ quặc.

Kết quả là Pháp đã đảo lộn kế hoạch của các nước lớn ở Đức, Nga đã chiếm được phần tốt nhất của Ba Lan, còn Anh thì bằng cách ký hoà ước mở rộng quyền bá chủ của mình trên biển với mức độ lớn hơn là bằng chiến tranh và đã chiếm được ưu thế trên tất cả các thị trường lục địa, - điều đó chẳng có lợi gì cho nhân dân Anh, nhưng là nguồn làm giàu lớn cho giai cấp tư sản Anh. Các nước ở Đức không quan tâm đến cái gì ngoài nguyên tắc chính thống thân yêu, đã lại bị lừa một phen nữa và trong khi ký hoà
ước đã mất hết mọi thứ đạt được trong chiến tranh. Đức vẫn bị chia sẻ thành 38 nước; tình trạng chia sẻ ấy cản trở mọi tiến bộ trong nước, khiến cho Đức yếu hơn Pháp rất nhiều và vẫn giữ địa vị thị trường tốt nhất cho hàng công nghiệp Anh, chỉ có lợi cho việc làm giàu của giai cấp tư sản Anh. Tầng lớp này của nhân dân Anh khoác lác về tính hào hiệp của mình, tuồng như đã phải bỏ ra những số tiền lớn để tiếp tục cuộc chiến tranh chống Na-pô-lê-ông; hay cứ giả định rằng chính giai cấp tư sản,- chứ không phải nhân dân lao động, - đã thực sự bỏ ra khoản tiền viện trợ đó thì tính hào hiệp ấy của nó cũng chỉ nhằm có mỗi một điều là mở lại thị trường lục địa của mình, và điều này đã có lợi cho nó: mức lợi nhuận mà nó thu được từ khi ký hoà ước, chỉ riêng ở nước Đức thôi, ít ra cũng đã gấp 6 lần số viện trợ. Sự hào hiệp ấy của giai cấp tư sản là ban đầu biếu anh một tặng phẩm dưới hình thức viện trợ, rồi sau đó lấy mất của anh nhiều gấp 6 lần dưới hình thức lợi nhuận. Nếu khi kết thúc chiến tranh mà tình hình ngược hẳn lại: nước Anh tràn ngập hàng hoá Đức chứ không phải Đức phải lệ thuộc về công nghiệp vào một số nhỏ nhà tư bản Anh, thì liệu họ có sốt sắng mở túi viện trợ như thế không?

Dù sao thì Đức cũng đã bị người khác đánh lừa, chủ yếu, bởi những người được gọi là bạn và đồng minh của mình. Điều đó không làm tôi đặc biệt phiền lòng vì tôi biết rất rõ rằng chúng tôi sắp sửa cải tổ lại xã hội châu Âu, làm mất khả năng phát sinh một bên là sự cấu kết hèn hạ tương tự và một bên là sự sai lầm ngu xuẩn tương tự. Nhưng tôi muốn chỉ rõ, một là nhân dân Anh cũng như nhân dân bất cứ một nước nào khác cũng đều chẳng được lợi lộc gì

https://thuviensach.vn

trong việc bọn vua chúa chuyên chế Đức bị mắc lừa, mà tất cả cái đó chỉ có lợi hoặc cho bọn vua chúa chuyên chế khác, hoặc cho một giai cấp nào đó mà lợi ích đối lập với lợi ích của nhân dân; hai là ngay những biện pháp đầu tiên của bọn vua chúa chuyên chế Đức trở lại nắm chính quyền đã chứng tỏ sự bất lực hoàn toàn của chúng.

Bây giờ chúng ta chuyển sang tình hình nội bộ nước Đức.

Chúng ta đã biết lực lượng nào đã đàn áp cách mạng Pháp với sự chi viện bằng tiền của Anh và sự dã man của nga. Những lực lượng này có thể chia làm hai nhóm: một là những người sốt sắng ủng hộ xã hội "Cơ Đốc - Đức" cũ, tức nông dân và thanh niên có nhiệt tình bị lòng tin mù quáng vào chế độ nông nô, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa chính thống và tôn giáo xô đẩy; hai là những đại biểu ôn hoà hơn của giai cấp tư sản muốn "sống yên ổn" có thể kiếm chác và phung phí tiền của mà không bị những sự kiện lịch sử vĩ đại đến quấy rầy. Nhóm thứ hai này chỉ cần được sống hoà bình, có quyền mua hàng ở thị trường rẻ nhất, uống cà phê không trộn cải cúc và đứng ngoài mọi vấn đề chính trị sẽ cảm thấy hoàn toàn thoả mãn. Trong khi đó phe "Cơ Đốc - Đức" đã trở thành những kẻ tích cực ủng hộ chính phủ phục tích và làm tất cả mọi việc có thể làm được để kéo lùi lịch sử trở lại năm 1789. Còn như những người muốn nhân dân được hưởng một số thành quả của những cố gắng của mình thì họ chỉ đủ sức biến yêu sách của mình thành lời kêu gọi chiến đấu năm 1813 chứ không thể thành thực tiễn năm 1815. Họ nhận được những lời hứa hẹn đẹp đẽ nhất - ban bố hiến pháp, tự do xuất bản v.v. - nhưng chỉ giới hạn ở đấy thôi. Trên thực tiễn, mọi việc như trước kia. Phần nước Đức đã biến thành của Pháp đang ra sức quét sạch những tàn tích cũ "chế độ chuyên chế nước ngoài", chỉ còn mấy tỉnh ở tả ngạn sông Ranh là còn giữ lại thể chế Pháp mà thôi. Tuyển hầu Hét-xan đã đi xa đến mức khôi phục lại cả *mớ tóc của binh lính của mình* đã bị bàn tay người Pháp vô thần cắt bỏ. Tóm lại, nước Đức cũng như tất cả các nước khác đã là một bức tranh của thế lực phản động công khai mà đặc trưng chỉ là sự do dự và mềm yếu. Nó thậm chí không đạt được trình độ cương quyết thể hiện ở I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Pháp và Anh trong việc chống lại những nguyên tắc cách mạng.

Thủ đoạn lừa gạt mà Đức phải chịu tác hại ở đại hội Viên bây giờ được đem ra sử dụng trong quan hệ giữa các nước ở Đức. Để
làm suy yếu các nước khác ở Đức, Phổ và Áo đã buộc những nước này đưa ra một thứ hiến pháp dở giăng dở đèn làm suy yếu chính phủ mà chẳng đem lại cho nhân dân, thậm chí cho giai cấp tư sản quyền lực gì. Đức đã được hiến pháp quy định là một liên bang các nước mà đại biểu của các nước đó hoàn toàn do chính phủ của chúng cử ra họp thành quốc hội, cho nên có thể không phải lo rằng nhân dân sẽ có lực lượng quá lớn; vì rằng mỗi nước đều bị nghị quyết của quốc hội ràng buộc, những nghị quyết này trở thành luật pháp đối với toàn bộ nước Đức, bất chấp sự đồng ý hay không đồng ý của bất cứ nghị viện nào. Đương nhiên là Phổ và Áo hoàn toàn khống chế quốc hội đó: họ chỉ cần doạ các vương hầu nước nhỏ rằng họ sẽ không ủng hộ bọn này trong cuộc đấu tranh chống lại nghị viện của mình để bọn này sợ hãi đến mức bảo sao nghe vậy. Như thế là, do thế lực áp đảo của mình, do họ là đại biểu chân

https://thuviensach.vn

chính cho các nguyên tắc mà quyền lực của các vương hầu ở Đức dựa vào nên họ đã trở thành những kẻ thống trị tuyệt đối của nước Đức. Dù ở các nước nhỏ có xảy ra việc gì thì cũng chẳng có ý nghĩa thực tiễn nào. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản tự do Đức chẳng đạt được thành quả gì chừng nào nó còn bó hẹp trong mấy nước nhỏ ở miền Nam; nó chỉ có tác dụng khi nào giai cấp tư sản Phổ thức tỉnh khỏi cơn mê ngủ. Vì nhân dân Áo chưa được liệt vào thế giới văn minh và, phù hợp với điều đó, ngoan ngoãn phục tùng nền độc tài kiểu gia trưởng của bọn thống trị, nên nước có thể được coi như trung tâm lịch sử hiện đại của Đức, như chiếc phong vũ biểu cho sự biến đổi dư luận xã hội của Đức là Phổ.

Sau khi Na-pô-lê-ông sụp đổ, vua Phổ đã sống được mấy năm hạnh phúc nhất đời mình. Thật thế, hắn bị lừa gạt từ khắp mọi phía. Anh lừa gạt hắn, Pháp lừa gạt hắn, các bạn bè thân thích của chính hắn là hoàng đế Áo và hoàng đế Nga cũng nhiều lần lừa gạt hắn. Nhưng vì chan chứa nhiệt tình. Hắn thậm chí không
phát hiện ra điều đó; hắn không hề nghĩ rằng trên thế giới lại có những kẻ vô lại dám lừa gạt cả "đức vua chính trực" Phri-đrích Vin-hem III. Hắn rất phấn khởi: Na-pô-lê-ông đã bị đánh đổ, hắn *chẳng có gì phải sợ nữa*. *Hắn duy trì điều 13 trong điều lệ của Liên bang Đức cho phép các nước ở Đức định ra hiến pháp*[152]. Hắn còn duy trì một điều nữa là về tự do báo chí. Hơn nữa, ngày 22 tháng Năm 1815, hắn cho ra một đạo dụ bắt đầu bằng mấy chữ sau đây: *"Chế độ đại nghị nhân dân sẽ được thực hiện"*, trong đó sự khoái trí tự mãn của y đã kết hợp tài tình với tính kiêu căng kiểu thày cai. Ít lâu sau, hắn bổ nhiệm một tiểu ban để dự thảo hiến pháp cho nhân dân mình. Thậm chí năm 1819, khi những triệu chứng cách mạng đã xuất hiện ở Phổ, khi không khí phản động bao trùm khắp châu Âu và thành quả tốt đẹp của hội nghị Viên đang ở vào thời kỳ toàn thịnh, - thậm chí lúc đó hắn có tuyên bố rằng từ nay trở đi sẽ không vay một thứ quốc trái nào nếu không được sự đồng ý của nghị viện vương quốc sắp thành lập.

Tiếc thay! Thời kỳ hạnh phúc ấy không dài. Trong đầu óc của quốc vương, sự sợ hãi đối với Na-pô-lê-ông đã được thay thế rất nhanh bằng *sự sợ hãi đối với cách mạng*. Nhưng thư sau sẽ nói về điểm này.

Tôi còn phải bổ sung thêm đôi lời. Mỗi khi tại các cuộc hội họp dân chủ ở Anh người ta thông qua lời chào mừng gửi "các nhà yêu nước ở tất cả các nước" thì cần phải tin chắc rằng trong đó có tên An-đrê-át Hốp-phơ. Nhưng dưới ánh sáng của tất cả những điều trình bày về kẻ thù của Na-pô-lê-ông ở Đức thì tên tuổi của Hốp-phơ có đáng được sự kính chào của những người dân chủ không? Hốp-phơ là một nông dân bảo thủ, ngu muội, cuồng tín, nhiệt tình của y là nhiệt tình của bọn Văng-đê, nhiệt tình của "giáo hội và hoàng đế". Y có gan chém giết, nhưng bọn Văng-đê chém giết là để chống lại những người cộng hoà. Còn y chém giết để duy trì nền chuyên chế kiểu gia trưởng của Viên và La Mã.
Hỡi các nhà dân chủ Anh, vì danh dự của nhân dân Đức, xin đừng nhắc đến tên cuồng tín ấy nữa! Nước Đức có những nhà yêu nước ưu tú hơn y. Tại sao không nêu tên tuổi của Tô-mát Muyn-txơ, lãnh tụ lỗi lạc của cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525, một nhà dân chủ chân

https://thuviensach.vn

chính có thể có lúc bấy giờ? Tại sao không ca tụng Ghê-oóc-gô Pho-xtơ,-Tô-mát Pê-ne của nước Đức - khác hẳn với đồng bào của mình, đã ủng hộ cách mạng Pháp đến cùng ở Pa-ri và đã hy sinh trên đoạn đầu đài? Tại sao không ca tụng biết bao nhiêu người khác đã chiến đấu cho cái gì hiện thực chứ không phải cho ảo tưởng?

Xin gửi ngài thân mến lời chào kính trọng,

Phóng viên Đức của ngài

Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối tháng Mười 1845

Đã đăng trên tờ "The Northern Star" số 417, ngày 8 tháng Mười một 1845

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

BỨC THƯ THỨ BA

Gửi chủ bút "NORTHERN STAR"

Thưa ngài thân mến!

Tôi phải xin ngài và bạn đọc của ngài về sự sơ suất của tôi ở chỗ gián đoạn trong một thời gian dài không viết cho quý báo một loạt bài về tình hình nước Đức mà tôi đã bắt đầu. Nhưng ngài có thể tin rằng chỉ vì phải hoàn toàn dành một vài tuần lễ để nghiên cứu phong trào ở Đức mà tôi đã phải gác lại cái nhiệm vụ hứng thú mà tôi đã đảm nhiệm là giới thiệu tình hình của tổ quốc tôi với những người dân chủ Anh.

Bạn đọc của ngài chắc chắn còn nhớ những điều tôi đã viết trong bức thư thứ nhất và thứ hai. Trong những bức thư ấy, tôi đã nói đến chế độ cũ kỹ, ruỗng nát của người Đức đã bị quân đội Pháp tiêu diệt như thế nào giữa những năm 1792 và 1813; Na-pô-lê-ông đã bị liên minh giữa *bọn phong kiến* tức bọn quý tộc và *bọn tư sản* tức giai cấp trung đẳng công thương nghiệp châu Âu đánh đổ như thế nào; các hầu tước Đức đã bị các đồng minh của mình, thậm chí bị nước Pháp bại trận, lừa gạt như thế nào trong cuộc đàm phán hoà bình sau đó; điều lệ Liên bang Đức được đặt ra như thế nào và chế độ chính trị hiện nay ở Đức được xác lập như thế nào; Phổ và Áo, bằng cách thúc đẩy các nước nhỏ định ra hiến pháp, đã trở thành chúa tể tối cao của nước Đức như thế nào. Gạt Áo ra một bên, coi đó là nước nửa dã man,
chúng ta sẽ đi đến kết luận là chính Phổ sẽ trở thành chiến trường quyết định số phận tương lai của Đức.

Trong thư trước, chúng tôi đã nêu rõ vua Phổ Phri-đrích Vin-hem III thoát khỏi cơn sợ hãi Na-pô-lê-ông, qua mấy năm sống hạnh phúc, yên ổn, lại gặp một con ma mới là "cách mạng". Bây giờ chúng ta hãy xem "cách mạng" đã tiến vào nước Đức như thế nào.

Sau sự sụp đổ của Na-pô-lê-ông, sự kiện mà bọn vua chúa và quý tộc đương thời, tôi xin nhắc lại, hoàn toàn coi là sự thất bại của cách mạng Pháp hoặc đơn giản hơn là của cách mạng, như chúng đã nói, - sau năm 1815, ở tất cả các nước, phe phản cách mạng đã nắm chính quyền. Bọn quý tộc phong kiến đã giữ quyền hành trong tất cả các nội các từ Luân Đôn đến Na-plơ, từ Li-xbon đến Xanh Pê-téc-bua. Nhưng giai cấp tư sản đã chi phí cho toàn bộ việc đó cũng muốn được phần quyền lực của mình. Các chính phủ phục tính tuyệt nhiên không đặt lợi ích của giai cấp tư sản lên hàng đầu. Trái lại, ở khắp nơi chúng đều coi nhẹ lợi ích của giai cấp tư sản, thậm chí công nhiên không thèm đếm xỉa đến. Việc thông qua đạo

https://thuviensach.vn

luật ngũ cốc ở Anh năm 1815 là một ví dụ rõ ràng nhất về những hiện tượng thường thấy khắp nơi ở châu Âu. Nhưng khi đó giai cấp tư sản lại mạnh hơn bao giờ hết. Khi đó thương nghiệp và công nghiệp đã mở rộng đến mọi nơi và làm phồng túi bọn tư sản giàu có; sự tăng thêm phúc lợi của giai cấp tư sản biểu hiện ở hoạt động đầu cơ càng phát triển, ở nhu cầu ngày một tăng về các thứ tiện nghi và hàng xa xỉ. Giai cấp tư sản không thể âm thầm chịu đựng hơn nữa sự thống trị của một giai cấp mà sự suy tàn đã được chuẩn bị hàng thế kỷ, mà lợi ích đối lập với lợi ích của nó, mà chính quyền do giai cấp tạm nắm giữ lại cho chính tay nó dựng lên. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và quý tộc là không tránh khỏi; nó hầu như bắt đầu ngay sau khi ký hoà ước.

Giai cấp tư sản mà lực lượng hoàn toàn do tiền quyết định, không thể tiếp nhận một chính quyền nào khác hơn cái chính quyền làm cho tiền trở thành tiêu chuẩn duy nhất của khả năng hoạt động lập pháp của con người. Mọi đặc quyền phong kiến, mọi quyền lũng đoạn chính trị đã trải qua nhiều thế kỷ phải họp lại thành một đặc quyền và quyền lũng đoạn to lớn của tiền. Đấy chính là nguyên nhân khiến cho quyền thống trị chính trị của giai cấp tư sản mang cái vỏ *tự do chủ nghĩa*. Giai cấp tư sản xoá bỏ mọi sự khác nhau cũ giữa các đẳng cấp hiện tồn tại trong nước, mọi đặc quyền và quyền ưu tiên dựa trên sự chuyên quyền; nó buộc phải đưa nguyên tắc bầu cử làm cơ sở của quyền thống trị tức là thừa nhận trên nguyên tắc quyền bình đẳng, buộc phải giải thoát báo chí khỏi sự ràng buộc của chế độ kiểm duyệt quân chủ, thực hiện chế độ bồi thẩm để tự giải thoát khỏi sự ràng buộc của tầng lớp quan toà đặc biệt đang hình thành một quốc gia trong một quốc gia. Chừng nào còn nói về những cái đó thì những người tư sản dường như là những người dân chủ chân chính. Nhưng giai cấp tư sản thực hiện tất cả những việc cải lương đó chỉ là nhằm đem đặc quyền của *tiền* thay thế cho tất cả những đặc quyền cá nhân và đặc quyền cha truyền con nối đã tồn tại trước kia. Như vậy, bằng việc thi hành điều kiện tối thiểu về tài sản đối với quyền bầu cử và ứng cử, nó đã biến nguyên tắc tuyển cử thành của riêng của giai cấp mình. Nguyên tắc bình đẳng lại bị xoá bỏ sau khi bị bó hẹp thành "bình đẳng trước pháp luật", có nghĩa là bình đẳng trên cơ sở bất bình đẳng giữa người giàu và người nghèo, bình đẳng trong điều kiện của bất bình đẳng chủ yếu hiện nay, tóm lại, có nghĩa giản đơn gọi *bất bình đẳng* là bình đẳng. Như vậy, tự do xuất bản cũng chỉ là đặc quyền của giai cấp tư sản vì xuất bản thì cần phải *có tiền* và người mua xuất bản phẩm cũng phải có tiền. Như vậy, chế độ bồi thẩm trở thành đặc quyền của giai cấp tư sản vì bằng những biện pháp thích đáng chỉ có những người "đáng kính trọng" mới được cử làm bồi thẩm.

Tôi thấy cần trình bày đôi chút về vấn đề thống trị của giai cấp tư sản để làm sáng tỏ hai sự việc sau đây. Một là ở tất cả các nước, trong khoảng từ 1815 đến 1830, phong trào về thực chất mang tính chất dân chủ của giai cấp công nhân đều ít nhiều thuộc vào phong trào tự do của giai cấp tư sản. Tuy tiên tiến hơn giai cấp tư sản, nhưng công nhân còn chưa có thể nhìn thấy sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa dân chủ, giữa sự giải phóng giai cấp tư sản và sự giải phóng giai cấp công nhân; họ chưa có thể phân rõ giới hạn giữa tự do của *tiền* và tự do của *con người* chừng nào đồng tiền chưa được giải phóng về chính trị,

https://thuviensach.vn

chừng nào giai cấp tư sản chưa trở thành giai cấp thống trị duy nhất. Bởi vậy, trong ngày Pi-téc-lô, những người dân chủ dự định nộp đơn thỉnh cầu không những chỉ đòi quyền phổ thông đầu phiếu mà còn đòi huỷ bỏ đạo luật ngũ cốc; bởi vậy những người vô sản chiến đấu năm 1830 ở Pa-ri và chuẩn bị tham gia chiến đấu năm 1831 ở Anh và vì lợi ích chính trị của giai cấp tư sản. Từ 1815 đến 1830, ở tất cả các nước, giai cấp tư sản đều là bộ phận hợp thành mạnh nhất trong phe cách mạng và do đó đã lãnh đạo cách mạng. Chừng nào *bản thân* giai cấp tư sản còn *cách mạng* hoặc tiến bộ thì giai cấp công nhân không tránh khỏi làm công cụ trong tay giai cấp đó. Bởi vậy trong tình hình ấy phong trào riêng của giai cấp công nhân bao giờ cũng chỉ có tác dụng thứ yếu. Nhưng đến ngày giai cấp tư sản giành được toàn bộ chính quyền, đến ngày mọi việc đặc quyền phong kiến và quý tộc bị quyền lực của *tiền tiêu diệt*, đến ngày giai cấp tư sản *không còn* tiến bộ và cách mạng nữa và bản thân nó không tiến lên được nữa, thì chính ngày ấy phong trào của giai cấp công nhân sẽ dẫn đầu và trở thành *phong trào của toàn dân. Hôm nay đạo luật ngũ cốc bị bãi bỏ thì ngày mai Hiến chương sẽ trở thành vấn đề trọng tâm ở Anh, ngày mai phong trào Hiến chương sẽ biểu hiện sức mạnh, nghị lực, nhiệt tình và tinh thần kiên nhẫn không sờn, bảo đảm cho thắng lợi của nó.*

Sự việc thứ hai mà tôi thấy phải nói đôi điều về sự thống trị của giai cấp tư sản để làm sáng tỏ, chỉ liên quan riêng đến nước Đức. Người Đức, một dân tộc của những nhà lý luận nhưng lại thiếu thực tiễn, đã coi những câu nói giả dối và tầm thường của giai cấp tư sản Anh và Pháp là những chân lý thiêng liêng. Giai cấp tư sản Đức đã thoả mãn ở chỗ có thể yên ổn chăm lo cho công việc riêng của mình không vượt quá cái khuôn khổ kinh doanh nhỏ bé. Ở nơi nào họ có hiến pháp thì họ thổi phồng quyền tự do của mình lên nhưng lại ít quan tâm đến chính sự quốc gia; ở nơi nào họ không có hiến pháp thì họ cũng vui mừng được thoát khỏi sự phiền toái là bầu nghị sĩ và đọc những bài diễn văn của các ông nghị sĩ ấy. Giai cấp công nhân thiếu cái đòn bẩy mạnh mẽ làm thức tỉnh giai cấp công nhân Anh và Pháp khỏi giấc ngủ say, - thiếu một nền công nghiệp phát triển và nền thống trị của giai cấp tư sản dựa trên tiền đề ấy. Bởi vậy công nhân vẫn còn im lặng. Những nơi nào ở Đức có chế độ phong kiến cũ thay thế cho chế độ Pháp hiện đại thì nông dân đều nhận thấy ách áp bức, nhưng sự bất mãn ấy cần được kích thích thêm nữa mới bùng nổ thành sự phản kháng công khai được. Cho nên, từ 1815 đến 1830, phe cách mạng ở Đức chỉ do *các nhà lý luận* họp thành: thành viên của nó được bổ sung ở các trường đại học, nó do một số học sinh đại học tổ chức thành.

Ở Đức không có khả năng phục hồi lại chế độ cũ đã tồn tại tới năm 1789. Sự thay đổi của tình hình buộc chính phủ phải tạo ra một chế độ mới, đặc biệt cho nước Đức, giới quý tộc muốn nắm chính quyền nhưng quá yếu đuối; giai cấp tư sản không có nguyện vọng mà cũng không có lực lượng để nắm chính quyền; nhưng cả hai bên họp lại sẽ đủ sức để buộc chính phủ phải nhượng bộ ít nhiều. Do đó hình thức thống trị trở thành chính thể quân chủ nửa mùa. Ở một số nước, hiến pháp đã cho quý tộc và giai cấp tư sản sự bảo đảm bề ngoài; ở tất cả các nước khác đều tồn

tại một chính phủ *quan liêu* tức là chính thể quân chủ dường như quan tâm đến lợi ích của giai cấp tư sản thông qua một bộ máy hành chính tốt nhưng bộ máy này lại do quý tộc lãnh

https://thuviensach.vn

đạo và hoạt động của nó phải hết sức tránh tai mắt của xã hội. Kết quả là hình thành một giai cấp đặc thù những quan lại hành chính thâu tóm quyền lực lớn trong tay mình và đối lập với tất cả các giai cấp khác. Đấy là hình thức dã man của nền thống trị tư sản.

Nhưng hình thức thống trị ấy không thoả mãn được "giới quý tộc", "những người Đức Cơ Đốc giáo", "những người lãng mạn", "bọn phản động" mà cũng không thoả mãn được cả" phái tự do". Vì vậy họ liên tiếp hợp với nhau chống lại chính phủ và tổ chức ra các hội sinh viên bí mật. Sự liên hợp của hai phái ấy, - vì không thể gọi họ là đảng, - sinh ra phái tự do chủ nghĩa nửa dơi nửa chuột, mà trong các hội bí mật của họ đã mơ tưởng một vị hoàng đế Đức với hoàng bào, vương miện, với vương trượng và các bổ trợ khác của quyền lực, không loại trừ bộ râu dài màu trắng hoặc hung, một vị hoàng đế được nghị viện của các đẳng cấp bao quanh, trong đó mỗi đẳng cấp - thày tu, quý tộc, thị dân và nông dân - đều hội họp riêng. Đấy là một hỗn hợp hoang đường nhất của sự bạo ngược phong kiến với sự bịp bợm tư sản hiện đại mà người ta có thể tưởng tượng ra. Nhưng đối với những học sinh đại học đầy nhiệt tình không thèm đếm xỉa đến giá phải trả và mục đích thì đấy là việc làm thích hợp nhất. Nhưng một bên là cái hỗn hợp đặc biệt tức cười ấy và một bên nữa là cách mạng ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và I-ta-li-a[153] phong trào những người đốt than ở Pháp[154] và phong trào đòi hỏi cải cách ở Anh[155] đã làm bọn vua chúa hoảng sợ suýt mất cả trí khôn. Còn đối với Phri-đrích Vin-hem III thì "cách mạng" - danh từ này dùng để chỉ các phong trào chống đối cục bộ đủ loại - đã trở thành một con quái vật.

Hàng loạt những vụ bắt bớ và những vụ truy nã với quy mô lớn đã đàn áp được cuộc "cách mạng" đó ở Đức; lưỡi lê của Pháp
ở Tây Ban Nha và của Áo ở I-ta-li-a đã nhất thời bảo đảm được cho bọn vua chúa chính thống trở lại ngôi báu và thần quyền. Thậm chí thần quyền của hoàng đế Thổ là treo cổ và phanh thây những thần dân Hy Lạp của mình cũng tạm thời được Liên minh thần thánh ủng hộ, nhưng việc làm quá trắng trợn nên người ta đã cho phép người Hy Lạp cởi bỏ ách áp bức của Thổ.

Cuối cùng, ba ngày ở Pa-ri[156] đã báo hiệu trước một cuộc bùng nổ chung của lòng căm phẫn của giai cấp tư sản quý tộc và nhân dân toàn châu Âu. Cách mạng quý tộc ở Ba Lan bị đàn áp; giai cấp tư sản Pháp và Bỉ giành được chính quyền một cách thuận lợi. Giai cấp tư sản Anh cũng đạt được mục đích ấy bằng luật cải cách. Các cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a mang tính chất một phần nhân dân, một phần tư sản, một phần dân tộc, đã bị đàn áp. Còn ở Đức thì vô số các cuộc khởi nghĩa và bạo động đã chứng minh rằng một kỷ nguyên mới trong phong trào nhân dân và tư sản đã đến.

Tính chất mới mẻ và rầm rộ của phong trào tự do ở Đức từ 1830 đến 1834 chứng tỏ rằng bản thân giai cấp tư sản đã bắt tay giải quyết vấn đề. Nhưng vì nước Đức chia ra làm vô số nước nhỏ mà hầu như nước nào cũng có hàng rào thuế quan và thuế suất của mình nên phong trào ấy không được lợi ích chung thống nhất lại. Giai cấp tư sản Đức muốn giành quyền tự do chính trị không phải để làm cho sự nghiệp chung phù hợp với *lợi ích* của mình mà là vì họ

https://thuviensach.vn

cảm thấy nhục nhã về địa vị nô lệ của mình trước người Pháp và người Anh. Phong trào của họ thiếu cái cơ sở thực tế bảo đảm cho sự thắng lợi của chủ nghĩa tự do ở Pháp và ở Anh; họ quan tâm tới vấn đề về mặt lý luận nhiều hơn là về mặt thực tiễn; giai cấp tư sản Đức nhìn chung được coi là không quan tâm đến lợi ích riêng. Về giai cấp tư sản Pháp năm 1830 thì không thể nói như vậy được. Ngay hôm sau cách mạng, Láp-phít-tơ đã nói: "Bây giờ các chủ ngân hàng chúng ta phải cầm quyền", và
cho tới nay họ vẫn đang cầm quyền. Giai cấp tư sản Anh cũng biết rất rõ nó muốn gì khi quy định điều kiện tối thiểu về tài sản là 10 pao xtéc-linh[157]; nhưng nhà tư sản Đức, như chúng ta đã nói, là người thiển cận, chỉ nhiệt liệt sùng bái "tự do xuất bản", "chế độ bồi thẩm", "sự bảo đảm của hiến pháp đối với nhân dân", "quyền lợi của nhân dân", "chế độ đại nghị nhân dân" đồng thời họ coi tất cả những thứ đó không phải là thủ đoạn mà là mục đích; họ coi cái bóng là bản chất thành thử chẳng đạt được kết quả gì. Nhưng phong trào ấy của giai cấp tư sản đã đủ dấy lên mấy chục cuộc cách mạng - trong đó có hai hoặc ba cuộc đạt được ít nhiều thành tựu, - vô số những cuộc hội họp có tính chất quần chúng, nhiều cuộc bàn luận và khoác lác trên báo chí và một mầm mống rất non yếu của phong trào dân chủ trong học sinh đại học, công nhân và nông dân.

Ở đây không cần trình bày quá chi tiết cái phong trào rầm rộ nhưng rút cục đã thất bại đó. Hễ nơi nào người ta đã đạt được một thành tựu quan trọng nào đó như tự do xuất bản ở Ba Lan chẳng hạn thì nơi ấy nghị viện Liên bang Đức liền đến can thiệp và buộc phải đình chỉ. Tấn hài kịch ấy đã kết thúc bằng việc diễn lại những cuộc bắt bớ với quy mô lớn năm 1819 và 1823 và bằng liên minh bí mật của tất cả các chư hầu Đức được ký kết năm 1834 tại hội nghị đại biểu ở Viên để chống lại sự phát triển hơn nữa của chủ nghĩa tự do Quyết nghị của hội nghị này đã được công bố mấy năm trước[158].

Từ 1834 đến 1843, mọi phong trào xã hội ở Đức đều lắng xuống. Các nhà hoạt động năm 1830 và 1834 đều hoặc ở trong tù, hoặc chạy tan tác sống trốn ở nước ngoài. Những người trong thời kỳ cao trào đã giữ được tính thận trọng vốn có ở giai cấp tư sản, tiếp tục đấu tranh chống lại chế độ kiểm duyệt ngày càng khắt khe và chống lại sự lạnh nhạt và bàng quan ngày càng tăng của giai cấp tư sản. Các thủ lĩnh của phe đối lập trong nghị viện vẫn
tiếp tục diễn thuyết trong nghị viện, nhưng chính phủ đã tìm được cách bảo đảm cho mình có đa số phiếu. Xem ra không có khả năng nào để dấy lên một cao trào mới trong phong trào xã hội ở Đức; chính phủ có thể làm tất cả mọi thứ mà nó xét thấy cần thiết.

Tất cả những phong trào ấy, giai cấp tư sản *Phổ* hầu như *không tham gia gì cả*. Công nhân ở nước này đã bày tỏ sự bất mãn của mình bằng nhiều cuộc nổi dạy nhưng không có mục tiêu rõ ràng nên không đạt được kết quả gì. Sự lạnh nhạt của người Phổ là lực lượng chính của Liên bang Đức. Nó chứng tỏ rằng ở Đức, thời kỳ phát triển toàn diện của phong trào tư sản còn chưa tới.

https://thuviensach.vn

Trong thư sau[186]1* tôi sẽ nói về tình hình phong trào sáu năm gần đây nếu như tôi thu thập được tài liệu cần thiết để diễn đạt cái tâm trạng của các chính phủ Đức dựa trên những ví dụ về một số hành động của họ, mà nếu đem so sánh với những hành động của vị bộ trưởng nội vụ tuyệt vời của nước ngài thì vẫn còn ngây thơ hơn nhiều[159].

Xin gửi ngài thân mến lời chào kính trọng.

Phóng viên Đức của ngài

20 tháng Hai 1846

Do Ph. Ăng-ghen viết

Đã đăng trên tờ "The Northern Star" số 438, ngày 4 tháng Tư 1846

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Anh

https://thuviensach.vn

PH. ĂNG-GHEN

LỜI MỞ ĐẦU VÀ LỜI KẾT THÚC "ĐOẠN TRÍCH PHU-RI-Ê NÓI VỀ THƯƠNG NGHIỆP"[160]

Người Đức dần dần tầm thường hoá phong trào cộng sản. Ở đây, bọn hậu sinh và bọn vô công rồi nghề nhất bao giờ cũng cho rằng chúng có thể che giấu sự lạc hậu của mình bằng cách khinh thường các bậc tiền bối của mình và bàn suông về triết học. Chủ nghĩa cộng sản vừa mới ra đời ở Đức liền bị cả một đạo quân đầu cơ chiếm làm vốn liếng, bọn này tưởng rằng chúng đã sáng tạo ra kỳ tích nếu như chúng dịch những luận điểm đã trở thành tầm thường ở Anh và Pháp thành ngôn ngữ của lô-gích Hê-ghen và giờ đây hiến dâng cho thế giới cái trí tuệ mới ấy coi như một cái gì chưa từng có, như "lý luận Đức chân chính", để sau đó hả hê nhạo báng "thực tiễn tồi tệ" và hệ thống xã hội "buồn cười" của người Pháp và người Anh thiển cận. Thứ lý luận Đức bao giờ cũng hoàn bị ấy may mắn hết sức lại dính đôi chút mùi vị triết học lịch sử của Hê-ghen và được một vị giáo sư khô đét nào đó ở Béc-lin đưa vào phạm trù vĩnh cửu, thứ lý luận ấy có lẽ sau đó đã tham khảo Phoi-ơ-bắc một số bài về phong trào cộng sản Đức và tác phẩm của ông Stai-nơ về chủ nghĩa xã hội Pháp[161] - thứ lý luận Đức hạng bét ấy đã giải thích thoả đáng không chút khó khăn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản Pháp theo quan điểm của ông Stai-nơ, đẩy nó xuống địa vị phụ thuộc, "chinh phục" nó, *"nâng"* nó lên "trình độ phát triển cao hơn" của "lý luận Đức"
bao giờ cũng hoàn bị. Đương nhiên thứ lý luận ấy không hề nghĩ đến việc tìm hiểu chút ít cái đối tượng cần nâng lên trình độ cao hơn, đến việc đọc qua các tác phẩm của Phu-ri-ê, Xanh-Xi-mông, Ô-oen và của những người cộng sản chủ nghĩa Pháp, - đối với nó thì mấy lời trích dẫn nghèo nàn của ông Stai-nơ là hoàn toàn đầy đủ để tuyên bố sự thắng lợi rực rỡ của lý luận Đức đối với những cố gắng đáng thương của những người nước ngoài.

Để chống lại sự kiêu ngạo nực cười của lý luận Đức bất hủ và đương nhiên là hoàn toàn cần thiết chỉ rõ cho người Đức thấy được tất cả những điều mà họ phải cảm tạ người nước

https://thuviensach.vn

ngoài về mặt nghiên cứu các vấn đề xã hội. Trong tất cả những câu khoa trương mà hiện nay các tác phẩm Đức ầm ĩ nâng lên thành nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội chân chính, thuần tuý, có tính chất lý luận, cho tới nay không hề có một tư tưởng nào trưởng thành trên đất Đức. Những điều mà người Pháp hoặc Anh đã nói cách đây 10 năm, 20 năm thậm chí 40 năm, - và nói bằng ngôn ngữ rất chính xác, rất rõ ràng, rất đẹp, - thì người Đức rút cục mãi đến năm ngoái mới ngẫu nhiên biết được đôi điều và đem Hê-ghen hoá, hoặc trong trường hợp tốt nhất cũng chỉ là phát minh một lần nữa sau người khác và công bố dưới một hình thức tồi tệ hơn, trừu tượng hơn, coi như là những phát minh mới toanh. Ở chỗ này, các tác phẩm của tôi không phải là một ngoại lệ. Nếu như người Đức cũng có cái gì riêng của mình thì đó chỉ là hình thức chán ngấy, trừu tượng, khó hiểu, vụng về mà họ dùng để diễn đạt những tư tưởng ấy. Nghiễm nhiên trở thành những nhà lý luận chân chính, họ cho rằng điều đáng chú ý ở người Pháp - đối với người Anh họ hầu như chưa biết gì cả, - ngoài nguyên tắc *chung nhất* ra thì chỉ là những cái tồi tệ nhất và trừu tượng nhất: sự quy hoạch xã hội tương lai, *chế độ xã hội*. Còn mặt tốt nhất là *sự phê phán xã hội hiện tại,* là cơ sở hiện thực về nhiệm vụ chủ yếu của mọi công cuộc nghiên cứu về vấn đề xã hội thì họ thản nhiên vứt bỏ. Khỏi phải nói, về người Đức duy
nhất đã *thực sự* làm được một việc gì đó, về *Vai-tlinh,* thì các nhà lý luận thông minh ấy thường bình luận một cách khinh khi hoặc không thèm nhắc tới.

Tôi muốn giới thiệu với các ngài thông minh ấy một chương không dài lắm của Phu-ri-ê có thể làm gương cho họ. Đúng là Phu-ri-ê không xuất phát từ lý luận của Hê-ghen và do đó - tiếc thay! - không thể nhận thức được chân lý tuyệt đối, thậm chí cả chủ nghĩa xã hội tuyệt đối, đúng là do khuyết điểm trên mà tiếc thay Phu-ri-ê đã đi lạc đường, đáng lẽ đi tới phương pháp tuyệt đối thì lại đi tới phương pháp phân loại và nảy sinh ra những ý nghĩ như nước biển biến thành nước chanh, couronnes boréale và australe[187]1*, sư tử thay đổi thú tính[162] và sự giao phối giữa các hành tinh. Như thế đấy! Nhưng dù sao thì tôi cũng vẫn dễ dàng cùng Phu-ri-ê lạc quan tin vào tất cả những kỳ tích đó hơn là tin vào vương quốc tuyệt đối của tinh thần là nơi hoàn toàn không có nước chanh, hoặc tin vào sự đồng nhất giữa có và không và sự giao phối giữa các phạm trù vĩnh cửu. Những điều vô lý của người Pháp ít ra cũng làm cho người ta thú vị, còn của người Đức thì làm cho người ta âu sầu và nghĩ ngợi. Ngoài ra, Phu-ri-ê còn phê phán quan hệ xã hội hiện tại một cách gay gắt, sinh động và hóm hỉnh đến mức người ta sẵn lòng tha thứ cho ông những ảo tưởng về vũ trụ cũng xây dựng trên một vũ trụ quan thiên tài.

Đoạn văn phát biểu ở đây đã tìm thấy trong di sản văn học của Phu-ri-ê và đã được đăng trong số 1 tạp chí "Phalange"[188]2* do
phái Phu-ri-ê xuất bản vào đầu năm 1845. Tôi đã lược bỏ hệ thống chính diện của Phu-ri-ê và nói chung là phần không gây ra hứng thú, tóm lại, - tôi không muốn bị nguyên văn gò bó, điều đó hoàn toàn cần thiết để cho các tác phẩm của các nhà xã hội chủ nghĩa nước ngoài viết với mục đích nhất định có thể dễ hiểu đối với những bạn đọc không biết gì về mục đích ấy.

https://thuviensach.vn

Đoạn văn này không phải là đoạn thiên tài nhất của Phu-ri-ê, thậm chí cũng không phải là đoạn hay nhất trong những đoạn ông viết về thương nghiệp, - nhưng trừ Vai-tlinh thì chưa có nhà xã hội chủ nghĩa hoặc cộng sản chủ nghĩa Đức nào viết được cái gì có thể so sánh dù chỉ một chút thôi với bản thảo này.

Để bạn đọc Đức khỏi phí công sức vào việc đọc chính ngay tạp chí "Phalange", tôi phải nêu rõ rằng tạp chí này thuần tuý chỉ là trò đầu cơ làm tiền của phái Phu-ri-ê và những bản thảo của Phu-ri-ê đăng trong đó có giá trị rất khác nhau. Các ngài thuộc phái Phu-ri-ê phát hành tạp chí này đã trở thành những nhà lý luận hợm mình giống như người Đức, họ đã dùng những lời thuyết giáo thiêng liêng, trang trọng, không thực tế, tối nghĩa để thay thế cho sự châm biếm mà bậc thày của họ đã dùng để bóc trần thế giới tư sản, do đó họ đã bị chê cười ở Pháp nhưng lại được tôn trọng ở Đức. Thắng lợi tưởng tượng của học thuyết Phu-ri-ê mà họ mô tả trong số 1 tạp chí "Phalange" có thể làm cho các vị giáo sư của phương pháp tuyệt đối sung sướng phát điên lên được.

Tôi mở đầu bài này bằng nhan đề đã được công bố trong cuốn "Học thuyết về bốn vận động". Phần lớn đoạn văn này cũng đã được in trong sách ấy, nhưng ở đây tôi chỉ trích dẫn phần cần thiết nhất[163].

.....

Phu-ri-ê viết như thế ấy. Phần tiếp theo của bài này trong số 2 tạp chí "Phalange" gồm 3 chương về giao dịch chứng khoán, và mua vét đầu cơ (accaparement) và về hiện tượng ăn bám, nhưng
phần lớn mấy chương đó đều đã được in trong "Bốn vận động". Một phần vì nguyên nhân ấy, một phần vì những đoạn trích trên kia đã hoàn toàn đầy đủ cho mục đích của tôi nên tôi kết thúc ở đây.

Hãy để cho các ngài học giả Đức đang sốt sắng lựa gió rẽ sóng và ra sức câu lấy *"những nguyên tắc"* của chủ nghĩa xã hội trong "biển cả" lý luận "mênh mông" không đáy[189]1* noi gương commis marchand[190]2* Phu-ri-ê. Phu-ri-ê không phải là một nhà triết học, ông ghét cay ghét đắng triết học, chế giễu nó đủ điều trong các tác phẩm của mình và đưa ra nhiều lý do mà các "nhà triết học xã hội chủ nghĩa" Đức chúng ta cần lưu ý. Đúng là họ có thể bác bỏ tôi rằng Phu-ri-ê cũng không "kém phần trừu tượng", rằng dựa vào sự phân loại của mình ông đã nghĩ ra thần và thế giới chẳng kém gì Hê-ghen, nhưng điều đó không cứu vãn nổi họ. Sự quái đản, dù sao chăng nữa thì cũng là thiên tài, của Phu-ri-ê cũng không bào chữa được cho cái gọi là cấu tạo nhạt nhẽo của lý luận Đức khô khan. Phu-ri-ê tưởng tượng ra tương lai theo cách nhìn của mình sau khi đã nhận thức đúng đắn quá khứ và hiện tại; lý luận Đức thoạt tiên đã tuỳ tiện thanh toán lịch sử quá khứ rồi sau mới tuỳ tiện gán cho tương lai một phương hướng nào đó. Hãy so sánh chẳng hạn các thời kỳ phát triển của xã hội (thời kỳ mông muội, thời kỳ phụ hệ, thời kỳ dã man, thời kỳ văn minh) và các đặc trưng của những thời kỳ ấy do Phu-ri-ê đưa ra với ý niệm tuyệt đối của Hê-ghen, cái ý niệm phải vất vả lắm mới tự mở ra

https://thuviensach.vn

được con đường qua mớ bòng bong lịch sử và cuối cùng đau đớn lắm mới nặn ra được cái vỏ tam đoạn thức - bất chấp *bốn* đế quốc thế giới; còn những kết cấu sau Hê-ghen thì khỏi phải bàn đến. Bởi vì, nếu như kết cấu của Hê-ghen dù sao cũng còn có một nội dung nào đó, dù là bị bóp méo, thì trong những hệ thống của các nhà phát minh sau Hê-ghen, kết cấu đó chẳng có nội dung nào cả.

Sau hết, đã đến lúc người Đức ngừng khoe khoang về tính thận trọng của mình. Từ những tài liệu vô vị nhất, họ không những có thể tuỳ tiện đưa ra cho ngài một kết luận mà còn có thể gắn liền kết luận ấy với lịch sử thế giới. Dựa vào sự kiện mà lần đầu tiên họ bắt gặp qua tay người thứ ba, sự kiện mà ngay cả bản thân họ cũng không rõ nó diễn ra thế này hay thế khác, họ vẫn có thể chứng minh với ngài rằng nó phải như thế này chứ không thể như thế khác được. Phải chăng ở Đức còn có người viết về vấn đề chủ nghĩa xã hội đã không nói về Phu-ri-ê một câu nào đó thực sự làm mất tín nhiệm đối với tính thận trọng của người Đức hay sao? Trong số những người này có ông Cai-dơ[164] đã nhanh nhảu lợi dụng "Tác phẩm kiệt xuất của L.Stai-nơ" để sáng lập ra một kết cấu có tính chất lịch sử toàn thế giới, nhưng tiếc thay trong đó có một thiếu sót là tất cả những sự thật mà ông dựa vào ấy lại toàn là những điều giả dối. Còn về Phu-ri-ê thì lý luận Đức đã xác định cho ông "địa vị trong sự phát triển của ý niệm tuyệt đối" ít ra là hai chục lần rồi - cái địa vị ấy lại mỗi lần một khác và mỗi lần lý luận Đức về cơ bản lại dựa vào ông Stai-nơ hoặc dựa vào những văn kiện khác cũng không đáng tin cậy lắm. Cho nên "chủ nghĩa xã hội tuyệt đối" của Đức mới thảm hại đến ghê tởm như vậy. Một tí chút về "tình người" - như hiện nay người ta vẫn thường nói, một tí chút về "sự thực hiện" tính người hoặc đúng hơn là tính vật ấy, một tí chút về tài sản kiểu Pru-đông - qua tay người thứ ba hoặc thứ tư, - mấy lời than vãn cho giai cấp vô sản, đôi lời về tổ chức lao động, thành lập mấy đoàn thể đáng thương nhằm cải thiện tình cảnh của giai cấp bên dưới trong dân cư - trên thực tế rất dốt nát về khoa kinh tế chính trị và tình hình
xã hội hiện thực, - toàn bộ cái "chủ nghĩa xã hội" ấy được quy tụ vào mấy điểm trên, nó đã mất nốt giọt máu cuối cùng, mất nốt một chút nghị lực về lực lượng cuối cùng, vì trong lĩnh vực lý luận nó thiếu tính đảng, vì nó mang "sự yên ổn tuyệt đối của tư tưởng". Song người ta lại muốn dùng những lời nói suông ấy để thúc đẩy nước Đức đứng lên làm cách mạng, dẫn dắt giai cấp vô sản hoạt động, khích lệ quần chúng suy nghĩ và hành động!

Nếu như các vị phó giáo sư nửa vời và hoàn toàn là cộng sản chủ nghĩa của nước Đức chúng ta chịu bỏ ra chút ít công sức đọc qua các tác phẩm chính của Phu-ri-ê, mà đối với họ cũng không khó hiểu hơn bất cứ một cuốn sách Đức nào thì họ sẽ tìm được ở đây nguồn tài liệu phong phú để suy đoán và sẽ đạt được những mục đích khác! Họ cũng sẽ tìm thấy ở đấy hàng loạt những tư tưởng mới mà hiện nay vẫn còn mới mẻ đối với nước Đức! Nhưng cho tới nay, những con người tốt bụng vẫn chưa đưa ra được điều chê trách gì đối với xã hội hiện đại, trừ đối với tình cảnh của giai cấp vô sản mà họ có thể nói được cũng không nhiều lắm. Dĩ nhiên tình cảnh của giai cấp vô sản là điều chủ yếu, nhưng chẳng lẽ sự phê phán đối với xã hội hiện đại chỉ bó hẹp ở đấy hay sao? Dựa vào ví dụ về Phu-ri-ê là người hoàn toàn ít đề

https://thuviensach.vn

cập đến điều đó, trừ trong các tác phẩm ở thời kỳ cuối của mình, cũng có thể thấy rõ ràng không có điều đó người ta vẫn có thể thừa nhận xã hội ngày nay là hoàn toàn vô dụng và chỉ bằng cách dựa vào sự phê phán giai cấp tư sản - tức là phê phán mối quan hệ qua lại bên trong nó chứ không đề cập đến mối quan hệ giữa nó với giai cấp vô sản, - cũng có thể đi đến kết luận về tính tất yếu của việc cải tạo xã hội. Cho tới nay, Phu-ri-ê vẫn là người duy nhất đã tiến hành loại phê phán này. Phu-ri-ê bóc trần không kiêng nể sự giả dối của đám người đáng kính trọng, sự mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn của họ, sự trống rỗng trong lối sống của họ, chế giễu cái triết học của họ, cái khát vọng của họ đối với perfection de la perfectibilité perfectibilisante[191]1* và auguste verité[192]2*; Phu-ri-ê chế giễu cái "đạo đức trong sạch" của họ, cái chế độ xã hội rập theo một kiểu của họ và đem đối chiếu chế độ xã hội ấy với thực tiễn của họ, với doux commerce[193]3* mà họ đã phê phán một cách khéo léo, với sự hưởng lạc bừa bãi không đem lại hưởng lạc, với sự thông dâm có tổ chức trong hôn nhân, với sự hỗn loạn phổ biến. Đấy là tất cả các mặt của xã hội hiện đại hoàn toàn chưa được đặt thành vấn đề thảo luận ở Đức. Thực ra cũng có người đã bàn đến tự do luyến ái, địa vị của phụ nữ, sự giải phóng phụ nữ; nhưng đi đến đâu? Đôi ba câu lung tung, mấy vị nữ học giả khô khan, một chút loạn thần kinh và vài lời than phiền về sự loạn luân của người Đức - thật là đầu voi đuôi chuột!

Người Đức trước hết nên tìm hiểu, dù là chút ít thôi, phong trào xã hội ở nước ngoài, thực tiễn và sách báo của phong trào ấy, - toàn bộ lịch sử Anh và Pháp trong tám chục năm qua, công nghiệp Anh và cách mạng Pháp đều là phong trào thực tế,- rồi về mặt thực tiễn và sách báo cũng nên làm nhiều như các láng giềng của mình, và *chỉ sau đó* mới đề cập đến loại vấn đề vô bổ như vấn đề công lao lớn hoặc nhỏ của các dân tộc. Nhưng bây giờ sẽ chẳng tìm đâu ra thính giả cho những cuộc tranh luận nguỵ biện đó.

Còn bấy giờ thì điều tốt nhất đối với người Đức là trước hết hãy tìm hiểu những thành tựu của nước ngoài. Tất cả những sách xuất bản cho tới nay về vấn đề này không trừ một cuốn nào đều *rất tồi*. Những bài trình bầy ngắn gọn đó nhiều lắm cũng chỉ bình luận được một số tác phẩm chứ không thể giới thiệu được chính những tác phẩm ấy. Những tác phẩm đó một phần đã trở thành của hiếm khó kiếm ở Đức, một phần thì quá dày, một phần nữa thì bị pha tạp nhiều tài liệu chỉ có ý nghĩa về lịch sử và văn học và đã không làm cho công chúng Đức năm 1845 thích thú. Để làm cho những tác phẩm mà nội dung có giá trị và còn hoàn toàn mới mẻ đối với người Đức trở thành dễ hiểu thì cần phải chọn lọc và chỉnh lý như người Pháp đã làm đối với tất cả những tài liệu nhận được của nước ngoài, và về mặt này thì họ thực tế hơn chúng ta rất nhiều. Những tác phẩm quan trọng nhất trong sách báo xã hội chủ nghĩa nước ngoài đã qua chỉnh lý như vậy sẽ được xuất bản trong thời gian sắp tới. Một số người cộng sản Đức; trong đó có những nhà hoạt động lỗi lạc nhất của phong trào, có thể dễ dàng viết ra những tác phẩm độc đáo, sẽ tham gia công việc này; có thể hy vọng rằng công việc này sẽ chỉ rõ cho các nhà lý luận thông minh Đức thấy rằng mọi cao kiến của họ đã lỗi thời, rằng ở bên kia

https://thuviensach.vn

sông Ranh và biển Măng-sơ, tất cả những vấn đề ấy từ lâu đã đi đến pro et contra[194]1* rồi. Chỉ sau khi họ đã biết rằng có những việc đã được làm *trước* họ thì họ mới có thể chứng tỏ *bản thân họ* có thể làm được gì.

Bruy-xen

Viết vào cuối năm 1845

Đã đăng lần đầu tiên trong niên giám "Deutsches Burgerbuch" năm 1846

Ký tên: Ph. Ăng-ghen

In theo bản đăng trong niên giám

Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

NGÀY HỘI CỦA CÁC DÂN TỘC Ở LUÂN ĐÔN (NHÂN DỊP KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP NƯỚC CỘNG HOÀ PHÁP 22 THÁNG CHÍN 1792)[165]

"Chúng ta có quan hệ gì với các dân tộc? Chúng ta có quan hệ gì với nước Cộng hoà Pháp? Chẳng phải là chúng ta đã hiểu các dân tộc từ lâu lắm rồi, chẳng phải là chúng ta đã chỉ ra cho mỗi dân tộc địa vị thích đáng, chẳng phải là chúng ta đã phân chia cho người Đức lĩnh vực lý luận, cho người Pháp lĩnh vực chính trị và cho người Anh lĩnh vực xã hội công dân, hay sao? Bỗng dưng lại bầy vẽ chuyện nước Cộng hoà Pháp! Tại sao lại phải chúc mừng

https://thuviensach.vn

một giai đoạn phát triển đã bị vượt qua từ lâu rồi, một giai đoạn mà hậu quả của chính nó đã bị thủ tiêu? Nếu như anh muốn báo tin cho chúng tôi về cái gì đó ở Anh thì tốt hơn hết là hãy nói về giai đoạn mới nhất mà nguyên tắc xã hội chủ nghĩa đã đạt được, hãy nói cho chúng tôi biết phải chăng chủ nghĩa xã hội phiến diện ở Anh chưa nhận thức được rằng nó còn đứng thấp xa cái độ cao của nguyên tắc của chúng tôi và nó chỉ có thể là một *giai đoạn* và chỉ là một giai đoạn đã bị vượt qua trong sự phát triển!"

Hỡi nước Đức thân yêu, hãy bình tĩnh! Dù là dân tộc nào hay nước Cộng hoà Pháp đều có quan hệ rất mật thiết với chúng ta.

Sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc mà hiện nay các đảng thật sự vô sản đang đề xướng ở khắp nơi để chống lại chủ nghĩa vị kỷ dân tộc lộ liễu cũ rích cũng như chủ nghĩa thế giới tự tư
tự lợi giả nhân giả nghĩa của mậu dịch tự do, sự kết nghĩa anh em đó còn quý giá hơn nhiều so với tất cả mọi lý luận Đức về "Chủ nghĩa xã hội chân chính".

Sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc dưới ngọn cờ của *nền dân chủ hiện đại* sản sinh ra từ cách mạng Pháp, phát triển thành chủ nghĩa cộng sản Pháp và chủ nghĩa Hiến chương Anh, chứng tỏ rằng quần chúng và đại biểu của họ hiểu rõ nhu cầu của thời đại hơn là các nhà lý luận Đức.

"Nhưng đâu phải bàn về chuyện ấy! Ai bàn về sự kết nghĩa anh em *ấy*, v.v., ai bàn về nền dân chủ *ấy*, v.v.? Chúng tôi đang bàn về sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc, xét theo bản thân nó, về sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc *nói chung*, về nền dân chủ *nói chung*, chỉ đơn thuần về nền dân chủ, về nền dân chủ *với tính cách là nền dân chủ*. Chẳng lẽ các anh đã hoàn toàn quên mất Hê-ghen của mình rồi sao?"

"Chúng tôi không phải là người La Mã, chúng tôi đều hút thuốc lá[166]. Chúng tôi bàn không phải về phong trào phản dân tộc hiện có trên *thế giới* trong *giai đoạn này*, mà chúng tôi bàn về sự thủ tiêu tính dân tộc đang diễn ra trong *đầu óc* chúng tôi nhờ tư duy thuần tuý, nhờ những ảo tưởng không thực tế. Chúng tôi bàn không phải về nền dân chủ *hiện thực* mà cả châu Âu đang hướng vào và là một nền dân chủ hoàn toàn đặc biệt khác với mọi nền dân chủ trước kia; chúng tôi bàn về một nền dân chủ hoàn toàn khác sinh ra từ sự bình quân giữa các nền dân chủ Hy Lạp, La Mã, Mỹ và Pháp, tóm lại là về *khái niệm* dân chủ. Chúng tôi bàn không phải về *những cái* thuộc thế kỷ XIX, xấu xa và tạm thời; chúng tôi bàn về những phạm trù vĩnh cửu và tồn tại "sớm hơn sự hình thành núi non". Tóm lại, chúng tôi bàn không phải về cái mà mọi người đang bàn mà là về cái hoàn toàn khác hẳn.

Nói gọn lại, hiện nay khi mà những người Anh, người Pháp và người Đức tham gia phong trào thực tế chứ không phải lý thuyết
suông, bàn về dân chủ, và sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc thì tuyệt đối không nên chỉ hiểu những từ ấy theo ý nghĩa chính trị thuần tuý. Những khái niệm quái gở như thế chỉ còn thấy ở các nhà lý luận Đức và một số ít người nước ngoài mà chúng ta chưa tính đến. Trên

https://thuviensach.vn

thực tế, những từ ấy hiện nay đã có ý nghĩa xã hội, trong đó đã hoà tan cả ý nghĩa chính trị của chúng. Cuộc cách mạng ấy không còn là cuộc đấu tranh đơn thuần cho hình thức nhà nước này hoặc hình thức nhà nước khác như hiện nay vẫn thường được mô tả ở Đức. Mối liên hệ giữa phần lớn các cuộc khởi nghĩa đương thời với nạn đói, ý nghĩa của việc cung cấp lương thực ở thủ đô và việc phân phối vật tư dự trữ bắt đầu từ 1789, các sắc lệnh về giá cả tối đa, những đạo luật chống bọn đầu cơ tích trữ lương thực; khẩu hiệu chiến đấu của quân đội cách mạng: "Chiến tranh cho cung đình, hoà bình cho nhà tranh", bài hát "Các-ma-nhôn-lơ"[167] mà qua đó người ta thấy những người cộng hoà, ngoài du fer[195]1* và du coeur[196]2* ra cũng cần có cả du pain[197]3* nữa, và hàng trăm sự thực rõ ràng khác đều chứng minh thậm chí không có sự nghiên cứu vấn đề sâu sắc, rằng nền dân chủ đương thời xuất hiện hoàn toàn khác hẳn với tổ chức chính trị đơn thuần. Ngoài ra, mọi người đều biết rằng Hiến pháp năm 1793[168] và nền thống trị khủng bố đều do chính đảng dựa vào giai cấp vô sản khởi nghĩa tạo ra: rằng cái chết của Rô-be-xpi-e đã nói lên sự chiến thắng của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản; rằng Ba-bớp và những người đồng mưu của ông đã từ trong tư tưởng dân chủ năm 1793 rút ra được kết luận tiến bộ nhất có thể đạt được thời bấy giờ về bình đẳng. Cuộc cách mạng Pháp từ đầu chí cuối là một phong trào xã hội và sau đó, dân chủ chính trị thuần tuý đã trở thành vô nghĩa.

Dân chủ ngày nay là chủ nghĩa cộng sản. Bất cứ thứ dân chủ nào khác đều chỉ có thể tồn tại trong đầu óc của những nhà lý luận uyên bác không cần biết gì đến những sự kiện thực tế và cho rằng không phải con người và hoàn cảnh đã phát triển các nguyên tắc mà chính các nguyên tắc tự nó phát triển. Dân chủ đã trở thành nguyên tắc của giai cấp vô sản, nguyên tắc của quần chúng. Mặc dầu quần chúng không phải bao giờ cũng hiểu được rõ ràng cái ý nghĩa duy nhất chính xác đó của dân chủ nhưng đối với họ, cái khái niệm dân chủ đã bao hàm khát vọng, tuy còn mơ hồ, về bình đẳng xã hội. Đánh giá lực lượng chiến đấu của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta có thể yên trí tính cả quần chúng có tư tưởng dân chủ vào đó. Và khi các đảng vô sản của các dân tộc khác nhau đoàn kết lại thì họ hoàn toàn có quyền viết lên lá cờ của mình chữ "dân chủ" vì rằng, trừ những người dân chủ mà chúng ta chưa tính đến, tất cả những người dân chủ châu Âu năm 1846 đều là người cộng sản ít nhiều giác ngộ.

Người cộng sản tất cả các nước có đầy đủ lý do tham dự lễ mừng nước Cộng hoà Pháp mặc dù nó đã "lỗi thời". Một là, nhân dân tất cả các nước, vì ngu xuẩn mà bị lợi dụng vào việc đàn áp cách mạng, rút cục khi đã hiểu rõ do lòng trung quân ái quốc mà họ đã làm một việc ngu xuẩn như thế nào thì đều công khai xin lỗi người Pháp; hai là, toàn bộ phong trào xã hội châu Âu hiện nay chỉ là màn thứ hai của cách mạng, chỉ là sự chuẩn bị cho việc kết thúc vở kịch đã mở màn ở Pa-ri năm 1789 và hiện nay đã mở rộng sân khấu ra khắp châu Âu; ba là trong thời đại tư sản đầy rẫy khiếp nhược, tự tư tự lợi và keo kiệt của chúng ta, hồi tưởng lại cái năm vĩ đại ấy là hoàn toàn hợp thời, lúc bấy giờ toàn dân đã có một dạo vứt bỏ mọi sự khiếp nhược, mọi tính tự tư tự lợi, mọi sự keo kiệt, lúc bấy giờ họ là những người dám chống lại pháp luật và không lùi bước trước bất cứ cái gì, là những người có nghị lực sắt đá khiến

https://thuviensach.vn

cho từ 31 tháng Năm 1793 đến 26 tháng Bẩy 1794 không một tên nhát gan nào, không một con buôn
nào, không một tên đầu cơ nào, nói tóm lại là không một tên tư sản nào dám ngửng đầu lên. Trong khi mà tên Rốt-sin nào đó nắm vận mệnh của hoà bình ở châu Âu, Quê-klin kêu gào thuế quan bảo hộ, Cốp-đen hò hét mậu dịch tự do, còn Đia-gác hô hào cứu vớt loài người nặng tội bằng các hội cải thiện tình cảnh của các giai cấp lao động thì quả thật cần nhắc tới Ma-rát và Đăng-tông, Xanh-Giuy-xtơ và Ba-bớp, nhắc tới những thắng lợi vẻ vang ở Giê-máp-pơ và Plơ-ruýt[169]. Nếu như ảnh hưởng của thời đại kiên cường ấy và của những nhân vật gang thép ấy còn chưa thể hiện trong thế kỷ tiểu thương của chúng ta thì quả thật loài người sẽ sa vào chỗ tuyệt vọng và giao phó vận mệnh của mình cho bọn Quê-klin, Cốp-đen và Đia-gác toàn quyền chi phối.

Sau hết, sự kết nghĩa anh em giữa các dân tộc ngày nay đã có ý nghĩa xã hội thuần tuý hơn bao giờ hết. Những ảo tưởng về việc thành lập nước Cộng hoà châu Âu, về việc bảo đảm hoà bình vĩnh cửu bằng một tổ chức chính trị thích đáng cũng trở thành buồn cười như những câu nói suông về sự đoàn kết giữa các dân tộc dưới sự bảo trợ của mậu dịch tự do phổ biến; và khi toàn bộ loại ảo tưởng đa sầu đa cảm ấy đã hoàn toàn mất hiệu lực thì giai cấp vô sản tất cả các nước bắt đầu *kết nghĩa anh em thực sự* dưới ngọn cờ dân chủ cộng sản chủ nghĩa, không ồn ào và ầm ĩ. Chỉ có giai cấp vô sản mới thật sự làm được điều đó vì giai cấp tư sản mỗi nước đều có lợi ích đặc thù của mình, và vì đối với giai cấp này thì những lợi ích ấy là cao hơn hết cho nên nó không thể vượt qua được phạm vi dân tộc, còn đôi ba nhà lý luận của nó với tất cả "những nguyên tắc" mỹ miều của họ cũng chẳng làm nên trò trống gì ở đây vì họ không đụng chạm đến tính bất khả xâm phạm của những lợi ích mâu thuẫn nhau đó cũng như toàn bộ chế độ hiện tại nói chung, và chỉ có tài bàn suông mà thôi. Nhưng giai cấp vô sản tất cả các nước đều cùng chung một lợi ích, cùng chung một kẻ thù và cùng đứng trước một cuộc đấu tranh; tất cả những người vô sản vốn dĩ sinh ra đã không mang
thiên kiến dân tộc và toàn bộ sự phát triển về tình hình và hoạt động của họ về thực chất đã mang tính chất nhân đạo và chống lại chủ nghĩa dân tộc. Chỉ có người vô sản mới có khả năng xoá bỏ sự cách biệt giữa các dân tộc, chỉ có giai cấp vô sản giác ngộ mới xây dựng được tình anh em giữa các dân tộc khác nhau.

Những sự thật sau đây sẽ chứng minh cho tất cả những điều tôi vừa nói.

Ngay trong ngày 10 tháng Tám 1845 ở Luân Đôn đã tổ chức long trọng gần như nhau ba buổi lễ kỷ niệm ba sự kiện: Cách mạng 1792, việc ban bố Hiến pháp năm 1793 và việc thành lập "Hội liên hiệp dân chủ" do phái cấp tiến nhất thuộc đảng Anh tham gia phong trào 1838 - 1839 sáng lập ra.

Phái cấp tiến nhất này đương nhiên gồm những người thuộc phong trào Hiến chương, người vô sản, nhưng là những người vô sản nhận thức rõ được mục đích của phong trào Hiến chương và ra sức thúc đẩy thực hiện mục đích ấy. Nếu như phần lớn những người thuộc phái Hiến chương lúc bấy giờ chỉ nghĩ đến việc chuyển chính quyền vào tay giai cấp vô sản và chỉ

https://thuviensach.vn

có một số ít đã nghĩ đến việc sử dụng chính quyền ấy thì các thành viên của Hội liên hiệp, đóng vai trò quan trọng trong cao trào lúc bấy giờ, đều nhất trí trong vấn đề này: trước hết họ đều là những người cộng hoà và chính những người cộng hoà đã tuyên bố rằng Hiến pháp năm 1793 là tượng trưng cho niềm tin của họ, đã cự tuyệt mọi sự liên hợp với giai cấp tư sản, bao gồm cả tiểu tư sản, và trước sau vẫn cho rằng trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ áp bức, người bị áp bức có quyền sử dụng tất cả mọi thủ đoạn mà kẻ áp bức đã sử dụng để chống lại mình. Nhưng họ không dừng lại đó: họ không những là những người cộng hoà mà còn là những người cộng sản, hơn nữa lại là những người cộng sản không tin tôn giáo. Hội liên hiệp đã tan rã khi cao trào cách mạng 1838 - 1839 suy sụp, nhưng hoạt động của nó không phải là vô ích: nó đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng cường tính tích cực của phong trào
Hiến chương, sự phát triển của những nhân tố cộng sản chủ nghĩa trong phong trào này. Ngay trong ngày hội 10 tháng Tám nói trên đã nêu rõ những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa thế giới; ngoài những yêu sách về bình đẳng chính trị còn đưa ra những yêu sách về bình đẳng *xã hội* và mọi người đã nhiệt tình nâng cốc chúc mừng những người dân chủ tất cả nước.

Trước kia ở Luân Đôn đã có những cố gắng đoàn kết phái cấp tiến ở các nước khác nhau; những ý đồ đó đều thất bại, phần lớn là do sự chia rẽ trong nội bộ những người dân chủ Anh và sự không hiểu biết của những người nước ngoài về tình hình đó, một phần nữa là do sự bất đồng về nguyên tắc giữa các lãnh tụ đảng ở các nước. Sự trở ngại cho đoàn kết sinh ra từ sự khác nhau về dân tộc lớn đến mức cả những người nước ngoài đã sống lâu năm ở Luân Đôn tuy có thiện cảm đối với phong trào dân chủ Anh nhưng hầu như vẫn không hiểu gì về phong trào đang diễn ra trước mắt họ và về bộ mặt thật của sự vật; họ lẫn lộn người tư sản cấp tiến với người vô sản cấp tiến và còn toan coi kẻ thù tai tiếng nhất là bạn mà cùng nhau hội họp. Một phần do những nguyên nhân ấy, một phần do không tín nhiệm các dân tộc khác, người Anh cũng mắc sai lầm như thế, một sai lầm có nhiều khả năng mắc phải do chỗ thành công của một cuộc thương lượng như thế tất nhiên quyết định ở sự nhất trí nhiều hay ít của mấy nhân vật đứng đầu các uỷ ban và phần lớn lại không quen biết nhau. Trong những cố gắng trước đây, những nhân vật ấy được bầu ra rất không thoả đáng nên lần nào cũng nhanh chóng rơi vào chỗ bế tắc. Nhưng nhu cầu về sự kết nghĩa anh em ấy đã cảm thấy hết sức cấp bách. Mỗi lần cố gắng bị thất bại đều chỉ đưa đến chỗ những nỗ lực mới. Khi một số nhà lãnh đạo dân chủ ở Luân Đôn mất hứng thú đối với việc này thì những người khác lại thay thế họ; tháng Tám 1845 người ta lại cố gắng đề gần gũi nhau, mà lần này thì không còn kết quả nữa[170] và ngày hội 22 tháng Chín mà những người khác tuyên bố từ lâu đã được lợi dụng để công
khai tuyên cáo sự liên minh của những người dân chủ tất cả các nước sống ở Luân Đôn.

Tham dự cuộc họp này có người Anh, người Pháp, người Đức, người I-ta-li-a, người Tây Ban Nha, người Ba Lan và người Thuỵ Sĩ. Hung-ga-ri và Thổ mỗi nước cũng có một đại biểu. Ba dân tộc lớn của châu Âu văn minh - người Anh, người Đức và người Pháp - giữ vai

https://thuviensach.vn

trò chủ đạo trong hội nghị và xem ra rất được kính trọng. Chủ tịch đương nhiên là một người Anh, thuộc "phái Hiến chương" *Tô-mát Cu-pơ* đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa 1842 và đã ngồi tù gần 2 năm tròn, ở trong tù ông viết một bài anh hùng ca mô phỏng "Sa-in Ha-rôn" được các nhà phê bình văn học Anh đánh giá rất cao[171]. Người phát ngôn chủ yếu của người Anh vào buổi tối là *Giooc-giơ Giuy-li-an Hác-ni*, một biên tập viên của "Northern Star" từ hai năm nay. Báo "Northern Star", cơ quan của phái Hiến chương, do Ô.Cô -no thành lập vào năm 1837; từ khi G.Hốp-xơn và Hác-ni cùng biên tập tờ báo thì nó đã trở thành một trong những tờ báo ưu tú nhất châu Âu trên tất cả mọi phương diện; chỉ có mấy tờ báo nhỏ của công nhân Pa-ri chẳng hạn như tờ "Union"[172] mới có thể so sánh được với nó. Bản thân Hác-ni là một người vô sản chân chính đã tham gia phong trào từ thời trẻ, một trong những thành viên quan trọng của "Hội liên hiệp dân chủ" 1838 - 1839 đã nói trên (ông đã chủ trì ngày hội 10 tháng Tám) và, ngoài Hốp-xơn ra, ông nhất định là nhà văn Anh ưu tú nhất, điều mà hễ có dịp tôi sẽ chứng minh với người Đức. Tuy không hiểu tí gì về lý luận Đức gắn liền với "chủ nghĩa xã hội chân chính", Hác-ni đã hoàn toàn hiểu rõ mục đích của phong trào châu Âu và hoàn toàn đúng à la hauteur des principes[198]1*. Công lao chính trong việc chuẩn bị ngày hội có tính chất chủ nghĩa

thế giới này là thuộc về ông; ông không tiếc sức mình để làm cho các dân tộc gần gũi nhau, để loại bỏ những sự hiểu lầm, để khắc phục những bất đồng cá nhân.

Trong khi nâng cốc, Hác-ni tuyên bố:

Đời đời tưởng nhớ những người cộng hoà Pháp chân chính và anh dũng năm 1792! Chúc cho quyền bình đẳng mà họ đã đạt được, - vì nó mà họ đã sống, phấn đấu và hy sinh. - sớm phục hồi ở Pháp và truyền bá khắp châu Âu".

Được nhiệt liệt hoan hô đến hai ba lần, Hác-ni nói tiếp:

"Trước kia, khi tổ chức một cuộc hội nghị long trọng như hôm nay thì chúng ta không những không tránh khỏi sự khinh rẻ, chế giễu, châm chọc và đàn áp của giai cấp đặc quyền mà còn vấp phải những hành động thô bạo của dân chúng bị lường gạt và ngu muội, - dân chúng bị bọn cha cố và nhà cầm quyền mê hoặc cho rằng cách mạng Pháp là đồ ma quái đáng sợ, hễ nghĩ đến là không khỏi rợn tóc gáy và hễ nói đến là không khỏi chán chường. Chắc các bạn, - ít ra là phần lớn các bạn, - còn nhớ mới gần đây thôi, ở tổ chức chúng tôi, đạo luật tốt thì lập tức có kẻ kêu lên "bọn Gia-cô-banh". Hễ có người đưa ra yêu cầu đòi cải cách nghị viện, giảm thuế, giáo dục quốc dân hoặc bất cứ biện pháp nào khác mang chút ít tính chất tiến bộ thì chúng ta có thể thấy trước rằng "cách mạng Pháp", "nền thống trị khủng bố" và những con quỷ quen uống máu người lập tức được đưa ra để dọa nạt những đứa trẻ lớn đã quá tuổi để râu mà chưa học được cách suy nghĩ độc lập. (Cười và vỗ tay.) Thời kỳ ấy đã qua rồi; nhưng tôi vẫn chưa tin rằng chúng ta đã học hiểu được đúng đắn lịch sử của cuộc cách mạng vĩ đại ấy. Nếu như tôi muốn nhân dịp này nói mấy câu rỗng tuyếch về tự do, bình đẳng và nhân quyền, về liên minh của bọn quân chủ châu Âu và về hành động của Pít và công tước Bra-un-svai-gơ thì cũng chẳng có khó khăn gì; tôi có thể nói tràng giang đại hải về chủ đề ấy và có lẽ được tán dương về cái màu sắc tuồng như đậm nét tự do của bài diễn văn của tôi, nhưng như vậy thì không hề đụng chạm đến vấn đề chân chính. Vấn đề chân chính lớn đặt ra trước cách mạng Pháp là *tiêu diệt sự bất bình đẳng* và xây dựng một chế độ có thể bảo đảm cho nhân dân Pháp cuộc sống hạnh phúc mà cho tới nay đông đảo quần chúng chưa hề được hưởng. Nếu chúng ta kiểm tra các nhà hoạt động cách mạng bằng viên đá thử vàng ấy thì chúng ta dễ đi đến chỗ đánh giá đúng đắn họ. Hãy lấy La-phay-ét làm ví dụ; với tư cách là đại biểu của chủ nghĩa lập hiến, có lẽ ông là người

https://thuviensach.vn

trung thực nhất, ưu tú nhất trong phái ông. Ít có người được lòng dân hơn La-phay-ét. Thời trẻ, ông đã sang Mỹ và tham gia cuộc đấu tranh của Mỹ chống chế

độ bạo tàn của Anh. Sau khi người Mỹ giành được độc lập, ông trở về Pháp và chẳng bao lâu chúng ta đã thấy ông đứng hàng đầu trong cuộc cách mạng đang diễn ra ở tổ quốc ông. Khi ông đã già, chúng ta lại gặp ông là một người được lòng dân nhất nước Pháp, nơi đây, sau "ba ngày" ông đã trở thành một nhà độc tài thực sự, tóm lại, ông có thể phế lập ngôi vua. Có lẽ La-phay-ét là người được lòng dân nhất so với những người cùng thời ông ở châu Âu và châu Mỹ, và cái danh vọng ấy cũng rất xứng đáng nếu như trong những hành động sau này của ông, ông vẫn trung thành với những lời nói cách mạng ban đầu của ông. Nhưng La-phay-ét chưa bao giờ là người bạn của bình đẳng (Tiếng hét: "Chú ý, chú ý!"). Thật vậy, ban đầu ông đã vứt bỏ tước vị của mình, đặc quyền phong kiến của mình - và đó là điều tốt. Đứng đầu đội Cận vệ quốc gia là thần tượng của giai cấp tư sản, thậm chí được thiện cảm của giai cấp công nhân, có một đạo ông đã được coi là một chiến sĩ cách mạng tiên phong. Nhưng ông đã dừng lại khi cần phải tiến lên. Nhân dân nhanh chóng nhận thấy rằng việc phá ngục Ba-xti và thủ tiêu đặc quyền phong kiến, trấn áp bọn vua chúa và quý tộc không đưa đến cái gì khác ngoài *sự tăng cường quyền lực của giai cấp tư sản*. Nhưng nhân dân không thoả mãn ở chỗ đó. (Vỗ tay) Họ đòi hỏi tự do và quyền lợi cho mình; *họ đòi hỏi cái mà hiện nay chúng ta đang đòi hỏi, - quyền bình đẳng thật sự hoàn toàn*. (Vỗ tay nhiệt liệt) Khi La-phay-ét nhận thấy điều đó ông đã trở thành nhà bảo thủ. Ông không còn là nhà cách mạng nữa. Chính ông đã đề nghị phê chuẩn đạo luật thời chiến để hợp pháp hoá việc bắn giết và đánh đập nhân dân trong những trường hợp xẩy ra các vụ lộn xộn, - và điều đó lại tiến hành đúng vào lúc mà nhân dân đang lâm vào nạn đói trầm trọng; dựa vào đạo luật đó, chính La-phay-ét đã ra lệnh bắn giết nhân dân vào ngày 17 tháng Bảy năm 1791, sau khi nhà vua chạy trốn đến Va-ren, khi nhân dân tập hợp tại quảng trường Mác-xơ để đưa đơn thỉnh cầu cho Quốc hội phản đối việc tên quân chủ - phản bội ấy trở lại ngai vàng. Sau đó La-phay-ét đã dám dùng thanh gươm của mình để đe doạ Pa-ri, đe doạ dùng bạo lực đóng cửa câu lạc bộ nhân dân. Sau ngày 10 tháng Tám, ông ta mưu toan đưa binh lính của mình đến Pa-ri nhưng họ là những người yêu nước hơn ông ta nên đã không tuân lệnh, và bấy giờ ông ta đã bỏ chạy và xa rời cách mạng. Dù sao thì La-phay-ét cũng có lẽ là một phần tử ưu tú nhất của phái lập hiến. Nhưng việc nâng cốc của chúng ta chẳng dính líu gì đến ông ta và phái của ông ta cả, vì rằng thậm chí trên danh nghĩa họ cũng không phải là những người cộng hoà. Họ khẳng định một cách giả dối rằng nhân dân có chủ quyền nhưng đồng thời lại chia nhân dân thành những công dân tích cực và công dân tiêu cực và chỉ dành quyền bầu cử cho những người chịu đóng thuế mà họ coi là những công dân tích cực. Tóm lại, La-phay-ét và phái lập hiến chẳng qua chỉ là người thuộc đảng Vích

và chẳng khác bao nhiêu với những người đã lừa bịp chúng ta bằng những dự luật cải cách. (Vỗ tay) Sau họ là Gi-rông-đanh; chính bọn này thường được coi là "những người cộng hoà chân thành và trung thực". Tôi không thể đồng ý cách nhìn ấy. Đương nhiên chúng ta không khỏi tỏ lòng khâm phục tài năng và nghệ thuật hùng biện của họ, được thể hiện nổi bật ở các nhà lãnh đạo của phái đó và được kết hợp với lòng ngay thẳng không thể mua chuộc ở một số người như Rô-lăng, với tinh thần sả thân anh dũng ở một số người khác như bà Rô-lăng, với nhiệt tình nóng bỏng ở một số người thứ ba như Bác-ba-ru. Và chúng ta không thể, - ít ra là tôi không thể, - không xúc động mạnh mẽ khi đọc đến cái chết thê thảm và quá sớm của bà Rô-lăng hoặc nhà triết học Công-đoóc-xê. Nhưng dù sao đi nữa thì phái Gi-rông-đanh cũng không phải là những người mà nhân dân có thể chờ đợi sự giải phóng khỏi ách nô lệ xã hội. Chúng ta không bao giờ hoài nghi là trong họ đã có những người dũng cảm; chúng ta thừa nhận họ trung thành với niềm tin của họ. Có lẽ chúng ta cũng sẵn sàng tin rằng có nhiều người trong bọn họ là ngu dốt hơn là tội lỗi - thực ra đây chỉ là nói những người đã hy sinh; vì nếu như chúng ta nhìn toàn phái ấy qua những thành viên của nó còn sống sót được dưới cái gọi là chế độ khủng bố thì chúng ta phải đi đến kết luận rằng chưa từng có bọn côn đồ nào đê tiện hơn. Bọn Gi-rông-đanh còn sống sót ấy đã giúp vào việc thủ tiêu Hiến pháp

https://thuviensach.vn

năm 1793, đã thi hành hiến pháp quý tộc năm 1795, đã đồng loã với các nhóm quý tộc khác tổ chức mọi âm mưu tiêu diệt những người cộng hoà chân chính và rút cục đã lập nên ở Pháp nền độc tài quân sự của tên cướp ngôi Na-pô-lê-ông. (Tiếng hét: "Chú ý, chú ý!") Tài hùng biện của bọn Gi-rông-đanh được đánh giá cao; nhưng những người dân chủ kiên định chúng ta không thể nào phục lăn ra trước bọn chúng chỉ vì tài ăn nói đó; nếu không, chúng ta sẽ phải tỏ lòng tôn sùng cao cả đối với tên quý tộc bán mình cầu vinh Mi-ra-bô. Khi nhân dân đứng lên giành tự do, đập tan chế độ nô lệ mười bốn thế kỷ nay, đã rời bỏ quê hương đi chiến đấu chống bọn phản bội trong nước và quân đội nước ngoài ở biên giới thì cái mà họ cần thiết để chiến thắng phải là cái gì vĩ đại hơn những bài diễn văn hùng hồn và những lý luận được cấu trúc rất hay của bọn Gi-rông-đanh "Bánh mì, vũ khí và bình đẳng" - đấy là cái mà nhân dân cần. (Vỗ tay) Bánh mì - cho gia đình đang đói khổ của mình; vũ khí - để chống lại quân đội của chế độ chuyên chế; bình đẳng - mục tiêu phấn đấu của mình và là cái giá của sự hy sinh của mình. (Vỗ tay rầm rộ.) Bọn Gi-rông-đanh coi nhân dân chỉ là "một gói thuốc nổ có thể phá tung Ba-xti" như Tô-mát Các-lai-lơ nói, có thể dùng làm một công cụ, có thể đối xử như một tên nô lệ. Bọn Gi-rông-đanh ngả nghiêng giữa vương quyền và dân chủ; họ đã uổng công mưu toan dùng biện pháp thoả hiệp để lẩn tránh chính nghĩa vĩnh cửu. Họ đã thất bại và thất bại của

họ là lẽ tự nhiên. Những người có nghị lực sắt đá đánh bại chúng, nhân dân đã quét sạch chúng trên đường đi của mình. Trong các phái thuộc đảng Núi, tôi thấy chỉ đáng nhắc đến có Rô-be-xpi-e và các bạn ông. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Phần lớn đảng Núi đều gồm những tên côn đồ chỉ nghĩ đến chuyện cướp lấy thành quả cách mạng và chẳng quan tâm gì đến nhân dân đã thực hiện được cuộc cách mạng ấy bằng sự vất vả, sự đau khổ và lòng dũng cảm của mình. Bọn hèn mạt này đã có một dạo nói chung một tiếng nói với những người bạn ủng hộ bình đẳng và cùng họ đấu tranh chống phái lập hiến và phái Gi-rông-đanh, nhưng một khi đã nắm được chính quyền thì chúng lại lộ rõ chân tướng là kẻ thù không đội trời chung của bình đẳng. Chúng đã lật đổ Rô-be-xpi-e và giết chết ông, chúng đã xử tử Xanh-Giuy-xtơ, Cu-tông và những bạn bè khác của nhà lập pháp liêm khiết ấy. Chưa thoả mãn ở chỗ giết hại những người bạn ủng hộ bình đẳng, bọn phản bội - giết người này còn đặt điều vu khống những người bị chính chúng hãm hại vô liêm sỉ, đổ vấy cho họ những tội lỗi mà chính chúng đã làm. Tôi biết rằng người ta vẫn coi là một hành động xấu nếu không xem Rô-be-xpi-e như là một con quái vật, nhưng tôi nghĩ rằng đã sắp đến ngày mà người ta có một ý kiến hoàn toàn khác về tính cách của nhân vật phi phàm ấy. Tôi không hề sùng bái Rô-be-xpi-e, mô tả ông như con người hoàn hảo, nhưng đối với tôi, dù sao ông cũng là một trong những lãnh tụ cách mạng hiếm có đã biết và sử dụng những phương pháp đúng đắn để loại trừ tận gốc những bất bình đẳng về chính trị và xã hội. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Tôi không có thời gian nhận định về Ma-rát bất khuất và nói về Xanh - Giuy-xtơ thể hiện xuất sắc tính hào hiệp của người cộng hoà; tôi cũng không có thời gian nêu lên những biện pháp pháp luật sáng suốt thể hiện tài cai trị kiên quyết của Rô-be-xpi-e. Tôi xin nhắc lại, không còn xa nữa cái ngày mà người ta đánh giá công bằng ông. (Vỗ tay.) Theo tôi, bằng chứng đáng tin cậy nhất về những tính cách chân chính của Rô-be-xpi-e là sự luyến tiếc phổ biến mà cái chết của ông đã gây ra cho những người dân chủ chết sau ông, kể cả những người không hiểu ý định của ông đã đi lầm đường và tạo ra sự thất bại của ông, nhưng sau đó đã hối hận sâu sắc về hành động khinh suất của mình, song đã muộn rồi. Một trong những người này là Ba-bớp, người tổ chức ra vụ âm mưu nổi tiếng mang tên tuổi ông. Vụ âm mưu đó nhằm mục đích thành lập một nước cộng hoà chân chính, *trong đó không thể có chỗ cho sự tự tư tự lợi của chủ nghĩa cá nhân* (Vỗ tay), *trong đó không thể tồn tại tài sản tư hữu và tiền tệ, nguồn gốc của mọi sự nghèo nàn* (Vỗ tay), trong đó hạnh phúc của tất cả mọi người phải xây dựng *trên cơ sở lao động chung và bình đẳng về hưởng thụ phúc lợi. (Vỗ tay nhiệt liệt.*) Những nhân vật vinh quang ấy theo đuổi mục đích vinh quang của mình cho đến chết. Ba-bớp và Đác-tê đã tỏ rõ niềm tin của mình bằng máu của chính mình,

Bu-ô-na-tô-ti đã sống nhiều năm trong tù, trong thiếu thốn và đến cuối đời vẫn trung thành với những nguyên tắc vĩ đại mà chúng ta mạnh dạn tuyên bố tối nay. Tôi còn phải nhắc đến những nghị sĩ anh hùng - Rô-mơ, Xu-bra-ni, Đuy-roa, Đuy-kê-

https://thuviensach.vn

noa và các đồng chí của họ; bị bọn phản bội quý tộc trong Hội nghị Quốc ước kết án tử hình, họ còn ngang nhiên khiêu khích trước mặt bọn hung thủ, họ đã lần lượt kết thúc đời mình bằng cùng một con dao găm được truyền tay nhau. Tôi xin kết thúc ở đây phần thứ nhất lần nâng cốc của tôi. Phần thứ hai, về phía tôi, tôi chỉ nói đôi lời về vấn đề này vì những người dân chủ Pháp có mặt ở đây sẽ nói hay hơn nhiều. Nguyên tắc bình đẳng sẽ được khôi phục và chiến thắng, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa; kỳ thực những nguyên tắc ấy đã được khôi phục không những chỉ dưới hình thức cương lĩnh cộng hoà mà còn dưới hình thức chủ nghĩa cộng sản bởi vì, theo tôi biết, hiện nay ở khắp nước Pháp đều có các tổ chức cộng sản. Nhưng tôi dành lại cho bạn tôi là bác sĩ Phông-ten và đồng bào của ông trình bày tỉ mỉ hơn vấn đề đó. Tôi rất vui mừng về sự có mặt của các nhà dân chủ đáng kính trọng ấy. Tối nay họ có thể đích thân thấy rõ sự hoang đường của những luận điệu của phe hiếu chiến Pháp chống lại nhân dân Anh. (Vỗ tay.) Chúng ta phải kiên quyết xóa bỏ sự xích mích dân tộc đó; chúng ta tỏ rõ sự khinh bỉ và thù ghét đối với những miếng mồi và những cạm bẫy dã man như "những kẻ thù tự nhiên", "kẻ thù bẩm sinh" và "vinh quang dân tộc". (Vỗ tay rầm rộ.) Chúng ta thù ghét tất cả các cuộc chiến tranh, trừ những cuộc chiến tranh do nhân dân buộc phải tiến hành chống lại ách áp bức trong nước hoặc sự xâm lược của nước ngoài. (Vỗ tay.) Hơn nữa, *chúng ta bác bỏ từ "người nước ngoài" - từ nay nên loại trừ khỏi từ vựng dân chủ của chúng ta. (Vỗ tay nhiệt liệt.)* Dù chúng ta thuộc các chi hội Anh, Pháp, I-ta-li-a hoặc Đức của gia đình châu Âu, tên gọi chung của chúng ta là "Châu Âu trẻ" và dưới ngọn cờ này, tất cả chúng ta cùng nhau đứng lên chiến đấu chống bạo tàn và bất bình đẳng". (Vỗ tay nhiệt liệt kéo dài.).

Sau khi một người cộng sản Đức[199]1* hát bài "Mác-xây-e", *Vin-hem Vai-tlinh* tuyên bố lần nâng cốc thứ hai:

"Vì châu Âu trẻ! Mong rằng những người dân chủ tất cả các nước hãy vứt bỏ sự nghi kỵ và xích mích dân tộc trước kia, đoàn kết thành một tập thể anh em để tiêu diệt bạo tàn và giành thắng lợi hoàn toàn cho bình đẳng".

Vai-tlinh được hoan nghênh nhiệt liệt. Không nói thạo tiếng Anh, ông đã đọc bài diễn văn sau đây:

"Thưa các bạn! Cuộc họp hôm nay chứng minh cho một thứ tình cảm đang rực cháy trong tim mỗi người chúng ta, tình cảm của tình anh em phổ biến. Mặc dù do tiếp thu giáo dục khác nhau nên chúng ta không thể nào dùng chung một tiếng nói khi diễn đạt cho nhau tình cảm chung ấy, mặc dù sự khác nhau về ngôn ngữ cản trở chúng ta trao đổi với nhau tình cảm ấy, mặc dù kẻ thù chung của chúng ta nắm lấy và lợi dụng thiên kiến ấy để ngăn cản chúng ta tăng cường hiểu biết lẫn nhau và phát triển tình anh em phổ biến, mặc dù tất cả những trở ngại đó, tình cảm mãnh liệt ấy tồn tại không sao tiêu diệt được. (Vỗ tay.) Tình cảm ấy biến những người cùng khổ thành đồng chí hoạn nạn có nhau, biến những chiến sĩ đấu tranh cho cuộc sống tươi đẹp hơn thành những người bạn chiến đấu. (Vỗ tay.) Những người tham gia cuộc cách mạng mà chúng ta chào mừng tối nay cũng là bạn chiến đấu của chúng ta; họ cũng được cổ vũ bởi những mục tiêu phấn đấu hiện đang đoàn kết chúng ta và có thể sẽ đưa chúng ta tới những cuộc chiến đấu tương tự và hy vọng sẽ thắng lợi rực rỡ hơn. (Vỗ tay rầm rộ.) Trong thời kỳ có phong trào nhân dân, khi mà đặc quyền của kẻ thù trong nước chúng ta bị đe doạ nghiêm trọng thì bọn chúng cố hướng thiên kiến của chúng ta ra ngoài biên cương của tổ quốc chúng ta và muốn cho chúng ta tin rằng bọn người ở bên kia biên giới đang uy hiếp lợi ích chung của chúng ta. Trò bịp bợm! Bình tĩnh suy xét tất cả điều đó, chúng ta sẽ rất nhanh chóng thấy rõ rằng kẻ thù gần nhất của chúng ta ở ngay giữa chúng ta, giữa đồng bào chúng ta. (Tiếng hét: "Chú ý, chú ý" và vỗ tay.) Không có kẻ thù bên ngoài nào chúng ta phải sợ cả, kẻ thù đáng thương hại ấy cũng ở vào tình cảnh như chúng ta; cũng như chúng ta, họ phải làm việc cho hàng ngàn tên du thủ du thực vô dụng; cũng như chúng ta, họ phải cầm vũ khí chống lại những người khác, do đói rét và luật pháp bức bách, do lòng hăng say mà cơ sở là sự dốt nát của họ, thôi

https://thuviensach.vn

thúc. Bọn cầm quyền nói với chúng ta rằng những người anh em của chúng ta là những kẻ tàn bạo và đồ ăn cướp; nhưng có kẻ ăn cướp nào lại tham tàn hơn là bọn thống trị chúng ta, dạy chúng ta cầm vũ khí, là bọn vì duy trì đặc quyền của mình mà xúi bẩy chúng ta chống đối nhau và lôi cuốn chúng ta vào chiến tranh? (Vỗ tay.) Có thật là lợi ích chung của chúng ta làm cho chiến tranh trở nên cần thiết không? Phải chăng những con cừu do sói chỉ huy đã đánh lại những con cừu khác cũng do sói cầm đầu là vì quyền lợi của cừu? (Vỗ tay rầm rộ.) Chính chúng là kẻ thù tàn ác nhất của chúng ta; chúng đã cướp mất của chúng ta tất cả mọi thứ thuộc về chúng ta và phung phí của cải của chúng ta vào chỗ ăn chơi xa hoa truỵ lạc. (Vỗ tay.) Chúng cướp của chúng ta của cải của chúng ta vì tất cả những cái mà chúng phung

phí điều đó do chúng ta sản xuất ra và phải thuộc về chúng ta là những người đã sản xuất ra những của cải đó, thuộc về vợ con chúng ta, thuộc về những người già và người bệnh của chúng ta. (Vỗ tay rầm rộ.) Nhưng hãy nhìn xem, bằng những mưu mẹo láu cá, chúng đã cướp của chúng ta tất cả và giao tài sản của chúng ta cho bọn ăn bám lười nhác. (Vỗ tay.) Phải chăng có khả năng là một kẻ thù bên ngoài nào đó cướp mất của chúng ta nhiều hơn so với kẻ thù nội bộ ở ngay trong nhà chúng ta? Phải chăng có khả năng là người nước ngoài giết hại nhân dân chúng ta nhiều hơn so với bọn nhà giàu tàn nhẫn của chúng ta bằng sự giao dịch chứng khoán, cho vay nặng lãi và đầu cơ của chúng bằng chế độ tiền tệ và sự vỡ nợ của chúng, bằng quyền lũng đoạn của chúng bằng thuế khoá của nhà thờ và địa tô; bằng tất cả những thủ đoạn ấy, chúng cướp giật trên tay chúng ta những nhu yếu phẩm và đẩy hàng triệu anh em lao động chúng ta đến bên cái chết, thậm chí không để lại cho họ đủ khoai tây để cầm hơi! (Vỗ tay nhiệt liệt.) Cho nên phải chăng chưa đủ rõ ràng là những kẻ có tiền thì làm nên tất cả mà không tiền thì chẳng ra cái thớ gì chính là kẻ thù chính cống của công nhân tất cả các nước và ngoài kẻ thù của công nhân ra, trong người ta với nhau chẳng có kẻ thù của loài người? (Vỗ tay.) Phải chăng có khả năng là khi chiến tranh xảy ra giữa các nước thì chúng ta sẽ bị cướp đoạt và tàn sát nhiều hơn là bây giờ trong thời kỳ gọi là hoà bình? Nên chăng chỉ vì vinh quang về quân sự mà chúng ta đề xướng thiên kiến dân tộc, đổ máu và cướp đoạt? (Vỗ tay.) Mà chúng ta sẽ kiếm chác được gì trong cái vinh quang ngu xuẩn ấy? (Vỗ tay.) Chúng ta có dính dáng gì đến cái vinh quang ấy nếu như lợi ích của chúng ta không trả giá cho nó thì không được hay sao? (Vỗ tay.) Chúng ta không vất vả đổ máu cho nó thì không được hay sao? (Lại vỗ tay.) Ngoài việc lợi dụng thời cơ quay mũi súng chống lại bọn cướp đoạt và giết người - bọn quý tộc tất cả các nước, tất cả những chuyện như hành quân chinh phục và đổ máu để có thể đem lại lợi ích gì cho chúng ta? (Vỗ tay hoan hô.) Bọn quý tộc ấy và duy chỉ có chúng mới kiếm ăn một cách có hệ thống bằng cướp của và giết người. Người nghèo chỉ là công cụ bất đắc dĩ ngu dốt mà chúng tuyển mộ ở các dân tộc trong số những người bản thân mang nặng thiên kiến dân tộc và hy vọng nhìn thấy tất cả các dân tộc khác nằm dưới gót dân tộc mình. Nhưng nếu chúng ta thu hút được họ tới đây, tới hội nghị này của chúng ta thì họ sẽ hiểu nhau, họ sẽ chìa tay ra cho nhau. Nếu như trước một cuộc chiến đấu, những người bảo vệ tự do có thể nói chuyện với anh em mình thì cuộc chiến đấu sẽ không xảy ra; ngược lại, thay vào đó có thể là một cuộc họp hữu nghị giống như của chúng ta. Ôi, nếu như chúng ta có thể triệu tập trên chiến trường một cuộc họp dù chỉ như thế này thì chúng ta sẽ

chiến thắng được nhanh chóng biết bao tất cả lũ quỷ hút máu tham lam hiện đang áp bức và cướp bóc chúng ta! (Vỗ tay rầm rộ.) Thưa các bạn! Sự bộc lộ của tình cảm toàn nhân loại đó mà sức nóng của nó tập trung ở tình anh em phổ biến, đang đốt lên ngọn lửa nhiệt tình; nó sẽ nhanh chóng làm tan mọi núi băng sừng sững giữa đường từ rất lâu đã chia cách anh em chúng ta". (Vai-tlinh trở về chỗ ngồi giữa những tràng vỗ tay kéo dài không ngớt.)

Người phát biểu sau Vai-tlinh là tiến sĩ *Be-ri-ê Phông-ten*, một người cộng hoà lão thành đã từng đóng vai trò nổi bật trong Hội nhân quyền ở Pa-ri ngay trong những năm đầu của nền thống trị tư sản, năm 1834 bị liên can đến vụ án tháng Tư[173] và năm sau đã cùng với các bị

https://thuviensach.vn

cáo khác trốn khỏi nhà tù Xanh - Pơ-lơ-giơ (xem cuốn "Lịch sử 10 năm" của Lu-i Blăng[174]; sau đó ông đã tiến kịp với cái đà phát triển hơn nữa của phái cách mạng ở Pháp và giữ liên hệ mật thiết với Père[200]1* Ca-bê. Tiến sĩ Be-ri-ê Phông-ten được hoan hô nhiệt liệt và phát biểu như sau:

"Hỡi các công dân! Lời phát biểu của tôi tất nhiên ngắn bởi vì tôi không thạo tiếng Anh. Tôi thấy những người dân chủ Anh chúc mừng nước Cộng hoà Pháp mà lòng vui khôn tả. Tôi thông cảm, với tất cả tấm lòng mình, tình cảm cao quý mà ngài Giuy-li-an Hác-ni đã giãi bày. Tôi xin bảo đảm với các bạn rằng nhân dân Pháp chưa bao giờ có ý nghĩ cho rằng nhân dân Anh là kẻ thù của mình. Nếu như một số nhà báo Pháp viết bài phản đối chính phủ Anh thì điều đó không có nghĩa là họ viết chống lại nhân dân Anh. Chính phủ Anh bị ghét bỏ ở khắp châu Âu bởi vì nó không phải là chính phủ của nhân dân Anh mà là chính phủ của bọn quý tộc Anh. (Vỗ tay.) Những người dân chủ Pháp tuyệt nhiên không thù hằn gì nhân dân Anh mà ngược lại họ mong muốn đoàn kết anh em với nhân dân Anh. (Vỗ tay rầm rộ.) Nhưng người cộng hoà Pháp chiến đấu không phải cho riêng nước Pháp mà còn cho cả loài người: họ dốc sức xây dựng quyền bình đẳng và truyền rộng khắp thế giới những thành quả hạnh phúc của mình. (Vỗ tay nhiệt liệt.) Họ tuyên bố cả loài người đều là anh em của mình và chỉ đấu tranh chống lại bọn quý tộc các nước khác. (Vỗ tay.) Hỡi các công dân! Tôi có thể bảo đảm với các bạn rằng những nguyên tắc bình đẳng đã sống lại rồi. Chủ nghĩa cộng sản đang tiến trên khắp nước Pháp với bước

https://thuviensach.vn

đi khổng lồ. Hội liên hiệp cộng sản đã toả rộng ra khắp nước, và tôi hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ tiến tới liên minh vĩ đại của những người dân chủ tất cả các nước, nó sẽ bảo đảm cho sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản cộng hoà trên khắp châu Âu". (Tiến sĩ Phông-ten trở về chỗ ngồi giữa những tràng vỗ tay lắp đi lắp lại nhiều lần.)

Sau đó hội nghị nâng cốc chúc mừng "Châu Âu trẻ" với ba lần hô to "hoan hô" và "hoan hô một lần nữa" rồi đến mặc niệm Tô-mát Pê-nơ và những người dân chủ đã hy sinh của tất cả các nước, kế đó mặc niệm những người dân chủ đã hy sinh của Anh, Xcốt-len và Ai-rơ-len; nâng cốc chúc mừng những người thuộc phái Hiến chương đã bị trục xuất: Phrô-xtơ, Uy-li-am, Giôn-xơ và En-li-xơ, chúc mừng Ố Cô -no, Đơn-cơm-bơ và những nhà tuyên truyền Hiến chương khác; cuối cùng đã "hoan hô" ba lần chúc mừng tờ "Northern Star". Tiếp đó người ta hát những bài ca dân chủ bằng tất cả các thứ tiếng (chỉ có tiếng Đức là tôi không thấy nhắc đến), và buổi lễ đã kết thúc trong bầu không khí thắm tình anh em nhất.

Cuộc hội nghị của trên một ngàn người dân chủ hầu hết các nước châu Âu cũng họp mặt để chúc mừng một sự kiện dường như hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa cộng sản: sự thành lập nước Cộng hoà Pháp, đã diễn ra như vậy. Hội nghị không có biện pháp gì để thu hút sự tham gia của bất cứ đoàn thể nào khác, không thấy đưa ra vấn đề gì để thảo luận trong hội nghị ngoài chủ nghĩa dân chủ theo sự lý giải của những người thuộc phái Hiến chương ở Luân Đôn. Do đó tôi có thể cho rằng nhìn chung, đa số của hội nghị đã thật sự đại biểu cho quần chúng vô sản thuộc phái Hiến chương ở Luân Đôn. Hội nghị đã nhất trí hoan nghênh nhiệt liệt những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa và bản thân từ chủ nghĩa cộng sản. Cuộc mít-tinh của phái Hiến chương là lễ mừng chủ
nghĩa cộng sản và - như bản thân người Anh thừa nhận - "cái nhiệt tình bao trùm tối hôm đó đã nhiều năm chưa thấy ở Luân Đôn".

Cho nên chả phải là tôi đã đúng khi khẳng định dân chủ ở thời đại chúng ta là chủ nghĩa cộng sản đó sao?

Do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối năm 1845
Đã đăng trong tạp chí "Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichew Reform", Bd.II.1846

Ký tên: Ph. Ăng-ghen

In theo đúng bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

TUYÊN BỐ

Theo tin của tờ "Rheinische Beobachter"[175] ngày 18 tháng Giêng (số 18) thì tờ "Trier' sche Zeitung" đã đăng thông báo của ban biên tập báo này nói rằng trong số các nhà văn là cộng tác viên của tờ báo cũng có cả "Mác". Để tránh mọi sự hiểu lầm, tôi tuyên bố rằng tôi *chưa lần nào viết một dòng nào* cho tờ báo ấy, cái xu hướng từ thiện tư sản và tuyệt nhiên không phải là cộng sản của tờ báo ấy hoàn toàn xa lạ với tôi.

Bruy-xen, 18 tháng Giêng 1846 ***Các Mác***

Đã đăng trong "Trier' sche Zeitung" số 26, ngày 26 tháng Giêng 1846

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

https://thuviensach.vn

CHÚ THÍCH

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

CÁC BẢN CHỈ DẪN

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

CHÚ THÍCH

1 *"Gia đình thần thánh,* hay là *Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn"* là tác phẩm đầu tiên do C.Mác và Ph. Ăng-ghen cộng tác viết ra. Tác phẩm này được viết vào khoảng tháng Chín đến tháng Mười một 1844 và xuất bản vào tháng Hai 1845 ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ.

"Gia đình thần thánh" là tên gọi hài hước đặt cho anh em Bau-ơ và bọn theo đuôi họ tụ tập quanh tờ "Allgemeine Literatur - Zeitung" ("Báo văn học phổ thông"). Trong cuốn sách này, Mác và Ăng-ghen đã bác bỏ anh em Bau-ơ và những người khác thuộc phái Hê-ghen trẻ (hoặc phải Hê-ghen tả), đồng thời cũng phê phán cả triết học duy tâm của chính Hê-ghen.

Ngay từ mùa hè 1842, khi thành lập ở Béc-lin cái gọi là "Phái tự do", Mác đã bất đồng ý kiến nghiêm trọng với phái Hê-ghen trẻ. Tháng Mười 1842 Mác biên tập cho báo "Rheinische Zeitung" ("Báo sông Ranh") là tờ báo mà hồi bấy giờ có một số phần tử thuộc phái Hê-ghen trẻ ở Béc-lin tham gia, Mác phản đối đăng trên báo này những bài trống rỗng và phù phiếm xa rời cuộc sống thực tế và chìm đắm trong cuộc tranh luận triết học trừu tượng do "Phái tự do" nêu ra. Trong hai mươi năm trời sau khi Mác đoạn tuyệt với "Phái tự do" thì sự bất đồng ý kiến về lý luận và chính trị giữa Mác, Ăng-ghen với phái Hê-ghen trẻ đã trở nên hết sức sâu sắc và không thể dung hoà được. Điều đó không những chứng tỏ rằng Mác và Ăng-ghen đã chuyển từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản, mà còn nói lên rằng anh em Bau-ơ và bọn theo đuổi họ bấy giờ đã thoái hoá rồi. Trên tờ "Allgemeine Literatur-Zeitung", Bau-ơ và nhóm của y đã vứt bỏ "xu hướng cấp tiến năm 1842" và "Rheinische Zeitung" là tờ báo biểu hiện rõ nhất xu hướng cấp tiến đó; chúng đã rơi vào chủ nghĩa duy tâm chủ quan tầm thường và thối nát, cổ động cho thứ "lý luận" chủ trương rằng chỉ có những cá nhân kiệt xuất tức kẻ thể hiện "tinh thần", "sự phê phán thuần tuý" mới là người sáng tạo ra lịch sử, còn quần chúng, nhân dân dường như chỉ là một chất liệu thiếu sức sống, là vật trở ngại trong quá trình lịch sử.

Để bóc trần tư tưởng phản động có hại đó, để bảo vệ quan điểm duy nhất mới
và cộng sản chủ nghĩa của mình, lần đầu tiên Mác và Ăng-ghen quyết định hợp tác viết quyển sách này.

Trong mười ngày Ăng-ghen lưu lại Pa-ri, hai ông đã định ra đề cương, chia xong các chương mục và cùng viết "Lời tựa" của quyển sách mà ban đầu được gọi là "Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng

https://thuviensach.vn

bọn". Trước khi rời Pa-ri, Ăng-ghen đã viết xong mấy chương mục mà mình đảm nhiệm. Mác đã gánh vác đại bộ phận cuốn sách, cho tới cuối tháng Mười một 1844 mới viết xong; mặt khác, để viết những chương mục được phân công, ông đã lợi dụng một phần bản thảo kinh tế - triết học mà ông viết vào xuân - hè năm 1844, đã lợi dụng những điều thu hoạch được trong việc nghiên cứu lịch sử cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và nhiều bút ký, trích yếu khác, nên đã vượt xa khuôn khổ ấn định cho cuốn sách. Trong quá trình in, Mác đã thêm vào tên sách mấy chữ "Gia đình thần thánh". Mục lục quyển sách này đã nói rõ những chương mục nào do Mác viết, những chương mục nào do Ăng-ghen viết. Quyển sách này khổ nhỏ, dày hơn 20 trang in, vì vậy căn cứ vào quy định thời bấy giờ của một số bang ở Đức, nó không bị cơ quan kiểm tra sách báo kiểm duyệt trước. -9.

2*"Allgemeine Literatur Zeitung"* ("Báo văn học phổ thông") là tạp chí tiếng Đức ra hàng tháng, do B. Bau-ơ thuộc phái Hê-ghen trẻ chủ biên, phát hành ở Sác-lốt-ten-bua từ tháng Chạp 1843 đến tháng Mười 1844, -13.

3 Đây là nói về bài "Luận văn về bần cùng hoá" của C.Rai-sơ-hát đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 1 và 2 (tháng Chạp 1843 và tháng Giêng 1844). -15.

4 *"Mühleigner"* (nghĩa đen là: "chủ xưởng xay bột"), tiếng Đức vốn không có chữ này, mà là dịch từ tiếng Anh mill-owner - người sở hữu công xưởng, chủ xưởng. Ở đây Ăng-ghen có ý châm biếm G. Phau-sơ, một cộng tác viên của "Allgemeine Literatur-Zeitung", đã sử dụng trong các bài báo của mình một chữ do ông đặt ra theo hình thức chữ Anh. -19.

5 Ăng-ghen chỉ bài "Vấn đề bức thiết trong đời sống nước Anh" của G.Phau-sơ đăng trên tờ "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 7 và 8 (tháng Sáu và Bảy 1844). -19.

6 *Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc* do Cốp-đen và Brai-tơ chủ xưởng ở Man-se-xtơ thành lập năm 1838. Đạo luật ngũ cốc nhằm hạn chế, thậm chí cấm nhập khẩu ngũ cốc của nước ngoài, được ban hành ở Anh để bảo vệ lợi ích của bọn đại địa chủ. Đồng minh này đòi hoàn toàn tự do mậu dịch. Phế bỏ đạo luật ngũ cốc nhằm mục đích hạ thấp tiền lương của công nhân, làm suy yếu địa vị kinh tế và chính trị của địa chủ quý tộc. Trong cuộc đấu tranh chống địa chủ, Đồng minh đã định lợi dụng quần chúng công nhân, nhưng chính lúc đó, những công nhân tiên tiến nước Anh đã bắt đầu bước vào một phong trào công nhân có tổ chức, độc lập về chính trị (phong trào Hiến chương).

Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản công nghiệp và quý tộc địa chủ về vấn đề đạo luật ngũ cốc đã kết thúc năm 1846 khi thông qua dự luật phế bỏ đạo luật ngũ cốc. -21.

7 Cuộc đấu tranh ở Anh đòi hỏi hạn chế bằng pháp luật thời gian lao động xuống ngày 10 giờ bắt đầu từ cuối thế kỷ XVIII và đầu những năm 30 thế kỷ XIX đã lôi cuốn được đông đảo quần chúng vô sản tham gia. Vì đại biểu của quý tộc địa chủ ra sức lợi dụng khẩu hiệu ăn sâu vào lòng người đó trong cuộc đấu tranh của chúng chống lại giai cấp tư sản công nghiệp, nên trong nghị viện chúng đã ủng hộ dự luật ngày làm 10 giờ; từ năm 1833, nhân vật chủ chốt ủng hộ dự luật đó tại nghị viện là bá tước Ê-sli, "nhà từ thiện thuộc đảng To-ri",- 22.

8 Đây là câu nói của B.Bau-ơ trong cuốn sách của ông "Die gute Sache der Freiheit und meine eigene Angelegenheit". Zürich und Winterthur, 1842 ("Sự nghiệp chính nghĩa tự do và sự nghiệp của chính tôi " xuất bản năm 1842 ở Xuy-rích và Vin-téc-tua).- 25.

9 Đây là nói về bài "Ngài Nau-véc và hệ triết học" đăng trong "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 6 (tháng Năm 1844) ký tên "I.U." - chữ cái đầu tiên của họ I-ung-nít-xơ (Jungnitz). -26.

https://thuviensach.vn

10 Chỉ việc cách chức B.Bau-ơ là người đã bị chính phủ Phổ tạm thời tước quyền giảng dạy ở Trường đại học tổng hợp Bon vào tháng Mười 1841, và sau đó vào tháng Ba 1842 thì bị vĩnh viễn tước quyền, vì ông đã viết tác phẩm phê phán Kinh thánh.- 26.

11 Trong mục này, Ăng-ghen phân tích và trích dẫn bài bình luận của E.Bau-ơ đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 5 (tháng Tư 1844) về cuốn: Flora Tristan. "L' Union ouvrière". Paris, 1843 ("Hội liên hiệp công nhân " của Phlô-ra Tơ-ri-xtăng xuất bản ở Pa-ri năm 1843).- 28.

12 *G. W.F.Hegel."Phänomenologie des Ceistes"* ("Hiện tượng học tinh thần" của G.V.Ph.Hê-ghen). Xuất bản lần thứ nhất vào năm 1807. Bản mà Mác sử dụng khi viết "Gia đình thần thánh" là "Toàn tập Hê-ghen" tập hai, in lần thứ hai, (Hegel. Werke, 2-te Aufl., Bd. II, Berlin, 1841).- 32.

13 Trích trong bài thơ "Cô thiếu nữ đến từ nơi khác của Si-lơ.-34.

14 Chỉ tác phẩm P.J. Proudhon. "Qu'est-ce que la propritété? ou Recherches sur le

principe du droit et du gouvernement" ("Tài sản là gì ? hoặc Nghiên cứu về nguyên lý của pháp luật và quyền lực" của P. Gi.Pru-đông) xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1840. Bản Mác trích dẫn là bản in năm 1841 ở Pa-ri.

Cuốn "Tài sản là gì" ? được viết theo quan điểm mâu thuẫn của giai cấp tiểu tư sản, vì nó công kích gay gắt chế độ tư hữu nên sau khi xuất bản đã vang dội một thời. Trong bài "Bàn về Pru-đông". Mác đã đánh giá toàn diện và có phê phán đối với cuốn sách đó. Bài này phát biểu năm 1865 dưới hình thức thư gửi cho Svai-txơ, chủ bút tờ "Social - Demokrat" ("Người dân chủ-xã hội").-

Bài "Pru-đông" của E.Bau-ơ mà Mác phê phán trong mục này của "Gia đình thần thánh" đã được đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 5 (tháng Tư 1844).- 35.

15 Mác chỉ một nhóm chính trị tập hợp xung quanh tờ "La Réforme" ("Báo cải lương") ở Pa-ri, tham gia vào nhóm này có những người theo chủ nghĩa cộng sản hoà dân chủ tiểu tư sản và những người theo chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản.- 37.

16 "Deutsch - Französische Jahrbücher" ("Nêin giám Pháp-Đức") là tạp chí tiếng Đức xuất bản ở Pa-ri, do C.Mác và A.Ru-gơ chủ biên. Chỉ ra được có một số kép vào tháng Hai 1844. Trong số này có đăng các tác phẩm của Mác "Vấn đề Do Thái" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời tựa", các tác phẩm của Ph. Ăng-ghen "Đề cương phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tình cảnh nước Anh. Tô-mát Các-lai-lơ", "Quá khứ và hiện tại" (Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr. 525-568, 569-590, 747-786, 787-825). Những tác phẩm đó báo hiệu Mác và ¨ng-ghen đã chuyển hẳn sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Tạp chí này đình bản chủ yếu là do sự bất đồng ý kiến về nguyên tắc giữa Mác và Ru-gơ, một phần tử cấp tiến của giai cấp tư sản.- 48.

17 G. W.F. Hegel Werke. Bd. VIII,s.256, Berlin, 1833 "Grundlinien def Philosophie des Rechts" §190 (Toàn tập Hê-ghen, xuất bản ở Béc-lin năm 1833, tập VIII, tr.256, mục 190 "Những nguyên lý của triết học pháp quyền"). Tác phẩm này xuất bản lần thứ nhất vào năm 1821 ở Béc-lin.- 61.

18 J.B.Say. "Traité d' économie politique". Xuất bản lần đầu tiên ở Pa-ri, năm 1803, Mác trích dẫn ở bản in lần thứ ba (1817). - 66.

19 Đoạn này viết ở trong tác phẩm của S. Công-tơ, "Traité de la propriété" T.I, P. 52, Paris, 1834, Pru-đông đã đưa vào trang 93 tác phẩm của mình "Sở hữu là gì ?" (bản in năm 1841). -67.

https://thuviensach.vn

20 A.Smith. "An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations". Xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1776.- 74.

21 Đây chỉ bài bình luận của Sê-li-ga đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 7 (tháng Sáu 1844) đối với cuốn tiểu thuyết "Những bí mật của thành Pa-ri" của nhà văn Pháp Ơ-gien Xuy. Cuốn tiểu thuyết này được viết theo tinh thần ảo tưởng xã hội thương cảm tiểu thị dân, xuất bản ở Pa-ri năm 1842 - 1843 đã nổi tiếng không những ở Pháp mà ở cả nước ngoài.- 81.

22 Mô-li-e, "Trưởng giả học làm sang", màn II, cảnh 6.- 82.

23 Chỉ Hiến chương lập hiến (Charte constitutionnelle) được thông qua sau cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1830, nó là đạo luật căn bản của nền quân chủ tháng Bảy. "Hiến chương chân lý" là lời châm biếm ám chỉ câu kết thúc bản tuyên ngôn ngày 31 tháng Bảy 1830 của Lu-i Phi-líp: "từ nay hiến chương tức là chân lý".- 84.

24 Mác dịch nghĩa hai câu trong vở kịch của Gơ-tơ "Phau-xtơ" màn 1 cảnh 6 ("Nhà bếp của mụ phù thuỷ").- 94.

25 Trích dẫn trong tác phẩm của S.Phu-ri-ê, "Học thuyết về sự thống nhất của thế giới" ("Théorie de l'unité universelle"), ch.3, thiên II, tập III. Quyển sách này xuất bản lần đầu tiên vào năm 1882 với nhan đề "Traité de l'association domestique-agricole" ("Bàn về hội liên hiệp gia đình - nông nghiệp").- 99.

26 A.A. Monteil, "Histoire des français des divers etats aus cinq derniers siècles". T. I-X, Paris, 1828 - 1844.(A.A. Mông-tơi, "Lịch sử các đẳng cấp ở Pháp năm thế kỷ vừa qua", Pa-ri, 1828-1844, từ tập I đến tập X).- 106.

27 Sếch - xpia, "Cái gì kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp", màn I, cảnh 3.- 106.

28 Polydori Vergilü liber de rerum inventoribus. Lugduni, 1706.- 107.

29 Froment. "La Police dévoilée depuis la Restauration et notamment sous M.M.Franchet et Delavau". T.I.-III, Paris, 1829 (Phrô-măng. "Cảnh sát bị lộ mặt từ thời kỳ Phục tích và nhất là dưới thời các ông Phrăng-sê và Đơ-la-vô", Pa-ri, 1829, từ tập I đến III).- 111.

30 G. W.F.Hegel, "Encyclopädie der philosophischen Wissenschaften im Grundrisse" (G.V.Ph.Hê-ghen."Bách khoa toàn thư các khoa học triết học. Lược khảo"). Xuất bản lần thứ nhất vào năm 1817, Mác đã tham khảo bản in lần thứ ba năm 1830.-118.

31 Những lời trích dẫn ở đây và dưới đây đều nằm trong bài báo của B.Bau-ơ. "Luận văn mới nhất về vấn đề Do Thái" đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 1

(tháng Chạp 1843); bài báo này do Bau-ơ viết để trả lời bài phê bình trên báo đối với cuốn "Vấn đề Do Thái" của ông ta.- 118.

32 Cuốn sách: B.Bauer, "Die Judenfrage" (B.Bau-ơ, "Vấn đề Do Thái") là bản in có bổ sung thêm mấy bài luận văn mà B. Bau-ơ đã đăng trên tạp chí "Deutsche Jahrbücher" ("Niên giám Pháp-Đức") tháng Mười một 1842 dưới cùng một đầu đề. Sách này xuất bản năm 1842 ở Brao-svai-gơ.- 118.

33 Đây chỉ tuần báo *"Révolution de Paris"* ("Cách mạng Pa-ri") phát hành ở Pa-ri từ tháng Bảy 1789 đến tháng Hai 1794. Trước tháng Chín 1790, nhà chính luận và nhà cách mạng dân chủ Ê-li-dơ Lu-xta-lô là chủ bút tờ báo này.- 124.

34 "Đề cương cải cách triết học" của L. Phoi-ơ-bắc viết vào tháng Giêng 1842 bị cơ quan kiểm duyệt cấm xuất bản ở Đức, đến 1843 thì đăng vào tập 2 của "Anekdota zur neuesten deutschen Philosophie und Publicistik" ("Tập những mẩu chuyện

https://thuviensach.vn

về triết học và chính luận hiện đại ở Đức") xuất bản ở Thuỵ Sĩ. Những bài luận văn của C.Mác, B.Bau-ơ, Ph. Cớp-pen, A.Ru-gơ cũng đều được thu nhập trong văn tập gồm hai tập đó.-125.

35 *Phái khống luận* là một nhóm chính khách tư sản Pháp ở thời kỳ Phục tích (1815- 1830); là những người quân chủ lập hiến, kẻ thù độc ác của phong trào dân chủ và cách mạng, phái khống luận rất muốn xây dựng ở Pháp khối đồng minh tư sản và quý tộc theo kiểu nước Anh; nhân vật có tên tuổi nhất của phái này là nhà sử học Ph. Ghi-đô và nhà triết học P.Roay-ê Côn-la mà quan điểm về mặt triết học là phản động đối với chủ nghĩa duy vật Pháp thế kỷ XVIII và đối với những tư tưởng dân chủ cách mạng tư sản Pháp. -129.

36 Mác chỉ bài "Luận văn mới nhất về vấn đề Do Thái" của B.Bau-ơ đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 1 (tháng Chạp 1843).- 131.

37 G. W. F.Hegel. Werke. Bd. VIII, S. 12, Berlin, 1833, "Grundlinien der Philosophie des Rechts". Vorrede (G. V. Ph. Hê-ghen, Toàn tập, t. VIII, tr. 12, Béc-lin, 1833. "Những nguyên lý của triết học pháp quyền", Lời tựa).-132.

38 Đây là chỉ bài báo của C.Mác "Vấn đề Do Thái". Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr. 525-568.- 132.

39 Chỉ bài bình luận của B.Bau-ơ đối với tập bài giảng thứ nhất của Hin-rích, một phần tử thuộc phái Hê-ghen cánh hữu, xuất bản ở Ha-lơ năm 1843 dưới đầu đề "Politische Vorlesungen", Bd. I-II ("Bài giảng chính trị" tập I-II). Bài bình luận này của Bau-ơ đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 1 (tháng Chạp 1843). Bài sau tức là "Hin-rích", số 2, chỉ bài bình luận của B.Bau-ơ đối với tập bài giảng thứ hai, đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 5 (tháng Tư 1844).- 137.

40 "Staat, Religion und Parthei". Leipzig, 1843. Cuốn sách của B.Bau-ơ xuất bản nặc danh.- 137.

41 L. Feuerbach. "Grundsätze der Philosophie des Zukuft". Zürich und Winterthur, 1843 (L. Phoi-ơ-bắc, "Những nguyên lý của triết học tương lai", Xuy-rích và Vin-téc-tua, 1843).- 139.

42 Đoạn này và những đoạn trích dẫn phía dưới đều trích ở bài báo thứ hai của B.Bau-ơ viết để bác bỏ những người phê bình quyển "Vấn đề Do Thái" của ông ta. Nhan đề bài thứ hai của Bau-ơ cũng giống bài thứ nhất "Luận văn mới nhất về vấn đề Do Thái" đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 4 (tháng Ba 1844).-143.

43 Đây là đầu đề của một bài báo của Bau-ơ đăng trên "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 8 (tháng Bảy 1844). Hầu hết những lời trích dẫn mà Mác rút ở tờ "Allgemeine Literatur-Zeitung" để đưa vào mục "Cuộc chinh phạt thứ ba của sự phê phán tuyệt đối" đều trích ở bài báo này.- 151.

44 *"Deutsche Jahrbücher"* là tên gọi tắt của tạp chí văn nghệ, triết học của phái Hê-ghen trẻ: "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật"). Tạp chí này xuất bản từ tháng Bảy 1841 ở Lai-pxích, do A.Ru-gơ là chủ bút. Trước đó (từ 1838 đến 1841) tạp chí này đã xuất bản dưới tên gọi "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-lơ về khoa học và nghệ thuật Đức"). Vì "Hallische Jahrbücher" ("Niên giám Ha-lơ") bị đe doạ cấm phát hành ở Phổ nên ban biên tập chuyển từ Ha-lơ sang Dắc-den và đổi tên tờ tạp chí. Tháng Giêng 1843, chính phủ Dắc-den đóng cửa tạp chí "Deutsche Jahrbücher", đồng thời Nghị viện liên bang quyết định cấm xuất bản tạp chí đó trong toàn quốc Đức.- 152.

45 *"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe"* ("Nhật báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") là báo ra hằng ngày xuất bản ở Khuên từ tháng Giêng 1842 đến 31 tháng Ba 1843. Tờ báo do đại biểu của giai

https://thuviensach.vn

cấp tư sản miền Ranh sáng lập, có tinh thần chống đối chính thể chuyên chế Phổ. Tờ báo đã thu hút được sự cộng tác của một số phần tử thuộc phái Hê-ghen trẻ. Tháng Tư 1842 Mác bắt đầu cộng tác với "Rheinische Zeitung" và từ tháng Mười năm ấy, Mác tham gia vào ban biên tập. Nhiều bài báo của ¨ng-ghen cũng đã được đăng trên "Rheinische Zeitung". Thời gian Mác ở trong ban biên tập, tờ báo

đó ngày càng có tính chất dân chủ cách mạng rõ rệt. về sau "Rheinische Zeitung" đã phải đình bản vì sự kiểm duyệt gắt gao của chính phủ. - 152.

46 B.Bauer, "Das entdeckte Christenthum". Zürich und Winterthur, 1843.- 153.

47 B.Bauer, "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker", Bd, 1 - 2, Leipzig, 1841; Bd. 3, Braunschweig, 1842 (B.Bau-ơ, "Phê phán lịch sử các bộ phúc âm đối quan". T. 1 - 2, Lai-pxích, 1841, t. 3, Brao-svai-gơ. 1842). Trong sách báo về lịch sử tôn giáo, người ta gọi tác giả ba bộ phúc âm đầu tiên (tức ba thiên phúc âm Ma-ti-ơ, Ma-cơ và Lu-ca) là các tác giả phúc âm đối quan. - 158.

48 Chỉ bài báo của C.Mác "Vấn đề Do Thái", Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr . 525-568.- 162.

49 Chỉ bài báo của B.Bau-ơ "Khả năng giành tự do của người Do Thái và tín đồ Cơ Đốc hiện tại" được đưa vào văn tập "Einundz wanzig Bogen aus der Schweiz" ("Hai mươi mốt trang từ Thuỵ Sĩ gửi về"). Văn tập này do nhà dân chủ tiểu tư sản và nhà thơ G.Héc-vếch xuất bản ở Xuy-rích và Vin-téc-tua năm 1843.- 162.

50 "Die evangelische Landeskirche Preusens und die Wissenschaft". Leipzig, 1840 ("Tân giáo Phổ và khoa học", Lai-pxích, 1840) là tác phẩm của B.Bau-ơ xuất bản không ghi tên tác giả.- 170.

51 *Cercle social* (Nhóm xã hội) là một tổ chức do đại biểu của những phần tử trí thức dân chủ thành lập, hoạt động ở Pa-ri vào những năm đầu của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Địa vị của Cercle social trong lịch sử tư tưởng cộng sản chủ nghĩa có thể thấy được qua thực tế sau: nhà tư tưởng C.Phô-sơ đòi chia đều ruộng đất, hạn chế tài sản quá nhiều và đòi việc làm cho tất cả công dân có năng lực lao động. Sự phê phán của C.Phô-sơ với quyền bình đẳng hình thức ghi trong văn kiện của cách mạng Pháp đã chuẩn bị cho nhà lãnh đạo "phái người điên" là Giắc-cơ Ru phát biểu những ý kiến táo bạo hơn về vấn đề đó.- 181.

52 P. J. G. Cabanis "Rapports du physique et du moral de I'homme". Xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1802, phần lớn của tác phẩm này đã được đăng trên tạp chí học thuật của Viện hàn lâm khoa học Pháp từ 1798 đến 1799.- 192.

53 *Phái Gian-xê-ni-uýt* (lấy tên của nhà thần học Hà Lan Coóc-nê-li-uýt Gian-xen) là những người đại biểu cho trào lưu đối lập trong tín đồ Thiên chúa giáo ở Pháp vào thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII, họ đã phản ánh tâm trạng bất mãn của một bộ phận giai cấp tư sản Pháp đối với tư tưởng phong kiến của đạo Thiên chúa chính thống.- 192.

54 J. Locke. "An Essay concerning Human Understanding" (G. Lốc-cơ, "Khái luận về lý tính con người") xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1690.- 194.

55 "Essai sur l'origine des connaissances humaines" là cuốn sách của Công-đi-ắc xuất bản không ghi tên tác giả lần thứ nhất ở Am-xtéc-đam vào năm 1746.- 198.

56 Helvétius. "De l'homme, de ses facultés intellectuelles et de son éducation" (Hen-vê-ti-uýt, "Bàn về con người, những trí năng và sự giáo dục con người"), được xuất bản lần đầu tiên ở La Hay năm 1773 sau khi tác giả mất và với sự giúp đỡ của Đ.A. Gô-li-txưn, đại sứ Nga ở Hà Lan.- 198.

https://thuviensach.vn

57 "L'homme machine", Leyde, 1748. Cuốn sách này của La-mét-tơ-ri, được xuất bản không ghi tên tác giả ở Lây-đơ, đã bị đốt và tác giả đã bị trục xuất khỏi Hà Lan là nơi mà từ năm 1745 ông đã di cư từ Pháp sang.- 198.

58 Cuốn "Système de la Nature, ou Des Lois du Monde Physique et du Monde Moral" ("Hệ thống thế giới tự nhiên hay là những quy luật của thế giới vật chất và thế giới tinh thần") của Hôn-bách xuất bản lần thứ nhất vào năm 1770; để khỏi lộ, cuốn sách này được mang tên tác giả là G. B. Mi-ra-bô, bí thư Viện hàn lâm khoa học Pháp, chết năm 1760.- 198.

59 J. B. Robinet. "De la Nature" (G. B. Rô-bi-nê, "Bàn về tự nhiên") xuất bản lần thứ nhất thành 4 tập ở Am-xtéc-đam năm 1763-1766.- 199.

60 G. W. F.Hegel. "Vorlesungen über die Geschichte der Philosophie" (G.V. Ph.Hê-ghen, "Các bài giảng về lịch sử triết học") in lần đầu trong Hê-ghen, Toàn tập, xuất bản lần thứ nhất (Hegel, Werke, Bd. XIII-XV, Berlin, 1833-1836).- 201.

61 Về tạp chí "Hallische Jahrbücher", xem chú thích 44.- 202.

62 Helvétius, "De l'Esprit", T.I-II, Pa ris, 1822. Tác phẩm này của Hen-vê-ti-uýt đã được xuất bản không ghi tên tác giả lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1758, đến năm 1759 bị bọn đao phủ đốt mất.- 202.

63 Chỉ tác phẩm của Hôn-bách "Système social, ou Principes naturels de la morale et de la politique". T.I-II, Paris, 1822 ("Hệ thống xã hội, hay là những nguyên tắc tự nhiên của đạo đức và chính trị". T.I-II, Pa-ri, 1822). Bản in lần thứ nhất cuốn sách của Hôn-bách gồm 3 tập đã xuất bản không ghi tên tác giả năm 1773.- 203.

64 "Théorie des peines et des récompenses ". Ouvrage extrait des manuscrits de M.Jérémie Bentham. T.I-II, 3-me éd., Paris, 1825-1826 ("Lý luận về phạt và thưởng", trích yếu bản thảo của ông Giê-rê-mi Ben-tam. Xuất bản lần thứ ba, Pa-ri, 1825-1826), Xuất bản lần thứ nhất vào năm 1811.- 204.

65 *"Allgemeine Zeitung"* ("Báo phổ thông") là một tờ báo phản động ra hàng ngày ở nước Đức, được thành lập năm 1798 xuất bản ở Au-gơ-xbua năm 1810-1882.- 204.

66 L. Stein, "Der Socialismus and Communismus des heutigen Frankreichs", Leipzig, 1842. (L.Stai-nơ, "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện đại", Lai-pxích, 1842). Sau này điều tra ra tác giả cuốn sách là một tên mật thám của Chính phủ Phổ.- 205.

67 Chỉ "Khoa học lô-gích" ("Wissenschaft der Logik"). Mác đã trích dẫn Hê-ghen, Toàn tập, in lần thứ hai (G. W. F.Hegel, Werke, 2-te Auft., Bd.V,Berlin, 1841). Tác phẩm này của Hê-ghen ban đầu xuất bản thành ba tập vào năm 1812-1816.-211.

68 Màn ba ("Phòng làm việc của Phau-xtơ"), phần I, vở kịch "Phau-xtơ" của Gơ-tơ.-216.

69 *"Zeitschrift für spekulative Theologie "* ("Tạp chí thần học tư biện") xuất bản ở Béc-lin trong những năm 1836-1838, do B.Bau-ơ lúc bấy giờ thuộc nhóm Hê-ghen phái hữu biên tập.- 217.

70 Trích dẫn ở cảnh bốn vở hài kịch một màn "Luy-xi-lơ" của nhà văn Pháp G. Ph. Mác-mông-ten.- 219.

71 Câu chuyện của B.Bau-ơ "Những nguyên tắc bất di bất dịch muôn năm!" đăng trong: A. Weill und E. Bauer, "Berliner Novellen", Berlin, 1843, (A.Vai-lơ và E.Bau-ơ "Những mẩu chuyện Béc-lin, Béc-lin, 1843).- 223.

72 *"Nhóm Béc-lin* ("Berliner Couleur") là cái tên do phóng viên "Allgemeine Literatur-Zeitung" đặt ra để gọi những người thuộc phái Hê-ghen trẻ Béc-lin trong đó có Mác Stiếc-nơ là những người không thuộc nhóm B.Bau-ơ và đã phê bình "Allgemeine Literatur-Zeitung" về vài vấn đề chi tiết.- 226.

https://thuviensach.vn

73 Mác chỉ bài báo của B.Bau-ơ "Nỗi đau khổ và niềm vui sướng của ý thức thần học" đăng trong quyển hai của tập "Anekdota zur neuesten deutschen Philosophie und Publicistik".- 231.

74 *"La Démecratie pacifique"* ("Dân chủ hoà bình") là tờ báo ra hàng ngày của phái Phu-ri-ê xuất bản ở Pa-ri trong những năm 1843-1851, do V. Công-xi-đê-răng biên tập.- 232.

75 Hai-nơ, "Bắc hải" (Tập thơ thứ hai "Những câu hỏi").- 239.

76 Trích ở bài dân ca Đức "Cô gái đi tu".- 245.

77 Trích trong câu chuyện hài hước dân gian ở Đức "Bảy người sva-bơ".- 248.

78 Gơ-tơ, "Những sự châm biếm ôn hoà".- 266.

79 *" Journal des Débats "* là tên gọi của tờ báo tư sản Pháp ra hàng ngày "Journal des Débats politiques et littéraires " ("Báo tranh luận chính trị và văn học") được thành lập ở Pa-ri năm 1789. Dưới thời Quân chủ tháng bảy, nó là tờ báo của chính phủ, cơ quan của giai cấp tư sản phái Oóc-lê-ăng.- 286.

80 *"Le Siècle"* ("Thế kỷ") là tờ báo ra hàng ngày xuất bản ở Pa-ri từ 1836 đến 1939. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX, nó phản ánh quan điểm của bộ phận giai cấp tiểu tư sản chỉ yêu cầu cải cách hiến pháp một cách ôn hoà.- 286.

81 Chỉ báo *"Peites affiches "* ("Quảng cáo nhỏ") là một xuất bản phẩm định kỳ lâu đời nhất ở Pháp được sáng lập ở Pa-ri từ năm 1612; đây là tờ báo thông tin khổ nhỏ đăng các loại quảng cáo và thống trị.- 286.

82 *"Satan" ("Xa-tăng")* là tờ báo châm biếm loại nhỏ của giai cấp tư sản, phát hành ở Pa-ri năm 1840-1844.- 287.

83 Mác trích dẫn các tác phẩm sau đây của S. Phu-ri-ê: "Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung" ("Théorie des quatre mouvements et des destinées générales "- in lần thứ nhất vào năm 1808), "Thế giới mới lao động và xã hội hoá". ("Le nouveau monde industriel et sociétaire "- in lần thứ nhất vào năm 1829) và "Học thuyết về sự thống nhất của thế giới" (xem chú thích 25).- 295.

84 Chaptal, "De l'Industrie française", T.I-II, Paris, 1819.-301.

85 *Phoóc-tuy-na-tuýt* là nhân vật trong truyền thuyết dân gian nước Đức, có chiếc túi tiền thần tiên không bao giờ cạn và chiếc mũ ma.- 301.

86 Trích dẫn ở lời bạt phần hai của "Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung" của S.Phu-ri-ê.- 301.

87 Đây chỉ những chư hầu nhỏ ở Đức đã mất quyền lực của mình; trong thời kỳ chiến tranh của Na-pô-lê-ông và hội nghị Viên (1814-1815), do chia lại bản đồ chính trị của nước Đức nên lãnh địa của họ bị sáp nhập vào lãnh thổ của những bang lớn hơn ở Đức.- 305.

88 *"Nước Anh trẻ"* là một hội của những nhà hoạt động chính trị và nhà văn học Anh thuộc Đảng To-ri thành lập vào đầu những năm 40 thế kỷ XIX. Các nhà hoạt động của nhóm "Nước Anh trẻ", trong khi bộc lộ tâm trạng bất mãn của bọn quý tộc địa chủ đối với sự tăng cường thực lực kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản, đã dùng thủ đoạn mê hoặc hòng ảnh hưởng đến giai cấp công nhân, lợi dụng họ chống lại giai cấp tư sản. Trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", C.Mác và Ph. Ăng-ghen đã xác định quan điểm của họ là "chủ nghĩa xã hội phong kiến".- 307.

89 Mác trích dẫn, có thêm những câu châm biếm, bản tin Xuy-rích của Xia-txen đăng trong "Allgemeine Literatur-Zeitung" số 5 (tháng Tư 1844).- 315.

90 Trích ở một điệu hát nhỏ dùng trong các bữa tiệc nhỏ ở Pháp.- 315.

https://thuviensach.vn

91 Ăng-ghen viết cuốn *"Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh"* ở Bác-men từ tháng Chín 1844 đến tháng Ba 1845. Trong thời gian lưu lại ở Anh (tháng Mười một 1842 đến tháng Tám 1844), Ăng-ghen đã chú ý nghiên cứu điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản Anh, dự định trình bày vấn đề này trong một chương trình của một tác phẩm ông định viết về lịch sử xã hội nước Anh; nhưng để làm sáng tỏ vai trò đặc biệt của giai cấp vô sản trong xã hội tư sản, Ăng-ghen đã dành riêng hẳn một tác phẩm nghiên cứu tình cảnh giai cấp công nhân Anh.

Cuốn sách xuất bản lần đầu bằng tiếng Đức ở Lai-pxích năm 1845. Bản in lần thứ hai bằng tiếng Đức ra mắt năm 1892. Trong thời gian này, bản dịch ra tiếng Anh được tác giả thừa nhận cũng xuất bản hai lần (ở Niu Oóc năm 1887 và ở Luân Đôn năm 1892). Trong khi chuẩn bị cho những lần tái bản cuốn sách của minh, Ăng-ghen đã không đưa vào cuốn sách một sửa đổi căn bản nào. Nhưng trong "Phụ lục cho bản in ở Mỹ" (1887) mà hầu như toàn bộ được đưa vào lời tựa bản tiếng Anh và bản tiếng Đức xuất bản năm 1892, Ăng-ghen thấy cần phải nói với bạn đọc rằng không nên coi "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" là một tác phẩm mác-xít già dặn. Ông viết: "... Trong quyển sách này, chỗ nào cũng thấy dấu vết của sự bắt nguồn của chủ nghĩa xã hội hiện đại từ một tổ tiên của nó là triết học cổ điển Đức. Chẳng hạn, trong sách (nhất là về cuối) đã nhấn mạnh rằng chủ nghĩa cộng sản không đơn thuần là học thuyết về đảng của giai cấp công nhân mà là lý luận có mục đích cuối cùng là giải phóng toàn thể xã hội, kể cả các nhà tư bản, khỏi khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ hiện có. Theo ý nghĩa trừu tượng thì luận điểm đó đúng, nhưng trong thực tiễn thì nó chẳng có ích gì, thậm chí phần nhiều lại có hại. Chừng nào mà các giai cấp hữu sản không những tự họ không thấy sự cần thiết được giải phóng mà thậm chí còn dốc sức chống lại sự tự giải phóng của giai cấp công nhân thì chừng ấy giai cấp công nhân còn phải đơn độc chuẩn bị và tiến hành cách mạng xã hội". Sau đó Ăng-ghen giải thích tại sao điều dự đoán của ông năm 1845 về cuộc cách mạng xã hội sắp nổ ra ở Anh không được chứng thực: ông cho rằng sự suy yếu của phong trào Hiến chương từ sau năm 1848 và thắng lợi tạm thời của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Anh có quan hệ trực tiếp với địa vị lũng đoạn công nghiệp của Anh trên thị trường thế giới và ông tin chắc rằng "chủ nghĩa xã hội sẽ lại xuất hiện ở Anh" một khi Anh mất đi địa vị lũng đoạn của mình. - 317.

92. Ăng-ghen viết bài "Gửi các giai cấp lao động Đại Bri-ten" bằng tiếng Anh với ý định xuất bản thành một tập riêng và phân phát cho một số lãnh tụ các chính đảng ở Anh, một số nhà văn và nghị sĩ. Trong các lần xuất bản bằng tiếng Đức cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" năm 1845 và 1892 đều có đăng bài này bằng tiếng Anh, trong các lần xuất bản ở Mỹ (1887) và ở Anh (1892) đều không có bài này.- 321.

93 Chỉ cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt Xi-lê-di ngày 4-6 tháng Sáu 1844 - đây là cuộc chiến đấu giai cấp quy mô lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, - cũng như cuộc nổi dậy của công nhân Séc vào mùa hè 1844 trong số đó có cả công nhân dệt ngoại ô Pra-ha.- 327.

94 Ngày nay người ta đã có thể xác định rõ thêm một số sự kiện mà Ăng-ghen đã nêu lên. Chẳng hạn, người ta biết rằng Ác-crai-tơ không phải là người phát minh ra máy kéo sợi mà là người đã vơ lấy hàng loạt phát minh của người khác thực hiện ở Anh. Ăng-ghen cũng không biết về hàng loạt sáng chế và phát minh đã được thực hiện ở các nước khác, đặc biệt là ở Nga. Chẳng hạn, Ăng-ghen không biết việc nhà phát minh người Nga I.I.Pôn-du-nốp (1728-1766) đã chế tạo ra động cơ chạy bằng hơi nước đầu tiên vào năm 1763. Động cơ này đã không được sử dụng trong điều kiện chế độ nông nô ở Nga, trong khi đó chiếc máy hơi nước do Giêm-xơ Oát chế tạo đã nhanh chóng được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp Anh. - 338.

95 *"Durham Chronicle"* ("Thời sự Đớc-hêm") là tờ tuần báo xuất bản ở Đớc-hêm (Anh) từ năm 1820; trong những năm 40 của thế kỷ XIX nó có khuynh hướng tự do tư sản. - 345.

https://thuviensach.vn

96 Chỉ cuộc cải cách luật bầu cử do nghị viện Anh tiến hành vào tháng Sáu 1832. Cuộc cải cách này nhằm chống lại sự lũng đoạn chính trị của bọn quý tộc ruộng đất và tài chính, mở rộng cửa nghị viện cho đại biểu của giai cấp tư sản công nghiệp. Giai cấp vô sản và giai cấp tiểu tư sản là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh đòi quyền cải cách, bị giai cấp tự do lừa gạt, đã không giành được quyền bầu cử. - 350.

97 Về kỳ họp của nghị viện năm 1844, xem tập này, tr. 545-548, 679-680 và 691-692.-350.

98 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, t.1, tr. 747-786.- 354.

99 Ăng-ghen trích dẫn bản tin của mục sư Ôn-xtơn ban đầu đăng trên tờ "The Weekly Dispatch" ("Tin nhanh hàng tuần"), cơ quan của phái tư sản cấp tiến, sau đăng lại

trên tờ "The Northern Star" ("Sao Bắc cực") của phái Hiến chương số 338, 4 tháng Năm 1944.- 336.

100 *"The Times"* ("Thời báo") là tờ báo ra hàng ngày lớn nhất của Anh, có khuynh hướng bảo thủ; được sáng lập ở Luân Đôn năm 1785.-368.

101 Bản báo cáo mà Ăng-ghen trích dẫn ra ở đây là của một uỷ ban do dân cư ở Hát-đơ-xphin bầu ra ngày 19 tháng Bảy 1844 để điều tra tình hình vệ sinh thành phố, đã được đăng trên tờ "The Northern Star" số 352, ngày 10 tháng Tám 1844.-379.

102 *Cớc-xôn Mua* là một quả đồi gần Man-se-xtơ, nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc họp của công nhân. Ăng-ghen gọi Cớc-xôn Mua là "Núi thánh" để so sánh với Núi thánh cổ La Mã là nơi mà, theo truyền thuyết, năm 494 trước công nguyên, những người bình dân khởi nghĩa chống quý tộc đã rút vào đấy.- 384.

103 *" The Manchester Guardian"* ("Người bảo vệ Man-se-xtơ") là tờ báo tư sản Anh, cơ quan của phái mậu dịch tự do, sau trở thành cơ quan của Đảng tự do; xuất bản ở Man-se-xtơ từ năm 1821.- 413.

104 Ăng-ghen đã trích dẫn bản tin của linh mục Sam-nít về tình cảnh công nhân cảng ở Luân Đôn. Bản tin này ban đầu đăng trên tuần báo "The Weekly Dispatch", sau đăng lại trên tờ "The Northern Star" số 338, ngày 4 tháng Năm 1844.- 435.

105 Bài báo của R. Cau-en "Tình hình vệ sinh của dân cư qua thống kê số sinh đẻ và tử vong ở Gla-xgô" đăng trong "Journal of the Statistical Society of London" ("Tạp chí của Hội thống kê Luân Đôn") vào tháng Mười 1840.- 460.

106 Đạo luật đặc biệt về xây dựng thủ đô (Metropolitan Buildings Act) do nghị viện Anh thông qua năm 1844.- 465.

107 *Đạo luật năm 1802* hạn chế thời gian làm việc của trẻ em học nghề là 12 giờ và cấm sử dụng những trẻ em đó làm những công việc ban đêm. Đạo luật này chỉ thi hành trong công nghiệp dệt bông và dệt len, nó không quy định việc thanh tra các công xưởng để đôn đốc mà trên thực tế bọn chủ xưởng cũng không tuân theo.- 516.

108 *Đạo luật năm 1919* cấm các xưởng kéo sợi và dệt bông thuê trẻ em dưới 9 tuổi cũng như cấm trẻ em và thiếu niên dưới 16 tuổi làm đêm; đối với những người đó cũng như người khác, ngày làm việc giới hạn là 12 giờ không kể thời gian ăn cơm; vị chủ xưởng có thể tuỳ tiện bố trí thời gian ấy cho nên ngày làm việc thực tế lên tới 14 giờ hoặc hơn thế nữa.

Đạo luật năm 1825 quy định thời gian ăn cơm mỗi ngày không được quá 1 giờ rưỡi để cho tổng số thời gian của mỗi ngày làm việc không vượt quá 13 giờ rưỡi.

Cũng như đạo luật năm 1819 , đạo luật năm 1825 không quy định việc thanh tra các công xưởng để đôn đốc và không được bọn chủ xưởng tuân theo.- 539.

https://thuviensach.vn

109 *"The Fleet papers"* ("Bút ký Phlít") là tờ tuần báo được viết dưới dạng là một tập thư tín, do Ô-xtơ xuất bản trong nhà giam những người mắc nợ ở Phlít, từ 1841 đến 1844.- 545.

110 *"The Northern Star"* ("Sao Bắc đẩu") là một tờ tuần báo Anh, cơ quan trung ương của phái Hiến chương được sáng lập năm 1837, đình bản năm 1852, ban đầu xuất bản ở Lít-xơ và từ tháng Mười một 1844 thì xuất bản ở Luân Đôn. Người sáng lập và chủ bút là Ph. Ô' Côn-no, trong những năm 49 G. Hác-ni cũng đã biên tập báo này. Ph. Ăng-ghen viết bài cho báo này từ tháng Chín 1845 đến tháng Ba 1848.-555.

111 Bản dịch ra tiếng Đức bài thơ của E. Mi-đơ "Vua Hơi nước" ("The Steam-King") là do Ph.Ăng-ghen dịch; nguyên văn tiếng Anh của bài thơ ấy đăng trên tờ "The Northern Star" , số 274, 11 tháng Hai 1843, còn có hai đoạn nữa; người dịch bài thơ ấy ra tiếng Nga cho lần xuất bản này là X. Mác-sắc.- 559.

112 *"Revue des deux mondes"* ("Tạp chí Hai thế giới") là tạp chí văn học nghệ thuật và chính luận của giai cấp tư sản, ra hai tuần một kỳ, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1829.- 576.

113 Theo truyền thuyết, nhà quý tộc La Mã Mê-nê-ni-út A-grip-pa đã thuyết phục được những người bình dân khởi nghĩa năm 494 trước công nguyên bằng cách kể cho họ nghe câu chuyện ngụ ngôn về các bộ phận của cơ thể đã phản kháng không phục vụ cái dạ dày, vì dạ dày không chịu ăn, cho nên đã dẫn đến một tai hoạ lớn cho cơ thể.- 605.

114 Chỉ những cuộc xung đột giữa phái Hiến chương với cảnh sát do bọn khiêu khích gây ra ở Sép-phin-đơ, Brát-phoóc và nhiều thành phố khác. Những cuộc xung đột ấy đã dẫn tới nhiều vụ bắt bớ các lãnh tụ và thành viên của phong trào. -614.

115 *"Mechanics' Institutions"* là một loại trường học buổi tối trong đó công nhân có thể học một số kiến thức phổ thông và kỹ thuật; loại trường này xuất hiện đầu tiên ở Anh vào năm 1823 (ở Gla-xgô) và năm 1824 (ở Luân Đôn). Đầu những năm 40 thế kỷ XIX đã có trên 200 trường, chủ yếu là ở các thành phố công xưởng thuộc Lan-kê-sia và Y-oóc-sia. Giai cấp tư sản lợi dụng những trường ấy để đào tạo công nhân kỹ thuật cần thiết cho công nghiệp và để nắm lấy những công nhân ấy. -625.

116 D. F. Strauβ, "Das Leben Jesu", Bd. 1 - 2, Tübingen, 1835 - 1836 (Đ. Ph. Stơ-rau-xơ,

"Cuộc đời của Giê-su" Tập 1 - 2, Tuy-bin-ghen, 1835 - 1836). Về tác phẩm của Pru-đông, xem chú thích 14. - 627.

117 *"The Mining Journal"* ("Tạp chí ngành mỏ") là tuần báo kinh tế và kỹ thuật xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1835.- 638.

118 Đạo luật cấm dùng phụ nữ và trẻ em dưới 10 tuổi vào lao động ở dưới mặt đất đã được nghị viện thông qua ngày 10 tháng Tám 1842. - 640.

119 *Toà án hoàng gia* là một trong những toà án lâu đời nhất ở Anh; ở thế kỷ XIX (trước năm 1873) nó là một toà án độc lập tối cao xét xử các vụ án hình sự và dân sự, có quyền xét lại các quyết định của các toà án cấp dưới. - 643.

120 *Writ of Habeas Corpus* là một văn kiện thông dụng trong thủ tục xét xử ở Anh, uỷ quyền cho một cấp toà án chiếu theo yêu cầu của đương sự đưa người bị bắt ra toà thẩm tra xem việc bắt đó có hợp pháp không. Dựa vào việc thẩm tra nguyên nhân bắt giam, toà án hoặc tha bổng người bị bắt, hoặc đưa trả về nhà tù, hoặc tạm tha có đặt cọc hoặc bảo lãnh. Thủ tục này do đạo luật năm 1679 quy định không áp dụng đối với tội phản quốc và có thể bị bãi bỏ theo quyết định của nghị viện.- 643.

121 *Sự hợp nhất Anh - Ai-rơ-len* là do Chính phủ Anh cưỡng ép Ai-rơ-len tiếp nhận sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Ai-rơ-len năm 1798. Sự hợp nhất có hiệu lực từ 1 tháng Giêng 1801 đã tước đoạt nốt chút quyền tự quyết cuối cùng của Ai-rơ-len và đã giải tán nghị viện Ai-rơ-len. Việc yêu cầu thủ tiêu sự hợp nhất (Ai-rơ-len và đã giải tán nghị viện Ai-rơ-len.

https://thuviensach.vn

Việc yêu cầu thủ tiêu sự hợp nhất (Repeal of Union) đã trở thành khẩu hiệu được hưởng ứng nhất ở Ai-rơ-len từ những năm 20 của thế kỷ XIX; Hội liên hiệp của những người chủ trương thủ tiêu sự hợp nhất đã được thành lập năm 1840.- 668.

122 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr . 787-825.- 670.

123 *"Laissez faire, laissez aller"* ("Mặc cho tự do hành động") là công thức của các nhà kinh tế học tư sản thuộc phái mậu dịch tự do là những người chủ trương tự do mậu dịch và nhà nước không can thiệp vào lĩnh vực quan hệ kinh tế.- 672.

124 *Bàn (*hoặc *bữa tiệc) Bác-mê-ki-đơ* là một thành ngữ lấy trong thần thoại "Một nghìn một đêm lẻ". Trong bữa tiệc này, người ta bưng ra cho những người đói hết đĩa nọ đến đĩa kia nhưng toàn là đĩa không.- 693.

125 Chỉ tờ *"The New Moral World"* ("Thế giới đạo đức mới") là tờ tuần báo của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng do R. Ô -oen sáng lập năm 1834, xuất bản đến

năm 1846, ban đầu ở Lít-xơ và từ tháng Mười 1841 ở Luân Đôn; Ph. Ăng-ghen cộng tác với tờ báo này từ tháng Mười một 1843 đến tháng Năm 1845. - 699.

126 Chỉ "Deutsch- Französische Jahrbücher" do C.Mác và A.Ru-gơ sáng lập, xem chú thích 16.- 700.

127 *"Trier'sche Zeitung"* ("Báo Tơ-ria") sáng lập năm 1757 ở Tơ-ria, từ năm 1815 xuất bản dưới tên đó; đầu những năm 40 thế kỷ XIX là cơ quan của phái tư sản cấp tiến; giữa những năm 40 bắt đầu đăng những bài về chủ nghĩa xã hội, trong số đó có các bài của cộng tác viên thường xuyên C. Gruyn là người đã nhanh chóng trở thành một trong những đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính".- 700.

128 "*Sprecher oder: "Rheinisch- Westphälischer Anzeiger"* ("Người phát ngôn hoặc người truyền tin tỉnh Ranh-Ve-xtơ-pha-li") là tờ báo được thành lập năm 1798 ở Đoóc-mun, xuất bản ở Vê-đen trong những năm 40 của thế kỷ XIX; C.Gruyn đã tham gia ban biên tập từ 1842 đến tháng Mười một 1844. - 700.

129 Chỉ tờ báo Đức *"Vorwärts!"* ("Tiến lên !"), xuất bản ở Pa-ri từ tháng Giêng đến tháng Chạp 1844, ra mỗi tuần 2 kỳ. Nhờ ảnh hưởng của Mác là người đã cộng tác chặt chẽ vào công tác biên tập từ mùa hè 1844, tờ báo đã bắt đầu mang tính chất cộng sản chủ nghĩa; nó đã phê phán gay gắt chế độ phản động ở Phổ. Tờ báo đã đăng các bài của C.Mác và Ph. Ăng-ghen (Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr . 591-616 và 826-888). Nhưng theo yêu cầu của Chính phủ Phổ, nội các Ghi-đô đã trục xuất Mác và mấy cộng tác viên của tờ báo ra khỏi nước pháp vào tháng Giêng 1845; tờ "Vorwärts!" phải đình bản. - 700.

130 Chỉ bài báo "Bóng ma xã hội chủ nghĩa" được đăng khuyết danh trên phụ trương của tờ "Kölnische Zeitung" số 314, ngày 9 tháng Mười một 1844.- 702.

131 *"Hài hoà"* ("Harmony") là tên gọi của khu di dân cộng sản chủ nghĩa do các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, môn đồ của Rô-bớt Ô-oen sáng lập năm 1841 ở Hăm-sia (Anh). Khu di dân này tồn tại mãi cho đến đầu năm 1846.- 703.

132 Bản dịch của Ăng-ghen về bản sơ thảo bài thơ của Hai-nơ. Chỗ khác nhau với nguyên văn đăng lần đầu tiên trên tờ Vorwärts !" số 55, ngày 10 tháng Bảy 1844 là ở đoạn đầu của bản dịch có thêm dòng thứ ba.- 703.

133 Chỉ tờ niên giám *"Deutsche Bügerbuch"* ("Sổ tay công dân Đức") năm 1845 do H. Puýt-man xuất bản ở Đác- mơ-stát vào tháng Chạp 1844. Ngoài rất nhiều bài của "các nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", trong niên giám còn đăng tác phẩm của các nhà hoạt động thuộc phong trào dân chủ cách mạng như V.Vôn-phơ và

https://thuviensach.vn

nhà thơ G.Véc-thơ. Trong niên giám cũng đăng cả các tin tức về các khu di dân cộng sản chủ nghĩa ở châu Mỹ và khu di dân "Hải hoà" của những người theo học thuyết Ô-oen ở Anh. Những bản tin này đều do Ph. Ăng-ghen biên soạn và dịch ra tiếng Đức dựa vào các tài liệu lấy ở các báo "The New Moral World". "The Northern Star" và "The Morning Chronicle". Trong niên giám "Deutsches Bürgerbuch" năm 1846, xuất bản ở Man-hem mùa hè 1846, có đăng bản dịch của Ph. Ăng-ghen: "Đoạn trích Phu-ri-ê nói về thương nghiệp" kèm theo lời mở đầu và lời kết thúc.- 706.

134 Chỉ tạp chí *"Rheinische Jahrbücher zur gesellschaflichen Reform"* ("Niên giám tỉnh Ranh về các vấn đề cải cách xã hội") do nhà chính luận cấp tiến H.Puýt-man xuất bản; ra tất cả được hai tập, tập thứ nhất vào tháng Tám 1845 ở Đác-mơ-stát, tập thứ hai vào cuối năm 1846 ở Ben-Vuy trên biên giới Đức-Thuỵ Sĩ. Mác và Ăng-ghen cho rằng muốn giành được ở Đức trận địa truyền bá những quan điểm cộng sản chủ nghĩa của mình thì phải lợi dụng tạp chí này. Tập một đã đăng toàn văn các bài phát biểu của Ph. Ăng-ghen tại các cuộc hội nghị ở En-bơ-phen-đơ ngày 8 và 15 tháng Hai 1845 ("Các bài phát biểu tại En-bơ-phen-đơ") và tập hai có đăng bài "Ngày hội của các dân tộc ở Luân Đôn" của ông (xem tập này). Nhưng phương hướng chung của tờ niên giám đã bị bọn đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" tham gia niên giám chi phối; vì vậy trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (1845-1846) của mình, Mác và Ăng-ghen đã phê phán gay gắt niên giám này.- 706.

135 Chỉ tờ nguyệt san *"Gesellschaftsspiegel"* ("Tấm gương xã hội"). Ban đầu Ăng-ghen có tham gia công tác tổ chức tạp chí nhưng không tham gia công tác biên tập. Tạp chí này xuất bản ở En-bơ-phen-đơ do M. Hét-xơ làm chủ bút đã đăng một số bài của "các nhà xã hội chủ nghĩa chân chính". Tất cả ra được 12 số trong những năm 1845 - 1846.- 706.

136 Ở đây, Ăng-ghen viết về một tác phẩm mà C.Mác dự định viết: "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị"; ngày 1 tháng Hai 1845, Mác đã ký với nhà xuất bản Le-xcơ bản hợp đồng về việc xuất bản một tác phẩm gồm 2 tập mang tên đó. Bắt đầu nghiên cứu khoa kinh tế chính trị từ cuối năm 1843, đến mùa xuân 1844 Mác đã đề ra cho mình nhiệm vụ đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản để phê phán trên báo chí khoa kinh tế chính trị tư sản; trong số những bản thảo do Mác viết hồi bấy giờ đến nay chỉ còn lại một phần với nhan đề là "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844". Vì bận viết cuốn "Gia đình thần thánh", Mác tạm thời hoãn việc nghiên cứu khoa kinh tế chính trị và chỉ quay lại công việc đó vào tháng Chạp 1844. Rất nhiều đề cương, trích yếu và bút ký do Mác

viết vào những năm 1845 - 1846 khi nghiên cứu các nhà kinh tế học Anh và Pháp vẫn còn được giữ lại. Nhưng lần này Mác cũng không thực hiện được kế hoạch của mình. Ngày 1 tháng Tám 1846 chính Mác đã viết cho Le-xcơ về những nguyên nhân khiến Người phải hoãn lại một lần nữa việt thực hiện kế hoạch của mình: "Tôi cho rằng điều quan trọng nhất là trước khi trình bày vấn đề một cách trực diện, tôi sẽ viết một tác phẩm luận chiến chống lại triết học Đức và chống lại chủ nghĩa xã hội Đức tồn tại cùng thời với nó. Điều đó là cần thiết để chuẩn bị cho quần chúng tiếp thu quan điểm kinh tế chính trị trực tiếp đối lập với cái khoa học cho tới nay vẫn tồn tại ở Đức". "Tác phẩm luận chiến" mà Mác nói ở đây là "Hệ tư tưởng Đức" (1845-1846) do Người và Ăng-ghen cùng viết. Bản hợp đồng xuất bản tác phẩm "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị" đã bị nhà xuất bản huỷ bỏ vào tháng Hai 1847.- 707.

137 W. Weitling. "Garantien der Harmonie und Freiheit", Vivis, 1842 (V. Vai-tlinh, "Sự bảo đảm cho hài hoà và tự do", Vi-vít, 1842).- 707.

138 Chỉ bài "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu" đăng trong "Deutsch- Französische Jahrbücher". Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr .569-590.- 707.

https://thuviensach.vn

139 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr . 721-744 và 745-746.- 709.

140 *"Das Westphälische Dampfboot"* ("Tàu thuỷ Ve-xtơ-pha-li") là tạp chí ra hàng tháng do "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính" Ô. Luy- ninh xuất bản ở Bi-lơ-phen-đơ từ tháng Giêng 1845 đến tháng Chạp 1846 và ở Pa-đéc-boóc từ tháng Giêng 1847 đến tháng Ba 1848. - 712.

141 Chỉ *"Allgemeines Volksblatt. Populärer Monatsbericht über die wichtigsten Zeitfragen"* ("Báo nhân dân phổ thông khổ nhỏ. Bình luận phổ thông hàng tháng về những vấn đề quan trọng đường thời") xuất bản ở Khuên từ tháng Giêng 1845 đến đầu năm 1846 với sự tham gia của nhà hoạt động dân chủ Đe-xtơ là người có quan hệ với Mác và Ăng-ghen.- 712.

142 Chỉ văn tập *"Neue Anekdota"* ("Tập chuyện mới") xuất bản ở Đác-nơ-stát vào cuối tháng Năm 1845. Văn tập này bao gồm các bài của M.Hét-xơ. C.Gruyn, Ô. Luy-ninh viết cho các báo nhưng bị cơ quan kiểm duyệt cấm đăng, phần lớn được viết vào nửa đầu năm 1844. Qua thư của Gruyn gửi cho Hét-xơ có thể thấy rằng sau khi tập sách vừa mới được xuất bản, Mác và Ăng-ghen đã phát biểu một loạt ý kiến phê bình gay gắt nội dung của nó.- 713.

143 A. Becker. "Was wollen die Kommunisten?". Một tập sách nhỏ xuất bản ở Lô-dan năm 1844. - 714.

144 Chỉ bài báo của C.Mác: "Lời bào chữa của phóng viên ở Mô-den", đăng trên "Rheinische Zeitung" tháng Giêng 1843 (Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr.265-305.-733.

145 Những quan điểm thuế quan bảo hộ của nhà kinh tế học Đức Ph. Li-xtơ trình bày trong cuốn sách của ông "Das nationale System der Politischen Oekonomie", Stuttgart und Thübingen, 1841 (" Hệ thống kinh tế chính trị quốc dân", Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1841).- 736.

146 Năm 1842 chấm dứt cái gọi là cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ nhất mà bọn thực dân Anh gây ra chống Trung Quốc, Trung Quốc buộc phải ký hiệp ước Nam-kinh bất bình đẳng; một trong những điều khoản của hiệp ước đó quy định mở năm cửa biển Trung Quốc cho Anh buôn bán: Quảng Châu, Thượng Hải, Áo Môn, Ninh Ba và Phúc Châu.- 741.

147 *Cuộc tàn sát ở Lai-pxích* là vụ quân đội Dắc-den bắn vào cuộc biểu tình của quần chúng ở Lai-pxích ngày 12 tháng Tám 1845. Cuộc biểu tình, mà ngòi nổ là cuộc duyệt binh đón mừng hoàng thân I-ô -han, được tổ chức nhằm phản đối chính phủ Dắc-den đàn áp phong trào "của các tín đồ Thiên chúa giáo Đức" và một trong những lãnh tụ của họ là linh mục G.Rôn-gơ. Phong trào của "các tín đồ Thiên chúa giáo Đức" nổ ra năm 1844 tại nhiều nước ở Đức đã lôi cuốn phần lớn giai cấp trung và tiểu tư sản; lật đổ quyền lực của giáo hoàng La Mã và nhiều giáo lý cùng nghi thức của Thiên chúa giáo, "các tín đồ Thiên chúa giáo Đức" đã ra sức làm cho Thiên chúa giáo thích ứng với những nhu cầu của giai cấp tư sản đang lên.- 746.

148 *Pi-téc-lô* - người đương thời gọi như vậy là vì nó gần giống với trận Oa-téc-lô; đây là vụ quân đội Anh đàn áp đẫm máu quần chúng tay không tham gia cuộc mít-tinh đòi cải cách bầu cử, họp ngày 16 tháng Tám 1819 ở Quảng trường Xanh Pi-te gần Man-se-xtơ.- 746.

149 Cuộc chính biến 1688 sau đó ở Anh đã xác lập nền quân chủ lập hiến dựa trên sự thoả hiệp giữa bọn quý tộc ruộng đất và quý tộc tài chính đã được sử sách tư sản Anh gọi là cuộc "Cách mạng vinh quang".- 748.

150 Hiến pháp năm 1791 do Quốc hội lập hiến của giai cấp tư sản thông qua đã xác lập nên quân chủ lập hiến ở Pháp. Hiến pháp này đã bị cuộc khởi nghĩa nhân dân lật đổ vương quyền ngày 10 tháng Tám 1792 bãi bỏ.- 756.

151 Một loạt bài của Ph. Ăng-ghen "Tình hình nước Đức" đều nhằm chống lại quan

https://thuviensach.vn

điểm dân tộc chủ nghĩa phản động khi giải thích lịch sử nước Đức, và nhất là cuộc chiến tranh 1813 - 1815 với nước Pháp dưới thời Na-pô-lê-ông. Trong khi phê phán quan điểm dân tộc chủ nghĩa, Ăng-ghen đồng thời đã đưa ra ở đây sự đánh giá phiến diện cuộc chiến tranh này. Trong cuộc chiến tranh này các giai cấp thống trị và các vương triều cầm quyền đã lợi dụng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của quần chúng nhân dân chống lại chính sách cướp đoạt của Na-pô-lê-ông I để phục hồi chế độ phong kiến ở châu Âu. Sau này, khi đánh giá lại thời kỳ lịch sử ấy, Ph. Ăng-ghen đã viết trong tác phẩm của mình "Vai trò của bạo lực trong lịch sử" (1888): "Cuộc chiến tranh toàn dân của các dân tộc chống lại Na-pô-lê-ông là sự phản ánh tình cảm dân tộc đã bị Na-pô-lê-ông chà đạp ở tất cả các dân tộc".-758

152 *Điều lệ liên bang* duy trì tình trạng chia cắt ở Đức do Đại hội Viên ngày 8 tháng Sáu 1815 thông qua. Lời hứa xác lập hiến pháp ở tất cả các nước tham gia Liên bang Đức ghi trong điều 13 của văn kiện này đã không được thực hiện.- 768.

153 Chỉ cuộc cách mạng tư sản ở Tây Ban Nha nổ ra vào tháng Giêng 1820 và những cuộc nổi dậy cách mạng ở Na-pô-li và Pa-léc-mơ vào tháng Bảy 1820, ở Bồ Đào Nha vào tháng Tám 1820, ở Pi-ê-mông vào tháng Ba 1821. Phong trào cách mạng đã bị đàn áp do sự can thiệp của Liên minh thần thánh bằng cách phái quân đội Pháp tiến vào Tây Ban Nha và quân đội Áo tiến vào I-ta-lia.- 755.

154 Hội âm mưu bí mật của những người đốt than ở Pháp được thành lập vào cuối năm 1820 đầu năm 1821, mô phỏng theo một đoàn thể cùng tên ở I-ta-li-a. Những người đốt than ở Pháp tập hợp trong hàng ngũ của mình nhiều đại biểu của các phe phái chính trị khác nhau, tự đặt cho mình mục đích lật đổ vương triều Buốc-bông. Năm 1822 đã tổ chức một vụ âm mưu khởi nghĩa đồng loạt của các quân đồn trú ở một số thành phố (Ben-pho, La Rô-sen, v.v.). Sau vụ âm mưu thất bại và một số lãnh tụ bị giết, hội những người đốt than trên thực tế đã ngừng hoạt động.- 775.

155 Chỉ thời kỳ cao trào của phong trào dân chủ có tính chất quần chúng ở Anh vào những năm 1816-1819; phong trào tiến hành dưới khẩu hiệu đấu tranh đòi cải cách luật bầu cử.- 775.

156 Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp tháng Bảy 1830.- 776.

157 Theo luật bầu cử năm 1832 ở Anh thì ở các thành phố chủ nhà và người thuê nhà có thu nhập hàng năm không dưới 10 bảng đều có quyền bầu cử.- 777.

158 Quyết nghị trong biên bản cuối cùng (12 tháng Sáu 1834) của hội nghị đại biểu các nước ở Đức họp tại Viên quy định vua chúa các nước phải chi viện lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống lại phong trào tự do và dân chủ. Văn kiện này đã

được nhà chính luận thuộc phái tự do Vên-cơ phát biểu trong cuốn "Wichtige Urkunden für den Rechtszustand der deutschen Nation" ("Những văn kiện quan trọng về tình hình luật pháp của nước Đức") xuất bản ở Man-hem năm 1844.- 777.

159 Bộ trưởng Bộ Nội vụ Anh Gi.R. Gi-Grê-hêm đã gây ra sự công phẫn trong các đoàn thể dân chủ, vì để lấy lòng Chính phủ Áo, năm 1844 ông đã ra lệnh cho Cục bưu điện để cảnh sát kiểm duyệt thư từ của các nhà cách mạng lưu vong I-ta-li-a.-778.

160 Việc dịch ("Ein Fragment Fourier's über den Handel") :" Đoạn trích Phu-ri-ê nói về thương nghiệp" nằm trong một kế hoạch xuất bản rộng lớn hơn do Mác và Ăng-ghen vạch ra nhằm truyền bá ở Đức những tác phẩm ưu tú nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh. Trong lời mở đầu và lời kết thúc cho "Đoạn trích Phu-ri-ê nói về thương nghiệp", Ph. Ăng-ghen lần đầu tiên công khai phê bình "các nhà xã hội chủ nghĩa chân chính". Thái độ tự cao và khinh thị của "các nhà xã hội chủ nghĩa chân chính" đối với các đại biểu lỗi lạc của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Pháp và ở Anh, ý đồ của họ

https://thuviensach.vn

muốn ca tụng "chủ nghĩa xã hội chân chính Đức" đã được thể hiện đặc biệt rõ nét trong cuốn sách của C.Gruyn "Die soziale Bewegung in Frankreich und Belgien" ("Phong trào xã hội ở Pháp và Bỉ") xuất bản vào tháng Tám 1845 ở Đác-mơ-stát. Trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" (1845-1846), C.Mác và Ăng-ghen đã phê phán toàn diện C.Gruyn với tư cách là một đại biểu điển hình của "chủ nghĩa xã hội chân chính".- 779.

161 Ăng-ghen chỉ cuốn sách của L. Stai-nơ "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện nay".- 779.

162 Chỉ sự mô tả hoang đường trong các tác phẩm của Phu-ri-ê về những sự biến đổi dường như sẽ xảy ra trong giới tự nhiên sau này: sự biến đổi của cái vị lạ trong nước biển, sự xuất hiện trên bầu trời Bắc cực và Nam cực những vầng hào quang toả nhiệt, sự biến đổi của dã thú thành súc vật có lợi cho loài người, v.v..- 781.

163 Dưới đây là bản dịch của Ph. Ăng-ghen về những tác phẩm của Phu-ri-ê không đưa vào trong lần xuất bản này. Những đoạn trích do Ăng-ghen lựa chọn ban quát 7 chương đầu của tác phẩm chưa hoàn thành của S.Phu-ri-ê "Về ba loại thống nhất bên ngoài" là tác phẩm được phát biểu sau khi ông mất trong tạp chí "La Phalange" ("La Pha-lăng-giơ") của phái Phu-ri-ê, xuất bản năm 1845 (xem bản dịch tiếng Nga trong: S.Phu-ri-ê, Tuyển tập, M.-L., 1951, tập I, tr. 228-318). Những chương này đưa ra định nghĩa chung về thương nghiệp và trình bày các loại hình vỡ nợ. Một số chỗ hoàn toàn giống với phần "Về tự do vô hạn của thương nghiệp" trong cuốn sách của S.Phu-ri-ê "Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung" đã được thay bằng dấu lược bỏ trong tạp chí "La Pha-lăng-giơ" khi phát biểu bản thảo.

Trong bản dịch của mình, Ăng-ghen đã khôi phục lại những chỗ ấy theo thứ tự các trang trong sách của Phu-ri-ê. Khi dịch, Ăng-ghen đã lược bỏ những đoạn mô tả mang tính chất ảo tưởng của Phu-ri-ê về tương lai, một số lời ám chỉ không có ý nghĩa hiện thực cũng như những chỗ khó hiểu vì Phu-ri-ê dùng những thuật ngữ đặc biệt. Những đoạn do Ăng-ghen dịch, xin xem ở các trang 228 - 232, 237, 240 - 244, 249 - 252, 253 - 260, 261, 262 - 263, 265, 266, - 268, 271, 272 - 313 - 314, 315, 316 - 318 của bản dịch nói trên.- 782.

164 Ăn-ghen chỉ cuốn sách: H. W. Kaiser. "Die Persönlichkeit des Eigenthums", Bremen, 1843 (H. V. Cai-dơ, "Tính chất riêng của tài sản", Brê-men, 1843).- 784.

165 Bài "Ngày hội của các dân tộc ở Luân Đôn" do Ph. Ăng-ghen viết vào cuối năm 1845 đã đăng vào cuối năm 1846 trong tập 2 ""Rheinische Jahrbücher". Theo tin của tờ "The Northern Star" số 411 ngày 27 tháng Chín 1845, trong bài này gồm có phần tường thuật lại quá trình cuộc hội nghị ngày 22 tháng Chín 1845 ở Luân Đôn và bài diễn văn do Ăng-ghen phát biểu tại hội nghị. Hội nghị đó thực tế đặt cơ sở cho hội liên hiệp dân chủ quốc tế "Những người dân chủ anh em", có sự tham gia của cánh tả phái Hiến chương Anh, các công nhân Đức là thành viên của Đồng minh những người chính nghĩa, và những nhà cách mạng lưu vong của các nước khác cư trú ở Luân Đôn. Hết sức coi trọng sự kiện đó mà ông và Mác đã tham gia chuẩn bị, Ăng-ghen đã đặc biệt dành cho sự kiện đó bài báo này. Trong đoạn đầu, Ăng-ghen đã trình bày lại một cách châm biếm những luận điệu điển hình của một số "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính". (Gruyn,Luy-ninh, v.v.) là những người mà thái độ hư vô chủ nghĩa đối với các dân tộc khác đã được kết hợp với sự ba hoa có tính chất dân tộc chủ nghĩa về tính ưu việt của dân tộc khác. Phê phán những quan điểm này, Ăng-ghen đối lập chúng với tư tưởng nhất trí về lợi ích giữa những người vô sản các nước.- 788.

166 Trích bài thơ của Hai-nơ "Yên tâm", trong đó ông đả kích tác phong phi-li-xtanh và tập quán của tiểu thị dân Đức, so sánh họ với những người cộng hoà cổ La Mã.-789.

167 *"Các-ma-nhôn-lơ"* là một bài hát cách mạng hình thành trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Lời của bài "Các-ma-nhôn-lơ" đã được sửa chữa và bổ sung theo các sự kiện chính trị đang xảy ra.- 790.

https://thuviensach.vn

168 *Hiến pháp năm 1793* được định ra trong những tháng đầu của nền chuyên chính Gia-cô-banh ở Pháp là hiến pháp dân chủ nhất trong các hiến pháp tư sản. Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ở đầu Hiến pháp đã tuyên bố chủ quyền của nhân dân, quyền của nhân dân được làm cách mạng chống lại cái chính phủ đã cướp đoạt chính quyền của họ, và thừa nhận nghĩa vụ của xã hội bảo đảm việc

làm cho người vô sản và quan tâm đến những người không có khả năng lao động. Hiến pháp xoá bỏ sự hạn chế về tài sản và thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu. Đồng thời nó tuyên bố chế độ tư hữu là bất khả xâm phạm. Hiến pháp năm 1793 không thực hiện được trong tình hình nội chiến và can thiệp của thế lực phản cách mạng và sau ngày 9 tháng Nóng 1794 đã bị giai cấp đại tư sản phản cách mạng nắm chính quyền huỷ bỏ.- 790.

169 Chỉ những thắng lợi mà quân đội cách mạng Pháp đã giành được khi chiến thắng quân đội của cuộc liên minh lần thứ nhất của bọn vua chúa phản cách mạng châu Âu ở Giê-máp-pơ ngày 6 tháng Mười một 1792 và ở Phlơ-ruýt ngày 26 tháng Sáu 1794.- 792.

170 Lưu lại Luân Đôn vào nửa cuối tháng Tám 1845, Mác và Ăng-ghen đã trực tiếp thúc đẩy sự tiếp xúc giữa các nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh với các đại biểu của các nhà chính trị lưu vong; hai ông đã tham dự hội nghị hiệp thương của phái Hiến chương và các nhà lãnh đạo các đoàn thể Luân Đôn của đồng minh những người chính nghĩa với các nhà hoạt động của phong trào cách mạng dân chủ các nước, theo tin của tờ "The Northern Star" ngày 23 tháng Tám 1845 thì hội nghị này được sự ủng hộ của Ăng-ghen đã thông qua một nghị quyết sau đây: "Triệu tập một cuộc hội nghị công khai của các nhà dân chủ tất cả các nước hiện đang cư trú ở Luân Đôn để thảo luận việc thành lập một hội liên hiệp có mục đích cùng nhau tìm hiểu - qua hội nghị liên tịch họp từng thời gian nhất định - phong trào đang tiến hành ở mỗi nước vì sự nghiệp chung". Nhưng Mác và Ăng-ghen đều không dự cuộc hội nghị ngày 22 tháng Chín vì đã rời khỏi Luân Đôn.- 794.

171 Thơ của T. Cu-pơ "Nơi rửa tội của kẻ tự sát. Mười tập thơ trong tù", viết phỏng theo thơ của Bai-rơn "Sa-in Ha-rôn", đã xuất bản ở Luân Đôn năm 1845.- 795.

172 *"L'Union. Bulletin des ouvriers rédigé et publíc par eux mêmes "* ("Liên minh. Truyền tin công nhân, do công nhân tự biên tập và xuất bản") là tạp chí ra hàng tháng ở Pa-ri từ tháng Chạp 1843 đến tháng Chín 1846, do một nhóm công nhân chịu ảnh hưởng của tư tưởng Xanh-Xi-mông xuất bản.- 795.

173 *Vụ án tháng Tư* là vụ thẩm vấn 167 nhà hoạt động của phong trào công nhân và cộng hoà ở Pháp bị buộc tội phản quốc nhân cuộc khởi nghĩa ở Ly-ông và các cuộc tấn công cách mạng ở Pa-ri và các thành phố khác vào tháng Tư 1834. Trong số bị cáo có cả lãnh tụ của Hội nhân quyền và dân quyền là một tổ chức bí mật có xu hướng cộng hoà. Trong cuộc thẩm vấn năm 1835, phần lớn bị cáo bị kết án

tàn nhẫn: đày sang các thuộc địa hoặc tù dài hạn. Một bộ phận bị cáo, trong đó có 28 người đã bỏ trốn trong thời gian thẩm vấn, đã bị xử tử vắng mặt.- 803.

174 L. Blanc, "Histoire de dix ans . 1830-1840". T. I-V. Lần xuất bản đầu tiên là ở Pa-ri vào năm 1841-1844. Ăng-ghen dẫn chứng ở bản dịch tiếng Đức của tác phẩm này xuất bản ở Béc-lin năm 1844-1845.- 803.

175 *"Rheinischer Beobachter"* ("Người quan sát tỉnh Ranh") là báo ra hàng ngày có xu hướng bảo thủ, xuất bản ở Khuên từ 1844-1845.- 806.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

(Tháng Tám 1844 - tháng Tư 1846)

1844

Cuối tháng Tám - đầu tháng Chín

Cuộc gặp gỡ lịch sử giữa C.Mác và Ph. Ăng-ghen đã diễn ra ở Pa-ri đặt cơ sở cho sự hợp tác sáng tạo, cho hoạt động khoa học chung và cho cuộc đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp của giai cấp vô sản của hai người.

Hiểu rõ sự hoàn toàn nhất trí của mình "trên tất cả các mặt lý luận" (Ăng-ghen), các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác bắt tay vào việc viết tác phẩm chung đầu tiên mà hai người dự định gọi là "Phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn". Trong mười ngày lưu lại Pa-ri. Ăng-ghen đã viết bảy bài cho các chương của cuốn sách ấy.

Mác mời Ăng-ghen cộng tác với tờ báo "Vorwärts !" ("Tiến lên!") mà bản thân Mác đã tham gia mật thiết vào công tác biên tập.

https://thuviensach.vn

Ăng-ghen trực tiếp tìm hiểu phong trào công nhân Pháp, dự các cuộc họp của các nhà xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp đồng thời cũng đã gặp gỡ các nhà hoạt động chính trị Nga M. Ba-cu-nin và Tôn-xtôi.

31 tháng Tám - 19 tháng Mười	Tờ "Vorwärts!" đã đăng các bài của Ph. Ăng-ghen "Tình hình nước Anh. Thế kỷ XVII" và "Tình hình nước Anh-Hiến pháp Anh" do ông viết ở Anh vào tháng Hai-tháng Ba 1844 và hồi bấy giờ được chuẩn bị đăng trên "Deutsch- Französische Jahrbücher".
Khoảng 6 tháng Chín	Ăng-ghen rời Pa-ri về Đức, ở thành phố Bác-men.
Tháng Chín-tháng Mười một	Mác tiếp tục viết tác phẩm "Phê phán sự phê phán có tính phê phán" ở Pa-ri. Mở rộng rất nhiều kế hoạch ban đầu mà ông đã cùng với Ăng-ghen thảo ra, trong tác phẩm này ông đã lợi dụng một phần bản thảo kinh tế - triết học của mình cũng như những bút ký và trích dẫn về lịch sử cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.
Tháng Chín 1844 - tháng Giêng 1845	Mác tiếp tục quan hệ với các nhà dân chủ và các nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, với những người lãnh đạo hội bí mật Đức là Đồng minh những người chính nghĩa ở Pa-ri và với các lãnh tụ của phần lớn các hội bí mật của công nhân Pháp, thường dự các cuộc họp của công nhân và thợ thủ công Đức và Pháp.
Nửa cuối tháng Chín 1844- tháng Ba 1845	Ăng-ghen viết cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" ở Bác-men.

https://thuviensach.vn

Ăng-ghen tích cực tham gia tuyên truyền chủ nghĩa xã hội và tổ chức phong trào dân chủ và xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Ranh. Ông đặt quan hệ với các nhà xã hội chủ nghĩa ở Bác-men, En-bơ-phen-đơ, Khuên, Đuýt-xen-đoóc-phơ, Bon và các thành phố khác, tuyên truyền tư tưởng cộng sản chủ nghĩa trong các cuộc họp, tham gia công tác xuất bản sách báo xã hội chủ nghĩa.

Đầu tháng Mười	Ăng-ghen viết thư cho Mác về tình hình tuyên truyền chủ nghĩa xã hội ở Đức và về sự cấp thiết phải trình bày những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật về chủ nghĩa cộng sản trong vài ba cuốn sách đặt cơ sở lý luận cho phong trào xã hội chủ nghĩa.
Sau ngày 18 tháng Mười	Mác nhận được thư của V. Vai-tlinh (từ Luân Đôn) nhận xét bài báo của Mác: "Những nhận xét phê phán về bài báo của một người Phổ" : "Vua Phổ và cải cách xã hội".
Tháng Mười	Ăng-ghen biên soạn bài "Mô tả các khu di dân cộng sản chủ nghĩa mọc lên trong thời đại hiện nay và còn đang tồn tại" là bản dịch ra tiếng Đức những tài liệu lấy trong báo chí Anh. Bản tin này đăng vào tháng Chạp 1844 trong "Deutsche Bürgerbuch" năm 1845.
Tháng Mười 1844-đầu tháng Tư 1845	Ăng-ghen tiếp tục cộng tác với cơ quan của những người xã hội chủ nghĩa phái Ô-oen ở Anh "The New Moral World", đăng trên báo ấy những tin tức về sự truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Đức.
19 tháng Mười một	Trong thư gửi cho Mác, Ăng-ghen phê phán cuốn "Người duy nhất và sở hữu của nó" của M. Stiếc-nơ thuộc phái Hê-ghen trẻ.
Nửa cuối tháng Mười một	Mác hoàn thành cuốn "Phê phán sự phê phán có tính phê phán" và gửi bản thảo cho nhà xuất bản Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. Trong quá trình in, Mác đã thêm vào tên cuốn sách mấy chữ "Gia đình thần thánh".

https://thuviensach.vn

Tháng Chạp Mác đọc cuốn sách của M.Stiếc-nơ "Người duy nhất và sở hữu của nó" và dự định viết bài phê bình cuốn sách ấy cho báo "Vorwärts !".

Cuối 1844-tháng Giêng 1845 Mác tiếp tục nghiên cứu ở Pa-ri những tác phẩm của các nhà kinh tế học Anh và Pháp thuộc thế kỷ XVIII và mấy chục năm đầu thế kỷ XIX.

1845

16 tháng Giêng Do áp lực của Phổ, Chính phủ Pháp đã ra lệnh trục xuất Mác và hàng loạt cộng tác viên của tờ "Vorwärts !" ra khỏi Pháp.

1 tháng Hai Mác ký hợp đồng với Le-xcơ, chủ nhà xuất bản hiện đang ở Pa-ri (từ Đác-mơ-stát đến) về việc xuất bản tác phẩm

kinh tế học "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị" gồm hai tập.

Khoảng 2 tháng Hai Mác gặp gỡ nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng Pháp E. Ca-bê ở Pa-ri.

3 tháng Hai Vì bị trục xuất khỏi Pa-ri, Mác chuyển sang Bruy-xen, thủ đô Bỉ.

Tháng Hai-tháng Bảy Mác tiếp tục viết tác phẩm kinh tế học của mình ở Bruy-xen.

Tháng Hai- Mác trao đổi thư từ với các nhà hoạt động dân chủ và xã hội chủ nghĩa Đức ở Pa-ri và với các nhà lãnh đạo tổ chức Pa-ri của Đồng minh những người chính nghĩa.

https://thuviensach.vn

tháng Chạp	
8,15 và 22 tháng Hai	Ăng-ghen tham gia tổ chức các cuộc họp ở En-bơ-phen-đơ. Thảo luận về những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Diễn văn của Ăng-ghen trong hội nghị ngày 8 và 15 tháng Hai đã được đăng trong tập đầu của "Rheinische Jahrbücher" tháng Tám 1845.
Khoảng 24 tháng Hai	Tác phẩm của C.Mác và Ăng-ghen "Gia đình thần thánh hay là phê phán sự phê phán có tính phê phán. Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn" ra đời.
25 tháng Hai	Ph. Ăng-ghen nhận được thông tư chính thức của nhà cầm quyền địa phương về việc cấm tổ chức ở En-bơ-phen-đơ bất cứ một cuộc hội nghị nào nhằm thảo luận các tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.
15 tháng Ba	Ph. Ăng-ghen hoàn thành cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" và gửi bản thảo cho nhà xuất bản ở Lai-pxích.
Mùa xuân	C.Mác viết "Luận cương về Phoi-ơ-bắc" là "văn kiện đầu tiên mang mầm mống thiên tài của một thế giới quan mới" (Ăng-ghen).

https://thuviensach.vn

Tháng Ba-tháng Năm	Mác và Ăng-ghen bàn về việc xuất bản ở Đức "Tủ sách các nhà xã hội chủ nghĩa nổi tiếng nước ngoài".
Khoảng 5 tháng Tư	Ăng-ghen viết cho tờ "The New Moral World" bản tin về các cuộc hội nghị ở En-bơ-phen-đơ, được đăng ngày 10 tháng Năm 1845. Đến đây là kết thúc sự cộng tác của Ăng-ghen với cơ quan của các nhà xã hội chủ nghĩa phái Ô-oen ở Anh.
Sau ngày 5 tháng Tư	Ăng-ghen chuyển đến chỗ ở của Mác tại Bruy-xen.
Tháng Tư-tháng Chạp	Mác và Ăng-ghen đặt quan hệ với các nhà hoạt động dân chủ và xã hội chủ nghĩa Bỉ và với đại biểu của các nhà cách mạng lưu vong Ba Lan.
Cuối tháng Năm	Cuốn "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" của Ph. Ăng-ghen xuất bản ở Lai-pxích.
Khoảng 12 tháng Bảy	Mác và Ăng-ghen sang thăm Luân Đôn và Man-se-xtơ với mục đích nghiên cứu các sách báo kinh tế của Anh, cũng như tìm hiểu thêm về đời sống kinh tế và chính trị ở Anh và phong trào công nhân Anh.
Nửa cuối tháng Bảy-nửa đầu	Trong thời gian lưu lại Man-se-xtơ Mác và Ăng-ghen làm việc ở thư viện công cộng, ở đây hai ông đã nghiên cứu các tác phẩm của các nhà kinh tế học Anh.

https://thuviensach.vn

tháng Tám	
Giữa tháng Tám	Ở Luân Đôn, Mác và Ăng-ghen đã gặp gỡ một biên tập viên của tờ "The Northern Star" ("Sao Bắc cực") của phái Hiến chương là G. Hác-ni, cũng như các nhà lãnh đạo tổ chức Luân Đôn của đồng minh những người chính nghĩa là C. Sáp-pơ, G. Môn, v.v..
Khoảng 20 tháng Tám	Mác và Ăng-ghen đã tham gia cuộc hội nghị tại Luân Đôn của phái Hiến chương, các nhà lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa và một số các nhà hoạt động của phong trào cách mạng và dân chủ các nước. Được Ăng-ghen ủng hộ, hội nghị đã thông qua nghị quyết về sự cần thiết phải thành lập ở Luân Đôn Hội liên hiệp những người dân chủ của tất cả các nước để trao đổi tin tức về phong trào dân chủ và cách mạng ở các nước.
Khoảng 24 tháng Tám	Mác và Ăng-ghen rời Anh trở về Bruy-xen.
Giữa 8 và 11 tháng Chín	Ph. Ăng-ghen viết bài "Cuộc tàn sát gần đây ở Lai-pxích.
	- Phong trào công nhân ở Đức". Bài này được phát biểu ngày 13 tháng Chín, mở đầu cho sự cộng tác của ông với tờ "The Northern Star" .
Tháng Chín	Mác và Ăng-ghen tiếp đó bắt đầu viết cuốn "Hệ tư tưởng Đức" là một giai đoạn quan trọng trong việc định ra nguyên lý lý luận và triết học của đảng cộng sản. Vì vậy Mác đã ngừng công việc chỉnh lý bản thảo tập đầu của "Phê phán chính trị và khoa kinh tế chính trị".
15 tháng Mười	Ph. Ăng-ghen viết bài thứ nhất trong một loạt bài về Tình hình nước Đức". Bài này được đăng trên báo "The Northern Star" ngày 25 tháng Mười.
8 tháng Mười	"The Northern Star" đăng bài thứ hai của Ph. Ăng-ghen trong một loạt bài về "Tình hình nước Đức".

https://thuviensach.vn

một

1 tháng Chạp Được tin Chính phủ Phổ thông qua Chính phủ Bỉ trục xuất mình khỏi nước Bỉ, Mác đã từ bỏ quốc tịch Phổ.

Cuối năm 1845 Xét thấy kế hoạch xuất bản "Tủ sách các nhà xã hội chủ nghĩa nổi tiếng nước ngoài" không thể thực hiện được vì tôi không tìm được người xuất bản, Ăng-ghen bèn cho đăng trên niên giám "Deutsches Bürgerbuch" năm 1846 bản dịch những đoạn trích trong tác phẩm của Phu-ri-ê ("Đoạn trích Phu-ri-ê nói về thương nghiệp"), có kèm thêm lời mở đầu và lời kết thúc của mình. Ăng-ghen cho đăng bài này là nhằm mục đích lần đầu tiên công khai phản đối "chủ nghĩa xã hội chân chính".

Ăng-ghen viết bài "Ngày hội của các dân tộc ở Luân Đôn". Bài này mãi đến cuối năm 1846 mới được đăng trên tập 2 "Rheinische Jahrbücher".

https://thuviensach.vn

1846

Đầu năm 1846 Mác và Ăng-ghen thành lập ở Bruy-xen Uỷ ban thông tin cộng sản nhằm mục đích đoàn kết về tư tưởng và tổ chức những người xã hội chủ nghĩa và công nhân tiên tiến của tất cả các nước. Để chuẩn bị cơ sở cho việc sáng lập ra đảng vô sản quốc tế, hai ông đã tìm cách thành lập các uỷ ban thông tin ở Luân Đôn, Pa-ri và Đức.

18 tháng Giêng Mác viết lời cải chính việc tờ "Rheinischer Beobachter" số 18, ngày 18 tháng Giêng 1846 đưa tin ông là cộng tác viên của "Trier'sche Zeitung".

20 tháng Hai Ăng-ghen viết cho "The Northern Star" bài thứ ba trong mọt loạt bài về "Tình hình nước Đức".

30 tháng Ba Trong hội nghị của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen có Vai-tlinh tham dự, Mác và Ăng-ghen đã phê phán gay gắt "chủ nghĩa xã hội chân chính" và chủ nghĩa cộng sản bình quân thô bạo của Vai-tlinh.

4 tháng Tư Báo "The Northern Star" đăng bài thứ ba của Ph. Ăng-ghen về "Tình hình nước Đức".

Cuối tháng Tư Mác và Ăng-ghen làm quen với V.Vôn-phơ lưu vong từ Đức sang, V. Vôn-phơ được nhận làm thành viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen và trở thành người học trò và bạn chiến đấu trung thực của Mác và Ăng-ghen.

Mác và Ăng-ghen tiếp tục viết "Hệ tư tưởng Đức".

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-li-xơn (Alison), Ác-si-ban (1792 - 1869) - nhà sử học và nhà kinh tế học Anh, thuộc Đảng To-ri.- 22, 371, 440, 453, 472, 478-480, 486, 489, 492, 665, 668.

A-li-xơn (Alison), Uy-li-am Pan-tơ-ni (1790 - 1859) - giáo sư y học của trường Đại học tổng hợp Ê-din-bua, thuộc Đảng To-ri.- 371, 440, 453.

A-na-xa-go ở Cla-đô-men (Tiểu Á) (khoảng 500-428 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật cổ Hy Lạp.- 195.

A-ri-xtít (khoảng 540 - 467 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà chiến lược cổ Hy Lạp, đại biểu của trào lưu dân chủ - ôn hoà ở A-ten.- 185.

Ác-crai-tơ (Arkwright Ri-sác (1732-1792)- chủ xí nghiệp tư sản Anh trong thời kỳ cách mạng công nghiệp; đã chiếm đoạt nhiều bằng phát minh của những người khác ở Anh.- 20, 337, 595.

Ác-no (Arnauld), Ăng-toan (1612-1694) - nhà triết học Pháp, người ủng hộ nhận thức luận duy tâm của Đê-các-tơ, nhà siêu hình.- 193.

An-tô-ni-út (Mác-cút An-tô-ni-út) (83-30 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà chiến lược La Mã, người ủng hộ Giuy-li-út Xê-da.- 185.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820 - 1895) (xem tiểu sử).- 14, 48, 321-328, 355, 405, 437, 532, 608, 670, 693, 702, 703, 705, 708-714, 733, 751, 770, 780, 787, 795.

B

Ba-bớp (Babeuf), Grắc-cút (tên thật là Phrăng-xoa Nô-en) (1760 - 1797) - nhà cách mạng Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng, người tổ chức vụ âm mưu của "phái bình đẳng".- 70, 181, 790, 792.

Ba-rêm (Barham), Sác-lơ (1814-1884) - bác sĩ Anh, năm 1841 là uỷ viên tiểu ban điều tra về lao động trẻ em.- 630.

Ba-ri (Barry), Đa-vít (1780 - 1853) - bác sĩ Anh, nhà sinh lý học.- 520- 525, 529-533.

https://thuviensach.vn

Bai-nơ (Baines), Ét-uốt (1800 - 1890) - nhà kinh tế học tư sản Anh, thuộc phái tự do.- 497.

Bát-xi (Bussey), Pi-tơ - thành viên của phong trào Hiến chương năm 1839; sau thất bại của cuộc khởi nghĩa ở I-oóc-sai năm 1839 thì từ bỏ phong trào.- 614.

Bau-ơ (Bauer), Bru-nô (1809 - 1882) - nhà triết học duy tâm Đức, một trong những nhân vật nổi tiếng của phái Hê-ghen trẻ, phần tử cấp tiến tư sản; sau 1866, là người theo phái tự do dân tộc chủ nghĩa.- 13, 59, 61, 117-182, 187-191, 200-220, 222-236, 238-246, 253, 287-291, 316, 713.

Bau-ơ (Bauer), Ét-ga (1820 - 1886) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ; em của B. Bau-ơ.-28-37, 51, 56-66, 73, 74, 77-81, 118, 131, 223, 238, 239, 315.

Bay-lơ (Bayle), Pi-e (1647-1706) - nhà triết học hoài nghi chủ nghĩa Pháp, phê bình chủ nghĩa giáo điều tôn giáo.- 193, 194.

Bay-rơn (Byron), Gioóc-giơ (1788 - 1824) - nhà thơ lỗi lạc Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng.- 627.

Be-ri-ê - Phông-ten (Berrier - Fontaine), Ca-min (sinh khoảng 1806) - bác sĩ Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc Cách mạng 1848-1849.- 803.

Ben-tam (Bentham), Giê-rê-mi (1748 - 1832) - nhà xã hội học tư sản Anh, nhà lý luận của chủ nghĩa vị lợi.- 200-204, 270, 283, 292, 627.

Bê-cơn (Bacon), Phrăng-xít, nam tước Vê-ru-lơm (1561-1626) - nhà triết học xuất sắc, người sáng lập ra chủ nghĩa duy vật Anh; nhà khoa học tự nhiên và nhà sử học.- 194- 198.

Bê-nê-đích (Benedix), Rô-đê-rích (1811 - 1873) - nhà văn và nhà soạn kịch Đức; năm 1845 ông là giám đốc nhà hát ở En-bơ-phen-đơ.- 709.

Bếch-cơ (Becker), Au-gu-xtơ (1814 - 1871) - nhà chính luận Đức; trong những năm 40 ông là một trong những người lãnh đạo phái Vai-tlinh ở Thuỵ Sĩ.- 714.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811-1882) - nhà xã hội học và sử học tiểu tư sản Pháp, nhà hoạt động cách mạng 1848 - 1849, đứng trên lập trường thoả hiệp với giai cấp tư sản.-803.

Blếch-xtơn (Blackstone), Uy-li-am (1723 - 1780) - luật gia Anh, người biện hộ cho chế độ quân chủ lập hiến Anh.- 294.

Boóc-tuých (Borthwich), Pi-tơ (1804-1852) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc Đảng To-ri, đã phê phán chế độ công xưởng theo lập trường phản động của bọn quý tộc phong kiến.- 692.

Bô-đơ (Boz) - xem Đích-ken-xơ, Sác-lơ.

Bô-mông (Beaumont), Tô-mát (chết năm 1859) - bác sĩ ngoại khoa Anh.- 520, 525.

Bô-mông đơ la Bôn-ni-ni-e-rơ (Beaumont de la Bonninière), Guy-stáp (1802 - 1886) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp; tác giả của những cuốn sách nói về chế độ nô lệ và các trại cải tạo ở Mỹ.- 281.

Brin-đli (Brindley), Giêm-xơ (1716 - 1772) - kỹ sư Anh, người xây dựng các kênh đào.-347.

Brít-giơ-oa-tơ (Bridgewater), Phxen-xít, công tước (1736 - 1803) - đại gia chủ Anh.-347.

Bru-nô - xem Bau-ơ, Bru-nô.

Bru-tút (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) (khoảng 85 - 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những người chủ xướng vụ âm mưu thành lập nước cộng hoà quý tộc chống lại Giuy-li-út Xê-da.- 185.

https://thuviensach.vn

Bu-ô-na-rô-ti (Bounarroti), Phi-líp (1761 - 1873) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX; nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng, bạn chiến đấu của Ba-bớp; cuốn sách "Âm mưu vì bình đẳng" (1828) của Bu-ô-na-rô-ti đã làm hồi phục lại truyền thống Ba-bớp trong phong trào công nhân cách mạng.- 181.

Buê-mơ (Böhme), I-a-cốp (1575-1624) - nhà thủ công nghiệp Đức, theo phái triết học thần bí.- 195.

Buốc-bông (dòng họ) - triều vua ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830).- 123, 188.

Buy-sê (Buchez), Phi-líp (1796 - 1865) - nhà hoạt động chính trị và nhà sử học Pháp, phần tử cộng hoà tư sản, một trong những nhà tư sản của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.- 182, 315.

Buyếc-ghéc-xơ (Bürgers), Hen-rích (1820-1878) - nhà chính luận cấp tiến Đức, thành viên của Đồng minh những người cộng sản (1847-1852); về sau là phần tử tự do chủ nghĩa.- 712.

C

Ca-ba-nít (Cabanis), Pi-e Giăng Giooc-giơ (1757 - 1808) - bác sĩ Pháp, nhà triết học duy vật.- 192.

Ca-bê (Cabet), Ê-chiên (1788 - 1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản hoà bình không tưởng, tác giả cuốn "Cuộc hành trình ở I-ca-ri".- 201.

Ca-ti-li-na (Lu-xi-út Xéc-gi-út Ca-ti-li-na) (khoảng 108 - 62 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, thuộc tầng lớp quý tộc, người tổ chức vụ âm mưu chống lại nước cộng hoà quý tộc.- 185.

Ca-tô (Mác-cút Poóc-xi-út Ca-tô cháu) - nhà hoạt động quốc gia La Mã, lãnh tụ đảng cộng hoà quý tộc, đã tự sát vì không muốn nhìn thấy cảnh sụp đổ của nước cộng hoà.- 185.

Các-lai-lơ (Carlyle), Tô-mát (1795-1881) - nhà văn và nhà sử học Anh, nhà triết học duy tâm tuyên truyền sự sùng bái các anh hùng; trong khi nêu lên những quan điểm về chủ nghĩa xã hội phong kiến trong những năm 40, đứng trên lập trường của chủ nghĩa lãng mạn phản động để phê phán giai cấp tư sản Anh, ngả về phía Đảng To-ri; sau năm 1848, là một phần tử phản động triệt để, kẻ thù công khai của phong trào công nhân.- 22, 411, 441, 442, 474, 475, 604, 667, 671, 693.

Các-rai-tơ (Cartwright), Ét-mun (1743 - 1823) - nhà phát minh nổi tiếng ở Anh.- 337.

Can-tơ (Cant), (I-ma-nu-en (1724 - 1804) - nhà triết học lỗi lạc Đức, người sáng lập ra chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.- 271, 755.

Can-xi-út (Cai-út Ca-xi-út Lông-gi-nút) (chết năm 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một quan lại nhân dân, một trong những người chủ xướng vụ âm mưu của nước cộng hoà quý tộc chống lại Giuy-li-út Xê-da.- 185.

Cau-ớt (Coward), Uy-li-am (khoảng 1656 - 1725) - bác sĩ Anh, nhà triết học duy vật.-197.

Cây Sát-lê-uốc Kay-Schuttleworth), Giêm-xơ Phi-líp (1804 - 1877) - bác sĩ Anh, nhà hoạt động xã hội tư sản.- 389.

Clô-đi-út (Pu-bli-út Clô-đi-út Pun-sơ) (chết năm 52 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, người ủng hộ Giuy-li-út Xê-da, quan lại nhân dân (58 trước công nguyên).- 185.

Cô-đrút - theo truyền thuyết thì ông là vua thần thoại của A-ten, sống vào khoảng thế kỷ XI trước công nguyên.- 185.

https://thuviensach.vn

Côn-lin-xơ (Collins), An-tô-ni (1676 - 1729) - nhà triết học duy vật Anh.- 197.

Công-đi-ắc (Condillac), Ê-chiên Bon-nô (1715 - 1870) - nhà triết học tự nhiên thần luận và cảm giác luận Pháp, môn đồ của Lốc-cơ.- 193, 197.

Công-tơ (Comte), Sác-lơ (1782 - 1837) - nhà chính luận tư sản Pháp, nhà kinh tế tầm thường.- 36, 67, 68.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sớt (1804 - 1865) - chủ xưởng ở Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, chủ trương mậu dịch tự do; một trong những nhà sáng lập ra Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc.- 792.

Crê-mi-ơ (Crémieux), A-đôn-phơ (1796 - 1880) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 40 là người thuộc phái tự do tư sản.- 175.

Crôm-tơn (Crompton), Xa-miu-en (1753 - 1827) - nhà phát minh nổi tiếng Anh.- 20,337.

Cru-gơ (Krug), Vin-hem Tơ-rau-gốt (1770 - 1842) - nhà triết học duy tâm Đức.-228.

Cu-pơ (Cooper), Tô-mát (1805 - 1892) - nhà thơ và nhà báo Anh, thuộc phái cấp tiến tiểu tư sản, đã tham gia phong trào Hiến chương vào đầu những năm 40; về sau trở thành người truyền bá đạo Cơ Đốc.- 795.

D

Dắc-cơ (Sack), Các Hen-đích (1789 - 1875) - nhà thần học Tin lành Đức, giáo sư ở Bon.- 304.

Đ

Đan-tơ A-li-ghi-o-ri (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà thơ lớn I-ta-li-a.-746.

Đăng-tông (Danton), Giooc-giơ Giắc-cơ (1759 - 1794) - một trong những nhà hoạt động xuất sắc của phong trào cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh hữu phái Gia-cô-banh.- 185, 792.

Đe-xtuýt đơ Tơ-ra-xi (Destutt de Tracy), Ăng-toan Lu-i Clô-đơ, bá tước (1754 - 1836) - nhà kinh tế học tầm thường và nhà triết học cảm giác luận Pháp, người ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến.- 49.

Đê-các-tơ (Descartes), Rơ-nê (1596 - 1650) - nhà triết học nhị nguyên luận nổi tiếng ở Pháp, nhà toán học và nhà khoa học tự nhiên.- 190-193, 198, 199, 202.

Đê-da-mi (Dézamy), Tê-ô-đo (1803 - 1850) - nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc của phái cách mạng cộng sản chủ nghĩa không tưởng.- 201.

Đê-mô-crít (khoảng 460 - khoảng 370 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật vĩ đại cổ Hy Lạp, một trong những người sáng lập ra thuyết nguyên tử.-192, 195.

Đê-mô-xten (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện và là nhà hoạt động chính trị xuất sắc cổ Hy Lạp, đã từng đấu tranh chống Ma-xê-đoan chinh phục Hy Lạp.- 185.

Đê-vi (Davy), Hơm-phry (1778 - 1829) - nhà bác học, hóa học và vật lý học nổi tiếng Anh.- 346, 638.

https://thuviensach.vn

Đi-đơ-rô (Diderot). Đê-ni (1713 - 1784) - nhà triết học vô thần luận xuất sắc Pháp, đại biểu cho chủ nghĩa duy vật máy móc, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp, nhà khai sáng, thủ lĩnh phái Bách khoa toàn thư.- 199, 626.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, bá tước Bi-cơn-xphin (1804 - 1881) - nhà hoạt động quốc gia và nhà văn Anh, đã tham gia nhóm "Nước Anh trẻ" vào những năm 40, về sau lãnh đạo Đảng To-ri, thủ tướng (1868 và 1874 - 1880).- 484, 692.

Đia-gác (Diergardt), Phri-đrích (1795 - 1869) - chủ xưởng dệt lớn Đức, nhà hoạt động chính trị tư sản.- 792.

Đích-ken-xơ (Dickens), Sác-lơ (bút danh là Bô-dơ) (1812 - 1870) - nhà văn hiện thực lỗi lạc Anh.- 16.

Đốt-oen (Dodwell), Hen-ri (chết năm 1784) - nhà triết học duy vật Anh.- 197.

Đơn-cơm-bơ (Duncombe), Tô-mát Xling-xbi (1796 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, phần tử cấp tiến tư sản, trong những năm 40 đã tham gia phong trào Hiến chương.- 350, 649, 680, 804.

Đơn Xcốt (Duns Scotus), Giôn (khoảng 1265 - 1308) - nhà triết học kinh viện thời trung cổ, đại biểu cho thuyết duy danh là biểu hiện đầu tiên của chủ nghĩa duy vật thời trung cổ; tác giả một tác phẩm đồ sộ là "Toàn tập Ốc-xpho".- 195.

Đuy-puy (Dupuis), Sác-lơ Phrăng-xoa (1742 - 1809) - nhà khai sáng tư sản Pháp.- 199.

E

E-li-da-bét (1533 - 1603) - nữ hoàng Anh (1588 - 1603).- 682.

En-li-xơ (Ellis), Uy-li-am - một trong những nhà lãnh đạo tổ chức của phái Hiến chương ở Stáp-pho, bị đày 20 năm ở Áo vì tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1842.- 804.

Ét-ga - xem Bau-ơ, Ét-ga.

Ê-pi-quya (khoảng 341 - khoảng 270 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật nổi tiếng cổ Hy Lạp, thuộc phái vô thần.- 192.

Ê-sli (Ashley), An-tô-ni, từ 1851 là bá tước Sếp-xbe-ri (1801 - 1885) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc Đảng To-ri.- 22, 488, 507, 529, 544, 546, 640, 692.

G

Ga-xken (Gaskell), Pi-tơ - bác sĩ Anh, thuộc phái tự do chủ nghĩa, nhà chính luận tư sản.- 22, 409, 457, 487, 492, 693.

Gan-xơ (Gans), Ê-đu-a (khoảng 1798 - 1839) - giáo sư luật người Đức, thuộc phái Hê-ghen.- 271.

Gát-xăng-đi (Gassendi), Pi-e (1592 - 1655) - nhà triết học duy vật Pháp nổi tiếng, người ủng hộ và tuyên truyền thuyết nguyên tử của Ê-pi-quya; nhà vật lý học và toán học.- 192.

Gây (Gay), Giuy-lơ (1807 - sau 1870) - nhà cộng sản chủ nghĩa không tưởng Pháp.- 201.

Gi-ra (Girard), Phi-líp (1775 - 1845) - kỹ sư phát minh nổi tiếng Pháp.- 341.

https://thuviensach.vn

Gin-be (Gilbert), Tô-mát (1720 - 1798) - nhà hoạt động chính trị Anh.- 689.

Giôn-xơ (Jones), Uy-li-am (khoảng 1808 - 1873) - thợ đồng hồ Anh, thuộc phái Hiến chương, một trong những người tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839; bị xử đày chung thân ở Ô-xtơ-rây-li-a.- 804.

Gốt-vin (Godwin), Uy-li-am (1756 - 1836) - nhà văn và nhà chính luận tiểu tư sản Anh, theo chủ nghĩa duy lý, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ.- 627.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức.- 266, 755.

Grê-hêm (Graham), Giêm-xơ Rô-bớt Giooc-giơ (1792 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Anh; bộ trưởng nội vụ trong nội các Pin của Đảng To-ri trong những năm 1841 - 1846.- 23, 25, 544-547.

Grêch (Greg), Rô-bớt Hai-đơ (1795 - 1875) - chủ xưởng lớn ở Anh, thuộc phái tự do.- 527, 561.

Grên-giơ (Grainger), Ri-sác Đu-gác (1801 - 1865) - bác sĩ và nhà sinh lý học Anh, uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em năm 1841.- 458, 468, 564, 567, 568, 578.

Grô-ti-út (Grotius), Huy-gô (1583 - 1645) - học giả và luật gia Hà Lan, một trong những người sáng lập ra thuyết nhân quyền bẩm sinh của giai cấp tư sản.- 72.

Grun (Grün), Các (1817 - 1887) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, giữa những năm 40 là một đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính".- 703.

Grúp-pơ (Gruppe), Ôt-tô Phri-đrích (1804 - 1876) - nhà chính luận và triết học duy tâm Đức, năm 1842 có viết một cuốn sách nhỏ chống B.Bau-ơ.- 239.

H

Ha-min-tơn (Hamilton), A-lếch-xan-đơ, công tước (1767 - 1825) - đại địa chủ Anh.- 640.

Hác-đen-béc-gơ (Hardenberg), Các Au-gu-xtơ, đại công tước (1750 - 1822) - nhà hoạt động quốc gia Phổ; đã tiến hành cuộc cải cách tư sản nửa vời (1810 - 1813) nhằm củng cố nhà nước Phổ; sau Đại hội Viên, y là người ủng hộ chính sách phản động của Liên minh thần thánh.- 763.

Hắc-ni (Harney), Giooc-giơ Giuy-li-an (1817 - 1897) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Anh, một lãnh tụ cánh tả của phái Hiến chương; chủ bút tờ báo "Northern Star"; có quan hệ với Mác và Ăng-ghen.- 795, 796.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức.- 703.

Hát-ly (Hartley), Đê-vít (1705 - 1757) - bác sĩ Anh, nhà triết học duy vật.- 197.

Hây (Hey), Uy-li-am (1772 - 1861) - bác sĩ Anh.- 520, 521.

Hen-đli (Hindley), Sác-lơ - chủ xưởng ở Anh, nhà từ thiện tư sản, người ủng hộ luật công xưởng.- 692.

Hen-vê-ti-uýt (Helvétius), Clốt A-đri-ăng (1715 - 1771) - nhà triết học vô thần nổi tiếng ở Pháp, đại biểu cho chủ nghĩa duy vật máy móc, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp.- 193, 197-202, 626.

Hét-xơ (He), Mô-dét (1812 - 1875) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, một trong những đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính"giữa những năm 80.- 703, 706, 709-712.

https://thuviensach.vn

Hê-be (Hébert), Giắc-cơ Rơ-nê (1757 - 1794) - nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh tả phái Gia-cô-banh.- 173.

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770 - 1831) - nhà triết học Đức lớn nhất, theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, người phát triển hết sức toàn diện phép biện chứng duy tâm.- 20,30,34,54,61,90,118,129,136,138,140,157,173,190,198-203, 208-212, 213, 254, 255, 288-291, 302, 326, 755, 779, 780, 789.

Hin-rích (Hinrichs), Héc-man Phri-đrích Vin-hem (1794 - 1861) - giáo sư triết học Đức, thuộc cánh hữu của phái Hê-ghen trẻ.- 136-141,148,157-158,165,209,213,215.

Hít-cốt (Heathcoat), Giôn (1783 - 1861) - nhà phát minh Anh.-340.

Hoóc-nơ (Horne), Ri-sác Hen-ri (1803 - 1884) - nhà văn Anh, uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em năm 1841.- 340.

Hoóc-nơ (Horne), Lê-ô-nác (1785 - 1864) - nhà địa chất học và là nhà hoạt động xã hội Anh; uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động công xưởng (1833) và lao động trẻ em (1841).- 468, 469, 581.

Hô-kin-xơ (Hawkins), Phren-xít Bít-xết (1796 - 1894) - bác sĩ và nhà chính luận Anh; uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động công xưởng 1833.- 462, 508,512,515,520,526, 528-231, 541, 549.

Hô-me - nhà thơ viết truyện cổ Hy Lạp trong truyền thuyết, tác giả "I-li-ác" và "Ô-đi-xê".- 70, 286.

Hôn-bách (Holbach), Pôn Hăng-ri (1723 - 1789) - nhà triết học vô thần nổi tiếng Pháp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp.- 198, 202, 203, 626.

Hốp-hau-dơ (Hobhouse), Giôn Cam (1786 - 1869) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái tự do.- 539, 543.

Hốp-phơ (Hofer), Ang-đrê-át (1767 - 1810) - người lãnh đạo cuộc đấu tranh du kích chống quân đội Pháp ở Ti-rôn năm 1809.- 768.

Hốp-xơ (Hobbes) Tô-mát (1588 - 1679) - nhà triết học nổi tiếng Anh, đại biểu cho chủ nghĩa duy vật máy móc; quan điểm chính trị xã hội của ông có xu hướng phản dân chủ rõ rệt.- 192, 196, 197.

Hơn-tơ-xmen (Huntsman), Ben-gia-min (1704 - 1776) - nhà phát minh nổi tiếng Anh.-334.

Hớt-xơn (Hobson), Giô-sua - nhà báo Anh, thuộc phái Hiến chương.- 795.

Hút (Hood), Tô-mát (1799 - 1845) - nhà thơ hiện thực Anh, phần tử dân chủ tiểu tư sản.- 591.

Huýp-nơ (Hübner), Các (1814 - 1879) - hoạ sĩ hiện thực Đức, có xu hướng dân chủ.-701.

I

I-ô-han, hoàng thân xứ Dắc-den (1801 - 1873) - từ 1854 là vua xứ Dắc-den.-746, 767.

I-u-rơ, En-đriu (1778 - 1857) - nhà hoá học Anh, nhà kinh tế học tầm thường, thuộc phái mậu dịch tự do.- 480, 497, 505, 536-539,542,543, 562,605, 606.

I-ung-nít-xơ (Jungnitz), Éc-xtơ (chết năm 1848) - nhà chính trị luận Đức thuộc phái Hê-ghen trẻ.- 26.

https://thuviensach.vn

L

La-mét-tơ-ri (Lamettrie), Giuy-liêng (1709 - 1751) - bác sĩ Pháp, nhà triết học, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa duy vật máy móc.- 191, 198.

Lai-en (Lyell), Sác-lơ (1797 - 1875) - nhà bác học và nhà địa chất nổi tiếng Anh.- 649.

Lao-đơn (Loudon), Sác-lơ (1801 - 1844) - bác sĩ Anh, năm 1833 là uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động công xưởng.- 520-522, 526, 529, 531, 532.

Láp-phít-tơ (Laffitte), Giắc-cơ (1767 - 1844) - chủ ngân hàng lớn Pháp, nhà hoạt động chính trị, thuộc phái Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính.- 776.

Lép-nít-xơ (Leibniz), Gốt-phrít Vin-hem (1646 - 1716) - nhà toán học vĩ đại và nhà triết học duy tâm Đức.- 150, 190, 194, 198, 199.

Lét-xing (Lessing), Các Phri-đrích (1808 - 1880) - hoạ sĩ Đức, có xu hướng dân chủ.-705.

Li (Lee), Giôn (1779 - 1859) - mục sư ở Xcốt-len, từ 1840 là giám đốc Trường đại học tổng hợp Ê-đen-bua.-372.

Li-cuốc-gơ - theo truyện cổ là nhà lập pháp cổ Xpác-tơ xuất sắc, sống vào khoảng thế kỷ IX - VIII trước công nguyên.- 185.

Li-sơ (Leach), Giêm-xơ - nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, làm nghề thợ dệt, một trong những người lãnh đạo tổ chức của phái Hiến chương ở Lan-kê-sia trong những năm 40 của thế kỷ XIX.- 498, 501, 553, 554, 571, 572, 574.

Li-xtơ (List), Phri-đrích (1789 - 1846) - nhà kinh tế học tư sản tầm thường Đức, người tuyên truyền chính sách thuế quan bảo hộ cực đoan.- 736, 737.

Lô (Law), Giôn (1671 - 1729) - nhà kinh tế học và nhà tài chính của giai cấp tư sản Anh, bộ trưởng tài chính ở Pháp (1719 - 1720); nổi tiếng về hoạt động đầu cơ trong việc phát hành tiền giấy nhưng cuối cùng bị phá sản hoàn toàn.-192.

Lô-vét (Lovett), Uy-li-am (1800 - 1877) - phần tử cấp tiến tiểu tư sản Anh, người tham gia phong trào Hiến chương, ủng hộ "sức mạnh đạo đức" và sự hợp tác với giai cấp tư sản.- 612.

Lốc-cơ (Locke), Giôn (1632 - 1704) - nhà triết học nhị nguyên luận nổi tiếng Anh, theo thuyết cảm giác, nhà kinh tế học tư sản.- 191, 194, 197, 200, 202.

Lơ-cléc (Leclere), Tê-ô-phin (sinh năm 1771) - nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII; một trong những lãnh tụ của "phái người điên", đại biểu cho lợi ích của các tầng lớp lao động ở thành thị và nông thôn.-181.

Lơ Roa (Le Roy), Hăng-ri (1597 - 1679) - bác sĩ Hà Lan, nhà triết học, đại biểu thời kỳ mở đầu của chủ nghĩa duy vật.- 191.

Lơn-đơn-đe-ri (Londonderry), Sác-lơ Uy-li-am, hầu tước (1778 - 1854) - đại địa chủ Anh.- 647.

Lu-i XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1790).- 84.

Lu-xta-lô (Loustalot), Ê-li-dơ (1762 - 1790) nhà chính luận Pháp, thuộc phái dân chủ cách mạng, nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVII.- 124.

https://thuviensach.vn

Luy-ninh (Lüning), Ốt-tơ (1818 - 1868) - bác sĩ và là nhà chính luận Đức, trong những năm 40 là đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính"; sau 1866 là phần tử dân tộc tự do chủ nghĩa.- 703,712.

M

Ma-lơ-brăng-sơ (Malebranche), Ni-cô-la (1638 - 1715) - nhà triết học duy tâm và siêu hình học Pháp.- 190, 193, 198, 199.

Ma-rát (Marat), Giăng Pôn (1743 - 1793) - nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh.- 123, 792.

Ma-thiu (Mathew), Tê-ô-ban (1790 - 1856) - linh mục Thiên chúa giáo ở Ai-rơ-len.-488.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) (xem tiểu sử).- 14, 132, 162, 703, 706, 707, 712, 713, 787, 795, 806.

Mác A-đam (Mac Adam), Giôn Lau-đơn (1756 - 1836) - thanh tra đường sá ở Anh, chuyên gia xây dựng đường lát.-346.

Mắc-Cu-lốc (Mac Culloch), Giôn Ram-xi (1789 - 1864) - nhà kinh tế học tư sản Anh, đại biểu cho khoa kinh tế chính trị tầm thường.-339, 427.

Mác-tanh đuy No (Martin du Nord), Ni-cô-la Phéc-đi-năng (1790 - 1847) - luật sư và

nhà hoạt động chính trị Pháp; từ năm 1840 là bộ trưởng tư pháp và văn hoá, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính.-176, 178.

Man-đơ-vin-lơ (Mandeville), Béc-na-đơ (1670 - 1733) - nhà văn, nhà đạo đức học và nhà kinh tế học dân chủ Anh.-200.

Man-nơc-xơ (Manners), Giôn, quận công Rớt-len (1818 - 1906) - quý tộc Anh, thuộc Đảng To-ri, tác giả của những bài văn công kích có tính chất giả nhân giả nghĩa nói về tình cảnh của các công nhân công xưởng.-692.

Man-tút (Malthus), Tô-mát Rô-bớc (1766 - 1834) - linh mục Anh, nhà kinh tế học tư sản phản động, biện hộ cho chủ nghĩa tư bản và tuyên truyền thuyết nhân khẩu thù ghét nhân loại.-427, 428, 502, 681, 684.

Men-txen (Menzel), Von-phgang (1798 - 1873) - nhà văn và nhà phê bình văn học phản động Đức, thuộc phái dân tộc chủ nghĩa.- 234.

Mi-đơ (Mead), Ê-du-a - nhà thợ công nhân Anh, đã đăng những bài thơ của mình trên báo của phái Hiến chương "Northern Star".-559.

Min-ti-át (chết năm 489 trước công nguyên) - nhà chiến lược và là nhà hoạt động quốc gia cổ Hy Lạp; dưới sự chỉ huy của ông, người A-ten đã thắng người Ba Tư trong chiến dịch Ma-ra-rông.-185.

Mít-sen (Mitchell), Giêm-xơ (khoảng 1786 - 1844) - nhà hoạt động xã hội tư sản Anh, tác giả của một loại tác phẩm khoa học phổ cập; năm 1841 là uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em.-631, 632.

Mô-li-e (Molière), Giăng Báp-ti-xtơ (1622 - 1673) - nhà soạn kịch vĩ đại Pháp.-82.

Môn (Moll), I-ô-dép, (1812 - 1849) - thợ đồng hồ ở Khuên, một trong những người lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa, về sau là nhà hoạt động của Đồng minh những người cộng sản; tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849, đã hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Ba-den.-801.

https://thuviensach.vn

Mông-ti-ông (Montyon), Ăng-toan (1733 - 1820) - nhà từ thiện Pháp, đã góp một phần tài sản lớn của mình cho cơ quan "quỹ từ thiện".-286.

Mông-tơi (Monteil), A-lếch-xi (1769 - 1850) - nhà sử học tư sản Pháp.106.

Muy-lơ (Müller), Vin-hem (bút danh là Vôn-phgang Muy-lơ Phôn Cô-nic-xvin-tơ) (1816 - 1873) - nhà thơ Đức, năm 1845 là bác sĩ ở Đuýt-xen-đoóc-phơ.-710.

Muyn-txơ Münzer), Tô-mát (khoảng 1402-1512) - nhà cách mạng vĩ đại Đức, lãnh tụ và nhà tư tưởng của phe nông dân - bình dân trong thời kỳ Cải cách tôn giáo và

chiến tranh nông dân năm 1525, đã tuyên truyền chủ nghĩa bình quân không tưởng.-769.

N

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815).-123, 136, 187, 188, 756-766, 767, 771.

Nau-véc (Nawerck), Các (1810 - 1891) - nhà chính luận Đức, đã từng tham gia nhóm "Người tự do" của phái Hê-ghen trẻ ở Béc-lin.- 25-27.

Niu-tơn (Newton), I-dắc (1642 - 1727) - nhà vật lý học vĩ đại Anh, nhà thiên văn học và toán học, người sáng lập ra môn cơ học.- 191.

O

Oai-tơ-man (Wightman), Uy-li-am (1784 - 1863) - luật gia lỗi lạc Anh, từ 1841 là uỷ viên Toà án hoàng gia.644.

Oát (Watt), Giêm-xơ (1736 - 1819) - nhà phát minh lỗi lạc Anh, đã chế tạo ra máy hơi nước.- 337.

Ô' Cô-nen (O'Connell), Đa-ni-en (1775 - 1847) - luật gia và nhà hoạt động chính trị tư sản Ai-rơ-len; lãnh tụ cánh hữu thuộc phái tự do của phong trào giải phóng dân tộc.-669.

Ô' Cô-no (O'Connor), Phéc-giuýt (1794 - 1855) - một trong những lãnh tụ phái tả của phong trào Hiến chương, người sáng lập và chủ bút báo "Northern Star"; sau 1848 là phần tử cải lương chủ nghĩa.- 410, 795, 804.

Ô-oen (Owen), Rô-bớt (1771 - 1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Anh.-127, 200, 283, 539, 622, 703, 728, 780.

Ô-ri-ghen ở A-lếch-xan-đri (khoảng 185 - 254) - nhà thần học Cơ Đốc giáo, một trong những người được gọi là "cha của giáo hội".- 241, 270.

Ô-xtơ-lơ (Oastler), Ri-sác (1789 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, tham gia Đảng To-ri; trong cuộc đấu tranh chống chính sách mậu dịch tự do của giai cấp

tư sản, ông đã chủ trương giới hạn bằng luật pháp đối với ngày lao động.- 510, 544, 546, 614.

https://thuviensach.vn

P

Pác-kin-xơn (Parkinson), Ri-sác (1797 - 1858) - linh mục Anh, nhà từ thiện tư sản.-484, 674.

Pác-ny (Parny), Ê-va-ri-xtơ Đê-di-rơ, tử tước (1753 - 1814) - nhà thơ Pháp.-103.

Pan-đốp (Paalzow), Hen-ri-ét-ta (1788 - 1847) - Nữ văn sĩ Đức.-30.

Pát-tơ-xơn (Patteson), Giôn (1790 - 1861) - luật sư Anh, uỷ viên Toà án hoàng gia (1830 - 1852).- 644.

Péc-xi-van (Percival), Tô-mát (1740 - 1804) - bác sĩ Anh, nhà từ thiện tư sản.- 516.

Pê-nơ (Paine), Tô-mát (1737 - 1809) - nhà chính luận cấp tiến Anh, thuộc phái cộng hoà, đã tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập ở Mỹ và cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.- 344, 769, 804.

Pha-ra-đây (Faraday), Mai-cơn (1791 - 1867) - nhà bác học nổi tiếng, nhà vật lý học và hoá học Anh.-339.

Phau-sơ (Faucher), Giuy-lơ (I-u-li-út) (1820 - 1878) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ; một trong những người ủng hộ mậu dịch tự do ở Đức.- 13, 19, 57, 61, 118, 122, 131.

Phe-ran-đơ (Ferrand), Uy-li-am - đại địa chủ Anh, thuộc Đảng To-ri.- 680, 692.

Phi-stơ (Fichte), I-ô-han Gốt-líp (1762 - 1814) - nhà triết học duy tâm chủ quan Đức, đại biểu của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.- 182, 211, 755.

Phin-đen (Fielden), Giôn (1784 - 1849) - chủ xưởng Anh, nhà từ thiện tư sản, người ủng hộ bộ luật công xưởng.- 692.

Phin-chơ (Finch), Giôn - nhà báo Anh, môn đồ của Ô-oen.- 712.

Phoc-xtơ (Forster), Ghê-oóc-gơ (1754 - 1794) - nhà văn Đức, thuộc phái dân chủ, đã tham gia cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.- 769.

Phoa (Foy), Mác-xi-mi-liêng Xê-ba-xchiên (1775 - 1825) - tướng Pháp.- 111.

Phoi-ơ-bắc (Feuerbach) Lút-vích (1804 - 1872) - nhà triết học duy vật nổi tiếng Đức trong thời kỳ trước Mác.- 59, 83, 125, 138-142, 190, 193, 212, 214, 223, 706, 707, 779.

Phô-sê (Faucher), Lê-ông (1803 - 1854) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái tự do ôn hoà, kẻ thù hung ác của phong trào công nhân.- 576.

Phô-xơ (Voß), I-ô-han Hen-rich (1751 - 1826) - nhà thơ Đức, người dịch Hô-me, Viếc-gi-lơ và nhiều nhà thơ khác.-286.

Phri-đrích Vin-hem III (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840).- 763, 768, 771, 775.

Phrô-xtơ (Frost), Giôn (1784 - 1877) - phần tử cấp tiến tư sản Anh, tham gia phong trào Hiến chương vào năm 1830; vì tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839 nên đã bị đày chung thân ở Áo; về sau được ân xá và trở về Anh năm 1856.- 614, 804.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp.-48, 122, 127, 132, 200, 292, 294, 301, 743, 779-787.

Pi-đông (Lu-xi-út Can-puốc-ni-út Pi-đô) (sinh năm 101 trước công nguyên) - quan chấp chính La Mã năm 58 trước công nguyên, người ủng hộ Giuy-li-út Xê-da.-185.

Pin (Peel), Rô-bớt (1750 - 1830) - chủ xưởng dệt lớn Anh, nghị sĩ thuộc Đảng To-ri.-516, 539.

https://thuviensach.vn

Pin (Peel), Rô-bớt (1788 - 1851) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc phái bảo thủ ôn hoà, thủ tướng (1841 - 1846); được sự ủng hộ của phái tự do, họ đã huỷ bỏ đạo luật ngũ cốc (1846).- 516, 546, 649, 691.

Pla-tôn (khoảng 427 đến khoảng 347 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của giới quý tộc chủ nô.- 271.

Plăng-cơ (Planck), Các Cri-xti-an (1819 - 1880) - nhà thần học tin lành Đức, nhà triết học duy tâm.-157.

Po-tơ (Porter), Giooc-giơ (1792 - 1852) - nhà kinh tế học và nhà thống kê tư sản Anh.-338.

Pri-xli (Priestley), Giô-dép (1773 - 1804) - nhà bác học nổi tiếng Anh, nhà hoá học, nhà triết học duy vật.- 198.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) - nhà chính luận Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ.- 33-54, 57, 58, 61-81, 238, 784.

Puýt-man (Püttmann), Héc-man (1811 - 1894) - nhà thơ và nhà báo cấp tiến Đức, giữa những năm 40 là một trong các đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính".-703, 706, 711.

Q

Quê-klin (Köchlin) - giám đốc xí nghiệp sợi ở E-xlin-nghen (Vuyếc-tem-béc) năm 1845, người chủ trương thi hành chính sách thuế quan bảo hộ.- 792.

Quết-ghen (Köttgen), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1805 - 1882) - hoạ sĩ và nhà thơ Đức, trong những năm 40 ông tham gia phong trào công nhân, về quan điểm thì gần gũi với "chủ nghĩa xã hội chân chính".- 709, 711.

R

Rai-sơ-hát (Reichardt), Các - thợ đóng sách ở Béc-lin, cộng tác viên của tờ "Allgemeine Literatur-Zeitung".- 15, 17, 57, 118.

Rát-no (Radnor), Uy-li-am Plây-đen, bá tước (1779 - 1869) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc Đảng Vích.-661.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772 - 1823) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu nổi tiếng nhất của khoa kinh tế chính trị cổ điển tư sản.-48, 50.

Rít-xơ (Riesser), I-a-cốp (1806 - 1863) - nhà chính luận Đức gốc Do Thái, đã đứng lên bảo vệ quyền bình đẳng của người Do Thái.- 143-149, 172.

Rô-be-xpi-e (Robespierre), Mắc-xi-mi-li-ăng (1738 - 1794) - nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ phái Gia-cô-banh, đứng đầu Chính phủ cách mạng (1793-1794).- 182, 184, 185, 790.

Rô-bi-nê (Robinet), Giăng Ba-ti-xtơ Rơ-nê (1735 - 1820) - nhà triết học duy vật Pháp.-199.

Rô-bớt (Roberts), Uy-li-am Prau-tinh (1806 - 1871) - luật sư Anh, có quan hệ với phong trào Hiến chương và công liên.- 642-646, 648-651, 678, 679.

Rô-bớt-tơn (Roberton), Giôn (1797 - 1876) - bác sĩ Anh.- 462, 530.

Rô-mơ (Rohmer), Phri-đrích (1814 - 1856) - nhà triết học duy tâm Đức.- 315.

Rô-mơ (Rohmer), Tê-ô-đo (1820 - 1856) - nhà chính luận Đức.- 315.

https://thuviensach.vn

Rôn-ngơ (Ronge), I-ô-han-nét (1813 - 1887) - linh mục Đức, một trong những người khởi xướng phong trào "tín đồ Thiên chúa giáo Đức" nhằm lợi dụng Thiên chúa giáo phục vụ cho nhu cầu của giai cấp tư sản Đức.-746.

Rốt-tếch (Rotteck), Các (1775 - 1840) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Đức, thuộc phái tự do.- 187.

Rớt-xen (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động quốc gia Anh, lãnh tụ Đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866).- 23.

Ru (Roux), Giắc-cơ (1752 - 1794) - nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của "phái người điên", đại biểu cho lợi ích của các tầng lớp lao động nghèo khổ nhất ở thành thị và nông thôn.- 181.

Ru - xem *Ru-la-véc-nhơ*, Pi-e Xê-le-xtanh.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802 - 1880) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một phần tử cấp tiến tư sản; sau 1866 là người thuộc phái dân tộc tự do chủ nghĩa.-236.

Ru La-véc-nhơ (Roux-lavergne), Pi-e Xê-le-xtanh (1802 - 1874) - nhà sử học Pháp, nhà triết học duy tâm.-315.

Rư-mác-kê-vích (Rymarkiewicz), Lê-ông (sinh khoảng 1825) - đã tham gia vụ âm mưu cách mạng của những người yêu nước Ba Lan ở Pô-dơ-nan vào những năm 1844-1845.-714.

Rư-mác-kê-vích (Rymarkiewicz), Mắc-xi-mi-li-an (sinh khoảng 1832) - đã tham gia vụ âm mưu cách mạng của những người yêu nước Ba Lan ở Pô-dơ-nan trong những năm 1844 - 1845.-714.

S

Sác-lơ I (1600 - 1649) - vua Anh (1625 - 1649), bị xử tử trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII.- 742.

Sác lơ II (1630 - 1685) - vua Anh (1660 - 1685).-689.

Sác-lơ V (1500 - 1558) - vua Tây Ban Nha (1516 - 1555) và hoàng đế Đức (1519 - 1556).- 752.

Sác-nơ-hoóc-xtơ (Scharnhorst), Héc-khác (1755 - 1813) - tướng và là nhà hoạt động chính trị Phổ; đã tham gia thực hiện những cuộc cải cách nửa vời nhằm củng cố quốc gia Phổ.- 763.

Sam-nít (Champneys), Uy-li-am Oen-đơn (1807 - 1875) - linh mục Anh, nhà từ thiện tư sản.-435.

Sáp-tan (Chaptal), Giăng Ăng-toan (1756 - 1832) - nhà hoá học và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp.-301.

Sát-uých (Chadwick), Ét-vin (1800 - 1890) - viên chức Anh, người tham gia một số tiểu ban của nghị viện về vấn đề bộ luật công xưởng.-372.

Se-linh (Schelling), Phri-đrích Vin-hem (1775 - 1854) - nhà triết học Đức, đại biểu cho chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, về sau trở thành kẻ thù hung ác của khoa học, đã ra sức bảo vệ tôn giáo.-144, 234.

Sen-li (Shelley), Péc-xi Bi-sư (1792 - 1882) - nhà thơ lớn ở Anh, đại biểu cho chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, thuộc phái vô thần.-627.

Sê-li-ga (Szeliga)- xem Xư-slin-xki, Phan-txơ.-

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - đại văn hào Anh.-106, 645, 656.

Si-lơ (Schiller), Phri-đrích (1759 - 1805) - đại văn hào Đức.- 304, 755.

https://thuviensach.vn

Sluê-phen (Schlöffel), Phri-đrích Vin-hem (1800 - 1870) chủ xưởng ở Xi-lê-di.-714.

Stai-nơ (Stein), Lô-ren-txơ (1815 - 1890) - luật gia Đức, nhân viên nhà nước, mật thám của chính phủ Phổ.- 779, 780, 784.

Stanh (Stein), Các, nam tước (1757 - 1831) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, trong những năm 1804 - 1808 đã giữ một loạt chức vụ quan trọng, đã tham gia thực hiện những cải cách tư sản nửa vời nhằm củng cố nhà nước Phổ.-763.

Stiếc-nơ (Stirner) (Stirner), Ma-khơ (bút danh là Ca-xpa Smít) (1806 - 1856) - nhà triết học Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân tư sản và chủ nghĩa vô chính phủ.-360, 672, 713.

Stơ-rau-xơ (Strauß), Đa-vít Phri-đrích (1808 - 1874) - nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những phần tử xuất sắc của phái Hê-ghen trẻ; sau 1866 là phần tử dân tộc tự do chủ nghĩa.- 136, 157, 208, 210, 626.

Stum (Stumm), Các (1836 - 1901) - nhà đại công nghiệp Đức, thuộc phái bảo thủ, kẻ thù hung ác của phong trào công nhân.- 647.

Suên (Schön), Hen-rích Tê-ô-đo (1773 - 1856) - nhà hoạt động quốc gia Phổ; đã tham gia thực hiện những cuộc cải cách tư sản nửa vời nhằm củng cố nhà nước Phổ.-763.

T

Tay-lo (Taylor), Giôn (1804 - 1841) - bác sĩ Anh, đã tham gia cánh tả của phong trào Hiến chương.-614.

Tốc-cơ-vin (Tocqueville), A-lếch-xi (1805 - 1859) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Pháp.-281.

Tôm-xơn (Thomson), Sác-lơ Pô-lét, nam tước Xít-hen (1799 - 1841) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc Đảng Vích.-407.

Tơ-ri-xtăng (Tristan), Phlô-ra (1803 - 1844) - nhà văn Pháp, nữ đại biểu của chủ nghĩa xã hội không tưởng tiểu tư sản.- 28-30, 284.

U

Uây-cơ-phin (Wakefield), Ét-uốt Ghi-bơn (1796 - 1862) - nhà chính luận tư sản Anh.-655, 656.

Uết-đơ (Wade), Giôn (1788 - 1875) - nhà chính luận, nhà kinh tế học và nhà sử học Anh.- 462.

Uết-giơ-út (Wedgwood), Giô-dai-a (1730 - 1795) - nhà công nghiệp Anh, đã cải tiến việc sản xuất đồ gốm ở Anh.- 345.

Uy-li-am (Williams), Giôn (1777 - 1846) - luật gia Anh, từ 1834 là uỷ viên Toà án hoàng gia, thuộc phái tự do chủ nghĩa.- 644.

Uy-li-am (Williams), Dê-pha-nai-a (khoảng 1794 - 1874) - thuộc phái Hiến chương, một trong những người tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839; đã bị đày sang Ô-xtơ-rây-li-a.- 804.

https://thuviensach.vn

V

Vai-lơ (Weil), Các (1806 - 1878) - nhà chính luận Đức, thuộc phái tự do; từ 1851 ông làm quan ở Áo.-247.

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808 - 1871) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ phôi thai, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; làm nghề thợ may.- 706, 707, 781, 782, 801, 803.

Véc-gi-li-ô (Vergilio), Pô-li-đô-rô (khoảng 1470 - 1555) - người I-ta-li-a sống ở Anh, tác giả của nhiều tác phẩm lịch sử.-107.

Ven-cơ (Welcler), Các Tê-ô-đo (1790 - 1869) - luật gia Đức, nhà chính luận tự do chủ nghĩa; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa hữu khuynh.-187.

Vi-đốc (Vidocq), Phrăng-xoa Ê-gien (1775 - 1857) - một tội phạm hình sự người Pháp, mật thám; người ta cho rằng tập "Hồi ký của Vi-đốc" là do hắn viết; tên tuổi của hắn đã biến thành tên gọi bọn mật thám giảo quyệt và bọn bịp bợm.-110, 249.

Vích-tô-ri-a (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901).-368, 612.

Von-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (1694 - 1778) - nhà triết học tự nhiên thần luận Pháp, nhà văn châm biếm, nhà sử học, đại biểu xuất sắc của trào lưu Khai sáng tư sản Pháp thế kỷ XVIII, đã đấu tranh chống chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa.-192.

Vô-ghên (Vaughan), Rô-bớt (1795 - 1868) - linh mục Anh, nhà sử học và chính luận tư sản.-478.

Vôn-nây (Volney), Công-xtăng-tin Phrăng-xoa (1757 - 1820) - nhà khai sáng tư sản Pháp; nhà triết học tự nhiên thần luận.-199.

Vôn-phơ (wolff), Cri-xti-an (1679 - 1754) - nhà triết học duy tâm và nhà siêu hình Đức.-101.

X

Xai-mơn-xơ (Sysmons), Giê-lin-gơ Cúc-xơn (1809 - 1860) - nhà chính luận tự do chủ nghĩa Anh, uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em năm 1841.- 375, 469, 472, 502, 583, 595, 634.

Xan-đớc (Saunders), Rô-bớt Giôn - thanh tra công xưởng ở Anh trong những năm 40 của thế kỷ XIX.-544.

Xanh Giuy-xtơ (Saint-Just), Lu-i Ăng-toan (1767 - 1794) - nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ phái Gia-cô-banh.-184, 185, 792.

Xanh Xi-mông (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp.- 48, 780.

Xát-lơ (Sadler), Mai-cơn Tô-mát (1780 - 1835) - nhà hoạt động chính trị Anh, nhà từ thiện tư sản, thuộc Đảng To-ri.-540, 544.

Xay (Say), Giăng Báp-ti-xtơ (17 - 183) - nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường.-48, 65.

Xê-da (Cai-uýt Giuy-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 44 trước công nguyên) - nhà chiến lược và hoạt động quốc gia nổi tiếng La Mã.-185.

Xê-ni-o (Senior), Nát-xô Uy-li-am (1790 - 1864) - nhà kinh tế học tầm thường Anh, kẻ thù hung ác của phong trào công nhân.-406.

https://thuviensach.vn

Xi-ây-et (Sieyès), Em-ma-nu-en Giô-dép (1748 - 1836) - cha cố người Pháp, nhà hoạt động cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản.-48.

Xi-xmôn-đi (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na Xi-xmôn-đơ (1773 - 1842) - nhà kinh tế học Thuỵ Sĩ, nhà phê bình tiểu tư sản đối với chủ nghĩa tư bản.-49.

Xmít (Smith), A-đam (1723 - 1790) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lỗi lạc của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển.- 48, 49, 74, 427, 477.

Xmít (Smith), Tô-mát Xao-vu-đơ (1788 - 1861) - bác sĩ Anh, uỷ viên Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em năm 1841.-418, 451, 637.

Xô-mơ-vin (Somerville), A-lếch-xan-đơ (1811 - 1885) - nhà báo Anh, phần tử cấp tiến tư sản.-662, 663, 712.

Xpi-nô-da (Spinoza), Ba-rúc (Bê-nê-đích) (1632 - 1677) - nhà triết học duy vật xuất sắc Hà Lan, thuộc phái vô thần.-190, 194, 197-201, 209, 212.

Xtê-phên (Stephen), Giô-dép Rây-nơ (1805 - 1879) - linh mục Anh, trong những năm

1837 - 1839 đã tích cực tham gia phong trào Hiến chương ở Lan-kê-sia.-613, 621, 696.

Xtuốc-giơ (Sturge), Giô-dép (1793 - 1859) - nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, thuộc phái mậu dịch tự do. Đã tham gia phong trào Hiến chương với ý đồ giữ giai cấp công nhân dưới ảnh hưởng của giai cấp tư sản.-619.

Xuy (Sue), Ơ-gien (1804 - 1857) - nhà văn Pháp, tác giả những tiểu thuyết xã hội bi thảm về dân nghèo thành thị.-82-85, 93, 99-103, 106, 110, 111, 250, 255, 273-276, 278-286, 287, 296, 302-306.

Xư-slin-xki (Zychlinski), Phran-txơ (1816 - 1900) - sĩ quan Phổ, thuộc phái Hê-ghen trẻ, đã cộng tác trong các xuất bản phẩm định kỳ của B.Bau-ơ với biệt danh là Sê-li-ga.-13, 81-86, 90-101, 102-116, 247, 251-256, 266-271, 273, 280, 291, 303, 312, 313.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Allgemeine Literatur-Zeitung" ("Báo văn học phổ thông") (Sác-lốt-ten-bua).- 13, 20, 77, 116, 137, 138, 151, 162, 208, 211, 224, 229, 233, 238, 239, 314, 316.

"Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc).- 204.

"Allgemeine Volksblatt Populärer Monatsbericht über die wichtigsten Zeitfragen" ("Báo nhân dân phổ thông khổ nhỏ. Bình luận phổ thông hàng tháng về những vấn đề quan trọng đương thời") (Khuên). - 712.

"The Artizan" ("Thợ cả") (Luân Đôn). -374, 377, 450, 461.

"La Démocratie pacifique" ("Dân chủ hoà bình") (Pari). - 233.

"Deutsch - Französische Jahrbücher" " (" Niên giám Pháp - Đức"), (Pa-ri).-48, 132, 133, 162-166, 169, 172, 355, 670, 699.

"Deutsche - Jahrbücher fur Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật") (Lai-pxích).- 152, 162.

"Deutsche Bügerbuch" ("Sổ tay công dân Đức ") (Đác -mơ- stát,1845; Man-hem 1846).-707, 712.

"Durham Chronicle" ("Thời sự Đớc -hêm").- 345.

"Edinburgh Medical and Surrgical Journal" ("Tạp chí y học và phẫu thuật Ê-đin-bớc").-372.

"The Examiner" ("Người quan sát") (Luân Đôn). - 619.

"Gesellschaftsspiegel. Organ zur Vertretung der besitzlosen Volksklassen und zur Beleuchtung der gesellschaftlichen Zustände der Gegenwart" ("Tấm gương xã hội. Cơ quan bênh vực lợi ích của giai cấp vô sản và trình bày rõ các quan hệ xã hội hiện nay ") (En-bơ-phen-dơ). -706, 712.

"Hallifax Guardian" ("Người bảo vệ Ha-li-phắc"). 557.

Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-lơ về văn học nghệ thuật Đức"). -202.

"The Illuminated Magazine" ("Hoạ báo"). -363, 866.

"Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). - 286.

"Journal of the Statistical Society of London" ("Tạp chí của Hội thống kê Luân Đôn").-365, 378.

"Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên "). -702.

https://thuviensach.vn

"Konstitutionelle Jahrbücher" ("Niên giám hiến pháp") (Stút-ga). -247.

"The Leeds Mercury" ("Truyền tin Lít-xơ").-555.

"Literatur-Zeitung" - xem *"Allgemeine Literatur-Zeitung"*.

"Liverpool Mercury" ("Truyền tin Li-vớc-pun") - 414.

"The Manchester Guardian" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ").-413-417, 459, 493, 508, 533, 551, 555, 639, 640, 673.

"The Miner's Advocate" ("Người bảo vệ của thợ mỏ") (Niu-cát-xơn).- 643.

"The Mining Journal" ("Tạp chí ngành mỏ ") (Luân Đôn).-117.

"The Morning Chronicle" ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn).-565, 661.

"The New Moral World: and Gazette of the Rational Society" ("Thế giới đạo đức mới và Báo của một xã hội hợp lý") (Luân Đôn). -699, 704, 707, 710, 715.

"North of England Medical and Surgical Journal" ("Tạp chí y học và phẫu thuật Bắc Anh") (Luân Đôn và Man-se-xtơ). -530.

"The Northern Star" ("Sao Bắc đẩu") (Lít-xơ, từ 30 tháng Mười một 1844 - Luân Đôn).-555, 607, 659, 746, 748-752, 760, 761, 769, 778, 795, 804.

"Petites affiches" ("Thông cáo nhỏ") (Pa-ri). - 286.

"La Phalange. Revue de la Science sociale" (La Pha-lăng-giơ. Tạp chí khoa học xã hội") (Pa-ri). - 781, 782.

"Punch, or the London Chraivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). -591.

"Revue des duex Mondes" ("Tạp chí Hai thế giới") (Pa-ri). -576.

"Rheinische Jahrbücher zur gesellschaftlichen Reform" ("Niên giám tỉnh Ranh về các vấn đề cải cách xã hội") (Đác -mơ-stát, 1845; Ben Vi-u, 1846).-706, 712, 713, 732, 745, 805.

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel un Gewerbe" ("Nhật báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên).-152, 162, 733.

"Rheinischer Beobachter" ("Người quan sát tỉnh Ranh") (Khuên).- 806.

"Satan" ("Xa-tăng") (Pa-ri). -287.

" Le Siècle" ("Thế kỷ") (Pa-ri).- 286.

"Der Sprecher oder: Rheinisch - Westphalischer Anzeiger" ("Người phát ngôn hay Người truyền tin tỉnh Ranh - Ve-xtơ-pha-li") (Vê-đen). - 700.

"Sun" ("Mặt trời") (Luân Đôn). - 557.

"The Times" ("Thời báo") (Luân Đôn). - 368, 493, 656, 693.

"Trier' sche Zeitung" ("báo Tơ-ria"). - 700, 806.

https://thuviensach.vn

"L' Union, Bulletin des ouvriers, rédigé et publié par eux-mêmes " (Liên minh. Truyền tin công nhân do công nhân tự biên tập và xuất bản ") (Pa-ri). - 795.

"Vorwärts! (Tiến lên !" (Pa-ri). - 700.

"The Weekly Chronicle" ("Tin hàng tuần") (Luân Đôn).-tr.619.

"The Weekly Dispatch" ("Tin nhanh hàng tuần") (Luân Đôn). 409, 418, 464, 590, 619.

"Das Westphälische Dampfboot ("Tàu thuỷ Ve-xtơ-pha-li") (Bi-lơ-phen).- 712.

"Zeitschrift für spekulative Theologie" ("Tạp chí thần học tư biện") (Béc-lin).- 217.

MỤC LỤC

https://thuviensach.vn

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN, GIA ĐÌNH THẦN THÁNH HAY LÀ PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH PHÊ PHÁN. CHỐNG BRU-NÔ VÀ ĐỒNG BỌN 9

Lời tựa 13

Chương I - Sự phê phán có tính phê phán với tư thế một anh thợ đóng sách, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông Rai-sơ-hát (Ăng-ghen) 15

Chương II - Sự phê phán có tính phê phán với tư thế "Mühleigner", hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông I-u-li-ut Phau-sơ (Ăng-ghen) 19

Chương III - Tính triệt để của sự phê phán có tính phê phán, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông I-u. (I-ung-nít-xơ ?) (Ăng-ghen) 26

Chương IV - Sự phê phán có tính phê phán với tính cách là sự yên tĩnh của nhận thức, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông Ét-ga 28

1. "Hội liên hợp công nhân " của Phlô-ra Tơ-ri-xtăng (Ăng-ghen) 28

2. Bê-rô bàn về gái điếm (Ăng-ghen) 30

3. Tình yêu 30

4. Pru-đông 35

Dịch một cách đặc trưng số 1 35

Bình luận có tính phê phán số 1 47

Bình luận có tính phê phán số 2 52

Dịch một cách đặc trưng số 2 57

https://thuviensach.vn

Bình luận có tính phê phán số 3 59

Dịch một cách đặc trưng số 3 65

Bình luận có tính phê phán số 4 72

Dịch một cách đặc trưng số 4 76

Bình luận có tính phê phán số 5 77

Chương V - Sự phê phán có tính phê phán dưới bộ mặt anh lái buôn những bí mật, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông Sê-li-ga (Mác) 82

1. "Bí mật của sự dã man trong văn minh" và "Bí mật của tình trạng không có pháp luật trong nhà nước" 83

2. Bí mật của kết cấu tư biện 85

3. "Bí mật của xã hội có giáo dục" 92

4. "Bí mật của sự ngay thẳng và sự thành kính" 104

5. "Cái bí mật - giễu cợt" 107

6. Bồ câu cái (Ri-gô-lét) 113

7. Trật tự thế giới của "Những bí mật của thành Pa-ri" 114

Chương VI - Sự phê phán có tính phê phán tuyệt đối, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở ông Bru-nô 117

1. Cuộc chinh phạt thứ nhất của sự phê phán tuyệt đối (Mác) 117

a) "Tinh thần" và "quần chúng" 117

https://thuviensach.vn

b) Vấn đề Do Thái, số 1. Cách đặt vấn đề 131

c) Hin-rích, số 1. Những điều ám chỉ bí mật về chính trị, chủ nghĩa xã hội và triết học 136

2. Cuộc chinh phạt thứ hai của sự phê phán tuyệt đối 139

a) Hin-rích, số 2. "Sự phê phán" và "Phoi-ơ-bắc". Lên án triết học (Ăng-ghen) 139

b) Vấn đề Do Thái, số 2. Những phát hiện có tính phê phán về chủ nghĩa xã hội, về pháp luật học và chính trị (dân tộc) (Mác) 143

3. Cuộc chinh phạt thứ ba của sự phê phán tuyệt đối (Mác) 150

a) Sự phê phán tuyệt đối tự biện hộ cho mình. Quá khứ "chính trị" của nó. 150

b) Vấn đề Do Thái, số 3 161

c) Cuộc chiến đấu có tính phê phán chống lại cách mạng Pháp 180

d) Cuộc chiến đấu có tính phê phán chống lại chủ nghĩa duy vật Pháp 189

đ) Cuộc thất bại cuối cùng của chủ nghĩa xã hội 204

e) Tuần hoàn tự biện của sự phê phán tuyệt đối và triết học tự ý thức 207

Chương VII - Những bức thư của sự phê phán có tính phê phán 219

1. Quần chúng có tính phê phán (Mác) 219

2. "Quần chúng không có tính phê phán" và "sự phê phán có tính phê phán" 226

a) "Quần chúng sắt đá" và "Quần chúng không thoả mãn" (Mác) 226

https://thuviensach.vn

b) Quần chúng "dễ xúc cảm" và "khao khát được cứu vớt" (Ăng-ghen) 230

c) Ơn trên ban cho quần chúng (Mác) 234

3. Quần chúng phê phán - không có tính phê phán, hay là "sự phê phán" và "nhóm Béc-lin" (Mác) 235

Chương VIII - Cuộc chu du thế giới và sự biến hình của sự phê phán có tính phê phán, hay là sự phê phán có tính phê phán thể hiện ở Rô-đôn-phơ, ông hoàng Giê-rôn-stanh (Mác) 247

1. Anh đồ tể biến một cách phê phán thành con chó, hay là anh Dao bầu 248

2. Sự bóc trần những bí mật của tôn giáo có tính phê phán, hay là Phlơ đơ Ma-ri 252

a) "Hoa cúc" tư biện 252

b) Phlơ đơ Ma-ri 256

3. Sự bóc trần những bí mật của pháp luật 267

a) Thày giáo, hay là lý luận mới về hình phạt. Bí mật đã bị bóc trần của chế độ buồng giam cá nhân. Những bí mật của y học 267

b) Thưởng và phạt. Sự xét xử song trùng (kèm biểu đồ) 283

c) Việc xoá bỏ sự dã man trong văn minh và sự thiếu pháp luật trong nhà nước 286

4. Bí mật bị bóc trần của những "quan điểm" 288

5. Sự bóc trần cái bí mật về sự lợi dụng dục vọng của con người, hay là Clê-măng Đác-vin 291

6. Sự bóc trần bí mật của sự giải phóng phụ nữ, hay là Lu-i-dơ Mô-ren 293

https://thuviensach.vn

7. Sự bóc trần những bí mật của khoa kinh tế chính trị 295

a) Sự bóc trần về mặt lý luận những bí mật của khoa kinh tế chính trị 295

b) "Ngân hàng cho người nghèo" 296

c) Trại kiểu mẫu ở Bu-cơ-van 299

8. Rô-đôn-phơ, "bí mật đã bị bóc trần của mọi bí mật" 301

Chương IX - Cuộc phán xử cuối cùng của sự phê phán (Mác) 314

Lời kết thúc lịch sử 316

PH. ĂNG-GHEN. TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP LAO ĐỘNG Ở ANH.

Theo những sự quan sát của bản thân và những nguồn đáng tin cậy 317

Gửi các giai cấp lao động Đại Bri-ten 321

Lời tựa 325

Lời mở đầu 331

Tình cảnh của công nhân trước cuộc cách mạng công nghiệp. - Máy kéo sợi gien-ny. - Sự xuất hiện của giai cấp vô sản công nghiệp và nông nghiệp. - Máy dệt sợi nhỏ, máy mun, khung cửi máy, máy hơi nước. - Máy móc chiến thắng lao động chân tay.- Sự phát triển lực lượng công nghiệp.- Công nghiệp bông vải sợi.- Nghề dệt bít tất.- Nghề đăng ten.- Việc tẩy trắng, hồ, nhuộm. - Công nghiệp len.- Công nghiệp lanh.- Công nghiệp tơ lụa.- Sản xuất và chế biến sắt.- Các mỏ than.- Nghề gốm.- Nông nghiệp.- Đường cái, sông đào, đường sắt, tàu thuỷ.- Tóm tắt.- Vấn đề giai cấp vô sản có tầm quan trọng quốc gia.- Quan điểm của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản .

Giai cấp vô sản công nghiệp 353

https://thuviensach.vn

Những đội ngũ khác nhau của giai cấp vô sản - Sự tập trung sở hữu. - Những đòn bẩy của công nghiệp hiện đại.- Sự tập trung dân cư.

Những thành phố lớn 358

Ấn tượng trực tiếp do Luân Đôn gây nên.- Chiến tranh xã hội và hệ thống tổng cướp bóc. - Số phận những người nghèo. - Mô tả chung về các khu dân nghèo. - Ở Luân Đôn: Xanh Gin và các khu lân cận. - Oai-tơ-sa-pên. - Cấu tạo bên trong của các nhà ở vô sản. - Những người vô gia cư trong các công viên. - Những trú xá ngủ đêm. - Đu-blin. - Ê-đin-bớc. - Li-vớc-pun, - Các thành phố công xưởng: Nốt-tin-hêm, Bớc-min-hêm, Gla-xgô, Lít-xơ, Brát-phoóc, Hát-đơ-xphin. - Lan-kê-sia: Những nhận xét chung. - Bôn-tơn. - Xtốc-poóc. - A-xtơn-an-đơ Lai-nơ, - Stê-li-brít-giơ. - Mô tả tỉ mi thành phố Man-se-xtơ: Hệ thống chung của việc xây dựng nhà cửa. - thành phố cũ. - Thành phố mới. - Phương thức xây dựng các khu công nhân. - Các lâu đài và các ngõ hẻm. - An-cốt-xơ.- Ai-rơ-len nhỏ.- Huyn-mơ.- Xôn-phoóc. - Tóm tắt. - Các trú xá ngủ đêm.- Tình trạng chất đống dân cư. - Các căn hầm làm nhà ở. - Áo quần của công nhân. - Việc ăn uống. - Thịt ôi. - Việc làm giả sản phẩm. - Cân không đúng, v.v. - Kết luận chung.

Cạnh tranh 421

Cạnh tranh giữa công nhân quyết định mức tối thiểu của tiền công; cạnh tranh giữa những người hữu sản quyết định mức tối đa của nó. - Công nhân, nô lệ của giai cấp tư sản, buộc phải tự bán mình hàng ngày và hàng giờ. - Nhân khẩu thừa. - Các cuộc khủng hoảng thương nghiệp. - Đội quân lao động dự bị. - Vận mệnh của đội quân dự bị đó trong thời kỳ khủng hoảng năm 1842.

Sự nhập cư của người Ai-rơ-len 440

Nguyên nhân và con số - Mô tả theo Các-lai-lơ. - Sự bẩn thỉu, thô bạo, say rượu trong những người Ai-rơ-len. - Ảnh hưởng của sự cạnh tranh của người Ai-rơ-len và của việc giao dịch với người Ai-rơ-len đối với công nhân Anh.

Kết luận 446

https://thuviensach.vn

Những nhận xét sơ bộ - Ảnh hưởng của những điều kiện đã mô tả đối với tình trạng thể chất của công nhân. - Ảnh hưởng của các thành phố lớn, nhà ở, sự bẩn thỉu, v.v. - Tình hình thực tế.- Bệnh lao.- Bệnh dịch, nhất là ở Luân Đôn, Xcốt-len và Ai-rơ-len. - Bệnh đau dạ dày. - Hậu quả của tệ nghiện rượu. - Thuốc lang băm. - "Hợp dịch bổ Gốt-phrây".- Tỷ lệ chết trong giai cấp vô sản, đặc biệt trong số trẻ em nhỏ tuổi - Lời buộc tội giai cấp tư sản là đã phạm tội sát nhân đối với xã hội. - Ảnh hưởng đối với tình trạng trì trệ và tinh thần của công nhân. Việc thiếu điều kiện để có được học vấn. - Tính chất không thoả mãn của các trường buổi tối và chủ nhật. - Nạn mù chữ. - Điều kiện sống của công nhân là trường học đối với anh ta. - Việc coi thường giáo dục đạo đức cho công nhân. - Pháp luật là người giáo dục đạo đức duy nhất. - Tình cảnh của người công nhân đẩy anh ta đến chỗ vi phạm luật pháp và đạo đức. - Ảnh hưởng của sự nghèo khổ và sự thiếu đảm bảo trong đời sống đối với giai cấp vô sản. - Sự đáng nguyền rủa của lao động cưỡng bách. - Sự tập trung dân cư. - Sự di dân của Ai-rơ-len. - Sự khác nhau trong tính cách của nhà tư sản và người vô sản. - Những ưu thế của người vô sản so với nhà tư sản. - Những mặt tiêu cực trong tính cách của giai cấp vô sản. - Tệ nghiện rượu. - Sự bê tha. - Gia đình tan nát, - Sự không kính trọng trật tự xã hội hiện tại. - Tội lỗi. - Tính chất của cuộc chiến tranh xã hội.

Các ngành lao động riêng biệt. Công nhân công xưởng theo nghĩa hẹp 496

Ảnh hưởng của máy móc. - Thợ dệt thủ công. - Việc gạt bỏ lao động của nam giới. - Lao động của phụ nữ, gia đình tan nát. - Sự xuyên tạc tất cả các quan hệ gia đình. - Hậu quả về mặt đạo đức của việc dồn một số lớn phụ nữ vào các công xưởng. - Quyền hưởng đêm đầu tiên.- Lao động của trẻ em. - Chế độ học nghề. - Những biện pháp tiếp theo.- Những số liệu của bản báo cáo công xưởng. - Ngày lao động kéo dài. - Lao động ban đêm. - Tàn phế. - Những sự thiếu sót thứ yếu về mặt thể chất. - Tính chất của lao động công xưởng. - Sự suy yếu chung của cơ thể. - Những bệnh đặc biệt. - Chứng cớ của những người điều tra. - Già trước tuổi. - Những hậu quả đặc biệt đối với cơ thể của phụ nữ. - Một số ngành lao động đặc biệt có hại. - Các tai nạn. - Giai cấp tư sản nghĩ về chế độ công xưởng như thế nào. - Pháp chế công xưởng và việc cổ động cho ngày lao động 10 giờ. - Tính chất phá hoại tinh thần và làm cho ngu dân đi của lao động công xưởng. - Chế độ nô lệ. - Quy chế công xưởng. - Chế độ trả lương bằng hàng hoá. - Chế độ cốt-ta-giơ. - So sánh giữa người nông nô năm 1145 với người công nhân tự do năm 1845.

Những ngành lao động khác 563

Công nhân dệt kim, - Nghề đăng-ten. - Những người hồ vải hoa. - Những thợ xén nhung. - Thợ dệt luạ. - Các sản phẩm bằng kim khí. - Bớc-min-hêm. - Xtáp-phoóc-sia. - Sép-phin-

https://thuviensach.vn

đơ. - Ngành sản xuất máy móc. - Ngành sản xuất đồ gốm ở miền Bắc Stáp-phoóc-sia. - Ngành sản xuất thuỷ tinh. - Những người thợ thủ công. - Những người vẽ kiểu áo và thợ may ở Luân Đôn.

Phong trào công nhân 592

Những nhận xét mở đầu. - Tội lỗi. - Những cuộc bạo động chống lại máy móc, - Liên đoàn. Bãi công. - Tác động của các liên đoàn và của các vụ bãi công. - Những sự quá trớn gắn liền với những cái đó. - Tính chất tổng quát của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Anh chống lại giai cấp tư sản. - Cuộc chiến đấu ở Man-se-xtơ tháng Năm 1843. - Việc kính trọng pháp luật là xa lạ đối với giai cấp vô sản. - Phong trào Hiến chương. - Lịch sử phong trào Hiến chương. - Cuộc khởi nghĩa 1842. - Phong trào Hiến chương vô sản kiên quyết tách khỏi chủ nghĩa cấp tiến tư sản. - Khuynh hướng xã hội của phong trào Hiến chương. - Chủ nghĩa xã hội. - Quan điểm của công nhân.

Giai cấp vô sản công nghiệp mỏ 629

Công nhân mỏ Coóc-nu-ay. - An-xtơn-ay. - Mỏ sắt và mỏ than. - Lao động của đàn ông, lao động của đàn bà và trẻ con. - Những bệnh đặc biệt. - Công việc ở các hầm sâu. - Các tai nạn, các vụ nổ, v.v. - Trình độ học vấn. - Trình độ đạo đức. - Những đạo luật về công nghiệp mỏ. - Việc bóc lột có hệ thống các công nhân mỏ than, - Bước đầu của phong trào. - Liên đoàn thợ mỏ than. - Cuộc vận động năm 1844 ở miền Bắc nước Anh. - Rô-bớt và cuộc vận động chống lại các quan toà hoà giải và chế độ trả lương bằng hàng hoá. - Kết quả của cuộc đấu tranh.

Giai cấp vô sản nông nghiệp 652

Nhìn qua lịch sử. - Nạn bần cùng ở nông thôn. - Tình cảnh của công nhân làm thuê trong nông nghiệp. - Những vụ đốt phá. - Thái độ thờ ơ đối với vấn đề các đạo luật về lúa mì. - Thiếu tình cảm tôn giáo. - Oen-xơ: Những tá điền nhỏ. - Cuộc nổi loạn Rê-bếch-ca. - Ai-rơ-len: Việc chia nhỏ ruộng đất. - Sự bần cùng hoá của dân tộc Ai-rơ-len. - Các vụ mưu sát. - Công tác cổ động đòi xoá bỏ sự hợp nhất.

Thái độ của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản 670

https://thuviensach.vn

Sự hư hỏng của giai cấp tư sản Anh về mặt đạo đức - Lòng tham của họ. - Kinh tế chính trị học và tự do cạnh tranh. - Sự giả dối của việc hành thiện. - Sự giả dối của kinh tế chính trị học và chính trị trong vấn đề các đạo luật về lúa mì. - Pháp chế và chế độ tư pháp của giai cấp tư sản. - Giai cấp tư sản trong nghị viện. - Đạo luật về chủ và tớ. - Học thuyết của Man-tút.- Đạo luật cũ về người nghèo. - Đạo luật mới về người nghèo. - Những ví dụ về sự đối đãi tàn nhẫn ở trong các nhà tế bần. - Triển vọng của nước Anh.

PH. ĂNG-GHEN. SỰ TIẾN TRIỂN NHANH CHÓNG CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN Ở ĐỨC 699

PH. ĂNG-GHEN. CÁC BÀI PHÁT BIỂU TẠI EN-BƠ-PHEN-ĐƠ 716

Bài phát biểu ngày 8 tháng Hai 1845 716

Bài phát biểu ngày 15 tháng Hai 1845 733

PH. ĂNG-GHEN. CUỘC TÀN SÁT GẦN ĐÂY Ở LAI-PXÍCH - PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở ĐỨC 746

PH. ĂNG-GHEN. TÌNH HÌNH NƯỚC ĐỨC 751

PH. ĂNG-GHEN. LỜI MỞ ĐẦU VÀ LỜI KẾT THÚC "ĐOẠN TRÍCH PHU-RI-Ê NÓI VỀ THƯƠNG NGHIỆP" 779

PH. ĂNG-GHEN. NGÀY HỘI CỦA CÁC DÂN TỘC Ở LUÂN ĐÔN 788

C.MÁC. TUYÊN BỐ. Ngày 18 tháng Giêng 1846 806

Chú thích 809

Thân thế và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen 834

Bản chỉ dẫn tên người 841

Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ 863

https://thuviensach.vn

(Mác)

(Mác)

PHỤ BẢN

Bìa của cuốn "Gia đình thần thánh" in lần thứ nhất 11

Bìa bản in lần thứ nhất cuốn sách của Ph. Ăng-ghen "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" 319

Trang đầu lời kêu gọi của Ph. Ăng-ghen "Gửi các giai cấp lao động Đại Bri-ten" 329

Một trang trong cuốn sách "Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh" (1845) có bài thơ của E.Mi-đơ "Vua Hơi nước" do Ph. Ăng-ghen dịch 560-561

Bản đồ thành phố Man-se-xtơ 610-611

Phần cuối bài "Sự tiến triển nhanh chóng của chủ nghĩa cộng sản ở Đức" có bài thơ của H. Hai-nơ "Bài ca người thợ dệt Xi-lê-di" do Ph. Ăng-ghen dịch 704-705

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

Chú thích

[← 1]

1* Bút danh của Sác-lơ Đích-ken-xơ "Boz" mà Rai-sơ-hát xuyên tạc đi.

https://thuviensach.vn

[←2]

[1*] - một cách tiên nghiệm

https://thuviensach.vn

[← 3]

[1*] - như đồ súc sinh

https://thuviensach.vn

[←4]

[1*] - hoạt động thuần tuý

https://thuviensach.vn

[←5]

2* - nghĩa đen là con vật đen, nghĩa bóng là con ngoáo ộp, người hoặc vật mà mình ghét nhất.

https://thuviensach.vn

[←6]

1* "Và tôi không bàn đến những lời giải thích không có thể bác bẻ được của những người chế tạo ra những biện pháp cải lương, trong đó một số người này buộc tội sự hèn nhát và bất lực của chính quyền, một số người kia buộc tội bọn âm mưu và những cuộc phiến loạn, một số khác buộc tội sự dốt nát và sự hủ hoá phổ biến, là đã gây ra sự nghèo khổ phổ biến", v.v...

https://thuviensach.vn

[← 7]

1* - thoạt đầu

https://thuviensach.vn

[←8]

2* - cuối cùng

https://thuviensach.vn

[←9]

1* - ý nghĩa

https://thuviensach.vn

[← 10]

[1*] - *"Chế độ nô lệ* được củng cố trong *luật toàn dân"* (Hội viên về các học thuyết, quyển I, mục I, đoạn 4).

https://thuviensach.vn

[←11]

1* "sự thực của giới vật chất".

https://thuviensach.vn

[←12]

2* "một sự thực của đời sống tinh thần, trí tuệ".

https://thuviensach.vn

[←13]

[1*] - nhà nghề

https://thuviensach.vn

[← 14]

[1*] - dưới hình thức trừu tượng

https://thuviensach.vn

[←15]

[1*] - công nhân

https://thuviensach.vn

[←16]

[1*] - chúng ta bị cấm không được lấy ruộng đất, nước, không khí và lửa (diễn giải một công thức của lệnh trục xuất của La Mã thời cổ).

https://thuviensach.vn

[←17]

[1*] - quyền sử dụng và lạm dụng tài sản của mình

https://thuviensach.vn

[←18]

[2*] - một loạt sai lầm về lô-gich biểu hiện ở chỗ khi chứng minh một luận điểm nào đó, người ta lại dùng những căn cứ lý luận chỉ có hiệu lực trong điều kiện mà luận điểm đang chờ chứng minh ấy là chính xác.

https://thuviensach.vn

[←19]

[1*] - Nguyên nhân mất đi thì kết quả cũng mất theo.

https://thuviensach.vn

[←20]

1* - "giá trị"

https://thuviensach.vn

[←21]

[2*] - "tầm quan trọng, ý nghĩa"

https://thuviensach.vn

[←22]

[1*] - Chia để trị

https://thuviensach.vn

[←23]

[1*] - người đàn bà lẳng lơ

https://thuviensach.vn

[←24]

[2*] - căn nhà nhỏ làm nơi hẹn hò

https://thuviensach.vn

[←25]

1* - trừu tượng

https://thuviensach.vn

[←26]

[1*] - người gác cổng

https://thuviensach.vn

[←27]

[2*] - chủ cửa hiệu nhỏ

https://thuviensach.vn

[←28]

3* - người coi nhà

https://thuviensach.vn

[←29]

[1*] - sau ngày lễ, tức là khi việc đã rồi

https://thuviensach.vn

[←30]

[1*] - Chơi chữ: tiếng Đức "Hirsch" vừa là một tên họ, vừa có nghĩa là "con hươu".

https://thuviensach.vn

[←31]

[1*] Chơi chữ: "Feuerbach" là "dòng lửa", "Feuerkessel" là "nồi hơi" (dịch sát từng chữ là "nồi lửa").

https://thuviensach.vn

[←32]

1* - "chuyện ngụ ngôn dạy rằng"

https://thuviensach.vn

[←33]

1* - ra trận thì phải xử sự như ở mặt trận!

https://thuviensach.vn

[← 34]

[1*] - chính cống

https://thuviensach.vn

[←35]

[1*] - nghĩa đen : "chân ngỗng".

https://thuviensach.vn

[←36]

[2*] Chơi chữ từ "Gans" nghĩa là "ngỗng" và cũng có nghĩa là hiện thân của sự ngu ngốc.

https://thuviensach.vn

[←37]

1* - nguyên nhân tự nó

https://thuviensach.vn

[← 38]

1* - vì sự vinh quang của thượng đế

https://thuviensach.vn

[← 39]

[1*] - hoạt động thuần tuý

https://thuviensach.vn

[← 40]

[1*] - nói trên

https://thuviensach.vn

[←41]

[2*] - ghê sợ cái trống rỗng

https://thuviensach.vn

[←42]

3* Chỉ người nói chuyện với thông tín viên ủng hộ quan điểm của nhóm Béc-lin.

https://thuviensach.vn

[←43]

[4*] - không phân biệt

https://thuviensach.vn

[← 44]

[1*] - tuy rằng sức không đủ, nhưng nguyện vọng thì dù sao cũng thật đáng khen

https://thuviensach.vn

[←45]

2* - chỗ này, chỗ kia

https://thuviensach.vn

[←46]

[1*] - từ để gọi công tước và giám mục.

https://thuviensach.vn

[←47]

[1*] - nghĩa đen: "bông hoa của Ma-ri" hay "bông hoa Ma-ri", còn tiếng Đức thì từ "Marienblume" mà Sê-li-ga đã dùng để gọi Phlơ đơ Ma-ri, có nghĩa là "hoa cúc".

https://thuviensach.vn

[←48]

1* - xuất chúng

https://thuviensach.vn

[←49]

[1*] - pháp luật xử phạt theo nguyên tắc: ăn miếng trả miếng

https://thuviensach.vn

[←50]

[1*] - tức Phlơ đơ Ma-ri

https://thuviensach.vn

[←51]

[1*] - rosière - cô gái trong trắng được tặng vòng hoa hồng vì có đức hạnh.

https://thuviensach.vn

[←52]

[1*] - nhà nghề

https://thuviensach.vn

[←53]

[1*] - vui, giải buồn

https://thuviensach.vn

[← 54]

[1*] - những người mắc nợ không có hy vọng trả được

https://thuviensach.vn

[←55]

[1*] - nghĩa đen: "vị thần từ trong máy móc ra" (trong các rạp hát cổ đại, diễn viên đóng vai thần được đưa ra sân khấu bằng một thứ máy móc đặc biệt). Câu này dùng để chỉ người đột nhiên xuất hiện cứu vãn được thế nguy.

https://thuviensach.vn

[←56]

2* - chuyện riêng giữa hai người

https://thuviensach.vn

[←57]

1* Đoạn này Mác thêm vào mấy câu có tính châm biếm.

https://thuviensach.vn

[←58]

1* "Ngày tận cùng của thế giới, Chúa giận đáng sợ, đốt cháy thế giới, muôn vật thành tro. Khi chúa xét xử, cơn giận rõ ràng, mọi việc giấu giếm đều lộ rành rành, tội nào thoát khỏi, ẩn trốn nơi đâu. Thương kẻ có tội, đối đáp ra sao! ", v.v. (trích trong bài hát "Cuộc phán xử ngày tận thế" của đạo Thiên chúa).

https://thuviensach.vn

[← 59]

[2*] Chơi chữ "Bauernwerk" có nghĩa là "tác phẩm của anh em Bau-ơ", và cũng có nghĩa là "tác phẩm vụng về", "tác phẩm của dân quê".

https://thuviensach.vn

[←60]

[1*] - tán thành và phản đối

https://thuviensach.vn

[←61]

[1*] Theo cách giải thích này của Ăng-ghen, từ "Mittelklasse" ("giai cấp trung gian") sau này dịch trong văn bản thành từ "giai cấp tư sản".

https://thuviensach.vn

[←62]

[1*] Theo cuốn sách : Porter. "Progress of the Nation" London, 1836- I vol., 1838 - II vol., 1843 - III vol. [Po-tơ. "Sự tiến bộ của dân tộc". Luân Đôn, tập I, 1836; Tập II, 1838, tập III, 1843] (theo những tài liệu chính thức) và theo nhiều nguồn tư liệu khác phần lớn cũng chính thức như vậy.

(Năm 1892). Ở đây khái luận lịch sử về cách mạng công nghiệp có một vài chi tiết chưa được chính xác, nhưng trong những năm 1843-1844 chưa có những nguồn tư liệu tốt hơn [94]. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←63]

1* Tấn của Anh bằng 2 240 pao, gần 1 000 ki-lô-gam.

https://thuviensach.vn

[← 64]

[1*] Trong các bản tiếng Anh xuất bản năm 1887 và năm 1892, sau chữ "công nghiệp" có chữ "và thương nghiệp".

https://thuviensach.vn

[←65]

[2*] - chế độ cũ

https://thuviensach.vn

[←66]

[1*] Xem "Lược khảo phê phán khoa kinh tế chính trị" của tôi đăng trong "Deutsch - Französische Jahrbücher" [98]. Tác phẩm ấy có bàn về "tự do cạnh tranh", nhưng công nghiệp chẳng qua là thực tiễn của tự do cạnh tranh, còn tự do cạnh tranh chẳng qua là nguyên tắc của công nghiệp.

https://thuviensach.vn

[←67]

[1*] - "Nước Anh cổ kính tốt đẹp"

https://thuviensach.vn

[←68]

[1*] (Năm 1892). Đó là viết cách đây gần 50 năm vào thời đại của những chiếc tàu buồm mỹ lệ. Ngày nay, nếu còn có cái nào đến Luân Đôn, thì chúng bị tống vào các bến chữa tàu, còn sông Têm-dơ thì dày đặc những tàu máy đen sì gớm ghiếc. *(Chú thích của Ăng-ghen viết cho bản tiếng Đức năm 1892.)*

https://thuviensach.vn

[←69]

[1] Sau khi tôi viết đoạn mô tả này, tôi đã có dịp đọc một bài báo trong tờ "Illuminated Magazine" (tháng Mười 1844) nói về các khu lao động ở Luân Đôn. Không những trong bài báo đó có nhiều đoạn cơ hồ y hệt như tôi mô tả, mà về nội dung thì chỗ nào cũng hoàn toàn phù hợp. Bài ấy nhan đề là: "Nhà cửa ở của những người nghèo. Trích sổ tay của một bác sĩ y khoa".

https://thuviensach.vn

[←70]

[1)] Trích trong cuốn: Dr. W. P.Alison, F.R.S.E., fellow and late President of the Royal College of Physicians etc. etc. "Observations on the Management of the Poor in Scotland and its Effects on the Health of Great Towns". Edinburgh, 1840. [Bác sĩ U. P. A-li-xơn, hội viên và cựu chủ tịch Hội phẫu thuật hoàng gia v.v. và v.v.. "Những nhận xét về biện pháp quản lý những người nghèo ở Xcốt-len và ảnh hưởng của biện pháp chăm sóc ấy đối với tình hình vệ sinh ở các thành phố lớn". Ê-đin-bớc, 1840]. Tác giả là một đảng viên đảng To-ri, có tín ngưỡng tôn giáo, là anh của nhà sử học Ác-si-ban A-li-xơn.

https://thuviensach.vn

[← 71]

1) "Report to the Home Secretary from the Poor - Law Commissiones, or an Inquiry into the Sanitary Condition of the Labouring Classes of Creat Britain". With Appendices. Presented to both Houses of Parliament in July 1842. - 3 vols, in folio ["Báo cáo của Tiểu ban luật về người nghèo gửi bộ trưởng Bộ Nội vụ nói về kết quả điều tra những điều kiện vệ sinh trong đời sống của các giai cấp lao động ở Đại Bri-ten. Có kèm theo phụ lục. Trình bày trước hai viện vào tháng Bảy 1842 - 3 tập in folio]. - Những tài liệu này bao gồm những báo cáo của các bác sĩ do Ét-vin Sát-uých, thư ký Tiểu ban luật về người nghèo, thu thập và chỉnh lý.

https://thuviensach.vn

[←72]

1) "The Artizan" - nguyệt san, số tháng Mười 1843

1* - đường ngoắt ngoéo

https://thuviensach.vn

[←73]

https://thuviensach.vn

[← 74]

[1] "Arts and Artisans at Home and Abroad". By J. C. Simons. Edinburgh, 1839 [Gi.C. Xai-mơn-xơ. "Nghề thủ công và thợ thủ công nghiệp ở nước ta và ở nước ngoài". Ê-đin-bớc, 1839]. Có lẽ bản thân tác giả là người Xcốt-len, thuộc Đảng tự do, do đó có thái độ thành kiến mù quáng đối với mọi phong trào công nhân độc lập. Những đoạn trích trên ở trang 116 và trang tiếp theo.

https://thuviensach.vn

[←75]

[1)] Trong văn bản có chỗ nào nói đến dặm thì hiểu là dặm Anh, 69,5 dặm Anh bằng một độ của đường xích đạo và như vậy là khoảng năm dặm Anh bằng một dặm Đức.

https://thuviensach.vn

[←76]

2) Nên nhớ rằng các "nhà hầm" đó không phải là kho chứa đồ thừa mà chính là những chỗ cho người ở.

https://thuviensach.vn

[←77]

[1*] Cách chơi chữ: "big wigs" có nghĩa là "nhân vật quan trọng" và cũng có nghĩa là "những đảng viên vĩ đại của đảng Vích".

https://thuviensach.vn

[←78]

[1] "The Moral and Physical Condition of the Working Classes, omployed in the Cotton Manufacture in Manchester". By James Ph. Kay, Dr. Med.2nd edit, 1832 (Bác sĩ y khoa Gi.Ph.Cây "Tình cảnh tinh thần và vật chất của giai cấp công nhân công nghiệp bông sợi ở Man-se-xtơ", xuất bản lần thứ hai, 1832. - Tác giả không phân biệt giữa giai cấp lao động nói chung và công nhân công xưởng, nhưng những phần khác của tập sách đều rất tốt.

https://thuviensach.vn

[←79]

[1)] Vậy mà một đảng viên tự do Anh thông thái đã có lần xác nhận trong "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em", rằng các sân ấy là mẫu mực của nghệ thuật kiến trúc thành phố vì chúng giống như một loạt những quảng trường nhỏ lộ thiên có thể cải thiện tình trạng thông gió và giúp cho không khí lưu thông! Điều này sẽ đúng nếu như mỗi sân có hai hay bốn lối đi rộng, lộ thiên và đối diện nhau, để cho không khí có thể lưu thông tự do được; nhưng trong các sân *không bao giờ* có đến hai lối đi lộ thiên như thế, thậm chí đến một lối đi cũng rất hiếm, mà hầu hết chỉ có những lối vào hẹp và lợp kín.

https://thuviensach.vn

[←80]

[1)] Bác sĩ Cây, tác phẩm đã dẫn.

https://thuviensach.vn

[←81]

[1)] Nassau W. Senior "Letters on the Factory Act to the Rt. Hon.the President of the Board of Trade (Chas.Poulett Thomson Esq.)". London, 1837, p. 24 [Nát-xô U.Xê-ni-o "Những bức thư về đạo luật công xưởng gửi Bộ trưởng thương nghiệp (Ngài Sác-lơ Pu-lét Tôm-xơn)". Luân Đôn, 1837, tr. 24].

https://thuviensach.vn

[←82]

1) Bác sĩ Cây, tác phẩm đã dẫn, tr. 32.

https://thuviensach.vn

[←83]

P. Gaskell "The Manufacturing Population of England, its Moral, Social and Physical Condition, and the Changes, which have arisen from the Use of Steam - Machinery. With an Examination of Infant Labour" Fiat Justitia". - 1833 [P. Ga-xken "Dân cư công nghiệp ở Anh, tình trạng đạo đức, xã hội và thể chất của họ và những biến đổi đã xảy ra từ khi sử dụng máy hơi nước; kèm theo một bản điều tra về lao động trẻ em". "Fiat Justitia". - 1833]. Tác phẩm này chủ yếu là mô tả tình cảnh của những người lao động ở Lan-kê-sia. Tác giả thuộc Đảng tự do, nhưng ông viết tác phẩm này vào lúc mà người của Đảng tự do chưa tự coi mình phải có nghĩa vụ tán dương "cuộc sống hạnh phúc" của người lao động. Vì thế mà ông ta còn chưa có thiên kiến và còn nhìn thấy rõ được những thiếu sót do chế độ hiện nay và nhất là chế độ công xưởng gây ra. Nhưng đồng thời ông ta lại viết *trước khi có* Tiểu ban điều tra về công xưởng và dựa vào những nguồn tin đáng ngờ vực mà khẳng định một số điều về sau đã bị báo cáo của tiểu ban điều tra bác bỏ. Vì lý do đó và vì tác giả, cũng giống như bác sĩ Cây, đã lẫn lộn giai cấp lao động nói chung với công nhân công xưởng nói riêng, nên mặc dù quyển sách ấy về toàn bộ là tốt nhưng khi sử dụng phải thận trọng đối với một số chi tiết cá biệt. - Lịch sử phát triển của giai cấp vô sản mà tôi trình bày trong "Lời mở đầu" phần lớn dựa vào những tài liệu lấy trong tác phẩm này.

https://thuviensach.vn

[← 84]

[1*] - Loại áo vét ngắn bằng nhung sợi bông

https://thuviensach.vn

[←85]

https://thuviensach.vn

[←86]

[1)] *Thomas Carlyle. "Chartism"*. London, 1840, p.28 (Tô-mát Các-lai-lơ. "Phong trào hiến chương". Luân Đôn, 1840, tr. 28).- Về Tô-mát Các-lai-lơ, xem ở dưới.

[1*] Nguyên văn là "bụi quỷ"; là loại vải dệt bằng vải len cũ đã dùng máy bật lại, (tiếng Anh - devil).

https://thuviensach.vn

[←87]

[1*] - Y hệt như ở nước ta.

https://thuviensach.vn

[←88]

[1] "Weekly Dispatch". tháng Tư hoặc tháng Năm 1844, theo báo cáo về tình hình người nghèo ở Luân Đôn của bác sĩ Xao-vu-đơ Xmít.

https://thuviensach.vn

[←89]

[1)] Bọn chủ xưởng ở Anh rất ưa thích danh từ này.

https://thuviensach.vn

[←90]

[1] "Người ta nói sức lực của nô lệ hao mòn thì chủ nô chịu thiệt, còn sức lực của công nhân tự do hao mòn thì bản thân công nhân chịu thiệt. Thực ra hao mòn sức lực của công nhân tự do cũng do người chủ của anh ta chịu. Tiền lương của người làm công nhật, đày tớ, v.v., phải đủ cao để anh ta có thể tiếp tục sản sinh ra giống người làm công nhật, đày tớ ở mức mà nhu cầu tăng lên, hoặc ổn định, hoặc giảm đi đòi hỏi. Nhưng nếu sự hao mòn sức lực của công nhân tự do cũng do chủ anh ta chịu thì bình thường dù sao giá của sự hao mòn ấy cũng thấp hơn nhiều so với sự hao mòn sức lực của người nô lệ. Bình thường bọn chủ vô trách nhiệm hoặc bọn cai lơ là quản lý số tài khoản dùng để phục hồi hoặc hoàn lại sự hao mòn sức lực của người nô lệ" v.v. (A.Smith, "Wealth of Nations" [A. Xmít, "Sự giàu có của các dân tộc"], t.8, tr. 134, Mắc-Cu-lốc xuất bản thành 4 tập).

https://thuviensach.vn

[←91]

[1)] Hai loại nước giải khát có bọt được công nhân, nhất là những người ít uống rượu, rất thích. Loại thứ nhất làm bằng nước, đường và gừng; loại thứ hai làm bằng nước, đường và cây tầm ma.

https://thuviensach.vn

[←92]

[1*] - công nhân không có việc làm cố định

https://thuviensach.vn

[←93]

[1)] Archibald Alison, High Sheriff of Lanarkshire. "The Principles of Population, and their connection with Human Happiness". 2 vols. 1840. [Ác-si-ban A-li-xơn, tỉnh trưởng La-nác-sia: "Những nguyên lý về dân số và sự liên quan của chúng đối với hạnh phúc của con người", 2 tập, 1840]. Tác giả là nhà sử học về cách mạng Pháp, và cũng như anh ông ta, bác sĩ U.P. A-li-xơn, là một đảng viên Đảng To-ri mang đầu óc tôn giáo.

https://thuviensach.vn

[←94]

[1] "Phong trào Hiến chương", tr. 28, 31 và trang tiếp theo.

https://thuviensach.vn

[←95]

[2)] Mi-lê-di - tên các vua thời xưa người Ken-tơ ở Ai-rơ-len.

https://thuviensach.vn

[←96]

[1)] Ở đây cũng như ở những chỗ khác, khi tôi nói đến xã hội, hiểu theo nghĩa là một tập thể có trách nhiệm, có quyền lợi và nghĩa vụ riêng, thì dĩ nhiên là tôi muốn chỉ bộ phận của *xã hội* đang nắm *chính quyền*, tức là giai cấp lúc này đang nắm quyền thống trị về chính trị và xã hội, và cũng do đó mà phải chịu trách nhiệm về tình cảnh của những người mà nó không cho tham gia chính quyền. Giai cấp thống trị ấy, ở Anh cũng như ở các nước văn minh khác, là giai cấp tư sản. Nhưng xã hội và đặc biệt là giai cấp tư sản, có nhiệm vụ ít nhất là bảo đảm *tính mệnh* cho mọi thành viên của xã hội, có nhiệm vụ quan tâm đến, chẳng hạn như, làm thế nào đừng để cho ai chết đói, tình hình đó tôi không cần phải chứng minh cho các độc giả *người Đức* của tôi nữa. Nếu tôi viết cho giai cấp tư sản Anh thì hẳn là sẽ khác, *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1845).*

Hiện nay tình hình nước Đức cũng như vậy. Năm 1886 hạnh phúc, các nhà tư bản của nước Đức chúng ta đã hoàn toàn đạt đến trình độ của nước Anh, - ít ra là về phương diện này *(Lời chú thêm của Ăng-ghen cho lần xuất bản ở Mỹ năm 1887).*

(Năm 1892) Từ năm chục năm nay, mọi cái đều đã thay đổi biết bao! Ngày nay có những nhà tư sản Anh đã thừa nhận xã hội có trách nhiệm đối với các thành viên riêng biệt của nó nhưng còn những nhà tư sản Đức?!!? *(Lời chú thêm của Ăng-ghen cho bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←97]

[1)] Bác sĩ A-li-xơn: "Biện pháp bảo trợ người nghèo ở Xcốt-len".

https://thuviensach.vn

[←98]

[2)] Bác sĩ A-li-xơn - trong báo cáo đọc tại phiên họp của Hội liên hiệp Bri-ten vì sự tiến bộ của khoa học ở Y-oóc, tháng Mười 1844.

https://thuviensach.vn

[←99]

[1)] Bác sĩ A-li-xơn: "Biện pháp bảo trợ người nghèo ở Xcốt-len".

https://thuviensach.vn

[←100]

[1] "Nhân khẩu công nghiệp ở Anh", chương 8.

https://thuviensach.vn

[←101]

[1)] "Report of Commission of Inquiry into the Employment of Children and Young Persons in Mines and Collieries and in the Trades and Manufactures in which Numbers of them work together, not being included under the Terms of the Factories Regulation Act". First and Second Reports. ["Báo cáo của Tiểu ban điều tra về tình hình sử dụng trẻ em và thiếu niên trong các hầm mỏ và mỏ than, cũng như trong các ngành sản xuất và trong các công xưởng có đông trẻ em làm việc nhưng không bị ràng buộc bởi đạo luật hạn chế lao động trong các công xưởng". Bản báo cáo thứ nhất và thứ hai]. Báo cáo của Grên-giơ nằm trong bản báo cáo thứ nhất. Thường được trích dưới nhan đề "Báo cáo của Tiểu ban điều tra về lao động trẻ em". Đó là một trong những báo cáo chính thức tốt nhất, chứa đựng rất nhiều sự kiện có giá trị nhất, nhưng đồng thời cũng khủng khiếp nhất. Bản báo cáo thứ nhất công bố năm 1841, còn bản thứ hai công bố hai năm sau.

https://thuviensach.vn

[←102]

[1] "Fifth Annual Report of Reg. Gen. of Births. Deaths and Marriages" ["Bản báo cáo hàng năm thứ năm của sở đăng ký sinh, tử và giá thú"].

https://thuviensach.vn

[←103]

[1)] Xem "Report of Commission of Inquiry into the State of large Towns and populous Districts". first Report, 1844. Appendix ["Báo cáo của Tiểu ban điều tra tình hình các thành phố lớn và các khu đông dân", báo cáo thứ nhất, 1844. Phụ lục].

https://thuviensach.vn

[← 104]

[1] "Báo cáo của Tiểu ban về công xưởng", tập III, báo cáo của bác sĩ Nô-kin-xơ về Lan-kê-sia. - Ở đây có dẫn ra bằng chứng của bác sĩ Rô-bớt-tơn là "người có uy tín nhất ở Man-se-xtơ về mặt thống kê".

https://thuviensach.vn

[←105]

[1*] - Trường học quốc dân

https://thuviensach.vn

[←106]

[1] "Nghề thủ công và thợ thủ công".

https://thuviensach.vn

[←107]

[2] "Những nguyên lý về dân số", t. II. tr. 196 - 197.

https://thuviensach.vn

[←108]

[1)] Dưới đây, chúng ta sẽ thấy cuộc phản kháng của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở Anh đã có được quyền tự do lập hội hợp pháp hoá.

https://thuviensach.vn

[←109]

[1] "Phong trào Hiến chương", tr. 34 và tr. tiếp theo.

https://thuviensach.vn

[←110]

[1)] Ở đây không biết có nên đưa ra những bằng chứng của những người tư sản có uy tín hay không ? Tôi chỉ lấy một ví dụ mà ai cũng có thể dễ dàng tìm thấy trong quyển sách của A-đam Xmít "Sự giàu có của các dân tộc", lần xuất bản đã dẫn, t.III, quyển 5, chương 1, tr. 297.

https://thuviensach.vn

[← 111]

[1*] - Đương nhiên là

https://thuviensach.vn

[←112]

[1] "Những nguyên lý về dân số", t.II, tr. 76 và tr. tiếp theo, tr.135.

https://thuviensach.vn

[←113]

[2)] "Philosophy of Manufactures". London. 1835 ["Triết học về công xưởng", Luân Đôn, 1835]. Sau đây, chúng ta sẽ còn nói tới cuốn sách nổi tiếng xấu ấy. Những đoạn dẫn ra ở đây lấy ở các tr.406 và tr. tiếp theo.

https://thuviensach.vn

[← 114]

[1] (Năm 1892) Tư tưởng cho rằng nền đại công nghiệp đã chia người Anh thành hai dân tộc khác nhau đã được Đi-xra-e-li trình bày, như mọi người đều biết, gần như cùng lúc với tôi trong cuốn tiểu thuyết của ông "Sybil, or the Two Nations" ["Xi-bin, hay là hai dân tộc"]. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←115]

[2)] "On the present Condition of the Labouring Poor in Manchester etc", By the Rev. Rd. Parkinson, Canon of Manchester 3rd. edit. London and Manchester, 1841. Pamphlet ["Về tình cảnh hiện nay của người lao động nghèo ở Man-se-xtơ v.v.". Sách của thày tu Pác-kin-xơn ở Man-se-xtơ, xuất bản lần thứ 3, Luân Đôn và Man-se-xtơ, 1841].

https://thuviensach.vn

[←116]

[1] "Những nguyên lý về dân số".

https://thuviensach.vn

[←117]

[1)] Diễn văn đọc ở Hạ nghị viện ngày 28 tháng Hai 1843.

https://thuviensach.vn

[←118]

[1*] - Những người không nghiện rượu.

https://thuviensach.vn

[←119]

[1)] Tỉnh trưởng A-li-xơn, "Những nguyên lý về dân số", t.II.

https://thuviensach.vn

[←120]

[1] "Nhân khẩu công nghiệp ở Anh", chương 10.

https://thuviensach.vn

[←121]

[2)] Số tội nhân đã thành án (22 733) chia cho số dân (khoảng 15 triệu).

https://thuviensach.vn

[←122]

[1] "The Cotton Manufacture of Great Britain". By Dr. A. Ure. 1836 [Bác sĩ A. I-u-rơ, "Công nghiệp bông sợi của Đại Bri-ten", 1836].

https://thuviensach.vn

[←123]

[2)] "History of the Cotton Manufacture of Great Britain". By E. Baines, Esq. [E.Bai-nơ. "Lịch sử công nghiệp bông sợi của Đại Bri-ten"].

https://thuviensach.vn

[← 124]

[1)] "Stubborn Facts from the Factories", By a Manchester Operative. Published and dedicated to the Working Classes by Wm. Rashleigh. M. P. London, Ollivier, 1844, p. 28 ff. ["Những sự thực không thể bác bỏ về các công xưởng do một công nhân ở Man-se-xtơ vạch ra". Do nghị sĩ V.Ra-sli xuất bản và tặng giai cấp công nhân, Luân Đôn, Ôn-li-vơ, 1844, tr. 28 và các tr. sau].

https://thuviensach.vn

[←125]

[1)] Chẳng hạn ông Xai-mơn-xơ đã đặt câu hỏi như thế trong cuốn sách "Nghề thủ công và thợ thủ công".

https://thuviensach.vn

[←126]

[1)] Xem, chẳng hạn, bác sĩ *I-u-rơ* trong tác phẩm "Triết lý về công xưởng" của ông.

https://thuviensach.vn

[←127]

[1] "Tình hình tiền lương ở một số ngành của công nghiệp dệt bông ở Lan-kê-sia rất rắc rối: mấy trăm năm nam thanh niên từ hai mươi đến ba mươi tuổi làm công việc của thợ phụ nối sợi đứt hoặc công việc khác, nhiều nhất chỉ kiếm được 8 - 9 si-linh một tuần, thế mà một trẻ con 13 tuổi trong cùng công xưởng ấy thì lại kiếm được 5 si-linh một tuần, và các thiếu nữ từ 16 đến 20 tuổi thì kiếm được từ 10 đến 12 si-linh một tuần". Báo cáo của viên thanh tra công xưởng L. Hoóc-nơ, tháng Mười 1844.

https://thuviensach.vn

[←128]

[1] Năm 1843 trong những tai nạn mà bệnh viện Man-se-xtơ ghi được có 189 - một trăm tám mươi chín ! - vụ bị bỏng. Có bao nhiêu người chết thì không nói rõ.

https://thuviensach.vn

[←129]

[1)] Về con số phụ nữ đã kết hôn làm việc trong công xưởng thì qua tài liệu của bản thân các chủ xưởng, chúng ta có thể thấy: trong 412 công xưởng ở Lan-kê-sia, có 10 721 phụ nữ đã kết hôn làm việc; trong số chồng họ, chỉ có 5 314 người cũng làm việc trong công xưởng; 3 927 người làm công việc khác, 821 người không có việc làm, còn 659 người thì không rõ. Như vậy có thể thấy rằng mỗi công xưởng đều có hai hoặc ba người đàn ông phải sống nhờ vào lao động của vợ.

https://thuviensach.vn

[←130]

[1*] - quyền hưởng đêm đầu tiên.

https://thuviensach.vn

[←131]

[1] Trong phân xưởng kéo sợi của một công xưởng ở thành phố Lít-xơ, người ta đã đặt ghế ngồi (Drin-cơ-oa-tơ, Văn kiện, tr. 80).

https://thuviensach.vn

[←132]

[1)] Những nhà phẫu thuật (surgeons) là những nhà y học có học thức, như những thày thuốc có học vị (physicians), vì vậy không những họ chỉ chuyên làm nghiệp vụ phẫu thuật, mà còn làm công việc thực hành chữa bệnh nói chung. Do nhiều nguyên nhân thậm chí người ta còn thích tìm đến họ chữa bệnh.

https://thuviensach.vn

[←133]

[1)] Câu này không phải trích trong bản báo cáo về công xưởng.

https://thuviensach.vn

[←134]

[1)] Tất cả những sự thực đó đều trích dẫn trong bài diễn văn của huân tước Ê-sli (đọc tại phiên họp của Hạ nghị viện ngày 15 tháng Ba 1844).

https://thuviensach.vn

[←135]

[1)] Người ta biết rằng trong cùng kỳ họp ấy, khi thảo luận vấn đề đường, Hạ nghị viện lại làm một việc khó coi là đầu tiên nó phản đối nội các, sau đó do việc dùng "cái roi chính phủ" nó lại ủng hộ nội các.

https://thuviensach.vn

[←136]

[1] Chúng ta hãy nghe lời nói của một viên thẩm phán có thẩm quyền: "Nếu chúng ta lấy ảnh hưởng xấu của người Ai-rơ-len đem gộp với lao động không ngừng của toàn thể công nhân công nghiệp bông sợi thì chúng ta sẽ không lấy làm lạ về sự truỵ lạc đáng sợ của họ. Lao động kiệt sức thường xuyên ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, nhất định không làm cho người ta phát triển được về mặt trí lực và đạo đức. Hành động đơn điệu buồn chán trong cái khổ dịch vô tận của lao động (drudgery), ở đó người ta lắp đi lắp lại không ngừng cùng một động tác một cách máy móc, khổ dịch ấy thực giống như khổ hình của Xi-di-phơ: sự nặng nhọc của lao động cũng giống như tảng đá lớn, hết chuyến này đến chuyến khác,

rơi mãi xuống lưng người công nhân đã mệt lử. Trong điều kiện hoạt động liên tục của cùng một số bắp thịt thì đầu óc không thể thu được tri thức, cũng không thể suy nghĩ được, trí tuệ ngày càng bị cùn đi, trái lại, mặt thô lỗ nhất trong tính người thì lại được phát triển rất mạnh. Buộc người ta vào thứ lao động như thế, tức là bồi dưỡng những thú tính cho họ. Họ dần dần trở nên thờ ơ đối với mọi việc, vứt bỏ hết những khát vọng tự nhiên về tinh thần. Họ coi nhẹ những tiện nghi và những niềm vui cao thượng của cuộc sống, họ sống trong tình cảnh nghèo khổ bẩn thỉu, ăn uống thiếu thốn, và đem chút tiền lương cuối cùng của họ ra tiêu xài phung phí" (Bác sĩ Gi.J. P. Cây, cũng cuốn sách nói trên).

https://thuviensach.vn

[←137]

[1] "Những sự thực không thể bác bỏ được", tr. 9 và tr . sau.

https://thuviensach.vn

[←138]

[1*] - cửa hàng của công xưởng

https://thuviensach.vn

[←139]

[1)] là những người ủng hộ Đồng minh chống đạo luật ngũ cốc.

https://thuviensach.vn

[← 140]

[2)] "Leeds Mercury" là tờ báo của phái tư sản cấp tiến.

https://thuviensach.vn

[← 141]

[1] Báo "Sun" (báo hàng ngày xuất bản ở Luân Đôn) cuối tháng Mười một 1844.

https://thuviensach.vn

[← 142]

[1] Tôi không có thì giờ, cũng không có đủ giấy để nói tỉ mỉ về những lời cãi lại của các chủ xưởng đối với những lời kết tội họ từ mười hai năm nay. Không có gì dạy bảo được loại người ấy, vì lợi ích riêng đã làm loá mắt họ. Một số lời cãi lại của họ, tôi đã tiện dịp bác bỏ trên kia, cho nên ở đây tôi chỉ còn nói thêm chút ít nữa:

Các bạn đến Man-se-xtơ, và muốn nghiên cứu tình hình sinh hoạt Anh. Hẳn là các bạn đã được giới thiệu tử tế với một số nhân vật "đáng kính". Các bạn đề ra một số ý kiến về tình cảnh của công nhân. Các bạn sẽ được quen mấy chủ xưởng lớn nhất thuộc Đảng tự do, ví dụ: Rô-bớt Hai-đơ Grê-gơ, Ét-mơn Át-sơ-ước-tơ, Tô-mát A-stơn, v.v.. Các bạn đem ý muốn của mình nói với họ. Chủ xưởng hiểu các bạn, họ biết nên làm gì. Họ đưa các bạn đến công xưởng của họ ở nông thôn, ông Grê-gơ đưa các bạn đến Qui-ri Ban-cơ ở Si-sia; ông Át-sơ-ước-tơ đưa các bạn đến Tớc-tơn, gần Bôn-tơn, ông A-stơn đưa các bạn đến Hai-đơ. Họ dẫn các bạn vào những toà nhà thiết bị rất tốt, có thể còn có cả thiết bị thông gió nữa. Họ lưu ý các bạn đến những phân xưởng cao rộng, thoáng khí, những máy móc đẹp đẽ, và người công nhân trông rất khoẻ mạnh. Họ thết các bạn một bữa ăn sáng thịnh soạn, sau đó, họ mời các bạn đi xem chỗ ở của công nhân. Họ đưa các bạn đến những cốt-ta-giơ trông còn mới, sạch sẽ và dễ coi; bản thân họ cũng cùng với các bạn vào nhà này, nhà nọ. Đương nhiên, họ chỉ đưa các bạn đến những nhà đốc công, thợ cơ khí, v.v. để các bạn "xem những gia đình *chỉ* dựa vào công xưởng mà sống". Trong

https://thuviensach.vn

[← 143]

[1*] - tuyệt đại bộ phận, cũng có nghĩa là chính cống

https://thuviensach.vn

[← 144]

[2*] phen-ni là đơn vị tiền nhỏ bằng 1/100 đồng mác.

https://thuviensach.vn

[← 145]

[1*] - nền dân chủ công nghiệp

https://thuviensach.vn

[← 146]

[1*] - bệnh nghề nghiệp của thợ nhuộm

https://thuviensach.vn

[← 147]

[1] Xem "Weekly Dispatch", ngày 16 tháng Ba 1844.

https://thuviensach.vn

[← 148]

[1] Tô-mát Hút là người có tài nhất trong số các nhà thơ hài hước của nước Anh hiện nay, và cũng giống như một nhà thơ hài hước khác, là người giàu lòng ân cần chu đáo, song chẳng có chút nghị lực tinh thần nào, đầu năm 1844, khi những bài viết mô tả tình cảnh khổ sở của các cô thợ may đăng đầy các trang báo, ông đã đăng một bài thơ rất hay ("The Song of the Shirt") ("Bài ca áo sơ-mi"). Bài thơ ấy đã làm cho các cô con gái tư sản nhỏ bao nhiêu nước mắt cảm thương nhưng vô ích. Vì khuôn khổ quyển sách có hạn, tôi không thể sao lại bài thơ đó vào đây. Bài thơ ấy, đầu tiên được đăng trên báo "Punch", sau đó được đăng lại trên khắp mọi tờ báo. Bây giờ các báo đều bàn luận về tình cảnh những cô thợ may, cho nên cũng không cần phải viện dẫn riêng ra nữa.

https://thuviensach.vn

[←149]

[1*] - những kẻ phản bội trong cuộc bãi công

https://thuviensach.vn

[←150]

[1*] - hồ sơ

https://thuviensach.vn

[←151]

[1)] Những công nhân ấy được gọi là Thu-gơ [thugs] theo tên của một giáo phái nổi tiếng ở Đông Ấn Độ, chuyên môn giết hại một cách độc địa tất cả những người lạ lọt vào tay họ.

https://thuviensach.vn

[←152]

[1] "Một thứ tình cảm độc đáo như thế nào về "quyền xét xử nguyên thuỷ" (wild-justice) đã chi phối tâm tư những con người ấy, khi họ hội họp bí mật rồi tuyên án với lý tính lạnh lùng các bạn công nhân của mình là đào ngũ khỏi giai cấp của mình và phản bội sự nghiệp của mình, khép họ vào tội tử hình và giao cho những đao phủ bí mật thi hành, vì thẩm phán và đao phủ của nhà nước không làm việc đó. Tất cả những cái đó đều giống như "toà án Phê-mơ" xa xưa hay những toà án bí mật thời hiệp sĩ dường như đột nhiên sống lại và hiện ra trước con mắt kinh ngạc của người ta, chỉ có điều là các quan toà mặc áo cánh bằng vải thô chứ không phải áo giáp, và toà án không họp ở trong rừng Ve-xtơ-pha-li mà là ở phố Ga-lâu-ghết xây dựng rất đẹp ở Gla-xgô! - Thứ tình cảm đó được truyền bá rộng rãi và rất *mạnh* trong *quần chúng*, mặc dù nó chỉ có thể biểu hiện dưới hình thức gay gắt như thế ở *thiểu số* thôi!" - Các-lai-lơ, "Phong trào Hiến chương", tr.40.

https://thuviensach.vn

[←153]

[1)] I-u-rơ, "Triết lý về công xưởng", tr. 366 và các tr. sau.

https://thuviensach.vn

[←154]

[1)] Ở góc phố Crốt-lên và Ri-giân-Rốt. Xem bản đồ thành phố Man-se-xtơ.

https://thuviensach.vn

[←155]

Chúng ta đã thấy những lời đó có tác dụng thế nào đối với công nhân.

https://thuviensach.vn

[←156]

[1] (Năm 1892). Lời dự đoán đã được thực hiện đúng, *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←157]

[1)] (Năm 1892). Tất nhiên là những người xã hội chủ nghĩa theo nghĩa chung chứ không phải theo nghĩa hẹp của Ô-oen. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

[1*] Trong bản tiếng Anh năm 1887 và 1892, nửa sau của câu này đổi thành: "chứ không phải là do sự phát triển thêm nữa và hợp quy luật của đất nước, cho đến khi sự quá độ đó trở thành có thể được và tất yếu".

https://thuviensach.vn

[←158]

https://thuviensach.vn

[←159]

[1*] Trong bản tiếng Anh năm 1887 và 1892, trước chữ "phát triển" có chữ "về lý luận".

https://thuviensach.vn

[←160]

[1*] Dixi et salvavi animam meam - Tôi đã nói, và tôi đã cứu vớt được linh hồn của tôi rồi.

https://thuviensach.vn

[← 161]

[1*] - "công nhân"

https://thuviensach.vn

[←162]

[1)] Theo thống kê năm 1841, số công nhân làm việc trong ngành công nghiệp mỏ ở Đại Bri-ten (trừ Ai-rơ-len) là:

	Đàn ông		Phụ nữ		Tổng số
	trên 20 tuổi	dưới 20 tuổi	trên 20 tuổi	dưới 20 tuổi	
Mỏ than.....	83408	32475	1.185	1.165	118233
Mỏ đồng.....	9866	3428	913	1200	15407
Mỏ chì.....	9427	1932	40	20	11419
Mỏ sắt.....	7773	2679	424	73	10949
Mỏ thiếc.....	4602	1349	68	82	6101
Các mỏ khác trong đó có cả các mỏ không chỉ rõ khai thác khoáng sản gì.....	24162	6591	472	491	31716
Tổng cộng:	139238	48454	3102	3031	193825

Vì những công nhân làm việc ở mỏ than, phần nhiều cũng lại là công nhân làm việc ở mỏ sắt, cho nên một bộ phận công nhân được kể trong công nhân mỏ than phải được tính vào công nhân mỏ sắt. Cũng phải liệt vào đây số lớn công nhân tính trong mục cuối cùng.

https://thuviensach.vn

[←163]

[1*] - chở than đến Niu-cát-xơn

https://thuviensach.vn

[← 164]

[1)] (Năm 1892). Trong thiên hạ không có gì mới lạ, ít ra cũng là ở Đức. Các "ông vua Stum" của chúng ta bất quá chỉ là những bản chụp lại những bản chính của nước Anh đã bị lãng quên ở tổ quốc nó và ngày nay không thể tồn tại ở đó được nữa. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←165]

[1)] E.G. Wakefield, M.P. "Swing unmasked of the Cause of Rural Incendiarism". London. 1831 [Nghị sĩ E.G. Uây-cơ-phin "Xuynh bị vạch mặt, hay nguyên nhân của những vụ phóng hoả ở nông thôn". Luân Đôn, 1831]. - Sách mỏng. Những đoạn dẫn trên đây ở tr.9-13; khi dịch chúng tôi lược bỏ những chỗ trong nguyên bản nói về đạo luật cũ về người nghèo hãy còn tồn tại thời bấy giờ.

https://thuviensach.vn

[←166]

[1*] - "chúa đất"

https://thuviensach.vn

[←167]

[1] Báo cáo về Ai-rơ-len của tiểu ban luật về người nghèo. Kỳ họp nghị viện năm 1837.

https://thuviensach.vn

[←168]

[2] "Những nguyên lý về dân số", tập II.

https://thuviensach.vn

[←169]

[1] "The State of Ireland". London, 1807, 2nd edtion, 1821 ["Tình cảnh của Ai-rơ-len. Luân Đôn. 1807, xuất bản lần thứ hai, 1821"]. Sách mỏng.

https://thuviensach.vn

[←170]

[1] (Năm 1892.) Điều đó không đúng. Từ thời trung cổ, kinh tế tiểu nông vẫn là hình thức kinh tế chiếm ưu thế trong nông nghiệp. Do đó kinh tế tiểu nông hãy còn tồn tại cho đến trước cách mạng. Cách mạng chỉ thay đổi *quyền sở hữu* đối với nền kinh tế ấy: nó tước đoạt quyền sở hữu ấy của phong kiến và trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển giao nó vào tay nông dân. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1892.)*

https://thuviensach.vn

[← 171]

1) Trong cuốn sách của mình: "Past and Present", London, 1843 ["Quá khứ và hiện tại", Luân Đôn, 1843], Các-lai-lơ đã mô tả một cách tuyệt diệu giai cấp tư sản Anh và tính tham lam ghê tởm của nó; tôi đã dịch một phần cuốn sách ấy cho tờ "Deutsch Französische Jahrbücher" mong độc giả tham khảo[122].

https://thuviensach.vn

[←172]

[1] "Extracts from Information received by the Poor-Law-Commissioners". Published by Authority, London. 1833 ["Trích báo cáo do Tiểu ban luật về người nghèo trình bày". Do chính quyền công bố. Luân Đôn , 1833].

https://thuviensach.vn

[← 173]

[1*]. Xem quyển này, tr. 596-597.

https://thuviensach.vn

[←174]

[1*] - toàn thể, trong toàn bộ, như một chỉnh thể

https://thuviensach.vn

[←175]

https://thuviensach.vn

[←176]

[1)] Để tránh mọi sự hiểu lầm và do đó có thể sinh ra dị nghị, tôi cần nêu lên là tôi nói đến giai cấp tư sản với tư cách là một *giai cấp*, và tất cả những điều nói về những hành vi của từng cá nhân riêng biệt, tôi chỉ đưa ra để đặc trưng cho phương pháp tư tưởng và hành động của *giai cấp* ấy. Bởi thế, tôi cũng không định phân tích sự khác nhau giữa các tập đoàn và các đảng phái riêng biệt của giai cấp tư sản, vì những tập đoàn và đảng phái ấy chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử và lý luận. Cũng vì vậy tôi chỉ có thể nhân tiện nhắc lướt qua vài người tư sản đã tỏ ra là những nhân vật đáng kính ngoại lệ. Trong số những người ngoại lệ này có những người cấp tiến tương đối kiên quyết gần như là người thuộc phái Hiến chương, ví dụ như những hạ nghị sĩ là các chủ xưởng Hen-dli ở A-stơn và Phin-đen ở Tốt-moóc-đen (Lan-kê-sia), ngoài ra còn những đảng viên đảng To-ri là nhà từ thiện cách đây không lâu mới lập ra nhóm *"Nước Anh trẻ"*, trong số ấy có các nghị sĩ Đi-xra-e-li, Boóc-tuých, Phe-ran-đơ, huân tước Giôn Nan-nớc-xơ, v.v.. Huân tước Ê-sli cũng gần gũi với họ.- Mục tiêu của nhóm "Nước Anh trẻ" là khôi phục lại "merry England" cổ xưa với các mặt huy hoàng và chế độ phong kiến lãng mạn của nó; mục tiêu ấy cố nhiên là không thể thực hiện được mà thậm chí còn buồn cười, đó là một sự nhạo báng đối với mọi sự phát triển lịch sử. Những người này đứng lên chống lại chế độ hiện hành,

[1*] - Dự án bổ sung đạo luật về người nghèo

chống lại những thiên kiến hiện hành một cách có thiện ý, họ dũng cảm thừa nhận tất cả các hành động đê tiện của xã hội hiện tại, điều đó kể cũng thật đáng quý. - Ông *Tô-mát Các-lai-lơ* nửa người Đức nửa người Anh là độc đáo nhất, ông ta lúc đầu thuộc đảng To-ri, sau lại đi xa hơn tất cả những nhân vật kể trên. Ông ta hiểu một cách sâu xa hơn tất cả mọi người tư sản Anh về nguyên nhân của tình hình hỗn loạn xã hội và yêu cầu phải tổ chức lao động. Tôi mong rằng ông Các-lai-lơ đã tìm thấy con đường đúng đắn, sẽ có thể đi theo con đường đó. Nhân danh cá nhân và nhiều người Đức khác, tôi gửi đến ông những ước vọng tốt đẹp nhất.

(Năm 1892) Nhưng Cách mạng tháng Hai đã làm cho Các-lai-lơ thành ra phần tử hoàn toàn phản động, lòng căm giận chính đáng của ông đối với bọn người tầm thường đã chuyển thành lòng oán hận của kẻ tầm thường hằn học đối với lớp sóng lịch sử đã ném ông ta lên bờ. *(Lời chú thêm của Ăng-ghen cho bản tiếng Đức năm 1892).*

https://thuviensach.vn

[←177]

[1*] - thái độ đứng giữa vàng ngọc

https://thuviensach.vn

[←178]

[1*] Xem tập này, tr. 716-717.

https://thuviensach.vn

[←179]

[1*] Xem tập này, tr. 733-734.

https://thuviensach.vn

[←180]

[1*] Bút danh của A-lếch-xan-đơ Xô-mơ-vin.

https://thuviensach.vn

[← 181]

[2*] Xem tập này, tr. 9-316.

https://thuviensach.vn

[← 182]

[1*] Xem tập này, tr. 317-698.

https://thuviensach.vn

[← 183]

[1*] - trung dung

https://thuviensach.vn

[←184]

[1*] Từ siêu hình học ở đây dùng theo nghĩa triết học nghiên cứu những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi kinh nghiệm.

https://thuviensach.vn

[←185]

[1*] Trong nguyên bản viết là "Britannia rule the waves" "Nước Anh cai quản mặt biển" (lời trong quốc ca Anh).

https://thuviensach.vn

[← 186]

[1*] Trong các số sau của tờ báo không thấy có bức thư đã hẹn của Ăng-ghen.

https://thuviensach.vn

[← 187]

[1*] - những vầng hào quang ở Bắc cực và Nam cực.

https://thuviensach.vn

[←188]

[2*] "La Phalange" Revue de la science sociale, XIV, année, 1 - re série in 8^0, Paris, aux Bureaux de la Phalange. 1845.- Publication des Manuscrits de Fourier, section ébauchée des trois unitès externes, p. 1 - 42 des Januar - und Februarheftes ["Pha-lăng-giơ". Bình luận khoa học xã hội, năm thứ 14, tập 1, khổ gấp 8, Nhà xuất bản "Pha-lăng-giơ", Pa-ri 1845,- xuất bản các bản thảo của Phu-ri-ê, đại cương về ba loại thống nhất bên ngoài. Tháng Giêng - tháng Hai, tr. 1 - 42.

https://thuviensach.vn

[←189]

[1*] Chơi chữ: "grundlos" có nghĩa là "không đáy", cũng có nghĩa là "không có căn cứ", "trống rỗng".

https://thuviensach.vn

[←190]

[2*] - người bán hàng

https://thuviensach.vn

[← 191]

[1*] - sự hoàn thiện của năng lực hoàn thiện đang ngày một hoàn thiện

https://thuviensach.vn

[←192]

[2*] - chân lý tối cao

https://thuviensach.vn

[←193]

[3*] - thương nghiệp êm đềm

https://thuviensach.vn

[← 194]

[1*] - tán thành và phản đối

https://thuviensach.vn

[←195]

[1*] - vũ khí

https://thuviensach.vn

[←196]

[2*] - lòng dũng cảm

https://thuviensach.vn

[←197]

[3*] - bánh mì

https://thuviensach.vn

[←198]

[1*] - am hiểu những nguyên tắc

https://thuviensach.vn

[←199]

[1*] - I-ô-dép Môn

https://thuviensach.vn

[←200]

1* - Cha

https://thuviensach.vn

Table of Contents

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36

https://thuviensach.vn

37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

https://thuviensach.vn